老子他说

初续合集

上

南怀瑾 讲述



人民东方出版传媒
东方出版社

老子他说（初续合集）上

南怀瑾 讲述

东方出版社

老子他说（初续合集）下

南怀瑾 讲述

东方出版社

Lão Tử Tha Thuyết: Sơ Tục Hợp Tập

老子他說：初續合集

Nam Hoài Cẩn (南懷瑾)

Kinh Dịch Tâm (kinhdichtam.com) — Thư viện kinh điển Đông phương

Lời giới thiệu

Lão Tử Tha Thuyết: Sơ Tục Hợp Tập (*老子他說：初續合集*) là bản hợp nhất của *Lão Tử Tha Thuyết* và *Lão Tử Tha Thuyết Tục Tập*, tập hợp trọn vẹn phần giảng giải của Nam Hoài Cẩn về 81 chương của *Đạo Đức Kinh*.

Từ những tư tưởng cốt lõi như Đạo, Đức, vô vi, thuận theo tự nhiên và không tranh, tác giả mở rộng đến những vấn đề gần gũi với đời sống như được mất, tiến lui, thành bại, quyền lực và cách xử thế. Những lời của Lão Tử qua cách giảng của Nam Hoài Cẩn vì thế trở nên gần gũi và thực tế hơn, không chỉ để suy ngẫm về triết học mà còn để nhìn lại cách sống và cách đối diện với những biến động của cuộc đời.

Vài nét về tác giả

Nam Hoài Cẩn (南懷瑾, 1918–2012) là học giả và nhà giảng giải văn hóa truyền thống Trung Hoa, nổi tiếng với những công trình về Nho gia, Phật giáo và Đạo gia.

Ông là tác giả của nhiều tác phẩm được độc giả biết đến như *Luận Ngữ Biệt Tài*, *Dịch Kinh Tạp Thuyết*, *Kim Cang Kinh Thuyết Thập Ma* và *Như Hà Tu Chứng Phật Pháp*.

Phong cách của Nam Hoài Cẩn nổi bật ở lối giảng gần gũi, giàu điển tích và liên hệ rộng. Ông thường bắt đầu từ kinh điển nhưng không dừng ở việc giải nghĩa văn bản, mà đưa những tư tưởng cổ điển trở về với những câu hỏi thiết thực của con người: tu dưỡng bản thân, đối nhân xử thế, được mất, thành bại và cách giữ tâm giữa biến động.

Đọc Nam Hoài Cẩn là một cách trở lại với những kinh điển phương Đông bằng một giọng kể gần gũi hơn, trong đó những tư tưởng đã có hàng nghìn năm tuổi vẫn có thể gợi mở nhiều điều cho đời sống hôm nay.

Về bản dịch

Tài liệu này được dịch sang tiếng Việt bởi AI, sử dụng Cursor Grok 4.6 và Claude Sonnet 5. Tuy đã được hiệu đính bằng tay (human), nhưng không tránh khỏi sơ suất và thiếu sót, mong bạn đọc thông cảm.

Mục lục

老子他說：初續合集 — Nam Hoài Cẩn (南懷瑾)

Mở đầu

1. Lời biên tập
2. Lời nhà xuất bản
3. Lời nói đầu

Thượng Kinh (Chương 1–37)

1. Chương 1
2. Chương 2
3. Chương 3
4. Chương 4
5. Chương 5
6. Chương 6
7. Chương 7
8. Chương 8
9. Chương 9
10. Chương 10
11. Chương 11
12. Chương 12
13. Chương 13
14. Chương 14
15. Chương 15
16. Chương 16
17. Chương 17
18. Chương 18
19. Chương 19
20. Chương 20
21. Chương 21
22. Chương 22
23. Chương 23
24. Chương 24
25. Chương 25

26. Chương 26
27. Chương 27
28. Chương 28
29. Chương 29
30. Chương 30
31. Chương 31
32. Chương 32
33. Chương 33
34. Chương 34
35. Chương 35
36. Chương 36
37. Chương 37

Hạ Kinh (Chương 38–81)

1. Chương 38
2. Chương 39
3. Chương 40
4. Chương 41
5. Chương 42
6. Chương 43
7. Chương 44
8. Chương 45
9. Chương 46
10. Chương 47
11. Chương 48
12. Chương 49
13. Chương 50
14. Chương 51
15. Chương 52
16. Chương 53
17. Chương 54
18. Chương 55
19. Chương 56
20. Chương 57
21. Chương 58

22. Chương 59
23. Chương 60
24. Chương 61
25. Chương 62
26. Chương 63
27. Chương 64
28. Chương 65
29. Chương 66
30. Chương 67
31. Chương 68
32. Chương 69
33. Chương 70
34. Chương 71
35. Chương 72
36. Chương 73
37. Chương 74
38. Chương 75
39. Chương 76
40. Chương 77
41. Chương 78
42. Chương 79
43. Chương 80
44. Chương 81

Phụ lục

1. Phụ lục

Lời biên tập

Những năm gần đây, ông Nam Hoài Cẩn nổi tiếng trong ngoài nước, nhất là với độc giả người Hoa: người ta coi ông là bậc thầy văn hóa, một nhà quốc học lớn. Ông sinh trong dòng họ nhiều đời gắn với thi thư; từ nhỏ đã đọc nhiều, xem rộng kinh sử và sách cổ, nên có nền tảng vững cho việc học cả đời. Ông từng đi lính, dạy học, buôn bán, đi nhiều nơi, khảo sát thực tế, rồi đứng lớp giảng: những trải nghiệm ấy rất riêng, không ai bắt chước được. Nhờ vậy ông đào sâu quốc học, hiểu thấm, tinh thông cả Nho, Đạo, Phật trong truyền thống Trung Hoa; lại thông cả các học phái thời Xuân Thu–Chiến Quốc, thơ từ khúc phú, thiên văn và lịch pháp, y học dưỡng sinh, đồng thời nắm vững cả văn hóa phương Tây. Giới văn hóa Đông Tây đều kính trọng ông, gọi ông là bậc thầy của một thời. Sau nửa đời phiêu bạt với sách và kiếm, ông mới tìm về cội nguồn quê hương, mở học đường, tự mình giảng dạy. Ông dốc hết sức nêu cao, truyền lại và làm sống dậy tinh hoa văn hóa dân tộc cùng tinh thần nhân văn. Tấm lòng ấy khiến người ta cảm động; chí hướng ấy đáng phục.

Đầu thập niên 1980, ông Nam bắt đầu giảng *Đạo Đức Kinh* tại Thập Phương Thư Viện ở Đài Bắc. Bản ghi hai mươi sáu chương đầu được tập hợp năm 1987 thành *Lão Tử tha thuyết*, in ở Đài Loan, lập tức gây tiếng vang lớn và trở thành một trong những tác phẩm tiêu biểu của ông. Năm 1996, bản chữ giản thể ra mắt ở đại lục. Năm 2009, dưới sự chỉ đạo của ông, bản giảng từ chương 27 đến chương 81 hoàn tất, mang tên *Lão Tử tha thuyết tục tập*. Nhờ ông độc quyền ủy quyền, năm 2010 nhà xuất bản chúng tôi lần đầu in bản chữ giản thể cuốn ấy. Vì hai cuốn cách nhau hơn hai mươi năm và do nhiều nhà xuất bản khác nhau phát hành, độc giả dễ rối phiên bản, cũng khó nắm trọn cách ông giảng cả bộ *Đạo Đức Kinh*. Lần này, được người thừa kế hợp pháp của ông độc quyền ủy quyền xuất bản *Lão Tử tha thuyết*, chúng tôi theo đúng nguyện vọng lúc ông còn sống: gộp *Lão Tử tha thuyết* và *Lão Tử tha thuyết tục tập* thành một, đặt tên *Lão Tử tha thuyết (Sơ tục hợp tập)*. Một là để thấy đủ toàn bộ, hai là cho độc giả tiện theo dõi.

Còn một điểm cần nói rõ: hai mươi sáu chương đầu của bản này khác chữ so với bản giản thể từng in ở đại lục trước đây. Theo lời dặn của Nam sư, dưới sự chỉ đạo của cô Lưu Vũ Hồng (người chủ trì việc chỉnh lý), chúng tôi làm lại theo bản gốc sớm nhất của *Lão Tử tha thuyết*, để trả lại đúng diện mạo thật của nguyên bản.

Đạo Đức Kinh của Lão Tử chỉ khoảng năm nghìn chữ, lấy "Đạo" làm trung tâm, dựng nên một hệ thống triết lý vừa riêng vừa giàu. Hệ thống ấy là cốt lõi của Đạo gia Trung Quốc, cũng là một trong những nguồn của nền văn minh Trung Hoa; cùng Nho gia và các dòng khác, nó đã định hình văn hóa Trung Quốc và tinh thần người Trung Quốc. Hơn hai nghìn năm nay, các bản giải *Lão Tử* trong ngoài nước không dưới bảy trăm. Khác với phần lớn người nghiên cứu chỉ bám từng chữ trong văn mà giải nghĩa, ông Nam chủ trương lấy kinh và sử chiếu sáng lẫn nhau, lấy kinh giải kinh, đối chiếu các chương phần trên và phần dưới của *Lão Tử*, lấy tinh thần hiểu người rồi mới bàn đời làm chỗ dựa, dung hòa Nho, Phật, Đạo. Ông kể chỗ sâu xa của Lão Tử qua từng câu chuyện lịch sử sống động, giúp người đọc thấy rõ ý hay và mở mang trí tuệ; đồng thời hiện lên hình ảnh một ông già, một bậc trí giả thật gần gũi, đầy lo cho nước cho dân. Có thể nói, trong sách này hiện rõ triết lý sống của Đạo gia là giữ trọn sự sống chân thật, tấm lòng Nho gia lấy học để giúp đời, và lý tưởng tu trì của Phật gia là cứu độ hết thảy chúng sinh, nơi con người ông Nam.

Nhà xuất bản chúng tôi gắn bó với ông Nam từ Học đường Thái Hồ. Vì cùng tin vào tinh hoa văn hóa truyền thống Trung Hoa, và vì cảm thấy trách nhiệm cũng như sự cấp bách phải truyền bá văn minh ấy, nhờ lòng tin và tình cảm của ông cùng hậu nhân, chúng tôi được độc quyền ủy quyền. Theo nguyện vọng ông để lại, chúng tôi lần lượt đưa ra các bản chữ giản thể: vừa những sách đã được công luận thừa nhận, vừa những thuyết mới đáng chờ đợi. Với sách đã từng in giản thể ở đại lục, chúng tôi cũng chỉnh lại và sửa thêm, cố bám sát lời giảng lời kể gốc, trả sách về đúng như ban

đầu. Là bậc thầy quốc học của một thời, ông Nam thông suốt biến thiên xưa nay và lập nên một nhà một thuyết; cả đời lo việc chấn hưng dân tộc và làm lành lòng người trong xã hội. Nhà xuất bản cảm sâu tấm lòng rộng lớn của ông, kính theo tinh thần học thuật trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng; nhớ rõ lập trường và sứ mệnh người làm sách, cố hết sức đưa tư tưởng và trước tác của bậc thầy đến độc giả đúng như thật. Chỗ hay chỗ dở thế nào, xin độc giả tự cảm nhận.

Cả đời ông Nam, từ lúc phát nguyện đến khi mọi việc viên thành vào Trung Thu năm kia, đã dốc hết sức lực, chí không đổi, làm việc cực nhọc mà không oán không hối. Đúng như ông Mã, thư ký của ông, từng nói: Nam sư là người thắp đèn; ông đến đời này mong thắp sáng ngày càng nhiều ngọn đèn trong lòng người. Việc chúng ta cần làm là thắp sáng ngọn đèn của chính mình, rồi tự nhiên sẽ soi sáng xung quanh. Đó mới là cách nhớ ông và tưởng niệm ông tốt nhất!

Thái Hồ mênh mông, Nhạn Đãng xanh ngắt; bậc thầy đã đi, tiếng thơm còn mãi. Một đời phiêu bạt với sách và kiếm, để lại đạo đức và văn chương; ơn còn với đời sau, học trò khắp nơi.

Xin lấy những dòng này làm lời kính dâng bậc thầy!

Nhà xuất bản Đông Phương

Tháng 7 năm 2014

Lời nhà xuất bản

Tháng 3 năm 1980, Nam sư Hoài Cẩn mở khóa giảng *Đạo Đức Kinh* của Lão Tử tại Thập Phương Thư Viện Đài Bắc. Khi ấy ông Thái Sách ghi chép; rồi biên tập và Nam sư lần lượt chỉnh lại, mỗi kỳ đăng trên nguyệt san *Tri Kiến*.

Năm năm sau (1985), Nam sư nhận lời sang Mỹ. Lúc đó ông đã giảng xong cả *Đạo Đức Kinh*, nhưng phần đã đăng chỉ mới hai mươi sáu chương. Sau vì có việc phải tạm dừng, nên phần đầu chưa kịp đăng hết.

Độc giả phản hồi mạnh, mong có sách in thành tập. Vì vậy năm 1987, hai mươi sáu chương đã đăng được gom lại in thành sách, tên *Lão Tử tha thuyết* tập thượng, đúng lúc Nam sư đã sang Mỹ được hai năm.

Từ khi sách ra, độc giả liên tục hỏi tập hạ, không ngớt. Hai mươi năm vẫn chưa in tiếp được. Xét tận gốc, là vì bản thảo đi theo tư liệu sách vở của Nam sư ra nước ngoài; vài năm sau lại chuyển về Hồng Kông; đến năm 2007 mới chuyển về trong nước, dừng chân bên bờ Thái Hồ.

Việc chỉnh lý bắt đầu từ đó. Dưới sự chỉ đạo của Nam sư, cuối cùng làm xong cả. Vì nội dung gồm một phần của tập thượng và toàn bộ tập hạ, nên đặc biệt đặt tên *Lão Tử tha thuyết tục tập*.

Gộp lại, một cuốn *Lão Tử tha thuyết* tập thượng và một cuốn tục tập chính là toàn bộ bản ghi các buổi giảng *Đạo Đức Kinh*.

Sách này từ năm 1987 đã in một phần trước; hơn hai mươi năm sau, đến năm năm trước (2009) phần còn lại mới được in phát hành. Nay lại sửa và biên tập lại, gom toàn bộ *Đạo Đức Kinh* thành một bộ, chia hai quyển thượng và hạ cho tiện đọc, đồng thời hoàn thành nguyện ước ban đầu của Nam sư Hoài Cẩn khi giảng kinh.

Lưu Vũ Hồng ghi

Tháng 7 năm 2014

Lời nói đầu

Từ Lão Tử đến Tôn Tử

Sách *Lão Tử* nguyên chỉ khoảng năm nghìn chữ. Có thể nói đó là áng văn hay: gần như chữ nào cũng gói một ý, câu nào cũng chứa nghĩa huyền diệu, đủ chỗ then chốt. Nó nói cho ta nhiều phép tắc. Mấy nghìn năm nay ai cũng nghiên cứu Lão Tử; sách nghiên cứu còn truyền lại, của các bậc danh tiếng xưa nay, đã có vài chục nhà; nếu tìm rộng hơn nữa, có lẽ lên trên trăm nhà; số chữ cũng lên đến hàng triệu, cứ như nghiên cứu mãi không hết, giải mãi không cùng. Mỗi người một lối, tưởng như có "Lão Tử của từng nhà" hay "các nhà học Lão". Ví như: ông A viết sách nghiên cứu Lão Tử thì thành "Lão Tử của ông A"; ông B giải nghĩa thì thành "Lão Tử nhà B"; ông C chú giải một phen thì thành "Lão Tử bản chú của ông C". Các thuyết chen nhau, mỗi nhà một ý; đọc vào cứ như càng gỡ tơ càng rối.

Từ cận đại đến nay, rất nhiều người nước ngoài (gần thì Nhật, Hàn; xa thì Âu, Mỹ, thậm chí cả châu Đại Dương) cũng say mê nghiên cứu Lão Tử. Họ giơ ngón cái khen: "Sách *Lão Tử* của Trung Quốc hay lắm." Hỏi hay ở chỗ nào, họ cũng có câu trả lời của riêng mình; có người chẳng qua chỉ nhắc lại lời người khác đã nói. Nhưng dù sao, việc họ coi trọng và khen ngợi văn hóa của mình vẫn đáng tự hào, đáng mừng; đồng thời cũng đáng để ta tự soi lại. Còn những kẻ chỉ biết sùng ngoại, quên mất thậm chí bài xích văn hóa dân tộc mình, thì càng phải đỏ mặt vì chuyện này.

Lão Tử được tôn là tổ sư của Đạo gia, giáo chủ của Đạo giáo. Đạo gia là một trong những dòng chính của văn hóa Trung Quốc; hễ nói đến Đạo gia là người ta nhắc Lão Tử, nhưng phần lớn cũng chỉ nhắc đến ông thôi, nhiều lắm thì gọi chung "Lão Trang". Kỳ thực, bậc lớn của Đạo gia không chỉ một hai người ấy. Tôi từng đùa với bạn: Đạo gia có ba đời nhân vật, Lão Tử, Nhi Tử (con, tức Nghê Tử) và Tôn Tử (cháu). Dĩ nhiên chỉ là nói chơi; họ không có quan hệ huyết thống ông-cha-con.

Ấy vậy mà Tôn Tử, tức Tôn Vũ người nước Tề thời Xuân Thu, tư tưởng triết học binh pháp của ông chính từ Đạo gia mà ra. Bộ *Binh pháp* mười ba thiên ông viết, chỗ nào cũng lộ triết lý Đạo gia. Ông từng giúp Ngô vương Hạp Lư đánh tan nước Sở mạnh, nhờ đó nước Ngô xưng hùng giữa chư hầu, đủ thấy tư tưởng Đạo gia, khi đem ra lập công, mạnh mẽ đến mức nào. Mà triết lý binh pháp trong mười ba thiên ấy, có thể nói vẫn đúng dù thời khác đất khác: đến vài nghìn năm sau, người đã lên mặt trăng, vũ khí đã ra ngoài không gian, đến cả chiến tranh hóa học sinh học, vẫn không ra khỏi phạm vi triết lý binh pháp của ông.

Nghê Tử vốn họ Nghê, mà chữ Nghê vốn cũng mang nghĩa "con". Có thuyết nói Nghê Tử chính là Kế Nhiên Tử; đúng hay không, đời sau khó mà kiểm cho chắc. Điều chắc chắn là Kế Nhiên Tử có thật. Lại có thuyết bảo ông là thầy của Phạm Lãi. Phạm Lãi giúp Việt vương Câu Tiễn khôi phục nước, dùng chính học thuyết Đạo gia. Câu Tiễn lấy lại nước xong, tính công ban thưởng, ông lẽ ra được chức cao lộc dày, nhưng không màng giàu sang, cùng Tây Thi một chiếc thuyền nhỏ như lá, nhẹ tênh trên mặt Thái Hồ. Đó đúng phong thái Đạo gia: **"Công thành, danh toại, thân thoái, thiên chi đạo dã"** (Việc thành, danh đạt, thân lui, đó là đạo của trời). Vậy chuyện đùa ba đời Lão Tử, Nhi Tử, Tôn Tử, dù là lời chơi, cũng không phải chuyện bịa. Kỳ thực, nếu nghiên cứu cho thấu sách vở và tư tưởng của Lão Tử, Nghê Tử, Tôn Tử, thì đại khái đã nắm trong tay tinh yếu phép trị nước trong văn hóa Trung Quốc. Điều này đáng để ý.

Bên trong dùng Hoàng Lão, bề ngoài khoe Nho gia

Lịch sử văn hóa Trung Quốc, trước Tần Hán, do ba nhà Nho, Mặc, Đạo bao trùm toàn bộ tư tưởng. Đến sau Đường, Tống, đổi một nhà, thành Nho, Phật, Đạo; ba nhà ấy lại bao trùm tư tưởng văn hóa Trung Quốc, mãi đến buổi

đầu Trung Hoa Dân Quốc. Rồi xảy ra cái gọi là "Phong trào Ngũ Tứ", lúc ấy muốn "đánh đổ cửa hiệu Khổng Tử", dòng chính văn hóa Trung Quốc dậy lên một làn sóng nhỏ, một thời có đổi thay, rồi ảnh hưởng thêm vài chục năm.

Về ba nhà này, tôi thường ví: Nho gia như tiệm gạo, tuyệt đối không được đánh. Không thì đánh đổ Nho gia, ta không còn cơm ăn, nghĩa là hết lương thực tinh thần. Phật gia là tiệm bách hóa, như cửa hàng lớn ở đô thị, đồ dùng hàng ngày đủ kiểu đủ loại, lúc nào cũng có thể ghé xem; có tiền thì chọn mua ít món mang về, không tiền thì ngắm chơi một vòng, chẳng ai ngăn; nhưng những thứ trong đó đều là thứ đời người cần phải có, không thể thiếu. Đạo gia thì là hiệu thuốc: không ốm, cả đời có thể không cần ngó tới; nhưng hễ ốm là mình phải tự tìm đến. Cho nên ba nhà này không được đụng, không được lay, nói gì đến "đánh đổ".

Lời ví ấy có lý do của nó.

Đọc kỹ mấy nghìn năm sử Trung Quốc, sẽ thấy một bí mật. Mỗi triều đại, lúc thịnh nhất, cách trị nước đều có chung một bí quyết, nói ngắn là: bên trong dùng Hoàng Lão, bề ngoài khoe Nho gia. Từ Hán, Đường trở đi, rồi các đời Tống, Nguyên, Minh, Thanh buổi dựng nước, đều như vậy. Tư tưởng lãnh đạo thật sự bên trong là học Hoàng (Hoàng Đế) và Lão (Lão Tử), tức tư tưởng Đạo gia trong văn hóa truyền thống Trung Quốc. Còn cái họ treo ra ngoài, tức những gì tuyên truyền giáo dục phô bày, thì là tư tưởng Khổng Mạnh, văn hóa Nho gia. Nhưng đó chỉ là khẩu hiệu, chỉ là biển hiệu thôi; cũng có thể mượn tạm câu chợ búa "treo đầu dê bán thịt chó" mà ví cho dễ hiểu, nghĩa là nói một đằng, làm một nẻo.

Cốt lõi Hoàng Lão

Vậy cái gọi là học Hoàng Lão của Đạo gia, nội dung ra sao? Dĩ nhiên, người đại diện rõ nhất cho tư tưởng Đạo gia là Lão Tử. Sách *Lão Tử* ông viết (đến đời Đường Huyền Tông lại tôn gọi là *Đạo Đức Kinh*) tiêu biểu nhất cho tư tưởng Đạo gia, có hệ thống nhất, trình bày cụ thể nhất. Còn người giảng rõ, giải đúng Lão Tử nhất, phát huy tư tưởng Đạo gia thấu đáo nhất, thì là Trang Tử. Sách *Trang Tử* của Trang Chu, đời Đường Huyền Tông lại tôn gọi là *Nam Hoa Kinh*. Những lẽ ông bàn trong đó, chính trị, quân sự, giáo dục, kinh tế, mặt nào cũng dùng được; với người lập công dựng nghiệp trong lịch sử, cho đến tu dưỡng cá nhân, tu đạo, luyện khí, cũng như đứng vững trong đời và xử thế, đều rất có ích.

Đó không chỉ nói Nội thiên (bảy thiên) của *Trang Tử*. Kỳ thực, mấy nghìn năm nay, các đời lén dùng học thuật Trang Tử, đều lấy tinh hoa ở *Ngoại thiên* và *Tạp thiên*. Vì vậy, cái làm rực rỡ văn hóa Trung Quốc suốt năm nghìn năm, cũng chính là học Lão Trang của Đạo gia, nhất là phần *Ngoại thiên* và *Tạp thiên* của *Trang Tử* là nhiều nhất. Đây là một sự thật cần hiểu trước khi nghiên cứu Lão Tử.

Cách người nay hiểu Đạo gia là cách người đời Hán, Đường về sau hiểu. Trước Tần Hán, cái nay gọi "Đạo gia" và cái gọi "Nho gia" của học Khổng Mạnh vốn chưa tách; hết thảy chỉ một chữ Đạo. Chữ Đạo ấy vừa là quan niệm tôn giáo của Trung Quốc, vừa là triết học Trung Quốc: triết học đời người, triết học chính trị, triết học quân sự, triết học kinh tế, cho đến mọi thứ triết học, đều nằm trong một chữ Đạo này.

Đời Thanh, niên hiệu Càn Long, học giả nổi tiếng Kỷ Hiểu Lam, người chủ biên *Tứ Khố Toàn Thư*, từng nói: "Lẽ đời và việc đời, sách cổ nhân đã nói hết; nay nếu còn viết, cũng không vượt khỏi phạm vi người xưa, cần gì viết thêm." Đó quả là một câu nói hay. Thử xem học giả các nước ngày nay, sách về tư tưởng, học thuật, đều chỉ nhắc lại lời người xưa đã nói; nói mạnh hơn, chẳng qua đều là điều người Trung Quốc xưa đã nói rồi. Cho nên cả đời Kỷ Hiểu Lam

không viết sách, chỉ biên sách: chỉnh lý sách vở người trước, xếp văn hóa Trung Quốc thành từng loại có hệ thống, cho học giả đời sau tiện học mà thôi. Ông chỉ có một tập *Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký* là sách do ông tự viết.

Chính vì lấy thái độ ấy mà học, tất nhiên ông đọc rất nhiều, hiểu cũng sâu và đúng hơn người. Về học thuật Đạo gia, ông tóm bằng tám chữ: gom hết trăm đời, vừa rộng vừa tinh vi. Ý là tư tưởng văn hóa Đạo gia bao trùm cả nền văn hóa năm nghìn năm của Trung Quốc. "Rộng" là gồm nhiều; "tinh vi" là tinh đến cùng, sâu xa đến mức không thể nghĩ hết.

Nhưng tệ hại của Đạo gia cũng lớn: thuật vẽ bùa niệm chú, nuốt đao phun lửa, đều biến thành văn hóa Đạo gia; thêm âm dương, phong thủy, xem tướng, bói toán, thuốc men, võ công, gần như thứ gì cũng gói vào, đều kể là học thuật Đạo gia. Cho nên dù "gom hết trăm đời, vừa rộng vừa tinh vi", cũng vì thế mà nảy sinh tệ hại.

Giai thoại dẹp loạn, lập lại trật tự

Sách *Lão Tử* chỉ khoảng năm nghìn chữ; nhìn mặt chữ thì tưởng dễ đọc dễ hiểu. Nhưng nếu cũng lấy con mắt "gom hết trăm đời, vừa rộng vừa tinh vi" mà đọc, thì đủ cho ta đào sâu, giảng giải mãi.

Cũng có người nói: nhắc đến lịch sử văn hóa của ta, giai đoạn gọi là Ngụy Tấn Nam Bắc triều chính là lúc học **"Tam huyền"** (*Kinh Dịch*, *Lão Tử*, *Trang Tử*) thịnh nhất. Nhưng bối cảnh lịch sử thời ấy là hơn hai trăm năm biến động, hỗn loạn; chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa suy đến cùng. Ấy vậy mà về tư tưởng triết học, nhờ giới trí thức bàn luận hùng hồn, lại được đẩy lên đến cực điểm. Thế rồi có người bảo học "Tam huyền" là sách của thời suy loạn, vì mỗi khi đời loạn, học ấy lại được người ta ưa đặc biệt. Lý do là trong loạn lạc, tinh thần mất chỗ tựa, người ta muốn tìm lối thoát từ đây. Họ còn đi xa hơn, quay lại kết luận: thế kỷ này ba thứ ấy đang được ưa chuộng, vậy thời đại này dĩ nhiên là thời suy loạn.

Kỳ thực, không hẳn như họ nói. Với bất cứ thứ gì, đứng chỗ khác thì nhìn khác; góc đứng khác thì ấn tượng khác. Xem sử Trung Quốc: Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, buổi dựng nghiệp thịnh trị, đều nhờ học "Tam huyền" đem ra dùng trong việc trị nước. Hơn nữa, trong lịch sử văn hóa Trung Quốc có một phép tắc gần như không đổi: mỗi khi thời loạn đến cùng, tưởng không cứu nổi, người đứng ra dẹp loạn, lập lại trật tự, đều là nhân vật Đạo gia. Chỉ có điều, họ có một phong thái nhất quán: **"Công thành, danh toại, thân thoái, thiên chi đạo dã"** (Việc thành, danh đạt, thân lui, đó là đạo của trời). Giúp người đánh xong thiên hạ, thành công rồi; hoặc trong việc tư, giúp người phát tài, lên làm chủ, rồi mình nhẹ tênh ra đi. Như Y Doãn, Phó Duyệt đời Thương Thang; Khương Thái Công buổi Chu khai quốc; Phạm Lãi thời Xuân Thu Chiến Quốc; Trương Lương, Trần Bình buổi Hán dựng nước; Gia Cát Lượng thời Tam Quốc: đều là nhân vật Đạo gia. Khương Thái Công và Phạm Lãi làm trọn "công thành, danh toại, thân thoái" đúng "đạo của trời"; Trương Lương thì kém một bậc, cuối cùng muốn lui mà không lui được, bản lĩnh chưa lớn lắm; còn Gia Cát Lượng, cách đứng vững trong đời và xử thế hoàn toàn theo thái độ Nho gia: **"Cúc cung tận tụy, tử nhi hậu dĩ"** (Cúi mình hết sức, đến chết mới thôi), đúng mực vừa phải.

Kế đến như Ngụy Trưng đời Đường, Lưu Bá Ôn đời Minh, Phạm Văn Trình đời Thanh, và còn rất nhiều nhân vật Đạo gia không rõ tên, không đếm xuể.

Vài chục năm trước, trong nước nổi lên phong trào nghiên cứu sử Minh. Kỳ thực, trong sử từng triều đại, sử Minh khó nghiên cứu nhất. Nếu lấy Hoàng đế khai quốc nhà Minh là Chu Nguyên Chương làm trung tâm nghiên cứu, thì phải chú ý vài bài do chính ông viết, mà người biên sử thường không dùng; những bài ấy thật sự có giá trị sử liệu lớn. Trong đó ông nêu: giúp ông đánh thiên hạ có vài đạo sĩ. Thực ra họ đều là nhân vật Đạo gia bề ngoài giả điên giả dại.

Một người là Chu Điên, quê Kiến Xương, Giang Tây; người ta chỉ biết họ Chu, không biết tên; vì thường điên điên dại dại ngoài phố chợ nên gọi Chu Điên; kỳ thực ông học đạo thần tiên của Đạo gia. Chu Nguyên Chương từng thử ông nhiều lần. Một lần nhét ông vào lồng hấp, úp thêm một chum lớn, hấp nước nóng nửa ngày. Chu Nguyên Chương tưởng đã hấp chín, dời chum, mở lồng xem, nào ngờ ông đang xông hơi trong đó, y như xông hơi hay tắm hơi kiểu Thổ Nhĩ Kỳ đang thịnh nay, mồ hôi đẫm người, bảo Chu Nguyên Chương: "Được đấy! Sự nghiệp ngươi sẽ thành. Sướng quá!" Chu Nguyên Chương chẳng làm gì được ông. Nhưng mỗi lần Chu Nguyên Chương gặp khó, ông lại xuất hiện, đưa một tay. Như lúc đánh Trần Hữu Lượng, ông cũng theo suốt đường. Chu Nguyên Chương nghĩ: thằng điên này xuất hiện là gặp rắc rối; phen này đánh Trần Hữu Lượng vốn là trận gian khổ nguy hiểm, hắn lại đến, thật đáng ghét, bèn muốn dìm Chu Điên xuống sông. Chu Nguyên Chương đem quân đến Nam Xương, Chu Điên vẫn không biết từ đâu lại lòi ra. Quả nhiên, lúc trên chiến trường nghìn cân treo sợi tóc, ông lại giúp Chu Nguyên Chương một việc lớn.

Những nhân vật ấy bị thêu dệt thành thần thoại quá, mà người viết chính sử phần lớn là Nho gia; vì quan niệm truyền thống, họ không thu những chuyện ấy vào sách. Kỳ thực, trong tác phẩm của chính Chu Nguyên Chương, sử liệu loại này rất nhiều; đây chỉ nêu một ví dụ thôi.

Thái Thượng Lão Quân và Lý Lão Tử

Giờ hãy lần ngược lên theo dòng lịch sử. Ví như thời thịnh trị nổi tiếng nhất nhà Hán, thời "thịnh trị Văn-Cảnh", hai cha con Hán Văn Đế và Cảnh Đế nối nhau, là thời cực thịnh của nhà Hán; thời "thịnh trị Trinh Quán" nhà Đường; cho đến Đường Huyền Tông, tức Đường Minh Hoàng trong bài *Trường Hận Ca* của Bạch Cư Dị, nửa đêm thì thầm với Dương Quý Phi, thề **"Tại thiên nguyện tác tỷ dực điểu, tại địa nguyện vi liên lý chi"** (Trên trời nguyện làm chim liền cánh, dưới đất nguyện làm cành liền gốc). Thời trẻ, buổi đầu dựng nghiệp, họ đều dùng học thuyết Đạo gia, tức bên trong dùng Hoàng Lão, bề ngoài khoe Nho gia. Mà Hán và Đường cũng chính là hai thời, xét cả dòng sử, rực rỡ nhất.

Từ đó đủ thấy, học thuyết Đạo gia, vào lúc cần dẹp loạn, lập lại trật tự, có giá trị then chốt nhất; ta không thể không biết.

Xem thêm sự thật lịch sử cận đại: quân Thanh tràn vào Trung Nguyên, cai trị dân tộc Trung Hoa lúc ấy đã trên trăm triệu người, lập đế quốc Đại Thanh. Phương lược họ dùng, tư tưởng triết học cao nhất để lãnh đạo chính trị, chính là học thuyết *Lão Tử*; binh pháp thì cũng chẳng theo *Tôn Tử*, cũng không dùng binh thư khác, cứ nghiên cứu thẳng *Tam Quốc Diễn Nghĩa*.

Muốn nghiên cứu học thuyết *Lão Tử*, đem dùng vào chính trị, kinh tế, giáo dục, quân sự, xã hội và những mặt khác, nhất là mối liên hệ với buổi khai quốc dựng nghiệp, thì phải nghiên cứu cho rõ việc các đời từ Khang Hy trở đi; đại khái sẽ thấy cách dùng triết lý Lão Trang.

Khang Hy nhà Thanh mới tám tuổi đã lên ngôi. Lúc ấy lãnh thổ Trung Quốc thực ra chưa nằm hết dưới quyền ông: bên ngoài có bốn phiên trấn, chư hầu mạnh; bên trong có quyền thần nắm quyền lớn; ngôi vua còn lung lay muốn đổ. Ấy vậy mà chỉ vài năm sau, ông gạt được trở ngại bên trong, dẹp yên thế lực bên ngoài, rồi đặt nền cho hơn hai trăm năm Đại Thanh: đều nhờ hơn sáu mươi năm ông gắng sức, xây gốc cho đời thái bình thịnh trị. Tất cả chẳng phải ngẫu nhiên mà có. Có thể nói thành tựu cả đời nhà Thanh, so với hai triều Hán, Đường còn hưng thịnh hơn, còn cực thịnh hơn.

Nhìn lại chuyện cũ lịch sử, nhìn tới tương lai: thời loạn ta đang sống, đại khái sẽ không kéo dài mãi. Suy theo luật lịch sử, từ năm Đinh Mão (1987) trở đi, vận mệnh dân tộc và vận nước ta đúng lúc bắt đầu quay lại, đi tới thời thịnh như Khang Hy, Càn Long, và có thể kéo dài hai ba trăm năm. Mong thanh niên nay nắm lấy cơ hội ấy; vậy thì càng cần hiểu tư tưởng học thuyết Lão Tử.

Người nay thường gọi sách *Lão Tử* là *Đạo Đức Kinh* hay *Lão Tử Đạo Đức Kinh*, vì phần trước bàn "Đạo", phần sau bàn "Đức", nên có biệt danh ấy; mà cách chia này đã có từ Hán, Đường. Căn cứ bia *Đạo Đức Kinh* dựng năm Cảnh Long thứ hai đời Đường Trung Tông (năm 708), tại đạo quán Long Hưng ở Dịch Châu, nội dung chính là sách *Lão Tử*. Mặt trước bia khắc *Đạo Kinh* ba mươi bảy chương; mặt sau khắc *Đức Kinh* bốn mươi bốn chương. Lại trong *Hoằng Minh Tập*, bài *Lý Hoặc Luận* của Mâu Tử có câu **"Sở lý chính ư tam thập thất điều, kiêm pháp Lão thị đạo kinh tam thập thất thiên"** (Những điều biện giải đúng gồm ba mươi bảy mục, đồng thời noi theo Đạo kinh của họ Lão gồm ba mươi bảy thiên); mà Mâu Tử là người đời Hán. Từ đó biết, sớm từ đời Hán đã có người chia *Lão Tử* thành hai kinh Đạo và Đức. Chỉ có điều, lấy ba chữ *Đạo Đức Kinh* gọi chung sách *Lão Tử*, có lẽ theo thói quen bắt đầu từ đời Đường.

Những chuyện thuộc khảo cứu ấy, tạm chưa đào sâu.

Đời Đường còn một chuyện thú vị; từ chuyện ấy lại thấy thêm một mặt khác của lòng người.

Sáng suốt như Đường Thái Tông, sau khi lên ngôi, nguồn gốc họ mình, họ Lý, trong truyền thuyết lại rất kỳ quái. Theo chuyện thần thoại cổ, thủy tổ họ Lý chính là Lão Tử, người xa xưa thời Nghiêu Thuấn; vì sinh dưới cây lý (李) nên lấy họ Lý. Lại truyền mẹ ông mang thai đến tám mươi mốt năm, nên lúc sinh ra râu tóc đã trắng, lập tức thành Thái Thượng Lão Quân. Đó là truyền thuyết về sự ra đời của Lão Tử và nguồn gốc họ của ông.

Nguồn gốc họ Lý của Đường Thái Tông, nếu xét dòng họ và tông tộc Trung Quốc, lại có nhiều thuyết khác nhau. Nhưng ông đã làm hoàng đế thì nhất định phải truy tổ tiên dòng họ cho thêm rạng rỡ. Cũng như dân tộc nào trên đời, hễ trong xã hội có thành tựu sự nghiệp, ắt phải tìm "gốc", và ắt phải chỉnh trang, đắp "gốc" ấy cho thêm sáng. Đó là lẽ tất yếu của lòng người. Đường Thái Tông cũng vậy: cũng phải tìm gốc, và phải tìm một gốc rạng rỡ. Xét lại sử, nhân vật họ Lý thì Lão Tử hay nhất, thành tựu học thuật rất lớn, nên ông xoay cách nhận mình là con cháu Lão Tử. Nhưng Lão Tử mới chỉ có thành tựu về học thuyết; còn phải đề cao ông hơn nữa. Về sau con cháu nhà Lý Đường bèn tôn ông làm giáo chủ, biến thành "Thái Thượng Lão Quân", phong làm giáo chủ Đạo giáo. Đạo giáo thực ra cũng thành quốc giáo chính thức đời Đường; chỉ là lúc ấy chưa có tên "quốc giáo", mà trên thực tế các đời vua, hoàng hậu, phi tần nhà Đường đều phải như Phật giáo thọ giới, đi thọ "phù lục". Như Đường Huyền Tông, Dương Quý Phi, đều từng thọ "phù lục".

Hoàng đế khai quốc nhà Minh là Chu Nguyên Chương cũng nghĩ vậy; ông chọn Chu Hi, nên hết lời đề cao Chu Hi. Vốn ông muốn kéo tổ tiên mình dính với Chu Hi, nhưng mình đã là bậc đế vương một đời, chuyện ấy không thể gượng ép quá. Chỉ có kẻ như Trương Hiến Trung: lúc đang cướp phá khắp nơi, một hôm đánh tới miếu Trương Phi, hỏi ra tượng thờ là Trương Phi, bỗng hứng lên, hóa ra cũng biết đạo lý họ hàng tông tộc, đòi vào miếu tế, bắt thuộc hạ viết văn tế. Mấy ông đồ nghèo bị ép dưới trướng viết văn tế, trích kinh điển khoe chữ, ông đọc không hiểu, giận lắm, giết liền mấy người, rồi tự tay viết: "Mày họ Trương, tao cũng họ Trương, hai ta nhận họ đi!" Thế là nhận họ, thành trò cười nghìn thu.

Nhưng khi Chu Nguyên Chương định kéo Chu Hi vào hàng tổ tiên mình, một hôm gặp thợ cạo cũng họ Chu, bèn hỏi có phải dòng Chu Hi không. Thợ cạo đáp: "Tôi không phải con cháu Chu Hi; Chu Hi tuyệt đối không phải tổ tiên

tôi.” Chu Nguyên Chương bảo: “Chu Hi là bậc đại học vấn đời trước, anh nhận đi!” Thợ cạo nói: “Tuyệt đối không.” Thế là ý “vin họ” của Chu Nguyên Chương lung lay. Ông nghĩ lại: một thợ cạo dân thường còn không chịu nhận bừa tổ tiên, mình đã làm hoàng đế, cần gì nhận Chu Hi làm tổ? Bèn bỏ ý cũ. Nhưng với Chu Hi, ông vẫn hết sức đề cao. Ví như đời Minh, đi thi cầu công danh, không đọc *Tứ Thư* do Chu Hi chú giải thì không được; về sau sang Thanh, theo lệ Minh, lấy *Tứ Thư* bản chú Chu Hi làm chuẩn để chấm cao thấp, quyết lấy hay bỏ trong khoa cử.

Hán Văn Đế khéo dùng bảo bối của Lão Tử

Từ đời Đường trở đi, sách *Đạo Đức Kinh* của Lão Tử, lại thêm sự cổ súy của hoàng đế, nên càng được coi trọng: lan ra, lan rộng, rồi thịnh khắp. Nhưng hai chữ “Đạo” và “Đức” trong *Đạo Đức Kinh* nghĩa đúng là gì? Đợi khi bàn đến nguyên văn sẽ nói rõ.

Giờ hãy xem một chuyện lịch sử, để hiểu vì sao học Hoàng Lão chiếm địa vị quan trọng trong sử Trung Quốc; để người nghiên cứu Hoàng Lão nắm đúng hướng nghiên cứu; rồi từ mặt ứng dụng của học Hoàng Lão, bước vào “đạo dưỡng sinh”, tức tu dưỡng bản thân ở chỗ siêu hình, cùng chỗ hội tụ với học thuyết Khổng Mạnh.

Trong lịch sử Trung Quốc, Đạo gia lần đầu gây ảnh hưởng lớn nhất, là đời Hán. Hán Cao Tổ Lưu Bang, buổi đầu dựng nghiệp, nhân tài giúp ông lập nên công lớn nhất chính là những người như Trương Lương, Trần Bình; mà họ đều là nhân vật học Đạo gia.

Trong sử, thời thịnh đầu Hán được nêu lên là “thịnh trị Văn-Cảnh”: hai đời cha con Hán Văn Đế và Hán Cảnh Đế, đường lối tư tưởng đều dùng học thuyết Đạo gia “Hoàng Lão”. Mặt khác cũng có thể nói, liên hệ chặt với sự dạy dỗ của mẹ: vì mẹ Hán Văn Đế và mẹ Hán Cảnh Đế đều thích nghiên cứu *Lão Tử*, chịu ảnh hưởng rất lớn. Trong nền giáo dục gia đình ấy, trong trào lưu thời đại ấy, dưới ảnh hưởng mạnh của môi trường xung quanh, học Hoàng Lão thành học thuyết chỉ đạo cao nhất của triết lý chính trị; mà người thể hiện sâu nhất chính là Hán Văn Đế.

Hoàng đế khai quốc nhà Đại Hán là Cao Tổ Lưu Bang, ở ngôi chỉ vài năm thì mất; quyền nước rơi vào tay vợ ông, Lã Trĩ. Quyền thế là thứ cám dỗ nhất thiên hạ, ít ai dứt ra được; nên Lã Hậu muốn thừa thế, nhân dịp, chuyển ngôi vua sang người nhà mẹ. Nhưng văn thần võ tướng từng cùng Lưu Bang đánh thiên hạ, tình đồng đội sâu, đều không đồng tình; nên Lã Hậu vừa chết, họ đứng lên dẹp sạch quyền nhà Lã. Trong khoảng ấy, chính trị, kinh tế, xã hội và những mặt khác, đều rất hỗn loạn.

Quyền nhà Lã dù đã dẹp yên, các đại thần vẫn phải tìm con Lưu Bang để nối ngôi. Nhưng con Lưu Bang bị Lã Hậu giết gần hết, chỉ còn một người, Lưu Hằng, được phong ở biên ải Tây Bắc làm Đại vương, sát nách Hung Nô, vùng hoang mạc Nội Mông nghèo cằn. Vì mẹ ông, Bạc thị, thích đi đường “thanh tịnh vô vi” của Đạo gia, gần như người nay chỉ gõ mõ niệm Phật, giữ lòng như giữ thành, không ham không tranh; Lã Hậu không thèm để mắt tới, nên mới giữ được mạng. Lúc ấy các đại thần bàn nhau, tìm được vị Đại vương xa xôi nơi biên ải, tính tình mộc mạc, lòng trong, ít ham muốn, giữ Đạo, trọng Đức, đón về kinh đô Trường An, nối ngôi nhà Hán; đó chính là Hán Văn Đế về sau.

Nghiên cứu đoạn sử này, về cách dùng học Hoàng Lão, rất thú vị.

Lưu Hằng mang danh Đại vương, bị bỏ rơi nơi biên ải; bỗng tin Trường An có người đến, mời ông về trung ương làm hoàng đế. Đúng là phúc trời rơi xuống, đời người không còn chuyện nào hơn. Ấy vậy mà biết tin, ông hỏi mẹ: có nên nhận lời không. Lúc ấy Lưu Hằng có hai thuộc hạ then chốt: một là lang trung lệnh, gần như chánh văn phòng ngày nay, Trương Vũ; một là trung úy, gần như tham mưu trưởng ngày nay, Tống Xương. Trương Vũ cho rằng lúc ấy chính phủ trung ương đang loạn nhất, mà đám đại thần trong triều đều là người từng cùng Lưu Bang đánh thiên hạ,

thuộc hàng cha chú của Lưu Hằng, khó nắm khó sai; nên không nên đi, phải dò cho rõ. Tống Xương thì ngược lại, phân tích tình thế, bảo nên đi. Ông nói: từ khi Tần Thủy Hoàng bạo ngược đến nay, thiên hạ đại loạn, anh hùng khắp nơi nổi dậy chống bạo ngược; cuối cùng thống nhất thiên hạ chính là cha ngươi, Lưu Bang. Dân thiên hạ đều nghĩ thiên hạ là của nhà Lưu; tuy có phen Lã Hậu đoạt quyền, nhưng ngắn ngủi, lòng người vẫn về họ Lưu. Nay các đại thần đã ổn định được cục diện quyền bính đang loạn, nếu không nhìn rõ lòng dân đang nghiêng về đâu, cũng chẳng đến biên ải xa xôi mời ngươi về làm vua. Đã lòng thiên hạ theo về, đại thế đã trong tay, sao không đi? Hai người ý trái nhau, khó quyết. Cuối cùng hỏi mẹ: bà cụ thông suốt *Lão Tử*, vận dụng đạo vô vi, lẽ dùng mà như không dùng, bảo: "Cứ sai cậu Bạc Chiêu sang Trường An xem đã!" Ý là trước hãy phái một sứ giả đi quan sát tình hình, gom tin tức. Ông cậu sứ giả từ Trường An về, báo tình hình: có thể đi nhận ngôi. Thế rồi Lưu Hằng mới dẫn Trương Vũ, Tống Xương và vài thuộc hạ, lên đường Trường An, chuẩn bị nhận ngôi.

Lúc ấy thân phận Lưu Hằng vẫn là Đại vương, chưa phải hoàng đế; chẳng qua là một trong vài người con của Lưu Bang; danh thái tử cũng còn gượng, nhiều lắm chỉ nói ông ngang một thái tử thôi. Mặt khác, quyền triều đình trung ương nhà Hán lúc ấy thực ra đã nắm trong tay một mình Chu Bột. Khi Lưu Hằng từ biên ải đến Vị Kiều ngoài thành kinh đô Trường An, Chu Bột đã dẫn văn võ trăm quan quỳ xuống đón; Lưu Hằng cũng lập tức quỳ xuống đáp lễ. Đó chính là chỗ Lưu Hằng trở thành Hán Văn Đế. Ông biết rõ cục diện lúc ấy rất tế nhị, tiến lui ứng xử rất khó, huống chi mình chưa nhận ngôi, nên lập tức quỳ đáp lễ. Đó cũng chính là tinh thần Lão Tử: đức khiêm nhường. *Lão Tử* nói: **"Ngã hữu tam bảo, trì nhi bảo chi: nhất viết từ, nhị viết kiệm, tam viết bất cảm vi thiên hạ tiên"** (Ta có ba bảo vật, giữ gìn lấy: một là từ ái, hai là tiết kiệm, ba là không dám đứng trước thiên hạ). Đó là ba bảo bối của Lão Tử. Cả đời Hán Văn Đế chính là thực hành ba bảo bối ấy.

Ấy vậy mà bên cạnh Lưu Hằng, Trương Vũ và Tống Xương cũng là thuộc hạ then chốt rất giỏi, đều từng học sâu Hoàng Lão. Lễ ở Vị Kiều xong, Chu Bột bảo Lưu Hằng: "Đại vương! Tôi và ngài lui ra một bước, nói riêng vài câu." Lúc ấy Tống Xương bước ra: "Không được. Xin hỏi Chu tướng công, điều ngài muốn tâu Đại vương là việc công hay việc tư? Nếu là lời riêng, thì hôm nay không có chuyện riêng. Nếu là việc công, xin nói trước mặt mọi người, cần gì phải lui ra nói?" Tống Xương đúng là một "tham mưu trưởng" giỏi. Đó cũng là đem đạo vô tư của Lão Tử dùng theo mặt trái.

Chu Bột bị nói đến hết đường, đành bảo: "Không có gì khác, chỉ là việc công." Tống Xương hỏi: "Việc gì?" Chu Bột nói: "Ngọc tỷ hoàng đế đây, xin kính dâng." Bèn trao ngọc tỷ cho Đại vương. Lưu Hằng nhận ngọc tỷ; theo lẽ thường, ông đã là hoàng đế rồi. Ấy vậy ông lại nói: "Chuyện này không được. Hôm nay tôi mới đến, chưa rõ tình hình; việc thiên hạ chưa hẳn phải tôi làm hoàng đế, người có thể làm hoàng đế còn nhiều. Tôi nay chỉ tạm giữ ngọc tỷ giúp, vài ngày nữa hãy hay." Đó chính là đạo Hoàng Lão: "dùng mà như không dùng", muốn mà như không muốn. Khiêm tốn thì khiêm tốn, thứ đáng lấy vẫn lấy.

Nhận ngọc tỷ rồi, ông vẫn không lên ngôi ngay; ở nhà khách chín tháng, không ra tay việc gì; đợi quan sát rõ hết, mới tuyên bố nhận ngôi. Lúc ấy còn rất trẻ, việc nước vẫn khó làm. Thứ nhất, trong anh em cùng họ, còn người lớn tuổi hơn ông; lại có con các chú bác họ xa, cũng kể là tôn thất nhà Lưu. Thứ hai, các lão tướng từng cùng Lưu Bang dậy lên dựng nghiệp, nắm binh quyền, rải khắp bốn phương, người rất đông. Nền chính trị bên trong chưa vững; sức bên ngoài thì trống; trong tay không một tên lính, chỉ cầm một con dấu lớn khắc ngọc, ấn được việc gì?

Ấy vậy sau chín tháng xem xét, ông thấy khó đối phó nhất là thế lực địa phương phía nam Trường Giang: gồm đất dọc sông Tương, sông Cám, và phía nam Ngũ Lĩnh: Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến, cho đến Vân Nam, Quý Châu. Trong đó Nam Việt vương Triệu Đà, lúc Lã Hậu làm loạn việc nước, nghe anh em ở quê bị giết, mồ tổ bị đào,

oán hận nhà Hán sâu. Lã Hậu chết, ông thấy trung ương nhà Hán không người cầm quyền, bèn tự xưng hoàng đế, lại đưa quân đến biên giới Trường Sa, Hồ Nam, sửa soạn đánh lên bắc.

Triệu Đà vốn người Hà Bắc, là một trong những anh hùng hảo hán cùng thời Hán Cao Tổ, nổi dậy chống nhà Tần bạo ngược. Tần Thủy Hoàng bị đánh đổ, ông không phát triển được ở phương bắc, bèn vào nam, làm huyện úy ở Quảng Đông; huyện lệnh đương nhiệm chết, giao việc huyện cho ông, ông bèn tự xưng Nam Việt vương. Lúc ấy đất phía nam Ngũ Lĩnh chưa khai phá, là chốn biên viễn hoang vu, đầy khí độc; Hán Cao Tổ cũng chẳng làm gì được ông, phái một người có tài, vừa Đạo vừa Nho, là Lục Giả làm sứ, cứ công nhận luôn địa vị Nam Việt vương. Về sau vì Lã Hậu đối xử tệ với ông, nên Lã Hậu chết, ông cũng tự cho mình có tư cách nhận ngôi, dòm ngó nhà Hán.

Nửa nước, một bức thư

Cục diện như vậy, phải làm sao? Nếu cử quân đánh một trận với Triệu Đà, chủ trương đánh ấy sẽ làm chuyện càng nặng hơn; quyết định không được sơ suất dù một lần. Nội chiến xong, thắng thua chưa biết, thiên hạ về tay nhà nào, càng khó nói! Vì vậy chỉ còn tính đường khác. Hán Văn Đế thấy thế, nên sau khi lên ngôi, ngoài việc chỉnh đốn việc trong nước, ông chỉ còn dùng đạo Hoàng Lão.

Trong sử còn chép hai bức thư về việc Hán Văn Đế xử lý chuyện nan giải ấy: một của Hán Văn Đế gửi Triệu Đà, một của Triệu Đà trả lời. Hai bức thư qua lại ấy dẹp một trận đại chiến ngay khi chưa nổ ra, cũng cứu vô số mạng người.

Dĩ nhiên chuyện không đơn giản thế. Ngoài viết thư, Hán Văn Đế còn chỉnh đốn việc trong nước, bố trí quân sự, v.v.; lại chọn một sứ giả già dặn, mưu sâu tính kỹ, chính là bạn cũ của Triệu Đà: Lục Giả. Mọi mặt đã xếp đặt chu đáo, bày sẵn thế có lợi, tăng sức cho bức thư, thế là thu được hiệu quả lớn như dự tính.

Ấy vậy từ hai bức thư ấy, ta không khó nhìn ra tinh thần và cốt lõi của đạo Hoàng Lão. Giờ hãy giới thiệu nguyên văn hai thư, rồi phân tích đại lược.

Thư Hán Văn Đế ban cho Nam Việt vương Triệu Đà

Hoàng đế kính hỏi Nam Việt vương: ông đã phải cực lòng cực sức lắm. Trẫm là con vợ lẽ Cao Hoàng đế, bị gửi ra ngoài, giữ cõi phía bắc ở đất Đại; đường sá xa xôi, bị che khuất, chất phác ngu tối, chưa từng gửi thư. Cao Hoàng đế bỏ quần thần mà mất, Hiếu Huệ Hoàng đế qua đời, Cao Hậu tự cầm việc; chẳng may mang bệnh, ngày một nặng, nên việc trị nước lệch lạc. Nhà Lã làm loạn, phá phép nước, không một mình chế ngự nổi, bèn lấy con họ khác làm người nối Hiếu Huệ Hoàng đế. Nhờ phúc tổ, sức công thần, đã trừ xong. Trẫm vì các vương, hầu và quan lại không chịu buông, không thể không lên ngôi; nay đã nhận ngôi.

Gần đây nghe vương gửi thư cho tướng quân Long Lự hầu, tìm anh em ruột thịt, xin cách chức hai tướng quân ở Trường Sa. Trẫm theo thư của vương, đã cách chức tướng quân Bác Dương hầu; anh em ruột thịt ở Chân Định, đã sai người thăm hỏi, sửa sang mồ tổ tiên.

Hôm trước nghe vương đưa quân ra biên giới, gây tai họa cướp phá không dứt. Lúc ấy, Trường Sa khổ vì việc ấy, Nam quận càng nặng. Dù là nước của vương, há chỉ một mình được lợi? Ắt phải giết nhiều lính, thương tổn tướng giỏi. Làm vợ người hóa góa, con người hóa côi, cha mẹ người không còn chỗ nương; được một mất mười: trẫm không nỡ làm vậy.

Trẫm muốn định lại đất biên giới cài răng lược, bèn hỏi quan lại. Quan nói: đó là đất Cao Hoàng đế dùng để phân ranh Trường Sa. Trẫm không dám tự ý đổi. Quan lại nói: được đất của vương, chưa đủ gọi là lớn; được của của vương, chưa đủ gọi là giàu; phía nam phục lĩnh (Ngũ Lĩnh), để vương tự trị. Tuy vậy, vương xưng hiệu hoàng đế. Hai hoàng đế cùng đứng, không một sứ giả đi lại: đó là tranh giành. Tranh giành mà không nhường, người nhân nghĩa không làm thế. Xin cùng vương bỏ hết mối lo trước; từ nay về sau, thông sứ như cũ.

Vậy sai Lục Giả đến, truyền ý trẫm cho vương; vương cũng nhận lấy, đừng gây tai họa cướp phá nữa. Năm mươi tấm áo bông hạng trên, ba mươi tấm hạng giữa, gửi vương. Xin vương nghe nhạc, khuây lo, thăm hỏi nước láng giềng.

Thư Nam Việt vương Triệu Đà dâng Hán Văn Đế

Đầu mục lớn man di, lão thần Đà, liều chết hai lạy dâng thư lên hoàng đế bệ hạ: già này vốn là quan lại cũ đất Việt. Cao Hoàng đế may ban ấn cho thần Đà, phong Nam Việt vương; Hiếu Huệ Hoàng đế vì nghĩa không nỡ dứt, ban cho già này rất hậu.

Cao Hậu cầm việc, phân biệt đối xử với man di, ra lệnh: không cho Việt vàng sắt, nông cụ, ngựa trâu dê. Già này ở chốn hẻo lánh, ngựa trâu dê ngày càng già; tế tự mình không giữ nổi, mang tội chết; sai sứ cả thảy ba lần dâng thư tạ tội, cuối cùng không ai về. Lại nghe phong thanh mồ cha mẹ đã bị đào phá, anh em họ hàng đã bị xử giết. Quan lại bàn nhau: nay trong thì không đứng nổi với Hán, ngoài thì không lấy gì mà tự tôn, tự khác biệt. Nên đổi hiệu xưng đế, tự làm đế trong nước mình, không hại thiên hạ. Cao Hoàng hậu nghe tin giận dữ, xóa sổ Nam Việt, cắt đứt sứ thần, không cho đi lại. Già này riêng ngờ vua Trường Sa gièm pha thần, nên đưa quân đánh biên giới ông ta.

Già này ở đất Việt bốn mươi chín năm, nay đã bế cháu. Ấy vậy sớm dậy khuya ngủ, nằm không yên chiếu, ăn không ngon miệng, vì không được theo về nhà Hán. Nay bệ hạ thương xót, phục hiệu cũ, thông sứ như xưa; già này chết rồi xương cũng không mục, xin đổi hiệu, không dám xưng đế nữa.

Giờ hãy phân tích hai bức thư ấy.

Bức thư Hán Văn Đế gửi Nam Việt vương Triệu Đà, xét về văn chương, nhìn kỹ thuật viết, có thể đoán: có lẽ không phải tay "chánh văn phòng" viết hộ, mà chính Hán Văn Đế tự tay viết; thế cũng tỏ lòng thành của ông.

Xét kỹ chữ nghĩa hơn. Đoạn **"Hoàng đế kính vấn Nam Việt vương thậm khổ tâm lao ý, … bất đắc bất lập, kim tức vị"** (Hoàng đế kính hỏi Nam Việt vương đã cực lòng cực sức… không thể không lên ngôi, nay đã nhận ngôi): ngay câu mở "thậm khổ tâm lao ý" đã có gai. Ông hỏi thăm Nam Việt vương: "Ông phải tốn tâm tốn sức, mệt quá rồi." Lại nói mình chẳng có gì ghê gớm, chẳng qua là con vợ lẽ của cha mình, Lưu Bang, tức Hán Cao Tổ; xưa nay bị người coi thường, gửi ra biên ải phương bắc, đường xa, giao thông càng bất tiện; **"úng tế phác ngu"** (bị che khuất, chất phác ngu tối): lúc ấy kiến thức không đủ lại ngu, nên xin lỗi, bình thường không gửi thư thăm. Chỉ một câu ấy, đã kéo được Triệu Đà về phía mình. Nếu viết thành thư nói thường kiểu nay, đại ý là: "Bác Triệu, bác khỏe không? Bác cực lắm nhỉ! Đau đầu lắm phải không? Cháu chẳng có gì ghê gớm, nhưng họ cứ bắt cháu ngồi cái ghế hoàng đế này, bắt không ngồi không được; nay cháu đã lên ngôi rồi. Trước ít khi gửi quà bác, giờ gửi một cái giăm bông, cố ý sai người đại diện cháu đến thăm bác." Đại khái thế.

Lại xem đoạn hai và đoạn ba, chú ý hai đoạn **"Nãi giả văn vương di tướng quân Long Lự hầu thư… trẫm bất nhẫn vi dã"** (Gần đây nghe vương gửi thư cho tướng quân Long Lự hầu… trẫm không nỡ làm vậy).

Ông nói trước: nay ta đã làm hoàng đế, biết ông từng gửi thư cho tướng quân Long Lự hầu; vì ông cùng cha ta nổi dậy rồi rời quê, nay không rõ tình hình gia quyến và anh em cùng họ còn ở quê phương bắc, nên viết thư nhờ liên lạc; đồng thời muốn triều đình trung ương cách chức hai viên tư lệnh biên phòng phía Trường Sa, Hồ Nam. Tướng quân Long Lự hầu đã tâu thư của ông; ta đã chấp thuận yêu cầu, điều động một trong hai tướng ông xin đổi; gia quyến và anh em cùng họ của ông ở phương bắc, ta cũng đã phái quân bảo vệ tử tế; mồ tổ tiên ông, đã sai người sửa sang.

Đoạn nhỏ ấy, bề ngoài là lời ấm áp, vỗ về thành thật. Kỳ thực cũng như nói: "Ông đừng động đậy. Không thì ta có thể diệt sạch nhà cửa họ hàng ông, cả mồ tổ cũng đào được." Trước hãy ra một đòn dằn mặt. Lời ấy không viết rõ, nhưng giữa dòng vẫn hiện; Triệu Đà cảm được.

Rồi lại nói thiệt hơn. Đoạn ba bảo: ông đưa quân ra biên giới, gây tai họa cướp phá không dứt; người vùng Trường Sa phía biên nam bị ông quấy khổ sở hết sức; ngay vùng đông nam, vùng ruột của ông như Quảng Đông, Quảng Tây, dân chẳng cũng khổ vì ông gây chiến hay sao? Chiến tranh có lợi gì cho ông? Kết cục chỉ là **"đa sát sĩ tốt, thương lương tướng lại"** (giết nhiều lính, thương tổn tướng giỏi); một trận đánh xong, mất biết bao cán bộ quân sự giỏi ông tự dày công vun trồng; quân chết lại không kể xiết. Thế là nhiều người: chồng chết, vợ hóa góa; cha chết, con hóa côi; con chết, cha mẹ không nơi nương. Cuối cùng có khi nước ông cũng tan. Chuyện thảm khốc như thế, về phần ta thì không nỡ làm.

Đoạn bốn, ông tiến thêm bước: mượn lời quan nói, đứng trên chỗ lợi hại của mình, tỏ lòng rộng rãi; và trong lời không trách, lại trách Triệu Đà tự tiện xưng đế và bất nhân. Nên nói: ta vốn muốn chỉnh đốn việc trong nước, đem đất biên giới cài răng lược với ông mà đo lại, quy hoạch lại; ta hỏi đại thần coi việc trong nước, họ tâu: khi Cao Tổ còn ngôi, đã phong đất phía nam Hồ Nam cho ông cai. Đó là chế độ ông già để lại, không được tùy tiện đổi. Theo ý họ, Trung Quốc vốn của nhà Lưu ta; dù sáp nhập đất ông đang cai, với ta cũng chẳng thêm bao nhiêu; vậy vùng phía nam sông Tương, sông Cám, ta vẫn ủy ông cai trị. Nhưng ông cũng tự xưng hoàng đế, khiến một nước hai nguyên thủ: thế là ông cố ý làm phản đấy! Thế thì không đúng. Ông chỉ biết nói tranh giành; ai lại không biết tranh giành? Ông lại không hiểu triết lý chính trị cao hơn: nhân mà khiêm nhường. Mong ông bỏ ý cũ, nghe triều đình trung ương cho tử tế; từ hôm nay, khôi phục quan hệ chính trị như trước, cai vùng của ông cho yên.

Hán Văn Đế cũng biết dùng người. Sứ giả đưa thư, ông chọn Lục Giả: ông già ấy từ đời Hán Cao Tổ chuyên làm sứ đặc biệt, lần nào cũng xong việc. Lần đầu thuyết phục Triệu Đà chính là ông. Hán Văn Đế vì thế viết cuối thư: ta sai bạn cũ của ông, Lục Giả, đến nói ý ta; mong ông nhận ngay, đừng làm phản. Lại gửi đồ quý nhất Trung Nguyên, muốn ông **"thính nhạc ngu ưu, tồn vấn lân quốc"** (nghe nhạc khuây lo, thăm hỏi nước láng giềng). Tám chữ kết ấy, về phép làm văn, đúng ứng với năm chữ mở đầu "thậm khổ tâm lao ý", đầu đuôi nối nhau, tinh đến từng tơ. Mà ý trong lại càng dày: nghĩa là ông cũng lớn tuổi rồi, đừng tham vọng ngùn ngụt, muốn làm hoàng đế gì. Người lớn tuổi, ngày ngày chơi chơi, nghe nhạc, uống cà phê, hoặc tập thái cực quyền, ngắm núi ngắm nước, đánh ván cờ, thậm chí đánh tám vòng mạt chược "vệ sinh" cũng chẳng sao; không thì đi thăm nước láng giềng, làm chút việc hòa hiếu với láng giềng cũng được. An phận như thế sướng biết bao, cần gì tự tìm phiền!

Đọc suốt cả thư, thật là một bức thư lợi hại: từng chữ khiêm nhường, mà từng chữ sắc như lưỡi. Nam Việt vương Triệu Đà đọc xong, trong bụng tự tính ngay: nay Lưu Bang có đứa con lợi hại thế này lên ngôi, mình kém xa, xem ra thiên hạ không thể về tay mình; chỉ còn mau xem gió mà lái, lùi bước, rút quân.

Triệu Đà hơn Hán Văn Đế vài chục tuổi, đã tự xưng hoàng đế. Phen này lại tự bỏ hiệu hoàng đế, viết thư trả lời Hán Văn Đế; mà cũng dùng phép Đạo gia. Cứ xem nguyên văn thư trả lời của Triệu Đà thì biết.

Ngay đầu, đối với lời khiêm của Hán Văn Đế tự xưng chỉ là con nhỏ vợ lẽ Lưu Bang, chẳng có gì ghê gớm, ông nói: "Tôi cũng chẳng có gì ghê gớm, chẳng qua là một đầu mục trong đám man di, lại là ông già nát hết thời; tôi đáng chết, xin lỗi ngài, xin hai lạy. Không phải tôi làm phản, mà là bà cả của ngài, Lã Hậu, thế này thế nọ không phải, mới ép tôi làm."

Xem ông Triệu Đà này, miệng lưỡi thật lanh: nhẹ một cái gạt, đẩy tội phản nghịch tày trời, đủ giết cả chín họ, sang một bà già đã chết; mà bà già ấy, trong lòng Hán Văn Đế cũng ghét cay ghét đắng. Lời Triệu Đà nói cũng đúng sự thật.

Rồi ông nói: **"Lão phu xử Việt tứ thập cửu niên"** (già này ở đất Việt bốn mươi chín năm), ngụ ý: tôi nổi dậy cùng lúc với cha ngài, Lưu Bang, nay cai hai Quảng đã bốn mươi chín năm. **"Kim bão tôn yên"** (nay đã bế cháu): cháu tôi cũng lớn rồi. Ấy vậy tuổi này vẫn phải luyện quân, sửa soạn đánh, **"túc hưng dạ mị"** (sớm dậy khuya ngủ): ngủ cũng không yên, ăn cũng không ngon, cực thật. Đó đều vì bà cả nhà ngài làm những chuyện ấy, khiến tôi không đường theo về trung ương, bất đắc dĩ mới làm vậy, không phải tôi muốn làm phản. Nay đại hoàng đế ngài tốt thế, lại thương ông già này, gửi nhiều đồ quý, phục ngôi vương cho tôi; thế thì tôi yên tâm, tin chết rồi cũng không bị giã xương rắc tro; tôi tất nhiên nghe lời, tuyệt đối không tự xưng hoàng đế.

Hai bức thư qua lại như thế, dẹp một trận đại chiến đáng sợ: đó chính là đạo Hoàng Lão. Nên người thấu đạo Hoàng Lão, dùng cho khéo, có thể không nhuốm máu lưỡi gươm mà thiên hạ thái bình.

Kỳ thực, Triệu Đà khi viết về triều đình trung ương, tuyệt đối không xưng vương, chỉ xưng già này là đầu mục man di; trong cõi mình, vẫn làm hoàng đế, vẫn cứ xưng đế. Hán Văn Đế cũng không phải không biết, chỉ mở một mắt, nhắm một mắt; ai cũng qua được thì tạm tính vậy. Vì từ Xuân Thu Chiến Quốc, khoảng năm trăm năm loạn lạc, cả nước dân nghèo của hết; không chỉ của cải sạch, nhân tài cũng không còn. Lúc ấy việc trọng nhất là gây lại sức sống cho nước. Nhưng không phải ngày một ngày hai xong; nên việc Triệu Đà đóng cửa tự giữ ở phương nam, tạm không hỏi tới.

Chẳng được vài năm sau, Hung Nô phương bắc làm loạn; Hán Văn Đế cũng viết một bức thư còn ngắn hơn thư gửi Triệu Đà, chỉ nói với thủ lĩnh Hung Nô vài câu, đã hóa giải một trận chiến. Vậy từ hai mươi ba năm Hán Văn Đế làm vua, con ông là Cảnh Đế Lưu Khải làm vua mười sáu năm, đến buổi đầu cháu ông, Vũ Đế Lưu Triệt: cộng năm sáu mươi năm, nước nhà được yên, làm nên nền văn hóa rực rỡ đời Hán, đặt nền sâu cho bốn trăm năm nhà Hán.

Về tu dưỡng đạo đức, Hán Văn Đế dĩ nhiên học Lão Tử, làm đạo Hoàng Lão. Ví như: lên ngôi rồi, một chiếc áo ông mặc suốt hai mươi năm, vá rồi lại vá, không đổi cái mới. Không phải làm bộ, hoàn toàn từ tu dưỡng đạo đức: thực hành ba bảo bối của Lão Tử, "từ", "kiệm", "bất cảm vi thiên hạ tiên" (từ ái, tiết kiệm, không dám đứng trước thiên hạ). Rồi lại hết sức giảm hình phạt, đổi luật pháp và chế độ xã hội, về tài chính giảm thuế khóa: mọi đổi thay, khoan dung đến cùng. Sử chép: Hán Văn Đế làm hoàng đế hơn hai mươi năm, trong ngục gần như không có phạm nhân. Đó là cảnh tượng thịnh trị Văn-Cảnh nổi tiếng.

Lão Tử chịu lép

Dĩ nhiên, trong sử, đem tư tưởng Đạo gia ra dùng để dẹp loạn, lập lại trật tự, không chỉ có phen Hán Văn Đế ấy; các triều khác cũng rất nhiều. Đó là việc làm liên quan đến đại cục trị nước.

Về tu dưỡng bản thân, lấy đạo Hoàng Lão mà đứng vững trong đời và xử thế, có một nguyên tắc lớn, ấy là: **"Công thành, danh toại, thân thoái, thiên chi đạo dã"** (Việc thành, danh đạt, thân lui, đó là đạo của trời). Từ đây lại nhớ

đến một nguyên tắc lớn khác của Đạo gia; nhưng nguyên tắc kia, nếu bàn lý thuyết, hoặc viết thành bài viết học thuật, thì nhiều quá, chỗ này không nói hết được. Giờ chỉ kể chuyện một người để làm rõ.

Trước đã nói, sách Lão Tử chỉ năm nghìn chữ, mà sách đời sau nghiên cứu Lão Tử có lẽ hàng chục triệu chữ. Nếu Lão Tử nay còn, xem những áng văn dài mênh mông của hậu sinh, râu ông vốn bạc từ lúc lọt lòng, có khi cười đến hóa đen. Dĩ nhiên kể cả cuốn *Lão Tử tha thuyết* của tôi đây.

Ấy vậy nhà thơ lớn nổi tiếng đời Đường, Bạch Cư Dị, từng viết một bài thất ngôn tuyệt cú, phê Lão Tử rất gắt, lại lấy tay Lão Tử tát miệng Lão Tử. Ông dùng hai mươi tám chữ mà phê:

Ngôn giả bất như tri giả mặc, thử ngữ ngô văn ư Lão Quân.
Kẻ nói không bằng người biết mà im; lời ấy ta nghe từ Lão Quân.

Nhược đạo Lão Quân thị tri giả, duyên hà tự trước ngũ thiên văn?
Nếu bảo Lão Quân là người biết, sao tự viết năm nghìn chữ?

Trong *Đạo Đức Kinh*, Lão Tử nói: người có trí tuệ ắt ít nói, im lặng. Như tôi đây lại giảng sách về Lão Tử: khỏi hỏi cũng biết là tuyệt đối không có học, không có trí, chỉ nói bừa. **"Ngôn giả bất như tri giả mặc"** (kẻ nói không bằng người biết mà im): ý ấy chính Lão Tử nói. Bạch Cư Dị bảo: Lão Tử đã nói vậy, bản thân ông ắt trí tuệ rất cao; vậy sao ông vẫn tự viết từng ấy chữ? Trên đời, tát Lão Tử một cái tát ngon nhất, chính là bài thơ này của Bạch Cư Dị. Dù Lão Tử lúc ấy còn, tai nghe mắt thấy, cũng chỉ giả điếc, ha hả một tiếng cười, không cãi được.

Cả đời Bạch Cư Dị, học rộng, danh lớn, quan cũng cao; để tiếng cho đời sau, ít ai sánh kịp. Ấy vậy ông vẫn thường muốn lui khỏi chính trường, thong dong chốn rừng suối. Không như Tô Đông Pha từng chịu rất nhiều khổ. Ông hưởng phúc cả đời, già rồi vẫn hưởng phúc, chính vì ông học đạo. Điều ấy thấy được từ một bài thất ngôn luật ông viết sau khi đọc *Lão Tử*. Nguyên thơ:

Cát hung họa phúc hữu lai do, đãn yếu thâm tri bất yếu ưu.
Cát hung họa phúc đều có duyên cớ; chỉ cần biết sâu, đừng lo.

Chỉ kiến hỏa quang thiêu nhuận ốc, bất văn phong lãng phú hư chu.
Chỉ thấy lửa đốt nhà giàu tô điểm; chẳng nghe sóng lật thuyền không.

Danh vi công khí vô đa thủ, lợi thị thân tai hợp thiểu cầu.
Danh là của chung, đừng lấy nhiều; lợi là tai cho thân, nên cầu ít.

Tuy dị bào qua thùy bất thực? Đại đô thực túc tảo nghỉ hưu.
Dù khác quả bầu, ai chẳng ăn? Ăn đủ rồi thì nên thôi sớm.

Ông nói: những gì đời người gặp, thành với bại, lành với dữ, họa với phúc, đều có nguyên nhân của nó. Người thật có trí, phải biết nguyên nhân ấy, không cần phiền, không cần lo.

Hai câu thứ ba, thứ tư lấy điển **"phú hư chu"** (lật thuyền không) của Trang Tử. Ông nói: ta chỉ thấy nhà giàu trên đời, nhiều của, tô điểm nhà cửa lộng lẫy, vẫn bị lửa lớn đốt cháy; chưa từng thấy thuyền không trên nước bị sóng gió nuốt. Thuyền có hàng, gặp sóng mới chìm, và chở càng nặng, nguy chìm càng lớn. Thuyền không vốn rỗng, dù lật vẫn nổi trên mặt nước. Đó nói tu dưỡng con người: nên không cầu, không nắm, càng rỗng càng tốt. Tăng Tử nói: **"Phú nhuận ốc, đức nhuận thân"** (Của làm đẹp nhà, đức làm đẹp người).

Hai câu thứ năm, thứ sáu chỉ rõ hơn: trên đời hai thứ "danh" và "lợi", không nên tham cầu kẻo rước họa. Ấy vậy thanh niên nay cứ đua nhau gây tiếng. Phải biết: "danh" là của chung thiên hạ. Mạnh Tử cũng nói: **"Hữu thiên tước giả, hữu nhân tước giả"** (Có tước trời, có tước người). "Thiên tước" chính là danh tiếng. Nghiên cứu kỹ: bất kể danh nào, nếu quá cao, không khớp thực tế, thì với đời người và phúc của kẻ ấy sẽ thành chướng ngại rất lớn. Như tiếng khen đầy thiên hạ thì tiếng chê cũng theo ngay, chính là lẽ ấy.

Ví như ai cũng biết Hán Cao Tổ tên Lưu Bang, mà Hán Văn Đế của "thịnh trị Văn-Cảnh" nổi tiếng đời Hán tên Lưu Hằng, Hán Cảnh Đế tên Lưu Khải, người biết đã ít hơn. Đủ thấy "danh" cũng chỉ là hư danh một thời thôi.

Nói đến lợi, tiêu biểu nhất, ai cũng cầu, dĩ nhiên là tiền: ai cũng muốn giàu, tiền càng nhiều càng hay. Trừ khi tính mạng treo sợi tóc, mới chịu bớt của để cứu mạng, kéo dài sự sống; ấy vậy khi đã cứu được, thọ có thể kéo dài, lại tham của bỏ mạng, gọi là người chết vì tiền. Bạch Cư Dị nói **"lợi thị thân tai"** (lợi là tai cho thân). Người càng nhiều tiền, phiền càng lớn; tiền với phiền như hình với bóng, lớn nhỏ đi đôi. Học giả nổi tiếng đời Thanh, Triệu Dực, có câu thơ: **"Mỹ nhân tuyệt sắc nguyên yêu vật, loạn thế đa tài thị họa thai"** (Người đẹp tuyệt sắc vốn là yêu tinh; loạn thế nhiều của chính là mầm họa). "Mỹ nhân" ông nói chưa hẳn là phụ nữ; đời cũng có nam đẹp. Người xưa lại nói: **"Nhất gia bão noãn thiên gia oán, bán thế công danh bách thế khiên"** (Một nhà no ấm, nghìn nhà oán; nửa đời công danh, trăm đời mang tội). Đó đều là cảnh đời khi đã có nhiều tiền. Nhà giàu, cả nhà no ấm, mặc ấm, gấm vóc, ăn ngon; ấy vậy bên cạnh đã có nghìn nhà, liếc mắt nhìn mình, trong mắt có ham, có ghen, có oán, có khinh, đến cả hận. Đó là thói người. Còn nhớ vài chục năm trước, xe hơi mới vào Trung Quốc chưa lâu, phóng trên đường đất, người ngồi xe khá đắc ý, nhưng làm bụi bay mù; ngày mưa bùn văng tứ phía, người đi gần bị vấy đầy. Thế là cả người đứng nhìn bên đường cũng liếc nghiêng, trong bụng nguyền rủa những lời bẩn nhất, độc nhất.

Nên câu kết bài thơ Bạch Cư Dị nói: **"Tuy dị bào qua thùy bất thực? Đại đô thực túc tảo nghi hưu"** (Dù khác quả bầu, ai chẳng ăn? Ăn đủ rồi thì nên thôi sớm). Trên đời ai chẳng ham danh ham lợi? Phật giáo khuyên người bỏ hẳn danh lợi: điều ấy làm không nổi. Lão Tử thì khác, ông chỉ dạy người **"thiểu tư quả dục"** (ít lòng riêng, ít ham muốn): ít đi một chút là được. Nên Bạch Cư Dị nói: danh lợi như quả bầu, ngon thật; bảo người đừng ăn hẳn, làm không nổi, nhưng ăn rồi rất có thể sổ bụng. Thấu đạo Hoàng Lão, thì "đại đô thực túc tảo nghi hưu": đừng ăn quá. Đó chính là nguyên tắc cơ bản của đạo Lão Tử trên mặt tu dưỡng bản thân.

Muốn nghiên cứu nguyên tắc này của đạo Lão Tử, tốt nhất hãy đọc trước thiên *Thiên Hạ* và thiên *Nhượng Vương* của Trang Tử.

Đạo Lão Trang, khi đem ra dùng, là mưu lược lớn nhất cũng hay nhất của đế vương. Trang Tử trong thiên *Ứng Đế Vương* nói: **"Đế vương chi công, thánh nhân chi dư sự"** (Công lao đế vương, với thánh nhân chỉ là việc thừa). Người đã có Đạo, với thuật lãnh đạo đế vương, học mưu lược đế vương, với ông ấy chẳng qua việc nhỏ, làm chơi. Nói cách khác, người học đạo nếu chỉ cầu làm thầy đế vương, chí ở chỗ hiểu mưu lược đế vương, thì đó là hạng dưới.

Ông lại nói trong thiên *Nhượng Vương*: **"Tuy phú quý, bất dĩ dưỡng thương thân; tuy bần tiện, bất dĩ lợi lụy hình"** (Dù giàu sang, đừng vì nuôi thân mà hại thân; dù nghèo hèn, đừng vì lợi mà làm nặng hình hài). Đó chính là nguyên tắc lớn của đạo Lão Trang về đời người. Người hiểu đạo Lão Trang thì biết: giàu sang là chuyện sướng, nhưng vì thế mà đắc ý, sẽ thành chuyện ngắn đời; đắc ý quá thì rút tuổi thọ, dữ hơn cả cúm, gần như hết thuốc chữa. Nên khi đang giàu sang, đừng vì nuôi thân mà hại mình. Ngược lại, trong nghèo hèn, **"bất dĩ lợi lụy hình"** (đừng vì lợi mà làm nặng hình hài). Người nghèo phải kiếm tiền nuôi sống, nhưng cũng không được tham quá. Gọi là người chết vì tiền: tham quá, mệt quá, cũng hại sức khỏe, nguy đến tính mạng.

Đó là nguyên tắc cơ bản của Lão Trang; phải hiểu nguyên tắc ấy đã, rồi mới nghiên cứu sâu được đạo Lão Trang.

Tăng Quốc Phiên và Đồ Dương Thuyết

Chỗ này có thể khép một đoạn nhỏ, rút một kết ngắn.

Nước ta từ sau Đường, Tống, lấy triết học ba nhà Nho, Phật, Đạo làm dòng chính văn hóa. Trong ba nhà ấy, Phật gia nghiêng về xuất thế; tuy đạo Đại thừa Phật gia cũng chủ trương vào đời, cứu chúng sinh, nhưng người xuất gia học đạo, tu đạo, bản thân vẫn nghiêng về xuất thế. Học vấn Phật gia lại từ tâm lý mà vào, rồi bước tới đạo siêu hình. Học vấn Nho gia, lấy học Khổng Mạnh làm chỗ về, thì nghiêng về nhập thế; như *Đại Học*, *Trung Dung*, cũng có một phần tư tưởng Nho, nhưng rốt cuộc vẫn nghiêng nhập thế, từ luân lý mà vào, rồi bước tới đạo siêu hình. Học vấn Đạo gia, đạo Lão Trang còn hay hơn: có thể xuất thế, cũng có thể nhập thế; ra hay vào, mặc ý. Như một người đứng dạng chân trên ngưỡng cửa: một chân trong, một chân ngoài, để người đoán sắp vào hay sắp ra, mà người khác mãi không đoán được. Nên học vấn Đạo gia vừa xuất thế vừa nhập thế, ra được vào được, ra nổi vào nổi. Trên đường dưỡng sinh của bản thân, cũng có cái hay như thế.

Hiểu những tinh thần ấy rồi, muốn nắm phép dùng của Lão Trang, phát huy triết lý Lão Trang trên mặt "dùng", ắt phải đọc trước thiên *Thiên Hạ* và thiên *Nhượng Vương* của Trang Tử. Hãy lấy cách làm của một nhân vật trong sử mà nói, có lẽ hơn lý thuyết, để mọi người thấm hơn.

Danh thần trung hưng đời Thanh, Tăng Quốc Phiên, ai cũng biết: ông là nhà chính trị lớn trong sử cận đại, không cần giới thiệu nhiều thân thế và công lao. Đời sau nói ông lập công dựng nghiệp, cả thảy mười ba món nghề, nhưng mười một món mưu lược lớn không truyền lại, chỉ để lại cho đời sau hai món. Một món là viết cuốn *Băng Giám*, thuật xem tướng người (thầy ông dạy ông, ông lại truyền cho đời sau). Từ ông trở đi, nhiều người lãnh đạo chính trị, quân sự, đến cả kinh tế, dùng thuật xem tướng trong *Băng Giám* ấy mà chọn người dùng người, quả có thu được ít nhiều hiệu quả.

Món nghề kia chính là nhật ký và thư nhà ông. Có người hỏi: nhật ký và thư nhà Tăng Quốc Phiên chẳng qua bảo người nhà làm chuồng gà cho tử tế, dọn vườn rau thế nào, bảo sắp về nhà cày ruộng, v.v.; những chuyện vụn ấy, nông dân già, người làm vườn già cũng biết, sao gọi là nghề lớn, đáng để lại cho đời sau?

Đó chỉ là nhìn bề ngoài, nông cạn. Nếu phân tích thêm công lao anh em Tăng Quốc Phiên, Tăng Quốc Thuyên lúc ấy gây nên, hoàn cảnh họ đứng, bối cảnh chính trị thời đại, đường đi của lịch sử, sẽ hiểu: Tăng Quốc Phiên lải nhải những chuyện vụn ấy, kỳ thực đang dùng đạo Lão Trang rất sâu.

Anh em họ Tăng, qua chín năm chiến tranh gian khổ, cuối cùng đánh gục Thái Bình Thiên Quốc từng chiếm nửa nước, lay kinh thành, suýt đoạt được quyền nước. "Công trạng" gây nên, từ khi quân Thanh vào Trung Nguyên đến nay, chưa từng có, đến mức **"công cao át chủ"** (công lớn đến mức vua phải e).

Cảnh "công cao át chủ", có lẽ nhiều người chưa thấm. Thử ví như mở một công ty. Ông chủ tìm được một cán bộ rất giỏi; vì người ấy tinh nhanh, lại chịu khó, nhờ thành tích tốt, từ một nhân viên kinh doanh nhỏ, lần lên tổ trưởng, rồi trưởng phòng, rồi quản lý, mãi đến tổng giám đốc. Đến giai đoạn ấy, mọi việc công ty, nhiều chuyện ông ấy còn hiểu và thạo hơn chủ; được lòng cấp dưới lại rất tốt. Thế thì ông chủ bắt đầu lo. Đó là "công cao át chủ", địa vị đã nguy. Trong chính trị, một đại thần công cao át chủ, nguy hiểm đi đôi với vinh quang: vinh dự, huân chương càng nhiều, nguy càng lớn. Không chỉ lúc nào cũng có thể mất quyền thế của cải, đến tính mạng cũng thường sớm tối không giữ nổi.

Nhà Thanh lấy mật vụ sai khiến đại thần và quan lại các cấp; Ung Chính dùng cách ấy nổi tiếng nhất và cũng hiệu quả nhất; các đời vua sau đều không bỏ. Từ Hy thái hậu một người đàn bà mà chuyên quyền, dùng càng nhiều càng dữ. Nên nhật ký và thư nhà Tăng Quốc Phiên, viết những chuyện chuồng gà, luống rau vụn ấy, nói là cho người nhà con cháu xem, chi bằng nói là cho Từ Hy thái hậu xem, mong trong vô hình gỡ mối ngờ của chủ, cho rằng mình chẳng qua một bác quê chỉ lo ruộng vườn nhà cửa, để giữ cái đầu mà thôi.

Lại từ một bài thơ Tăng Quốc Phiên gửi em Quốc Thuyên, cũng thấy rõ ông hiểu tư tưởng Lão Trang rất sâu, dùng đạo Lão Trang rất linh. Bài thơ rằng:

Tả liệt chung minh hữu báng thư, nhân gian tùy xứ hữu thừa trừ.
Bên trái lời khen ghi công, bên phải thư gièm; nhân gian chỗ nào cũng có hơn thiệt.

Đê đầu nhất bái Đồ Dương Thuyết, vạn sự phù vân quá thái hư.
Cúi đầu một lạy Đồ Dương Thuyết; muôn sự như mây nổi qua khoảng không.

Điển "Đồ Dương Thuyết" trong thơ ra từ thiên *Nhượng Vương* của Trang Tử. Đồ Dương Thuyết vốn là một người bán thịt dê ngoài chợ thời Sở Chiêu vương; ai cũng gọi ông Đồ Dương Thuyết; kỳ thực là một ẩn sĩ. Chữ 「说」 (thuyết) là chữ cổ, âm xưa thông chữ 「悦」 (duyệt). Lúc ấy, vì Ngũ Viên báo thù cha anh bị giết, giúp nước Ngô đánh Sở, Sở thua, mất nước. Chiêu vương chạy nạn sang nước Tùy. Đồ Dương Thuyết bèn theo Chiêu vương chạy. Trên đường lưu lạc, nhiều việc của Chiêu vương, đến cả ăn ở đi lại hàng ngày, đều ông giúp lo, công rất lớn. Sau Sở lấy lại nước, Chiêu vương sai đại thần hỏi Đồ Dương Thuyết muốn làm quan gì. Đồ Dương Thuyết đáp: vua Sở mất nước cũ, tôi cũng theo đó mất sạp thịt dê; nay vua Sở lấy lại đất, tôi cũng lấy lại sạp dê: thế đã bằng lấy lại tước lộc vốn có, còn cần ban thưởng gì nữa? Chiêu vương lại hạ lệnh, nhất định phải nhận. Đồ Dương Thuyết bèn nói thêm: phen này Sở thua, không phải lỗi tôi, nên chẳng ai bắt tôi nhận tội mà giết; nay lấy lại nước, cũng không phải công tôi, nên cũng không được lĩnh thưởng.

Lời ấy phần nào có gai. Ý ngoài lời là: ngài làm vua mà thua, mới phải chạy. Nay ngài cứu được nước, cũng là sức và phúc của ngài. Nên Sở Chiêu vương nghe đại thần thuật lời ấy, biết người bán dê này không phải người thường, bèn bảo đại thần gọi ông đến gặp. Không ngờ Đồ Dương Thuyết còn khéo hơn. Ông đáp: theo thể chế chính trị nước Sở ta, ắt phải có công rất lớn, đã được thưởng nặng, mới được gặp vua mặt đối mặt. Nay tôi Đồ Dương Thuyết, về văn không có học để giữ nước, về võ cũng không có dũng liều chết đánh giặc. Khi quân Ngô đánh vào kinh đô, tôi chỉ vì sợ chết mà hớt hải chạy, không phải vì trung mà theo vua một đường. Nay vua muốn gọi tôi đến gặp, là việc trái thể chế; tôi không muốn thiên hạ chê cười nước Sở không có pháp luật.

Sở Chiêu vương nghe lý ấy, càng thấy ông chủ sạp dê này không phải hạng tầm thường, bèn sai một đại thần cao hơn: quan tư mã, tên Tử Kỳ, gần như bộ trưởng quốc phòng ngày nay. Dặn Tử Kỳ: ông chủ sạp dê này, địa vị chẳng có gì, nhưng lý ông nói rất cao; nay ngươi đi mời ông ấy, bảo ta muốn mời ông làm Tam công, ngôi cao trong nước. Thử nghĩ: một thống soái ba quân cả nước ra mặt mời, trong đó có ý gì. Ấy vậy Đồ Dương Thuyết vẫn không cắn câu. Ông nói: tôi biết ngôi Tam công, so với một ông chủ sạp dê như tôi, sang hơn không biết bao nhiêu lần; lương trên ghế ấy cao lắm, e bán dê cả đời tôi cũng không kiếm nổi từng ấy. Nhưng tôi sao có thể vì mình tham chức cao lộc dày, để vua tôi mang tiếng xấu thưởng bừa? Tôi vẫn không làm thế được. Xin trả sạp dê cho tôi!

Dĩ nhiên trên thực tế, Sở Chiêu vương lấy lại được nước, nhiều chủ ý không phải đều do ông chủ sạp dê này đưa ra. Về sau ông hết lần này đến lần khác không chịu làm quan, chính là tinh thần Lão Trang "Công thành, danh toại, thân thoái, thiên chi đạo dã": đúng là người thấu lẽ nhất.

Vương Dương Minh và Tăng Quốc Phiên

Tăng Quốc Phiên viết bài thơ ấy, lấy điển tích Đồ Dương Thuyết, là để cảnh cáo em Quốc Thuyên. Ông biết: hoàn cảnh khách quan lúc ấy, nguy cho ông rất lớn. Không chỉ bà cụ trên đầu, Từ Hy thái hậu, rất dữ, khó hầu hạ hết mức, mình ngồi cao không thể không nghĩ đến lúc nguy. Bên ngoài, người bàn về ông, chê ông, nói xấu ông cũng đông. Nhất là khi Tăng Quốc Thuyên đánh vào Nam Kinh, trong cung vua Thái Bình Thiên Quốc, vàng bạc châu báu rất nhiều, đều bị Quốc Thuyên chở đi hết. Chuyện ấy, đến cả bạn chí cốt cùng quê của Tăng Quốc Phiên, Vương Tương Ỷ, cũng bất bình lắm; khi viết *Tương quân chí*, tuy có nhiều lời khen, nhưng chỗ xấu của anh em họ Tăng và của Tương quân, cũng ghi vào. Lúc ấy anh em Tăng Quốc Phiên cũng khổ tâm lắm. Tu dưỡng của Quốc Thuyên, rốt cuộc không bằng anh. Lại có vài thuộc hạ then chốt, với lời chê từ ngoài, đều chịu không nổi, bèn khuyên Tăng Quốc Phiên: sao không lật nhà Thanh, tiến quân lên Bắc Kinh, lấy thiên hạ luôn. Lại từng có người viết tờ giấy đưa ý ấy. Tăng Quốc Phiên xem xong, miệng bảo người ấy: "Ông vất vả quá, mệt rồi, đi ngủ một chút đã." Đuổi người ấy đi, nuốt tờ giấy vào bụng; đến xé vụn bỏ sọt giấy cũng không dám, mong giữ lấy mạng mình.

Đồng thời, quân con em ông huấn luyện ra, cũng đã thành "lính kiêu, tướng ngang". Đánh gục Thái Bình Thiên Quốc rồi, ai cũng có công, ai cũng đắc ý tự mãn, rất dễ kiêu; nên ông lại bảo học trò Lý Hồng Chương, mau huấn luyện Hoài quân, đến thay tay ông, làm dịu cái tự mãn kiêu của Tương quân.

Thực ra, nếu Quốc Thuyên và Tương quân một phen bốc đồng, nửa Trung Quốc đã trong tay; tưởng chỉ bước nữa là lấy được cả non sông gấm vóc. Nhưng thật sự lấy được hay không? Cũng vốn có lẽ không lấy nổi. Nay ta xét kỹ tình thế lúc ấy, quả có lý do không lấy nổi. Rốt cuộc vẫn là Tăng Quốc Phiên giỏi: thà không làm chuyện ấy; nên viết bài thơ như vậy, bảo Quốc Thuyên "cúi đầu một lạy Đồ Dương Thuyết". Ông nói: dù bên trái treo đầy giấy khen của chính phủ trung ương, tức của triều đình, vẫn phải biết lẽ "công cao át chủ", đừng vì thế mà tự mãn kiêu. Bên phải để những hồ sơ gièm pha, mắng nhiếc ta: cũng chẳng có gì ghê gớm, đừng giận. "Nhân gian chỗ nào cũng có hơn thiệt": cõi người vốn như cái cân, đầu này cao thì đầu kia thấp, đầu này thấp thì đầu kia cao, đừng chấp làm gì. "Cúi đầu một lạy Đồ Dương Thuyết": chỉ cần noi tinh thần và cách làm của Đồ Dương Thuyết, học theo vị cao nhân số một trên đời ấy, thì **"vạn sự phù vân quá thái hư"** (muôn sự như mây nổi qua khoảng không). Vinh dự cũng vậy, gièm pha cũng vậy, chẳng qua một áng mây trên trời xanh; chốc lát gió thổi tan, thành chuyện đã qua; vòm trời xanh trong, vẫn trong, vẫn xanh.

Trong sử cận đại, Vương Dương Minh đời Minh dẹp loạn Thần Hào, Tăng Quốc Phiên đời Thanh đánh gục Thái Bình Thiên Quốc, đều thông suốt học Lão Trang, khéo dùng học Lão Trang, nhưng đều theo lối "bên trong dùng Hoàng Lão, bề ngoài khoe Nho gia". Nếu cố nhét họ vào hàng Nho gia, cho rằng họ chỉ biết ngồi đó bàn lý học, ngồi thiền thôi, thì nhìn vậy không lừa người thì cũng tự lừa; không thì thật sự phải **"hối độc Nam Hoa Trang Tử văn"** (hối rằng đã đọc *Nam Hoa*, văn Trang Tử)!

Đó là một trang quan trọng trong sử cận đại Trung Quốc. Hiểu lẽ của sự thật lịch sử ấy rồi, mới nghiên cứu Lão Tử, sẽ dễ nắm tư tưởng triết học của ông hơn. Về mặt dùng, lớn thì dùng cho việc lớn của thiên hạ, của nước nhà; nhỏ thì dùng cho đạo đứng vững trong đời và xử thế của một người; cho đến từ cách làm người thường ngày, bước lên đạo tu dưỡng ở chỗ siêu hình.

Âm nhu không phải âm mưu

Giới học thuật nay, khuynh hướng nghiên cứu *Lão Tử*, gom lại, đại khái chia ba đường:

> *Loại thứ nhất: thuần đi đường nghiên cứu tư tưởng triết học. Người theo hướng ấy, ai có chỗ thấm của người ấy, ai có kiến giải của mình. Đến mức có người lấy triết học Tây phương mà chê Lão Tử, hoặc lấy văn hóa Tây phương mà so với Lão Tử. Đó là loại học thuật.*

Loại thứ hai: đem *Lão Tử* gán gọn vào tu dưỡng bản thân, làm công phu, tức đường luyện đan tu tiên. Loại này từ mấy nghìn năm trước đến nay, tự thành một hệ thống.

Loại thứ ba: xếp *Lão Tử* vào dòng chính của thuật mưu lược; mà theo thói quen, có một quan niệm sai rất nặng: cho rằng thuật mưu lược của Lão Tử là âm mưu, là thuật âm mưu. Thế là hễ nói Lão Trang, liền nghĩ đến mưu lược; hễ nói mưu lược, liền nghĩ Lão Tử là học vấn rất nham hiểm, là chuyện bày âm mưu.

Quan niệm ấy sai rất nặng.

Lão Tử chủ trương dùng âm, dùng nhu. Nhưng đừng quên: nó với văn hóa sẵn có của ta, với nguồn xa đời cổ (hệ thống âm dương ngũ hành, *Kinh Dịch*, các học phái…), cùng một nguồn. Âm với dương là hai mặt một thể; chỉ khác ở chỗ dùng: mặt thuận hay mặt ngược. Dù dùng âm hay dương, đều phải dùng linh. Nói khác: dùng cái còn sống, đừng dùng cái chết cứng. Gọi là dùng âm nhu, tức không dùng cứng mạnh, không miễn cưỡng mà làm. Một việc thành, là thuận thế mà đến. Nên cũng có thể nói: ông dùng đạo thuận, không dùng đạo ngược. Xưa, cách dùng chữ bày nghĩa, thường lấy chữ 阴 (âm) để nói "thuận đạo"; ví như quẻ "Khôn" trong *Chu Dịch*, đứng cho "thuận đạo" của "âm". Nên người đời sau hiểu lầm: học âm nhu của Lão Trang chính là học âm mưu; người học Lão Trang, người dùng học Lão Trang, đều là những tay âm mưu.

Lấy sử mà xem, sử Hán ai cũng quen: như Trần Bình, nhân vật xuất thân Đạo gia, giúp Lưu Bang đặt nền bốn trăm năm nhà Hán. Hán Cao Tổ Lưu Bang có sáu phen quyết định liên quan thành bại, đều lấy chủ ý Trần Bình mà thành công. Nhưng sử ghi: Trần Bình tự nói: **"Ngã đa âm mưu, Đạo gia chi sở cấm, kỳ vô hậu hồ?"** (Ta nhiều âm mưu, Đạo gia cấm điều ấy, e không còn dòng dõi?). Đủ thấy Đạo gia kỵ âm mưu nhất. Nên ông đoán mình sẽ không có con cháu; ít ra phú quý của dòng sau cũng không lâu. Về sau quả đúng vậy. Theo sử đời Hán: con cháu Trần Bình, đến đời cháu nội, cái gọi là công danh phú quý, một nhát cắt đứt, đoạn luôn. Về sau chắt ông, Trần Chưởng, nhờ thân với họ Vệ quyền quý, xin được phong tiếp mà không được.

Từ sự thật lịch sử ấy có thể thấy: Đạo gia không lấy âm mưu làm chỗ chính. Hiểu lầm Đạo gia là tay âm mưu, nhất là hiểu lầm tư tưởng Lão Trang là học âm mưu, là một quan niệm sai lớn nhất. Đó là điều hôm nay nghiên cứu Lão Trang, ắt phải hiểu trước.

Để Lão Tử nguyên như cũ

Việc chia chương mục sách *Lão Tử*, cách xếp câu trong từng chương, chỗ ngắt mỗi câu, là chuyện người ta nghi từ nghìn đời, lại khó đưa ra một lời đáp chắc, không đổi. Vì sách trước Tần-Hán, sang đời Tần-Hán, đều được chỉnh lại. Trước Tần-Hán, giấy, mực, bút, nghiên chưa phổ biến; sách lúc ấy, đến viết trên da bò da dê cũng chưa có, huống chi sách đóng chỉ; phần lớn khắc trên mảnh tre, gọi là thẻ tre; để thì một đống bên này, một đống bên kia, rất bất tiện. Nếu vì dời đi, vì hư hỏng, rồi sau chỉnh lại, khó tránh chương trước sau đảo, chữ sai chữ sót. Muốn chỉnh cho giống nguyên bản, không lệch một ly, thật khó; lại năm tháng xa, khó mà kiểm cho chắc. Ấy vậy cuốn *Lão Tử* này đã được chỉnh khá rồi, lại đã lưu truyền mấy nghìn năm; nay nếu chỉnh lại, dời chương, chẳng những khó, lại chỉ thêm rối cho người nghiên cứu. Thử xem bản *Lão Tử* mọi người đang dùng: từng chương nối rất chặt, xuyên được với nhau, giữa không

chỗ chùng, không chỗ đứt. Chương hai chính là giảng rõ thêm chương một; chương ba lại sát ngay sau chương hai mà tiếp. Cứ thế chương nối chương; nội dung mạch lạc rõ, khí thế kéo dài không đứt.

Với cả sách, tạm chia một khung. Bảy tám chương đầu, từ thể Đạo ở chỗ siêu hình, nói đến hiện tượng việc người và lẽ vật, cùng phép tắc tất yếu; cho ta biết cách làm việc, xử thế, cách làm một đời người trên cõi người, đạo tự xử trên cõi vật. Cuối cùng bảo ta cách tu Đạo. "Tu Đạo" là ý niệm đời sau; ý gốc Lão Tử là khiến đời người tự nhiên khớp với phép tắc trời đất. Đó là hệ thống sách *Lão Tử*.

Năm nghìn chữ Lão Tử qua ải

Hãy xét động cơ Lão Tử viết sách này. Trước đã giới thiệu bài thơ Bạch Cư Dị chọc Lão Tử: bảo Lão Tử chủ trương người đại trí thì không nói, không viết văn. Ấy vậy ông tự viết năm nghìn chữ: rốt cuộc Lão Tử ngu, hay có trí? Bài thơ đọc lên thật đáng ngẫm, không khỏi mỉm một nụ cười hiểu ý.

Mặt khác, trong tài liệu sử sách ghi về Lão Tử, bảo cuốn *Lão Tử* này bị ép mới viết ra.

Nói đến đây, có một giai thoại đáng kể.

Từ xưa có một câu hỏi về Lão Tử: già rồi ông đi đâu? Không biết. Chết ở đâu? Không biết. Tài liệu sử chỉ nói ông vượt sa mạc về tây, qua phía bắc Tân Cương, xuyên sa mạc, sang Tây Vực. Rốt cuộc sang Trung Đông hay Ấn Độ? Không biết. Lúc rời Trung Quốc, có lấy được giấy thông quan không, tức hộ chiếu và giấy xuất nhập cảnh ngày nay, cũng không biết.

Nhưng sử nhắc một nhân vật: quan giữ ải Doãn Hỷ, đại khái như trưởng cửa khẩu hải quan sân bay, bến tàu ngày nay; biết ông già qua ải này là người tu Đạo. Theo *Thần Tiên Truyện*: một hôm, viên giữ ải Hàm Cốc Quan, sáng dậy xem khí. Trung Quốc xưa có một môn xem khí. Ông thấy **"tử khí đông lai"** (khí tía từ phương Đông đến): một luồng khí màu tía, từ đất Trung Quốc phía đông, hướng biên ải phía tây mà tới; nên đoán hôm ấy ắt có thánh nhân qua ải. Trong bụng quyết: nhất định phải cầu Đạo nơi người ấy.

Quả nhiên, một ông già râu tóc trắng hết, cưỡi một con trâu xanh, thong thả bước tới Hàm Cốc Quan. Nhân viên ải đòi giấy thông quan, ông lại không lấy ra được. Phen này đúng cho quan ải một dịp. Ông ta nói đúng nghề: "Không có giấy thông quan, theo luật không được qua ải. Thôi thì, ông nhất định muốn qua, cũng có cách xoay được, nhưng ông cũng phải hiểu 'lệ'." "Lệ" ấy chính là lệ xấu, là đút lót. Lúc ấy Lão Tử hình như đến tiền mua ngựa cũng không có, lấy đâu ra "lệ". May quan ải này, với "lệ" dành cho Lão Tử, cốt không phải tiền, nên bảo: "Chỉ cần ông truyền Đạo cho tôi." Lão Tử hết đường, đành chịu; thế là bị ép viết bộ *Đạo Đức Kinh* năm nghìn chữ ấy, rồi mới được qua ải.

Lão Tử lấy "phong bì trá hình", để lại bộ sách ấy, vượt sa mạc về tây, không biết kết cuộc; mà sách ông lại lưu truyền xuống, đến đời Đường, Đạo gia cực thịnh, Đạo giáo thành quốc giáo. Lúc ấy người Đạo giáo muốn chống Phật giáo, bèn có một tiến sĩ, cũng là tể tướng đời Ngũ Đại, tên Đỗ Quang Đình, dựa nghĩa lý kinh Phật, viết rất nhiều kinh Đạo. (Có thuyết: đời sau, sách không có căn cứ sự thật mà bịa ra, gọi là "đỗ soạn" 杜撰, chính từ đây.) Trong đó có một bộ gọi *Lão Tử hóa Hồ kinh* (kinh nói Lão Tử hóa thành người Hồ), bảo Lão Tử đến Ấn Độ rồi, một cái lột xác, thành Thích Ca Mâu Ni. Trong Phật giáo cũng có vài kinh giả, bảo Khổng Tử Trung Quốc là Văn Thù Bồ Tát lột xác thành. Về tôn giáo, những chuyện kéo qua kéo lại, chuyện bịa thú vị không căn cứ, xưa nay không đếm xuể.

Những lời về bản thân Lão Tử, dù kết luận cuối ra sao, có một sự thật: sống chết ông là **"bất tri sở chung"** (không biết kết cuộc), tra không ra. Nếu theo chuyện thần thoại thượng cổ trong *Thần Tiên Truyện*, thì thọ Lão Tử còn dài đến

chỗ không chết!

Những chuyện thần tiên ấy, ta tạm không bàn. Còn bộ sách ông, thì quả bị trò ép, nhất định phải được Đạo của thầy, nên đành để lại sách. Doãn Hỷ được Lão Tử truyền, tức được *Đạo Đức Kinh* năm nghìn chữ ấy rồi, quả tự mình cũng thành Đạo. Thế là quan cũng không làm, hoặc đến cái bàn giao cũng không làm, treo mũ từ quan mà đi, cũng không biết kết cuộc.

Đạo giáo truyền vậy: Lão Tử truyền cho Quan Doãn Tử, rồi truyền xuống, tiếp là Hồ Tử, Liệt Tử, Trang Tử. Truyền một mạch xuống, đến đời Đường, một cái lột xác thành quốc giáo; sách *Lão Tử* cũng thành đầu trong ba kinh của Đạo giáo. Ba kinh Đạo giáo là ba bộ kinh chính của Đạo giáo, gồm: *Lão Tử* đổi tên thành *Đạo Đức Kinh*, *Trang Tử* đổi tên thành *Nam Hoa Kinh*, và *Liệt Tử* đổi tên thành *Xung Hư Kinh*.

Gần đây, vài thứ thượng cổ được đào lên, như *Lão Tử* viết trên lụa, v.v. Từ những tài liệu ấy, càng thấy hệ thống tư tưởng học thuyết Lão Tử là nối hệ thống văn hóa từ Ân-Thương trở về trước; cũng chứng minh lời người xưa nói, không nói dối, là thật.

Thượng Kinh · Chương 1

> *Hai thiên thượng hạ của Lão Tử, nối suốt lại: Thượng kinh nói "Đạo"; gượng khoanh một phạm vi, là nói "thể của Đạo", nói gốc của Đạo. Hạ kinh nói "Đức"; Đức là nói chỗ dùng. Văn học cổ giải "Đức" là "được", như cầm được một thứ trong tay, nên bảo* ***"Đức giả đắc dã"*** *(Đức tức là được). Nói theo chữ nay, ấy là thành quả, công hiệu.*

Đạo khả đạo, phi thường đạo.
Đạo mà có thể nói ra, chẳng phải Đạo thường hằng.

Danh khả danh, phi thường danh.
Tên mà có thể đặt ra, chẳng phải tên thường hằng.

Vô, danh thiên địa chi thủy.
Cái "Không", là tên gọi sự khởi đầu của trời đất.

Hữu, danh vạn vật chi mẫu.
Cái "Có", là tên gọi mẹ của vạn vật.

Cố thường vô, dục dĩ quan kỳ diệu.
Cho nên thường giữ ở cái Không, để quan sát chỗ huyền diệu của nó.

Thường hữu, dục dĩ quan kỳ kiếu.
Thường giữ ở cái Có, để quan sát chỗ biên tế của nó.

Thử lưỡng giả, đồng xuất nhi dị danh,
Hai điều này cùng xuất phát mà khác tên,

đồng vị chi huyền.
cùng gọi là huyền.

Huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi môn.
Huyền rồi lại huyền, cửa của muôn điều huyền diệu.

Ngay chương đầu, Lão Tử đưa ra hai khái niệm then chốt của *Đạo Đức Kinh*: "Đạo" và "danh". Hai chữ này xuyên suốt mạch tám mươi mốt chương, và cũng chính là chỗ tranh cãi không dứt của học giới nghiên cứu Lão học từ nghìn xưa đến nay.

Đâu đâu cũng là Đạo

Nay ta cũng xin chen vào cho vui, giảng Lão Tử. Trước hết đừng sợ Lão Tử cười rụng mất hàng lông mày dài; lại xin lỗi hết lời các vị nghiên cứu Lão Tử: kẻ ngoài nghề xưng nói chuyện trong nghề, chen cho đủ số, chẳng lấy gì làm bằng. Nhưng vẫn phải nói rõ hai chữ 道 (đạo) và 天 (thiên) trong văn hóa truyền thống trước đã, rồi mới bắt đầu được.

Đọc sách Trung Quốc, nhận chữ Trung Quốc, dù thời đại biến đổi thế nào, với sáu phép tạo chữ Hán (chữ tượng hình, chữ chỉ sự, chữ hội ý, chữ hình thanh, chữ chuyển chú, chữ giả tá)[1] vẫn phải để ý. Ít ra, đọc sách cổ viết theo

phép văn chữ xưa, cần có hiểu biết thường thức về sáu phép ấy trong *Thuyết Văn*.

1. NDLR. Sáu phép tạo chữ: chữ tượng hình là vẽ hình sự vật; chữ chỉ sự là lấy nét mà trỏ ý; chữ hội ý là ghép ý thành chữ; chữ hình thanh là một bên nghĩa, một bên âm; chữ chuyển chú là hai chữ cùng gốc, giải nghĩa cho nhau; chữ giả tá là mượn chữ đồng âm để viết ý khác.

Trong sách cổ, chữ 道 (đạo) và 天 (thiên) gặp đâu cũng thấy. Nhưng vì chữ đời thượng cổ lấy sự giản lược làm nguyên tắc, nên một chữ Hán vuông vức đã chứa trọn một ý niệm hoàn chỉnh trong ý thức và tư tưởng của người ta; có khi chỉ một chữ, nhờ phép giả tá, phép chuyển chú, lại gói thêm vài ý nữa. Không như chữ ngoại hay văn nay: phải vài chữ, thậm chí mười hay hai mươi chữ, mới nói được một ý. Vì thế người nay đọc sách cổ, khó tránh thêm nhiều phiền về nghĩ ngợi và khảo cứu. Cũng vậy, ta viết văn bạch thoại, tự cho là rõ, e mai sau cũng thêm nhiều phiền cho đời sau. Nhưng người mà chẳng làm những việc vụn ấy, tự chuốc phiền, thì cũng chán quá, cứ như sống mà không có việc gì làm.

Lấy chữ 道 (đạo) làm ví. Trong sách cổ truyền thống, đại khái có ba nghĩa, ba cách dùng.

(1) 道 (đạo) chính là đạo: con đường người ta đi trên cõi đời. Như Mã Trí Viễn đời Nguyên viết trong *Thu tư khúc*: **"Khô đằng lão thụ hôn nha, tiểu kiều lưu thủy nhân gia, cổ đạo tây phong sấu mã, tịch dương tây há, đoạn trường nhân tại thiên nhai"** (Dây khô, cây già, quạ chiều; cầu nhỏ, nước chảy, nhà ai; đường cũ, gió tây, ngựa gầy; bóng chiều xuống tây, người đứt ruột ở chân trời). Chữ "đạo" trong "cổ đạo tây phong sấu mã" chính là đường. *Thuyết Văn* chú: **"Đạo giả, kính lộ dã"** (Đạo là lối, là đường).

(2) 道 (đạo) chỉ phép tắc trừu tượng, quy luật, và cả phép tắc thực tế; cũng có thể nói là đạo như nguyên tắc không đổi, trên sách vở hay trên lý thuyết. Như Tử Sản trong *Tả truyện*: **"Thiên đạo viễn, nhân đạo nhĩ"** (Đạo trời xa, đạo người gần). Như Tử Tư ở chương đầu *Trung Dung*: **"Thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo"** (Mệnh trời gọi là tính, theo tính gọi là đạo). Tôn Tử: **"Binh giả, quỹ đạo dã"** (Việc binh là đạo dùng dối trá), v.v.

(3) 道 (đạo) chỉ Đạo ở chỗ siêu hình. Như *Kinh Dịch · Hệ từ*: **"Hình nhi thượng giả vị chi đạo, hình nhi hạ giả vị chi khí"** (Cái trên hình gọi là Đạo, cái dưới hình gọi là đồ). Lại như sách Đạo nói: **"Ly hữu ly vô chi vị đạo"** (Lìa có lìa không, gọi là Đạo). Ấy cũng gần lời kinh Phật: **"Tức hữu tức không, tức không tức hữu"** (Tức là có tức là không, tức là không tức là có). Huyền diệu, kín sâu, dò không tới đáy!

Có người giải thích chữ 道 (đạo) thứ hai trong câu mở đầu chương 1 *Lão Tử* theo nghĩa **"thường ngôn đạo"** (người ta vẫn nói rằng…), tức là lấy 道 làm "nói". Cách ấy thực ra không ổn. Dùng 道 (đạo) để chỉ việc nói chuyện chỉ phổ biến từ đời Đường, Tống trở đi (còn giữ trong tiếng Khách Gia, Quảng Đông). Ngữ lục thời đó hay có **"đạo lai! đạo lai!"** (道来 - nói đi!), **"tốc đạo! tốc đạo!"** (速道 - nói mau!). Tiểu thuyết đời Minh càng nhiều kiểu **"mỗ mỗ đạo"** (某某道 - mỗ bảo / người ấy nói) hoặc **"mỗ nhân thuyết đạo"** (某人说道 - có người nói rằng). Trở lên Xuân Thu, Chiến Quốc, cách nhau mấy nghìn năm, cách nói hoàn toàn khác: chữ chỉ việc nói là 曰 (viết), như **"Tử viết"** (子曰 - Khổng Tử nói), **"Mạnh Tử viết"** (孟子曰 - Mạnh Tử nói)… Vậy chữ 道 (đạo) thứ hai trong "Đạo khả đạo" có nên hiểu là "nói" hay không, các vị cứ suy ra là đủ, không cần giảng dài thêm.

Nhân đây, cũng nói luôn chữ 天 (thiên) trong sách cổ. Chữ ấy đại khái gói năm lớp nghĩa: (1) Trời của thiên thể, thế giới vật lý trong thiên văn, như chữ "thiên" trong lời quẻ Càn *Chu Dịch*: **"Thiên hành kiện"** (Trời vận hành mạnh mẽ). (2) Trời làm chủ trong tín ngưỡng, mang màu tôn giáo, như *Tả truyện*: **"Hạo thiên bất điếu"** (Trời xanh chẳng thương). (3) Trời trên lý tính, như một đoạn nhỏ trong *Kinh Thi*: **"Thương thiên thương thiên"** (Trời xanh ơi trời xanh). (4) Trời trên tâm tính, như *Thái Thệ* và *Mạnh Tử*: **"Thiên thị tự ngã dân thị, thiên thính tự ngã dân thính"**

(Trời nhìn bằng mắt dân ta, trời nghe bằng tai dân ta). (5) Trời siêu hình, như *Trung Dung*: **"Thiên mệnh chi vị tính"** (Mệnh trời gọi là tính).

Hiểu trước cách dùng chữ ấy rồi, thì khi gặp 道 (đạo) và 天 (thiên) trong sách cổ, thậm chí trong cùng một câu, lúc làm động từ hay tính từ, lúc lại làm danh từ, sẽ không còn lẫn quá nữa.

Nếu hỏi: hai chữ 道 (đạo) trong câu mở chương 1 sách *Lão Tử* này, nên hiểu theo nghĩa nào mới phải? Tôi chỉ biết nói: trừ khi gặp mặt Lão Tử mà hỏi cho rõ. Không thì đều là người ta giảng Lão Tử, hoặc tôi giảng Lão Tử; tạm ghi một lối, kể như thành một nhà một thuyết; nói thông được lẽ, thông được việc, cũng gần được rồi, cần gì cố chấp thành kiến, cứ đào không thôi! Đừng quên chính Lão Tử đã nói "Đạo thường vô vi", "Đạo thường vô danh", cùng "Đạo pháp tự nhiên".

Có và không, chủ và khách

Về chuyện siêu hình và cõi có hình của vũ trụ vạn vật: **"hữu sinh ư vô, vô trung sinh hữu"** (có sinh từ không, trong không sinh ra có). Theo thói học triết Tây, trong đó đã gồm thuyết nguồn gốc vũ trụ muôn loài của triết tôn giáo, và cả lối lần tìm của triết học thuần túy: duy tâm, duy vật, một gốc hay nhiều gốc, có thần hay không thần.

Giả sử vũ trụ vạn vật quả sinh từ cái vốn Không mà ra muôn loài muôn loại. Trong Không vì sao sinh ra Có? Đó là một vấn đề cực lớn. Theo lập luận thần học tôn giáo, từ không sinh có là do vị thần làm chủ, tức nguyên nhân thứ nhất, biến sinh ra. Nhưng trong Phật học, vừa không nhận "thần ngã" là nguyên nhân thứ nhất, vừa không nhận có một ông chủ quyền uy, đầy tính khí, mà sai khiến được; thế nhưng cũng không phủ nhận sự tồn tại của thần ngã ở cõi có hình. Chỉ nói **"nhân trung hữu quả, quả tức vi nhân"** (trong nhân có quả, quả lại thành nhân): nhân quả đổi lẫn cho nhau. Muôn loài thành hình: có sinh từ không, không tức là có, nhân duyên hòa hợp, **"duyên khởi tính không, tính không duyên khởi"** (duyên khởi thì tính không, tính không thì duyên khởi). Vì thế rất gần thuyết Có và Không của Lão Tử làm nhân quả cho nhau. Nên về sau Phật học vào Trung Quốc, với học thuyết Lão Trang khớp ngay một cái, cùng tồn tại.

Cái ý Có và Không sinh diệt cho nhau ấy, từ cuối Chu đến nay, mấy nghìn năm, đã thành tư tưởng triết phổ biến, thấm đến cả dân thường trong văn hóa Trung Quốc; trong thơ văn các đời hay trên trang sử học thuật, gặp đâu cũng thấy. Nhất là tiểu thuyết nổi tiếng sau Minh, Thanh, như *Hồng lâu mộng*, *Tây du ký*… Lời mở *Hồng lâu mộng* của một tăng một đạo, giấc mộng chơi cảnh Thái Hư Ảo Cảnh nổi tiếng, cùng câu **"Giả tác chân thì chân diệc giả, vô vi hữu xứ hữu hoàn vô"** (Lúc giả làm thật thì thật cũng giả; chỗ không làm có thì có lại không), cho đến lời giả thác Lâm Đại Ngọc, quay lại mắng Giả Bảo Ngọc: **"Vô đoan lộng bút thị hà nhân? Tác tiễn Nam Hoa Trang Tử nhân. Bất hối tự gia vô kiến thức, khước tương xú ngữ để tha nhân"** (Bỗng dưng múa bút ấy là ai? Giày vò Nam Hoa, 《Trang Tử Nhân》. Chẳng hối mình không chút kiến thức, lại đem lời xấu đổ cho người.)… tư tưởng Lão Trang và Thiền Đạo, gần như nhặt đâu cũng được. Bảo *Hồng lâu mộng* là một cuốn sách Đạo, chẳng lấy làm lạ. Thậm chí chạy theo mốt nay, lại bảo là một bộ Thiền học!

Tạm gác chuyện ngoài, trở lại sách. Chuyện "hữu, vô" và "hữu danh, vô danh" ở chương 1 *Lão Tử* tạm xong; tiếp theo là chuyện kèm: "thường vô, thường hữu". Ta đã nhận hai chữ "vô" và "hữu" ở chương đầu, mỗi chữ một câu, thành một ý. Văn đã xuôi, thì câu dưới cũng nhận là "thường vô" và "thường hữu", chứ không theo thói quen truyền, đọc thành "thường vô dục" và "thường hữu dục". Nhưng đứng về phía người học tu Đạo, hoặc chuyên nói đạo tu tâm dưỡng tính, cho rằng ngắt "thường vô dục" và "thường hữu dục" mới đúng: cũng chẳng sai. Dù thêm dù bớt, đều là trò

chơi chữ trong lúc tìm chương bẻ câu; lấy mắt Lão Tử mà xem, ắt phải là **"Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri"** (Người biết thì không nói; người nói thì không biết)!

Trên đã nói: cái vốn Không là khởi thủy của trời đất; diệu hữu là nguồn muôn loài muôn vật. Nên ông tiếp: **"Cố thường vô, dục dĩ quan kỳ diệu. Thường hữu, dục dĩ quan kỳ kiếu"** (Cho nên thường giữ ở cái Không, để quan sát chỗ huyền diệu của nó. Thường giữ ở cái Có, để quan sát chỗ biên tế của nó). Chữ "cố" là lời nối trong câu, tức "cho nên" của văn nay. Câu ấy, nói thường: người muốn thể hội Đại Đạo ở chỗ Có và Không, phải tu đến cảnh thường vô, mới quan sát, nhìn ra được cái diệu dụng "có sinh từ không". Lại nữa, muốn thể hội trong Không làm sao sinh ra Có, lại phải thêm công: từ chỗ Có mà nhìn cái "Có" ấy, rốt cuộc trở về mé vốn "Không". Chữ 徼, đọc kiếu, nghĩa là mé, là bờ.

Cái huyền diệu từ chỗ huyền

Được rồi, đến đây đã thấy ba điểm then chốt trong chương 1 sách *Lão Tử*. Thật có cái sâu không dò: một câu đủ ba cửa huyền, một cửa huyền đủ ba nghĩa then chốt.

Đoạn đầu, ông đưa ra "Đạo", đồng thời nhắc: đừng chấp Đạo là đạo thường, đạo thông thường. Ở lời sau lại kèm: trong lúc bất đắc dĩ phải bày, mới đưa ra một chữ "Đạo"; rồi nhấn: đừng chấp vào tên gọi và tướng trạng mà tìm Đạo. Kế đến, nói quan hệ giữa Đạo siêu hình và muôn vật có tên ở cõi có hình: Có và Không cùng sinh ra nhau, kéo dài không dứt.

Đoạn hai bảo ta: đứng ở cõi có hình mà muốn thể hội Đạo siêu hình, phải từ cảnh thường vô mà nhận ra cái thể của Đạo. Nhưng muốn thấu hơn, tinh hơn, lại cần trong thường hữu mà lĩnh hội chỗ không bờ không mé của nó.

Đoạn ba lại nói đi nói lại: Có và Không làm nhân quả cho nhau, như một hít một thở, tự nhiên đi rồi lại. Nên nói: **"Thử lưỡng giả đồng xuất nhi dị danh, đồng vị chi huyền. Huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi môn"** (Hai điều này cùng xuất phát mà khác tên, cùng gọi là huyền. Huyền rồi lại huyền, cửa của muôn điều huyền diệu). Đến đây, hãy từ từ: trước hãy gỡ một chữ và một chỗ ngắt câu.

Chữ 玄 (huyền) trong sách cổ, từ Đường, Tống trở đi, thường lẫn với 元 (nguyên), nhiều người trẻ rối lắm. Thực ra 玄 là viết đúng, 元 là chữ thế, chữ dùng chung. Vì trong sử thời đế vương chuyên chế theo dòng họ, có lệ kính tên và miếu hiệu hoàng đế: người ta không được gọi thẳng, cũng không được viết tên ấy xuống. Không thì phạm luật "đại bất kính", thậm chí mất đầu. Mất đầu thì dĩ nhiên không nói, không ăn được nữa. Miếu hiệu Đường Minh Hoàng là "Huyền Tông", nên từ sau Đường Huyền Tông, chỗ nào viết chữ 玄 đều đổi thành 元, kẻo phạm kỵ "đại bất kính". Vì thế sách cổ đời sau, 玄 với 元 không phân, hoặc dùng lẫn.

Lại nữa, về chỗ ngắt mấy câu ấy, trước kia một thầy tôi bảo: "Thử lưỡng giả đồng" nên đọc thành một câu, "xuất nhi dị danh" thành một câu, đừng đọc "Thử lưỡng giả đồng xuất nhi dị danh". Hỏi thầy sao phải ngắt vậy? Thầy nói: ngắt thế mới lộ diệu dụng và ý sâu "Có và Không cùng nguồn"; mà mạch văn thì thấu, có sức. Đại loại vậy, dĩ nhiên thầy có kiến giải riêng. Về sau tôi cũng thấy vài bản *Lão Tử* cổ, người xưa đã chấm câu, cũng ngắt như thế. Nhưng tôi nghĩ đó chỉ là thói viết văn cổ; nghĩa chẳng lệch bao nhiêu. Muốn "đồng" thì "đồng", muốn "đồng xuất" cũng được. Đây tôi không cố giữ một ý sẵn; học giọng Lão Tử, nói một câu: **"Vô khả vô bất khả"** (Không có gì phải, cũng không có gì không phải).

Nói xong những ý ấy, trở lại đoạn ba nguyên văn chương đầu Lão Tử. Ông lại nói cái diệu của Đạo: Có và Không cùng sinh ra nhau, dùng lẫn cho nhau. Tức "vô" với "hữu", hai cái cùng một thể, cùng một nguồn; vì tác dụng và hiện

tượng khác, nên từ lúc chưa có tên đến lúc đã có tên, phải đặt tên khác nhau mà phân. Nếu truy cho cùng: Có và Không cùng thể, rốt cuộc trong chỗ giống có chỗ khác ra sao? Thì càng khoan càng sâu, nói mãi không hết. Nên ở chỗ cái diệu khi giống khi khác, cùng thể cùng nguồn ấy, ông gắn một tính từ, gọi là "huyền". Nói một chữ huyền, lại không phải một nguyên hay hai nguyên mà dò hết được; nên ông nói đi nói lại: trong huyền còn huyền, phân đến trong cái không còn cái không, trong diệu hữu còn diệu hữu. Theo đó mà thể hội cái thể và cái dụng của Đạo, Có và Không cùng sinh ra nhau: thật là diệu trong diệu, diệu đến cùng lại còn chỗ diệu hơn.

Cũng có người không đi đường biện luận triết, chỉ từ cấu trúc chữ mà hiểu ý chứa trong chữ, cũng thông được đại ý! Bản thân chữ 玄 (huyền) là chữ tượng hình, lại gồm cả phép hội ý.

Theo lối viết cổ, nó có hình , cũng như một khoen nối một khoen, nhân trước quả sau, làm nhân duyên cho nhau, mãi không có đầu không có cuối, không cùng không hết. Nên đời sau, từ Đạo gia biến thành đạo sĩ Đạo giáo, tay cầm một vòng liên hoàn  mà chơi, cũng như nhà sư Phật giáo cầm chuỗi niệm Phật, một niệm nối một niệm: đều là dấu hiệu **"như hoàn chi vô đoan"** (như vòng không đầu mối), mãi không cùng không hết.

Lại có người chỉ lấy nghĩa chữ 玄 (huyền) theo lối giải cổ, cho rằng 玄 là sinh vật cực nhỏ, nhỏ đến mức mờ không thấy. Rồi gắn thêm ý mới thời nay, bảo ý chứa trong chữ 玄 chẳng khác tính từ chỉ tế bào hay vi sinh. Thế là kéo nhẹ Lão Tử đã ra ngoài Hàm Cốc Quan, xếp vào hàng duy vật Tây phương, cố bảo *Đạo Đức Kinh* của Lão Tử về cơ bản dựng trên nền triết duy vật.

Thượng Kinh · Chương 2

Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ.

Thiên hạ đều biết cái đẹp là đẹp, thì cái xấu đã có rồi.

Giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ.

Đều biết cái thiện là thiện, thì cái bất thiện đã có rồi.

Cố hữu vô tương sinh,

Cho nên có và không cùng sinh ra nhau,

nan dị tương thành,

khó và dễ cùng thành tựu nhau,

trường đoản tương giáo,

dài và ngắn so với nhau,

cao hạ tương khuynh,

cao và thấp cùng nghiêng về nhau,

âm thanh tương hòa,

âm và thanh cùng hòa hợp nhau,

tiền hậu tương tùy.

trước và sau cùng theo nhau.

Thị dĩ thánh nhân xử vô vi chi sự,

Vì vậy thánh nhân xử lý việc bằng vô vi,

hành bất ngôn chi giáo,

dạy dỗ bằng không lời,

vạn vật tác yên nhi bất từ.

vạn vật sinh ra mà không từ chối.

Sinh nhi bất hữu,

Sinh ra mà không chiếm hữu,

vi nhi bất thị,

làm mà không cậy công,

công thành nhi phất cư.

công thành mà không ở lại.

Phù duy phất cư, thị dĩ bất khứ.

Chính vì không ở lại, nên không bị mất đi.

Chân thiện mỹ: lấy gì làm chuẩn?

Chương đầu *Lão Tử* vừa đưa ra nghĩa của "Đạo" và "danh", nhưng đồng thời cũng giống phép Nhân minh: dựng được thì phá được; tự nói ra một đạo, rồi tự đẩy đổ tên gọi và tướng trạng của đạo ấy. Cũng như biện chứng chính-phản-hợp của logic: không tự đứng chết trong một hình thái khẳng định hay phủ định không đổi. Như hạt châu lăn trong mâm, không có chỗ dừng. Cái gọi là "Đạo", cho đến cái tên đặt cho "Đạo", đều chỉ để nói cho tiện, gượng gọi là "Đạo" mà thôi. Đạo thì **"biến động bất cư, chu lưu lục hư"** (luôn biến động, không dừng một chỗ, lưu chuyển khắp sáu phương); tên gọi và tướng trạng chỉ là đắp nặn của ý thức con người. Gọi nó là "Đạo" đã là chồng thêm một cái đầu lên đầu, sớm dính tướng rồi. Muốn hiểu cái Đạo không thấy, không nắm được ấy, chỉ có thể thể hội nơi chỗ dùng, mới thấy cái diệu của Đạo: có và không cùng xuất phát mà khác tên. Vì thế chương hai bèn đưa ra lẽ đẹp và thiện mà giảng rõ.

Đẹp và thiện, xưa nay đông tây vốn là cảnh giới người ta ngưỡng mộ, sùng kính, ra sức theo đuổi. Như triết học Hy Lạp, nguồn văn hóa Tây phương, lấy chân thiện mỹ làm đích của triết học. Văn hóa thượng cổ Trung Quốc cũng nêu như vậy, nhất là đòi hỏi triết lý sống phải đạt tới chỗ chí thiện, đời sống và hành vi phải tới cảnh chí mỹ. Thậm chí rải trong học thuyết các học phái thời Xuân Thu Chiến Quốc, chỗ nào cũng thấy, không cần kể hết từng nhà, giới thiệu thêm.

Nay chỉ nói từ hai mặt: tu đạo như Đạo gia đời sau nêu, và chỗ dùng trong tư tưởng học thuật, cũng đủ thấy đại lược. Còn giảng rộng thêm, lấy nhiều góc để nói từng chỗ chạm, thì cốt ở chỗ thần mà hiểu ra, đi đâu cũng tự được.

Trước hãy nói về tu đạo. Không kể tôn giáo đời sau nào, hay triết học giáo dục, đều dựng một khung (một đích) của đẹp và thiện. Nào ngờ biến sinh từ chỗ định, hai do một mà ra. Phàm đạo đẹp và thiện do người đặt ra, vừa rơi thành dấu vết, đã sớm thành bước mở đầu của không đẹp không thiện. Người tu đạo phần nhiều tự lấy chủ kiến, dựng sẵn một hình dung chí chân, chí thiện, chí mỹ cho cảnh giới của Đạo. Cũng có thể nói là tự dựng một ảo cảnh của Đạo rồi đuổi theo hão. Kỳ thực, vừa còn niệm ấy, đã xa Đạo lắm rồi. Vì thế Lão Tử mới nói: **"Mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ. Thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ"** (Cái đẹp là đẹp, thì cái xấu đã có rồi. Cái thiện là thiện, thì cái bất thiện đã có rồi).

Sau Lão Tử, học thuyết Phật từ Ấn Độ truyền sang cũng có lý như vậy. Ví như "chân như" của đạo thể trong Đại thừa: bản thân tên ấy đã nói rõ chỉ là dựng danh ngôn, không được cho là quả có một "chân như" cố định không đổi. Chân tức là như, như đúng cái chân ấy. Nếu nhốt "chân như" vào khung đẹp và thiện, cái chân ấy cũng chẳng còn như-như tự tại. Đây là chỗ khó tránh của nhiều người tu đạo, ở quan niệm và kiến giải. Vì thế Phật học lấy việc gỡ **"kiến hoặc"** (rối vì lý giải) và **"tư hoặc"** (rối vì quan niệm) làm pháp vô vi, làm trọng tâm của thấy Đạo. Như trong năm thứ "kiến hoặc", "kiến thủ kiến" (chấp cái thấy của mình) và **"cấm giới thủ kiến"** (chấp giới cấm) đều thuộc mê nơi kiến giải. Phật và Lão Tử được đem ra đối nhau, chẳng phải ngẫu nhiên. Lão Tử dùng phép quy nạp, chỉ vẳn; Phật dùng phép diễn dịch, phân tích tinh. Không lạ gì phái phản đối trong hàng Nho Tống gọi gộp Phật-Lão mà cùng bài.

Cái thiện mà ngược thì chẳng đẹp

Đại Đạo không tên, chẳng phải "thường đạo" như người thường vẫn nghĩ. Thường đạo là gì? Chính là cảnh giới tên gọi và tướng trạng chí chân, chí thiện, chí mỹ mà người ta dựng lên cho đạo siêu hình. Làm vậy, đã xa Đạo hơn nữa rồi.

Có thiên đường chân thiện mỹ, ắt có địa ngục xấu xí, tội lỗi, giả dối đối lập với nó. Thiên đường cố nhiên tốt, nhưng vẫn có người thà chết cũng chẳng chán địa ngục. Cõi cực lạc cố nhiên khiến người ta mến, lòng hướng về, nhưng vẫn có người chịu mãi ngâm mình trong biển khổ không bờ, lấy khổ làm vui. Bỏ một lấy một, đã chạy ngược

Đạo rồi. Chẳng bằng hai bên cùng quên, không chấp thật giả, thiện ác, đẹp xấu, mới được cái diệu của Đạo mà thong dong tự tại.

Nếu nói theo góc tư tưởng học thuật: đã là đẹp với xấu, thiện với ác, đều do người đặt ra tương đối ở cõi có hình, vốn không có chuẩn tuyệt đối, thì dựng một mẫu thiện, cái thiện ấy sẽ bị người ta lợi dụng, thành lá chắn cho trăm đường làm ác. Dựng một chuẩn đẹp, cái đẹp ấy sẽ sinh ra thói "Đông Thi bắt chước nhăn mày". Có hai giai thoại lịch sử, cô lại thành bốn câu, đủ nói rõ lẽ **"mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ"** (cái đẹp là đẹp, thì cái xấu đã có rồi; cái thiện là thiện, thì cái bất thiện đã có rồi). Ấy là **"Trụ vi trường dạ chi ẩm, thông quốc chi nhân giai thất nhật"** (Trụ mở tiệc suốt đêm, cả nước quên mất ngày); **"Sở vương hiếu tế yêu, cung nhân đa ngạ tử"** (Vua Sở thích eo nhỏ, cung nữ nhiều người chết đói). Nay lấy làm bức chân dung rõ của triết lấy từ kinh nghiệm: kẻ bề trên, mặt nào cũng không được thiên lệch, thiên yêu. Dù thiên về nhân nghĩa đạo đức, tự do dân chủ, cũng sẽ bị người ta lợi dụng, giả làm thiện, thành cớ để gây nghiệp làm ác.

Cũng vậy, yêu đẹp thành nghiện, nghiện ấy chính là bệnh lớn. Xin kể một câu chuyện có thật trong lịch sử:

> *Cuối Nguyên có một danh sĩ lớn, cũng là họa sĩ lớn: Nghê Vân Lâm. Ông cực kỳ yêu đẹp, ham sạch. Bút mực giấy nghiên ông dùng, mỗi ngày phải có hai người chuyên coi, luôn lau rửa cho sạch. Cây ngô đồng trước sân, sớm tối cũng sai người gánh nước lau; thế là lau sạch đến chết cả cây. Có lần ông giữ một bạn thân ở lại nhà, lại sợ bạn không sạch, một đêm tự dậy xem ba bốn lần. Chợt nghe bạn ho một tiếng trên giường, ông lo đến trắng đêm không ngủ. Sáng ra, sai người tìm đờm bạn nhổ ở đâu, phải dọn sạch. Đầy tớ tìm khắp không ra dấu, lại sợ ông giận mắng, đành nhặt một chiếc lá rụng hơi bẩn, đưa cho ông bảo tìm được rồi. Ông lập tức nhắm mắt, bịt mũi, bảo đem chiếc lá ấy ra ngoài ba dặm mà bỏ.*

Trương Sĩ Tín, em Trương Sĩ Thành nối dây cuối Nguyên, mến tranh Nghê Vân Lâm, sai người đưa lụa và vàng nặng tới, xin một bức. Nào ngờ Nghê Vân Lâm nổi giận: "Nghê Toản (tên Vân Lâm) không thể làm họa sư cửa vương hầu." Xé ngay tấm lụa đưa tới. Sĩ Tín giận lắm, để bụng. Một hôm Sĩ Tín cùng một đám văn nhân chơi trên Thái Hồ. Thuyền ra giữa dòng, từ một thuyền nhỏ thoảng mùi hương lạ. Sĩ Tín nói: "Thuyền ấy ắt có người thanh nhã." Cập ngay sang xem, hóa ra chính Nghê Vân Lâm. Sĩ Tín vừa thấy, sai người bắt lại, muốn rút đao giết. Mọi người xin hộ, mới thôi ở một trận roi. Nghê Vân Lâm bị đánh đau, nhưng suốt từ đầu đến cuối không kêu một tiếng. Sau có người hỏi: "Đau rồi cũng nên kêu một tiếng." Ông bảo: "Vừa lên tiếng là đã tục."

Nghê Vân Lâm vì quá yêu đẹp ham sạch, nên với sắc đẹp đàn bà, thường ít gần. Đúng như danh sĩ đầu Thanh Viên Mai nói: **"Tuyển thi như tuyển sắc, tổng giác động tâm nan"** (Chọn thơ như chọn sắc, cứ thấy khó động lòng). Nhưng có lần ông chợt ưng một ca kỹ họ Triệu ở Kim Lăng, hẹn về biệt thự ngủ lại. Lại sợ nàng không sạch, bắt tắm cho kỹ đã. Tắm xong lên giường, ông sờ từ đầu đến chân, vừa sờ vừa ngửi, cứ cho là chỗ nào cũng chưa sạch, bắt tắm lại. Tắm rồi lại sờ lại ngửi, vẫn chưa sạch, lại tắm. Tắm đi tắm lại, trời sáng, ông cũng thôi.

Trên đây tùy tiện lấy chuyện để nói **"mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ"** (cái đẹp là đẹp, thì cái xấu đã có rồi). Nay kể thêm một chuyện để nói **"thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ"** (cái thiện là thiện, thì cái bất thiện đã có rồi).

Đại Nho đời Tống Trình Di, thời Triết Tông, làm quan giảng sách. Một hôm lên điện giảng xong cho vua, chưa cáo lui, Triết Tông chợt đứng dậy nghỉ, tựa lan can, thấy cành liễu đung đưa đẹp, bèn bẻ một nhánh mà chơi. Trình Di thấy vậy, lập tức nói: **"Phương xuân phát sinh, bất khả vô cố tồi chiết"** (Đúng lúc xuân đang sinh sôi, không được bẻ không có). Khiến vua dở khóc dở cười, không vui, ném cành liễu xuống đất, về cung trong.

Vì thế về sau có người nói: giảng đạo Khổng, nói thế nào cũng không vượt Mạnh Tử. Mà Mạnh Tử bảo Tề Tuyên vương: thích sắc, thích của cũng không sao, chỉ cần mở rộng lòng mình thích ấy ra, vui cùng thiên hạ, là được. Đen đủi thay Tống Triết Tông, gặp phải Trình phu tử, một cành liễu cũng không được động. Làm vua mà gặp đại Nho kiểu ấy, thật khổ!

Từ những giai thoại ấy, có thể hiểu lời Trang Tử **"vi thiện vô cận danh, vi ác vô cận hình"** (làm thiện đừng sát danh; làm ác đừng sát hình phạt): ấy cũng chính là mặt khác của **"thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ"** (cái thiện là thiện, thì cái bất thiện đã có rồi).

Lại nói rộng từ tâm thế con người. Yêu đẹp, là hướng tất yếu của ham hưởng. Hướng thiện, là biểu hiện tự nhiên của lòng muốn nên người. **"Nguyện thiên thường sinh hảo nhân, nguyện nhân thường tác hảo sự"** (mong trời luôn sinh ra người tốt, mong người luôn làm việc tốt): ấy là mọi ước chân thiện mỹ trong nước lý tưởng. Có hiện được trên cõi người này không, lại là chuyện trời đất. Ta tiện mở sử ra xem: A Phòng cung của Tần Thủy Hoàng; Mê lâu của Tùy Dạng Đế cùng đê Tùy hai bờ kênh ông cho đào; lầu phượng gác rồng của Lý Hậu Chủ, cùng câu chữ ông chau chuốt đến cùng cho đẹp; Cấn Nhạc của Tống Huy Tông cùng tranh bút và thư pháp ông; Viên Minh Viên của Từ Hy Thái hậu cùng hoa chim bà; điêu khắc, kiến trúc thời La Mã cực thịnh; cho đến những thứ nổi tiếng đời nay như nhà chọc trời New York, Nhà Trắng Washington, điện Kremlin Moscow: đời đều coi là dấu đẹp hoặc dấu quyền lực của một đời. Nhưng lấy kinh nghiệm sử mà nhìn trước ngó sau, ai dám bảo mai sau chúng còn được kể là thứ chí thiện chí mỹ? Hàn Tông đời Đường có một bài *Liễu chi từ*:

Lương uyển Tùy đề sự dĩ không, vạn điều do vũ cựu xuân phong.
Uyển Lương, đê Tùy việc đã không; muôn cành vẫn múa gió xuân xưa.

Hà tu tư tưởng thiên niên sự, thùy kiến dương hoa nhập Hán cung.
Cần chi nghĩ chuyện nghìn năm; ai thấy hoa dương vào cung Hán.

Lão Tử lại lấy ngòi bút sâu và sắc hơn mà chỉ: **"Cố hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương giáo, cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hòa, tiền hậu tương tùy. Thị dĩ thánh nhân xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo, vạn vật tác yên nhi bất từ. Sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, công thành nhi phất cư. Phù duy phất cư, thị dĩ bất khứ"** (Cho nên có và không cùng sinh ra nhau, khó và dễ cùng thành tựu nhau, dài và ngắn so với nhau, cao và thấp cùng nghiêng về nhau, âm và thanh cùng hòa hợp nhau, trước và sau cùng theo nhau. Vì vậy thánh nhân xử lý việc bằng vô vi, dạy dỗ bằng không lời; vạn vật sinh ra mà không từ chối. Sinh ra mà không chiếm hữu, làm mà không cậy công, công thành mà không ở lại. Chính vì không ở lại, nên không bị mất đi).

Từ chương đầu *Lão Tử* nối sang cả đoạn chương này, thấy rõ ông nói từ cái không tên của đạo siêu hình, xuống tới tên và thực lẫn ở cõi có hình, rồi tới lẽ nhân quả đối đãi **"đồng xuất nhi dị danh"** (cùng xuất phát mà khác tên): suốt từ đầu đến cuối, là lời dạy đừng làm kẻ châm ngòi, đừng làm kẻ đứng đầu tội. Nhưng ông nói thì nói, đời sau dùng thì dùng, hoàn toàn không phải như Lão Tử đã nói.

Có và không cùng sinh ra nhau

Lấy kinh nghiệm loài người mà nói, trời đất vạn vật từ có trở về không, là chuyện rất tự nhiên. Nhưng bảo cái có của vạn vật sinh ra từ không, thật là chuyện khó nghĩ. Vì thế những người tin duy vật xưa nay đông tây, ngoài việc tuyệt đối phủ nhận không sinh ra có, còn đội cho Lão Tử cái mũ "chủ nghĩa hư vô". Có kẻ còn ghép Lão Tử vào hàng tư tưởng duy vật, kết rằng chữ "vô" của ông tức là không có, chẳng đoái đến ý chứa trong hai chữ "tương sinh". Tuy

nhiên, muốn chỉ rõ có và không cùng sinh ra nhau thế nào, gom triết đông tây mấy nghìn năm, cũng chưa làm nổi một kết luận rõ. Trừ khi vật lý lý thuyết mai sau gặp triết học, hoặc sẽ có lời giải rõ. Nếu gượng lấy hiểu biết vật lý nay mà giải, cho rằng nguyên lý chất và năng đổi cho nhau chính là lời giải có-không cùng sinh ra nhau, thì cũng chưa thấu, khó mà khẳng định. Huống chi định luật vật lý vẫn còn chưa đóng, luôn đào sâu thêm.

Nếu chỉ lấy quan niệm Đạo gia truyền thống mà nói lẽ **"hữu vô tương sinh"** (có và không cùng sinh ra nhau), từ Trang Tử, Liệt Tử trở đi, đều lấy thần hóa, khí hóa mà giải. Còn thần với khí rốt cuộc thuộc vật chất, hay thuộc tác dụng công năng vật lý, lại kéo sang chuyện khác, tạm gác. Trong Đạo gia, gần tư tưởng vật lý lý thuyết hơn cả, phải kể *Hóa Thư* của Đàm Tiếu đời Ngũ Đại đứng đầu. Thiên *Đạo Hóa* của Đàm Tử nói:

> ***"Đạo chi ủy dã, hư hóa thần, thần hóa khí, khí hóa hình, hình sinh nhi vạn vật sở dĩ tắc dã"*** *(Đạo buông xuống: hư hóa thần, thần hóa khí, khí hóa hình; hình sinh ra thì vạn vật vì thế mà tắc).*

> ***"Đạo chi dụng dã, hình hóa khí, khí hóa thần, thần hóa hư, hư minh nhi vạn vật sở dĩ thông dã"*** *(Đạo dùng ra: hình hóa khí, khí hóa thần, thần hóa hư; hư sáng thì vạn vật vì thế mà thông).*

> ***"Thị dĩ cổ thánh nhân cùng thông tắc chi đoan, đắc tạo hóa chi nguyên, vong hình dĩ dưỡng khí, vong khí dĩ dưỡng thần, vong thần dĩ dưỡng hư, hư thực tương thông, thị vị đại đồng"*** *(Cho nên thánh nhân xưa dò đến đầu mối thông và tắc, được nguồn tạo hóa; quên hình để dưỡng khí, quên khí để dưỡng thần, quên thần để dưỡng hư; hư thực thông nhau, gọi là đại đồng).*

> ***"Cố tàng chi vi nguyên tinh, dụng chi vi vạn linh, hợp chi vi thái nhất, phóng chi vi thái thanh. Thị dĩ khảm ly tiêu trưởng ư nhất thân, phong vân phát tiết ư thất khiếu, chân khí huân chưng nhi thì vô hàn thử, thuần dương lưu chú nhi dân vô tử sinh, thị vị thần hóa chi đạo giả dã"*** *(Nên cất thì thành nguyên tinh, dùng thì thành muôn linh, hợp thì thành thái nhất, phóng thì thành thái thanh. Vì thế khảm ly lên xuống trong một thân, gió mây tiết ra bảy lỗ; chân khí hun thì bốn mùa không lạnh nóng, thuần dương chảy thì dân không sống chết: ấy gọi là đạo thần hóa).*

Học thuyết "đạo hóa" của Đàm Tử, cũng có thể nói là đại diện cho một mạch tư tưởng Đạo gia các đời. Nếu bảo ông duy vật, thì thần ông nêu chẳng phải vật lý; thần và vật có ranh rõ. Nếu bảo ông duy tâm, thì thần với tâm quan hệ ra sao? Thần với tâm là một hay hai? Lại thành nút tranh của Phật và Đạo đời sau. Nhưng bàn đi bàn lại, rốt cuộc đều dính vào siêu hình **"đạo thông thiên địa hữu hình ngoại, tư nhập phong vân biến thái trung"** (Đạo thông ra ngoài chỗ trời đất có hình; nghĩ vào trong biến thái gió mây), và đều là may hay rủi mà làm việc lớn của đám thần tiên. Còn người thường đối với lẽ **"hữu vô tương sinh"** (có và không cùng sinh ra nhau) của Lão Tử, thì cứ thật thà đảo dùng thành linh đơn vạn năng của thuật đế vương. Vì thế nghìn xưa Lão Tử phải đội cái oan âm mưu và lừa đời trộm danh: việc ấy sự thật còn, chứng cứ rành rành.

Lão Tử bị đội món nợ lịch sử

Nay ta quay lại xem đạo lý triết lớn của bậc tiên thánh Lão Tử, đã bị những tay cờ lớn đời đời, tức các đế vương, dùng vào chính trị lớn, mưu lược lớn thế nào. Trên Tam đại, sử xa, tài liệu chưa đủ, gác không bàn. Dưới Tam đại, từ

Thương Thang, Chu Vũ đánh dẹp trở đi, mãi đến sau Tần Hán, phàm tay cờ lớn dựng nghiệp, lập dòng thống nhất, không ai không thông sâu Lão Tử, hoặc ngầm khớp đường Hoàng Lão **"hữu vô tương sinh… tiền hậu tương tùy"** (có và không cùng sinh ra nhau… trước và sau cùng theo nhau).

Đại Thuấn nổi từ đồng ruộng, hai bàn tay trắng, lấy thành tựu đức hạnh hiếu thảo mà nối Đế Nghiêu, có thiên hạ. Đại Vũ với lòng chuộc tội cho cha, chai tay chai chân, trị sông trị nước, công lao cực nhọc, lại nối Đại Thuấn mà có thiên hạ. Ấy cố nhiên đều là không sinh ra có, **"nan dị tương thành"** (khó và dễ cùng thành tựu nhau): tấm gương lớn của thánh đế, vua sáng lấy hai bàn tay trắng mà dựng nghiệp, hành đạo.

Rồi Thang với một đội quân, Văn vương với đất trăm dặm, lấy tích đức làm nhân làm mưu lớn, nên **"nan dị tương thành, trường đoản tương giáo, cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hòa, tiền hậu tương tùy"** (khó dễ cùng thành tựu nhau, dài ngắn so với nhau, cao thấp cùng nghiêng về nhau, âm thanh cùng hòa hợp nhau, trước sau cùng theo nhau) mà chiếm trọn thiên hạ, mở khuôn đức trị lâu dài.

Từ đó về sau, các bá chủ Xuân Thu phân định thời đại, đều đi đường quyền thuật tranh nhau **"hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương giáo, cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hòa, tiền hậu tương tùy"** (có không cùng sinh ra nhau, khó dễ cùng thành tựu nhau, dài ngắn so với nhau, cao thấp cùng nghiêng về nhau, âm thanh cùng hòa hợp nhau, trước sau cùng theo nhau), tranh ngôi bá. Cái gọi là đạo hóa và đức trị thượng cổ, sớm thành vết cũ trên sử, danh từ trên sách vở: chỉ còn lời rỗng, chẳng có nghĩa thực! Vì thế giữ ngôi đều không lâu, dòng họ cũng đổi luôn không định.

Lần lượt về sau: mưu Tần Thủy Hoàng lần lần nuốt sáu nước; Hán Cao Tổ Lưu Bang tay cầm kiếm ba thước, nổi từ cỏ hoang, hàng Tần diệt Sở; thậm chí âm mưu soán ngôi của cha con Tào Tháo; Lưu Dụ bắt chước Tào Man; Lý Thế Dân đời Đường Thái Tông chống Tùy; Triệu Khuông Dận khoác áo hoàng bào; Hốt Tất Liệt đánh đông dọa tây; Chu Nguyên Chương nổi dậy từ Hoài, Tứ; Đa Nhĩ Cổn thừa cơ vào Trung Nguyên; thuật đế vương của Khang Hy: đều thấu Hoàng Lão, lấy làm phép lớn của mưu lược, theo nguyên lý Lão Tử **"hữu vô tương sinh, nan dị tương thành"** (có và không cùng sinh ra nhau, khó và dễ cùng thành tựu nhau) mà lập nền nghiệp dòng họ.

Trong các tay cờ lớn, vua danh tiếng dựng nghiệp các đời ấy, thẳng thắn chịu nói thật có hai người: một là Tào Phi, hai là Lý Uyên, cha Đường Thái Tông. Khi Tào Phi ép Hán Hiến Đế, con cháu cuối của Lưu Bang, nhường ngôi, ông đắc ý nói: **"Thuấn Vũ thụ thiện, ngã kim phương tri"** (Thuấn, Vũ nhận ngôi nhường; đến nay ta mới biết). Đến giờ ta mới thực biết nhường ngôi của Thuấn, Vũ thượng cổ là thế nào. Cùng một lẽ, năm ấy Lý Thế Dân hết lần này lần khác ép cha Lý Uyên nổi dậy, thậm chí không từ thủ đoạn, lấy sắc đẹp buộc cha mắc bẫy. Lý Uyên đành nói với Lý Thế Dân: **"Phá gia vong khu, do nhữ vi chi. Hóa gia vi quốc, diệc do nhữ vi chi"** (Tan nhà mất thân, mặc ngươi. Đổi nhà thành nước, cũng mặc ngươi). Muốn thiên hạ quốc gia thành dòng họ Lý, thì mặc ngươi làm chủ; hoặc làm tan nhà mất mạng ta, cũng mặc ngươi chịu.

Kỳ thực Lão Tử nói là phép lớn nhân quả tuần hoàn qua lại trong trời đất, nhưng rủi thay bị kẻ khôn ngoan xảo trá lấy làm âm mưu lớn lừa đời cướp nước: thật chẳng dính gì Lão Tử, ông không đáng chịu tiếng ấy.

Tóm lại, cái cốt triết của những âm mưu hay mưu lớn đời đời na ná trên sử, Trang Tử đã vạch trần. Trang Tử nói: **"Thiết câu giả tru, thiết quốc giả vi chư hầu, chư hầu chi môn nhi nhân nghĩa tồn yên"** (Ăn trộm móc khóa thì bị giết; ăn trộm nước thì làm chư hầu; cửa chư hầu ắt có nhân nghĩa). **"Cố viết: ngư bất khả thoát ư uyên, quốc chi lợi khí, bất khả dĩ thị nhân"** (Cho nên nói: cá không thể thoát khỏi vực sâu, vũ khí lợi hại của nước không thể đem ra phô trương cho người thấy).

Thứ nữa, trong thơ từ triết của thi nhân Đường, cũng thấy đại khái.

Đường Ngạn Khiêm, *Qua Trường Lăng*:

Nhĩ văn minh chủ đề tam xích, nhãn kiến ngu dân đạo nhất bồi.
Tai nghe minh chủ giơ kiếm ba thước; mắt thấy dân ngu trộm một nắm đất.

Thiên cổ hủ Nho kỵ sấu mã, Bá Lăng tàn nhật trùng hồi đầu.
Nghìn đời hủ Nho cưỡi ngựa gầy; chiều tàn Bá Lăng lại ngoảnh đầu.

Chương Kiệt, *Hố đốt sách*:

Trúc bạch yên tiêu đế nghiệp hư, quan hà không tỏa Tổ Long cư.
Khói tre lụa tan, nghiệp đế đã không; quan hà khóa suông chỗ ở Tổ Long.

Khanh hôi vị lãnh Sơn Đông loạn, Lưu Hạng nguyên lai bất độc thư.
Tro hố chưa nguội, Sơn Đông đã loạn; Lưu, Hạng vốn chẳng đọc sách.

Lại có *Tỳ Lăng đăng cao*:

Trần thổ thập phân quy cử tử, càn khôn đại bán thuộc thâu nhi.
Bụi đất mười phần về tay kẻ sĩ; càn khôn quá nửa thuộc bọn trộm.

Trường Dương vũ liệp tu lưu bản, khai tế trùng vi khuyết hạ kỳ.
Săn *Trường Dương* còn phải để bản; khai tế lại hẹn dưới cửa khuyết.

Thơ văn hay đều hàm chứa nhiều ý vị triết lý, nên Khổng Tử bắt con Khổng Lý học thơ, chẳng phải muốn cậu chui vào ngõ hẹp làm thi nhân mà thôi. Hiểu những lẽ ấy, cố nhiên cũng đọc thông thiên *Đạo Chích* trong *Tạp thiên* của *Trang Tử*, chẳng phải mỉa. Đồng thời cũng thấy tư tưởng Thạch Đạt Khai **"khởi tự thất phu phương kiến dị, ngộ phi thiên tử bất vi long"** (nổi từ kẻ thất phu mới thấy lạ; không phải gặp thiên tử thì chẳng nên nghiệp lớn), cũng đều diễn sinh từ triết lý của bọn trộm trong câu **"càn khôn đại bán thuộc thâu nhi"** (càn khôn quá nửa thuộc về bọn trộm) mà ra.

Ngoài ra ở Tây phương như đại đế Caesar của La Mã, đại đế Alexander, đại đế Octavius, Napoléon, cũng không ra ngoài lệ ấy. Họ không biết phương Đông có Lão Tử của Đạo gia, nhưng Đông có người thường, Tây có người thường, người đâu cũng một lòng ấy, lòng đâu cũng một lý ấy, như cùng một vết. Nếu bảo đó là vinh quang sử loài người, hoặc cho là nỗi buồn của văn hóa người, cũng thế nào cũng được. Nhưng tổng không thể bắt Lão Tử đội oan ấy, gán tội lừa đời trộm danh! (cười)

Kỳ thực, từ Đạo diễn ra Đức, Đức lại diễn ra nhân, nghĩa, lễ, nhạc, rồi từ nhân nghĩa lễ nhạc diễn ra quyền thuật, đúng là đường đi của lòng người, càng lúc càng tệ, càng chìm sâu. Nhưng cái diệu của chỗ gọi là "thuật hóa", cũng vẫn **"hữu vô tương sinh"** (có và không cùng sinh ra nhau), **"đồng xuất nhi dị danh"** (cùng xuất phát mà khác tên). Thiên *Thuật Hóa* trong *Hóa Thư* của Đàm Tiếu chính là lời giải hay. Như nói:

> ***"Thủy đậu khả dĩ hạ nịch, chử khang khả dĩ liệu yết. Tư vật dã, thủy chế ư nhân, hựu phục dụng ư nhân. Pháp bản vô tổ, thuật bản vô trạng, sư chi ư tâm, đắc chi ư tượng"*** *(Lỗ nước có thể làm chết đuối; cám giã có*

> *thể chữa nghẹn. Vật ấy, người làm ra trước, rồi lại dùng vào người. Pháp vốn không tổ, thuật vốn không hình; lấy thầy nơi lòng, được nơi tượng).*

> ***"Dương vi âm sở phục, nam vi nữ sở chế, cương vi nhu sở khắc, trí vi ngu sở đắc. Dĩ thị dụng chi tắc chung cổ khả sử chi á, xa cốc khả sử chi đấu, thê tử khả sử chi cải dịch, quân thần khả sử chi ly hợp"** (Dương bị âm phục; nam bị nữ chế; cứng bị mềm khắc; trí bị ngu được. Đem dùng như thế thì chuông trống có thể bắt câm, bầu xe có thể bắt đấu, vợ con có thể bắt đổi dời, vua tôi có thể bắt ly hợp).*

> ***"Vạn vật bản hư, vạn pháp bản vô, đắc hư vô chi khiếu giả, tri pháp thuật chi yếu hồ"** (Vạn vật vốn hư, vạn pháp vốn không; kẻ nắm được cái khiếu hư vô ấy, mới hiểu được chỗ cốt yếu của pháp thuật).*

Nước chảy mây trôi, chẳng dừng

Nếu lấy nghĩa gốc tư tưởng văn hóa truyền thống Trung Quốc mà xem Lão Tử, điều ông nói hoàn toàn cùng mạch với Chu Văn vương, Chu Công (Cơ Đán), Khổng Tử, những người noi theo mà thuật lại tư tưởng truyền thống. Trong lời quẻ, lời hào *Chu Dịch*, hết lần này lần khác nêu: mọi phép của vũ trụ, suốt không rời luật nhân quả tuần hoàn qua lại.

Có với không, là nhân quả cho nhau, cùng sinh ra nhau, đổi cho nhau. Chỗ nặng ở chữ 生 (sinh) trong **"tương sinh"** (cùng sinh ra nhau). Cố nhiên cũng có thể nói là diệt lẫn nhau, nhưng văn hóa truyền thống ta lấy mặt sinh, không lấy mặt diệt.

Khó với dễ, vốn là phép thành tựu cho nhau; chỗ nặng ở chữ 成 (thành) trong **"nan dị tương thành"** (khó và dễ cùng thành tựu nhau). Thiên hạ không có việc dễ thành, nhưng việc thiên hạ, ngay phút thành, thì rất dễ; mà phàm việc lúc đầu nhìn đều dễ, làm đều rất khó. Nhưng **"đồ nan ư dị"** (tính việc khó từ chỗ dễ) chính là bí quyết thành.

Cao với thấp, vốn nghiêng về nhau mà tự về chỗ bằng. Chỗ nặng ở chữ 倾 (khuynh) trong **"tương khuynh"** (cùng nghiêng về nhau). Trên cao chót vót, dưới thấp lè tè, nhìn bề ngoài tuyệt không ngang bằng một mực. Nhưng trời đất vũ trụ vốn đang xoay trong vòng tròn. Phàm việc, cao tất đổ, lại về chỗ bằng. Dù không đổ mà về chỗ bằng, trong vòng xoay hình cung, cao thấp vốn cùng một luật. Phật nói: **"Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ"** (Pháp này bình đẳng, không có cao thấp), cũng cùng nghĩa ấy. Lời hào cửu tam quẻ Thái trong *Kinh Dịch* nói: **"Vô bình bất bĩ, vô vãng bất phục"** (Không bằng mà chẳng nghiêng, không đi mà chẳng quay về), cũng cùng lẽ ấy.

Âm với thanh hòa nhau, mới thành nhịp hòa của tự nhiên. Vì thế lại có câu **"cầm vô thanh, thú vô âm"** (chim không có thanh, thú không có âm). *Nhạc Kinh* trong *Lễ Ký* nói: **"Cảm ư vật nhi động, cố hình vi thanh; thanh tương ứng, cố sinh biến; biến thành phương, vị chi âm"** (cảm với ngoại vật mà rung động, nên phát ra thành tiếng; các tiếng ứng hòa với nhau nên sinh ra biến hóa; biến hóa mà thành khuôn phép nhất định thì gọi đó là âm).

Trước với sau, vốn theo nhau mà đến, theo nhau mà đi, không có ranh giới. Dù trước sau của thời hay của chỗ, đều là ranh giới do người đặt. Chỗ nặng ở chữ 随 (tùy) trong **"tương tùy"** (cùng theo nhau). Trước đi sau tới, sau tới lại trước đi: bước chân của thời gian, không gian, người vật, mãi theo nhau xoay vòng, không nghỉ.

Tóm lại, Lão Tử chỉ ra: dù có không, khó dễ, cao thấp, âm thanh, trước sau, mọi thứ trên cõi hiện tượng, đều dùng lẫn cho nhau, nhân quả cho nhau, trong luật xoay tự nhiên. Không có một ranh giới tuyệt đối thiện hay bất thiện, đẹp

hay không đẹp. Vì thế ông dạy người nhận ra cái diệu của Đạo, noi phép tự nhiên của trời đất vũ trụ: không chấp, không lệch, không ích kỷ, không chiếm, làm mà như không làm. Nên ông nói: **"Thị dĩ thánh nhân xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo, vạn vật tác yên nhi bất từ. Sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, công thành nhi phất cư. Phù duy phất cư, thị dĩ bất khứ"** (Vì vậy thánh nhân xử lý việc bằng vô vi, dạy dỗ bằng không lời; vạn vật sinh ra mà không từ chối. Sinh ra mà không chiếm hữu, làm mà không cậy công, công thành mà không ở lại. Chính vì không ở lại, nên không bị mất đi).

Cái gọi là **"xử vô vi chi sự"** (xử lý việc bằng vô vi), là phép làm mà như không làm: mọi việc làm nên như nước chảy mây trôi, nghĩa đáng làm, lý đáng phải làm, thì làm việc đáng làm. Làm rồi, như nhạn qua trời rộng, gió thoảng mặt trúc, không vướng mảy dấu, không một hạt bụi trong ngực.

Cái gọi là **"hành bất ngôn chi giáo"** (dạy dỗ bằng không lời), là nói muôn việc dạy bằng lời không bằng làm gương: chỉ nói không làm, hoặc làm rồi mới nói, thường chỉ uổng môi miệng. Vì thế như Tư Mã Tử Trường (Thiên), người tôn Đạo gia, khéo học lời Lão Tử, trong bài tự của ông, mượn ý Khổng Tử: **"Ngã dục tải chi không ngôn, bất như kiến chi ư hành sự chi thâm thiết trước minh dã"** (Ta muốn ghi bằng lời suông, chẳng bằng thấy rõ ràng sâu sắc nơi việc làm). Đều cùng một lẽ.

Suy rộng ra, Lão Tử lại nói: **"Vạn vật tác yên nhi bất từ, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị"** (Vạn vật sinh ra mà không từ chối; sinh ra mà không chiếm hữu; làm mà không cậy công). Ví như vạn vật trong trời đất này, chúng không từ khó nhọc mà làm. Nhưng làm rồi, dù sinh mãi cũng không giữ làm của mình; làm cũng không cậy có công với người, hay có công với trời đất. Chúng chẳng bao giờ lấy thành quả đã làm xong giữ làm của riêng. Chữ 居 (cư) trong **"phất cư"** (không ở lại) chính là chiếm chỗ, ở lấy. Chính vì trời đất vạn vật làm như thế, không tự chiếm làm của mình, trái lại khiến người ta càng kính, càng nương theo sự vĩ đại của tự nhiên, suốt không rời nó mà sống cách khác. Nên thánh nhân thượng cổ ngộ lẽ ấy, bèn noi phép tự nhiên mà xử việc người: **"xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo"** (xử lý việc bằng vô vi, dạy dỗ bằng không lời), ấy là bậc thượng trí.

Thượng Kinh · Chương 3

Bất thượng hiền, sử dân bất tranh;

Không tôn sùng người hiền tài, khiến dân không tranh giành;

bất quý nan đắc chi hóa, sử dân bất vi đạo;

không coi trọng hàng hóa khó kiếm, khiến dân không trộm cắp;

bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn.

không phô bày điều đáng ham muốn, khiến lòng dân không loạn.

Thị dĩ thánh nhân chi trị, hư kỳ tâm, thực kỳ phúc,

Vì vậy cách trị của thánh nhân là: làm trống lòng (dục vọng), làm no bụng (thực chất),

nhược kỳ chí, cường kỳ cốt.

làm yếu ý chí (tranh giành), làm mạnh xương cốt (thân thể).

Thường sử dân vô tri, vô dục.

Thường khiến dân không có tri thức (phân biệt), không có dục vọng.

Sử phù trí giả bất cảm vi dã, vi vô vi, tắc vô bất trị.

Khiến kẻ có mưu trí không dám hành động. Làm bằng vô vi, thì không có gì là không được trị.

Lão Tử coi nhẹ hiền tài đương thời

Chương thứ ba là chỗ đem phép tắc tự nhiên của trời đất mà mở rộng ra, đưa vào đạo trị đời trong cõi người. Chữ nghĩa chương này sáng sủa trôi chảy, ai đọc cũng hiểu, giảng cũng dễ. Nhưng trong đó có ba điểm cốt yếu cần để ý riêng, đó là **"bất thượng hiền, sử dân bất tranh; bất quý nan đắc chi hóa, sử dân bất vi đạo; bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn"** (không tôn sùng người hiền tài, khiến dân không tranh giành; không coi trọng hàng hóa khó kiếm, khiến dân không trộm cắp; không phô bày điều đáng ham muốn, khiến lòng dân không loạn).

Đọc sách từ đời Tần Hán trở lên, hễ gặp chữ 民 (dân) thì phải cẩn thận tìm nghĩa, nghĩ cho kỹ, phân cho rõ, đừng vội cho rằng "dân" tức là dân đen trăm họ, rồi liên tưởng sang nghĩa "quốc dân" trong tiếng nói bây giờ. Nhận như thế là hỏng hẳn quan niệm. Chữ "dân" trong sách xưa chính là "người ta", hoặc "loài người" theo cách nói ngày nay. Thời ấy từ ngữ còn ít, nên thường dùng lối chuyển chú và giả tá, tức mượn chữ này để dùng cho nghĩa kia. Thật ra chữ "dân" chỉ là một tên gọi chung thay cho tất cả mọi người. Nếu không nhận rõ chỗ này thì rất dễ hiểu lầm rằng đó là tiếng người trên gọi kẻ dưới, hóa thành giọng của vua chúa cai trị thời xưa.

Chương hai đã nói tới chuyện làm người xử thế phải bắt chước đạo trời, **"tác yên nhi bất từ, sinh nhi bất hữu"** (vạn vật sinh ra mà không từ chối, sinh ra mà không chiếm hữu), tức là đem hết sức mình mà đóng góp, không nề nhọc nhằn. Nhưng với mình thì tuyệt không tính toán danh lợi, việc thành rồi cũng không giữ làm của riêng. Đó là noi theo tinh thần của trời đất: sinh sôi không dứt, nuôi lớn muôn vật muôn loài, chỉ có ban ra chứ không hề có mảy may ý chiếm làm của mình, càng không đòi bên kia phải đền đáp. Người ta mà biết bắt chước cái lòng của trời đất để làm người xử việc, đó mới là mẫu mực đạo đức cao nhất. Còn nếu cho rằng mình đóng góp quá nhiều, người khác hưởng quá hời, mà phần mình thu về lại quá ít, thì đó chính là đã nề nhọc nhằn, đã có lòng oán trời trách người, chứ không còn là tinh thần noi theo lẽ tự nhiên của đạo trời nữa.

Từ chỗ triển khai vận dụng nguyên lý ấy mà nói sang việc người, đạo trị đời, trước hết Lão Tử nêu ngay nguyên tắc "bất thượng hiền, sử dân bất tranh". Nhưng ta cần hiểu rằng thời Lão Tử là thời Xuân Thu, hình thái xã hội bấy giờ đang đổi thay. Chế độ tỉnh điền dựng lên hồi đầu nhà Chu đã không còn hợp với đà phát triển của xã hội lúc đó. Vì thế thời Xuân Thu đã bước vào giai đoạn tranh quyền đoạt lợi, xã hội rối loạn lớn. Nghiên cứu lịch sử, ta thấy rất rõ: hễ xã hội rơi vào thời loạn thì cái gọi là đạo đức nhân nghĩa, những khuôn phép làm người ấy, nhất định bị lung lay và bị phá hoại thảm hại. Ngược lại, thời loạn cũng là lúc nhân tài lớp lớp xuất hiện, là cái nôi nuôi lớn học thuật tư tưởng. Nói theo chữ của phương Tây thì các "triết gia" và "nhà tư tưởng" cũng đều sinh ra trong những thời biến loạn như thế; xưa nay trong lịch sử hầu như đó là lệ chung.

Đồng thời, đang giữa cơn đại loạn như thời Xuân Thu Chiến Quốc, chư hầu mỗi nước, người đứng đầu mỗi vùng, lúc nào và ở đâu cũng vơ vét nhân tài, cất nhắc kẻ sĩ hiền năng, lấy đó làm vốn liếng để tranh quyền đoạt lợi, xưng vương xưng bá. Cho nên "kẻ sĩ hiền tài" thời ấy, tức những người có tài, có học, có món nghề hơn người, dĩ nhiên được trọng vọng. 尚 (thượng) là coi trọng, tôn lên. 贤 (hiền) là tiếng gọi chung cho người gồm đủ cả ba mặt tài, đức, học.

Chẳng hạn Khổng Tử, người tiêu biểu cho nhà Nho, tuy không đặc biệt đề cao người hiền, nhưng lại nêu cao chữ "quân tử". Quan niệm "quân tử" dưới ngòi bút Khổng Tử có bao gồm cả người hiền hay không, thật khó vội kết luận. Nhưng đến Mạnh Tử về sau thì rất rõ: ông nêu bật tầm quan trọng của người hiền và người có tài. Câu nổi tiếng của ông, **"hiền giả tại vị, năng giả tại chức"** (người hiền thì ở ngôi, người có tài thì giữ chức), chính là vậy.

Vì sao Lão Tử lại chủ trương như thế? Nếu hiểu tư tưởng của Mặc Địch, tức Mặc Tử, nhà đứng ngang hàng với Đạo gia và Nho gia thời trước Tần Hán, ta sẽ dễ nắm được mấu chốt.

Ai cũng biết, trong văn hóa Trung Quốc trước Tần Hán, ba nhà có ảnh hưởng lớn nhất là Nho, Mặc, Đạo. Mà tư tưởng chính trị xã hội của Mặc Tử thì đặc biệt nhấn mạnh chuyện **"thượng hiền"** (chuộng người hiền), chủ trương cất nhắc người hiền lên nắm việc nước, cầm quyền. Bởi ông thấy xã hội đương thời suy loạn, đâu đâu cũng cường quyền ngang ngược, tranh quyền đoạt lợi mà làm càn, phần lớn những kẻ đứng đầu việc trị nước đều chẳng phải người có đạo đức, có học vấn; cho nên ông chủ trương "thượng hiền" và "thượng đồng" (trên dưới cùng chung một mối). Chữ "đồng" của ông không hẳn ăn khớp với chữ "đồng" trong tư tưởng "đại đồng" mà Khổng Tử chép ở thiên *Lễ vận*, nhưng cũng có ít nhiều dây mơ rễ má. Chữ "đồng" ấy gần với quan niệm bình đẳng của đời sau. Cái chủ trương bình đẳng mà ngày nay người ta nói nhiều, thì trong văn hóa thượng cổ Trung Quốc, Mặc Tử hồi đầu Chiến Quốc đã nêu ra từ lâu. Còn ở Ấn Độ, Thích Ca Mâu Ni lại nêu ra sớm hơn nữa cái lý hết thảy chúng sinh đều bình đẳng.

Ở đây ta không bàn về Mặc Tử, mà chỉ chú ý riêng chủ trương "thượng hiền" của ông: vì sao nó lại rất gần quan niệm của Mạnh Tử bên Nho gia, mà ngược hẳn với tư tưởng Lão Tử bên Đạo gia? Ấy là do thời thế lịch sử đổi thay đã kích thích tư tưởng học thuật, khiến chỗ giống chỗ khác nảy ra. Mặc Tử là người nước Tống thời Xuân Thu Chiến Quốc, mà nước Tống là dòng dõi nhà Ân Thương. Vả lại, xét tình hình nước Tống thời ông, so với các nước chư hầu suy loạn khác thì chỉ hơn chứ không kém. Nhưng cái làm cho một xã hội, một nước, một thời đại loạn lên, trong bao nhiêu nguyên nhân rối rắm chồng chéo, thì nguồn loạn lớn nhất vẫn là chuyện con người, chuyện việc người. Nhất là khi kẻ nắm việc nước, cầm quyền chính, toàn là tiểu nhân chứ không phải quân tử, thì việc thiên hạ ra sao, chẳng cần hỏi cũng biết.

Bởi vậy nhà thơ đời sau mới có câu than thấm thía **"tự tòng Lỗ quốc san nhiên hậu, bất thị gian nhân tức phụ nhân"** (từ bận rơi nước mắt ở nước Lỗ về sau, kẻ làm hỏng việc nước nếu không phải người gian thì là đàn bà). "Rơi

nước mắt ở nước Lỗ" là chỉ việc Khổng Tử tận mắt thấy cả hệ thống văn hóa Trung Quốc từ ba đời truyền xuống tới nhà Chu **"úc úc hồ văn tai"** (rực rỡ thay văn vẻ), vậy mà đến nước Lỗ là quê cha đất tổ của ông thì đã bắt đầu biến chất, suy bại; quyền nước của nước Lỗ, vốn thuộc dòng dõi Chu Công, lại rơi cả vào tay bè đảng gian nịnh. Vì thế ông đành ngậm ngùi ứa nước mắt rời bỏ nước nhà, đi xa xứ khác. Từ đó về sau, lịch sử không sao trở lại cảnh thái bình như ba đời trước nữa. Cũng vậy, sử sách các đời cho ta thấy: phá vỡ sự yên ổn của xã hội, gây hết cơn biến loạn này đến cơn biến loạn khác trong lịch sử văn hóa, đại để đều do "nếu không phải người gian thì là đàn bà" mà ra. Cho nên chủ trương của Mặc Tử chính là kết luận rút ra từ những gì ông biết, ông thấy, ông cảm nhận ngay tại chỗ mình đứng, để rồi lớn tiếng kêu gọi "thượng hiền" và "thượng đồng".

Còn Lão Tử thì sao? Thời Xuân Thu ông trông thấy đúng vào lúc bắt đầu suy loạn, mầm loạn đã nhú, mà lỗi là do người gây ra. Vì thế ông đi sâu thêm một tầng, chỉ thẳng rằng cái toa thuốc "thượng hiền" bốc theo bệnh thời ấy sẽ để lại di chứng rất lớn. Chuẩn mực thế nào là hiền, là tài, muôn đời khó định cho xong. Mà đề cao người hiền thì rốt cuộc lại sinh ra biết bao lời nói việc làm giả trang. Chư hầu các nước bấy giờ, vì giành đất xưng bá, không tiếc giá nào để vơ cho hết kẻ sĩ tài trí trong thiên hạ. Hễ là kẻ có tài có trí thì đều được gọi chung là "người hiền". Mà hạng "người hiền" ấy càng nhiều thì nguồn loạn trong thiên hạ càng khó dẹp. Cho nên ông nêu ra chủ trương "bất thượng hiền, sử dân bất tranh".

Hiền và không hiền: phân biệt quân tử tiểu nhân

Nói tới đây, ta hãy tạm gác Lão Tử sang một bên, kể thêm ba câu chuyện đời sau, rồi sẽ dễ hiểu dụng ý lời ông hơn.

Một là câu đối đáp giữa danh Nho đời Nam Tống là Trương Nam Hiên (tên Thức) với Tống Hiếu Tông. Tống Hiếu Tông nói: khó kiếm được bề tôi làm được việc. Trương Thức, chức Hữu Văn điện tu soạn, thưa: Bệ hạ nên tìm bề tôi hiểu việc, chứ đừng tìm bề tôi làm được việc. Nếu chỉ tìm bề tôi làm được việc, thì ngày sau kẻ làm hỏng việc của bệ hạ chưa chắc đã không phải chính người ấy.

"Hiểu việc", chữ Hán là 晓事, vốn là tiếng nói thường ngày đời Đường Tống, cũng tức là **"biết điều, hiểu chuyện"** (懂事) trong tiếng nói ngày nay. Trương Nam Hiên khuyên Tống Hiếu Tông nên dùng người hiểu chuyện, chứ đừng chỉ dùng kẻ làm được việc mà không hiểu chuyện; quả là lời nặng lòng tâm huyết, cũng là điều người lãnh đạo, người cầm việc nước nhất định phải hiểu.

Hai là chuyện Phùng Mộng Long đời Minh tự kể trong *Cổ kim đàm khái* (góp nhặt chuyện xưa nay): Xưa quan Trủng Tể người Phú Bình là Tôn Phi Dương (người Phú Bình, tự Thúc Hiếu, đỗ tiến sĩ đời Gia Tĩnh, làm Thượng thư bộ Lại, mất được truy thụy là Cung Giới), hồi còn tại chức, các tân tiến sĩ tới ra mắt, cùng xin lời chỉ dạy. Ông bảo: "Làm quan chẳng có gì khó lắm, chỉ đừng giở trò lạ." Thật là lời của bậc danh thần! Mà đâu phải chỉ riêng việc làm quan mới thế!

Nhân tài trong thiên hạ, kẻ sĩ hiền vốn đã khó kiếm. Người vừa hiền vừa có tài, lại thêm cái khôn ngoan sáng suốt của kẻ hiểu việc, không khoe chỗ giỏi của mình, không giở trò lạ lập dị, nhằm đúng chỗ nguy chỗ hỏng mà thuận thế dẫn dắt cho tới cảnh yên trị, bậc đại hiền như thế thật khó kiếm. Hiền như Gia Cát Lượng, vừa mất là không còn ai nối tiếp, để tiếc mãi về sau. Tuy vậy, Ngụy Diên, Lý Nghiêm cũng là nhân tài, nhưng Gia Cát Lượng chỉ sợ họ hay giở trò nên không dám dùng vào việc lớn; đó là bằng chứng rõ ràng.

Ba là chuyện Lưu Ngạc cuối đời Thanh chép trong *Lão Tàn du ký* (chuyện ngao du của Lão Tàn). Vì nghe danh đã lâu một ông quan thanh liêm, ông không ngại đích thân rời kinh đi xem cho ra lẽ. Nhưng kết quả thu được lại làm ông

thất vọng lớn. Vì thế ông rút ra một kết luận: "Việc trong thiên hạ hỏng vì kẻ gian tà thì mười phần chỉ ba bốn, còn hỏng vì hạng quân tử không thông việc đời thì mười phần tới sáu bảy." Đây lại là một góc nhìn khác tả cái khó kiếm của người vừa hiền vừa có tài.

Về chuyện này, quan Giám sát ngự sử đời Càn Long đầu nhà Thanh là Hùng Học Bằng, nhân câu Trương Thức (Nam Hiên) đáp Tống Hiếu Tông, đã viết một bài luận đi sâu hơn, có thể tạm mượn làm lời khép lại vụ án:

> *Kẻ bề tôi kính cẩn xét rằng: bụng dạ Trương Thức khi nói câu ấy chẳng phải là không tốt. Nhưng mấy chữ "đừng tìm bề tôi làm được việc" thì chưa hẳn là không có chỗ sai.*

Trong thiên hạ, kẻ muốn làm việc mà không hiểu việc, cố nhiên đủ mở ra cái họa rối ren. Còn kẻ tuy hiểu việc mà không chịu làm việc thì càng để lại cái lo bê trễ, buông xuôi.

Bởi bề tôi phải kính việc trước, hưởng lộc sau; thấy việc thì cần sáng suốt, mà gánh việc lại càng cần dũng cảm. Sáng suốt mà không dũng cảm, ấy là lúc gánh việc vốn đã không có lòng kính việc, thì còn mong gì việc nên, còn mong gì tâu được thành tích?

Huống chi hai chữ "kính việc" có thật có giả, không thể không tìm ngay trong lúc làm việc mà xét. Người từng trải, thận trọng, thông hiểu thể thống việc trị nước, đối với một việc phải trái cong ngay thế nào, trước sau trái phải ra sao, không chỗ nào là không tính toán cho vẹn toàn, rồi mới đem ra làm. Quan lẫn dân đều nhờ đó mà được phúc, triều đình nhờ đó mà nên công; gọi người ấy là hiểu việc thì thật không thẹn với hai chữ hiểu việc.

Còn như hạng cậy tài cậy trí, coi cả đời bằng nửa con mắt, lúc chưa được dùng cũng từng đem việc trong triều ra cân nặng nhẹ, đắn đo phải trái, luôn miệng bảo ngày sau nhất định sẽ hăng hái làm nên. Thế mà vừa gánh lấy trách nhiệm, chưa được bao lâu đã sinh lòng nghe ngóng, chưa được bao lâu đã sinh thói lần lữa, qua quýt cho xong, xuê xoa cho êm, chẳng sắp đặt được gì.

Chẳng phải họ không biết trong việc chỗ nào nên chỗ nào không, nhưng hoặc vì e ngại mà không dám nói ra, hoặc vì vướng víu mà không chịu làm; thế rồi mượn tiếng "hiểu việc" để giữ yên thân mình nhà mình, lại khéo lấy lời văn che đậy.

Hạng người ấy, dùng làm quan nhỏ thì ở một huyện, việc một huyện vì thế mà rã rời; ở một quận, việc một quận vì thế mà bê trễ hèn kém. Sai đi chạy việc thì không chắc họ dám xông thẳng lên phía trước. Giao coi giấy tờ án từ thì không chắc họ soi xét cho khớp cho đúng. Đến khi dùng làm đại thần thì cái hại lan ra càng không kể xiết.

Đại thần là người gánh lấy chỗ triều đình trông cậy như tay chân, như tim óc, đáng lẽ phải quả quyết lấy việc thiên hạ làm trách nhiệm của mình, cùng một lòng một đức với vua, để làm nên cảnh trên dưới thông nhau thịnh vượng. Nếu không được người thật lòng làm việc, mà chỉ có kẻ qua quýt cho xong trách nhiệm, bề ngoài làm ra vẻ điềm tĩnh để tỏ mình là hiểu việc, thì nhà nước còn trông cậy gì được ở hạng người ấy?

Vả lại, hạng người ấy mà giữ chức nặng, thì những kẻ họ kéo vào hùa theo tất là bọn bạc nhược mềm yếu, ngày thường chẳng bao giờ dám nói thẳng, mặt thẳng; rồi họ nhận làm cùng phe, tiến cử bừa, khen bậy. Lâu ngày thành thói, thành nếp, thảy đều trơ lì vô sỉ, mà sĩ khí vì thế bị quét sạch.

Cho nên *Kinh Dịch* nói: **"vương thần kiển kiển, phỉ cung chi cố"** (bề tôi của vua vất vả gian nan, chẳng phải vì việc riêng của thân mình), lại nói: **"túc dạ phỉ giải, dĩ sự nhất nhân"** (sớm khuya chẳng trễ nải, để thờ một người).

Đã làm bề tôi của vua mà tự khích lệ mình bằng chữ "chẳng vì thân mình", đã thờ một người mà tự răn mình bằng chữ "sớm khuya", thì đâu phải là chuyện hạng chỉ hiểu việc mà không làm việc có thể dự vào.

Tóm lại, việc chẳng ra ngoài cái lý. Không xét cho rõ lẽ đương nhiên của cái lý, mà cứ buông ý riêng, đem việc ra xáo trộn thay đổi, thì đó là bề tôi bày việc, rốt cuộc chẳng phải bề tôi làm được việc.

Gọi là người làm được việc, tức là làm nổi việc ấy mà không hổ thẹn, thế thì rõ ràng đó chẳng phải bề tôi không hiểu việc.

Kẻ bề tôi ngu này trộm nghĩ, Trương Thức sợ Tống Hiếu Tông lầm bề tôi bày việc là bề tôi làm được việc, thì chỉ nên thưa rằng: bệ hạ vốn muốn tìm bề tôi làm được việc, vậy hãy tìm thêm trong đám bề tôi làm được việc lấy người hiểu việc. Được thế thì lòng đủ để hiểu việc, mà thân đủ để làm việc; cả lòng lẫn thân đều đem dùng cho nước, cùng nhau gánh vác việc chính trị, họa may mới là được người.

Nhờ ba câu chuyện lịch sử dẫn ở trên, đi thêm một tầng nữa, ta biết rằng chuẩn mực hiền tài trong câu **"tuyển hiền dữ năng"** (chọn người hiền, dùng người tài) thật khó vội định nghĩa. Lấy đạo đức làm chuẩn chăng? Lấy nhân nghĩa làm chuẩn chăng? Hay lấy tài năng làm chuẩn? Dù thế nào thì rốt cuộc cũng bị kẻ xấu lợi dụng: hễ dựng lên một cái chuẩn mặt phải thì lập tức có ngay cái khuôn giả mặt trái. Cho nên người xưa nói: **"nhất cú hợp đầu ngữ, thiên cổ hệ lư quyết"** (một câu nói cho vừa tai, thành cái cọc buộc lừa muôn đời). Nói một câu, đặt ra một đạo lý, chẳng khác nào bạn đóng sẵn một cái cọc ở đó, tưởng để buộc những thứ quý giá. Nhưng buộc mãi thành quen thì lừa, hay chó săn chim ưng, cũng đều móc vào đó được cả. Đó là chuyện tất phải đến, lẽ vốn dĩ nhiên.

Thật ra, ta biết rằng "thượng hiền" hay "bất thượng hiền", rốt cuộc đằng nào hay hơn, đều không phải chỗ mấu chốt. Chỗ nặng là ở tầng lãnh đạo: dù với việc chính trị, việc giáo dục hay bất cứ việc gì, nếu không nêu riêng lên một cái chuẩn nào, một cái khuôn mẫu nào, thì người có tài trí sẽ phát triển theo đà tự nhiên, còn người tài kém cũng cứ yên ổn mà sống đời mình. Nhưng nếu cứ nêu lên rằng làm thế nào mới là người tốt, thì mọi người vì giành cho được cái đích làm người tốt ấy, cuối cùng sẽ chẳng từ thủ đoạn nào để giành lấy cái khuôn "người tốt" kia. Mà đã dùng thủ đoạn để giành cái khuôn người tốt, thì ngay trong quá trình "tranh" ấy, việc người lại hóa rối loạn. Cho nên câu **"bất thượng hiền, sử dân bất tranh"** (không tôn sùng người hiền tài, khiến dân không tranh giành) Lão Tử nêu ra đâu phải lời mỉa mai của một tư tưởng tiêu cực.

Ngoài ra, học thuyết Pháp gia vốn là một nhánh chảy ra từ Đạo gia, nó với tư tưởng Lão Trang cũng gắn bó khăng khít với nhau. Hàn Phi Tử, người nổi tiếng nhất của Pháp gia, nêu ra một lý thuyết mà có thể nói là chỗ khai triển cùng một mạch với quan niệm "bất thượng hiền, sử dân bất tranh" của Lão Tử; có điều ông chủ trương lấy pháp trị mà dẫn dắt xã hội, không nhất thiết phải nêu cao lối chính trị thánh hiền đạo đức. Ông nói:

> *Kẻ yêu nhau thì kết bè mà khen nhau, kẻ ghét nhau thì kết đảng mà chê nhau; chê với khen tranh nhau, thì người làm chủ hóa mê. Nhà có nghề nghiệp thường xuyên thì tuy đói cũng không chết đói; nước có phép tắc thường xuyên thì tuy nguy cũng không mất. Nếu bỏ phép mà theo ý riêng, thì bề tôi tô vẽ tài trí của mình; tô vẽ tài trí thì phép cấm không dựng lên được.*

Ông bảo, tâm lý xã hội loài người rất lạ: người ta thích "tỷ chu", tức xúm lại vai kề vai với nhau. (Chữ 比 (tỷ) giống như có một người đi trước, tôi từ sau theo lên, gọi là "tỷ". Chữ ấy mà quay ngược chiều thì thành chữ 背 (bối): anh đi đằng này, tôi đi đằng kia, tức là quay lưng lại mà chạy ngược đường nhau. Hiểu lối viết chữ ấy thì hiểu được nghĩa câu đời sau nói "bè cánh với nhau làm bậy". Còn 周 (chu) là cái vòng tròn.) Hai ba người tâm đầu ý hợp với nhau là thành một cái vòng nhỏ vô hình. Có ai hỏi về bạn mình: "Ông Trương ấy tốt chứ?" thì đáp ngay: "Bạn tôi ấy à, nhất rồi, tốt lắm." Còn nếu ai chê bạn mình một câu thì sinh sự cãi nhau với người ta. Ngược lại, "tương tăng giả, tắc tỷ đảng nhi tương phi", với người mình ghét thì hùa cùng người khác xúm vào công kích.

Thật ra, chuyện phải trái, chê khen giữa người với người trong xã hội rất khó có chuẩn mực tuyệt đối. Người ở địa vị lãnh đạo, đối với lời chê bai của những kẻ oán ghét nhau và lời khen ngợi của những kẻ bênh nhau, đều phải cẩn thận phân cho rõ, không thể nghe một bề mà bị mê hoặc. Nếu để cái nghe trước làm chủ, đã lệch một lần như thế, thành ra "tranh nhau chê khen", thì người làm chủ ắt mê.

Trước đây có người phê bình người Trung Quốc và cộng đồng Hoa kiều: "Hai người Trung Quốc ngồi lại với nhau là nảy ra ba luồng ý kiến khác nhau. Xem đó đủ thấy khuyết điểm lớn nhất trong tính cách dân tộc Trung Hoa là không đoàn kết." Tôi bảo: "Cũng chưa chắc. Hễ đã là con người thì cứ hai người ngồi lại với nhau là nảy ra ba luồng ý kiến khác nhau." Chẳng hạn một đôi vợ chồng, có lúc cũng mấy ý khác nhau, chỉ vì tình vì thương mà nhường nhau, thành ra hòa được, hoặc một bên chịu bỏ ý riêng. Lại như một nhà đông anh chị em, có lúc nổi tự ái, cãi cọ nhau, thật khó xác định ai phải ai trái; chỉ có thể dẫn ra một nguyên tắc: hễ đã tranh nhau thì cả hai bên đều đã có lỗi từ trước rồi. Vì thế Pháp gia chủ trương người ở địa vị lãnh đạo, đối với lời chê khen giữa phái này phái nọ, chỉ việc chiếu theo pháp mà quyết đoán, không để lòng thiên vị làm mê, thế là giữ được công tâm không riêng tư.

Hàn Phi từ hiện tượng trong một nhà mà mở rộng ra, suy tới cả một nước, nên nói: "Nhà có nghề nghiệp thường xuyên thì tuy đói cũng không chết đói. Nước có phép tắc thường xuyên thì tuy nguy cũng không mất. Nếu bỏ phép mà theo ý riêng, thì bề tôi tô vẽ tài trí của mình; tô vẽ tài trí thì phép cấm không dựng lên được." Đó chính là một chỗ mấu chốt tiêu biểu cho tư tưởng Pháp gia: không nêu riêng lối chính trị thánh hiền. Họ cho rằng con người rốt cuộc đều là người thường, thảy đều ngang nhau, phải lấy pháp trị làm gốc mới đúng. Cái lý ấy chính là trong ngoài đắp đổi, làm nền cho nhau với câu "bất thượng hiền, sử dân bất tranh" của Lão Tử. Do đó có thể biết tư tưởng Pháp gia quả thật ra từ Đạo gia.

Đạo gia và Pháp gia phân biệt người hiền

Lịch sử nhân văn chuyển vần song song với tư tưởng học thuật, xem ra rất thú vị, mà quả thật cũng là chuyện khó nghĩ cho cùng: có mặt phải tất có mặt trái, có phải thì có trái. Phải trái đúng sai thảy đều tùy thời gian, không gian, cộng thêm việc người đổi thay mà xê dịch khác nhau. Cũng thuộc Đạo gia là Dục Tử, tức Dục Hùng; nếu chỉ theo lối nói xưa truyền lại mà không bàn chuyện khảo cứu đời ông, thì ông còn có trước cả Lão Tử, thuộc thời Chu Văn Vương, người ngang danh sánh vai với Khương Thái Công, tức Lã Thượng, cũng giữ vai quân sư hoặc người bàn mưu lược cho Chu Văn Vương. Thế mà ông lại chủ trương cần cất nhắc người "hiền", còn nêu rõ tầm quan trọng của "kẻ sĩ hiền tài". Ông nói:

> *Thánh vương ở ngôi, trong trăm dặm có được một kẻ sĩ, cũng như là không có. Vương đạo suy rồi, ngàn dặm được một kẻ sĩ, thì đã như vai kề vai.*

Ý ông nói rằng thời thượng cổ lòng người còn chất phác, chẳng cần nêu cao đạo lý này danh hiệu nọ. Thời thượng cổ, thánh vương ở ngôi, dẫu trong trăm dặm có một người đạo đức học vấn rất khá, thì cũng chỉ là sống uổng một đời, chẳng khác gì người vô dụng. Bởi thời ấy ai cũng là người tốt, người nào cũng na ná như nhau, hà tất phải riêng mời mấy vị hiền nhân ra trị đời! Cũng ví như một xã hội hoàn toàn giữ phận theo phép, đã không có kẻ gian, không có việc phạm pháp, thì chẳng cần đến cảnh sát để ngăn ngừa, trông coi kẻ phạm pháp nữa. Nhưng ông lại nói, về sau vương đạo suy sút, xã hội loạn lạc, thì ngoài ngàn dặm nếu có một kẻ sĩ hiền tài cũng phải lập tức tìm về, kề vai cùng làm việc mà trị thiên hạ.

Lấy quan điểm của Dục Tử mà nhìn lịch sử thì đúng không sai chút nào. Chẳng hạn Triệu Nhuy sống thời Đường thịnh cũng là người của Đạo gia. Ông đầy một bụng học vấn mưu lược, nhưng sinh vào thời thái bình thì dùng vào đâu? Chỉ còn cách viết sách lập thuyết, để lại đời bộ *Trường đoản kinh* (sách bàn chỗ dài chỗ ngắn của mưu lược), rồi tự mình tu đạo làm ẩn sĩ. Triều đình có vời ra nhưng ông nhất định không xuống núi, vì thế trong sử gọi ông là Triệu Trưng Quân, tức người được vời mà không chịu ra. Ông tuy truyền nghề cho một học trò là Lý Bạch, tức nhà thơ Lý Thái Bạch, nhưng Lý Bạch về già lại đem tài ra dùng không đúng lúc, dùng cũng không đúng chỗ, kết quả suýt mang họa mất đầu. May mà hồi trẻ ông từng giúp Quách Tử Nghi lúc hoạn nạn, nên sau được Quách Tử Nghi hết sức bảo lãnh mới thoát chết. Giá ông sinh muộn hơn chút nữa, gặp cục diện loạn lạc sau An Lộc Sơn, Sử Tư Minh, thì có lẽ Lý Bạch đã có thể sánh vai với Lý Bí, vị tể tướng nổi tiếng đã dẹp loạn, lập lại trật tự cho triều Đường thời ấy, mỗi người một sở trường; trong lịch sử ông đã không chỉ thuộc hàng thi nhân văn sĩ, mà biết đâu còn có sự nghiệp rực rỡ của bậc danh thần, đại thần!

Bản thân Dục Tử chính là một ví dụ rất hay.

Xưa Chu Văn Vương gặp Dục Tử, bấy giờ ông đã chín mươi tuổi. Văn Vương nói: Chao ôi! Già rồi! Dục Tử thưa: Nếu sai hạ thần đi bắt cọp đuổi hươu thì hạ thần già thật rồi. Còn ngồi bàn mưu việc nước thì tuổi hạ thần hãy còn trẻ.

Thật ra hai chữ "già rồi" Văn Vương nói là câu bông đùa cố ý, mà cũng có đôi phần cảm khái cho chính mình. Khi Văn Vương dùng Khương Thái Công thì tuổi Lã Thượng đã ngoài tám mươi, xấp xỉ tuổi Văn Vương. Cố nhiên, Văn Vương ở tuổi ngoài chín mươi, biết rõ nghiệp lớn dựng nước đã không còn là việc tuổi mình làm nổi, giống như câu thơ của Triệu Dực đời Thanh: **"phong vân trướng hạ kỳ nhi tại, cổ giác đăng tiền lão lệ đa"** (dưới trướng gió mây vẫn còn đó những trai tài, mà trước ngọn đèn, trong tiếng trống tiếng tù và, nước mắt người già rơi nhiều). Vì thế ông mới đùa Dục Tử một câu "Chao ôi! Già rồi!". Là Dục Tử già, hay ông cảm khái chính mình cũng già? Chỉ riêng lòng ông biết. Nhưng câu đáp của Dục Tử lại vừa đúng ý Văn Vương, hai bên hiểu bụng nhau, khớp ngay một nhịp: một bên khát người hiền, một bên chờ đem tài ra bán; thế là mỗi người lấy được cái mình cần, ai cũng được chỗ của mình. Đó chẳng phải bằng chứng rõ ràng của việc "thượng hiền" sao? Vả lại, Pháp gia như Hàn Phi, tuy chủ trương pháp trị chứ không trọng nhân trị, nhưng người dùng pháp vẫn là "người", chứ không phải pháp. Người mà không dùng pháp thì pháp chỉ là đồ bỏ. Hàn Phi tự tiến cử mình, chính là tự nhận mình là bậc hiền tài, nhân đó mà đem rao bán cho bậc đế vương. Nếu người làm chủ không "thượng hiền" thì Hàn Phi biết đem cái hiền tài của mình đi khoe bán ở đâu?

Ta hãy thử xem thêm Hoài Nam Tử đời Tiền Hán, người sùng chuộng học thuật Đạo gia; ông nêu ý kiến ngược hẳn với chủ trương của Pháp gia, như nói:

> *Chim cùng đường thì mổ, thú cùng đường thì húc, người cùng đường thì gian dối. Hình nặng phép nghiêm cũng không cấm nổi điều gian.*

Cái lý ngược lại mà Hoài Nam Tử nêu ra ở đây đúng như Lão Tử nói: **"trường đoản tương giáo, cao hạ tương khuynh"** (dài và ngắn so với nhau, cao và thấp cùng nghiêng về nhau). Có mặt phải là có mặt trái. Hoài Nam Tử là Đạo gia, ông đem tư tưởng Đạo gia mà phản đối Pháp gia; trong khi Pháp gia vốn cũng ra từ Đạo gia. Đó là một chuyện khá thú vị.

Hoài Nam Tử nói: "Chim cùng đường thì mổ, thú cùng đường thì húc, người cùng đường thì gian dối." Chim đói mà không bắt được sâu để ăn, trông thấy khúc gỗ cũng cứ mổ bừa vào mà ăn. Thú dữ đói thật, vì kiếm miếng ăn thì mặc kệ người hay gì đi nữa cũng dám xông vào. "Người cùng đường thì gian dối", người ta đến lúc cùng thì nghĩ đủ mọi cách để sống, có phải lừa người cũng lừa. Như Hàn Phi Tử bên Pháp gia nói: "Nước có phép tắc thường xuyên thì tuy nguy cũng không mất." Hoài Nam Tử lại bảo chưa chắc: "Hình nặng phép nghiêm cũng không cấm nổi điều gian." Dù pháp lệnh có nghiêm ngặt tới đâu, động một tí là án tử, thì trong biển nghiệp của chúng sinh, người ta vẫn cứ phạm tội, vẫn cứ giết người như thường. Đó chính là cái lý "người cùng thì chí ngắn, ngựa gầy thì lông dài", cũng là chuyện không làm sao được. Đến lúc cùng đường hung dữ hết mức thì họ làm càn. Vì thế ông lại phủ nhận công dụng của pháp trị, cho rằng vẫn phải lấy đạo đức mà cảm hóa mới khiến thiên hạ thật sự thái bình.

Dù nói thế nào thì tư tưởng mỗi nhà cũng có sở trường riêng. Nhất là thời Xuân Thu Chiến Quốc, sách vở của các học phái nhiều đến không đếm xuể, ý kiến bàn hoài không hết. Trước tác nhiều tới mức người ta thật muốn đẩy sang một bên mà không đọc nữa. Lắm khi ta thấy mình cũng có chút thông minh, nghĩ ra được đạo lý tưởng chừng riêng mình mới nghĩ tới. Nhưng tình cờ đọc phải một quyển sách xưa thì đỏ mặt: cái lý mình nghĩ ra người xưa đã nói rồi, mấy ngàn năm trước đã có rồi, bây giờ mình mới nghĩ ra thì thật chẳng có gì đáng quý. Tóm lại, những tài liệu thuận nghịch như vừa bàn ở trên, trong sách vở nhiều lắm.

Nay trở lại câu **"bất thượng hiền, sử dân bất tranh"** (không tôn sùng người hiền tài, khiến dân không tranh giành) của Lão Tử. Chữ "hiền" ở đây là chỉ hạng người hiền nào? Người hiền thật sự được nêu lên ấy thì hiền tới mức nào? Rất khó có chuẩn. Dù là học thuyết Khổng Mạnh hay lời bàn Lão Trang, bậc thánh hiền mà mỗi nhà nói tới phải đạt tới chuẩn nào, cũng đều rất khó xác định. Cho nên Bão Phác Tử, người thuộc phái Đạo gia, nói: **"bạch thạch tự ngọc, gian nịnh tự hiền"** (đá trắng giống ngọc, kẻ gian nịnh giống người hiền). Một phiến đá trắng đẹp, trong trẻo long lanh, trông cứ như một khối bạch ngọc; nhưng xét chất của nó, từ độ cứng đến độ đặc, đều chưa đạt chuẩn ngọc thật. Nếu đem tiêu chuẩn đá quý của thế giới ra định giá thì cùng lắm chỉ gọi được là "đá" gì đó, như đá Thanh Điền, đá mắt mèo, thật ra chỉ là thứ đá có chất tốt hơn một chút mà thôi. Đến con người cũng vậy. Có khi kẻ đại gian đại ác trông lại giống hệt một bậc đại hiền. Cho nên hiền hay không hiền rất khó thẩm định. Đem những quan điểm ấy mà giải thích cái lý "bất thượng hiền, sử dân bất tranh" của Lão Tử, tin rằng sẽ giúp mọi người hiểu thêm nội hàm câu nói này của ông.

Cách khen thưởng người tốt và người già kiểu hiện đại

Sách Lão Tử, không còn nghi ngờ gì nữa, là đã qua tay người đời sau chỉnh lý lại, nhưng nhìn chung, chỉnh lý khá tốt, đem ý nghĩa tính chất của từng câu mà phân loại rạch ròi. Nếu ai nấy đều theo ý riêng mà cho rằng thứ tự nguyên văn có chỗ sai, thì mỗi người một kiến giải, rất khó mà kết luận cho dứt khoát.

Khi giới thiệu chương một, tôi từng nói ngay từ đầu rằng Lão Tử thường đem thể tướng và tác dụng của đạo trộn lẫn vào nhau mà bàn. Mà về mặt tác dụng, cái đạo của Lão Trang vẫn hay nói tới, vừa là đạo tu xuất thế, vừa là đạo hành xử nhập thế, hai cái xen lẫn vào nhau, ứng dụng không theo khuôn phép cố định, diệu dụng vô cùng, đến mức diệu không thể nói hết bằng lời. Cho nên đọc Lão Trang cũng như đọc Tôn Tử binh pháp vậy, cái gọi là "cái diệu của

sự vận dụng, nằm ở một tấm lòng". Vậy nên muốn đem hết nội hàm của sách Lão Tử mà trình bày trọn vẹn, là việc rất tốn công. Nhất là ở mặt đạo lý ứng dụng nhập thế, thường hay dính dáng tới rất nhiều chuyện lịch sử triết học. Dùng sự thật lịch sử, chọn lọc mà đem ra, xuyên qua lớp vỏ bề mặt của sự việc để tìm tới chỗ gần với đạo lý hình nhi thượng mà bàn luận, việc này ở các học phủ thường phải là một môn học chuyên riêng. Nhưng nhiều chỗ, hễ dính tới sự thật lịch sử thì rất khó mà nói cho thỏa thích. Chẳng hạn câu **"bất thượng hiền, sử dân bất tranh"** (không tôn sùng người hiền tài, khiến dân không tranh giành), chuộng người hiền hay không chuộng người hiền thì mới đúng, thật khó mà định luận. Nói cách khác, một thời thịnh trị thái bình thật sự thì chẳng cần gì phải nêu cao khen ngợi người tốt cả. Ở đây chúng ta chỉ nêu ra một vài câu chuyện kiểu hiện đại, để thêm chút thú vị cho câu "bất thượng hiền, sử dân bất tranh" mà thôi.

Mấy năm trước, ngoài xã hội có dựng lên một "Hội kính lão", để biểu dương những cụ già tuổi cao đức trọng. Lần đầu tổ chức, tôi đã nhận ra ngay, đây chẳng khác nào đùa cợt với người già, là cách tiễn người già đi sớm hơn một chút. Bắt các cụ tuổi đã cao ngồi đó nghe huấn thị, nhận giải thưởng, rồi còn phải đưa đi tham quan hết chỗ này chỗ nọ. Thật ra đối với người già đó là một gánh nặng cực nhọc, tôi nghĩ các cụ ấy có khi mệt bở hơi tai. Mà hễ cái phong khí ấy một khi đã mở ra, ắt có nhiều người cũng muốn chen chân vào hàng ngũ được "kính lão", thế là hóa ra có tranh giành. Chẳng phải Lão Tử đã nói **"bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn"** (không phô bày điều đáng ham muốn, khiến lòng dân không loạn) đó sao? Lại như chuyện chúng ta nêu cao người tốt, cho người tốt được khen thưởng, ban đầu động cơ chẳng có gì sai. Nhưng một khi đã thành phong trào, thì ngoài xã hội liền có người tìm cách để giành lấy sự biểu dương ấy. Vậy là cái ý ban đầu của việc khen thưởng người tốt cũng đã biến chất. Mỗi năm tôi cũng nhận được công văn đề cử người tốt việc tốt, nhưng theo tôi thấy, người tốt việc tốt nhiều quá, biết đề cử ai bây giờ? Mà hễ hỏi thăm một tiếng, ai nấy chỉ cười với tôi, xua tay, lắc đầu, chẳng ai chịu nhận lời đề cử cả. Tôi thường hay cười mà nói: có hai người tốt tôi muốn đề cử, tiếc là một người đã mất, một người còn chưa đầu thai. Có lẽ tôi cũng gượng gạo được nửa phần người tốt, chỉ có điều tôi cũng như mọi người, ghét bị người khác đề cử, lại càng sợ tự mình đề cử mình. Thôi thì cứ mặc kệ, nhường cho người hiền khác vậy (cười). Từ hai câu chuyện này, đại khái ta có thể hiểu được thế nào là "bất thượng hiền, sử dân bất tranh". Trong xã hội thời Lão Tử, trong cái hình thái lịch sử chính trị lúc ấy, "thượng hiền" đã là một căn bệnh, cho nên ông mới nêu ra câu này.

Chuyện phiếm nói ít thôi, quay lại chuyện chính. Thật ra, những nhân vật hưng vong ngàn xưa trong lịch sử loài người, xét từ hai góc độ làm người và làm việc, thì hiền và bất tiếu, quân tử và tiểu nhân, trung và gian, đứng ở góc độ triết học thuần túy mà nhìn, rất khó mà đưa ra một kết luận xác đáng. Nếu chỉ xét riêng từ góc độ dùng người, xử lý chính sự, thì trong bản tấu sớ "Tam tập nhất tệ" của danh thần đầu đời Thanh là Tôn Gia Cam đã bàn khá thấu đáo rồi! Trong đó có đoạn nói:

> *Việc cất nhắc người quân tử mà đẩy lùi kẻ tiểu nhân, đâu phải chỉ riêng người thời tam đại trở về trước mới biết chuyện ấy đâu! Dù là vào thời mạt thế suy loạn (thời cuối triều đại suy tàn rối loạn), khi ra tay chấp chính, ai mà chẳng mong cầu trị yên, ai mà chẳng nghĩ tới việc dùng người quân tử? Vả lại các bậc vua chúa tự cho mình sáng suốt (những vị lãnh đạo tự tin rằng mình rất cao minh), ai cũng cho là bề tôi của mình là hiền tài (ai nấy đều cho rằng cán bộ mình chọn ra đều là người hiền), ai mà chẳng nghĩ rằng người mình dùng ắt là quân tử, quyết không phải tiểu nhân. Vậy mà rốt cuộc vẫn xảy ra cảnh tiểu nhân tiến lên còn quân tử lui xuống, chẳng vì lẽ gì khác, chỉ vì dùng tài mà không dùng đức mà thôi.*

Đức, là điều riêng của người quân tử. Còn tài thì tiểu nhân cùng quân tử đều có cả, mà tiểu nhân lại còn hơn. Về mặt ăn nói đối đáp, quân tử vụng về mà tiểu nhân khéo nịnh hót, thế là hợp với cái tật quen nghe của tai. Về mặt chạy ngược chạy xuôi lo liệu việc đời, quân tử vụng về mà tiểu nhân lanh lợi khéo luồn lách, thế là hợp với cái tật quen nhìn của mắt. Đến như xét việc (kiểm điểm công việc), xét công lao (soi xét chuyện siêng hay lười), quân tử một mực làm theo ý mình mà lấy làm hổ thẹn khi phải kể công, tiểu nhân khéo chiều lòng người trên mà giỏi phô ra vẻ siêng năng, thế là lại hợp với cái tật quen của lòng.

Tiểu nhân cậy vào sở trường của mình mà khéo chiều theo ý người trên, còn vua chúa thì chìm đắm trong cái tật quen của mình mà không hay biết. Nghe kỹ lời họ nói thì vừa tai, xét kỹ dáng vẻ họ thì đẹp mắt, thử qua tài năng họ thì vừa lòng. Thế là tiểu nhân chẳng cần hẹn ước mà tự nhiên xúm lại, quân tử chẳng bị xua đuổi mà tự nhiên rời xa. Ôi, đã đến mức tiểu nhân xúm lại còn quân tử rời xa, thì cái họa ấy làm sao nói cho hết được!

Cơ trộm và triết học

Kế đến, Lão Tử chủ trương **“bất quý nan đắc chi hóa, sử dân bất vi đạo”** (không coi trọng hàng hóa khó kiếm, khiến dân không trộm cắp). Hai câu này có thể nói là “văn theo chữ thuận”, đọc lên rất dễ hiểu. Nhưng nói rằng đối với của cải hiếm lạ khó kiếm, chỉ cần đừng coi trọng quý báu nó, là có thể khiến mọi người không sinh lòng trộm cắp, thì lại khá có vấn đề. Chữ 盗 (đạo - trộm cắp)[2] có phân biệt giữa cường đạo cướp bóc và tiểu đạo trộm cắp lén lút. Muốn giải thích tường tận chữ 盗 ấy, cũng chẳng phải chuyện dễ.

2. NDLR. Chữ 盗 (trộm cắp) và chữ 道 (đạo, đường/Đạo) đồng âm, tiếng Hán hiện đại đều đọc **"dào"** (thanh 4). Đoạn dưới tác giả sẽ khai thác chính sự đồng âm này để lập luận "đạo là cơ trộm".

Nếu đem quan niệm triết học thuần túy ra mà giải thích, thì nội hàm của hành vi trộm cắp là gì? Ta có thể mượn một danh từ của nhà Phật, phàm là “bất dữ thủ” thì gọi là trộm. Nói rộng ra, “bất dữ thủ” chính là hành vi trộm cắp, định nghĩa này còn nghiêm ngặt hơn bất cứ thứ luật pháp nào trên đời. Cái gọi là **“dữ thủ”** (được cho mà lấy), là chỉ việc phải được người thứ hai đồng ý mà trao cho. **“Bất dữ thủ”** (không được cho mà lấy), tức là chưa qua sự đồng ý của người khác mà đã lấy làm của mình. Vậy thì, ngay cả việc ta nhặt một cục đất dưới đất đem về, mà không có mặt người chủ đất ở đó, cũng đã thuộc về hành vi “bất dữ thủ”, cũng đã phạm giới trộm cắp. Cho nên, người muốn không phạm giới trộm cắp, chỉ có cách ăn gió uống sương, hưởng thụ “gió mát trên sông cùng trăng sáng trên núi”, mới kể là trong sạch.

Trong học thuật tư tưởng Đạo gia, về điểm này cũng có ý nghĩa giống như Phật học, Đạo gia nói “đạo” 道 chính là “cơ trộm” 盗机. Âm Phù Kinh nói: **“Thiên địa, vạn vật chi đạo. Vạn vật, nhân chi đạo. Nhân, vạn vật chi đạo”** (Trời đất là kẻ trộm của vạn vật. Vạn vật là kẻ trộm của con người. Con người là kẻ trộm của vạn vật). Người tu đạo cũng chính là biết lợi dụng cái cơ trộm ấy. Chúng ta sống trên đời là kẻ trộm của trời đất, đều đã trộm lấy những thứ tự nhiên của trời đất, trộm ánh sáng mặt trời, trộm công năng của đất đai, xâm hại sinh mệnh của vạn vật để làm cơm ăn cho mình, đem thịt loài vật và rau cải củ cải nuốt vào bụng, mà bản thân còn coi đó là lẽ đương nhiên, đó đều là chiếm lấy phần lợi của trời đất vạn vật, chính là cơ trộm. Cho nên nói người tu đạo cũng là trộm lấy tinh hoa của trời đất đem về thân mình. Cũng như dùng một cái thấu kính lồi hội tụ ánh sáng, đặt dưới nắng mặt trời, gom ánh nắng lại thành một điểm, đặt một cọng cỏ vào đúng điểm ấy, đến một mức độ nào đó thì bốc cháy, rồi lấy lửa ấy mà nấu chín thức ăn, đó cũng là trộm lấy nhiệt năng mặt trời để làm lợi cho mình. Cái cơ trộm lấy tinh hoa trời đất của người tu đạo cũng là như vậy. Cho nên nói “con người là kẻ trộm của vạn vật”. Nhưng “trời đất là kẻ trộm của vạn vật”, con người tuy trộm

lấy tinh hoa của trời đất, mà trời đất cũng trộm lấy vạn vật và sinh mệnh của chúng ta, mới hiện rõ ra được cái công năng uy đức của sự tồn tại của trời đất.

Như vậy, theo cách nhìn của Đạo gia, thế giới này vốn dĩ là một thế giới trộm cắp lẫn nhau, ai cũng trộm của ai, đục nước béo cò với nhau cả. Vậy mà lại còn tự xưng mình rất nhân từ, thật là buồn cười hết sức. Chẳng hạn, chúng ta gọi loài người là nhân loại, nhưng theo cách nhìn của Đạo gia trong văn hóa truyền thống thượng cổ, thì gọi con người là "loài trần trụi" 倮虫, hổ là "trùng lớn" 大虫, rắn là "trùng dài" 长虫, những sinh vật bò nhỏ bé là "sâu bọ" 毛毛虫. Cái gọi là loài người "trần trụi" ấy, cũng chỉ là một sinh vật giữa trời đất mà thôi. Vậy mà lại còn ngang nhiên chẳng biết ngượng, lấy lông da loài khác để che thân giấu sự trần trụi của mình, rồi khoe khoang mình là linh thiêng nhất của vạn vật, có đủ áo mũ lễ nghi, đó chẳng phải là hành vi của kẻ đại đạo hay sao?

Nhưng trong tư tưởng của Lão Tử cũng như Trang Tử và các nhân vật Đạo gia khác, đã từ cái lý luận cơ trộm nghĩa rộng truyền thống thượng cổ ấy, thu hẹp phạm vi lại, quy về phạm trù thế giới nhân văn, chỉ còn bàn tới "cơ trộm" trong xã hội loài người mà thôi. Rõ rệt nhất, không gì bằng những lời nghe qua giật mình trong thiên Khư Khiếp của Trang Tử. Đồng thời ông cũng chỉ ra thứ của cải hiếm lạ khó kiếm nhất là thứ gì. Ông nói:

> *Vậy mà Điền Thành Tử một sớm giết vua Tề mà trộm cả nước Tề, thứ ông ta trộm được đâu chỉ có nước Tề mà thôi! Ông ta còn trộm luôn cả phép tắc thánh trí của nước ấy nữa. Cho nên Điền Thành Tử tuy mang tiếng là kẻ trộm cướp, mà thân lại được yên ổn như thời Nghiêu Thuấn, nước nhỏ không dám chê trách, nước lớn không dám thảo phạt, giữ nước Tề truyền được mười hai đời. Vậy chẳng phải là đã trộm cả nước Tề, lại còn trộm luôn cả phép tắc thánh trí của nước ấy để giữ yên cái thân trộm cướp của mình đó sao?*

Thử bàn xem, cái mà đời thường gọi là bậc trí tuệ tột cùng, có ai mà không phải là kẻ tích trữ của cải cho tên đại đạo chăng? Cái gọi là bậc thánh nhân tột cùng, có ai mà không phải là kẻ giữ của cho tên đại đạo chăng?

Vì sao biết được như thế? Kẻ trộm cái móc đai lưng thì bị giết, kẻ trộm cả một nước thì lại thành chư hầu; mà nhân nghĩa lại chính ở ngay trong cửa nhà chư hầu ấy.

Cũng vậy, Thích Ca Mâu Ni sống giữa thời loạn lắm tai nhiều nạn, trong kinh điển ngài giảng, có những chỗ cũng đem "vua và giặc cướp" gọi chung một tiếng, để vạch trần cái tâm lý biến thái tham sân không dứt của loài người.

Bởi thiên Khư Khiếp lột trần đến tận đáy lòng con người trong lịch sử một cách quá thấu triệt, còn dứt khoát rõ ràng hơn cả việc Khổng Tử soạn kinh Xuân Thu để trách cứ kẻ hiền, khiến loạn thần tặc tử phải run sợ. Cho nên khiến các bậc đế vương ngàn đời sau không dám đối diện, không đọc trọn được, cũng không thể để người khác đọc, chỉ có thể tự mình lén đọc lấy để dùng làm kế mưu sinh. Người dùng thành công như Tào Tháo, chính là học trò tốt nghiệp trường phái "Khư Khiếp"; người dùng mà thất bại như Hoàn Ôn, chính là học trò thi trượt, chưa tốt nghiệp nổi trường phái "Khư Khiếp".

Trung nguyên mạc khiển sinh cường đạo,
Trung nguyên chớ để sinh ra giặc cướp,

cường đạo sinh thời bất khả trừ.
giặc cướp đã sinh rồi thì không sao trừ hết.

Nhất đạo ký trừ quần đạo khởi,

Trừ xong một tên giặc thì cả bầy giặc khác nổi lên,

công thần đa thị đạo căn chu.

công thần phần nhiều lại chính là cái gốc rễ sinh ra giặc cướp.

Xét theo kinh nghiệm lịch sử, từ cuối đời Đường thiên hạ đại loạn, hình thành cục diện tranh giành thời Ngũ Đại, liền có những bài thơ nhỏ mang tư tưởng triết học Đạo gia xuất hiện, như bài thơ bạch thoại cuối đời Đường ở trên. Bài thơ tuy nói rất rõ ràng, nhưng rốt cuộc vẫn thiếu cái phong cách "ôn nhu đôn hậu" của nhà thơ. Vì thế tôi vẫn thường nhắc đi nhắc lại, rất tâm đắc với câu thơ hàm súc, đôn hậu của nhà thơ cận đại Dịch Thực Phủ: **"giang sơn chỉ hợp sinh danh sĩ, mạc khiển anh hùng tác đế vương"** (non sông chỉ nên sinh ra bậc danh sĩ, chớ để anh hùng làm nên đế vương).

Nút thắt lịch sử nghiêm cấm phát triển khoa học kỹ thuật công nghiệp

Về những quan niệm triết học như đại đạo trộm nước, tiểu đạo trộm của, đại khái đã nói như trên, tạm thời không cần bàn thêm nữa, dừng lại ở đây. Nhìn từ một phương diện khác, trong ba nghìn năm kinh nghiệm lịch sử của chúng ta, xưa nay triều đình vẫn theo hướng tư tưởng truyền thống Nho Đạo không tách rời mà thi hành chính sự, giữ vững lấy nông nghiệp làm gốc dựng nước, kiêm cả chăn nuôi, đánh cá, săn bắn, muối sắt cùng những nguồn lợi thiên nhiên khác, xưa nay vẫn dùng chính sách trọng nông khinh thương, đã không coi trọng công nghiệp thì đương nhiên cũng coi thường sự phát triển của khoa học kỹ thuật. Thậm chí còn nghiêm cấm ngặt nghèo, coi những phát minh khoa học kỹ thuật là **"kỹ xảo dâm xảo"** (trò khéo léo quái lạ vô bổ), liệt vào lệnh cấm. Vì vậy, giới trí thức cận đại và hiện đại, ngoài việc tiếp xúc với khoa học, triết học của văn hóa phương Tây, còn tận mắt thấy hiệu quả "nước giàu binh mạnh" của người ngoại quốc, quay lại nhìn dân tộc nước nhà suy yếu lạc hậu, liền đau lòng nhức óc mà công kích văn hóa truyền thống là chẳng có gì đáng giá. Như học thuyết luân lý Khổng Mạnh đại diện cho Nho gia, cùng tư tưởng tự nhiên Lão Trang đại diện cho Đạo gia, càng bị coi là thủ phạm gây tội, chẳng đáng ngó ngàng tới.

Nhìn bề ngoài, cái phản ứng của tư tưởng ấy không phải là hoàn toàn sai. Chẳng hạn những lời răn của Lão Tử như **"bất quý nan đắc chi hóa, sử dân bất vi đạo; bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn"** (không coi trọng hàng hóa khó kiếm, khiến dân không trộm cắp; không phô bày điều đáng ham muốn, khiến lòng dân không loạn), chính là bằng chứng thép như núi, không thể chối cãi. Vả lại từ sau đời Tần Hán, chính quyền đế vương các đời hầu như đều tôn làm khuôn phép, một mực tin theo không đổi. Nhưng thật ra mọi người đều quên mất rằng, những lời Lão Tử nói như thế, đều là toa thuốc bốc theo đúng bệnh của thời ấy, cũng như một thời kỳ nào đó lưu hành một chứng bệnh nào đó, thầy thuốc đương thời liền theo đúng chứng mà kê đơn, lập thành bệnh án. Không may là thầy thuốc đời sau không còn nghiên cứu y lý bệnh lý nữa, chẳng hỏi xem gốc bệnh nằm ở đâu, chỉ theo đúng đơn cũ mà bốc thuốc, sống chết đành phó mặc cho số mệnh người bệnh. Vì thế mới hóa ra cái cảnh "đơn thuốc cũ làm chết tức danh y", do chữa bệnh mà sinh ra bệnh!

Ít nhất chúng ta phải hiểu rằng, kể từ thời Xuân Thu, Chiến Quốc trở đi, cái chính quyền văn trị được dựng lên từ đầu đời Chu, do thời thế thay đổi, dân số tăng lên, xã hội của tầng lớp công thất phình to một cách quái dị, đã sớm không với tới nổi nữa, chỉ còn là cái vỏ rỗng bề ngoài. Thời kỳ này, cũng đúng như lời Khương Thái Công (tức Thái Công Vọng) từng nói: "kẻ giành thiên hạ như đuổi con hươu hoang, mà thiên hạ cùng chia nhau thịt nó". Các chư hầu theo lối cường quyền thắng công lý, ai nấy đều muốn xưng vương xưng đế, đạt cho được mục đích một mình làm bá chủ thiên hạ, chỉ lo tranh đoạt quyền lực chính trị, tự do lấy cho hay cho đi của cải theo ý mình. Còn ai màng tới chuyện kinh luân thiên hạ, sách lược trị yên lâu dài thật sự nữa. Vì vậy, những người như Lão Tử, nhắm thẳng vào cái

bệnh thái tâm lý ích kỷ, cái bệnh thái xã hội ấy, mới nói ra những câu danh ngôn mang chút mỉa mai như **"bất thượng hiền, sử dân bất tranh. Bất quý nan đắc chi hóa, sử dân bất vi đạo. Bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn"** (không tôn sùng người hiền tài, khiến dân không tranh giành; không coi trọng hàng hóa khó kiếm, khiến dân không trộm cắp; không phô bày điều đáng ham muốn, khiến lòng dân không loạn). Về sau tuy biến thành như một toa thuốc cũ trong y dược, nhưng vận dụng cái phương thuốc ấy có đúng chỗ hay không, còn phải nhờ vào sự ứng biến tùy thời của bậc đại chính trị gia kiêm triết gia, bốc thuốc đúng bệnh. Còn như cứ mù quáng tin theo đơn thuốc cũ, uống nhầm thuốc, chữa sai bệnh, thì trách nhiệm ấy hoàn toàn chẳng liên quan gì tới bản thân đơn thuốc, vị thuốc cả.

Chẳng hạn thời Văn Cảnh chi trị đời Hán mà lịch sử chúng ta xưa nay vẫn ca tụng ngợi khen, ai cũng biết, đó là thời kỳ mẹ con Hán Văn Đế thuộc lòng sách Lão Tử, một mực tin theo đạo Hoàng Lão của Đạo gia. Lão Tử từng truyền lại ba món pháp bảo: **"viết từ, viết kiệm, viết bất cảm vi thiên hạ tiên"** (một là từ ái, hai là tiết kiệm, ba là không dám đứng trước thiên hạ). Hán Văn Đế từ đầu chí cuối đều làm được trọn vẹn cả ba điều ấy. Cái tiết kiệm giản dị của Hán Văn Đế thì nổi tiếng khắp nơi, còn cái "bất quý nan đắc chi hóa" cũng có sự thật chứng minh. Chính ông mặc một chiếc áo bào suốt hai mươi năm, tiếc không nỡ vứt bỏ, còn phải vá lại mà mặc tiếp. Xét về đạo đức hành vi cá nhân, một vị hoàng đế "sang là thiên tử, giàu có bốn biển" mà làm được tiết kiệm giản dị đến thế, quả là điều hiếm có đáng quý. Lại có người dâng lên vua một con ngựa quý đi ngàn dặm, ông liền ban một đạo chiếu chỉ, ra lệnh cho khắp bốn phương, từ nay đừng dâng hiến những của cải hiếm lạ khó kiếm nữa. Đây là đạo chiếu nổi tiếng trong sử sách, ban ra vào năm thứ hai sau khi ông lên ngôi, nhân có người dâng ngựa ngàn dặm. Ông nói:

> *"Cờ loan đi trước, xe hộ tùng theo sau, đi việc lành mỗi ngày năm mươi dặm, hành quân mỗi ngày ba mươi dặm. Trẫm mà cưỡi ngựa ngàn dặm một mình đi trước thì đi đâu?" Thế rồi trả lại ngựa, còn cấp thêm tiền lộ phí. Lại xuống chiếu rằng: "Trẫm không nhận vật dâng hiến, hãy truyền cho bốn phương đừng cầu tìm dâng hiến nữa."*

Trong quan niệm của sử sách và những người biên soạn sử nước ta, cái dụng ý trịnh trọng ghi lại việc này, chính là để hết sức tuyên dương đạo đức hành vi cá nhân của Hán Văn Đế, cao thượng tiết kiệm đến thế, mong đời sau các bậc đế vương noi theo. Nếu đem diễn đạt bằng lời hiện đại thì đoạn sử này có nghĩa là: Hán Văn Đế biết có người đến dâng ngựa ngàn dặm, liền nói: cái thói này không thể để lớn thêm, cái lệ này không thể mở ra. Ta đã làm hoàng đế rồi, mỗi khi ra ngoài có việc, phía trước đã có đội cờ thêu chim loan bay lượn mở đường, đi những bước đều đặn. Phía sau lại có các cung nhân hầu hạ theo sau, ngồi trên xa giá khắc hình chim phượng tốt lành, mang theo cả ngự trù, đi thong thả êm ái, rầm rộ tiến bước, mỗi ngày chỉ đi chừng năm mươi dặm là phải nghỉ rồi. Nếu mang theo cả đội quân hộ vệ, cùng xe chở khí giới hậu cần quân sự, thì mỗi ngày chỉ đi được chừng ba mươi dặm là phải nghỉ. Vậy thì ta làm hoàng đế, một mình cưỡi con ngựa ngàn dặm ấy thì biết đi đâu?

Bất luận là quan lớn chức trọng, cho đến sang như bậc đế vương, một khi không còn cái bày biện phô trương xung quanh, không còn cái oai phong của quân cảnh bảo vệ, thì cũng chỉ là một người bình thường mà thôi, chẳng có gì đặc biệt khác. Thậm chí, nếu gặp lúc nguy khó, rất có thể đúng như câu tục ngữ dân gian nói "phượng hoàng thất thế không bằng gà"! Vì vậy ông trả lại con ngựa ngàn dặm được dâng lên ấy, còn dặn dò phải tính trả cả tiền đi lại và chi phí cho người đem ngựa tới. Đồng thời lại ban thêm một đạo lệnh nữa (thời ấy lệnh của hoàng đế gọi là chiếu thư). Tuyên bố rằng: trẫm (cách các hoàng đế xưa tự xưng) không nhận bất cứ vật dâng hiến quý hiếm nào, hãy để các quan địa phương thông báo khắp bốn phương, từ nay đừng có ý định dâng hiến vật gì lên nữa.

Việc này trong chính sách và hành động của Hán Văn Đế thời ấy, quả thật là một tác phong rất hiền minh, không chỉ vì tính cách ưa chuộng tiết kiệm của riêng ông. Vào thời ấy, tính từ Chiến Quốc cho tới cục diện tranh giành thời Tần Hán, kéo dài hơn hai trăm năm, có thể nói dân chúng Trung Quốc đã sống lâu dài trong khổ nạn chiến tranh. Nói gọn lại, từ Tần Thủy Hoàng cho tới sau cuộc tranh giành Sở Hán, mãi tới thời Hán Văn Đế, cũng đã có năm sáu chục năm loạn lạc ly tán. Vào thời điểm này, điều xã hội và người dân cần nhất chính là "nghỉ ngơi dưỡng sức", còn lại đều là việc không gấp. Cho nên chính sách của ông, ngay từ đầu đã dùng phép trị vô vi của Đạo gia, lấy "từ", "kiệm", "không dám đứng trước thiên hạ" (không chủ động gây chuyện) làm nguyên tắc dựng nước. Trước hết dựng nên tinh thần pháp trị khoan hậu, bãi bỏ hình phạt nghiêm khắc một người phạm tội mà cả nhà cùng chịu tội lây. Kế đó liền định ra chế độ phúc lợi cho dân chúng xã hội, "xuống chiếu định ra lệnh chẩn cấp người cùng khốn, nuôi dưỡng người già".

Chiếu rằng: Nay đương mùa xuân ấm áp, cỏ cây và muôn loài sinh vật đều có cái vui riêng của mình. Vậy mà trăm họ của ta, những kẻ góa vợ, góa chồng, mồ côi, không nơi nương tựa, cùng khốn nghèo túng, có khi cận kề cái chết mà chẳng ai đoái hoài lo lắng cho. Làm cha mẹ dân mà như thế thì biết ăn nói làm sao? Hãy bàn cách chẩn cấp cứu giúp họ.

Lại nói: "Người già không có lụa thì không ấm, không có thịt thì không no, nay đầu năm mà chưa kịp thời (chú: nghĩa là đầu năm và bất cứ lúc nào) sai người đi thăm hỏi bậc trưởng lão. Lại không có lụa vải rượu thịt ban cho, thì lấy gì giúp con cháu thiên hạ hiếu dưỡng cha mẹ mình? Nay nghe quan lại cấp phát gạo cho, có khi lại dùng thứ gạo cũ mục, thế thì đâu còn xứng với cái ý nuôi dưỡng người già nữa! Hãy soạn thành lệnh." Quan hữu ty xin định lệnh cho các huyện, các đạo: người từ tám mươi tuổi trở lên, mỗi tháng cấp gạo một thạch, thịt hai mươi cân, rượu năm đấu cho mỗi người. Người từ chín mươi tuổi trở lên, lại cấp thêm lụa hai tấm, bông ba cân mỗi người. Vật phẩm ban cấp cùng phần gạo phải phát, do quan trưởng lại xem xét, thừa hoặc úy (thừa, úy đều là chức quan cơ sở địa phương) đưa tới. Người chưa đủ chín mươi tuổi thì do sách phu, lệnh sử đưa tới. Quan nhị thiên thạch (chức quan chủ trì việc một vùng) sai đô lại đi tuần tra kiểm tra, chỗ nào không đúng thì đôn đốc sửa lại. Kẻ đang chịu hình phạt cùng kẻ có tội từ mức nại tội trở lên, không được hưởng lệnh này.

Hán Văn Đế học theo Lão Tử thì tuyệt đối không sai. Nhưng đời sau có những vị đế vương giả nhân giả nghĩa, vẽ hổ không thành lại hóa ra giống chó, học theo Hán Văn Đế mà lại học sai. Chẳng hạn Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm, kẻ dựng nghiệp bằng lừa dối, cướp thiên hạ từ tay mẹ góa con côi, vào năm thứ tư sau khi soán ngôi làm hoàng đế khai quốc nhà Tấn, có một vị thái y nịnh hót sai chỗ tên Tư Mã Trình, đặc biệt dày công thiết kế, dùng thủ công tinh xảo tuyệt vời, làm ra một chiếc áo choàng lông đầu chim trĩ, đem dâng lên. Tư Mã Viêm liền lập tức đem đốt nó ngay trước điện, còn xuống chiếu cho rằng "kỹ xảo lạ kỳ, y phục khác thường, đều là điều điển lễ (tinh thần văn hóa truyền thống) cấm đoán". Ra lệnh cho quần thần trong ngoài, kẻ nào dám còn phạm lệnh cấm này nữa, tức là phạm pháp, có tội. Đọc lịch sử Trung Quốc, tạm gác lại chuyện thiên hạ nhà họ Tư Mã tốt hay xấu, cùng việc đánh giá đạo đức cá nhân và hành vi chính trị của Tư Mã Viêm ra sao; nhưng xưa nay việc nghiêm cấm những trò khéo léo dâm xảo, công nghiệp tinh xảo cùng sự phát triển khoa học kỹ thuật, đại thể đều là noi theo cái tinh thần của đạo lệnh này của Tư Mã Viêm. Vì vậy mới khiến cho học thuật tư tưởng Trung Quốc, trên con đường phát triển công thương khoa học kỹ thuật, cứ giậm chân tại chỗ, mãi mãi dừng lại ở hình thái xã hội nông nghiệp trông trời mà sống.

Tro kiếp và văn minh vật chất loài người

Thật ra, quay lại truy nguyên trong lịch sử học thuật tư tưởng về phát triển khoa học của chúng ta, các đời đâu phải không có người tài, chỉ là ai cũng sợ mang cái tiếng xấu "đùa với trò khéo léo dâm xảo" theo quan niệm truyền thống.

Đồng thời còn bị bó buộc bởi những cách giải thích tưởng đúng mà sai như "đùa với người thì mất đức, đùa với vật thì mất chí", vốn là sự pha trộn tư tưởng của cả Nho lẫn Đạo.

Tạm chưa nói tới chuyện tổ tiên xa xưa là Hoàng Đế đã phát minh ra kim chỉ nam, xe chỉ nam như thế nào, hay các bậc tổ tiên còn xa xưa hơn nữa đã dẫn đầu chiếm vị trí tiên phong trong lịch sử khoa học thế giới về thiên văn và toán học ra sao. Còn như vào thời Chiến Quốc, thuật luyện đan của các phương sĩ đã trở thành ông tổ của ngành hóa học trong lịch sử khoa học thế giới. Thậm chí việc vận dụng học thuyết ngũ hành, trong việc khắc phục khó khăn về thiên văn, địa lý, sa mạc và hàng hải, cũng có cống hiến đáng kể. Chỉ riêng nói về khoa học kỹ thuật công nghiệp, vào thời kỳ đầu Chiến Quốc, nổi tiếng nhất là chuyện Mặc Tử và Công Thâu Ban thi thố tài khéo léo với nhau trên lĩnh vực vũ khí quân sự. Ngoài ra, trong thiên Lỗ Vấn của sách Mặc Tử và thiên Ngoại Trữ Thuyết của sách Hàn Phi Tử, còn ghi lại rằng Mặc Tử từng dùng gỗ chế tạo ra một con chim bay. Công Thâu Ban cũng có ghi chép dùng tre, gỗ chế tạo một con chim thước, thả lên không bay được ba ngày không rơi xuống. Lại có chuyện, vào thời Nam Bắc triều, có một vị hòa thượng cũng dùng gỗ tạo ra một con chim bay, bay lượn trên không mấy ngày liền, cuối cùng lại quay về chỗ cũ mà đáp xuống. Đáng tiếc là, những phát minh còn sớm hơn cả việc phát minh ra máy bay này, do bị ảnh hưởng bởi quan niệm "kỹ xảo dâm xảo", đã bị chôn vùi, không được coi trọng như trong tư tưởng phương Tây, để rồi được nghiên cứu thêm, cải tiến thêm mà trở thành kỹ năng khoa học hữu dụng cho loài người.

Còn như những chiếc lâu thuyền lớn dùng để viễn dương do Trịnh Hòa chế tạo vào đầu đời Minh, cùng những khẩu đại pháo dùng trong chiến tranh thời Tống, Nguyên, rốt cuộc là học theo phương Tây, hay là phát minh của Trung Quốc rồi lần lượt truyền sang châu Âu mà được cải tiến thêm, khảo chứng cho ra lẽ thật cũng rất khó khăn. Vì vậy cũng không dám vội tin theo kết luận thông thường, càng không dám khinh suất cho rằng những thứ ấy đều truyền từ phương Tây sang.

Tóm lại, trong lịch sử chúng ta, từ Chiến Quốc trở về sau, sự phát triển khoa học kỹ thuật đều bị cái quan niệm "kỹ xảo dâm xảo, điển lễ cấm đoán" ấy bóp chết, đó cũng là sự thật. Nhưng cái quan niệm này có phải chịu ảnh hưởng từ tư tưởng "bất quý nan đắc chi hóa, sử dân bất vi đạo" của Lão Tử hay không, thì thật khó mà khẳng định. Cái "của cải khó kiếm" mà Lão Tử nói tới, cũng giống như thứ "của lạ đáng giữ" 奇货可居 trong tư tưởng của Lã Bất Vi, đều là những thứ của cải lớn. Nói cách khác, nội hàm của nó phần nhiều chỉ về danh khí quyền lực của thiên hạ quốc gia, chứ không hẹp hòi đến mức như chính bản thân Lão Tử, chỉ nguyện cưỡi một con trâu xanh qua ải Hàm Cốc, quyết không chịu ngồi cỗ xe lớn mà vượt sa mạc đi về phía tây.

Bởi vì hễ nói tới sự phát triển khoa học kỹ thuật thời cổ, phát minh máy móc, cùng việc khai thác hàng hóa công thương, thì hầu như mỗi thứ đều có liên quan tới phương thuật của Đạo gia. Chẳng hạn nguồn năng lượng động lực được coi trọng nhất thế kỷ mười chín chính là than đá. Trong lịch sử chúng ta, câu chuyện thú vị về lần đầu phát hiện ra than đá xảy ra vào thời Hán Vũ Đế. Hán Vũ Đế vì muốn luyện tập thủy sư, tức hải quân, mà cho đào hồ Côn Minh. Vì đào cái hồ chứa nước lớn Côn Minh này mà đào trúng phải than đá. Nhưng người thời ấy không biết cục đá đen bóng loáng lại cứng chắc này là thứ vật lạ gì, liền đem dâng lên hoàng đế. Hán Vũ Đế xem xong đương nhiên cũng chẳng biết là gì, đành tìm Đông Phương Sóc nổi tiếng hài hước tới mà hỏi. Đông Phương Sóc giở trò úp mở, thoái thác nói rằng bản thân mình cũng không biết, rồi thuận nước đẩy thuyền mà nói: vừa hay có một vị tăng người Hồ từ Tây Vực tới, xin mời ông ta tới, ắt sẽ tìm được câu trả lời. Việc này càng khiến Hán Vũ Đế thêm phần hứng thú. Bèn cho mời vị tăng người Hồ tới, hỏi cục đá đen như thế kia là vật gì? Vị tăng người Hồ liền nói: "Đây chính là tro kiếp của kiếp trước vậy." Một cục than đá mà gọi là "tro kiếp", thật là một lối văn chương giàu chất thần bí biết bao!

Thật ra, cái điển tích "tro kiếp" này bắt nguồn từ kinh Phật. Phật nói rằng sự tồn tại của thế giới vật chất, cũng như sinh mệnh con người, đều có quy luật biến hóa nhất định của nó. Đời người từ khi sinh ra đến khi chết đi, có bốn quá trình lớn, gọi là "sinh, lão, bệnh, tử", ai cũng không trốn tránh được. Còn xét về địa cầu và các tinh cầu khác trong thế giới vật chất, tuổi thọ tồn tại của chúng tuy dài hơn tuổi thọ thân xác con người, nhưng rốt cuộc cũng không tránh khỏi sự hủy diệt của cái chết, chỉ có điều bốn quá trình lớn từ tồn tại đến hủy diệt của thế giới vật chất, gọi là "thành, trụ, hoại, không". Khi thế giới loài người trên địa cầu này bị hủy diệt vào lần trước, núi lửa phun trào, trời long đất lở, dưới nhiệt độ và áp suất cao, trải qua biến hóa hóa học trong thời gian dài, những thứ chưa cháy hết, còn giữ được hình dạng nguyên vẹn, chính là hóa thạch. Còn những thứ cháy thành khối tro, chính là than đá, quặng sắt các loại. Những thứ nung chảy thành chất lỏng, chính là dầu mỏ. "Tro kiếp của kiếp trước" trong Phật học, chính là than đá mà chúng ta nói tới. Cách nói này của Phật học đã được lý thuyết của khoa học hiện đại, tức địa chất học, thừa nhận. Nhưng vào thời Hán Vũ Đế đời Tây Hán, lý thuyết này quả là mới lạ vô cùng.

Vậy thì, người xưa của chúng ta đã biết có than đá rồi, vì sao không sớm khai thác để dùng, mà cứ mãi lên núi đốn củi, lấy cỏ cây làm chất đốt? Đây lại là một câu hỏi thú vị mà có ý nghĩa khác. Cái tư tưởng này cũng bắt nguồn từ học thuật tư tưởng Đạo gia. Đạo gia cho rằng trời đất là một vũ trụ lớn, thân người là một trời đất nhỏ. Địa cầu cũng là một sinh mệnh lớn có sức sống, cũng như thân người vậy. Thân thể con người có xương cốt, mạch máu, ngũ tạng, lục phủ, tai mắt miệng mũi cùng đại tiểu tiện các thứ, địa cầu cũng vậy, nó có sinh cơ, không thể tùy tiện làm tổn hại nó. Không thì, đối với sự sinh tồn của loài người, ngược lại sẽ có hại lớn. Vì vậy tuy biết có kho báu khoáng sản "của trời vật báu của đất", cũng quyết không chịu tùy tiện đào bới. Dù có đào bới, cũng phải tế cáo với thần linh trời đất, được cho phép mới thôi. Không thì chỉ dám lén lút nhặt lấy chút lợi trên bề mặt tầng đất mà thôi. Thật ra, vị thần linh nào mà quản xuể được nhiều chuyện như thế? Nhưng lòng người tức là lòng trời, tư tưởng truyền thống của con người là như vậy, nên cái uy quyền của thần linh mới có tác dụng.

Cũng chính vì tư tưởng này mà khiến cho những kho báu than đá phong phú trên khắp cả nước ta mới được giữ gìn đến tận ngày nay, làm nguồn của cải cho con cháu đời sau sinh tồn. Chẳng hạn nguồn năng lượng mà người hiện nay đang dùng là dầu mỏ, theo quan niệm của Đạo gia mà nói, thì tuyệt đối không dám tùy tiện dùng nhiều, bởi đó chính là mỡ nuôi dưỡng bảo vệ của bản thân địa cầu, hay cũng như tủy xương của thân thể con người vậy. Nếu đào bới quá mức, khiến sinh mệnh địa cầu này bị nguy hại, thì sẽ càng đẩy nhanh sự hủy diệt của nó.

Cái tư tưởng ấy, cái quan niệm ấy, xem ra buồn cười biết bao, mà lại giàu cái hài hước đậm chất thần thoại trẻ con. Bởi chúng ta hiện nay đang sống trong thời đại khoa học kỹ thuật, quyết không chịu khinh suất tin ngay vào lời cũ. Nhưng chúng ta cũng đừng nên không biết rằng, các bậc đại khoa học gia thực thụ thời hiện đại, họ ngược lại còn kinh ngạc khâm phục tổ tiên chúng ta, từ hơn mười thế kỷ trước đã sớm có những lý luận và nhận thức về địa chất học, khoáng sản học tương tự như nền văn minh khoa học hiện đại.

Đời không gì hiểm bằng dục vọng người

Tiếp theo "bất thượng hiền", "bất quý nan đắc chi hóa" mà đi tới, chính là **"bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn"** (không phô bày điều đáng ham muốn, khiến lòng dân không loạn) làm câu kết. Nói cách khác, "bất thượng hiền, sử dân bất tranh" là cách tiêu cực để tránh cảnh tranh giành vì háo danh, còn "bất quý nan đắc chi hóa, sử dân bất vi đạo" là cách tiêu cực để tránh hậu quả của việc tranh giành lợi lộc. Danh và lợi, vốn dĩ là công cụ cần thiết của quyền thế; danh lợi là nhân, quyền thế là quả. Quyền và thế, chính là sự mở rộng của lòng ham chiếm hữu và ham thống trị vốn có trong bản tính con người. Dù là bậc hiền tài cũng khó mà tránh khỏi. Tư Mã Thiên từng nói **"thiên hạ hi hi, giai vị lợi lai; thiên hạ nhương nhương, giai vị lợi vãng"** (thiên hạ nhộn nhịp, đều vì lợi mà đến; thiên hạ ồn ào, đều

vì lợi mà đi), quả là câu nói để đời không đổi được. Cố nhiên cũng có người chán ghét danh lợi, khinh miệt danh lợi, cho rằng không hợp với đạo, nhưng **"danh lợi bản vi phù thế trọng, cổ kim năng hữu kỷ nhân phao"** (danh lợi vốn nặng ở cõi phù thế, xưa nay mấy ai vứt bỏ được) đây? Trừ phi thật sự có người mang tư tưởng pha trộn cả Phật lẫn Đạo, cái gọi là **"khiêu xuất tam giới ngoại, bất tại ngũ hành trung"** (vượt ra ngoài ba cõi, không còn trong năm hành), họa chăng mới là ngoại lệ. Mà nói "họa chăng" cũng là lời chưa dám chắc. Bởi vì, theo như các nhà tôn giáo thường nói về một thế giới vượt ra ngoài loài người, thì thế giới ấy cũng vẫn không thoát khỏi cái bóng của quyền lực chi phối, vậy thì dù ở cõi đời này hay vượt lên trên cõi đời này, vẫn y như cũ, không thoát ra khỏi cái vòng vây của quyền thế. Xét như vậy, lòng ham muốn của con người quả thật là một trạng thái tâm lý đáng buồn. Nhưng cũng có thể có người sẽ nói, lòng ham muốn của con người chính là động lực đáng yêu, nếu loài người không có lòng ham chiếm hữu, ham thống trị, thì thế giới này chẳng phải sẽ tịch mịch, chết lặng, không còn chút sinh khí nào hay sao? Đúng sai thế nào, thật khó nói. Thôi thì hãy để chúng ta xoay sang một hướng khác mà soi lại câu nói "bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn" của Lão Tử vậy!

Trước hết, chúng ta cần xác định rõ "dục" là gì? Câu trả lời rất rõ ràng: chữ "dục" có hai tầng ý nghĩa, nghĩa rộng và nghĩa hẹp. "Dục" theo nghĩa rộng chính là động lực cho sự tồn tại của sinh mệnh, bao gồm mọi nhu cầu để sinh tồn và sinh sống. "Dục" theo nghĩa hẹp, nói chung, đều chỉ về quan hệ nam nữ và nhu cầu ăn uống.

Chẳng hạn Khổng Tử, người đại diện cho Nho gia, trong thiên Tự quái truyện của Chu Dịch từng nói: **"Hữu thiên địa, nhiên hậu hữu vạn vật. Hữu vạn vật, nhiên hậu hữu nam nữ. Hữu nam nữ, nhiên hậu hữu phu phụ. Hữu phu phụ, nhiên hậu hữu phụ tử. Hữu phụ tử, nhiên hậu hữu quân thần. Hữu quân thần, nhiên hậu hữu thượng hạ. Hữu thượng hạ, nhiên hậu lễ nghĩa hữu sở thố. Phu phụ chi đạo, bất khả dĩ bất cửu dã"** (Có trời đất, rồi sau mới có vạn vật. Có vạn vật, rồi sau mới có nam nữ. Có nam nữ, rồi sau mới có vợ chồng. Có vợ chồng, rồi sau mới có cha con. Có cha con, rồi sau mới có vua tôi. Có vua tôi, rồi sau mới có trên dưới. Có trên dưới, rồi sau lễ nghĩa mới có chỗ đặt để. Đạo vợ chồng, không thể không lâu bền). Trong lời giải thích ở Lễ Ký, ông lại nói: **"nam nữ ẩm thực, nhân chi đại dục tồn yên"** (chuyện nam nữ, ăn uống, chính là chỗ chứa đựng cái ham muốn lớn nhất của con người). Khổng Tử tuy không như Cáo Tử về sau nhấn mạnh **"thực sắc tính dã"** (ăn và sắc dục là bản tính), nhưng rõ ràng ông đã xếp thẳng chữ "dục" trong bảy thứ tình cảm "hỉ, nộ, ai, cụ, ái, ố, dục" vào phạm vi chuyện nam nữ và ăn uống. Đời sống con người, ngoài việc ăn no mặc ấm ra, kế đến chính là mối quan hệ giữa nam và nữ. Vì vậy khi san định thiên đầu tiên của Kinh Thi, ông đã chọn thiên Quan Thư. Khổng Tử không hề né tránh chuyện nam nữ, ăn uống, chỉ là nhấn mạnh rằng trong lúc chuyện nam nữ, ăn uống diễn ra, cần phải xây dựng trật tự luân lý của đạo làm người, phải **"phát hồ tình, chỉ hồ lễ"** (khởi từ tình cảm mà dừng lại ở lễ nghĩa).

Ví dụ nêu trên là quy nội hàm của chữ "dục" về phạm trù sắc dục theo nghĩa hẹp. Ngoài ra, xưa nay trong trước tác của cả Nho gia lẫn Đạo gia, những lời chán ghét sắc dục, sợ hãi sức cuốn hút đáng sợ của sắc dục, nhiều không kể xiết. Trong năm vị đại Nho đời Tống, câu nói nổi tiếng của Trình Minh Đạo **"tọa trung hữu kỹ, tâm trung vô kỹ"** (trong tiệc có kỹ nữ, mà trong lòng không có kỹ nữ) vẫn luôn được các nhà Nho đời sau ca ngợi như là cảnh giới tu dưỡng cao nhất. Cho tới câu của Chu Hi:

Thập niên phù hải nhất thân khinh,
Mười năm trôi nổi trên biển, tấm thân nhẹ nhõm,

sạ đổ lê oa khước hữu tình.
chợt trông thấy má lúm đồng tiền lại sinh lòng vấn vương.

Thế thượng vô như nhân dục hiểm,

Đời không gì hiểm bằng lòng dục của con người,

kỷ nhân đáo thử ngộ bình sinh.

mấy ai đến chỗ này mà không lỡ cả một đời.

thảy đều như ứng hợp với câu nói nổi tiếng "bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn" của Lão Tử.

Đến sau thời Ngụy Tấn, cùng với sự du nhập của học thuyết nhà Phật, rõ ràng là nội hàm chữ "dục" đã được mở rộng ra thành phạm trù nghĩa rộng. Phàm là hễ có sự bám chấp vào mọi sự vật ở cõi người hay ở thế giới vật chất, sinh ra lòng tham ái, quyến luyến không rời, đều bị coi là dục. Tình dục, ái dục, vật dục, sắc dục, cho tới tham danh, tham lợi, hễ có chỗ tham cầu thì đều tính là dục cả. Nhưng nhà Phật lại phân tích dục ra thành hai tầng thiện và ác. Cái dục hành thiện có thể sánh cùng lòng tin và nguyện lực; cái dục hành ác thì liền dẫn tới đọa lạc. Việc biện giải phân tích về dục lạc, vô cùng tinh vi kỹ lưỡng, ở đây tạm không bàn tới. Nhất là giới luật Tiểu thừa của nhà Phật, coi sắc dục, vật dục như rắn độc thú dữ, đủ sức cản trở sinh mệnh và đạo nghiệp, tránh còn chẳng kịp, dường như cũng cùng một mạch với câu "bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn" của Lão Tử. Bởi vậy, từ sau thời Ngụy Tấn, do sự kết hợp của ba nền văn hóa Nho, Phật, Đạo mà hợp thành dòng chảy chính của văn hóa Trung Hoa, tư tưởng coi nhẹ sự phát triển của vật dục, thiên về cái vui với lẽ trời biết mệnh mà an nhiên sống thuận tự nhiên, cứ thế mà bén rễ khắp nơi. Có người nói, chính vì vậy mà tư tưởng của hai nhà Nho, Đạo, tức học thuyết của Lão Tử và Khổng Tử, xưa nay vẫn thường bị các bậc đế vương khôn khéo lợi dụng làm công cụ cai trị. Chuyện phải trái đúng sai trong đó, nếu nói cho tường tận thì thật quá phức tạp, ở đây cũng xin dừng lại, không bàn thêm.

Dù sao thì con người vẫn luôn là một sinh vật đầy mâu thuẫn, về mặt đạo lý thì luôn đòi hỏi người khác phải làm được vô dục vô tư, để hợp với chuẩn mực của bậc thánh nhân. Nhưng về mặt hành vi, bản thân mình thì lại khó mà tránh khỏi việc cứ mãi xoay vần trong vòng trói buộc của tư dục. Song, tự mình bao giờ cũng có sẵn một lý lẽ khác để biện bạch cho chính mình. Nếu bản ý của Lão Tử thật sự là muốn con người làm được **"bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn"** (không phô bày điều đáng ham muốn, khiến lòng dân không loạn), **"hư kỳ tâm, thực kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt. Thường sử dân vô tri, vô dục"** (làm trống lòng, làm no bụng, làm yếu ý chí, làm mạnh xương cốt. Thường khiến dân không có tri thức, không có dục vọng), thì trên thực tế, trong xã hội hiện thực của cõi người, đó là chuyện tuyệt đối không thể nào có được. Trừ phi trời đất lại một lần nữa trở về hỗn mang, loài người quay lại thời nguyên thủy, như thời kỳ tối cổ mà Đạo gia gọi là "dân của họ Cát Thiên, dân của họ Vô Hoài", họa chăng khi ấy mới có thể như vậy.

Lòng rỗng, bụng chắc, và thổi khí

Nhưng từ sau đời Tần Hán, các đạo sĩ tu học thần tiên đan đạo phần nhiều đều tuân theo lời răn dạy của Lão Tử, ra sức làm cho được công phu **"tuyệt thị cấm dục, sở dĩ trừ lụy"** (dứt bỏ ham muốn, cấm dục vọng, để trừ bỏ mọi vướng bận), hòng có đủ tư cách học tiên đắc đạo. Nhưng xin lưu ý, khái niệm "phần nhiều" mà tôi vừa nói tất nhiên không bao gồm toàn bộ các thuật thần tiên của Đạo gia vốn tự nhận mình truyền thừa từ Hoàng Đế theo cái gọi là "đạo Hoàng Lão". Phần đông những người học đạo này, về cơ bản, ngoài việc mong mình nghiêm cẩn làm được **"ly tình khí dục"** (lìa bỏ tình cảm, vứt bỏ dục vọng) để làm cửa ngõ vào đạo, điều quan trọng nhất chính là phải đạt tới cảnh giới thực chứng mà Lão Tử gọi là **"hư tâm thực phúc, nhược chí cường cốt"** (lòng rỗng, bụng chắc, chí yếu, cốt mạnh). Nhất là về sau này, những người tu đạo học tiên đều ra sức luyện tập xem làm sao cho lòng rỗng, làm sao cho bụng chắc, làm sao cho chí yếu, làm sao cho cốt mạnh. Lại thêm câu Lão Tử nói ở phần sau, **"chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ"** (dồn khí đến chỗ mềm mại, có thể được như trẻ sơ sinh chăng) và những lời tương tự, không chỉ

khiến người tu đạo đều dốc sức theo đuổi cảnh giới ấy, mà ngay cả người luyện quyền thuật võ công, cho tới những người chuyên tâm đọc sách làm học vấn, chú trọng tu tâm dưỡng tính, cũng đều âm thầm hay công khai, ra sức theo đuổi công phu lòng rỗng bụng chắc.

Điều thú vị nhất là, ai nấy đều biết rõ nội hàm của **"tuyệt thị cấm dục"** (dứt bỏ ham muốn, cấm dục vọng), nếu bước này không làm được thì căn bản không còn cách nào tiến thêm tới mức độ "hư kỳ tâm" nữa. Đã không thể làm cho lòng rỗng được, thì bước tiếp theo là cảnh giới **"thực kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt"** (bụng chắc, chí yếu, cốt mạnh), chẳng phải hoàn toàn chỉ là nói suông hay sao? Nhưng có ai chịu tự nhận là mình sai đâu? Thế là người ta bỏ mặc điều kiện tiên quyết "bỏ dục, rỗng lòng" mà Lão Tử đã nói trước đó, chỉ đi theo đủ thứ phương pháp trăm hoa đua nở như giữ thần, luyện khí, tồn tưởng, giữ đan điền để mà tu luyện cho được "thực kỳ phúc", rốt cuộc thành ra bụng to phệ như một ông phú ông, mặt mày hồng hào như tướng phát tài. Cho dù là bậc đạo sĩ chân chính, đến cuối cùng vẫn không thoát khỏi cái khuôn phép của người thường, chẳng phải cuối cùng cũng rơi vào cảnh cao huyết áp, bệnh tim rồi già bệnh chết như ai đó sao.

Nói tới đây, hãy để chúng ta thư giãn một chút, trước tiên xem qua vài cách nói của các bậc thông đạt hiểu đời, kẻo khiến những người học đạo tu tiên nghe mà quá căng thẳng, thế thì tội lỗi không nhỏ. Thật ra, tôi cũng rất tin rằng những sách đọc thêm ngoài giờ học hồi nhỏ có liên quan tới sự thăng hoa của đạo làm người, có thể đạt tới cảnh giới thần tiên. Những sách đọc thời thơ ấu năm xưa, có câu:

Vương tử khứ cầu tiên,
Vương tử đi cầu tiên,

đan thành thướng cửu thiên.
đan luyện thành, bay lên chín tầng trời.

Động trung phương thất nhật,
Trong động chỉ mới bảy ngày,

thế thượng dĩ thiên niên.
mà ngoài đời đã trải nghìn năm.

và câu:

Tam thập tam thiên thiên trùng thiên,
Ba mươi ba tầng trời, trời chồng lên trời,

bạch vân lý diện xuất thần tiên.
trong mây trắng hiện ra thần tiên.

Thần tiên bản thị phàm nhân tố,
Thần tiên vốn là do người phàm mà thành,

chỉ phạ phàm nhân tâm bất kiên.
chỉ sợ lòng người phàm không bền vững.

Nhưng về sau lớn dần lên, lại đọc thêm nhiều sách đan kinh đạo thư sâu xa hơn, thậm chí đọc trọn cả bộ Đạo Tạng, thật có khí thế như lạc vào **"sơn âm đạo thượng, mục bất hạ cấp"** (đi trên đường núi âm u, mắt không kịp nhìn hết

cảnh vật). Chỉ có điều ngược lại, khi xét lại kết cục của biết bao người tu đạo học tiên, cùng những trước tác của các bậc thông đạt hiểu đời, thì lại không khỏi mỉm cười thấu hiểu, như giấc mộng kê vàng vừa tỉnh, để rồi vẫn quay về với chỗ đứng vốn có của con người. Chẳng hạn Tư Mã Thiên, từng đích thân tới thăm những người tu đạo học tiên, mà có ghi lại rằng **"sơn trạch liệt tiên chi trù, kỳ hình thanh khu"** (những bậc tiên ở chốn núi rừng đầm hồ, hình dáng đều gầy gò thanh tú). Có thể thấy không phải ai cũng giống như Hán Chung Ly trong Bát Tiên mà các họa sĩ đời Nguyên về sau tưởng tượng ra, trông như một ông nhà giàu bụng phệ ăn quá nhiều vi cá yến sào.

Ngoài ra, thơ từ của các văn nhân qua các đời thuộc loại **"phản du tiên"** (chống lại chuyện đi tìm tiên) cũng có rất nhiều. Chẳng hạn từ khúc Uống rượu theo điệu "Bốc toán tử" của Tân Khí Tật, hiệu Giá Hiên, chính là đứng trên lập trường của đạo làm người mà lập luận, không dám vọng tưởng thành tiên học Phật:

Nhất cá khứ học tiên,
Một người đi học tiên,

nhất cá khứ học Phật.
một người đi học Phật.

Tiên ẩm thiên bôi túy tự nê,
Học tiên uống nghìn chén say mềm như bùn,

bì cốt như kim thạch.
mà da xương vẫn cứng như vàng đá.

Bất ẩm tiện khang cường,
Không uống thì mạnh khỏe,

Phật thọ tu thiên bách.
học Phật sống lâu phải tới trăm nghìn tuổi.

Bát thập dư niên nhập Niết Bàn,
Hơn tám mươi năm mới nhập Niết Bàn,

thả tiến bôi trung vật.
thôi thì cứ uống cạn chén rượu trước đã.

Đọc bài từ này của Tân Khí Tật, thật khiến người ta phải ngửa mặt lên trời cười vang, rồi cạn một chén lớn. Nhưng đồng thời chúng ta cũng phải biết, đây chỉ là lời bất mãn của ông, mượn đề tài mà giãi bày, mượn rượu để giải sầu mà thôi. Cũng vậy, ông còn có một bài từ nổi tiếng khác, than rằng uổng công đọc sách thánh hiền mà không thể thi triển được hoài bão trung thành yêu nước, đành mượn rượu để giãi bày lòng mình:

Đạo Chích thảng danh Khưu,
Nếu Đạo Chích mà mang tên là Khưu,

Khổng Tử như danh Chích,
Khổng Tử mà mang tên là Chích,

Chích thánh Khưu ngu trực đáo kim,
thì tên trộm thành thánh, tên thánh hóa ngu, cứ thế đến tận ngày nay,

mỹ ác vô chân thực.

đẹp xấu chẳng còn gì là thật.

Giản sách tả hư danh,

Sách vở chỉ chép lại cái danh hão,

lâu nghĩ xâm khô cốt.

còn xương khô thì kiến mối gặm mòn.

Thiên cổ quang âm nhất sát thời,

Ngàn năm ánh sáng thời gian chỉ như một khoảnh khắc,

thả tiến bôi trung vật.

thôi thì cứ uống cạn chén rượu trước đã.

Còn lại, thơ phản du tiên của người đời Thanh cũng rất nhiều, như bài mượn đề tài Lã Thuần Dương:

Thập niên thác bút tẩu thần kinh,

Mười năm cắp bút bôn ba nơi kinh đô,

nhất ngộ Chung Ly cái tiện khuynh.

một khi gặp Chung Ly, liền nghiêng ngả cả lòng.

Bất thị vô tâm Đường xã tắc,

Không phải là không có lòng với xã tắc nhà Đường,

kim đan nhất lạp ngộ tiên sinh.

chỉ vì một viên kim đan mà lỡ dở cả đời tiên sinh.

cùng câu **"thiếp phu chân bạc mệnh, bất hạnh tố thần tiên"** (chồng thiếp thật bạc mệnh, chẳng may lại thành thần tiên) và những câu tương tự, đâu đâu cũng thấy.

Chân truyền Đạo gia: lòng rỗng, luyện khí

Cho dù xưa nay các bậc thông đạt hiểu đời, dù nói ra miệng hay viết ra giấy, đều phản đối chuyện thần tiên Phật đạo, nhưng khi gặp phải những chỗ bất lực trước cuộc đời, trong tiềm thức, nào có ai không mơ tưởng vượt lên trên cõi người, dạo chơi trong cảnh đẹp giao hòa giữa trời và người. Cho nên những người luyện khí hành công, chú trọng giữ khí ở đan điền, vẫn cứ đông như cá qua sông, người người đua nhau theo đuổi. Tôi thường gặp một số người có lòng hướng về tu đạo tới hỏi những câu như làm sao để giữ khí ở đan điền. Tôi vẫn thường hỏi ngược lại, sao anh lại muốn giữ khí ở đan điền để làm công phu **"thực kỳ phúc"** (làm cho bụng đầy đủ)? Theo như Đạo gia nói, chữ "khí" có ba cách viết và ba định nghĩa khác nhau, cần phải biết rõ. Trong sách đạo thời xưa, chữ "khí" được viết là 炁. Nửa trên của chữ 炁 là chữ 无, chính là chữ "vô" 无 của đời sau, còn bốn chấm phía dưới tượng trưng cho lửa. Vậy thì, "không lửa" gọi là khí, không phải chỉ khí trong không khí, cũng không phải khí của hơi thở. Chữ 氣 mà bây giờ hay dùng, phía dưới có chữ mễ 米, là chỉ cái khí do con người ăn gạo thóc lương thực rồi hóa sinh ra. Còn có một chữ 气 nữa, trông giống chữ giản thể, là chỉ khí trong không khí. Tạm gác chuyện đó là khí nào, thân thể con người, chẳng khác nào một cái túi da đựng đủ thứ bộ phận, linh kiện. Giả như chúng ta bơm khí vào trong một cái túi da, rồi muốn bắt luồng khí ấy đứng yên một chỗ, cố định mãi mãi ở một vị trí nào đó, liệu có thể được không? Câu trả lời rất rõ ràng: khí sẽ không đông đặc lại mà dừng yên ở một chỗ nào cả. Nếu nói là có thể, thì cái đó đã không còn là khí thể nữa, nó

đã biến thành một vật thể rắn rồi. Trong thân thể chúng ta, lại có thêm một vật rắn nữa, thì đáng sợ quá, chẳng phải sẽ thành một khối u hay sao? Khí, vốn dĩ là một nguồn năng lượng **"biến động bất cư, chu lưu lục hư"** (biến đổi không ngừng, không ở yên một chỗ, xoay vòng khắp sáu cõi trống không), anh muốn giữ khí ở đan điền, làm đầy hạ đan điền nơi bụng dưới, thì chỉ có thể nói là "chỉ có lời nói suông, chẳng có ý nghĩa thật sự nào cả". Nếu quả thật có cảm giác như vậy, thì đó chỉ là phản ứng cảm nhận do sự tập trung chú ý, do tác dụng khống chế tâm lý gây ra mà thôi, chứ không phải thật sự có một thứ gì đó tồn tại.

Vậy thì, câu "hư kỳ tâm, thực kỳ phúc" mà Lão Tử nói tới, chẳng lẽ lại không có căn cứ thực tế nào sao? Thật ra, điều Lão Tử nói tới là công phu chân thực trên đường tu dưỡng, chắc chắn là có thật. Nhưng điều kiện tiên quyết của nó, chính là phải bắt đầu từ chỗ vô dục, rỗng lòng. Một người, nếu thật sự làm được **"ly tình khí dục"** (lìa bỏ tình cảm, vứt bỏ dục vọng), lòng lặng như nước trong không gợn sóng, thì tự nhiên sẽ đạt tới cảnh giới tu dưỡng trong Bách Tự Minh của Lã Thuần Dương:

Dưỡng khí vong ngôn thủ,
Nuôi dưỡng khí, quên lời mà giữ lấy,

giáng tâm vi bất vi.
hàng phục lòng bằng cách làm mà như không làm.

Động tĩnh tri tông tổ,
Biết được cội gốc của động và tĩnh,

vô sự cánh tầm thùy.
không có việc gì thì còn tìm ai nữa.

Chân thường tu ứng vật,
Cái chân thường ấy cần phải ứng với vạn vật,

ứng vật yếu bất mê.
ứng với vạn vật mà không được mê lầm.

Bất mê tính tự trụ,
Không mê lầm thì tính tự nhiên an trụ,

tính trụ khí tự hồi.
tính đã an trụ thì khí tự quay về.

Khí hồi đan tự kết,
Khí đã quay về thì đan tự kết thành,

hồ trung phối Khảm Ly.
trong bình hồ, Khảm và Ly phối hợp với nhau.

Âm dương sinh phản phục,
Âm dương sinh ra vòng đi vòng lại,

phổ hóa nhất thanh lôi.
biến hóa khắp nơi trong một tiếng sấm.

Bạch vân triêu đỉnh thượng,

Mây trắng chầu trên đỉnh đầu,

cam lộ sái Tu Di.

cam lồ rưới xuống núi Tu Di.

Tự ẩm trường sinh tửu,

Tự mình uống rượu trường sinh,

tiêu dao thùy đắc tri.

cảnh tiêu dao ấy có ai biết được.

Tọa thính vô huyền khúc,

Ngồi mà nghe khúc đàn không dây,

minh thông tạo hóa cơ.

thông suốt cái cơ vi diệu của tạo hóa.

Đô lai nhị thập cú,

Gộp lại thành hai mươi câu,

đoan đích thướng thiên thê.

đích thực là chiếc thang lên tới trời.

Thật ra, cái khó nằm ở chỗ vô dục và rỗng lòng. Chính vì không thể vô dục được, nên Lão Tử mới dạy người ta một cách tiêu cực, chỉ có thể cố hết sức tránh né, đó là **"bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn"** (không phô bày điều đáng ham muốn, khiến lòng dân không loạn). Làm được theo cách tiêu cực ấy cũng đã là tốt lắm rồi. Rồi sau đó mới cầu tới chỗ rỗng lòng, tự nhiên sẽ có thể làm đầy đủ được nội thể. Nuôi dưỡng lâu ngày, cũng tự nhiên có thể đạt tới **"nhược kỳ chí, cường kỳ cốt"** (làm yếu ý chí, làm mạnh xương cốt). Nếu cố ý mà cầu cho được, thì đã sớm đi ngược lại, trái với nguyên tắc "đạo pháp tự nhiên". Bởi vậy, từ đời Đường Tống về sau, các bậc thiền sư khi quở trách những kẻ ngông cuồng thường dùng câu cửa miệng, lấy ngược lại câu "hư tâm thực phúc" của Lão Tử, cho rằng đó là hạng người "bụng rỗng lòng cao", không đáng nói tới nữa. Thật ra, muốn hiểu rõ công phu chân thực của câu "hư kỳ tâm, thực kỳ phúc" mà Lão Tử nói, chi bằng dẫn câu của Mạnh Tử **"kỳ sinh sắc dã, thoải nhiên kiến ư diện, áng ư bối, thi ư tứ thể, tứ thể bất ngôn nhi dụ"** (cái khí sắc ấy sinh ra, hiện rõ trên mặt một cách tươi nhuận, tràn ra sau lưng, lan tới cả tứ chi, tứ chi không cần nói cũng tự hiểu) là xác đáng nhất. Hiện giờ chúng ta không phải đang chuyên bàn về thuật đan đạo của phái thần tiên Đạo gia sau đời Tần Hán, chỉ vì đạo lý "hư tâm thực phúc, nhược chí cường cốt" trong chính văn của Lão Tử có liên quan tới những khái niệm cơ bản như dưỡng khí, tu khí, luyện khí trong thuật thần tiên đan đạo, nên mới nói sơ qua đôi chút, việc này thuộc về một đề tài chuyên biệt, không cần nói kỹ, xin dừng ở đây.

Nhà Tống họ Triệu: Nam-Bắc triều lần nữa

Còn về tư tưởng chính trị vô vi nhi trị bắt nguồn từ nửa sau của chương này trong sách Lão Tử, tức câu **"thị dĩ thánh nhân chi trị, hư kỳ tâm, thực kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt, thường sử dân vô tri, vô dục. Sử phù trí giả bất cảm vi dã. Vi vô vi, tắc vô bất trị"** (vì vậy cách trị của thánh nhân là: làm trống lòng, làm no bụng, làm yếu ý chí, làm mạnh xương cốt, thường khiến dân không có tri thức, không có dục vọng. Khiến kẻ có mưu trí không dám hành động. Làm bằng vô vi, thì không có gì là không được trị), trong lịch sử đã bao lần bị hiểu lầm, thậm chí bị

một số đế vương đứng đầu một thời đại, cố ý hoặc vô ý, xuyên tạc tác dụng của nó, thì không thể đổ hết lỗi lên đầu Lão Tử được. Sự sai lệch trong lịch sử này, sự việc rõ ràng nhất chính là câu chuyện của Tống Chân Tông.

Vào cuối thời Ngũ Đại, sau khi Triệu Khuông Dận qua cuộc binh biến Trần Kiều, khoác hoàng bào lên người, bước lên ngôi báu hoàng đế, xưa nay các sử gia truyền thống, vẫn giữ quan niệm chính thống nhất quán, đều lấy nhà Tống làm chủ. Nếu chúng ta xét từ góc độ đại nghiệp thống nhất trong lịch sử, thì suốt ba trăm năm của cả hai triều Bắc Tống, Nam Tống, chính quyền nhà Tống chẳng qua chỉ cùng chia thiên hạ với Liêu, Kim, rồi cả Tây Hạ, đôi bên đối đầu ngang hàng nhau, chẳng khác nào cục diện Nam Bắc triều lần thứ hai sau đời Đông Tấn. Nếu xét từ lập trường văn hóa Trung Hoa mà nhìn, thì cả Bắc Tống, Nam Tống lẫn Liêu, Kim, Nguyên, đều cùng quy phục dưới ngọn cờ lớn của văn hóa Trung Hoa, mỗi bên đều có chỗ hay riêng. Nền văn trị của Liêu, Kim, so với Tống, cũng không thua kém là bao. Quan điểm này, có lẽ là cách nhìn lịch sử khác người của tôi, nhưng đại thể cũng không đến nỗi quá lệch lạc. Nhất là tôi mong các bạn học giả trẻ đừng bỏ qua mối quan hệ giữa văn hóa Liêu, Kim thời ấy với đại hệ văn hóa Trung Hoa.

Trong lịch sử của chúng ta, việc lập quốc của nhà Tống, cương vực rất nhỏ, vùng đất thực sự chịu quyền cai trị thật đáng thương ít ỏi. Chỉ có điều, suốt một đời nhà Tống, về mặt học thuật văn hóa lại tương đối coi trọng chính trị của kẻ sĩ văn nhân, tôn trọng địa vị học thuật Nho gia, nên khá được các học giả xưa nay ca ngợi tán tụng mà thôi. Thật ra, khi Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dận làm hoàng đế, mười sáu châu Yên Vân ở phương bắc đã không còn thuộc về nhà Tống nữa. Ở phía tây nam, vùng Vân Nam về phía tây và Mông Tự, lại có nước Đại Lý dựng nước bằng văn hóa Nho Phật tồn tại, cũng chẳng chịu tôn phụng niên hiệu chính thống của nhà Tống họ Triệu. Nếu lấy tinh thần lập quốc của Hán, Đường mà nói, trước dùng võ công rồi sau mới dùng văn trị, thì thiên hạ của nhà Tống họ Triệu, quả thật không khỏi có chỗ thẹn thùng. Nguyên do căn bản của việc này, là vì hai anh em Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dận và Tống Thái Tông Triệu Khuông Nghĩa, bản chất bẩm sinh đều vừa là quân nhân vừa là học giả ham đọc sách, nên đối với việc quân cơ binh lược, hiểu rất rõ lợi hại, không dám khinh suất hành động. Xét theo mặt tích cực mà nói, thì bản tính của họ tương đối nhân hậu, còn khí phách để xưng hùng xưng bá thì lại tương đối yếu, có phần giống với tấm lòng từ bi trong bài thơ phi chiến của thi nhân đời Đường Tào Tùng:

Trạch quốc giang sơn nhập chiến đồ,
Giang sơn đất nước sông hồ đã lọt vào bức tranh chinh chiến,

sinh dân hà kế lạc tiều tô.
dân sinh còn biết tính kế gì để vui thú kiếm củi hái rau.

Khuyến quân mạc thoại phong hầu sự,
Khuyên chàng chớ nói chuyện được phong hầu,

nhất tướng công thành vạn cốt khô.
một viên tướng lập nên công danh thì vạn khúc xương đã khô.

Bởi vậy, chiến lược ban đầu của Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dận là ra sức lo việc nghỉ ngơi dưỡng sức cho dân, cầu sự tiết kiệm trong cảnh yên ổn, mong lợi dụng tâm lý tham lợi của người phương bắc, dùng tiền của để mê hoặc nước Liêu ở phía bắc, dần dần chuộc lại một nửa cương vực mười sáu châu Yên Vân. Nếu dùng thuật ngữ hiện đại mà nói, ông muốn lợi dụng sách lược tài chính kinh tế để thống nhất cả nước. Điều không may là, người em của ông, Tống Thái Tông Triệu Khuông Nghĩa, không hiểu trọn vẹn sách lược của anh mình, mới lên ngôi chưa được mấy năm đã tiêu hết phần lớn ngân khố tích lũy. Đến tay Tống Chân Tông, không dám đánh mà cũng không dám hòa, tiến thoái

đều khó, rất nan giải, may mà ông chịu nghe theo quyết sách kiên trì của vị tể tướng nổi tiếng Khấu Chuẩn, miễn cưỡng ngự giá thân chinh, giành được một trận thắng lợi cả về quân sự lẫn ngoại giao trong "trận Chiên Uyên". Nhưng vào lúc bấy giờ, việc ấy gần như đã làm Tống Chân Tông sợ vỡ mật. Những sự thật này, trong sử sách ghi chép, có thể thấy rõ ràng, minh bạch.

Gan dạ và sự sáng suốt của Khấu Chuẩn

Nói tới đây, hãy để chúng ta bỏ thêm chút thời gian, tìm hiểu sơ qua về bút pháp lớn "ngoài Nho trong Đạo" của danh thần một đời nhà Tống là Khấu Chuẩn. Đồng thời cũng có thể hiểu thêm một chút, cái tinh thần "vô vi mà không gì không làm" của Đạo gia, khi được vận dụng vào đạo làm bề tôi, đã tạo nên một màn trình diễn xuất sắc như thế nào. Khấu Chuẩn quả thật là một học giả tin sâu vào đạo Hoàng Lão, trong thời gian đảm đương việc quân quốc trọng đại, nhà ông còn âm thầm nuôi dưỡng một vị đạo nhân chuyên tu thần tiên đan đạo. Phong cách của ông vừa táo bạo vừa kín kẽ, vừa hào phóng vừa thực tế, quả thật đã nắm được cái bí quyết sâu xa của đạo Hoàng Lão. Trong trận Chiên Uyên, ông đã ép được hoàng đế Tống Chân Tông ngự giá thân chinh, đưa quân ra tận tiền tuyến, làm ngoại giao ngay dưới mũi giáo, thật là mạo hiểm vô cùng. Hơn nữa, lúc bấy giờ bên cạnh Tống Chân Tông, trong nội bộ triều đình còn có một phe phản đối với thế lực khá mạnh. Vậy mà ông bất chấp tất cả, tính toán chắc chắn rồi mới ra tay. Việc này so với chuyện thời Tam Quốc, Ngụy Diên đề nghị Gia Cát Lượng xuất binh qua đường Tý Ngọ, còn mạo hiểm hơn gấp mười lần. Vậy mà ông lại làm được. Về sự việc lịch sử này, Tống Chân Tông chịu nghe theo ý kiến của Khấu Chuẩn, khi hữu sự có thể phối hợp ăn ý với nhau, cố nhiên là điều thật đáng quý, nhưng lúc ở tiền tuyến, đối mặt trực tiếp với quân địch, ông vẫn không khỏi run sợ, thật lòng cũng rất hoảng, rất muốn biết hành động của Khấu Chuẩn rốt cuộc có bao nhiêu phần chắc chắn. Thế là sai người đi dò xét xem Khấu Chuẩn đang làm gì, người được sai đi trở về báo cáo rằng, vị tể tướng đang gánh vác trọng trách ấy, ngay tại chốn tiền tuyến nguy cấp như vậy, lại đang cùng đám mưu sĩ, tân khách uống rượu đánh bạc, thản nhiên như không có chuyện gì. Chân Tông nghe vậy, rốt cuộc mới yên tâm được phần lớn. Khấu Chuẩn vốn có thói quen thích đánh bạc, nhưng ván bạc lúc bấy giờ, quả thật là một canh bạc lớn liều lĩnh. Ông đánh cược cho quân địch xem, đánh cược cho Tống Chân Tông xem; thật ra, tâm trạng của ông lúc ấy còn căng thẳng, nặng nề hơn cả Gia Cát Lượng ngồi câu cá ở vườn sau trong khi lui được năm cánh quân, chỉ có điều ông không thể không tỏ ra ung dung thư thái mà thôi. Đây chính là chỗ diệu dụng của Đạo gia, cũng chính là tư thế "muốn lấy thì trước hãy cho" của Lão Tử. Bởi vậy, cũng chẳng trách gì kẻ thù không đội trời chung với ông về mặt chính trị là Vương Khâm Nhược, sau này thừa cơ dùng một câu ly gián trước mặt Tống Chân Tông, liền khiến Khấu Chuẩn không bao giờ còn được trọng dụng nữa. Sau trận Chiên Uyên, Tống Chân Tông vì có việc mà nhớ lại chuyện mạo hiểm với Khấu Chuẩn hồi ấy, trong lòng khá là mâu thuẫn phức tạp, nên Vương Khâm Nhược nhân cơ hội đó liền nói rằng, trong trận Chiên Uyên, Khấu Chuẩn không thể tính là có công lớn, ông ta chẳng qua chỉ đem bệ hạ ra làm một ván bạc lớn mà thôi. Anh xem, chỉ cần một câu lưỡi mềm dẻo khéo léo, đã đủ hại người không cần dao, giết người không thấy máu. May mà con cháu hoàng đế nhà Tống họ Triệu, bản chất vẫn còn khá là hậu đạo, nếu đổi sang một hôn quân khác, thì cái đầu của Khấu Chuẩn chắc chắn đã bị đem nộp cho quân địch rồi.

Tống Chân Tông hối lộ tể tướng

Cho dù Tống Chân Tông không dám dùng lại Khấu Chuẩn, không dám bàn tới đại nghiệp thống nhất nữa, chỉ vận dụng chính sách nộp cống cầu hòa, để mong sống tạm bợ yên thân. Nhưng ông cũng biết rằng lòng người cả nước, sĩ khí trong triều ngoài nội, đều không cam lòng nịnh bợ quân địch, càng không hề tâm phục khẩu phục cái sách lược mang tính nửa đầu hàng ấy. Vậy thì, nếu muốn làm được **"sử dân vô tri vô dục, sử phù trí giả bất cảm vi dã. Vi vô vi, tắc vô bất trị"** (khiến dân không có tri thức, không có dục vọng, khiến kẻ có mưu trí không dám hành động. Làm

bằng vô vi, thì không có gì là không được trị), thì phải nghĩ ra cách khác. Kết quả, ông nghe theo lời khuyên của Vương Khâm Nhược, lợi dụng tôn giáo để mê hoặc cả triều đình lẫn dân gian, ổn định lòng người, đồng thời cũng có thể tự an ủi mình, cậy nhờ thần lực để phù hộ bình an. Thế là ông giả vờ nói rằng thiên thần giáng xuống trong mộng, bắt ông phải lập "đạo tràng Hoàng Lục" ở chính điện suốt một tháng, bày ra đủ trò dối trá về việc trời ban sách trời, ba thiên Đại Trung, Tường Phù. Lại còn sai người dối tâu là được sách trời ở Thái Sơn, bắt quần thần dâng biểu, tôn xưng đạo hiệu, tự xưng là "Sùng Văn Quảng Vũ Nghi Thiên Tôn Đạo Bảo Ứng Chương Cảm Thánh Minh Nhân Hiếu Hoàng Đế". Từ đó về sau, cơ nghiệp ba trăm năm của nhà Bắc Tống liền kết thành mối duyên khó dứt với chính sách thần bí của Đạo giáo. Về sau, việc Tống Huy Tông, bậc thầy mê tín tự xưng là "Đạo Quân Hoàng Đế", bị bắt đi đày ở phương bắc, chẳng phải cũng là do cái nhân đã gieo từ thời Tống Chân Tông gây ra hay sao.

Đại chính của một quốc gia, tuyệt đối không thể trộn lẫn làm một với công việc của tôn giáo, xét theo ghi chép của lịch sử nhân văn xưa nay trong ngoài, phàm là thời đại nào tôn giáo và chính trị trộn lẫn vào nhau, đất nước nào chính trị và tôn giáo không phân biệt rạch ròi, kết cục không có nước nào là không thất bại thảm hại. Không chỉ làm ô uế tôn giáo, mà đồng thời còn làm hỏng cả đất nước. Chính trị, xét cho cùng là thành quả thực tế của trí tuệ xử lý hiện thực. Tôn giáo, thì luôn là sự nghiệp xuất thế, thăng hoa vượt lên trên hiện thực. Nếu cứ nhấn mạnh rằng tôn giáo chính là việc của cõi đời hiện thực, thì hoặc là có ý đồ khác, hoặc là kẻ ấy nếu không ngu thì cũng là điên cuồng. Vì vậy, khi Tống Chân Tông muốn lợi dụng sự mê tín tôn giáo để làm được **"sử dân vô tri vô dục, sử phù trí giả bất cảm vi dã"** (khiến dân không có tri thức, không có dục vọng, khiến kẻ có mưu trí không dám hành động), điều ông kiêng dè nhất chính là sợ vị tể phụ đại thần, đồng bình chương sự Vương Đán không đồng ý. Ban đầu ông chỉ dò ý, kết quả không có cách nào thông cảm được. Thế là một mặt sai Vương Khâm Nhược khéo léo dàn xếp ý kiến, một mặt Chân Tông sai hoạn quan trong cung ban đêm mang lễ vật hậu hĩ đến phủ tể tướng của Vương Đán, mà không nói rõ dụng ý vì sao lại ban thưởng hậu hĩ đến vậy. Đây chính là một kiệt tác của việc một ông vua công khai hối lộ đại thần. Vì vậy khiến cho danh thần chính trực, đắm tính là Vương Đán rơi vào cảnh có miệng mà khó nói, đành phải xuôi theo. Nếu Khấu Chuẩn không bị đẩy ra khỏi triều đình, e rằng cái trò "lấy đạo thần linh mà đặt ra giáo hóa" đã không thể trở thành vật đặt cược cho canh bạc lớn liều lĩnh này. Về sau khi Vương Đán lâm chung, tuy Tống Chân Tông đích thân tới bên giường bệnh thăm hỏi, tự tay pha thuốc, mỗi ngày còn ba bốn lần sai người hỏi thăm bệnh tình, lại còn sai cung nhân đem cháo thự dự (khoai mài) tới. Nhưng điều khiến Vương Đán canh cánh trong lòng, vẫn không vì thế mà nguôi ngoai được. Lúc lâm chung, ông còn dặn dò người nhà phải cạo râu tóc cho mình, khoác áo cà sa của nhà sư lên người, để tỏ ý phản đối, tỏ lòng sám hối. Ông tự trách mình lúc bấy giờ đối với chính sách ngu dân bằng "sách trời", đã không hết lòng hết sức can gián, cho đó là một tội lớn.

Chúng tôi dẫn ra đoạn sự thật lịch sử này, là để nói rõ cái đầu đuôi trước sau của việc câu **"sử dân vô tri vô dục, sử phù trí giả bất cảm vi dã. Vi vô vi, tắc vô bất trị"** (khiến dân không có tri thức, không có dục vọng, khiến kẻ có mưu trí không dám hành động. Làm bằng vô vi, thì không có gì là không được trị) trong chương này của sách Lão Tử đã bị Tống Chân Tông lợi dụng ngược lại, tất nhiên đó không phải là bản ý của Lão Tử, càng không thể tùy tiện đem cái oan ức ấy chụp lên đầu Lão Tử được nữa.

Tóm lại, chúng ta không nên quên bản ý khi Lão Tử viết sách, trước hết là coi trọng nguyên tắc noi theo đạo đức tự nhiên. Giả như con người ta đều sống trong đời sống đạo đức, đã không tôn sùng người hiền tài, lại vô dục mà không tranh giành, thì đương nhiên là hợp với quy phạm tự nhiên, tự nhiên cũng là một thiên hạ thái bình vô sự. Trong thiên Lễ Vận của Lễ Ký, chỗ ghi chép trước tiên nói về tiếng thở dài của Khổng Tử, cũng chính là ý này. Đến khi thời đại bước sang đời sau, người người không thể tự tu dưỡng đạo đức, người người không thể tự mình chỉnh đốn lòng tranh

giành và dục vọng, chỉ đem những lời than xưa tiếc nay của Lão Tử ra làm giáo điều, thì đương nhiên là đi ngược lại với đạo, càng nói càng xa rời.

Thượng Kinh · Chương 4

Đạo xung nhi dụng chi hoặc bất doanh,

Đạo như cái trống rỗng, mà dùng nó có lẽ không bao giờ đầy.

uyên hề tự vạn vật chi tông.

Sâu thẳm thay, như là tổ tông của vạn vật.

Tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân, hòa kỳ quang, đồng kỳ trần.

Bẻ gãy sự sắc bén, gỡ rối sự rối ren, hòa dịu ánh sáng chói, đồng hóa với bụi trần.

Trạm hề tự hoặc tồn, ngô bất tri thùy chi tử, tượng đế chi tiên.

Trong sáng thay, như dường vẫn còn đó. Ta không biết nó là con của ai, như đã có trước Thượng Đế.

Đạo, giữa có và không

Tiếp ngay chương trước, sau chỗ **"vi vô vi, tắc vô bất trị"** (làm bằng vô vi, thì không gì không được trị) về dùng mà đừng dùng, đừng dùng mà lại dùng, liền nêu **"đạo xung nhi dụng chi hoặc bất doanh, uyên hề tự vạn vật chi tông"** (Đạo như cái trống rỗng, mà dùng nó có lẽ không bao giờ đầy; sâu thẳm thay, như là tổ tông của vạn vật), làm lớp phát minh sâu hơn nữa cho lẽ dùng Đạo mà không để Đạo dùng mình. Ở đây trước hết phải hiểu chữ 冲 (xung) và chữ 盈 (doanh) là đối đẳng. Chữ 冲 (xung) trong câu chương này của *Lão Tử*, nên giải là "khiêm xung" của hòa nhu khiêm tốn. Nói khác, xung chính là trống mà không đầy, đồng thời hàm nghĩa nguồn xa dòng dài, miên man không dứt. Nếu giải 冲 (xung) là dùng trung, không chấp một đầu hay một bên, cũng thông được. Tóm lại, biết chỗ diệu dụng của Đạo ở chỗ khiêm xung không thôi, như suối từ núi dài nước xa, róc rách không ngừng, cuối cùng tụ thành vực không đáy, không từ chỗ đổ vào, mãi không đầy, không có cùng. Nếu hiểu chỗ diệu dụng xung mà không đầy của Đạo, nó bèn như công năng tông chủ trong tưởng tượng, sinh sinh không dứt, mãi không nghỉ, có thể sinh vạn vật, thì dùng không phương cố định, lượng đồng thái hư.

Làm được xung hư mà không đầy không tràn, tự nhiên có thể bẻ gãy chỗ cứng sắc, hóa giải rối rắm. Rồi hòa vào quang cảnh của nó, cùng chung trần tượng của nó. Nhưng nó vẫn trong veo lặng sâu, hòa mà không tạp, cùng mà không trôi theo, như còn như mất ở khoảng ấy. Nếu thật làm được cảnh giới ấy, hoàn thành dưỡng ấy, thì không cách biết nó rốt cuộc là con của "ai"? Giống người mà không phải người, giống thần mà không phải thần, thật không cách ví nó giống cái gì. Giả sử thật có một Đại Đế chủ tể vạn hữu, thì kẻ tạo ra Đại Đế ấy lại là ai? Cái "ai" trong **"thùy chi tử"** (con của ai) mới là công năng gốc tạo Đại Đế và vạn vật, cũng tạm gượng đặt tên gọi nó là "Đạo". Nhưng Đạo vốn không hình, Đạo vốn không tên; gọi nó là "Đạo" thì đã không phải Đạo. Vì vậy đành tả nó là **"tượng đế chi tiên"** (như đã có trước Thượng Đế).

Nguyên văn chương này, đại ý đã như vừa nói. Nhưng chỗ hàm chứa trôi biến, truyền đến đời sau, bèn có một mặt từ tu dưỡng cá nhân mà thể hội bản ý; lại có một mặt từ đối nhân xử sự, sự công, mà lĩnh hội chỗ diệu dụng. Phía thể hội từ tu dưỡng cá nhân, phần nhiều thuộc phái thần tiên đan đạo tu tập đạo thuật. Phía lĩnh hội từ sự công và đối nhân xử sự, thì thuộc việc làm của đế vương hoặc các bậc danh thần, tướng quốc các đời.

Nói từ tu dưỡng cá nhân, gốc tu Đạo trước hết phải xung hư khiêm hạ. Bất luận luyện khí hay dưỡng thần, đều phải thế, đều phải xung hư tự nhiên, mãi không đầy không tràn, đến thì không từ, đi thì không giữ, bỏ cũ nạp mới, chảy còn không ngại mà không trụ. Phàm niệm trong lòng quá sắc nhọn, đặc biệt trệ cứng không hóa, phải bẻ gãy cho nó lắng.

Với luyện khí tu tức, luyện thần dưỡng tâm, cũng đều phải thế. Nếu có nghĩ suy rối loạn, vướng víu không rõ, cũng phải gỡ ra. Còn hơi thở với tinh thần, cũng phải nuôi không câu thúc, mặc nó xung mà không đầy. Tồn dưỡng thuần thục như thế, có thể hòa hợp quang cảnh tự nhiên, hòa vào dòng đời mà không nhiễm nhơ, tự che bớt ánh sáng, lẫn dấu trong cảnh trần. Nhưng lòng này thân này, suốt vẫn **"xung nhi dụng chi hoặc bất doanh"** (xung mà dùng nó, có lẽ không đầy). Hết thảy đừng quá, đừng quá lắm. Lòng này thân này vẫn giữ thái hòa mà trong veo lặng sâu, sống động linh hoạt, xoay trong khoảng có không của cảnh trần. Dù nói trong veo lặng sâu, phải như còn như mất, không được chấp. Ta tức không phải ta, ai cũng không phải ai, chỉ ứng vật không phương, không để dấu đến đi, tức **"tiên thiên nhi phất vi, hậu thiên nhi phụng thiên thì"** (trước trời mà không trái; sau trời thì theo thời trời), chỉ thế thôi.

Nhưng với hành vi nhân vật Đạo gia nói chung, hai câu **"hòa kỳ quang, đồng kỳ trần"** (hòa dịu ánh sáng, đồng hóa với bụi trần) lại càng được coi trọng. Đồng thời phối hai câu **"bị hạt hoài ngọc, ngoại vi cuồng phu"** (mặc áo vải thô, ôm ngọc trong lòng; bên ngoài như kẻ điên) trong *Tham Đồng Khế* của chân nhân Ngụy Bá Dương, phụng làm khuôn. Nên kẻ có Đạo thường giả điên giả ngốc, đầu bù mặt bẩn, lẫn dấu giữa trần. Tư tưởng và làm ấy, đến đời sau lại càng quá hơn, cấu thành nhiều chuyện trong tiểu thuyết, ảnh hưởng tư tưởng dân tục rất lớn. Như Tế Công sống Phật uống rượu ăn thịt chó, Lã Thuần Dương ba lần đùa Bạch Mẫu Đơn, đều từ quan niệm hòa quang đồng trần mà ra, vẽ nên một mặt khác của người tu Đạo. Còn nhân vật trong *Cao sĩ truyện*, *Cao tăng truyện* hay *Thần tiên truyện*, điển hình mỗi người một khác; đại thể mà nói, thật làm được "hòa quang đồng trần" thật khó, cũng không mấy thấy.

Hán Văn Đế, Khang Hy, Quách Tử Nghi

Xét về mặt công trạng, sự nghiệp, trong số các bậc đế vương chịu ảnh hưởng tư tưởng Lão Tử mà dựng nên công nghiệp lớn lao suốt một đời, nói cho chính xác thì chỉ có Hán Văn Đế và Khang Hy đầu đời Thanh mà thôi. Đặc biệt Khang Hy khéo vận dụng đạo Hoàng Lão mà thành công, còn vượt xa cả những gì Hán Văn Đế đã làm được.

Hán Văn Đế thi hành triết học Lão Tử một cách thật thà, ngay thẳng để trị nước, nhờ đó đặt nền móng cho cơ nghiệp họ Lưu suốt bốn trăm năm hai đời Hán. Còn Khang Hy thì vận dụng linh hoạt phép tắc Hoàng Lão, mở ra cục diện thống nhất của nhà Thanh. Ông lên ngôi khi còn là một thiếu niên chỉ hơn mười tuổi, giữa cảnh trong triều có quyền thần lấn át, ngoài biên lại có phiên trấn hùng mạnh, vậy mà vẫn trừ được Ngao Bái, dẹp yên loạn Tam Phiên; trong nước thì mở khoa Bác học hồng từ để chiêu nạp các bậc di lão còn sót lại của nhà Minh, ngoài biên thì thu phục Mông Cổ, Tây Tạng để mở mang bờ cõi. Tất cả những việc ấy đều tự nhiên phù hợp với nguyên tắc **"xung nhi dụng chi hoặc bất doanh"** (Đạo như cái trống rỗng, dùng nó có lẽ không bao giờ đầy), **"tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân"** (bẻ gãy sự sắc bén, gỡ rối sự rối ren) của Lão Tử, cho thấy ông thấu hiểu sâu sắc đến mức nào chỗ diệu dụng của Lão Tử. Chính vì vậy mà ông đặc biệt cho ban hành *Lão Tử Đạo Đức Kinh*, dặn dò các thân vương Mãn Châu phải nghiên cứu, học tập, xem đó như kinh điển quý báu của khoa học lãnh đạo.

Tạm gác chuyện triết học Lão Tử nơi Hán Văn Đế và Khang Hy sang một bên. Nếu không bàn đến hàng đế vương nữa thì hãy thử xét tiếp đến hàng danh tướng, danh tướng quốc trong sử, để thấy rõ hơn cái lẽ "xung nhi dụng chi hoặc bất doanh" và "tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân" được nói đến trong chương này của *Lão Tử*. Tìm hiểu câu chuyện của danh tướng Quách Tử Nghi và danh tướng quốc Lý Bí thời trung Đường, ta cũng có thể thấy được thế nào là **"đắc kỳ viên trung, ứng dụng vô cùng"** (nắm được chỗ giữa vòng tròn, ứng dụng không cùng)!

Quách Tử Nghi xuất thân đường đường chính chính từ khoa thi võ, đỗ hạng ưu, rồi từng trải qua nhiều chức vụ trong quân. Đến năm Thiên Bảo thứ mười bốn đời Đường Huyền Tông (Minh Hoàng), An Lộc Sơn nổi loạn, ông mới được chiếu mệnh phong làm Vệ úy khanh, Thái thú Linh Vũ, kiêm Tiết độ sứ Sóc Phương, đánh trận nào lập công trận

đó. Khi Đường Minh Hoàng hốt hoảng chạy vào đất Thục, thái tử Lý Hanh lên ngôi ở Linh Vũ, sau này là Đường Túc Tông, đã phong Quách Tử Nghi làm Binh bộ thượng thư, đồng Trung thư Môn hạ bình chương sự, nắm trọn quyền tiết độ sứ. Sau hai năm chinh chiến khắp nơi, Quách Tử Nghi theo hoàng tử Quảng Bình vương Lý Dự, người được cử làm nguyên soái, thống lĩnh mười lăm vạn quân Phiên Hán, thu phục lại Trường An. Túc Tông từng đích thân ra Bá Thượng khao quân và nói với ông: "Nước nhà dựng lại được, là nhờ sức khanh đó." Nhưng khi chiến loạn còn chưa yên, khắp nơi vẫn cần dùng binh để dẹp loạn, triều đình lại sợ Quách Tử Nghi và Lý Quang Bật lập công quá lớn, khó bề khống chế, nên không lập nguyên soái nữa, mà cử thái giám Ngư Triều Ân làm Quan quân dung tuyên úy sứ để giám sát quân đội.

Một tên thái giám chẳng ra nam chẳng ra nữ thì hiểu biết được gì, nhưng hắn lại đại diện cho triều đình (chính phủ) và hoàng đế, nên chỗ nào cũng gây cản trở, hở một chút là bẻ tay ngáng chân, khiến đại quân triều đình tuy đông mà không có ai thống lĩnh thật sự. Trên chiến trường, các tướng lĩnh cứ nhìn nhau chờ đợi, tiến thoái đều lúng túng không biết nương theo đâu. Bất đắc dĩ, triều đình lại xuống chiếu phong Quách Tử Nghi làm nguyên soái hành doanh các đạo Đông Kỳ, Sơn Nam Đông, Hà Nam; Ngư Triều Ân vì thế càng thêm đố kỵ, ngầm tâu nhiều điều không hay về Quách Tử Nghi, khiến triều đình lại triệu ông về kinh, tước bỏ binh quyền. Nhận được lệnh, Quách Tử Nghi bất chấp tướng sĩ dưới trướng phản đối, lặng lẽ giấu thuộc hạ mà một mình lên đường, vâng mệnh về kinh sống đời nhàn tản, không hề tỏ ra một chút oán trách nào.

Tiếp đó, Sử Tư Minh lại chiếm Hà Lạc, quân Tây Nhung lại uy hiếp kinh đô. Triều đình (chính phủ) bàn bạc, cho rằng Quách Tử Nghi có công lớn với nước, nay đang lúc đại loạn chưa yên, không nên để ông ở không như vậy. Túc Tông bấy giờ mới tỉnh ngộ, bất đắc dĩ xuống chiếu phong ông làm đô thống binh mã các đạo, sau lại phong tước Phần Dương vương. Nhưng lúc ấy Đường Túc Tông đã bệnh nặng gần chết, quần thần hầu như không ai được vào gặp. Quách Tử Nghi ba lần dâng lời xin: "Lão thần nhận mệnh, nếu phải chết ở ngoài mà chưa được gặp bệ hạ thì nhắm mắt không yên." Nhờ vậy ông mới được dẫn vào tận nội tẩm. Lúc đó Túc Tông đích thân nói với Quách Tử Nghi: việc Hà Đông, ta giao trọn cho khanh!

Túc Tông mất, Quảng Bình vương Lý Dự, người từng sát cánh cùng Quách Tử Nghi thu phục hai kinh, lên nối ngôi, sau này là Đường Đại Tông. Do nghe lời gièm pha của sủng thần Trình Nguyên Chấn, vốn ngầm ghen ghét lão tướng công lao quá lớn khó bề chế ngự, Đại Tông đã tước bỏ hết binh quyền, chức vụ của Quách Tử Nghi, chỉ để ông làm sơn lăng sứ trông coi việc xây phần mộ cho Túc Tông mà thôi. Quách Tử Nghi càng nhìn càng thấy tình thế bất ổn, một mặt vẫn hết lòng xây cho xong lăng tẩm của Túc Tông, mặt khác đem hơn nghìn bức chiếu thư, sắc mệnh mà Túc Tông từng ban cho mình (kể cả những văn kiện cơ mật không được phép để lộ ra ngoài) nộp trả lại hết cho triều đình. Việc này khiến vua Đại Tông chợt tỉnh ngộ, trong lòng hổ thẹn, bèn tự hạ chiếu rằng: "Trẫm thiếu đức, khiến đại thần phải lo lắng, trẫm lấy làm hổ thẹn lắm; từ nay khanh chớ còn nghi ngờ gì nữa."

Sau đó, Lương Sùng Nghĩa chiếm cứ Tương Châu, tướng phản Bộc Cố Hoài Ân đóng quân ở Phân Châu, ngầm cấu kết với Hồi Hột, Thổ Phồn, đánh cướp Hà Tây, tàn phá Kính Châu, xâm phạm Phụng Thiên, Vũ Công. Đại Tông cũng giống như ông nội mình là Đường Minh Hoàng, phải rời kinh thành lánh nạn đến Thiểm Châu. Bất đắc dĩ, triều đình lại vội vàng phong Quách Tử Nghi làm phó nguyên soái Quan Nội, trấn giữ Hàm Dương. Lúc này, do trước đó bị bãi quan về kinh, đám tướng sĩ ông từng chỉ huy đã tan tác hết, bên mình ông chỉ còn vài chục kỵ sĩ thân tín cũ. Vừa nhận chiếu chỉ, ông đành tạm gom góp lực lượng lên đường ngay, nhờ dân binh bổ sung quân số, một mạch xuôi nam, thu nhặt tàn binh bại tướng để chỉnh đốn, biên chế lại; đến Vũ Quan lại thu thêm quân đóng ải, gom được vài nghìn người. Về sau tình cờ gặp lại bộ tướng cũ Trương Tri Tiết ra đón, ông mới mở được cuộc duyệt binh quy mô lớn ở Lạc Nam,

đóng quân tại Thương Khâu. Nhờ vậy quân uy lại một lần nữa lừng lẫy, khiến quân Thổ Phồn phải bỏ chạy trong đêm, hai kinh lại được thu phục lần nữa.

Chỉ mới điểm qua vài nét chính trong cuộc đời Quách Tử Nghi, đã có thể thấy rõ cách ông lập thân xử thế thật đúng với tinh thần **"dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng"** (dùng thì ra làm, bỏ thì ẩn), không oán trời, không trách người. Ông cầm quân vốn nổi tiếng khoan hòa, đối xử với người cũng hết mực trung hậu, độ lượng. Trên chiến trường thì trầm tĩnh, mưu lược, lại rất dũng cảm. Khi triều đình (chính phủ) cần đến ông, vừa nhận lệnh là bất chấp mọi khó khăn, lập tức lên đường hành động ngay; đến khi triều đình nghi kỵ, muốn bãi chức, ông cũng chẳng màng gì cả, lập tức về nhà sống đời đạm bạc. Chính vì vậy mà ông cứ bị cách chức rồi lại được triệu ra dùng hết lần này đến lần khác, bởi đất nước không thể thiếu ông. Việc làm của Quách Tử Nghi như vậy, chỗ nào cũng hợp với đại kinh đại pháp "xung nhi dụng chi hoặc bất doanh" của Lão Tử, nên chẳng lạ gì khi lúc sống ông được tiếng thơm, lúc mất lại trở thành một trong số rất ít danh thần trong sử sách hội đủ bốn chữ **"phú quý thọ khảo"** (giàu sang, sống lâu).

Quách Tử Nghi và Ngư Triều Ân

Còn có hai chuyện riêng về ông nữa, đủ để thấy rõ cách ông **"tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân"** (bẻ gãy sự sắc bén, gỡ rối sự rối ren) ngoài đời thật. Chuyện thứ nhất là ân oán giữa ông với viên thái giám giám quân Ngư Triều Ân, mà xét trên tình hình chính trị lúc đó thì khá nghiêm trọng. Ngư Triều Ân từng sai người lén đào mộ cha của Quách Tử Nghi. Mùa xuân năm Đại Lịch thứ tư đời Đường Đại Tông, Quách Tử Nghi vâng lệnh về triều. Ai nấy trong triều ngoài nội đều lo sẽ nổ ra một trận sóng gió lớn, đến cả Đại Tông cũng vì chuyện này mà đặc biệt cho người đến thăm hỏi, chia buồn với ông. Vậy mà Quách Tử Nghi lại khóc và nói: tôi ở ngoài mặt trận cầm quân đánh giặc, lính tráng có phá mộ người ta thì cũng không thể trông coi hết được; nay mộ cha tôi bị người ta đào, đó là báo ứng, chẳng cần trách ai cả.

Sau đó Ngư Triều Ân lại mời ông cùng đi chơi chùa Chương Kính, tỏ ý kính trọng và thân thiện. Tể tướng lúc bấy giờ là Nguyên Tải, cũng chẳng phải người gì cao thượng cho lắm. Nguyên Tải nghe tin ấy thì sợ Ngư Triều Ân lôi kéo được Quách Tử Nghi về phe mình, như vậy thì phiền to. Chuyện tranh giành, đấu đá nhân sự trên chính trường kiểu này, xưa nay đông tây đâu cũng đau đầu như nhau. Thế là Nguyên Tải sai người mật báo cho Quách Tử Nghi, bảo rằng lời mời của Ngư Triều Ân thực ra có ý đồ bất lợi lớn, muốn ám hại ông. Đám tướng sĩ dưới trướng Quách Tử Nghi nghe tin liền hết sức đòi mang theo một toán vệ binh có vũ trang để đi phó hẹn. Nhưng Quách Tử Nghi cương quyết không tin những lời đồn ấy, chỉ mang theo vài người nhà cần thiết rồi thong dong đi dự tiệc. Ông bảo các bộ tướng: "Ta là đại thần của triều đình, hắn không có lệnh vua thì làm sao dám hại ta. Còn nếu hắn thật sự được vua bí mật ra lệnh đối phó ta, thì các ngươi chống lại làm sao được?" Cứ thế ông đến chùa Chương Kính. Ngư Triều Ân thấy mấy người nhà đi cùng có vẻ đề phòng thì lấy làm lạ, hỏi có chuyện gì. Quách Tử Nghi thật thà kể lại bên ngoài đang có tin đồn như vậy, nên ông chỉ mang theo tám người nhà già để nếu chuyện đó là thật thì cũng đỡ cho ông phải mất công bày binh bố trận. Cách nói thẳng thắn, chân thành ấy khiến Ngư Triều Ân cảm động rơi nước mắt, nói: "Không phải người rộng lượng, đôn hậu như ông thì làm sao khỏi sinh nghi!". Nếu không phải Quách lệnh công là người đối đãi với thiên hạ hậu hĩnh, tử tế như thế, thì tin đồn ấy quả thật khiến ai cũng phải sinh lòng nghi ngờ.

Lư Kỷ, Lý Bạch và Quách Tử Nghi

Còn một chuyện khác nữa, xảy ra vào lúc Quách Tử Nghi đã về già, nghỉ hưu ở nhà, mải mê đàn ca hưởng lạc cho qua ngày tháng. Lúc đó Lư Kỷ, người sau này xuất hiện trong *Gian thần truyện* của sử nhà Đường với vai trò tể tướng, vẫn còn chưa có danh tiếng gì. Một hôm Lư Kỷ đến thăm, đúng lúc ông đang được cả đám ca kỹ nuôi trong nhà vây quanh, đang say sưa vui thú. Vừa nghe tin Lư Kỷ đến, ông lập tức ra lệnh cho tất cả nữ quyến, kể cả ca kỹ, phải lui hết

vào sau bình phong trong phòng khách lớn, không ai được ra gặp khách. Ông một mình ngồi nói chuyện với Lư Kỷ rất lâu. Đợi khách về, người nhà mới hỏi ông: "Ngày thường ông tiếp khách đâu có kiêng dè gì chúng tôi có mặt, vẫn nói cười thoải mái, sao hôm nay tiếp một anh học trò mà lại thận trọng đến thế?" Quách Tử Nghi đáp: "Các người không biết đâu, Lư Kỷ là người rất có tài, nhưng lòng dạ hẹp hòi, bị chọc giận một chút cũng nhớ mãi không quên. Tướng mạo hắn lại xấu xí, nửa mặt xanh lét, trông như quỷ trong miếu vậy. Đàn bà các người vốn hay cười, chẳng có gì cũng cười được. Nếu thấy nửa mặt xanh của Lư Kỷ mà bật cười, thế nào hắn cũng để bụng thù hận; một khi hắn đắc thời đắc thế, thì cả nhà ta, con cháu ta, chẳng ai sống nổi đâu!" Quả nhiên không lâu sau, Lư Kỷ lên làm tể tướng thật. Hễ ai trước kia từng xem thường hay đắc tội với hắn, đều không thoát khỏi cảnh bị giết hại, tịch thu gia sản một cách oan uổng. Chỉ riêng cả nhà Quách Tử Nghi, dù có đôi chỗ hơi trái phép, hắn vẫn cố tình bỏ qua, bảo toàn cho, vì cho rằng Quách lệnh công rất coi trọng mình, nên trong lòng luôn mang ơn tri ngộ.

Nói đến đây, lại chợt nhớ ra một câu chuyện khác liên quan đến Lý Thái Bạch và Quách Tử Nghi. Hồi Quách Tử Nghi mới ra đời làm một viên sĩ quan nhỏ, vì sơ ý phạm quân pháp mà bị bắt giam. Chuyện này đến tai Lý Bạch. Lý Bạch vốn đã rất quý trọng viên sĩ quan trẻ tuổi này, vừa nghe tin liền tìm đến vị chỉ huy của Quách Tử Nghi để nói giúp. Vị chỉ huy đó cũng là bạn của Lý Bạch, nên xử nhẹ cho ông, thoát nạn bình an. Về sau, sau khi An Lộc Sơn nổi loạn, vào năm Thiên Bảo thứ mười lăm, Lý Bạch đang ở Tầm Dương thuộc Giang Tây thì quen biết với Vĩnh vương Lý Lân, một hoàng tử khác của nhà Lý, rồi được kéo vào phủ mạc. Vĩnh vương danh nghĩa là dấy binh cứu vua, nhưng thực chất cũng muốn nhân cơ hội lên ngôi hoàng đế, nên đã trái lệnh Túc Tông bắt phải rời đi phía đông, kết quả bị đánh bại ở Đan Dương. Lý Bạch cũng bị liên lụy, phải ngồi tù ở Tầm Dương, sau đó còn bị đày đi Dạ Lang. May sao lúc ấy Quách Tử Nghi đã thu phục lại hai kinh đô, danh tiếng lừng lẫy, công lao lại lớn; ông biết Lý Bạch bị vạ lây mà mắc tội, liền đem chiến công của mình ra hết sức xin cho, nhờ vậy Lý Bạch mới được ân xá. Câu chuyện lịch sử này được chép trong các sách thi thoại đời Đường, thật hay không thì ta không bàn đến việc khảo chứng. Nhưng cuộc gặp gỡ tri kỷ giữa một danh sĩ và một danh tướng như vậy, người đời vẫn thích tin là có thật, qua đó cũng thấy rõ tấm lòng hậu đãi của người xưa, việc tốt gặp người tốt, có qua có lại, thật là hả hê sảng khoái. Vì vậy mà nữ thi sĩ Uông Tiểu Uẩn ngày trước, trong bài thơ vịnh sử nói về Quách Tử Nghi, có câu nổi tiếng: **"Nhất đại uy danh mại Quang Bật, thiên thu tri kỷ thuộc Thanh Liên"** (một đời uy danh vượt qua Lý Quang Bật, nghìn thu tri kỷ thuộc về Thanh Liên). Thanh Liên là biệt hiệu của Lý Bạch.

Sử sách chép Quách Tử Nghi thọ tám mươi lăm tuổi mới mất. Trong số thuộc hạ, mạc liêu do ông đề bạt, có hơn sáu mươi người về sau đều làm đến tướng, đến tể tướng. Tám con trai bảy con rể đều hiển đạt, quý trọng trong đương thời. "Thiên hạ lấy sự an nguy của mình mà gửi vào thân ông gần ba mươi năm; công lao trùm cả thiên hạ mà vua không nghi ngờ, ngôi vị đứng đầu bề tôi mà mọi người không ghen ghét, sống xa hoa hưởng lạc đến cùng cực mà người đời không chê trách". Công thần các đời trong lịch sử, làm được đến mức công trùm thiên hạ mà vua không nghi, ngôi cực phẩm mà chúng không ghen, sống xa hoa cùng cực mà người không chê, thật là chuyện vô cùng khó, khó đến cực điểm. Tất cả đều nhờ cả đời Quách Tử Nghi cư xử ở đời tự nhiên hợp với nguyên tắc **"xung nhi dụng chi hoặc bất doanh"** (đạo như cái trống rỗng, dùng nó có lẽ không bao giờ đầy), **"tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân, hòa kỳ quang, đồng kỳ trần, trạm hề tự hoặc tồn"** (bẻ gãy sự sắc bén, gỡ rối sự rối ren, hòa dịu ánh sáng, đồng hóa với bụi trần; trong sáng thay, như dường vẫn còn đó).

Nửa củ khoai sọ, mười năm tể tướng

Lý Bí cũng là một nhân vật nổi bật trong lịch sử trung Đường, gần như song hành cùng Quách Tử Nghi từ đầu đến cuối, trải qua bốn triều vua: Huyền Tông, Túc Tông, Đại Tông và Đức Tông, tham dự vào những đại kế của triều đình,

phò tá vương triều, mưu tính trong màn trướng, hoạch định chiến lược đối ngoại, phối hợp nhịp nhàng với các tướng lĩnh như Quách Tử Nghi để giúp họ lập được công lớn; cũng có thể nói ông là nhân vật quan trọng của thiên hạ suốt ba triều Túc Tông, Đại Tông, Đức Tông. Chỉ vì cả đời ông ưa thích thần tiên Phật Đạo, nên bị các nhà Nho lớn xưa nay xuất thân từ cửa Khổng, cầm bút viết sử, mang thành kiến chủ quan mà gạt bỏ, khiến trong cả một bộ sử biến loạn thời trung Đường, ông chỉ được nhắc thoáng qua, thật không công bằng chút nào. Nhưng nói cho cùng, xưa nay có ai dám bảo lịch sử là hoàn toàn công bằng đâu? Nói đến cái chí đạm bạc mà sáng suốt, cái tâm tĩnh lặng mà đi xa của ông, cùng tài khéo vận dụng đạo Hoàng Lão để dẹp loạn đưa về chính đạo, thì trông ông thật chẳng khác nào một người ở cõi thần tiên.

Lý Bí từ nhỏ đã nổi tiếng thần đồng, đã hiểu biết sơ qua cả học vấn ba nhà Nho, Phật, Đạo. Vào thời Khai Nguyên, lúc chính sự Đường Huyền Tông (Minh Hoàng) trong sáng nhất, ông mới bảy tuổi mà đã được chính Huyền Tông cùng các danh tướng công Trương Duyệt, Trương Cửu Linh yêu mến, đánh giá cao. Có lần Trương Cửu Linh định cất nhắc một vị quan cao cấp tài năng không mấy nổi bật, tính tình khá nhu nhược nhưng lại biết vâng lời. Lý Bí tuy còn nhỏ tuổi, đứng bên cạnh Trương Cửu Linh, đã thẳng thắn nói: “Công khởi bố y, dĩ trực đạo chí tể tướng, nhi hỷ nhuyễn mỹ giả hồ!”. Ý ông muốn nói: tướng công cũng xuất thân bình dân, xử lý việc nước xưa nay vẫn nổi tiếng ngay thẳng, không tư lợi, chẳng lẽ giờ lại thích loại người khéo nói, thiếu khí tiết và năng lực như vậy? Trương Cửu Linh nghe xong rất kinh ngạc, lập tức thận trọng nhận lỗi, rồi đổi cách xưng hô, gọi ông là tiểu hữu.

Đến tuổi trưởng thành, Lý Bí học rộng biết nhiều, riêng về *Kinh Dịch* lại càng có sở đắc sâu sắc. Ông thường lui tới các danh sơn như Tung Sơn, Hoa Sơn, Chung Nam, mong tìm được phương thuật trường sinh bất tử của thần tiên. Đến thời Thiên Bảo, Huyền Tông nhớ lại tài trí sớm phát của ông từ thuở nhỏ, liền đặc cách triệu ông vào giảng sách *Lão Tử*, phong ông làm đãi chiếu Hàn Lâm, hầu cận ở Đông Cung, nhờ vậy mà rất thân thiết với thái tử cùng các hoàng tử. Lúc này ông đã miệt mài nghiên cứu, tu luyện phương thuật Đạo gia, ít khi ăn thức ăn nấu chín nữa.

Có một đêm, ông ở trong ngôi chùa trên núi, nghe tiếng một nhà sư tụng kinh, âm điệu bi thương mà uyển chuyển, như thoát tục, liền đoán đó hẳn là một bậc có đạo tái sinh. Dò hỏi mới biết đó chỉ là một lão tăng chuyên làm việc nặng nhọc trong chùa, không ai biết tên ông là gì. Ngày thường ông nhặt cơm canh thừa của người khác ăn cho no bụng, ăn xong thì vươn vai duỗi lưng, tìm góc nào đó mà ngủ, nên mọi người gọi ông là Lãn Tàn (kẻ biếng nhác ăn đồ thừa). Lý Bí biết chuyện về thiền sư Lãn Tàn, liền vào một đêm đông giá rét, lặng lẽ một mình đi tìm ông. Vừa lúc đó Lãn Tàn đang chất một đống phân bò khô nhặt được để làm củi, nhóm lửa nướng khoai sọ. Nhà sư ngồi co ro bên đống lửa, nước mũi vì lạnh mà chảy dài trên má. Lý Bí nhìn thấy, không nói một lời, quỳ xuống bên cạnh. Lãn Tàn cũng như không hề thấy ông, một tay nhặt củ khoai đã nướng chín trong đống phân bò, đưa lên miệng ăn, miệng thì lẩm bẩm mắng Lý Bí là không có bụng dạ tốt, đến để trộm đồ của mình. Vừa mắng vừa ăn, chợt ông quay mặt lại, đưa nửa củ khoai đang ăn dở cho Lý Bí. Lý Bí cung kính đỡ lấy, cũng chẳng ngại bẩn, ăn hết một cách nghiêm chỉnh. Lãn Tàn thấy ông ăn xong nửa củ khoai thì nói: Tốt! Tốt! Ngươi không cần nói gì thêm nữa. Thấy ngươi có lòng thành, ta cho ngươi sau này làm mười năm tể tướng thời thái bình! Còn về đạo nghiệp thì ta không nói nữa! Nói xong vỗ tay rồi bỏ đi.

Sơn nhân áo trắng Lý Bí

Đến khi An Lộc Sơn nổi loạn, Đường Minh Hoàng vội vã bỏ chạy, thái tử Lý Hanh lên ngôi ở Linh Vũ, tức là Túc Tông, khắp nơi cho người tìm Lý Bí, vừa hay lúc đó Lý Bí cũng vừa tới Linh Vũ. Túc Tông lập tức cùng ông bàn bạc tình hình trước mắt, ông liền phân tích rõ đại thế thiên hạ lúc bấy giờ cùng những điểm mấu chốt quyết định thành bại. Túc Tông muốn ông ra giúp mình, phong ông làm quan, nhưng ông một mực từ chối, chỉ nguyện lấy tư cách khách mà

góp sức. Túc Tông đành chiều theo ý ông, hễ gặp việc khó là lại đem ra bàn bạc, gọi ông là tiên sinh chứ không gọi thẳng tên. Lúc này Lý Bí đã ăn rất ít đồ nấu chín. Có một đêm Túc Tông cao hứng, gọi ba vị vương anh em cùng Lý Bí quây quần bên lò ăn lẩu; vì Lý Bí không ăn thịt nên nhà vua đích thân nướng hai quả lê mời ông, ba vị vương kia có tranh xin cũng không được ban cho. Khi ra ngoài, ông vẫn ngồi cùng xe với Túc Tông. Ai nấy đều biết trên xe, người mặc áo vàng là hoàng đế, còn người mặc áo trắng ngồi bên cạnh chính là sơn nhân Lý Bí. Túc Tông nghe được cách người ta gọi Lý Bí như thế, thấy không ổn, bèn đặc cách ban cho ông áo tía đai vàng, phong làm hành quân tư mã cho Quảng Bình vương (tức thái tử Lý Dự sau này), rồi nói với ông: tiên sinh từng hầu cận Thượng Hoàng (Huyền Tông), sau đó lại làm thầy của ta, nay lại phải nhờ tiên sinh giúp con ta làm hành quân tư mã, cha con ba đời nhà ta đều phải nhờ cậy vào tiên sinh cả. Nào ngờ về sau ông còn giúp đến tận đời con cháu thứ tư!

Lý Bí nhận thấy cách Túc Tông sắp xếp nhân sự trên phương diện chính trị lúc đó, về sau có thể ảnh hưởng đến việc thái tử nối ngôi, liền kín đáo đề nghị Túc Tông cho thái tử làm nguyên soái, giao quyền quân chính vào tay thái tử. Ông tranh luận với Túc Tông cả buổi, cuối cùng Túc Tông chấp thuận ý kiến của ông.

Túc Tông rất bất mãn với cựu tể tướng của Huyền Tông là Lý Lâm Phủ, cho rằng thiên hạ đại loạn đều do tên gian thần này gây ra, nên muốn cho đào mộ, đốt xương hắn. Lý Bí hết sức can ngăn không cho làm vậy. Túc Tông tức giận hỏi Lý Bí, ông chẳng lẽ quên tình cảnh lúc bấy giờ với Lý Lâm Phủ sao? Lý Bí lại cho rằng dù thế nào đi nữa, việc năm xưa dùng nhầm người cũng là lỗi của Thượng Hoàng (Huyền Tông). Nhưng Thượng Hoàng đã trị vì thiên hạ năm mươi năm, khó tránh khỏi có sai lầm. Nay bệ hạ truy cứu tội Lý Lâm Phủ, xử phạt nghiêm khắc, gián tiếp khiến Thượng Hoàng vô cùng khó xử, chẳng khác nào khơi lại vết thương lòng của Huyền Tông. Phụ vương của bệ hạ nay đã già, lại đang phải lưu lạc bôn ba; nghe tin bệ hạ làm như vậy, chắc chắn người không chịu nổi. Người già mà cảm khái đau lòng, một khi ngã bệnh, thiên hạ sẽ nghĩ rằng bệ hạ đường đường là thiên tử, có cả thiên hạ rộng lớn trong tay mà lại không thể phụng dưỡng yên ổn cho cha già. Như vậy thì tình cha con càng thêm khó xử. Nghe Lý Bí khuyên giải như thế, Túc Tông chẳng những không nổi nóng làm liều, mà ngược lại còn ôm lấy cổ Lý Bí, khóc nức nở nói: ta thật chưa suy nghĩ kỹ lợi hại trong chuyện này. Đó chính là ngón tay khéo của Lý Bí trong việc vận dụng đạo lý **"xung nhi dụng chi hoặc bất doanh"** (đạo như cái trống rỗng, dùng nó có lẽ không bao giờ đầy). Về sau Đường Minh Hoàng có thể từ đất Thục trở về kinh đô cũng đều nhờ ông xoay xở, hàn gắn.

Sơn nhân vốn có kế hay

Túc Tông hỏi Lý Bí kế sách dẹp giặc, ông bèn căn cứ vào tình thế lúc bấy giờ mà vạch ra một kế hoạch vây đánh. Trước tiên ông nhận định rằng đám dư đảng của An Lộc Sơn, Sử Tư Minh chỉ là một bọn ô hợp không có tôn chỉ gì, mục đích chỉ để cướp bóc mà thôi: "Mưu kế lớn của thiên hạ, chúng không hiểu được đâu. Không quá hai năm nữa là hết giặc. Xin bệ hạ đừng nóng vội, quân đội của bậc vương giả phải lo cho vẹn toàn mọi bề, mưu tính cái yên ổn lâu dài, để không còn hậu họa về sau". Vì vậy ông định ra chiến lược: cho Lý Quang Bật giữ Thái Nguyên, tiến ra Tỉnh Hình; Quách Tử Nghi lấy Phùng Dực, tiến vào Hà Đông, cắt đứt đường liên lạc của bốn tướng cầm đầu giặc, khiến chúng không dám dời quân xuống phía nam dù chỉ một bước. Lại còn bí mật lệnh cho Quách Tử Nghi mở một góc Hoa Âm, để cho quân giặc thông được vào Quan Trung, khiến chúng phải chia quân giữ Phạm Dương ở phía bắc, cứu viện Trường An ở phía tây, chạy đôn đáo hàng nghìn dặm; đám kỵ binh tinh nhuệ của chúng vì vậy chưa đầy một năm đã kiệt sức. Quân ta thì cứ lấy nhàn hạ đợi kẻ mệt mỏi, khi giặc đến thì tránh mũi nhọn, khi giặc rút thì thừa lúc chúng mệt mà đánh. Rồi tập hợp binh lực các đạo đã trưng tập, hội quân ở Phù Phong, phối hợp với quân Thái Nguyên, Sóc Phương cùng đánh vào chúng. Sau đó từ từ sai hoàng tử Kiến Ninh vương Lý Đàm làm tiết độ đại sứ Phạm Dương, bắc tiến ra biên ải, cùng Lý Quang Bật tạo thế gọng kìm mà lấy Phạm Dương. Giặc mất hang ổ, ắt sẽ chết dưới tay các

tướng lĩnh vùng Hà Nam. Túc Tông làm đúng theo kế sách ấy, về sau quả nhiên không sai lệch chút nào so với dự liệu của ông. Đó chính là cách Lý Bí vận dụng chiến lược **"tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân"** (bẻ gãy sự sắc bén, gỡ rối sự rối ren).

Điều đáng tiếc nhất về sau là Đường Túc Tông vì ham lập công nhanh, thấy lợi trước mắt, đã không nghe theo lời khuyên của Lý Bí, khiến vùng Hà Bắc không được dẹp sạch triệt để, vẫn còn nằm trong tay giặc cướp, rồi lại tự huyễn hoặc là thiên hạ đã thái bình, từ đó gây ra di chứng chiến loạn giữa người Hoa và các tộc ngoài biên suốt thời cuối Đường và Ngũ Đại về sau.

Để đặc biệt tôn vinh tài năng lớn của Lý Bí vốn bị vùi lấp lâu ngày, xin nói thêm đôi chút về hành trạng của ông. Vì muốn mau chóng thu phục kinh đô Trường An, đợi đến lúc Quách Tử Nghi đã vay mượn được quân đội Tây Bắc tập hợp đông đủ, Túc Tông liền nói với Lý Bí: "Nay đánh là ắt thắng, công là ắt lấy được, sao còn phải lo chuyện Phạm Dương xa nghìn dặm trước làm gì!". Lý Bí liền nói: nếu huy động đại quân, nhất định muốn nhanh chóng lấy lại hai kinh đô, thì thế giặc ắt sẽ mạnh trở lại, sau này chúng ta sẽ còn bị khốn đốn thêm nữa. Hiện nay sức mạnh quân đội mà ta có thể dựa vào đều nhờ vào đội kỵ binh đột kích ở phía tây sa mạc cùng các bộ tộc Nhung ở Tây Bắc. Nếu nhất định phải lấy kinh sư trước, thì có lẽ đến mùa xuân sang năm mới có thể thành công. Nhưng xét về địa lý, khí hậu vùng Quan Đông, mùa xuân đến sớm, thời tiết dễ oi bức, ngựa chiến của kỵ binh cũng dễ sinh bệnh, quân sĩ lại nhớ nhà mỗi độ xuân về, ai cũng muốn sớm trở về nên chẳng còn muốn tiếp tục chinh chiến nữa. Như vậy quân địch đang thất thế lại có cơ hội dưỡng sức, chỉnh đốn lại binh mã, ắt sẽ một lần nữa tràn xuống phía nam, đó là cách làm rất nguy hiểm. Nhưng lần này Túc Tông lại kiên quyết không nghe theo ý kiến chiến lược của Lý Bí, nóng lòng thu phục hai kinh đô để có thể lên ngôi, ngồi triều xưng đế; từ đó mới có màn Quách Tử Nghi phải đi vay mượn quân đội Hồi Hột từ bên ngoài, theo phò nguyên soái Quảng Bình vương thu phục lại hai kinh đô.

Sau khi hai kinh đô được thu phục, Đường Minh Hoàng trở về kinh làm thái thượng hoàng, còn Túc Tông thì trọng dụng gian thần Lý Phụ Quốc. Lý Bí thấy tình hình chính trị không ổn, sợ gặp họa, bỗng nhiên tỏ ra tầm thường, biếng nhác, xin được lui về ở ẩn, tránh lên Hành Sơn tu đạo. Có lẽ Túc Tông cũng cho rằng thiên hạ đã yên ổn nên chuẩn cho ông nghỉ hưu, ban cho y phục và nhà cửa của bậc ẩn sĩ, cấp cho bổng lộc hàng tam phẩm.

Lại có một thuyết khác cho rằng cơ duyên Lý Bí gặp thiền sư Lãn Tàn chính là vào thời gian ông ẩn cư trên Hành Sơn. Dù sao thì **"thiên đạo viễn nhi nhân đạo nhĩ"** (đạo trời xa xôi, đạo người thì gần), những truyền thuyết về việc gặp gỡ tiên Phật vốn mơ hồ, cũng không thể khảo chứng cho thật chính xác, cứ để đó nghi vấn vậy thôi.

Anh hùng lui bước học làm thần tiên

Cuộc sống ẩn sĩ của Lý Bí trên Hành Sơn chưa được bao lâu thì Đường Minh Hoàng, lúc đó đã là thái thượng hoàng, qua đời; Túc Tông theo sau đó cũng mất. Người kế vị lên ngôi hoàng đế chính là Quảng Bình vương Lý Dự, thái tử mà năm xưa Lý Bí đã ra sức bảo toàn, về sau được gọi là Đường Đại Tông. Đại Tông vừa lên ngôi liền lập tức triệu Lý Bí về, ban đầu cho ông ở gác sách điện Bồng Lai trong cung, sau đó ban cho phủ đệ, lại còn ép ông không được ăn chay nữa, nhất định bắt ông phải lấy vợ, ăn thịt; lần này Lý Bí đành vâng mệnh làm theo. Nhưng tể tướng Nguyên Tải rất kỵ ông vì thái độ không hợp tác đó, tìm cơ hội cố tình đẩy ông ra làm quan ở địa phương. Đại Tông ngầm bảo ông rằng, tiên sinh cứ tạm chịu thiệt một chút, ra ngoài đi cũng tốt. Không lâu sau, Nguyên Tải phạm tội bị xử tử, Đại Tông lập tức triệu ông về kinh, định trọng dụng. Nhưng lại bị gian thần Thường Cổn ganh ghét, sợ ông ở cạnh vua sẽ bất lợi cho mình, nên lại nhiều lần tìm cách đẩy ông ra làm đoàn luyện sứ ở Lễ Lãng Hiệp, sau đó lại chuyển đi làm thứ sử Hàng Châu. Tuy bị giáng xuống làm quan hành chính địa phương, nhưng đi đến đâu ông cũng để

lại chính tích tốt đẹp. Đó chính là cách Lý Bí xử thế theo đạo **"hòa kỳ quang, đồng kỳ trần, trạm hề tự hoặc tồn"** (hòa dịu ánh sáng, đồng hóa với bụi trần; trong sáng thay, như dường vẫn còn đó).

Lúc bấy giờ thái tử Lý Quát đang phụng mệnh ở Phụng Thiên, sau này nối ngôi lấy hiệu là Đường Đức Tông, biết chuyện Lý Bí bị đẩy ra ngoài, liền mời ông đến hành viên, trao cho chức Tả tán kỵ thường thị. Với những việc quân quốc đại sự, Lý Bí vẫn không quản đường xa nghìn dặm mà dâng lời khuyên lên Đại Tông, và Đại Tông cũng luôn nghe theo áp dụng. Đến năm thứ ba sau khi Đức Tông lên ngôi, ông chính thức được cử làm tể tướng, lại được phong làm Nghiệp hầu. Ông chăm lo sửa sang nội chính, làm dồi dào ngân sách quân sự. Bảo toàn cho các công thần Lý Thịnh, Mã Toại để hòa giải giữa các tướng lĩnh và tể tướng. Về đối ngoại thì kết giao với Hồi Hột, Đại Thực để làm khốn đốn Thổ Phồn, giữ yên biên cương. Ông thường có chỗ bất đồng chính kiến với Đức Tông, phải tranh biện, dâng sớ đến mười lăm lần. Tóm lại, dù là xử lý nội chính, sách lược ngoại giao, bố trí quân sự hay hoạch định tài chính, ông đều đạt được hiệu quả yên ổn, hài hòa.

Nhưng Đức Tông lại nói với ông rằng: ta muốn giao hẹn trước với khanh, vì bao năm qua khanh chịu ấm ức quá nhiều, đừng để một khi nắm quyền lại nhớ hận báo thù; còn ai có ơn với khanh, ta sẽ thay khanh mà báo đáp. Lý Bí thưa: "Thần vốn theo đạo, không thù oán với ai. Những kẻ hại thần như Lý Phụ Quốc, Nguyên Tải, đều đã tự chuốc lấy cái chết. Còn những người trước kia thân thiết với thần, hễ có tài năng thì tự nhiên cũng đã hiển đạt cả rồi. Số còn lại thì cũng đã lần lượt qua đời. Thần thật sự không có ân oán gì để báo đáp cả. Nhưng đúng như bệ hạ vừa nói, thần có thể xin bệ hạ một điều ước được không? Đức Tông đáp, có gì mà không được! Thế là Lý Bí liền tâu lên, mong Đức Tông đừng giết hại công thần: "Lý Thịnh, Mã Toại có công lớn với nước, nghe nói có kẻ gièm pha họ. Nếu chẳng may bệ hạ hại họ, thì quân sĩ túc vệ, các quan trấn giữ phương xa không ai không phẫn uất, bất an, e rằng biến loạn trong ngoài lại nổi lên! Nếu bệ hạ thật lòng không vì công lớn của hai vị mà kiêng kỵ, hai vị cũng không vì ngôi cao mà tự sinh nghi ngờ, thì thiên hạ sẽ mãi mãi không có chuyện gì". Đức Tông nghe xong cho là rất phải, liền nhận lời Lý Bí. Lý Thịnh, Mã Toại đứng bên nghe được, trước mặt vua đều cảm động rơi lệ tạ ơn.

Không chỉ có vậy, Lý Bí làm việc rất nghiêm túc, có trách nhiệm, từng thẳng thắn tranh luận với hoàng đế để giữ trọn quyền hạn của tể tướng. Số là Đức Tông từng nói với ông: "Từ nay hễ việc quân lương, khanh cứ đảm nhận; còn việc lại, lễ thì giao cho Trương Diên Thưởng, việc hình pháp thì giao cho Liễu Hồn". Lý Bí liền nói: "Bệ hạ không chê thần bất tài mà để thần giữ chức tể tướng. Chức trách tể tướng là phải cùng bàn định mọi việc trong thiên hạ, không thể chia tách được. Nếu mỗi việc giao cho một người phụ trách riêng thì đó chỉ là các quan chuyên trách, chứ không phải là tể tướng nữa". Đức Tông nghe xong liền cười nói, ta vừa nói sai rồi, lời khanh nói hoàn toàn đúng.

Điều không may là trong cung đình, giữa cha con lại bị người gièm pha mà nảy sinh hiểu lầm cực lớn, suýt nữa lại lặp lại sai lầm giống như thời Túc Tông. Lý Bí vì muốn hòa giải hiểu lầm giữa Đức Tông và thái tử mà chọc giận Đức Tông, khiến vua nói: "Khanh không thương gia tộc mình sao?", ý muốn nói ta có thể giết cả nhà khanh. Lý Bí lập tức đáp: "Chính vì thần thương gia tộc mình nên mới không dám không nói hết lời. Nếu vì sợ bệ hạ nổi giận mà uốn theo ý bệ hạ, đến ngày mai bệ hạ hối hận thì ắt sẽ trách thần rằng: 'Ta chỉ một mình giao cho ngươi làm tướng, ngươi không hết sức can gián, để đến nông nỗi này; ắt phải giết con ngươi mới hả.' Thần nay đã già, những năm còn lại chẳng đáng tiếc; nhưng nếu con thần bị giết oan, khiến thần phải lấy cháu làm người nối dõi, thần không biết liệu có còn được hưởng việc thờ cúng nữa hay không!". Nói rồi ông nghẹn ngào rơi lệ. Vua cũng khóc theo, nói: "Việc đã đến nước này, biết làm sao?" Lý Bí đáp: "Đây là việc lớn, mong bệ hạ xét kỹ. Xưa nay hễ cha con nghi kỵ lẫn nhau, chưa từng có nước nào mà không mất".

Tiếp đó, Lý Bí lại nhắc lại chuyện ân oán cha con giữa Đường Túc Tông và Đại Tông ngày trước, nói: Bệ hạ chẳng lẽ không nhớ chuyện Kiến Ninh vương sao?" (Đường Túc Tông vì bị sủng phi Trương Lương Đệ cùng gian thần Lý Phụ Quốc ly gián mà giết con trai mình là Kiến Ninh vương Lý Đàm.) Đức Tông nói: "Chú Kiến Ninh quả thật bị oan, chỉ vì Túc Tông tính nóng nảy mà thôi!. Lý Bí thưa: "Ngày xưa cũng vì chuyện này mà thần xin từ quan về, thề không đến gần bên cạnh thiên tử nữa; không ngờ hôm nay lại làm tể tướng cho bệ hạ, lại phải chứng kiến chuyện tương tự. Lúc bấy giờ tiên đế cũng thường mang nỗi lo sợ trong lòng. Ngày thần xin từ quan, nhân đọc bài *Hoàng Đài qua từ*, Túc Tông mới hối hận mà khóc". (*Hoàng Đài qua từ* là bài do thái tử Lý Hiền đời Đường Cao Tông sáng tác. Võ Tắc Thiên cướp ngôi, giết thái tử Hiền cùng các hoàng tử khác; thái tử Hiền tự biết mình khó thoát nên làm bài thơ: **"Chúng qua Hoàng Đài hạ, qua thục tử ly ly. Nhất trích sử qua hảo, tái trích lệnh qua hy. Tam trích do tự khả, trích tuyệt bão mạn quy"** (trồng dưa dưới đài Hoàng Đài, dưa chín thì quả sai trĩu trịt. Hái một lần thì dưa còn tốt, hái thêm lần nữa thì dưa đã thưa dần. Hái đến lần thứ ba thì còn tạm được, hái sạch hết thì chỉ còn ôm dây mà về.)

Đức Tông nghe đến đây rốt cuộc cũng cảm động, nhưng vẫn nói: "Việc nhà của ta, sao khanh lại phải hết sức can dự vào như vậy?" Lý Bí đáp: "Nay thần một mình gánh vác trọng trách tể tướng, trong khắp bốn biển, dù chỉ một vật không đúng chỗ thì trách nhiệm cũng quy về thần, huống chi ngồi nhìn thái tử chịu oan mà không nói ra, thì tội của thần còn lớn hơn nữa". Thậm chí ông còn nói: "Thần dám lấy cả dòng họ mình ra bảo lãnh cho thái tử". Hai người tranh luận qua lại rất nhiều, ông còn dặn Đức Tông phải hết sức giữ kín chuyện này, về đến nội cung cũng đừng để người xung quanh biết cách xử lý ra sao. Một mặt ông lại an ủi thái tử đừng nản lòng, đừng nghĩ đến chuyện tự vẫn, bảo thái tử rằng: "Chớ lo nghĩ như thế, mong thái tử càng thêm kính thêm hiếu; nếu như thân này của Bí còn sống thì mọi việc chưa biết sẽ ra sao!". Cuối cùng, nút thắt sinh tử giữa cha con Đức Tông cũng được gỡ bỏ. Đức Tông đặc biệt mở điện Diên Anh, riêng triệu Lý Bí vào, khóc nói với ông: "Nếu không có lời nói thẳng thắn của khanh thì hôm nay trẫm hối hận cũng không kịp nữa! Thái tử vốn nhân hậu, hiếu thảo, thật không có chuyện gì khác. Từ nay việc quân quốc cũng như việc nhà của trẫm, đều phải bàn với khanh cả". Lý Bí nghe xong, ngoài việc bái tạ mừng vua, còn nói: "Thần báo đáp đất nước như vậy là đủ rồi. Thần nay kinh sợ đến mất cả hồn vía, không còn dùng được nữa, xin được cho về nghỉ". Đức Tông ngoài lời xin lỗi, an ủi, nhất định không cho ông từ chức. Hơn một năm sau, Lý Bí quả nhiên qua đời, như thể ông đã biết trước vậy.

Từ xưa đến nay, cung đình đế vương vẫn luôn là nơi thị phi nhiều nhất, nhân sự phức tạp nhất thiên hạ. Nhất là những cuộc tranh giành quyền lực, lợi hại bi thảm giữa cha con anh em, giữa những người ruột thịt trong hoàng tộc, thật đúng là nơi hội tụ mọi bi kịch của thế gian. Huống chi người xưa vẫn có lời răn rõ ràng: **"sơ bất gián thân"** (kẻ ngoài không nên xen vào chuyện của người thân). Với sự sáng suốt của Gia Cát Lượng, khi ở Kinh Châu ông cũng còn không dám trả lời thẳng câu hỏi của Lưu Kỳ về chuyện cha con. Nhưng riêng Lý Bí, đứng giữa mối quan hệ cha con ruột thịt của bốn đời vua Đường Huyền Tông, Túc Tông, Đại Tông, Đức Tông, ông đều đứng ra, nói thẳng vì nghĩa, gỡ khó gỡ rối, hòa giải những tai họa giữa cha con anh em, thật xứng đáng là người đứng đầu trong lịch sử xưa nay. Vì vậy mà nữ sử gia Uông Tiểu Uẩn khi vịnh sử, bàn về Nghiệp hầu Lý Bí, có câu nổi tiếng: **"Huân tham Quách lệnh tài nguyên đại, tích tự Lưu hầu thuật cánh thuần"** (công lao sánh ngang Quách lệnh công, tài năng vốn đã lớn; dấu tích giống như Lưu hầu, mưu thuật lại càng thuần thục). Quách lệnh ở đây chỉ Quách Tử Nghi. Sự thành công của Quách Tử Nghi đều nhờ vào sự hoạch định phía sau của Lý Bí. Còn Lưu hầu là để so sánh ông với Trương Lương. Đáng tiếc là trong các bộ sử sách thông thường, do thành kiến mà chỉ nhắc thoáng qua ông, thậm chí còn có phần xem nhẹ, như trong một lời sử bình có nói: **"Bí hữu mưu lược, nhi hiếu đàm thần tiên quái đản, cố vi thế sở khinh"** (Lý Bí có mưu lược, nhưng lại thích bàn chuyện thần tiên quái đản, nên bị người đời xem nhẹ). Nhưng thực ra, tra khắp chính sử, chưa bao giờ thấy Lý Bí lấy chuyện thần tiên quái đản để lập thân, xử thế cả. Việc ông có sở thích, tư tưởng yêu chuộng tiên Phật chỉ là khuynh hướng cá nhân, chứ có ảnh hưởng gì đến học thuật trị đời đâu? Còn khéo dùng

mưu lược để dẹp loạn đưa về chính đạo, yên định đất nước, thì mưu lược đó có gì sai trái? Qua đó có thể thấy, những luận cứ của các sử gia thật đáng để tham khảo nhưng không thể tin hết một cách tuyệt đối, thật đáng để suy ngẫm.

Tóm lại, trên đây đã đại lược kể lại kinh nghiệm lịch sử của Quách Tử Nghi và Lý Bí thời trung Đường, để làm rõ hiệu quả thực tiễn của những câu trong chương này: **"xung nhi dụng chi hoặc bất doanh, uyên hề tự vạn vật chi tông. Tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân, hòa kỳ quang, đồng kỳ trần"** (đạo như cái trống rỗng, dùng nó có lẽ không bao giờ đầy, sâu thẳm thay, như là tổ tông của vạn vật; bẻ gãy sự sắc bén, gỡ rối sự rối ren, hòa dịu ánh sáng chói, đồng hóa với bụi trần). Ta thấy được điều đó qua thành tựu công nghiệp của các bậc tướng văn tướng võ, có rất nhiều chỗ đáng xem, đáng noi theo. Phần bàn luận này xin tạm dừng ở đây.

Thượng Kinh · Chương 5

Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu;

Trời đất không có nhân ái, coi vạn vật như con chó rơm (vật tế lễ);

thánh nhân bất nhân, dĩ bách tính vi sô cẩu.

thánh nhân không có nhân ái, coi trăm họ như con chó rơm.

Thiên địa chi gian, kỳ do thác thược hồ,

Khoảng giữa trời đất, chẳng phải như ống bễ lò rèn sao?

hư nhi bất khuất, động nhi dũ xuất.

Trống rỗng mà không kiệt sức, hoạt động mà càng thêm ra.

Đa ngôn số cùng, bất như thủ trung.

Nói nhiều thường cùng kiệt, không bằng giữ phần trung.

Thánh nhân và chó rơm

Từ cách sắp sách này, chương đầu *Lão Tử* **"thường vô, dục dĩ quan kỳ diệu. thường hữu, dục dĩ quan kỳ kiếu. thử lưỡng giả đồng xuất nhi dị danh, đồng vị chi huyền. huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi môn"** (thường giữ ở cái Không, để xem chỗ huyền diệu của nó; thường giữ ở cái Có, để xem chỗ mé của nó; hai điều này cùng xuất phát mà khác tên, cùng gọi là huyền; huyền rồi lại huyền, cửa của muôn điều huyền diệu), đến **"đạo xung nhi dụng chi hoặc bất doanh, uyên hề tự vạn vật chi tông"** (Đạo như cái trống rỗng, mà dùng nó có lẽ không bao giờ đầy; sâu thẳm thay, như là tổ tông của vạn vật), đều lấy lối nói bề ngoài khác mà thực ra cùng, thể cùng mà chỗ dùng khác, để nói sự hội đồng của thể Đạo và chỗ khác của tác dụng, từ chỗ lấy thân tâm mình mà thể hội Đại Đạo, đến chỗ đứng đời xử sự, cũng cùng một thể mà khác tầng dùng. Đến chương này, lại đặc biệt đưa ra một lời danh ngôn thẳng thắn làm đời giật mình, khiến đời sau bàn tán rối, mỗi người một lẽ. Thậm chí vì thế mà kết Lão Tử là tổ của phái mưu mô, hoặc bảo ông khinh Nho gia, coi nhẹ nhân nghĩa, xem hết thảy quan niệm đạo đức nhân văn chỉ là lớp ngụy trang của tri thức. Mỗi người một mắt nhìn, mỗi bên giữ một đầu. Ai là dị đoan, ai là chính kiến, vốn chỉ là chỗ chủ quan của từng tư tưởng, chẳng có gì lạ. Nhưng trên chữ nghĩa, Lão Tử quả nói thẳng: **"thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu. thánh nhân bất nhân, dĩ bách tính vi sô cẩu"** (trời đất không có nhân ái, coi vạn vật như con chó rơm; thánh nhân không có nhân ái, coi trăm họ như con chó rơm). Văn xuôi chữ thuận, chẳng phải ngữ ý châm chọc sắc sao? Kỳ thực không phải vậy, chưa hẳn đã đúng hết.

Muốn nói rõ lẽ ấy, trước phải bàn ý chứa trong hai tên của bài này. Một là **"sô cẩu"** (chó rơm), một là "nhân". "Sô cẩu" là chó buộc bằng cỏ, cố nhiên không phải chó thật. Nói thật, tổ tiên ta ăn thịt chó vốn rất thường; đến nay đồng bào Quảng Đông vẫn thích thịt chó, chẳng lấy gì làm lạ, ấy là gió tục còn lại của người xưa. Người xưa bảo nhà có sáu loài gia súc để sẵn đồ ăn, chó là một trong sáu loài ấy. Vì thế tế lễ thượng cổ, lấy thịt chó làm lễ phẩm, vốn rất phổ biến. Đại khái từ sau đời Thương, Chu, trong tế lễ mới lần lần bỏ thịt chó. Nhưng ở một số điển lễ, vẫn phải lấy cỏ buộc một con chó hình tượng, thay vì giết một con chó sống, ấy là nguồn của "sô cẩu". Chó rơm chưa lên bàn tế, vẫn được người quý, chăm sóc, coi rất trọng. Đến khi lễ xong, chó rơm đã dùng rồi, liền xem như đồ bỏ, vứt tùy tiện, chẳng thèm nhìn. Cũng như tục tế thần còn đến nay, có khi giản một chút, không giết lợn sống, lấy bột gạo nặn một cái đầu lợn mà lạy; lạy xong, ai muốn lấy làm thức ăn phụ cũng được, không còn thiêng như lúc bày trên bàn tế, không được xâm phạm. Chữ 仁 (nhân) trong nguyên văn chương này của *Lão Tử*, cố nhiên đại diện chữ "nhân" trong nhân

nghĩa mà các học phái thời Xuân Thu Chiến Quốc đời Chu Tần nêu lên; nói cách khác, cũng là vẻ mặt của lòng thương, lòng nhân, lòng yêu, thương người hoặc thương muôn vật.

Vào khoảng Xuân Thu Chiến Quốc, chư hầu tranh nhau, cướp mạng sống, của cải, con cái, ngọc lụa của dân thường, cắt đất xưng hùng, tàn dân cho sướng tay, vốn là chuyện thường. Vì thế kẻ sĩ có chữ nghĩa chạy ngược chạy xuôi kêu gọi, hô nhân nghĩa, nêu thánh quân hiền tướng thượng cổ, bảo người phải thể nhận lòng trời nhân ái thế nào, lấy lòng nhân phép nhân mà trị thiên hạ thế nào, thiên hạ mới thái bình. Không chỉ nhà Nho như vậy, các học phái khác thời Xuân Thu Chiến Quốc đại khái cũng không ngoài lấy nhân nghĩa mà tuyên, lấy nhân nghĩa mà hô. Dù học thuyết cao minh đến đâu, tư tưởng siêu nhiên đến đâu, dùng đã lâu ắt sinh tệ ngược lại, hóa thành khẩu hiệu chỉ còn vỏ rỗng, không còn nghĩa thật. Ví như Phật nói "bình đẳng", nhưng trải mấy nghìn năm Ấn Độ, giai cấp vẫn cách biệt, vẫn cực chẳng bình đẳng. Cũng vậy, tổ tiên ta dạy "nhân nghĩa" đã mấy nghìn năm, tiếc thay, được mấy người làm, được mấy lúc trong sử, thật hợp đạo nhân nghĩa! Lại như Giê-su, lớn tiếng kêu "bác ái", nhưng văn hóa Tây phương hai nghìn năm, đời nào thật xuất hiện bác ái với loài người trên thế giới! Ấy chính là chỗ Lão Tử than **"đại đạo phế, hữu nhân nghĩa. tuệ trí xuất, hữu đại ngụy"** (Đại Đạo bị bỏ, mới có nhân nghĩa; tuệ trí xuất hiện, mới có sự gian dối lớn).

Nếu hiểu những lẽ mặt trái ấy, mới biết triết học mặt phải Lão Tử đưa ra. Trời đất sinh muôn vật, vốn tự nhiên mà sinh, tự nhiên mà có. Sinh muôn vật là chuyện rất tự nhiên; giết chết muôn vật cũng là chuyện rất tự nhiên. Trời đất chẳng lấy việc sinh muôn vật làm việc tốt, cũng chẳng lấy việc giết chết muôn vật làm việc xấu. Trời đất vừa sinh muôn loài nuôi lớn muôn loài, đồng thời cũng sinh những loài trông như ngược lại, độc hại muôn loài. Sinh thuốc bổ, cũng sinh thuốc độc. Đồ bổ chưa chắc là bổ, vì bổ có thể chết người. Đồ độc chưa chắc là độc, lấy độc trị độc có thể sống. Trời đất chẳng nhất định hậu với loài người mà bạc với muôn vật, chỉ loài người tự cho mình khôn, tự xưng hùng, tự cho trời đất sinh muôn vật vì mình. Người tự xưng linh hơn muôn vật. Kỳ thực, người ta lúc nào nơi nào cũng đang hại, đang giết muôn vật. Nếu muôn vật có linh, ắt nói người là độc hại lớn nhất của muôn vật. Kỳ thực, trời đất không có lòng riêng, bình đẳng sinh ra muôn vật; muôn vật cũng không tự chủ được, rồi trở về trời đất. Nên nói: "thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu". Ấy là nói trời đất không tự lập một lòng trời chủ quan, nhân ái muôn vật, rồi mới sinh muôn vật. Chỉ tự nhiên mà sinh, tự nhiên mà có, tự nhiên trở về tiêu diệt. Nếu đứng chỗ trời đất, nhìn muôn vật với loài người đều bình đẳng, đều tự nhiên, tình cờ, tạm có, cuối cùng trở về tiêu diệt, cũng chỉ là "sô cẩu" mà thôi. Sinh thì gọi "có", diệt thì gọi "không", nhìn ngang nhau, đâu từng có phân biệt, có thiên lệch? Chỉ người có lòng người, lấy nhận thức riêng của lòng mình, cho trời đất có đức hay sinh, rồi cất lời khen lòng trời nhân ái. Nếu trời đất có biết, há chẳng cười lớn lời si của bọn trẻ si chúng ta sao?

Hiểu nguyên lý ấy, mới biết thánh nhân thật có Đạo, lòng như trời đất, sáng như nhật nguyệt; hết thảy việc làm, tự xem là việc lý đáng làm, nghĩa đáng làm, liền tự nhiên làm. Không nhất định vì ta muốn nhân ái với đời, hoặc ta muốn thương ngươi, mới chịu làm. Nếu thánh nhân còn lòng ấy, tức đã thiên lệch, đã có cái ta, đã chẳng còn đại công. Nói thêm một tầng: thánh nhân có Đạo, sinh vào đời thiên hạ đại loạn, nếu thật vì cứu đời mà cứu người, đã có làm ắt khỏi không giữ một mặt, mà tổn thương mặt kia. Giết cả thiên hạ vì ta, quyết không nên làm. Còn giết một để răn trăm, cũng bằng giết trăm để giữ một, cùng là lòng giết, nghĩa cũng không nỡ. Vậy thánh nhân muốn cứu đời, chỉ còn tự sát để cứu thiên hạ sao? Tự sát đã không cứu được thiên hạ, thiên hạ cũng chẳng phải giết chóc mà cứu xong! Nên Phật nói nguyện độ hết chúng sinh mới thành Phật. Nhưng cõi chúng sinh không thể hết, nên nguyện ta cũng mãi không cùng. Giê-su bị đóng lên thập giá, chỉ cầu nguyện: "Ta chuộc tội cho người đời!" Kỳ thực tội ở lòng người, ai cũng không chuộc tội giúp ai được, trừ khi người người trong thiên hạ tự sám hối, tự ăn năn. Vì thế Lão Tử, với người đời lúc ấy tự xưng môn đồ thánh nhân, hô lấy nhân nghĩa cứu đời, cho họ chỉ gửi lời không, đều không nghĩa thật. Thậm

chí bọn giả danh nhân nghĩa, dùng để thoả dục riêng mình, càng tự dối dối người, rất không nên. Ông mong người thật bắt chước phép tắc tự nhiên của trời đất mà để lòng, dùng đời, chẳng cần khoe cao sâu mà cầu cho thiết thực, mới nói câu danh ngôn "thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu. thánh nhân bất nhân, dĩ bách tính vi sô cẩu", để răn đời. Nhưng Lão Tử nói thì nói, không sao, từ sau đời Chu, Tần, các bậc anh hùng đế vương lại thật lấy trăm họ làm "sô cẩu", đạt dục riêng mình. Một khi ngồi ngôi vua, thần dân thiên hạ đều khen là "thiên tử thánh minh", hoặc khen thẳng "thánh nhân đương thời", chẳng biết "thánh" từ đâu tới, "minh" từ đâu mà ra? Sợ Lão Tử sống lại, cũng chỉ ngậm miệng cứng lưỡi, chẳng dám thêm năm nghìn lời, viết tiếp bản *Đạo Đức Kinh* nữa.

Lời ngay nghe như lời ngược

Để nói lại cho rõ "thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu. thánh nhân bất nhân, dĩ bách tính vi sô cẩu", cùng những câu về sau **"thánh nhân bất tử, đại đạo bất chỉ"** (thánh nhân không chết, đại đạo tặc không dừng), **"tuyệt thánh khí trí, dân lợi bách bội"** (dứt bỏ thánh, bỏ trí, dân lợi gấp trăm lần), một mạch nghĩa ấy, xin dẫn lời trong thiên Khư Khiếp, Ngoại thiên *Trang Tử*, liền hiểu vì sao Lão Tử lúc ấy coi nhẹ thánh nhân, châm nhân nghĩa: đều vì đời nhiều kẻ mượn hư danh thánh nhân, cùng tấm biển giả nhân nghĩa. Cũng như người cận đại và người nay, tùy tiện giả thác tự do dân chủ mà hô, thực ra chỉ là cớ đạt dục riêng; kẻ say độc tài đã vậy, ngay nội dung thật của dân chủ kiểu Tây nay, lại chẳng từng như thế? Cả đời cuồn cuộn, không biết làm sao. Như Trang Tử nói:

> *Nên đồ đệ của Chích hỏi Chích: kẻ trộm cũng có đạo ư? Chích đáp: đi đâu mà chẳng có đạo! Đoán mò của giấu trong nhà (trước đã ước lượng của cải người ta tích trữ), ấy là thánh. Vào trước (khi ra tay, ắt xông trước lính), ấy là dũng. Ra sau (khi đã được của, trước phải che cho bạn rút, mình rút sau cùng), ấy là nghĩa. Biết được hay không (phán được có nên ra tay không), ấy là trí. Chia đều (chia đều lợi thu được), ấy là nhân. Năm điều ấy không đủ mà thành đại đạo tặc, thiên hạ chưa từng có.*

Nhìn vậy thì người thiện không được đạo thánh nhân thì không đứng được; Chích không được đạo thánh nhân thì không làm được. Người thiện trong thiên hạ ít mà kẻ không thiện nhiều, thì cái lợi thánh nhân mang cho thiên hạ cũng ít, mà cái hại mang cho thiên hạ lại nhiều.

Trong thiên Thiên Vận lại nhắc:

> ***"Nhân nghĩa, tiên vương chi cừ lư dã, chỉ khả dĩ nhất túc, nhi bất khả dĩ cửu xứ, cấu nhi đa trách"*** *(nhân nghĩa là quán trọ của tiên vương, chỉ nên ngủ một đêm, không thể ở lâu; nhìn kỹ thì nhiều chỗ trách).*

Nhìn bề ngoài, tư tưởng lời nói kiểu Lão Tử và Trang Tử, giống một thứ triết học phe ngược, nhất là với tín đồ tôn giáo quan niệm hẹp, chẳng phải nhà tôn giáo lớn hay giáo chủ; thậm chí với phái cố chấp đi nhánh Nho gia, hoặc phái sự công biết dùng mà không chịu nói, họ ghét cay ghét đắng, cho là "lời không vào kinh". Kỳ thực đây chính là triết học công bằng của "lẽ trời" và "lòng lành". Công đạo vốn ở lòng người, chỉ người thường nói không ra lẽ, hoặc không nỡ nói quá suốt; nói toạc ra, lại thấy nhạt. Tư Mã Thiên soạn *Sử ký*, bèn dùng giọng hàm súc hơn để phản ánh tư tưởng Đạo gia và Lão Trang kiểu ấy. Đến khoảng Nguyên, Minh, các nhà tiểu thuyết văn học dân gian lại trong sách tiểu thuyết nói rất nhiều tư tưởng mặt này. Nói sướng, nói đã, lại có dư vị, như *Mộc Bì Tán Khách cổ nhi từ* của Giả Phù Tây cuối Minh. Ông sinh vào đời cuối nhà tan nước mất, ôm một bầu lòng trung nghĩa, bèn mượn lẽ ấy mà phát hết nỗi đời với trời đất, như nói:

> *Trung thần hiếu tử thì thành oan gia, giết người phóng hỏa lại hưởng vinh hoa.*

> *Chuột trong kho thái thương ăn no căng bụng, trâu cày đến chết lại bị lột da.*

> *Cá bơi dưới sông mắc tội gì? Cạo sạch vảy tươi còn chê xương đâm!*

> *Con cọp kiếp trước tu được phúc nào? Nhai sống thịt người chẳng sợ kẹt răng!*

> *Gà rừng thỏ rừng chẳng dám gây họa, chặt thành tương thịt còn rắc hành hoa!*

> *Kiếm cổ giết người còn được gọi bảo vật! Dép rơm lót chân vứt xuống hốc núi!*

> *Ngô Khởi giết vợ lại được đeo ấn nguyên soái! Bùi Cẩn đội đèn lại ăn đòn miệng!*

> *Đạo Chích ăn thịt người sống lại được chết lành! Nhan Uyên chết yểu là vì chuyện gì?*

> *Chẳng lẽ Ngọc Hoàng bị thằng Trương Tam bịp? Sổ sách đen thui biết đâu mà tra?*

Hứng đến thì sắt cùn cũng hóa vàng ròng! Tức chết người, vận đi thì chuông đồng đánh cũng lạc tiếng! Việc đời tựa ngọn đèn cô độc trong gió, tựa giọt sương treo đầu ngọn cỏ! Dù có dăm xâu tiền đồng, ngươi cũng chớ có vênh vang!

Nghệ thuật nói kiểu ống bễ

Lão Tử muốn nói lẽ trời công bằng, cùng thánh nhân thật không có lòng riêng mà nhận lấy việc hóa dục, bèn chỉ thẳng: sinh diệt biến hóa của muôn sự muôn vật giữa trời đất, chẳng phải ai chủ tể, cũng chẳng phải trời đất có lòng làm ra. Tạo hóa sinh diệt của muôn vật, đều nương chỗ trống mà tới, trở về chỗ trống mà đi. Một sát-na tạm có, tình cờ, chỉ là động thái có và không cùng sinh ra nhau mà thôi. Vì có cái động sát-na nối tiếp, dứt rồi lại còn, thường có, bèn lầm cho động thái tức là tồn tại, không chịu nhận cái tĩnh, cái có trở về không, cũng là một vẻ mặt khác của tồn tại. Nên ông nói: **"thiên địa chi gian, kỳ do thác thược hồ, hư nhi bất khuất, động nhi dũ xuất"** (khoảng giữa trời đất, chẳng phải như ống bễ lò rèn sao? trống rỗng mà không kiệt sức, hoạt động mà càng thêm ra).

"Thác thược" là đồ dùng thổi khí thông hơi của xã hội nông nghiệp kiểu cũ, tiếng thường gọi ống bễ. Cũng tức một trong những đồ luyện kim *Hoài Nam Tử*, thiên Bản kinh, đã nói: **"cổ thác xuy đoá, dĩ tiêu đồng thiết"** (thổi ống bễ, hun ống thổi, để nấu đồng sắt). "Thác" chỉ cái hòm bên ngoài. "Thược" chỉ những miếng ống bên trong đi lại mà hoạt động. Nhưng trong xã hội nông nghiệp kiểu cũ, lấy vải khâu thành túi hai đầu thông, giữa rỗng, đựng đồ tạp, cũng gọi "thác". Còn "nang" là túi vải khâu kín ba mặt, một mặt để miệng. "Thược" lại là sáo bảy lỗ đời sau. Tóm lại, "thác

thược" là thứ Lão Tử lấy đồ người quen dùng, để nói hết thảy hoạt động cõi vật này chỉ là biến đổi của khí; động mà dùng thì có, tĩnh mà cất, giống như dừng ở trạng thái nghỉ.

Kỳ thực muôn vật trời đất này đều xoay vòng trong động thái mãi không nghỉ, không có tĩnh thật. Cái gọi là tĩnh, cũng chỉ là cảnh giống như nghỉ, tình cờ không cảm thấy động mà thôi. Vì thế, cùng một nguyên lý, lối nói khác, *Kinh Dịch · Hệ từ truyện* bèn nói: **"cát hung hối lận, sinh hồ động giả dã"** (cát hung hối lận, đều sinh từ chỗ động). Muôn sự muôn vật, động ắt có lỗi. Trong việc làm của động, phần tốt gọi là cát chỉ chiếm một phần tư. Phần xấu là hung, cùng cái không tốt kém hung một bậc, tức hối và lận, đã chiếm ba phần tư.

Thế mà trời đất với muôn vật, rốt cuộc vẫn sống trong động thái, sinh rồi lại sinh không dứt. Sống giống như động; động là vẻ của sức sống. Vì thế càng động càng sinh không dứt. Sinh không dứt và hoạt động mãi làm nhân quả cho nhau, làm sự sống cho nhau.

Đã hiểu khí giữa trời đất đi lại biến đổi, biến động không nghỉ, sinh không dứt, có và không cùng sinh ra nhau, động tĩnh làm chủ cho nhau, thì có thể hiểu thêm hết thảy việc làm, tư tưởng, lời nói của người, cũng cùng một lệ. Phải trái, thiện ác, họa phúc, chủ quan và khách quan, đều không thể khẳng định quả có một chuẩn tuyệt đối. Nếu nhất định trên lý phải cãi đến một lẽ tuyệt đối, cái tuyệt đối ấy cũng chỉ ở trên chữ, do người đặt, tạm cắt là chỗ cùng mà thôi. Kỳ thực trong động thái, càng động càng ra, mãi không có một điểm cùng. Cũng như số lý đang mở mang, cũng mãi không hết. Cũng vậy, phải trái tranh cãi cõi người, càng động càng có phát triển theo nhiều mặt khác nhau, không có một chuẩn tuyệt đối. **"Tài hữu thị phi, phân nhiên thất tâm"** (vừa có phải trái, rối bời mất lòng). Chỉ có trung tâm hư linh thường trụ, không rơi vào một phía nào của có không, hư thực, tự nhiên không bị cong về một bên, sáng suốt thường rõ, soi suốt như đuốc. Ấy là then chốt của **"đa ngôn số cùng, bất như thủ trung"** (nói nhiều thường cùng kiệt, không bằng giữ phần trung). Cũng có người cho hai câu ấy của Lão Tử là giáo điều khôn giữ thân, không tranh với đời, tức "phải trái chỉ vì lắm miệng, phiền não đều vì cố thò đầu". Nhất là phái Đạo gia đời sau tu luyện thần tiên đan đạo, cho nói năng là việc tổn nguyên khí nhất, lại là nguyên nhân lớn khiến đoản mệnh, gây vận xấu. Cái gọi "số cùng" tức khí số kém, vận gập ghềnh. Vì thế kẻ tu đạo bèn có lời răn nghiêm: **"khẩu khai thần khí tán, ý động hỏa công hàn"** (mở miệng thần khí tan, ý động lửa công lạnh). Lối nói ấy có tuyệt đối hợp lý không, xin tạm lấy hai câu văn cổ **"kỳ nhiên hồ, kỳ bất nhiên hồ"** (phải vậy chăng, chẳng phải vậy chăng) làm kết, để mọi người tự nghĩ mà chọn.

Nếu bước thêm một tầng, hiểu tác dụng "thác thược" với ống bễ, thì rõ lời Lão Tử "đa ngôn số cùng, bất như thủ trung" không hoàn toàn dạy người không được mở miệng. Chỉ nói điều đáng nói, nói rồi thì thôi, không dựng bờ bến. Không được nói nhiều, cũng không được không nói. Tức lời đầy thiên hạ mà không lỗi miệng, mới là lẽ giữ phần trung, mới khớp ý Lão Tử nói về sau **"thiện ngôn vô hà trách"** (nói giỏi không có sơ hở để trách cứ). Không thế, Lão Tử lại cần gì nói nhiều, tự viết năm nghìn lời! Ví như ống bễ, lúc đáng dùng thì thổi thành gió, giúp người nên việc. Nếu không đúng lúc, không cần, thì thung dung nghỉ, im thin thít không việc. Nếu như "Quán Phu mắng tiệc, Nễ Hành đánh trống", nói ra chẳng bổ việc, ấy là trái lời răn sáng "đa ngôn số cùng, bất như thủ trung" rồi.

Thượng Kinh · Chương 6

Cốc thần bất tử, thị vị huyền tẫn,

Thần của thung lũng không chết, gọi đó là huyền tẫn (con cái huyền bí),

huyền tẫn chi môn, thị vị thiên địa căn.

cửa của huyền tẫn, gọi đó là gốc rễ trời đất.

Miên miên nhược tồn, dụng chi bất cần.

Liên miên như còn đó, dùng mà không cạn kiệt.

Tiếp mạch phép tắc trên, "thiên địa chi gian, kỳ do thác thược hồ! hư nhi bất khuất, động nhi dũ xuất. đa ngôn số cùng, bất như thủ trung", nói tác dụng của trời đất muôn vật với sinh mệnh ta và người, thường ở giữa một động một tĩnh. Phải khéo nắm, khéo dùng. Vì thế dẫn đoạn **"cốc thần bất tử"** (thần của thung lũng không chết) chương này: tựa tĩnh mà thực động, dù động mà tựa cực tĩnh. Tựa hư vô mà thực chứa diệu dụng không cùng; dù diệu dụng không cùng, đồng thời cũng giấu chỗ khéo dùng mà như không dùng.

Muốn hiểu thiết thực ý chứa chương này, cùng các lối chú của người đời sau tu luyện thần tiên đan đạo, trước phải gỡ hai tên then chốt, tức cái gọi "cốc thần" và "huyền tẫn".

"Cốc thần": cốc, cố nhiên là tên tắt của thung lũng nói thường. Nhưng thung lũng nói thường, đại khái gom được hai dạng. Một là thung lũng hình túi, có đường vào không có lối ra. Hai là hai núi kẹp, trên hẹp giữa rỗng, khá kín hoặc quanh co, thành lối dài hẹp.

Thung lũng loại một, phần nhiều không khí không đối lưu; hễ có tiếng động, ắt có tiếng vọng. Tiếng vọng ấy vì không khí không đối lưu mà sinh. Nhưng trong mắt kẻ ngu, cho thung lũng rỗng ấy ắt là hang thần linh, nên mới có tiếng vọng. Kỳ thực tiếng vọng là tác dụng vật lý, chẳng phải uy linh hiển hách của thần. Thế mà trong lòng những ông ngu bà dại, thường vì thế thành thần thoại kiểu tôn giáo, đắp nặn biết bao chuyện bịa, cho trong ấy có thần. Có kẻ còn nặng hơn, lấy tên Lão Tử, nhân vật đại diện Đạo gia, gọi nó là "cốc thần".

Thung lũng loại hai là lối dài hẹp, kín đáo quanh co, hai đầu thông, không khí đối lưu; tiếng gọi đầu này liền nhanh chóng suốt tới đầu kia xa. Vì thế cũng thành đề tài người ta dệt thần thoại, cho trong ấy như có thần giúp. Thực ra cũng là tác dụng truyền tiếng của không khí, chẳng phải thật có chuyện thần bí không nghĩ nổi.

Trước hãy hiểu lẽ "cốc thần" sở dĩ là thần: vì giữa nó rỗng không, không có vật, nên thành tác dụng trống linh trong ấy. Chính vì giữa rỗng không vật, mới sinh công năng trông như hư vô, mà chứa tựa diệu hữu.

Kế đến là "huyền tẫn". Chữ 玄 (huyền) cũng thông với chữ 元 (nguyên) của nguyên thủy, nguyên lai, căn nguyên. Nguyên, ngang với gốc đầu của muôn vật, là tên thay cho nhân thứ nhất hết sức vi diệu. "Tẫn", trong chữ thượng cổ Trung Quốc, là tên nhã chỉ năng lực sinh sản của giống cái, giống mẹ. Ngược lại, chữ 牡 (mẫu) là hiệu của năng lực sinh lý giống đực, giống trai. Trên đời này, hết thảy động thực vật, dù do hai giống tẫn mẫu kết hợp mà nối tiếp sự sống, nhưng sinh mệnh cá thể phần lớn đều do giống cái, tức cơ quan sinh sản âm, sinh ra. Vì thế Lão Tử đặt một tên, gọi "huyền tẫn". Đạo gia đời sau suy từ đó, cho điểm giữa biển mênh mông có một "mắt biển". "Mắt biển" tuy nhỏ, nhưng cuồn cuộn tuôn ra, thành nguồn các đại dương và sông ngòi trên mặt đất, ấy là "huyền tẫn" của biển. Còn Bắc

Cực là "huyền tẫn" của đất. Phần hội âm trên thân người, thì là chỗ "huyền tẫn", nguồn sống của thân. Thuật ngữ du-già thân của Ấn Độ gọi đó là "đáy biển", hoặc xem là hang "linh năng" và "linh lực".

Hiểu ý chứa hai tên ấy, rồi mới đại khái rõ nghĩa chương này của *Lão Tử*: phải thể hội cảnh giới "cốc thần" hư linh không tối, giữa rỗng không vật, mà có diệu dụng cảm ứng không phương, không cùng. Chính vì hư vô trống tối, nên sinh không dứt, sinh mà không sinh, có mà không có, vì thế vĩnh viễn không chết. Đạo giáo đời sau đổi mặt đổi da, gọi "động nguyên", "động hư", cũng từ đó mà ra.

"Cốc thần" tức công năng rỗng không hư vô mà sinh diệu hữu, chính là gốc nguồn sống của trời đất muôn vật; lấy một tên thay, gọi nó là "huyền tẫn". "Huyền tẫn" dù giữa rỗng không vật, nhưng là hang nuôi dưỡng sinh mệnh trời đất muôn vật, miên man không dứt, như còn như mất. Trong tiết văn này, phải đặc biệt để ý chỗ Lão Tử dùng chữ hay, chữ 若 (nhược) ấy. Chữ "nhược" và chữ "như" của Phật học, đều cùng một loại tính từ tả vẻ bề ngoài; nói theo tiếng nay, tức ý "hình như". Công năng sinh diệu hữu trong hư vô, hình như tồn tại miên man không dứt, nhưng không có một thứ thực chất. Nếu thật có một thực chất, hết thảy cái có, cuối cùng đều về hư vô nguyên thủy, ấy là phép tắc tất nhiên. Cùng loại với nguyên lý chất và năng đổi lẫn nhau của vật lý học nay.

Dao thổi lông dùng rồi phải mài gấp

Trong tiết này, Lão Tử lại nói một câu danh ngôn rất trọng, tức **"dụng chi bất cần"** (dùng mà không cạn kiệt). Nói ngược lại, dùng quá siêng, tức dùng nhiều, dùng thường, dùng lâu. Làm vậy sẽ trái diệu dụng dày đặc của **"miên miên nhược tồn"** (liên miên như còn đó). Vậy lẽ "dụng chi bất cần" là thế nào? Xin mượn một bài kệ của thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền, để nói cho sâu.

Duyên lưu bất chỉ vấn như hà?
Theo dòng không dừng, hỏi làm sao?

Chân chiếu vô biên thuyết tự tha.
Chân chiếu không bờ, nói giống như thế.

Ly tướng ly danh nhân bất bẩm,
Lìa tướng lìa tên, người chẳng nhận lấy,

xuy mao dụng liễu cấp tu ma.
dao thổi lông dùng rồi phải mài gấp.

"Theo dòng không dừng" là nói tư tưởng tình cảm, tri giác cảm giác ta, xưa nay đều theo sóng trôi, bị cảnh ngoài kéo xuôi dòng mà đi, mình không nắm được, không dừng được.

Nếu lòng trống như thung, đối cảnh không tâm, chỉ quay lại tìm nơi mình, tự tâm phản quán tự tâm, soi chỗ dao động khởi diệt của tâm niệm, không thêm không bớt, không đón không cự, không dính sức cản hay sức giúp nào, một phái tựa thuần chân, thì hơi có chút giống chân chiếu dụng hư linh không tối.

Tóm lại, 道 (đạo) vốn là một thứ lìa tên lìa tướng; lấy chữ nghĩa ngôn ngữ nói nó, bảo thế này thế kia đều không đúng. Tu nó không đúng, không tu cũng không đúng.

Nhưng trên công năng "miên miên nhược tồn", theo dòng không dừng, lại phải lúc nào nơi nào chiếu và dùng cùng lúc, không được lơ một chút. Ví như có thanh bảo kiếm cực sắc, lấy một sợi lông, kề lưỡi mà thổi một hơi, sợi lông

liền đứt. Dù nói lưỡi sắc không gì hơn, nhưng dù sao, vừa dính đến dùng, ắt có mòn chút ít, tức đã chẳng còn tướng gốc; huống chi dùng lâu, dùng siêng, dùng thường, dùng nhiều, cố nhiên khiến kiếm bén hóa sắt cùn. Nên nói, dù kiếm thổi lông đứt được, cũng phải vừa dùng liền mài chỉnh. Lúc nào cũng bảo dưỡng, mới khiến nó muôn thuở như mới, "miên miên nhược tồn". Ấy là lời nói rõ nhất của "dụng chi bất cần".

Người là kẻ giữ thần

Nói vậy thôi, nhưng đời sau, những người tu luyện theo phái thần tiên đan đạo của Huyền Tông lại đem thuyết "cốc thần" của Lão Tử khoác cho một bộ mặt khác, kéo vào trong *Hoàng Đình Nội Cảnh Kinh* của Đạo giáo, kết hợp với các nguyên lý y học thời thượng cổ trong *Hoàng Đế Nội Kinh*, rồi lấy những cơ năng trong thân người như đầu não, tim, bụng dưới, mỗi chỗ đặt ra một vị thần trấn giữ, ứng theo quy luật trời đất, mặt trời mặt trăng, thời gian không gian, phương hướng vị trí, lúc nào nơi nào cũng phải bồi bổ đặc biệt, ấy chính là công phu căn bản nhất của việc tu luyện đan pháp thần tiên. Nếu xếp theo cách phân loại văn hóa của phương Tây, đây hẳn nhiên là sản phẩm tiêu biểu của thời đại tư tưởng thần quyền. Nhưng việc biến thuyết "cốc thần" của Lão Tử thành ra trấn giữ cốc thần, để có thể đạt trường sinh bất tử mà bay lên thành tiên, đó chính là lần lột xác thứ nhất: tư tưởng Đạo gia của Lão Tử biến thành Thái Thượng Lão Quân của Đạo giáo.

Sau đó, phái thần tiên đan đạo của Đạo gia kết hợp với phép thiền quán niệm thân mà nhà Phật tu tập, biến thành phương thuật tu luyện **"nội chiếu hình khu"** (soi rọi vào bên trong thân thể), lập ra ở ba chỗ đầu, ngực, bụng của thân người các phép đạo dẫn như "giữ khiếu" nơi ba đan điền thượng, trung, hạ, từ đó mà có công pháp ba bước: chuyển động hà xa, khai thông kỳ kinh bát mạch, "luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hoàn hư". Từ thuyết "cốc thần" bất tử của Lão Tử, lại biến thành lần lột xác thứ hai: "giữ khiếu thông quan", siêu thần nhập hóa.

Thế là phái tu tiên theo *Hoàng Đình Nội Cảnh Kinh* và lối tu luyện đan đạo "thủ khiếu tồn thần" của đời sau, mỗi bên theo một hướng riêng, có chỗ giống có chỗ khác. Chỉ có điều cả hai đều quên mất lời răn của Lão Tử **"miên miên nhược tồn, dụng chi bất cần"** (liên miên như còn đó, dùng mà chẳng bao giờ cạn), hoặc đem "miên miên nhược tồn" ra dùng riêng cho một bước công phu luyện khí. Ai nấy cứ khư khư giữ lấy tấm thân thịt, bận bịu tối ngày, nơm nớp run rẩy mà vờn giữ lấy tinh thần, chẳng khỏi dùng quá siêng, đâm ra đi ngược hẳn với Đạo; chẳng trách Lão Tử sớm đã biết trước, thấy không đáng ngoái đầu nhìn lại, đành cưỡi một con trâu xanh ra khỏi ải Hàm Cốc mà đi về phía tây.

Kỳ thực, thân người vốn dĩ chỉ là một thung lũng rỗng; người xưa từng ví nó là cái túi da hôi thối, hay cái bị da hôi thối. Nó là vật sở thuộc của sự sống, là công cụ của sự sống, chứ không phải thứ mà sự sống sở hữu mãi mãi. Còn nguyên thần của sự sống, hư linh không tối, dùng ra thì linh diệu như thần, thì mượn cái vỏ rỗng này, nơi ra vào chỉ có một luồng khí, tác dụng chẳng khác gì ống bễ "thác thược", để hiện ra sự linh diệu của mình. Nếu có thể, trong khoảnh khắc giữa một động một tĩnh, đạt đến chỗ **"tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông"** (lặng yên không động, hễ cảm liền thông), lúc nào nơi nào cũng biết thời biết lượng, biết dừng biết nghỉ, "xuy mao dụng liễu cấp tu ma" mà "dụng chi bất cần", thì "cốc thần" tự nhiên chẳng bao giờ chết. Huống chi cái chết cũng chỉ là một cuộc nghỉ ngơi thật lớn mà thôi; có chết mới có sống. "Cốc thần" vốn dĩ đã không chết, thì cần gì bạn phải bận bịu canh giữ nó, mới khiến "cốc thần" này không chết? Nếu quả đúng vậy, thì thần lại chẳng bằng người, giữ cái "cốc thần" ấy còn có gì đáng quý! Đại khái đều do lòng mong cầu trường sinh bất tử quá gấp gáp, nên mới cắt xén ý tứ trong sách *Lão Tử* mà suy diễn theo ý riêng, bày ra đủ trò. Kỳ thực đọc tiếp xuống đoạn dưới, sẽ thấy không còn bị vướng mắc trong cái "cốc thần" ấy nữa, mà còn hiểu ra "dụng chi bất cần" cũng chính là quy luật tự nhiên của trời đất muôn vật.

Thiên trường địa cửu.

Trời dài đất lâu.

Thiên địa sở dĩ năng trường thả cửu giả, dĩ kỳ bất tự sinh, cố năng trường sinh.

Sở dĩ trời đất có thể dài lâu, là vì không sống vì mình, nên có thể sống lâu.

Thị dĩ thánh nhân hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn.

Vì vậy thánh nhân đặt thân mình ra sau mà thân mình được trước, đặt thân mình ra ngoài mà thân mình được tồn tại.

Phi dĩ kỳ vô tư da? Cố năng thành kỳ tư.

Chẳng phải vì không có lòng tư? Nên mới thành được điều tư của mình.

Lão Tử không tham sống vì riêng mình

Từ chỗ nói **"thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu"** (trời đất chẳng có lòng nhân, coi vạn vật như chó rơm), qua **"đa ngôn số cùng, bất như thủ trung"** (nói nhiều rồi cũng cùng đường, chi bằng giữ lấy cái giữa), rồi đến **"cốc thần bất tử"** (thần của thung lũng không chết), **"dụng chi bất cần"** (dùng mà không cạn kiệt), sách dần dần giảng rõ vì sao sự sống của trời đất và muôn vật lại tự nhiên mà trường tồn. Bởi thế mới có câu **"thiên trường địa cửu, thiên địa sở dĩ năng trường thả cửu giả, dĩ kỳ bất tự sinh, cố năng trường sinh"** (trời dài đất lâu; sở dĩ trời đất có thể dài lâu, là vì không sống vì mình, nên mới sống lâu được).

Thế nhưng Lão Tử chỉ buông đúng một chữ **"bất tự sinh"** (không sống vì mình) khi nói về trời đất và sự sống, mà khiến người đời sau suy đoán lung tung, đau đầu nhức óc, rối tinh rối mù không dứt ra được.

"Bất tự sinh", chẳng lẽ có nghĩa là trời đất do một đấng khác sinh ra? Nếu trời đất quả thật do đấng khác sinh ra, thì chẳng khác gì luận điệu thường thấy trong các học thuyết tôn giáo, cho rằng trời đất do thần linh tạo ra. Cứ như vậy, truyền thuyết Bàn Cổ khai thiên tịch địa của tổ tiên ta cũng chẳng còn là chuyện hoang đường vô căn cứ nữa. Vậy thì rõ ràng trên trời đất, hay nói đúng hơn là ngoài trời đất, còn có một đấng làm chủ, cai quản cả trời lẫn đất.

Nếu nói trời đất sở dĩ tồn tại lâu dài, là vì nó sinh ra và nuôi dưỡng muôn vật, chứ không phải sinh ra vì nhu cầu của bản thân, nên mới gọi là "bất tự sinh". Vậy thì trời đất đã có lòng tốt sinh ra muôn vật, cớ sao sinh ra rồi lại phải diệt đi? Cứ sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh, thật chẳng biết mệt mỏi là gì. Nếu mượn một câu khẩu ngữ trong văn cổ mà nói, thì đúng là **"hà thiên địa chi bất đạn phiền dã"** (sao trời đất chẳng ngại phiền đến thế?).

Lão Tử chỉ nói một câu về nguyên do trời đất tồn tại lâu dài, rằng vì "bất tự sinh", "cố năng trường sinh" (nên mới sống lâu được). Ông không nói rõ trời đất do sức nào khác sinh ra, cũng không nói rõ trời đất vì muôn vật mà bất đắc dĩ phải sinh. Ông chỉ khéo léo lồng thêm một đoạn văn tuyệt hay: **"thị dĩ thánh nhân hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn, phi dĩ kỳ vô tư da? cố năng thành kỳ tư"** (vì vậy thánh nhân đặt thân mình ra sau mà thân mình được trước, đặt thân mình ra ngoài mà thân mình được tồn tại; chẳng phải vì không có lòng tư? nên mới thành được điều tư của mình), để nói rằng "bất tự sinh" của trời đất, kỳ thực chính là chỗ trời đất ích kỷ đến cùng cực. Trời ơi! Nếu "bất tự sinh" còn không được kể là biểu hiện của đại công vô tư, thì xem ra trên cõi đời này, giữa khoảng trời đất này, tuyệt nhiên chẳng có một cái đại công nào là thật cả.

Đến đây, nói về chuyện phân biệt công với tư, hãy thử xem thêm một học thuyết nổi tiếng khác trong tư tưởng học thuật Đạo gia, tức một quan niệm tương tự trong *Âm Phù Kinh*, chỉ có điều còn thâm sâu hơn cả lời Lão Tử. *Âm Phù Kinh* viết: **"thiên chi chí tư, dụng chi chí công"** (cái riêng tư đến cùng cực của trời, đem ra dùng lại là cái công đến cùng cực). Lý lẽ ấy chẳng khác gì nói đại công với đại tư vốn không hề có ranh giới rõ ràng. Ích kỷ đến tột cùng thì cái tư cực điểm ấy chính là cái công. Nói cách khác, vô tư đến tột cùng thì cũng chính là đại tư. Nhưng đại tư kiểu ấy, cũng có thể gọi luôn là đại công. Bởi vì lớn nhỏ, thô tinh, công tư, phải trái, suy cho đến cùng đều không có ranh giới hay chuẩn mực nhất định nào cả; mọi ranh giới, chuẩn mực ấy chẳng qua chỉ là do con người đặt ra mà thôi. Xét trên nền tảng lý luận, điều này hoàn toàn thông suốt được. Nhưng lý đã đến cùng cực thì tình cũng phai nhạt theo, nên dù thông suốt về lý, vẫn chưa thật ổn thỏa.

Nhìn sâu thêm một tầng nữa, thì dù là "bất tự sinh" của trời đất mà Lão Tử nói, hay "thiên chi chí tư, dụng chi chí công" của *Âm Phù Kinh*, nói tới nói lui, nói mãi cả buổi, rốt cuộc cũng chỉ là múa may trên cái thể và cái dụng của Đạo, tạm thời che mắt người ta mà thôi. Nếu diễn đạt theo một cách khác, có thể nói: trời đất sở dĩ dài lâu mà sinh trưởng muôn vật, trong con mắt người đời, nếu chỉ nhìn vào sinh mệnh của từng cá thể nhỏ bé, thì có sinh có tử, tưởng như là chuyện rất bất hạnh. Nhưng đứng từ chỗ trường tồn của trời đất mà nhìn, thì sinh sinh tử tử chẳng qua chỉ là những biến tướng trên bề mặt của muôn vật. Kỳ thực muôn vật với trời đất vốn dĩ là một khối sống trọn vẹn, cùng chung một thể; sống chết của muôn vật chỉ là hai đầu của cùng một hiện tượng bề mặt, còn cái công năng có thể sinh có thể chết của trời đất thì không hề mất đi theo những biến tướng sinh tử ấy. Nó vốn dĩ là một đại ngã trọn vẹn, không hình không tướng, sinh mà như chẳng sinh, cứ như tồn tại vĩnh hằng vậy. Chỉ đơn giản là thế.

Chính vì thế mà dẫn ra đoạn sau: bậc thánh nhân đắc Đạo biết bắt chước quy luật của trời đất để lập thân xử thế, bỏ đi cái ích kỷ do bản ngã và do con người tạo ra, đặt cái thân tâm giả tướng của mình ra sau cùng, xem thân tâm ấy như một vật bên ngoài, chẳng đáng để quá coi trọng cho riêng mình. Chỉ cần dốc hết sức mình, cố gắng làm những gì nghĩa lý đòi hỏi phải làm. Như vậy, tuy nhìn bề ngoài là đặt lợi ích của bản thân ra sau cùng, nhưng kỳ thực lại chính là luôn đi trước một bước, sáng chói suốt nghìn đời. Tưởng như là quên mình, chẳng đoái hoài đến bản thân, nhưng kỳ thực đó lại chính là cách sắp đặt tốt nhất để giữ mình còn mãi với thiên hạ. Cho nên kết luận mới nói "phi dĩ kỳ vô tư da", chẳng phải chính vì không tỏ ra ích kỷ đó sao, "cố năng thành kỳ tư", nên mới hoàn thành được cái riêng tư thật sự, trọn vẹn, cùng chung một thể ấy? Tất nhiên, chữ "tư" ở đây và cái đại tư kia, cũng có thể xem là một cách dùng từ trái nghĩa đầy hài hước, để phản chiếu ngược lại cái ý niệm đại công vô tư thật sự.

Hiểu được chỗ sâu xa của lẽ này rồi, ta hãy nhìn lại học thuyết Hoàng Lão của Đạo gia: trên lịch sử, nó luôn là dấu hiệu của thành công, thấy ở khắp mọi nơi. Nhất là khi dùng trong binh lược cầm quân hay chính lược trị nước, những câu danh ngôn như "thân xông lên trước ba quân", "vì việc chung mà quên việc riêng" đều trở thành phép tắc tối cao không gì lay chuyển nổi qua muôn đời. Nói đến đây, xin tạm nói một câu đùa mà lại là chân lý xưa nay không đổi: "nghìn năm văn chương chỉ là một cuộc ăn cắp lớn". Thuở nhỏ ai cũng từng đọc *Nhạc Dương Lâu ký* của Phạm Trọng Yêm, trong áng văn lớn ấy có câu danh ngôn lưu truyền: **"tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc"** (lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ). Về tài văn chương, Phạm tiên sinh quả xứng đáng không hổ thẹn. Nhưng chắc chắn ông đã mượn ý **"hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn"** (đặt thân mình ra sau mà thân mình được trước, đặt thân mình ra ngoài mà thân mình được tồn tại) của Lão Tử rồi triển khai rộng ra thêm mà thôi. Gọi là "nghìn năm văn chương một cuộc chép lại lớn" cũng được, gọi là "một cuộc ăn cắp lớn" cũng được, miễn là ăn cắp cho hay, cho khéo. Còn như người thời nay, chép nguyên xi của người khác mà không ghi rõ xuất xứ, lại còn lấy đó tự cho mình là cao tay, thì thật trái hẳn với đạo lý **"đạo diệc hữu đạo"** (trộm cũng có đạo của trộm), chẳng đáng để người sáng mắt bật cười, đành mặc họ tự làm ầm làm ĩ với nhau vậy. (Cười.)

Thượng Kinh · Chương 8

Thượng thiện nhược thủy.

Điều thiện tối cao giống như nước.

Thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng nhân chi sở ố, cố cơ ư đạo.

Nước khéo làm lợi cho vạn vật mà không tranh giành, ở chỗ mà mọi người ghét (chỗ thấp), cho nên gần với Đạo.

Cư thiện địa, tâm thiện uyên, dữ thiện nhân, ngôn thiện tín,

Ở thì chọn đất thấp, lòng thì chọn sự sâu thẳm, cho thì chọn điều nhân ái, lời thì chọn sự thành tín,

chính thiện trị, sự thiện năng, động thiện thời.

trị thì chọn sự ngay thẳng, việc thì chọn sự tài năng, động thì chọn đúng thời.

Phù duy bất tranh, cố vô vưu.

Chính vì không tranh giành, nên không có lỗi lầm.

Nghệ thuật sống như nước

Để nói rộng thêm cái diệu dụng tưởng như ích kỷ mà kỳ thực chẳng ích kỷ chút nào của Đạo gia, rồi khắc họa rõ thế nào mới đúng với chỗ dùng của **"hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn"** (đặt thân mình ra sau mà thân mình được trước, đặt thân mình ra ngoài mà thân mình được tồn tại), sách mới dẫn ra một đoạn triết lý sống đẹp như nước.

Mở đầu tiết này, trước hết nêu ra **"thượng thiện nhược thủy"** (điều thiện tối cao giống như nước) làm cương lĩnh. Một người nếu muốn bắt chước hạnh thiện vô tư của đạo tự nhiên, thì phải làm được như nước: trong cái cực nhu vẫn có cái cực cương, cực sạch, biết bao dung, biết rộng lớn, ấy mới là tấm lòng và độ lượng cần có.

Nước có cái đức nuôi dưỡng sự sống của muôn vật. Nó khiến muôn vật được nhờ lợi ích của mình, mà không hề tranh giành lợi ích với muôn vật. Như người xưa từng nói: **"đáo giang tống khách trạo, xuất nhạc nhuận dân điền"** (ra tới sông thì đưa thuyền tiễn khách, chảy qua núi thì tưới thấm ruộng dân). Việc gì có lợi cho người khác, hễ làm được là nó làm ngay, chẳng bao giờ từ chối. Nhưng nó lại chẳng bao giờ tranh chiếm vị trí cao, càng không giữ lấy những chỗ hiểm yếu then chốt. Người đời thường nói: "người ta thì trèo lên chỗ cao, còn nước thì chảy xuống chỗ thấp." Trong cõi người đầy bất công này, nước thà tự nguyện ở chỗ thấp, chứa hết mọi thứ dơ bẩn mà bao dung tất cả. Cho nên Lão Tử mới tả nó là **"xử chúng nhân chi sở ố, cố cơ ư đạo"** (ở nơi mà mọi người đều ghét, nên mới gần với Đạo), để làm nên cái đức lớn biết bao dung. Vì vậy người xưa còn lấy chuyện biển do nước tạo thành và núi do đất tạo thành mà viết nên một câu đối, làm chỉ dấu cho việc tu dưỡng đời người: **"thủy duy năng hạ phương thành hải, sơn bất căng cao tự cập thiên"** (nước chỉ vì biết ở thấp mới thành được biển; núi chẳng khoe cao mà vẫn tự vươn tới trời).

Nhưng trong đoạn văn này của *Lão Tử*, cần để ý chữ "cơ" trong "cơ ư đạo": không phải nói đức tính của nước đã hợp với Đạo rồi. Ông chỉ mượn một mặt thiện của nước, là không tranh giành với vật, để nói rằng tu dưỡng như thế là gần với Đạo mà thôi. Phật nói **"đại hải bất dung tử thi"** (biển lớn không chứa xác chết), ấy là để nói tính nước cực kỳ trong sạch: nhìn bề ngoài tuy có thể chứa dơ chứa bẩn, nhưng kỳ thực bản chất của nước vẫn trong veo sáng suốt, rốt cuộc vẫn cực sạch cực cứng cỏi, không hề bị vật bên ngoài làm cho ô nhiễm. Khổng Tử ngắm nước lại lấy chỗ nó trôi đi mãi, **"thệ giả như tư phu"** (trôi đi như thế này ư), để nói rằng tuy nước cứ mãi trôi qua không ngừng, nhưng vẫn

mang tinh thần **"bất xả trú dạ"** (ngày đêm chẳng nghỉ), dũng mãnh vượt qua mọi thời đại. Nếu lấy lời khen nước của các bậc thánh triết đại diện cho ba nhà Nho, Phật, Đạo mà xét, ta vừa thấy được ba tấm gương cổ: Nho gia thì tinh tấn để làm lợi cho sự sống, Đạo gia thì khiêm nhường ở thấp để dưỡng sinh, Phật gia thì thanh tịnh mà vô sinh. Ba tấm gương ấy đều có thể soi rọi, giúp ta tự hiểu rõ đời mình nên đi theo hướng nào. Tùy lúc, tùy chỗ đứng của mình mà biết cách dùng một trong ba tấm gương báu ấy để tự soi, tự biết, tự xử.

Nhưng trong chương này của *Lão Tử*, khi bàn về đạo nước, phép quán tưởng theo nước, ngoài việc đặc biệt nêu ra chỗ nước không tranh giành với vật, khiêm nhường tự đặt mình ở thấp, sách còn nhấn đi nhấn lại: hạnh của con người nếu làm được như nước, khéo tự xử mà cam lòng ở nơi thấp, ấy là **"cư thiện địa"** (ở thì chọn đất thấp); tâm cảnh tu dưỡng được như nước, biết chứa trăm sông mà sâu thẳm lặng lẽ, ấy là **"tâm thiện uyên"** (lòng thì chọn sự sâu thẳm); hạnh tu đến mức như nước biết giúp cho sự sống của muôn vật sinh sôi, ấy là **"dữ thiện nhân"** (cho thì chọn điều nhân ái); lời nói học được như con nước thủy triều, có quy luật, có tín nghĩa, ấy là **"ngôn thiện tín"** (lời thì chọn sự thành tín); lập thân xử thế làm được như nước, giữ cho bằng phẳng, ngay chính, ấy là **"chính thiện trị"** (trị thì chọn sự ngay thẳng); gánh vác công việc thì khéo léo tùy nghi như nước, biết phát huy đúng sở trường của mình, ấy là **"sự thiện năng"** (việc thì chọn sự tài năng); nắm bắt thời cơ, hành động đúng lúc, làm được như nước, cứ theo thế động mà động, theo cảnh tĩnh mà lắng xuống yên bình, ấy là **"động thiện thời"** (động thì chọn đúng thời); rồi phối hợp với nguyên tắc gốc rễ nhất là không tranh với vật, không tranh với đời, thì đó chính là mãi mãi không gặp lỗi lầm, an nhiên thuận theo mọi cảnh huống, cũng tựa như cái diệu dụng của đạo trời đất: tưởng như ích kỷ đến cùng cực mà lại sinh ra cái vô tư vậy.

Lão Tử đưa ra cả một loạt chuẩn mực lớn về cách sống làm người như thế; nếu muốn gom đủ hết vào một người thì phải trọn vẹn hoàn mỹ, thực sự quá khó. Ngoài Nghiêu, Thuấn được sử sách tôn vinh ra, hầu như khó tìm được một người hoàn hảo đủ cả. Nhưng chỉ cần có được một đức tính thôi, cũng đủ để làm gương sáng lưu truyền muôn thuở. Ta không thể kể hết mọi nhân vật xưa nay trong lịch sử, nhưng nhân đây cứ theo trí nhớ quen thuộc mà nói qua vài chuyện: từ việc Chu Thái Vương dời sang đất Bân, đến việc Chu Văn Vương dấy nghiệp chỉ từ trăm dặm đất; suốt cả đời mình, Lão Tử luôn tự đặt mình vào chức quan giữ kho sách nhỏ bé của nhà Chu; Ngô Thái Bá nhường ngôi tránh sang đất khác; Trương Tử Phòng tự xin được phong ở đất Lưu, tất cả những chuyện ấy đều là noi theo đạo lý **"cư thiện địa"** (ở thì chọn đất thấp). Ngoài ra cũng còn không ít bậc vua sáng tôi hiền, rộng lượng bao dung, làm gương cho **"tâm thiện uyên"** (lòng thì chọn sự sâu thẳm). Gia Cát Lượng ba lần được mời mới chịu ra núi, rốt cuộc **"cúc cung tận tụy, tử nhi hậu dĩ"** (dốc hết sức mình, đến chết mới thôi), có thể xem là khuôn mẫu của **"dữ thiện nhân, ngôn thiện tín"** (cho thì chọn điều nhân ái, lời thì chọn sự thành tín). Thời thịnh trị Văn-Cảnh đời Hán, thời chính sự Trinh Quán đời Đường, trên dưới vua tôi, nhìn chung đều mang tinh thần **"chính thiện trị, sự thiện năng, động thiện thời"** (trị thì chọn sự ngay thẳng, việc thì chọn sự tài năng, động thì chọn đúng thời). Chỉ vì chuyện tích trong lịch sử loài người quá nhiều, không thể kể hết trong chốc lát, nên xin tạm dừng ở đây. Ngoài ra, trong sử Đông Hán còn có một câu chuyện nổi tiếng về nước, đó là cuộc đối đáp giữa Thượng thư bộc xạ Trịnh Sùng với Hán Ai Đế, khi vua chất vấn ông về chuyện **"môn đình như thị"** (cửa nhà đông như họp chợ). Trịnh Sùng khi ấy lý thẳng khí hùng, đáp lại rằng: **"thần môn như thị, thần tâm như thủy"** (cửa nhà thần như chợ, nhưng lòng thần thì như nước). Câu ấy vì thế trở thành danh ngôn lưu truyền muôn thuở, thường được các bậc đại thần lấy đạo thẳng thắn thờ vua mà dẫn dùng. Đó quả thật là một câu nói hay tuyệt về nước. Nhưng đáng tiếc, "lòng thần như nước" của Trịnh Sùng, rốt cuộc ông vẫn khó tránh khỏi cái chết dưới tay hôn quân Ai Đế; nước hẳn cũng phải vì ông mà nghẹn ngào thương xót!

Thượng Kinh · Chương 9

Trì nhi doanh chi, bất như kỳ dĩ;

Cầm mà đổ đầy vào, không bằng dừng lại (khi vừa đủ);

thôi nhi duệ chi, bất khả trường bảo.

mài mà làm sắc bén, không thể giữ lâu dài.

Kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thủ;

Vàng ngọc đầy nhà, không ai có thể giữ được;

phú quý nhi kiêu, tự di kỳ cữu.

giàu sang mà kiêu ngạo, tự rước lấy tai họa.

Công toại thân thoái, thiên chi đạo.

Việc thành, thân lui, đó là đạo của trời.

Từ **"thượng thiện nhược thủy"** (điều thiện tối cao giống như nước) đến **"bất tranh cố vô vưu"** (chính vì không tranh giành nên không có lỗi lầm), là cái tam muội xử thế mà không tranh, được suy rộng ra để nói rõ quy luật tự nhiên của đạo trời, rồi đem vận dụng vào nghệ thuật triết lý sống ở đời. Vì thế chương này gồm một loạt câu cách ngôn của Lão Tử, mang dáng dấp như những bài "văn khuyên đời".

Trước hết, Lão Tử nói: "Trì nhi doanh chi, bất như kỳ dĩ." Có thể hiểu câu này theo hai tầng nghĩa:

(Một) Một người, nếu thật sự nhận ra được quy luật tự nhiên của đạo trời, thì sẽ thấy cuộc sống trời phú cho mình vốn đã đủ đầy. Biết khéo dùng cái chân thực vốn có của sự sống, thuận theo hoàn cảnh thực tế mà ứng xử, thì có thể sống ung dung dư dả, biết đủ mà vui. Nếu quên mất cái tốt đẹp vốn có của sự sống, ngược lại còn lợi dụng sự sung túc sẵn có ấy để mở rộng thêm dục vọng, mong cầu một sự thỏa mãn không bao giờ dứt, thì ắt sẽ chuốc lấy khổ quả vô cùng. Chẳng thà ít ham muốn, biết đủ, cứ thế mà an với thực tại, đó mới là cách giải thoát tự tại tốt nhất.

(Hai) Đây là lời răn cho người đời: nếu biết giữ được thành quả đã có, đó chính là hạnh phúc thiết thực và lớn nhất. Nếu còn có những ham muốn, mong cầu vượt quá phận mình, không an với thực tại, cứ muốn mở rộng thêm trên thành quả đã có, trong lúc đã thỏa mãn rồi còn tìm cầu thêm sự sung túc hơn nữa, thì rốt cuộc sẽ được chẳng bù mất, chi bằng cứ giữ vững cái đã có được mà thôi.

Tóm lại, chỗ trọng yếu của quan niệm này nằm ở bí quyết của một chữ **"trì"** (giữ). Có giữ được đầy mà vẫn yên ổn hay không, điều đó còn tùy vào cái trí của người trong cuộc. Nếu xét theo tầng nghĩa thứ hai, thì câu này của Lão Tử chính là lời vàng ngọc mà ông có cảm mà nói ra, nhắm vào các bậc chư hầu, quyền thần, đại phu đang tại vị thời bấy giờ.

Vì vậy mới có ba câu suy rộng thêm: **"thôi nhi duệ chi, bất khả trường bảo; kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thủ; phú quý nhi kiêu, tự di kỳ cữu"** (mài mà làm sắc bén, không thể giữ lâu; vàng ngọc đầy nhà, không ai giữ được; giàu sang mà kiêu, tự rước lấy họa).

"Thôi" (揣) là ví với vật gì đó lồi hẳn lên, rất nhọn sắc. **"Duệ"** (梲) vốn có nghĩa là cây cột phụ dựng thêm trên xà nhà. Dùng ở đây, suy rộng nghĩa ra, thì thông với chữ **"nhuệ"** (锐, sắc bén). Một người nếu đã nắm trong tay một món

binh khí sắc bén, mà vẫn chưa vừa lòng với hiện trạng, còn muốn mài thêm cho lưỡi đao thêm một tầng sắc nữa, đúng như câu tục ngữ "tên đã nhọn còn vót thêm cho nhọn", thì cái sắc bén vốn có ấy rất khó giữ được lâu. Đây là ví với việc con người, đối với sự thông minh, quyền thế, của cải..., đều phải biết thời biết lượng mà tự giữ tự chế. Nếu đã có sự thông tuệ mà không biết khiêm nhường bao dung, đã có quyền thế mà không biết lui về ẩn dật, đã có của cải mà không biết dừng đúng lúc, thì rốt cuộc cũng không giữ được lâu mà tự chuốc lấy diệt vong.

Ví như của cải đã đến mức vàng ngọc đầy nhà, nếu không thấu hiểu được cái triết lý sống "ba lần tụ ba lần tán" của Đào Chu công (tức Phạm Lãi), thì rốt cuộc, muốn giữ được cái lợi đã có cũng không giữ nổi. Người đời thường hay giễu cợt những kẻ giàu có đến một mức nào đó là "kẻ giữ của keo kiệt". Nhưng thực ra, có của mà giữ được, đâu phải chuyện dễ! Cái học vấn của chữ "giữ" lớn lắm thay! Vì vậy người xưa mới có những lời răn để đời như "gây dựng cơ nghiệp đã khó, giữ được cơ nghiệp lại càng không dễ", "làm vua đã khó, làm bề tôi lại càng không dễ".

Ở mức thấp hơn nữa, một người tuy đang ở trong cảnh vừa giàu vừa sang, nhưng lại không biết rằng chính cái giàu cái sang ấy đã là mầm mống chuốc lấy tai họa về sau. Nếu cậy giàu mà kiêu, ỷ sang mà ngạo, thì đó chính là tự mình làm khó mình, rốt cuộc sẽ tự rước lấy hậu quả xấu, hậu họa không dứt.

Nói đến đây, khiến ta liên tưởng đến rất nhiều câu chuyện lịch sử, có thể chứng minh ngược lại tính chân thực trong những lời hay ý đẹp này của Lão Tử. Nay chỉ xin tùy tiện nêu ra vài chuyện về các bậc đế vương, tướng tướng trong lịch sử, cùng một số tư liệu người thường biết đến, để gợi mở đôi chút.

Mặt trái của chuyện giàu sang khó giữ lâu

Trong kinh nghiệm lịch sử của chúng ta, những trang sử về việc các đời đế vương dựng nghiệp rồi lại mất nước, nếu chịu khó đọc kỹ, thì toàn là một chuỗi ghi chép về nhân quả báo ứng. Vì vậy, bậc vua giữ nghiệp phải **"sớm khuya lo lắng, gắng sức không ngừng"** (triêu cần tịch dịch), luôn răn mình sợ hãi, ghi nhớ đạo lý mà chương này của Lão Tử đã nói, mới có thể giữ vững cơ nghiệp lâu dài, ngồi yên trên giang sơn. Tề Hoàn Công, một trong Ngũ Bá thời Xuân Thu, từng có chỗ hoài nghi về lịch sử, bèn đem câu hỏi ra hỏi Quản Trọng:

"Xưa kia, cả ba vị vua ấy đều từng giết vua cũ mà đoạt ngôi, nay lại bàn chuyện nhân nghĩa, ắt phải lấy ba vị vua ấy làm phép tắc, chẳng hiểu vì cớ gì?"

Quản Trọng đáp: "Xưa kia, vua Vũ bình định thiên hạ, đến đời Kiệt thì thiên hạ loạn. Vua Thang đày Kiệt, ấy là để giữ vững công trạng của vua Vũ. Vua Thang bình định thiên hạ, đến đời Trụ thì thiên hạ lại loạn. Vũ Vương đánh Trụ, ấy là để giữ vững công trạng của vua Thang. Vả lại, người thiện đánh kẻ bất thiện, từ xưa đến nay, chưa từng có gì thay đổi. Chúa công còn nghi ngờ điều gì nữa!"

Tề Hoàn Công lại hỏi: "Các nước mất từ xưa, rốt cuộc là để mất vì đâu?"

Quản Trọng đáp: "Chỉ tính chuyện được đất đai của cải (chỉ nghĩ đến việc chiếm giữ đất nước và của báu hiện có), mà không tính đến chuyện mất (không nghĩ đến cái họa tất sẽ mất về sau). Đối với chư hầu thì chỉ tính chuyện thu được tiền của cống nạp (chỉ đòi các chư hầu các nơi nộp của cải hay dâng đất phong), mà không tính đến chuyện mất lòng (không nghĩ đến hậu quả sai lầm là để chư hầu các nơi oán giận, bất mãn). Đối với trăm họ thì chỉ tính chuyện thấy được sự thân phục bề ngoài (chỉ bằng lòng với cái vinh dự thần phục nhất thời trước mắt), mà không tính đến chuyện bị ruồng bỏ (không nghĩ rằng đó không phải sự vui lòng thật bụng, rồi sau này sẽ bị mọi người phản đối, vứt bỏ, kết cục thê thảm)."

"Chỉ cần phạm phải một trong ba điều ấy, đã đủ khiến nước suy yếu. Nếu mắc phải cả ba, thì ắt mất nước. Xưa nay, những kẻ làm sụp đổ quốc gia, làm mất xã tắc, chẳng phải cố ý làm như vậy. Chỉ vì có chút vui thích trước mắt, mà không hay biết mình đã sa vào điều ác."

Câu "chẳng phải cố ý làm như vậy, chỉ vì có chút vui thích trước mắt mà không hay mình đã sa vào điều ác" mà Quản Trọng nói ở đây, ý là chỉ thấy cái lợi nhỏ trước mắt, mà không tính đến cái hại lớn về sau. Đó cũng chính là điều Đổng Trọng Thư nói trong Xuân Thu phồn lộ: "trong hai trăm bốn mươi năm thời Xuân Thu, ba mươi sáu vua bị giết, năm mươi hai nước bị mất, đều là do những cái ác nhỏ nhặt không dứt mà thành". "Ác nhỏ" là chỉ những lỗi lầm vặt vãnh. Lỗi nhỏ mà không cẩn thận, rốt cuộc cũng chuốc lấy họa lớn, thậm chí mất nhà mất nước.

Các bậc đế vương nối nghiệp qua các đời, nếu không thấu hiểu sâu sắc cái triết lý Đạo gia truyền thống mà Lão Tử đã nói, thì đến cùng, sẽ có kết cục bi thảm giống như vị vua nhỏ mười ba tuổi cuối đời Lưu Tống là Tống Thuận Đế, hay như Minh Tư Tông, đến chết cũng không hiểu vì sao mình lại gặp phải cái nhân quả đau thương đến thế.

Những bi kịch trong lịch sử, cả trong nước lẫn ngoài nước

Nguyên nhân xa của cuộc Đại cách mạng Pháp, đã bắt đầu từ thế kỷ mười tám (khoảng giữa đời Khang Hy nhà Thanh), từ vị vua trung hưng anh minh của nước Pháp. Đó chính là vị vua nổi tiếng tự xưng là "Vua Mặt Trời", tức Louis XIV, ngoài việc dùng binh liên miên, còn thêm xa xỉ cùng cực, cho xây dựng cung điện Versailles nổi tiếng cùng nhiều nơi khác. Trong khoảng năm sáu mươi năm, ngôi vua truyền đến tay chắt là Louis XV, sau khi đã cực kỳ xa hoa rồi, vẫn không biết đến đạo lý **"trì nhi doanh chi, bất như kỳ dĩ"** (cầm mà đổ đầy vào, không bằng dừng lại khi vừa đủ), ngược lại còn quá đà thêm, **"thôi nhi duệ chi"** (mài mà làm sắc thêm). Vì thế đã để lại cho con cháu đời sau, tức Louis XVI, một khoản nợ quốc gia khổng lồ lên đến bốn tỷ. Cục diện như vậy, đương nhiên không thể giữ được lâu. Nhưng Louis XVI dù biết rõ nguy cơ, vẫn không hề có được cái khí phách cải cách mạnh tay dứt khoát, thậm chí còn muốn "tên đã nhọn còn vót thêm cho nhọn", rốt cuộc đi đến chỗ **"kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thủ; phú quý nhi kiêu, tự di kỳ cữu"** (vàng ngọc đầy nhà, không ai giữ được; giàu sang mà kiêu, tự rước lấy họa).

Cuộc sống trong cung đình của Louis XVI ở Versailles tiêu tốn tiền của quốc gia nhiều đến mức khiến người ta phải kinh ngạc. Mỗi khi có quân vương hay trọng thần nước ngoài đến thăm, Louis XVI đều nhất định phải mở tiệc lớn ở Versailles, một bữa tiệc như vậy động một cái đã tốn đến hàng chục triệu đồng vàng, đàn ca thâu đêm, vui chơi suốt sáng, đào kép, ca kỹ, vũ nữ ra vào cung cấm suốt ngày đêm không dứt, múa điệu vũ y, hát khúc nghê thường. Riêng rượu nho mà Versailles uống trong một năm đã lên đến bảy trăm chín mươi ngàn franc. Ngoài ra, chỉ riêng cá thịt cũng đã tốn tới ba triệu bốn trăm bảy mươi ngàn franc. Còn tiền nến thắp đèn cũng trên năm mươi ngàn franc. Còn về cung nữ, thái giám dùng trong hoàng cung, số lượng nhiều đến mức khó tin. Ví như đầu bếp trong ngự thiện phòng đã có tới hai trăm năm mươi chín người, mà lương năm của viên đầu bếp trưởng là tám mươi bốn ngàn franc. Các thư ký của nhà vua gần tới cả ngàn người, mỗi người lương năm hai trăm ngàn franc. Thị nữ của hoàng hậu cũng có tới năm trăm người, mỗi người lương năm ít nhất cũng mười hai ngàn franc. Tính chung, cung nữ và thị thần ở Versailles có tới một vạn sáu ngàn người, đó còn chưa kể đến giới quý tộc và triều thần bình thường. Ngựa dùng trong cung có tới tám ngàn chín trăm con, xe ngự dụng hơn hai trăm chiếc, cho nên mỗi khi Louis XVI xa giá tuần du, đoàn xa giá to lớn chẳng khác gì một cuộc tế lễ, vô số xe ngựa xếp thành một hàng dài như rắn, các đại thần đeo dây tía mang đai vàng, cung nữ ăn mặc lộng lẫy diễm lệ, cái khí thế xa hoa cùng cực ấy, thật chẳng khác nào cảnh tiên. Tính chung mỗi năm hoàng thất tiêu tốn tới ba mươi ba triệu franc, tương đương một phần năm tổng thu ngân khố quốc gia. Ngoài ra, còn có gần một vạn cấm vệ quân, mỗi năm cũng tốn trên ba triệu đồng. Còn hoàng hậu Marie Antoinette lại càng xa hoa vô độ hơn nữa. Chỉ riêng các loại vòng tay của bà đã có giá trị lên tới bảy tám triệu franc, còn các thứ trang sức

khác thì khỏi phải nói. Tổng số ấy đã tương đương với khoản chi ba mươi ba triệu franc mỗi năm của hoàng thất. Còn khoản bổng lộc hằng năm của giới quý tộc trong triều, thì còn chưa tính vào khoản chi ba mươi ba triệu franc ấy. Cung điện Versailles thời bấy giờ nằm ở ngoại ô Paris, bên trong có hai mươi chín khu vườn, bốn tòa vọng lâu, trong tháp có suối phun, có thác nước, bốn mùa hoa nở rộ, hưởng thụ vui chơi đến cùng cực.

Đáng tiếc là Louis XVI không thể **"giữ đầy mà yên ổn"** (trì doanh bảo thái), ngược lại còn khiến cuộc Đại cách mạng đến sớm hơn, khiến cả ông lẫn hoàng hậu Marie Antoinette đều lên đoạn đầu đài, để lại cho người đời sau bao lời than thở tưởng niệm, gửi gắm niềm thương cảm vô hạn. Có người đem việc hoàng hậu Marie Antoinette của Louis XVI góp phần thúc đẩy cục diện suy vong ấy so sánh với Từ Hi thái hậu cuối đời Thanh, tuy không hoàn toàn giống nhau, nhưng cả hai đều mắc phải cái lỗi **"thôi nhi duệ chi, bất khả trường bảo"** (mài mà làm sắc thêm, không thể giữ được lâu) như nhau. Thật ra, giàu sang dễ khiến người ta kiêu ngạo, đắc ý dễ khiến người ta quên mình, đó là căn bệnh tâm lý chung của loài người. Nhất là các bậc đế hậu, vương tôn trong lịch sử xưa nay, sinh ra và lớn lên trong cung cấm sâu kín, được nuôi dưỡng bởi tay thái giám cung nữ, thì làm sao hiểu hết được mọi lẽ của xã hội nhân gian. Vì vậy, trong lịch sử của chúng ta, mới thường có những tiếng than tự thương mình vì sinh ra làm con cháu nhà đế vương.

Khi Tiêu Đạo Thành ép vị hoàng đế cuối cùng nhà Lưu Tống, cậu bé mười ba tuổi Lưu Chuẩn, phải nhường ngôi, vị tiểu hoàng đế đáng thương ấy đã tự biết mình khó tránh khỏi cái chết, sợ hãi vô cùng, buột miệng hỏi viên đại thần đồng lõa với Tiêu Đạo Thành là Vương Kính Tắc: "Hôm nay có phải sẽ giết ta không?" Vương Kính Tắc đáp: "Xin đừng sợ, chỉ là dời sang cung khác ở thôi. Quan gia (cách gọi hoàng đế) ngày trước cũng lấy ngôi nhà Tư Mã theo cách này thôi mà." Lưu Chuẩn vừa khóc vừa nói: "Nguyện đời đời kiếp sau, đừng bao giờ còn sinh vào nhà đế vương nữa!"

Chuyện tương tự cũng xảy ra vào thời Minh Tư Tông (Sùng Trinh). Khi Lý Sấm Vương dẫn quân đánh vào cung, Tư Tông đã vung kiếm chém con gái mình là Trường Bình công chúa, than rằng: "Con vì cớ gì mà sinh vào nhà ta!"

Từ đó, càng thấy rõ vì sao các bậc ẩn sĩ, cao sĩ các đời thấu hiểu sâu sắc triết lý Đạo gia truyền thống lại coi thường ngôi vị đế vương mà không chịu ra làm, chỉ sợ giàu sang ập đến bức bách mình, nên mới có cái ý nghĩ "lánh đời chỉ sợ chưa sớm, vào núi chỉ sợ chưa sâu".

Những điển tích về kinh nghiệm nhân sinh của các danh nhân lịch sử trước cảnh giàu sang nghèo hèn, nhiều đến mức không kể hết được. Nay ta hãy tạm trích vài bài thơ văn nói ngược lại vấn đề, để gợi cho người đọc suy ngẫm sâu xa.

Chỉ cần ngẫm kỹ vài bài thơ của các danh nhân thời Nam Bắc triều thứ hai trong lịch sử Trung Hoa, tức thời Tống, Liêu, Kim, Nguyên, là có thể hiểu được cái ý nghĩa sâu xa về triết lý nhân sinh trong chương này của Lão Tử. Có thể có người sẽ bảo những tác phẩm ấy không khỏi quá bi quan, trầm thấp. Nhưng đời người tất phải trải qua bi thương, mới có thể khơi dậy được cái dũng khí để dựng xây. Đó cũng chính là điều mà nhà sử học kiêm đại văn hào đời Thanh là Triệu Dực đã nói trong bài *Đề Nguyên Di Sơn thi tập*:

Thân duyệt hưng vong hạo kiếp không, lưỡng triều văn hiến nhất suy ông.

Thân từng chứng kiến hưng vong, cuộc kiếp lớn hóa thành không, một ông già suy tàn còn lại của văn hiến hai triều.

Vô quan vị hại xan Chu túc, hữu sử thâm sầu thất Sở cung.

Không làm quan nên chẳng ngại chuyện ăn thóc nhà Chu, có chép sử nên mãi u sầu vì để mất cây cung nước Sở.

Hành điện u lan bi dạ hỏa, cố đô kiều mộc khấp thu phong.

Ở hành cung, hoa lan nơi vắng vẻ đau xót trước lửa đêm; nơi cố đô, cây cao rợp bóng khóc trong gió thu.

Quốc gia bất hạnh thi gia hạnh, phú đáo thương tang cú tiện công.

Nước nhà bất hạnh thì nhà thơ lại may, thơ phú viết đến cảnh bể dâu thì câu chữ mới hay.

Sau đây là những tác phẩm văn nghệ mang tính triết lý của ba triều Liêu, Kim, Nguyên, phản ánh đúng cái ý **"kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thủ; phú quý nhi kiêu, tự di kỳ cữu"** (vàng ngọc đầy nhà, không ai giữ được; giàu sang mà kiêu, tự rước lấy họa).

Đời Liêu, bài *Kỹ giả ca* (bài ca người diễn trò):

Bách xích can đầu vọng cửu châu, tiền nhân điền thổ hậu nhân thu.

Đứng trên đầu sào trăm thước nhìn khắp chín châu, ruộng đất người trước để lại, người sau lại thu về.

Hậu nhân thu đắc hưu hoan hỷ, cánh hữu thu nhân tại hậu đầu.

Người sau thu được chớ vội mừng, còn có kẻ thu người khác đứng sau lưng mình nữa.

Chuyện đời người, quả đúng là như vậy. Nhưng biết vậy mà người đời vẫn không cách nào giải thoát được!

Đời Kim, Nguyên Di Sơn, bài *Đêm thu*:

Cửu tử dư sinh khí tức tồn, tiêu điều môn hạng tự hoang thôn.

Chín phần chết một phần sống còn giữ được hơi tàn, ngõ cửa tiêu điều như thôn xóm hoang phế.

Xuân lôi mạn thuyết kinh phôi hộ, hạo nhật hà tằng nhập phúc bồn.

Sấm xuân có nói cũng chỉ làm kinh động nhà đóng cửa, mặt trời sáng chưa từng rọi được vào chậu úp.

Tế thủy hữu tình thiêm biệt lệ, Ngô vân vô mộng ký quy hồn.

Sông Tế có tình còn thêm dòng lệ biệt ly, mây đất Ngô không mộng, biết gửi hồn về đâu.

Bách niên thế sự kiêm thân sự, tôn tửu hà nhân dữ tế luân.

Chuyện đời trăm năm cùng với chuyện riêng mình, chén rượu này biết cùng ai bàn cho tường tận.

Câu "chuyện đời trăm năm cùng với chuyện riêng mình", đến cùng, ai cũng khó tránh khỏi cảm nhận này. Dù là ở thời thái bình hay thời loạn lạc, đại để đều như vậy cả. Chỉ tiếc là cái nhìn triết lý của Nguyên Di Sơn, người từng tự thân trải qua hưng vong thành bại, lại là niềm cảm khái "chén rượu này biết cùng ai bàn cho tường tận". Có lẽ chỉ khi cùng Lão Tử rót rượu nhâm nhi, đối ẩm một chén, mới có thể bật cười sảng khoái được.

Đời Nguyên, Lưu Tòng Ích, bài *Đề thơ Nhàn Nhàn công mộng quy*:

Học đạo kỷ nhân tri đạo vị, mưu sinh để vật thị sinh nhai.

Học đạo, mấy ai biết được mùi vị của đạo; lo chuyện mưu sinh, rốt cuộc vật gì mới là kế sinh nhai.

Trang Chu chẩm thượng phi chân điệp, Lạc Quảng bôi trung diệc giả xà.

Trên gối Trang Chu, bướm kia nào phải bướm thật; trong chén Nhạc Quảng, rắn kia cũng chỉ là rắn giả.

Thân hậu công danh bán trương chỉ, dạ lai cổ xuý nhất trì oa.

Công danh sau khi chết chỉ còn nửa trang giấy, đêm về tiếng trống nhạc chẳng khác gì một ao ếch kêu.

Mộng gian thuyết mộng trùng trùng mộng, gia ngoại vong gia xứ xứ gia.

Trong mộng lại nói chuyện mộng, hết lớp mộng này đến lớp mộng khác; ngoài nhà quên mất nhà, đi đâu cũng là nhà.

Câu "học đạo, mấy ai biết được mùi vị của đạo" có thể coi như một lời tổng kết cho những người đời đọc Lão Tử. Câu "lo chuyện mưu sinh, rốt cuộc vật gì mới là kế sinh nhai" thì ai đến cùng cũng như ai cả. Nếu đã hiểu rõ được "trong mộng lại nói chuyện mộng, hết lớp mộng này đến lớp mộng khác, ngoài nhà quên mất nhà, đi đâu cũng là nhà", thì cần gì phải vào núi tu đạo rồi mới có thể giải thoát tự tại?

Đời Nguyên, Mật Lan Sa, bài *Cầu tiên*:

Đao bút tương tòng tứ thập niên, phi phi thị thị vạn thiên thiên.

Theo nghề đao bút (làm quan văn thư) đã bốn mươi năm, chuyện phải chuyện trái nghìn vạn điều.

Nhất gia phú quý thiên gia oán, bán thế công danh bách thế khiên.

Một nhà giàu sang thì ngàn nhà oán hận, nửa đời công danh để lại tội lỗi cho trăm đời.

Nha hốt tử bào kim dĩ hĩ, mang hài trúc trượng nhậm du nhiên.

Hốt ngà áo tía nay đã xong rồi, giày cỏ gậy trúc mặc sức thong dong.

Hữu nhân vấn ngã Bồng Lai sự, vân tại thanh sơn thủy tại thiên.

Có người hỏi ta chuyện non Bồng, (ta đáp) mây ở núi xanh, nước ở trên trời.

"Một nhà giàu sang thì ngàn nhà oán hận, nửa đời công danh để lại tội lỗi cho trăm đời", quả thật đã nhìn thấu tình đời thế thái xưa nay, trong và ngoài nước. Chính vì vậy, muốn giữ lâu dài cảnh giàu sang "vàng ngọc đầy nhà", tất phải hiểu sâu cái sai lầm của **"thôi nhi duệ chi"** (mài mà làm sắc thêm), cũng như cái đáng sợ của **"phú quý nhi kiêu, tự di kỳ cữu"** (giàu sang mà kiêu, tự rước lấy họa), tự chuốc lấy diệt vong nhanh chóng.

Giữa lúc tiến lui, còn mất

"Sùng cao tất trí đọa lạc, tích tụ tất hữu tiêu tán, duyên hội chung tu biệt ly, hữu mệnh hàm quy ư tử" (Cao sang ắt dẫn đến sa đọa, tích góp ắt sẽ có lúc tiêu tán, có duyên gặp gỡ rồi cũng phải chia lìa, có mạng sống rồi ai cũng về với cái chết), đây là câu danh ngôn của Phật học, nhìn thấu lẽ vô thường tụ tán của việc đời, đồng thời cũng là quan điểm căn bản của tư tưởng xuất thế. Nhưng với triết học Đạo gia mà Lão Tử đại diện, vừa có thể xuất thế, vừa có thể nhập thế, ông lại có một phương thuốc bất tử là **"tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân"** (bẻ gãy sự sắc bén, gỡ rối sự rối ren), giữ mãi được cái "tan mà chưa hết" qua bảy chữ chân ngôn: **"công toại, thân thoái, thiên chi đạo"** (việc thành, thân lui, đó là đạo của trời). Trong đó nếu bớt đi một chữ "chi" là trợ từ, thì thực ra chỉ còn sáu chữ chân ngôn. Nhưng về sau, nhiều nhà văn học cảm thấy ý tứ chưa nói hết, lại chen thêm hai chữ thành một câu, biến thành chín chữ chân ngôn: **"công thành, danh toại, thân thoái, thiên chi đạo"** (công thành danh toại, thân rút lui, đó là đạo của trời). Bảy chữ chân ngôn cũng được, chín chữ chân ngôn cũng được, nói thế nào thì nói, nghe qua vẫn rất phóng khoáng, nhưng trong quan niệm thông thường, người ta vẫn cảm thấy nó mang ý vị tiêu trầm, thấp thỏm quá nặng. Kỳ thực, mọi người chỉ vì quên quan sát cái "đạo trời" trong tự nhiên, nên mới thấy nó trầm thấp như vậy. Nếu xét kỹ đạo trời: mặt trời mặt trăng đi qua bầu trời, ngày ra đêm lặn, đêm đến ngày mất, lạnh đến rồi nóng qua, thu đi rồi đông tới, tất cả đều là hiện tượng rất tự nhiên của việc "công toại, thân thoái". Trong thế giới thực vật, như cỏ cây hoa quả, đều lặng lẽ không lời hoàn thành xong nhiệm vụ sinh mệnh của mình, rồi lại lặng lẽ tan biến đi, không để lại dấu vết. Trong thế giới động vật, sự sống sinh sôi không dứt, đời này thay đời khác, có ai lại không tự nhiên mà rút lui khỏi hàng ngũ sự sống đâu!

Nếu nói có, thì chỉ có cái tâm của con người là không chịu chết, không chịu buông, mãi muốn nắm giữ cái vốn không thể nắm giữ được, mãi muốn chiếm hữu vĩnh viễn cái vốn không thể chiếm hữu vĩnh viễn được. Vọng tưởng trái với tự nhiên, thật đáng buồn thay!

Còn như những lời hay ý đẹp này của Lão Tử, rốt cuộc là nói thẳng về triết học tự nhiên, về quy luật bất biến của đạo trời? Hay là ông có cảm mà nói ra, nhắm vào tình thế đương thời ông đang sống, để cảnh tỉnh người đời? Điều này dường như không cần phải tranh cãi. Nhưng nếu nhìn từ quan điểm chung của nền văn hóa lịch sử thượng cổ nước ta, vốn Nho và Đạo chưa hề tách rời nhau, thì Khổng Tử, Mạnh Tử cùng các học phái khác đều động một chút là nhắc đến các bậc tiên vương, cũng đều hết sức đề cao việc làm của vua Nghiêu vua Thuấn. Đạo của Nghiêu Thuấn sở dĩ đáng ca ngợi, chính là ở chỗ đó là tấm gương tốt nhất của **"công toại, thân thoái, thiên chi đạo"** (việc thành, thân lui, đó là đạo của trời). Còn về sau đời Tam Đại, khi thiên hạ đã thành cơ nghiệp riêng của một nhà, những trò nhường ngôi nhường nước, muốn tỏ ra một chút "công toại thân thoái", tự xưng làm Thái thượng hoàng, thì hầu như chẳng có trường hợp nào xuất phát từ lòng thành thật, cũng chẳng có trường hợp nào có được kết cục tốt đẹp. Kế đến, như việc Bắc Ngụy Văn Đế thoái vị xuất gia, hay chuyện tương truyền vua Thuận Trị đầu đời Thanh vào Ngũ Đài Sơn xuống tóc đi tu, đều là có tâm sự riêng khác, hoàn toàn không phải cái tình cảm "công toại thân thoái" thật sự.

Kiểu người biết lui đúng lúc, giữa cơn thịnh vượng

Ở mức thấp hơn một bậc, từ sau đời Tần Hán, nhìn vào cách hành xử phong cách của những nhân vật lừng lẫy trong lịch sử, chọn ra những người có phần gần gũi với Đạo gia, như Trương Lương và Gia Cát Lượng đời Hán, vốn trong lòng đều muốn **"công toại, thân thoái"** (việc thành, thân lui), nhưng đáng tiếc là cảnh ngộ của họ vẫn không thể như ý muốn. Trương Lương tuy không chịu nhận công, chỉ khiêm nhường xin được phong đất **"Lưu"** (留) mà thành "Lưu hầu", nhưng lại không được tự do như ý, không thể thêm ba chấm thủy để hóa chữ 留 (lưu) thành chữ 溜 (lưu, nghĩa là tuồn đi mất) mà trốn biệt được, dù đã có cái phận nửa tiên dứt hẳn khói lửa trần gian, rốt cuộc vẫn không tránh khỏi bị Lã hậu đầu độc trong ăn uống mà mất. Thà như vậy, chẳng bằng Gia Cát Vũ hầu với tinh thần **"cúc cung tận tụy, tử nhi hậu dĩ"** (cúi mình hết sức, đến chết mới thôi), lập nên công lao tuyệt đời, còn đáng giá hơn.

Có lẽ chính từ bài học kinh nghiệm lịch sử ấy, mà những nhân vật Đạo gia về sau lại càng thêm cẩn trọng trong cách hành xử, như Bão Phác Tử, tức Cát Hồng đời Đông Tấn, hay Đào Hoằng Cảnh vào lúc giao thời Tề Lương Nam triều. Cát Hồng đã sớm rút lui, tự xin ra làm chức lệnh ở Câu Lậu, lấy con đường làm quan để mà ẩn dật, âm thầm tu luyện cái tiên đạo mà ông theo đuổi cho đến hết đời. Còn Đào Hoằng Cảnh thì sớm treo mũ từ quan ở cửa Thần Vũ, sống ung dung tự tại, tạo nên cục diện "tể tướng trong núi", viết sách *Chân cáo* trong cõi động thiên của mình, tự tại trong cõi tinh thần riêng mà xong việc đời.

Đến thời giao thời Tùy Đường, Văn Trung Tử với học vấn thông suốt cả ba nhà Nho, Phật, Đạo, giảng học ở vùng Hà Phần, đào tạo nên một lớp nhân tài văn võ song toàn cho thời thịnh trị đầu đời Đường khai quốc, lập nên công đức to lớn trong văn hóa nhân văn, nhưng rốt cuộc tên tuổi lại chìm khuất không hiển lộ, khiến người đời sau phải nhiều bề khảo cứu. Đó chính là bậc kỳ nhân hiếm có của một thời, lui về đứng sau hậu trường, tuy không có công trạng hiển hách, nhưng lại thật sự hợp với đạo lý thân lui.

Còn như đầu đời Tống, Trần Đoàn ẩn cư ở Hoa Sơn, đã hoàn toàn bước vào hàng ngũ thần tiên Đạo gia, nên xin bàn riêng ra ngoài. Hàn Thế Trung cuối đời Nam Tống, biết thời cơ mà lui sớm, cưỡi lừa dạo trên mặt hồ, ngạo nghễ giữa non xanh, có thể coi là hành động sáng suốt, thật hiếm có đáng quý. Thành Ý bá Lưu Cơ đầu đời Minh, với dáng

dấp vừa Nho vừa Đạo mà ra núi giúp đời, phò tá Chu Nguyên Chương lập nên nghiệp đế vương, nhưng rốt cuộc vẫn không tránh khỏi bị đầu độc mà chết.

Ngoài ra, còn có những vị cao tăng nhà Phật xuất gia rồi lại trở về với đời sống thế tục, mà vẫn thành công lưu danh trong sử sách, như Lưu Bỉnh Trung đầu đời Nguyên, hay Thiếu sư Diêu Quảng Hiếu thời Vĩnh Lạc đời Minh, có thể coi là đã thật sự làm được "công toại thân thoái". Ngoài ra như thiền sư Tông Lặc, vị cao tăng giúp Chu Nguyên Chương chuyên trách việc ngoại giao chính trị với vùng Tây Phiên, dù về đạo nghiệp học vấn hay về công trạng đều là bậc nhất lưu, nhưng vẫn không thể "công toại thân thoái" được, mà viên tịch ngay tại nhiệm sở vùng Tây Phiên. Từ đó có thể thấy, dù là bậc cao minh đến đâu, suốt đời mà thật sự làm trọn được "công toại, thân thoái, thiên chi đạo" quả thật không dễ! Chẳng lẽ cái "dây cương danh, xích khóa lợi" thật sự bền chắc không thể phá vỡ được hay sao?

Nhưng nếu nhìn từ quan điểm tư tưởng Nho gia từ đời Đường Tống về sau, đối với câu danh ngôn này của Lão Tử, tuy không có chỗ nào để chê trách, nhưng chỉ là đổi cách diễn đạt câu chữ, biến thành cái đức "khiêm nhường" hay "khiêm quang" (đức khiêm nhường mà rạng rỡ) mà thôi. Kỳ thực, các nhà Nho đời sau trong lòng vẫn chưa cam, không dám hoàn toàn tán đồng quan niệm của Lão Tử, nhất là phản đối thuyết tu tiên thành Phật, nên chỉ xoay chuyển cái vẻ ngoài của câu chữ mà thôi. Tư tưởng này, tác phẩm tiêu biểu thú vị nhất, không gì bằng bài thơ của một người đời Thanh, mượn đề tài để bàn rộng, vịnh Lã Thuần Dương:

Thập niên thác bút tẩu Thần Kinh, nhất ngộ Chung Ly cải tiện khuynh.
Mười năm mang bút túi rong ruổi chốn kinh đô, vừa gặp Chung Ly Quyền là ngả lòng ngay.

Bất thị vô tâm Đường xã tắc, kim đan nhất lạp ngộ tiên sinh.
Chẳng phải là ông không có lòng với xã tắc nhà Đường, chỉ vì một viên kim đan mà lỡ dở đời tiên sinh.

Vậy trong lịch sử, có nhân vật điển hình nào vừa mang phong cách trung dung giữa Đạo gia và Nho gia, vừa làm được "công toại thân thoái", vừa nhập thế lại vừa tựa như xuất thế hay không? Tôi cho rằng, dưới ảnh hưởng của phong trào thanh đàm huyền học đời Lưỡng Tấn, trong khoảng thời Nam Bắc triều, có không ít bậc phong lưu nhân vật. Người có phong cách tiêu biểu nhất, phải kể đến danh thần Vi Duệ của Lương Vũ Đế. Ông vừa giỏi việc chính sự, vừa giỏi dụng binh tác chiến, có cái phong thái khăn lượt quạt lông, chỉ huy ung dung điềm tĩnh như Gia Cát Lượng, lại có cái cảnh giới **"thượng thiện nhược thủy"** (điều thiện tối cao giống như nước), **"công thành bất cư"** (làm nên công mà không chiếm giữ). Nếu gặp được Lão Tử, có lẽ Lão Tử cũng sẵn lòng nhận ông làm học trò, so với viên quan giữ ải Hàm Cốc là Quan Doãn Tử, cũng chẳng hề kém cạnh. Đáng tiếc là cả thời Nam Bắc triều này, trong lịch sử không mấy nổi bật, nên các nhân vật thời Nam Bắc triều cũng đều bị người đời quên lãng, vùi lấp.

Vi Duệ, tự Hoài Văn, người đất Đỗ Lăng, Kinh Triệu. Ông là hậu duệ của Thừa tướng Vi Hiền nhà Hán, xuất thân từ dòng dõi thế gia danh môn. Từ nhỏ đã được thái thú quận là Tổ Chinh xem trọng, cho là bậc tài có thể "gánh vác việc nước, lập nên công trạng". Vào lúc Nam Tề rối loạn, ông xét đoán nhân vật, cho rằng Lương Vũ Đế Tiêu Diễn còn có thể coi là bậc tài kinh bang tế thế, bèn quyết chí theo phò tá. Ông lần lượt được thăng làm Thái tử hữu vệ suất, ra làm Phụ quốc tướng quân, Dự Châu thứ sử, kiêm Lịch Dương thái thú, sau lại được điều đi Hợp Phì, nhờ công trạng mà được phong tước hầu.

Lương Vũ Đế quyết chí Bắc phạt, nước Ngụy sai Trung Sơn vương Nguyên Anh làm Chinh Nam tướng quân, dẫn quân xuống nam để chống cự. Vi Duệ vâng lệnh thống lĩnh quân đội Bắc phạt, nhiều lần lập được kỳ công. Ông vốn thể chất yếu ớt hay bệnh, tuy ra trận tiền tác chiến cũng chưa từng cưỡi ngựa, chỉ ngồi trên chiếc kiệu gỗ mộc trắng, tay cầm cây như ý trắng, đốc thúc khích lệ tướng sĩ, dũng khí không ai địch nổi. Ông thường ngày cùng chia sẻ ngọt

bùi với binh lính, hết sức yêu thương chăm lo cho thuộc hạ, lệnh ban ra ắt được thi hành, đánh trận không trận nào không thắng. Trong quân Ngụy có câu đồng dao truyền nhau: "Chẳng sợ nàng Tiêu với mụ Lã, chỉ sợ Hợp Phì có Vi Hổ", sợ ông vô cùng.

Khi tình hình quân sự nơi tiền tuyến trở nên nguy cấp, Lương Vũ Đế phái viên tâm phúc là Tào Cảnh Tông đến hội quân cùng Vi Duệ, đồng thời đặc biệt dặn dò Cảnh Tông: "Vi Duệ là bậc được người trong làng kính trọng, ngươi nên đối đãi cung kính với ông ấy." Vì vậy Cảnh Tông gặp Vi Duệ đều giữ lễ rất mực cẩn trọng. Nhưng mỗi khi thắng trận, Cảnh Tông cùng các tướng lĩnh khác đều tranh nhau báo công trước, chỉ riêng Vi Duệ luôn chậm rãi báo cáo sau, không muốn tranh công. Có một lần, trong bữa tiệc mừng công chiến thắng, Vi Duệ ngồi cùng chiếu với Cảnh Tông, rượu ngà hứng khởi, mọi người bèn đề nghị đánh bạc mua vui, hẹn đặt cược hai mươi vạn. Cảnh Tông vừa gieo súc sắc đã thua ngay, Vi Duệ vội lật ngược con súc sắc lại, biến thành Cảnh Tông thắng, còn tự mình luôn miệng nói: "Lạ thật! Lạ thật!"

Kỳ thực, vào buổi đầu khai sáng triều Tiêu Lương, trong hàng ngũ thần liêu tướng tá, không ai vượt qua được Vi Duệ. Lương Vũ Đế biết rõ tài năng của ông, nhưng lại chưa bao giờ giao cho ông làm thống soái, ngược lại còn dùng một người trong tôn thất chẳng có tài lược gì lớn là Lâm Xuyên vương Tiêu Hoành làm nguyên soái, lại còn phái Tào Cảnh Tông cùng sát cánh tác chiến với ông, mọi bề đều có lòng dè chừng đối với ông. May mà Vi Duệ tự biết việc ẩn thân giữ mình an toàn giữa đời loạn, lui về rừng núi ẩn dật, không phải là thượng sách, nên ông chỉ có cách hành xử theo đạo tự xử như vậy: không tham danh lợi, không tranh công lao, mà lại còn ngay lúc công thành, hết sức khiêm nhường lui bước, để tránh bị nghi kỵ. Vì thế ông sống đến bảy mươi chín tuổi mới mất, di chúc chỉ mặc thường phục, tang lễ đơn giản mà thôi. Rốt cuộc, đến lúc ông mất, cũng cảm động được Lương Vũ Đế đích thân đến khóc thương, kết thúc trọn vẹn vở kịch nổi tiếng về một đời giữ mình an toàn giữa loạn thế, làm được "công toại thân thoái, thiên chi đạo" của ông.

Có phần khác với hành trạng của Vi Duệ, là công thần của Lương Nguyên Đế Tiêu Dịch, tức Kinh Sơn cư sĩ Lục Pháp Hòa. Ông sớm biết Hầu Cảnh ắt sẽ làm phản, nhưng không ai tin lời ông. Đến khi Hầu Cảnh phái quân tấn công Tương Đông, ông tự xin thống lĩnh quân để giải nguy cho Tương Đông, được phong làm Dĩnh Châu thứ sử. Sau đó ông lại đề nghị với Nguyên Đế kế sách đại cử bình định nước Ngụy, nhưng không được dùng, bèn tự nói: "Ta chưa từng mong được sinh nơi cõi trời Đế Thích, Phạm Thiên, thì lẽ nào lại dòm ngó ngôi vị của bậc nhân vương! Chỉ vì với đức Phật Không Vương, ta có nhân duyên với nhà vua, nếu không được dùng thì biết làm sao với cái nghiệp này!" Đến khi Nguyên Đế thất bại, Tề Tuyên Đế phong ông làm Thái úy, ban cho phủ đệ hạng nhất. Ông chỉ xin đem phủ đệ ấy làm chùa Phật, suốt ngày đốt hương ngồi tĩnh tọa trong căn phòng riêng, chờ đợi ngày mình sẽ mất. Đến kỳ hạn, quả nhiên ông ngồi mà hóa, thi thể co rút lại chỉ còn ba thước, nhỏ như một đứa trẻ sơ sinh. Đây cũng là một ví dụ khác thường của đạo lý "công toại thân thoái", khá đáng để người đời suy ngẫm.

Phụ lục: đây là tư liệu xen kẽ mà thầy Hoài Sư (Nam Hoài Cẩn) dùng khi giảng về "công toại thân thoái, thiên chi đạo", quý mà không nỡ bỏ, nên đặc biệt lưu lại đây.

Độc Am lão nhân, tức Thiếu sư Diêu (Quảng Hiếu), bài kệ *Tự đề tượng tán*:

Khán phá ba tiêu trụ trượng tử, đẳng nhàn triệt cốt lộ phong lưu.
Nhìn thấu cây gậy chống làm bằng thân chuối, nhàn nhã thấu xương mà lộ vẻ phong lưu.

Hữu thời dao động quy mao phất, trực đắc hư không tiếu điểm đầu.

Có lúc phất phơ cây phất trần lông rùa (vật vốn không có thật), khiến đến cả hư không cũng phải cười mà gật đầu.

Nhà thờ chân dung Thiếu sư Diêu ở Ứng Niết có bài kệ *Tự đề* (theo *Minh thi kỷ sự*):

Ký Bắc Giang Nam sự dĩ phi, thiền cơ vị liễu thuyết nhung cơ.

Việc ở Ký Bắc, Giang Nam nay đã đổi khác, cơ thiền chưa dứt lại còn bàn đến việc binh.

Chỉ văn trí giả sư Hoàng Thạch, tằng kiến công thần trước nạp y.

Chỉ nghe nói bậc trí giả từng thờ Hoàng Thạch công làm thầy, lại từng thấy công thần khoác áo cà sa.

Sam thúy thấp không xuân dục lão, thế trần ngưng tịch khách lai hy.

Áo biếc thấm sương giữa trời không, xuân sắp tàn; bụi phủ chiếu ngồi lặng, khách đến thưa dần.

Nhất tham kệ ngữ đê hồi cửu, táp táp linh phong động tố vĩ.

Một phen tham cứu lời kệ, ngẫm ngợi hồi lâu, gió thiêng vi vút lay động dải lụa trắng.

Đời Minh, Đại sư Thương Tuyết, bốn bài thơ:

(Bài một)

Hạc mã di tung tự đạo lâm, tương truyền dã lão thượng kham tầm.

Dấu tích hạc và ngựa để lại tự nơi rừng đạo, tương truyền lão già nơi đồng nội vẫn còn có thể tìm ra.

Hoa khai bất trạch bần gia địa, điểu túc thiên đầu giai thụ âm.

Hoa nở chẳng kén chọn đất nhà nghèo, chim đậu lại thích nghiêng về bóng cây tốt.

Khí thế cửu biền tùy thế viễn, nhập sơn duy khủng vị sơn thâm.

Bỏ đời đã lâu, quyết cùng đời xa cách, vào núi chỉ sợ núi chưa đủ sâu.

Mệnh căn đoạn xứ danh căn đoạn, thập tải ưng nan phụ thốn tâm.

Nơi gốc mệnh dứt cũng là nơi gốc danh dứt, mười năm ròng hẳn khó phụ tấc lòng.

(Bài hai)

Sơn thâm mi lộc hảo vi quần, thủy thảo phong nhiêu cách thế phân.

Núi sâu, hươu nai thích hợp thành bầy, cỏ nước tươi tốt cách biệt hẳn bụi trần thế.

Khiên độc ẩm lưu hiềm ô khẩu, nhượng vương tẩy nhĩ quái lai văn.

Dắt nghé uống dòng nước còn hiềm bẩn miệng, vua nhường ngôi mà rửa tai vì lạ tai khi nghe.

Hồng phi dị viễn đào la võng, thủy thảo nan cầu thoát phủ cân.

Chim hồng bay xa dễ thoát khỏi lưới giăng, cỏ nước khó tìm mà thoát được lưỡi rìu.

Bất thị tuyệt nhân hà thái thậm, nhân tình cánh bạc thị thu vân.

Chẳng phải tuyệt tình với người, sao lại đến mức ấy, chỉ vì tình người còn bạc hơn cả mây thu.

(Bài ba)

Thất phu hữu chí thực kham tòng, nan đoạt tam quân khí sở chung.

Kẻ thất phu có chí, thực đáng để noi theo, khí tiết ấy dẫu ba quân cũng khó cướp đoạt.

Thánh đại Đường Ngu như tại thượng, ẩn luân Sào Hứa diệc tương dung.

Đời thánh như Đường Nghiêu Ngu Thuấn tựa như vẫn còn ở trên, thì kẻ ẩn dật như Sào Phủ, Hứa Do cũng được dung chứa.

Sở cuồng tích nhật ca suy phụng, Hán thất kim thùy khởi ngọa long.

Kẻ cuồng nước Sở ngày xưa hát bài chim phượng suy tàn, nhà Hán nay còn ai dấy lên được rồng nằm ẩn.

Thảo mộc dư niên năng toại dưỡng, đại phu hà tất thụ Tần phong.

Đem tuổi già gửi vào cỏ cây mà dưỡng cho trọn, bậc đại phu cần gì phải nhận phong ấp của nhà Tần.

(Bài bốn)

Thiên tử Tầm Dương đặc chiếu tuyên, Hổ Khê Tuệ Viễn chí từ kiên.

Thiên tử ở Tầm Dương đặc biệt xuống chiếu triệu vời, nhưng sư Tuệ Viễn ở khe Hổ ý chí từ chối vẫn vững vàng.

Tăng nhân tứ hiệu ân du trọng, sơn bất xưng thần nộ thụ tiên.

Tăng nhân được ban hiệu, ơn ấy càng thêm nặng, nhưng núi rừng chẳng chịu xưng thần, thà giận mà chịu roi còn hơn.

Sư tử trảo nha tùy cứ địa, tượng vương tỵ khổng nhậm liêu thiên.

Nanh vuốt sư tử cứ mặc ý ngồi phục nơi đất, mũi voi chúa cứ mặc ý ngước lên trời cao.

Tuệ Trì nhập định kim hà tại, lão thụ khô thiền bất kỷ niên.

Tuệ Trì nhập định nay còn ở đâu, cây già thiền khô chẳng còn nhớ được bao nhiêu năm.

Tải doanh phách bão nhất, năng vô ly hồ?

Mang theo hồn phách ôm giữ nhất, có thể không lìa nhau chăng?

Chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ?

Tập trung khí lực đạt đến mềm mại, có thể như trẻ sơ sinh chăng?

Địch trừ huyền lãm, năng vô tỵ hồ?

Gột rửa tâm gương huyền bí, có thể không có vết chăng?

Ái dân trị quốc, năng vô tri hồ?

Yêu dân trị nước, có thể không dùng trí xảo chăng?

Thiên môn khai hạp, năng vô thư hồ?

Cửa trời mở đóng, có thể không ở ngôi cái chăng?

Minh bạch tứ đạt, năng vô vi hồ?

Sáng suốt thông đạt bốn phương, có thể vô vi chăng?

Sinh chi, súc chi.

Sinh ra nó, nuôi dưỡng nó.

Sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trưởng nhi bất tể, thị vị huyền đức.

Sinh ra mà không chiếm hữu, làm mà không cậy công, lớn lên mà không sai khiến, đó gọi là đức huyền bí.

Các bản Lão Tử lưu truyền, theo thói quen chung, đều theo cách sắp xếp của bản chú giải Vương Bật, chia thành tám mươi mốt chương (chín lần chín), ngầm gửi gắm ý nghĩa tượng số của Kinh Dịch. Nhưng liệu cách sắp xếp ấy có đúng là bộ mặt nguyên gốc của Lão Tử hay không, đó là vấn đề không hề đơn giản; dù đã có các bản Lão Tử viết trên lụa (bạch thư) được khai quật, cũng rất khó xác định ai đúng ai sai. Việc này thuộc phạm vi công phu khảo cứu của các nhà khảo chứng, tôi thực không dám tự tiện luận bàn.

Nếu theo cách sắp xếp quen dùng của bản Vương Bật mà xét, thì thứ tự các chương cũng rất mạch lạc, hàm ý sâu xa, không thể vội chê trách. Chẳng hạn từ chương Một nêu ra thể và dụng của Đạo, với nội hàm "cùng công dụng mà khác ngôi vị", cho đến chương Chín kết ở câu "việc thành, thân lui, đó là đạo của trời", xem ra đâu vào đấy, đã trọn một đoạn. Nội dung chương Mười chỉ là mở rộng thêm về đạo tu dưỡng nội tâm vượt lên trên cõi đời, cùng với việc làm rõ và phát huy thêm cái đạo dùng đời của ý "cùng công dụng mà khác ngôi vị" ấy.

Hồn vía tinh thần gánh một gánh

Mở đầu chương Mười, xét theo đạo tu dưỡng nội tâm vượt lên trên cõi đời, có ba điểm cốt yếu. Một là, **"tải doanh phách bão nhất, năng vô ly hồ"** (mang theo hồn phách ôm giữ nhất, có thể không lìa nhau chăng), đó là điểm cốt yếu của bước tu thân thứ nhất. Hai là, **"chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ"** (tập trung khí lực đạt đến mềm mại, có thể như trẻ sơ sinh chăng), đó là điểm cốt yếu của bước tu tính mệnh thứ hai. Ba là, **"địch trừ huyền lãm, năng vô tỵ hồ"** (gột rửa tâm gương huyền bí, có thể không có vết chăng), đó là điểm cốt yếu của bước tu tâm trí thứ ba.

Xét về điểm cốt yếu thứ nhất, trước tiên phải giải quyết một vấn đề: thế nào mới là "doanh phách"? Hai chữ "doanh" và "vệ", trong y học truyền thống thời thượng cổ của ta, chẳng hạn trong Hoàng Đế Nội Kinh, gồm các thiên Linh Khu, Tố Vấn được lưu truyền từ xưa, chính là hai then chốt lớn của sinh mệnh con người. "Doanh" chỉ tác dụng của máu huyết và chất dinh dưỡng trong sinh mệnh con người. "Vệ" chỉ hoạt động bản năng trong sinh mệnh con người, thuộc về công năng của nguyên khí. Trong "doanh" có "vệ", trong "vệ" có "doanh", hai thứ này phải điều hòa cân bằng với nhau, hễ có chỗ lệch lạc, liền sinh ra bệnh tật.

Còn về việc hai chữ 魄 (phách) và 魂 (hồn) được ghép chung dùng lẫn với nhau, điều này cũng thường thấy trong các sách thần tiên phương kỹ truyền thống thời thượng cổ của ta, thường gọi gộp là "hồn phách". Hai chữ này đều là chữ hội ý tượng hình, có bộ 田 (điền) và bộ 鬼 (quỷ). Bên trái chữ 魂 là chữ 云 (vân, mây), chính là hình viết tắt tượng trưng cho hơi mây. Tinh thần một người trong sáng, như hơi mây bốc lên nghi ngút, đó chính là biểu tượng của "hồn". Vào ban ngày lúc hoạt động, nó chính là tinh thần; trong lúc ngủ mơ, hoạt động biến hóa của nó chính là linh hồn. Chữ 魄 có bộ bên là chữ 白 (bạch, trắng), một nửa biểu âm, một nửa hội ý. Sức hoạt động trong sinh mệnh thể xác chính là tác dụng của nó. Vì vậy người đời thường nói "khí phách", "sức mạnh tinh thần" (phách lực) là theo nghĩa này.

Theo học thuyết của các nhà thần tiên đan đạo, cho rằng ngay từ khi sinh ra, phách đã tồn tại phổ biến trong sức sống của thân xác. Nếu không trải qua tu luyện, không thể hòa hợp cùng hồn kết tụ làm một, thì sau khi chết, phách sẽ chìm xuống đất. Vì vậy, hồn là bóng ma, phách là hình ma. Đến đời Tống, các nhà lý học đã biến đổi thành lý luận của Trương Hoành Cừ, tạo nên cách nói rằng quỷ thần chính là năng lực kỳ diệu của hai luồng khí ấy. Hai luồng khí ở đây chỉ khí âm dương trừu tượng. Kỳ thực, tất cả đều bắt nguồn, biến chuyển từ thuyết hồn phách của Đạo gia mà ra.

Trong văn cổ của chương này trong Lão Tử, không hề xuất hiện chữ "doanh vệ", mà chỉ có chữ "doanh phách" được nêu ra. Bởi vì "doanh vệ" thuộc phạm trù y học thân thể, còn "doanh phách" chính là cội nguồn của thuật thần tiên phương kỹ. Có lẽ là như vậy, mà cũng có lẽ không hẳn là như vậy!

Nguyên văn Lão Tử, trước cụm "doanh phách bão nhất", đã thêm vào một chữ **"tải"** (chở, mang theo), dùng chữ rất khéo léo. Thân người ví như một cỗ xe, cũng có thể ví như một cỗ máy, bên trong chở theo hai thứ quan trọng là "doanh" và "phách". Một người bình thường, quanh năm suốt tháng, bất cứ lúc nào ở đâu, cũng đều đang dùng đến hai thứ này, mà chúng lại mỗi thứ hoạt động theo cách riêng, song vẫn luôn phối hợp với nhau.

Suy nghĩ rối ren, tình cảm xao động, thường khiến hồn phách của con người bị vướng bận lăng xăng, thường trong trạng thái phát tán tiêu tan, rối loạn khôn cùng. Lao động thể lực, bôn ba vì cuộc sống, thường khiến tinh phách tan rã, không sao thu vén lại được. Cứ như thế, động dụng không ngừng, không giữ được đầy mà bình yên, rốt cuộc rồi cũng đến cái chết mà thôi. Lão Tử nói, nếu người ta có thể đem doanh và phách vốn có trong sinh mệnh ôm giữ làm một, mãi mãi không lìa nhau, thì mới có hy vọng được trường sinh. Vì vậy nói: **"tải doanh phách bão nhất, năng vô ly hồ"** (mang theo hồn phách ôm giữ nhất, có thể không lìa nhau chăng)!

Từ lý luận và kinh nghiệm thực tế này, truyền đến các phương sĩ (kẻ sĩ theo thuật phương kỹ) thời Xuân Thu Chiến Quốc trở về sau, rồi lại biến chuyển thành phương pháp tu luyện thần tiên đan đạo, liền bỏ hẳn cách nói cổ "doanh phách" của Lão Tử, dứt khoát dùng hai danh từ "thần" và "khí" để thay thế. Hơn nữa còn chỉ rõ rằng, thuật trường sinh bất lão chỉ cần đem hai thứ "thần" và "khí" trong sinh mệnh kết tụ làm một là có thể thành công. Thần là chủ thể có thể suy nghĩ, khí là nguồn gốc của sức sống. Nhưng khó nhất là hai thứ này luôn luôn không chịu theo sự điều khiển của con người, vì thế cũng không bao giờ có thể ôm giữ hợp thành một thể được. Cho nên các nhà đan đạo đời sau mới có đủ loại phương pháp, làm sao để luyện khí, làm sao để dưỡng thần. Thậm chí còn ví thần như con rồng trong loài vật,

như thủy ngân trong khoáng vật; ví khí như hổ, như chì. Đủ kiểu ví von, đủ kiểu ẩn dụ khéo léo, rốt cuộc vẫn không ra ngoài chữ "tải doanh phách bão nhất" của Lão Tử mà thôi. Đây chính là điểm cốt yếu của bước tu thân thành tựu thứ nhất.

Luyện khí và tu tâm

Tiếp theo, xét từ một góc độ khác, giả sử một người có thể làm được **"chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ"** (tập trung khí lực đạt đến mềm mại, có thể như trẻ sơ sinh chăng), thì cũng gần như đã đạt được "doanh phách bão nhất" rồi. Thế nhưng câu danh ngôn này của Lão Tử lại khiến người đời sau, vì muốn đạt tới hiệu quả "chuyên khí trí nhu", đã nghĩ đủ mọi cách, dựng nên biết bao môn phái. Nhất là từ khi Thái Cực quyền của phái Võ Đang do Trương Tam Phong sáng lập được phổ biến rộng rãi đến nay, ở đâu cũng có thể thấy, có thể nghe luận điệu "chuyên khí trí nhu". Nhưng tiếc thay, mấy ai thật sự luyện khí mà đạt đến mức chuyên nhất? Tâm khí đã không thể chuyên nhất, thì muốn hóa cương thành nhu, lấy nhu thắng cương, lại càng khó làm được. Khí đã không thể nhu, thì làm sao đạt tới cảnh giới trẻ lại như xưa, thân trạng như trẻ sơ sinh được?

Nhưng việc luyện khí để mong trừ bệnh kéo dài tuổi thọ, trường sinh bất lão, từ lâu đã trở thành sở trường riêng của văn hóa phương Đông. Dù là công phu luyện khí của Đạo gia Trung Quốc, hay thuật luyện khí trong yoga của Ấn Độ, đều dựa vào một đôi lỗ mũi, một cái miệng, cùng với động tác để hít thở. Theo thống kê mà tôi được biết, ít nhất có hơn hai trăm phép luyện khí khác nhau, dĩ nhiên trong đó bao gồm cả của Đạo gia lẫn Phật gia.

Bên Phật gia, từ đời Tùy Đường trở đi, phương pháp nhập môn tu trì do Trí Giả đại sư sáng lập ra tông Thiên Thai đã rất chú trọng lấy việc tu khí điều tức làm pháp môn nhập thủ để chỉ quán, như các phương pháp căn bản đếm hơi thở, theo hơi thở trong sáu diệu môn của Tiểu Chỉ Quán. Về sau biến chuyển thành ba mươi sáu bước trình tự luyện khí công của phái Sơn Ngoại thuộc tông Thiên Thai, rồi lại truyền sang Nhật Bản, trở thành các công phu như hợp khí đạo, võ sĩ đạo. Lại như một phần pháp tu của Mật tông Tây Tạng, chuyên chú trọng thành tựu về tu khí, rồi sau đó tiến đến tu mạch, tu quang minh mà đạt tới cảnh giới lửa thật tam muội. Tóm lại, trong học thuật nhân văn, việc dùng hơi thở khí tức để tu luyện tinh thần, chẳng qua đều nhắm tới mức "tâm và hơi thở nương tựa lẫn nhau", "tâm khí hợp một", vô tình lại khớp với nguyên tắc "chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ" của Lão Tử.

Kỳ thực, nếu đứng ở lập trường khách quan mà nghiên cứu đạo dưỡng khí hay luyện khí, thì thứ học lý và phương pháp này, vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, quả đã phổ biến rộng rãi. Không chỉ những người theo Đạo gia, các phương sĩ chú trọng luyện thuật ấy, mà ngay cả Mạnh Tử, người tôn thờ đạo Nho, cũng chịu ảnh hưởng rất lớn từ đạo ấy. Hơn nữa, từ xưa đến nay, nói chung về công phu dưỡng khí tu tâm, người thật sự tu luyện đến mức thuần túy tinh thâm, rất ít ai vượt qua được Mạnh Tử. Sau đây là lời tường thuật xác đáng của Mạnh Tử về tiến trình dưỡng khí tu tâm:

> ***"Khả dục chi vị thiện, hữu chư kỷ chi vị tín, sung thực chi vị mỹ, sung thực nhi hữu quang huy chi vị đại, đại nhi hóa chi chi vị thánh, thánh nhi bất khả tri chi chi vị thần"*** *(cái đáng ham muốn gọi là thiện, có sẵn nơi mình gọi là tín, đầy đủ trọn vẹn gọi là mỹ, đầy đủ mà tỏa sáng gọi là đại, đại mà cảm hóa được người gọi là thánh, thánh mà không thể lường được gọi là thần), thiên Tận Tâm.*

Mạnh Tử trước tiên chỉ ra rằng, đạo dưỡng khí tu tâm, dù có yêu thích việc ấy, nhưng nếu phơi nắng một ngày rồi lại để lạnh mười ngày, không thể chuyên nhất tu dưỡng, thì chỉ có thể coi là biết có cái thiện ấy mà thôi. Ắt phải tự thân tâm mình có được hiệu nghiệm, mới có thể sinh ra lòng tin chân chính, cũng có thể nói là mới coi như có được tín hiệu đã được kiểm chứng. Từ đó tiến thêm lên đến **"sung thực chi vị mỹ"** (đầy đủ trọn vẹn gọi là mỹ), cho tới **"thánh**

nhi bất khả tri chi chi vị thần” (thánh mà không thể lường được gọi là thần), mới coi là đạt tới quả vị thành công của câu **“ngã thiện dưỡng ngô hạo nhiên chi khí”** (ta khéo nuôi dưỡng cái khí hạo nhiên của mình) trong thiên Công Tôn Sửu. Còn như câu **“kỳ sinh sắc dã, thúy nhiên kiến ư diện, áng ư bối, thi ư tứ thể, tứ thể bất ngôn nhi dụ”** (sắc khí ấy hiện ra, rạng rỡ nơi mặt, đầy tràn nơi lưng, lan tỏa khắp tứ chi, tứ chi không nói mà tự hiểu) trong thiên Tận Tâm, thì đó chỉ thuộc về hiện tượng bề ngoài xuất hiện ở khoảng giữa **“hữu chư kỷ chi vị tín”** (có sẵn nơi mình gọi là tín) và **“sung thực chi vị mỹ”** (đầy đủ trọn vẹn gọi là mỹ) mà thôi.

Giả sử đem những lời bàn về thành tựu dưỡng khí tu tâm này của Mạnh Tử ra so sánh nghiên cứu với câu “chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ” của Lão Tử, liệu có hoàn toàn nhất trí hay không? Có thể nói, nhìn bề ngoài, thứ nhất, một bên giản dị một bên phức tạp, đã có chỗ khác nhau. Thứ hai, chỗ “thần” của Mạnh Tử với chỗ “trẻ sơ sinh” của Lão Tử, dường như còn có sự khác biệt giữa hình nhi thượng và hình nhi hạ. Nhưng cái giản dị, dễ hiểu của Lão Tử, dùng cảnh giới trẻ sơ sinh để hình dung trạng thái thần đủ khí đầy, xem ra dễ mà kỳ thực rất khó. Còn trình tự trình bày tỉ mỉ của Mạnh Tử, xem ra càng về sau càng khó, nhưng trên thực tế, khi tu đến mức **“sung thực nhi hữu quang huy”** (đầy đủ mà tỏa sáng) rồi, thì lại là chỗ khó hóa ra dễ. Đây chính là điểm cốt yếu của bước tu tính mệnh thành tựu thứ hai mà chương này của Lão Tử nói tới.

Nhưng trung tâm của thân tâm tính mệnh, vốn không chỉ nằm giữa hai thứ thân tâm và thần khí mà thôi. Thần khí, cũng chỉ là cái dụng của Đạo, đúng như câu **“thử lưỡng giả, đồng xuất nhi dị danh, đồng vị chi huyền”** (hai điều này cùng xuất phát mà khác tên, cùng gọi là huyền). Cái có thể khiến thân tâm thần khí phát huy tác dụng lẫn nhau, chính là cái diệu của Đạo, vô danh vô tướng. Để cho quan niệm thế tục dễ hiểu, cũng có thể tạm gượng đặt cho nó một cái tên khác là **“huyền lãm”** (tấm gương huyền diệu), gọi nó là trí tuệ sáng suốt hay tuệ trí. Vì vậy mới có cách nói về bước tu tâm trí thành tựu thứ ba, tức câu **“địch trừ huyền lãm, năng vô tỵ hồ”** (gột rửa tâm gương huyền bí, có thể không có vết chăng)! Câu này muốn nói, đến lúc đạo trí đã thành tựu, tinh thần dẫu đã gột rửa vẫn còn phải tôi luyện thêm, phải đạt đến mức thuần túy không tì vết, phép trời phép đất, **“khúc thành vạn vật nhi bất di”** (uốn nắn thành tựu vạn vật mà không bỏ sót điều gì), mới có thể trở về gốc ban đầu, hợp với đạo tự nhiên. Đến đây mới có thể tâm như gương sáng, soi chiếu muôn vàn hình tượng. Vật đến thì ứng, việc qua rồi không lưu lại. Thấy trước được cơ vi, mà trong lòng không còn vướng chút gì bởi ngoại vật.

Triết lý cầm quyền trị nước

Từ chỗ tải doanh phách bão nhất mà không lìa, chuyên khí trí nhu như trẻ sơ sinh, cho đến chỗ địch trừ huyền lãm mà không tỳ vết, đạo tu dưỡng nội tâm ấy đã có chỗ thành tựu, liền có thể bước vào cảnh giới nội thánh. Nếu có thể từ đó bước ra ngoài mà thành ngoại vương, chuyển sang đạo dùng đời “cùng công dụng mà khác ngôi vị”, thì lại có ba điểm cốt yếu phải làm được, mới cấu thành một hệ thống công trình trọn vẹn. Trước tiên nêu ra câu hỏi thứ nhất **“ái dân trị quốc, năng vô tri hồ”** (yêu dân trị nước, có thể không dùng trí xảo chăng). Thoạt nghe qua, thấy rất mâu thuẫn, mà cũng rất thú vị. Đã muốn yêu dân trị nước, gánh vác trọng trách thiên hạ trên vai, thì làm sao là việc mà kẻ vô tri vô thức có thể làm được? Ngay như Hoàng Đế, hay Nghiêu, Thuấn, được sử sách văn hóa thượng cổ, thời Nho Đạo chưa từng phân chia, ghi chép lại, đều được xưng tụng là bậc trời phú thần võ, trí tuệ sáng suốt, hoặc sinh ra đã biết nói, hoặc hiểu thấu vạn vật, nào có ai vô tri mà lại hoàn thành được trọng trách yêu dân trị nước? Lão Tử bỗng dưng buông ra hai câu “ái dân trị quốc, năng vô tri hồ”, chẳng phải là cố ý làm khó, giở trò huyền bí đó sao?

Kỳ thực, nội hàm của hai câu này, toàn văn chương Bảy mươi mốt của chính sách Lão Tử đã tự đưa ra câu trả lời rồi, không cần chúng ta phải bàn thêm nữa.

Như chương ấy nói: **"tri bất tri, thượng; bất tri tri, bệnh. Phù duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh. Thánh nhân bất bệnh, dĩ kỳ bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh"** (biết mà tự cho là không biết, là trên hết; không biết mà tự cho là biết, là bệnh. Chính vì coi bệnh là bệnh, nên mới không bệnh. Thánh nhân không bệnh, vì coi bệnh là bệnh, nên mới không bệnh). Câu ấy muốn nói rằng, người thật sự có trí tuệ sáng suốt trời phú, quyết không bao giờ tùy tiện dùng cái biết cái tài của riêng mình để xử lý việc lớn thiên hạ; nói rõ hơn nữa, ắt phải góp nhặt suy nghĩ của nhiều người, thu thập rộng rãi các ý kiến, rồi mới có chỗ lựa chọn quyết đoán. Cái gọi là người biết mà giống như người không biết, mới có thể dẫn dắt được nhiều phía, hoàn thành đại nghiệp. Chữ "tri bất tri" nói ở đây, cũng chính là đạo lý **"vi vô vi"** (làm mà như không làm) ở trung tâm tư tưởng học thuật của Lão Tử, cùng một lẽ. Người thật sự dùng đời mà lập nên công nghiệp bất hủ, chính là vì họ khéo biết vận dụng trí tuệ của mọi người mà thành tựu nên cái đại trí của riêng mình. Chẳng hạn vị hoàng đế bình dân đầu tiên được người đời yêu thích nhất trong lịch sử của ta là Hán Cao Tổ Lưu Bang, chỉ nhìn bề ngoài, ông là người xuề xòa, đại khái qua loa. Nhưng khi ông thống nhất thiên hạ, lên ngôi hoàng đế rồi, lại rất thẳng thắn nói rằng:

> *Bàn mưu tính kế trong màn trướng, quyết định thắng lợi ngoài ngàn dặm, ta không bằng Tử Phòng. Trấn giữ quốc gia, vỗ về trăm họ, cấp phát lương thực, không để đứt đường tiếp tế, ta không bằng Tiêu Hà. Cầm trăm vạn quân, đánh ắt thắng, công ắt lấy được, ta không bằng Hàn Tín. Ba người ấy đều là bậc hào kiệt, ta biết dùng họ, đó là lý do ta lấy được thiên hạ. Hạng Vũ có một Phạm Tăng mà không biết dùng, đó là lý do vì sao bị ta bắt được.*

Đây chính là một tấm gương tương đối gần với câu "ái dân trị quốc, năng vô tri hồ" của Lão Tử. Tất nhiên, tuyệt đối không được giống như ông chắt của Lưu Bang là Lưu Triệt, tức Hán Vũ Đế, quá tự tin vào cái biết của mình; cũng không được giống như hậu duệ đời cuối của ông là Lưu Thiện, tức A Đẩu, hôn mê vô tri, cả hai đều phạm sai lầm lớn về nguyên tắc căn bản, không đáng làm gương.

Cùng đạo lý ấy, trong học thuyết chư tử của văn hóa truyền thống ta, những danh ngôn tương tự câu "ái dân trị quốc, năng vô tri hồ" của Lão Tử cũng thấy ở khắp nơi, chẳng hạn:

> *Thận Đáo nói: không thính tai sáng mắt, thì không thể làm vua; không đui không điếc, thì không thể làm bậc công khanh.*

Quỷ Cốc Tử nói: chỉ dùng riêng sự thông minh, thì công việc không thành. Chỉ dùng riêng sự tối tăm, thì việc ắt hỏng. Lúc sáng lúc tối xen nhau, mới được số đông ủng hộ.

Lã Thị Xuân Thu dẫn lời Chu Công Đán nói: người quân tử chịu khuất phục trước kẻ không hiểu mình, mà vươn thẳng trước kẻ hiểu mình.

Phó Tử nói: trí tuệ nhiều, thì dẫn khí huyết ví như dầu mỡ trong ngọn đèn, bấc lớn thì sáng, mà sáng thì dầu hao; bấc nhỏ thì tối, mà tối thì dầu đỡ hao. Dầu đỡ hao thì mới cháy được lâu dài.

Nhưng người thấu hiểu thấu đáo những đạo lý này, đem áp dụng vào công lao giúp đời, suốt ngàn xưa đến nay, không ai qua được Quản Trọng. Vì vậy ông mới có thể lấy vai trò như bậc thái bảo mà phò tá Tề Hoàn Công, tức Tiểu Bạch, dựng nên nghiệp bá, đúng như lời Khổng Tử khen **"nhất khuông thiên hạ, cửu hợp chư hầu"** (một lần chỉnh

đốn thiên hạ về khuôn phép, chín lần hội họp chư hầu), quả không phải chuyện ngẫu nhiên. Vậy thì chỗ thể hiện câu "ái dân trị quốc, năng vô tri hồ" của Quản Trọng nằm ở đâu? Ta hãy xem lời ông kiến nghị với Tề Hoàn Công:

> *Về nghi thức lên xuống chào mời, tiến lui thành thục, lời lẽ biện luận cương nhu đúng mực, thần không bằng Thấp Bằng, xin lập ông ấy làm Đại Hành (quản lý việc ngoại giao sứ tiết).*

Về việc khai hoang lập ấp, mở đất tích lúa, dùng nhiều nhân lực khai thác hết lợi ích của đất đai, thần không bằng Ninh Thích, xin lập ông ấy làm Đại Tư Điền (quản lý nông nghiệp, thủy lợi, khai khẩn).

Về việc dàn quân nơi đồng bằng rộng lớn, xe không rối bánh, quân không quay gót, đánh trống lên là ba quân xem cái chết nhẹ như trở về nhà, thần không bằng Vương Tử Thành Phụ, xin lập ông ấy làm Đại Tư Mã (quản lý quân sự).

Về việc xử án công bằng thỏa đáng, không giết oan người vô tội, không vu cáo kẻ vô can, thần không bằng Tân Tư Vô, xin lập ông ấy làm Đại Tư Lý (quản lý việc hình pháp).

Về việc dám phạm nhan sắc của vua, dâng lời can gián ắt hết lòng trung, không né tránh cái chết, không khuất phục trước giàu sang, thần không bằng Đông Quách Nha, xin lập ông ấy làm chức Đại Gián (quan can gián).

Năm người này, Di Ngô (Quản Trọng tự xưng tên mình) đều không bằng một ai trong số họ cả. Nhưng nếu đem địa vị của Di Ngô đổi lấy vị trí của họ, thì Di Ngô này không làm. Nếu nhà vua muốn trị nước mạnh binh, thì đã có năm người ấy ở đó. Còn nếu muốn xưng bá vương, thì đã có Di Ngô này đây. Hoàn Công nói: tốt.

Đây chính là lời giải thích rõ ràng nhất về câu "ái dân trị quốc, năng vô tri hồ" nơi con người số một về đạo làm bề tôi.

Sách Lão Tử, nếu cứ theo từng điều từng khoản mà đọc riêng rẽ, thì xem ra chỉ là một loạt cách ngôn rời rạc mà thôi. Nhưng nếu theo cách sắp xếp của bản lưu hành do Vương Bật chú giải mà đọc liền mạch, đôi khi lại có vẻ rất mâu thuẫn. Tất nhiên, cũng có thể xem sự mâu thuẫn ấy là một cách sắp đặt song song giữa mặt thuận và mặt nghịch. Ví như ngay đầu chương này, vừa mới nói câu **"ái dân trị quốc, năng vô tri hồ"** (yêu dân trị nước, có thể không dùng trí xảo chăng), thì điểm cốt yếu thứ hai tiếp liền theo sau lại là **"thiên môn khai hạp, năng vô thư hồ"** (cửa trời mở đóng, có thể không giữ dáng vẻ âm nhu chăng). Nhưng vô tri vô thức, chính là cảnh giới thuộc về âm nhu tối tăm; điều này với cách nói "cửa trời mở đóng mà không giữ dáng vẻ âm nhu" lại vừa vặn hoàn toàn trái ngược nhau. **"Vô thư"** (không giữ dáng vẻ âm nhu), tất nhiên là chính cách dương cương, đối lập với âm nhu. Dương cương chính là dáng vẻ bề ngoài cứng cỏi ngay thẳng. "Thiên môn" là một danh từ mang tính tượng trưng; trời tròn che phủ, vốn tự nó không có cửa, thì lấy đâu ra mà mở với đóng? Nhưng Đạo gia lại lấy điểm trung tâm trên đỉnh xương đầu con người, tức chỗ huyệt Bách Hội mà y thuật cổ đại gọi tên, đặt tên là **"thiên môn"** (cửa trời), cũng có tên gọi khác là **"thiên tín"** (thóp đầu). Tương truyền, người tu đạo, tu đến mức thuần dương không còn tạp chất, thì thiên môn sẽ tự nhiên mở đóng. Đến mức độ này, tự nhiên trí tuệ thông suốt vạn vật, thần thông cả trời đất, sáng tỏ cả xưa nay, vượt phàm nhập thánh. Nếu theo truyền thuyết giống như thần thoại của lịch sử thượng cổ ta, thì từ Thần Nông, Hoàng Đế trở xuống, cho đến các bậc thánh đế minh vương như Đường Nghiêu, Ngu Thuấn, đều có thể tu dưỡng đạt tới cảnh giới này ngay trong đời sống hiện thực. Nhưng tất cả đều lui về ẩn giấu kín đáo, giấu sâu không lộ ra, cho nên về mặt yêu dân trị nước, đều thể hiện thành tựu lớn lao của cái "vô tri mà tri" ấy.

Có đủ được sự tu dưỡng cao nhất của "biết mà như không biết" cùng với "cửa trời mở đóng mà không giữ dáng vẻ âm nhu" ấy rồi, mới có thể làm được điểm cốt yếu thứ ba là **"minh bạch tứ đạt, năng vô vi hồ"** (sáng suốt thông đạt

bốn phương, có thể vô vi chăng)! Đó là đức nghiệp làm mà như không làm, khoanh tay rủ áo mà thiên hạ vẫn được trị yên. Vì vậy, nhìn bề ngoài, tuy đều là những bậc quân chủ nhập thế, trị đời, nhưng trên thực tế, đồng thời cũng chính là bậc thánh triết siêu vượt thế tục, tức bậc siêu nhân. Nhờ vậy mới có thể **"sinh chi, súc chi"** (sinh ra nó, nuôi dưỡng nó), mà che chở muôn nước, yên định trăm họ.

Nhưng đến cuối cùng, lại là **"sinh nhi bất hữu"** (sinh ra mà không chiếm hữu), giống như trời đất, tuy có thể sinh trưởng ra muôn vật, nhưng không chiếm làm của riêng. **"Vi nhi bất thị"** (làm mà không cậy công), tuy nhờ đức nghiệp và hành vi của mình mà có được thành công ấy, nhưng bản thân lại không tự cậy đó là công lao của mình. Tuy đứng đầu khắp bốn phương, nhưng lại không muốn mãi mãi tự đặt mình ở địa vị chủ tể. Vì vậy nói **"trưởng nhi bất tể, thị vị huyền đức"** (lớn lên mà không sai khiến, đó gọi là đức huyền bí). Ý nghĩa của **"huyền đức"** (đức huyền bí), không chỉ đơn thuần là đại đức mà thôi.

Bởi vì Lão Tử, bậc đại diện cho thánh nhân Đạo gia, cùng với Khổng Tử và những người khác, bậc đại diện cho thánh nhân Nho gia, khắp nơi đều tôn sùng lấy các bậc thánh đế minh vương từ Tam Đại trở về trước làm khuôn mẫu, dùng để xiển dương tinh thần đạo làm vua trong văn hóa truyền thống thượng cổ, nên mới có triết lý lịch sử được gửi gắm trong câu danh ngôn lời ít ý nhiều của bậc đại nho đời Tống là Thiệu Khang Tiết: **"Đường Ngu ấp nhượng tam bôi tửu, Thang Vũ chinh tru nhất cục kỳ"** (vua Nghiêu vua Thuấn nhường ngôi cho nhau chỉ nhẹ như ba chén rượu, vua Thang vua Vũ đánh dẹp giết vua chỉ như một ván cờ). Ta vừa hay có thể mượn câu ấy làm kết luận cho chương này, thật là thích đáng nhất. Nghiêu, Thuấn đều là bậc minh quân đắc đạo, trong thánh ngoài vương, xuất thế mà lại nhập thế, nên các ngài mới có thể, giữa lúc tiến lúc lui, nhường nhau mà truyền ngôi, cùng nâng chén rượu vui vẻ, thẳng thắn tự nhiên, tuyệt không chút lòng mưu mô toan tính. Thời càng về sau, lòng người không còn thuần phác như xưa, đến cuộc cách mạng của vua Thang vua Vũ, liền phải dùng biện pháp chinh phạt giết vua, việc ấy chẳng khác nào một ván cờ đấu trí, mưu lược sách lược, dốc hết tâm cơ, đã cách xa đạo tự nhiên một trời một vực. Vậy nên, từ nội hàm của hai câu danh ngôn ấy, ta có thể hiểu được cái ý nghĩa sâu xa huyền diệu trong chuẩn mực nhân sinh và quan điểm triết học lịch sử của Lão Tử.

Thượng Kinh · Chương 11

Tam thập phúc cộng nhất cốc, đương kỳ vô, hữu xa chi dụng.

Ba mươi căm chung một trục bánh xe, chính ở chỗ trống không (giữa), mới có tác dụng của xe.

Duyên thực dĩ vi khí, đương kỳ vô, hữu khí chi dụng.

Nhào nặn đất sét làm bình, chính ở chỗ trống không (bên trong), mới có tác dụng của bình.

Tạc hộ dũ dĩ vi thất, đương kỳ vô, hữu thất chi dụng.

Khoét cửa sổ cửa ra vào để làm phòng, chính ở chỗ trống không (bên trong), mới có tác dụng của phòng.

Cố hữu chi dĩ vi lợi, vô chi dĩ vi dụng.

Cho nên cái có mang lại lợi ích, cái không mang lại tác dụng.

Chương trước đã có cách nói "cùng công dụng mà khác ngôi vị", ý nói bên trong là đạo thánh nhân, đem ra ngoài đời mà dùng; chương này tiếp tục nói rõ hơn về Đạo ở khoảng giữa có và không, giữa động và tĩnh.

Đoạn kinh văn này dùng nhiều ví von. Trước hết nêu ra cái trục bánh xe gánh vác trách nhiệm nặng nề, đường xa, chỗ then chốt khiến nó xoay vần không ngừng, vận chuyển vô cùng, chính là ở khoảng giữa trống rỗng, không có vật gì, nhờ vậy mới nâng đỡ được bao nhiêu công dụng khác nhau. Đồng thời cũng khiến sức lực từ nhiều phía quy về một điểm trung tâm, trở lại cái dụng lớn của điều tưởng như vô dụng, chính là chỗ tinh yếu của **"vô vi nhi vô bất vi"** (vô vi mà không có gì là không làm).

Như câu **"tam thập phúc cộng nhất cốc, đương kỳ vô, hữu xa chi dụng"** (ba mươi căm chung một trục bánh xe, chính ở chỗ trống không, mới có tác dụng của xe). Xe gỗ lớn thời cổ, trục bánh xe của nó chỉ là một lỗ tròn nhỏ ở trung tâm. Từ điểm trung tâm ấy tỏa ra xung quanh, gồm ba mươi cây căm chụm lại, bọc ngoài bằng một vành tròn lớn, tạo thành bánh xe lớn có vành trong vành ngoài, nhờ vậy mới gánh vác được trọng trách đường xa, xoay chuyển không ngừng cho tới đích. Với bánh xe lớn được ghép từ ba mươi căm như vậy, có thể nói được cây căm nào mới là trọng điểm chịu lực của bánh xe không? Mỗi cây căm đều quan trọng, mà cũng đều không quan trọng. Chúng dùng lực đều nhau, cây nào cũng phát huy hết công năng lớn lao của mình để hoàn thành tác dụng xoay vần của bánh xe. Nhưng điểm trung tâm nâng đỡ cho toàn bộ sức lực chung ấy lại nằm ở cái lỗ tròn nhỏ giữa trục. Mà cái trung tâm ấy lại trống không, chẳng có vật gì, không thiên vị nâng đỡ riêng cây căm nào, cũng không cố định hướng cho bất cứ cây căm nào. Nhờ vậy mới xoay vần mãi không dứt, không bao giờ cùng.

Qua quy luật tự nhiên của vật lý này, có thể hiểu được điểm cốt yếu của sự tu thân thành tựu: phép tu dưỡng **"tải doanh phách bão nhất, năng vô ly hồ"** (mang theo hồn phách ôm giữ nhất, có thể không lìa nhau chăng) cốt ở chỗ trung tâm không có vật gì, vận hành tùy nghi trong cái diệu dụng giữa có và không. Nếu đem áp dụng vào việc trị nước lớn, thì **"ái dân trị quốc, năng vô tri hồ"** (yêu dân trị nước, có thể không dùng trí xảo chăng) cũng cần như cái trung tâm trục bánh xe ấy, lòng trống rỗng không dấu vết riêng, hợp sức của mọi người phụ trợ mà hoàn thành trọn vẹn công lớn.

Kế đến, như câu **"duyên thực dĩ vi khí, đương kỳ vô, hữu khí chi dụng"** (nhào nặn đất sét làm bình, chính ở chỗ trống không, mới có tác dụng của bình). Duyên là nhào đất; thực là đất sét. Làm đồ gốm, phải nặn đất sét thành một hình dáng kín đáo, ngăn không cho rò rỉ cả trong lẫn ngoài, khiến bên trong nó rỗng không, mới có thể tùy lúc cần mà chứa đầy, đạt được công dụng.

Hiểu được rằng nhờ có thể trống, có thể không như vậy, mới có giá trị chứa đựng, mới đựng đầy được vật. Dù là đạo tu dưỡng tính mệnh về sau, tức **"chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ"** (tập trung khí lực đạt đến mềm mại, có thể như trẻ sơ sinh chăng), hay là đạo đem ra dùng cho đời, tức **"thiên môn khai hạp, năng vô thư hồ"** (cửa trời mở đóng, có thể không ở ngôi cái chăng), đều phải lòng trống rỗng như thung lũng, cùng qua lại với tinh thần trời đất mà đạt được cơ dụng lớn.

Lại nữa, như câu **"tạc hộ dũ dĩ vi thất, đương kỳ vô, hữu thất chi dụng"** (khoét cửa sổ cửa ra vào để làm phòng, chính ở chỗ trống không, mới có tác dụng của phòng). Hộ là cửa ra vào trong nhà; dũ là cửa sổ. Muốn xây một căn nhà lớn, phải mở cửa ra vào và cửa sổ, để ánh sáng và không khí lưu thông, mới có thể ở được mà nuôi người, khiến lòng người rộng mở, trong ngoài thông suốt không vướng mắc. Từ đó mà nói rõ công phu tu tập tâm trí **"địch trừ huyền lãm, năng vô tỵ hồ"** (gột rửa tâm gương huyền bí, có thể không có vết chăng), cần phải mở mang sự sáng suốt, tĩnh lặng an trú trong đó, thấy nghe không bị ngăn cách mà thanh tịnh vô vi. Nếu đem áp dụng vào đạo dùng cho đời, thì đó chính là khuôn mẫu của **"minh bạch tứ đạt, năng vô vi hồ"** (sáng suốt thông đạt bốn phương, có thể vô vi chăng).

Cuối cùng lặp lại lời dặn dò: dù là đạo xuất thế hay đạo dùng cho đời, đều phải hiểu thật rõ cái diệu chỉ của Đạo nằm giữa có và không. Vì vậy nói **"cố hữu chi dĩ vi lợi, vô chi dĩ vi dụng"** (cho nên cái có mang lại lợi ích, cái không mang lại tác dụng). Hiểu được lẽ này, mới thật sự nắm được đại pháp tắc **"lợi dụng an thân"** (dùng điều lợi ấy để yên ổn tấm thân). Về sau đến đời Ngũ Đại, có bậc tài tử thần tiên Đạo gia là Đàm Tiếu, phát huy nguyên lý biến hóa của vật trong tư tưởng học thuật Đạo gia, hòa cùng học thuyết Lão Trang, viết nên một cuốn danh tác là *Hóa Thư*. Trong đó bàn về mối quan hệ giữa vật lý, diệu dụng giữa có và không, trình bày rất sâu sắc, thấu triệt, như có đoạn nói:

> *Vo đất thành khối, thấy khối mà không thấy khoảng trống, đó là đất sau khi trời đất đã mở ra. Vụn khối thành khoảng trống, thấy khoảng trống mà không thấy khối, đó là đất lúc trời đất còn hỗn độn. Thật là kỳ diệu thay!*

Hiểu thấu đáo sâu sắc được như Đàm Tử, quả thật đáng gọi là "thật là kỳ diệu thay"! Đã đạt tới cảnh giới "thật là kỳ diệu thay" rồi, thì những gì chúng ta vừa nói chẳng qua đều là lời cuồng vọng suông, chi bằng dừng lại ở đây, không còn gì để nói nữa!

Ngũ sắc linh nhân mục manh; ngũ âm linh nhân nhĩ lung; ngũ vị linh nhân khẩu sảng.

Năm màu sắc làm cho mắt người mù quáng; năm âm thanh làm cho tai người điếc đặc; năm vị làm cho miệng người mất cảm giác.

Trì sính điền liệp, linh nhân tâm phát cuồng.

Phi ngựa săn bắn, làm cho lòng người phát cuồng.

Nan đắc chi hóa, linh nhân hành phương.

Hàng hóa khó kiếm, làm cho hành vi người lệch lạc.

Thị dĩ thánh nhân vi phúc bất vi mục, cố khứ bỉ thủ thử.

Vì vậy thánh nhân vì bụng (thực chất) mà không vì mắt (hào nhoáng), cho nên bỏ cái kia mà lấy cái này.

Cõi hoa lệ này, đành điếc đành mù

Tiếp theo điều vừa nói ở trên **"hữu chi dĩ vi lợi, vô chi dĩ vi dụng"** (cái có mang lại lợi ích, cái không mang lại tác dụng), thuận theo nguyên tắc vận dụng ấy mà nói ra một cách tự nhiên trọng điểm biết khéo dùng vật mà không bị vật sai khiến. Vì vậy mà đưa ra lời cảnh báo nghiêm khắc, bảo người ta phải tiết chế đối với thanh sắc, của cải, lợi lộc, cùng với ham muốn ăn uống, đừng buông thả tự dối mình mà mắc lừa. Nguyên văn chương này lời lẽ mạch lạc, ai đọc cũng hiểu ngay, không cần giải thích nhiều. Bây giờ chúng ta chỉ xin đưa ra vài điều từ kinh nghiệm thực tế, để mọi người tham khảo.

Như những người thuộc thế hệ chúng tôi, nhìn bằng con mắt người thời nay, phần lớn xuất thân từ xã hội nông thôn xưa cũ, lớn lên trong một xã hội nông nghiệp còn nửa lạc hậu, trải qua mấy chục năm bị dòng thời đại xô đẩy, trưởng thành giữa bao gian nan khốn khó, qua bao phen sóng gió kinh hoàng. Từ con đường đời dài dằng dặc, quanh co khúc khuỷu, từng bước bước vào thế giới hôm nay, nơi khoa học kỹ thuật dày đặc, văn minh vật chất phồn thịnh. Ngoảnh nhìn chuyện xưa, ngóng trông tương lai, thỉnh thoảng lại chạnh lòng hoài cổ, mà đồng thời cũng đang say sưa hưởng thụ văn minh vật chất.

Chẳng hạn, từ các bậc cha anh mà chúng tôi từng thấy, cho đến thế hệ chúng tôi đây, từ thuở nhỏ đã dưới ngọn đèn dầu tù mù lúc tỏ lúc mờ, khổ công dùi mài kinh sử theo kiểu "đèn sáng canh ba, gà gáy canh năm", rồi dần dần có đèn dầu tây (đèn khí đốt), tiến thêm lên đèn điện (đèn huỳnh quang), cho tới phim màu và truyền hình màu của ngày hôm nay.

Từ chỗ quen nghe những khúc dân ca, ca dao đồng quê mộc mạc, cho tới máy thu thanh vô tuyến điện, rồi tiến xa hơn nữa tới dàn âm thanh nổi cao cấp, phát ra những bản nhạc hay khắp thế giới.

Từ chỗ mang giày đinh, cầm ô giấy dầu, lội bùn lầy đi học, cho tới cảnh xe đạp, xe máy và ô tô riêng đưa đón con em đi học.

Từ chỗ trâu già kéo xe, ngựa gầy lừa yếu, chèo thuyền một mái, cho tới tàu buồm máy, tàu thủy, tàu dầu, tàu công-ten-nơ. Từ chỗ ngẩng đầu nhìn lên trời thấy máy bay bốn cánh quạt, cho tới hôm nay bất cứ lúc nào cũng có thể lên máy bay phản lực đi vòng quanh thế giới.

Suốt mấy chục năm, từ thời mài mực vẽ nguệch ngoạc cho tới thời đánh máy, in ấn, tôi không dám nói mình đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường, nhưng sách đã đọc qua, dù ban ngày hay dưới ánh đèn, cũng không thua kém sự chăm chỉ dùi mài của thanh niên thời nay. Thế nhưng dùng đến bây giờ, đôi mắt già vẫn chưa mờ đục lắm. Dĩ nhiên hồi trẻ cũng không cận thị nặng như thanh niên bây giờ. Đồng thời, cũng chưa từng vì tiếng ồn quấy nhiễu mà thính giác kém đi.

Nhưng ở thời đại văn minh vật chất hiện nay thì sao! Từ sự tiến bộ của khoa học tự nhiên, phát triển tới khoa học kỹ thuật tinh vi, những tiến bộ kỹ thuật về âm thanh, ánh sáng, điện, hóa học... đã thúc đẩy sự phồn vinh của thanh sắc, của cải, lợi lộc. Trước mắt thấy được, tai nghe được, các giác quan vốn do cha mẹ sinh ra, do máu thịt tạo thành, dường như đều đã biến dạng. Dù là mắt, tai, mũi, miệng, nếu không thêm vào vài thứ sản phẩm của văn minh vật chất, trái lại cứ như một quái vật, mà lại còn dùng không được nhạy, đến mức không thể chỉ dựa vào bộ mặt vốn có của mình mà ứng phó với đời được nữa.

Vì vậy mà cứ nghĩ đi nghĩ lại về lời trong chương này của *Lão Tử*, thường khiến người ta bồi hồi cảm khái, buồn bã khôn nguôi. Cái ngày máy móc, người máy thay con người quản lý mọi việc, sắp sửa đến rồi; thậm chí có thể nói, việc giao tiếp với người ngoài hành tinh cũng không còn là chuyện hoang đường viển vông nữa. Vậy thì, nhìn lại dáng vẻ con người ngày nay, thật thật giả giả, cũng chẳng có gì lạ, chỉ coi như mọi người đang diễn một màn trên tấm màn ảnh lớn của cuộc đời mà thôi. Lão Tử tuy vì đời sau mà lo lắng, xem ra cũng chỉ phí lời, bởi vì mắt mờ đã có gọng kính, tai điếc đã có máy trợ thính, miệng nhạt đã có viên dinh dưỡng, phát cuồng lại có thuốc an thần. Lão Tử dù là bậc thánh cũng chẳng cần kinh ngạc, mọi thứ đều chẳng ngại gì chuyện khó kiếm nữa.

Chữ "sảng" trong "khẩu sảng" mà chương này nói tới, chỉ việc vị giác ở miệng và lưỡi bị trục trặc, chứ không phải nghĩa "sảng khoái", điều này cần nói rõ riêng. Chẳng hạn trong y thư cổ Trung Quốc, "khẩu sảng" chính là chỉ miệng nhạt nhẽo, ăn không thấy ngon.

Phi ngựa săn bắn là hoạt động ngoài trời mang tính kích thích nhất thời cổ, cả cho cá nhân lẫn cho đám đông. Nó cũng giống hệt quan niệm của người hiện đại, cho rằng có kích thích mới là hưởng thụ, có điên cuồng mới đủ kích thích. Vậy thì, ông Lão Tử này, cũng chẳng còn gì để nói nữa!

Sủng nhục nhược kinh, quý đại hoạn nhược thân.

Sủng và nhục như nhau đều gây sợ hãi; coi tai họa lớn như chính thân mình.

Hà vị sủng nhục nhược kinh? Sủng vi hạ, đắc chi nhược kinh, thất chi nhược kinh, thị vị sủng nhục nhược kinh.

Tại sao nói sủng và nhục đều gây sợ hãi? Sủng là ở dưới; được nó thì sợ, mất nó thì sợ, đó gọi là sủng và nhục đều gây sợ hãi.

Hà vị quý đại hoạn nhược thân? Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vị ngô hữu thân. Cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn?

Tại sao nói coi tai họa lớn như chính thân mình? Sở dĩ ta có tai họa lớn, là vì ta có thân. Nếu ta không có thân, ta có tai họa gì?

Cố quý dĩ thân vi thiên hạ, nhược khả ký thiên hạ; ái dĩ thân vi thiên hạ, nhược khả thác thiên hạ.

Cho nên người coi trọng thân mình như thiên hạ, có thể giao thiên hạ cho họ; người yêu quý thân mình như thiên hạ, có thể thác phó thiên hạ cho họ.

Sủng nhục ai người không động lòng

Từ chương Mười một trở đi đã nói rõ, con người cần biết dùng vật mà không bị vật sai khiến, không bị vật làm lụy. Chỉ cần biết làm lợi cho vật, mới thành cái dụng lớn của vô vi. Vì vậy chương này tiếp tục nói rõ hơn, căn nguyên của cảnh giới sủng nhục trong đời người, đều bắt nguồn từ việc ta có thân mà ra.

Sủng là biểu hiện chung của sự đắc ý. Nhục là tên gọi chung của sự thất ý. Khi một người thành danh, thành công, nếu bình thường không có tu dưỡng thật sự coi nhẹ danh lợi, một khi đắc ý liền vui mừng cuồng loạn, vui đến phát khóc, tự nhiên sinh ra tâm trạng kinh động; thậm chí có kẻ đắc ý đến mức quên cả bản thân.

Chẳng hạn vào thời khoa cử nhà Thanh trước đây, dân gian truyền nhau một câu chuyện cười, đủ để minh họa rất rõ điều này. Có một ông đồ già mãi thi không đỗ, tuổi đã ngoài trung niên, lần này lại đúng dịp cùng con trai đi thi chung một khoa. Đến ngày yết bảng, người con xem bảng về, biết mình đã đỗ, vội vàng chạy về nhà báo tin mừng. Cha cậu lúc ấy đang tắm trong buồng, đóng cửa lại. Cậu con gõ cửa, reo to: Cha ơi, con đã đỗ hạng mấy rồi! Ông cụ ở trong buồng nghe vậy, liền quát to: Đỗ được một chân tú tài thì có gì ghê gớm, mà đã nhặng xị lên thế! Cậu con nghe vậy sợ không dám lớn tiếng nữa, liền khẽ nói: Cha ơi, cha cũng đỗ hạng mấy rồi đấy! Ông cụ nghe xong, liền mở toang cửa buồng, xông ra ngoài, quát to: Sao mày không nói ngay từ đầu! Ông quên khuấy mất rằng mình đang trần truồng, áo quần còn chưa kịp mặc! Đây chính là bức tranh sống động cho câu **"sủng vi hạ, đắc chi nhược kinh, thất chi nhược kinh"** (sủng là ở dưới, được nó thì sợ, mất nó thì sợ).

"Sủng mà giật mình", ai cũng có nhiều trải nghiệm, chỉ vì gặp quá nhiều lần lớn nhỏ nên dường như đã thành chuyện tự nhiên. Còn mặt trái lại, chính là thất ý mà giật mình. Cách đây nhiều năm, trên con phố tôi ở, nhà hàng xóm là một vị quan chủ quản, mỗi dịp lễ tết, khách khứa ra vào tấp nập như chợ. Có một năm vào mùa thu, nghe nói ông chủ nhà này vì việc gì đó mà bị bãi chức, đúng lúc người kế nhiệm lại dọn đến ở ngay căn nhà xéo cổng đối diện. Đến rằm trung thu, người mang lễ vật qua lại con hẻm này vẫn đông như trước. Một hôm, đứa con út của vị quan cũ đứng chơi trước cửa, vừa hay thấy những người quen thường ngày mang lễ đến nhà mình, nay lại xách đồ đi sang phía đối diện. Đứa trẻ ngây thơ tốt bụng, liền hét to: Bác ơi, nhà cháu ở đây, bác đi nhầm rồi! Khiến vị khách kia ngượng ngùng hết sức, chỉ còn biết cười gượng với đứa trẻ, vẫy tay cho qua chuyện. Có người chứng kiến cảnh ấy, thấy chạnh lòng,

đặc biệt đến kể lại cho chúng tôi nghe, than rằng "nhân tình ấm lạnh, thế thái viêm lương". Tôi nói, đây là cảnh đời muôn thuở xưa nay đông tây đều thế, có gì lạ đâu. Sách vỡ lòng thời thơ ấu của chúng ta, cuốn Tích Thời Hiền Văn, có câu: "có rượu có thịt thì lắm anh em, hoạn nạn nào thấy một ai?", "nghèo ở phố chợ chẳng ai hỏi, giàu chốn non sâu lắm khách thăm". Chẳng phải đó chính là lời báo trước cho những ai đã trưởng thành, nhìn thấu lẽ thường thế tục hay sao? Với người thường mà nói, đó là thói vụ lợi. Kỳ thực, trong giao tiếp giữa người với người, trong sự lưu chuyển của mọi việc đời, vụ lợi mới là lẽ thường; còn chỉ giữ đạo nghĩa, không màng lợi hại, mới là chuyện hiếm có, trái lẽ thường. Vật hiếm mới quý, chính vì thế mà đạo nghĩa mới trở nên vô cùng đáng quý.

Giao tình vì lợi ích, người xưa có tên gọi riêng, gọi là giao tình **"thị đạo"** (đạo chợ búa). Thị đạo cũng như việc buôn bán trên thương trường, chỉ xem có lợi hay không mà thôi. Vào thời Chiến Quốc, danh tướng nước Triệu là Liêm Pha, từng có kinh nghiệm lịch sử về câu "một lúc sang, một lúc hèn, mới thấy rõ tình giao hảo". Như Sử Ký chép:

> *Liêm Pha sau khi bị bãi chức trở về từ trận Trường Bình, lúc thất thế, các môn khách cũ đều bỏ đi hết. Đến khi được dùng lại làm tướng, môn khách lại kéo đến. Liêm Pha nói: Các ông lui đi! Môn khách đáp: Chao ôi! Ngài biết ra lẽ này muộn quá rồi. Người đời vốn giao du với nhau theo đạo chợ búa. Ngài có thế lực, chúng tôi theo ngài. Ngài mất thế lực, chúng tôi bỏ đi. Đó vốn là lẽ thường, có gì mà oán trách!*

Lời đối đáp của đám môn khách mà Liêm Pha vẫn nuôi dưỡng bấy lâu, không sai một chút nào. Người thiên hạ giao du với đại tướng quân họ Liêm các ông, vốn dĩ đều vì quan hệ lợi hại mà đến. Ông có quyền thế, lại nuôi nổi chúng tôi, chúng tôi mới theo ông. Ông vừa mất thế, dĩ nhiên ai nấy ngoảnh mặt bỏ đi. Đó là lẽ đương nhiên của thói đời, "ngài biết ra lẽ này muộn quá rồi", ông đến bây giờ mới hiểu ra, thì kể cũng hơi muộn màng rồi đấy!

Về cảm nhận đắc ý và thất ý, vinh sủng và ô nhục trong đời người, xưa nay đông tây, dù ở chốn quan trường, thương trường, hay tình trường, đều như trên sân khấu, là nơi thấy rõ nhất. Lấy chuyện tình trường nam nữ mà nói, như ai cũng biết, Mai phi, người được Đường Minh Hoàng sủng ái đầu tiên, về sau bị ghẻ lạnh nơi lãnh cung Trường Môn, muốn gặp lại một lần cũng không được. Bao nhiêu trai si gái oán trên đời, vì mối vướng mắc này mà không thể gỡ ra, từ đó dệt nên vô số tác phẩm văn học về mối tình bi ai, diễm lệ! Vì thế một thi nhân đời Tống mới có câu **"tiện tha thôn lạc Vô Diệm nữ, bất sủng bất kinh quá nhất sinh"** (đáng ước ao thay cô gái Vô Diệm chốn thôn dã kia, chẳng được sủng cũng chẳng bị kinh động, sống trọn một kiếp người), lời cố ý làm ra vẻ thoát tục! Vô Diệm là chỉ Vô Diệm quân, người phi tần xấu xí của Tề Tuyên Vương, xưa nay vẫn được dùng làm đại danh từ chỉ phụ nữ xấu xí. Kỳ thực, Vô Diệm cũng vậy, Tây Thi cũng vậy, không trải qua rực rỡ, sao biết được cái quý của sự bình đạm. Không trải qua vinh hoa, sao biết được cái đáng yêu của sự bình thường. Hai câu thơ nổi tiếng này, dĩ nhiên là lời cảm thán của người đã trải qua bao phong ba, nếm đủ vinh hoa rồi trở về với bình đạm. Xét về nghệ thuật câu chữ, quả thực rất đẹp. Nhưng xét về kinh nghiệm thực tế của đời người, mấy ai chịu "biết đủ thường vui" mà cam tâm sống đạm bạc! Trừ phi là bậc thánh triết sinh ra đã biết đạo như Lão Tử mà thôi. Kế đến, về mặt quan hệ giữa người với người, người không vì vinh nhục mà đổi thay đạo nghĩa, Gia Cát Lượng từng có một câu danh ngôn, đáng làm câu châm ngôn tu dưỡng tốt nhất cho người đời học tập, như nói:

> *Giao tình vì lợi thế, khó bền lâu dài. Kẻ sĩ biết nhau, khi ấm không thêm rực rỡ, khi lạnh chẳng đổi sắc lá, suốt bốn mùa không suy giảm, trải bằng phẳng hiểm nguy càng thêm bền chặt.*

Thiên hạ xưa nay vẫn xem nhẹ đôi tay

Trong văn chương cổ và những câu danh ngôn xử thế, ta thường nghe người đời khuyên nhau rằng "của cải ngoài thân, có đáng kể gì". Xét về vinh sủng khi đắc ý và ô nhục khi thất ý, thì lợi hại, được mất, suy cho cùng cũng chỉ là những thứ ngoài thân của đời người mà thôi; đến lúc nguy cấp giữa lợi và hại, sẵn sàng bỏ của cải để giữ mạng sống, đó là chuyện rất thường thấy. Trừ phi có ai coi của cải ngoài thân còn quan trọng hơn cả tính mạng, thì không thể lấy lẽ thường mà bàn được nữa!

Hơn mười năm trước, có một học trò trong lớp từng hỏi tôi, nội hàm của triết học tình yêu là gì? Tôi đáp rằng, điều con người yêu nhất là cái tôi của chính mình. Cái gọi là "tôi yêu em", kỳ thực là vì tôi muốn yêu em nên mới yêu em. Khi tôi không muốn, hoặc không cần yêu em nữa, thì tôi sẽ không yêu nữa. Vì vậy, tình yêu chính là biểu hiện cực đoan nhất của lòng vị kỷ. Kỳ thực, điều con người yêu nhất vốn không phải là em, càng không phải là người khác, mà điều yêu nhất vẫn chính là bản thân mình.

Vậy thì, tôi là gì? Là thân thể chăng? Câu trả lời: không phải. Khi ông mắc bệnh nặng, bác sĩ tuyên bố phải cắt bỏ một bộ phận chi thể hay khí quan quan trọng nào đó của ông, ông mới có thể sống tiếp. Lúc ấy, hầu như ai cũng đồng ý với ý kiến của bác sĩ, thà chịu đau mà cắt bỏ chi thể hay khí quan đã cùng mình sống chết có nhau, ngọt bùi cay đắng suốt cả một đời, chỉ cầu cho sinh mạng của chính mình được sống tiếp. Từ đó có thể thấy, ngay cả thân thể của tôi, đến giờ phút quan trọng sinh tử, cũng vẫn không phải là điều tôi yêu quý nhất, thì còn nói gì đến chuyện tôi thật lòng yêu em hay yêu người khác nữa! Vì vậy nhà sư làm thơ đời Minh là Dũng Đường thiền sư mới thốt ra câu thơ tuyệt diệu **"thiên hạ do lai khinh lưỡng tí, thế gian hà khổ trọng liên thành"** (thiên hạ xưa nay vốn xem nhẹ đôi tay, thế gian cớ sao lại coi trọng viên ngọc giá liên thành)!

Câu chuyện "xem nhẹ đôi tay" này, thấy chép trong thiên Nhượng Vương, phần Tạp thiên của sách Trang Tử.

Nước Hàn và nước Ngụy tranh nhau đất đai xâm lấn. Tử Hoa Tử vào yết kiến Chiêu Hi Hầu, thấy Chiêu Hi Hầu có vẻ lo buồn. Tử Hoa Tử nói: "Nay giả sử có người viết lời thề trước mặt ngài, lời thề rằng: tay trái nắm lấy thì tay phải sẽ bị chặt bỏ, tay phải nắm lấy thì tay trái sẽ bị chặt bỏ. Nhưng ai nắm được lời thề ấy thì tất được cả thiên hạ. Ngài có chịu nắm lấy không?" Chiêu Hi Hầu đáp: "Quả nhân không nắm." Tử Hoa Tử nói: "Rất tốt. Từ đó mà xét, hai cánh tay còn quý hơn cả thiên hạ. Mà tấm thân lại quý hơn cả hai cánh tay. Nước Hàn so với thiên hạ, nhẹ hơn nhiều lắm. Đất đai đang tranh chấp hôm nay, so với nước Hàn lại còn nhẹ hơn nữa. Vậy mà ngài cứ mãi lo buồn, hại thân tổn mệnh, sầu não vì không giành được đất ấy." Chiêu Hi Hầu nói: "Hay lắm! Người dạy quả nhân đã nhiều, nhưng chưa từng được nghe lời này bao giờ."

Vì vậy Trang Tử cũng nói: "Dù giàu sang cũng không lấy việc nuôi dưỡng mà làm tổn hại thân mình. Dù nghèo hèn cũng không vì lợi mà làm lụy hình hài." Lão Tử cũng nhân đó mà chỉ ra triết lý căn bản **"ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vị ngô hữu thân, cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn"** (sở dĩ ta có tai họa lớn, là vì ta có thân; nếu ta không có thân, ta có tai họa gì). Rồi tiến thêm bước nữa, nói rõ đối với các bậc hầu vương tướng soái ngoại vương trị thiên hạ, cái nhận thức lớn nhất của kẻ được gọi là "lấy một thân gánh an nguy thiên hạ", ắt phải lấy lòng yêu quý bản thân mình mà nâng niu che chở cho toàn dân thiên hạ, phát huy được tấm lòng đại ái đối với cả nhân loại, mới có thể xứng đáng gánh vác trọng trách "buộc an nguy thiên hạ vào một thân mình". Đó cũng chính là điểm cốt yếu mà toàn dân gửi gắm, tin cậy giao phó thiên hạ cho. Cùng một đạo lý ấy, nói theo cách khác, chính là lời của Tăng Tử: **"khả dĩ thác lục xích chi cô, khả dĩ ký bách lý chi mệnh, lâm đại tiết nhi bất khả đoạt dã. Quân tử nhân dư? Quân tử nhân dã."** (có thể gửi gắm đứa trẻ mồ côi sáu thước, có thể phó thác vận mệnh một nước trăm dặm, đến lúc đại tiết cũng không thể lay chuyển được. Đó có phải người quân tử chăng? Đó chính là người quân tử vậy.)

Từ quan điểm ấy, trong trải nghiệm của chúng ta ở thế kỷ này, nhìn vào các vị dân biểu được bầu theo lối dân chủ kiểu Mỹ, phần lớn đều là kẻ giơ tay vận động qua loa: xin bầu cho tôi! xin bầu cho tôi! Gào đến khản cả giọng để công kích người khác, ra sức hô hào vận động cử tri bỏ phiếu cho mình, không khỏi khiến người đứng ngoài liên tưởng đến nỗi u hoài trong câu **"quý dĩ thân vi thiên hạ, ái dĩ thân vi thiên hạ"** (coi trọng thân mình như thiên hạ, yêu quý thân mình như thiên hạ), "thiên hạ do lai khinh lưỡng tí, thế gian hà khổ trọng liên thành"!

Nói đến đây, chợt thấy trong số quý vị ngồi đây, có người vốn hâm mộ đạo thần tiên đan đạo của Thái Thượng Lão Quân nơi Lão Tử, trong lòng đang thắc mắc rằng cách giảng câu "cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn" của chương này, rõ ràng là nói về cảnh giới công phu tu đạo, cớ sao lại cứ phải nhấn mạnh phần văn sau nói về việc "quý dĩ thân vi thiên hạ, ái dĩ thân vi thiên hạ" có thể gửi gắm, có thể phó thác kia, làm gì cho rườm rà. Nhưng xin thứ lỗi cho tôi mạo muội, chính vì quá khâm phục cái diệu đạo vừa có thể nhập thế, vừa có thể xuất thế của Lão Tử, nên mới tiện miệng lan man mà nói sang khía cạnh đạo dùng đời, điểm hóa người đời của Lão Tử. Nếu xét theo con đường tu luyện thần tiên dưỡng sinh, muốn tu đến cảnh giới vô thân, quả thực đã chẳng dễ dàng. Nhưng không còn cái lo về "thân" rồi, cũng chưa chắc đã tiến trọn vẹn đến thành tựu "vô ngã". Huống hồ những người thường tin theo đạo Lão Tử, phần nhiều còn đang chú trọng hư tâm thực phúc, ra sức công phu khí mạch trên thân thể, chính là đang bị cái lo về có thân làm lụy đấy thôi! Vì thế tổ sư thần tiên phái Nam Tông đời Tống là Trương Tử Dương chân nhân mới có lời than **"hà khổ phao thân hựu nhập thân"** (cớ sao khổ công vứt bỏ thân này rồi lại chui vào một cái thân khác)! Còn như hỏi, làm sao mới tu được đến chỗ không còn lụy vì "thân"? Thì nên bắt đầu nhiều từ chỗ **"tồn thần phản thị"** (giữ thần mà quay nhìn vào trong), **"nội chiếu hình khu"** (soi chiếu vào trong hình hài), rồi mới tiến vào cảnh giới siêu thần nhập hóa **"ngoại kỳ thân nhi thân tồn"** (đặt thân mình ra ngoài mà thân mình được tồn tại), có lẽ mới gần đạt tới được!

Thượng Kinh · Chương 14

Thị chi bất kiến danh viết di; thính chi bất văn danh viết hy; bác chi bất đắc danh viết vi.

Nhìn mà không thấy gọi là Di; nghe mà không nghe thấy gọi là Hy; nắm mà không bắt được gọi là Vi.

Thử tam giả bất khả trí cật, cố hỗn nhi vi nhất.

Ba cái này không thể tra cứu tường tận, nên hòa lẫn thành một.

Kỳ thượng bất kiểu, kỳ hạ bất muội, thằng thằng bất khả danh, phục quy ư vô vật.

Phía trên không sáng rực, phía dưới không tối tăm, mờ mịt không thể đặt tên, lại trở về cõi không có vật.

Thị vị vô trạng chi trạng, vô vật chi tượng, thị vị hốt hoảng.

Đó gọi là hình dạng của cái không có hình dạng, hình tượng của cái không có vật, gọi là hốt hoảng (mơ hồ).

Nghênh chi bất kiến kỳ thủ, tùy chi bất kiến kỳ hậu.

Đón trước mà không thấy đầu của nó, theo sau mà không thấy đuôi của nó.

Chấp cổ chi đạo, dĩ ngự kim chi hữu. Năng tri cổ thủy, thị vị đạo kỷ.

Nắm giữ Đạo của xưa, để điều khiển cái có (hiện tại). Có thể biết được khởi đầu của xưa, đó gọi là kỷ cương của Đạo.

Thời không, tâm vật và thể dụng của Đạo

Theo thứ tự tám mươi mốt chương sách Lão Tử do Vương Bật xếp đặt đã quen dùng từ lâu, kể từ chương này trở đi, lại như tách sang một hướng hoàn toàn khác, chuyển sang bàn luận về cảnh giới vật lý, xem chừng không ăn khớp mạch lạc với chương trước. Nhưng kỳ thực, so với điều chương Mười ba đã nói, con người không nên để tình vật làm lụy, sinh ra khốn đốn vì sủng nhục thế tục, từ đó nảy sinh lòng được mất. Hơn nữa, càng hiểu rõ hơn rằng sự phát sinh của sủng nhục, đều bắt nguồn từ cái lụy có thân mà ra, **"cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn"** (nếu ta không có thân, ta có tai họa gì). Vậy thì có thể biết, trong thế giới hiện thực, cái mấu chốt giữa ta và vô ngã, chỉ vì có sự tồn tại của tấm thân này mà chịu lụy vô cùng. Nhưng thân ta là tấm thân xương thịt, trạng thái sinh lý của xương thịt, cũng chính là do tạo hóa vật lý mà thành. Vì thế chương này tiến thêm bước nữa, nói rõ lý lẽ tâm vật nhất nguyên, giữa cái hình nhi thượng và hình nhi hạ, tuy mơ hồ ẩn hiện, vẫn thuận theo mạch lý, có đường dây rõ ràng để lần theo. Đây cũng chính là chỗ đặc biệt của học thuyết Đạo gia, luôn bắt đầu từ sinh lý, vật lý mà đi đến hình nhi thượng, khác hẳn với chỗ thú vị lý luận của Nho gia, Phật gia đời sau.

Chương này trước hết nêu ra một thứ nhìn mà không thấy, nghe mà không nghe được, lại sờ mó cũng không chạm tới, một khối hỗn nguyên nhất thể. Nói nó là vật chăng, thì nó lại không giống những vật thể trong thế giới vật chất kia, có thể nhìn thấy, nghe được, sờ được. Nói nó không phải vật chăng, thì sự tồn tại của muôn vật trong vũ trụ, đều do nó tạo hóa mà sinh ra. Vì vậy, về mặt lý niệm, gọi tên nó là "Đạo". Về mặt thực dụng, thì gọi nó là hỗn nguyên nhất thể. Nhưng vốn dĩ không có danh tướng nào để gọi ra được, thì rốt cuộc nó là thứ gì? Lão Tử đã đặt cho nó ba cách gọi tên.

Cái nhìn mà không thấy, vẫn còn một sự tồn tại vượt ngoài tầm mắt nhìn tới, đặc biệt đặt tên cho nó là "Di". Di, là biểu thị của sự bằng phẳng không trở ngại.

Cái nghe mà không nghe được, vẫn còn một tác dụng vượt ngoài tầm tai nghe tới, đặc biệt đặt tên cho nó là "Hy". Hy, không phải là không có âm thanh, chỉ là thứ đại âm mà tai mắt loài người không thể chạm tới mà thôi.

Cái cảm giác sờ chạm không tới, vẫn còn một thứ vượt ngoài tầm giác quan biết được, đặc biệt đặt tên cho nó là "Vi". Vi, dĩ nhiên không phải là tuyệt đối không có gì. Về sau Phật học từ Ấn Độ truyền vào, khi nói đến chỗ thâm sâu của vật lý, cũng mượn luôn quan niệm của Lão Tử, dịch đặt tên là "cực vi", nội hàm của nó cũng cùng chung một lẽ như vậy.

Nói chung, ba tác dụng căn bản là thị giác, thính giác và xúc giác này, vốn là một tam giác nhất thể. Nó có mối liên hệ mật thiết qua lại với thanh, quang, xúc thụ của thế giới vật lý. Cũng có thể nói đó là ba tác dụng của một thể, không thể truy tìm ranh giới riêng biệt của từng cái, vì vậy mới nói gộp mập mờ rằng nó **"hỗn nhi vi nhất"** (hòa lẫn thành một). Kể từ Lão Tử về sau, Đạo gia và Đạo giáo bèn theo đó mà gọi nó là "hỗn nguyên nhất thể", hay "hỗn nguyên nhất khí". Đây chính là cách phân loại vật lý của Lão Tử thời bấy giờ, cũng có thể coi là một trong những cách giải thích sơ khai của lý luận vật lý cổ đại Trung Quốc.

Nói rõ thêm nữa, ông bảo cái thứ "hỗn nhi vi nhất" của thanh, quang, xúc giác này, tự bản thân nó vốn không có phân biệt trên dưới trái phải các phương vị, cũng không có ranh giới sáng tối. Cũng có thể nói trên dưới sáng tối, đều "hòa lẫn thành một", không thể chia tách, vì vậy nó mang tính chất vượt ngoài thời không. **"Kỳ thượng bất kiểu"** (phía trên không sáng rực), dù ở trên chín tầng trời, cũng không nhiễm cái đặc tính sáng rực chói lọi. **"Kỳ hạ bất muội"** (phía dưới không tối tăm), dù ở dưới chín tầng đất, cũng không nhiễm hiện tượng tối tăm mờ mịt. Nó tựa như không liên quan mà lại liên quan, mãi mãi nối liền không đứt không dứt, **"thằng thằng bất khả danh"** (mờ mịt không thể đặt tên). Ông muốn nói nó là một thứ vật chất cụ thể, nó lại không phải vật chất, **"phục quy ư vô vật"** (lại trở về cõi không có vật). Tóm lại, không có hình dạng cố định, **"vô trạng chi trạng"** (hình dạng của cái không có hình dạng). Cũng không thể lấy bất cứ vật gì để ví với hiện tượng của nó, **"vô vật chi tượng"** (hình tượng của cái không có vật). Đành phải đặt cho nó một biệt hiệu, gọi là "hốt hoảng". Về chữ hốt hoảng, Lão Tử ở đoạn văn sau còn tự có giải thích riêng, ở đây chưa cần nói trước. Nó là không đến không đi, chẳng đi chẳng đến, một tác dụng thời không vượt ngoài sự thay đổi xưa nay. Đến cũng chẳng từ đâu mà đến, ông muốn đón nó cũng không mò được đầu mối. Đi cũng chẳng theo dõi được, ông muốn bám theo thì nó đã không hình không bóng, lặng lẽ biến mất tự bao giờ. **"Nghênh chi bất kiến kỳ thủ, tùy chi bất kiến kỳ hậu"** (đón trước mà không thấy đầu của nó, theo sau mà không thấy đuôi của nó).

Nó vốn là không đầu không cuối, nhưng trên góc độ quan sát của nhân văn, người ta miễn cưỡng phân biệt nó có đầu có cuối, có đi có đến, có ranh giới xưa nay. Vì thế, lấy cái đầu của vô thủy, tạm đặt tên nó là "cổ" phía trên. Vô thủy không thể nắm bắt, thượng cổ không thể giữ lại, chỉ cần nắm chắc thực tại của ngày hôm nay, mới có thể lĩnh hội được chân lý trong câu **"phong nguyệt vô kim cổ, tình hoài tự thiển thâm"** (gió trăng chẳng phân xưa nay, tình cảm tự có nông sâu). **"Chấp cổ chi đạo, dĩ ngự kim chi hữu"** (nắm giữ Đạo của xưa, để điều khiển cái có (hiện tại)). Nhưng chớ quên rằng bản tướng của nó vốn không có xưa nay, không có đầu cuối, được như vậy, mới nắm được cương lĩnh của Đạo, **"năng tri cổ thủy, thị vị đạo kỷ"** (có thể biết được khởi đầu của xưa, đó gọi là kỷ cương của Đạo).

Chương này tuy thiên về nói rõ thể dụng của Đạo qua mối quan hệ thời không, tâm vật, nhưng nhìn từ góc độ học thuật thường coi trọng việc dùng vào đời, nó lại có mối quan hệ triết học sâu kín với cái gọi là đế vương thuật và lãnh đạo học đời sau. Bởi vì xét theo triết học chính trị truyền thống, định nghĩa của chữ "quan" trong việc bậc vương giả đặt quan chức để trị đời, nên có hai cách hiểu:

> *Một, xét theo chế độ chính trị, chữ 官 (quan) tức là chữ 管 (quản). Quan, chính là nghĩa quản lý.*

Hai, xét theo triết học lãnh đạo chính trị của bậc quân chủ, chữ 官 (quan) cũng giống như quan năng của thân thể con người, tức cái gọi là ngũ quan bách hài, mỗi bộ phận đều có chức phận chuyên trách riêng, đảm nhiệm những công việc khác nhau, nhưng đều phải báo về trung khu thống lĩnh là bộ đầu não để được xử lý bằng trí tuệ.

Mà quan năng đắc lực nhất giúp cho đầu não, chính là thị lực của đôi mắt, thính giác của đôi tai, cùng với các quan chức gần dân mà cả thân mình tiếp xúc cảm nhận được. Từ xưa đến nay, dù là chế độ đế vương chuyên chế hay chế độ dân chủ tự do, cũng đều không ngoài nguyên lý này. Nhưng mắt thấy được, tai nghe được, tay sờ chạm được, lòng suy nghĩ được, suy cho cùng đều có giới hạn. Ngay như những học trò cửa Khổng sinh sau Lão Tử một chút, nhưng còn ở thời Nho Đạo chưa phân chia riêng biệt, như Tăng Tử, Tử Tư, đã sớm có lời răn dạy sâu sắc về điều này.

Tăng Tử nói: **"nhất tâm khả dĩ sự bách quân, bách tâm bất khả sự nhất quân"** (một lòng có thể thờ trăm vua, trăm lòng không thể thờ nổi một vua).

Tử Tư nói: **"bách tâm bất khả dĩ đắc nhất nhân, nhất tâm khả dĩ đắc bách nhân"** (trăm lòng không thể có được một người, một lòng có thể có được trăm người). **"quân tử dĩ tâm đạo nhĩ mục, tiểu nhân dĩ nhĩ mục đạo tâm"** (người quân tử lấy tâm dẫn dắt tai mắt, kẻ tiểu nhân lấy tai mắt dẫn dắt tâm).

Cả hai vị đều hết sức chủ trương người lãnh đạo trước hết phải chú trọng tự tu dưỡng thành ý, chính tâm, mà thận trọng răn ngừa việc thiên lệch tin theo tai mắt một cách không đúng đắn. Vì vậy, đứng trên lập trường học thuật chính thống của Nho gia, Đạo gia, phần lớn đều phản đối lối "xét nét từng li từng tí để tỏ ra sáng suốt", thiên lệch quá mức vào tác dụng chế ước của pháp gia hay quyền thuật. Cái gọi là "kẻ nhìn thấu tận đáy vực để soi cá, ấy là điềm chẳng lành", chính là ý này.

Nói đến đây, tạm cho phép chúng ta có phần lạc đề, bước ra ngoài phạm vi Lão Tử Đạo gia, chen vào một câu chuyện Thiền tông thời cuối Đường, may ra có thể có được cái thú vị giác ngộ kỳ diệu của câu **"tha sơn chi thạch, khả dĩ công ngọc"** (đá núi khác, có thể dùng để mài ngọc).

Thiền sư Cổ Linh Thần Tán sau khi ngộ đạo, một hôm, thấy vị bổn sư thụ nghiệp của mình đang ngồi xem kinh dưới cửa sổ, vừa lúc có một con ong bay đâm vào cửa giấy mà không chui ra được. Cổ Linh liền nhân đó nói: "Thế giới rộng lớn như thế (như vậy), lại không chịu ra. Cứ chui vào giấy cũ đến năm con lừa mới thoát (năm con lừa, ý nói mãi mãi không có năm ấy, vì trong mười hai con giáp địa chi không có con lừa)." Rồi liền đọc kệ rằng:

Không môn bất khẳng xuất, đầu song dã đại si.
Cửa không chẳng chịu ra, đâm vào song cửa thật quá si mê.

Bách niên toàn cố chỉ, hà nhật xuất đầu thì.
Trăm năm chui giấy cũ, ngày nào mới ngóc đầu lên được.

Vị bổn sư của ông, nhờ đó mà được khai ngộ, cuối cùng đại triệt đại ngộ. Người đời sau, đối với công án này, lại viết thêm một bài thơ kệ rằng:

Dăng ái tầm quang chỉ thượng toàn, bất năng thấu quá kỷ đa nan.
Ruồi thích tìm ánh sáng mà chui vào giấy, chẳng sao vượt qua được bao gian nan.

Hốt nhiên chàng trước lai thời lộ, thủy tín bình sinh bị nhãn man.
Chợt va phải con đường đã đi qua, mới tin cả đời bị đôi mắt lừa dối.

Người ta sống đến già, mới hiểu ra có biết bao chuyện đời, bị chính tai mắt mình lừa dối, bị chính tình cảm chủ quan mình che lấp, nhiều vô kể. Đã biết tai mắt của bản thân cũng khó tin cậy hoàn toàn là chân thực, thì chỉ có dùng tâm mà thể hội quy luật lịch sử "chấp cổ chi đạo, dĩ ngự kim chi hữu, năng tri cổ thủy, thị vị đạo kỷ" mới là thiết thực, thỏa đáng hơn cả. Cùng một đạo lý ấy, nói theo cách ngược lại, thì có câu Tử Tư nói trong thiên Trung Dung, cái gọi là **"sinh hồ kim chi thế, phản cổ chi đạo, như thử giả, tai cập kỳ thân giả dã"** (sinh ở đời nay mà làm ngược lại đạo xưa, kẻ như vậy, tai họa sẽ đến với thân mình). Kỳ thực Tử Tư cũng như Lão Tử, đều hết sức coi trọng triết học lịch sử và quy luật nhân quả của kinh nghiệm lịch sử, khinh rẻ thói tự cho mình khôn ngoan mà kiêu ngạo, chỉ theo ý riêng mình mà làm, coi trọng quá mức cái sáng suốt kiểu xét nét từng li từng tí, là không đúng đắn. Từ đó soi chiếu lại thế giới ngày nay, phổ biến đều dựa vào tai mắt thu thập tư liệu, làm căn cứ cho chính sách thống kê. Thậm chí, còn dựa vào dữ liệu thống kê của máy tính để quyết định việc quản lý nhân sự. Có lúc gặp phải sai số của bản thân máy tính, hoặc con người cố ý thao túng sai lệch dữ liệu máy tính, lại nhớ đến lời diệu ngữ của Lão Tử **"thử tam giả bất khả trí cật, cố hỗn nhi vi nhất"** (ba cái này không thể tra cứu tường tận, nên hòa lẫn thành một), trước cảnh bất lực đành phải bật cười thầm mà thấu hiểu vậy!

Cổ chi thiện vi sĩ giả, vi diệu huyền thông, thâm bất khả thức.

Người xưa khéo tu sĩ, tinh tế huyền thông, sâu sắc không thể hiểu được.

Phù duy bất khả thức, cố cưỡng vi chi dung.

Chính vì không thể hiểu được, nên cố dùng lời để mô tả.

Dự hề nhược đông thiệp xuyên, do hề nhược úy tứ lân,

Thận trọng thay, như lội qua sông mùa đông; do dự thay, như sợ láng giềng bốn phía,

nghiễm hề kỳ nhược dung, hoán hề nhược băng chi tương thích,

trang nghiêm thay, như có dung lượng bao dung; mềm mại thay, như băng sắp tan,

đôn hề kỳ nhược phác, khoáng hề kỳ nhược cốc, hỗn hề kỳ nhược trọc.

chất phác thay, như gỗ chưa đẽo; rộng rãi thay, như thung lũng; lẫn lộn thay, như nước đục.

Thục năng trọc dĩ tĩnh chi từ thanh, thục năng an dĩ động chi từ sinh.

Ai có thể từ chỗ đục, dùng sự tĩnh lặng mà làm trong dần; ai có thể từ chỗ yên, dùng sự vận động mà sinh ra dần.

Bảo thử đạo giả bất dục doanh. Phù duy bất doanh, cố năng tệ bất tân thành.

Người giữ Đạo này không muốn đầy tràn. Chính vì không đầy, nên có thể che giữ cái cũ mà không thành mới.

Cốt lõi chữ "sĩ" của Lão Tử

Chữ "sĩ" mà người thời thượng cổ nói tới, không hoàn toàn giống với người đọc sách theo quan niệm hiện đại. Nghĩa gốc của chữ "sĩ" là chỉ người chuyên tâm vào đạo nghiệp, thật sự có học vấn. Một người đọc sách phải tu dưỡng học thức, trí tuệ và đạo đức đến mức thân tâm hòa hợp, tự tại, thông suốt cả pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian, hợp với tám chữ **"vi diệu huyền thông, thâm bất khả thức"** (tinh tế huyền thông, sâu sắc không thể hiểu được), mới thật sự đủ tư cách gọi là một kẻ "sĩ". Nói theo cách bây giờ, đã là sĩ thì học vấn, đạo đức đều phải tinh vi không tì vết đến mức cực điểm. Cũng như lời Khổng Tử nói trong Kinh Dịch: **"khiết tĩnh tinh vi"** (trong sạch, tĩnh lặng, tinh tế). "Khiết tĩnh" là nói học vấn đã gần tới cảnh giới tôn giáo, triết học. "Tinh vi" thì tương đương với sự chính xác của khoa học. Tư tưởng Đạo gia cũng từ hệ thống "khiết tĩnh tinh vi" ấy mà ra.

Vì vậy Lão Tử nói: **"cổ chi thiện vi sĩ giả, vi diệu huyền thông"** (người xưa khéo tu sĩ, tinh tế huyền thông). Ý nói tinh vi đến mức diệu kỳ không thể diễn tả, trong sạch tĩnh lặng đến mức thông suốt cõi huyền, thì có thể không gì không biết, không gì không rõ. Hơn nữa, nói gượng về cảnh giới "diệu" ấy, là muôn sự muôn vật đều có thể đạt đến chỗ vừa vặn, không sinh ra tác dụng xấu. Đúng như hai câu người xưa từng nói: **"thánh nhân vô tử địa, trí giả vô khốn ách"** (thánh nhân không có chỗ chết, người trí không gặp khốn cùng). Một bậc đại thánh nhân, dù rơi vào cảnh ngộ tồi tệ đến đâu, cũng không bao giờ đi vào đường cùng. Một người thật sự có đại trí tuệ, căn bản không bị hoàn cảnh làm khốn đốn, trái lại còn có thể tự giải thoát mình ra khỏi trùng trùng khó khăn.

Hai chữ "huyền thông" có thể ghép lại mà giải thích, nhưng cũng có thể tách riêng mà xét. **"Huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi môn"** (huyền rồi lại huyền, cửa của muôn điều huyền diệu), đây chính là lời chú giải của Lão Tử về chữ "huyền". Nói cụ thể hơn nữa, tức là muôn vật đều có thể tùy tâm mà nắm trong tay. Đạo gia hình dung

người tu Đạo đã có thành tựu là "vũ trụ trong tay, muôn biến hóa từ tâm". Ý là ở đây. Một người có thể nhẹ nhàng nắm cả vũ trụ trong lòng bàn tay, để cho muôn vàn biến hóa của vạn vật tùy ý mình chỉ huy, sáng tạo, chẳng phải còn vĩ đại hơn cả Thượng Đế hay sao? Còn về chữ "thông", là nghĩa không gì không thông suốt, tương đương với **"viên dung vô ngại"** (tròn đầy, dung thông, không gì ngăn ngại) mà nhà Phật hay nói. Cũng chính là điều Kinh Dịch, Hệ từ truyện đã nói: **"biến động bất cư, chu lưu lục hư"** (biến động không ngừng, xoay vòng khắp sáu cõi hư). "Lục hư" cũng gọi là "lục hợp", tức đông tây nam bắc trên dưới; phàm là muôn pháp, trong khoảng trời đất đều biến hóa khôn lường. Trên đây là nói rõ, tu Đạo có thành tựu, đến một giai đoạn nào đó, sẽ hợp với cảnh giới "vi diệu huyền thông, thâm bất khả thức".

Vì vậy Lão Tử lại nói: **"phù duy bất khả thức, cố cưỡng vi chi dung"** (chính vì không thể hiểu được, nên cố dùng lời để mô tả). Một người đắc Đạo đã có thành tựu, người thường hầu như không có cách nào nhận ra được, cũng không có cách nào xác định được, vì người ấy đã viên mãn hòa hợp, không gì không thông suốt. Phàm là sự vật viên mãn, đứng ở góc độ nào mà nhìn cũng đều khiến người ta ưng ý, không có chỗ nào chướng mắt. Nếu có hình dung được, thì cũng chỉ là gượng ép mà gán ghép vào mà thôi.

Tiếp theo, Lão Tử nói rõ bổn phận mà một người đắc Đạo nên làm tròn, thật ra cũng chính là chỉ ra sự tu dưỡng mà mỗi người nên có. Nói cách khác, trong quan niệm Đạo gia của văn hóa Trung Quốc, phàm là một kẻ trí thức thì đều phải có khả năng đảm đương được mọi việc. Nghiên cứu kỹ hơn thì thấy, điều Lão Tử nói ở đây đúng khớp với chuẩn mực hành vi của người đọc sách thời thượng cổ mà thiên Nho Hạnh trong Lễ Ký đã nói tới. Chỉ có điều, cách hình dung trong chương này của Lão Tử khác với lời lẽ trong thiên Nho Hạnh. Xét theo quan niệm bây giờ, cách miêu tả của Lễ Ký thiên về khoa học, có quy cách rõ ràng. Còn cách miêu tả của Lão Tử bên Đạo gia lại thiên về văn học, đi theo lối ví von trên mặt lôgic, còn quy mô chi tiết thì để mỗi người tự mình định lấy.

"Dự hề nhược đông thiệp xuyên" (thận trọng thay, như lội qua sông mùa đông), một người thật sự có Đạo, làm người làm việc quyết không hấp tấp, việc gì cũng cân nhắc thận trọng trước. Chữ "dự" nghĩa là có sự chuẩn bị sẵn, cũng chính là điều người xưa từng nói: **"phàm sự dự lập nhi bất lao"** (mọi việc chuẩn bị sẵn từ trước thì không phải nhọc sức). Một việc gì đó, chưa suy nghĩ kỹ đã vội vàng quyết định, hấp tấp mà làm, hấp tấp mà nói, đó là thói quen của người thường. "Việc gì cũng sai lầm vì vội vã, mấy ai biết tu trong chỗ tĩnh lặng." Người học Đạo, khi ứng phó với muôn việc, phải có thái độ hết sức từ tốn khoan thai. Làm người làm việc phải tu dưỡng đến mức từ tốn, ung dung, "vô vi mà không gì không làm được". "Vô vi", nhìn bề ngoài tưởng như không có hành động gì, nhưng thực ra là trí tuệ cao siêu, phản ứng nhanh nhạy, mỗi cử chỉ mỗi bước đi đều đã suy tính kỹ càng từ trước, đã sớm định sẵn quyết định thích hợp nhất. Nhìn người ấy tưởng như chẳng chút căng thẳng, kỳ thực lại thận trọng chu đáo hơn ai hết, chỉ vì trí tuệ cao, xoay chuyển quá nhanh nên người khác không nhìn ra được mà thôi. Hơn nữa, ngày thường đối nhân xử thế, việc gì trong lòng cũng rõ ràng minh bạch, mỗi lời nói cử chỉ đều không hề mập mờ. Thái độ tu dưỡng như vậy chính là hình ảnh của "dự lập nhi bất lao". Đây cũng chính là câu danh ngôn nghìn đời của văn hóa Trung Quốc, là câu châm ngôn vững chắc không lay chuyển mà ai cũng nên học theo. Cũng như một khuôn phép vừa vặn đến mức hoàn hảo, dù thế nào bạn cũng không có cách nào vượt ra khỏi nó, bởi bản thân nó vốn đã là một quy cách hoàn mỹ.

Nhưng "dự hề" thì "dự" như thế nào? Câu trả lời là **"nhược đông thiệp xuyên"** (như lội qua sông mùa đông). Câu này trên mặt chữ rất dễ hiểu, tức là như qua sông vào mùa đông. Nhưng qua sông mùa đông rốt cuộc là cảnh tượng ra sao? Ở miền Nam Trung Quốc không dễ thấy cảnh này, phải đến miền Bắc mới cảm nhận được hết cái vị của nó. Mùa đông, mặt nước Hoàng Hà đóng băng, cả con sông lớn có thể phủ một lớp băng tuyết dày. Không chỉ người đi bộ, mà xe ngựa, xe trâu, đủ loại phương tiện cũng có thể chạy trên mặt băng, nhưng phải hết sức cẩn thận, có khi đến giữa dòng sông, lỡ đạp phải chỗ băng đã tan chảy, sẩy chân một cái là mất mạng ngay. Người xưa nói: **"như lâm thâm**

uyên, như lý bạc băng” (như đến bên vực sâu, như giẫm trên lớp băng mỏng), chính là ý này. Làm người xử thế, phải hết sức cẩn thận, dè dặt, run sợ. Tuy nói “nghệ cao thì gan lớn”, người có bản lĩnh cao cường thường nhìn việc thiên hạ đều thấy dễ dàng. Ví như Napoléon, trong từ điển của ông không có chữ “khó”. Nhưng thực tế, chính vì Napoléon coi thường tất cả mà rốt cuộc thất bại. Nếu là người trí tuệ bình thường, trái lại sẽ không xem việc gì là quá đơn giản, không dám coi nhẹ; hơn nữa đối với mỗi người, đều xem như cao minh hơn mình, không dám tự cao tự đại. Vì vậy, câu này của Lão Tử nói rõ, một người có tu dưỡng, phải luôn luôn giữ trong lòng cái cảm giác như đang bước qua sông băng mùa đông, chỉ cần lơ là một chút là có nguy cơ mất mạng, mà luôn răn mình cẩn trọng, sợ hãi.

Tiếp đó, Lão Tử lại đưa ra một ví von khác, **“do hề nhược úy tứ lân”** (do dự thay, như sợ láng giềng bốn phía), để giải thích sự suy tính chu đáo, mưu tính thận trọng mà quyết đoán của người tu Đạo. “Do” là một loài thú thuộc họ khỉ, cũng như con cáo, trước khi ra khỏi hang hay xuống khỏi cây, nhất định phải nhìn cho rõ động tĩnh khắp bốn phương tám hướng rồi mới dám hành động. Đặc điểm cẩn trọng dè dặt này, có lẽ còn hơn cả loài chuột. Chúng ta hình dung người làm việc nhát gan, rụt rè, không có tự tin nên chần chừ không quyết, còn có một câu tục ngữ khác, ví người ấy như con chuột thò đầu ra khỏi hang, ngó bên này ngó bên kia mãi không dám quyết. Ý nghĩa của câu này cũng gần giống với việc do dự không quyết. Chỉ cần quan sát kỹ dáng vẻ con chuột ra khỏi hang, sẽ thấy, con chuột thường vừa bò ra khỏi hang được vài bước, ngoái nhìn trái phải, liền lập tức quay đầu chạy lui trở lại. Nó vốn muốn tiến lên, nhưng lại nghi thần nghi quỷ, lùi về hang; đợi một lát, lại chạy ra, nhưng chưa chạy được mấy bước lại thụt vào. Cứ như thế, có lẽ phải lặp lại vài lần, cuối cùng mới dám xông ra. Loài “do” cũng vậy, mỗi lần hành động, nhất định phải nhìn ngó bên đông bên tây trước, đợi mọi thứ quan sát rõ ràng, biết không có nguy hiểm, mới dám ra ngoài.

Điều này muốn nói, người tu Đạo trên con đường đời, đối với bản thân, đối với thế giới bên ngoài, đều phải nhận thức cho thật rõ ràng. “Do hề nhược úy tứ lân”, giống như con “do” vậy, cứ như bốn phương tám hướng đều có biến động, đều có kẻ thù, trong lòng luôn mang nỗi sợ, không thể không nơm nớp lo âu, cẩn trọng dè dặt. Cho dù bạn không sống trong cái xã hội phức tạp này, mà chỉ một mình đi trên đồng hoang, thì kể ra cũng coi như không có kẻ thù rồi chứ! Nhưng cái đồng hoang ấy rất có thể chính là kẻ thù của bạn, đi mãi đi mãi, biết đâu bạn lại vấp ngã ngay trên mảnh đất hoang vu ấy, chẳng bao giờ đứng dậy nổi nữa. Cho nên, sống ở đời phải cẩn trọng đến mức như vậy.

Tiếp đến, **“nghiễm hề kỳ nhược dung”** (trang nghiêm thay, như có dung lượng bao dung), nói lên rằng người tu Đạo đối nhân xử thế đều rất cung kính, bất cứ lúc nào, ở đâu cũng quyết không qua loa. Điều Tử Tư viết trong Trung Dung, cái gọi là **“thận độc”** (thận trọng khi ở một mình), cũng có chỗ giống như vậy. Một người khi ở một mình lúc đêm khuya vắng lặng, tuy không có ai khác ở bên, nhưng vẫn phải cung kính như đang đối diện tổ tiên, đối diện Bồ Tát, đối diện Thượng Đế, không nên vì ở một mình mà để hành vi buông tuồng, trái lẽ.

Mọi người đều biết văn hóa Trung Quốc có một bộ sách căn bản nhất, đó là Lễ Ký. Bộ Lễ Ký này chẳng khác nào bộ hiến chương bất thành văn của dân tộc Trung Hoa thời thượng cổ, cũng chính là cội nguồn của văn hóa Trung Hoa, là căn cứ cho kho tàng bách khoa. Người thường đa phần cho rằng Lễ Ký chỉ là sách bàn về lễ nghi mà thôi, kỳ thực lễ nghi chỉ là một phần đại diện trong đó. Thế nào gọi là “lễ”? Không nhất thiết chỉ là cái hành vi bề ngoài cúi đầu bái lạy. Câu đầu tiên trong Lễ Ký viết: **“vô bất kính, nghiễm nhược tư”** (không gì là không kính, trang nghiêm như đang suy nghĩ). Tinh thần thật sự của lễ, nằm ở chỗ bản thân mình bất cứ lúc nào, ở đâu, cũng đều giữ thái độ thành kính. Xử lý công việc, đối nhân xử thế, dù là buôn bán hay đọc sách, lúc nào cũng nghiêm cẩn với chính mình, không lệch lạc sai lỡ. “Nghiễm nhược tư”, chữ “nghiễm” là tính từ, chỉ sự tự tôn tự trọng hết mực, quản lý bản thân hết sức nghiêm chính, cung kính. Tấm lòng và khí độ bao dung muôn vật, nhân cách rộng lớn khoan dung, có thể tha thứ tất cả, dung chứa muôn điều, đó chính là “nghiễm hề kỳ nhược dung”, dáng vẻ ung dung trang trọng. Đây là nói về thái độ sống mà người có Đạo nên có, chẳng khác nào giới luật của người tu Đạo, một chuẩn mực sống đáng quý.

Những điều nói ở trên, chỗ nào cũng nhắc đến thái độ nghiêm túc mà người học Đạo nên có. Nhưng như vậy vẫn chưa đủ, người ấy còn có một mặt khác là phóng khoáng tự tại, ung dung tự đắc. Rốt cuộc phóng khoáng đến mức nào? **"Hoán hề nhược băng chi tương thích"** (mềm mại thay, như băng sắp tan). Xuân đến, trời dần ấm áp, núi băng khối tuyết gặp khí trời ấm áp liền dần tan chảy, tản ra, biến thành dòng nước trong, thấm nhuần khắp đại địa. Ta biết học trò của Khổng Tử từng hình dung thầy mình **"vọng chi nghiễm nhiên, tức chi dã ôn"** (nhìn thì thấy nghiêm trang, đến gần lại thấy ôn hòa); vừa mới nhìn thấy thì ai nấy đều sợ, nhưng khi đến gần tiếp xúc lại thấy rất ấm áp, rất gần gũi. "Nghiễm hề kỳ nhược dung, hoán hề nhược băng chi tương thích", chính là ý này. Câu trước nói về sự trang nghiêm, khoan dung của nhân cách; câu sau nói về sự phóng khoáng của tấm lòng, khí độ.

Không những vậy, mỗi lời nói, mỗi hành động, mỗi cử chỉ của người tu Đạo, **"đôn hề kỳ nhược phác"** (chất phác thay, như gỗ chưa đẽo), cũng phải hết sức thật thà đôn hậu, mộc mạc không phô trương. Giống như một tảng đá, tuy bên trong giấu một khối ngọc quý, hay một thứ như kim cương, nhưng nếu chưa đập ra thì người khác chẳng biết bên trong lại có báu vật vô giá. Nhìn bề ngoài chỉ là một khối đá thô kệch. Hoặc như một khúc gỗ dính đầy bùn đất, xấu xí chẳng ra hình dáng gì, nào ngờ gạt lớp tạp chất bên ngoài ra, bên trong lại là một khối gỗ nam mộc thượng hạng có thể đem chạm khắc, thậm chí còn là gỗ trầm hương quý hiếm hơn nữa. Nếu không gạt ra mà xem, thì căn bản chẳng thể nào biết được thực chất bên trong.

Còn về **"khoáng hề kỳ nhược cốc"** (rộng rãi thay, như thung lũng), là ví von cho sự khoáng đạt, trống rỗng linh diệu trong tư tưởng. Người tu Đạo có thành tựu, đầu óc hết sức trong sáng, trống rỗng linh hoạt. Giống như thung lũng vậy, trống trải rỗng không, hễ vào thung lũng gọi một tiếng liền có tiếng vọng lại, phản ứng rất nhạy bén. Vì sao người có trí tuệ lại phản ứng nhạy bén như vậy? Vì tâm cảnh của họ luôn giữ được trạng thái trống rỗng, không vướng bận. Người có tâm cảnh không trống rỗng, thì như Trang Tử từng nói, tấm lòng của họ vẫn còn rối bời như cỏ bồng vậy, cả tấm lòng bị cỏ dại lấp kín, chẳng khác nào câu mắng người bây giờ: "óc mày làm bằng xi măng hay sao mà tối tăm thế." Suốt ngày mơ mơ hồ hồ, chẳng hiểu ra làm sao, thật đáng lo! Trong lòng không nên để cỏ dại che lấp, mà nên rộng mở như trời biển, trống trải đến mức không vướng một hạt bụi. Đạo gia nói "thanh hư", nhà Phật nói "không", trống đến cực điểm, thanh hư đến cực điểm, lúc ấy trí tuệ tự nhiên cao xa, phản ứng cũng tự nhiên nhạy bén.

Kỳ thực, người có Đạo không dễ mà nhận ra được. Lão Tử ở trên đã từng nói: **"hòa kỳ quang, đồng kỳ trần"** (hòa dịu ánh sáng chói, đồng hóa với bụi trần). Bề ngoài nhìn vào cứ như một kẻ hồ đồ, một gã ngốc nghếch, **"hỗn hề kỳ nhược trọc"** (lẫn lộn thay, như nước đục), đầu óc mụ mị, ngu ngơ dại khờ, tưởng như chẳng hiểu gì cả. Bởi vì bậc sĩ thật sự có Đạo, chẳng cần cố ý tỏ ra mình có Đạo, tự cho mình là ghê gớm. Chẳng cần giả bộ, làm ra vẻ. Vốn dĩ đã rất bình thường, bình thường đến mức lẫn vào đám đông đục ngầu, không ai nhận ra. Đây là một giai đoạn của việc tu Đạo. Theo cách nhìn của Lão Tử, một người tu Đạo đã có thành tựu, rất khó dùng ngôn từ văn tự để định nghĩa được. Nếu gượng mà hình dung, thì chỉ có thể mượn những hình ảnh như thung lũng, ngọc thô, băng tan... để tượng trưng cho cảnh giới của người ấy, nhưng đó cũng chỉ là sự miêu tả bề ngoài mà thôi.

Rửa chân dòng đục, người vẫn trong

Vì vậy cần thêm hai câu nữa, **"thục năng trọc dĩ tĩnh chi từ thanh, thục năng an dĩ động chi từ sinh"** (ai có thể từ chỗ đục, dùng sự tĩnh lặng mà làm trong dần; ai có thể từ chỗ yên, dùng sự vận động mà sinh ra dần), tiếp nối với đoạn trên, thể hiện phong cách viết văn rất riêng của Lão Tử. Mấy câu ở trên viết liền một mạch, luôn nhẹ nhàng tự nhiên, nếu ta chỉ đọc trên câu chữ bề mặt, thoạt đầu tưởng như đã hiểu, nhưng nếu nghiên cứu sâu thêm một tầng, thì lại thấy có phần khó nắm bắt.

Bây giờ hai câu này, rốt cuộc là hình dung dáng vẻ người tu Đạo, hay là nói lời ngược? Ta đối chiếu văn cảnh trước sau mà xem, vẫn không dễ hiểu rõ, rốt cuộc là nói vì lẽ gì. Đọc sách người xưa rất khó, trước hết hãy tạm gác chú giải của người trước sang một bên. Người trước có lẽ cao minh hơn ta, nhưng cũng có chỗ kém sáng suốt hơn ta. Bởi vì người viết sách lập thuyết, khó tránh khỏi có quan niệm định kiến từ trước, trừ phi thật sự đọc hết các loại sách xưa nay mà thông suốt hòa hợp, nếu không, kiến thức chưa nhiều mà tùy tiện đọc một cuốn sách, liền coi chú giải, quan niệm của người khác trong đó như báu vật hiếm có, nhét tuốt vào trong đầu mình, trở thành thành kiến có sẵn từ trước. Rồi sau đó, lại xem đến cuốn sách thứ hai bàn về cùng một vấn đề, nếu tác giả giữ ý kiến trái ngược, liền cho là sai, cho là luận điệu sai lầm, khăng khăng bám chặt lấy cách nhìn của cuốn sách đầu tiên, như vậy chẳng phải đáng thương lắm sao? Nào ngờ sách nghiên cứu văn hóa Trung Quốc, mấy nghìn năm qua, hết quyển này đến quyển khác, nhiều không kể xiết. Chỉ riêng bộ Tứ Khố Toàn Thư đã chất cao như núi, còn chú giải sách Lão Tử thì có thể nói là chất đầy nhà, mỗi nhà mỗi cách nói riêng. Có người đọc đến mức đầu óc rối bời, không phân biệt được cách nói nào hợp lý, đành phải nghĩ ra một lối lý giải riêng để tự biện minh cho mình. Cuối cùng lại suy đi tính lại, tự mình cũng sinh nghi hoặc. Vì vậy, tốt nhất chúng ta vẫn nên đọc nguyên văn sách Lão Tử, từ nguyên văn mà tìm câu trả lời, mà phát hiện ra lời chú giải của chính Lão Tử.

Đoạn trên nhắc tới **"hỗn hề kỳ nhược trọc"** (lẫn lộn thay, như nước đục), dùng để nói rõ cái **"vi diệu huyền thông"** (tinh tế huyền thông, sâu sắc không thể hiểu được) của bậc sĩ tu Đạo, mấy câu hình dung tiếp theo đều là lời giải thích cho chữ "thông" ấy. Tức là dù xét từ phương diện nào cũng đều không có chướng ngại. Như một khối cầu rỗng, không có đường viền, nhưng lại chu toàn mọi mặt, hàm chứa lẫn nhau. Nói đến tận cùng, chính là **"viên dung vô ngại"** (tròn đầy, dung thông, không gì ngăn ngại) mà nhà Phật hay nói. Người đã thành Đạo, tự nhiên viên mãn dung hòa, thông suốt hết thảy, bốn phương tám hướng đều thông, chẳng còn chướng ngại. Mà cái vẻ bề ngoài của họ lại chính là "hỗn hề kỳ nhược trọc", chẳng khác gì đám người mê muội ngu ngơ trong cái thế giới đục ngầu này của chúng ta.

Như vậy chẳng phải đã nói xong rồi sao? Chẳng phải đã hé lộ ra cái ý ẩn chứa trong câu "thục năng trọc dĩ tĩnh chi từ thanh, thục năng an dĩ động chi từ sinh" rồi sao? Bây giờ tiến thêm một bước nữa, giải thích trình tự và phương pháp tu Đạo, để nói rõ hơn. Học vấn, tu dưỡng, trạng thái thân tâm của con người, làm sao mới đạt tới cảnh giới vi diệu huyền thông, thâm bất khả thức? Chỉ có một cách, đó là bình tĩnh lại thật tốt trong trạng thái hỗn loạn đục ngầu, dần dần ổn định lại, để đạt tới mức thuần túy trong sáng. Nói theo lời của đời sau, khi Phật và Đạo hòa hợp làm một, thì đó chính là **"viên đồng thái hư, tiêm trần bất nhiễm"** (tròn đầy như hư không lớn, không vướng một hạt bụi nào), không những không có một hạt bụi nào, mà đến cả "vụn vàng", tức bụi phấn vàng cũng không tìm thấy, nhất thiết phải làm cho thuần khiết trong sạch đến tuyệt đối.

Đồng thời, chúng ta còn phải nhận rõ một khái niệm. Thế nào gọi là **"trọc"** (đục)? Trong Kinh A Di Đà, Phật học có nói tới **"ngũ trược ác thế"** (đời ác trược với năm thứ ô trược). Vì vậy, chữ nghĩa thời cổ của ta cũng thường miêu tả thế giới này là "đời trọc". Ví như hình dung một chàng trai trẻ đẹp trai, phong lưu, thì gọi là chàng công tử phong lưu tuấn tú giữa cõi đời ô trọc, cũng giống như chàng thanh niên bây giờ mặc quần bò, tóc dài xõa, đôi mắt long lanh liếc ngang liếc dọc, khiến các cô gái thầm reo lên "đẹp trai quá" vậy.

Sinh trưởng trong thời cuộc rối ren, thời đại biến động bất an, thì sự tu dưỡng tĩnh lặng của chúng ta làm sao mà thực hiện được đây? Điều này khá khó khăn, nhất là người thời nay, đang sống vào cuối thế kỷ hai mươi, thời đại thế kỷ hai mươi mốt sắp đến gần. Sự rối loạn trong tư tưởng nội tâm con người, và sự lộn xộn của hoàn cảnh bên ngoài, ảnh hưởng qua lại với nhau theo tỷ lệ thuận, đã sớm không còn là chỉ một từ "đời trọc" mà nói cho xong được nữa rồi.

Những thứ tai họa công cộng di hại khôn lường như "ô nhiễm giao thông", "ô nhiễm tiếng ồn", "ô nhiễm công nghiệp", "ô nhiễm môi trường"... thì ai mà chịu nổi?

Vì vậy, "thục năng trọc dĩ tĩnh chi từ thanh", ai lại có thể trong đời trọc mà dần tu tập đến mức thân tâm trong sạch tĩnh lặng? Về việc này, Đạo gia có cả một hệ thống phương pháp, công phu đã được kiểm chứng xác thực. Ví như, một cốc nước đục, để yên không động tới, cứ để tĩnh lặng lâu như vậy, cặn bùn đục sẽ tự lắng xuống, cuối cùng biến đục thành trong, trở thành một cốc nước trong, đây là một cách. Nhưng, từ đục đến tĩnh, từ tĩnh đến trong, đó chỉ mới là ba giai đoạn đầu của việc tu Đạo, vẫn chưa đủ. Còn phải tiến thêm một bước nữa, "thục năng an dĩ", cũng giống như công phu tu chỉ, tu quán, hay tu định mà nhà Phật nói tới, an trú lâu dài nơi bản vị, cho đến khi vượt qua cả phạm vi thời gian không gian, lúc đó mới có thể nói tới chuyện đắc Đạo.

Điều này chẳng khác nào trình tự tu thân dưỡng tính được Đại Học của Tăng Tử bên Nho gia coi trọng: **"tri chỉ nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc"** (biết dừng rồi sau mới có định, có định rồi sau mới tĩnh được, tĩnh rồi sau mới an được, an rồi sau mới suy xét được, suy xét rồi sau mới đạt được), cùng một hướng đi, chỉ là cách diễn đạt khác nhau mà thôi. Nếu đứng trên lập trường Đạo gia mà nhìn văn hóa hai nhà Nho, Đạo, có thể mượn lời Lão Tử để làm kết luận: **"thử nhị giả đồng xuất nhi dị danh"** (hai điều này cùng xuất phát mà khác tên).

Triết lý của sự động

Nhưng, từ đục mà bắt đầu tu, từ tĩnh mà thành trong, từ trong mà thành an, đó cũng mới chỉ là một nửa của việc tu Đạo, nửa còn lại **"động chi từ sinh"** (từ động mà sinh ra dần) mới càng quan trọng hơn. Nếu không, đó chẳng qua chỉ là cảnh giới Tiểu thừa mà thôi. Chỉ lo cho riêng mình, chưa thể tích cực cứu đời, một mình trốn lên núi ngồi thiền cả vạn năm, thì có liên quan gì đến đám đông nhân loại rộng lớn kia? Vì vậy, còn phải "an dĩ động chi từ sinh", từ bản thể của Đạo mà khởi lên đủ mọi diệu dụng.

Chữ "động" ở đây, không phải là mù quáng chạy theo mà loạn động, không phải là cái động của kẻ trôi theo dòng đời trong cõi trọc, cũng không phải cái loạn động của việc "cả đời cứ vội vàng mà sai lầm". Trên đời có biết bao người bôn ba xoay xở bận rộn cả một đời, rốt cuộc là vất vả vì ai, bận rộn vì ai? Đến cuối cùng chính mình cũng chẳng rõ. Cái động thật sự, là cái "động chi từ sinh" sáng rõ mà đầy ý nghĩa, tâm bình khí hòa, sinh sôi không ngừng. Chúng ta cũng có thể nói một câu dí dỏm, đây chính là bí quyết của Lão Tử đấy! Lão Tử đã nói hết phương pháp làm công phu, trình tự và tầng bậc tu dưỡng, bảo cho ta biết rằng sau khi tĩnh đến cực điểm, phải biết khởi dụng, khởi động. Sau khi động rồi, thì sẽ sinh sôi không ngừng, mãi mãi trường sinh. Nhà Phật nói "vô sinh", Đạo gia đề xướng "trường sinh", Chúa Giê-su thì dùng chữ "vĩnh sinh", nhưng đều là hình dung một tầng ý nghĩa khác của sự sinh sôi không dứt của sự sống. Chỉ có điều ở Lão Tử, ông lại dùng chữ "từ sinh" để diễn đạt.

"Từ sinh" còn có nghĩa là diệu dụng trường sinh sinh sôi không ngừng, đó là dùng một cách từ từ. Quan niệm này rất quan trọng. Cũng như nguồn năng lượng vậy, dùng từ từ, dùng tiết kiệm, tuy nói năng lượng tràn ngập vũ trụ, tồn tại mãi mãi, nhưng nếu không tiết chế, dùng bừa bãi, thì cũng chỉ là tự mình phung phí mà thôi. "Động chi từ sinh" cũng là nguyên tắc làm người làm việc của chúng ta. Đạo gia muốn con người làm mọi việc không nóng vội, không "loạn", không "trọc", mọi thứ đều nên thong thả "từ sinh", từ từ mà đến. Thái độ ung dung, tự tại vui vẻ, tuyệt đối đừng để nóng nảy hấp tấp, tự làm rối loạn trận thế của mình. Đây cũng là bí quyết tu Đạo, không nhất thiết chỉ có ngồi khoanh chân tọa thiền mới gọi là tu. Làm người làm việc, chậm lại một nhịp, đó chính là đạo lý. Nhưng, người vốn đã

quá lười biếng thì không thể chậm thêm, phải nhanh lên hai nhịp mới đúng, nếu không, vốn đã trì trệ ương ương dở dở, lại vì tu Đạo mà chậm thêm một nhịp nữa, thì coi như xong, mãi mãi không theo kịp thời đại, tách rời khỏi xã hội.

"Từ sinh" là nói cho người bình thường nói chung, nhất là thời đại này lại càng cần thiết hơn. Trong xã hội, hầu như ai ai cũng ngày ngày tranh từng giây từng phút, tất bật ngược xuôi, việc gì cũng căng thẳng cùng cực, chẳng biết là vì cái gì, cứ như đang đua xe điên cuồng, liều mạng đùa với tính mạng mình. Cho nên càng cần phải "động chi từ sinh". Nếu là làm ăn buôn bán, thì đó là **"động chi từ kiếm"** (từ từ mà kiếm tiền). Kiếm tiền từ từ, nước chảy dòng dài mãi mãi, tiền vẫn luôn có phần của bạn; kiếm đầy túi ngay một lúc, thành kẻ phất lên chớp nhoáng, lần sau không còn gì để kiếm nữa, thì việc làm ăn ấy hết còn thú vị. "Động chi từ sinh" có thể diễn giải ra rất nhiều ý nghĩa, có thể vận dụng theo nhiều mặt. Nói cho dễ hiểu, công phu tu Đạo của "động chi từ sinh" là gì? Chính là hai chữ "ung dung".

Nguyên tắc của sự sống nếu hợp với "động chi từ sinh" thì sẽ rất tốt. Bất cứ việc gì, hành vi nào, chậm lại một bước cũng đều tốt cả. Tuổi thọ của chúng ta, nếu muốn giữ được lâu dài, thì với người tuổi đã cao, không nên quá **"doanh"** (đầy), quá **"mãn"** (tràn). Với những người bạn già, tôi thường nói với họ, nên bớt cầu kỳ chuyện dinh dưỡng đi một chút, **"bảo thử đạo giả bất dục doanh"** (người giữ Đạo này không muốn đầy tràn), việc gì làm đến chín phần rưỡi là được rồi. Nên biết dừng đúng lúc, chứ không cần phải đủ trăm phần trăm, hay quá đà, vì như vậy bảo đảm sẽ phản tác dụng.

Ví như chuyện yêu đương của người trẻ tuổi, cũng nên hiểu triết lý của tình yêu. Cái đáng yêu nhất, chính là thứ yêu đến chết đi sống lại mà không có được. Hãy xem những tiểu thuyết tình yêu dây dưa bi thiết xưa nay đông tây, tả đến chỗ tình cảm sâu đậm, có thể vì người ấy mà tuẫn tình tự sát, có thể vì người ấy mà khóc lóc thảm thiết. Nhưng, khi thật sự đến được với nhau rồi, tính thử xem cái quãng thời gian mặn nồng anh anh em em ấy của họ, được bao lâu? Ngay cả Hồng Lâu Mộng, cũng chưa đầy vài năm đã kết thúc, còn Phù Sinh Lục Ký dài hơn một chút, cũng khó tránh khỏi cái kết cục ngọt trước đắng sau. Cho nên cảnh giới tốt nhất của đời người là **"bất dục doanh"** (không muốn đầy tràn). Tuy có những điều mãi mãi không theo đuổi được, nhưng cũng như bài thơ nổi tiếng của Lý Thương Ẩn từng viết: **"thử tình khả đãi thành truy ức, chỉ thị đương thời dĩ mang nhiên"** (mối tình này còn đợi ngày sau thành hoài niệm, chỉ tiếc lúc ấy đã mơ hồ rồi). Chẳng phải đáng để mãi mãi khép đôi mắt lại, trong cảnh giới hư vô mờ ảo mà hồi tưởng cái dường như có lại dường như không ấy, càng thêm dư vị hay sao! Nếu không, cứ mở to đôi mắt, tức đến chết đi sống lại, thì cái tình vị nhân sinh mà hai câu thơ ấy nói tới, chẳng còn chút dư vị nào nữa.

Văn hóa Trung Quốc vốn cùng một cội nguồn, đạo lý Nho gia cũng vậy. Sách Thượng Thư cũng nói: **"khiêm thụ ích, mãn chiêu tổn"** (khiêm tốn thì được lợi, tự mãn thì chuốc hại). Chữ "khiêm" cũng có thể giải thích là "thiếu một chút". Muốn việc thiếu một chút, cũng như uống rượu vậy, thiếu một chén thì rất tốt, không say, lại còn tỉnh táo minh mẫn, đầu óc sáng suốt. Nếu uống thêm một chén nữa, thì thể nào cũng lộ hết bộ dạng xấu xí, mất mặt, đúng là "mãn chiêu tổn". Lại như một chén trà, rót tám phần là vừa đủ, nếu rót đầy mười phần, chắc chắn sẽ tràn ra ngoài.

Mọi người nhất định phải lưu ý lời Lão Tử, việc tốt lành làm sao mới được lâu bền? Có của cải làm sao giữ được của cải? Có quyền lực làm sao giữ được quyền lực? Đó chính là phải làm được "bất dục doanh". Từng có một người bạn bàn về chuyện cầu danh của con người, ông ấy nói có tên có họ là được rồi, đừng cầu thêm nữa, có cầu thêm cũng chỉ là một cái tên, gộp lại chỉ hai ba chữ, chẳng có đạo lý gì cả.

Có một lần, tôi đi tàu hỏa từ Đài Bắc, người khách ngồi cùng ghế đôi với tôi đang xem một cuốn sách do tôi viết, gần tới ga Đài Nam rồi mà thấy anh ta vẫn đọc say sưa. Sau đó hai người bắt chuyện với nhau, trong lúc trò chuyện anh ta bảo tôi: "Cuốn sách này là do một ông họ Nam viết đấy." Tôi hỏi: "Anh có quen ông ấy không?" Anh ta đáp:

“Không quen đâu, nhưng người này viết nhiều sách lắm, quyển nào cũng viết hay.” Tôi nói: “Anh đã giới thiệu như vậy, xuống tàu tôi cũng phải mua một cuốn về xem.” Câu chuyện của chúng tôi dừng lại ở đó, như thế cũng hay. Lúc ấy nếu tôi nói: “Tôi chính là ông họ Nam đó.” thì anh ta ắt sẽ đáp: “Ngưỡng mộ đã lâu, ngưỡng mộ đã lâu.” rồi tiếp theo là một tràng khách sáo tất nhiên, cái lối sáo mòn ấy thì còn gì thú vị nữa.

“Thử tình khả đãi thành truy ức, chỉ thị đương thời dĩ mang nhiên”, danh lợi là như vậy, quyền thế cũng là như vậy. Cho dù là quan hệ cha con, anh em, vợ chồng trong một gia đình, cũng nên chừa lại chút khiếm khuyết, mới có được vẻ đẹp. Ví như trong các tác phẩm văn nghệ, tiểu thuyết tình yêu, nếu tình tiết chừa lại một chút khiếm khuyết, như Hồng Lâu Mộng, Phù Sinh Lục Ký đã nhắc ở trên, thì luôn luôn đẹp. Lại như một món đồ cổ, có một vết rạn nhỏ, bày ở đó, khiến người ta xót lòng vô cùng. Còn nếu là món đồ hoàn hảo không tì vết bày ra đó, thì cũng chỉ để ngắm mà thôi, quyết không khiến ai xót lòng. Nhưng con người ta lại luôn cảm thấy có xót lòng mới có giá trị, mới có dư vị sâu xa hơn, phải vậy không?

Chính vì có thể không đầy không tràn, nên mới có thể **“phù duy bất doanh, cố năng tệ bất tân thành”** (chính vì không đầy, nên có thể che giữ cái cũ mà không thành mới). “Tệ” ở đây là chỉ đồ vật cũ được giữ gìn tốt, vì đồ vật vẫn mãi là đồ cũ, vẫn giữ dáng vẻ ban đầu, luôn được dùng cẩn thận, nên không bị hỏng. Vì vậy, cái cũ không đi, cái mới không đến. Đây chính là đạo trường sinh của **“bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm”** (không sinh không diệt, không dơ không sạch, không thêm không bớt). Cho nên cái khó nhất vẫn là có làm được “bất dục doanh” hay không. Kỳ thực, hiện nay có rất nhiều người tu Đạo, làm công phu, nhưng vì sao ai nấy đều không tiến được trên con đường công phu? Chính là vì đã trái với nguyên tắc “bất dục doanh” mà ai cũng đang cầu cho đầy. Lúc ngồi thiền, cảnh giới hơi khá lên một chút, trong tiềm thức liền mong muốn tốt hơn nữa, cố chấp bám riết lấy cảnh giới ấy, kết quả của sự “muốn đầy” như vậy, công phu lại càng không tiến lên được. Nếu hiểu được “bảo thử đạo giả bất dục doanh”, nắm vững nguyên tắc làm công phu này, thì tự nhiên sẽ được lợi ích vô cùng.

Trí hư cực, thủ tĩnh đốc.

Đạt đến hư không tột cùng, giữ sự tĩnh lặng kiên định.

Vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan phục.

Vạn vật cùng sinh trưởng, ta quan sát sự quay trở về của chúng.

Phù vật vân vân, các phục quy kỳ căn.

Các vật muôn vẻ, đều quay về gốc rễ của mình.

Quy căn viết tĩnh, thị vị phục mệnh.

Quay về gốc rễ gọi là tĩnh, đó gọi là phục mệnh.

Phục mệnh viết thường, tri thường viết minh.

Phục mệnh gọi là thường hằng, biết thường hằng gọi là sáng suốt.

Bất tri thường, vọng tác hung.

Không biết thường hằng, hành động càn quấy sẽ gây hung họa.

Tri thường dung, dung nãi công, công nãi vương, vương nãi thiên, thiên nãi đạo, đạo nãi cửu.

Biết thường hằng thì bao dung, bao dung mới công bằng, công bằng mới như vua, như vua mới như trời, như trời mới hợp với Đạo, hợp với Đạo mới trường cửu.

Một thân bất đãi.

Thân mất đi mà không bị tiêu diệt.

Diệu dụng của chữ tĩnh

"Trí hư cực, thủ tĩnh đốc. Vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan phục. Phù vật vân vân, các phục quy kỳ căn. Quy căn viết tĩnh, thị vị phục mệnh" (đạt đến hư không tột cùng, giữ sự tĩnh lặng kiên định; vạn vật cùng sinh trưởng, ta quan sát sự quay trở về của chúng; các vật muôn vẻ, đều quay về gốc rễ của mình; quay về gốc rễ gọi là tĩnh, đó gọi là phục mệnh). Đây là nguyên tắc và phương pháp tu Đạo của Đạo gia, rời khỏi nguyên tắc này thì đều sai. Có người muốn tu Đạo, học tĩnh tọa, thì nên đọc hiểu thấu đoạn văn này, hiểu thật rõ phương pháp chân chính. Kỳ thực, hễ còn có một phương pháp nào đó tồn tại, thì đã không còn gọi là cầu tĩnh nữa, mà là cầu động. Đã muốn buông lòng ngồi thiền, vậy còn thêm vào đó một phương pháp gì nữa, chẳng phải càng thêm loạn, càng thêm bận rộn hay sao?

Sách Lão Tử cùng toàn bộ kinh luận về thần tiên, đan đạo của Đạo gia, gộp lại thành bộ Đạo Tạng, có tới hơn tám nghìn quyển, mà Lão Tử chỉ là một quyển trong số đó, đọc mãi cũng không hết. Nếu ai đọc hết cả bộ, chắc chắn có khả năng phát điên. Nhưng tôi đã đọc hết toàn bộ, mà lại không phát điên. Đọc xong rồi mới hiểu ra, cái "kia" mà quyển này nói tới, chính là cái "đây" mà quyển khác đã nói, tự nhiên mà thông suốt, hòa làm một. Nói đại khái, hơn tám nghìn quyển Đạo Tạng, rốt cuộc cũng không ra ngoài sáu chữ của Lão Tử: "trí hư cực, thủ tĩnh đốc". Chữ "hư" gần như tương đương với chữ "không" của nhà Phật, có một số sách "đan kinh" của Đạo gia thẳng thắn dùng luôn chữ không, đó là vì các sách luyện đan từ đời Đường, Tống về sau đã chịu ảnh hưởng của Phật gia.

Trước đây Đạo gia chỉ dùng có hai chữ "thanh" và "hư". "Thanh" là để hình dung cảnh giới ấy, còn "hư" là để tượng trưng cho sự trống rỗng, thanh thoát của cảnh giới ấy, kỳ thực hai chữ chỉ là một mà thôi. "Trí" là động từ, nghĩa

là làm cho đạt tới, làm cho tới nơi; "trí hư cực" là bắt ngươi phải làm cho trống rỗng đến mức cùng cực, không còn một chút nhiễm ô nào. Còn trống rỗng đến cùng cực thì trông ra sao? Nếu còn có một hình dạng nào đó thì đã không gọi là trống rỗng nữa rồi. Cái trống rỗng ấy không có tướng mạo nào để mà tìm.

Còn "thủ tĩnh đốc" nói về công phu, tác dụng, là bắt ngươi phải chuyên nhất, kiên trì mà giữ vững lấy. Xin mượn mấy câu hình dung của thiền sư Hoàng Long Nam bên Thiền tông: **"như linh miêu bộ thử, mục tình bất thuấn, tứ túc cứ địa, chư căn thuận hướng, thủ vĩ trực lập, nghĩ vô bất trúng"** (như con mèo tinh khôn rình bắt chuột, mắt không hề chớp, bốn chân bám chặt đất, các giác quan đều hướng về một mối, đầu đuôi thẳng đứng, hễ định ra tay là trúng đích không sai). Một con mèo tinh ranh khác thường, đang chờ để vồ chuột, bốn chân khuỵu xuống đất, đầu ngẩng thẳng, đuôi dựng đứng lên, hai con mắt sắc bén chăm chăm nhìn thẳng vào con mồi sắp sửa lọt vào tay, tập trung hết tinh thần, không hề nhúc nhích, chỉ chờ đúng thời cơ là vọt lên, cho con mồi một đòn chí mạng. Đây là để hình dung tình trạng của người tham thiền, tham câu thoại đầu, dụng công tu tập, tinh thần tập trung cao độ, tâm không vướng bận chuyện khác. Không được như vậy thì công phu tu Đạo không thể thành tựu.

Các bậc thầy Thiền tông còn có một ví von khác: **"như kê chi phủ noãn"** (như gà ấp trứng). Đây thì lại không giống mèo vồ chuột, trợn mắt giương vuốt, so gân sẵn thế. Mà là nhắm nghiền mắt lại, mơ mơ màng màng, trời sập xuống cũng mặc kệ, ngươi có đá nó một cái, nó cũng chẳng kêu, chẳng thèm để ý, chỉ một lòng một dạ giữ chặt lấy quả trứng gà quý báu như tim gan của nó. Cách này cũng là một loại công phu tu định, cũng là để hình dung sự trống rỗng đến cùng cực, tĩnh lặng đến cùng cực, giống hệt sáu chữ chân ngôn "trí hư cực, thủ tĩnh đốc" mà Lão Tử đã nói. Sáu chữ này đã nói hết toàn bộ phương pháp dụng công tu Đạo, cùng với cảnh giới, tầng bậc của việc tu Đạo. Mọi tông mọi phái, mọi cách tu Đạo khác nhau trên thế gian, đều là để đạt tới mục đích này. Dưới đây sẽ nói tiếp lý do.

"Vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan phục", chữ "tác" ở đây là tính từ, chỉ việc vạn vật trong vũ trụ, núi sông đất đai, không lúc nào không biến động, phát triển sáng tạo không ngừng không nghỉ. Vũ trụ luôn ở trong trạng thái động, chưa từng tĩnh lại bao giờ, biểu hiện của vũ trụ là một thế giới động. Mỗi con người đều đang bận rộn không ngơi nghỉ, mỗi ngọn cỏ đều đang sinh trưởng không ngừng, đó chính là một trạng thái tác dụng của Đạo. Mọi sinh mệnh đều đang trong quá trình sinh hóa, đó là lẽ hợp lý; sinh hóa đến chỗ tận cùng thì tự nhiên phải chết, đó cũng là lẽ hợp lý. "Vạn vật tịnh tác", tất cả đều đang sáng tạo, biến hóa, sống động hoạt bát mà bước dần trên con đường đi tới cái chết. Vì vậy, Trang Tử giải thích muôn sự muôn vật trong trời đất rằng: **"phương sinh phương tử"** (vừa sinh ra đã vừa chết đi). Ngày vừa mới lọt lòng chào đời, cũng chính là ngày cái chết bắt đầu. Một đứa trẻ sinh ra tròn một tháng, họ hàng bạn bè vui vẻ kéo đến chúc mừng, nhưng hai mươi chín ngày sinh mệnh trước đó đã trở thành quá khứ, đã chết đi từ lâu rồi. Cho dù về sau sống thọ một trăm năm, thì chín mươi chín năm trước đó cũng đã chết đi, tan biến không còn dấu vết.

Nhìn từ hai đầu của sinh mệnh, Trang Tử rất hài hước chỉ ra rằng mọi thứ trong đời người, xét cho cùng chỉ là **"bất vong dĩ đãi thời tận"** (chưa chết, chỉ là đang chờ đến lúc hết thời hạn mà thôi). "Phương sinh phương tử", sinh mệnh nhìn bề ngoài tưởng như hạnh phúc bình yên, kỳ thực chỉ là đang ở đó chờ chết mà thôi. Chẳng qua là xếp hàng chờ lâu hơn người khác một chút thôi. Từ ngày đầu tiên chào đời, cho đến giây phút cuối cùng kết thúc, nghĩ ra thì buồn cười biết bao! Cách nhìn này của Đạo gia, kể ra cũng hơi bi thương quá. Kỳ thực, nếu thể hội sâu thêm một tầng nữa, vừa sinh vừa chết, vừa chết vừa sinh, ngay lúc sinh cũng chính là lúc chết, ngay lúc chết cũng chính là lúc sinh, thì cần gì phải nghĩ không thông đến vậy?

Vậy làm sao mới có thể khiến bản thân không chết? "Vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan phục", chữ "phục" ở đây là con đường quay trở lại, nếu mượn tính từ "vô lượng vô biên" của nhà Phật để nói về sức mạnh của sinh mệnh, thì đó vốn là

vô cùng vô tận, mãi mãi lưu giữ ở đó, vĩnh viễn không sinh không diệt. Không sinh ở đây không phải là tướng đoạn diệt, không phải khô khan tịch diệt, càng không phải là hoàn toàn không có gì cả, mà là nói rằng luôn có một nguồn năng lượng vô hạn tồn tại ở đó, dùng mà như không dùng, không bao giờ cạn kiệt. Cái giá trị sinh mệnh vĩ đại vô song này, tạm gọi là không sinh, Lão Tử gọi nó là "phục". "Phục" cũng là tên một quẻ trong Kinh Dịch, quẻ Phục còn gọi là "Địa Lôi Phục", quẻ trên là quẻ Khôn, tượng trưng cho đất, quẻ dưới là quẻ Chấn, tượng trưng cho sấm. Sấm biểu thị năng lượng điện, là nguồn năng lượng cho sự phát triển của sinh mệnh, từ đó mà sinh ra. Vì vậy về sau Lão Tử đưa ra khái niệm "quay trở lại", tức là **"phản giả, đạo chi động"** (trở về là sự vận động của Đạo), trở về trạng thái nguyên sơ của sinh mệnh. Tu Đạo chính là quay về cội gốc, truy tìm cái vật đầu tiên là nguồn gốc của sinh mệnh.

"Vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan phục", người có chí hướng về Đạo, không phải là lỗ mãng xông tới, cắm đầu tiến thẳng về phía trước, mà là quay đầu bước lui, đi ngược về nơi sinh mệnh khởi nguồn. Câu quen dùng đời sau của Thiền tông **"hoàn ngã bản lai diện mục"** (trả lại cho ta bộ mặt thật vốn có từ đầu) có thể dùng để tham khảo, coi như lời chú giải cho câu này. Khi thật sự tìm ra được bộ mặt thật vốn có của chính mình, minh tâm kiến tính, thì mới bắt đầu nối lại được với nguồn năng lượng to lớn vô cùng, tuôn chảy không dứt, vốn sẵn có trong sinh mệnh.

Cội rễ sinh mệnh của chúng sinh muôn vàn

"Phù vật vân vân, các phục quy kỳ căn, quy căn viết tĩnh, thị vị phục mệnh, phục mệnh viết thường" (các vật muôn vẻ, đều quay về gốc rễ của mình; quay về gốc rễ gọi là tĩnh, đó gọi là phục mệnh; phục mệnh gọi là thường hằng). Thử nhìn xem, trong trời đất, vạn vật sinh trưởng nhanh nhất là thứ gì? Là cỏ. **"Dã hỏa thiêu bất tận, xuân phong xuy hựu sinh"** (lửa đồng thiêu chẳng cháy hết, gió xuân thổi tới lại mọc lên), nhổ hết gốc rễ của nó đi rồi, chỉ cần còn sót lại một chút chưa dứt hẳn, nó lại sẽ mọc lên rất nhanh. Sức sống sinh sôi không ngừng nghỉ ấy, cỏ cây có lẽ là ví dụ nhanh nhất, rõ ràng nhất. Theo thuật ngữ âm dương ngũ hành của người Trung Quốc mà nói, Mộc đại diện cho cơ chế sinh phát, phương đông lấy Mộc để biểu hiện hiện tượng sinh sôi không ngừng. Cỏ và cây cùng một ý nghĩa như vậy. Chữ "vân vân" vốn chỉ một loại cỏ bình thường, cũng được dùng để hình dung sự sinh sôi không ngừng của vạn vật trong vũ trụ. Chết đi một lứa, lại sinh ra một lứa, càng sinh càng nhiều, gọi là "vân vân". Đời sau, từ chữ "vân vân" của Đạo gia, cùng với chữ "chúng sinh" của nhà Phật, dần biến thành một danh từ rất đẹp trong văn học: **"vân vân chúng sinh"** (chúng sinh muôn vàn). Về sau lại xuất hiện thêm cụm **"lâm lâm tổng tổng"** (rậm rạp trập trùng), cũng là để hình dung tình trạng nhiều không đếm xuể giống như cỏ cây vậy.

Lão Tử nói, vạn vật muôn hình muôn vẻ như vậy, "các phục quy kỳ căn", ông quan sát thấy mỗi sinh mệnh đều nương vào cội gốc của chính mình mà sống. Cỏ cây không có gốc rễ thì không sống được. Con người cũng có gốc rễ, vậy gốc rễ của con người nằm ở đâu? Tôi thường thấy nhiều bạn một lòng cầu Đạo, nhưng lại tu mù luyện càn, cứ nhất mực coi đan điền là gốc rễ, đó là sai; cũng có người lầm tưởng gốc rễ ở rốn, lại càng sai lệch hơn. Cái rốn chẳng qua chỉ là cửa ngõ để hấp thu dinh dưỡng nối liền với mẹ khi chưa chào đời mà thôi, vừa lọt lòng đã bị cắt đứt rồi, sao có thể là gốc rễ của việc tu Đạo được? Gốc rễ của con người nằm ở khoảng hư không, ở trên đỉnh đầu. Hư không chính là mảnh đất của chúng ta, đây chính là chỗ khác nhau giữa con người và vạn vật. Rễ cây được trồng trong đất, còn con người thì ngược lại với cây cối, gốc rễ cắm vào khoảng hư không. Vì vậy Đạo gia bàn về tu Đạo, có câu **"hoàn tinh bổ não, trường sinh bất lão"** (đưa tinh trở lại bồi bổ cho não, sống lâu không già), chữ "tinh" ở đây không hoàn toàn chỉ tinh trùng, chỉ là có liên quan tới tinh trùng mà thôi. Xem tranh quốc họa Trung Quốc, vị thọ tinh chủ về tuổi thọ, tức Nam Cực Tiên Ông, cái đầu của ông ấy được vẽ cao hơn hẳn người thường một khoảng, gọi là "đầu thọ". Óc cũng là nơi khởi nguồn của trí tuệ. Vì vậy, khi hài nhi vừa mới sinh ra, chỗ trũng thóp trên đỉnh đầu vẫn còn hở, thông với thiên căn, nói theo góc độ sinh mệnh thể xác con người, câu **"thiên căn nguyệt quật thường lai vãng"** (thiên căn và

nguyệt quật thường qua lại với nhau) chính là chỉ chỗ này. Đợi đến khi chỗ ấy khép kín cứng lại, đứa trẻ mới dần dần bắt đầu biết nói, ý thức dần dần trưởng thành, thì thiên căn liền bị cắt đứt. Muốn tu đến mức hoàn tinh bổ não, trường sinh bất lão, thì cái nội hàm của chữ "não" ấy, chính là chỉ cái "gốc rễ" này.

Nhưng phải "quy căn" bằng cách nào? Phương pháp duy nhất, chính là cầu tĩnh. "Quy căn viết tĩnh, thị vị phục mệnh", chỉ có tĩnh đến cùng cực mới có thể tìm ra được cội nguồn của sinh mệnh, quay trở về cái gốc rễ của sinh mệnh. Cái gốc rễ này là gì? Là hư không. **"Trí hư cực, thủ tĩnh đốc"** (đạt đến hư không tột cùng, giữ sự tĩnh lặng kiên định). Còn bên nhà Phật thì nói thẳng luôn cho chúng ta biết đó là chữ "không". Cái gọi là không, cũng chỉ là một tính từ mà thôi, ngàn vạn lần đừng cho rằng không tức là chẳng có gì cả, nghĩ vậy là sai rồi. Không tương đương với "thanh hư" mà Lão Tử đã nói. Vậy thì, "quy căn viết tĩnh, thị vị phục mệnh", tĩnh đến cùng cực là một trạng thái như thế nào? Đạo gia có hai câu: **"hư không phấn toái, đại địa bình trầm"** (hư không vỡ vụn, đại địa chìm sâu bằng phẳng), miêu tả cảnh giới tĩnh đến cùng cực này, đến cả cái không cũng phải phá vỡ, mới thật sự là tĩnh.

Đạo gia bàn về quá trình tu Đạo, có câu **"luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hoàn hư"** (luyện tinh hóa thành khí, luyện khí hóa thành thần, luyện thần trở về hư không), nguyên tắc ấy không sai, nhưng những bước chuyển hóa, trình tự bên trong đó thì phiền phức vô cùng. Nhất định phải làm đến mức, không những không còn cảm giác về thân hình, về ta với người, mà đến cả cái thế giới vật chất này, những hình ảnh trong ý thức, thậm chí cả cảm giác về hư không cũng không còn nữa, mới coi là hợp với cảnh giới "trí hư cực, thủ tĩnh đốc".

Văn chương của Lão Tử vừa mới hé lộ một tia sáng của Đạo ở đây, lập tức ngòi bút lại chuyển hướng, quay trở lại ngay. Cũng giống như đánh Thái Cực quyền vậy, tưởng như một quyền đánh thẳng tới, nhưng lại thu về; bảo không đánh thì cũng không phải, một lát sau bàn tay ấy lại tấn công từ phía khác, khiến người ta khó lòng đề phòng, đỡ cũng không đỡ nổi. Đây chính là cái tinh thần "rồng thiêng thấy đầu không thấy đuôi" của Đạo gia. Cách biên soạn của cuốn sách Lão Tử cũng là như vậy, cho nên tiếp theo lại nói rõ về hiện tượng tác dụng của bản thể Đạo.

"Phục mệnh viết thường" (phục mệnh gọi là thường hằng), tìm được cội nguồn của sinh mệnh rồi, thì có thể "bất sinh bất tử", tồn tại mãi mãi, còn mãi không mất. **"Tri thường viết minh"** (biết thường hằng gọi là sáng suốt), khi ngươi thể hội được rằng cội nguồn sinh mệnh là không sinh không diệt, thì đó gọi là hiểu rõ Đạo, trở thành người sáng suốt, không còn mơ mơ hồ hồ, u u mê mê nữa. Nếu con người không hiểu rõ cái gốc của Đạo, không hiểu rõ cái bản lai của sinh mệnh, thì **"bất tri thường, vọng tác hung"** (không biết thường hằng, hành động càn quấy sẽ gây hung họa), làm càn làm bậy, ắt sẽ gặp đại hung đại họa, không có kết cục tốt đẹp. Không biết chân lý của sinh mệnh nằm ở đâu, mờ mịt không hiểu gì, tùy tiện sử dụng bản thể của Đạo, thì mức độ nguy hiểm của kết cục ấy, khỏi cần phải nói cũng biết.

Nói theo cách nhìn của triết học Trung Quốc, dù là Phật học, hay Đạo gia, hay Kinh Dịch, khi bàn về nhân sinh đều không có một kết luận cứng nhắc, cố định nào cả. Vốn dĩ là như vậy! Trong lịch sử có ai thật sự tìm ra được một kết luận đâu? Xem Kinh Dịch mới thấy diệu kỳ nhất, tám nhân tám thành sáu mươi tư quẻ, quẻ cuối cùng là quẻ Vị Tế, Hỏa Thủy Vị Tế, vĩnh viễn không có hồi kết, không đưa ra được kết luận nào cả. Sự phát triển của mọi sự vật, mãi mãi không có đáy, vô lượng vô biên, không bao giờ dừng lại, khó lòng nắm bắt. Cũng có thể nói nó mãi mãi tự có nguồn nước sống chảy tới, cuồn cuộn không dứt, ào ạt tuôn trào. Còn hình dung như thế nào, thì tùy vào cái nhìn chủ quan của mỗi người, mỗi nhà. Kinh Dịch bắt đầu từ quẻ Càn, quẻ Khôn, kết thúc ở quẻ Vị Tế. Nếu chúng ta đọc hiểu được điều này, thì sẽ thể hội được ý vị của hai câu thơ người xưa từng nói: **"nhàn tọa tiểu song độc Chu Dịch, bất tri xuân khứ kỷ đa thời"** (ngồi rảnh bên song cửa nhỏ đọc Kinh Dịch, chẳng hay mùa xuân đã trôi qua tự bao giờ).

Tôi vẫn thường nói với các học trò rằng, có hai môn nhất định phải học: Phật học và Kinh Dịch. Nhưng hai môn học vấn này, dốc cả đời cũng chẳng dễ học thông, mà cũng không cần phải học thông. Không học thông, thì mãi mãi truy cầu không tới được, cái dáng vẻ tựa như thông mà chẳng phải thông ấy, lại có dư vị vô cùng, cả đời có việc để tiêu khiển, về già cũng không thấy cô đơn, càng nghiên cứu càng thấy thú vị. Người xưa nói **"dạ độc Dịch"** (đọc Kinh Dịch vào ban đêm), nếu đọc Kinh Dịch vào ban đêm thì quỷ thần cũng chịu không nổi. Kinh nghiệm của tôi là, đọc Kinh Dịch vào ban đêm thì chắc chắn mất ngủ. Vừa mới đọc, đọc mãi, thấy ra được chút manh mối gì đó, liền muốn tìm cho ra lẽ, đọc tiếp mãi, định đọc xong một đoạn rồi ngủ, kết quả hết đoạn này đến đoạn khác, chẳng hay trời đã sáng lúc nào không biết. Đúng là "nhàn tọa tiểu song độc Chu Dịch, bất tri xuân khứ kỷ đa thời", cả một mùa xuân trôi đi tự lúc nào cũng chẳng hay, cái dư vị ấy thật là thú.

Nếu là người đã học thông rồi, nhìn thấu nhân sinh rõ ràng minh bạch, thấu triệt tận cùng, thì cuộc đời này còn có ý vị gì nữa? Còn có cái đẹp gì nữa? Mập mờ ẩn hiện một chút lại hay, còn nếu kéo hết màn bí mật của nhân sinh ra, nhìn thấy hết một lượt, thì chẳng còn chút nghệ thuật nào cả. Có lẽ đây chỉ là một câu nói đùa, nhưng dù sao, nếu thật sự thông suốt được Dịch học, đạt đến **"vi diệu huyền thông"** (tinh tế huyền thông), thông suốt hết thảy mọi sự, thì cũng tốt thôi.

Chữ "thường" không hoàn toàn tương đương với vĩnh hằng, một người không biết thường, thì phải quay đầu lại tìm từ chính sinh mệnh của mình. "Phù vật vân vân, các phục quy kỳ căn, quy căn viết tĩnh, thị vị phục mệnh", cũng tức là nói cội nguồn của sinh mệnh trong vũ trụ, vốn dĩ là thanh hư. **"Bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai"** (vốn dĩ chẳng có một vật gì, thì bụi trần bám vào chỗ nào được), vậy thì cần gì phải nắm chặt lấy mọi thứ, không chịu buông tay? Kỳ thực chẳng có thứ gì để mà nắm giữ cả. Ngươi đừng cố tình so đo tính toán, cả vũ trụ vạn vật, vốn dĩ đều thuộc về ngươi rồi! Có người hỏi tôi, làm sao học bố thí mà không tham lam mưu lợi tích của quá mức? Tôi nói: "Cả trái đất đều là của ngươi, sao ngươi lại không chịu bố thí." Dù sao thì nhìn thoáng ra một chút cũng chẳng phạm pháp gì cả, trái đất là của ngươi, cũng là của người khác, của mọi người, cũng là của chính mình. Đây chính là biết thường. Cái bản lai của sinh mệnh chúng ta, không sinh không diệt, đối với cái bản nguyên không sinh không diệt ấy, phải nắm cho chắc, hiểu cho thấu. "Bất tri thường, vọng tác hung", sống say chết mộng, sống mù quáng, thì sẽ chẳng có kết cục tốt đẹp gì.

Biết "thường" là phải nắm được cội nguồn của Đạo, mới hiểu được cách làm người, mới hiểu được cách làm việc. Biết "thường" thì mới có thể "dung", tấm lòng có thể bao trùm muôn vật, che cả trời cả đất. Vì có tấm lòng ấy, phạm vi trí tuệ mở rộng ra, không gì lường được, cho nên nói **"dung nãi công"** (bao dung mới công bằng), tự nhiên làm được điều thiên hạ vi công, không chút riêng tư.

Đã có thể "dung nãi công" rồi, thì tất nhiên **"công nãi vương"** (công bằng mới như vua). Chữ "vương" ở đây có nghĩa là vượng, là được trông cậy, là trợ giúp. Vạn vật đều hưng thịnh tươi tốt, sống động hoạt bát, nương tựa giúp đỡ lẫn nhau. Các thầy xem tướng số vẫn thường bảo người xem tướng, rằng tùy theo bát tự của ngươi, muốn làm một việc gì đó, phải chọn đúng "ngày vượng tướng" của riêng mình. Là mùng một, hay là ngày rằm? Ví dụ, có người thuộc hành Hỏa, mà Mộc lại sinh Hỏa, thì cái ngày thuộc hành Mộc ấy, chính là "ngày vượng tướng" của người đó. Chữ "tướng" ở đây có nghĩa là phụ trợ, giúp đỡ. Trong ngũ hành, mỗi người có ngày vượng tướng riêng của mình, ngày vượng tướng của ngươi thì có lợi hơn cho ngươi, còn đối với người khác, thì lại chưa chắc.

"Công nãi vương", chữ "vương" ở đây không nhất thiết phải giải nghĩa là vua chúa. Theo cách hiểu hiện đại, tức là tất cả vì xã hội, còn nhà Phật thì nói tất cả vì độ chúng sinh; quên mình đi, mọi lúc mọi nơi đều nghĩ cho người khác, ngươi độ chúng sinh, chúng sinh cũng độ lại ngươi. Nếu dùng khẩu hiệu hợp tác thông thường mà nói, thì đó chính là

“mọi người vì ta, ta vì mọi người”. Ngươi vì mọi người, mọi người vì ngươi, cuối cùng không còn phân biệt kẻ này người kia, tất cả đều như nhau cả. **“Công nãi vương, vương nãi thiên”** (công bằng mới như vua, như vua mới như trời), chính là hợp với quy luật tự nhiên của trời đất. Trời đất sinh trưởng vạn vật, mặt trời mặt trăng chiếu rọi vạn vật, công bằng không phân biệt, chẳng hề so đo tính toán báo đáp, đó chính là quy luật tự nhiên của **“thiên nãi đạo”** (trời hợp với Đạo).

Có được tấm lòng bao trùm hết thảy như trời đất, thì mới hợp với nguyên tắc của Đạo, khi ấy mới có thể **“đạo nãi cửu”** (hợp với Đạo mới trường cửu), nguồn xa dòng dài, sống lâu không già. Cái mà nhà Phật gọi là “vô ngã”, chính là “đại công”, chính là “thiên đạo”. Hiểu rõ được đạo trời rồi, thì sẽ **“một thân bất đãi”** (thân mất đi mà không bị tiêu diệt). “Một thân” ở đây là nói sinh mệnh của chúng ta, sống đến hơi thở cuối cùng không còn nữa, sau khi chết xương cốt hóa thành tro bụi, xác thân tan biến, nhưng cái tinh thần của sinh mệnh thì vẫn tồn tại mãi mãi. Trường sinh bất lão, cái mấu chốt của nó, nằm trọn vẹn trong sáu chữ “trí hư cực, thủ tĩnh đốc” này.

Thượng Kinh · Chương 17

Thái thượng, hạ tri hữu chi;

Bậc nhất, dân chỉ biết có sự tồn tại của ông ta;

Kỳ thứ, thân nhi dự chi;

Kế đó, thân yêu và ca ngợi ông ta;

Kỳ thứ, úy chi;

Kế đó, sợ ông ta;

Kỳ thứ, vũ chi.

Kế đó, khinh thường ông ta.

Tín bất túc yên, hữu bất tín yên.

Lòng tin chưa đủ, nên mới có sự không tin tưởng.

Du hề, kỳ quý ngôn.

Thong thả thay, người ấy ít lời.

Công thành sự toại, bách tính giai vị ngã tự nhiên.

Công thành việc xong, trăm họ đều nói: chúng ta tự nhiên như vậy.

Triết lý nhân sinh và những tầng bậc của Đạo

Chương này, Lão Tử lại mở ra một hướng khác, đưa thêm ra một tên gọi là **"thái thượng"** (bậc cao tột). "Thái thượng" tương đương với câu trong thiên Hệ Từ của Kinh Dịch: **"hình nhi thượng giả vị chi đạo"** (cái ở trên hình tướng thì gọi là đạo). Ngày nay khi bàn về triết học Trung Quốc, ta hay dùng ba chữ **"hình nhi thượng"** (siêu hình), vốn là chữ dịch từ một danh từ phương Tây, nhưng lại mượn quan niệm trong Kinh Dịch. "Hình nhi thượng giả vị chi đạo" nghĩa là trước khi vạn vật chưa sinh trưởng thành hình, cái đó gọi là đạo. **"Hình nhi hạ giả vị chi khí"** (cái đã có hình tướng thì gọi là đồ vật) nghĩa là khi muôn vàn sự vật đã có hình tướng sinh trưởng ra, đủ mọi dạng, muôn hình muôn vẻ không đếm xuể, thì gọi là "thế giới của khí", tức thế giới vật lý. Trước khi hình thành thế giới vật lý ấy, gọi là "đạo", Kinh Dịch gọi đó là "hình nhi thượng".

Cái tên "thái thượng" của Đạo gia, lần đầu xuất hiện trong sách Lão Tử. Kỳ thực, trước cả đời Ân Thương đã có từ "thái thượng" này rồi. Trong văn học Trung Quốc có câu **"thái thượng vong tình"** (bậc cao nhất thì quên hết tình cảm). Quả thật, điều đau khổ và khó làm nhất trong đời người chính là quên tình, bởi con người sống được phần lớn là nhờ tình cảm ràng buộc. Con người là loài có tình cảm, người xưa nói: **"vô tình hà tất sinh tư thế, hữu hảo chung tu lụy thử thân"** (nếu vô tình thì cần chi sinh ra ở đời này, mà đã có yêu thương thì rốt cuộc cũng phải lụy tấm thân này). Có ta có người là có tình cảm, có tình cảm là có phiền não, có phiền não là có thị phi, có thị phi là có khổ đau. Vì tình mà chịu khổ, nên quên tình lại càng khó hơn. Nhưng "thái thượng vong tình" không phải là vô tình, mà là đại từ đại bi, là cái tình lớn không thiên vị không riêng tư, giống như trời đất sinh dưỡng muôn vật, bình đẳng không phân biệt, chẳng cầu báo đáp.

Cái "thái thượng" mà Lão Tử nói tới, chính là đạo của kẻ quá đa tình mà lại như quên tình, chỉ có **"hạ tri hữu chi"** (kẻ dưới chỉ biết có sự tồn tại của ông ta). Cái gọi là "hạ tri hữu chi" có nghĩa là có một loại người bậc dưới, mà ta cho

là rất ngu dốt, nhưng kỳ thực họ mới là người có trí tuệ thật sự, sớm đã lĩnh hội được "đạo". Những triết gia thực thụ đều xuất thân từ chốn quê mùa, tuy cả đời chẳng đọc sách, nhưng thật chẳng khác gì một đại triết gia, đại tư tưởng gia, khi gặp phải khổ đau thì cứ khóc cho hả một trận, rồi nghĩ bụng số mình khổ thế thôi cũng xong. Tôi nhiều lúc có cảm xúc như vậy, nhất là ở những vùng sâu vùng xa lạc hậu, thấy trong những túp lều tranh rách nát, có những cụ già ăn mặc rách rưới, ăn không đủ no, bữa đói bữa no, sống khổ sở vô cùng. Hỏi cụ: "Sao không về ở với con mà dưỡng già?" cụ lại nhẹ nhàng đáp: "Đời tôi số đã định là khổ rồi, chỉ có cam chịu thôi!" Nghe vậy thật khiến người ta phải kính nể. Cụ hiểu triết lý nhân sinh hơn ai hết, "chấp nhận" là xong.

Như một số người trong chúng ta, tự cho mình là kẻ đọc sách bậc nhất, kỳ thực trí tuệ lại chẳng bằng người quê mùa dốt nát. Chính những người quê mùa ấy mới thật là nhà tôn giáo, nhà triết học. Nhất là có những người trẻ học Phật học Đạo, mới xem qua chút ít Phật học đã tự cho rằng mình chỉ còn thiếu chút xíu nữa thôi, dường như đã gần bằng Phật rồi, thật đáng buồn. Còn cái hạng người bề ngoài trông có vẻ ngu dốt kia, lại biết rõ có một cái gì đó, dù gọi là "Phật", gọi là "Trời", gọi là "Thượng đế", hay theo cách gọi cổ xưa của Trung Quốc là "mệnh", họ cứ tin chắc vào cái đó, đến chết cũng không đổi, còn thông suốt, khoáng đạt hơn người khác nhiều. Đó chính là cái đạo lý của "thái thượng, hạ tri hữu chi".

Xuống thêm một bậc nữa là những người tin rằng phải đốt hương cúng dường, quỳ lạy, tán thán không ngớt, mỗi ngày còn phải tụng đi tụng lại mấy lần, đó thuộc về hoạt động nghi lễ mang tính tôn giáo, chính là khuôn mẫu của **"kỳ thứ, thân nhi dự chi"** (kế đó, thân yêu và ca ngợi ông ta). Còn có hạng người thấp hơn nữa, có lẽ họ không tin tôn giáo, cũng chẳng tin đạo, nhưng trong lòng vô hình trung vẫn có một điều gì đó khiến họ phải kiêng sợ. Thực ra, ta thường cho rằng những người ngu dốt nhất, lại thường chính là những người tu đạo bậc nhất thật sự. Nếu không phải vậy, thì phải là người có trí tuệ vượt trội thực sự mới tu đạo nổi. Tôi vẫn thường nói, có hai hạng người có thể học thiền. Một hạng là chẳng biết chữ nào, như tờ giấy trắng, bản thân rất dễ tu đạo mà khai ngộ. Hạng kia thì phải trí tuệ thấu suốt, thông minh tột bậc mới được. Còn như hạng lửng lơ nửa vời như chúng ta đây, nửa thông nửa không, là hạng dở nhất, tu đạo thường chẳng thành được gì. Lão Tử nói về ba hạng người này, trọng tâm nhấn vào chỗ **"đại trí nhược ngu"** (kẻ trí lớn trông tựa như ngu), nói cách khác, kẻ ngu lớn thì cũng tựa như có trí vậy.

Cứ như vậy, xuống thêm bậc nữa là **"kỳ thứ, vũ chi"** (kế đó, khinh thường ông ta). Lại có hạng người thấp hơn nữa, nhất định không tin đạo. **"Thượng sĩ văn đạo, cần nhi hành chi"** (kẻ sĩ cao nghe đạo, cần cù mà thực hành), người thật sự cao minh vừa nghe đạo là ngộ ngay, và làm theo trăm phần trăm. **"Trung sĩ văn đạo, nhược tồn nhược vong"** (kẻ sĩ trung nghe đạo, nửa tin nửa ngờ), hạng người này nghe thì cứ nghe, nói là không tin ư? Nhưng cứ đến chủ nhật hằng tuần lại nhất định đi nhà thờ cầu nguyện. Đến mùng một, ngày rằm, lại nghiêm chỉnh chạy ra chùa, thắp hương lạy Phật. Ngày thường thì sống qua loa, tùy tiện, dường như chỉ có ngày đó mới có Bồ Tát, thần linh hiển linh, còn những lúc khác thì muốn làm gì cũng được, đó chính là nửa tin nửa ngờ. Lại có những người, nghe người ta giảng đạo thuyết pháp, tự cho mình là cao minh nhất, cho rằng người khác đều là kẻ tâm thần, cười khẩy một tiếng rồi bỏ đi chẳng thèm để ý, đó chính là điển hình của "kỳ thứ, vũ chi". **"Hạ sĩ văn đạo, đại tiếu nhi tẩu chi"** (kẻ sĩ thấp nghe đạo, cười to rồi bỏ đi) chính là như vậy. Người đời sau còn thêm vào một câu: **"bất tiếu bất túc dĩ vi đạo"** (không bị cười thì không đủ để là Đạo), ý nói nếu không bị người ta khinh khi cười cợt như thế thì liệu còn có phải là đạo nữa không? Cả hai bên đều cố chấp tự cao, đều cho mình là đúng, xem ra thật đáng buồn cười.

Lại nói về hạng người "kỳ thứ, vũ chi" ấy, họ hoàn toàn chẳng biết trời cao đất dày là gì, tuyệt nhiên không tin đạo, cho rằng tin đạo là một sự sỉ nhục đối với nhân cách. Tóm lại, đó là **"tín bất túc yên, hữu bất tín yên"** (lòng tin chưa đủ, nên mới có sự không tin tưởng). Trí tuệ con người vốn không đồng đều, có người tin thì có tin nhưng chẳng triệt để, nửa tin nửa ngờ, vì họ chưa truy cứu chân lý đến tận cùng. Có người thì hoàn toàn không tin, cứ khăng khăng "ta

nhất quyết không tin cái tà thuyết ấy", với hạng này thì cũng đành chịu. Cái muôn hình vạn trạng ấy, Lão Tử không phân tích thêm chi tiết nữa. Điều này cũng giống như sự phân cấp trí năng bẩm sinh của loài người, bên Phật học thì chia chúng sinh thành năm loại "chủng tính", cũng chính là cái gọi là thuyết "căn khí", khá tương đồng.

Chương này, cuối cùng Lão Tử đưa ra một kết luận, hình dung về đạo rằng: **"du hề, kỳ quý ngôn, công thành sự toại, bách tính giai vị ngã tự nhiên"** (thong thả thay, người ấy ít lời; công thành việc xong, trăm họ đều nói: chúng ta tự nhiên như vậy). Điều này cũng như nói, đạo chính là cái công đạo của trời đất. Học đạo chẳng có gì bí mật cả, chỉ cần trình độ đủ, thành tâm mà học thì ắt sẽ đắc đạo. Đạo là của chung thiên hạ, chẳng thuộc về riêng anh, cũng chẳng thuộc về riêng tôi, nếu anh hiểu được điều đó thì mới biết vốn dĩ nó thuộc về anh, cũng thuộc về mọi người, chứ không phải món riêng để một cá nhân nào đó hưởng thụ. Ngàn vạn lần đừng cho rằng chân lý chỉ ở phía mình, rồi bắt người cầu đạo cầu pháp phải nịnh bợ, quỳ lạy hành lễ với mình mới chịu truyền đạo. Tôi cho rằng lối làm như vậy là tự hạ thấp mình, thật chẳng có ý nghĩa gì.

Đạo không hề giấu riêng cho mình, nhưng lại "du hề, kỳ quý ngôn". "Du hề" là cái vẻ ung dung tự tại, còn cái ý của "kỳ quý ngôn" thì lại rất khó nói cho rõ ràng. "Quý ngôn" không có nghĩa là phải quý trọng lắm mới nói cho anh nghe ý đó, mà là dù ngôn từ có cao siêu đến đâu cũng khó lòng diễn tả hết được cảnh giới của đạo. Vậy thì đạo thấy được ở đâu? Thấy được ở trong hành vi, trong hiện tượng. Bản thể của đạo vốn vô hình vô tướng, "nói tựa như một vật gì đó thì liền sai", không thể dùng danh tướng ở đời để định nghĩa nó được. **"Hữu sinh ư vô"** (có sinh từ không), muôn vật trong vũ trụ đều dựng nên từ cái "không" trong trẻo, trống rỗng, thăm thẳm ấy, cho nên mới nói "công thành sự toại".

Một người tu đạo mà thật sự thông đạt được đạo, mới có thể nhìn thấu tác dụng biểu hiện của đạo, mới nhận ra được bộ mặt vốn có của đạo, cùng cách đạo tạo ra muôn vàn biến hóa của sự vật trong vũ trụ. Những gì bản thể của đạo biểu hiện ra ngoài, chỉ là cái bóng tầng thứ hai của nó mà thôi. Muốn nhận ra cái gốc của nó, ta chỉ còn cách tìm hiểu qua cái bóng tầng thứ hai này, tức là qua công nghiệp mà bản thể của đạo tạo ra. Cái công nghiệp này lại chia làm hai tầng ý nghĩa. Theo cái học của thế gian bên Nho gia, tức là thành tựu sự nghiệp mà ta thường nói tới, ví như học khoa học thì phải có phát minh. Anh học cái gì? Học vật lý, thì anh vẫn còn đang ở giai đoạn học tập, chưa phải là nhà vật lý học, càng chẳng phải nhà khoa học vật lý. Anh học hóa học, cũng chưa tính là nhà hóa học, hay nhà khoa học hóa học. Phải đến khi bắt đầu phát minh ra, phát minh được nguyên lý vật lý hay hóa học, mới coi là chạm được vào cái tinh túy của khoa học vũ trụ, rồi từ đó rút ra được một hệ quy tắc của sự vật, lại từ hệ quy tắc khoa học lý thuyết ấy, tiến thêm bước phát triển kỹ thuật thực dụng của khoa học ứng dụng, sản xuất ra biết bao vật dụng sinh hoạt khiến người ta không kịp nhìn hết, đem lợi ích cho người đời, hoặc cũng có khi gây hại cho người đời.

Cũng như vậy, học đạo, học các loại tri thức ở đời, đều là từng lớp từng lớp đi sâu vào cái lõi bên trong, rồi cũng từng lớp từng lớp từ cái lõi bên trong ấy, biểu hiện ra thành công dụng cụ thể. Tầng thứ sâu cạn khác nhau ở đây, thì công nghiệp lớn nhỏ cũng khác nhau theo. Đó chính là "công thành sự toại". Đợi đến khi sự việc đã có thành tựu, thì "bách tính giai vị ngã tự nhiên". Đợi khi công nghiệp của anh đã biểu hiện ra rồi, lâu dần thành quen, mọi người sẽ nói rằng vốn dĩ nó đã hợp với đạo tự nhiên như thế, chẳng có gì phải kinh ngạc cả. Đạo vốn tự nhiên mà có, nhưng người thường như chúng ta muốn quay trở về cái cảnh giới vốn có của đạo ấy, thì vẫn còn phải tu tập mới được. Trong đó còn có một vấn đề triết học lịch sử vô cùng trọng đại nữa. Đó là vấn đề triết học Trung Quốc với triết học tôn giáo, cùng lịch sử phát triển của triết học lịch sử, liên quan quá rộng, mà mỗi vấn đề đều có thể trở thành một đề tài riêng, nay tạm dừng ở đây, sau này có dịp sẽ bàn tiếp.

Thượng Kinh · Chương 18

Đại đạo phế, hữu nhân nghĩa;

Đại Đạo bị bỏ phế, mới có nhân nghĩa;

Trí tuệ xuất, hữu đại ngụy;

Trí tuệ xuất hiện, mới có sự gian dối lớn;

Lục thân bất hòa, hữu hiếu từ;

Sáu thân (cha mẹ, anh em, vợ chồng) bất hòa, mới có hiếu thuận từ ái;

Quốc gia hôn loạn, hữu trung thần.

Quốc gia hỗn loạn, mới có trung thần.

Vẻ ngụy trang của trung thần hiếu tử

Nhìn từ góc độ diễn biến của triết học lịch sử Trung Quốc, tiếp nối tầng nghĩa về đạo ở chương 17, ta có thể thấy được nét đặc biệt trong tư tưởng Lão Tử. Triết học lịch sử của Lão Tử khác hẳn quan niệm Nho gia, cũng khác cả thái độ sống thông thường của xã hội, tự thành một lối riêng. Từ chỗ nói về đạo trời tự nhiên ở trên, đến đây ông đưa ra những lời có vẻ như phản đối nhân nghĩa và trí tuệ. Chỉ nhìn trên mặt chữ, ông muốn nói rằng văn hóa Trung Quốc từ thời thượng cổ vốn chỉ có một chữ đạo, khi đạo suy yếu đi, người đời sau mới đề xướng nhân nghĩa đạo đức, kết quả là càng nhấn mạnh lại càng tệ, phản tác dụng. Kế đó, Lão Tử cũng phản đối trí tuệ. Nói cách khác, tri thức càng phát triển, giáo dục học vấn càng phổ cập, thì âm mưu dối trá trong xã hội loài người, những việc làm gian tà phạm pháp cũng càng nhiều, càng khó dàn xếp cho ổn. Tiếp theo, ông đưa ra một lý do rõ ràng hơn: **"lục thân bất hòa, hữu hiếu từ"** (sáu thân bất hòa, mới có hiếu thuận từ ái). Trong nhà, cái gọi là lục thân chính là cha mẹ, anh em, vợ chồng, phải đến khi giữa họ có mâu thuẫn, xung đột thì mới nhìn ra được: ai là hiếu, ai là bất hiếu?

Nếu một gia đình vốn đã êm ấm, hòa thuận vui vẻ, mọi người sống chung hòa hảo, thì ai cũng là con hiếu cháu hiền cả, chẳng cần gì phải nêu riêng ra ai hiếu ai không hiếu. Nếu trong nhà bỗng xuất hiện một người con hiếu, thì ngược lại sẽ có kẻ bị coi là bất hiếu, vấn đề từ đó mà sinh ra lớn. Bởi vậy mới nói, chính vì lục thân bất hòa mới sinh ra cái gọi là "cha hiền con hiếu". Nếu ta đi sâu nghiên cứu **"Nhị thập tứ hiếu"** (hai mươi bốn tấm gương hiếu thảo) mà văn hóa Trung Quốc đặc biệt tôn vinh, sẽ thấy có không ít điều đáng phải bàn lại. Chẳng hạn như vua Thuấn, người mang tiếng đại hiếu, thì cha mẹ ông lại chẳng ra gì, rất mực trái đạo, điều đó cho thấy rõ cha mẹ Thuấn sống trong một gia đình đầy vấn đề, thị phi không ngớt, hết sức đáng buồn, chính vì vậy Thuấn mới trở thành người con hiếu số một. Lão Tử không thích kiểu chuyện như vậy, bởi lấy cái xấu của một người để làm nền cho cái tốt của người khác, đó là điều bất hạnh, ông mong mỏi mỗi gia đình đều được hòa vui, hạnh phúc.

"Quốc gia hôn loạn, hữu trung thần" (quốc gia hỗn loạn, mới có trung thần), cũng cùng một lẽ, Lão Tử không mong lịch sử xuất hiện quá nhiều trung thần nghĩa sĩ, vì trung thần nghĩa sĩ chẳng phải là hiện tượng tốt lành gì. Những vị trung thần trong lịch sử ta thường nói đến, như Nhạc Phi, Văn Thiên Tường, Sử Khả Pháp, đều được người đời kính ngưỡng, vì họ một lòng trung thành với quốc gia dân tộc, nhận lãnh trọng trách lúc nguy nan, dám hy sinh cả mạng sống quý báu của mình. Nhưng những sự tích trung thần đáng ca đáng khóc ấy, không sự tích nào mà không xảy ra vào những thời kỳ lịch sử loạn lạc, dân chúng lầm than khốn khổ. Sự xuất hiện của một trung thần, phần nhiều lại phản chiếu nỗi khổ của cả một thời dân chúng. Giả sử quốc gia mưa thuận gió hòa, sống mãi trong cảnh thái bình thịnh trị, xã hội ai cũng biết tự trọng tự yêu, không có chuyện giết người, trộm cướp, dâm loạn, thì chẳng phải ai ai cũng là

trung thần, người người đều là người tốt hay sao? Vì thế Lão Tử cho rằng không cần đặc biệt ca ngợi người này tốt, người kia hơn người. Hơn bốn mươi năm trước, tôi ở chùa Linh Nham, huyện Quán, phía tây Tứ Xuyên, có thấy người ta khắc trên vách đá bên suối Linh hai câu **"nguyện thiên thường sinh hảo nhân, nguyện nhân thường tác hảo sự"** (mong trời luôn sinh ra người tốt, mong người luôn làm việc tốt), đó chính là ý của Lão Tử, và cũng mới là cái hạnh phúc lớn nhất trên đời.

Mấy câu này của Lão Tử, nếu chỉ nhìn qua trên mặt chữ một cách hời hợt, có vẻ như ông cực lực phản đối việc Nho gia đề xướng nhân nghĩa đạo đức, nhưng có vài điểm chúng ta cần phải lưu ý.

Thứ nhất, thời đại Lão Tử sống chính là thời Xuân Thu, xã hội đang đứng trước muôn vàn biến động của giai đoạn chuyển mình, một hình thái xã hội mới đang dần dần hình thành, và trong quá trình đó nảy sinh không ít hiện tượng bệnh hoạn. Lão Tử sống trong một xã hội bệnh hoạn như thế, từ đó mà đúc kết ra triết lý sống của mình, nên mới có những lời như vậy. Thoạt nghe thì tưởng như ông đang nói ngược đời, nhưng nếu xét kỹ lại, thì đây chính là một bài học tích cực hết sức quý giá.

Ta còn có thể đưa ra một chứng cứ khác để đối chiếu. Chẳng hạn, nếu nghiên cứu kỹ toàn bộ thiên Lễ Vận trong Lễ Ký do Khổng Tử soạn, sẽ thấy rằng Khổng Tử cũng có cách nhìn giống như Lão Tử. Văn hóa Trung Quốc từ xưa vốn đã coi trọng giá trị đạo đức, điều này thiên Lễ Vận trong Lễ Ký đã nói rất rõ. Cái gọi là "đức" vốn quy về trong "đạo", đức là cái dụng của đạo, đạo là cái thể của đức. Mà đạo đó là gì? Lão Tử tự cho rằng đạo chính là tự nhiên, nhưng từ thời viễn cổ cho đến thời Hoàng Đế, mọi sự do con người tạo tác ra đã dần dần không còn hợp với đạo nữa.

Thứ hai, nhìn về lịch sử viễn cổ trước thời Hoàng Đế, trong sách Liệt Tử có một thiên mượn chuyện chính Hoàng Đế nằm mộng, đó là câu chuyện mộng du đến "nước Hoa Tư". Chuyện này có thật hay không, ở đây tạm chưa bàn tới. Trong bài có nói, Hoàng Đế nằm mộng, đến một quốc độ khác, nơi đó chốn nào cũng thái bình yên ổn, không có chuyện bất hạnh nào xảy ra, đó là cõi thiên đường mà loài người hằng mong ước. Câu chuyện "mộng Hoa Tư" này chính là hình ảnh của cõi lý tưởng mà văn hóa Trung Quốc luôn hướng tới. Những hình ảnh khác như "Cộng hòa" của Plato, "Utopia" của Thomas More, rồi đến "thế giới Cực Lạc" của nhà Phật, "thiên đường" của Cơ Đốc giáo, tất cả đều có căn nguyên của nó, đều phản ánh một điều: con người trong thế gian này chịu muôn vàn khổ nạn, không lúc nào ngơi tranh đấu chiến loạn, nên con người mới tự nhiên mà tìm đến một cảnh giới hạnh phúc, viên mãn khác. Còn cái đại đạo mà Lão Tử nói đến, chính là đại diện cho nội hàm và tinh thần của cảnh giới ấy.

Thực ra, câu nói của Lão Tử **"đại đạo phế, hữu nhân nghĩa; trí tuệ xuất, hữu đại ngụy"** (đại đạo bị bỏ phế mới có nhân nghĩa; trí tuệ xuất hiện mới có sự gian dối lớn) nghe có phần khắc nghiệt quá đáng, nhưng đó cũng là vì thương yêu tha thiết nên trách cứ mới nghiêm khắc hơn. Khổng Tử trong thiên Lễ Vận cũng nói một ý tương tự, chỉ là cách diễn đạt khác nhau mà thôi. Đây chính là điểm khác nhau trong thái độ của hai nhà Nho, Đạo, nhưng đạo lý thì lại thông suốt với nhau.

Khổng Tử trong thiên Lễ Vận có nói: **"Cố dụng nhân chi trí khứ kỳ trá, dụng nhân chi dũng khứ kỳ nộ, dụng nhân chi nhân khứ kỳ tham. Ẩm thực nam nữ, nhân chi đại dục tồn yên; tử vong bần khổ, nhân chi đại ác tồn yên. Cố dục ác giả, tâm chi đại đoan dã. Nhân tàng kỳ tâm, bất khả trắc đạc dã, mỹ ác giai tại kỳ tâm, bất kiến cập sắc dã. Dục nhất dĩ cùng chi, xả lễ hà dĩ tai"** (vậy nên dùng cái trí của người mà bỏ sự dối trá, dùng cái dũng của người mà bỏ sự nóng giận, dùng cái nhân của người mà bỏ sự tham lam; ăn uống, nam nữ là những dục vọng lớn của con người, chết chóc, nghèo khổ là những điều con người ghê sợ nhất; vậy nên dục vọng và ghê sợ chính là hai đầu mối lớn của lòng người; người ta giữ kín lòng mình, không thể đo lường được, tốt xấu đều ở trong tâm, không hiện

ra sắc mặt; muốn quy về một mối mà thấu suốt hết, thì ngoài lễ ra còn cách gì khác). Con người có trí tuệ, thì mặt trái của trí tuệ chính là gian trá, dùng cho đúng chỗ thì là đại trí đại tuệ, dùng lệch đi thì thành gian manh xảo trá, tất cả chỉ cách nhau một niệm. Vì thế Khổng Tử nhấn mạnh **"dụng nhân chi trí khứ kỳ trá"** (dùng cái trí của người mà bỏ sự dối trá). Còn người có đại dũng thì thường khí phách lớn, nóng tính cũng lớn. Mặt trái của đại dũng chính là hay nổi giận, nhà Phật gọi đó là "sân". Nếu một đại anh hùng, đại trượng phu mà không có cái tính nóng nảy dữ dội đó, thì thật đáng quý. **"Dụng nhân chi nhân khứ kỳ tham"** (dùng cái nhân của người mà bỏ sự tham lam), nhân từ vốn là điều tốt, nhưng nhân từ quá mức lại thành ra lề mề, ứng xử với người mềm nhũn nhũn, trong tâm khó tránh khỏi một thứ tham luyến, chấp trước không tự biết. Bởi vậy, nếu giữ được một tấm lòng nhân từ bác ái mà không vướng phải cái niệm tham chấp ấy, thì sẽ không sinh ra tác dụng phụ xấu. Từ đây, ta đã có thể thấy rõ, câu "đại đạo phế, hữu nhân nghĩa; trí tuệ xuất, hữu đại ngụy" của Lão Tử, về ý nghĩa thì không hề mâu thuẫn xung khắc với đạo lý mà Khổng Tử nói, chỉ là cách diễn đạt văn chương khác nhau mà thôi.

Khổng Tử lại nói: **"ẩm thực nam nữ, nhân chi đại dục tồn yên"** (ăn uống, nam nữ, đó là dục vọng lớn nhất của con người), ăn ngon uống ngon, cùng với việc ham thích chuyện nam nữ, đó là những dục vọng căn bản của đời người. **"Tử vong bần khổ, nhân chi đại ác tồn yên"** (chết chóc, nghèo khổ, đó là điều con người ghê sợ nhất), còn về cái chết và cảnh nghèo khổ đau đớn, thì người trong thiên hạ ai cũng sợ, ai cũng chán ghét khi gặp phải. Vì vậy, **"cố dục ác giả, tâm chi đại đoan dã"** (vậy nên dục vọng và ghê sợ chính là hai đầu mối lớn của lòng người), một người ham muốn theo đuổi hưởng thụ ăn uống nam nữ, trốn tránh sự chết chóc và cảnh nghèo khổ sắp tới, đó chính là căn bản của hiện tượng tâm lý. Nhưng, **"nhân tàng kỳ tâm, bất khả trắc đạc dã"** (người ta giữ kín lòng mình, không thể đo lường được), suy nghĩ, ý niệm của con người, nhìn từ bên ngoài rất khó thấy được, cũng rất khó mà đo lường cho biết. Một người đang tính toán điều gì, mưu tính gì, lòng dạ tốt hay không tốt, chỉ cần không biểu hiện ra hành vi, thì có ai mà biết được? **"Mỹ ác giai tại kỳ tâm, bất kiến cập sắc dã"** (tốt xấu đều nằm ở trong tâm, không hiện ra sắc mặt), mọi điều tốt xấu đều tùy vào sự biến chuyển trong tâm niệm của người ấy, căn bản không có màu sắc, âm thanh gì để mà phân biệt. Mọi động cơ, ý nghĩ đều ẩn giấu sâu trong lòng người, vậy thì, **"dục nhất dĩ cùng chi, xả lễ hà dĩ tai"** (muốn quy về một mối mà thấu suốt hết những điều ấy, thì ngoài lễ ra còn cách nào khác), muốn chỉnh đốn, thống nhất những vấn đề căn bản của lòng người ấy lại, gạn bỏ cái xấu giữ lấy cái tinh túy, chuyển cái kém thành cái tốt, biến việc ác thành việc thiện, thì ngoài "lễ", nghĩa là giáo dục văn hóa, ra còn có cách nào khác nữa đây?

Hai vị danh y lớn thời Xuân Thu: Lão Tử và Khổng Tử

Xét toàn diện mà nói, tư tưởng Nho gia mà Khổng Tử đại diện, và tư tưởng Đạo gia mà Lão Tử đại diện, về mặt đạo lý là nhất quán với nhau. Giờ ta nói rõ thêm một bước nữa. Người Trung Quốc ta nói đến tư tưởng "nhân nghĩa", thời trước Xuân Thu cũng đã có quan niệm này, nhưng ít khi cố ý đề xướng. Vì sao? Vì lúc đó xã hội ít có cái bệnh phụ bạc, dứt tình đoạn nghĩa. Tôi vẫn thường nói, trong văn hóa Trung Quốc thường nhắc đến "đạo hiếu", so với các nền văn hóa khác trên thế giới, đạo hiếu là điểm hay đặc thù của Trung Quốc, cái chỗ cao minh đáng quý của nó không thể nghi ngờ. Nhưng đồng thời điều này cũng cho thấy, mấy nghìn năm qua, chuyện bất hiếu của chúng ta quá nhiều, nên Khổng Tử mới bất đắc dĩ phải đề xướng đạo hiếu. Cũng vậy, những câu chuyện bất nhân bất nghĩa trong xã hội xảy ra không ngớt, nên các vị thánh hiền mới phải dụng tâm khổ sở, đưa ra thang thuốc "nhân nghĩa" này, mong xã hội có phần cải thiện. Khổng Tử là một thầy thuốc của văn hóa, ông chẩn ra những chứng bệnh nan y trong văn hóa đương thời, rồi cho những vị thuốc để trị liệu, tìm cách giải quyết những vấn đề nhức đầu ấy.

Lão Tử cũng là một thầy thuốc, nhưng ông là thầy thuốc nghiên cứu y lý, tức là thầy thuốc của các thầy thuốc. Ông cho rằng thang thuốc mà các nhà Nho kê ra, tự nó không sai, nhưng thuốc uống nhiều quá, khó tránh sinh thêm bệnh

khác, tác dụng phụ là điều không thể tránh. Chỉ nói suông về nhân nghĩa đạo đức, nói cho hay cho đẹp, tự nhiên sẽ có người lợi dụng, làm ra những việc nhân nghĩa giả dối, lừa đời trộm danh, rốt cuộc chẳng khác nào lợi bất cập hại, vẫn cứ hại người như thường. Thời Xuân Thu Chiến Quốc xã hội bệnh hoạn nghiêm trọng nhất, nên việc nhấn mạnh nhân nghĩa cũng tích cực nhất. Lão Tử sống ngay trong hoàn cảnh đó, chán ghét cái thói ấy, nên mới đi từ mặt ngược lại để bốc thuốc đúng bệnh.

Ông nói: **"đại đạo phế, hữu nhân nghĩa; trí tuệ xuất, hữu đại ngụy"** (đại đạo bị bỏ phế mới có nhân nghĩa; trí tuệ xuất hiện mới có sự gian dối lớn). Trí tuệ và gian trá vốn là một thể hai mặt, chỉ cách nhau một đường tơ. Thông minh với xảo trá, thật thà với ngờ nghệch, thực ra chính là hai anh em sinh đôi gắn bó khăng khít với nhau. Trí tuệ chân thật hợp với "đạo", đem dùng vào đời, tạo phúc lợi cho xã hội loài người, thì đó là đúng, gọi đó là "đức". Đạo là thể, đức là dụng. Nhưng, tuy chân thật là điều tốt, nếu dùng không đúng chỗ, thì cũng sẽ phản tác dụng, làm hỏng việc.

Đoạn này của Lão Tử, tuyệt đối không nên đọc qua một cách qua loa. Mấy chục năm gần đây, tôi thấy có người nghiên cứu Lão Tử, đọc xong chương này mà không chịu suy ngẫm sâu thêm một tầng, liền vội đưa ra nhận xét sai lầm rằng Lão Tử phản đối nhân nghĩa, phản đối trí tuệ, phản đối làm trung thần, phản đối làm hiếu tử. Như vậy chẳng phải là xuyên tạc quá nghiêm trọng hay sao! Thực ra Lão Tử không hề phản đối những điều đó, ông chỉ muốn chúng ta đề phòng những tác dụng xấu có thể nảy sinh từ trong đó mà thôi.

Mọi việc đều có hai mặt chính phản của nó, ta phải xét đến cả hai cùng một lúc. Có khi vì thời gian lâu dài, tư tưởng vướng mắc mà biến dạng đi; có khi một quan niệm nào đó lưu hành nhiều năm, thời thế đổi thay, đã không còn phù hợp nữa, lại sinh ra lắm tệ hại, mất đi ý nghĩa ban đầu, lúc đó cần phải hiểu đạo lý **"cẩu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân"** (nếu một ngày đã mới, thì ngày ngày đều mới, lại càng mới thêm) trong Đại Học, lúc này phải biết cách biến thông. Vì vậy, tư tưởng của Lão Tử và tư tưởng của Kinh Dịch là như nhau, đều xoay quanh một chữ "biến".

Kinh Dịch có năm môn học vấn: "lý, tượng, số, thông, biến". "Lý" thuộc về triết học, mỗi quẻ trong Kinh Dịch đằng sau đều có đạo lý triết học của nó. "Tượng" là một sự vật, một thứ đồ vật, tự nó đều có hiện tượng riêng của mình. Ví như hư không, cũng có hiện tượng của nó, trống trải mông lung, không thể nắm bắt được. Mỗi hiện tượng xảy ra, đều tất phải có đạo lý triết học làm nên nó. Còn hai thứ "lý" và "tượng" ấy, cũng có thể mượn những ký hiệu số để biểu đạt, sắp xếp lại, đó chính là "số". "Lý", "tượng", "số" là ba cái căn bản của Kinh Dịch, phải nghiên cứu cho thấu đáo cả ba rồi mới biết được "thông"; chỉ biết "lý" mà không thông "tượng", "số", hay chỉ biết "tượng", "số" mà không thông "lý", đều không được. Phải đi sâu vào từng thứ, dung hội quán thông hết cả, mới có thể đạt tới "biến", mới có thể nhìn thấu trước thời cơ, biết biến, thích biến, ứng biến theo từng lúc. Biết được sự biến đổi mà ứng biến được, đó vẫn còn là cảnh giới hạ phẩm. Cảnh giới thượng phẩm là có thể biến trước khi việc biến xảy ra, biến trước cả thiên hạ khi sắp có biến. Còn đợi đến khi việc đã cận kề mới biến, thì cũng chỉ vừa đủ gọi là biến thông mà thôi. Đạo lý mà Lão Tử nói về nhân nghĩa, trí tuệ, cũng thuộc về một dạng biến thông như vậy.

Vụ án oan "vua" và "trộm" bị xếp chung một giuộc

Từ cách lập luận phản diện của chương này, càng thấy rõ tinh thần thật của Lão Tử, không phải như đời sau vẫn nói là ông chống nhân nghĩa, chống hiếu thảo. Ông chỉ vạch ra những chỗ xã hội thời đó đang lệch lạc, mong người đương thời cẩn trọng nhìn nhận mà đưa mọi việc trở về đúng đường. Vậy mà ngàn năm nay, các học giả chú giải Lão Tử phần nhiều chỉ biết một mà không biết hai, cứ bám vào câu chữ của Lão Tử, không nghe ra cái ý ở ngoài lời, nên hiểu sai Lão Tử một cách quá đáng, quá xa sự thật. Thực ra Lão Tử và Khổng Tử cùng một tinh thần, chỉ khác nhau ở cách nói mà thôi.

Lời Lão Tử phê phán xã hội thời Xuân Thu là **"tuyệt thánh khí trí"** (dứt bỏ thánh, bỏ trí). Càng đọc sử Xuân Thu, Chiến Quốc, càng thấy khâm phục người xưa. Khổng Tử soạn sách Xuân Thu, bộ sử đầu tiên của Trung Quốc. Có người nói sách Xuân Thu không nên đọc, đọc vào dễ sinh gian trá, xảo quyệt. Chính Khổng Tử cũng từng nói: **"tri ngã giả Xuân Thu, tội ngã giả Xuân Thu"** (biết ta là nhờ sách Xuân Thu, mà trách tội ta cũng chính vì sách Xuân Thu ấy). Sử đọc nhiều rồi, tấm gương tốt chưa học được, mà mánh khóe xấu đã học sạch. Chẳng hạn người thường đọc tiểu thuyết lịch sử Tam Quốc Diễn Nghĩa, học theo Gia Cát Lượng thì khó, mà bắt chước Tào Tháo lại dễ. Đọc tiểu thuyết, ai cũng muốn mình là nhân vật chính trong truyện; đọc Tam Quốc Diễn Nghĩa, người muốn làm Lưu Bị không ít, mà người muốn làm Triệu Tử Long, Quan Công lại càng nhiều hơn. Rất nhiều người đem lòng ham muốn của mình gán vào cái bóng dáng tài giỏi, thông minh của nhân vật trong sách, rốt cuộc không biết tự lúc nào đã vẽ hổ không thành lại hóa ra vẽ chó, thật đáng buồn.

Thực ra, trong sách Xuân Thu, đạo lý hay chỗ nào cũng có, mà chuyện xấu cũng chồng chất không kể xiết. Thời ấy, người được tôn xưng là thánh nhân nhiều vô kể, hầu như ai ăn nói lưu loát cũng được gọi là thánh nhân, kẻ sĩ thông minh tài trí lại càng nhiều không đếm xuể. Suốt từ Xuân Thu sang Chiến Quốc, đây quả là thời kỳ nhân tài xuất hiện dồn dập nhất trong cả lịch sử nước ta. Đọc trước tác thời Xuân Thu, Chiến Quốc, có lúc thấy lời một người nói rất có lý, nhưng ngẫm lại theo chiều ngược thì lại thấy không ổn, dường như phải lật ngược lại mới đúng, rồi xoay sang một góc nhìn khác nữa thì cả hai cách nghĩ trên đều đáng ngờ. Ý kiến ai cũng cao minh, mà ý kiến ai cũng còn chỗ để bàn thêm. Đó thật sự là một thời đại văn hóa loạn, xã hội loạn. Người phương Tây có một quan điểm sử học: xã hội, lịch sử đến hồi mạt kỳ, lúc loạn lạc bất an, mới sinh ra các nhà triết học, nhà tư tưởng. Nhưng theo cách nhìn sử học của chúng ta, thà đừng có những triết gia ấy còn hơn. Trí tuệ triết học cao siêu vốn được tôi luyện từ đau khổ, loạn lạc mà thành, cái giá phải trả kể ra quá đắt.

Vì vậy, Lão Tử chống lại việc tôn xưng thánh nhân, chống việc phô trương trí xảo, khôn ngoan đời thường. Thời Xuân Thu, Chiến Quốc, những bậc cao nhân giỏi mưu lược, thuật lạ, người này hơn người kia không biết bao nhiêu mà kể. Như Phạm Lãi, ông giúp Việt Vương Câu Tiễn khôi phục nước nhà, thực hành "thất kế" do thầy là Kế Nhiên Tử dạy cho, mới dùng ba bốn kế trong đó đã ổn định được thế cục giữa các nước, mà nước Việt cũng phục hưng. Cuối cùng, danh lợi, công lao gì cũng chẳng màng, tự mình bỏ đi, sang nơi khác làm ăn buôn bán. Còn cách làm ăn buôn bán ấy cũng do thầy Kế Nhiên Tử dạy cho nốt. Cái học mưu trí kiểu Xuân Thu, Chiến Quốc như vậy, kể thật không hết, nhộn nhịp vô cùng.

Thế nhưng, thời cuộc lúc ấy cũng đặc biệt bất an, chao đảo. Giả sử chúng ta sống ngay trong thời ấy, chịu cảnh khổ ấy, mới hiểu được nỗi đau đó khó mà chịu nổi. Người xưa có câu: **"ninh tác thái bình khuyển, mạc tác loạn thế nhân"** (thà làm chó thời thái bình, chứ không làm người thời loạn lạc). Mạng người thời loạn quả thật không bằng gà

chó thời thái bình, tính mạng mong manh như trứng chồng, lúc nào cũng có thể bị hủy diệt. Lão Tử với thời đại ấy, cảm thấy vô cùng đau xót, bất mãn, nên mới nói: **"tuyệt thánh khí trí, dân lợi bách bội"** (dứt bỏ thánh, bỏ trí, dân được lợi gấp trăm lần). Nếu người ta không phô trương thông minh tài trí, vốn dĩ đã có thể sống yên ổn, thái bình, chỉ vì bị những kẻ tự xưng thánh nhân, tự xưng trí tuệ làm cho rối loạn mà thôi.

Thời Chiến Quốc, người thật sự có thể xoay chuyển cục diện suốt hai ba mươi năm, chỉ có Tô Tần và Trương Nghi, bất kể việc họ làm đúng hay sai. Vì vậy về sau Tư Mã Thiên, Lưu Hướng đều rất khâm phục Tô Tần, một kẻ thư sinh còn trẻ tuổi, ra đời mà khiến các nước hai mươi mấy năm không xảy ra chiến tranh. Nghe qua thì hai mươi mấy năm hòa bình dường như chẳng có gì đáng kể, nhưng vào thời Xuân Thu, Chiến Quốc, mấy chục nước lúc nào cũng đang giao chiến. Mỗi trận chiến đều phải chết một lượng lớn người. Các cụ già cha mẹ vất vả nuôi lớn con cháu yêu quý của mình, rồi chỉ cần một lần ra trận, vài phút là kết thúc cả một đời người. Chẳng trách Tư Mã Thiên coi Tô Tần chỉ là một kẻ thư sinh yếu ớt, mà lại có thể tung hoành giữa sáu nước, dập tắt chiến tranh suốt hơn hai mươi năm, bản lĩnh ấy quả thật lớn lao, rất đáng khâm phục, nên mới đặc biệt chép riêng một đoạn trong Sử Ký.

Tình cảnh xã hội thời Lão Tử tuy chưa hỗn loạn, tồi tệ đến mức như thời Tô Tần, Trương Nghi, nhưng đã đi dần vào con đường biến loạn chẳng lành, ông đau lòng nên mới có chủ trương "tuyệt thánh khí trí, dân lợi bách bội". Đạo lý về nhân nghĩa cũng vậy, thời ấy không chỉ mình Khổng Tử đề xướng, nhưng Khổng Tử là người gom góp tinh hoa của nhân nghĩa, truyền lại cho đời sau. Vào thời Xuân Thu, Chiến Quốc, các nước đánh nhau, cướp thành chiếm đất lẫn nhau, đều lấy cái danh tiếng nhân nghĩa làm khẩu hiệu. Chẳng khác nào một số chính thể độc tài cũng vẫn rêu rao dân chủ, tự do, nhân quyền. Cái gọi là nhân quyền của họ, thực chất là quyền của kẻ nghe theo mệnh lệnh của ta, ta muốn ngươi làm sao thì ngươi phải ngoan ngoãn làm vậy. Thời Xuân Thu, Chiến Quốc cũng thế, các người muốn nói nhân nghĩa đạo đức, được thôi, ta cũng nói theo. Nhưng mọi việc đều phải theo lệnh ta, bảo quỳ thì quỳ, bảo giết thì giết, dù sao ta cũng có thể tuyên bố ra ngoài rằng đó là vì nhân nghĩa đạo đức, chẳng thể không làm vậy. Cách dùng nhân nghĩa đạo đức đến mức ấy, thì thiên hạ đã đại loạn, hết thuốc chữa rồi. Vì vậy Lão Tử vô cùng chán ghét, lại chủ trương **"tuyệt nhân khí nghĩa, dân phục hiếu từ"** (dứt bỏ nhân, bỏ nghĩa, dân trở lại hiếu thảo, từ ái). Xã hội không cần lấy nhân nghĩa làm khẩu hiệu tuyên truyền, càng ra sức nhấn mạnh nhân nghĩa, càng lắm lừa lọc dối trá lẫn nhau, sinh đủ thứ tệ hại.

Chỉ bậc đại anh hùng mới giữ được bản sắc thật của mình

Vả lại, con người cũng cần bỏ đi cái thông minh mà mình vẫn lấy làm tự hào, tức cái "khéo", bỏ đi lòng tham vì cái "lợi" riêng của bản thân, thì tự nhiên sẽ không còn trộm cướp làm càn phạm pháp. Đó chính là **"tuyệt xảo khí lợi, đạo tặc vô hữu"** (dứt bỏ khôn khéo, bỏ lợi lộc, trộm cướp không còn). Hai chữ "đạo tặc" ở đây, cần dẫn thiên Khư Khiếp trong sách Trang Tử, nói về đại đạo, tức Đạo Chích, để làm chú giải. Nói một câu nghiêm khắc, thì chư hầu thời Xuân Thu, Chiến Quốc hầu như ai cũng là Đạo Chích cả.

Sau khi nêu ra đạo lý trên, Lão Tử nói tiếp: **"thử tam giả, dĩ vi văn bất túc, cố linh hữu sở thuộc"** (ba điều ấy, dùng lời để nói vẫn chưa đủ, nên phải cho người ta có chỗ để nương theo). "Văn" ở đây là tư tưởng, lý luận. Ông nói, vì sao phải bỏ đi thánh trí, nhân nghĩa, khéo lợi ba thứ ấy? Đạo lý triết học này mà giảng ra thì nhiều vô kể, nói mãi không hết, nên tạm thời không giảng, chỉ cần nắm được cái ý ấy là đủ. Cũng như người nhà quê hay nói: "số tôi khổ, đành chịu vậy thôi." Chữ "số" ở đây là một quan niệm đã định sẵn, không cần giải thích dài dòng, chỉ cần từ đời sống thực tế mà tự cảm nhận được. Gia đình người Việt xưa cũng chỉ giữ chặt một quan niệm, đó là chữ hiếu, đạo lý trong đó là lẽ tự nhiên, không cần nói nhiều.

Vậy thì, đem những quan niệm "dứt bỏ thánh trí" ấy quy về lý tưởng sống nào? Đó là **"kiến tố bão phác, thiểu tư quả dục"** (thấy cái mộc mạc, ôm giữ sự chất phác, ít lòng riêng, ít ham muốn). Nếu xã hội loài người thật sự lấy đó làm thái độ sống, thiên hạ tự nhiên thái bình. Mà một người có được sự tu dưỡng ấy, cả đời cũng là hạnh phúc lớn nhất. Thực ra, đó chính là phẩm cách sống siêu phàm thoát tục của bậc đại thánh nhân. "Kiến tố": "kiến" là kiến giải, quan niệm, tư tưởng gọi là kiến; "tố" là thuần khiết, sạch sẽ. Khổng Tử trong Luận Ngữ cũng từng bàn đến vấn đề này. "Tố" như một tờ giấy trắng, không nhuốm một chút màu nào. Tư tưởng, quan niệm con người phải luôn giữ cho thuần khiết, không tạp nhiễm, cũng chính là hai câu của Thiền tông nhà Phật: **"bất tư thiện, bất tư ác"** (không nghĩ thiện, không nghĩ ác), hai bên thiện ác đều không vướng vào, trong sáng suốt thấu. Còn "bão phác": "phác" là gỗ nguyên sơ, chưa qua chạm khắc, chất gỗ tốt. Có sách dùng chữ **"phác"** (ngọc thô), hai chữ "phác" và "phác" (gỗ mộc) thông dụng với nhau, vỏ ngọc chưa qua mài giũa gọi là phác (ngọc thô). **"Phác"** (gỗ mộc) và **"phác"** (ngọc thô), nhìn bề ngoài thô ráp, không bắt mắt, nhưng thực chất phẩm chất tốt ẩn sâu bên trong, ánh sáng thu vào trong, mọi thứ vốn tự nhiên mà thành, không có sự tạo tác cố ý của con người về sau. Lòng dạ, tấm lòng chúng ta nên luôn ôm giữ cái mộc mạc, tự nhiên nguyên sơ ấy, lấy thái độ đó mà đối nhân xử thế, giải quyết công việc. Được như vậy, tư tưởng mới thuần khiết không tì vết, không rơi vào thành kiến chủ quan. Việc thường ngày, cứ thật thà mà làm, đáng cười thì cười, đáng khóc thì khóc. Khóc không phải vì một mục đích gì, khóc cho người khác xem; cười không phải vì người ta kể một câu chuyện cười, mình không cười thì áy náy với họ, nên đành gượng gạo nhếch miệng, nhe răng ra giả vờ cười. Như thế thì không còn là cảnh giới sống "kiến tố bão phác" nữa.

Kế đến, câu **"thiểu tư quả dục"** (ít lòng riêng, ít ham muốn) này cần đặc biệt lưu ý. Cả Nho lẫn Đạo đều không bắt người ta phải đạt đến chỗ "vô dục" tuyệt đối, dứt sạch ham muốn hoàn toàn thì gần như không thể, giả sử làm được thì đã là siêu phàm nhập thánh rồi. Chỉ có việc tu hành nhà Phật là trước tiên phải vô dục, nên bị nhà Nho phê là đặt tiêu chuẩn quá cao, khó mà với tới. Nho, Đạo hai nhà cho rằng "thiểu tư quả dục" đã là chuyện đáng quý lắm rồi. "Thiểu tư quả dục" có thể gần với đạo, nhưng vẫn chưa hoàn toàn hợp với đạo.

Lão Tử chủ trương **"tuyệt thánh khí trí"** (dứt bỏ thánh, bỏ trí), không lấy thánh nhân làm chỗ tự phô trương, không lấy tu hành làm khẩu hiệu, chỉ cần sống thật thà, đàng hoàng ngay thẳng, đó chính là tu đạo thật sự. **"Tuyệt nhân khí nghĩa"** (dứt bỏ nhân, bỏ nghĩa), là phải bỏ đi những trò giả nhân giả nghĩa, làm điều thương thiên hại lý. Có khi chúng ta thấy trong sử sách, rất nhiều chuyện miệng thì ra rả nhân nghĩa đạo đức, nói là giúp đỡ người khác, cứu vớt người khác, mà rốt cuộc đối phương lại chịu thiệt hại lớn. Cái trò nhân nghĩa chỉ là danh nghĩa, thực chất lại là xâm hại, thật đáng lên án. Còn "tuyệt xảo khí lợi", đó là nhắm vào việc con người thích dùng cái khôn khéo của mình, tự cho là cao tay. Cả phương Đông lẫn phương Tây, các tôn giáo đều cho rằng dùng thủ đoạn, tìm cách xoay xở mưu mẹo, phần lớn đều vì mưu lợi cho bản thân, đó là tâm lý của kẻ cướp, là điều trái đạo đức. Vì vậy, Lão Tử đưa ra "kiến tố bão phác, thiểu tư quả dục", làm nguyên tắc trung tâm cho sự tu dưỡng đời sống của chúng ta. Tiếp theo, ông sẽ chỉ cho ta những tấm gương của người học đạo, cách tu dưỡng trong việc làm người xử thế, tiếp tục triển khai theo mạch lý luận nhất quán của mình.

Thượng Kinh · Chương 20

Tuyệt học vô ưu.

Dứt bỏ học vấn (nhân vi) thì không lo lắng.

Duy chi dữ a, tương khứ kỷ hà?

Vâng dạ và ừ hứ, cách nhau bao xa?

Thiện chi dữ ác, tương khứ nhược hà?

Thiện và ác, cách nhau như thế nào?

Nhân chi sở úy, bất khả bất úy.

Điều người ta sợ, không thể không sợ.

Hoang hề kỳ vị ương tai!

Hoang vắng thay, chưa thấy căn cứ!

Chúng nhân hí hí, như hưởng thái lao, như xuân đăng đài.

Người người vui vẻ, như dự tiệc thái lao (tế lễ lớn), như mùa xuân lên đài.

Ngã độc bạc hề kỳ vị triệu; như anh nhi chi vị tiếu.

Ta một mình thờ ơ, chưa thấy điềm gì; như trẻ sơ sinh chưa biết cười.

Luy luy hề nhược vô sở quy.

Lê thê thay, như không có nơi nương tựa.

Chúng nhân giai hữu dư, nhi ngã độc nhược di.

Người người đều dư thừa, mà ta một mình như thiếu thốn.

Ngã ngu nhân chi tâm dã tai!

Ta có tâm kẻ ngu sao!

Độn độn hề.

Mờ mịt thay.

Tục nhân chiêu chiêu, ngã độc hôn hôn.

Người thường sáng suốt tỏ tường, ta một mình tối tăm.

Tục nhân sát sát, ngã độc muộn muộn.

Người thường rõ ràng sắc bén, ta một mình mù mờ.

Đạm hề kỳ nhược hải, Liêu hề nhược vô chỉ.

Lặng lẽ như biển cả; lãng đãng như không có nơi dừng.

Chúng nhân giai hữu dĩ, nhi ngã độc ngoan thả bỉ.

Người người đều có chỗ dùng, mà ta một mình lù đù, hèn mọn.

Ngã độc dị ư nhân, nhi quý thực mẫu.

Ta một mình khác với người, mà coi trọng Mẫu (nguồn gốc, tức Đạo).

Tri thức là cội nguồn phiền não

Bốn chữ "tuyệt học vô ưu" này, có người khi sắp xếp lại sách Lão Tử đã đem nó ghép về chương trước, thành câu **"kiến tố bão phác, thiểu tư quả dục, tuyệt học vô ưu"** (thấy cái mộc mạc nguyên sơ, ôm giữ sự chất phác, ít lòng riêng và ít ham muốn, dứt bỏ học vấn thì không lo lắng).

"Tuyệt học vô ưu" làm được thì rất khó. Tuyệt học tức là không cần đến mọi học vấn, không chấp vào bất cứ tri thức nào, sống chỉ thuận theo tự nhiên. Sau đời Hán, Phật học từ Ấn Độ truyền vào Trung Quốc, gọi các vị đại A la hán đã thành đạo là bậc thánh ở **"vô học vị"** (địa vị không còn gì phải học nữa), nghĩa là đã đến nơi đến chốn, không cần học thêm gì nữa. Thực ra, nói cho nghiêm ngặt, dù là A la hán tứ quả hay Bồ Tát, đều vẫn còn ở giai đoạn có học có tu; "vô học" thực sự đã là cảnh giới cao tột không gì hơn được nữa.

Người xưa có câu: **"Đông phương hữu thánh nhân, Tây phương hữu thánh nhân, thử tâm đồng, thử lý đồng"** (phương Đông có thánh nhân, phương Tây có thánh nhân, lòng ấy giống nhau, lý ấy giống nhau). Nghĩa là chân lý chỉ có một, chỉ có cách diễn đạt của Đông và Tây khác nhau. Khi Phật học chưa vào Trung Quốc, khái niệm "vô học" còn chưa được truyền bá ở đó, thì Lão Tử đã có khái niệm "tuyệt học" rồi. Về sau, "vô học" của nhà Phật đem ra diễn giải "tuyệt học" của Lão Tử, hai bên bổ sung cho nhau rất khéo.

Tu đạo thành công, đạt đến cảnh giới cao nhất, mọi danh tướng, mọi nghi nan đều được giải quyết, nhìn thấu hết, "tuyệt học vô ưu" thật sự không còn lo lắng, chẳng còn gì vướng bận. Tâm cảnh ấy, người thường rất khó cảm nhận được. Nhất là những kẻ như chúng ta, thích lục lọi câu chữ, múa bút làm văn, đọc đến câu này của Lão Tử, cũng coi như uống được một thang thuốc. Ham đọc sách, ham viết lách, thường thức đến canh ba nửa đêm, khiến đầu óc quay cuồng, mới chợt nghĩ Lão Tử thật cao minh, bảo chúng ta "tuyệt học", buông sách xuống, đừng tự chui vào ngõ cụt mà bí lối, thế thì quả thật sảng khoái. Nhưng hễ tự cho mình là kẻ trí thức, thì lại khó rồi, "tuyệt học" không làm nổi, "vô ưu" càng đừng nói tới. **"Độc sử nhi lạc lệ, thế cổ nhân đam ưu"** (đọc sử mà rơi lệ, thay người xưa mà lo lắng), có lúc thấy bao chuyện trong lịch sử, cứ thế mà nổi giận, cứ thế mà rơi nước mắt xót xa, đó là căn bệnh khổ tâm của kẻ đọc sách. Thực ra, nếu thật sự làm được "tuyệt học vô ưu", trái lại còn có thể lấy một thái độ trong sáng khách quan, một kiến giải sâu sắc độc đáo, để phục vụ xã hội, làm lợi cho xã hội.

Tiếp đó, Lão Tử bàn đến tiêu chuẩn tu dưỡng đạo đức cao nhất. Ông nói: **"duy chi dữ a, tương khứ kỷ hà? Thiện chi dữ ác, tương khứ nhược hà? Nhân chi sở úy, bất khả bất úy"** (vâng dạ và ừ hứ, cách nhau bao xa? Thiện và ác, cách nhau như thế nào? Điều người ta sợ, không thể không sợ). Hai chữ "duy" và "a" chỉ thái độ chúng ta khi nói chuyện với người khác, dịch ra bạch thoại thì cả hai đều là "vâng". Nhưng cùng một tiếng "vâng" ấy, "duy" là sự tiếp nhận thành khẩn, chân thật, còn "a" là lối ứng đối nịnh hót, bất kể sự việc đúng hay sai, cứ một mực chiều theo ý người khác, đó chính là chỗ "duy chi dữ a, tương khứ kỷ hà" muốn nói. Nhiều bạn trẻ khi trò chuyện với chúng ta, hay nói: "Ý kiến của bác rất hay, nhưng mà con...", đó chính là kiểu "a". Những lối chuyển ý như "nhưng mà", "song le" thường ngầm chứa tâm lý khúm núm, sợ mất lòng người khác mà cứ vâng theo. Thế nhưng, chân lý không có chỗ để mặc cả, không thể tùy tiện chiều theo người khác, làm cái việc lấy lòng qua loa.

Nhất là trong việc học vấn, Viên Cố Sinh, một nhà Nho đời Hán, từng mắng thẳng Công Tôn Hoằng, thừa tướng của Hán Vũ Đế, rằng: **"Công Tôn tử, vụ chính học dĩ ngôn, vô khúc học dĩ a thế"** (thưa ông Công Tôn, hãy dốc lòng học cho chính đáng mà phát ngôn, đừng bẻ cong học thuật để nịnh đời). Một kẻ đọc sách không được phép, trong học vấn, trong tư tưởng, trong văn hóa, mà chiều theo người khác, phụ họa người khác, chỉ vì một chút lợi riêng mà nói vòng vo, như thế là sai; nhà Nho rất coi trọng cái nhân cách căn bản này của người đọc sách. "Duy" và "a" thực chất khác nhau hoàn toàn, nhưng bề ngoài lại không dễ phân biệt.

Lão Tử nói ra đạo lý này, không phải để dạy chúng ta mang cặp mắt cay nghiệt, chuyên đi phân tích lời nói việc làm của người khác xem là "a" hay là "duy"; mà là để nhắc nhở chính bản thân mình, học lấy cái "duy" chân thành không xu nịnh, tránh cái "a" giả dối, tô vẽ. Ngàn vạn lần đừng đọc câu này của Lão Tử rồi quay ra soi mói người khác khắp nơi, mà quên rằng mọi sự tu dưỡng đạo đức đều phải bắt đầu từ việc quay lại xét chính mình.

Ngoài ra, **"thiện chi dữ ác, tương khứ nhược hà"** (thiện và ác, cách nhau như thế nào?). Thiện và ác nếu xét sâu thêm một tầng nữa, có lẽ sẽ không phân định được ranh giới. Giữa thiện và ác, thật khó mà phân biệt. Thường thì làm một việc tốt, lại nhận về kết quả xấu. Theo kinh nghiệm sống của riêng tôi, có người trước kia tôi từng cứu giúp, giờ nghĩ lại, lại thấy đó là một việc dở. Bởi vì cách họ tiếp tục sống sau đó, trái lại gây hại cho nhiều người khác hơn nữa. Cho nên, ranh giới giữa thiện và ác thật sự khó mà nắm bắt. Hơn nữa, cái gọi là thiện ác, phải trái, tốt xấu, nếu thật sự đứng trên lập trường triết học mà nghiên cứu đến cùng, thì lại càng không thể xác định được một tiêu chuẩn tuyệt đối nào.

Tuy tiêu chuẩn đạo đức tuyệt đối khó mà tìm được, nhưng tiêu chuẩn đạo đức tương đối mà một xã hội sinh ra tùy theo thời, tùy theo nơi, thì một người tu đạo cũng nên tuân theo, đó chính là **"nhân chi sở úy, bất khả bất úy"** (điều người ta sợ, không thể không sợ). Cho dù bạn đã vượt lên khỏi cái khuôn khổ tương đối ấy, đạt đến cảnh giới tuyệt đối, thì trên cõi đời này, bạn vẫn cần cùng mọi người tuân theo các quy tắc của thế gian, tránh cách hành xử lập dị, gây kinh động cho đời. Đó chính là hai câu khác của Lão Tử: **"hòa kỳ quang, đồng kỳ trần"** (hòa dịu ánh sáng chói, đồng hóa với bụi trần). "Bất khả bất úy", "bất đắc bất úy", "bất năng bất úy", trên mặt chữ tuy chỉ khác nhau một chữ, nhưng ý nghĩa lại cách nhau khá xa. "Bất khả bất úy" xuất phát từ chính sự nhận thức và lựa chọn tự nội tâm mình, vì lợi ích chúng sinh mà thuận theo chúng sinh, chứ không phải bị hoàn cảnh bên ngoài chi phối, chấp chặt vào những tiêu chuẩn giá trị tương đối thông thường. Ví dụ có một vật, mọi người đều cho là màu đen, đó chỉ là một cách gọi đã thành thói quen ước định chung, thì bạn cũng nói theo người khác là màu đen, không cần cố chấp bảo là màu trắng, nếu không sẽ sinh rắc rối, không thể nào thông cảm được với nhau.

Tôi nhận thấy một số bạn già của mình, ngày ngày lật báo chí tạp chí, ngày ngày viết bài lớn, tôi khuyên họ bớt sức đi, viết ít lại, nhưng ai cũng tự nhận là không cách nào khác được, vì trong lòng họ mang nặng nỗi lo cho đời, cho nước, lúc nào cũng muốn góp một phần sức lực cho xã hội. Như có mấy vị giáo sư lớn tuổi, tôi cũng thường khuyên nhủ họ dạy ít sách lại thôi, giữ gìn sức khỏe hơn một chút, nhưng họ cũng không làm được, vì đối với tiền đồ của quốc gia dân tộc, họ vẫn lo lắng, vướng bận vô cùng. Vì vậy, muốn "tuyệt học vô ưu", sống ung dung tự tại, thì chỉ có cách đắc đạo mà thôi. Trước khi chưa thành đạo, cái lòng lo cho đời, hay nỗi vướng bận về an nguy của bản thân, đều không thể tránh khỏi.

Lão Tử phác họa cuộc đời người tu đạo

Tiếp theo, đoạn dưới đây có thể coi là bài "văn khuyên đời" của Lão Tử. **"Hoang hề kỳ vị ương tai"** (hoang vắng thay, chưa thấy căn cứ), "hoang" là tính từ, giống như hoang nguyên sa mạc rộng lớn, mênh mông vô bờ, mãi mãi không có điểm dừng. Câu này đặt trong đoạn văn này, nên hiểu thế nào? Đó chính là quẻ cuối cùng trong Kinh Dịch, quẻ **"Vị Tế"** (chưa xong việc). Nhìn vào lịch sử, nhìn vào cuộc đời, mọi sự mọi vật đều vô cùng vô tận, sinh ra rồi khắc chế lẫn nhau, chẳng bao giờ có lúc kết thúc.

Vào những năm Sùng Trinh cuối đời Minh, có người vẽ một bức tranh, trên đó dựng một cây thông, dưới gốc thông là một tảng đá lớn, trên tảng đá bày một bàn cờ, trên bàn cờ lác đác vài quân cờ, ngoài ra không còn vật gì khác, ý

cảnh sâu xa. Về sau có người mang bức tranh ấy đến xin cao tăng đương thời là thiền sư Thương Tuyết đề chữ. Thiền sư Thương Tuyết vừa nhìn, liền cầm bút viết ngay rằng:

Tùng hạ vô nhân nhất cục tàn, không sơn tùng tử lạc kỳ bàn.
Dưới thông không người, một ván cờ tàn dở; núi vắng hạt thông rơi lộp độp xuống bàn cờ.

Thần tiên cánh hữu thần tiên trước, tất cánh thâu doanh hạ bất hoàn.
Thần tiên vẫn còn có thần tiên cao tay hơn, rốt cuộc chuyện thua được đánh mãi không xong.

Bài thơ này, bằng tâm cảnh siêu thoát của một người ngoài vòng thế tục, đã gồm thâu hết mọi triết học nhân sinh, triết học lịch sử, mọi hiện tượng của sự sống. Đời người chẳng khác nào một ván cờ tàn dở, ông tranh tôi đoạt, kẻ đến người đi. Cho dù là thần tiên trong truyền thuyết, cũng vẫn có sự chấp trước của họ, cũng vẫn có kẻ cao tay hơn người khác. Cứ thế đời này qua đời khác, truyền mãi không dứt, hai chữ thắng thua chẳng bao giờ có lúc phân định xong. Bài thơ nổi tiếng này của thiền sư Thương Tuyết, diễn đạt khá trọn vẹn cái ý "hoang hề kỳ vị ương tai" của Lão Tử.

Vậy thì, trong cái thời không cứ mãi tiến về phía trước không ngừng ấy, một người tu đạo nên tự xử thế nào? **"Chúng nhân hí hí, như hưởng thái lao, như xuân đăng đài. Ngã độc bạc hề kỳ vị triệu, như anh nhi chi vị tiếu"** (người người vui vẻ, như dự tiệc thái lao, như mùa xuân lên đài; ta một mình thờ ơ, chưa thấy điềm gì, như trẻ sơ sinh chưa biết cười). Hai chữ "hí hí" chưa hẳn đã là điều tốt, chỉ xét riêng về mặt chữ nghĩa, đó là dáng vẻ rất thái bình, tự nhiên, thoải mái, tự tại, trông có vẻ rất tốt đẹp. Vì thế nhiều người đặt tên đều chọn chữ "hi", như tên hiệu của vị vua nhà Thanh "Khang Hy".

Thế nhưng, chữ "hi" này tốt mà chẳng hẳn là tốt, trong cái may vẫn ẩn cái rủi. Tư Mã Thiên trong Sử Ký có nhắc đến: **"thiên hạ hí hí, giai vị lợi lai; thiên hạ nhương nhương, giai vị lợi vãng"** (thiên hạ tấp nập vui vẻ, đều vì lợi mà đến; thiên hạ ồn ào chen chúc, đều vì lợi mà đi). Nhìn vào cõi đời này, mỗi người bề ngoài trông có vẻ chẳng sao, sống yên ổn bình thường, nhưng thực ra trong lòng lại chứa bao nỗi khổ. Suốt đời bận rộn tất bật, vì miếng cơm manh áo mà tranh danh đoạt lợi, sống qua ngày này đến ngày khác một cách mơ hồ, như vậy thật sự có vui vẻ, có mãn nguyện hay không? Lão Tử chỉ ra rằng người thường sống như thế, tự cho mình **"như hưởng thái lao, như xuân đăng đài"** (như dự tiệc thái lao, như mùa xuân lên đài). Cứ như thể con người sống mà ngày nào cũng lên vũ trường, ngày nào cũng ngồi trong phòng xoay trên tầng thượng khách sạn ngắm cảnh, vui vẻ ăn món bít tết sang trọng; lại như thể xuân về, ra ngoại ô lên cao ngắm cảnh, khắp nơi du sơn ngoạn thủy, khá là thích thú. "Lao" ở đây là con bò, theo lễ tế cổ, người ta lấy bò làm vật hiến tế cho đại lễ.

Cái nhìn của Lão Tử về đời người, không giống thái độ của các tôn giáo khác, cho rằng tất cả đều là khổ; đời người cũng có mặt vui, nhưng mặt vui ấy lại ẩn giấu mối lo ngầm, chẳng đơn thuần như vậy. Vì thế, Lão Tử nhắc nhở người tu đạo, khác với đám đông, nên **"ngã độc bạc hề kỳ vị triệu"** (ta một mình thờ ơ, chưa thấy điềm gì), phải như một vũng nước trong, sóng gợn chẳng nổi, trong suốt đến tận đáy. Nên **"như anh nhi chi vị tiếu"** (như trẻ sơ sinh chưa biết cười), giữ tâm cảnh bình thường, thuần khiết ngây thơ như đứa trẻ vừa mới sinh. Lão Tử nhiều lần nhắc đến, con người tu đạo đến một mức độ nhất định, không chỉ trẻ lại, mà cả gân cốt, cơ bắp, quan niệm, thái độ, tất cả đều trở về trạng thái **"đứa trẻ bú sữa"** (ở vùng Hồ Bắc, Tứ Xuyên bên Trung Quốc, người ta gọi trẻ còn bú mẹ là "nãi oa nhi", tức "đứa trẻ bú sữa"). Một người nếu lúc nào cũng giữ được tâm cảnh ấy, thì đúng rồi. Điều này cũng giống hệt đạo lý đã nói ở trên: **"chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ"** (tập trung khí lực đạt đến mềm mại, có thể như trẻ sơ sinh chăng?).

Còn nữa, mấy câu dưới đây cũng là bức chân dung của người tu đạo. **"Luy luy hề nhược vô sở quy, chúng nhân giai hữu dư, nhi ngã độc nhược di"** (lê thê thay, như không có nơi nương tựa; người người đều dư thừa, mà ta một mình như thiếu thốn). "Luy luy" cũng giống như lời Khổng Tử nói trong Kinh Dịch: **"xác nhiên nhi bất bạt"** (vững chãi mà không gì lay chuyển nổi), tự mình đứng đó, đội trời đạp đất, như một ngọn núi cao, không gì lay chuyển được. "Vô sở quy" cũng chính là điều Khổng Tử nói, **"quân tử bất khí"** (người quân tử không phải như một món đồ vật, không tự bó mình vào một khuôn mẫu), không tự quy mình vào bất cứ khuôn mẫu nào. Bạn bảo ông ta là người có đạo, nhưng lại chẳng giống bất cứ hình mẫu nào, không thể xếp ông vào một phạm trù nào để định nghĩa. Còn **"chúng nhân giai hữu dư"** (người người đều dư thừa), người đời ai cũng cho mình là ghê gớm, ra sức mưu cầu, cái gì cũng muốn chiếm lấy; còn ta thì chẳng cần gì cả, "lìa đời mà đứng riêng một mình", cứ như thể người đời đều đã quên mất ta vậy.

Phong cách ấy, làm được thật chẳng dễ. Tân Khí Tật có hai câu từ rằng: **"tu tri vong thế chân dung dị, dục thế tương vong khước đại nan"** (nên biết quên đời thật dễ dàng, muốn đời quên mình lại rất khó khăn). Tự mình quên đi cái xã hội này, kể ra còn dễ, nhưng muốn xã hội dễ dàng quên bạn đi, thì chẳng đơn giản chút nào. "Người sợ nổi tiếng, lợn sợ béo", nhất là những người đã có chút danh tiếng trong xã hội, lại càng khó làm được điều ấy. Lúc ấy, nếu bạn muốn xa lánh xã hội, về ẩn cư nơi rừng núi, không màng đến việc đời nữa, thì chuyện đó còn dễ, vì chỉ cần bạn thật sự nhìn thấu, buông bỏ được là xong. Nhưng, hễ bạn trốn vào rừng sâu núi thẳm, vẫn sẽ có rất nhiều người tìm đủ mọi cách lôi bạn ra, bảo rằng bạn có đạo hạnh, bắt bạn làm việc này việc kia, nhất quyết không buông tha bạn. Đó chính là chỗ **"dục thế tương vong khước đại nan"** (muốn đời quên mình lại rất khó khăn) vậy. Cho nên rốt cuộc Lão Tử đành phải cưỡi con trâu xanh, lặng lẽ trốn ra khỏi Hàm Cốc Quan.

Chương 20 sách Lão Tử này, thực chất toàn bộ đều là để diễn giải đạo lý **"hòa kỳ quang, đồng kỳ trần"** (hòa dịu ánh sáng chói, đồng hóa với bụi trần) mà ông đã nói ở trên. Khi nghiên cứu điển tịch cổ văn, chúng ta hoàn toàn không cần phải dẫn kinh cứ điển từ nơi khác, viết bài luận dài dòng, chỉ cần lấy các phần trong chính bộ sách đối chiếu, giải thích lẫn nhau, là có thể tìm ra được ý nghĩa gốc của nó. Lão Tử cũng vậy, mỗi quan niệm của ông, trong chính văn bản này đều tự có lời chú giải riêng.

Chỉ hòa theo dòng đời, không đọa theo dòng đời

Vì vậy, Lão Tử lại nói: **"ngã ngu nhân chi tâm dã tai, độn độn hề"** (ta có tâm kẻ ngu sao, mờ mịt thay). "Ngu" ở đây không phải thật sự ngốc nghếch, mà là cố ý thể hiện ra như vậy. "Độn độn" không phải hồ đồ, mà giống như nước hòa vào dòng chảy, tùy theo đời mà xoay chuyển, nhưng trong lòng mình vẫn tỏ tường rõ ràng. Có người học Đạo gia mà học lệch, cố ý giả vờ hồ đồ, nhưng lại đi sai đường, khéo hóa vụng, phản tác dụng. Cho nên, cái công phu ngoài mờ trong sáng ấy, không phải cứ tùy tiện giả điên giả dại là thành người có đạo. Một người tu đạo đã có thể nghiệm khá sâu, có thể làm được không sai một ly: **"tục nhân chiêu chiêu, ngã độc hôn hôn, tục nhân sát sát, ngã độc muộn muộn. Đạm hề kỳ nhược hải, liêu hề nhược vô chỉ"** (người thường sáng suốt tỏ tường, ta một mình tối tăm; người thường rõ ràng sắc bén, ta một mình mù mờ; lặng lẽ như biển cả, lãng đãng như không có nơi dừng). "Chiêu chiêu" tức là rất sáng suốt, việc gì cũng nhanh nhạy tinh thông. Người thường ai cũng muốn hơn người ở điểm đó. Ngược lại, **"ngã độc hôn hôn"** (ta một mình tối tăm), người tu đạo không tự cho thông minh tài trí hơn người, nhìn bề ngoài, trái lại có vẻ tầm thường thô lậu, chẳng có gì nổi bật. "Ngã độc hôn hôn" đồng thời cũng nói lên rằng, hành vi của người tu đạo tuy là nhập thế, nhưng tâm cảnh lại là xuất thế, không so đo tính toán lợi ích cá nhân, vì thế mà bị người khác coi là kẻ khờ dại.

Vả lại, **"tục nhân sát sát, ngã độc muộn muộn"** (người thường rõ ràng sắc bén, ta một mình mù mờ), người thường đối với bất cứ việc nhỏ nào cũng rất tinh khôn, việc gì cũng tính toán chi li, nhưng ta thì cứ **"muộn muộn"** (mù mờ) ngờ nghệch, bề ngoài **"hòa quang đồng trần"** (hòa cùng ánh sáng, chung cùng bụi trần), mù mờ hỗn độn, mà trong lòng lại trong sáng, phóng khoáng, lìa đời mà đứng riêng một mình. Các người muốn khôn, thì cứ để các người khôn, các người khắp nơi bới lông tìm vết, so đo từng chút, còn ta thì chẳng bận tâm, coi như không thấy.

Hơn nữa, tấm lòng của người tu đạo cũng phải **"đạm hề kỳ nhược hải"** (lặng lẽ như biển cả), như biển cả, rộng lớn vô bờ, dung nạp mọi dòng nước nhỏ, dung nạp mọi bụi bặm cặn bã. Nho gia và Đạo gia đều giống nhau ở chỗ, đều muốn con người có tấm lòng rộng lớn, bao dung tất cả. Muốn vậy thì phải học lấy sự tu dưỡng **"đạm bạc minh chí, ninh tĩnh trí viễn"** (sống đạm bạc để làm sáng tỏ chí hướng, giữ yên tĩnh để đạt tới chỗ xa xôi), rồi tinh thần tư tưởng của mình mới có thể vượt thoát khỏi mọi sự trói buộc.

"Liêu hề nhược vô chỉ" (lãng đãng như không có nơi dừng), cảnh giới này phải chính mình sống trên núi cao mới có thể cảm nhận được đôi phần. Chữ 飂 (liêu) không phải là bão táp, mà là làn gió thanh nhã, như luồng khí trời trong trẻo, xa xăm, thổi nhẹ nhàng. Điều này rất khó dùng từ ngữ khác để hình dung, có lẽ chỉ có bốn chữ **"thiên phong lãng lãng"** (gió trời lồng lộng, trong trẻo) mới tạm coi là gần giống. Nhất là khi ở trên núi cao vào lúc đêm khuya tĩnh lặng, không một chút gió nào, nhưng nghe như vẫn có tiếng gió, tựa như tiếng vàng đá va chạm; nhất là khi lắng nghe trong cái tâm cảnh cực kỳ tĩnh lặng ấy, ở nơi cao xa tít tắp trên bầu trời, dường như có một thứ âm nhạc đẹp đẽ không gì sánh nổi, mơ hồ huyền ảo, mà nhạc khúc trần gian không thể nào sánh kịp. Đó chính là thứ âm thanh **"thiên lại"** (tiếng nhạc trời, âm thanh tự nhiên của trời đất) mà Trang Tử từng nói đến, chưa đạt đến cảnh giới này thì không thể nào cảm nhận được.

Như vậy, người thường có mục đích sống của người thường, người có đạo có cái tình điệu sống của người có đạo. **"Chúng nhân giai hữu dĩ, nhi ngã độc ngoan thả bỉ"** (người người đều có chỗ dùng, mà ta một mình lù đù, hèn mọn). Người thường đối với đời sống đều "có chỗ dùng", đều có mục đích, hoặc cầu thăng quan phát tài, hoặc cầu sống lâu trăm tuổi. Còn theo Đạo gia mà nói, đời người vốn không có mục đích, cũng chính là cách nhìn **"tùy duyên nhi ngộ"** (thuận theo duyên mà gặp) mà nhà Phật nói, cùng cách nhìn **"tùy ngộ nhi an"** (thuận theo cảnh ngộ mà yên) của nhà Nho. Nhưng Lão Tử còn tiến thêm một bước nữa, tùy duyên mà gặp vẫn chưa đủ, còn phải **"ngoan thả bỉ"** (cứng cỏi mà hèn mọn). "Ngoan" là rất có cá tính riêng, mãi mãi giữ vững không đổi. "Bỉ" thì lại càng khó làm được hơn, mọi lời nói việc làm đều khiến người ta coi thường, tệ hại hết chỗ nói. Ví như bộ truyện dân gian lưu truyền đã lâu Tế Công truyện, nhân vật chính trong đó là hòa thượng Tế Công, ông ta thường hay kiếm thịt chó mà ăn, tìm chút rượu mà uống, điên điên khùng khùng, ương ngạnh chẳng chịu nghe ai, người đời ai cũng khinh ông. Bạn bảo ông ta là kẻ điên chăng? Ông ta lại như tỏ tường sáng suốt lắm. Bạn bảo ông ta ngớ ngẩn, có chuyện ông lại nghiêm chỉnh đàng hoàng vô cùng. Lúc thì bị chùa này đuổi đi, lúc thì bị chùa kia xua ra, chùa nào cũng chẳng muốn chứa ông ở lại. "Bỉ" đến mức độ ấy, ông ta lại chính là người giải thoát nhất, ít bị ràng buộc nhất. Điều này, kẻ phàm phu bình thường thật khó mà hiểu nổi.

Cái thái độ xử thế **"ngã độc dị ư nhân, nhi quý thực mẫu"** (ta một mình khác với người, mà coi trọng Mẫu) như vậy, tuy khác với đám đông, nhưng không phải là cố tình dựng chuyện khác người, gây kinh động cho đời. Đó là vì tự mình **"quý thực mẫu"** ("mẫu" ở đây chỉ cái sinh ra ta, cũng chính là cái gốc gác của sự sống mà Thiền tông đời sau gọi là "sinh từ đâu đến, chết đi về đâu"). "Quý thực mẫu" nghĩa là giữ vững đạo lành đến cùng, trở về với bản lai diện mục của mình, mãi mãi quay về trong vòng tay của người mẹ sinh ra mình, tức là trở về cảnh giới của Đạo.

Thái độ xử thế mà Lão Tử nêu ra trong chương này, nếu ta đem so sánh nghiên cứu với thiên Hương Đảng trong sách Luận Ngữ, thì khá thú vị. Thiên Hương Đảng là nơi các học trò của Khổng Tử ghi lại nghệ thuật sống của thầy mình, Khổng Tử ở nơi công sở thì thái độ ra sao, đối với bạn bè thì thái độ thế nào, ăn mặc ra sao, ăn uống thế nào. Khổng Tử ăn uống rất chú trọng vệ sinh, lại còn nhất định phải có chút hành tỏi bày trước mặt mới ăn. Đó đều là những gì các học trò mô tả về thói quen sinh hoạt thường ngày của Khổng Tử. Cách Lão Tử mô tả thái độ xử thế vừa nhập thế vừa xuất thế của người tu đạo, khác hẳn với Khổng Tử, vừa rồi đã giới thiệu khá đầy đủ. Thật sự làm được như vậy, quả là rất khó.

Chứng nhân sống cho triết lý xử thế của Lão Tử

Cái triết lý xử thế, thái độ sống mà Lão Tử nói đến, ngoài những vị thần tiên thật sự tin theo Đạo gia trong nền văn hóa truyền thống của chúng ta, còn đem áp dụng cho đám đông trong xã hội thường, thì điều đó là không thể. Nếu muốn tìm ra tấm gương như vậy, tất nhiên, trong các sách Thần Tiên truyện của Đạo gia qua các đời, có rất nhiều. Nhưng, tất cả đều có vẻ như đi ngược kinh điển, phản lại chính đạo, kỳ quái khác thường, không đủ làm khuôn mẫu. Kế đến, chỉ có những bậc ẩn sĩ, cao sĩ gần với Đạo gia, sống giữa ranh giới xuất thế và nhập thế, mới có thể tìm thấy mẫu hình tiêu biểu trong sách Cao Sĩ truyện.

Bây giờ chúng ta chỉ lấy hai nhân vật quen thuộc, sống trong giai đoạn chuyển tiếp từ thời loạn ly sang thời thái bình, để làm ví dụ gần với phong cách người tu đạo mà Lão Tử nói đến. Trong giai đoạn chuyển tiếp giữa Tây Hán và Đông Hán, có Nghiêm Quang. Trong giai đoạn từ cuối đời Đường, Ngũ Đại cho đến khi nhà Triệu Tống lập quốc, có Trần Đoàn.

Nghiêm Quang, tự Tử Lăng. Thời thiếu niên, ông từng học chung với Hán Quang Vũ Lưu Tú. Học vấn khác không nói, chỉ riêng về mặt văn chương từ phú, Nghiêm Tử Lăng cao đến mức độ nào, nay đã không còn tư liệu đáng tin để tra cứu. Nhưng, nhìn vào số ít văn chương từ phú của Lưu Tú, tức Hán Quang Vũ, để lại, quả thật rất hay. Khi Lưu Tú đã làm hoàng đế, riêng ông vẫn nhớ đến người bạn học cũ này, cho người khắp nơi tìm kiếm dò hỏi, mong được gặp lại một lần, đủ để hình dung độ sâu sắc của Nghiêm Quang, không phải chuyện tầm thường. Có lẽ ông cũng là một nhân vật trong cục thế đương thời, không có ai sánh kịp. Nhưng ông cũng thừa hiểu Lưu Tú không phải người tầm thường, cái ngôi vị ấy đã thuộc về Lưu Tú, nên ông chọn sống ung dung ngoài vòng thế tục, không còn muốn chui vào cái bẫy ấy nữa. Vì thế ông khoác ngược áo lông cừu, ngồi câu cá trên sông Phú Xuân ở Đồng Lư, Chiết Giang. Phong cách này rất gần với điều Lão Tử đã nói: **"chúng nhân hí hí, như hưởng thái lao, như xuân đăng đài. Ngã độc bạc hề kỳ vị triệu, như anh nhi chi vị tiếu, luy luy hề nhược vô sở quy, chúng nhân giai hữu dư, nhi ngã độc nhược di"** (người người vui vẻ, như dự tiệc thái lao, như mùa xuân lên đài; ta một mình thờ ơ, chưa thấy điềm gì, như trẻ sơ sinh chưa biết cười, lê thê thay như không có nơi nương tựa, người người đều dư thừa mà ta một mình như thiếu thốn). Về sau, tuy ông cũng có gặp lại người bạn học cũ nay đã làm hoàng đế là Lưu Tú, thậm chí còn cùng nằm chung giường trong hoàng cung như thời niên thiếu, qua một đêm, ông còn cố ý giả vờ ngủ không đàng hoàng, gác chân lên bụng Lưu Tú mà ngủ, dường như coi thường cả thiên tử. Cũng may Lưu Tú quả thật có lượng rộng, không ép buộc ông ra làm quan, cuối cùng để ông về lại núi rừng, vẫn để ông sống cuộc đời ung dung tự tại, vui thú câu cá trên sông.

Vì thế, tương truyền đời sau có một vị tú tài lên kinh dự thi công danh, đi ngang qua đài câu cá của Nghiêm Tử Lăng, liền đề một bài thơ rằng: **"quân vi danh lợi ẩn, ngã vi danh lợi lai. Tu kiến tiên sinh diện, dạ bán quá điếu đài"** (ngài vì danh lợi mà lui ẩn, tôi vì danh lợi mà tìm đến. Thẹn nhìn mặt tiên sinh, nửa đêm vội vã đi qua đài câu). Đây thật đúng là hình ảnh đối lập giữa "có người từ quan về quê cũ, có người thức đêm chạy trường thi". Nhưng ngược lại, cũng có người đời sau phê bình ông hết sức khắt khe rằng: **"nhất trước dương cừu bất tế thân, hư danh**

truyền tụng đáo như kim. Đương thời nhược trước toa y khứ, yên thủy mang mang hà xứ tầm” (một lần khoác áo lông cừu chẳng che kín thân, cái hư danh ấy truyền tụng đến tận bây giờ. Nếu khi ấy chỉ mặc áo tơi mà đi, thì khói nước mênh mang biết tìm đâu ra). Đây lại là một yêu cầu khắt khe đến mức nào, cứ như thể chuyên để khảo hạch nhân cách theo đúng triết lý của Lão Tử vậy. Ý người ấy muốn nói, Nghiêm Tử Lăng khoác ngược áo lông cừu đi câu cá, rõ ràng là cố ý câu danh, chỉ để chờ Hán Quang Vũ đến tìm mình, lấy đó làm cách để nổi tiếng. Nếu thật lòng muốn trốn danh lánh đời, thì lúc ấy chỉ cần mặc áo tơi, đội nón lá như người đánh cá bình thường mà đi câu, thì ai mà biết trên sông Phú Xuân có thêm một người đánh cá, chính là Nghiêm Tử Lăng đây! Vậy thì, người bạn học cũ nay làm hoàng đế là Lưu Tú, chẳng phải sẽ mãi mãi không thể tìm ra bạn được sao? Vì thế người này phê bình Nghiêm Quang là cố ý bày trò, cầu hư danh, chứ không phải người thật lòng ẩn dật chân thành.

Nếu cứ theo cái tiêu chuẩn khắt khe đòi hỏi ẩn sĩ, cao sĩ, xử sĩ như vậy mà xét, thì phàm là những nhân vật đã được sử sách ghi chép, được người đời biết đến, cho đến cả các vị thần tiên trong truyện ký hay các cao tăng nơi cửa Phật, cũng đều chẳng ra gì cả. Lục Phóng Ông, nhà thơ lớn đời Tống, từng nói: **“chí sĩ sơn thê hận bất thâm, nhân tri dĩ thị phụ sơ tâm. Bất tu tiên thuyết Nghiêm Quang bối, trực tự Sào Do thác đáo kim”** (kẻ chí sĩ ở ẩn trên núi hận rằng chưa ẩn đủ sâu, người đời biết đến mình tức là đã phụ cái sơ tâm ban đầu. Không cần nói trước đến hạng Nghiêm Quang, mà ngay từ Sào Phủ, Hứa Do đã sai rồi cho đến tận nay). Sống một đời tầm thường, tên tuổi không ai biết đến ở chốn quê nhà, rốt cuộc mục nát cùng cỏ cây, có lẽ mới gần với cái đạo ấy chăng!

Trần Đoàn, đạo hiệu là Hi Di. Đương nhiên, ông sớm đã được Đạo gia tôn làm tổ sư thần tiên. Dân gian thường gọi ông là Trần Đoàn lão tổ. Ông sống vào thời mạt thế cuối Đường, Ngũ Đại, suốt đời nằm khểnh trên núi Hoa Sơn, dường như chẳng chút bận tâm đến việc đời. Đến khi Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dận làm binh biến ở Trần Kiều, khoác áo vàng lên người, lên ngôi hoàng đế, đúng lúc ông xuống núi, cưỡi lừa thay chân đi, vừa nghe tin ấy, mừng đến mức ngã lăn khỏi lưng lừa mà nói: từ nay thiên hạ có thể thái bình rồi! Vì ông có cảm tình tốt đẹp như vậy với việc nhà Triệu Tống dựng nghiệp lập quốc, nên anh em họ Triệu đều rất kính trọng ông. Khi người em Triệu Khuông Nghĩa nối ngôi anh, lên làm hoàng đế, tức Tống Thái Tông, còn đặc biệt cho triệu kiến ông. Theo ghi chép trong Thần Tiên truyện, Tống Thái Tông còn đặc biệt sai người đưa mấy cung nữ đến hầu hạ ông. Kết quả ông làm một bài thơ, trả lại toàn bộ số cung nữ ấy. **“Băng cơ vi cốt ngọc vi tai, đa tạ quân vương tống đáo lai. Xử sĩ bất sinh Vu Giáp mộng, không lao vân vũ hạ Dương Đài”** (da như băng làm xương, ngọc làm má, đa tạ quân vương đã sai đưa đến đây. Kẻ xử sĩ này chẳng hề nằm mộng Vu Giáp, luống công mây mưa xuống Dương Đài). Câu chuyện và bài thơ này cũng được chép là của Ngụy Dã, nhà thơ xử sĩ cuối đời Đường, thơ đời Đường cũng có thu vào trước tác của Ngụy Dã. Có lẽ Đạo gia vẫn còn ham danh tiếng, lại đem gán nó cho Trần Đoàn, kể ra cũng khó tránh khỏi cái tiếng vẽ rắn thêm chân, thêu hoa lên gấm một cách thừa thãi.

Thực ra, tiên sinh Hi Di sinh vào thời loạn ly, thời niên thiếu hay thời tráng niên của ông, đâu phải chưa từng có lòng muốn ra giúp đời. Chỉ vì nhìn thấu mọi lẽ, xét việc chu toàn, nên cuối cùng mới ẩn cư nơi núi cao Hoa Sơn, để chờ đúng thời, để chờ đúng người mà thôi. Chúng ta hãy xem một bài thơ nổi tiếng của ông, sẽ rõ ngọn ngành.

Thập niên tung tích tẩu hồng trần, hồi thủ thanh sơn nhập mộng tần.
Mười năm tung tích rong ruổi giữa hồng trần, ngoảnh đầu núi xanh vào giấc mộng đã bao lần.

Tử thụ túng vinh tranh cập thụy, chu môn tuy phú bất như bần.
Dải lụa tía dù vinh hoa, sao bằng được giấc ngủ yên; cửa son dù giàu có, cũng chẳng bằng cảnh nghèo.

Sầu khan kiếm kích phù nguy chủ, muộn thính sinh ca quát túy nhân.
Buồn nhìn gươm giáo phò vua nguy khốn, chán nghe đàn sáo ồn ào làm say lòng người.

Huề thủ cựu thư quy cựu ẩn, dã hoa đề điểu nhất ban xuân.

Mang theo sách cũ trở về chốn ẩn xưa, hoa nội chim kêu vẫn một vẻ xuân như thường.

Từ bài thơ luật thất ngôn này, có thể thấy rất rõ những cảm khái, cảm nhận của tiên sinh Hi Di năm xưa, đều dồn cả vào hai câu **"sầu khan kiếm kích phù nguy chủ, muộn thính sinh ca quát túy nhân"** (buồn nhìn gươm giáo phò vua nguy khốn, chán nghe đàn sáo ồn ào làm say lòng người). Hai câu này cũng chính là điểm nhấn, điểm hồn của cả bài thơ. Bởi ông sinh vào thời loạn cuối Đường sang Ngũ Đại, suốt mấy chục năm, kẻ này xưng vương, người kia xưng đế, tất cả đều lộn xộn, chẳng ra gì. Nhưng cũng đều chỉ như hoa sớm nở tối tàn, ai cũng bận rộn loạn xạ, làm khổ dân lành vài năm hay hơn chục năm rồi chấm dứt, chẳng ai có thể thành khí lớn, nên ông mới có cái nhìn "sầu khan kiếm kích phù nguy chủ". Đồng thời cũng cảm khái cho những kẻ sống trong đời loạn lạc, không biết lo âu, chẳng biết sống chết, chỉ mải say sưa mê muội, ca hát tưng bừng, sống cuộc đời thái bình giả tạo, đó thật là một thế hệ đáng thương. Vì thế mới có tiếng than "muộn thính sinh ca quát túy nhân". Do đó, ông ắt phải có cách tự xử cho riêng mình, "mang theo sách cũ trở về chốn ẩn xưa", nằm khểnh trên núi Hoa Sơn mà sống vậy.

Điều này cũng giống như bài thơ của một đạo sĩ khác cuối đời Đường: **"vị mãi đan sa hạ bạch vân, lộc cừu hựu nhạ cửu cù trần. Bất như tương nhĩ nhập sơn khứ, vạn thị thiên phi sầu sát nhân"** (vì mua đan sa mà xuống khỏi mây trắng, khoác áo cừu hươu lại vướng phải bụi trần nơi phố xá đông đúc. Chẳng bằng đem tai mình vào núi mà sống, muôn đúng ngàn sai khiến người sầu chết được). Cảnh ngộ và tâm trạng mà họ gặp phải, đều cùng một nỗi khổ, đều vì đạo lý ở đời mà lo buồn. Nhưng trong cảnh không còn cách nào khác, chỉ có thể như Lão Tử, đi theo con đường **"ngã ngu nhân chi tâm dã tai, độn độn hề. Tục nhân chiêu chiêu, ngã độc hôn hôn. Tục nhân sát sát, ngã độc muộn muộn. Đạm hề kỳ nhược hải, liêu hề nhược vô chỉ. Chúng nhân giai hữu dĩ, nhi ngã độc ngoan thả bỉ"** (ta có tâm kẻ ngu sao, mờ mịt thay. Người thường sáng suốt tỏ tường, ta một mình tối tăm. Người thường rõ ràng sắc bén, ta một mình mù mờ. Lặng lẽ như biển cả, lãng đãng như không có nơi dừng. Người người đều có chỗ dùng, mà ta một mình lù đù, hèn mọn). Xem ra tuy cao vời khó với tới, nhưng thực ra, chính là tấm lòng thương đời xót người, trong cảnh bất đắc dĩ mà cố tỏ ra khoáng đạt mà thôi!

Thượng Kinh · Chương 21

Khổng đức chi dung, duy đạo thị tùng.

Hình dung của đức lớn, chỉ theo Đạo mà thôi.

Đạo chi vi vật, duy hoảng duy hốt.

Đạo là vật, chỉ là hốt hoảng (mơ hồ).

Hốt hề hoảng hề, kỳ trung hữu tượng; hoảng hề hốt hề, kỳ trung hữu vật;

Hốt thay hoảng thay, trong đó có hình tượng; hoảng thay hốt thay, trong đó có vật chất;

Yểu hề minh hề, kỳ trung hữu tinh.

Thăm thẳm tối tăm thay, trong đó có tinh chất.

Kỳ tinh thậm chân, kỳ trung hữu tín.

Tinh chất đó rất thực, trong đó có điều đáng tin.

Tự cổ cập kim, kỳ danh bất khứ, dĩ duyệt chúng phủ.

Từ xưa đến nay, tên nó không mất đi, dùng để xem xét muôn loài.

Ngô hà dĩ tri chúng phủ chi trạng tai? Dĩ thử.

Ta dùng cái gì để biết trạng thái của muôn loài? Dùng điều này.

Vật mà Lão Tử nói, là cái gì

"Khổng đức" (孔德) nghĩa là đức lớn. Theo tập quán nhà Phật, khi viết thư cho các vị tiền bối, người ta thường tôn xưng là "đại đức" nào đó. Chữ đồng nghĩa mà Phật học cổ đại dịch từ tiếng Phạn sang chữ Hán vốn dùng "khổng đức", nhưng vì Khổng Tử họ Khổng, nên về sau mới đổi "khổng đức" thành "đại đức": "khổng" nghĩa là lớn, "đức" chỉ hành vi của người thật sự có đạo. Còn chữ "dung" thì chỉ tác dụng bao dung, hàm chứa ở bên trong. Người thật sự có tu dưỡng đạo đức, cái chứa đựng bên trong họ chỉ có một điều duy nhất: Đạo. **"Duy đạo thị tùng"** (chỉ theo Đạo mà thôi), tức là suốt hai mươi bốn giờ, mọi lúc mọi nơi, từng phút từng giây, đều tự đòi hỏi mình hợp với nguyên tắc của Đạo; hễ tâm niệm dấy lên, mỗi lời nói mỗi hành động, đều không hề trái với đạo nghiệp, dù chỉ một chút. **"Đạm hề kỳ nhược hải"** (lặng lẽ như biển cả), luôn bao dung hết thảy, chứa nhận từng dòng nước nhỏ, rốt cuộc quy về một, không hề có chuyện đi lệch ra ngoài khuôn khổ. Đây là nguyên tắc lớn về cách làm người mà chương này nêu ra ngay từ đầu, cũng là nói rõ thái độ xuất thế của người tu đạo, và Đạo phải tu luyện ra sao.

Chương này cần đọc liền một mạch, không được ngắt quãng, như vậy mới đủ vị. Người xưa đọc sách thường lắc lư đầu mà ngâm, có lúc đọc một hơi không tiếp được nữa, đành phải cắt đứt luồng văn khí giữa đường, như thế là không được. Học văn chương người xưa, khi mạch văn khí đang trôi chảy thuận theo, chẳng cần để tâm câu chữ giữa dòng đúng sai ra sao, trước hết phải giữ cho được cái thế một hơi viết trọn; nếu giữa đường ngừng lại, rồi tiếp tục sau đó, thì sẽ kém đi nhiều. Viết chữ bằng bút lông cũng vậy, dù mực trên bút đã cạn, chữ chưa viết xong, cũng không muốn chấm mực thêm lần nữa, vì hễ ngừng lại để chấm mực, thì cái khí thế tràn đầy mạnh mẽ ấy liền bị đứt đoạn, thật không đáng. Chuyện này giống hệt đánh bóng, tay vươn hết sức vẩy một cái, quả bóng vút đi một tiếng, tạo thành một đường cong mạnh mẽ có lực, rồi lướt qua luôn. Văn chương hay, thơ từ hay, cũng đều coi trọng khí thế; khí thế không đủ, hoặc không liền mạch, chắc chắn ảnh hưởng đến vẻ đẹp của nó. Cái tinh tế nằm giữa những điều này thật khó nói cho tường tận.

"Đạo chi vi vật, duy hoảng duy hốt" (Đạo là vật, chỉ là hốt hoảng (mơ hồ)). Trong số rất nhiều người đời sau nghiên cứu triết học Lão Tử, có một phái cho rằng Lão Tử theo chủ nghĩa duy vật, không phải duy tâm, vì trong sách của Lão Tử có khá nhiều nơi nhắc đến chữ "vật". Điểm này thật cần đặc biệt lưu ý: vào thời Xuân Thu, hoàn toàn chưa có cái gọi là lý luận duy tâm, duy vật. Chữ "vật" mà người thời ấy nói đến, tương đương với cách chúng ta ngày nay nói "cái thứ này". Điều này có thể dẫn ra rất nhiều chứng cứ trong sách vở của chư tử trăm nhà thời cổ. Những câu quen dùng ngày nay như "anh là cái thứ gì" hay "là vật gì đấy", giả sử người ta năm trăm hay một nghìn năm sau đem câu này ra khảo cứu, có lẽ sẽ thấy ngôn ngữ của người Trung Quốc thế kỷ mười chín đến hai mươi thật rắc rối. Trong tiếng Hán, từ chỉ "thứ, vật" lại viết là 东西 (đông tây), nghĩa đen là "phía đông, phía tây". 东西 là gì? Đông là phía đông, tây là phía tây, hai phương hướng ấy sao có thể ghép lại thành một danh từ được?

Ví như hiện nay có người thích mắng người khác "mày là cái đông tây gì!" Tôi thấy câu mắng này rất hay, vì bản thân tôi có tìm cách nào cũng không tìm ra được mình là "đông tây" gì. Tôi là một con người, chứ chẳng phải cái đông tây nào cả. Tuy vậy, trong ngôn ngữ của thời đại này, hai chữ "đông tây" ghép lại chính là một khái niệm. Khái niệm này rất khó chú giải: "vật" có thể gọi là đông tây, "người" cũng có thể gọi là đông tây. Người xưa nói chữ "vật", cũng cùng ý nghĩa như vậy, chứ không bó hẹp chỉ để chỉ vật chất.

Người đời sau, cách hơn hai nghìn năm, không hiểu rõ lẽ ấy, mơ hồ đem chữ "vật" hiểu thành cái "vật" của "chủ nghĩa duy vật", cứ lấy quan niệm văn tự của người hiện đại mà giải thích quan niệm văn tự của người xưa, chẳng phải đó là kiểu lấy chuyện nhỏ nhặt xé ra to, nghiêm trọng hóa vấn đề một cách vô lý hay sao? Ví như lời Trang Tử nói ra, mười phần thì tám chín phần là "ngụ ngôn". Chữ "ngụ ngôn" vốn xuất phát đầu tiên từ Trang Tử. Đến thời cận đại, người Nhật khi dịch văn hóa phương Tây, đã mượn luôn hai chữ "ngụ ngôn" ấy để gọi những câu chuyện tưởng tượng, giả thác. Kết quả là người trẻ ngày nay không hiểu, cứ tưởng ngụ ngôn là những thứ do nhà văn tưởng tượng suông mà viết ra, giống như Ngụ Ngôn Aesop, rồi ngược lại coi những ngụ ngôn mà Trang Tử nói đến đều là chuyện giả dối, không đáng tin. Chẳng phải như thế là đảo lộn phải trái, sai lạc hết cả hay sao?

Chữ "vật" mà Lão Tử nói, tuyệt đối không thể hiểu theo nghĩa "vật" của "chủ nghĩa duy vật". Vật mà Lão Tử nói đến, dùng cách gọi hiện đại thì chính là ý "cái đông tây này". Đông tây thì cứ là đông tây, chỉ là gượng gạo chỉ vào một sự vật nào đó, mà nói thêm nữa cũng không nói ra được lý do gì, một đại từ thay thế mà thôi. Điều này giống như nhà Phật nói có một "tự tính quang minh" không thể nghĩ bàn, hay người phương Tây tôn sùng cái "Thượng Đế" cao cả vô cùng; những từ ngữ tôn giáo mang tính tuyệt đối ấy, một khi lọt vào tay các vị tổ sư Thiền tông, thì mọi lớp áo tôn giáo đều bị lột trần, mà thay bằng chữ "cái này". "Cái này" là "cái nào"? "Cái nào" là "cái này"? "Cái này" lại là cái đông tây gì? Đông tây cứ là đông tây, không cách nào chú giải được, chỉ có tự mình đích thân thấy được, chứng được, mới biết. Chúng ta hiểu được khái niệm văn tự của chữ "vật" vào thời ấy, tự nhiên sẽ không tùy tiện gán oan cho người xưa, nói ông ấy theo tư tưởng duy vật; nếu không, thì thật quá lệch lạc, quá vô lý. Nhưng cũng có người còn nhầm Khổng Minh là em trai của Khổng Tử, đó cũng là chuyện khiến người ta vừa buồn vừa cười, chẳng biết làm sao, một kiểu tự mình tin theo ý mình, đành để mặc họ cho là đúng vậy thôi!

Còn nói đến **"đạo chi vi vật, duy hoảng duy hốt"** (đạo là vật, chỉ là hốt hoảng (mơ hồ)): vấn đề chữ nghĩa Trung Quốc liên quan đến câu này lại càng phức tạp hơn. Ngày nay hễ nghe hai chữ "hoảng hốt", người ta liền giải thích là tinh thần tán loạn, đầu óc mê mụ, giống như trạng thái ảo giác của kẻ hít keo dán hay chích loại thuốc gây chết chóc nhanh đang lưu hành hiện nay. Bởi vậy, có những người trẻ cố sức hít keo dán, cho rằng đó là hưởng thụ, kết cuộc làm hỏng cả thân tâm. Thực ra, "hoảng hốt" là chỉ cảnh giới tâm tính sáng rõ. Ta hãy tạm chưa dùng đến khoa huấn hỗ rắc rối để giải hai chữ này, chỉ nhìn riêng hình chữ đã thấy: chữ **"hoảng"** (恍) là bộ tâm đứng thêm chữ **"quang"** (光, sáng); chữ **"hốt"** (惚) là bộ tâm đứng thêm chữ **"hốt"** (忽, chợt); ý nói tâm địa sáng rõ, thanh thoát tự tại, sống động

linh hoạt, hoàn toàn không phải là điên đảo lẫn lộn, đầu óc mê mụ. Nếu công phu tu đạo mà kết quả lại giống như uống rượu say, mơ mơ hồ hồ, ngả nghiêng đông tây, cần mấy người đỡ mới đứng được, mà gọi đó là "hoảng hề hốt hề", thì đó còn gọi là tu đạo được sao?

Lão Tử nói rằng, cái thứ gọi là "Đạo" ấy, nó **"duy hoảng duy hốt"** (chỉ là hốt hoảng (mơ hồ)). Gắng gượng mà miêu tả, thì có thể nói nó có một cảnh giới sáng rõ, thanh thoát không thể nghĩ bàn như thế. Đó là điều gọi là **"hốt hề hoảng hề, kỳ trung hữu tượng"** (hốt thay hoảng thay, trong đó có hình tượng). Chữ "hề" vốn xuất phát từ cách dùng trợ từ trong ngôn ngữ nước Sở ở phương nam thời cổ. Văn hóa nước Sở trải khắp cả hai bờ sông Trường Giang, tự thành một hệ thống riêng. Xét về lịch sử, nước Sở thời ấy là dòng dõi của Chúc Dung thị, cũng có liên quan đến văn hóa Thần Nông. Văn chương của Khổng Tử theo phép tắc kế thừa văn hóa Tề Lỗ, mang khí chất chất phác, thuần hậu của phương bắc. Văn chương Lão Tử thì phóng khoáng, có vần điệu, mang phong cách văn học phương nam. Và sau thời Lão Tử, đại diện cho văn học nước Sở phương nam, chính là sự xuất hiện của Ly Tao trong Sở từ của Khuất Nguyên. Chữ "hề" thời xưa có đọc âm "tây" hay không, đó vẫn còn là một vấn đề, chỉ là chúng ta ngày nay cứ mãi đọc nó theo âm chữ "tây" mà thôi. Nói cho nghiêm ngặt, chữ "hề" thời cổ không đọc âm "tây", tính chất của nó giống như chữ "a" hay chữ "á" thường dùng khi hát ngày nay, không nói ra được một hàm ý cụ thể nào. Có người cho rằng chữ này nên đọc theo âm Mân Nam hay âm Khách Gia là "ai" hay "ái", kéo dài giọng ra mà hát. Nếu nó hợp thành một từ, thì phải là hai chữ trở lên nối liền nhau, tạo thành một tính từ độc lập, chứ không phải hoàn toàn vô nghĩa mà nhồi vào trong câu văn.

Cảnh giới văn học Nam Bắc thời Xuân Thu

Nghiên cứu lịch sử văn hóa, cần phải hiểu xu hướng phong cách văn tự của các vùng khác nhau vào từng thời kỳ. Sở từ, cùng các tác phẩm văn học hoa lệ, đẹp đẽ như từ, phú, đều xuất phát từ phương nam. Sự phát triển tư tưởng của các thời sau, như Lão Trang, Thiền tông, đều thịnh hành ở phương nam, đặc biệt là vùng lưu vực Trường Giang là phát triển rực rỡ nhất. Điểm này, những người trẻ tuổi tài năng đời sau, khi nghiên cứu văn hóa Trung Quốc, chỉnh lý lại văn học, triết học Trung Quốc, cần phải đặc biệt lưu tâm. Nói chung, dân phong phương bắc thì ôn hòa, thuần hậu, chất phác không hoa mỹ; nền văn hóa nhân đạo vuông vắn, ngay thẳng, đội trời đạp đất, thường phát triển từ bắc xuống nam. Còn nền văn hóa có tư tưởng cao siêu, thanh thoát, tao nhã, thì lại sinh ra ở đất phương nam. Đây gần như đã trở thành một quy luật. Tôi thường lấy quan niệm này để nghiên cứu lịch sử châu Âu, lịch sử nước Mỹ cũng vậy. Ở phương Tây, những nhân vật hay tư tưởng văn hóa xuất phát từ miền bắc khác hẳn với miền nam. Người miền bắc thì hành vi trung thực, khí chất đôn hậu. Nhân vật xuất phát từ miền nam, như Carter, lại có nhiều vấn đề. Điều này thật kỳ lạ, chỉ vì sự khác biệt về phương hướng đông, nam, tây, bắc, mà một cách âm thầm lại ảnh hưởng đến núi sông, con người, cũng như sự khác biệt về văn hóa; và điều này lại có liên quan rất lớn đến quy luật tượng số của Kinh Dịch.

Lão Tử lại nói, ở câu **"hốt hề hoảng hề, kỳ trung hữu tượng"** (hốt thay hoảng thay, trong đó có hình tượng). Nói cách khác, trong một cõi sáng rõ mênh mông vô tận, sống động linh hoạt, thì có một cảnh giới như vậy. "Tượng" chính là cảnh giới. **"Hoảng hề hốt hề, kỳ trung hữu vật"** (hoảng thay hốt thay, trong đó có vật chất): mà trong cảnh giới sáng rõ ấy, dường như quả thực có một thứ gì đó. Điều này giống như nhà Phật nói **"tức không tức hữu, tức hữu tức không"** (chính là không mà cũng chính là có, chính là có mà cũng chính là không): ở trong cái trống rỗng, hư không ấy, lại không phải là trống rỗng thật sự. Câu "kỳ trung hữu vật" này, chẳng phải duy tâm, cũng chẳng phải duy vật, mà là cái thứ tâm vật nhất thể ấy. Người tu đạo có thể đạt đến cảnh giới không thể gọi thành tên, sáng rõ vô biên, linh hoạt tự tại, như hư như thực, kiểu **"hoang hề kỳ vị ương tai"** (hoang vắng thay, chưa thấy căn cứ). Nhưng cảnh giới này, thứ này, Lão Tử không muốn thêm một danh từ nào nữa để giải thích, sợ rằng lời sẽ làm hại ý, nên chỉ đành đơn giản

dùng chữ "tượng", chữ "vật" để biểu đạt nó. Trong Phật học, cũng thường dùng **"bất khả tư nghị"** (không thể nghĩ bàn), hay **"bất khả thuyết"** (không thể nói) để kết lời, cái vị bên trong ấy, chỉ có thể nói là "như người uống nước, nóng lạnh tự biết" mà thôi.

Cái "tinh" này không phải cái "tinh" đó

Tiếp theo, Lão Tử lại đưa ra một vấn đề lớn. **"Yểu hề minh hề, kỳ trung hữu tinh"** (thăm thẳm tối tăm thay, trong đó có tinh chất): "yểu" là tả cái sâu xa, "minh" là tả cái cao lớn. Nếu lúc ấy dùng văn bút của văn hóa Tề Lỗ mà viết, có lẽ đã dùng ba chữ **"nguy nguy hồ"** (cao lớn sừng sững) để tả. "Yểu", "minh" có thể lấy cảnh tượng của bầu trời cao rộng làm ví dụ, như câu "bay vào cõi trong xanh thẳm", biểu thị việc đi xa tới mức vô cùng cao, vô cùng tận vào khoảng không vô hạn, đến mức quên luôn cả khái niệm về không gian. Một người tu dưỡng nếu đạt đến mức độ này, thì có thể hiểu rằng ở giữa đó quả thực "có tinh chất". Nhưng khi nói đến chữ "tinh", cần phải hết sức lưu ý, không thể lấy quan niệm vật chất mà giải thích chữ tinh này. Tất nhiên, đây không phải là cái "tinh" chỉ tinh trùng, trứng noãn như các phái tà môn đời sau vẫn nói, mà nó hàm chứa ý "tinh linh", "tinh hoa", là cái tinh thuộc về tinh thần, không thể đo lường, không thể nắm bắt.

Nhưng câu "luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hoàn hư" mà Đạo gia đời sau vẫn nói, rốt cuộc có việc ấy không? Có việc ấy thật. Nhưng tuyệt đối đừng hiểu lầm rằng đó chỉ tinh trùng, trứng noãn sinh ra theo chu kỳ sinh lý của cơ thể con người. Nếu hiểu như vậy, thì chỉ sai một chút mà lệch đi ngàn dặm. Có một người bạn học nghiên cứu tâm lý học ở Mỹ, về nước kể với tôi: thật tệ, các nhà tâm lý học Mỹ bây giờ khuyến khích người già có thể kết hôn, hưởng đầy đủ đời sống tình dục, chẳng công nhận thuyết "mười giọt máu một giọt tinh" của Đạo gia Trung Quốc, mà còn không phản đối việc quan hệ nhiều người, quan hệ bừa bãi, chẳng phải như thế là giết chết người già hay sao! Người bạn học này dù sao cũng là kẻ có tri thức, không thể làm được câu **"tuyệt học vô ưu"** (dứt bỏ học vấn (nhân vi) thì không lo lắng), cứ mãi lo lắng không thôi.

Thế là tôi hỏi anh ta: anh có biết cái thuyết "mười giọt máu một giọt tinh" ấy truyền sang Mỹ như thế nào không? Anh ta nói: sách đạo đều nói như vậy. Tôi bảo anh ta: đó không phải sách đạo chính thống. Loại sách này coi "tinh" là tinh trùng của nam giới và trứng noãn của nữ giới, hoàn toàn sai lầm nghiêm trọng; thực ra tinh trùng, trứng noãn cũng chẳng phải chỉ từ máu mà biến ra. Các nhà tâm lý học, sinh lý học ở Mỹ ra sức công kích quan niệm này, là có lý do của họ. Người ta có căn cứ khoa học, đâu dễ gì tin theo cách nói của mình một cách tùy tiện; chỉ trách chính chúng ta, những người truyền bá văn hóa Trung Quốc, đã hiểu sai mà thôi.

Cái gọi là "tinh" rất khó có được một định nghĩa rõ ràng. Nếu nói về cơ thể con người, có thể bao gồm các loại hormone, tức các tuyến nội tiết và những thứ tương tự, nhưng không chỉ dừng ở đó, khó mà nói cho tỉ mỉ được. Còn hai chữ "khí", "thần" thì càng cần một chuyên đề riêng để bàn. Nếu theo như Hoàng Đế Nội Kinh ghi lại, về mặt y học, chữ "tinh" được nói đến ở đó cũng không phải tinh trùng, trứng noãn, mà đã có lời giải thích riêng từ rất sớm. Ví như chúng ta nghe người ta nói: "người này tinh thần rất tốt!" thì hẳn không ai nghĩ rằng nói người đó tinh thần tốt, tức là trong cơ thể anh ta có đặc biệt nhiều tinh trùng đâu! Tất nhiên chẳng có lý lẽ nào như thế. Tinh thần là điều không thể dùng lời lẽ mà miêu tả cụ thể được. Nhưng liệu có phải hoàn toàn không có thứ này? Vẫn không thể nghi ngờ gì mà cảm nhận được rằng cơ thể con người quả có sức sống ấy đang vận hành. Tinh thần tốt hay tinh thần rũ rượi, đều có quan hệ tương tác với cơ năng sinh lý và trạng thái tâm lý của con người.

Một người học đạo, nếu ngồi thiền năm này qua tháng khác, mà kết quả là ngày càng ngồi càng mất tinh thần, càng tu càng đầu óc mê mụ, thì đó là sai rồi. Đó chẳng phải là "yểu hề minh hề" đâu. Khi thực sự đạt đến cảnh giới trống

rỗng linh diệu của "yểu hề minh hề", chỉ cần ánh mắt lắng đọng trong vài phút, đã tương đương với mấy giờ ngủ của người thường; đó chính là "trong đó có tinh chất", từ đó mới nói đến được công phu "luyện tinh hóa khí". Những đoạn văn bàn về cảnh giới công phu tu đạo như trong sách Lão Tử, Trang Tử, có rất nhiều, không phải là những quan niệm triết học thông thường, hay sự tưởng tượng nghệ thuật của các nhà văn có thể hiểu và giải thích được. Nhất định phải tu thật, chứng thật, mới có thể thể nghiệm được cái thật ở trong đó.

Sau đó, Lão Tử lại tả rõ sự quan trọng của tinh thần: **"kỳ tinh thậm chân, kỳ trung hữu tín"** (tinh chất đó rất thực, trong đó có điều đáng tin). Chữ "tinh" ở đây, về cách dùng, hầu như đã đạt đến cảnh giới "bất sinh bất diệt" mà nhà Phật vẫn nói. Bộ kinh Phật nổi danh, Kinh Lăng Nghiêm, cũng nói: **"tâm tinh viên minh, hàm khỏa thập phương"** (tâm tinh tròn đầy sáng suốt, ôm trọn cả mười phương). Tu tâm dưỡng tính đến mức độ này, có thể che khắp trời, phủ khắp đất, ôm trọn cả vũ trụ. Bởi vậy, Lão Tử nói: "kỳ tinh thậm chân", đó là một thứ tuyệt đối chân thực, không đầu không cuối, không sinh không diệt. "Kỳ trung hữu tín", quả thực có việc ấy, quả thực có tin tức ấy; chỉ cần anh từ nơi thân tâm mà tu thật, chứng thật, đến lúc ấy tự nhiên sẽ có từng bước hiệu nghiệm để xác tín.

Mạnh Tử chứng đạo

Nói đến đây, hãy để chúng ta mượn lời trong thiên Tận Tâm của Mạnh Tử để chú giải câu **"kỳ trung hữu tín"** (trong đó có điều đáng tin) của Lão Tử, lại rất thích hợp. Mạnh Tử nói: **"Khả dục chi vị thiện, hữu chư kỷ chi vị tín, sung thực chi vị mỹ, sung thực nhi hữu quang huy chi vị đại, đại nhi hóa chi chi vị thánh, thánh nhi bất khả tri chi chi vị thần"** (cái đáng ham muốn gọi là thiện, có sẵn nơi mình gọi là tín, đầy đủ trọn vẹn gọi là mỹ, đầy đủ mà tỏa sáng gọi là đại, đại mà cảm hóa được người gọi là thánh, thánh mà không thể lường được gọi là thần). Nếu mọi người muốn nói đến công phu tu dưỡng, mà chỉ là nhất thời nổi hứng, ngồi thiền qua quýt cho vui, không coi đó là việc lớn nhất của đời người, thì cũng chỉ là sống qua ngày, chẳng có kết quả gì tốt đẹp. Còn nếu thật sự coi đó là việc lớn nhất của đời người, sớm tối tâm niệm không rời, không phút giây nào bỏ phế, như vậy mới là đạt đến "khả dục chi vị thiện"; lúc nào cũng như người nghiện thuốc phiện vậy, đến giờ mà không ngồi thiền là thấy rã rời, không ngồi một lúc không chịu được. Cái gọi là "nghiện như hút thuốc phiện" ấy, chỉ là lời ví von mà thôi, đừng hiểu lầm.

Dụng công như vậy đi đúng đường, dần dần sẽ đạt đến "hữu chư kỷ chi vị tín". Ý nói là, khi hỏa hầu đã đủ, chắc chắn sẽ có cảnh giới của nó hiện ra, có thể xác tín không nghi ngờ gì. Đoạn lời này của Mạnh Tử, từ đầu đến cuối, đều nói về kinh nghiệm các tầng bậc của công phu tu trì, không chỉ là lý luận suy diễn theo kiểu so sánh, ước lượng mà thôi. Lão Tử đưa ra ba thứ tinh, khí, thần một cách riêng biệt; "kỳ tinh thậm chân, kỳ trung hữu tín", chỉ cần kiên trì không bỏ, không để mất đạo tâm, lâu ngày dần dần, những dấu hiệu diệu dụng của tinh thần khí huyết sẽ từng bước hiện ra, từng tầng nâng lên, cuối cùng đi vào được cái diệu của "Đạo" thuộc hình nhi thượng.

Bởi vậy mới nói, cái "Đạo" thuộc hình nhi thượng ấy, **"tự cổ cập kim, kỳ danh bất khứ"** (từ xưa đến nay, tên nó không mất đi). Nó là cơ chế tạo hóa tham dự cùng trời đất, không sinh không diệt, tồn tại vĩnh hằng. Từ xưa đến nay, chân lý chỉ có một, không hai cũng không ba. Nhưng trên thế gian, những tên gọi diễn đạt cái "pháp môn không hai" của Đạo lại có thể muôn hình vạn trạng, chẳng chỉ có một. Gọi nó là "Đạo", là "Thần", là "Tâm", là "Vật", là "Trời", là "Đế", là "Như Lai", tất cả đều cùng là những tên gọi khác của cái Đạo không hai ấy. Thứ này vĩnh viễn không hề đổi thay, vĩnh viễn không thể mài mòn, trải ngang dọc ba đời, trùm khắp mười phương. Nền văn hóa truyền thống của chúng ta, gọi nó là Đạo.

Sau khi thực sự ngộ được đại đạo rồi, **"dĩ duyệt chúng phủ, ngô hà dĩ tri chúng phủ chi trạng tai? Dĩ thử"** (dùng để xem xét muôn loài, ta dùng cái gì để biết trạng thái của muôn loài? Dùng điều này). Ý nói là, đến khi chứng

được chân lý, thì anh có thể quan sát mọi tướng của tất cả chúng sinh mà không còn chướng ngại, hiểu rõ căn tính của tất cả chúng sinh. "Chúng phủ" chính là mọi người; chữ **"phủ"** (甫) cũng có thể hiểu như chữ **"phụ"** (父), đại diện cho nam giới. Xã hội cổ đại, ở đâu cũng coi nam giới là trọng. Đọc văn chương người xưa, giả sử có một người tên Trương Đại, viết một bài tựa cho người khác, cuối bài đề là: "Trương Đại Phủ tựa, ngày... tháng... năm... đời...". Người đời sau đọc vào, không hiểu rõ đầu cuối, cứ tưởng bài này do "Trương Đại Phủ" viết ra. Có lúc ngoài tên còn thêm hiệu, ví như hiệu là "Tiểu Tiên", thì đề thành: "Trương Đại Tiểu Tiên Phủ tựa". Như thế, sẽ có người hiểu lầm người này tên là "Trương Đại Tiểu", hiệu "Tiên Phủ". Kỳ thực, tên thật của tác giả là "Trương Đại", hiệu "Tiểu Tiên", còn chữ "phủ" chỉ là để biểu thị ông ấy là nam giới. Thời cổ có rất nhiều bài văn ký tên có chữ này, rốt cuộc bắt đầu từ thời nào mà có hiện tượng này, còn phải khảo cứu thêm. Kỳ thực, tác giả là một người nam đích thực, ai lại đem anh ta ra coi là phụ nữ được? Chỉ vì thêm một chữ "phủ" vào giữa, mà thực dễ gây lẫn lộn, sinh ra hiểu lầm. Như nhà thơ lớn của chúng ta, Đỗ Phủ, cứ thế mà suy, chẳng phải sẽ bị coi thành "Đỗ Nam Nhân" hay sao? Những chỗ như vậy, chính là cái tệ hại thường có trong văn hóa Trung Quốc, do quá mải mê chơi đùa với văn chữ, thực cần phải cải cách, đơn giản hóa cho rõ ràng hơn mới tốt.

"Chúng phủ" tương đồng với chữ "chúng sinh" mà nhà Phật đời sau vẫn nói. Khi anh đã đắc được chân lý đại đạo rồi, thì mọi tập tính, mọi nhân duyên của chúng sinh trong cõi đời, cùng muôn hình vạn trạng của trạng thái sinh mệnh, đều có thể nhìn thấu suốt trong nháy mắt. Vì vậy Lão Tử nói: **"ngô hà dĩ tri chúng phủ chi trạng tai? Dĩ thử"** (ta dùng cái gì để biết trạng thái của muôn loài? Dùng điều này). Vì sao ta có thể hiểu được căn tính của tất cả mọi người, tâm lý tư tưởng của tất cả mọi người? Chính là từ "dùng điều này" mà ra. Vì đã đắc đạo, nhờ cái Đạo tối cao vô thượng, mơ hồ hoảng hốt ấy, mà thông đạt được muôn vật biến hóa vô cùng trong vũ trụ, soi rọi được hiện tượng sinh mệnh vô bờ vô tận, nên mới có thể không gì không biết.

Nói đến đây, theo như tôi hiểu, hiện nay có một số người trẻ thích học ngồi thiền, thử đủ mọi kiểu cách, nhưng lại không hiểu nguyên lý thân tâm thật sự của tĩnh tọa, tu luyện mù quáng, ngồi đến mức đầu óc mê mụ, trì trệ; có lúc trước mắt hơi thấy có chút ánh sáng, liền tưởng đó là "duy hốt duy hoảng", "kỳ trung hữu tín", là hiện tượng của người có đạo, đó là điều không nên có. Với những "hiện tượng" như vậy, nếu anh cố ý chấp trước, tự cho là đúng, coi đó là dấu hiệu đắc đạo, thì phải cảnh báo rằng anh sắp phải vào bệnh viện tâm thần rồi. Về việc này, anh cần phải xem lại đạo lý **"phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng"** (mọi tướng đều là hư huyễn) trong kinh Phật, Kinh Kim Cang, để tránh việc đùa giỡn với tinh thần mà đi lạc đường.

Trong tĩnh tọa thông thường, cái ánh sáng nhỏ nhoi chập chờn đó, hoàn toàn không phải là Đạo. Tôi thấy rất nhiều người trẻ, trí lực chưa đủ, tuệ học chưa thông, liền lầm lạc bước vào đó, cho rằng mình đã ghê gớm lắm, thật khiến người ta phải than thở. Lão Tử nói **"hốt hề hoảng hề, kỳ trung hữu tượng"** (hốt thay hoảng thay, trong đó có hình tượng), hay **"kỳ tinh thậm chân, kỳ trung hữu tín"** (tinh chất đó rất thực, trong đó có điều đáng tin) và những câu tương tự, hoàn toàn không sai một chút nào, nhưng đó là chỉ cái tâm quang rộng lớn, che khắp trời đất, giống như đạo lý **"tâm tinh viên minh, hàm khỏa thập phương"** (tâm tinh tròn đầy sáng suốt, ôm trọn cả mười phương) mà Kinh Lăng Nghiêm nói đến. Hơn nữa, những câu chữ này cũng chỉ là để nói lên rằng **"ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt"** (đường lời nói đã dứt, chỗ tâm hành cũng dừng), chỉ là miêu tả gắng gượng mà thôi; tuyệt đối đừng thấy một chút ánh sáng nhỏ nhoi mà đã ở đó kinh hoảng, làm quá lên, như điên như dại.

Còn nữa, sách đạo của Trung Quốc lưu truyền lại có đến hơn một vạn quyển, trong đó thường hình dung thứ gọi là "Đạo" ấy là tròn vành vạnh, sáng chói lói. Thế là rất nhiều người say mê con đường này liền rơi vào cái khuôn sáo ngôn từ, văn chữ này, chỉ cần nhắm mắt lại, thấy trong ý thức có một vòng sáng tròn hiện ra, liền cho đó là tròn vành vạnh, sáng chói lói, tưởng như đã đắc đạo được rồi. Có một người bạn tu đạo ở Hồng Kông viết thư đến nói, anh ta đã

đắc được cái linh quang tròn vành vạnh, sáng chói lói ấy, nhưng gần đây không biết vì sao lại mất đi, hy vọng tôi có thể bảo cho anh ta biết làm sao lấy lại cảnh giới đó. Tôi đọc thư mà vừa buồn vừa cười, thật muốn mua vài viên bi thủy tinh sáng bóng gửi cho anh ta chơi.

Tròn vành vạnh, sáng chói lói chỉ là một tính từ mà Đạo gia dùng để hình dung một cảnh giới nào đó của việc tu đạo, có chỗ giống với cái "hoảng hốt" mà Lão Tử nói đến. Nhưng vì sao lại xuất hiện những cảnh giới như thế? Vì trong lúc tĩnh tọa, dù vọng tưởng có giảm bớt, nhưng máu huyết, khí mạch trong người vẫn còn đang vận hành lưu chuyển; thân tâm, khí huyết, hai thứ cọ xát vào nhau sinh ra điện, tạo thành hiện tượng này. Nếu anh nhận rõ được điều này vẫn chưa phải là Đạo, chỉ là một giai đoạn tất nhiên trong quá trình tĩnh tọa mà thôi, thì thật đáng mừng cho anh; anh cứ buông bỏ hết, không chấp, không dính mắc, để mọi thứ tự nhiên, dần dần thân tâm sẽ từng bước biến đổi, từng tầng nâng lên, đó chính là "kỳ trung hữu tín" ở một mức độ nào đó.

Đồng thời, cũng không nên cho rằng tròn vành vạnh, sáng chói lói và cái "tinh" mà Lão Tử nói đến là một, điều đó cũng không đúng. Cái "tinh" này là gì? Nó bao gồm toàn bộ sự chuyển hóa lành mạnh của thân tâm. Anh nói anh đã đắc được tròn vành vạnh, sáng chói lói, được, tôi hỏi anh, thân tâm anh có biến đổi khỏe mạnh hơn không? Nếu có biến đổi, thì biến đổi đến mức độ nào? Học Phật, tu đạo thực sự, chỉ cần đến một giai đoạn nào đó, chắc chắn sẽ biến đổi khí chất, tâm cảnh khai mở, cho dù không cải lão hoàn đồng, thì ít nhất cũng có thể trừ bệnh tiêu tai, thân thể khỏe mạnh. Nếu không được như vậy, thì thật có vấn đề.

Bởi vậy, Lão Tử đặc biệt nhấn mạnh **"hoảng hề hốt hề, kỳ trung hữu vật"** (hoảng thay hốt thay, trong đó có vật chất): trong cảnh giới rực rỡ sáng ngời ấy, có một thứ như vậy; mọi người đừng đem thứ này coi là một sự vật cụ thể, thực tế, nếu không thì chính là tự làm khổ mình, tự gây khó cho mình; vì cầu đạo mà phản tác dụng, như thế thì thật đáng tội. Điểm này nhất định phải nhận thức cho rõ ràng.

Khúc tắc toàn; uổng tắc trực;

Cong thì còn nguyên; khuất thì thẳng ra;

Oa tắc doanh; tệ tắc tân;

Trũng thì đầy; cũ thì mới;

Thiểu tắc đắc; đa tắc hoặc.

Ít thì được; nhiều thì mê lầm.

Thị dĩ thánh nhân bão nhất vi thiên hạ thức.

Vì vậy thánh nhân ôm giữ Một (Đạo) làm khuôn mẫu cho thiên hạ.

Bất tự kiến, cố minh;

Không tự phô trương, nên được sáng;

Bất tự thị, cố chương;

Không tự cho là đúng, nên được tỏa sáng;

Bất tự phạt, cố hữu công;

Không tự khoe công, nên có công;

Bất tự căng, cố trưởng.

Không tự cao, nên mới trưởng thành.

Phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh.

Chính vì không tranh giành, nên thiên hạ không ai có thể tranh giành được với họ.

Cổ chi sở vị khúc tắc toàn giả, khởi hư ngôn tai?

Câu xưa "cong thì còn nguyên", đó là lời hư không sao?

Thành toàn nhi quy chi.

Thực sự còn nguyên vẹn mà trở về.

Cong ngay rõ ràng chỉ trong một vòng xoay

Nói đến đây, cách sắp xếp văn chương trong sách *Lão Tử* lại đổi khác: từ chỗ bàn về "đạo thể" chuyển sang chỗ từ thể mà khởi "dụng", ứng theo hoàn cảnh. Ai cũng cần biết, tư tưởng Đạo gia nằm giữa chỗ có thể xuất thế mà cũng có thể nhập thế, có "thể" có "dụng". Nếu chỉ chăm chăm vào đạo thể, chỉ lo tu đạo mà chê bỏ cái dụng, thế là không đúng. Chỉ xuất thế mà không thể nhập thế, tất nhiên cũng không đúng. Chỉ nói về dụng mà không nói về thể, cũng lệch về một phía khác, cũng là sai lầm.

Đạo của Lão Trang với đạo của Khổng Mạnh đều bắt nguồn từ cùng một mạch Kinh Dịch. Lão Tử mỗi lần nêu ví dụ, đều nói tới cả hai mặt chính phản, đó chính là tác dụng của câu "một âm một dương gọi là đạo". Cho nên chúng ta nói, Kinh Dịch mà tổ tiên để lại là triết học trong triết học, kinh điển trong kinh điển. Nó cho rằng một thể đã chứa hai mặt, hai mặt lại phân thành nhiều mặt. Có người nói, Kinh Dịch thật là ghê gớm, giống hệt phép biện chứng của Hegel! Cái luận điệu ấy thật nực cười! Tôi vẫn hay có một ví von: anh thấy một ông nội đi cùng cháu nội, anh cứ

khăng khăng bảo, ông nội này ghê gớm thật, trông giống hệt cháu nội của ông! Nói Kinh Dịch giống phép biện chứng Hegel cũng chẳng khác gì nói ông nội ghê gớm, lại giống y hệt đứa cháu. Làm gì có lý ấy. Phép biện chứng Hegel chỉ là tam đoạn luận chính, phản, hợp, còn Kinh Dịch không chỉ dừng ở tam đoạn luận, phép biện chứng của Kinh Dịch là quan sát tượng theo tám đoạn, thậm chí mười đoạn. Vì ai nấy đều chưa học qua lẽ của "quẻ", mỗi quẻ đan xen phức tạp, thật là tám mặt linh hoạt, đều có tám cách nhìn, nói đến chỗ sâu nhất, còn có tới mười cách nhìn. Nếu bất cứ lý thuyết nào cũng chỉ dừng ở chính, phản, hợp, ở khẳng định, phủ định, mâu thuẫn thống nhất, thì cũng có thể nói mãi mãi chỉ là phủ định, mà cũng có thể nói mãi mãi đều là khẳng định vậy! Đó chính là lý do nó biến đổi hết lần này đến lần khác, tạo thành cái mà người ta gọi **"ngộ tận thương sinh thị thử ngôn"** (lời nói này đã hại chết bao sinh linh)! Từ lẽ đó, chúng tôi nhắc đi nhắc lại rằng tư tưởng Lão Trang và học thuyết Khổng Mạnh đều từ lý Dịch mà ra, để mọi người hiểu rõ cỗi nguồn xa xôi của văn hóa Trung Hoa.

Ví như nguyên tắc "cong thì còn nguyên" cũng không phải do Lão Tử tự sáng tạo ra, trong Kinh Dịch đã có từ trước. Nhất là trong thiên Hệ Từ Truyện, Khổng Tử bàn về lý Dịch, nói về nguyên tắc này còn thấu đáo hơn, Khổng Tử trong Hệ Truyện cũng nói **"khúc thành vạn vật nhi bất di"** (uốn lượn mà thành nên muôn vật, không sót một vật nào). Vì tổ tiên ta từ xưa đã biết vũ trụ này đều là đường cong, là hình tròn xoay, mà vòng tròn thì không phải do đường thẳng tạo thành. Trong thế giới vật lý này, không có sự vật nào là đường thẳng cả, đều là hình tròn, tròn tức là thẳng. Cái gọi là thẳng, chẳng qua là ta cắt vòng tròn ra, kéo thẳng nó, rồi cứ ép gọi nó là thẳng, cho nên nói muôn vật trong vũ trụ đều là đường cong, nên mới nói "khúc thành vạn vật". Ví như sinh mệnh con người, tức thân thể, Đạo gia hình dung nó như một tiểu thiên địa, quy luật biến hóa của thân thể con người với trời đất vũ trụ là như nhau, sự biến hóa của khí tượng với mối liên hệ qua lại giữa mặt trời mặt trăng, hoàn toàn giống nhau. Ví như Đạo gia có một cuốn sách gọi là Thái Thượng Âm Phù Kinh. Có người nói đó là do ông tổ của Lão Tử soạn ra, còn mẹ của ông tổ Lão Tử, tức bà cụ ấy, được gọi là "Thái Thượng", đây tất nhiên chỉ là câu nói đùa. Âm Phù Kinh có câu: **"quan thiên chi đạo, chấp thiên chi hành, tận hĩ"** (nhìn thấu đạo trời, nắm lấy sự vận hành của trời, thế là đủ cả rồi). Anh chỉ cần quan sát thấu đáo quy luật tự nhiên của trời đất này, nắm được nguyên lý vận hành của trời đất, thì công phu, phương pháp tu đạo, đều có thể lấy được dễ dàng, sáng tỏ vô cùng. Văn hóa thượng cổ, chỉ dùng hai câu đơn giản như vậy, mà đã bao gồm cả việc nói rõ thân người chính là một tiểu thiên địa.

Bây giờ, để hiểu rõ câu "cong thì còn nguyên" này, tôi đã kéo vấn đề đi hơi xa.

Lão Tử nắm lấy nguyên tắc trong văn hóa truyền thống của tổ tiên ta, chỉ ra đạo lý làm người xử thế, lợi mình lợi người, tức là "cong thì còn nguyên". Làm người xử sự, khéo vận dụng một đường cong khéo léo, chỉ cần chuyển một cái là mọi việc đều tốt đẹp. Nói cách khác, làm người phải biết nghệ thuật, thì phải chú trọng cái đẹp của đường cong. Mắng người tất nhiên là chuyện xấu. Ví như nói: "Thằng khốn nạn này!" đối phương chắc chắn không chịu nổi, nhưng nếu anh biết chuyển một cái mà vận dụng nghệ thuật, cũng cùng một câu mắng ấy, đổi giọng nói rằng: "Không được làm bậy, làm sai thì đầu óc chúng ta đều thành bã đậu hết, đều sẽ bị người ta mắng là đồ khốn nạn!" thì tuy người kia không vui, nhưng trong lòng vẫn tiếp nhận lời cảnh báo của anh. Nếu nói: "Mày đúng là đồ khốn nạn, phải như thế mới đúng", thì đó là chưa hiểu đạo lý "cong thì còn nguyên". Cho nên, người khéo ăn nói, chỉ cần lời nói có một cái chuyển như vậy là trọn vẹn, vừa đạt được mục đích, vừa khiến đôi bên chẳng có chuyện gì. Nếu cứ thẳng ruột ngựa mà đi, có lúc lại không thông được. Nhưng trong cái cong ấy, dĩ nhiên cũng cần có nguyên tắc đi thẳng theo đạo, cứ mãi vòng vo thì sẽ trượt trở thành kẻ khéo mồm khéo miệng láu cá. Cho nên, trong văn học dân gian sẵn có của ta, mới có câu châm ngôn **"mạc tín trực trung trực, tu phòng nhân bất nhân"** (chớ tin cái thẳng trong cái thẳng, phải đề phòng cái nhân chẳng phải nhân). Tóm lại, giữa cong và thẳng, đúng là **"vận dụng chi diệu, tồn hồ nhất tâm"** (cái khéo của sự vận dụng, là ở nơi một tấm lòng).

“Khuất thì thẳng ra” là uốn nắn cái vật đã cong vẹo trở lại. Tổ tiên ta từ xưa đã biết quy luật vật lý trong vũ trụ, không có vật gì là thẳng cả, thẳng là do con người tạo ra, là gượng ép, vì vậy mới hình thành thành ngữ “sửa cong quá đà”, sửa quá tay lại thành cong theo chiều khác. Một vật cong quá về bên trái, chỉ cần chỉnh lại một chút là được. Nếu sửa quá tay, lại cong sang bên phải, lệch trái hay lệch phải đều là sai lệch. Cái triết lý logic ở giữa chỗ này, mà khai triển ra thì nhiều vô kể, nếu đem từng câu Lão Tử nói ở đây mà kéo dài ra bàn, thì sẽ lan man quá xa. Tóm lại, “khuất thì thẳng ra”, rốt cuộc đúng hay không đúng, vẫn còn là vấn đề. Thẳng, tuy là do con người tạo ra, là gượng ép, nhưng nó lại hợp với yêu cầu của số đông người, nên cũng không thể không thừa nhận “khuất thì thẳng ra” vậy!

Chương này mở đầu bằng mấy câu liền một mạch “cong thì còn nguyên, khuất thì thẳng ra, trũng thì đầy, cũ thì mới, ít thì được, nhiều thì mê lầm”, xét về khí thế câu chữ thì rất mạnh mẽ, dễ hiểu. Nhưng đạo lý triết học chứa trong đó, chỗ có thể khơi gợi linh trí của chúng ta, thì nội hàm lại vô cùng phong phú, có thể nhìn từ nhiều phương diện, nhiều góc độ khác nhau, đây chính là một nguyên tắc riêng của bản thân triết học Lão Trang. Ví như đạo Khổng Mạnh, bàn về quan niệm nhân nghĩa, vận dụng theo nhiều cách cũng có thể khơi gợi tư tưởng và linh trí, cũng đồng dạng có tính đa chiều như vậy. Lần trước chúng ta đã nói, quy luật của vũ trụ là hình tròn, đi theo đường cong, tuyệt đối không có đường thẳng, con đường thẳng trong nhân gian là do con người gia công cắt xén, kéo thẳng ra mà thành. Vì vậy mỹ học và nghệ thuật phần lớn đều chú trọng cái đẹp tự nhiên, cái đẹp của đường cong. Bây giờ để nói rõ nghệ thuật đường cong khi ứng dụng vào việc đời, tôi nhớ đến đâu thì tạm tìm ra một số tư liệu đến đó, để minh họa. Nhưng số tư liệu này chưa đủ để giải thích trọn vẹn nguyên ý câu “cong thì còn nguyên” của Lão Tử, chỉ là có ích phần nào trong việc làm người xử thế mà thôi. Tuy chưa đủ làm phép tắc thường dùng, nhưng có thể dùng làm chỗ tham khảo cho cách biến thông. Cho nên chỉ nêu ra vài sự thật lịch sử để minh họa nguyên tắc này, hy vọng có ích phần nào cho mọi người. Nhưng cũng rất dễ sinh ra tệ nạn, nếu gặp không đúng người thì dễ thành ma mị. Mong mọi người ghi nhớ kỹ, phải lấy đạo đức cao nhất làm nền, chỉ dùng một đôi lần, chứ không được lấy nó làm thủ đoạn xử thế làm người. Ngoài ra, còn có thể dùng rất nhiều tư liệu khác để minh họa, điều đó phải trông vào sự khơi gợi của từng người. Ví như nghệ thuật mắng người đã nói ở trên, nguyên tắc “cong thì còn nguyên”, chuyển một cái là mọi người bình tâm hòa khí, đôi bên yên ổn với nhau. Còn mắng người một cách vô cớ, đó thuộc về hành vi thô bạo, trái lại sẽ hỏng việc.

Con trai của Nghiêu, vú nuôi của Hán Vũ Đế

Trong lịch sử, ví dụ về “cong thì còn nguyên” rất nhiều, như chuyện Nghiêu Thuấn truyền ngôi. Con trai của vua Nghiêu tên là Đan Chu (dù là con vua, nhưng thời ấy chưa có danh xưng thái tử). Người ta nói Đan Chu bất tiếu, kém xa cha mình, thực ra cũng không có gì xấu lớn, chỉ là nghịch ngợm. Vua Nghiêu dùng đủ mọi cách để dạy dỗ, mà rốt cuộc vẫn không thành tài mấy. Một công tử con nhà thế gia, có tiền, có địa vị, có thế lực, xét về mặt giáo dục thì có cái ưu thế bẩm sinh, nhưng đồng thời cũng có cái khiếm khuyết bẩm sinh là khó dạy bảo. Tương truyền, vua Nghiêu vì con trai mình mà phát minh ra cờ vây (cờ vây chúng ta chơi bây giờ, chính là do vua Nghiêu phát minh ra), dùng nó để dạy con, rèn cho tâm tính con mình trở nên tỉ mỉ, tĩnh lặng. Nhưng Đan Chu về khoản đánh cờ cũng chẳng đạt đến trình độ quốc thủ, rốt cuộc vẫn vô hiệu. Vì vậy vua Nghiêu đem ngôi vị truyền cho Thuấn, sử sách gọi đó là “thiên hạ là của chung”. Về sau các sử gia cho rằng vua Nghiêu thật cao minh, vì thế mà có được đạo đức cao thượng nhất trong chính trị, đồng thời cũng là cách cao nhất để bảo toàn con cháu đời sau của chính mình. Nếu lúc ấy để Đan Chu lên ngôi làm vua, có lẽ sẽ ra oai làm phúc, ngược lại trở nên rất xấu, rất tàn bạo, thì con cháu đời sau của vua Nghiêu cũng có thể sẽ “chết không còn ai sống sót”. Ông đem thiên hạ truyền cho Thuấn, trái lại bảo toàn được con cháu mình, đây chính là đạo lý vận dụng cao nhất của “cong thì còn nguyên”.

Bây giờ, xin nêu thêm ba ví dụ lịch sử nữa:

> *(Một) Vú nuôi của Hán Vũ Đế từng phạm tội ở bên ngoài. Vua muốn thi hành pháp luật. Vú nuôi cầu cứu Đông Phương Sóc. Sóc nói: "Việc này không phải chuyện tranh cãi bằng môi lưỡi. Nếu bà nhất định muốn được cứu, lúc bị dẫn đi, chỉ cần liên tục ngoái nhìn hoàng thượng, chớ nói lời nào, như thế may ra còn hy vọng một phần vạn." Vú nuôi đến trước mặt vua, Sóc cũng đứng hầu bên cạnh, liền nói với bà: "Ngươi ngốc thật đấy! Hoàng thượng lẽ nào còn nhớ đến cái ơn ngươi cho bú thời thơ ấu ư!" Vua tuy tài giỏi, tính tình cứng rắn, nhưng trong lòng vẫn có chút lưu luyến tình xưa, bèn chạnh lòng thương xót, lập tức xuống chiếu tha tội.*

Sử Ký chép người cứu vú nuôi là Quách Xá Nhân, nhưng nay theo Thế Thuyết Tân Ngữ của Lưu Nghĩa Khánh và các sách khác ghi lại, thì nói đó là Đông Phương Sóc. Tôi tạm cho là Đông Phương Sóc, vì thấy thú vị hơn.

Về Hán Vũ Đế trong sử sách, có người nói ông là kẻ **"cùng binh độc vũ"** (hiếu chiến, lạm dụng vũ lực), sánh ngang Tần Thủy Hoàng, nhưng đồng thời cũng là một bậc minh chủ trong lịch sử. Hán Vũ Đế có một bà vú nuôi, từ nhỏ ông được bà nuôi lớn lên. Trong lịch sử, vú nuôi của hoàng đế thường hay sinh chuyện, vấn đề rất lớn, vì hoàng đế là con nuôi của bà, thế lực vô hình của người vú nuôi này đương nhiên rất cao, cho nên "thường phạm tội ở bên ngoài", hay làm những chuyện phạm pháp bên ngoài cung. "Vua muốn thi hành pháp luật", Hán Vũ Đế cũng biết chuyện, chuẩn bị y theo pháp luật mà trừng trị nghiêm khắc. Hoàng đế đã thật sự nổi giận thì vú nuôi cũng chẳng biết làm sao, đành phải cầu cứu Đông Phương Sóc, người nổi tiếng trước mặt Hán Vũ Đế là kẻ có thể đùa cợt, lý sự mà không sợ. Hán Vũ Đế khác với Tần Thủy Hoàng, ít nhất có hai người ông rất quý mến. Một là Đông Phương Sóc, thường hài hước, khôi hài, nói chuyện đùa với ông, khiến Hán Vũ Đế cười dở khóc dở. Nhưng Hán Vũ Đế rất quý ông ta, vì lời nói việc làm của ông đều có đạo lý. Người thứ hai là Cấp Ảm, phẩm hạnh đạo đức tốt, thường trước mặt Hán Vũ Đế mà cãi lại thẳng thừng, nói lời ngay thẳng, khiến Hán Vũ Đế không có đường xuống nước. Từ đó có thể thấy, vị hoàng đế này riêng với hai người này lại có thể dung nạp, trọng dụng, tuy chức quan không lớn lắm, nhưng lại rất thân cận, đối với bản thân ông thường có tác dụng điều hòa. Cho nên, Đông Phương Sóc trước mặt Hán Vũ Đế mới có quan hệ lớn đến vậy. Vú nuôi nghĩ mãi, không thể không cầu người khác. Hoàng đế muốn làm theo pháp luật, thực sự không thể xoay xở được, đành phải đến cầu ông nghĩ cách. Ông nghe lời vú nuôi xong, nói rằng: việc này không phải chuyện tranh cãi bằng môi lưỡi, vú nuôi ơi, hãy chú ý! Chuyện này chỉ dựa vào miệng lưỡi mà nói thì vô ích. Vì vậy, ông dặn dò vú nuôi rằng: "Nếu bà nhất định muốn được cứu, lúc bị dẫn đi, chỉ cần liên tục ngoái nhìn hoàng thượng, chớ nói gì cả, như thế may ra còn một phần vạn hy vọng!" Ý là, nếu bà thật sự muốn tôi giúp, và còn hy vọng giúp được, thì đợi khi hoàng đế ra lệnh trị tội bà, chắc chắn sẽ sai người lôi bà đi, lúc bị lôi đi, đừng nói bất cứ điều gì, hoàng đế bảo bà cút thì cứ cút, nhưng bà đi hai bước, hãy quay đầu nhìn hoàng đế, đi hai bước, lại quay đầu nhìn hoàng đế. Ngàn vạn lần không được cầu xin rằng: "Hoàng thượng! Thần là vú nuôi của ngài, xin tha cho thần!" Nếu không, đầu bà sẽ rơi. Bà đừng nói gì hết, chuyện cho hoàng đế bú sữa lại càng không được nhắc tới, "hoặc còn một phần vạn hy vọng!" Có lẽ vẫn còn một phần vạn cơ hội để giữ được mạng bà.

Đông Phương Sóc dặn dò vú nuôi xong xuôi như vậy, đợi đến khi Hán Vũ Đế cho gọi vú nuôi đến hỏi tội: "Ngươi ở bên ngoài làm bao nhiêu chuyện xấu như thế, thật đáng ghét!" rồi sai người kéo xuống trị tội. Vú nuôi nghe vậy, liền làm theo lời Đông Phương Sóc dặn, đi một hai bước lại quay đầu nhìn hoàng đế, nước mắt nước mũi chảy ròng ròng. Đông Phương Sóc đứng bên cạnh nói: bà già này thần kinh thật đấy! Hoàng đế đã lớn rồi, còn phải nhờ bà cho bú sao? Bà mau cút đi! Đông Phương Sóc vừa nói vậy, Hán Vũ Đế nghe xong trong lòng rất khó chịu, nghĩ đến việc mình từ nhỏ được bà nuôi lớn, nay lại phải trói bà đem đi chém đầu hoặc bỏ tù, trong lòng thật sự đau xót, lại nghe Đông Phương Sóc mắng như vậy, liền nói thôi vậy, tha cho ngươi lần này, sau này chớ có phạm lỗi nữa! "Vua chạnh lòng thương xót, lập tức xuống chiếu tha tội." Tạm thời giao cho người canh giữ, thế là xong.

Những chuyện như thế này, xem ra chỉ là một việc nhỏ trong lịch sử, nhưng từ việc nhỏ có thể suy ra việc lớn. Đó là lý do vì sao cái khôi hài của Đông Phương Sóc không phải là làm bừa. Ông dùng phương thức khôi hài, vận dụng nghệ thuật "cong thì còn nguyên", cứu được mạng vú nuôi của Hán Vũ Đế, đồng thời cũng tránh cho Hán Vũ Đế khỏi phải day dứt lương tâm về sau.

Giả sử Đông Phương Sóc chạy đến nói với Hán Vũ Đế rằng: "Hoàng thượng! Dù tốt hay xấu, bà ấy vẫn là vú nuôi của ngài, xin tha tội cho bà ấy!" thì hoàng đế lại càng nổi giận hơn. Có khi còn nói: "Vú nuôi thì sao, vú nuôi có ba cái đầu chắc?" Vả lại việc này liên quan gì đến ngươi, sao ngươi lại xin tội thay bà ta? Biết đâu tội của bà ta lại chính là do mưu kế xấu của ngươi bày ra! Đồng thời còn chém luôn cái miệng lưỡi hay nói của ngươi, thì chịu không nổi. Đông Phương Sóc làm như vậy, một mặt như đã thay hoàng đế nổi cơn giận, mắng bà già này thần kinh, dở hơi! Mắng một trận như thế, hoàng đế cũng thấy khó chịu trong lòng, cũng không cần phải xin tội thay bà nữa, hoàng đế tự mình hối hận, cũng không thể trách Đông Phương Sóc, vì Đông Phương Sóc đâu có xin hoàng đế tha cho bà, mà là chính hoàng đế tự mình tha cho bà, ơn huệ vẫn xuất phát từ hoàng đế, đây chính là "cong thì còn nguyên".

Đồ dâm của Lưu Bị, đao phủ của Tề Cảnh công

(Hai) Thời Tiên chủ (Lưu Bị) trời hạn hán, cấm dân tự ý nấu rượu. Có viên quan lục soát nhà dân, tìm được đồ dùng nấu rượu, định luận tội. Giản Ung cùng Tiên chủ đi dạo, thấy một người nam và một người nữ đi trên đường, liền nói với Tiên chủ: "Hai người kia định hành dâm, sao không bắt trói lại?" Tiên chủ hỏi: "Sao ngươi biết được?" Đáp rằng: "Vì họ có đủ đồ dùng để hành dâm đấy." Tiên chủ nghe xong cười lớn, việc ấy liền thôi.

Thời Tam Quốc, Lưu Bị làm hoàng đế ở đất Tứ Xuyên, gặp lúc trời hạn hán, tức mùa hè lâu ngày không mưa, để cầu mưa bèn ra lệnh cấm dân gian tự ý nấu rượu trong nhà, cũng giống như lệnh cấm giết mổ của chính phủ hiện nay vậy. Vì nấu rượu cũng lãng phí lương thực và nước, nên mới hạ lệnh cấm nấu rượu. Lệnh ban ra, các quan lại thi hành lại có sai lệch trong việc chấp pháp, có kẻ lục soát nhà dân tìm được đồ dùng nấu rượu cũ, cũng bắt phạt. Dân chúng tuy không hề nấu rượu, chỉ bị lục ra vài dụng cụ nấu rượu đã dùng từ trước, thì sao có thể coi là phạm pháp được? Nhưng bọn quan lại xấu khi thi hành, hễ có cơ hội liền "thừa dịp mà lộng quyền", bày trăm phương ngàn kế, chẳng những có thể lập công cầu thưởng, mà còn có thể mượn cớ đó để bức bách, tống tiền dân chúng, báo lên rằng nhà nọ nhà kia lục được dụng cụ nấu rượu, ắt phải gia hình, nhẹ thì phạt tiền, nặng thì bỏ tù. Tuy lệnh của Lưu Bị vốn không hề nói lục được dụng cụ nấu rượu thì phải trị tội, nhưng trời cao vua xa, dân chúng có oan ức cũng chẳng biết kêu vào đâu, khiến dân oán khắp nơi, có thể sẽ ủ thành loạn lạc. Giản Ung là anh vợ của Lưu Bị. Một hôm, hai người cùng đi dạo, nhân tiện thị sát, cùng ngồi chung một cỗ xe đang tiến về phía trước, Giản Ung liếc mắt thấy phía trước có một người nam và một người nữ đi cùng nhau trên đường, cơ hội đến rồi, liền nói với Lưu Bị: "Hai người này đang định gian dâm, nên bắt cả hai lại mà trị theo tội gian dâm." Lưu Bị nói: "Sao ngươi biết được hai người ấy định gian dâm? Lại không có chứng cứ, sao có thể xử bừa được?" Giản Ung đáp: "Vì trên người họ đều có đủ đồ dùng để gian dâm đấy!" Lưu Bị nghe xong cười ha hả nói: "Ta hiểu rồi, mau thả những người có dụng cụ nấu rượu ra đi." Đây lại là một màn hài kịch của "cong thì còn nguyên".

Khi một người đã nổi giận, tục ngữ có câu "giận thì không thể ngăn được, cái xấu thì không thể để lớn lên". Nhất là vào thời quân chủ chuyên chế thời cổ, khi hoàng thượng đã nổi cơn thịnh nộ, nếu muốn chặn cơn giận của ngài lại, thì hỏng việc, cơn giận ấy trái lại càng bùng lên dữ hơn. Không thể ngăn chặn được thì chỉ có cách thuận theo thế của nó, dùng "cong thì còn nguyên", chuyển một cái để hóa giải là xong. Đây là nói về đạo lý làm bề tôi, làm cán bộ cho người khác, nhất là làm cán bộ cấp cao, ắt phải khéo vận dụng. Trong lịch sử những câu chuyện thế này rất nhiều, chúng ta hãy xem câu chuyện thứ ba:

> *(Ba) Nước Tề có người đắc tội với Cảnh công, Cảnh công nổi giận lớn, sai trói người ấy đem đến trước sân điện, gọi tả hữu đến để phanh thây, ai dám can gián thì xử tử. Yến Tử tay trái nắm lấy đầu người ấy, tay phải mài dao, ngẩng đầu hỏi: "Đời xưa các bậc minh vương thánh chủ khi phanh thây người, chẳng hay bắt đầu từ chỗ nào?" Cảnh công vội rời khỏi chỗ ngồi nói: "Tha cho hắn đi, tội ấy là ở quả nhân."*

Thời Chu, vào thời Xuân Thu, Tề Cảnh công, sau thời Tề Hoàn công, cũng là một bậc minh chủ trong lịch sử. Ông có được nhà chính trị hạng nhất trong lịch sử là Yến Tử, tức Yến Anh, làm tể tướng. Lúc bấy giờ có một người đắc tội với Tề Cảnh công, Tề Cảnh công liền nổi trận lôi đình, bắt trói đem đến trước sân điện, định phanh thây người này ra từng khúc. "Phanh thây" thời xưa là chặt rời tay chân tứ chi, đầu và thân mình ra từng đoạn, vô cùng tàn khốc. Đồng thời Tề Cảnh công còn ra lệnh, không ai được can gián việc này, nếu có ai dám can gián thì cũng bị phanh thây như vậy. Lời hoàng đế nói ra chính là luật pháp. Yến Tử nghe xong, xắn tay áo lên, làm ra vẻ mặt rất hung dữ, cầm lấy dao lên, nắm lấy tóc người kia, vừa mài dao dưới đế giày, làm ra dáng vẻ như sắp tự tay giết chết người này để hả giận thay cho vua. Rồi từ từ ngẩng đầu lên, hỏi Cảnh công đang ngồi trên kia nổi giận rằng: "Bẩm tâu bệ hạ, thần xem xét hồi lâu, thật khó ra tay, hình như trong sử sách chép các bậc minh vương thánh chủ như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn Vương, khi phanh thây giết người, không thấy ghi rõ nên chặt phần nào trước mới đúng? Xin hỏi bệ hạ, đối với người này nên chặt từ đâu trước, mới có thể làm được như Nghiêu Thuấn giết người cho đẹp?" Tề Cảnh công nghe Yến Tử nói xong, lập tức tỉnh ngộ, tự nghĩ nếu mình muốn làm một bậc minh vương thánh chủ, thì sao có thể dùng cách tàn khốc như thế để giết người! Bèn nói với Yến Tử: "Thôi được! Thả hắn ra, ta sai rồi!" Đây lại là một chương khác của "cong thì còn nguyên".

Lúc ấy vì sao Yến Tử không quỳ xuống xin tội rằng: "Bệ hạ! Việc người này làm chẳng liên quan gì đến đại kế quốc gia, chỉ phạm một tội nhỏ, khiến vạn tuế gia nổi giận, đây không phải tội công, tội tư thì chỉ cần đánh hai trăm roi vào mông là được, cần gì phải giết hắn!" Nếu Yến Tử xin tội cho người ấy theo kiểu này, thì hỏng việc, rất có thể đổ thêm dầu vào lửa, người này ắt phải chết không tránh khỏi. Vậy vì sao Yến Tử lại giành lấy con dao trước, tự mình làm ra dáng vẻ của một tên đao phủ? Vì sợ bên cạnh Cảnh công có kẻ nào đó vô cớ, nghe chúa thượng muốn giết người liền cầm dao chém ngay, thì người này coi như mất mạng. Ông là bậc đại thần, đi trước một bước, cầm lấy dao, nắm lấy tóc, diễn trò một hồi lâu, rồi mới quay lại hỏi ông chủ, các bậc thánh minh hoàng đế xưa kia khi giết người, thường ra tay từ bộ phận nào trước? Thần không biết, xin bệ hạ chỉ dạy có phải chém từng nhát một không? Ý là muốn nói, làm sao ngài lại là một vị quân chủ như thế này, lại ra một mệnh lệnh như vậy được? Nhưng lúc đó ông không thể can gián thẳng thừng, nói toạc ra, trái lại sẽ khiến Cảnh công không có đường xuống nước, làm sự việc càng thêm tồi tệ. Cho nên ông mới dùng đến nghệ thuật can gián kiểu "cong thì còn nguyên" vậy!

Sau khi hiểu được đại khái những câu chuyện lịch sử này, có thể dùng làm chỗ tham khảo cho việc làm người xử thế trong đời. Trên đời có rất nhiều việc đều như vậy, ngay cả tình ruột thịt trong gia đình, đạo bạn bè, cũng đều như thế cả. Con người không thể không tu học, đọc sách rồi phải học để dùng, nhưng có lúc dù đọc sách nhiều, khi gặp chuyện thực tế, cơn nóng giận nổi lên, thì bao nhiêu sách đã đọc đều vứt bỏ hết, đó là chuyện không có cách nào tránh được.

Phương pháp giáo dục theo lối "khuất thì thẳng ra"

Tiếp theo, chúng ta lại dùng một câu chuyện lịch sử để giải thích đạo lý "khuất thì thẳng ra". Hán Văn Đế là một học trò giỏi nghiên cứu Lão Tử, cho nên khi giảng về tư tưởng học thuật Lão Trang, chúng ta đã dẫn khá nhiều chuyện của ông, giờ lại mượn thêm một câu chuyện lịch sử của ông nữa:

(Hán Văn Đế vừa lên ngôi, lập mẹ của thái tử là họ Đậu làm hoàng hậu. Đậu hậu có anh trai tên Trường Quân.) Người em trai tên Quảng Quốc, tự Thiếu Quân. Lúc nhỏ bị kẻ xấu bắt đem bán, chuyển qua hơn mười nhà chủ. Nghe tin Đậu hậu được lập, bèn dâng thư tự trình bày. Vua cho vời vào, tra hỏi xác minh, biết đúng sự thật, bèn ban thưởng hậu hĩnh ruộng nhà, tiền bạc, cho anh em Trường Quân lập nhà ở kinh đô Trường An. Giáng hầu (Chu Bột), tướng quân Quán Anh và những người khác bàn với nhau: "Bọn ta chưa chết, nhưng tính mạng lại coi như treo vào tay hai người này. Hai người xuất thân thấp kém, không thể không chọn thầy dạy và bạn bè tốt cho họ, nếu không, lại rập khuôn theo vết xe của họ Lã thì thành chuyện lớn." Thế là chọn những kẻ sĩ có tiết tháo, phẩm hạnh cho ở cùng, dạy dỗ hai anh em. Đậu Trường Quân, Đậu Thiếu Quân từ đó trở thành những bậc quân tử khiêm nhường, không dám cậy quyền quý mà kiêu ngạo với người khác.

Xã hội tông pháp thời xưa coi trọng con trưởng, con trai cả mới được nối ngôi hoàng đế, đó là tập tục truyền thống thời cổ. Mẹ của con trai cả của Hán Văn Đế mang họ Đậu, con trai được lập làm thái tử thì đương nhiên người mẹ cũng lên làm hoàng hậu (thời xưa hoàng đế có rất nhiều vợ, ai sinh con trai trước thì hy vọng con mình được lập thái tử càng lớn). Nhưng vị hoàng hậu họ Đậu này lý lịch gia đình không mấy vẻ vang, bà xuất thân nghèo hèn. Anh trai của hoàng hậu tên là "Trường Quân", còn có một người em trai tên "Quảng Quốc", còn gọi là "Thiếu Quân". Người em út nhà họ Đậu này số phận còn khổ hơn, lúc còn trẻ bị kẻ lừa gạt bắt đi bán mất, nhà này mua rồi lại bán sang nhà khác, chuyển tay hơn mười lần. Đến năm ngoài hai mươi tuổi, nghe tin chị mình đã làm hoàng hậu, liền viết thư gửi cho hoàng hậu, trình bày rõ mối quan hệ chị em ruột thịt giữa hai người. Đậu hoàng hậu nhận được thư, vừa mừng vừa nghi, không biết người viết thư này có đúng là đứa em bị lừa bán năm xưa hay không. Nhưng người em kể lại rõ ràng lúc nhỏ hai chị em từng sống chung, thương yêu nhau ra sao, đưa ra bằng chứng cụ thể, hoàng hậu mới tin đây thật sự là em ruột của mình. Vì những chuyện kể trong thư chỉ có hai chị em mới biết được. Từ đó nhận lại người thân, một bước lên mây, "ban thưởng hậu hĩnh ruộng nhà", tức là được ban cho rất nhiều ruộng vườn nhà cửa, "lập nhà ở Trường An", dọn đến sống ngay tại kinh đô, để chị em có thể thường xuyên gặp gỡ, hưởng niềm vui đoàn tụ gia đình.

Nhưng chúng ta đều biết, lịch sử nhà Hán vừa mở đầu đã gặp họa ngoại thích. Sở dĩ Hán Văn Đế lên được ngôi hoàng đế, chính là vì bà lão họ Lã của nhà Lưu gây loạn gặp trục trặc, ông mới có cơ hội lên ngôi. Sau khi Hán Cao Tổ qua đời, Lã Hậu nắm quyền, định diệt sạch dòng dõi họ Lưu, tức con cháu Hán Cao Tổ, để đưa con cháu bên nhà mẹ đẻ họ Lã lên làm hoàng đế. Cuộc chính biến gây họa lớn này, may nhờ những công thần cũ từng cùng khởi nghĩa với Lưu Bang là Chu Bột và Trần Bình bày mưu tính kế mới dẹp yên được. Chu Bột và Quán Anh đều là những tướng lĩnh từng theo Hán Cao Tổ Lưu Bang cùng dựng nghiệp, lập được công lao hãn mã. Hai người này lại thấy tình cảnh giữa hoàng hậu họ Đậu và anh em bà, liền liên tưởng đến chuyện Lã Hậu và họ Lã vừa mới xảy ra, bèn bàn với nhau rằng: bọn ta cùng Hán Cao Tổ ra tay dựng nghiệp, xông pha sống chết, cuối cùng giữ được mạng già, nay đã quá tuổi về hưu, sau này muốn giữ được thân mình, tính mạng an toàn. Nhưng xét tình hình hiện giờ, vận mệnh của chúng ta lại nằm trong tay hai chị em nhà họ Đậu. Hơn nữa hai anh em này xuất thân nghèo hèn, kiến thức, đạo đức, tu dưỡng đều thấp kém. Loại người như vậy, một khi bước lên vũ đài chính trị, trong tay có quyền lực, nếu trở nên tàn bạo thì còn tàn bạo hơn cả những người xuất thân trí thức. Chu Bột và Quán Anh, mấy nghìn năm trước, tuy xuất thân từ hàng ngũ quân đội, nhưng chỉ dựa vào kinh nghiệm sống cũng đã sớm nhìn ra rằng: người không được giáo dục tử tế, không có tư tưởng trung tâm đúng đắn, không có nền tảng học vấn sâu sắc, một khi ra nắm quyền, hậu quả thật khó lường. Có được tầm nhìn xa như vậy, quả thật hơn người, chẳng trách họ trở thành công thần khai quốc. Bàn bạc xong, biện pháp duy nhất chỉ có thể là trước hết giáo dục cho hai anh em đọc sách hiểu lẽ, "không thể không chọn thầy dạy và bạn bè cho họ". Cách cứu vãn duy nhất, vì lợi ích của hai anh em, vì lợi ích nhà họ Đậu, cũng vì lợi ích của tất cả các bậc lão thần cấp cao chúng ta, để sau này không còn bị hại oan, chỉ có cách giáo dục họ. Vì vậy họ thận trọng chọn ra một số

thầy giỏi, cùng một nhóm con em tử tế làm bạn với hai anh em, để dìu dắt họ bước vào con đường chính đạo. Chu Bột và những người khác cho rằng, nếu không làm như vậy, không bắt đầu từ giáo dục, "lại rập khuôn theo họ Lã", thì hai người này sau khi nắm quyền e sẽ học theo khuôn mẫu nhà họ Lã, như vậy quá nguy hiểm. "Bèn chọn kẻ sĩ có tiết tháo cho ở cùng", thế là tuyển chọn những người có học vấn, có đạo đức, có tiết tháo (người có học vấn chưa chắc phẩm hạnh đã tốt, nên phải thêm điều kiện có tiết tháo) làm bạn với hai anh em, đồng thời dạy họ đọc sách. Hai anh em nhà họ Đậu được sự giáo dục tử tế, từ đó trở thành những bậc quân tử khiêm nhường, không tranh giành với đời, thật là tốt biết bao! Trong hàng hoàng thân quốc thích, còn ai dám bắt nạt họ, mà bản thân họ cũng không bắt nạt ai. Là người thuộc hoàng thân quốc thích mà làm được như vậy, không cậy quyền quý mà kiêu ngạo, tự nhiên càng thêm cao quý! Hai anh em này về sau thành tựu học vấn, khác hẳn những người thân thích khác của hoàng đế, họ rất coi trọng học vấn, coi trọng đạo đức, tuyệt đối không cậy địa vị cao quý của mình mà ức hiếp, khinh mạn người khác, không cần đến sự ràng buộc của pháp luật vẫn biết tự trọng tự tôn. Chính nhờ có học vấn, có tu dưỡng như vậy, nên suốt đời Tiền Hán, dòng họ Đậu để phúc lâu dài, trở thành một thế gia vọng tộc. Đây chính là đạo lý của "khuất thì thẳng ra".

Thực ra, cách Chu Bột, Quán Anh xử lý việc này với chị em nhà họ Đậu cũng không hẳn công bằng, có thể nói là có chút tư tâm riêng. Họ làm vậy là vì sợ sau này bản thân bị hại oan, sợ mình bị gài bẫy, cho nên cũng chẳng phải đạo của bậc thánh nhân. Đạo thánh nhân là không tính đến lợi ích của bản thân, mà phải nghĩ cho số đông. Nếu cho rằng người như anh em Đậu Thiếu Quân, khi đã lên đến địa vị cao nhất, thì nên được giáo dục để trở thành nhân tài phục vụ đất nước, chứ không chỉ vì lợi hại riêng tư, thì đó mới là tấm lòng của bậc nhân đức. Đạo Khổng Mạnh dĩ nhiên phải như vậy, đạo Lão Trang cũng không ngoại lệ. Sử sách ghi lại rất rõ, động cơ của hai người này không phải vì nghĩ cho người khác, cũng không phải vì nghĩ cho quốc gia thiên hạ, mà chỉ vì lo cho tính mạng bản thân mình, có động cơ như vậy thì chỉ có thể gọi là một thủ đoạn quyền biến mà thôi. Nhưng thủ đoạn này đã đủ cao minh, đủ đẹp đẽ, trên thực tế cũng hợp với nguyên tắc "khuất thì thẳng ra" trong Đạo Đức Kinh của Lão Tử!

Câu chuyện "khuất thì thẳng ra" của Yến Tử dưới đây, là đạo lý "khuất thì thẳng ra" về mặt đạo đức:

> *Yến Tử (Yến Anh) nói với Tăng Tử rằng: Nay bánh xe vốn là gỗ thẳng trên núi. Người thợ giỏi uốn nó, khiến vòng tròn khớp đúng khuôn quy, dù sau có khô nứt cũng không trở lại hình cong ban đầu nữa. Cho nên người quân tử phải thận trọng trong việc uốn nắn dần dần. Ngọc bích họ Hòa vốn chỉ là đá thô trong giếng làng. Người thợ giỏi mài giũa nó, thì trở thành báu vật giữ nước, cho nên người quân tử phải thận trọng trong việc tu dưỡng bản thân.*

Yến Tử là bậc tiền bối của Tăng Tử, tự Bình Trọng, là người bạn thân thiết nhất của Khổng Tử, mà Khổng Tử cũng rất khâm phục ông. Có một lần (lúc đó Tăng Tử chắc còn ít tuổi, nên gọi ông là Thế Thúc), Yến Tử nói với Tăng Tử: "Nay bánh xe vốn là gỗ thẳng trên núi." Bánh xe thời cổ làm bằng gỗ, khác với bánh cao su thời nay. Bánh xe thì tròn, nhưng gỗ trên núi lại thẳng, không hề cong; "người thợ giỏi uốn nó, khiến vòng tròn khớp đúng khuôn quy", người thợ mộc giỏi đem khúc gỗ thẳng ra gia công, biến thành một vòng cong, sau khi đã đẽo gọt, vòng tròn ấy vừa vặn đúng khuôn quy, tròn trịa không sai lệch một chút nào.

"Dù sau có khô nứt cũng không trở lại hình cong ban đầu nữa!" Bản thân khúc gỗ, dù có chỗ khô nứt, hoặc có đốt lồi lên, hoặc có chỗ lõm xuống, hai tình trạng ấy đều là khuyết điểm của gỗ, nhưng sau khi qua tay người thợ đẽo gọt, "không trở lại hình cong ban đầu nữa!" Khúc gỗ này, nếu còn khuyết điểm mà đem làm bánh xe, phải chở vật nặng, thì làm sao chịu nổi! Nhưng sau khi được người thợ chỉnh sửa kỹ càng, nó không còn khuyết điểm nữa, mới có thể phát huy tác dụng vững chắc.

"Cho nên người quân tử phải thận trọng trong việc uốn nắn dần dần." "Uốn nắn dần dần" nghĩa là gì? Là từ từ, từng chút một. Cho nên nói, muốn học thành một người quân tử, phải cẩn thận, dốc sức vào học vấn tu dưỡng, ngày ngày mài giũa từng chút để thành tài, cũng như người thợ mộc làm bánh xe vậy, cứ từ từ đẽo gọt, bình thường chưa thấy hiệu quả gì, đợi đến khi thành phẩm hoàn tất, hiệu quả mới hiện ra, lúc đó mới thấy được thành tựu. Cái gọi là "thận trọng uốn nắn dần dần" chính là làm việc từ từ, dần dần, lặng lẽ, không hấp tấp. Đây là lời Yến Tử dạy Tăng Tử rằng, học vấn đạo đức tu dưỡng trong đời người, không thể một sớm một chiều mà thành tựu được.

Ý niệm thứ hai, "ngọc bích họ Hòa". Trong lịch sử Trung Quốc, đó là một khối đá quý lớn, tức viên ngọc mà Lạn Tương Như từng mang đến gặp Tần Chiêu vương trong tích **"hoàn bích quy Triệu"** (mang ngọc bích trả về nước Triệu nguyên vẹn). Nguyên là người thợ ngọc nước Sở tên Biện Hòa, quan sát thấy trên núi Kinh Sơn có một tảng đá lớn, đoán chắc bên trong ẩn chứa một khối ngọc quý. Ban đầu chẳng ai tin, còn cho rằng ông nói dối lừa người, Biện Hòa vì thế còn bị trừng phạt, bị chặt cụt cả hai chân. Về sau sự thật chứng minh, bên trong quả thật có ngọc, lập tức trở thành báu vật vô giá. Biện Hòa thật oan uổng biết bao! Nhưng khối ngọc quý này, khi chưa được đục mở ra, cũng chỉ là một hòn đá thô mà thôi. Cũng như kẻ nhà quê, cuộc sống túng quẫn, lên núi tìm đá, đi tìm ngọc, nếu nhìn trúng ngay, đục ra thấy có ngọc bên trong, thì phát tài. Việc này cũng giống như người nghèo ra bãi cát đãi vàng vậy. Nhưng dù tìm đúng được đá rồi, vẫn phải qua tay người thợ giỏi mài giũa, chế tác thành phẩm vật quý báu, thì tảng đá ấy mới trở thành "báu vật giữ nước", tượng trưng cho báu vật lớn bảo toàn cả một đất nước. Nó vốn chỉ là một hòn đá vô dụng trong núi, đến trâu dê cũng có thể phóng uế lên trên, đợi đến khi được đào lên, qua bàn tay người thợ đẽo gọt chỉnh sửa, mới trở thành "báu vật giữ nước". Dẫn câu chuyện này để ví von với câu "cho nên người quân tử phải thận trọng trong việc tu dưỡng bản thân". Một người bình thường, muốn trở thành bậc thánh nhân, hay muốn gây dựng một sự nghiệp, ở đâu cũng cần đến học vấn, đạo đức, kiến thức, tài năng, nhưng phải xem bản thân mình thường ngày học gì, tu dưỡng gì, chú tâm vào điều gì? Đây chính là minh họa cho một tác dụng của "khuất thì thẳng ra".

Sức hút của da chồn, da báo

Nói tiếp câu chuyện "trũng thì đầy":

> *Thời Tấn Văn công, có người Địch dâng lên tấm da chồn lớn và da báo có hoa văn đẹp. Tấn Văn công thở dài than rằng: "Chồn lớn, báo hoa có tội tình gì đâu? Chỉ vì bộ da của chúng mà mang họa." Đại phu Loan Chi nói: "Đất đai rộng mà phân chia không đều, của cải chất đống mà không phân phát, chẳng phải cũng như tội của chồn báo hay sao?" Tấn Văn công nói: "Hay lắm! Ngươi nói tiếp đi." Loan Chi nói: "Đất đai rộng mà phân chia không đều, dân sẽ tự đứng ra san bằng. Của cải chất đống mà không phân phát, dân sẽ tranh giành nhau." Thế là vua bèn chia đất cho dân, phát của cải cứu tế người nghèo.*

"Trũng thì đầy", nước vốn có tính chảy xuống thấp, hễ chỗ nào trũng thì dòng nước tụ về ắt nhiều, dễ đầy tràn nhất. Thời Xuân Thu, Tề Hoàn Công và Tấn Văn công đều là hai trong số ngũ bá. Nhưng "bá chủ" thời Xuân Thu không giống bá vương kiểu Hạng Vũ về sau tự xưng là "Tây Sở Bá Vương". Cái gọi là "bá vương" đời sau phải tương đương với các cường quốc dân chủ trên thế giới hiện nay, có sức mạnh quân sự ghê gớm và uy tín chính trị đặc biệt trên trường quốc tế. Đặc biệt Tấn Văn công là bá chủ thứ hai thời Xuân Thu, mà biến cố gia đình ông từng gặp phải lại vừa giống vừa khác với Tề Hoàn Công. Ông vì mẹ kế tranh giành quyền lực mà gặp biến cố, phải trốn chạy ra nước ngoài, nếm trải đủ mọi gian nan hiểm nguy, chịu đủ khổ sở, có lúc đói đến mức suýt mất mạng, lưu vong mười chín năm, tích lũy được vốn sống phong phú, cuối cùng khôi phục lại nước, vì vậy nước Tấn trong tay ông mới trở thành một bá chủ. Khi ông đã làm bá chủ, ở đất Địch (nay thuộc Sơn Đông), có một người dân đến dâng "tấm da chồn lớn và da báo có

hoa văn", cống nạp cho Tấn Văn công một con chồn to lớn, ít nhất cũng bảy tám trăm năm tu luyện, đã thành tinh, rốt cuộc vẫn không tránh khỏi kiếp nạn này, bị người ta bắt giết, lấy được một tấm da lớn. Thời xưa, áo làm bằng da chồn gọi là áo cừu, là loại vải hạng nhất, vô cùng quý giá, dân thường không có tiền mà mặc, không đủ tư cách và tiền của để sắm. Cho nên có được tấm da chồn quý giá đặc biệt như vậy, tất nhiên phải đem dâng lên vua. Còn tấm da báo kia cũng có hoa văn màu sắc đặc biệt, đều là loại da thượng hạng. Tấn Văn công nhận được món quà quý giá này từ dân chúng dâng lên, vì bản thân từng lưu vong nhiều năm, nếm trải đủ mọi gian khổ, nên sau khi nhìn thấy, không khỏi sinh lòng cảm khái, thở dài than rằng: "Chồn lớn, báo hoa có tội tình gì đâu, chỉ vì bộ da của chúng mà mang họa." Chồn lớn lên cũng chẳng phạm pháp gì, báo có bộ lông đẹp cũng chẳng phạm pháp gì, loài vật có tội gì đâu? Nhưng hai con vật này lại bị người ta giết chết, chỉ vì bộ lông của chúng đẹp quá, nên mới khó tránh khỏi tai họa giáng xuống!

Lúc đó, một vị công thần từng theo ông lưu vong nhiều năm, là đại phu tên Loan Chi, nghe Tấn Văn công than thở như vậy, liền tiếp lời: "Đất đai rộng mà phân chia không đều, của cải chất đống mà không phân phát, chẳng phải cũng như tội của chồn báo hay sao?" Mấy câu này là lối chơi chữ hai nghĩa rất khéo, ý ông muốn nói: "Một nước có đất đai rộng lớn (thời Xuân Thu dân số rất ít, đất chưa khai khẩn còn nhiều), của cải trong nội phủ (cung đình) nhà vua lại nhiều đến vậy, nhưng dân chúng vẫn không có cơm ăn. Chẳng phải cũng đáng sợ như hai con chồn, báo bị giết kia hay sao?" Câu nói của Loan Chi rất hóm hỉnh, nói cách khác, lời ông nói lúc đó cũng như thoại đầu của các vị tổ sư Thiền tông đời sau, đều có giá trị nhìn từ nhiều mặt, phải có khả năng lĩnh hội cao, có tài nghe được ẩn ý sau lời người khác nói, mới hiểu nổi. Những người như Tề Hoàn Công, Tấn Văn công, Hán Cao Tổ đều là bậc thầy trong việc nghe hiểu ẩn ý sau lời nói khoa trương của người khác, tự nhiên trong lòng đã rõ. Lời Loan Chi cũng có thể hiểu là: đất nước ta rộng lớn như vậy, mà của cải trong hoàng cung riêng của ngài lại nhiều đến thế, "phúc là chỗ dựa của họa", biết đâu có ngày cũng như tấm da chồn, da báo kia, rơi vào tay người khác! Mấy câu này rất khó giải thích, rất khó diễn đạt rõ ràng, nếu dịch thẳng ra bạch thoại thì mất hết vẻ đẹp hàm súc, đây chính là lý do cổ văn tự thành một lối lô-gích văn học riêng. Vì sao cổ văn không nói thẳng ra? Nếu dùng giọng điệu bạch thoại hiện nay mà nói hết ra, thì chẳng khác gì đứng trong nhà tắm nhìn thân thể trần trụi, thấy hết mọi thứ, chẳng còn chút dư vị nào. Hơn nữa xét về nghệ thuật ăn nói, nói quá thẳng thì thành ra xúc phạm, tuyệt đối không được, không hợp với nguyên tắc "cong thì còn nguyên". Cùng một ý nghĩa, qua sự trau chuốt của ngôn ngữ văn tự, có thể trở thành lời trách móc, cũng có thể trở thành lời ví von. Đừng cho rằng văn chương chỉ là văn chương mà thôi, người xưa nói chuyện chưa chắc đã thật sự nói kiểu đó. Theo kinh nghiệm của tôi, tôi biết các bậc tiền bối khi nói chuyện, quả thật nói theo lối như vậy, vì lúc nhỏ tôi từng nghe các bậc tiền bối nói chuyện, lời họ thốt ra đều văn nhã, có phong độ. Bản thân tôi học hành chưa đến nơi đến chốn, nghe họ nói chuyện nhiều khi còn nghe sai, không như cách nói chuyện thông thường bây giờ, chẳng còn chút dư vị nào. Ví dụ: "tốt lắm! tốt lắm!" lại cứ phải nói thành **"thiện tai! thiện tai!"** (hay lắm! hay lắm!). Vì sao lại như vậy? Vì người xưa cho rằng lời nói nếu không qua trau chuốt, thì không đủ để thể hiện sự tu dưỡng học vấn. Ngày nay nếu dùng những từ ngữ như thế, nói năng uyển chuyển, lại bị người ta giễu cợt là "nhai chữ nhá câu".

Tấn Văn công là người thông minh biết bao, ông nhìn thấy da chồn da báo mà sinh lòng cảm khái, lại thêm người thân cận bên cạnh tiếp lời "chẳng phải cũng như tội của chồn báo hay sao?" Tấn Văn công liền nói: "Hay lắm! Ngươi nói tiếp đi!" Ý là: tốt! Đạo lý ngươi nói rất đúng, ngươi cứ nói thẳng đạo lý mình muốn nói cho trọn vẹn đi! Đừng úp úp mở mở, có gì phải e ngại nữa!

Loan Chi nói: "Đất đai rộng mà phân chia không đều, dân sẽ tự đứng ra san bằng; của cải chất đống mà không phân phát, dân sẽ tranh giành nhau." Ý là: ngài không quân bình quyền sở hữu ruộng đất, không đem những vùng đất chưa khai khẩn phân cho dân cày cấy, thì sau này sẽ khiến dân chúng bất mãn, người khác sẽ tự đứng ra chia lại. Của cải trong cung đình ngài nhiều như vậy, không đem ra mưu phúc lợi cho xã hội, thì sau này sẽ có người lấy đi kho báu

trong hoàng cung của ngài. Tấn Văn công nói: ngươi nói hoàn toàn đúng! Vì vậy lập tức thực hiện cải cách chính trị, "thế là vua bèn chia đất cho dân, phát của cải cứu tế người nghèo." Đây chính là đạo lý "trũng thì đầy".

Chúng ta lại kể thêm một câu chuyện "trũng thì đầy" nữa:

> *Tấn Văn công hỏi Cữu Phạm về đạo trị nước. Cữu Phạm đáp: "Chia thịt chín không bằng chia thịt sống, chia thịt sống không bằng chia đất, cắt đất chia cho dân mà còn tăng thêm tước lộc cho họ, vì vậy khi trên có đất thì dân biết là giàu, khi trên mất đất thì dân biết là nghèo. Cái mà người xưa gọi là khích lệ quân sĩ ra trận, có lẽ chính là nói đến điều này chăng?"*

"Cữu Phạm" là tên một người, đừng hiểu "cữu" nghĩa là lỗi lầm, "phạm" nghĩa là phạm tội, nếu giải thích như vậy thì hỏng bét (cười). Cữu Phạm và Loan Chi đều là những cán bộ cấp cao bên cạnh Tấn Văn công, và đều là những người từng cùng Tấn Văn công lưu vong mười chín năm, chịu đủ khổ sở. Một hôm, Tấn Văn công cùng ông bàn về đạo trị nước, Cữu Phạm đáp: "Chia thịt chín không bằng chia thịt sống, chia thịt sống không bằng chia đất, cắt đất chia cho dân mà còn tăng thêm tước lộc cho họ, vì vậy khi trên có đất thì dân biết là giàu, khi trên mất đất thì dân biết là nghèo." Ý Cữu Phạm muốn nói: ngài cần phân phối đồng đều, hợp lý về mặt kinh tế, tài chính. Ví như chia một miếng thịt, nấu chín rồi mới chia thì không bằng chia thịt sống. Lấy một miếng thịt heo sống chia cho người ta, năm cân cũng được, mười cân cũng được, người nhận được thịt muốn kho, muốn hầm tùy ý, tiện lợi hơn nhiều; còn nếu nhất định phải nấu chín, thái lát rồi mới chia cho người ta, thì người ta buộc phải ăn thịt luộc thái sẵn mà thôi! Như vậy chẳng khác nào áp đặt ý muốn của mình lên người khác! Đó là ý nghĩa của việc chia thịt sống hơn chia thịt chín, dùng lối lập luận ví von. Lại nữa, chia thức ăn cho người ta không bằng chia đất để người ta tự cày cấy còn hơn. Nói cách khác, tốt nhất là đem tài sản riêng của vương thất, tức đất đai, quân bình quyền sở hữu, phân chia cho dân chúng, rồi "tăng thêm tước lộc cho họ", không chỉ chia đất cho dân để đời sống họ được yên ổn, mà còn giao cho họ chức vụ thích hợp, để họ có việc mà làm. Như vậy, tài sản của mình tuy đã chia cho dân chúng, về hình thức có vẻ như đã mất đi, nhưng thực ra dân chúng giàu có lên, cũng chính là vương thất, quốc gia giàu có lên. "Vì vậy khi trên có đất thì dân biết là giàu, khi trên mất đất thì dân biết là nghèo." Hai câu này lại mang hàm ý gì? Vì nếu chẳng may có kẻ địch đến xâm phạm, toàn dân cả nước không cần chờ lệnh, tự nhiên sẽ đứng lên chiến đấu, nếu lãnh thổ chung của chúng ta bị địch chiếm mất, thì ai nấy đều mất hết. Thế nào là "khích lệ quân sĩ ra trận"? "Khích lệ quân sĩ" là không cần chờ lệnh ban xuống, dân chúng tự động đứng lên động viên nhau, vì tai họa của đất nước cũng chính là tai họa của chính người dân, đó là hàm ý của việc "khích lệ quân sĩ ra trận", đồng thời cũng minh họa cho nguyên lý "trũng thì đầy".

Chúng ta vừa tốn khá nhiều thời gian công sức để giải thích đạo lý của mấy câu này, dưới đây lại kể thêm một câu chuyện lịch sử nữa, để minh họa cho "cũ thì mới".

Triệu Giản Tử nói với các tả hữu: "Nệm xe đẹp quá mức. Mũ tuy rẻ, nhưng đầu ắt phải đội nó. Giày tuy quý, nhưng chân ắt phải giẫm lên nó. Nay nệm xe đẹp đến thế, ta biết lấy gì mà giẫm lên nó đây. Cái đẹp ở dưới mà hao tốn ở trên, chính là làm hại cái gốc của đạo nghĩa vậy."

Triệu Giản Tử cũng là một trong những nhà chính trị lớn thời Chiến Quốc, "nói với các tả hữu: nệm xe đẹp quá mức". Ông thấy những người bên cạnh, như các quan lại hoặc thị tùng, đều làm chiếc nệm lót trong xe của ông quá cầu kỳ, nói theo cách bây giờ là tấm thảm quá đẹp, vì vậy ông rất không vui, nói với những người bên cạnh: sao lại bày biện trong xe của ta đẹp đẽ, quý giá đến thế! Mũ dù có xấu đến đâu vẫn phải đội trên đầu. Giày dù có quý đến đâu vẫn phải mang dưới chân, giẫm lên mặt đất. Nay các ngươi trải trong xe tấm thảm đẹp như vậy, thì ta phải mang đôi giày

nào mới giẫm lên được tấm thảm này, để cho sự quý giá lại càng thêm quý giá đây! Cho dù có đổi một đôi giày quý giá hơn, ta cũng chẳng thể quay về xin mẹ ta đổi cho một đôi chân đẹp để mang đôi giày tốt này được! Vậy biết làm sao! "Cái đẹp ở dưới mà hao tốn ở trên, chính là làm hại cái gốc của đạo nghĩa vậy." Hai câu này cũng như thoại đầu trong tham thiền, người ta chỉ lo trước mắt, không nghĩ đến tương lai, cho nên "đẹp ở trên mà hao tốn ở dưới" cũng đồng dạng vô lý như vậy, đó không phải là cái gốc của đạo đức. Ông bèn ra lệnh dẹp bỏ tấm thảm đẹp đẽ ấy đi, giữ lại vẻ mộc mạc vốn có, như thế mới mãi mãi luôn mới.

Chúng ta dẫn các câu chuyện lịch sử để minh họa tác dụng của mấy câu này trong sách Lão Tử, giúp mọi người hiểu rõ nguyên tắc trong hành vi, trong cách làm người xử thế. Một người làm người làm việc, dù việc lớn hay việc nhỏ, nhất định phải nắm vững tinh thần Đạo gia, tức mấy nguyên tắc "cong thì còn nguyên", "khuất thì thẳng ra", "trũng thì đầy", "cũ thì mới" mới được. Đây là nghệ thuật sống của đời người, muốn xử lý cuộc sống, sự nghiệp tương lai của mình sao cho bình an mà vẫn có dư vị, thì nên nắm vững những nguyên tắc này. Mà bốn nguyên tắc ấy, quy về căn bản, đều chỉ là sự mở rộng của "cong thì còn nguyên" mà thôi.

Có được phú quý thì mất đi niềm vui

Tiếp theo, để mở rộng thêm lời răn tích cực của đạo lý "cong thì còn nguyên", Lão Tử nói ra câu danh ngôn "ít thì được, nhiều thì mê lầm". Vào thời cuối Thanh đầu Dân Quốc, có một thương nhân người Sơn Tây, buôn bán rất lớn, của cải rất nhiều, nhưng người này suốt ngày phải tự mình gảy bàn tính, tự tay quản lý sổ sách. Tuy đã thuê thầy kế toán, nhưng sổ cái vẫn phải tự mình tính, ngày nào cũng gảy bàn tính đến tận khuya, nằm xuống lại không ngủ được, tuổi tác lại cao, dĩ nhiên lòng đầy phiền muộn khổ sở. Sát ngay bức tường cao nhà ông, lại có một nhà rất nghèo, hai vợ chồng sống bằng nghề làm đậu phụ, sáng nào cũng dậy thật sớm xay đậu, nấu sữa đậu, làm đậu phụ, đôi vợ chồng nghèo mà vui, nói cười rôm rả, sống rất hạnh phúc. Còn vị phú thương kia thì vẫn chưa ngủ được, vẫn đang tính sổ, đầu óc quay cuồng hoa mắt. Bà vợ ông phú thương liền nói: "Ông ơi! Xem ra vợ chồng mình sống chán quá! Chẳng bằng đôi vợ chồng bán đậu phụ bên cạnh, họ tuy nghèo mà sống thật vui." Ông phú thương nghe vợ nói vậy, liền bảo: "Chuyện đó có gì khó, ngày mai tôi sẽ làm cho họ cười không nổi." Thế rồi ông mở ngăn kéo, lấy ra một thỏi vàng nặng mười lạng, ném qua tường sang bên kia. Hai vợ chồng nọ đang làm đậu phụ, vừa hát vừa cười nói, nghe trước cửa có tiếng "phịch" một cái, thắp đèn ra xem, thấy dưới đất bỗng dưng có một thỏi vàng, tưởng là trời ban cho của cải bất ngờ, liền lặng lẽ nhặt về, chẳng dám cười nữa, càng không muốn hát nữa, tâm trạng thay đổi hẳn. Họ nghĩ bụng: trên trời rơi xuống vàng, biết làm sao đây! Đây hẳn là trời ban cho mình, không thể để lộ ra cho người khác biết, nhưng lại không có chỗ nào cất giấu cho ổn (thời đó dĩ nhiên chưa có két sắt), để dưới gối thì ngủ không yên, để trong lu gạo cũng chẳng an tâm, cho đến sáng đậu phụ cũng chưa xay xong, thỏi vàng cũng chưa cất giấu xong. Hôm sau, hai vợ chồng họp bàn với nhau, lần này phát tài rồi, không muốn bán đậu phụ nữa, tính đi đâu mua một căn nhà, nhưng của cải bỗng dưng có được như vậy, lại rất dễ khiến người ta hiểu lầm là ăn cắp mà có, bàn tính như thế suốt ba ngày ba đêm, cách này cũng không ổn, cách kia cũng không xong, vẫn chưa tìm ra cách nào tốt nhất, ban đêm ngủ cũng không yên giấc, dĩ nhiên từ đó cũng không còn nghe tiếng cười nói, tiếng hát của đôi vợ chồng ấy nữa! Đến ngày thứ ba, vị phú thương nói với vợ: "Bà xem! Họ hết cười hết hát rồi phải không!" Cách làm chỉ đơn giản như vậy thôi.

Người nghèo chưa từng thấy nhiều tiền, cũng chưa từng trải qua những ngày giàu có, cứ tưởng giàu có thì tốt lắm, nghĩ rằng của cải càng nhiều thì càng vui vẻ, hạnh phúc. Ngày xưa, những nhà nghèo sống ở ven biển thật đáng thương, quanh năm suốt tháng chỉ ăn chút khoai lang khô, trộn thêm ít gạo lứt nấu cháo, ngoài ra chỉ có chút cá mặn ướp đến bốc mùi, coi như món ăn kèm. Thỉnh thoảng được ăn chút rau xanh, đậu phụ, đã coi là một sự hưởng thụ lớn. Từng có một người nghèo lập nguyện lớn rằng, nếu sau này tôi có tiền, ngày nào cũng phải được ăn rau xanh, đậu phụ,

thế mới thỏa đáng, đó chính là ước vọng cao nhất trong đời ông ta! Ông đâu biết rằng, với người có tiền, ăn rau xanh, đậu phụ chẳng là chuyện gì to tát, còn ông lại tưởng rau xanh, đậu phụ là món ngon nhất trên đời. Nhưng mà, mấy ai thực sự hiểu được rằng, hiểu biết càng nhiều thì phiền não càng lớn, của cải càng nhiều thì đau khổ càng sâu! Cho nên kinh Phật gọi phiền não là **"phiền hoặc"** (nghĩa là phiền não khiến tâm mê hoặc), càng nhiều phiền não thì tâm trí càng mê muội, rối loạn.

"Thị dĩ thánh nhân bão nhất vi thiên hạ thức" (vì vậy thánh nhân ôm giữ Một (Đạo) làm khuôn mẫu cho thiên hạ). Lão Tử nói: từ xưa đến nay, người có đạo, tức là bậc thánh nhân, ắt phải "ôm giữ Một mà làm khuôn mẫu cho thiên hạ", giữ vững kiên định, không lay chuyển, bám chắc lấy một nguyên tắc để tự xử thế. Nhưng, "Một" ở đây là gì? "Một" chính là đạo. Phần sau sẽ có giải thích, ở đây tạm để đó. Nói tóm lại, ý ông muốn nói con người sống ở đời, làm người làm việc, phải có một chuẩn mực, chẳng hạn như rất nhiều bạn trẻ ngày nay lại không như vậy. Hỏi họ nhân sinh quan là gì, họ đều mờ mịt không biết trả lời ra sao. Rất nhiều bạn học xong đại học, thậm chí có bằng thạc sĩ, tiến sĩ, khi nói đến nhân sinh quan của mình, đều bảo vẫn chưa xác định được. Anh làm thợ mộc thì cứ làm thợ mộc, làm thợ hồ thì cứ làm thợ hồ, làm hoàng đế với làm thợ hồ chỉ khác nhau ở nghề nghiệp, còn nhân cách thì vẫn như nhau. Con người cần xác định một mục tiêu sống, xác định rõ mình muốn làm gì. Muốn làm một học giả, thì phải chuẩn bị tinh thần sống nghèo cả đời, nếu vừa sợ nghèo lại vừa muốn làm học giả, thì gần như không thể vẹn cả đôi đường. Nhưng nhân sinh quan thì bao giờ cũng phải có một mục tiêu xác định mới đúng. Cho nên "thánh nhân ôm giữ Một mà làm khuôn mẫu cho thiên hạ" là điều cực kỳ quan trọng.

Thuật lãnh đạo "bốn không"

Tiếp sau nguyên tắc "ôm giữ Một" ấy, Lão Tử lại nói: **"Bất tự kiến, cố minh; bất tự thị, cố chương; bất tự phạt, cố hữu công; bất tự căng, cố trưởng"** (không tự phô trương, nên được sáng; không tự cho là đúng, nên được tỏa sáng; không tự khoe công, nên có công; không tự cao, nên mới trưởng thành). Đạo lý dạy người của Lão Trang bên Đạo gia, với Phật gia, Nho gia, hầu như đều giống nhau cả. Chỉ khác là Phật gia, Nho gia nói theo hướng chính diện, còn Lão Trang bên Đạo gia lại nói theo hướng phản diện. Cách nói phản diện có ý nghĩa sâu sắc, không chỉ sâu sắc mà còn có tác dụng gợi mở hơn. Bởi vì Phật gia và Nho gia nói theo hướng chính diện, nên thường biến thành lời răn dạy mang tính giáo điều, ngược lại khiến người ta sinh lòng chống đối. Còn cách nói của Lão Trang bên Đạo gia lại hợp với tác dụng của "cong thì còn nguyên", nên dễ khiến người ta chấp nhận hơn.

"Bất tự kiến, cố minh." Con người vốn cần luôn tự xét lại bản thân, phải biết tự nhìn thấy chính mình mới tốt, vậy tại sao ở đây lại nói "không tự thấy nên sáng"? Ý nói ở đây là con người không nên cố chấp vào thành kiến chủ quan của mình, hễ cố chấp vào thành kiến chủ quan, thì cũng giống như "sở tri chướng" mà nhà Phật nói, trở thành tự che lấp chính mình! Vì đã có thành kiến chủ quan, thì không thể tiếp nhận được những điều khách quan, cho nên mới nói "không tự thấy nên sáng". Đặc biệt với người làm lãnh đạo, ngàn vạn lần không được để phạm phải sai lầm này một cách dễ dàng, chẳng hạn một ông chủ, một chủ tịch hội đồng quản trị của công ty, một khi sự nghiệp thành công, thì không được đắc ý quên mình, phải có được cái "không tự thấy" ấy, mới càng thêm sáng suốt hiểu rõ sự lý. Có người nói, Lão Trang là môn học của bậc đế vương, là thuật lãnh đạo vĩ đại, có lẽ chỗ cốt yếu chính nằm trong những câu chí lý này. Khi làm người lãnh đạo quần chúng, ngàn vạn lần không được có cái "tự thấy" ấy, cần lắng nghe nhiều ý kiến của người khác, gom hết trí tuệ của mọi người thành trí tuệ của chính mình, thì trí tuệ của anh sẽ càng lớn hơn. Như vậy mới hợp với đạo lý "không tự thấy nên sáng".

"Bất tự thị, cố chương." "Tự thị" với "tự kiến" gần như cùng một đạo lý, nhưng giống mà vẫn có chỗ khác. "Tự thị" là chủ động cho rằng mình nhất định đúng, mình tuyệt đối không sai. Chẳng hạn người thời nay thích trích lời

Napoléon nói: "Trong từ điển của tôi không có chữ khó." Nghe qua tưởng như rất khí phách, nhưng kỳ thực Napoléon quá "tự thị". Tên ông phiên âm sang chữ Hán là 拿破仑 (Nã Phá Luân), và người Hoa hay chơi chữ đọc trại thành 拿破了轮 (nắm vỡ luôn bánh xe), ý nói bánh xe vận mệnh của ông rốt cuộc cũng gãy, kết cục vẫn là thất bại. Người ta chỉ trích câu nói của Napoléon, mà không nhìn vào cả cuộc đời ông, ông chẳng qua cũng chỉ là một nhân vật như Hạng Vũ, không có nội hàm của một thành công thực sự. Từ điển của ông không có chữ khó, đó chính là "tự thị". Cho nên, thành công quả thật rất khó, con người không "tự thị" thì mới có thể mở mang, làm rạng rỡ được sự nghiệp lớn.

"Bất tự phạt, cố hữu công." "Tự phạt" là cách nói khác của việc tự khoe khoang bản thân. Người có công lao thích khoe công, đó gần như là chuyện thường tình của con người. Đặc biệt rất nhiều bạn trẻ rất dễ mắc phải cái tật này, tuy chỉ làm được một chút việc, đã muốn người khác khen ngợi, muốn được động viên khích lệ. Tôi thường lấy chuyện này làm đề tài để quan sát các bạn trẻ, xem họ có thể giữ được bình tĩnh trong bao lâu. Có người giữ được vài ngày, nhưng qua thêm mấy hôm nữa là trong lòng không nhịn được nữa, nghĩ rằng mình đã làm việc này lâu như vậy rồi, mà ông chủ hình như chẳng hề hay biết, thế là phải tìm cách thể hiện ra cho người ta thấy. Người thực sự có tu dưỡng thì phải "không tự khoe công", có công cũng như không có công. Người bên Nho gia thường lấy vua Nghiêu, vua Thuấn làm gương, gọi là "công trải khắp thiên hạ", "công lớn với quốc gia", mà bản thân hai vị lại cứ như chẳng làm gì cả, càng thêm khiêm nhường, cứ như mình chẳng có công lao gì. Đó mới là mức cao nhất của "không tự khoe công", và dĩ nhiên sẽ không thể chôn vùi được cái danh tiếng công lao thực sự lớn lao, đức vọng cao dày của anh, bởi vì người sáng suốt trong thiên hạ vẫn còn rất nhiều.

"Bất tự căng, cố trưởng." "Tự căng" cũng chính là điều ngày nay gọi là lòng tự trọng, nói cho hay thì gọi là tự trọng, nói cho thẳng thì gọi là kiêu ngạo. Tự trọng với kiêu ngạo gần như là cùng một tâm thái, nhưng dùng vào chỗ khác nhau, hiệu quả cũng khác nhau. Chẳng hạn, đi trên phố, thấy tiền của người khác rơi, rất muốn nhặt lên, nhưng lại không dám nhặt, vì sao? Vì có lòng tự trọng. Vậy thì anh cứ nhặt lên rồi chờ người đến nhận lại, hoặc đem nộp cho đồn công an để thông báo tìm người mất, như vậy cũng chẳng có gì sai. Cho nên tự trọng với kiêu ngạo, còn tùy xem dùng vào việc gì, dùng sai chỗ thì thành kiêu ngạo, dùng đúng chỗ thì là tự trọng. Người kiêu ngạo không thể thành công, cho nên phải "không tự cao" mới có thể trưởng thành. "Không tự thấy nên sáng, không tự cho là đúng nên tỏa sáng, không tự khoe công nên có công, không tự cao nên mới trưởng thành", bốn câu "bốn không" này cho chúng ta biết đạo lý nhất định phải ghi nhớ khi lập thân xử thế ở đời, chẳng những nên lấy nó làm "câu châm ngôn để bên chỗ ngồi", mà còn nên coi nó như "câu khắc lên trán", dán lên trán, khắc vào tâm trí, thì suốt đời dùng mãi không hết.

"Phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh" (chính vì không tranh giành, nên thiên hạ không ai có thể tranh giành được với họ), **"cổ chi sở vị khúc tắc toàn giả, khởi hư ngôn tai"** (câu xưa "cong thì còn nguyên", đó là lời hư không sao), **"thành toàn nhi quy chi"** (thực sự còn nguyên vẹn mà trở về). Nói đến đây, cả thiên vẫn quay về một câu nói cũ: "cong thì còn nguyên".

Vừa rồi là giảng giải tách rời từng câu, còn bây giờ Lão Tử muốn nói là: bởi vì con người phải thực sự làm được điều "không tranh giành" mới được. Vậy phải làm sao mới đạt được cái "không tranh giành" ấy? Đó là đem hết mọi điều tốt đẹp về cho người khác. Ví như nhà Phật dạy, phải phát tâm Bồ Tát, từ bi thương yêu con người, thương yêu hết thảy chúng sinh trong đời, mọi sự hy sinh đều vì người khác, bản thân không mong nhận lại bất cứ chút báo đáp nào. Vì vậy mới nói "thiên hạ không ai có thể tranh giành được". Cho dù có muốn tranh, cũng chẳng có tác dụng gì, vì bản thân đã chẳng muốn gì cả, vốn dĩ đã là "không", thì còn tranh giành với cái "không" ấy làm gì! Sở dĩ con người có tai họa, có đau khổ, có phiền não, chính là vì muốn nắm giữ lấy một điều gì đó, một khi đã buông bỏ hết, chẳng còn muốn gì cả, thì tự nhiên sẽ không còn tranh giành, tự nhiên chẳng thể tranh giành nổi. Tổng hợp lại những đạo lý vừa nói ở trên, cũng đều là để phát huy nguyên tắc "cong thì còn nguyên", xem ra đều là những bài viết theo hướng phản

diện, trái ngược hẳn với cách sống thông thường ở đời. Nhưng kỳ thực, chính vì trái ngược như vậy, mới có thể giữ trọn được bản thân theo hướng chính diện, thành tựu được đạo đức của mình, hoàn thiện được nhân cách của mình. Cho nên Lão Tử mới nhấn mạnh giọng điệu mà nói: "khởi hư ngôn tai"! Đó không phải là lời nói suông đâu, không phải là lý thuyết suông đâu!

"Thành toàn nhi quy chi." Câu này có thể hiểu theo hai cách. Cách thứ nhất cho rằng: "cong thì còn nguyên" là điều quan trọng nhất, việc làm vĩ đại nhất trong đời người, không cần đòi hỏi thành công phải về phần mình, dù là thành công trên phương diện đạo đức học vấn, hay thành công trên phương diện sự nghiệp. Nếu đã "công thành, thân lui mà không ở lại", đem hết mọi thứ trả về cho người khác, sự chân thành trần trụi ấy chính là đạo lớn của "cong thì còn nguyên", đó mới là nghệ thuật sống cao nhất của đời người. Chữ "thành" ở đây có thể dùng như một động từ, ý nói phải thực sự đi theo đạo lý "cong thì còn nguyên", mới xứng đáng là nơi cả thiên hạ quy về, là nơi lòng người trông cậy. Cách hiểu khác là: thêm một dấu ngắt câu sau chữ "thành", tạo thành **"thành, toàn nhi quy chi"** (chân thành, thì mới vẹn toàn mà trở về). Như vậy tức là nói rõ điều kiện thực sự để làm được "cong thì còn nguyên", đó chỉ có thể là một chữ "thành" mà thôi. Tuyệt đối không được coi "cong thì còn nguyên" như một thủ đoạn, mà phải coi nó là đạo đức, phải thực lòng chân thành mà làm. Nếu biết câu danh ngôn "cong thì còn nguyên" mà lại đem nó ra dùng như một thủ đoạn, thì đó là **"bất thành vô vật"** (không có lòng thành thì chẳng còn gì cả), hoàn toàn sai lệch. Cho nên cũng có thể đọc thành "thành, toàn nhi quy chi". Cách giải thích này cũng không phải do tôi nghĩ ra, tôi đã xem qua rất nhiều lời chú giải của người xưa, quả nhiên đã sớm có cách hiểu này rồi. Cho nên, sách đọc nhiều rồi, thường phát hiện ra bản thân không thể "tự thấy", "tự cho là đúng", cứ tưởng mình có kiến giải gì ghê gớm lắm, tưởng rằng trước nay chưa ai nghĩ tới, nhưng qua vài năm sau, bỗng nhiên đọc được một quyển sách khác, liền đỏ mặt, hóa ra kiến giải của anh, người xưa đã nói từ lâu rồi, cho nên con người không thể "tự cho là đúng". Tôi tuy không phải lấy trộm kiến giải của người xưa, nhưng người xưa cũng quyết không phải lấy trộm của anh.

Đây là chương hai mươi hai của sách Lão Tử, sau khi nói về "cong thì còn nguyên", bên dưới ông còn giảng giải trình bày thêm rất nhiều. Từ đó cũng có thể thấy rằng, trong cách sắp xếp của sách Lão Tử, có rất nhiều chương mà câu đầu tiên là quan trọng nhất, phần dưới chính là sự trình bày mở rộng của cái cương yếu ấy, cũng giống như cách viết văn ngày nay vậy, trước tiên nêu ra một cương yếu, rồi bên dưới cương yếu đó mới trình bày ra rất nhiều đạo lý quan trọng.

Hy ngôn tự nhiên.

Ít lời thì hợp với tự nhiên.

Cố phiêu phong bất chung triêu, sậu vũ bất chung nhật.

Vì vậy cơn gió lốc chẳng kéo dài suốt buổi sáng, mưa rào chẳng kéo dài suốt ngày.

Thục vi thử giả? Thiên địa.

Ai làm ra điều đó? Trời đất.

Thiên địa thượng bất năng cửu, nhi huống ư nhân hồ?

Trời đất còn chẳng thể lâu bền, huống chi là người?

Cố tòng sự ư đạo giả, đạo giả đồng ư đạo; đức giả đồng ư đức; thất giả đồng ư thất.

Cho nên người theo đuổi đạo: người theo đạo thì đồng nhất với đạo; người theo đức thì đồng nhất với đức; người mất mát thì đồng nhất với sự mất mát.

Đồng ư đạo giả, đạo diệc lạc đắc chi; đồng ư đức giả, đức diệc lạc đắc chi; đồng ư thất giả, thất diệc lạc đắc chi.

Người đồng nhất với đạo, đạo cũng vui mừng có họ; người đồng nhất với đức, đức cũng vui mừng có họ; người đồng nhất với sự mất mát, sự mất mát cũng vui mừng có họ.

Tín bất túc yên, hữu bất tín yên.

Lòng tin chưa đủ, nên mới có sự không tin tưởng.

Chữ "tự nhiên" đây không phải chữ "tự nhiên" kia

"Hy ngôn" (希言 - lời hiếm khi nói ra) là gì? Chúng ta đều biết, ở vùng Trường Giang, có người bạn lâu ngày không gặp, bỗng nhiên ghé thăm, người ta thường gọi là "khách hiếm", nghĩa là vị khách quý ít khi lui tới. "Hy ngôn" cũng vậy, tức là những lời ít khi được dùng đến trong đời thường. Nói sâu thêm một tầng nữa, đó chính là cái ý "lời của cái không lời, cái nói mà không nói ra". Chẳng hạn như kinh Phật có nói đến chữ **"bất khả thuyết"** (không thể nói ra), đạo lý cao nhất, cảnh giới cao nhất, vốn không phải là văn tự ngôn ngữ có thể diễn đạt được. Cũng vậy, đạo lý cao nhất của cõi hình nhi thượng cũng không có văn tự nào thật sự thỏa đáng để diễn đạt nổi, đó chính là nội hàm của hai chữ "hy ngôn".

"Tự nhiên" ở đây là gì? Chữ "tự nhiên" được nói tới ở đây, không phải chữ "tự nhiên" của khoa học tự nhiên. Câu "hy ngôn tự nhiên" hoàn toàn không có ý nói ít bàn đến lý thuyết của khoa học tự nhiên. Ở đây, hai chữ "tự nhiên" không thể hiểu theo nghĩa tự nhiên của thế giới vật chất, mà là một danh từ triết học, nếu miễn cưỡng giải thích, có thể nói đó là cách diễn đạt của cái ý "vốn dĩ là như vậy", giống hệt như từ "pháp nhĩ như thị" bên nhà Phật. "Pháp nhĩ như thị" cũng chính là biểu thị cái ý vốn dĩ, nguyên lai đã là như thế.

"Cố phiêu phong bất chung triêu, sậu vũ bất chung nhật" (vì vậy cơn gió lốc chẳng kéo dài suốt buổi sáng, mưa rào chẳng kéo dài suốt ngày). "Phiêu phong" chính là cuồng phong, cũng gọi là bão, bão thường lớn hơn vào ban đêm, cho nên bão đổ về ban đêm là đáng sợ nhất. Nhưng bão đi qua thường không kéo dài quá hai mươi bốn tiếng đồng hồ, vùng tâm bão có sức gió mạnh nhất cũng chỉ vài tiếng là đi qua, không thổi suốt cả ngày. Dù cơn bão có mạnh đến đâu, hễ đến giữa trưa cũng sẽ dần yếu đi. Cho nên mới nói, bất cứ cơn gió lốc nào cũng không thể kéo dài suốt cả buổi sáng mà không đổi, tức là khoảng mười hai giờ trưa là đã yếu dần. Còn "mưa rào" là những trận mưa

giông lớn của mùa hè nóng bức, chừng một hai tiếng là tạnh. Nhiều lắm cũng chỉ ba tiếng, quá ba tiếng thì nguy to, có thể gây lũ lụt. Cho nên mưa giông mùa hè chỉ là một trận, không thể kéo dài cả ngày. Hơn nữa, hễ có mưa giông kéo đến, thường sẽ liên tiếp ba trận, hôm nay, ngày mai, ngày kia, phần lớn là liền ba ngày như vậy, nhưng giờ giấc mưa giông mỗi ngày lại lùi dần về sau, cường độ cũng giảm dần. "Ai làm ra điều đó?" Đây là đạo lý gì, ai đang làm chủ chuyện ấy? Đó chính là quy luật tự nhiên giữa trời đất. Lão Tử không nói thần linh hay Thượng Đế làm chủ, cũng không nói Bồ Tát hiển thần thông, chỉ nói đến quy luật tự nhiên của "trời đất" mà thôi. Cũng tức là nói, trong chốn mờ mịt tự có một năng lực, nhưng công năng của nó không giống như các tôn giáo khác vẫn nói, biến nó thành có hình dạng con người, hoặc thần cách hóa nó. Cũng không biến nó thành một đức Như Lai theo quan niệm dân gian, hay các vị thần Sấm, thần Gió, thần Mưa. Chỉ là tự nhiên mà có, có một năng lực như thế tồn tại, đó chính là "Đạo".

Nhưng cần nhắc lại một lần nữa, chữ "tự nhiên" mà Lão Tử nói ở đây, không phải chữ "tự nhiên" mà nhà Phật vẫn nói. Như đã nói ở trên, chữ "tự nhiên" của Đạo gia giống với chữ "pháp nhĩ" của nhà Phật, tức là "pháp nhĩ như thị". Bởi vì ở Ấn Độ có một học phái gọi là học phái tự nhiên, Phật học gọi đó là "tự nhiên ngoại đạo". Cái "tự nhiên ngoại đạo" của Ấn Độ tuyệt đối không thể đem so sánh ngang hàng với cái "tự nhiên" mà Lão Tử Trung Quốc nói tới. Năm xưa, ngài Huyền Trang pháp sư, đã dịch kinh Phật từ tiếng Phạn sang tiếng Hán, đồng thời cũng dịch sách Lão Tử, Trang Tử của Trung Quốc sang tiếng Phạn rồi truyền sang Ấn Độ. Vì vậy, nhiều đạo lý của Phật học và Mật tông sau đời Đường có pha trộn thành phần của Đạo gia Trung Quốc. Chỉ tiếc rằng, bản dịch Lão Tử, Trang Tử mà ngài Huyền Trang mang sang khi ấy, đến nay đã thất truyền ở Ấn Độ, không còn tìm lại được nữa. Cho nên, chữ "tự nhiên" của Đạo gia Lão Tử Trung Quốc không giống với chữ "tự nhiên" của học phái ngoại đạo Ấn Độ mà nhà Phật nói tới, điểm này cần phải hiểu cho thật rõ ràng. Nhưng trong kinh điển chính thống của Phật giáo, chưa từng bao giờ dùng đến danh từ "tự nhiên" này, cho nên người đời thường lầm tưởng chữ "tự nhiên" mà Lão Tử nói giống với một phái triết học của Ấn Độ, rồi liền kéo Lão Tử vào chung với cái gọi là "tự nhiên ngoại đạo".

Quy luật nhân quả biến diệt vượt ngoài sức người

Lão Tử nói: **"phiêu phong bất chung triêu, sậu vũ bất chung nhật, thục vi thử giả, thiên địa, thiên địa thượng bất năng cửu, nhi huống ư nhân hồ"** (gió lốc chẳng kéo dài suốt buổi sáng, mưa rào chẳng kéo dài suốt ngày, ai làm ra điều đó, trời đất, trời đất còn chẳng thể lâu bền, huống chi là người). Trong nền văn hóa cố hữu của Trung Quốc, dù là Đạo gia, Nho gia, hay về sau là Phật gia, đều đã sớm biết rằng, vũ trụ sở dĩ thành vũ trụ, cũng như quả địa cầu này, đều có khởi đầu có kết thúc, rốt cuộc sẽ quy về chỗ tiêu vong. Có lúc khai thiên tịch địa, thì cũng có lúc trời long đất lở, rốt cuộc đi đến hồi kết thúc. Nhà Phật gọi đó là **"thành, trụ, hoại, không"** (thành hình, tồn tại, hư hoại, rồi trở về không), là **"chư pháp vô thường"** (mọi pháp đều vô thường, không có gì tồn tại mãi mãi). Lão Tử cũng nói: **"thiên địa thượng bất năng cửu"** (trời đất còn chẳng thể lâu bền). Bạch Cư Dị trong bài Trường Hận Ca có câu: **"thiên trường địa cửu hữu thời tận, thử hận miên miên vô tuyệt kỳ"** (trời đất dài lâu cũng có lúc cùng, mối hận này triền miên không bao giờ dứt). Vì vậy có người nói: "trời nếu có tình, trời cũng phải già". Trời đất cũng không thể trường tồn vĩnh viễn, không bao giờ già cỗi được! Cho dù đã trải qua bao nhiêu thời đại, dù là mấy trăm ngàn vạn ức năm đi nữa, rốt cuộc cũng phải có một khoảnh khắc kết thúc. "Trời đất còn chẳng thể lâu bền, huống chi là người?" Vậy thì đời người lại càng không thể mong cầu tồn tại lâu dài mãi mãi được.

Tôi từng làm một nghiên cứu, nhưng vẫn chưa có thời gian ngồi lại hoàn thành, còn tư liệu thống kê thì đã thu thập được mấy năm rồi. Tôi phát hiện ra rằng, trên quả địa cầu hình bầu dục giống quả trứng gà này, nếu lấy thế kỷ làm chuẩn, thì phương Đông ở Trung Quốc sinh ra các nhà triết học Lão Tử, Khổng Tử. Ấn Độ cũng sinh ra Thích Ca Mâu Ni, phương Tây cũng sinh ra Socrates. Trên thực tế, tất cả đều nằm trong cùng một thế kỷ. Ở những vùng đất mặt trời

xoay vòng chiếu tới, thế kỷ nào sinh ra loại nhân vật gì, đều có cùng một khuôn dạng như nhau. Một thế kỷ nào đó kết thúc, thì một số việc mang tính then chốt của thế kỷ ấy cũng kết thúc theo. Chẳng hạn, trong một thế kỷ nào đó, phương Đông xuất hiện một nhân vật kiệt xuất, thì trong khoảng thời gian gần như cùng thời ấy, ở nửa kia của địa cầu, cũng sẽ xuất hiện một nhân vật kiệt xuất tương tự. Tôi từng bỏ ra rất nhiều năm để thu thập, chỉnh lý, thống kê, phân tích những tư liệu này. Nhưng nghiên cứu này vẫn còn cần phải tìm ra được căn nguyên thật sự của nó. Được vậy rồi, thì vận mệnh không gian thời gian của địa cầu và loài người, đương nhiên sẽ có thể suy tính ra được. Nhưng tốt nhất là đừng nên nghiên cứu cho thật rõ ràng triệt để, như người xưa vẫn nói, nhìn suốt tới tận đáy vực để thấy cá là điềm chẳng lành, con người hà tất phải biết trước mọi chuyện làm gì? Muôn việc trên đời, tốt nhất vẫn là đừng nên biết trước, thì đời người mới giàu ý vị để mà theo đuổi, tìm kiếm.

Nhưng chính nhờ đạo lý trong mấy câu này của Lão Tử, mới thấy rõ ông đã sớm hiểu được rằng vũ trụ này vốn có sinh có diệt. Vì vậy, quy luật của đời người, cái pháp tắc không thể trốn tránh được, tất nhiên cũng là có sinh có diệt. Chỉ có điều loài người lại có một sự ngoan cố ngu xuẩn đến mức không thể nào hiểu nổi, luôn mong muốn nắm giữ mãi mãi mọi thứ trong tay mình, nhưng trên thực tế, điều đó tuyệt đối không thể nào nắm giữ được. "Trời đất còn chẳng thể lâu bền, huống chi là người!" Đó là nguyên tắc. Chỗ quy kết của nguyên tắc này, chính là cái đạo tự nhiên của **"hy ngôn"** (希言 - ít lời) vậy. "Hy ngôn" cũng tương đương với chữ "bất khả thuyết" bên nhà Phật. Đạo vốn không thể nói ra được, vì thế mới "hy ngôn". Nhưng quy luật tự nhiên ấy lại có một quy luật nhân quả mang tính tất nhiên để noi theo, Phật học coi trọng định luật nhân quả, kỳ thực Lão, Trang, Khổng, Mạnh, các nhà các phái, cũng đều chú trọng nói rõ đạo lý "nhân quả tất nhiên", chỉ là cách diễn đạt khác nhau mà thôi.

Vì vậy, Lão Tử lại nói với chúng ta: **"cố tòng sự ư đạo giả, đạo giả đồng ư đạo, đức giả đồng ư đức, thất giả đồng ư thất, đồng ư đạo giả, đạo diệc lạc đắc chi, đồng ư đức giả, đức diệc lạc đắc chi, đồng ư thất giả, thất diệc lạc đắc chi"** (cho nên người theo đuổi đạo, người theo đạo thì đồng nhất với đạo, người theo đức thì đồng nhất với đức, người mất mát thì đồng nhất với sự mất mát, người đồng nhất với đạo thì đạo cũng vui mừng có họ, người đồng nhất với đức thì đức cũng vui mừng có họ, người đồng nhất với sự mất mát thì sự mất mát cũng vui mừng có họ). Mấy câu này, nhìn trên mặt chữ, cứ như tự nói tự nghe, giống như đang chơi chữ, nghe chẳng có gì quan trọng. Kỳ thực, ông đang nói đến đạo lý người, việc, vật cùng loại thì tìm đến nhau. Chẳng hạn một người theo đuổi việc tu đạo, "đạo giả đồng ư đạo", người tu đạo tự nhiên sẽ kết hợp lại với người tu đạo, đó là một nguyên tắc rất đơn giản. Một người thích bàn đạo lý, tự nhiên thích kết giao với người thích bàn đạo lý, làm bạn với nhau, cùng chí hướng hợp đạo, cùng nhau trao đổi học vấn. Một người thích khoác lác, thì bạn bè giao du cũng nhất định sẽ khoác lác theo, bằng không thì hai người còn khoác lác với nhau kiểu gì được nữa. Hôm nay, có một người bạn nói cho tôi nghe một cách hiểu mới của một câu thành ngữ, chính là câu nói khá thịnh hành trong xã hội bây giờ, gọi là **"tay bận chân rối"** (手忙脚乱). Tay bận (手忙), tức là đánh mạt chược. Chân rối (脚乱), tức là khiêu vũ. Người thích đánh bài, khiêu vũ, rốt cuộc cũng sẽ tụ lại với nhau. Đó cũng chính là một bằng chứng phản diện cho câu "đạo giả đồng ư đạo". Nói theo cách khác để giải thích nội hàm của câu "đạo giả đồng ư đạo, đức giả đồng ư đức", cũng có thể nói rằng, một người thực sự nỗ lực tu dưỡng bản thân vì đạo đức, thì ngày nào bạn cũng sẽ phát hiện ra mình đang có những bước tiến bộ trên con đường đạo đức.

"Đức" chính là **"dụng"** (công dụng, tác dụng). Trong tư tưởng, học thuật trước đời Tần Hán, hai chữ "đạo" và "đức" phần lớn vẫn tách rời nhau. Việc ghép hai chữ "đạo", "đức" lại làm một danh từ, là chuyện của thời sau Tần Hán. "Đạo" là cái "đạo" thuộc về hình nhi thượng, đối xứng với chữ "đức" thuộc về hình nhi hạ. "Đức" đại diện cho công dụng, **"đức giả, đắc dã"** (đức tức là cái đạt được). Cho nên chúng ta có thể giải thích rằng, đức chính là thành quả của hành vi tốt đẹp. Hiểu được nghĩa chữ này rồi, thì đọc câu văn sẽ dễ hiểu hơn nhiều. "Thất giả đồng ư thất",

nếu bạn là người đi theo con đường xui xẻo, thì tự nhiên sẽ gặp toàn những kẻ xui xẻo tụ lại quanh mình. Nếu bạn cứ đi về hướng thất bại, thì mọi nhân tố dẫn đến thất bại cũng sẽ kéo đến hợp sức với bạn. Điều này cũng giống như câu ngạn ngữ phương Tây: Thượng Đế muốn hủy diệt một người, trước tiên sẽ khiến người ấy phát điên. Phát điên với hủy diệt thì đương nhiên cũng gần như nhau. Cho nên, khi một người gặp vận rủi, thì người và việc mà anh ta giao tiếp cũng đều trở nên sai lệch cả, đều là những thứ đi theo vận rủi mà đến. Huống chi bản thân anh ta lại còn cố tình đi về đúng cái hướng xui xẻo ấy để hợp lại với nó.

"Đồng ư đạo giả, đạo diệc lạc đắc chi" cũng chính giống hệt như câu Khổng Tử nói: **"đức bất cô, tất hữu lân"** (người có đức không bao giờ cô độc, ắt sẽ có người kề bên). Thực sự nỗ lực vì đạo đức, thì đừng sợ cô quạnh, đừng sợ hiu quạnh, cho dù không đạt được ngay trong một thời, thì cũng sẽ đạt được về muôn đời sau, điểm này cần phải nhận thức cho thật rõ ràng trước đã. Có rất nhiều bạn trẻ nói: "Cả đời tôi muốn làm học vấn, tu trì đạo đức." Tôi nói: không dễ đâu! Vậy thì bạn phải chuẩn bị tinh thần chịu cô quạnh suốt cả đời mới được. Chỉ cam lòng cô quạnh cả đời thôi vẫn chưa đủ, còn phải tiến thêm một bước nữa, biết cách tận hưởng sự cô quạnh ấy. Chẳng hạn như học đạo thành Phật, đó đều là sự nghiệp của ngàn thu, không phải là thành công may mắn nhất thời. Thậm chí cũng chẳng cầu cái được mất của ngàn thu, chứng mà chẳng có gì để chứng, được mà chẳng có gì để được, như vậy thì cũng gần đạt tới rồi.

Cho nên, khi bàn đến học vấn, đạo đức, đừng chỉ làm công phu ở bề mặt, cứ làm ra vẻ như chẳng cần gì cả, chỉ cần học vấn, chỉ cần đạo đức, chẳng để tâm đến gì khác. Đến khi công phu làm tới mức xuất huyết dạ dày, xem bạn có còn để tâm hay không? Lúc đó mới thực sự để tâm đấy! Nhưng, người thực sự vì đạo đức, thực sự có được cái tinh thần ấy, thì sự cô quạnh, nghèo khó, bệnh tật cũng không thể lay chuyển được khí tiết của họ, mới có thể nói đến chuyện xuất thế, nhập thế, chí ở tấm lòng làm lợi cho người khác. Không có quan niệm này, thì ngày thường có khoác lác cỡ nào cũng vô dụng mà thôi. Cho nên mới nói: "người đồng nhất với đạo, đạo cũng vui mừng có họ, người đồng nhất với đức, đức cũng vui mừng có họ, người đồng nhất với sự mất mát, sự mất mát cũng vui mừng có họ." Những lời này, đều nói cả hai mặt chính diện lẫn phản diện, mỗi câu đều có ý riêng, cần tự mình lắng lòng thể hội cho kỹ, chớ nên xem nhẹ mà bỏ qua.

Chương này mở đầu bằng câu "gió lốc chẳng kéo dài suốt buổi sáng, mưa rào chẳng kéo dài suốt ngày, ai làm ra điều đó, trời đất, trời đất còn chẳng thể lâu bền, huống chi là người", lấy quy luật nhân quả của hiện tượng tự nhiên, dùng phép ví von để nói đi nói lại nhiều lần, cho chúng ta biết rằng vạn vật đều đang biến đổi trong lẽ vô thường, cần phải nhận rõ những hiện tượng của thế sự nhân gian, cũng như người và việc, không có lấy một khắc nào là không biến đổi. Nó biến đổi mọi lúc mọi nơi, sức người không thể nắm giữ được nó, mà cũng chẳng cần phải đi nắm giữ nó làm gì. Chỉ có một thứ vượt lên trên thực tại, vốn có sẵn trong sinh mệnh của chúng ta, đó chính là cái vốn có tự nhiên ấy. Cái công năng ấy, cái có thể biến, cái bị biến, cái chịu sự biến đổi, kỳ thực lại chính là chỗ trời người hợp một, biến mà chẳng biến, cái thứ đó. Nhưng cái thứ đó thì làm sao để thể hội được nó đây? Chỉ có thể từ chỗ "người theo đạo thì đồng nhất với đạo, người theo đức thì đồng nhất với đức, người mất mát thì đồng nhất với sự mất mát" mà đi thể nhận nó, mới có thể tự nhiên mà chứng đắc được. Nhưng có người tuy tin vào đạo lý này, lại không thực sự tin một cách trọn vẹn, cho nên mới nói: "lòng tin chưa đủ!" Ngoài ra, phần đông mọi người, căn bản không tin rằng nơi cõi hình nhi thượng có tồn tại một đạo tự nhiên, đồng thời cũng không tin vào định luật nhân quả tự nhiên trong cõi hiện tượng. Cho nên mới nói: "nên mới có sự không tin tưởng!" Thật là chẳng biết làm sao được!

Tóm lại, đọc sách Lão Tử thì đừng nên đọc từng câu tách rời ra. Nếu bạn cứ tách ra mà đọc từng câu một, thì chẳng thà viết hẳn nó thành những mảnh giấy cách ngôn để xem cho rồi. Bạn cần phải hiểu trọn vẹn tông chỉ của nó, lấy nguyên văn cả cuốn sách để hiểu chính bản thân nó, như vậy mới có thể thông suốt không trở ngại. Đương nhiên, điều

này rất khó, cũng giống như khi chúng ta thưởng thức một bài thơ vậy, có người biết làm thơ, quả thật có thiên tài về thơ, buột miệng ra là câu chữ khiến người ta kinh ngạc. Nhưng chỉ có câu hay thôi thì không thể làm nên một bài thơ hay, có câu hay mà không có bài thơ hay, thì cũng chẳng phải là một bài văn hay. Bài văn hay phải là một chỉnh thể trọn vẹn, tuyệt đối không thể lấy một câu ra để đại diện cho toàn bộ. Chúng ta khi đọc sách xưa cũng rất dễ mắc phải cái tật này, thường hay cắt xén câu chữ để lấy nghĩa riêng theo ý mình, chỉ nắm lấy một câu hay rồi quên mất cái đại nghĩa của toàn thiên, cho nên không thể hiểu thấu đáo, không thể thông suốt trọn vẹn được, như thế thì thật đáng tiếc! Nói như vậy, có lẽ đó chính là "hy ngôn", hoặc cũng có thể nói, đó mới đúng là cái "tự nhiên" vậy! Muốn biết đoạn sau ra sao, xin nghe hồi sau sẽ rõ.

Xí giả bất lập; khóa giả bất hành.

Người kiễng chân không đứng vững; người sải chân không đi được.

Tự kiến giả bất minh; tự thị giả bất chương.

Người tự phô trương không được sáng; người tự cho là đúng không tỏa sáng.

Tự phạt giả vô công; tự căng giả bất trưởng.

Người tự khoe công không có công; người tự cao không trưởng thành.

Kỳ tại đạo dã, viết dư thực xuy hành.

Những điều này đối với Đạo mà nói, là thừa cơm thừa u nhọt.

Vật hoặc ố chi, cố hữu đạo giả bất xử.

Vật chất nào cũng ghét chúng, cho nên người có Đạo không làm vậy.

Dáng đi chim cánh cụt, điệu múa say của tinh tinh

Từ chương 22 mở đầu, kéo dài liên tục cho đến hết chương 25, sách cứ lặp đi lặp lại nhấn mạnh rằng bản thể của Đạo vốn tự nhiên, tuyệt đối chớ tự ý thêm thắt tạo tác; cho nên khi vận dụng, ứng xử với muôn sự muôn vật, cũng phải noi theo quy luật tự nhiên của trời đất, lấy "khúc toàn" mà nên việc. Chương này nối tiếp mạch ý hai chương trước, lại nêu thêm phản chứng, làm lời răn dạy theo chiều thuận. Vì vậy, mở đầu liền bàn ngay từ câu **"xí giả bất lập"** (người kiễng chân thì không đứng vững). Thế nào là "xí giả bất lập"? Hãy xem hiện nay có rất nhiều công ty đặt tên là công ty xí nghiệp. Chữ **"企"** (xí) nghĩa là gì? Nhón đầu ngón chân lên, cứ thế cố vươn tới trước mãi, gọi là **"企"** (xí). Kiễng chân như thế thì đứng được bao lâu? Thực ra khó mà đứng vững được lâu, ngay cả người luyện công phu cũng chỉ đứng được trong một khoảng thời gian ngắn ngủi. Bình thường người ta rất ít khi kiễng chân đứng như vậy. Có lẽ vì vóc người thấp, muốn so cao với người khác mới làm thế. Hoặc đôi khi ngẫu nhiên muốn nhìn ra xa, mới kiễng chân lên. Nhưng rốt cuộc vẫn không đứng được lâu. Đó chính là đạo lý của câu "xí giả bất lập".

"Khóa giả bất hành" (người sải chân thì không đi được xa), ý nói sải rộng bước chân mà đi, chỉ có thể là động tác nhất thời, ngẫu nhiên, chứ không thể làm mãi như vậy. Nếu cố tình sải rộng bước chân để đi đường xa, đó là tự chuốc lấy con đường vấp ngã lảo đảo. Không tin thì thử sải bước lớn mà đi chừng mười hai mươi dặm xem sao. Bước dài, sải rộng thì không thể đi xa. Vì vậy, Lão Tử dùng hai hiện tượng hành động trong đời sống con người này để nói lên rằng có những người ham cao chuộng xa, chính là tự phạm phải sai lầm lớn nhất. **"Xí giả"** (kẻ kiễng chân), tức là ham cao; **"khóa giả"** (kẻ sải chân), tức là chuộng xa. Nếu những điều gần gũi, nền tảng nhất còn chưa làm cho tốt, mà cứ nhất mực đòi cầu đến chỗ cao xa, thì không phải tự chuốc khổ, cũng là tự nguyện hủy mình. Từ hai nguyên tắc vừa nói trên, ta có thể hiểu được đạo lý của bốn điều không nên **"tự kiến giả bất minh, tự thị giả bất chương, tự phạt giả vô công, tự căng giả bất trưởng"** (người tự phô trương không được sáng, người tự cho là đúng không tỏa sáng, người tự khoe công không có công, người tự cao không trưởng thành).

"Tự kiến" (tự cho mình sáng suốt), **"tự thị"** (tự cho mình đúng), **"tự phạt"** (tự khoe công), **"tự căng"** (tự kiêu tự đại), đều là chứng bệnh chung của loài người, tâm lý của người thường phần nhiều mang những căn bệnh cố hữu ấy. Xin nêu một ví dụ thường thấy trong xã hội ngày nay: khi ta thường đến ăn tiệc ở một nhà hàng nổi tiếng, vị đầu bếp nổi danh nấu ăn khéo của quán, trong lúc ta đang ăn, ra chào hỏi khách quý một tiếng, lúc ấy ta phải khen ông vài câu,

hoặc mời ông một chén rượu, tỏ ý món ông nấu quả thật cao tay, nếu không, ông sẽ mất hứng ngay, mặt thẫn thờ như vừa đánh mất một người bạn tri kỷ! Nếu ta nói: món ông nấu ngon nhất thiên hạ. Thì dù lúc ấy mặt ông vẫn còn lấm lem dầu mỡ, mệt muốn chết, nhưng trong lòng lại cảm thấy khoan khoái vô cùng, đó là lẽ thường tình. Cho nên Lão Tử ở đây nhắc đi nhắc lại rằng, một khi con người mắc phải căn bệnh tâm lý "tự kiến", "tự thị", "tự phạt", "tự căng", nhất định phải biết tự xét lại mình, biết tự sửa đổi mới tốt. Nhưng xét theo quy luật đạo lý, những hành vi tâm lý ấy chính là **"dư thực xuy hành"** (cơm ăn thừa, hình thể dư ra). "Dư thực" là phần ăn dư thừa. Cũng như một người đã ăn no rồi, nuốt thêm một miếng cũng không nuốt nổi, nhưng vẫn cố ăn thêm một ổ bánh mì lớn, làm vậy chỉ có nước sinh bệnh dạ dày, thậm chí còn phải đi khám bác sĩ, hay phải mổ xẻ! "Xuy" tức là cái bướu thịt, giống như bướu cổ sưng to, cổ sẽ phình ra. Cơ thể bình thường của chúng ta, ở bất cứ chỗ nào mọc ra một cái bướu, đương nhiên đó là phần thừa. Như khi ta chắp tay lại, năm ngón tay là đủ dùng rồi, có người lại mọc ra ngón thứ sáu, đó gọi là "ngón thừa". Thừa ra một ngón tay là phiền phức, đến bao tay cũng phải may riêng. **"Vật hoặc ố chi"** (vật chất nào cũng ghét chúng), bất cứ vật gì cũng có hình dạng tự nhiên nhất định của nó, biến dạng đều là bất thường, cho dù là thực vật, nếu mọc thừa ra một phần phụ dư nào đó, chẳng những tự mình thêm gánh nặng, mà còn khiến người khác thấy chướng mắt. Huống chi là một con người bình thường! Giả sử con người ta đã thật sự cao minh, cao minh thì cứ là cao minh, cần gì phải bắt người khác thêm một câu khen mình quá cao minh. Mình có cao minh hay không, người khác dần dần tự khắc sẽ nhìn ra. Nếu ngày nào cũng tự mình rêu rao mình cao minh, thì ngoài việc quảng cáo cho bản thân ra, còn có tác dụng gì nữa? Cho nên bậc có đạo, cách xử thế của họ tuyệt đối không như vậy, hoàn toàn không có lối hành xử tâm lý ấy, mới xứng là hợp với đạo hạnh.

Phù Kiên ném roi chặn dòng sông

Nhưng, cái gọi là "người có đạo" trong câu "người có đạo không làm vậy", chẳng lẽ chỉ riêng những bậc tu đạo ẩn cư nơi rừng núi, kiểu "vào núi chỉ sợ chưa đủ sâu, lánh đời chỉ sợ chưa đủ xa" hay sao? Đương nhiên không phải như vậy. Xét toàn diện cái "đạo" mà Lão Tử nói tới, nó vừa không tuyệt đối xuất thế như nhà Phật, cũng không nhất thiết nhập thế như nhà Nho, mà nằm ở khoảng giữa hai bên, có thể xuất thế, cũng có thể nhập thế. Nói cách khác, có phần thể, có phần dụng: đạo thể thuộc về cõi hình nhi thượng tự nhiên, còn đạo dụng lại nằm ngay trong muôn sự muôn vật, trong việc dùng thường ngày. Vì vậy, cái đạo của ông, cũng chính như lời môn sinh của Khổng Tử là Tăng Sâm viết trong sách Đại Học rằng **"tự thiên tử dĩ chí ư thứ nhân"** (từ bậc thiên tử cho đến kẻ thường dân), thảy đều không thể lìa khỏi đạo này.

Vì thế, bốn điều Lão Tử nhắc đi nhắc lại: không tự thấy mình sáng, không tự cho mình đúng, không tự khoe công, không tự kiêu tự đại, xét về bản thể thì tương đồng với **"ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng"** (chấp có cái tôi, chấp có người khác, chấp có chúng sinh, chấp có sự trường tồn) mà nhà Phật dạy phải lìa bỏ; xét về công dụng thì lại tương đồng với **"vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã"** (không ức đoán tùy tiện, không quả quyết cứng nhắc, không cố chấp bảo thủ, không chỉ biết có bản thân mình) mà Khổng Tử răn dạy, thật vừa khớp không sai lệch. Cho nên, nó không chỉ giới hạn ở sự tu dưỡng cá nhân, không chỉ là thước đo đạo đức của người tu đạo, mà đồng thời cũng là điều răn quan trọng nhất, sự tu dưỡng căn bản nhất của cái gọi là đế vương học, tức triết học lãnh đạo. Nay chúng ta thử nêu ra tùy tiện hai ví dụ trong lịch sử xưa nay, để nói rõ rằng phàm những ai muốn lập công lớn, dựng nghiệp lớn, chỉ cần phạm phải một trong bốn nguyên tắc này, thì tuyệt đối không có chuyện không thất bại thảm hại.

Ví dụ thứ nhất là chuyện Tần vương Phù Kiên, vào thời Đông Tấn, thời kỳ sử sách gọi là loạn Ngũ Hồ thập lục quốc.

Phù Kiên giết vua mình là Phù Sinh, tự lập làm vua, đúng vào năm Thăng Bình nguyên niên đời Tấn Mục Đế Tư Mã Đam (năm 357 Tây lịch), ông trọng dụng danh sĩ đang ẩn dật là Vương Mãnh, người vốn thường vừa bắt chấy trên áo vừa bàn chuyện thiên hạ, giao cho nắm việc chính sự. Chỉ trong khoảng mười ba mười bốn năm, phía bắc diệt được nước Yên, phía nam uy hiếp Đông Tấn, khí thế lừng lẫy không ai bì kịp. Chưa qua được mấy năm, Vương Mãnh lâm bệnh sắp mất (Vương Mãnh cầm quyền cũng chỉ mười sáu mười bảy năm), Phù Kiên không những trăm phương cầu đảo cho ông, mà còn đích thân đến bên giường bệnh hỏi han việc hậu sự. Vương Mãnh nói với ông rằng:

> ***"Thiện tác giả bất tất thiện thành"*** *(kẻ khởi xướng nên việc chưa chắc là kẻ làm nên thành công),* ***"thiện thủy giả bất tất thiện chung"*** *(cũng tức là cái ý "vô thành hữu chung" trong quẻ Khôn của Kinh Dịch). Bậc vua hiền triết đời trước, biết công nghiệp chẳng dễ mà nên, lúc nào cũng run sợ giữ mình như đứng bên bờ vực sâu. Cúi xin bệ hạ noi theo dấu bậc thánh trước, thiên hạ ắt được nhờ phúc lớn.*

Lại nói:

> ***"Nước Tấn tuy ở lệch về phía nam sông, nhưng chính thống vẫn nối tiếp, trên dưới yên hòa. Sau khi thần chết rồi, xin bệ hạ đừng mưu tính đánh Tấn"*** *(dặn ông chớ dễ dàng đem quân xuống phía nam đánh chiếm Đông Tấn). Còn Tiên Ti, Tây Khương là kẻ thù của thần, rốt cuộc sẽ thành mối họa lớn, nên dần dần trừ bỏ chúng đi.*

Vương Mãnh vừa mất, Phù Kiên ba lần đích thân đến viếng tang khóc thương. Ông còn nói với con trai (thái tử) là Phù Hoành rằng: "Chẳng lẽ trời không muốn cho ta bình định thiên hạ hay sao? Vì cớ gì lại cướp mất Cảnh Lược (tên chữ của Vương Mãnh) của ta sớm như vậy?" Chưa qua bảy tám năm sau, Phù Kiên bỗng trở nên khác hẳn thường ngày, bất chấp lời trăng trối của Vương Mãnh, muốn đem trăm vạn quân tiến xuống phía nam đánh Đông Tấn.

Khi ông triệu tập các quan cao cấp mở hội nghị quân sự, Tả bộc xạ (chức vụ tương đương tể tướng) là Quyền Dực nêu ý kiến khác, nói: "Nay nước Tấn tuy suy yếu, nhưng chưa có lỗi lớn gì, Tạ An, Hoàn Xung đều là bậc kỳ tài phía nam sông, vua tôi hòa thuận, chưa thể mưu đánh được."

Thái tử tả vệ suất (tương đương chức chỉ huy thị vệ, tổng tư lệnh cảnh vệ) là Thạch Việt nói: "Năm nay sao Tuế, sao Trấn (hai vì sao chiêm tinh học cổ) đóng ở chòm Đẩu (từ độ mười hai của sao Nam Đẩu đến độ bảy của sao Tu Nữ, thuộc phần Tinh Kỷ, đúng vào phân dã của đất Ngô Việt), phúc đức đang ở về phía Ngô (theo thiên văn học trừu tượng thời cổ, cho rằng Thái Tuế đóng ở đâu thì nước ấy được hưởng phúc), nếu đánh ắt gặp tai họa của trời. Vả lại, đất Tấn dựa vào hiểm trở của Trường Giang, dân chúng đều một lòng theo, e rằng chưa thể đánh được."

Nhưng Phù Kiên vẫn khăng khăng giữ ý mình, nói: "Đạo trời sâu xa, đâu dễ mà biết được. Với binh mã đông đảo của ta, chỉ cần ném roi ngựa xuống sông, cũng đủ chặn đứng dòng chảy, còn hiểm trở nào đáng để cậy nhờ nữa?" Đây chính là chỗ tự khoe công, tự kiêu tự đại lớn nhất của Phù Kiên.

Trong buổi hội nghị, quan văn tướng võ, mỗi người xét theo lợi hại riêng, ý kiến thuận nghịch đều có cả, mãi không quyết định được. Phù Kiên bèn nói: "Đây chính là cái cảnh xây nhà bên đường, hỏi ý người qua kẻ lại, chẳng bao giờ xây xong được. Ta phải tự mình quyết đoán trong lòng mà thôi!"

Vào lúc ấy, không còn ai như Vương Mãnh nữa, để khuyên ông trước hết phải lo chỉnh đốn nội chính, xây dựng nền văn hóa chính trị cao nhất nhằm củng cố gốc rễ đất nước!

Sau khi tan họp, Phù Kiên đặc biệt giữ lại người em ruột là Dương Bình công Phù Dung để bàn riêng. Phù Dung nói: "Nay đánh Tấn có ba điều khó: đạo trời không thuận; nước Tấn chưa có lỗi lầm gì đáng để khơi mào; quân ta đánh nhiều trận đã mệt mỏi, dân chúng còn có lòng sợ địch. Các bề tôi nói không nên đánh Tấn, đều là bậc trung thần cả."

Phù Kiên nghe xong ý kiến ấy, liền nghiêm sắc mặt nói: "Cả ngươi cũng nói như vậy, ta còn biết trông cậy vào ai nữa!" Phù Dung nghe ông càng lúc càng khăng khăng tự thấy mình sáng, tự cho mình đúng, càng cảm thấy chẳng ổn, bèn khóc mà nói: "Nước Tấn chưa thể diệt được, điều ấy đã quá rõ ràng. Vả lại điều thần lo lắng không chỉ có thế. Bệ hạ sủng ái, nuôi dưỡng người Tiên Ti, Khương, Yết, để họ tràn đầy khắp kinh kỳ, mà thái tử chỉ có đám quân yếu ớt ở lại giữ kinh thành. Thần sợ biến loạn sẽ nảy sinh ngay trong nhà, khi ấy hối cũng không kịp. Vương Cảnh Lược là bậc anh kiệt hiếm có một thời, bệ hạ vẫn thường ví ông với Gia Cát Vũ Hầu, lẽ nào lại quên mất lời ông nói lúc lâm chung hay sao?"

Phù Kiên vẫn không nghe theo lời khuyên ấy. Đến khi trở về hậu cung, ái phi được ông sủng ái nhất là Trương phu nhân, cũng khổ công can gián, khuyên ông đừng xuất binh xâm lược Đông Tấn. Phù Kiên liền nói: "Việc quân binh, không phải chuyện đàn bà nên xen vào." Nói cách khác, việc quân sự không phải là điều các người phụ nữ nên góp ý kiến vào.

Người con trai út ông yêu quý nhất là Phù Sân cũng đến khuyên can. Phù Kiên liền quở trách rằng: "Việc lớn thiên hạ, trẻ con biết gì!" Nói cách khác, ý là: con còn nhỏ dại thế này, làm sao hiểu được việc lớn của quốc gia thiên hạ.

Mọi người không có cách nào ngăn được thành kiến chủ quan của Phù Kiên, đành tìm đến vị hòa thượng ông tin tưởng nhất là pháp sư Đạo An, nhờ ông tìm cách khuyên ngăn. Đạo An khéo léo khuyên giải, cũng không thành công. Thái tử Phù Hoành hết cách, đành lại lấy thiên tượng ra can gián, nói: "Năm nay sao ở phần dã đất Ngô, mà vua Tấn lại không có tội gì. Nếu cất đại binh mà không thắng, e rằng uy danh bên ngoài sẽ suy tổn, tài lực bên trong sẽ cạn kiệt!"

Phù Kiên vẫn không nghe, quay sang nói với con trai: "Ngày trước ta diệt nước Yên, cũng phạm vào sao Tuế mà vẫn thắng, đạo trời vốn khó mà biết được. Xưa nước Tần diệt sáu nước, lẽ nào vua của cả sáu nước ấy đều là bạo ngược cả sao?"

Đến nước này, chỉ có một người đứng ngoài lạnh lùng quan sát, chờ thời cơ mà hành động, thừa dịp mà vươn lên, đó là người nước Yên tên Mộ Dung Thùy, một mình nói với Phù Kiên: "Bệ hạ chỉ cần tự mình quyết đoán là đủ! Ngày trước Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm bình định nước Ngô, cũng chỉ dựa vào vài vị bề tôi như Trương, Đỗ mà thôi. Nếu cứ nghe theo ý kiến số đông, thì làm sao có được công lao thống nhất thiên hạ?"

Lời ấy vừa khéo hợp ý Phù Kiên, ông mừng rỡ nói: "Người cùng ta định thiên hạ, chỉ có mình khanh mà thôi." Nào ngờ chưa đầy một tháng sau, Tần vương Phù Kiên tự mình thống lĩnh hơn sáu mươi vạn kỵ binh tiến xuống phía nam, chỉ một trận đã thua tan tác ở Phì Thủy, còn thảm hại hơn cả trận Tào Tháo thua ở Xích Bích. Mộ Dung Thùy chẳng những không cùng ông chia thiên hạ, mà nhân dịp ấy lấy lòng rồi lặng lẽ trốn về Hà Bắc, không những khôi phục lại nước Hậu Yên, mà còn trở thành kẻ địch có sức mạnh nhất khiến Phù Kiên nhanh chóng suy bại diệt vong.

Đọc sử, nhìn lại những kinh nghiệm đã qua trong lịch sử, ta mới hiểu được danh ngôn học lý của các bậc thánh hiền xưa mà người xưa tôn sùng, quan trọng và đáng quý biết bao. Ví như việc Phù Kiên bỗng chốc nổi lên rồi bỗng chốc sụp đổ, đối chiếu với bốn điều răn "không tự thấy mình sáng, không tự cho mình đúng, không tự khoe công, không tự kiêu tự đại" mà Lão Tử nói tới, không điều nào là ông không phạm phải, thì làm gì có lý không bại? Phù

Kiên tuy có lời nói ngông cuồng, gọi là "ném roi đủ chặn dòng sông", nhưng thực ra, chính ông đã ném roi để chặn đứng dòng chảy của mọi ý kiến can gián, vì thế mà gây nên sai lầm lớn, sai lầm nghiêm trọng. Cho nên Lão Tử nói **"hữu đạo giả bất xử"** (người có đạo không làm vậy), chính là vì lẽ ấy mà nhắc đi nhắc lại một cách nghiêm túc, trân trọng.

Suối núi quanh nhà, tự biết nông sâu

Ví dụ thứ hai, cũng là chuyện ai nấy đều biết trong lịch sử cận đại, khi cách mạng Quốc dân thành công, Quốc phụ Tôn Trung Sơn tiên sinh "nhường ngôi nhường nước", để Viên Thế Khải lên làm đại tổng thống đầu tiên của Trung Hoa Dân Quốc. Kết quả, ông ta lại đi vào con đường tẩu hỏa nhập ma, nhất định đòi làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Hồng Hiến". Chưa đầy một năm, **"Viên Đại Đầu"** (biệt danh dân gian gọi Viên Thế Khải, theo hình chân dung ông khắc trên đồng bạc trắng lúc bấy giờ) đã thân bại danh liệt, chết già trong nhà, những gì để lại chỉ là một trò cười tội lỗi để đời mà thôi. Chuyện đời riêng của Viên Thế Khải, ai cũng biết cả, cách ông ta xử sự làm người vốn xưa nay đã phạm phải bốn điều răn của Lão Tử: tự thấy mình sáng, tự cho mình đúng, tự khoe công, tự kiêu tự đại, thật không đáng nói thêm. Trong Hồng Lâu Mộng có hai câu, hoàn toàn có thể dùng làm lời tổng kết cho cả cuộc đời ông ta: **"phụ phụ mẫu dưỡng dục chi ân, vi sư hữu quy huấn chi đức"** (phụ bạc ơn cha mẹ nuôi dưỡng, trái lại lời thầy bạn răn dạy).

Viên Thế Khải có hai người con trai. Người anh cả tên Khắc Định, vừa bị què chân, lại vừa để bụng muốn làm thái tử, nối ngôi hoàng đế, xúi giục cha mình ráo riết nhất. Người thứ hai tên Khắc Văn, lại là người văn tài phong lưu, mang cốt cách danh sĩ, người đương thời đều ví Viên Thế Khải như Tào Tháo, còn người con thứ Viên Khắc Văn thì như Tào Thực. Tôi rất tâm đắc hai bài thơ ông làm để phản đối cha mình lên ngôi hoàng đế, thơ hay, lại thấu hiểu lẽ đời sâu sắc, và tràn đầy khí chất của học thuyết Lão Trang. Không ngờ vào những năm đầu Dân Quốc, vẫn còn có người tài thơ văn như Viên Khắc Văn, thật chẳng dễ gì. Viên Khắc Văn là học trò của bậc tiền bối Phương Địa Sơn tiên sinh, cũng chính vì phản đối cha làm hoàng đế mà làm ra hai bài thơ hết sức hợp với bốn điều răn của Lão Tử, nghe nói việc này khiến lão Viên nổi giận mắng nhiếc Phương Địa Sơn cùng đám bạn bè, cho là dạy hư con mình, vì thế đem giam lỏng người con thứ lại. Bây giờ chúng ta hãy cùng bàn về cái hay của hai bài thơ Viên Khắc Văn.

Sạ trước Ngô miên cưỡng tự thắng, cổ đài hoang hạm nhất bằng lăng.
Vừa khoác áo bông đất Ngô, gắng gượng thấy ấm hơn đôi chút; lên đài xưa, hiên vắng, một mình đứng tựa ngậm ngùi.

Ba phi Thái Dịch tâm vô trú, vân khởi ma nhai mộng dục đằng.
Sóng dậy ao Thái Dịch, lòng không yên định; mây nổi trên vách ma, giấc mộng những muốn bay lên.

Ngẫu hướng viễn lâm văn oán địch, độc lâm linh thất chuyển minh đăng.
Ngẫu nhiên vẳng về rừng xa nghe tiếng sáo oán, một mình về phòng thiêng vặn ngọn đèn sáng.

Kịch liên cao xứ đa phong vũ, mạc đáo quỳnh lâu tối thượng tầng.
Càng thương nơi cao lắm gió mưa, xin đừng lên tới tầng cao nhất lầu quỳnh.

Hai câu mở đầu này đã hay rồi. "Ngô miên" chỉ áo thu may bằng tơ bông vùng Tô Hàng phía nam. "Cưỡng tự thắng" chỉ việc trong tiết trời se lạnh mùa thu, khoác lên mình chiếc áo ngoài bằng tơ bông phương nam, vừa mới cảm thấy hơi ấm lên một chút, miễn cưỡng có thể nói là đỡ hơn! Đây là ví với việc cha ông, Viên Thế Khải, nhờ sức mạnh của cuộc cách mạng phương nam thành công, vừa mới có chút đắc ý trong buổi thu ấy, nên cha con họ mới dọn vào ở trong hoàng thành Bắc Kinh. Nhưng cung điện Bắc Kinh do ba đời Nguyên, Minh, Thanh dày công xây dựng nên,

cảnh vật tuy còn phảng phất như xưa, mà con người thì đã đổi khác hoàn toàn, những bậc đế vương các đời nay còn ở đâu nữa! Cho nên lên đó ngắm cảnh, tự nhiên sinh ra tiếng thở dài trước đài xưa hiên vắng. Nhìn những dấu tích lịch sử ấy rồi, con người cần gì phải xem trọng cái vinh hoa phù phiếm của cõi đời đến vậy!

"Hoa Trì Thái Dịch" là ao nước trong mát nơi cõi tiên mà Đạo gia nói tới. Các bậc tu luyện còn gọi đó là nước thần Hoa Trì, uống vào có thể trừ bệnh kéo dài tuổi thọ, trường sinh bất lão. Viên Khắc Văn lại dùng hình ảnh ấy để ví với việc trong tâm trí vốn thanh tịnh của một người, bỗng dưng nổi lên vọng tưởng tham lam không đáy, chẳng khác nào nước thần Hoa Trì bỗng sôi trào dậy sóng, khiến mảnh đất tâm vốn yên tĩnh mãi mãi không còn được an ổn nữa.

Tiếp đó, ông nói rằng nếu lòng người một khi động niệm bất chính, ý xấu vừa dấy lên, liền như mây cuộn mù giăng, che khuất linh trí mà bản thân không hề hay biết. Một khi đã bị ma ám, sẽ sinh ra mộng tưởng điên đảo, lòng tham cao hơn trời, vọng cầu bay lên cõi trên mà thành tiên.

Đây là chỉ cảnh thực của thời cuộc lúc bấy giờ, cha và anh ông một lòng chỉ muốn làm hoàng đế, nào hay biết dư luận bên ngoài xôn xao, oán giận sôi sục khắp nơi. Nhưng bút pháp của nhà thơ thường là "gửi lời qua việc", ký thác ý tứ sâu xa, càng thấy rõ cái hay kín đáo của văn chương thi ca. Cho nên chỉ coi như chính mình đang đứng nơi đài xưa hiên vắng, lúc lên cao ngắm cảnh hoài niệm, tai nghe văng vẳng tiếng sáo oán ai oán từ xa vọng lại, không khỏi thấy tiêu điều khó chịu. Vì thế mới trở về phòng riêng, vặn lên một ngọn đèn sáng, để khuây khỏa nỗi phiền muộn. "Linh thất", "minh đăng" là hai hình ảnh mà Đạo, Phật đôi khi dùng để ví với chút lương tri sáng suốt không mờ tối còn sót lại trong tâm hồn con người. Nhưng cái khéo trong cách dùng chữ của câu này lại nằm ở chữ **"chuyển"** (vặn, xoay). "Chuyển minh đăng" là mong cha và anh mình tỉnh ngộ ra, muốn dẹp yên oán giận của mọi người, chẳng gì bằng thật lòng tự xét lại chính mình, "dẹp bỏ điều tà, giữ gìn điều chính".

Cuối bài, ông khéo léo biến hóa mà mượn câu thơ nổi tiếng của Tô Đông Pha: **"quỳnh lâu ngọc vũ, cao xứ bất thắng hàn"** (lầu ngọc gác quỳnh, càng lên cao càng chẳng chịu nổi lạnh), để khuyên cha mình nên biết đủ mà vui, chớ có nghĩ đến chuyện làm hoàng đế. Viên Thế Khải xem thơ con, nổi giận đùng đùng, lập tức đem giam lỏng ông lại, chính hai câu này khiến ông đọc mà nhức đầu nhất, không thể nào chịu nổi nhất.

Một bài khác:

Tiểu viện tây phong hướng vãn tình, hiêu hiêu ân oán vị phân minh.
Sân nhỏ gió tây, trời chiều vừa tạnh; ồn ào ân oán vẫn chưa rõ ràng.

Nam hồi cô nhạn yểm hàn nguyệt, đông khứ kiêu phong động cửu thành.
Nhạn lẻ bay về nam che khuất trăng lạnh; gió kiêu thổi sang đông làm rung chín thành.

Câu khích khứ lưu tranh nhất thuấn, cùng thanh xuy mộng dục tam canh.
Ngựa câu qua khe cửa, đi ở chỉ tranh trong khoảnh khắc; tiếng dế thổi vào giấc mộng, trời đã sắp sang canh ba.

Sơn tuyền nhiễu ốc tri thâm thiển, vi niệm thương ba cảm bất bình.
Suối núi quanh nhà, tự biết nông sâu; khẽ nghĩ đến sóng biếc mà lòng cảm thấy bất bình.

Hai câu mở đầu này dồn hết tâm sức vào đó. Vào thuở đầu Dân Quốc mới thành lập, Viên Thế Khải tuy đã làm đại tổng thống đầu tiên, nhưng các nơi bàn tán xôn xao, thiên hạ vẫn chưa thật lòng quy phục. Cho nên mới có câu nói thẳng "ồn ào ân oán vẫn chưa rõ ràng". Còn cái gọi là **"hướng vãn tình"** (trời chiều vừa tạnh), ngầm ý cha ông tuổi tác đã cao, vất vả cả đời, đến tuổi già mới có được thành tựu ấy, nên trân quý lấy, đừng nên tùy tiện làm liều nữa.

“Nhạn lẻ bay về nam” là ví với ảnh hưởng của Quốc dân đảng phương nam, tuy chưa nắm quyền, nhưng lẽ phải ở về phía họ, một mình vẫy vùng bay đi, cũng đủ sức che khuất ánh sáng vầng trăng lạnh. “Gió kiêu thổi sang đông” là chỉ thói kiêu ngạo bá đạo của người Nhật lúc bấy giờ, ngầm chứa dã tâm hiểm độc, cần phải đặc biệt lưu tâm.

Người xưa nói, đời người trăm năm, cũng chẳng qua như bóng ngựa trắng vụt qua khe cửa, chỉ trong nháy mắt mà thôi. “Khích” chỉ khe hở nơi cánh cửa. “Bạch câu” là hình ảnh ánh nắng chiếu xuyên qua khe cửa sổ trống, tựa như bóng con ngựa nhỏ phóng đi nhanh chóng. Câu này khuyên cha ông đã lớn tuổi rồi, đời người ngắn ngủi, mà lời phán xét công tội để đời lại chỉ tranh nhau trong một niệm mà thôi, ắt phải chọn lựa cho sáng suốt. “Tiếng dế thổi vào giấc mộng” là tiếng côn trùng mùa thu kêu rả rích. “Dục tam canh” là hình dung con người đã già, chẳng khác nào đêm đã khuya, “giấc mộng đẹp xưa nay vốn dễ tỉnh nhất”, rốt cuộc còn được bao nhiêu thời gian nữa để mơ một giấc mộng đẹp mùa thu trong trẻo đây?

“Tại sơn tuyền thủy thanh, xuất sơn tuyền thủy trọc” (nước suối trong núi thì trong, ra khỏi núi thì đục). Con người cần có cái sáng suốt tự biết mình, phải tự biết rõ tài đức năng lực của mình nông sâu đến đâu mới tốt. Nhưng tâm chí của cha và anh ông lại không nghĩ như vậy, nên cứ khiến ông canh cánh mãi trong lòng, không lúc nào dứt được, không lúc nào yên tâm.

Hai bài thơ này hay biết bao. Sở dĩ dẫn ra đây, cũng là để nói rõ kinh nghiệm lịch sử, chứng minh lời răn bốn điều không nên của Lão Tử chuẩn xác đến chừng nào. Tài thơ văn của Viên Khắc Văn quả thật rất đẹp. Nhưng xét cho cùng, ông vốn là công tử con nhà thế gia, sau những năm đầu Dân Quốc, sống nương náu ở Thượng Hải, ngày ngày o bế đào kép, chơi đồ cổ, là một trong cái gọi là “tứ đại công tử đầu thời Dân Quốc”. Dù về học thuật tư tưởng hay đức nghiệp sự công, ông đều chẳng làm nên trò trống gì, chẳng có điều gì đáng lấy làm gương. Nay chúng ta chỉ luận thơ theo thơ, không bàn đến con người. Tôi thường có kinh nghiệm thế này: có người, chỉ nên đọc văn của họ, không cần biết đến con người họ. Có người, lại rất nên biết con người họ, không cần bàn đến học vấn của họ. Người tài ba, rốt cuộc khó mà vẹn toàn cả hai. Còn như loại người như tôi đây, thơ văn học thuật, đều chẳng có gì đáng lấy. Làm người, cũng chưa làm cho ra hồn. Đành lấy cảnh “cổng bồng ngõ hẹp, dạy dăm ba đứa trẻ con vỡ lòng” mà gắng gượng sống qua ngày mà thôi.

Thượng Kinh · Chương 25

Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh.

Có một vật hỗn độn mà thành, sinh ra trước trời đất.

Tịch hề liêu hề, độc lập nhi bất cải,

Vắng lặng thay yên lặng thay, đứng một mình mà không thay đổi,

chu hành nhi bất đãi.

vận hành khắp nơi mà không mệt mỏi.

Khả dĩ vi thiên hạ mẫu.

Có thể là mẹ của thiên hạ.

Ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết đạo,

Ta không biết tên nó, gọi nó là Đạo,

cưỡng vi chi danh viết đại.

cố đặt tên thì gọi là Lớn.

Đại viết thệ, thệ viết viễn, viễn viết phản.

Lớn gọi là đi xa, đi xa gọi là viễn, viễn gọi là trở về.

Cố đạo đại, thiên đại, địa đại, vương diệc đại.

Cho nên Đạo lớn, trời lớn, đất lớn, vua cũng lớn.

Vực trung hữu tứ đại, nhi vương cư kỳ nhất yên.

Trong vũ trụ có bốn cái lớn, mà vua chiếm một trong số đó.

Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên.

Người pháp theo đất, đất pháp theo trời, trời pháp theo Đạo, Đạo pháp theo tự nhiên.

Bà mẹ già của thiên hạ

Mấy chương trước, chúng ta đã liên tục bàn về diệu dụng của Đạo, rằng Đạo hiện diện ngay trong đời sống hằng ngày, trong đủ mọi hành vi ứng xử, đối nhân xử thế. Đến chương này, sách *Lão Tử* lại quay trở lại, đi sâu thêm một bước để nói rõ đạo lý "thể dụng hợp nhất". Nhưng rốt cuộc, "Đạo" là gì? Cái gì được gọi là "Đạo"? Đây là câu hỏi triết học căn bản nhất. Thế nhưng trong sách *Lão Tử*, khắp nơi tác giả đã dùng đủ kiểu ngôn từ độc đáo, khiến người đọc phải từ nhiều góc độ khác nhau mà nhận ra nó, lại còn dùng lời văn khi rõ khi kín để diễn đạt, hé lộ ra cái tin tức bên trong ấy, vốn không cần đời sau phải vẽ rắn thêm chân, chú giải lôi thôi thêm nữa.

Năm nghìn chữ của sách *Lão Tử*, tuôn trào phóng khoáng, nói ra tự nhiên như lấy đồ trong túi, mà chân tướng của Đạo, đáp án đã nằm sẵn ngay trong đó. Ngay chương đầu tiên, mở lời đã nói thẳng: **"đạo khả đạo, phi thường đạo"** (đạo mà có thể gọi ra được, thì không phải là đạo vĩnh hằng), như một nhát bút vén mây thấy trời, quét sạch mọi chướng ngại của tên gọi tương đối. Đến chương này, sách lại nói: **"hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh. Tịch hề, liêu hề, độc lập nhi bất cải, chu hành nhi bất đãi, khả dĩ vi thiên hạ mẫu, ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết đạo"** (có một vật hỗn độn mà thành, sinh ra trước trời đất. Vắng lặng thay, yên lặng thay, đứng một mình mà không thay đổi, vận hành khắp nơi mà không mệt mỏi, có thể là mẹ của thiên hạ, ta không biết tên nó, gọi nó là Đạo).

Từ xưa đến nay, rất nhiều người nghiên cứu *Lão Tử*, vậy mà không ít người lại cho rằng Lão Tử là người thiên về vật, một "nhà duy vật". Người thời nay, chịu ảnh hưởng khá sâu của triết học phương Tây, lại càng có nhiều người khẳng định như vậy, chú giải theo hướng tư tưởng duy vật. Cách dùng sai ý thức hiện đại hay quan niệm phương Tây để gán ghép vào văn ý cổ văn Trung Quốc như thế, khiến người ta nhận thức không rõ ràng, cá nhân tôi thật sự không dám đồng tình. Cái lý niệm mà Lão Tử trình bày suốt từ đầu đến cuối sách, chỗ nào cũng nói rõ rằng sự tồn tại của vũ trụ và sinh mệnh là **"tâm vật nhất nguyên"** (tâm và vật vốn cùng một gốc), không có gì phải nghi ngờ.

Câu "hữu vật hỗn thành", chữ "vật" ở đây hoàn toàn không giống với khái niệm "vật chất" mà người thời nay vẫn hiểu. Điểm mấu chốt này trước đây đã từng nhắc tới. Chữ "vật" thời cổ, ý nghĩa tương đương với cách nói "có một cái gì đó" trong khẩu ngữ ngày nay, cái "cái gì đó" này có thể chỉ những trạng thái tồn tại phi vật chất, như tinh thần, tâm lý, hay "lực", "năng lượng" v.v., cũng có thể đại diện cho cái "vật" thuộc về vật chất. Chữ "vật" trong câu "hữu vật hỗn thành" ở đây chính là từ đồng nghĩa với "Đạo", nội hàm của Đạo này bao gồm cả vật chất lẫn phi vật chất, là do "tâm vật nhất nguyên" hòa lẫn mà thành.

Quan niệm tư tưởng "tâm vật nhất nguyên" này bắt nguồn từ Kinh Dịch. Kinh Dịch là gốc rễ của mấy nghìn năm lịch sử văn hóa Trung Quốc, là triết học của mọi nền triết học, là kinh điển của mọi bộ kinh điển. Tư tưởng văn hóa Trung Quốc, từ trước đến nay vẫn luôn lấy hai ký hiệu "âm", "dương" làm gốc, dựa vào sự biến hóa qua lại, sinh khắc lẫn nhau giữa hai bên mà xây dựng nên vũ trụ quan, luân lý quan của mình. Nếu ta lấy "dương" làm biểu tượng cho tinh thần, thì "âm" chính là biểu tượng cho vật chất, âm dương phối hợp, tâm vật hòa quyện vào nhau, từ đó sáng tạo, sinh hóa ra đủ mọi thứ từ nhỏ nhất đến lớn nhất, không thiếu thứ gì, vô cùng vô tận, cả thế giới hữu tình lẫn thế giới vô tình.

Thế nhưng, tâm và vật suy cho cùng chỉ là hai mặt hiện ra của một thể duy nhất, cái Đạo hồn nhiên nhất thể ấy, nó "sinh ra trước cả trời đất", sự hình thành và tiêu vong của vạn vật trong vũ trụ, đều là do công năng của nó gây nên. Vào thời Nam Bắc triều, đời Lương Vũ Đế bên Nam triều, có một vị đại sư Thiền tông tên là Phó Đại Sĩ (Phó Hấp), bài kệ ngộ đạo của ông có câu:

Hữu vật tiên thiên địa,
Có một vật có trước cả trời đất,

vô hình bản tịch liêu.
vốn không hình tướng, vắng lặng cô liêu.

Năng vi vạn tượng chủ,
Có thể làm chủ muôn hình vạn tượng,

bất trục tứ thời điêu.
chẳng theo bốn mùa mà tàn úa.

Tư tưởng thể hiện trong bài kệ này chính là mẫu mực điển hình cho sự hợp lưu giữa tư tưởng Lão Tử của Đạo gia Trung Quốc và Phật học.

"Hữu vật tiên thiên địa" (có một vật có trước cả trời đất), bản thân nó vốn không có hình tướng, tồn tại trước cả trời đất, cái gốc của vạn vật trong vũ trụ chính là nó. Mọi biến hóa của muôn hình vạn tượng, sinh ra rồi mất đi, đó chỉ là hai đầu của những hiện tượng khác nhau mà thôi, tuy có quan hệ mật thiết không thể tách rời với cái "Đạo" vượt lên trên hết thảy sự vật ấy, nhưng lại không thể nào ảnh hưởng đến bản chất của nó. Cũng giống như ánh sáng và bóng tối

mà ta vẫn quen thuộc hằng ngày, sáng đến tối đi, tối đến sáng đi, sự chuyển đổi qua lại giữa sáng và tối chỉ là sự thay phiên của hai hiện tượng khác nhau, còn cái có thể làm nên sáng, làm nên tối ấy, tự nó không hề sinh diệt theo sự biến đổi của sáng tối; nhưng công năng diệu dụng của nó lại thể hiện ngay trong sự qua lại của sáng tối ngày đêm. Cái gọi là đạo hình nhi thượng, là bản thể, kỳ thực đã hiển hiện triệt để, không giấu diếm chút nào, ngay trong muôn hình vạn cảnh mà nó tạo ra, quan hệ giữa bản thể và hiện tượng là một mà hai, hai mà một. Còn điều nhà Phật nói **"duyên khởi tính không, tính không duyên khởi"** (do duyên mà sinh ra nên bản tính vốn không; chính vì bản tính vốn không nên mới do duyên mà sinh ra), có thể nói là sự diễn giải, phát huy thêm một bước nữa của đạo lý này.

Vậy thì, "hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh" rốt cuộc là tình trạng như thế nào? Lão Tử hình dung rằng: **"tịch hề, liêu hề, độc lập nhi bất cải, chu hành nhi bất đãi"** (vắng lặng thay, yên lặng thay, đứng một mình mà không thay đổi, vận hành khắp nơi mà không mệt mỏi). Cách diễn đạt của tư tưởng Lão Tử về đạo hình nhi thượng có chỗ khác với Phật học Ấn Độ, Phật học đến cùng chỉ dùng một chữ "không" để đại diện, còn Lão Tử thì dùng chữ "tịch", dùng chữ "liêu". "Tịch" là cái trống rỗng tuyệt đối, thanh tĩnh đến cùng cực, không một chút âm thanh, sắc tướng, hình tượng nào. "Liêu" là hình dung sự rộng lớn, tương tự như "vô lượng vô biên" bên Phật học.

Từ "không" là thuật ngữ riêng của nhà Phật, nói theo nguyên tắc của đạo thể; còn "tịch", "liêu" mà Đạo gia dùng, lại là để hình dung cảnh giới và hiện tượng của nó. Về mặt diễn đạt, mỗi bên đều có cái hay riêng, cũng đều có cái dở riêng. Nói "không", khó tránh khỏi có người hiểu lầm thành tư tưởng đoạn diệt; nói "tịch", nói "liêu", lại dễ khiến người ta chấp vào một hiện tượng, sa vào cái khuôn sáo của cảnh giới.

Lão Tử nói về Đạo này, **"tịch hề, liêu hề"** (vắng lặng thay, yên lặng thay), trống rỗng thanh tĩnh, rộng lớn vô biên, không có hình tượng âm thanh sắc tướng nào để tìm, mãi mãi không thấy được, không sờ được; **"độc lập nhi bất cải"** (đứng một mình mà không thay đổi), vượt lên trên hết thảy vạn hữu, lặng lẽ tự đứng một mình, không hề lay động, không vì sự biến đổi vật lý của thế giới hiện tượng mà biến đổi, không vì sự sinh diệt của thế giới vật lý mà sinh diệt. Nhưng ở đây chúng ta cần chú ý, Lão Tử nói là "độc lập nhi bất cải", ông không hề nói **"độc lập nhi thường trụ"** (đứng một mình mà thường còn). Chữ "thường trụ" dễ khiến người ta cảm thấy đó là chỉ một thực thể có hình tướng, nhưng Đạo lại không thích hợp để gọi là thực hữu. Bởi vì nó **"phi tâm phi vật"** (không phải tâm, cũng không phải vật), nhưng cũng không thể nói nó không phải là thực hữu, bởi vì nó **"tức tâm tức vật"** (chính là tâm, cũng chính là vật). **"Chu hành nhi bất đãi"** (vận hành khắp nơi mà không mệt mỏi), nó không đâu là không có mặt, ở đâu cũng có Đạo. Bất luận là "vật" hay là "tâm", đều có sự tồn tại của nó, mãi mãi vô cùng vô tận, khắp cả mọi nơi. **"Khả dĩ vi thiên hạ mẫu, ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết đạo"** (có thể là mẹ của thiên hạ, ta không biết tên nó, gọi nó là Đạo). Thứ này là gốc rễ của hết thảy vạn hữu trong vũ trụ, đầy đủ mọi khả năng, thật khó mà dùng ngôn ngữ văn tự thông thường của thế gian để hình dung, cho nên các bậc tiền nhân xưa của Trung Quốc ta, bất đắc dĩ, tạm gọi nó là "Đạo", lấy chữ "Đạo" để bao quát hết mọi chỗ quy về cứu cánh của vạn pháp.

Vạn đạo không lìa vương đạo và nhân đạo

Chữ "Đạo" dùng làm tên gọi, trong nền văn hóa nguyên thủy của Trung Quốc, là một đại từ vượt lên trên tính chất tôn giáo, triết học phương Tây gọi nó là **"nguyên nhân đầu tiên"** (Đệ nhất nhân), nhưng về nội hàm giữa hai bên vẫn còn có chỗ khác nhau. Nói theo những từ mang tính tôn giáo, thì đạo Cơ Đốc, đạo Thiên Chúa gọi nó là "Thượng Đế", "Đấng Chủ Tể", "Thần", đạo Hồi gọi nó là "Allah", còn đạo Phật thì gọi bằng "Như Lai", "Phật". Những chữ mang tính tôn giáo kiểu này, người bình thường rất dễ dựa theo kiến thức, thói quen cùng những quan niệm tiềm thức của riêng mình, mà trong tâm thức tạo nên một khái niệm tưởng tượng khác, lệch khỏi ý nghĩa gốc, mập mờ lẫn lộn, thậm chí thường khoác lên một lớp màu sắc thần bí đậm đặc không sao gỡ ra được. Ví như hễ nhắc đến "Thượng Đế", hầu

như ai cũng hình dung Ngài thành một vị thần có thể khống chế mọi thứ, làm chủ mọi thứ, nắm trong tay uy quyền lớn nhất của vũ trụ. Còn hễ nhắc đến "Như Lai", phần lớn người ta lập tức nghĩ ngay đến pho tượng ngồi trên đại điện chùa chiền, mắt cụp mày chùng, chẳng vướng chút khói lửa trần gian. Cái kiểu nhận thức về chân lý hình nhi thượng chỉ dựa đơn thuần vào sự yêu ghét và tưởng tượng của riêng mỗi người như thế, vấn đề liên quan đến nó thật ra khá nghiêm trọng.

Tư tưởng văn hóa Trung Quốc thời kỳ đầu, đối với cái thứ gọi là "Đạo" này, chưa hề gán cho nó bất cứ hình thái tôn giáo nào, cũng chưa hề coi nó là sở hữu riêng của một học phái triết học nào. Ngoài tên gọi "Đạo" ra, còn có mấy từ đồng nghĩa với nó, Lão Tử lại nói tiếp: **"cưỡng vi chi danh viết đại"** (cố đặt tên cho nó thì gọi là Lớn), bởi nó thật sự vô lượng vô biên, quá lớn, nên cũng có thể gọi là "Lớn"; **"đại viết thệ"** (Lớn gọi là đi xa), Lớn cũng chính là "đi xa", "đi xa" là sự trải rộng, phát triển mãi mãi ra tứ phía trong ngoài, cũng như nói vũ trụ đang không ngừng mở rộng vô hạn. Nói đến đây, ta thấy chữ "thệ" này khá thú vị. Mượn lời Liệt Tử mà nói, chính là: phương đông có thánh nhân xuất hiện, phương tây có thánh nhân xuất hiện, cái tâm ấy vẫn là một, cái lý ấy vẫn là một. Lão Tử cho rằng bản thân Đạo, lớn đến vô lượng vô biên, không bờ không bến, nên mới đặt tên là "đi xa". Cùng một ý nghĩa như thế, trong kinh Phật, Phật cũng có mười danh hiệu, **"Thiện Thệ"** (bậc khéo vượt qua, khéo đến nơi giải thoát) là một trong số đó. Chữ "thệ" trong "Thiện Thệ" này, ngoài hàm nghĩa "vô thường" ra, cũng đồng thời đại diện cho sự vô cùng vô tận, hình dung cái lớn khó mà nói hết bằng lời, có chỗ trùng hợp không hẹn mà gặp với câu "đại viết thệ" mà Lão Tử nói. Nhưng chúng ta đều biết, kinh Phật được dịch sang Trung Quốc, đã cách thời Lão Tử một khoảng thời gian khá dài, thế mà Lão Tử, trong nền văn hóa thượng cổ Trung Quốc, đã sớm có cách nhìn và cách dùng từ giống hệt như vậy rồi.

Đã nói **"đại viết thệ"** (Lớn gọi là đi xa), thì **"thệ viết viễn"** (đi xa gọi là viễn), không đâu là không tới, thông suốt bốn phương tám hướng, "đem ra bốn biển đều đúng cả", không chỗ nào là không vươn tới, cũng mang ý vô lượng vô biên, vô cùng vô tận. Thế nhưng, chính vì "Đạo" quá lớn quá xa, nó ở khắp mọi nơi, thông suốt xưa nay, đến tận cùng vị lai, nếu chúng ta cứ nhắm vào cái lớn, cái xa mà đi tìm nó, thì ngược lại càng khó với tới, không khéo còn lạc vào cái thế giới hiện tượng muôn hình vạn trạng, kỳ lạ trăm bề, không sao thoát ra được. Kỳ thực "Đạo" ở ngay trong bản thân mỗi người, không rời một khắc nào, nếu biết quay lại tìm ở chính mình, tự xét lại bản thân, thì mới có hy vọng thấy được "Đạo". Cho nên mới nói **"thệ viết viễn, viễn viết phản"** (đi xa gọi là viễn, viễn gọi là trở về). Cái xa nhất chính là cái gần nhất, cái cuối cùng chính là cái khởi đầu, chỉ cần tinh thần tỉnh táo, mở to mắt ra mà nhìn, thì chân trời đã ở ngay trước mắt rồi.

Ta biết rằng theo quan niệm xưa của Trung Quốc, bản thể của vạn hữu trong vũ trụ được gọi là "Đạo", ngoài ra còn có các tên gọi như "Lớn", "đi xa", "viễn", "trở về", thậm chí cả chữ "Trời", hay "Đế" mà Nho gia hay nói tới, cũng đều là những cách gọi khác của "Đạo", tính gộp lại, ít nhất cũng có đến khoảng mười tên gọi khác nhau của "Đạo". Về sau văn hóa Ấn Độ truyền sang Trung Quốc, trong đó cách nói của Phật giáo về bản thể hình nhi thượng, cũng có mười danh hiệu của Phật, đem so với những cách gọi "Đạo" vốn có sẵn của Trung Quốc, thì thấy khá tương đồng dù cách biểu đạt khác nhau, gần như cùng một đạo lý, cách nói giống hệt nhau, không biết có phải hồi đó hai bên từng họp bàn liên tịch, hiệp thương kỹ càng về vấn đề này hay không, chứ không thì sao lại trùng hợp đến thế, hô ứng nhau từ xa đến vậy? (cười) Kỳ thực đây chính là đạo lý phương đông có thánh nhân xuất hiện, phương tây có thánh nhân xuất hiện, cái tâm ấy vẫn là một, cái lý ấy vẫn là một. Chân lý trên đời chỉ có một, không hai cũng không ba, chỉ là phương Đông và phương Tây có cách biểu đạt hơi khác nhau mà thôi.

Tiếp theo, Lão Tử nói **"cố đạo đại, thiên đại, địa đại, vương diệc đại"** (cho nên Đạo lớn, trời lớn, đất lớn, vua cũng lớn). Đoạn này đang nói "trời" nói "đất", lại bỗng dưng chui ra một chữ "vua", vua ở đây đại diện cho con người. Theo văn hóa truyền thống Trung Quốc, ba yếu tố "trời, đất, người" luôn được xếp ngang hàng cùng nhau, mà con

người nằm ngay trong đó. Vì sao vậy? Bởi vì văn hóa Trung Quốc coi trọng nhất là "nhân đạo", tinh thần nhân văn đậm đà nhất, giá trị của đạo làm người được coi trọng nhất. Giả sử bây giờ ta ra một đề thi, "giá trị của cuộc đời là gì?" hay "mục đích của cuộc đời là gì?", nếu đứng trên quan điểm tư tưởng văn hóa Trung Quốc mà trả lời, thì chỉ có một đáp án duy nhất, đó là **"tham tán thiên địa chi hóa dục"** (tham dự, giúp sức vào việc sinh thành, nuôi dưỡng của trời đất), câu này trích từ Chu Dịch, thiên Hệ Từ truyện.

"Tham tán thiên địa chi hóa dục" chính là chỗ giá trị của đạo làm người nằm ở đó. Con người sinh ra giữa trời đất, cái kiếp sống vài mươi năm ngắn ngủi, tựa như khách qua đường, thoáng chốc đã trôi qua, rốt cuộc ý nghĩa của nó nằm ở đâu? Cái trời đất này của chúng ta, Phật học gọi là thế giới Ta Bà, nghĩa là **"kham nhẫn"** (chịu đựng được), loài người sống trên đó, cũng tạm gọi là sống được, dù có phần miễn cưỡng. Trời đất này vốn không hoàn hảo, có rất nhiều khiếm khuyết, rất nhiều vấn đề, nhưng trí tuệ và năng lực của loài người, chỉ cần biết vận dụng hợp tình hợp lý, thì có thể tạo ra một cuộc đời viên mãn, hài hòa, bù đắp lại những thiếu sót của trời đất.

Chẳng hạn, giả sử trên trời lúc nào cũng treo sẵn một mặt trời, không hề có ban đêm, thì loài người cũng sẽ chẳng bao giờ phát minh ra bóng đèn điện, tạo ra ánh sáng giữa bóng tối. Nếu trái đất không có sự biến đổi bốn mùa khí hậu, lúc mưa lúc gió, thì loài người cũng sẽ không xây nhà mà ở, hay phát minh ra áo mưa, ô dù để che chắn. Cái việc loài người ứng phó và sáng tạo trước những hiện tượng biến đổi muôn vàn giữa trời đất như thế, chính là cái gọi là "tham tán". Trí tuệ và năng lực này của loài người thật vĩ đại, nên văn hóa Trung Quốc mới xếp nó ngang hàng với trời đất, gọi là tam tài: trời, đất, người. Đây là cách giải thích cũ trước nay.

Vậy thì, **"đạo đại, thiên đại, địa đại, vương diệc đại. Vực trung hữu tứ đại, nhi vương cư kỳ nhất yên"** (Đạo lớn, trời lớn, đất lớn, vua cũng lớn. Trong vũ trụ có bốn cái lớn, mà vua chiếm một trong số đó). Chữ "vực" đại diện cho lãnh vực vũ trụ rộng lớn. Bốn cái lớn mà Đạo gia nói ở đây, khác với cái gọi là tứ đại của nhà Phật. Tứ đại nhà Phật, chuyên chỉ bốn nguyên tố cấu thành nên thế giới vật chất là đất, nước, lửa, gió. Còn tứ đại mà Đạo gia nói tới, là "Đạo, trời, đất, người". Cái danh xưng "tứ đại" này do chính Lão Tử đưa ra đầu tiên, không giống như tứ đại của nhà Phật. Lão Tử nói, trong vũ trụ vô cùng vô tận này, có bốn thứ là chủ yếu nhất, then chốt nhất, mà giá trị của con người chiếm một trong bốn thứ đó. Đại diện cho con người trong tứ đại là chữ **"vương"** (vua), văn hóa thượng cổ Trung Quốc giải thích chữ "vương" nghĩa là **"vượng"** (thịnh vượng), là **"dụng"** (được dùng). Xem số, xem tướng có cái gọi là "ngày vượng tướng", trong văn tự cổ đại, cũng có chỗ gọi là "ngày vương tướng". Mỗi người dựa theo bát tự của mình mà chọn ngày vượng tướng có lợi cho bản thân để làm việc gì đó, cho rằng như thế sẽ được đại cát. Vì sao trong vũ trụ, con người lại có thể cùng với "Đạo lớn, trời lớn, đất lớn" xếp chung hàng là một trong bốn cái lớn? Đó là vì trí thông minh tài trí của loài người, có thể "tham tán thiên địa chi hóa dục", khắc phục những yếu tố bất lợi của vũ trụ tự nhiên đối với sự tồn tại của con người, mà khai triển ra cả một nền lịch sử văn hóa nguồn cội lâu dài giữa trời đất.

Tự nhiên, nào có dễ dàng

Đã vậy, địa vị con người quan trọng và đặc biệt đến thế, tiếp theo Lão Tử liền nói cho chúng ta biết quy tắc làm người làm việc, cách tu đạo, cách hành đạo. **"Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên"** (người pháp theo đất, đất pháp theo trời, trời pháp theo Đạo, Đạo pháp theo tự nhiên). Đây là câu mật ngữ ngàn đời không đổi của Lão Tử, là chỗ tinh hoa của tư tưởng Lão Tử, hiểu được đạo lý trong câu này, thì cũng coi như đã nắm được chỗ then chốt của việc tu đạo, hành đạo. Ở đây chữ "pháp" là động từ, nghĩa là noi theo, học theo. Người phải noi theo đất, đất lại noi theo trời, chữ "trời" ở đây chỉ cái trời vật lý tự nhiên hữu hình của hệ mặt trời, tức cái bầu trời thiên thể theo nghĩa thiên văn học, không phải một khái niệm trừu tượng. Đất noi theo trời, trời lại phải noi theo Đạo,

lấy Đạo làm chỗ quy về cho sự vận hành của mình. Vậy thì, Đạo lại lấy gì làm đối tượng để noi theo? "Đạo pháp tự nhiên."

Bây giờ trước hết cần giải thích vấn đề "tự nhiên". Hiện nay có một ngành mới nổi lên gọi là "tôn giáo học so sánh", hay còn gọi "triết học tôn giáo", đem lý luận triết học và thực trạng của từng tôn giáo trên khắp thế giới, như Phật giáo, Đạo giáo, Hồi giáo, Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa giáo v.v., gộp lại nghiên cứu, so sánh lẫn nhau, tìm ra chỗ giống nhau khác nhau và mối quan hệ giữa chúng, đã phát hiện ra không ít vấn đề thú vị, đáng để đi sâu tìm hiểu thêm. Nếu chúng ta lấy thái độ so sánh tôn giáo, gạt bỏ những cảm xúc tôn giáo nông cạn kia đi, đặt cái nhìn vào tầng luân lý phổ thông mà tôn giáo nào cũng dạy người ta làm điều thiện, làm việc tốt, thì tôn giáo nào cũng đều tốt cả, đều ngang bằng nhau ở mức độ ấy. Nhưng nếu muốn tiến thêm một bước, thấu triệt được mức độ nông sâu trong nội hàm thực sự của từng tôn giáo, thì vấn đề chồng chất, không thể xuề xòa qua loa được, đáng phải nghiên cứu, thể hội kỹ càng.

Từ trước đến nay, có không ít trước tác của nhà Phật phê phán Đạo gia là "ngoại đạo tự nhiên". Vì họ thấy Lão Tử nói "đạo pháp tự nhiên", liền tự nhiên mà liên tưởng hai bên với nhau. Kỳ thực, khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế ở Ấn Độ, có mấy chục luồng tư tưởng triết học đối lập với Phật giáo, trong đó một trong vài đại học phái có tầm ảnh hưởng lớn ngang với Phật Thích Ca Mâu Ni thời bấy giờ, chuyên bàn về "tư tưởng duy vật", gọi là "ngoại đạo tự nhiên", hoàn toàn không liên quan gì đến chữ "tự nhiên" trong câu "đạo pháp tự nhiên" mà Lão Tử Trung Quốc nói tới. Hai bên chưa từng kết làm đạo chị đạo em, hay đạo anh đạo chú gì cả, cũng không hề có chuyện thông đồng qua lại với nhau.

Ngoại đạo tự nhiên của Ấn Độ thời bấy giờ, thuộc về "học phái tự nhiên", cái gọi là "tự nhiên" của họ, hoàn toàn nói theo quan điểm vật lý. Nhưng tư tưởng của Lão Tử tuyệt nhiên không phải như vậy. Khi Trung Quốc thời cận đại dịch các sách vở phương Tây, đem các môn vật lý, hóa học v.v. gộp chung gọi là khoa học tự nhiên, đó là mượn dùng chữ của Lão Tử, chúng ta không thể vì thế mà cho rằng chữ "tự nhiên" mà Lão Tử nói cũng chính là cái tự nhiên thuộc phạm trù vật lý. Đem tư tưởng của Lão Tử mà gán ép cho khớp như thế, đó là chỉ hươu nói ngựa, đổ oan cho người xưa, hoàn toàn vô lý.

Tuy Lão Tử không đưa ra định nghĩa trực tiếp, nhưng rốt cuộc chữ "tự nhiên" của Lão Tử mang ý nghĩa gì? Chúng ta cũng không thể như các vị quan tòa nơi pháp đình, khi xét xử một vụ án, tùy tiện dùng "tự do tâm chứng" mà phán định sự quy thuộc của một tư tưởng học thuật, buông lời kết luận bừa bãi, cứ nhất quyết cho rằng chữ "tự nhiên" mà Lão Tử nói cũng chính là "ngoại đạo tự nhiên" của Ấn Độ. Không phân biệt phải trái, gộp Lão Tử một cách vơ đũa cả nắm vào cái khuôn "triết học duy vật", đó là một sự hiểu lầm sai trăm đường, sai nghìn lối. Tình huống này, nếu mượn thuật ngữ Phật học mà nói, chính là "chúng sinh điên đảo", "điên đảo chúng sinh". Cái gọi là "điên đảo" ấy, là chỉ sự sai lầm trong kiến giải, quan niệm và tư tưởng của chúng ta, từ đó mà hình thành nên kiến hoặc (mê lầm về kiến giải) và tư hoặc (mê lầm về tư duy). Do chúng ta cứ mãi bị hai thứ mê lầm nhận thức ấy che chướng, nên không thể thành đạo, không thể thấy thấu chân lý giữa trời đất vũ trụ.

Vậy thì Lão Tử nói: "nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên." Vậy nội hàm thật sự của chữ "tự nhiên" này là gì? Đáp án rất đơn giản, hai chữ "tự nhiên", nếu giải thích theo cách ghép chữ của văn tự học Trung Quốc, thì phải tách riêng ra mà nói, "tự" chính là bản thân nó tự tại, "nhiên" là vốn dĩ như thế. Cái "tự nhiên" mà Lão Tử nói tới, là chỉ bản thân Đạo vốn mang tính tuyệt đối, Đạo cứ "tự nhiên" mà như thế, "tự nhiên" chính là Đạo, nó căn bản không cần noi theo ai cả, Đạo vốn dĩ là như vậy, nguyên lai là như vậy, nên mới gọi là "tự nhiên".

Chúng ta nếu thông suốt triệt để Đại thừa Phật học, ắt sẽ không còn cảm thấy khó xử trước vấn đề triết học về bản thể và hiện tượng của vũ trụ nữa. Nhà Phật có một thuật ngữ gọi là **"pháp nhĩ như thị"** (vốn dĩ, nguyên lai đã là như thế), nó nói rõ rằng bản thân các pháp vốn dĩ chính là như vậy. Con người sinh ra sao lại thành ra dáng vẻ ấy? Con người vốn là dáng vẻ ấy. Sao anh lại là như thế này? Tôi vốn là như thế này. Hết thảy vốn dĩ đã là như vậy, hết thảy các pháp chính là lý do của chính nó, chẳng còn nguyên nhân nguyên do nào khác nữa, như thế gọi là "pháp nhĩ như thị". Từ "pháp nhĩ như thị" mà nhìn lại "đạo pháp tự nhiên", thì càng rõ ràng hơn hết. "Đạo pháp tự nhiên", mà bản thân "tự nhiên" vốn dĩ đã là như thế, không có khuôn phép nào khác để tìm, cũng không tìm đâu ra một thứ gì khác để làm chủ nó nữa, "Đạo" chính là "tự nhiên", "tự nhiên mà nhiên", chính là "pháp nhĩ như thị". Người xưa khi dịch kinh Phật, sợ lẫn lộn thuật ngữ với chữ "tự nhiên" của Lão Tử, nên đành phải đặt ra một từ khác, gọi là "pháp nhĩ như thị".

Nói đến đây, tôi đã từng nhiều lần nhấn mạnh, người đời sau chúng ta khi đọc trước tác của người xưa, thường hay đem quan niệm tư tưởng của thời đại mình, hay thói quen ngôn ngữ văn tự hiện đại, mà hiểu biết nửa vời rồi đưa ra những chú giải lệch lạc cho cổ văn, vu oan cho người xưa, đó là một tội lỗi lớn biết bao. Đọc sách của thời đại nào, trước hết bản thân phải có khả năng lùi lại, quay về đúng tình trạng thực tế của thời đại ấy, thể hội phong tục văn vật của xã hội lúc bấy giờ, hiểu rõ tâm thái sinh hoạt của mọi tầng lớp trong triều ngoài nội thời đó, cùng thói quen ngôn ngữ đương thời, có như vậy mới nắm được cái nguồn động lực sáng tạo ra tư tưởng văn hóa của một thời đại, nhìn rõ bối cảnh lịch sử văn hóa nằm ở đâu, như thế mới tránh được việc xuyên tạc tư tưởng triết học và sáng tác văn nghệ của thời đại ấy, và mới đưa ra được sự đánh giá đúng đắn, hợp lý.

Chẳng hạn, khi chúng ta nghiên cứu kinh điển của Phật Thích Ca Mâu Ni, cũng phải lùi trở lại xã hội nông nghiệp Ấn Độ cổ đại hơn hai nghìn năm trước, đặt mình vào hoàn cảnh mà nghĩ thay cho người dân thời ấy. Ấn Độ thời đó là một thế giới có khoảng cách giàu nghèo cực lớn, cực kỳ bất bình đẳng, khắp nơi tràn ngập ngu muội và khổ đau. Nếu bạn đọc lịch sử mà thật sự có thể **"nhân nịch kỷ nịch, nhân cơ kỷ cơ"** (thấy người chết đuối như chính mình chết đuối, thấy người đói như chính mình đói) mà đem cả bản thân dấn thân vào, tự mình trải qua hoàn cảnh ấy, coi nỗi khổ kia như chính mình nếm trải, thì mới có thể hiểu thấu đáo vì sao Phật Thích Ca Mâu Ni lại đề xướng "chúng sinh bình đẳng", vì sao lại kêu gọi mỗi người đều phải có nguyện hạnh cứu độ hết thảy chúng sinh, mới có thể thể hội được chỗ vĩ đại thật sự của đức Phật thời bấy giờ. Nếu thiên hạ thái bình, thế giới vốn dĩ đã tốt đẹp, ai nấy sống không lo không nghĩ, chẳng thiếu thốn thứ gì, xe hơi, nhà lầu, máy lạnh máy sưởi, đủ cả mọi thứ, ngày tháng trôi qua khá thoải mái; cho dù có kém hơn tình cảnh ấy một chút, thì cũng vẫn cam chịu vui vẻ, thì cần gì phải mong đợi bạn đi cứu độ cái gì, giúp đỡ cái gì nữa đâu?

Ngẫm nỗi mênh mang của đất trời

Nói trở lại, Lão Tử nói **"nhân pháp địa"** (người pháp theo đất). Con người phải noi theo đất như thế nào đây? Con người muốn học theo đất thật chẳng dễ chút nào. Hãy xem đất gánh chở muôn vật, gánh vác hết thảy thay cho chúng ta, sự trưởng thành của sinh mệnh chúng ta, hoàn toàn nhờ vào đất mà duy trì. Cái ăn là do đất sinh ra, cái mặc cũng do đất tạo nên, mọi nhu cầu sinh hoạt hằng ngày, không có thứ gì mà không lấy được từ đất. Nhưng, chúng ta báo đáp lại cho nó cái gì? Chẳng qua chỉ là sau khi chết, để lại một nắm mủ máu thối rữa hôi hám và mấy khúc xương mục nát mà thôi.

Lúc còn sống, con người bất kể phải trái đúng sai, cứ đem hết mọi thứ không cần đến, phân, nước tiểu, nước bọt v.v., vứt bừa bãi cho đất, mà đất lại chẳng hề một lời oán trách, chẳng những sinh sôi không ngừng, nuôi lớn vạn vật, mà còn gánh chịu hết mọi tội lỗi của vạn vật nữa. Con người sống ở đời, chẳng lẽ không nên noi theo cái tinh thần vĩ đại vô tư, bao dung tất cả của đất hay sao? Kỳ thực văn hóa truyền thống Trung Quốc, từ trước đến nay luôn hết sức

nhấn mạnh tinh thần này. Quẻ Khôn trong Kinh Dịch, hình dung sự vĩ đại của đất là **"trực"** (ngay thẳng), là **"phương"** (vuông vắn), là **"đại"** (to lớn), chỉ ra rằng đất luôn thuận theo đạo mà đi, đi theo đường ngay thẳng. Bao dung hết thảy, không đổi thay đức tính của mình. Cách nhìn của nhà Phật về điều này cũng vậy, về sau khi dịch kinh Hoa Nghiêm, đã lấy "Đại Phương Quảng Phật" đặt làm tên kinh, cũng có thể nói là chịu ảnh hưởng từ lời quẻ của quẻ Khôn.

Hơn nữa, chúng ta noi theo đất, ngoài đạo lý nói trên ra, đồng thời còn phải hiểu ý nghĩa của việc đất vận động không ngừng từ xa xưa đến nay. Trái đất luôn luôn xoay chuyển. Một ngày trái đất không xoay chuyển, thậm chí chỉ ngừng lại một phút một giây thôi, loài người chúng ta và mọi sinh mệnh khác trên đời đều sẽ diệt vong.

Sự xoay chuyển của trái đất, người ta cứ tưởng là kiến thức khoa học cận đại, kỳ thực Trung Quốc thời thượng cổ đã sớm biết điều đó rồi, chỉ là bản thân chúng ta không chịu xét kỹ mà thôi. Lại có người dựa vào câu "trời tròn đất vuông" trong một số sách vở Trung Quốc, mà nhất quyết cho rằng người xưa quan niệm trái đất là vuông. Cách nói không hiểu ngọn ngành, chỉ a dua theo người khác như vậy, sai lầm vô cùng. Tăng Tử, học trò của Khổng Tử, từng nói trái đất là hình tròn, không phải hình vuông, mà lại luôn luôn xoay chuyển, cái quan niệm gọi là "đạo trời xoay trái, đạo đất xoay phải" ấy, đã có từ rất lâu đời rồi. Chúng ta muốn noi theo đất, thì nên như lời quẻ trong Kinh Dịch đã nói: **"thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức"** (trời vận hành mạnh mẽ không ngừng, người quân tử noi theo đó mà tự cường không nghỉ). "Hành kiện" là chỉ sự vận hành, xoay chuyển của trời đất, mãi mãi tiến tới một cách mạnh mẽ, nên con người phải noi theo cái tinh thần dấn thân tiến tới không ngừng ấy, một phút một giây cũng quyết không lười biếng, luôn luôn khai sáng tiến lên, mãi mãi tràn đầy sinh khí, mãi mãi linh hoạt sáng suốt, như vậy mới hợp với cái "đức hạnh" mà đất có được.

Nhưng, giữa vũ trụ này, nhật nguyệt tinh tú cùng trái đất, rốt cuộc ai khiến chúng xoay chuyển? Do ai làm chủ? Là Thượng Đế chăng? Là thần chăng? Là Phật chăng? Lão Tử lại không dùng những danh từ mang tính nhân thần tạo tác như thế, ông chỉ dựa theo cái tên vốn có sẵn trong văn hóa truyền thống thượng cổ, không biết gọi là gì, vẫn gọi nó là "Đạo", gọi là "tự nhiên", thích đáng hơn cả. Nên mới nói **"thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên"** (trời pháp theo Đạo, Đạo pháp theo tự nhiên). Nói một cách trừu tượng, Đạo tự nhiên có đủ công năng vô cùng vô tận, sở hữu sức mạnh "sinh diệt" không thể nghĩ bàn. Cái sức mạnh này, theo Phật học mà nói, gọi là "nghiệp lực". Nghiệp lực không nhất thiết là xấu, có tốt có xấu, xấu thì gọi là "ác nghiệp", tốt thì gọi là "thiện nghiệp". Kỳ thực, cái sức mạnh vận chuyển của bản thân trời đất này, vốn dĩ không có thiện ác gì cả, cái gọi là thiện ác, đều chỉ là do loài người tự mình gán thêm phán đoán giá trị vào mà thôi.

Sức mạnh của Đạo, sinh sôi không ngừng, tuôn trào bất tận, sinh ra trời, sinh ra đất, khiến quỷ hóa thần, khiến đế hóa thần, tất cả đều do công năng tự nhiên của Đạo phân hóa mà ra. Nhưng, vì sao nó lại phải sinh trưởng ra những sự tồn tại vạn hữu này? Có lúc khi không được như ý, chúng ta thật lòng oán trách cái Đạo này, vì sao nó cứ phải sinh sôi mãi không thôi, lại còn biến hóa mãi không dứt? Đạo không biến hóa thì đâu sinh ra được tôi với anh, không sinh ra tôi với anh, thì lấy đâu ra những ân oán rối bời, khổ đau phiền não này! Cái Đạo này, cần gì phải làm khó chúng ta đến thế? Sinh ra đất, lại sinh ra cha mẹ chúng ta, rồi lại sinh ra chúng ta, cùng con cháu đời đời sau này, rồi vì một chuyện nhỏ nhặt, ai nấy đều khổ sở không chịu nổi, lúc thành công, lúc thất bại, khi buồn khi vui, rốt cuộc cái Đạo này, cái Thượng Đế này, cái Đấng Chủ Tể này, đang đùa cợt gì với chúng ta vậy? Nếu như từ xưa đến nay vẫn cứ "bất sinh bất diệt", chúng ta có thể yên bình, thanh thản mà nghỉ ngơi, thì tốt biết bao!

Những nghi vấn kiểu này, khỏi cần nói, hàng phàm phu tục tử bình thường như chúng ta chẳng thể nào hiểu rõ chân tướng đáp án, mà ngay cả từ ngàn xưa đến nay, biết bao triết gia, tư tưởng gia đã dốc cạn cả đời mình để truy tìm vấn

đề này, cũng đều mắc kẹt trong cái câu đố truy cầu "nguyên nhân đầu tiên" ấy, chạy đông chạy tây, tìm không ra lối thoát, càng lún càng sâu, không cách nào thoát ra được. Các nhà khoa học ngày nay, cũng đang lao thẳng về phía trước vì những vấn đề này.

Còn Lão Tử thì sao? Ông nói Đạo chính là Đạo, tự nhiên chính là tự nhiên, ngoài ra không còn một nguồn gốc nào khác nữa, đã không có vì sao, cũng chẳng phải là vì cái gì, vốn dĩ đã là như vậy, nguyên vẹn chưa từng đổi thay; không đầu không cuối, không trước không sau, không sinh không diệt; mà từ cái không sinh không diệt ấy, tự nhiên mà tạo ra hiện tượng sinh sinh diệt diệt của trời đất vũ trụ và muôn vàn sinh mệnh, sinh ra cái ý thức vô ý thức về trước sau của thời gian, không gian. Chúng ta nghiên cứu tư tưởng Đạo gia, thuật ngữ "tự nhiên" này là một chỗ then chốt lớn, mà chỗ cứu cánh của nhà Phật cũng là "pháp nhĩ như thị", hai điều này rất đáng để tham cứu lẫn nhau. Những người học đạo tu luyện đạo thuật thông thường, nếu không thể thẳng nhận ra bản lai, thấy thấu cái sự thật "pháp nhĩ như thị" này, thì cho dù công phu tĩnh tọa thiền định có giỏi giang đến đâu, cũng vẫn cứ là kẻ bôn ba gió bụi, trôi lăn trong sinh tử, người lữ khách có nhà mà không về được, tiền đồ mờ mịt một màu. Không tin, bạn cứ thử đi hỏi Lão Tử xem.

Thần tiên tự nhiên

Lại nói, bản thân Đạo chính là tự nhiên sinh sôi không ngừng, nhưng rất nhiều người tu đạo, lại cứ nhất quyết ngồi thiền cầu tĩnh, cho rằng tĩnh là Đạo, như vậy chẳng phải đều sai cả hay sao? Bạn ngồi thiền, có thực sự tĩnh được không? Kỳ thực, trong nội tâm, vọng tưởng bay loạn, xáo động lung tung, chẳng có được một khắc an nhàn nghỉ ngơi nào cả. Ngồi thiền nhập định thật sự, cũng chỉ là tiến vào một cảnh giới đại vận động khác mà thôi, vì động quá lớn, nên ngược lại không cảm thấy nó động, mới gọi là tĩnh. Hay có thể nói là gần với cái lõi vận động của tự nhiên vĩ đại kia, trông có vẻ như tĩnh mà thôi. Ví như một hình tròn đang xoay, càng gần vành tròn thì đường vận động càng lớn, càng gần tâm tròn thì đường vận động càng nhỏ, mà cái tâm tròn ấy, khi xoay, lại hoàn toàn không rời khỏi chỗ cũ, căn bản không động, nhưng kỳ thực đó chính là chỗ cả hình tròn xoay mạnh mẽ nhất, vốn dĩ không hề tĩnh. Cho nên mới nói, cái có vẻ như thật sự tĩnh lặng ấy, chính là đã đạt tới một cảnh giới vận động hùng hồn không dấu vết hơn nữa, chỉ là bản thân bạn chưa nhận ra được cái cứu cánh của nó mà thôi. Sở dĩ ngồi thiền có thể khiến người ta khỏe mạnh, trường sinh bất lão, chính là nhờ vào cái hiệu quả đại động trong tĩnh mà tưởng như bất động này. Cái động này, thật ra chính là công năng của quy luật tự nhiên.

Người ta học đạo, học những gì đây? Nếu chỉ biết giữ khiếu luyện khí, thổ cố nạp tân, đó chỉ là tiểu đạo. Đại đạo vô vi, chẳng cần giữ gìn cái gì cả, chẳng có những trò lôi thôi rườm rà kia. "Đạo pháp tự nhiên", cứ tự nhiên như thế chính là đạo, nếu không được như vậy, thì không hợp đạo. Người bình thường, theo cách nhìn của các bậc tu luyện thần tiên, đều là phàm phu tục tử cả. Thế nhưng phàm phu tục tử chỉ cần làm được trong đời sống hằng ngày, để mọi thứ tùy vận mà tự nhiên, thì cũng không rời khỏi Đạo.

Đạo gia Trung Quốc có câu danh ngôn: "thân người là một tiểu thiên địa", nhận rõ quan niệm này, thì ngồi thiền tu đạo sẽ dễ dàng lên đường, bạn chỉ cần để thân tâm mình tự nhiên, tự nhiên như câu "nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên" ấy, chẳng phải sẽ đạt được cái tự tại thật sự hay sao. Đạo gia truyền thống, cho rằng thân người chúng ta chính là một tiểu thiên địa, dạ dày cũng như đất, trên trái đất có sông Trường Giang, sông Hoàng Hà, liên quan mật thiết đến dạ dày, ống dẫn phía trước chính là Trường Giang, ống dẫn phía sau chính là Hoàng Hà; các cơ quan khác, có cái đại diện cho mặt trăng, có cái đại diện cho mặt trời, đều không ngừng vận động. Khi con người ngồi thiền, để cho tâm lý tự nhiên thanh tĩnh, không quấy nhiễu sự vận hành của các cơ quan trong thân thể và sự tuần hoàn của máu huyết, khiến chúng tự nhiên mà hợp với quy luật vận hành của trời đất, thì thân thể tự nhiên sẽ ngày càng khỏe mạnh. Bình thường sở dĩ tứ đại trong thân thể chúng ta mất điều hòa, bệnh tật chồng chất, đều là do ý

thức, tư tưởng trong đầu óc quá nhiều quá loạn, quấy nhiễu quy luật vận hành vốn hợp với tự nhiên của thể năng, nên mới sinh ra hiện tượng bệnh tật, mới có cảm giác khổ vui.

Còn về đường lối tu đạo của nhà Phật cũng rất nhiều, cái thường được biết đến đều dạy người ta phải không, phải buông xuống, đừng vọng tưởng, điều này có chỗ tương thông với sự thanh tĩnh, vô vi của Đạo gia. Thanh tĩnh, vô vi, chính là không chấp vào bất cứ tướng nào cả, nhưng nếu bạn ngồi thiền mà trong lòng nghĩ: "ta quyết không nghĩ lung tung", thì bạn đã sớm rơi vào cái nghĩ "không muốn nghĩ" ấy rồi. "Đạo" vốn dĩ tự nhiên sinh sôi không ngừng mà động, mà bạn cứ nhất quyết trăm phương ngàn kế không cho nó động, chẳng phải như thế là đạo pháp quá không tự nhiên rồi hay sao? Không tự nhiên thì được sao? Kỳ thực tu đạo ngồi thiền, thậm chí trong đời sống hằng ngày, bạn chỉ cần để mọi thứ tự nhiên tùy vận mà trôi chảy, đó chính là cái tĩnh tự nhiên, không cần tạo tác giả tạo, tự do tự tại, như vậy là đúng rồi, cần gì phải chồng đầu lên đầu, tự mình giăng kén trói mình làm gì?

Từ sau Lão Tử, đến thời Đông Hán, Đạo gia xuất hiện bộ danh tác *Tham Đồng Khế* do chân nhân Ngụy Bá Dương soạn ra, xưa nay vẫn được xem là ông tổ của muôn đời kinh sách luyện đan, người học thuật thần tiên trường sinh bất lão của Đạo gia, nhất định phải nghiên cứu kỹ bộ sách này. Nhưng nguyên lý và phương pháp tu đạo được trình bày trong đó, trọng tâm vẫn nằm ở câu "đạo pháp tự nhiên" của Lão Tử. Vậy thì, vì sao lại gọi là *Tham Đồng Khế*? Bởi vì phương pháp tu luyện thần tiên trường sinh bất lão, với nguyên lý của cả ba thứ Lão Trang, Chu Dịch, và đan pháp, hoàn toàn giống nhau. Nên phải tham chiếu, đối chiếu mà nghiên cứu, đem đạo lý trong đó thông suốt lẫn nhau, làm sáng tỏ lẫn nhau, nên mới gọi là *Tham Đồng Khế*. Chữ "khế" ở đây chỉ giống như tờ khế ước, có thể đối chiếu khớp nhau không sai một li. Người Trung Quốc thời cổ khi lập khế ước, là khắc lên một mảnh thẻ tre các ký hiệu và điều khoản giao ước thành hai bản giống nhau, rồi bổ đôi ra làm hai mảnh, chỗ ráp nối ở giữa khớp khít với nhau từng đường, có thể dùng làm bằng chứng phân biệt thật giả về sau, nên mới gọi là "khế". Nguyên lý và quá trình tu đạo mà *Tham Đồng Khế* luận bàn, khá phức tạp, huyền diệu, nhưng cái gốc rễ của nó, vẫn không ngoài đại pháp tắc "đạo pháp tự nhiên" mà thôi.

Thân thể con người chúng ta là một tiểu vũ trụ, tiểu thiên địa, trong cái vũ trụ thiên địa nhỏ bé này, khí cơ vận hành ra sao, máu huyết lưu thông thế nào, tất cả đều có quy luật cố định không đổi, không thể miễn cưỡng dù chỉ một giây một phút, không được miễn cưỡng, không cần miễn cưỡng, giả sử thật sự hiểu được đạo lý này, tự khắc sẽ hiểu ra cách tu đạo, nhiếp sinh, dưỡng mệnh, nhưng đạo lý cuối cùng quy về, cũng không ngoài câu "nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên" của Lão Tử.

Thượng Kinh · Chương 26

Trọng vi khinh căn, tĩnh vi táo quân.

Nặng là gốc của nhẹ, tĩnh là chủ của động.

Thị dĩ thánh nhân chung nhật hành nhi bất ly truy trọng.

Vì vậy thánh nhân suốt ngày đi mà không rời hành lý nặng (gốc trọng).

Tuy hữu vinh quán, yến xử siêu nhiên.

Dù có cung điện huy hoàng, ngồi yên siêu thoát.

Nại hà vạn thừa chi chủ, nhi dĩ thân khinh thiên hạ?

Sao người chủ vạn cỗ xe lại lấy thân mình khinh thường thiên hạ?

Khinh tắc thất bản, táo tắc thất quân.

Khinh thì mất gốc, động thì mất chủ.

Một vai gánh trọn nỗi sầu kim cổ

Tiếp nối bốn cái Lớn của chương trước, tức đạo lớn, trời lớn, đất lớn, vua cũng lớn, và bốn phép tắc, tức người pháp theo đất, đất pháp theo trời, trời pháp theo Đạo, Đạo pháp theo tự nhiên, chương này mới có thêm phần giải thích, triển khai thêm về ý "người pháp theo đất", tức là câu **"trọng vi khinh căn, tĩnh vi táo quân, thị dĩ thánh nhân chung nhật hành nhi bất ly truy trọng"** (nặng là gốc của nhẹ, tĩnh là chủ của động, vì vậy thánh nhân suốt ngày đi mà không rời hành lý nặng).

Nặng và nhẹ, tĩnh và động, đều là hai cặp hiện tượng tương đối với nhau. Nặng và nhẹ là cặp tương đối thuộc hiện tượng vật lý. Tĩnh và động là cặp tương đối thuộc hiện tượng sinh hoạt. Nhưng xét theo câu chữ nguyên văn, Lão Tử ở đây nghiêng hẳn về tầm quan trọng của "nặng" và "tĩnh", chỉ thiên về một phía, mà bỏ qua mối quan hệ tác động qua lại giữa hai bên.

Cũng giống như thời hiện đại chúng ta, sau khi có kiến thức khoa học, mới biết trọng lượng của vật chất là do tác dụng của lực vạn vật hấp dẫn, tức sức hút của tâm trái đất, mà có. Giả sử vật chất thoát khỏi được sức hút của trái đất, bay vào không gian, thì sẽ mất đi tác dụng của trọng tâm, trở nên nhẹ bẫng, trôi nổi tự do, thong dong tự tại. Sinh mệnh xác thịt của con người chúng ta cũng vậy. Cho nên dù tâm trí có bay cao bay xa đến đâu, thì sinh mệnh xác thịt vẫn không thể thoát khỏi tác dụng của lực hấp dẫn, vẫn đứng yên tại chỗ; dù có ra sức rèn luyện thể năng đến mấy, cũng chỉ đạt tới một giới hạn nhất định, không thể nào đạt đến sự tự do như ta tưởng tượng. Học thuật của Đạo gia cũng đã sớm biết nguyên tắc này, nên mới sinh ra pháp thuật muốn đưa sinh mệnh vượt ra khỏi thế giới vật chất, tức là cái gọi là học thuyết luyện đan của các bậc thần tiên.

Phương pháp tu luyện đan đạo, trước tiên là bắt đầu từ tập tĩnh, tập tĩnh lâu ngày mà buông bỏ được cái tật xao động vốn có từ hậu thiên, chính là xuất phát từ nguyên lý mà chương 16 sách *Lão Tử* đã nói: **"trí hư cực, thủ tĩnh đốc, vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan phục. Phù vật vân vân, các phục quy kỳ căn, quy căn viết tĩnh, thị vị phục mệnh"** (đạt đến hư không tột cùng, giữ sự tĩnh lặng kiên định; vạn vật cùng sinh trưởng, ta quan sát sự quay trở về của chúng; các vật muôn vẻ, đều quay về gốc rễ của mình; quay về gốc rễ gọi là tĩnh, đó gọi là phục mệnh). Tu luyện tập tĩnh như vậy, rèn luyện cả tinh thần lẫn thể xác, hợp nhất làm một mà quy về cái động ngay trong cái tĩnh tột cùng bất động ấy, thì có thể đạt tới thành quả **"xung cử"** (bay vút lên trời) của bậc thần tiên. Đây chính là căn cứ của học thuật

thần tiên phương thuật Trung Quốc. Lão Tử tất nhiên không thể tách rời khỏi chuyện thần tiên đan đạo. "Xung cử" chính là cách gọi tắt trong cổ văn cho điều mà người học tiên đời sau vẫn mong tu tới được, tức "ban ngày bay lên trời". Tất nhiên, quy tắc tu luyện tập tĩnh cùng những biến hóa trong cả quá trình tu luyện, không phải vài lời là có thể nói hết được đại yếu của nó.

Vậy thì, vì sao trong chương này, tác giả lại có vẻ như đặc biệt coi trọng mối quan hệ giữa "nặng" và "tĩnh", coi nó quan trọng đến thế? Chẳng lẽ nặng đến cùng cực thì mới có thể "nhẹ nhàng cất bước" được sao? Kỳ thực, xét theo lý luận tu dưỡng tiên đạo của Đạo gia, chữ "nặng" dùng ở đây, có thể gượng ép giải thích theo nghĩa trầm trọng, tĩnh lặng, phối hợp với lý luận ở chương 3 rằng **"hư kỳ tâm, thực kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt"** (làm trống lòng (dục vọng), làm no bụng (thực chất), làm yếu ý chí (tranh giành), làm mạnh xương cốt (thân thể)). Đời sau có người gộp chung nguyên lý tu dưỡng của cả Nho lẫn Đạo hai nhà, tóm lược yếu chỉ mà lấy "trầm tiềm tĩnh định" làm gốc rễ của việc tu đạo, cũng có thể nói là hoàn toàn phù hợp với ý này.

Nhưng nếu gộp chung câu trên câu dưới của cả chương này lại mà xét, thì phải thoát ra khỏi phương thuật tu dưỡng thần tiên đan đạo, mà chuyên bàn từ góc độ ứng dụng của Đạo trong đời sống thường nhật của con người. Tuy đây là một quan điểm nghiêng hẳn về một phía, nhưng có thể khẳng định chắc chắn rằng nó không sai. Bởi vì chính nhờ có "nặng là gốc của nhẹ, tĩnh là chủ của động", thì mới có thể làm nền tảng cho câu tiếp sau: "thánh nhân suốt ngày đi mà không rời hành lý nặng".

Nặng là gốc của nhẹ. Tĩnh là chủ của động. Nội hàm của chữ **"truy"** (辎) là hành lý hay đồ vật chất trên xe. "Truy trọng" chính là cách gọi chung cho việc xe chở đồ đạc nặng. Vậy thì, vì sao thánh nhân lại phải suốt ngày đi mà không rời hành lý nặng? Nhân đây, hãy để tôi kể một câu chuyện vui trước đã. Hồi còn trẻ, mỗi khi ra đường, tôi luôn thích cầm một thứ gì đó trên tay mới thấy vừa ý. Nếu hai tay trống không, vung vẩy qua lại, tự mình lại thấy như chẳng có gì để bám víu, cảm giác kỳ kỳ làm sao ấy. Có lúc không mang cặp sách hay túi hồ sơ, cũng phải cầm một quyển sách hay tờ báo, cuộn lại cầm trong tay. Không thì cũng phải chống một cây gậy mới thấy chắc chắn. Có người cười hỏi tôi làm vậy để làm gì, tôi cũng chẳng biết giải thích sao cho rõ, đành bảo họ rằng đó là học theo câu "thánh nhân suốt ngày đi mà không rời hành lý nặng" của Lão Tử. Tôi không phải thánh nhân, nhưng cứ liều mà học theo vậy thôi, người nghe kẻ nói, ai nấy đều cười xòa cho qua chuyện.

Nhưng thực ra có phải như vậy không? Nào ai biết được. Nếu làm thánh nhân mà thật sự phải suốt ngày đi không rời hành lý nặng, thì khổ quá, chẳng thà đừng làm thánh nhân còn hơn. Vả lại, những người anh em lao động suốt ngày không rời gánh nặng trên vai, thì họ đã thành thánh thành hiền từ lâu rồi! Chẳng lẽ, khi Lão Tử tự mình cưỡi trâu xanh đi về hướng tây qua ải Hàm Cốc, cũng còn phải quẩy trên vai một gánh hành lý, hay vác theo một cái bọc sau lưng hay sao? Nếu không phải vậy, thì Lão Tử sao lại bịa chuyện dạy người ta phải "suốt ngày đi mà không rời hành lý nặng"?

Ai chịu buông gánh nặng riêng tư

Chuyện vui kể xong rồi, giờ bàn chuyện nghiêm túc. Đọc kỹ ý nghĩa sâu xa trong đoạn nguyên văn của chương này, theo thiển ý của cá nhân tôi, như đã nói ở trên, đây chính là chỗ Lão Tử chỉ rõ chuẩn mực "người pháp theo đất". Mặt đất, chỗ đứng của sinh mệnh chúng ta, gánh chịu, chở che vạn vật và tất cả mọi thứ, sinh sôi không ngừng, vận hành suốt ngày đêm không nghỉ mà chẳng một lời oán thán, cũng không đòi hỏi con người hay vạn vật phải trả bất cứ giá nào. Nó luôn âm thầm lặng lẽ, cứ thế tiến bước, xoay vần không dứt, mà vẫn nuôi dưỡng sự sống cho muôn loài. Vậy nên đã sinh làm người, cũng nên lặng lẽ noi theo đất, phải có tinh thần gánh vác, chở che vạn vật. Nhất là những ai muốn học đạo thánh nhân, càng phải có tâm nguyện gánh vác mọi khổ đau nặng nề vì đời, vì chúng sinh, không thể

một ngày rời bỏ trách nhiệm gánh nặng đi xa ấy. Đây chính là bản ý của câu "thánh nhân suốt ngày đi mà không rời hành lý nặng". Nhất là để răn dạy các bậc quân vương, tức những người lãnh đạo và quan lại, vốn mang trên vai kỳ vọng của quốc gia, xã hội, dân chúng, càng phải giữ tấm lòng như vậy mới xứng là bậc minh quân hay lương thần hợp đạo. Vì thế, ở đoạn sau mới có câu danh ngôn **"tuy hữu vinh quán, yến xử siêu nhiên"** (dù có cung điện huy hoàng, ngồi yên siêu thoát).

"Suốt ngày đi mà không rời hành lý nặng" là nói về những người có chí hướng làm bậc thánh hiền, lúc nào cũng phải giữ lòng răn sợ, mọi lúc mọi nơi đều mang trong mình trách nhiệm cứu đời giúp người. Như vua Thuấn giữa cảnh lưu lạc gian truân, vẫn một lòng lấy chữ hiếu lớn với thiên hạ làm gốc. Như vua Vũ trị thủy chống lũ lụt, chín năm ròng dầm mưa dãi gió ở bên ngoài, bắp chân không còn thịt, ống chân trụi hết lông, ba lần đi ngang qua cửa nhà mình mà không vào. Nhưng người xưa lại nói: kẻ có đại đức, ắt được danh, ắt được vị, ắt được thọ. Đó là quy luật nhân quả tất nhiên của việc gieo lành gặt phúc. Nếu ngươi có thể làm được điều có công với thiên hạ quốc gia, đức trải khắp muôn dân, thì đương nhiên sẽ được đền đáp vinh quang nhất, đúng như lời Tùy Dạng Đế Dương Quảng từng nói: "ta vốn không có lòng cầu phú quý, nào ngờ phú quý lại tự tìm đến". Nếu là bậc có đạo thực sự, đến được địa vị ấy, thì tuy ở trong cảnh **"vinh quán"** (cung điện huy hoàng), vẫn điềm đạm hư vô, không đổi bản chất mộc mạc vốn có; tuy an nhàn tự tại giữa cảnh vinh hoa phú quý, vẫn siêu thoát ngoài vật, không để công thành danh toại, giàu sang phú quý làm bận lòng mình, đó mới là đạo tự xử của người có đạo. Ở đây, chữ **"quán"** (观) trong "vinh quán" là chữ đa âm, phải đọc theo nghĩa công trình kiến trúc thời cổ, không được đọc theo nghĩa **"xem, nhìn"** (quan). Chữ **"yến"** (燕) dùng thông với chữ **"yến"** (晏), có nghĩa là yên tĩnh.

Thế nhưng, các vua chư hầu mà Lão Tử từng chứng kiến, nghe biết vào thời của mình, đương nhiên đều không thể hiểu rõ nguyên tắc này của đạo làm vua, đạo làm tôi trong truyền thống văn hóa. Vì vậy, ông mới có lời than sâu sắc rằng: **"nại hà vạn thừa chi chủ, nhi dĩ thân khinh thiên hạ. Khinh tắc thất bản, táo tắc thất quân"** (sao người chủ vạn cỗ xe lại lấy thân mình khinh thường thiên hạ; khinh thì mất gốc, động thì mất chủ). Cái ý "lấy thân mình khinh thường thiên hạ" ở đây là nói họ không tự biết tầm quan trọng của việc tu thân dưỡng đức, phạm phải sai lầm không biết tự trọng, không từ thủ đoạn, chỉ ham chiếm đoạt công lợi trước mắt, chẳng đoái hoài đến hậu quả mất thân mất mạng. Vì vậy, chẳng những dễ dàng đánh mất thiên hạ, mà đồng thời cũng tự hại chính mình, đó chính là phạm phải căn bệnh lớn "khinh thì mất gốc, động thì mất chủ".

Hai cánh tay còn nặng hơn cả thiên hạ

Nói đến việc giải thích "lấy thân khinh thường thiên hạ", ta hãy xem cách Trang Tử, người kế thừa xuất sắc học thuyết Lão Tử, phát huy ý này, rõ ràng nhất. Trong thiên Nhượng Vương, phần Tạp thiên sách *Trang Tử* có nhắc đến:

> *Nước Hàn và nước Ngụy tranh nhau xâm chiếm đất đai của nhau. Tử Hoa Tử vào yết kiến Chiêu Hi hầu nước Hàn, thấy Chiêu Hi hầu có vẻ mặt lo âu. Tử Hoa Tử nói: "Nay giả sử có người viết một lời thề trước mặt ngài, lời thề ấy nói rằng: tay trái nắm lấy thì tay phải sẽ bị chặt, tay phải nắm lấy thì tay trái sẽ bị chặt, nhưng ai nắm lấy được thì ắt có cả thiên hạ. Ngài có dám nắm lấy không?"*

Chiêu Hi hầu đáp: "Quả nhân không nắm lấy đâu." Tử Hoa Tử nói: "Rất hay. Từ đó mà xét, thì hai cánh tay còn nặng hơn cả thiên hạ. Mà tấm thân này lại còn nặng hơn cả hai cánh tay. Nước Hàn so với thiên hạ thì nhẹ hơn nhiều lắm rồi. Còn cái đất đai đang tranh giành hôm nay, lại còn nhẹ hơn nước Hàn nhiều nữa, vậy mà ngài cứ mãi lo buồn

hại thân vì không giành được nó.” Hi hầu nói: “Hay lắm! Người dạy quả nhân đã nhiều, nhưng chưa từng được nghe lời này bao giờ.” Tử Hoa Tử quả có thể gọi là người biết rõ nặng nhẹ vậy.

Giá trị của sinh mệnh con người, nằm ở chỗ ta có một tấm thân hiện thực trọn vẹn không tì vết đang tồn tại. Người có chí với thiên hạ quốc gia, muốn lập nên công lớn, dựng nên nghiệp lớn, chính là vì ta còn có thân này tồn tại. Lão Tử từng nói: **"cập ngô vô thân, hựu hữu hà hoạn"** (nếu ta không có thân, thì còn có tai họa gì nữa). Nay chính vì tấm thân này vẫn còn tồn tại, nên phải biết răn sợ giữ mình, an nhiên tự xử mà để tâm trí dạo chơi ngoài vòng ham muốn vật chất, rồi sau đó không vì cái riêng tư ích kỷ của bản thân mà mưu cầu lợi lớn cho quốc gia thiên hạ, đại chúng, lập nên nghiệp lớn cho thiên hạ, mới không phụ giá trị của sinh mệnh mà trời đã ban cho. Thế nhưng, điều đáng tiếc là, các bậc quân vương thời ấy, cùng các bậc quân vương, tể tướng đời sau, phần lớn đều chỉ ham lợi riêng trước mắt mà sa vào ham muốn quyền thế cá nhân, lấy thân mình coi nhẹ sự an nguy của thiên hạ mà không dứt ra được, vì thế mới khiến Lão Tử phải bật lên tiếng than: biết làm sao đây! biết làm sao đây! biết làm sao được đây!

Chúng ta vừa dẫn cách nói "hai cánh tay còn nặng hơn cả thiên hạ" trong phần Tạp thiên sách *Trang Tử*, xem ra, có vẻ như quá tiêu cực, quá thiên về cái riêng tư ích kỷ của cá nhân. Nhưng đứng từ góc độ đạo làm người mà xét, lập thân yêu quý bản thân mình, chính là bước khởi đầu để có thể làm nên việc lớn cho thiên hạ, cho nên Nho gia mới có lời răn lớn "người con hiếu thảo không đứng dưới bức tường sắp đổ". Tu thân dưỡng thân mà không có đạo, thì lấy đâu ra sức mà gánh vác trọng trách nguy nan của thiên hạ quốc gia? Đồng thời cũng nên biết, người không có sự tu dưỡng siêu thoát ra ngoài đời, mà vội vàng bàn chuyện lợi ích lớn cho thiên hạ quốc gia, thì chính là đã đánh mất sự cân nhắc nặng nhẹ, đúng như câu "khinh thì mất gốc, động thì mất chủ". Vì vậy, điều này khiến tôi bỗng nhớ đến một bài thơ của thiền sư Dục Đường đời Minh, thoạt nhìn bề ngoài, có vẻ như rất tiêu cực, nhưng đi sâu vào tìm hiểu, nó lại chính là cái nhìn thấu suốt và tích cực về cuộc đời.

Thơ rằng:

Nhân sinh bất mãn nhất bách tuế,
Đời người chẳng đầy một trăm năm,

kim thị tạc phi vô định danh.
hôm nay đúng, hôm qua sai, chẳng có gì cố định.

Thiên hạ do lai khinh lưỡng tí,
Thiên hạ xưa nay vẫn nhẹ hơn đôi cánh tay,

thế gian hà cố trọng liên thành.
cớ sao thế gian lại coi trọng viên ngọc liên thành.

Long vong đại trạch quần thu vũ,
Rồng mất đầm lớn, bầy chạch nhảy múa,

thố tận bình nguyên tẩu cẩu phanh.
thỏ hết trên đồng, chó săn bị mổ thịt.

Mãn mục loạn pha miên bạch thạch,
Nhìn quanh sườn núi ngổn ngang, đá trắng nằm la liệt,

hữu thời đặc địa ức Sơ Bình.

có lúc riêng lòng nhớ đến thuở Sơ Bình.

Bài thơ này của thiền sư Dục Đường có ẩn nhiều điển tích: câu "thiên hạ xưa nay vẫn nhẹ hơn đôi cánh tay" chính là nhắc lại câu chuyện Tử Hoa Tử nói với Chiêu Hi hầu trong sách *Trang Tử* vừa kể ở trên. "Liên thành" là viên ngọc quý đến mức đáng đổi cả chuỗi thành trì, tức là điển tích Lạn Tương Như, tướng quốc nước Triệu, giành lại viên ngọc họ Biện từ tay Tần Chiêu vương, nên câu "cớ sao thế gian lại coi trọng viên ngọc liên thành" cũng là một cách nói khác của ý "hai cánh tay còn nặng hơn thiên hạ". "Rồng mất đầm lớn, bầy chạch nhảy múa" là một dị bản khác của điển **"nhà Tần để mất con hươu, thiên hạ cùng nhau đuổi bắt"** (chỉ việc tranh giành thiên hạ khi triều đại sụp đổ). "Thỏ hết trên đồng, chó săn bị mổ thịt" chính là câu danh ngôn trong bức thư Phạm Lãi gửi Văn Chủng: "chim hết thì cung tốt bị cất, thỏ khôn chết thì chó săn bị mổ thịt", về sau Hàn Tín lúc sắp chết cũng từng dẫn lại câu này. "Nhìn quanh sườn núi ngổn ngang, đá trắng nằm la liệt" muốn nói xưa nay hết thảy mọi người, cuối cùng đều như vậy cả. Còn câu "có lúc riêng lòng nhớ đến thuở Sơ Bình": sách *Thần Tiên truyện* của Đạo gia có nhân vật tên Hoàng Sơ Bình, nhưng chữ "Sơ Bình" tác giả bài thơ dùng ở đây lại mang nghĩa khác, là mong mỏi thiên hạ trở lại được thuở thái bình ban đầu.

Chuyện lịch sử vượt lên trên nặng nhẹ

Lời của Lão Tử, vốn dĩ đã như hạt châu lăn trên mâm, chu toàn bao quát, không đâu là không thông suốt, người nhân thấy thì gọi là nhân, người trí thấy thì gọi là trí. Huống hồ lại được viết bằng cổ văn giản dị mộc mạc, khó mà định nghĩa cho thật rõ ràng. Vì vậy, cũng khó tránh khỏi việc bị những kẻ khôn khéo mang ra dùng làm thuật cai trị của bậc đế vương thời chuyên chế, hay làm châm ngôn tự xử của kẻ làm bề tôi. Nếu căn cứ theo kinh nghiệm lịch sử, xét từ chính sách của thể chế đế vương từng triều đại, thì cách hiểu về "nặng là gốc của nhẹ, tĩnh là chủ của động" cũng đã hoàn toàn nghiêng sang một góc độ khác.

Ví như chính sách lập quốc của nhà Chu, trọng tâm đặt ở tập quyền trung ương, chư hầu chia nhau cai trị từng vùng, mở ra một hệ thống chế độ phong kiến hoàn chỉnh của thời Chu, đó là sách lược tốt nhất, phù hợp nhất với hoàn cảnh thời đại lúc bấy giờ. Nhưng việc đời thường vẫn là "nặng là gốc của nhẹ": cái trọng tâm mà ngươi cho rằng mình đã nắm chắc, thì về sau khi sinh ra tệ nạn, cũng thường lại chính là phát sinh ngay từ cái trọng tâm ấy, đúng như Triệu Nhuế trong sách *Trường Đoản Kinh* từng nói:

> *Thiên hạ là cỗ máy lớn, muôn dân là gánh nặng chất chứa. Cỗ máy lớn thì không thể một mình cai quản, gánh nặng chất chứa thì không thể tự mình giữ nổi. Cho nên phải chia đất phân cõi, ấy là để phong hầu kiến quốc cho có lợi. Người thân kẻ sơ cùng nhau trấn giữ lẫn nhau, ấy là để giữ mối quan hệ hưng thịnh suy vong.*

Xưa nhà Chu soi xét theo hai đời trước, đặt ra năm bậc tước vị, phong tới tám trăm nước chư hầu, trong đó năm mươi lăm nước cùng họ với thiên tử, gốc rễ cắm sâu, nền tảng vững chắc, để không ai có thể nhổ bật được. Cho nên lúc thịnh thì có Chu công, Thiệu công cùng nhau kế thừa gìn giữ, lúc suy thì có Ngũ Bá đứng ra nâng đỡ chỗ yếu, nhờ vậy mà phò tá vương thất từ hai bên, dìu dắt suốt cả một thời đại, đó chính là dụng ý đặt định phép tắc của ba vị thánh nhân: Chu Văn Vương, Chu Vũ Vương và Chu Công.

Nhưng cái phép hậu đãi bên dưới ấy, lại mắc phải cái tệ "đuôi to khó vẫy". Từ đời U Vương, Bình Vương trở về sau, ngày càng suy đồi. Tước vị bổng lộc phần nhiều lại do các bề tôi của chư hầu ban phát, việc chinh phạt không còn do thiên tử quyết định nữa. Nước Ngô bị nước Việt thôn tính, nước Tấn bị chia làm ba, nước Trịnh bị nước Hàn sáp

nhập, nước Lỗ bị nước Sở tiêu diệt, cả thiên hạ không còn ai làm chủ, hơn bốn mươi năm sau thì bước vào thời Chiến Quốc.

Đây chính là minh chứng rõ nhất cho câu "nặng là gốc của nhẹ". Đến khi Tần Thủy Hoàng thống nhất thiên hạ, nhìn thấy tệ nạn của chế độ phong kiến nhà Chu vào giai đoạn cuối, liền bỏ chế độ phong hầu mà đổi sang chế độ quận huyện, đi hẳn theo con đường tập quyền trung ương, tự cho rằng có thể xây dựng được cơ nghiệp muôn đời cho dòng dõi đế vương của mình. Nào ngờ chưa đầy mười mấy năm sau, thiên hạ đại loạn, biên cương không có ai trấn giữ đắc lực, thế là đổi sang họ khác làm vua, trở thành thiên hạ nhà Hán của Lưu Bang.

Đầu đời Hán, rút kinh nghiệm từ nhược điểm tập quyền trung ương của Tần Thủy Hoàng, lại phỏng theo cách phong kiến của nhà Chu, chia đất phong vương cho con em cùng họ (những người khác họ đương nhiên không được phong vương), cho rằng một khi thiên hạ có biến, anh em ruột thịt cùng dòng máu ắt sẽ hộ vệ được ngôi báu. Nào ngờ chưa đầy mười mấy năm, trước tiên đã loạn ngay từ tay vợ Lưu Bang, tức Lã hậu, giết hại tông thất họ Lưu gần như sạch sành sanh. Tuy sau đó có Hán Văn Đế Lưu Hằng đứng ra chấn hưng lại, nhưng chưa đầy mười mấy năm sau, lại xảy ra loạn bảy nước cùng họ chém giết lẫn nhau vào thời Cảnh Đế Lưu Khải. Vì vậy, nhà Hán không dám tin tưởng phiên vương bên ngoài nữa, quyền lực bèn chuyển sang tay ngoại thích của hoàng tộc, cùng với đám hoạn quan nắm giữ triều chính, cuối cùng dẫn đến những chuyện như ngoại thích Vương Mãng cướp ngôi cuối đời Tiền Hán, hay Tào Tháo ép cung vua cuối đời Hậu Hán.

Từ đó về sau, thể chế chính trị đế vương Trung Quốc, những căn bệnh gây ra biến loạn, không ngoài mấy yếu tố cơ bản: phiên trấn bên ngoài, ngoại thích bên trong, hoạn quan, và họa từ phía nữ giới, cứ thế thay nhau tăng giảm lẫn nhau. Đời Đường bắt đầu loạn vì phiên trấn cát cứ, đời Tống lại rút kinh nghiệm từ tệ nạn đời Đường mà trọng dụng chính trị văn nhân, áp dụng tập quyền trung ương, rốt cuộc chỉ giữ được nửa giang sơn, không bao giờ hoàn thành được cục diện thống nhất. Ba triều đại Nguyên, Minh, Thanh về sau, đại thể cũng khó thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn ấy.

Tóm lại, bất luận là thể chế chính trị nào, dù ở thời kỳ khai sáng có tính toán chu đáo đến đâu, rốt cuộc cũng không thoát khỏi sự biến chuyển của đại nguyên tắc "nặng là gốc của nhẹ, tĩnh là chủ của động". Ngay cả quy luật trong lịch sử phương Tây, cũng không thoát khỏi cái lò bát quái của Lão Tử, tức Thái Thượng Lão Quân này. Kể từ đời vua Louis XIV nước Pháp cho đến nay, chế độ quân chủ đương nhiên là không tốt, nhưng dân chủ pháp trị chưa hẳn đã là một thể chế hoàn hảo. Thiên hạ tương lai, chính vì xã hội loài người đề cao quá mức giá trị của dân chủ, rốt cuộc sẽ tự hủy diệt ngay trong chính hình thái biến tướng của dân chủ ấy. Hãy cứ nhìn nước Anh, nước Mỹ hôm nay mà xem, cái họa căn cho tương lai của họ, đã sớm nằm phục sẵn ngay trong cái gọi là phúc lợi xã hội hạnh phúc giả tạo, cùng chế độ dân chủ tự do chỉ chuộng số lượng mà không màng chất lượng, chỉ lo mua vui lòng đám đông hiện nay!

Triết học Đạo gia của Lão Tử đã nhìn thấu quy luật biến chuyển đắp đổi tự nhiên của "nặng là gốc của nhẹ, tĩnh là chủ của động" và "họa hề phúc chi sở ỷ, phúc hề họa chi sở phục" (họa thay, phúc nương tựa vào đó; phúc thay, họa ẩn náu trong đó), nên mới đưa ra lời răn **"tuy hữu vinh quán, yến xử siêu nhiên"** (dù có cung điện huy hoàng, ngồi yên siêu thoát). Cũng chính vì trước đã có những lời răn ấy của Lão Tử, sau lại có đủ loại kinh nghiệm của cuộc đời, nên mới tạo ra những bậc cao minh làm chính trị qua các thời đại, như Phạm Lãi và những người tương tự, cùng với Trương Lương, người biết nhìn thời cơ hơn, đều muốn hết sức làm được điều "công thành, danh toại, thân lui". Nhưng thật đáng tiếc, ông rốt cuộc vẫn không bằng các bậc ẩn sĩ chính thống của Đạo gia, dứt khoát tự mình lui ẩn giữ trọn thân mình từ sớm, không vướng vào vòng đục. Lui mà cầu cái bậc kế đó, thì cũng không bằng việc Phạm Lãi **"phì độn"** (lui ẩn ung dung thong thả, theo hào từ quẻ Độn trong Kinh Dịch) mà bỏ đi. Còn đến như những nhân vật cỡ

Hàn Tín, hay những vai như Lý Dục, chỉ mải chìm trong giấc mộng chí ở công danh, hay chí ở phú quý, rốt cuộc không hiểu được chỗ then chốt của cội nguồn nặng nhẹ, càng không hiểu được diệu dụng của câu "dù có cung điện huy hoàng, ngồi yên siêu thoát". Nhất là Lý Dục, lại càng đáng thương hơn, trong hoàn cảnh thời đại như vậy, không biết đạo tự xử răn sợ giữ mình, phấn chấn vươn lên, trái lại còn thật sự đùa giỡn với thứ văn chương từ khúc siêu thoát kiểu "yến xử" giữa tổ chim nguy hiểm, chỉ biết viết những câu từ "Điệp luyến hoa" như "một mảnh lòng thơm ngàn vạn mối, nhân gian chẳng có chỗ nào mà sắp đặt", viết những áng văn diễm tình lâm ly bi thiết. Chẳng trách sau này Triệu Khuông Dận bình phẩm về ông ta rằng: nếu Lý Dục đem cái công phu làm thơ từ ấy mà chuyên tâm lo chính sự, thì chưa chắc đã bị ta bắt được. Đây quả thực cũng là một câu nói thật lòng của Triệu Khuông Dận.

Còn như đầu đuôi cuộc đời Hàn Tín, về căn bản đã phạm phải sai lầm với lời Lão Tử "nặng là gốc của nhẹ, tĩnh là chủ của động, thánh nhân suốt ngày đi mà không rời hành lý nặng, dù có cung điện huy hoàng, ngồi yên siêu thoát", mà lại còn thiếu hẳn cái tu dưỡng học vấn kiểu ấy. Vì vậy, đến đời Tống, Tiền Côn, cháu chắt của Ngô Việt vương Tiền Lưu, có một bài thơ mượn đề tài luận về Hàn Tín, nói hay nhất, thơ rằng:

Trúc đàn bái nhật ân tuy hậu,
Đắp đàn làm lễ bái tướng, ơn ngày ấy tuy sâu dày,

nhiếp túc phong thời lự dĩ thâm.
lúc dẫm chân ra hiệu phong vương, mối nghi kỵ đã thâm sâu.

Lũng chuẩn tảo tri đồng điểu uế,
Mũi cao (của Lưu Bang) đã sớm tỏ ra giống kẻ mổ chim (Câu Tiễn),

tướng quân ưng khởi Ngũ Hồ tâm.
tướng quân đáng lẽ nên sớm nổi lòng lui về Ngũ Hồ.

Hàn Tín quả thực là một nhân vật rất đáng yêu, mang cá tính hào hiệp trượng nghĩa. Ông giỏi dùng binh, nhưng lại thiếu tu dưỡng về chính lược và mưu lược lớn. Cái tấm lòng khoáng đạt coi trọng ân tình mà chẳng để bụng oán hờn của ông, thật đáng khâm phục. Chính thái độ đắp đàn bái tướng của Lưu Bang năm xưa, đã sớm gieo vào lòng ông cái tâm sự "anh hùng sợ nhất là mang ơn quá sâu dày". Cho nên về sau, việc ông ngỏ lời xin được phong làm Giả Tam Tề vương, cũng chính là xuất phát từ tấm chân tình mang ơn sâu nặng ấy mà nói ra lời thật lòng. Còn Lưu Bang, khi bị Trương Lương dẫm cho một cái vào chân để ra hiệu, liền lập tức biến cơn giận dữ thành vẻ giả vờ niềm nở, ngay lập tức phong thật cho Hàn Tín làm Tam Tề vương, thì ngay từ lúc ấy, đã sớm gieo mầm cho kết cục về sau. "Lũng chuẩn" là đặc điểm tướng mạo của Hán Cao Tổ Lưu Bang, mũi đặc biệt cao lại dày, theo tướng pháp gọi là mũi "phục tê quán đỉnh", tức mũi thông thẳng lên đỉnh đầu. **"Trường cảnh điểu uế"** (cổ dài mỏ chim) là đặc điểm tướng mạo mà Phạm Lãi nói về Việt vương Câu Tiễn khi bàn với Văn Chủng, cổ đặc biệt dài, miệng rất nhọn, tức lời bình "cổ dài mỏ chim, có thể cùng chia hoạn nạn, nhưng không thể cùng hưởng an vui". Các bậc quân vương lãnh đạo xưa nay, trong nước ngoài nước, tuy mỗi người có tướng mạo bề ngoài khác nhau, nhưng đều mang chung một kiểu tâm lý đa nghi. Kỳ thực, đây là vấn đề căn bản của nhân tính, trừ phi là bậc thánh hiền, còn ai có thể dứt bỏ được nó, thật đáng buồn thay.

Vì vậy, Tiền Côn bình phẩm về Hàn Tín rằng: đáng lẽ ông ta đã phải sớm biết kết cục cuối đời của mình, sao lại không học theo Phạm Lãi, "công thành, danh toại, thân lui", giong thuyền dạo chơi Ngũ Hồ, thanh thản rút lui đi xa? Kỳ thực, bài thơ này chính là nhắm vào chuyện chú của ông, tức Tiền Thục, khi vào chầu yết kiến Triệu Khuông Dận. Triệu Khuông Dận niêm phong một cái hòm, bảo ông ta mang về, dọc đường hãy mở ra xem. Ra khỏi kinh thành, mở hòm ra xem, mới thấy bên trong toàn là những tấu sớ kiến nghị của các đại thần, xin Triệu Khuông Dận giữ lại hoặc

giết chết Tiền Thục. Nhưng Triệu Khuông Dận không giết Tiền Thục, cũng không giữ ông ta lại, mà bảo ông ta cứ yên tâm về nước, đó chính là thủ đoạn buộc ông ta phải thành thật tự mình dâng nộp nước Việt, ngoan ngoãn quy thuận. Tiền Côn hiểu rất sâu sắc, cũng nắm rất rõ tình thế năm ấy, nên mượn việc bình luận về Hàn Tín để giãi bày khối tâm sự chất chứa trong lòng mình: việc dâng biểu xưng thần, chính là cách tự xử tốt nhất, học theo việc Phạm Lãi giong thuyền dạo Ngũ Hồ, cũng vừa khéo hợp với nguyên tắc **"yến xử siêu nhiên"** (ngồi yên siêu thoát) của Lão Tử, không lấy thân mình coi nhẹ thiên hạ. Tháp Bảo Thục ở Hàng Châu, có lẽ được dựng lên vào lúc Tiền Thục vào chầu yết kiến Triệu Khuông Dận, do những người thân tín của ông cầu phúc giải hạn cho ông mà xây nên như một vật kỷ niệm. Về sau người Hàng Châu có đủ loại truyền thuyết khác nhau về tháp Bảo Thục, xem ra đều là bóp méo sự thật cả. Tất nhiên, đây chỉ là nhắc qua một chút, có thể xem là việc có duyên cớ nhưng không có bằng chứng xác thực, nên không đủ để tin cậy hoàn toàn. Điều muốn nói ở đây là: đứng ở lập trường kẻ làm bề tôi, thì nhất định phải có được cái đạo tự xử biết thời biết cơ như câu "dù có cung điện huy hoàng, ngồi yên siêu thoát". Nếu không, sẽ chỉ còn lại tiếng than muốn dừng cũng chẳng được, như câu danh cú tự cảm khái của danh thần đầu đời Thanh, Doãn Kế Thiện: "chim vào mây xanh, mỏi cũng phải bay"!

Nhưng lời của Lão Tử, đúng như thiền sư Lâm Tế từng nói "một câu chứa đủ ba huyền môn, một huyền môn chứa đủ ba yếu nghĩa". Nó tùy chỗ vuông chỗ tròn mà biến hóa, mặt nào cũng chu toàn cả. Những tấm gương lịch sử để lại cho chúng ta, liên quan đến việc trái ngược với "dù có cung điện huy hoàng, ngồi yên siêu thoát", tức không biết lấy thân mình coi nhẹ thiên hạ, cũng có rất nhiều. Ví như Tề Hoàn công Tiểu Bạch, cùng Bão Thúc Nha từng sống ở đất Cử. Họ nắm chắc thời cơ chín muồi, xe nhẹ tùy tùng ít ỏi, chỉ trong chớp mắt đã khôi phục được ngôi vị đất nước, "một tay chấn chỉnh thiên hạ, chín lần hội họp chư hầu", trở thành người đứng đầu Ngũ Bá thời Xuân Thu.

Lại như Yên Chiêu Vương trọng dụng Nhạc Nghị, báo mối thù cũ với nước Tề, trong vòng năm năm, đánh vỡ thành kiên cố, phá tan quân tinh nhuệ, liên tiếp hạ được hơn bảy mươi thành. Nhưng Điền Đan lại nhìn thấu mối lo ngầm về sự nghi kỵ mà Yên vương dành cho Nhạc Nghị, đồng thời cũng nhìn thấu tâm lý của Nhạc Nghị, vốn đã sớm có ý đề phòng sự nghi kỵ của Yên vương, nên như cố ý như vô tình mà để lại hai thành Tức Mặc và Cử, làm chỗ để chờ xem thời cuộc. Vì vậy Điền Đan lại làm ngược lại: không lấy thân mình coi nhẹ thiên hạ, mà chấn chỉnh, tự trọng, rèn binh luyện tướng, một khi ra tay là khôi phục thành công nước nhà, tiếng thơm để lại muôn đời, đó chính là đã dùng ngược lại đạo làm bề tôi kiểu "dù có cung điện huy hoàng, ngồi yên siêu thoát" của Nhạc Nghị. Còn Điền Đan thì lại dùng chính cái trí tự trọng không lấy thân coi nhẹ thiên hạ, cùng cái khôn ngoan lặng lẽ quan sát thời cơ mà ứng biến, để làm nên sự nghiệp phi thường của mình. Đây cũng chính là cái diệu dụng bậc thượng trí của câu **"đồng xuất nhi dị danh"** (cùng xuất phát mà khác tên) mà Lão Tử từng nói, tất cả đều tùy vào một tấm lòng mà ứng biến mà thôi.

Nhạc Nghị là hậu duệ của Nhạc Dương Tử, dòng họ ông vốn đã có truyền thống thông hiểu sâu sắc đạo Hoàng Lão (Hoàng Đế và Lão Tử), thành tựu của Nhạc Nghị lại càng nhờ vào tinh hoa học thuật Hoàng Lão mà có được. Tư Mã Thiên khen ngợi dòng họ Nhạc rằng:

> *Nhạc Thần công học đạo Hoàng Đế, Lão Tử, thầy gốc của ông hiệu là Hà Thượng Trượng Nhân, không rõ xuất thân từ đâu. Hà Thượng Trượng Nhân dạy An Kỳ Sinh, An Kỳ Sinh dạy Mao Hấp công, Mao Hấp công dạy Nhạc Hà công, Nhạc Hà công dạy Nhạc Thần công, Nhạc Thần công dạy Cái công. Cái công dạy học ở đất Cao Mật, Giao Tây nước Tề, trở thành thầy của Tào tướng quốc (Tào Tham).*

Chính vì Nhạc Nghị khéo học theo Lão Tử, nên trong bức thư phúc đáp Yên (Huệ) Vương, ông có câu: "giữ được thân mình mà lập nên công lao để làm sáng tỏ dấu tích của tiên vương, đó là kế sách thượng thừa của bề tôi." Hạ Hầu

Huyền, sống vào khoảng giữa đời Hán và Ngụy, có một bài luận riêng bàn về Nhạc Nghị, là một bài sử luận khá có kiến giải, đồng thời cũng chính là một bài luận độc đáo phát huy mối liên hệ giữa Nhạc Nghị và sự tu dưỡng học thuật Hoàng Lão, như có đoạn nói rằng:

> *Xem bức thư Nhạc Nghị gửi lại cho Yên Huệ Vương, thì ông gần như đã đạt tới chỗ biết thời cơ hợp với đạo, giữ trọn lễ nghĩa từ đầu đến cuối vậy! Ông lại có lời giãi bày với Chiêu Vương rằng: Y Doãn đày Thái Giáp mà không nghi ngại, Thái Giáp chịu bị đày mà không oán hận, đó là gìn giữ nghiệp lớn trong sự chí công, lấy thiên hạ làm cái tâm của mình vậy.*

Người muốn đạt đến chỗ cùng cực của lượng đạo đức, chuyên tâm lấy thiên hạ làm cái tâm của mình, ắt phải đưa quân chủ của mình đến chỗ thịnh vượng hưng long, hợp chí hướng của mình với các bậc tiên vương. Nếu vua tôi cùng một lòng như khớp một dấu ấn, thì nghiệp lớn ắt sẽ định thành. Vào thời ấy, chí hướng của Nhạc Nghị, quả là cơ hội nghìn năm mới gặp một lần. Đã là cái thời nghìn năm mới gặp một lần, thì cũng sẽ phải thi hành cái đạo nghìn năm mới thịnh một lần, lẽ nào ông lại chỉ bó hẹp dấu chân mình trong thời ấy, dừng lại ở việc thôn tính gộp nước mà thôi ư!

Việc thôn tính gộp nước, vốn không phải là điều Nhạc Nghị coi trọng; làm nước Yên mạnh lên mà phế bỏ đạo nghĩa, cũng không phải là điều Nhạc Nghị mong cầu. Không thèm những mối lợi cẩu thả, lòng không vướng bận chuyện trước mắt, không cầu thành công nhỏ nhặt, đó chính là cái ý muốn thu phục cả thiên hạ vậy. Cho nên việc dốc sức đánh xong nước Tề, chính là để vận hành cái cơ mưu ấy mà làm rung chuyển bốn biển. Đem quân đánh Tề để làm sáng tỏ đạo nghĩa của Yên vương, đó là dụng binh không phải vì mưu lợi. Vây thành mà không gây hại đến trăm họ, đó là lòng nhân đã hiển rõ khắp gần xa. Cả nước không mưu tính công lao cho riêng mình, trừ bạo mà không dùng đến uy lực, đó là đức lớn đã vẹn toàn khắp thiên hạ. Đem cái đức vẹn toàn ấy mà dẫn dắt các nước chư hầu, thì gần như đã sánh ngang với sự nghiệp của vua Thang, vua Vũ vậy.

Nhạc Nghị đang lúc mở rộng thế cục lớn, nên mới thả lỏng cho hai thành ấy. Thu phục lòng dân bằng sự tín nghĩa rõ ràng, để chờ cho thế cùng của đối phương tự lộ ra. Sẽ khiến cho dân Tức Mặc, dân đất Cử quay ra oán trách người cầm quyền của họ, tự nguyện buông vũ khí, mà nương tựa vào ta như người thân. Cái trí khéo giữ thành kia, cũng sẽ chẳng còn chỗ mà thi thố nữa. Như vậy thì đó là cầu nhân mà được nhân, chính là đạo nghĩa của quan đại phu đất Tức Mặc; làm quan mà đường cùng thì dời đi, theo đúng con đường Vi Tử bỏ nhà Ân mà theo về nhà Chu. Mở rộng thêm con đường khoáng đạt, để chờ đám người như Điền Đan. Nuôi dưỡng lâu dài cái phong khí bao dung điều thiện, để mở rộng chí khí của kẻ sĩ nước Tề. Khiến cho kẻ trung thần được trọn tiết, người dũng cảm được sáng rõ đạo nghĩa, tiếng thơm vang khắp biển đông, lan đến cả cõi Hoa Hạ xa xôi. Ơn huệ của ta như khí xuân, dân chúng hưởng ứng như cỏ non. Đạo sáng khắp vũ trụ, bậc hiền trí đem lòng quy phục. Nước láng giềng nghiêng mình ngưỡng mộ, bốn biển đều vươn cổ trông chờ. Ai nấy đều mong được tôn phò vua Yên, ngửa trông theo tiếng thơm đức độ. Hai thành ắt sẽ theo về, thì nghiệp vương ắt sẽ thịnh vượng. Tuy có phải trì hoãn lâu ở hai ấp ấy, nhưng lại chính là cách nhanh nhất để đạt được cả thiên hạ.

Biến cố chẳng may xảy đến, đời người nào ai liệu trước được. Việc thất bại ngay khi sắp thành, đó cũng là do thời vận đã định vậy. Còn như nếu đem uy lực mà bức ép, đem binh đao mà cưỡng đoạt, chỉ lo tấn công chiếm lấy, cầu cho được cái công mau chóng, khiến cho quân sĩ Yên, Tề đổ máu dưới chân hai tòa thành ấy, phóng túng cái sự tàn khốc giết chóc, phô ra cho người bốn biển thấy, thì đó là thả lỏng cho sự tàn bạo, đổi lấy loạn lạc, để thành tựu cái riêng tư của mình, nước láng giềng trông vào, cũng chẳng khác gì trông thấy sói hổ. Đã làm sụp đổ lớn cái nghĩa của việc dấy binh, lại đánh mất cái lòng nhân cứu vớt kẻ chìm đắm, còn làm tổn hại khí tiết của kẻ sĩ nước Tề, phế bỏ cái phong khí

liêm chính hiền thiện, che lấp cái độ lượng khoáng đạt bao dung, vứt bỏ cái đức thịnh của bậc vương giả, thì dù có hạ được gần xong hai thành ấy, sự nghiệp bá vương cũng sẽ càng lúc càng xa vời.

Như vậy thì, nước Yên dù có thôn tính được nước Tề, thì cũng có gì khác với những bậc quân chủ tầm thường trong thiên hạ đâu! Lại có gì để khiến các nước láng giềng phải nghiêng mình kính phục đâu. Nhạc Nghị lẽ nào lại không biết cách hạ nhanh hai tòa thành ấy! Chỉ vì e rằng thành hạ được thì đại nghiệp lại lệch hướng mà thôi. Lẽ nào ông lại không lo rằng chậm trễ sẽ sinh biến cố hay sao? Chỉ vì việc đại nghiệp lệch hướng với việc sinh biến cố, xét cho cùng cũng như nhau cả. Từ đó mà xét, việc Nhạc Nghị không tàn sát hai thành ấy, ý nghĩa sâu xa của nó, thật khó mà lường hết được.

Thiện hành vô triệt tích;

Đi giỏi không để lại vết bánh xe;

Thiện ngôn vô hà trách;

Nói giỏi không có sơ hở để trách cứ;

Thiện số bất dụng trù sách;

Tính toán giỏi không cần dùng thẻ tính;

Thiện bế vô quan kiện nhi bất khả khai;

Đóng cửa giỏi không cần then khóa mà không thể mở;

Thiện kết vô thằng ước nhi bất khả giải.

Buộc giỏi không cần dây thừng mà không thể tháo.

Thị dĩ thánh nhân thường thiện cứu nhân, cố vô khí nhân;

Vì vậy thánh nhân thường giỏi cứu người, nên không bỏ rơi người;

Thường thiện cứu vật, cố vô khí vật.

Thường giỏi cứu vật, nên không bỏ rơi vật.

Thị vị tập minh.

Đó gọi là noi theo sự sáng suốt (tập minh).

Cố thiện nhân giả bất thiện nhân chi sư;

Cho nên người thiện là thầy của kẻ không thiện;

Bất thiện nhân giả thiện nhân chi tư.

Kẻ không thiện là tư liệu (để học hỏi) của người thiện.

Bất quý kỳ sư, bất ái kỳ tư, tuy trí đại mê.

Không coi trọng người thầy của mình, không yêu quý tư liệu của mình, dù thông minh cũng đại mê.

Thị vị yếu diệu.

Đó gọi là yếu diệu (điều then chốt huyền diệu).

Việc thiện không để lại dấu vết

Tiêu chuẩn tu đạo mà chương này bàn tới rất phù hợp với tinh thần đại thừa mà Phật giáo đặc biệt nhấn mạnh sau khi truyền vào Trung Quốc. Đạo gia và Nho gia vốn đã dung thông hai con đường sống xuất thế và nhập thế, chỉ khác nhau ở cách diễn đạt và cách ứng biến tùy thời tùy nơi mà thôi. Còn Phật giáo đại thừa, về mặt này, đã khai mở cái tinh thần Nho Đạo không tách rời nhau vốn có từ trong lịch sử Trung Quốc. Tu dưỡng đến mức xuất thế và nhập thế của cả hai nhà Nho Đạo không còn cản trở lẫn nhau là điều khá khó khăn. Tất nhiên trong lịch sử không phải không có những người như vậy: có thể là bậc đế vương, có thể là lương thần đại tướng của quốc gia, thậm chí những người dân thường bình bình dị dị nơi phố chợ, cũng có người có thể đạt tới cảnh giới ấy.

Phần trước đã nói tới điều cốt yếu là bậc chủ vạn cỗ xe không được lấy thân mình coi nhẹ thiên hạ, phải có tinh thần trách nhiệm đi trước thiên hạ kiểu "suốt ngày đi mà không rời hành lý nặng"; nhưng về mặt hành động, lại còn phải có đạo tự xử và xử thế kiểu "dù có cung điện huy hoàng, ngồi yên siêu thoát". Vậy thì, làm sao mới đạt tới cảnh giới cao nhất của nội thánh ngoại vương ấy? Chương này chính là một đoạn giải thích hay nhất cho điều đó.

Bây giờ trước hết nói về yêu cầu của chương này đối với người tu đạo trên phương diện hành vi phẩm cách, phải đạt tới tiêu chuẩn **"thiện hành vô triệt tích, thiện ngôn vô hà trách"** (đi giỏi không để lại vết bánh xe, nói giỏi không có sơ hở để trách cứ), rồi sau đó mới có thể đạt tới trong cách đối nhân xử thế **"thiện số bất dụng trù sách, thiện bế vô quan kiện nhi bất khả khai, thiện kết vô thằng ước nhi bất khả giải"** (tính toán giỏi không cần dùng thẻ tính, đóng cửa giỏi không cần then khóa mà không thể mở, buộc giỏi không cần dây thừng mà không thể tháo).

Cái gọi là "thiện hành vô triệt tích" là nói người thực sự làm việc thiện lớn, hành vi cao khiết, việc tốt mà họ làm hoàn toàn không để lại dấu vết, người ngoài tuyệt đối không nhìn ra được việc thiện của họ nằm ở đâu. Bởi vậy, mấy nghìn năm nay văn hóa Trung Quốc rất coi trọng việc ngầm làm phúc, tích âm đức. Người có đạo đức làm điều thiện mà không muốn ai biết, vì họ không cầu danh, không cầu lợi, càng không mong được đền đáp; nếu làm được chút việc tốt mà còn phải để người khác đem ra khoe khoang, thì đã lệch quá xa với tinh thần văn hóa truyền thống rồi. Cho nên hành vi thiện thực sự không giống như xe chạy qua đường để lại vết bánh xe, hễ có vết bánh xe là biết ngay xe đã đi qua những đâu, chẳng khác nào tự treo biển hiệu, tự khai ra hướng đi hay phô bày tung tích của mình.

Cho nên mới nói "việc thiện mà còn muốn người biết, thì không phải thiện thật; việc ác mà còn sợ người biết, thì đã là đại ác". Suy theo lý ấy, một người muốn tu đạo, dĩ nhiên là việc thiện lớn nhất, tốt đẹp nhất trên đời, nhưng đạo vô thượng vốn không phải do sự tạo tác của con người mà tu thành được. "Đạo" vốn tự nó thanh hư quạnh vắng, tịch diệt vô vi; hễ có phương pháp, hễ có cảnh giới, thì đã rơi vào hạ thừa rồi, chẳng khác nào xe đi qua để lại vết, đã có dấu tích để lần theo, thì đã không còn là chí thiện nữa.

Về sau Trang Tử còn phát triển thêm ý nghĩa của "thiện hành vô triệt tích" mà nói rằng: dứt hẳn dấu vết thì dễ, nhưng đi mà không chạm đất mới khó. Một người muốn hành vi cử chỉ của mình không để lại dấu vết, tuy đã rất khó làm được, nhưng cũng không phải là quá khó. Ví như kẻ trộm cướp, khi gây án, cố hết sức xóa sạch dấu vết hiện trường, thậm chí đeo găng tay, mang tất chân, muốn không để lại dấu vân tay hay dấu chân. Việc này cũng không phải quá khó, chỉ cần vắt óc suy tính là làm được. Nhưng cái hình ảnh sự việc ấy trong đáy lòng họ, sau khi đã gây án, thì cả đời cũng khó mà xóa sạch; thậm chí đến lúc lâm chung, trong lòng lại càng rõ rệt cảm giác tội lỗi. Đó chính là đạo lý mà Trang Tử nói dứt hẳn dấu vết thì dễ, nhưng đi mà không chạm đất mới khó.

Cũng vậy, một người làm được việc tốt việc thiện, dù muốn không để ai biết, không tự phô trương, nhưng cái tâm trạng "làm thiện là vui nhất" rốt cuộc vẫn tồn tại trong tâm tưởng; dù chỉ mong ngầm tích đức, thì trong tâm lý vẫn còn để lại dấu vết của việc thiện ấy. Đây cũng chính là chỗ khó nhất của việc dứt hẳn dấu vết thì dễ, nhưng đi mà không chạm đất mới khó.

Chân nhân thần tiên Lã Thuần Dương cuối đời Đường, tương truyền có thể cưỡi kiếm bay đi, tới lui giữa không trung; vào thời máy bay và phi thuyền vũ trụ còn chưa được phát minh, đó quả là điều khiến người đời ngưỡng mộ biết bao! Chính Lã Thuần Dương có một bài thơ rằng:

Triêu du Bắc Hải mộ Thương Ngô,
Sáng dạo chơi Bắc Hải, chiều đã tới Thương Ngô,

tụ lý thanh xà đảm khí thô.

trong tay áo thanh kiếm xanh, khí phách ngang tàng.

Tam túy Nhạc Dương nhân bất thức,

Ba lần say ở Nhạc Dương mà không ai nhận ra,

lãng ngâm phi quá Động Đình hồ.

ngâm nga vang dội bay qua hồ Động Đình.

Thương Ngô ở Quảng Tây, thanh xà chính là thanh kiếm. Một người có thể trong một ngày, nhẹ mình bay qua khắp cả vùng nam bắc, tất nhiên là bay giữa không trung không để lại dấu vết, quý giá biết bao! Nhưng nếu xét theo quan điểm của Trang Tử, thì vẫn là dứt hẳn dấu vết thì dễ, nhưng đi mà không chạm đất mới khó. Tuy đã tránh khỏi việc phải đi bộ, nhưng vẫn còn có chỗ phải nương tựa vào. Trang Tử nói phải như Liệt Tử, nương vào sức gió mà đi, nếu không có sức gió thì cũng không bay lên được. Nói tóm lại, bay tới bay lui, bề ngoài trông có vẻ không để lại dấu vết, nhưng dù sao ngươi vẫn là kẻ sống trên trái đất, rốt cuộc vẫn phải rơi xuống đất, phải đứng vững hai chân trên mặt đất mới được!

Chúng ta đã kể những câu chuyện này, cũng chỉ để nhiều bề chứng tỏ rằng "thiện hành vô triệt tích" không phải chuyện dễ làm. Bây giờ hãy quay trở lại, mượn cách nói "lấy đá núi khác để mài giũa ngọc của mình", lại thấy trùng hợp không hẹn mà gặp với thuyết đại thừa của nhà Phật về **"lục độ"** (sáu độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát nhã). Ví như nhà Phật nói bố thí phải đạt tới **"tam luân thể không"** (ba vòng đều không); nghĩa là khi anh bố thí giúp người khác, thì tướng ta của kẻ cho, tướng người của kẻ nhận, cùng với việc cho (sự thật của hành vi bố thí), ba hiện tượng tâm lý và hành vi này đều phải không ngay tức khắc, triệt để không để lại dấu vết, mới có thể đạt tới cảnh giới chân không chính trí vượt sang bờ bên kia mà được đại giải thoát. Nếu còn có một cảnh giới nào đó, thì đã là chấp tướng lưu tích rồi. Đây chỉ là mượn tên gọi mà thôi. Nói đến chỗ triệt để, thì chính là cảnh giới "ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt" của Thiền tông, mới là rốt ráo.

Nói đến đây, chúng ta hãy kể thêm một câu chuyện Thiền tông thời cực thịnh đời Đường, để làm rõ hơn một tầng nữa. Thiền tông có một vị đại sư nổi tiếng tên là Nam Tuyền thiền sư, là một trong những đại đệ tử của Mã Tổ; trong các thiền viện lớn đời Đường, cách giáo hóa của ông thuộc loại tương đối nhẹ nhàng hài hước. Vì họ tục là Vương, nên ông thường tự xưng là Vương lão sư, không thích những xưng hô như đại sư, thiền sư, pháp sư hay sư phụ.

Thời ấy một số tùng lâm tự viện lớn của Thiền tông có rất nhiều ruộng đất, cho dân thường thuê cày cấy, đến kỳ hạn mới có người tới thu tô. Có một năm vào mùa thu, Nam Tuyền thiền sư đích thân xuống núi thu tô, ai ngờ khi tới nơi, những nhà tá điền đã chuẩn bị sẵn cơm chay mời ông ăn. Ông thấy lạ, hỏi mọi người rằng: "Ta cả năm khó lắm mới xuống núi một lần, các ngươi làm sao biết được ta sẽ tới, mà còn chuẩn bị sẵn cả cơm chay thế này?" Đám tá điền thưa với ông rằng đêm qua thổ địa công báo mộng cho họ, bảo rằng phương trượng hòa thượng ngày mai sẽ xuống núi, nên họ vội chuẩn bị cơm chay từ sớm để đón tiếp. Nam Tuyền thiền sư nghe xong, biến sắc mặt nói, ta tu hành chẳng ra gì, quỷ thần lại còn biết được chỗ ta đứng. Ý nói là mọi khởi tâm động niệm của bản thân đều bị quỷ thần nhìn thấu suốt, vậy thì cái gọi là học Phật tu đạo của mình chẳng phải uổng công hay sao? Bậc đại thiện nhân thực sự, chẳng khác nào các bậc đại thiện tri thức, đại bồ tát của nhà Phật, khởi tâm động niệm của họ đến quỷ thần cũng không hay biết, phàm phu bình thường làm sao mà đoán biết được họ đang làm gì! Đây chính là tấm gương cho câu "thiện hành vô triệt tích".

Biết nói, biết làm, lại biết dạy

Lại nói tới **"thiện ngôn vô hà trách"** (nói giỏi không có sơ hở để trách cứ), lời nói thực sự hay thì không có một chút tì vết nào, không có gì để bắt bẻ, không có chỗ nào đáng trách cứ, bất kỳ câu nào cũng hợp tình hợp lý. Nhưng bàn tới câu này, Lão Tử dường như tự vả vào mặt mình, vì ông viết ra năm nghìn chữ, đáng lẽ phải là "thiện ngôn vô hà trách", vậy mà người đời sau nghiên cứu Lão Tử lại bắt được không ít lỗi của ông.

Ngoài ra, khi Phật Thích Ca Mâu Ni giảng Kim Cang Kinh, Ngài lại phủ nhận mình từng nói ra lời (pháp) nào. Lại còn có cuộc tranh biện giữa Duy Ma Cật cư sĩ và Văn Thù Bồ Tát trong kinh Phật, tranh biện đến cuối cùng thì không nói gì nữa, cái im bặt tiếng ấy tất nhiên là không còn tì vết gì nữa. Cho nên mới nói, hễ mở miệng là có tì vết, vì vậy "thiện ngôn" chính là không nói. Ngươi tưởng lúc không nói là không có lời để nói sao? Tiếng của không tiếng, vang như sấm; người làm trong ngành giáo dục lâu năm, có khi đối với một học trò mà không nói lấy một lời, đó chính là sự trừng phạt và răn dạy lớn nhất, hễ đã nói ra một câu thì đã rơi vào hạ thừa rồi.

"Thiện số bất dụng trù sách" (tính toán giỏi không cần dùng thẻ tính), người thực sự giỏi tính toán không cần bàn tính vẫn tính ra được con số. "Trù" là thẻ dùng để đếm số, "sách" là dụng cụ dùng để tính toán. Người thông minh nhất, đầu óc còn nhanh hơn cả máy tính, số vừa báo ra là lập tức cộng, trừ, nhân, chia tính xong ngay. Cho nên nói, người giỏi tính không dựa vào công cụ, mà dùng đầu óc.

"Thiện bế vô quan kiện nhi bất khả khai" (đóng cửa giỏi không cần then khóa mà không thể mở), dùng khóa để khóa cửa lại thì chưa phải là "thiện bế"; nếu nói dùng khóa điện đóng cửa lại khiến người ta không mở được, thì dùng điện cũng có thể mở ra được. Thứ thực sự không mở được, là thứ không có then khóa. Cái gì khiến người ta không mở ra được? Chỉ có hư không mới không mở ra được, vì nó không có công tắc; mở được cái bí ẩn của hư không mới là học vấn lớn. Bí ẩn lớn nhất là vũ trụ, cho đến nay vẫn chưa có ai mở ra được. Có một số nhà khoa học, ví như Einstein, muốn mở được bí ẩn của vũ trụ, cuối cùng chưa kịp mở ra thì đã qua đời.

Giả sử ông ấy còn sống thêm vài chục năm nữa, có lẽ đã tìm ra được bí ẩn này, khi đó có lẽ toàn bộ văn hóa nhân loại cũng phải thay đổi diện mạo. Trong vũ trụ có một thứ không thể biết được, có lẽ là Thượng Đế, là siêu thần. Cho nên nói, hư không vũ trụ là một bí ẩn lớn, "thiện bế vô quan kiện", tuy không có khóa nhưng vĩnh viễn không mở ra được.

"Thiện kết vô thằng ước nhi bất khả giải" (buộc giỏi không cần dây thừng mà không thể tháo), người thực sự giỏi thắt nút thì tuy không dùng dây trói buộc, nhưng vĩnh viễn không tháo ra được; đó chính là cái mà văn học hiện đại của chúng ta gọi là "khóa lòng", tức khóa tình cảm. Cái khóa này có thể trói chặt ngươi, vĩnh viễn không tháo ra được, nếu tháo được thì đã thành đạo rồi. Cho nên nhà Phật gọi vọng tưởng, phiền não là **"kết sử"** (kiết sử, dây trói buộc phiền não). Cái "kết" này thắt mà không có hình dạng nút thắt, cũng không nhìn ra được trung tâm nằm ở đâu; tìm ra được trung tâm thì giải thoát được, nhưng không ai tìm ra được cả. Cho nên "thiện kết" chính là không có dây thừng trói ngươi, nhưng ngươi vĩnh viễn không chạy thoát được. Sức mạnh của tình cảm lớn biết bao! Dù ngươi chạy đi đâu, chạy ra nước ngoài, người ta cũng gọi điện thoại đường dài xuyên đại dương để tìm ngươi. Nhưng muốn giải thoát khỏi nó, con người chúng ta lại rất khó làm được; nếu làm được, thì đã là cảnh giới của thánh nhân rồi.

Mấy câu này giải thích điều gì? Làm sao mới đạt được? Đó chính là điều đã nói ở trước: **"tuy hữu vinh quán, yến xử siêu nhiên"** (dù có cung điện huy hoàng, ngồi yên siêu thoát). Phải hết sức nhàn tĩnh, vượt lên trên toàn bộ thế giới vật lý, mới có thể làm một bậc thánh nhân thực sự.

"Thị dĩ thánh nhân thường thiện cứu nhân, cố vô khí nhân" (vì vậy thánh nhân thường giỏi cứu người, nên không bỏ rơi người), bởi vậy đạo của thánh nhân mãi mãi là tâm nguyện cứu đời cứu người; bậc đại thánh nhân thực

sự không bỏ rơi bất kỳ ai, với người thiện thì cứu độ, với người xấu cũng cứu độ, đó chính là đạo của thánh nhân. Nếu nói rằng ai tin ta thì được cứu, ai không tin ta thì xuống địa ngục, thì đó không phải là đạo của thánh nhân. Đạo của thánh nhân là người tin ta được cứu, người không tin ta cũng được cứu, người đáng thương nhất cũng được cứu.

"Thường thiện cứu vật, cố vô khí vật" (thường giỏi cứu vật, nên không bỏ rơi vật), thánh nhân không chỉ phải cứu người, mà còn phải cứu vật, nhưng việc đó có thứ tự trước sau, phải cứu người trước, rồi mới cứu đến muôn vật, đúng như **"thân thân nhi nhân dân, nhân dân nhi ái vật"** (thân yêu người thân rồi mới nhân ái với dân, nhân ái với dân rồi mới yêu thương vạn vật), đó là thứ tự của văn hóa Trung Quốc. **"Lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu"** (kính người già của mình rồi mới đến người già của người khác, yêu trẻ nhỏ của mình rồi mới đến trẻ nhỏ của người khác): trước tiên giúp đỡ người thân cận của mình, rồi nếu còn dư sức mới từ từ mở rộng phạm vi, cứu hết người rồi mới cứu đến muôn vật, mà còn phải làm sao để không bỏ sót một vật nào, đây là vấn đề trình tự. Nói cách khác, cũng giống như nhà Phật đi từ tiểu thừa mà tiến tới đại thừa, bắt đầu từ cái tôi của cá nhân rồi mở rộng ra, cho tới chỗ **"thiên hạ vi công"** (thiên hạ là của chung). Hành vi như vậy gọi là đạo của thánh nhân, Lão Tử đặt cho nó cái tên **"thị vị tập minh"** (đó gọi là noi theo sự sáng suốt). "Tập" có nghĩa là nối dài, trong tình trạng vô hình, vô thanh, vô sắc, không để lại dấu vết, mà dần dần nối dài ánh sáng ra.

Bản thể của vạn vật trong trời đất vĩnh viễn là sáng tỏ, con người tự che khuất cái đạo sáng tỏ của mình đi, biến thành vô minh thì tối tăm. "Tập minh" là nối dài mặt sáng tỏ của con người ra, đó là dấu vết của cái chí chân chí thiện, đây là điều dạy chúng ta đạo lý làm người.

"Cố thiện nhân giả, bất thiện nhân chi sư; bất thiện nhân giả, thiện nhân chi tư" (cho nên người thiện là thầy của kẻ không thiện; kẻ không thiện là tư liệu của người thiện). Lão Tử bảo chúng ta làm người phải tôn trọng bất kỳ ai, không được coi thường bất kỳ ai, điều này hoàn toàn giống với quan niệm của Khổng Tử. Lão Tử nói người thiện là thầy của kẻ không thiện, nếu tự thấy mình là kẻ không thiện thì nên học theo người thiện, vậy thì kẻ không thiện chính là "tư liệu của người thiện". Kỳ thực người xấu cũng là thầy của chúng ta, nói cách khác, nếu người thiện là thầy chính của ta thì kẻ không thiện là thầy phụ của ta. Thấy cái xấu của người khác, chúng ta không nên học theo cái xấu ấy, mà càng phải thương xót họ. Cho nên nói, kẻ không thiện cũng là "tư liệu của người thiện"; nếu trên đời không có kẻ xấu làm những việc xấu, thì chúng ta cũng không biết thế nào gọi là xấu, vậy kẻ xấu chẳng phải là bài học phản diện của người tốt hay sao?

"Bất quý kỳ sư, bất ái kỳ tư, tuy trí đại mê, thị vị yếu diệu" (không coi trọng người thầy của mình, không yêu quý tư liệu của mình, dù thông minh cũng đại mê, đó gọi là yếu diệu). Tu dưỡng đạt tới chỗ cao nhất, cả hai mặt thiện ác đều lắng xuống, không nghĩ thiện, không nghĩ ác, vì người thực sự thiện thì không cần ai sùng bái mình; nếu tự cho mình là người thiện, thấy ta là phải quỳ lạy, thì những "thiện nhân" ấy cũng chỉ là bọn **"tặn nhân"** (kẻ vô tích sự, chỉ được cái nhàn) mà thôi. "Bất quý kỳ sư", họ không cần ngươi sùng bái, ngươi cũng không cần phải sùng bái họ.

"Bất ái kỳ tư" (không yêu quý tư liệu của mình), đã coi thường cả cái thiện rồi thì cái ác càng không cần nói tới nữa. Cả hai bên thiện ác đều thanh tịnh, quy về chỗ thanh tịnh vô vi, đó gọi là "chí đạo". Lúc này, thực sự chẳng khác gì cái gọi là "được cứu rỗi" của tôn giáo phương Tây. Nhà Phật gọi là "đắc độ", đắc độ được cái gì? Chính là thực sự ngộ đạo, được trí tuệ chân thật. Cho nên, người thực sự có đại trí tuệ, trông bề ngoài lại giống như một kẻ đại ngốc; kẻ đại ngốc thật sự, ngươi cũng đừng coi thường họ, có thể họ chính là một bậc đại trí tuệ tối thượng.

Tôi thường thấy có những người chưa từng được học hành, một chữ bẻ đôi cũng không biết, có lúc chỉ cần buột miệng nói ra một câu là đã khiến người ta giật mình, vì họ thực sự cao minh, khiến người nghe toát cả mồ hôi lạnh.

Nhưng phải tự mình lĩnh hội mới nhận ra được, nếu không thì lại tưởng họ chỉ là một kẻ đại ngốc! Trí tuệ thật sự không phải do đọc sách mà có, không đến từ kiến thức, mà là vốn tự nhiên đã có sẵn.

Cho nên, trí tuệ thực sự, bề ngoài trông có vẻ như một kẻ hồ đồ lớn. Đừng cho rằng chúng ta đọc vài quyển sách, biết vài chữ, là đã có trí tuệ, đó chỉ là "công ty hữu hạn"; những người chưa từng đọc sách mà có trí tuệ thực sự, mới là "công ty vô hạn", đó chính là ý nghĩa của **"thị vị yếu diệu"** (đó gọi là yếu diệu). Cho nên làm người làm việc cùng tu dưỡng đạo đức, mới là điều quan trọng nhất.

Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư, vi thiên hạ khê;

Biết cái mạnh, giữ cái yếu, là khe suối của thiên hạ;

vi thiên hạ khê, thường đức bất ly, phục quy ư anh nhi.

là khe suối của thiên hạ, đức thường hằng không rời, lại trở về như trẻ sơ sinh.

Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc, vi thiên hạ thức;

Biết cái trắng, giữ cái đen, là khuôn mẫu của thiên hạ;

vi thiên hạ thức, thường đức bất thắc, phục quy ư vô cực.

là khuôn mẫu của thiên hạ, đức thường hằng không sai trệch, lại trở về cõi vô cực.

Tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục, vi thiên hạ cốc;

Biết cái vinh, giữ cái nhục, là thung lũng của thiên hạ;

vi thiên hạ cốc, thường đức nãi túc, phục quy ư phác.

là thung lũng của thiên hạ, đức thường hằng mới đủ đầy, lại trở về với sự chất phác.

Phác tán tắc vi khí, thánh nhân dụng chi tắc vi quan trưởng.

Chất phác tản ra thì thành đồ vật, thánh nhân dùng nó thì thành quan trưởng.

Cố đại chế bất cát.

Cho nên việc cai trị lớn không cắt chia (để phân biệt).

Biết âm dương, càn khôn, thiện ác rồi sau

"Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư" (biết cái mạnh, giữ cái yếu), chúng ta thường hay đùa rằng thanh niên yêu đương nhất định phải ghi nhớ hai câu này, dĩ nhiên đó chỉ là một câu nói đùa. Kỳ thực, hùng và thư (trống và mái) chỉ là hai ký hiệu đại diện mà thôi. Kinh Dịch trong văn hóa Trung Hoa nói về "âm dương", lại còn dùng một loại ký hiệu khác gọi là "càn khôn": càn là dương, khôn là âm. Thật ra, trống mái, hùng thư, âm dương, càn khôn... đủ mọi cách gọi như thế, đều chỉ là những ký hiệu đại diện. Ngày xưa người Trung Hoa xem bói, hay các bậc cha ông đời trước xem hợp tuổi cho con cháu dựng vợ gả chồng, lấy bát tự (tám chữ ngày giờ năm tháng sinh) của hai bên nam nữ ra để so, thì mệnh nam gọi là "càn tạo", mệnh nữ gọi là "khôn tạo", cũng đều là dùng ký hiệu đại diện cả. Ở đây nói "thư hùng", chính là ý nói âm dương.

"Tri kỳ hùng": hùng thuộc dương tính, đại diện cho sự khai mở, sáng sủa, tỏa chiếu ra bốn phương. Câu "chí làm trai ở bốn phương" chính là biểu hiện tác dụng khai mở của tính hùng. Tính thư đại diện cho tối tăm, yên tĩnh, thu liễm, giữ mình. Hùng thuộc động, thư thuộc tĩnh. Vì vậy, người tu đạo tuy công phu là ở trạng thái tĩnh, nhưng vẫn phải hiểu mặt dương, mới có thể khai mở trí tuệ vô cùng vô tận. Khi ta ngồi thiền, nếu tâm tính không biết tham cứu đạo lý này, chỉ theo trạng thái tĩnh mà ngồi thiền một cách thụ động, nhốt trí tuệ lại bên trong, thì càng ngồi càng ngu muội, mãi mãi không thể ngộ đạo. Nhà Phật có một pháp môn tu trì gọi là "chỉ quán": "chỉ" chính là công phu tĩnh, cũng tức là "thủ kỳ thư"; "quán" là sự khai mở trí tuệ, cũng tức là "tri kỳ hùng". Mượn cách nói này, liền giải thích được câu tiếp theo, "vi thiên hạ khê".

Nước suối chảy từ chỗ cao xuống chỗ thấp, chỗ cao không giữ được nước, nước tất nhiên chảy về chỗ thấp, cuối cùng đổ dồn về biển cả, nơi thấp nhất. Vì vậy, nhà Phật cũng thường dùng biển cả để ví von, nói rằng lòng dạ con người phải vừa rộng lớn vừa khiêm hạ như biển cả. Hiểu được đạo lý này, thì tâm lượng sẽ mở rộng ra.

"Vi thiên hạ khê, thường đức bất ly" (là khe suối của thiên hạ, đức thường hằng không rời): nếu tu dưỡng đạt tới cảnh giới "vi thiên hạ khê", thì tự nhiên sẽ "thường đức bất ly". Chữ "đức" bao hàm cả cái dụng, tức là tác dụng thường xuyên hành đạo. "Thường đức bất ly" rốt cuộc không rời cái gì? Đây chính là chỗ bí mật, Lão Tử không nói rõ ra. Kỳ thực đó là không rời giữa động và tĩnh, một động một tĩnh, đều có tác dụng của Đạo, có thể "thường đức bất ly", thành tựu cuối cùng là "phục quy ư anh nhi". Trẻ sơ sinh là đứa bé mới đầy tháng hoặc chưa đầy một tuổi, toàn thân xương cốt đều mềm mại, nó không có mừng, giận, buồn, vui, không có thành kiến chủ quan, mọi thứ đều rất tự nhiên, trêu nó một cái là cười, véo nó một cái là khóc. Lúc nó vui, trong tiếng khóc lại có tiếng cười, trong tiếng cười lại có tiếng khóc, đều rất tự nhiên, không hề giả tạo, không có tác dụng cố định của ý thức, nhưng đó không phải là vô tri, mà là đại trí.

Lão Tử nói người tu đạo thành công phải đạt tới cảnh giới như trẻ sơ sinh. Phần trước cũng từng nhắc tới câu **"chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ"** (tập trung khí lực đạt đến mềm mại, có thể như trẻ sơ sinh chăng)! Người học Thái Cực quyền cũng thường dùng câu này. Nhưng có mấy ai thực sự luyện được xương cốt cứng rắn trở nên mềm mại như trẻ sơ sinh? Xương cốt con người càng già càng cứng, giống như dùi trống vậy, có thể dùng để đánh trống, còn xương mềm thì đánh trống không kêu, già hóa tức là cứng lại. Lão Tử ở phần sau nói **"vật tráng tắc lão"** (vật tráng thịnh thì già đi), một thứ gì đó, năm tháng lâu dài thì sẽ già đi. Nói thẳng ra thì già là sắp tàn, muốn không tàn, chỉ có cách "phục quy ư anh nhi". Vì vậy, người ngồi thiền ngày ngày phải tự xét lại thân tâm mình đã mềm mại đến mức nào. Kỳ thực, nếu dung hội quán thông mà nói, Phật pháp có một danh xưng gọi là **"nhuyễn địa"** (địa vị mềm mại), trước tiên phải trải qua các bước tu tập gọi là noãn, đỉnh, nhẫn, rồi mới đạt tới nhuyễn địa. Từ tâm tính cương cường dần dần chuyển thành tâm niệm mềm mại, thân thể cũng đạt tới "nhuyễn địa". Vì vậy, người ngồi thiền đạt tới mức thật sự nhập định, thân thể họ không thể chạm vào được; khi họ nhập định, nếu kéo tay họ, có thể kéo dài ra hơn một trượng mà cũng không đứt, chính là vì thân thể họ đã trở nên vô cùng mềm mại.

"Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc, vi thiên hạ thức; vi thiên hạ thức, thường đức bất thắc, phục quy ư vô cực" (biết cái trắng, giữ cái đen, là khuôn mẫu của thiên hạ; là khuôn mẫu của thiên hạ, đức thường hằng không sai trệch, lại trở về cõi vô cực). Vừa rồi dùng thư hùng để giải thích, bây giờ lại dùng đen trắng để làm đại diện. Thư hùng đại diện cho âm dương, vì vậy, tự thân tu đạo phải điều phối âm dương cho tốt, mới có thể đạt tới cảnh giới mềm mại như trẻ sơ sinh. Trong đó, thứ nhất là nói về điều phối âm dương trên phương diện sinh lý, thứ hai là nói về thiện ác trên phương diện tâm niệm. Về sau, khi dịch kinh Phật cũng mượn lời của Lão Tử, gọi nghiệp thiện hạnh thiện là bạch nghiệp, nghiệp ác hạnh ác là hắc nghiệp. Từ đó có thể hiểu, tất cả đều là biến hóa trên phương diện sinh lý và biến hóa trên phương diện tâm lý. Có thể không vọng tưởng, không phân biệt, chính là niệm chí thiện, cũng tức là điều Nho gia nói **"nhân dục tịnh tận, thiên lý lưu hành"** (dục vọng con người dứt sạch, thiên lý mới vận hành trọn vẹn). Đó là bạch nghiệp, không khởi phân biệt.

"Thủ kỳ hắc": giữ hắc nghiệp để làm gì? Ý nói là sẽ không hề khởi lên một mảy may niệm ác nghiệp nào. Khi khởi tâm động niệm mà niệm niệm đều chí thiện, đó là đạo Bồ Đề; "vi thiên hạ thức" là chuẩn mực của tâm lý hành vi, là chí thiện không ác. Khi tu dưỡng tâm lý đạt tới mức "nhân dục tịnh tận, thiên lý lưu hành", thì khởi tâm động niệm sẽ không sai lệch, niệm niệm khởi lên đều là thiện niệm, hợp nhất với lòng trời. Văn hóa Trung Hoa nói "lòng trời nhân từ", lòng trời là chí thiện; "phục quy ư vô cực", cuối cùng quy về chỗ ác niệm dứt sạch, thiện niệm cũng không động, đó chính là chỗ gọi là vô cực, tức là chí thiện vậy.

Phần dưới đây tiếp tục bàn về phương diện hành vi trong cách làm người, làm việc.

Trở về bộ mặt vốn có

"Tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục, vi thiên hạ cốc; vi thiên hạ cốc, thường đức nãi túc, phục quy ư phác" (biết cái vinh, giữ cái nhục, là thung lũng của thiên hạ; là thung lũng của thiên hạ, đức thường hằng mới đủ đầy, lại trở về với sự chất phác).

Làm người làm việc phải biết nguyên tắc này: ai cũng biết chiến thắng là vinh quang, ai cũng muốn chiến thắng. Người trẻ tuổi bước ra xã hội, ai cũng muốn "tiền đồ vô lượng", "chim bằng tung cánh vạn dặm", ai cũng muốn vinh quang thuộc về mình. "Thủ kỳ nhục": đằng sau vinh quang chính là không vinh quang, có thành công thì tất có thất bại; có lên sân khấu thì tất có xuống sân khấu; có công việc ban ngày thì tất có nghỉ ngơi ban đêm. Vì vậy "tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục" chính là mọi việc đều phải chừa lại một bước lùi. Đời người vốn dĩ chỉ như một vở kịch, lên sân khấu cúi chào một cái, xuống sân khấu rốt cuộc cũng phải trở về bộ mặt vốn có của mình, đến trần trụi tay không, chẳng mang theo được gì cả. Đừng cứ nghĩ chiến thắng là của riêng mình, vinh quang cũng là của riêng mình.

Ví như một người kiếm được rất nhiều tiền, giữ khư khư số tiền đó mà không tiêu một đồng, thì có ý nghĩa gì! Kinh tế học của tôi là: biết kiếm tiền không phải là bản lĩnh, biết tiêu tiền mới là bản lĩnh thật sự, mà tiền phải tiêu cho đẹp, cho đúng chỗ, mới là bản lĩnh thật sự. Giả sử hôm nay có người đưa tôi mười triệu, bắt tôi phải tiêu hết trong một đêm, mà còn phải tiêu cho đẹp, cho đúng chỗ, tiêu cho cao tay, tiêu đến mức ai cũng phải khen, thì tôi phải làm sao? Đương nhiên có thể ném tiền ra cho bay tứ tán, mặc cho mọi người tranh nhau nhặt, nhưng như vậy cũng không hay, chắc chắn sẽ khiến nhiều người giành giật đánh nhau, thế thì không ổn. Vì vậy, một người phải "tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục", phải biết được cái gốc của mình, biết bộ mặt bình thường tự nhiên của chính mình.

Văn hóa Trung Hoa có hai câu: "Chỉ bậc đại anh hùng mới giữ được bản sắc của mình, kẻ danh sĩ chân chính tự nhiên phong lưu." Chúng ta vốn là người xuất thân từ dân gian, đã là xuất thân từ dân gian, thì một khi lên sân khấu, cùng với công danh phú quý, tất cả những thứ đó đều là giả, đều chỉ là tạm thời. Cũng giống như lớp trang trí của căn nhà, một khi bóc lớp giấy dán tường, lớp sơn keo đi, nhìn thấy gạch đất bên trong, đó mới là bản sắc thật của nó. Bậc đại anh hùng thật sự, lên sân khấu cũng vậy, xuống sân khấu cũng vậy, được tâng bốc cũng vậy, không được tâng bốc cũng vậy, họ vẫn luôn là chính họ, giữ vững bản sắc của mình.

Lại nói tới câu "kẻ danh sĩ chân chính tự nhiên phong lưu", chữ "phong lưu" thời xưa gần với chữ **"tiêu sái"** (phóng khoáng, tự tại) mà thời nay hay dùng. Một danh sĩ chân chính, bản thân tự nhiên tiêu sái, chứ không phải cái tiêu sái giả tạo cố ý bày ra; nếu có thể làm người xử thế như vậy, thì đó là "vi thiên hạ cốc". Thế nào gọi là "cốc"? Chính là hang núi, trống rỗng linh diệu, rộng lớn, có thể bao dung được rất nhiều thứ. Cái trống rỗng linh diệu này, cũng chính là điều Lục tổ Thiền tông nói: "bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai", tấm lòng vĩ đại đến thế, trống rỗng linh diệu như hang núi vậy.

Chúng ta thấy trong sử sách miêu tả về Hán Cao Tổ, từ một người dân thường mà lên làm hoàng đế, sử sách miêu tả tướng mạo của ông là "sống mũi cao vòi vọi, mặt tựa rồng". Tôi tưởng tượng dáng vẻ đó chắc cũng không đẹp lắm, mũi thì cao vót, mặt thì giống rồng, có gì mà đẹp đâu! Nhưng từ xưa đến nay, ai cũng muốn hóa rồng, thì khổ vậy để làm gì? Có người nói: "Tướng mạo của ông rất tốt, lưng hổ eo gấu, sau này ắt sẽ làm nên nghiệp lớn." Người nghe vậy chắc chắn sẽ rất vui, bởi vì bản tính con người ta hình như lại thích bị mắng theo kiểu đó mà không hề hay biết: hổ và gấu đều là loài thú hoang dã, cái lưng hổ cái eo gấu thì có gì mà đẹp đâu! Tôi thì tôi chẳng cần lưng hổ eo gấu làm gì, chỉ cần lưng người eo người là được rồi. Con người việc gì phải giống rồng? Rồng là một loài động vật máu lạnh, thế

mà sử sách hễ miêu tả ai đó "sống mũi cao vòi vọi, mặt tựa rồng" là người đó vui đến mất ngủ. Viên Thế Khải chính là đã mắc phải cái bẫy này, mà người thông minh lại đều thích mắc phải cái bẫy đó.

Nhưng sử sách viết về gương mặt "sống mũi cao vòi vọi, mặt tựa rồng" của Hán Cao Tổ, thực ra là muốn nói khí phách của ông khoáng đạt, độ lượng, có thể bao dung cả thiên hạ. Đương nhiên, Hán Cao Tổ chưa chắc đã thật sự độ lượng đến thế, người viết sử luôn phải tô vẽ cho ông đẹp hơn một chút. Nếu thật sự làm được khoáng đạt độ lượng, bao dung tất cả, thì đó là "thường đức nãi túc, phục quy ư phác". Đức thường hằng của ông đã đủ đầy, phẩm tính hành vi đạt tới mức "phác", tức là đã quy về bản sắc anh hùng nguyên sơ, chất phác nhất.

Chúng ta thường hình dung một người có bản sắc anh hùng, chuyện này trong sử sách có rất nhiều. Về sau, những nhà Nho ra làm quan, dù có làm quan đến chức cực phẩm, một khi về nhà rồi thì vẫn chỉ là một lão nhà quê bình thường. Có một vị danh nhân trong sử sách, làm quan đến chức cực phẩm, làm tể tướng mấy chục năm, sau khi về hưu, mặc một bộ quần áo cũ, dẫn theo một người hầu, đi bộ ra ngoài dạo chơi. Có một vị tân khoa trạng nguyên cưỡi ngựa đi qua rất oai phong, viên lão tể tướng vội vàng nhường đường. Vị tân khoa trạng nguyên này vênh váo đắc ý, thấy ông già bên đường như vậy thì cho rằng ông ta không biết điều, trạng nguyên cưỡi ngựa dạo phố sao lại không tránh xa ra một chút? Người hầu cận liền xuống ngựa đuổi ông già đi. Hỏi ra mới biết đó là vị lão tể tướng của làng bên, vị trạng nguyên sợ hãi quỳ hai gối xuống nói: "Bậc tiền bối, xin thứ lỗi!" Lão tể tướng nói: "Lên ngựa đi thôi! Người trẻ tuổi vốn là như vậy." Người thực sự có tu dưỡng cao mới là người chất phác, không phô trương. Đó chính là đạo lý của "phục quy ư phác".

Tu dưỡng ba mặt: sinh lý, tâm lý, hành vi

Qua phần này, chúng ta biết được: **"tri kỳ hùng, thủ kỳ thư"** (biết cái mạnh, giữ cái yếu) là tu dưỡng về mặt sinh lý; **"tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc"** (biết cái trắng, giữ cái đen) là tu dưỡng về mặt tâm tính; **"tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục"** (biết cái vinh, giữ cái nhục) là tu dưỡng về mặt hành vi. Đọc sách không thể đọc qua loa cho xong, Lão Tử đã truyền cho chúng ta bí quyết tu đạo rồi, nếu bản thân không hiểu được chỗ áo diệu trong đó, thì còn trách ai được nữa!

Nói tới sự chất phác không phô trương, đó là điều quan trọng nhất, bất luận là tâm lý, sinh lý, hay hành vi, đều phải tu dưỡng tới mức "chất phác". Không thêm vọng niệm là tu dưỡng căn bản. Bản tính con người vốn dĩ rất chất phác, cho nên người không chất phác là kết quả bị hoàn cảnh hậu thiên làm ô nhiễm. Có thể gột bỏ những ô nhiễm đó, quay về với sự chất phác vốn có, đó chính là "Đạo". Vì vậy, kết luận của Lão Tử là: **"phác tán tắc vi khí, thánh nhân dụng chi tắc vi quan trưởng"** (chất phác tản ra thì thành đồ vật, thánh nhân dùng nó thì thành quan trưởng). "Phác" là một khúc gỗ nguyên sơ, chưa qua chạm khắc, chưa qua bàn tay con người gia công; bản tính con người cũng vậy, xã hội nguyên thủy cũng vậy. Tổ tiên thượng cổ của chúng ta vốn sinh trưởng trong thế giới của "Đạo", nên không cần tu đạo, vì ai ai cũng có đạo sẵn trong mình. Thời đó cũng không cần có tôn giáo, vì ai ai cũng ở trong đạo.

Xã hội loài người, xét về văn minh tinh thần, càng về sau càng thoái hóa; xét về văn minh vật chất, thì về sau lại ngày càng tiến bộ. Tôi thường nói, khi bàn về tiến bộ, phải vạch ra một ranh giới rõ ràng: xét riêng về văn minh vật chất, xã hội về sau quả thật có tiến bộ; nhưng văn minh đạo đức thì không những không tiến bộ, mà còn đang thoái hóa. Vì vậy, trong lịch sử văn hóa phương Đông, người ta cho rằng văn hóa nhân văn là đang thụt lùi.

Sự "chất phác không phô trương" một khi tan rã ra, thì biến thành sự hưng khởi của văn minh vật chất, đó là "phác tán tắc vi khí"; chữ "khí" ở đây không chỉ riêng vật chất. Khổng Tử trong Kinh Dịch cũng nói rõ đạo lý này: con người nguyên thủy vốn dĩ chính là "Đạo", không cần có những danh xưng như đạo đức nhân nghĩa. Đến khi xã hội loài người càng phát triển về sau, văn minh tinh thần dần dần thoái hóa, thì văn minh vật chất lại càng phát đạt lên.

Nhưng nước sông chảy về đông một đi không trở lại, việc đời không có cách nào phục cổ được. Nếu hy vọng tư tưởng, văn minh tinh thần của loài người quay về thời cổ, thì đó là sai lầm. Đã không thể phục cổ được, vậy thì loài người có phải sẽ mãi mãi xấu đi hay không? Không phải vậy, bởi vì **"cẩu nhật tân, hựu nhật tân, nhật nhật tân"** (nếu một ngày đã mới, thì lại càng mới thêm, ngày ngày đều mới). Khi cứ tiến mãi tới chỗ cùng cực, thì sẽ lại quay trở về bản vị, **"đạo tắc phản dã"** (Đạo mà đi tới cùng cực rồi cũng quay trở lại). Cũng giống như một người ăn uống, khi đã cho ăn no rồi, thì họ chẳng còn muốn ăn gì nữa.

"Thánh nhân dụng chi, tắc vi quan trưởng": thánh nhân hiểu được đạo lý này, liền sáng lập ra một chế độ chính trị, như lễ chế nhà Chu được Lễ Ký ghi lại, vẫn giữ được chế độ chính trị đạo đức của thời thượng cổ. Nhưng xã hội thượng cổ thật sự bàn về đạo đức nguyên thủy, chính là tư tưởng trong Lễ Ký, thiên Lễ Vận (Đại Đồng), đó mới thật sự là một chế độ vĩ đại, chế độ ấy là không có chế độ, không có pháp luật, cũng không có đạo đức. Nhưng ai ai cũng tự nhiên tuân thủ pháp luật, không cần pháp luật ràng buộc; ai ai cũng chẳng cần nói tới đạo đức, mà tự nhiên vẫn hợp với chuẩn mực đạo đức. Vì vậy, "đạo pháp tự nhiên", xã hội đó, tự bản thân nó chính là đạo đức, đó chính là điều gọi là **"đại chế bất cát"** (chế độ lớn không cắt chia).

Tương dục thủ thiên hạ nhi vi chi, ngô kiến kỳ bất đắc dĩ.

Muốn nắm lấy thiên hạ mà làm theo ý riêng của mình, ta thấy điều đó không thể được.

Thiên hạ thần khí, bất khả vi dã.

Thiên hạ là vật thiêng liêng huyền diệu, không thể tùy tiện mà làm.

Vi giả bại chi, chấp giả thất chi.

Người cố làm thì sẽ hỏng việc, người cố nắm giữ thì sẽ đánh mất.

Cố vật hoặc hành, hoặc tùy;

Cho nên vạn vật, có cái đi trước, có cái theo sau;

hoặc hư, hoặc xuy;

có cái thở nhẹ ra, có cái thổi mạnh ra;

hoặc cường, hoặc luy;

có cái mạnh mẽ, có cái suy yếu;

hoặc tỏa, hoặc hủy.

có cái mòn dần, có cái vỡ tan.

Thị dĩ thánh nhân khứ thậm, khứ xa, khứ thái.

Vì vậy thánh nhân bỏ sự thái quá, bỏ sự phung phí, bỏ sự tự đại.

Hậu quả của việc dùng tư tâm để đoạt thiên hạ

Chương này, cùng với hai ba chương tiếp theo, đều nhằm nói rõ cái dụng của Đạo, đồng thời còn liên quan tới tư tưởng triết học chính trị và triết học quân sự truyền thống của Trung Hoa. Xét về mặt văn chương, đoạn này mang khí thế khá giống câu **"đại chế bất cát"** (việc cai trị lớn không cắt chia).

Trong quá trình phát triển của triết học lịch sử Trung Hoa, tư tưởng của hai nhà Nho và Đạo vốn cùng chung một cội nguồn; thời thượng cổ, Nho và Đạo vốn chưa hề tách rời nhau. Như Hoàng Đế trước thời Nghiêu Thuấn, thậm chí Tam Hoàng Ngũ Đế trong sử xa xưa hơn Hoàng Đế nữa, sở dĩ những bậc cổ nhân ấy làm vua là vì bất đắc dĩ mà phải ra làm, thực sự là để phục vụ cho dân chúng. Thời đại càng tiến về sau, quan niệm này càng thay đổi, bởi lòng dục vọng của con người ngày càng cao, một khi tư dục dâng lên, thì trên chính trị liền biến thành chế độ **"gia thiên hạ"** (thiên hạ là của riêng một dòng họ).

Điều Lão Tử nói ở đây, vẫn là chế độ **"công thiên hạ"** (thiên hạ là của chung) của văn hóa thượng cổ. Triết học chính trị theo quan niệm thượng cổ mà ông nêu ra là: **"Tương dục thủ thiên hạ nhi vi chi, ngô kiến kỳ bất đắc dĩ"** (muốn nắm lấy thiên hạ mà làm theo ý riêng của mình, ta thấy điều đó không thể được). Từ "thiên hạ" này, trong quan niệm văn hóa Trung Hoa, có thể lớn có thể nhỏ, nghĩa lớn thì bao gồm cả tư tưởng nhân loại toàn thế giới ngày nay. Các bậc đế vương thời công thiên hạ thượng cổ, không giống như đế vương đời sau làm vua có chủ đích, muốn tung hoành thiên hạ, chiếm cứ thành trì để hiệu lệnh thiên hạ. Đó là tư tưởng đế vương của **"tư thiên hạ"** (thiên hạ là của riêng mình), khác hẳn với tư tưởng minh quân, tinh thần vương đạo thời thượng cổ, vốn chỉ vì bất đắc dĩ mà đứng ra, vì thiên hạ, vì dân chúng mà mưu cầu phúc lợi.

Bốn chữ "thiên hạ thần khí" xét về văn nghĩa vốn không liền mạch với nhau, phải thêm vào một chữ "giả" và một chữ "dã" nữa, thành **"thiên hạ giả, thần khí dã"** (thiên hạ là vật thiêng liêng huyền diệu). Ý nói thiên hạ là vật thiêng liêng của người trong thiên hạ. Giải thích theo mặt chữ như vậy vẫn chưa đủ rõ ràng; nếu nói thiên hạ là một thứ huyền diệu không thể nghĩ bàn, thì mới thật sát nghĩa hơn. Cũng tức là những gì đời sau gọi là quốc gia, chính quyền..., tất cả đều là những thứ huyền diệu không thể nghĩ bàn. Cho nên mới nói **"bất khả vi dã"** (không thể tùy tiện mà làm), thứ này động vào không được.

"Vi giả bại chi" (người cố làm thì sẽ hỏng việc): như tình cảnh thời Xuân Thu Chiến Quốc đời sau, đặc biệt là cách làm của Tần Thủy Hoàng và những kẻ tương tự, càng mang đầy đủ tính đại diện. Họ lấy tư dục làm điểm xuất phát, vì tư tưởng anh hùng cá nhân mà hiệu lệnh thiên hạ, rốt cuộc vẫn phải thất bại. **"Chấp giả thất chi"** (người cố nắm giữ thì sẽ đánh mất): càng dùng tư tâm mà hành sự, nắm càng chặt, giữ càng chắc, thì lại càng mất nhanh hơn, đó là nhìn theo con mắt triết học lịch sử. Sau đây, ông lại nói tới một nguyên lý triết học lớn hơn.

"Cố vật hoặc hành, hoặc tùy; hoặc hư, hoặc xuy; hoặc cường, hoặc luy; hoặc tỏa, hoặc hủy. Thị dĩ thánh nhân khứ thậm, khứ xa, khứ thái" (cho nên vạn vật, có cái đi trước có cái theo sau; có cái thở nhẹ ra có cái thổi mạnh ra; có cái mạnh mẽ có cái suy yếu; có cái mòn dần có cái vỡ tan; vì vậy thánh nhân bỏ sự thái quá, bỏ sự phung phí, bỏ sự tự đại). Đây là Lão Tử nói về quy luật của vũ trụ; lý lẽ vận hành của vũ trụ chỉ có một quy luật chung, đó là bất cứ sự vật gì trên đời cũng đều mang tính tương đối. Lấy chữ **"hành"** (đi) mà nói, khi bạn tiến về phía trước, đến lúc sức tiến đạt tới cực điểm, thì đó chính là lúc lùi lại. Kinh Dịch có câu **"vô vãng bất phục"** (không có gì đi mãi mà chẳng quay về), không có thứ gì cứ mãi tiến về phía trước mà không quay trở lại. Vì sao vậy? Bởi vì quả đất này hình tròn, cứ đi mãi về phía trước rồi thế nào cũng quay trở về đúng vị trí ban đầu. Cho nên mới nói "hoặc hành, hoặc tùy", có tiến ắt có lùi. Ngược lại, cứ mãi lùi hoài, thì ắt cũng sẽ có lúc tiến.

"Hoặc hư, hoặc xuy": "hư" là hít khí vào, "xuy" là thở khí ra. Cho nên, hơi thở cũng mang tính tương đối.

"Hoặc cường, hoặc luy": thân thể con người cũng là một thứ vật lý, khỏe mạnh đến cực điểm rồi tất sẽ chuyển thành yếu. Ngược lại, có rất nhiều người thân thể trông có vẻ hay ốm đau, nhưng người hay bệnh lại thường trừ được bệnh mà sống lâu, tuy suốt ngày trông như ốm yếu, vẫn có thể sống rất thọ. Vì sao vậy? Vì họ biết mình hay bệnh nên lúc nào cũng chú ý dưỡng sinh, điều dưỡng thân thể. Còn một người trông có vẻ rất khỏe mạnh, đôi khi lại đột nhiên qua đời, chính vì tự cho rằng mình khỏe mạnh, không có bệnh, nên thường xem nhẹ đạo dưỡng sinh giữ gìn sức khỏe, thành ra chỉ một cái là xong đời.

"Hoặc tỏa, hoặc hủy": "tỏa" vốn là chỉ những thứ rất sắc bén; vật càng sắc bén thì lại càng chóng bị hao mòn hư hại. Mấy nguyên tắc này, hành, tùy, hư, xuy, cường, luy, tỏa, hủy, là để nói rõ rằng vạn vật trong vũ trụ, lúc nào cũng đang biến đổi một cách tương đối.

Lấy ví dụ, rất nhiều người thích học Kinh Dịch để bói toán xem vận mệnh; khi có người hỏi một món làm ăn nào đó, hay hỏi năm nay buôn bán có lời không, thực ra chẳng cần bói cũng biết trước câu trả lời rồi: không lời thì lỗ, chứ không có chuyện không lời không lỗ mà đứng yên ở giữa. Nếu một năm làm ăn, tính sổ lại chẳng lời cũng chẳng lỗ, thì kỳ thực tuổi tác, thời gian, tinh thần đều đã hao tổn hết cả rồi, chẳng phải đã lỗ từ trước đó sao! Cho nên, xem bói hỏi vận mệnh tốt xấu, câu trả lời luôn là: không xấu thì cũng phải tốt, không tốt thì ắt phải xấu.

Tôi cho rằng xem bói rất dễ, nếu ra phố bày một quầy xem bói, cứ nói với người đến rằng: "Anh bạn ơi, tôi thấy sắc mặt anh không được tốt lắm", nghe vậy họ sẽ muốn xem thử một quẻ, câu đầu tiên tôi chỉ cần nói tôi đoán chắc anh sắp mất tiền, vì họ đã bỏ ra mấy chục đồng để nhờ xem tướng rồi còn gì. Cho nên mới nói, trên đời không có thứ

gì là bất biến, tuyệt đối không thể nào cứ đứng yên ở giữa được. Lão Tử ở đây đang nói cho chúng ta biết đạo lý này theo nguyên tắc lớn.

Cách hành xử của thánh nhân

Ở chương 67 phía sau, Lão Tử nói cho chúng ta biết có ba báu vật, bây giờ xin nêu trước tên gọi của chúng: **"viết từ, viết kiệm, viết bất cảm vi thiên hạ tiên"** (một là từ ái, hai là tiết kiệm, ba là không dám đứng trước thiên hạ). Làm người xử thế, phải lấy lòng từ bi làm gốc, nhân ái với người, yêu thương muôn vật, đó chính là chữ "từ". Chữ "kiệm" xem qua tưởng như keo kiệt, nhưng kỳ thực là hết sức cẩn trọng dè dặt. Còn "bất cảm vi thiên hạ tiên", nói cho thật kỹ thì muôn việc trên đời vốn chẳng có gì thực sự do con người sáng tạo ra được cả; cái gọi là sáng tạo, chẳng qua chỉ là khi nhân duyên tự nhiên đã chín muồi, gặp đúng cơ duyên thì tự nhiên thành công mà thôi. Loài người nếu muốn một mình tạo ra, sáng chế, trái với nguyên tắc nhân duyên tự nhiên, thì sẽ không thể thành công. Vì vậy mới nói "bất cảm vi thiên hạ tiên".

Tư tưởng Đạo gia rất giỏi mượn những ví von có sẵn. Chẳng hạn, Nho gia thường nói nhân cách một con người phải có tinh thần **"trung lưu để trụ"** (cột đá vững giữa dòng nước xiết), nước lớn tràn tới thì phải đứng chắn ngay giữa dòng sông. Nếu làm như vậy, chưa chắc nước lớn không cuốn phăng bạn đi mất; nước nhỏ thì còn có thể "trụ" lại một chút, nhưng một khi nước lớn dâng ngập qua đầu, cao hơn cả người, thì "giữa dòng" cũng chẳng thể làm "trụ đá" được nữa.

Đạo gia thì không như vậy, Đạo gia chỉ **"nhân thế nhi lợi đạo"** (thuận theo thế mà dẫn dắt cho có lợi), không giống Nho gia đòi phải làm "trung lưu để trụ". Phải biết rằng, một khi nước lớn tràn tới, cho dù có dùng đê đập ngăn chặn được ở chỗ này không xảy ra chuyện gì, thì nước sẽ chảy sang chỗ khác gây họa còn lớn hơn, chết đuối càng nhiều người hơn. Cách làm của Đạo gia là, trước đó đã đào sẵn một con mương ở hạ lưu, thuận theo thế nước mà dẫn nước chảy xuống, để nước đổ ra biển cả. Đó chính là nguyên tắc **"nhân thế lợi đạo"** (thuận thế mà dẫn dắt).

Đối với người, đối với việc, chúng ta cũng nên như vậy. Khi một việc đang trong lúc nóng bỏng gay gắt, không thể nào thay đổi được, mà cứ cố ép phải thay đổi nó, thì trừ phi đã chuẩn bị sẵn sàng làm liệt sĩ, còn không thì chẳng còn gì để nói; nếu thật sự muốn cứu người thiên hạ, cách làm ấy sẽ chẳng cứu được ai, nhất định phải thuận thế mà dẫn dắt. Đợi đến khi sự việc phát triển tới một mức độ nhất định, mọi yếu tố thuận lợi đều đã đầy đủ, lúc ấy chỉ cần dùng sức nhẹ bốn lạng để bẩy cả ngàn cân, chỉ khẽ đẩy nhẹ một ngón tay là đã xoay chuyển được cả. Việc thiên hạ cũng vậy, cả thiên hạ cũng chỉ cần khẽ đẩy nhẹ như thế là đã thay đổi rồi.

Nội dung chương này chính là khúc dạo đầu cho ba báu vật ấy. Cho nên đạo của thánh nhân, thứ nhất là **"khứ thậm"** (bỏ sự thái quá): "thậm" tức là thái quá, làm người làm việc điều đầu tiên là không được thái quá, thái quá ắt sẽ sinh chuyện. Thứ hai là **"khứ xa"** (bỏ sự phung phí): gấm đã đẹp thì không cần thêu thêm hoa lên nữa, gấm thêu thêm hoa thì chuyện lại càng lớn hơn. Thứ ba là **"khứ thái"** (bỏ sự tự đại): đời người chẳng có lúc nào là mãi mãi thoải mái, việc thiên hạ cũng chẳng có lúc nào mãi mãi yên ổn không đổi thay. Một người nếu thân tâm không chịu chút vất vả nào, không chịu vận động chút nào, cứ an nhàn thoải mái quá mức, thì đủ thứ bệnh tật sẽ kéo đến. Ba điểm đạo lý này, nếu khai triển ra thì còn rất nhiều, nhưng tóm lại một câu: phải giữ giới luật, muôn việc chớ có làm quá đà.

Nói tới đây, tôi lại nhớ tới một câu chuyện có thật. Có một anh học trò lấy được bằng tiến sĩ, quốc văn giỏi, tiếng Anh cũng giỏi, tiếng Nhật cũng giỏi, cái gì cũng giỏi, nhưng cái gì nói ra cũng không rõ ràng, tiếng phổ thông nói cũng không được chuẩn lắm. Có một hôm anh ta nói với tôi: "Thưa thầy, thầy dạy con rằng đạo lý của Đạo gia là bốn người con trai." Tôi hỏi: "Đạo gia làm gì có bốn người con trai?" Loay hoay mãi mới hiểu ra, cái "bốn người con trai" anh ta

nói chính là “thích khả nhi chỉ”[1] (biết vừa đủ thì dừng lại). Lão Tử chỉ có ba người con trai là “khứ thậm, khứ xa, khứ thái”, chứ không có bốn người con trai nào cả. Ba điểm này cũng chính là để nói cho chúng ta biết muôn việc phải biết dừng đúng lúc; nếu không biết dừng đúng lúc, vượt quá giới hạn thì sự việc sẽ biến chất, không còn là hiện trạng ban đầu nữa. Lão Tử đã nói trước cho chúng ta nguyên lý triết học này.

1. NDLR. **“Thích khả nhi chỉ”** (phát âm Quan thoại “shì kě ér zhǐ”) và **“bốn người con trai”** (“sì ge ér zi”) gần âm với nhau trong tiếng Trung, nên mới sinh ra chuyện nghe nhầm trong giai thoại này; tiếng Việt không giữ được sự gần âm đó.

Dĩ đạo tá nhân chủ giả, bất dĩ binh cường thiên hạ.

Lấy Đạo để giúp người cầm quyền, không dùng binh lực để ép buộc thiên hạ.

Kỳ sự hảo hoàn.

Việc đó dễ bị quay trở lại.

Sư chi sở xử, kinh cức sinh yên.

Nơi quân đội đóng lại, gai góc mọc lên.

Đại quân chi hậu, tất hữu hung niên.

Sau đại binh, tất có năm mùa màng thất bát.

Thiện giả quả nhi dĩ, bất cảm dĩ thủ cường.

Người giỏi chỉ đạt kết quả rồi thôi, không dám dùng để tỏ ra mạnh.

Quả nhi vật căng, quả nhi vật phạt, quả nhi vật kiêu, quả nhi bất đắc dĩ, quả nhi vật cường.

Đạt kết quả mà không tự cao, đạt kết quả mà không khoe công, đạt kết quả mà không kiêu ngạo, đạt kết quả mà bất đắc dĩ, đạt kết quả mà không tỏ ra mạnh.

Vật tráng tắc lão, thị vị bất đạo, bất đạo tảo dĩ.

Vật tráng thịnh thì già đi, đó gọi là không hợp Đạo, không hợp Đạo thì mau tàn.

Tư tưởng triết học quân sự của Lão Tử

Đây là cảnh giới cao nhất trong tư tưởng quân sự của Lão Tử: một người có đạo phần lớn không muốn tự mình đứng ra làm vua. Trong lịch sử Trung Quốc luôn có một bí mật bất thành văn: mỗi khi thời cuộc loạn lạc, đất nước lâm nguy đến cực điểm, thì người đứng ra phò vua dẹp giặc, xoay chuyển vận mệnh lịch sử, đều là những nhân vật thuộc phái Đạo gia. Từ đời Tam Đại trở xuống, hết lớp này đến lớp khác, như Y Doãn, Khương Thái Công, Gia Cát Lượng, cho đến Lưu Cơ đời Minh, những nhân vật nổi tiếng ấy, có người đứng ra ở phía trước, cũng có người âm thầm phò trợ phía sau mà không lưu danh. Đây chính là một bí mật trong lịch sử chính trị Trung Quốc: mỗi khi cần dẹp loạn lập lại trật tự, tư tưởng Đạo gia, những nhân vật Đạo gia liền xuất hiện. Nhưng sau khi hoàn thành sứ mệnh, họ lại không muốn lưu danh trong sử sách, đúng là **"công thành, danh toại, thân thoái"** (việc thành, danh đạt, thân lui), thật đáng gọi là công đức vô lượng.

Lão Tử cũng nhiều lần dặn dò người đời sau: **"dĩ đạo tá nhân chủ giả, bất dĩ binh cường thiên hạ"** (lấy Đạo để giúp người cầm quyền, không dùng binh lực để ép buộc thiên hạ). Nhưng Lão Tử không hề phản đối chiến tranh, về mặt quốc phòng, việc phòng bị quân sự là điều tuyệt đối cần thiết, chỉ có điều không được ỷ vào binh lực để áp chế thiên hạ, không được dùng vũ lực xâm lược người khác. Thế nhưng trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Đức và Nhật Bản, những nước phát động cuộc đại chiến ấy, vốn từng nghiên cứu khá sâu triết học Lão Tử, lại quên mất câu "bất dĩ binh cường thiên hạ" này, làm trái nguyên tắc triết học quân sự đó, nên rốt cuộc đều thất bại.

Lão Tử cũng không phải phản đối quân sự, chữ **"cường"** (mạnh) mà ông nói tới, chỉ có nghĩa là tăng cường xây dựng quốc phòng cho nước mình, còn nếu muốn đem quân đi xâm lược người khác thì ắt sẽ thất bại. Vậy nguyên lý của tư tưởng quân sự, triết học chính trị của Lão Tử nằm ở đâu? Ở câu **"kỳ sự hảo hoàn"** (việc đó dễ bị quay trở lại).

Ở phần trước chúng ta đã dẫn lời Kinh Dịch **"vô vãng bất phục"** (không có gì đi mãi mà chẳng quay về), đó chính là nhân quả báo ứng: mọi việc rồi cũng sẽ xoay vòng trở lại mà báo ứng cho chính mình, bạn đánh người ta thế nào, thì cũng sẽ bị người ta đánh lại thế ấy; bạn giết người thế nào, thì cũng sẽ bị người ta giết lại thế ấy. "Kỳ sự hảo hoàn" chính là ý này. Với bất cứ việc gì, cũng không được tùy tiện làm bừa, bạn đánh ra năm mươi cân sức lực, thì quả báo quay lại sẽ là một trăm cân. Mấy nền triết học lớn, mấy giáo lý lớn của phương Đông, xưa nay vẫn đứng chung trên một nguyên tắc, đó là **"thiên đạo hảo hoàn"** (đạo trời ưa quay trở lại), tức là vòng nhân quả tuần hoàn của đạo trời.

Câu tiếp theo cho chúng ta biết một nguyên tắc mà người học triết học quân sự nhất định phải hiểu. **"Sư chi sở xử, kinh cức sinh yên"** (nơi quân đội đóng lại, gai góc mọc lên): sau một cuộc chiến tranh quy mô lớn, nơi đó bị tàn phá hủy diệt hoàn toàn, tất cả núi rừng cỏ cây cùng bao thành quả xây dựng tích lũy hàng trăm năm, trong khoảnh khắc đều tiêu tan. "Sư" tức là quân đội, hễ chiến trường ở đâu thì nơi đó phải chịu tàn phá, "kinh cức sinh yên", cỏ dại mọc lên um tùm, trở nên hoang tàn.

"Đại quân chi hậu, tất hữu hung niên" (sau đại binh, tất có năm mùa màng thất bát): người trẻ tuổi ngày nay không có kinh nghiệm này nên khó mà hiểu được; còn người từng trải qua chiến loạn thì biết rằng chiến trường sau chiến tranh sẽ trở thành nơi lây lan dịch bệnh, có khi còn kéo theo hạn hán, lũ lụt và dịch bệnh hoành hành. Vì vậy, những người học triết học quân sự về sau đều hiểu rất rõ đạo lý này. Những danh tướng thực sự trên đời, những người thật sự am hiểu quân sự, đều không dám nói chuyện chiến tranh một cách nhẹ nhàng. Đó không phải vì nhát gan sợ đánh trận, mà vì lòng nhân từ, không muốn cũng không nỡ nhìn thấy hậu quả bi thảm mà chiến tranh gây ra. Bất cứ người lính nào cũng đều do người mẹ mang thai chín tháng mười ngày, cha mẹ vất vả nuôi nấng cho khôn lớn thành người, vậy mà trên chiến trường chỉ vài giây là mất mạng. Hơn nữa, những người hy sinh trên chiến trường không phải chỉ một hai người ít ỏi, mà là trăm ngàn vạn người. Cho nên, người am hiểu quân sự đều sợ nói đến chiến tranh.

Trên đời chỉ có kẻ sĩ đọc sách mới thích bàn chuyện chiến tranh. Tôi thường gặp không ít trí thức, cách họ nhìn nhận chiến tranh cứ như trẻ con chơi trò chơi, dễ dàng như xem một trận đấu judo, thấy vui mắt. Nào ngờ đâu, chiến tranh là việc cực kỳ không dễ dàng, là việc bi thảm, đúng như "sư chi sở xử, kinh cức sinh yên, đại quân chi hậu, tất hữu hung niên". Triết học quân sự mà Lão Tử nói đến ở đây, đã đại diện đầy đủ cho tư tưởng quân sự truyền thống của Đạo gia.

"Thiện giả quả nhi dĩ, bất cảm dĩ thủ cường" (người giỏi chỉ đạt kết quả rồi thôi, không dám dùng để tỏ ra mạnh): một chính trị gia cao minh, một người lãnh đạo quân sự cao minh, phải là người mang lòng nhân từ, mong muốn dẫn dắt thiên hạ quốc gia đạt đến chỗ chí thiện. Dùng sức mạnh của điều thiện để chiến thắng mọi điều ác, tuyệt đối không phải dùng vũ lực hùng mạnh của mình để xâm lược, uy hiếp người khác.

"Quả nhi vật căng, quả nhi vật phạt, quả nhi vật kiêu" (đạt kết quả mà không tự cao, đạt kết quả mà không khoe công, đạt kết quả mà không kiêu ngạo): một người làm thống soái, làm đế vương, lãnh tụ, phải lấy tấm lòng nhân từ, chính sách lương thiện để cứu thế giới, để yêu thương thiên hạ. Họ tuy một lòng cứu đời giúp người, nhưng không hề tự cho mình là ghê gớm, tuyệt không có tâm lý kiêu căng tự phụ, cũng không tự đề cao bản thân. Bất cứ người thành công nào, nếu mang theo sự kiêu ngạo vì thành công, thì đã là mất trí điên loạn rồi, người lãnh đạo như vậy rốt cuộc cũng sẽ thất bại.

"Quả nhi bất đắc dĩ, quả nhi vật cường" (đạt kết quả mà bất đắc dĩ, đạt kết quả mà không tỏ ra mạnh): giả sử chiến tranh xảy ra, đến lúc buộc phải dùng binh, thì đó là chuyện chẳng đặng đừng mới phải làm, tuyệt không phải để tranh hơn thua khoe mạnh. Cho nên, tư tưởng cao nhất của triết học quân sự là bất đắc dĩ mới phòng bị cho chính

mình. Đạo lý làm người cũng vậy, có hai câu cổ ngữ là nguyên tắc làm người của người Trung Quốc: "lòng hại người không thể có, lòng đề phòng người không thể không có", chính là nguyên tắc này.

"Vật tráng tắc lão, thị vị bất đạo, bất đạo tảo dĩ" (vật tráng thịnh thì già đi, đó gọi là không hợp Đạo, không hợp Đạo thì mau tàn): đây là nói về nguyên lý vật lý, giúp chúng ta hiểu được nhân sinh, cũng có thể hiểu được mọi sự trên đời. Sự vận hành của vạn vật trong thiên hạ có một quy luật không thể nào thay đổi được, đó là một thứ đã lớn mạnh lên rồi thì tiếp theo sau chắc chắn là suy già! Già rồi thì phải diệt vong. "Bất đạo" ở đây không phải nói là không có Đạo, mà là nói việc vi phạm quy luật này, giống như một cái cây, lớn lên rồi ắt phải già cỗi. Vậy có cách nào giữ mãi không già không? Đó lại phải xem đến một phương pháp khác của Đạo gia, còn Lão Tử ở đây chỉ nói đến thế mà thôi.

Mở đầu chương này đã nói: "dĩ đạo tá nhân chủ giả, bất dĩ binh cường thiên hạ", đó là bàn về triết học quân sự, nhưng đến đoạn cuối lại đột nhiên nói đến "vật tráng tắc lão", nghe như chẳng liên quan gì đến đoạn trên. Kỳ thực lại liên quan rất mật thiết, nếu ai nghiên cứu quân sự sẽ hiểu ngay đạo lý này. Bởi vì quân đội mạnh, vũ khí sắc bén trong thiên hạ, không thể giữ mãi không đổi, nhất định phải không ngừng chỉnh sửa, không ngừng cải tiến mới được. Đừng cho rằng thứ của mình là ghê gớm, cứ lấy hôm nay mà nói, tuy đã đạt tới đỉnh cao nhất, nhưng qua một thời gian, cái từng là đỉnh cao ấy có thể đã lạc hậu rồi. Cho nên, đạo lý của Nho gia là: **"cẩu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân"** (nếu một ngày đã mới thì ngày ngày đều mới, lại càng mới thêm). Con người cũng vậy, người học đạo ai cũng muốn khỏe mạnh sống lâu, mà muốn khỏe mạnh sống lâu thì phải biết cách bồi dưỡng gìn giữ sự tráng kiện, **"nhược giả đạo chi phản dã"** (cái yếu mềm chính là sự vận động trở ngược của Đạo), mới có thể đạt đến chỗ hoàn thiện.

Thượng Kinh · Chương 31

Phù giai binh giả, bất tường chi khí, vật hoặc ố chi, cố hữu đạo giả bất xử.

Vũ khí dù tốt cũng là thứ không lành, vạn vật đều ghét nó, cho nên người có Đạo không dùng.

Quân tử cư tắc quý tả, dụng binh tắc quý hữu.

Quân tử ở thường thì chuộng bên tả (tả = dương, hòa bình), dùng binh thì chuộng bên hữu (hữu = âm, chiến tranh).

Binh giả bất tường chi khí, phi quân tử chi khí, bất đắc dĩ nhi dụng chi, yếm đạm vi thượng.

Binh khí là thứ không lành, không phải đồ của quân tử, bất đắc dĩ mới dùng, coi sự bình thản là trên hết.

Thắng nhi bất mỹ, nhi mỹ chi giả, thị lạc sát nhân.

Thắng trận mà không lấy đó làm đẹp, kẻ cho là đẹp tức là thích giết người.

Phù lạc sát nhân giả, tắc bất khả đắc chí ư thiên hạ hĩ.

Kẻ thích giết người thì không thể đạt được chí hướng trong thiên hạ.

Cát sự thượng tả, hung sự thượng hữu.

Việc lành thì chuộng tả, việc hung thì chuộng hữu.

Thiên tướng quân cư tả, thượng tướng quân cư hữu, ngôn dĩ tang lễ xử chi.

Thiên tướng quân (tướng phụ) đứng bên tả, thượng tướng quân (tướng chính) đứng bên hữu, ý nói dùng nghi lễ tang ma để xử sự.

Sát nhân chi chúng, dĩ ai bi khấp chi; chiến thắng dĩ tang lễ xử chi.

Giết người nhiều, lấy lòng thương xót mà khóc than; chiến thắng thì dùng nghi lễ tang ma để xử sự.

Chương này tiếp nối triết học quân sự ở chương trước mà khai triển thêm. Trong lịch sử có rất nhiều bản chú giải nổi tiếng, nhưng đều không chú giải chương này, không muốn chú giải, vì thời đại đế vương phần lớn đều "dùng binh lực để ép buộc thiên hạ". Cho nên, nguyên nhân thứ nhất là mọi người sợ bàn đến chuyện này, nguyên nhân thứ hai là đoạn văn này rất dễ hiểu, không cần chú giải. Bây giờ chúng ta giải thích sơ qua, để làm rõ đạo lý này.

"Phù giai binh giả, bất tường chi khí" (vũ khí dù tốt cũng là thứ không lành), "giai binh" chính là thứ vũ khí giết người, vì vũ khí có thể giết chết rất nhiều người nên mới gọi là "không lành". Bom nguyên tử là thứ vũ khí rất lợi hại, một quả bom nguyên tử nổ ra có thể giết chết vô số người. Nhưng đến thời đại bom hạt nhân, thậm chí chiến tranh dùng đến "tia tử thần", chiến tranh vi khuẩn, thì giết người càng nhiều càng nhanh, trong chớp mắt có thể hủy diệt một nửa nhân loại, đó chính là đạo lý của câu "giai binh bất tường". **"Vật hoặc ố chi"** (vạn vật đều ghét nó), đừng nói là con người sợ hãi, mà bất cứ sinh vật nào có sự sống trên đời cũng đều khiếp sợ nó. **"Cố hữu đạo giả bất xử"** (cho nên người có Đạo không dùng), vì vậy người có Đạo không làm việc ấy, chỉ dùng đạo đức, thiện tâm, lòng nhân từ để cảm hóa người khác.

Nhưng triết học của Lão Tử, tức triết học Đạo gia, phía sau đạo đức vẫn có vũ khí làm hậu thuẫn đấy! Cứ thử nhìn mỗi ngôi chùa, miếu, dù là của Đạo gia hay Phật gia, ở giữa ngồi là "Phật", hai bên đứng đều là Tứ Đại Kim Cang cầm binh khí. Không có những vị ấy thì không xong, mà chỉ nói đạo đức nhân từ suông cũng không xong, đây chính là chỗ áo diệu của Đạo gia.

Không cần đổ máu mà thắng trận

"Quân tử cư tắc quý tả, dụng binh tắc quý hữu" (quân tử ở thường thì chuộng bên tả, dùng binh thì chuộng bên hữu), đây là lễ nghi thời cổ Trung Quốc, cũng là chế độ quân sự thời cổ Trung Quốc. Quân tử là người có đạo đức tu dưỡng cao minh, theo chế độ truyền thống thượng cổ, khi lấy chính đạo trị nước thì ưa đứng bên trái; còn khi dùng binh thì ưa đứng bên phải. Trái phải là hai ký hiệu, bên phải thuộc âm, khi dùng binh thì không thể không dùng đến "âm mưu": địch chuẩn bị đánh mình ra sao, mình phải chuẩn bị đánh địch thế nào, không dùng mưu kế quỷ quyệt thì không đủ để giành thắng lợi.

"Binh giả bất tường chi khí, phi quân tử chi khí, bất đắc dĩ nhi dụng chi" (binh khí là thứ không lành, không phải đồ dùng của quân tử, bất đắc dĩ mới dùng), câu này được nhắc lại, là trường hợp hiếm thấy trong sách Lão Tử, cho thấy Lão Tử dặn dò hết sức tha thiết, nhắc mọi người phải đặc biệt lưu ý. **"Yếm đạm vi thượng"** (coi sự bình thản là trên hết), sự tu dưỡng của một vị thống soái đại quân lấy sự điềm đạm làm trên hết, Gia Cát Lượng có hai câu danh ngôn: đạm bạc mới sáng rõ được chí hướng, tĩnh lặng mới đạt tới cõi xa. Người tu đạo trong lịch sử Trung Quốc, ngoài Gia Cát Lượng ra, hiếm thấy ai có sự tu dưỡng như vậy.

Thời Nam Bắc triều, dưới trướng Lương Vũ Đế có một vị tướng lĩnh tên là Lục Pháp Hòa, vốn là một nhà sư xuất gia. Người này không hề mặc áo cà sa, ông chỉ huy quân đội hoàn toàn theo cách quản lý người xuất gia. Mỗi lần tác chiến, chỉ cần quân đội của ông vừa đến là chắc chắn thắng trận. Về sau ông giúp Lương Vũ Đế bình định được rất nhiều nơi. Đến khi con trai của Lương Vũ Đế lên ngôi hoàng đế, ông đã nắm trong tay toàn bộ lực lượng quân sự phía nam Trường Giang. Vì vậy, con trai Lương Vũ Đế sinh lòng nghi kỵ ông, đúng là "công cao át chủ", bởi ông nắm trọn binh quyền cả nước, chỉ cần ông phất tay một cái là hoàng đế đành phải xuống ngôi.

Thế là có người đến gièm pha ông trước mặt hoàng đế, nhưng ông đang ngồi thiền ở nhà đã biết trước, liền chạy đến gặp hoàng đế mà nói: "Ta là Pháp Hòa, người tu đạo, đến ngôi Đế Thích Thiên Vương ta cũng chẳng thèm làm, huống hồ phú quý phù du chốn nhân gian. Ta với cha ngươi, vốn là đạo hữu cùng tu tại hội Linh Sơn trước Phật Thích Ca năm xưa, vì cha ngươi đọa lạc xuống trần gian làm hoàng đế, ta là sư huynh của người, nên nguyện ra sức giúp một tay, mà ngươi lại nghi ngờ ta. Nay ta trả lại ấn tướng quân cho ngươi, ta đi đây." Nói xong ông bỏ đi, một mình lên núi Nga Mi ở Tứ Xuyên.

Vì sao mỗi lần đánh trận, quân địch chỉ vừa thấy bóng dáng ông đã sợ hãi, không cách nào giao chiến nổi? Tương truyền ông dùng thần thông để đánh trận, căn bản không hề giết người, đúng là không cần đổ máu mà vẫn giành được thắng lợi. Chỉ có điều người viết sử cho đây là chuyện thần thoại, không muốn chép vào sử sách, nhưng thực ra quả có người thật việc thật như vậy. Các bạn nghiên cứu lịch sử đoạn Nam Bắc triều sẽ biết quả thật có một vị tướng như thế, mọi sự ở ông đều điềm đạm nhạt nhòa như vậy.

Vì sao lấy tang lễ để kỷ niệm chiến thắng

"Thắng nhi bất mỹ" (thắng trận mà không lấy đó làm đẹp), chiến tranh là việc bất đắc dĩ, dù có thắng trận cũng không đáng để ca tụng. **"Nhi mỹ chi giả, thị lạc sát nhân"** (kẻ cho là đẹp tức là thích giết người), cái gọi là vẻ đẹp của thắng trận, chẳng qua chỉ là thích giết người mà thôi. **"Phù lạc sát nhân giả, tắc bất khả đắc chí ư thiên hạ hĩ"** (kẻ thích giết người thì không thể đạt được chí hướng trong thiên hạ), một kẻ thích giết người rốt cuộc sẽ thất bại, cho nên không thể nào đạt được chí hướng trong thiên hạ.

Lễ nghi cổ của Trung Quốc tôn trọng bên trái, cho nên nói **"cát sự thượng tả, hung sự thượng hữu"** (việc lành thì chuộng tả, việc hung thì chuộng hữu), **"thiên tướng quân cư tả, thượng tướng quân cư hữu"** (phó tướng quân đứng

bên tả, thượng tướng quân đứng bên hữu). Theo cách tổ chức quân sự hiện đại mà nói, thì tổng tư lệnh đứng bên phải, phó tổng tư lệnh đứng bên trái. Bởi vì, khi một mệnh lệnh tác chiến được ban ra, đánh nhau lên là hàng ngàn hàng vạn sinh mạng sẽ hy sinh, đó là việc hung. **"Ngôn dĩ tang lễ xử chi"** (ý nói dùng nghi lễ tang ma để xử sự), nên mang tâm trạng đau xót như có tang mà xử lý việc ấy. **"Sát nhân chi chúng, dĩ ai bi khấp chi"** (giết người nhiều, lấy lòng thương xót mà khóc than), đối với quân địch chết và bị thương cũng phải có lòng thương xót đau buồn. **"Chiến thắng dĩ tang lễ xử chi"** (chiến thắng thì dùng nghi lễ tang ma để xử sự), dù có thắng trận cũng không nên kiêu căng đắc ý, vẫn phải mang tâm trạng đau xót như tang lễ mà xử lý mọi việc sau chiến tranh.

Chúng ta biết rằng tư tưởng triết học quân sự của Đạo gia phần nhiều dựa vào đạo lý trong Âm Phù Kinh. Trong số các điển tịch liên quan đến Đạo gia và Lão Tử, Âm Phù Kinh là một trong Thái Thượng Thập Tam Kinh. Sách ấy viết: **"Thiên tính nhân dã, nhân tâm cơ dã. Lập thiên chi đạo, dĩ định nhân dã. Thiên phát sát cơ, tinh thần ẩn phục; địa phát sát cơ, long xà khởi lục; nhân phát sát cơ, thiên địa phản phúc. Thiên nhân hợp phát, vạn hóa định cơ."** (Tính trời là con người, tâm người là cái máy. Xác lập đạo trời để định con người. Trời phát động cơ sát thì sao trời ẩn khuất; đất phát động cơ sát thì rồng rắn trồi lên khỏi đất; người phát động cơ sát thì trời đất đảo lộn. Trời người cùng phát động thì vạn vật biến hóa mới định được nền tảng.)

"Thiên tính nhân dã" (tính trời là con người), con người đại diện cho trung tâm của trời đất. **"Nhân tâm cơ dã"** (tâm người là cái máy), tâm lý con người thông với vũ trụ, đó là nền tảng của sự hợp nhất tâm-vật. **"Lập thiên chi đạo, dĩ định nhân dã"** (xác lập đạo trời để định con người), tư tưởng và tâm lý con người không được tùy tiện khởi lên một niệm sát hại, hay một niệm ác nào, vì như thế là trái với thiên tính nhân ái.

"Thiên phát sát cơ, tinh thần ẩn phục" (trời phát động cơ sát thì sao trời ẩn khuất), câu này nói rằng khi trời phát động cơ sát, ắt sẽ tàn phá muôn loài vạn vật, hoặc nổi gió bão, hoặc đổ mưa to, mặt trời, mặt trăng, các vì sao đều phải ẩn khuất không còn nhìn thấy được. **"Địa phát sát cơ, long xà khởi lục"** (đất phát động cơ sát thì rồng rắn trồi lên khỏi đất), thậm chí xảy ra động đất, núi lửa phun trào cùng đủ loại thiên tai, lúc ấy một số sinh vật dưới lòng đất sẽ chui lên khỏi mặt đất. Ví dụ như vào mùa hè, dù trời đang nắng đẹp, nhưng nếu đột nhiên thấy đàn kiến dời tổ, thì chắc chắn trời sắp đổ mưa to, nước sẽ dâng lên. Có rất nhiều loài vật đều có linh cảm trước như vậy, đó chính là đạo lý của câu "địa phát sát cơ, long xà khởi lục".

Một góc nhìn khác của triết học quân sự

Cơ sát của trời đất một khi đã dấy lên, tuy đáng sợ như vậy, nhưng nếu con người phát động cơ sát thì còn đáng sợ hơn cả thiên tai địa biến. **"Nhân phát sát cơ, thiên địa phản phúc"** (người phát động cơ sát thì trời đất đảo lộn), nếu con người có tâm thái muốn phát động chiến tranh thì thật đáng sợ, đến trời đất cũng phải biến sắc vì điều đó. Nhưng sau khi cơ sát của con người đã dấy lên, thì chiến tranh phát động ra có phải nhất định là xấu hay không? Điều đó lại không hẳn như vậy, vì có cách mạng rồi mới có được sự kiến thiết tốt đẹp thực sự, đây là cách nhìn ở mặt khác của triết học quân sự.

Ví như Phật gia nói về kiếp vận đến lúc, thì khó tránh khỏi kiếp nạn, nhưng khi một kiếp vận qua đi, điều tốt đẹp sẽ lại hưng thịnh trở lại; cho nên **"thiên nhân hợp phát, vạn hóa định cơ"** (trời người cùng phát động thì vạn vật biến hóa mới định được nền tảng), một cục diện mới mới có thể bắt đầu. Cũng giống như một người mắc bệnh nặng, hoặc bị ung thư, không thể không mổ, đã mổ thì phải gây mê, lên bàn mổ, sống chết chưa biết ra sao, còn tùy vào vận may. Nếu một dao cắt xuống mà cải tử hoàn sinh được, đó chính là "thiên nhân hợp phát, vạn hóa định cơ", bắt đầu lại một sinh mệnh mới.

Âm Phù Kinh còn nói: **"Thiên sinh thiên sát, đạo chi lý dã. Thiên địa vạn vật chi đạo, vạn vật nhân chi đạo, nhân vạn vật chi đạo, tam đạo ký nghi, tam tài ký an. Cố viết: thực kỳ thời, bách hài lý, động kỳ cơ, vạn hóa an."** (Trời sinh trời giết, đó là lẽ của Đạo. Trời đất là kẻ trộm của vạn vật, vạn vật là kẻ trộm của con người, con người là kẻ trộm của vạn vật; ba kẻ trộm ấy đều được thỏa đáng thì tam tài đều yên ổn. Cho nên nói: ăn đúng thời, trăm khớp xương điều hòa, phát động đúng cơ, vạn vật biến hóa yên ổn.) **"Thiên sinh thiên sát, đạo chi lý dã"** (trời sinh trời giết, đó là lẽ của Đạo), trời đất sinh ra vạn vật, cái mới sinh ra rồi lại già đi mà chết, tuyệt không để nó tồn tại mãi không đi, đó là đạo của trời đất vạn vật. "Đạo" cũng chính là **"đạo"** (trộm cắp), đạo của sự tu đạo, cũng chính là đạo của sự trộm cắp. Người tu đạo ngồi thiền ở đó, tưởng rằng mình không hề trộm cắp, nào ngờ chính là đang trộm lấy tinh hoa của trời đất nhật nguyệt. Vì sao chúng ta ngồi thiền một lúc lại cảm thấy sảng khoái tinh thần hơn? Bởi vì ngồi thiền đã trộm lấy tinh hoa của trời đất nhật nguyệt đem về cho chính mình. **"Thiên địa vạn vật chi đạo"** (trời đất là kẻ trộm của vạn vật), trời đất trộm lấy tinh hoa của vạn vật mà làm nên thần khí của trời đất. **"Vạn vật nhân chi đạo, nhân vạn vật chi đạo"** (vạn vật là kẻ trộm của con người, con người là kẻ trộm của vạn vật), con người còn đáng ghét hơn, lớn thì đến thanh sắc nhật nguyệt, nhỏ thì đến rau dưa củ cải, con người đều trộm lấy cho mình, để cuộc sống của mình tốt đẹp hơn, đó là kẻ trộm của vạn vật. Trời đất trộm vạn vật, con người trộm trời đất; trời cũng trộm, đất cũng trộm, người cũng trộm, quả thật là một tay đại đạo tặc giữa trời đất. **"Tam đạo ký nghi, tam tài ký an"** (ba kẻ trộm ấy đều được thỏa đáng thì tam tài đều yên ổn), trời, đất, người, ba tên đại đạo tặc ấy, mỗi bên đều được thỏa mãn rồi thì thiên hạ mới thái bình.

"Thực kỳ thời, bách hài lý, động kỳ cơ, vạn hóa an" (ăn đúng thời, trăm khớp xương điều hòa, phát động đúng cơ, vạn vật biến hóa yên ổn), Đạo gia chủ trương **"thôn thổ vạn vật"** (thu nạp tinh hoa của vạn vật), thu lấy tinh hoa của trời đất về cho mình, nhưng phải nắm bắt đúng thời điểm thì trăm khớp xương trong cơ thể mới khỏe mạnh sống lâu. Chỉ có điều, tinh hoa của trời đất, cội nguồn của sự sống ấy lại nằm ở đâu? Trước hết phải tìm cho ra chữ "cơ" ấy, tìm được "cơ" rồi, chỉ cần "cơ" ấy chuyển động là được, thế là vạn vật biến hóa yên ổn mà thiên hạ thái bình. Đây là điều thuộc về duy tâm, không phải duy vật.

Âm Phù Kinh còn cho chúng ta biết: **"Kỳ đạo cơ dã, thiên hạ mạc năng kiến, mạc năng tri. Quân tử đắc chi cố cung, tiểu nhân đắc chi khinh mệnh."** (Cái cơ của sự trộm ấy, thiên hạ không ai thấy được, không ai biết được. Quân tử nắm được nó thì thân mình vững chãi, tiểu nhân nắm được nó thì coi thường mạng sống.) Chữ "cơ" trong "kỳ đạo cơ dã" này thuộc về duy tâm, cũng giống như điều Phật gia nói **"tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức"** (ba cõi đều do tâm tạo, muôn pháp đều do thức biến hiện), đó là tác dụng của tâm thức. **"Thiên hạ mạc năng kiến, mạc năng tri"** (thiên hạ không ai thấy được, không ai biết được), vừa không thể thấy được, cũng không thể biết được. **"Quân tử đắc chi cố cung, tiểu nhân đắc chi khinh mệnh"** (quân tử nắm được nó thì thân mình vững chãi, tiểu nhân nắm được nó thì coi thường mạng sống), tu đạo không được tu bừa, bậc quân tử thực sự hiểu tu đạo, nắm được cái "cơ" ấy thì có thể khỏe mạnh sống lâu. Còn kẻ tiểu nhân không hiểu tu đạo, nắm không được "cơ" ấy, tu không đúng cách, trái lại sẽ dần dần suy vong, đây chính là đạo lý về sinh sát mà Âm Phù Kinh bàn tới.

Tư tưởng Đạo gia của Sở Trang Vương và Chu Vũ Vương

Từ tư tưởng triết học quân sự của Lão Tử, chúng ta thử xét lại trong văn hóa Trung Quốc còn có điều gì hợp với tinh thần "Đạo" nữa. Trong Tả Truyện có một thiên tên là Sở Trang Vương bất vi Kinh Quán (Sở Trang Vương không xây Kinh Quán). Bài này thuật lại việc Sở Trang Vương không cho phép xây dựng "Kinh Quán". "Kinh Quán" là một loại công trình, thời cổ dùng để kỷ niệm chiến thắng, tương tự như Khải Hoàn Môn của nước Pháp vậy.

Nay xin trích một đoạn trong đó, để bổ sung cho tình hình thực tế của triết học quân sự Lão Tử, giúp mọi người hiểu rõ đạo lý nhân chính trong tư tưởng quân sự của văn hóa Trung Quốc.

"Sở sư quân vu Bật" (quân Sở đóng ở đất Bật), có một lần nước Sở giao chiến với nước Tấn, chiến thắng rồi, toàn bộ quân đội nước Sở vẫn còn ở tiền tuyến chưa rút lui, với tư thế đội quân chiến thắng đóng ở biên giới nước Tấn, gần đất Bật thuộc nước Trịnh. Lúc ấy có một vị quan cao cấp của Sở Vương tên là Phan Đảng, tâu với Sở Vương rằng: **"Quân hạp trúc vũ quân nhi thu Tấn thi dĩ vi Kinh Quán"** (xin bệ hạ cho xây một doanh trại, thu nhặt xác lính Tấn lại làm thành Kinh Quán), ông ta đề nghị xây một công trình kỷ niệm, để ghi nhớ chiến thắng lần này, đem chôn cất tập trung rất nhiều xác lính Tấn tử trận trên chiến trường. Lý do ông ta đưa ra là: **"Thần văn khắc địch, tất thị tử tôn, dĩ vô vong vũ công"** (thần nghe rằng thắng địch thì phải cho con cháu đời sau biết, để không quên võ công), ông ta nói rằng chiến thắng rồi thì phải cho con cháu đời sau biết, để không quên sự cường thịnh về võ công của nước nhà.

Sở Trang Vương trong thời Xuân Thu Chiến Quốc được coi là một minh quân xuất chúng, ông đáp lời Phan Đảng rằng: **"Phi nhĩ sở tri dã"** (đạo lý này ngươi không hiểu đâu)! **"Phù văn chỉ qua vi vũ"** (xét theo mặt chữ, chữ Vũ do chữ Chỉ và chữ Qua hợp thành), xét về mặt văn tự, chữ 武 (vũ) do hai chữ 止 (chỉ) và 戈 (qua) ghép lại mà thành, phía trên là chữ 戈 (qua, cây giáo), phía dưới là chữ 止 (chỉ, dừng lại), ý nói rằng một kẻ xấu, không chịu giáo hóa, muốn dùng chiến tranh để xâm lược người khác, gây hại cho thế giới, thì chúng ta đành phải dùng chiến tranh để xử lý, lấy chiến tranh để chặn đứng chiến tranh, mục đích là dùng chiến tranh để ngăn chặn chiến tranh, đó chính là đạo lý của **"chỉ qua vi vũ"** (dừng giáo mác lại mới là võ).

"Vũ Vương khắc Thương" (Chu Vũ Vương đánh bại nhà Thương), Chu Vũ Vương làm cách mạng, lật đổ Thương Trụ Vương tàn bạo vô đạo, chính ông đã làm một bài tụng ca rằng: **"Tái tập can qua, tái cao cung thỉ, ngã cầu ý đức, tứ vu thời Hạ, doãn vương bảo chi."** (Cất giấu can qua, cất cung tên vào bao, ta tìm cầu đức tốt đẹp, ban trải khắp cõi Hạ, thực vua sẽ giữ gìn mãi.) Từ nay về sau, chúng ta không dùng chiến tranh nữa, phải cất vũ khí đi, không dùng đến vũ khí nữa. Điều xã hội cần là sự giáo hóa bằng đạo đức nhân ái, chỉ có giáo hóa bằng đạo đức nhân ái mới có thể truyền mãi đến đời sau, phát huy rạng rỡ. Mong con cháu đời sau mãi mãi giữ gìn tinh thần thực hành nhân chính ấy.

Khi ấy Chu Vũ Vương lại làm thêm một thiên nữa gọi là "Vũ", đây cũng là nguyên lý triết học quân sự trong văn hóa Trung Quốc. **"Kỳ định nhĩ công"** (đã bình định xong công nghiệp của người), lúc này thiên hạ đã yên ổn, quốc gia và nhân dân đều được hưởng phúc, công lao lớn lao ấy không phải có được từ chiến tranh xâm lược. **"Phô thời dịch tư, ngã tổ duy cầu định"** (noi theo đạo lý ấy mà suy ngẫm nối tiếp, ta đi chỉ để cầu sự an định), dựa trên tinh thần nhân ái của truyền thống văn hóa, để cầu cho quốc gia và nhân dân thiên hạ được an định mãi mãi. **"Tuy vạn bang, lũ phong niên"** (an định muôn nước, liên tiếp được mùa), khiến muôn nước trong thiên hạ đều được thái bình, mỗi người đều sống tốt đẹp, lại được thiên thời, địa lợi, nhân hòa hỗ trợ, mà có được sự an định về kinh tế, đời sống sung túc.

Dưới đây lại xin trích tiếp lời Sở Trang Vương tiếp tục huấn thị các quan cao cấp của mình, đạo lý truyền thống của triết học quân sự Trung Quốc có bảy điều: **"Phù vũ cấm bạo, tập binh, bảo đại, định công, an dân, hòa chúng, phong tài giả dã."** (Vũ đạo là để cấm điều bạo ngược, thu cất binh khí, giữ gìn sự lớn mạnh, xác lập công nghiệp, an định dân chúng, hòa hợp mọi người, làm giàu của cải vậy.) Bảy điểm cốt yếu này, nếu triển khai ra có thể viết thành hai ba trăm nghìn chữ, trở thành một cuốn sách chuyên bàn về quân sự. "Cấm bạo", là diệt trừ hết những kẻ xấu trên đời, không để kẻ xấu tồn tại, tránh gây rối loạn xã hội. "Tập binh", kẻ xấu muốn ỷ mạnh hống hách xâm lược nước láng giềng, ta phải ngăn chặn sự hung bạo ấy. "Bảo đại", chú trọng việc nghỉ ngơi dưỡng sức của dân chúng, giữ gìn

sự lớn mạnh của quốc gia dân tộc. "Định công", lấy chính sách vương đạo nhân ái mà xây dựng công nghiệp bất hủ. "An dân", khiến dân chúng mãi mãi sống cuộc sống an định, được hưởng phúc an vui thuận lợi. "Hòa chúng", đây chính là điều ngày nay gọi là dân chủ tự do, khiến mọi người yên ổn với nhau, qua lại lễ độ và khiêm nhã. "Phong tài", tăng cường xây dựng kinh tế, khiến mỗi nhà, mỗi người đều được ăn no mặc ấm, người người có của, ai nấy thư thái, để của cải dồi dào trong dân. Mục đích của việc dùng binh chính là để đạt được bảy điểm cốt yếu này. **"Cố sử tử tôn, vô vong kỳ chương"** (nên khiến con cháu đời sau, chớ quên những điều ấy), để giữ gìn tinh thần tư tưởng quân sự trong văn hóa Trung Quốc, khiến con cháu đời sau mãi mãi không được quên!

"Kim ngã sử nhị quốc bạo cốt, bạo hĩ" (nay ta khiến hai nước phơi xương, thật là tàn bạo), hai nước ở đây chỉ nước Sở và nước Tấn. Sở Trang Vương nói, vì chiến tranh mà khiến quân Tấn chết rất nhiều người, thi thể phơi bày trên chiến trường, ta thấy như vậy đã quá tàn nhẫn tàn bạo rồi. **"Quan binh dĩ uy chư hầu, binh bất tập hĩ"** (phô binh để uy hiếp chư hầu thì binh đao sẽ không dừng), sức mạnh quân sự của ta tuy rất đáng nể, nhưng chưa thi hành nhân chính cho người ta thấy, chỉ đem vũ lực ra phô trương, điều này sẽ khiến các nước khác nảy sinh ý muốn tự làm mình lớn mạnh, như thế thì chiến tranh sẽ không bao giờ chấm dứt, cuối cùng ta vẫn sẽ thất bại. **"An năng bảo đại"** (làm sao giữ được sự lớn mạnh), chiến tranh tuy đã thắng lợi, nhưng nhân chính chưa được thi hành, không thể khiến thế giới có được hòa bình vĩnh viễn, khiến các nước đi theo con đường nhân nghĩa, cứ như vậy thì quốc gia dân tộc ta làm sao có thể giữ mãi sự lớn mạnh được?

Nhân chính quan trọng hơn vũ lực

"Do hữu Tấn tại, yên đắc định công" (nước Tấn vẫn còn đó, sao gọi là đã lập được công), huống chi nước Tấn vẫn chưa hoàn toàn thất bại! Trận chiến lần này, nước Tấn tuy thua trận, nhưng chúng ta không phải thi hành nhân chính, không thể lấy đức phục người, do đó cũng không thể khiến họ tâm phục, vậy sao có thể coi là công nghiệp lớn lao được? **"Sở vi dân dục do đa, dân hà an yên"** (những điều trái với mong muốn của dân còn nhiều, dân làm sao an ổn được), chiến tranh đánh xong, đã làm trái nguyện vọng sống của bách tính, khiến bách tính còn chịu nhiều nỗi khổ, không thể để họ an cư lạc nghiệp, vậy còn vinh quang gì để nói! **"Vô đức nhi cường tranh chư hầu, hà dĩ hòa chúng"** (không có đức mà cứ dùng sức mạnh tranh giành với chư hầu, thì lấy gì để hòa hợp mọi người), nước ta không thi hành nhân chính, chỉ dùng vũ lực để tranh giành giữa các nước, càng không thể khiến thiên hạ thực lòng tôn sùng và tin phục, vậy làm sao có thể chung sống hòa thuận với nhau được?

"Lợi nhân chi cơ, nhi an nhân chi loạn, dĩ vi kỷ vinh, hà dĩ phong tài" (lợi dụng chỗ sơ hở của người, mà yên lòng trước cảnh loạn lạc của người, lấy đó làm vinh quang cho mình, thì lấy gì làm giàu của cải), lần tác chiến này của ta là lợi dụng chỗ yếu của địch mới thắng trận được, vậy sao có thể nỡ lòng nhìn nước họ loạn lạc mà cho đó là vinh quang của mình?! Có tâm thái như vậy thì làm sao có thể xây dựng phục hưng kinh tế được?!

"Vũ hữu thất đức, ngã vô nhất yên, hà dĩ thị tử tôn" (đạo vũ có bảy đức, ta không có lấy một, thì lấy gì răn dạy con cháu), bảy đức hạnh trong tư tưởng quân sự, ta không có lấy một điều nào, thật hổ thẹn vô cùng, còn lấy gì để răn dạy con cháu đời sau đây? **"Kỳ vi tiên quân cung, cáo thành sự nhi dĩ"** (chỉ xây điện thờ cho tiên quân, để cáo với tổ tiên rằng việc đã xong mà thôi), ta chỉ muốn xây một ngôi từ đường cho tổ tiên nước Sở, cử hành một lễ tế, để báo cáo với tổ tiên rằng cuộc chinh chiến lần này đã hoàn tất; đồng thời nói rõ rằng con cháu này của tổ tiên, tuy là quân chủ một nước, nhưng chưa thi hành được nhân chính, chỉ dựa vào võ công mà xưng bá thiên hạ, thế không thể coi là cao minh. **"Vũ phi ngô công dã"** (chiến công này không phải công lao của ta), chiến thắng quân sự lần này, ta không dám nhận là công của mình, cũng không đáng kể là công lao của ta.

"Cổ minh vương phạt bất kính, thủ kỳ kình nghê nhi phong chi, dĩ vi đại lục, ư thị hồ hữu Kinh Quán, dĩ trừng dâm thắc." (Bậc minh vương thời xưa đánh dẹp kẻ bất kính, lấy xương kình nghê của chúng mà chôn cất, coi đó là hình phạt lớn, từ đó mới có Kinh Quán, để răn trừng kẻ gian ác.) Bậc minh vương thánh chủ thời xưa, cũng dùng binh đánh trận, nhưng đó chỉ là để giáo hóa những nước phạm tội bất kính, giáo hóa xong rồi thì không đòi hỏi gì cả, **"thủ kỳ kình nghê nhi phong chi"** (chỉ lấy xương kình nghê của họ mà chôn cất), chỉ lấy vật tiêu biểu của nước ấy mà cất giữ lại. "Kình nghê" là loại xương cá rất lớn, người thời thượng cổ coi đó là báu vật, dùng làm quốc bảo truyền đời. Nói theo cách hiện đại, đó là một biểu tượng đại diện cho một quốc gia.

Đây chính là văn hóa thượng cổ của chúng ta, chỉ trừng phạt những nước không chịu tuân theo giáo hóa, tuyệt không có ý xâm chiếm đất đai của người khác, cũng không có ý chiếm đoạt tài nguyên kinh tế của người khác. **"Dĩ vi đại lục"** (coi đó là hình phạt lớn), như vậy đã là một sự trừng phạt rất nặng rồi. Về sau mới xây dựng nên Kinh Quán, dựng lên một công trình kỷ niệm, tượng trưng cho sự giáo hóa đạo đức rất cao minh, để tỏ rõ việc trừng phạt những hành vi tội ác không tuân giáo hóa, không giữ đạo đức, mà răn dạy cho đời sau.

"Kim chúng vô sở, nhi dân giai tận trung, dĩ tử quân mệnh, hựu hà dĩ vi Kinh Quán hồ?" (Nay quân lính đã không còn chỗ dựa, mà dân chúng đều hết lòng trung nghĩa, đến chết vì mệnh lệnh vua, thì còn lấy gì mà xây Kinh Quán nữa?) Qua chỗ này, ta thấy được Sở Trang Vương thật là một người xuất chúng, ông đến chiến trường nhìn thấy những quân địch tử trận đều là những đứa con mà cha mẹ già nước Tấn đã vất vả nuôi lớn, họ có tội gì đâu? Họ chỉ vì hiến thân cho đất nước mình, vì hết lòng trung thành với đất nước mình mà chết. Nước của họ tuy đã thua trận, nhưng bản thân họ lại là những kẻ trung thành báo quốc. Những linh hồn đã khuất ấy cũng đáng để chúng ta tôn trọng, vì họ đã nhận lệnh của quốc gia mà "chết vì mệnh vua". Nếu lại đem xác họ chôn cất lại, xây dựng một tòa Kinh Quán hoành tráng, để làm vật kỷ niệm vinh quang cho riêng mình, thì thật không nên chút nào.

"Tự vu Hà, tác tiên quân cung, cáo thành sự nhi hoàn" (tế bên sông Hoàng Hà, dựng điện thờ tiên quân, cáo rằng việc đã xong rồi trở về), do đó, ông không nghe theo kiến nghị của vị "quan cao cấp" Phan Đảng, mà chỉ lập đàn tế bên bờ nam sông Hoàng Hà, để tưởng niệm tướng sĩ tử trận của cả hai nước. Trong thành, ông chỉ xây một ngôi từ đường tế cáo tổ tiên, khấn cầu trước tổ tiên mình, thề sẽ nỗ lực phát huy rạng rỡ truyền thống vinh quang của nước Sở, không để tổ tiên phải xấu hổ, rồi rút quân trở về nước.

Mọi người đều biết Khổng Tử soạn Kinh Xuân Thu, đây là một tác phẩm triết học lịch sử nêu rõ tiêu chuẩn hành vi thiện ác, để lại làm tấm gương cho con cháu đời sau. Kho tàng tư tưởng văn hóa của chúng ta đều nằm trong Tứ Thư Ngũ Kinh. Nay chúng ta lấy sự kiện lịch sử về triết học chiến tranh, triết học quân sự trong thiên này của Tả Truyện để chú giải cho Lão Tử, thật là rất thích hợp. Đương nhiên, còn rất nhiều sự tích lịch sử cùng những lời hay việc tốt của các bậc minh vương thánh chủ qua các đời, không thể liệt kê dẫn chứng hết ở đây được.

Ở trên là nói về **"đạo chi dụng"** (công dụng của Đạo), nói rõ đại đạo lý của việc Đạo được vận dụng vào phương diện quân sự, chính trị. Ở chương 32 tiếp theo, sẽ bàn đến công phu tu dưỡng của Đạo.

Đạo thường vô danh.

Đạo thường không có tên gọi.

Phác tuy tiểu, thiên hạ mạc năng thần dã.

Chất phác tuy nhỏ, thiên hạ không ai có thể sai khiến được.

Hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự tân.

Nếu hầu vương có thể giữ nó, vạn vật sẽ tự đến quy phục.

Thiên địa tương hợp, dĩ giáng cam lộ, dân mạc chi linh nhi tự quân.

Trời đất hòa hợp, để giáng cam lộ xuống, dân không ai ra lệnh mà tự đồng đều nhau.

Thủy chế hữu danh, danh diệc ký hữu, phù diệc tương tri chỉ.

Bắt đầu đặt ra chế độ thì có tên gọi; tên đã có rồi, biết dừng lại thì mới thôi.

Tri chỉ khả dĩ bất đãi.

Biết dừng lại thì có thể không bị nguy hiểm.

Thí đạo chi tại thiên hạ, do xuyên cốc chi ư giang hải.

Ví Đạo ở trong thiên hạ, như suối khe chảy về sông biển.

Tinh thần chất phác, không phô trương

Công dụng của Đạo là biến đổi, cũng chính là điều nhà Phật gọi là vô thường, nó không cố định vĩnh viễn mà lúc nào cũng biến đổi. Sự vật trong trời đất không có gì là bất biến, cho nên **"đạo thường vô danh"** (đạo thường không có tên gọi), không có một hình thái nào tồn tại mãi mãi, không có một cách vận dụng nào tồn tại mãi mãi.

"Phác tuy tiểu, thiên hạ mạc năng thần dã" (chất phác tuy nhỏ, thiên hạ không ai có thể sai khiến được), chữ "phác" này, Lão Tử tự có cách chú giải riêng của ông. Người đời sau nghiên cứu sách Lão Tử, thêm vào rất nhiều chú giải, kỳ thực phần lớn đều là vẽ rắn thêm chân; còn chú giải của chính cuốn Lão Tử thì sau này sẽ từ từ nói tới. Chữ "phác" này đại diện cho sự vận dụng nguyên thủy của Đạo, sự vận dụng đầu tiên, sự vận dụng tinh vi nhỏ nhặt nhất; cái "phác" này nhìn thì rất nhỏ, nhưng thiên hạ không ai có thể khuất phục được nó, chữ "thần" ở đây mang nghĩa khuất phục, sai khiến.

Rất nhiều câu chữ trong sách Lão Tử giống như thoại đầu của Thiền tông, phải nhìn từ nhiều góc độ, phải thể hội từ nhiều phương diện thì tự nhiên sẽ có nhiều chỗ lĩnh ngộ. Ý nghĩa khác của câu này cũng giống như câu người ta thường nói: làm việc phải nhìn xa trông rộng nhưng bắt tay từ những việc nhỏ nhặt. Tuyệt đối không thể nói rằng tôi chỉ muốn làm việc lớn, còn việc nhỏ thì mặc kệ không quan tâm; nếu việc nhỏ còn làm không xong, thì làm sao làm được việc lớn? Đến một nồi cháo cũng nấu không xong, vậy mà lại nói muốn cứu thiên hạ quốc gia, chẳng phải là khoác lác hay sao?

Người trẻ tuổi ngày nay thường rơi vào một loại ảo tưởng, chỉ muốn làm việc lớn nhưng lại không chịu làm việc một cách thiết thực. Nhất là những bạn trẻ theo đuổi triết học, Phật học, mới bắt đầu đã muốn độ hết chúng sinh. Tôi thường nói với họ, trước hết hãy độ tốt cho chính mình đã! Chỉ sợ bạn không thành Phật, chứ không sợ không có

chúng sinh để độ. Cái "phác" này chỉ là một điểm nhỏ, đừng xem thường điểm nhỏ ấy, vì mối quan hệ của nó vô cùng lớn. Muốn làm một sự nghiệp lớn, nếu không chú ý đến những chỗ nhỏ nhặt, có thể sẽ nguy hại đến đại cục.

"Hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự tân" (nếu hầu vương có thể giữ nó, vạn vật sẽ tự đến quy phục), nếu thật sự hiểu được cách vận dụng chữ "phác" thì mới có thể làm một vị đế vương, hay làm một người lãnh đạo; theo quan niệm hiện đại mà nói, một gia đình có cả đàn con cháu, bạn ở trong nhà chính là người lãnh đạo, cũng là một vị hầu vương. Vị hầu vương là bạn đây cần phải biết "giữ cái phác", giữ vững điểm căn bản nhất là sự chất phác không phô trương. Nắm giữ được điểm nguyên thủy căn bản ấy, thì "vạn vật tương tự tân", chữ "tân" nghĩa là khách, vạn vật sẽ do bạn làm chủ, đều quy về mà quy phục bạn.

"Thiên địa tương hợp, dĩ giáng cam lộ, dân mạc chi linh nhi tự quân" (trời đất hòa hợp, để giáng cam lộ xuống, dân không ai ra lệnh mà tự đồng đều nhau). Cách Lão Tử nói về sự vận dụng của Đạo, nhìn trên mặt chữ thì có vẻ dễ hiểu, nhưng đi sâu nghiên cứu thì lại rất khó hiểu. Ông chưa vội bàn xem chữ "phác" nên chú giải thế nào, mà trước hết chỉ cho bạn một đạo lý: gặp lúc trời hạn hán, mong có một trận mưa lớn để giải trừ cảnh khô hạn, thì cần trời đất hòa hợp, âm dương giao hội; cũng tức là khí đất bốc lên, gặp phải luồng không khí lạnh trên cao, mới sinh ra mưa. Mưa rơi xuống lúc trời hạn gọi là cam lộ, còn gọi là cam lâm. "Dân mạc chi linh nhi tự quân", trời đổ mưa xuống là đồng đều, công bằng, không thể nào có được theo ý muốn riêng của từng người.

Ví dụ, vùng đất A cần phơi thóc lúa, không muốn mưa, nhưng lại vì trời hạn nguồn nước cạn kiệt, dân chúng không có nước uống, nên cần một trận mưa lớn. Kết quả là nơi cần và nơi không cần đều mưa xuống như nhau. Chỉ có thể nói, nơi cần thì được mưa gọi là cam lộ, nơi không cần thì mưa dầm lại thành tai họa. Nhưng trời đất vốn vô tâm! Vậy phải làm thế nào mới thật sự đạt được sự chất phác chân chính? Đừng dùng tâm cơ mưu tính! Nếu dùng một biện pháp, giở một trò khéo léo nào đó thì đã sai rồi, bởi vì trời đất đối xử với bất cứ ai cũng đều tự nhiên và công bằng như nhau.

"Thủy chế hữu danh, danh diệc ký hữu, phù diệc tương tri chỉ, tri chỉ khả dĩ bất đãi" (bắt đầu đặt ra chế độ thì có tên gọi, tên đã có rồi thì cũng nên biết dừng lại, biết dừng lại thì có thể không gặp nguy hiểm). Xã hội nguyên thủy thời thượng cổ, mọi thứ đều rất chất phác, ai nấy cũng chẳng cần mặc quần áo. Người phương Tây ngày nay còn đề xướng phong trào khỏa thân, nhưng ở xã hội thượng cổ thì chẳng có gì gọi là khỏa thân cả, thân thể con người vốn dĩ đều mọc đầy lông, tổ tiên chúng ta có lông mọc trên người cũng giống như các loài động vật khác. Về sau con người có ý thức "ngượng ngùng", mới dùng lá cây kết lại che phía dưới rốn, phần thân trên cũng dùng da thú che lại, dần dần tiến bộ mới có quần áo.

Về mặt ăn uống thì là ăn lông uống máu, thịt ăn vào là ăn luôn cả lông lẫn máu. Công dụng của ruột thừa chính là để tiêu hóa lông của động vật; về sau con người phát minh ra lửa, biết nấu chín thức ăn, thế là ruột thừa dần dần thoái hóa, càng ngày càng ngắn lại, cuối cùng bị coi là thừa thãi, phải mổ cắt bỏ đi, con người từ đó không còn dám ăn lông uống máu nữa. Xã hội ngày càng văn minh, nhưng đằng sau sự văn minh ấy thì rất nhiều tội ác cũng theo đó mà đến.

"Thủy chế hữu danh" (bắt đầu đặt ra chế độ thì có tên gọi), chữ "danh" ở đây chính là danh xưng, danh phận, đại diện cho pháp lệnh, đại diện cho chế độ; nói cách khác, "danh" đại diện cho sự hình thành của quan niệm văn hóa loài người. Con người có giáo dục, có văn hóa, tiếp theo đó cả một loạt biện pháp, lý luận cũng lần lượt ra đời. **"Phù diệc tương tri chỉ"** (thì cũng nên biết dừng lại), lý luận càng nhiều, xã hội càng loạn, nên phải biết dừng lại đúng lúc. **"Tri chỉ khả dĩ bất đãi"** (biết dừng lại thì có thể không gặp nguy hiểm), con người càng bước sâu vào văn minh, tư tưởng xã hội lại càng hỗn loạn, rồi sẽ dẫn đến chạy theo đám đông một cách mù quáng, không biết nên làm thế nào cho phải.

Cho nên, tư tưởng Đạo gia của Lão Tử cho rằng sự phát triển của văn minh cần phải biết dừng lại đúng lúc, phát triển quá mức sẽ trở nên sắc nhọn, mà đã sắc nhọn thì sẽ sinh ra vấn đề.

Cho nên, công dụng của Đạo là **"thí đạo chi tại thiên hạ, do xuyên cốc chi ư giang hải"** (ví Đạo ở trong thiên hạ, như suối khe chảy về sông biển). Nếu đem chữ **"thí"** (ví như) chuyển xuống phía dưới, thành "đạo chi tại thiên hạ, thí do xuyên cốc chi ư giang hải", thì sẽ dễ hiểu hơn. Ý nói, công dụng của "Đạo" trong vũ trụ cũng giống như suối khe chảy về sông biển vậy, khi mưa xuống thì nước trên núi chảy vào khe suối, khe suối đầy nước rồi lại chảy ra sông ngòi, cuối cùng tất cả đều đổ về biển cả. Cũng có nghĩa là, bất luận việc gì trong thiên hạ, đều phải quy về "Đạo". "Đạo" từ chỗ vận dụng ở tầng hình nhi hạ, lại quay trở về bản thể ở tầng hình nhi thượng, cho nên mới nói **"đạo pháp tự nhiên"** (Đạo pháp theo tự nhiên).

Thượng Kinh · Chương 33

Tri nhân giả trí; tự tri giả minh.

Biết người là trí tuệ; tự biết mình là sáng suốt.

Thắng nhân giả hữu lực; tự thắng giả cường.

Thắng người là có sức mạnh; tự thắng mình là cường tráng.

Tri túc giả phú; cưỡng hành giả hữu chí.

Biết đủ là giàu có; cố sức mà làm là có chí.

Bất thất kỳ sở giả cửu; tử nhi bất vong giả thọ.

Không mất đi chỗ của mình là lâu dài; chết mà không bị lãng quên là thọ.

Tự biết mình là sáng, biết người là trí

Chương này là đỉnh cao nhất của triết học chính trị. Một người có thể nhìn thấu người khác, có thể nhận rõ bất cứ ai, đó chính là người rất có trí tuệ, cho nên nói "biết người là trí". Người xưa lập nên đại công đại nghiệp, như Hán Cao Tổ, Đường Thái Tông, Lưu Bị nhà Thục Hán và những người khác, đều có trí tuệ biết người. Lưu Bị biết rõ nhất định phải tìm cho được Gia Cát Lượng; cũng giống như những ông trùm giới công thương ngày nay, nhất định phải mời cho được một người cộng sự giỏi, tức là một vị tổng giám đốc, để làm người trợ giúp. Nhưng người được tìm về có tốt hay không, bản thân mình phải có trí tuệ biết người. Trong lịch sử, một người lãnh đạo giỏi đều có thể "biết người dùng đúng việc". Nhận biết được người này, hiểu được người ấy có thể gánh vác việc gì, thì mới có thể giao việc cho họ làm. "Biết người dùng đúng việc" là điều khó nhất, làm được bốn chữ ấy thì đã là một nhân vật lãnh đạo giỏi rồi.

"Biết người là trí" vẫn chỉ là bước thứ nhất, bước thứ hai là "tự biết mình là sáng". Có thể tự biết mình mới thật sự là người sáng suốt, nhưng người sáng suốt trên đời rất hiếm, trừ những người đã đắc đạo. Nhà Phật nói người đã thành Phật mới thật sự có được cái sáng của tự biết mình, còn người bình thường đều không hiểu rõ chính mình. Nhưng điều kỳ lạ là, người trên đời ai cũng cho rằng mình hiểu rõ bản thân mình nhất, ai cũng cho rằng người khác không hiểu mình, đủ thấy "cái sáng của tự biết mình" là điều rất khó đạt được. Vì sao Lưu Bị lại phải đi tìm Gia Cát Lượng? Vì ông có cái sáng của tự biết mình, biết rằng mình muốn cầm quân đánh trận thì nhất định phải tìm được một vị tham mưu trưởng giỏi, một vị quân sư giỏi, mới có thể bàn chuyện chiến thắng. Đương nhiên, cái sáng của tự biết mình nơi Lưu Bị vẫn chưa thể sánh với bậc thánh nhân, cái sáng của tự biết mình nơi thánh nhân chính là đại triệt đại ngộ.

"Thắng nhân giả hữu lực, tự thắng giả cường" (thắng người là có sức mạnh, tự thắng mình là cường tráng), "thắng người" là đánh nhau với người khác mà thắng. Người có sức mạnh vũ phu, đánh nhau với người khác mà thắng được, thì cũng chẳng đáng kể gì; phải là người có thể chiến thắng chính mình, mới xứng đáng gọi là một người mạnh mẽ. Muốn chiến thắng bản thân, khắc phục bản thân, đó là điều rất khó, rất khó. Người tu đạo thành công chính là người tự thắng được mình, có thể chiến thắng dục vọng của bản thân, chiến thắng phiền não vọng niệm của bản thân, cho nên chỉ có người thật sự kiên cường mới có thể tu đạo, mới có thể thành Phật. Nhưng, muốn chiến thắng chính mình, chỉ có bậc thánh nhân mới làm được! Tôi thường nói với mọi người, anh hùng có thể chinh phục thiên hạ nhưng không thể chinh phục chính mình; chinh phục thiên hạ thì dễ, chinh phục chính mình mới khó. Thậm chí có những anh hùng đem phiền não đau khổ của bản thân trút lên đầu người khác, mà lại còn cho rằng mình thật ghê gớm. Thánh

nhân thì không muốn đem phiền não và đau khổ của mình đặt lên bất cứ ai, mà lại muốn gánh vác hết phiền não và đau khổ của cả thiên hạ, đây chính là chỗ khác nhau giữa thánh nhân và anh hùng.

"Tri túc giả phú" (biết đủ là giàu có), đến mức độ nào thì mới coi là có tiền? E rằng người trên đời không thể định ra một tiêu chuẩn chung. Có được mười triệu rồi, trong lòng lại nghĩ có thêm năm triệu nữa thì tốt biết mấy, đó chính là không biết đủ. Tôi thường phát hiện ra, có lẽ đó là phát hiện của kẻ nghèo, bất cứ ai ở trong căn nhà nào cũng luôn cảm thấy thiếu một phòng, mặc quần áo lúc nào cũng cảm thấy thiếu một bộ, tuy trong tủ áo có rất nhiều bộ quần áo sang trọng, nhưng đến lúc cần mặc thì lúc nào cũng cảm thấy thiếu một bộ thật ưng ý; nói cho nghiêm túc thì, của cải chân chính chính là "biết đủ là giàu có". Nếu một người ba ngày không có cơm ăn, nhặt được một cái bánh bao, một nửa đã mốc, cắn một miếng ở phần chưa mốc, uống một ngụm nước nuốt xuống, thì cái đó còn quý hơn mọi thứ của cải trên đời. Con người đến lúc ấy mới hiểu được nhân sinh, mới hiểu được biết đủ mới là của cải chân chính. Không biết đủ tức là mãi mãi chạy theo dục vọng, mà dục vọng thì không bao giờ có điểm dừng, cho nên con người mãi mãi sống trong đau khổ.

"Cưỡng hành giả hữu chí" (cố sức mà làm là có chí), thế nào mới gọi là thật sự có chí khí? Lão Tử nói, việc vốn không làm được mà cố làm cho bằng được, đó mới gọi là có chí khí. Cũng chính là hai câu nhà Phật nói về đạo Bồ Tát: **"hành nhân sở bất năng hành, nhẫn nhân sở bất năng nhẫn"** (làm được điều người khác không làm được, nhẫn được điều người khác không nhẫn được), đó là điều không dễ làm được, mà rốt cuộc lại làm được, thì gọi là bậc có đạo, tiếng Phạn gọi là Bồ Tát. Đạo lý này cũng giống hệt như "cố sức mà làm là có chí" vậy.

Còn một điểm nữa lại càng khó hơn, đó là **"bất thất kỳ sở giả cửu"** (không mất đi chỗ của mình là lâu dài), thế nào gọi là "không mất đi chỗ của mình"? Nếu mọi người từng đọc sách Trung Dung, sẽ hiểu được đạo lý **"tố kỳ vị nhi hành, bất nguyện hồ kỳ ngoại. Tố phú quý hành hồ phú quý, tố bần tiện hành hồ bần tiện"** (an theo địa vị của mình mà hành động, không mong cầu điều gì ngoài đó; ở địa vị giàu sang thì làm việc hợp với giàu sang, ở địa vị nghèo hèn thì làm việc hợp với nghèo hèn). Con người phải giữ vững bổn phận của mình, phải nhận rõ chính mình, đó cũng chính là "tự biết mình là sáng". Nhận rõ được chính mình, thì mới biết mình nên làm những việc gì, gánh vác những trách nhiệm gì, không đánh mất vị trí vốn có của mình, mới có thể lâu dài.

Thế nào gọi là trường sinh bất tử? **"Tử nhi bất vong giả thọ"** (chết mà không bị lãng quên là thọ), cũng giống như nhà Phật, nhà Phật nói đến "Niết Bàn", nghĩa là không sinh không diệt; còn Đạo gia thì nói về sự biến đổi của hình hài, nhưng tinh thần thì mãi mãi không chết; theo quan niệm thế tục mà nói, tức là dù đã chết nhưng vẫn có công nghiệp lưu lại trong nhân gian, có học thuật tư tưởng ảnh hưởng đến đời sau. Bản thân Lão Tử tuy đã qua đời, nhưng có cuốn sách Lão Tử năm ngàn chữ được lưu truyền lại, học thuật tư tưởng của ông vẫn tiếp nối không dứt, đạo đức tinh thần của ông mãi mãi ảnh hưởng đến thế giới loài người, đây là cách nói theo quan niệm thế tục.

Nhưng người thật sự học đạo, tu chứng đến mức nhận ra trong sinh mệnh xác thịt của mình vốn tiềm tàng một bản năng sinh mệnh không sinh không diệt, xác thịt tuy có chết đi, nhưng bản năng ấy vẫn tồn tại mãi mãi, đây mới chính là ý nghĩa thật sự của "chết mà không bị lãng quên là thọ".

Ở trên đã bàn qua bấy nhiêu vấn đề, nhưng mọi người đừng quên, tất cả vẫn nằm trong phạm vi **"phác tuy tiểu"** (chất phác tuy nhỏ) này. Văn chương chương 33 đều là những cặp đối đẳng, giống như những câu cách ngôn vậy, vì cái "phác" này nói đến chính là quan điểm trung đạo. "Biết người là trí, tự biết mình là sáng" là một cặp đối đẳng, "thắng người là có sức mạnh, tự thắng mình là cường tráng" là một cặp đối đẳng, "biết đủ là giàu có" với "cố sức mà làm là có chí" cũng là một cặp đối đẳng, đó chính là đạo lý của trung dung. Chất phác tuy nhỏ, rất tinh vi, rất mộc mạc,

rất đúng bổn phận, nếu có thể làm được như vậy, thì **"hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự tân"** (nếu hầu vương có thể giữ nó, vạn vật sẽ tự đến quy phục), vạn vật sẽ do bạn làm chủ mà quy phục về bạn, đây cũng chính là cái **"cơ"** (đầu mối, điểm then chốt) mà Âm Phù Kinh đã nói tới.

Thượng Kinh · Chương 34

Đại đạo phiếm hề, kỳ khả tả hữu.

Đại Đạo lan tràn khắp nơi, có thể sang trái sang phải.

Vạn vật thị chi nhi sinh, nhi bất từ,

Vạn vật nương tựa vào nó mà sinh ra, mà nó không từ chối,

Công thành bất danh hữu,

Công thành mà không tự nhận là của mình,

Y dưỡng vạn vật nhi bất vi chủ.

Nuôi nấng vạn vật mà không làm chủ.

Thường vô dục, khả danh ư tiểu;

Thường không có dục vọng, có thể gọi là nhỏ;

Vạn vật quy yên nhi bất vi chủ,

Vạn vật quy về mà nó không làm chủ,

Khả danh vi đại.

Có thể gọi là lớn.

Dĩ kỳ chung bất tự vi đại,

Vì nó không bao giờ tự cho mình là lớn,

Cố năng thành kỳ đại.

Nên mới thành được cái lớn của nó.

Thế nào là lớn, thế nào là nhỏ

Về mặt "Đạo", đến đây gần như đã đi tới kết luận cuối cùng. Bây giờ Lão Tử nói thêm về thể, dụng và hiệu quả của "Đạo". Câu **"đại đạo phiếm hề, kỳ khả tả hữu"** (đại đạo lan tràn khắp nơi, có thể sang trái sang phải) là nói "Đạo" có mặt ở khắp mọi nơi, không chỗ nào không có; nó dường như ở ngay bên trái bên phải chúng ta. Tuy không nhìn thấy, không sờ được, nhưng lúc nào cũng ở ngay trước mắt, lại như đang ở ngay trong lòng ta vậy.

"Vạn vật thị chi nhi sinh, nhi bất từ" (vạn vật nương tựa vào nó mà sinh ra, mà nó không từ chối), vạn vật trong vũ trụ đều do nó sinh ra, hiện tượng của vạn vật trong vũ trụ chính là tướng trạng của nó, tác dụng của vạn vật trong vũ trụ chính là công dụng của nó. Vạn vật nhờ nó mà sinh, nhưng chẳng hề đền đáp lại cho nó; thế mà nó chưa từng ngại khó nhọc, cứ sinh sôi mãi không ngừng. **"Công thành nhi bất danh hữu"** (công thành mà không tự nhận là của mình), nó sinh dưỡng ra muôn vật mà không khoe công, cũng chẳng dùng bất cứ thứ gì để phô trương bản thân.

"Y dưỡng vạn vật nhi bất vi chủ" (khoác áo nuôi dưỡng vạn vật mà không làm chủ), "y dưỡng" giống như từ "gia tí" trong Phật học, nghĩa là che chở, bao phủ, như khoác áo cho vạn vật vậy. Nó che chở vạn vật, nhưng lại không làm chủ của vạn vật. Tuy sinh ra vạn vật, nhưng đó là sinh ra một cách tự nhiên; vạn vật rốt cuộc cũng tự nhiên trở về chỗ tiêu vong, quay lại chỗ vốn có của mình. Tất cả đều là tự nhiên, nó không hề làm chủ của vạn vật. **"Thường vô dục khả danh ư tiểu"** (thường không có dục vọng, có thể gọi là nhỏ), bản thân nó không có một chút dục vọng nào,

không đòi hỏi gì ở vạn hữu, vì vậy có thể tùy ý đặt tên cho nó, gọi nó là rất nhỏ. Về chữ "nhỏ" mà Lão Tử nói tới, sau này Trang Tử có thêm vào một khái niệm: nhỏ đến mức nào? Trang Tử nói: nhỏ đến mức không còn gì ở bên trong nữa, mà nhỏ đến mức không còn gì ở bên trong thì cũng chính là lớn.

"Vạn vật quy yên nhi bất vi chủ, khả danh vi đại" (vạn vật quy về mà nó không làm chủ, có thể gọi là lớn), vạn vật rốt cuộc cũng quay về với nó, cho nên nó bao dung hết thảy vạn vật, cũng có thể gọi nó là lớn. Nói cách khác, lớn cũng được, nhỏ cũng được, gọi nó là "không" cũng được, là "có" cũng được, đều chỉ là những quan niệm do con người đặt ra, còn bản thân nó chẳng hề có một quan niệm nào cả. Bởi vì cái gọi là Đạo, nó không giống con người, cũng không giống bất cứ hiện tượng nào khác, nhưng con người và tất cả mọi hiện tượng vạn hữu đều do nó sinh ra. **"Dĩ kỳ chung bất tự vi đại, cố năng thành kỳ đại"** (vì nó không bao giờ tự cho mình là lớn, nên mới thành được cái lớn của nó), nó không hề tự cao, tự đại, tự mãn, tự túc, cho nên mới có thể trở thành vĩ đại, đó mới thực sự là sự vĩ đại chân chính.

Khi đã hiểu rõ hiện tượng của "Đạo", tác dụng của "Đạo", ta sẽ biết rằng sinh mệnh của chính mình cũng do "Đạo" sinh ra, cái chết cũng chỉ là trở về trong vòng tay của "Đạo" mà thôi; vậy thì ta có thể xem nhẹ mọi chuyện sống chết, đến đi. Đó gọi là xuất thế.

Thượng Kinh · Chương 35

Chấp đại tượng thiên hạ vãng.

Nắm giữ Đại Tượng thì thiên hạ đều quy về.

Vãng nhi bất hại, an bình thái.

Quy về mà không bị hại, thì yên ổn thái bình.

Nhạc dữ nhĩ, quá khách chỉ.

Âm nhạc và thức ngon, khách qua đường dừng lại.

Đạo chi xuất khẩu, đạm hồ kỳ vô vị, thị chi bất túc kiến, thính chi bất túc văn, dụng chi bất túc kỳ.

Đạo thốt ra từ miệng, nhạt nhẽo chẳng có vị gì, nhìn thì không đủ để thấy, nghe thì không đủ để nghe, dùng thì không thể nào dùng hết được.

Nắm vững quy luật của muôn hiện tượng trong trời đất

"Chấp đại tượng thiên hạ vãng", chữ **"tượng"** (象) ở đây không phải bảo chúng ta đi bắt một con voi, mà mang nghĩa là hiện tượng. Con người cần hiểu được quy luật lớn của muôn vàn hiện tượng trong trời đất, như vậy thì đi đến đâu trong thiên hạ cũng được, không đâu là không thuận lợi. Về điểm này, thời cổ đại khi Nho gia và Đạo gia còn chưa phân tách, cả hai đều có cách giải thích như nhau. Trong bộ kinh điển nguyên thủy của Đạo gia là Âm Phù Kinh có câu: **"quan thiên chi đạo, chấp thiên chi hành, tận hĩ"** (nhìn thấu đạo trời, nắm lấy sự vận hành của trời, thế là đủ cả rồi). Đó chính là "đại tượng", bởi Đạo lấy trời làm khuôn phép, nên mới có sự biến đổi của mưa gió sấm chớp, sự luân chuyển của ngày đêm sáng tối, sự thay thế của bốn mùa xuân hạ thu đông. Hiểu được những hiện tượng ấy, thì khi tu đạo dụng công, đối với sự biến đổi và ảnh hưởng của cảnh giới cũng sẽ trở nên rõ ràng minh bạch. Đó chính là đạo lý của Âm Phù Kinh.

Sự việc thứ hai cho thấy Nho gia và Đạo gia chưa hề phân tách, chính là bát quái trong Kinh Dịch. Chúng ta ngẩng đầu nhìn lên, rồi cúi đầu nhìn xuống, sẽ thấy giữa trời đất có tám hiện tượng lớn treo sẵn ở đó, trên là bầu trời, dưới là mặt đất. Tám hiện tượng ấy là trời, đất, mặt trời, mặt trăng, gió, sấm, núi, đầm, chúng qua lại ảnh hưởng lẫn nhau, tạo thành cội nguồn của muôn vàn hiện tượng trong vũ trụ. Nếu chúng ta hiểu được quy luật của "đại tượng" này, thì đi khắp thiên hạ, không đâu là không thuận lợi.

"Vãng nhi bất hại, an bình thái" (đi mà không bị hại, thì yên ổn thái bình), con người sống ở đời cần hiểu rõ quy luật này của trời đất, cho nên Đạo gia dạy chúng ta xử thế phải nắm chắc lấy "đại tượng". Nhưng người đời ai cũng không chịu để ý tới "đại tượng", mà lại thường hay so đo tính toán ở những chuyện nhỏ nhặt. Một đồng thì tính toán rất tinh khôn, nhưng mấy chục vạn, mấy trăm vạn thì lại thường bị lừa mất. Có người ra sức tiết kiệm, một xu cũng không nỡ tiêu, rồi tích cóp được đến mấy trăm vạn, đem đi cho vay lấy lãi, thế là bỗng chốc bị quỵt nợ, mất sạch. Đó là vì họ chỉ nhìn thấy cái lợi nhỏ, mà không nắm được tình thế lớn. "Đại tượng" là nhìn từ chỗ lớn mà xét, cho nên mới có thể khiến "thiên hạ quy về". "Vãng nhi bất hại", cứ thẳng tiến về phía trước, trong hoàn cảnh hoàn toàn không có hại, thì mãi mãi được bình an, mãi mãi được thái bình.

Ba chữ "an, bình, thái" mang ba tầng ý nghĩa: "an" là sự bình an mà ngày nay chúng ta vẫn nói; "bình" là sự bình đẳng vĩnh viễn, không có xáo động; "thái" là mãi mãi đứng vững trên điểm gốc ban đầu. "Thái" chính là cái điểm nguyên thủy ấy, không tiến cũng không lùi, không trước cũng không sau, mãi mãi đứng nguyên tại điểm gốc đó. Đó

cũng chính là điều Nho gia vẫn nói: mãi mãi giữ đúng bổn phận của đời người. Người biết nhìn từ chỗ lớn mà xét, làm từ chỗ nhỏ mà bắt tay vào, thì mãi mãi đạt được "an, bình, thái".

"Nhạc dữ nhĩ, quá khách chỉ" (âm nhạc và thức ngon, khách qua đường dừng lại), "nhạc" ở đây bao gồm cả âm nhạc, trò vui chơi giải trí, lẫn những giọng ca hay. Giả sử chúng ta đang đi trên phố, bỗng nghe thấy từ một tòa lầu vọng ra tiếng nhạc du dương, hoặc trông thấy một trò vui hay ho nào đó ngoài xã hội, tất cả những thứ đó đều thuộc về "nhạc". **"Nhĩ"** (饵, thức ăn ngon) là những thứ có sức cám dỗ con người, hễ cái gì nghe hay, nhìn đẹp, ăn ngon bày ra đó, thì khách qua đường tất sẽ dừng chân ngó nghiêng. Mọi thứ vật chất trên đời, chỉ cần khiến người ta cảm thấy dễ chịu, khoái lạc, thì ai ai cũng đều bị cám dỗ.

Nhưng nói đến "Đạo" thì lại đáng thương quá. **"Đạo chi xuất khẩu, đạm hồ kỳ vô vị, thị chi bất túc kiến, thính chi bất túc văn, dụng chi bất túc ký"** (Đạo thốt ra từ miệng, nhạt nhẽo chẳng có vị gì, nhìn thì không đủ để thấy, nghe thì không đủ để nghe, dùng thì không thể nào dùng hết được). Người đời, nếu có thể hiểu được "đại đạo" này, vốn có thể quay đầu trở lại, tìm ra được cái "Đạo" vốn có của sinh mệnh mình, nhưng biết làm sao được, rất ít người đại triệt đại ngộ. Bởi vì cái thứ gọi là "Đạo" ấy, nói ra thì nhạt nhẽo vô vị, nói mãi vẫn chỉ là lời suông, người nghe vẫn không biết "Đạo" hình dạng ra sao; nhìn cũng chẳng thấy, nghe cũng chẳng thấy, cho nên tu cũng không tu thành được.

Có người nói, tu đạo dụng công cả nửa đời người, mà thành quả ở đâu cũng chẳng biết. Muốn tu đạo để được trường sinh bất tử, rốt cuộc vẫn phải chết, có khi còn chết sớm hơn người khác; có lúc tuy chết muộn hơn người khác một chút, nhưng lại càng thêm đau khổ. Vậy thì "Đạo" rốt cuộc ở đâu? Chẳng ai biết rõ. Vì sao lại không biết rõ? Bởi vì mọi người không hiểu được cái nguyên tắc lớn "chấp đại tượng" ấy, đã quên mất công dụng của nó.

Tương dục hấp chi, tất cố trương chi;

Muốn thu hẹp nó lại, ắt trước hãy mở rộng nó ra;

tương dục nhược chi, tất cố cường chi;

muốn làm yếu nó, ắt trước hãy làm mạnh nó;

tương dục phế chi, tất cố hưng chi;

muốn bỏ phế nó, ắt trước hãy hưng thịnh nó;

tương dục đoạt chi, tất cố dữ chi.

muốn cướp lấy nó, ắt trước hãy cho nó.

Thị vị vi minh.

Đó gọi là vi minh (sự sáng suốt tinh tế, nhìn thấu từ chỗ nhỏ nhặt).

Nhu nhược thắng cương cường.

Mềm yếu thắng cứng mạnh.

Ngư bất khả thoát ư uyên, quốc chi lợi khí bất khả dĩ thị nhân.

Cá không thể thoát khỏi vực sâu, vũ khí lợi hại của nước không thể đem ra phô trương cho người thấy.

Đạo lý muốn bắt thì phải thả trước

Rất nhiều nhân vật trong lịch sử đều học theo Lão Tử, nhưng lại học lệch sang mặt tiêu cực, kết quả là đối xử với người thì cay nghiệt, làm việc thì tàn nhẫn, dường như tất cả những thói xấu ấy đều bắt nguồn từ những quan niệm của Lão Tử. Những người nghiên cứu Lão Tử thông thường vẫn cho rằng cuốn Lão Tử là một cuốn sách bàn về mưu mẹo, âm mưu quỷ kế, là cội nguồn của mọi mưu lược lớn trong thiên hạ, của mọi tâm cơ thủ đoạn.

"Tương dục hấp chi, tất cố trương chi" (muốn thu hẹp nó lại, ắt trước phải mở rộng nó ra), một vật muốn siết chặt lại, thì nhất định phải làm cho nó phồng to lên trước; về sau, trong việc dùng binh đánh trận, cũng như trong mưu lược chính trị quân sự, người ta vẫn thường thấy vận dụng cách này trong lịch sử. **"Tương dục nhược chi, tất cố cường chi"** (muốn làm nó yếu đi, ắt trước phải làm nó mạnh lên), tức là muốn khiến nó suy yếu, thì phải làm nó mạnh lên trước. **"Tương dục phế chi, tất cố hưng chi"** (muốn phế bỏ nó, ắt trước phải làm nó hưng thịnh), tức là muốn phế bỏ nó, thì cố ý bồi dưỡng cho nó trước, khiến nó hưng thịnh lên đã. **"Tương dục đoạt chi, tất cố dữ chi"** (muốn cướp lấy nó, ắt trước phải cho nó), tức là muốn cướp lấy nó về tay mình, thì lại cố ý đem cho trước. Xét về mặt câu chữ, nghe có vẻ giống hệt cái âm mưu vừa nói ở trên, cho nên mới có người thường bảo, học Lão Tử sẽ hóa xấu đi.

Thời chúng tôi còn trẻ, trong những gia đình theo nếp cũ, tư tưởng Nho gia được coi trọng hơn cả, Tứ Thư Ngũ Kinh thì được phép đọc, nhưng nếu đọc Lão Tử, các bậc trưởng bối sẽ nói: "Người trẻ tuổi, sao lại đi đọc cái thứ này?" Quan niệm thời đó cho rằng, hễ ai bắt đầu đọc sách của Đạo gia hay Phật gia, thì tức là đang chuẩn bị xuất gia tu đạo. Lại có một quan niệm khác cho rằng, đọc sách của Lão Trang thì người trẻ tuổi ấy sẽ hư hỏng đi, sau này ra đời làm việc sẽ trở thành kẻ đại gian đại ác.

Thực ra, đó là mọi người đã oan uổng cho Lão Tử. Điều ông nói tới trong "chấp đại tượng" là đạo lý lớn của thiên hạ, là đạo lý chính diện. Cho nên cuốn sách của Lão Tử còn có tên gọi khác là Đạo Đức Kinh, nếu đạo đức mà không

học cho ra hồn, để rồi học lệch sang mặt trái, thì mới hỏng việc. Điều Lão Tử bàn tới là đạo lý tự nhiên, là quy luật tự nhiên, đồng thời dạy người ta nhìn thấu nhân quả, nhấn mạnh sự đáng sợ của luật nhân quả, cho nên mới phải coi trọng đạo đức.

Lấy ví dụ, hoa sắp tàn thì lại đẹp nhất, nhất là loài hoa quỳnh mà ở Đài Loan người ta vẫn thường thấy. Hoa quỳnh nở về đêm, khi nở đến độ rực rỡ đẹp đẽ nhất, cũng là lúc nó bắt đầu héo tàn. Vì hoa quỳnh tàn rất nhanh, hiện tượng này rõ rệt nhất, nên mới có thành ngữ **"đàm hoa nhất hiện"** (hoa quỳnh chỉ nở trong chốc lát, ý nói vẻ đẹp hay sự việc thoáng qua rồi biến mất). Các loài hoa khác cũng vậy, con người cũng vậy, mặt trời lúc sắp lặn ánh sáng cũng đẹp nhất, đó chính là đạo lý của câu "tương dục hấp chi, tất cố trương chi". Vật sắp co lại, thì bạn sẽ thấy nó phình to lên trước đã, cho nên đời người cần hiểu rõ đạo lý này, tức là hiểu rõ đạo lý của chữ "đại tượng" ấy.

Lại ví như, năm nay làm ăn buôn bán đặc biệt tốt, kiếm được năm ngàn vạn, nhưng lúc này lại càng phải cẩn thận, "tương dục hấp chi, tất cố trương chi", "tương dục nhược chi, tất cố cường chi". Việc đời, tình người, đạo lý đều như nhau cả, lịch sử cũng vậy. Thời La Mã hưng thịnh nhất, mạnh nhất, cũng chính là lúc La Mã bắt đầu bước vào con đường diệt vong. Thời đại vinh quang nhất trong lịch sử, khi mạnh đến cùng cực, cũng chính là lúc một cục diện suy vong khác bắt đầu.

Đời người cũng vậy, tuổi tác, tinh thần, càng thấy mình sung sức, thì càng phải để ý, "tương dục nhược chi, tất cố cường chi". Có lúc, có người cảm thấy mình có công phu, thân thể đặc biệt khỏe mạnh, thế là tiêu hao sức lực quá độ, đến khi ngã quỵ xuống thì thế là xong. Đây cũng chính là điều tôn giáo phương Tây vẫn nói: "Thượng đế muốn hủy diệt ngươi, thì trước tiên sẽ khiến ngươi phát điên", tự mình quên mất chính mình, thì lại càng dễ bị hủy hoại.

"Tương dục phế chi, tất cố hưng chi", khi ông trời muốn hủy diệt một vật gì, thì ngược lại sẽ làm cho nó tốt đẹp hơn trước đã. Có người làm chuyện xấu mà lại càng phát tài; có người cả đời làm người tốt, kết cuộc lại vừa nghèo vừa khổ. Những nỗi oán trách kiểu này rất nhiều người từng có, vậy trong đó có đạo lý gì không? Sách xưa của Trung Quốc có một đạo lý, gọi là **"thiên tương hậu kỳ phúc nhi báo chi"** (trời sắp báo đáp cho ai bằng cách ban phúc thật dày cho kẻ đó). Có khi, ông trời cho bạn phúc báo lớn hơn, cho bạn cơ hội lớn hơn, khiến bạn phát tài, khiến bạn đắc ý, khiến mọi chuyện đều suôn sẻ, nhưng thực ra là để khiến bạn kết thúc sớm hơn một chút. Bởi vì, khi đắc ý đến mức quên cả bản thân, thì phúc báo tốt, cơ hội tốt lại làm bạn u mê đầu óc, tự nhiên sẽ kết thúc rất nhanh. Còn nếu bạn vẫn còn tỉnh táo, thì cũng không dễ mà kết thúc được.

Đọc sử Trung Hoa lẫn sử các nước khác, chúng ta thấy rất nhiều nhân vật thành công một cách quá đỗi ngẫu nhiên, ví như câu chuyện quen thuộc về cuộc tranh hùng Sở Hán, chuyện của Lưu Bang và Hạng Vũ. Hạng Vũ khi mới đôi mươi tuổi, chỉ trong vài năm ngắn ngủi, đã đạt tới cảnh vinh hiển **"thiên hạ hầu vương nhất thủ phong"** (chư hầu, vương khắp thiên hạ đều do một tay mình phong tước). Ông ta tự xưng là Tây Sở Bá Vương, oai phong còn lớn hơn cả người anh hùng Napoléon mà người phương Tây vẫn sùng bái, thế nhưng, chỉ trong chớp mắt đã sụp đổ tan tành. Đây cũng chính là "tương dục phế chi, tất cố hưng chi".

Lại xét đến tình người, lẽ vật trên đời, rất nhiều sự việc, khi ông trời muốn hủy diệt bạn, thì bản thân bạn vẫn chưa hề hay biết, ngược lại còn cảm thấy như ông trời đang giúp đỡ mình, biết bao cơ hội đều để mình chiếm được trước. Người Trung Quốc có câu nói xưa: **"Phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí"** (phúc không đến hai lần liền, họa thì không bao giờ đến một mình). Nếu gặp phải chuyện xấu, thường thì không chỉ một chuyện, mà mấy chuyện liên tiếp ập đến. Ví như bị xe đụng ngã, vừa mới bò dậy, lại bị chiếc xe khác đằng kia đâm vỡ đầu. Chuyện xui xẻo thường nối tiếp nhau mà đến, còn chuyện tốt thì hiếm khi nối tiếp nhau như thế.

Cho nên, những điều Lão Tử nói tới, đều là mặt đáng sợ của tình người và lẽ vật, không phải là dạy người ta dùng mưu mẹo thủ đoạn, mà là bàn về luật nhân quả, dạy chúng ta đừng quên chữ "đại tượng" này. Khi bạn đắc ý nhất, chính là lúc phải để ý đến sự thất ý đang ập tới. Ví như hôm nay tinh thần đặc biệt tốt, bèn đi chơi thêm một chút, lại gặp phải trời nóng, chơi mệt rồi lại ăn thêm mấy que kem; đến hôm sau, có khi bị cảm lạnh, lại gặp phải mùa cúm đang lan, kết quả nằm bệnh viện cả tháng trời, tất cả đều là đạo lý của "tương dục đoạt chi, tất cố dữ chi", "tương dục nhược chi, tất cố cường chi".

Từ chỗ vi tế mà thấy rõ trọng tâm

Nếu hiểu được đạo lý này, chúng ta sẽ hiểu được câu Lão Tử nói ở đây, **"thị vị vi minh"** (đó gọi là vi minh, tức là cái sáng suốt nhìn thấu từ những chỗ nhỏ nhặt, tinh vi). Từ những chỗ yếu ớt, nhỏ bé, người có trí tuệ có thể nhìn ra được đạo lý lớn, đó chính là từ chỗ vi tế mà thấy rõ. Người không có trí tuệ thì chỉ nhìn thấy hiện tượng trước mắt, chỉ nhìn thấy mặt tốt, còn đối với mặt xấu, vì không hiểu quy luật tuần hoàn nhân quả, nên chỉ biết oán trách vận rủi, oán trách ông trời không phù hộ, oán trách Thượng đế không linh nghiệm, oán trách Bồ Tát không gia hộ, mấy nén hương thắp lên cũng coi như phí công.

Nào có biết rằng, những hiện tượng xảy ra trong quá trình đời người, nếu chịu khó kiểm điểm, phản tỉnh lại, thì ngày mai sẽ có chuyện gì xảy ra, chỉ cần nhìn vào việc mình làm hôm nay là biết ngay, chẳng cần đến thần thông gì cả. Tình trạng thân thể mình ra sao, có ổn hay không, có sắp đổ bệnh hay không, tự trong lòng mình đều đã có số, đều đã có cảm nhận cả rồi. Đáng tiếc là người bình thường không có trí tuệ ấy, không có cái "vi minh" ấy. Ở những chỗ mắt thường không nhìn thấy được, "vi minh" thực ra đã biểu hiện ra rất rõ ràng rồi.

Từ đó có thể thấy, Lão Tử hoàn toàn không dạy người ta dùng quyền mưu để làm chuyện xấu, mà là nói cho chúng ta biết làm chuyện xấu là đáng sợ. Nhưng người đời sau đọc Lão Tử, cứ theo câu chữ mà suy diễn, lấy câu này làm nguyên tắc để đi làm chuyện xấu, thì trong lịch sử cũng nhiều vô kể. Như câu chuyện ai cũng biết, khi Lưu Bang sai Hàn Tín ra đánh nhau với Hạng Vũ, Hàn Tín bèn đưa ra một điều kiện, sai người đến nói với Hán Cao Tổ rằng, muốn ông ta ra trận thì rất dễ, chỉ cần phong cho ông ta làm "Tam Tề Vương", mà chỉ cần hạ một đạo lệnh phong làm **"Giả Vương"** (vua tạm quyền), là ông ta sẽ ra trận đánh giặc ngay. Hán Cao Tổ nghe vậy, nổi trận lôi đình, đập bàn trợn mắt, buông lời chửi "đồ khốn nạn", nhưng chưa kịp chửi hết câu, thì Trương Lương ngồi bên cạnh, lấy chân đá nhẹ Lưu Bang một cái dưới gầm bàn, Lưu Bang lập tức hiểu ý, liền quay ngoắt một trăm tám mươi độ câu chửi đang định thốt ra, đổi giọng nói: "Sao lại phải phong Giả Vương!" Rồi liền hạ lệnh, phong thẳng cho Hàn Tín làm Tam Tề Vương thật sự. Hàn Tín thế là xuất binh. Cái đá chân của Trương Lương chính là để nhắc Lưu Bang dùng nguyên tắc "tương dục phế chi, tất cố hưng chi". Cho nên, cuối cùng Hàn Tín vẫn bị Lưu Bang xử lý gọn.

Người bình thường, có lúc xin cấp trên tăng thêm lương hay phúc lợi, cấp trên lập tức chấp thuận cho ngay, nhưng trong lòng lại không hài lòng với bạn, đợi đến lần sau có cơ hội, sẽ tìm cách xử lý bạn. Những chuyện kiểu này rất nhiều, đều là học theo mặt xấu mà ra. Đọc những câu chuyện này, không khỏi rơi lệ mà lo thay cho người xưa. Từ xưa đến nay, có quá nhiều người đã học hư từ những chỗ này. Nhưng bản ý của Lão Tử hoàn toàn không phải như vậy, cho nên mới nói, việc thuyết pháp cũng khó như việc nói năng, viết văn vậy, ngay cả những lời văn bàn về đạo đức, cũng vẫn có thể bị người ta vin vào để dùng cho thói gian trá, thủ đoạn quyền mưu.

Ánh nắng, không khí, nước, đều là những thứ cần thiết cho con người, nhưng có người lại lợi dụng ánh nắng để giết người, cũng có thể lợi dụng nước để nhấn chết người, hơn nữa còn có thể lợi dụng không khí để làm ngạt chết người; cho nên, đó đều là những cách vận dụng theo chiều tiêu cực. Chuyện thiện ác, phải trái trong thiên hạ, là ở

chính bản thân mỗi người, chứ không phải ở người dạy dỗ. Lão Tử luôn chủ trương dùng mềm, dùng yếu, cho nên mới nói **"nhu nhược thắng cương cường"** (mềm yếu thắng cứng mạnh). Theo đạo lý câu này của Lão Tử, chúng ta xử thế làm người cần hiểu được sự mềm mỏng, cũng giống như luyện Thái Cực quyền vậy, tinh thần cốt lõi của Lão Tử và đạo lý làm người đều là lấy nhu thắng cương; anh hùng tuy chinh phục được cả thiên hạ, nhưng sự dịu dàng của người đẹp lại có thể chinh phục được anh hùng.

Mềm yếu thắng cứng mạnh

Trong thiên hạ, không gì mềm yếu hơn nước, nước mềm đến mức không có xương cốt, chẳng có chút sức mạnh nào cả, thế nhưng, một giọt nước nhỏ xuống cùng một chỗ suốt mấy trăm năm, thì dù là sắt hay đá cũng sẽ bị nó nhỏ thủng thành lỗ. Đó chính là **"nhu nhược thắng cương cường"** (mềm yếu thắng cứng mạnh). Vật cứng mạnh thì không có gì cứng mạnh hơn để đối chọi lại, chỉ có mềm yếu mới có thể chế ngự được nó.

Lão Tử chủ trương dùng âm, dùng mềm, dùng yếu, không phải là dạy người ta làm chuyện xấu. Cái gọi là mềm yếu, trong hành vi đạo đức làm người, chính là khiêm nhường, nhường nhịn lễ độ, cũng tức là chịu thiệt; chịu thiệt không có nghĩa là ngốc nghếch, chịu thiệt thêm một chút cũng chẳng sao, để người khác chiếm được chút lợi, họ vui, mình cũng vui theo, thế cũng tốt chứ sao! Đừng cảm thấy buồn vì bị người ta chiếm lợi, chỉ cần nghĩ rằng người ta sẽ vui vì điều đó, tự mình ngồi ở nhà cũng mỉm cười, vui thay cho họ là được rồi. Cho nên, chịu thiệt là phúc, mềm yếu thắng cứng mạnh. Những chủ trương này của Lão Tử, chính là điều đời sau gọi là thuật đế vương, bị người ta coi là nguyên lý cao nhất của quyền thuật, mưu lược.

"Ngư bất khả thoát ư uyên" (cá không thể thoát khỏi vực sâu), cá ở trong nước thì sức mạnh rất lớn, sức sống rất mãnh liệt, nhưng một khi rời khỏi nước là coi như xong. Về sau trong văn học Trung Quốc có nhiều câu tương tự, như **"long du thiển thủy tao hà hí, hổ lạc bình dương bị khuyển khi"** (rồng lội xuống chỗ nước cạn thì bị cả tôm tép trêu ghẹo, hổ sa xuống đồng bằng thì bị cả chó khinh nhờn); rồng khi lọt vào chỗ nước cạn, đến cả con tôm cũng dám trêu chọc nó; hổ xưng vương trên núi, nhưng khi xuống đồng bằng, bị người ta vây lại đánh, cuối cùng bị đánh chết, hổ sa đồng bằng thì đến chó cũng có thể bắt nạt nó. Cho nên, con người cần hiểu đạo lý xử thế của mình, phải như cá không thể rời khỏi nước, cá mà rời khỏi nước là coi như hết đời.

"Quốc chi lợi khí bất khả dĩ thị nhân" (vũ khí lợi hại của nước không thể đem ra phô trương cho người thấy), mạch sống còn của một quốc gia nằm ở đâu, thì nhất định phải nắm chắc lấy, không thể tùy tiện để người khác nhìn thấy. Trong lịch sử Trung Quốc, người ta vẫn lấy hình tượng rồng để ví với hoàng đế, bởi thân hình rồng to lớn; nhưng tính khí nó lại mềm mỏng, hiền hòa, tính nết tốt nhất. Thế nhưng, chỗ ba tấc dưới cổ nó thì không được đụng vào. Bởi vì vảy rồng đều là vảy xuôi, chỉ riêng ba tấc dưới cổ là vảy ngược, đó là chỗ chí mạng của nó, tuyệt đối không được đụng tới. Nếu chạm phải chỗ chí mạng của rồng, thì chuyện không nhỏ chút nào, bất kể bạn là ai, rồng cũng sẽ tiêu diệt bạn cho bằng được. Cho nên, trong lịch sử người ta thường lấy hình ảnh sờ vào vảy ngược của rồng để ví với việc vua nổi giận.

Trong lịch sử, chỉ có Ngụy Trưng, vị đại thần lỗi lạc ấy, mới thường xuyên dám sờ vào vảy ngược của Đường Thái Tông; cũng chỉ có ông vua như Đường Thái Tông mới có thể dung nạp được những lời can gián thẳng thắn của ông ta, đó là chuyện rất hiếm thấy trong lịch sử. Trong đời mỗi người, ai cũng có điểm yếu chí mạng của riêng mình, chỉ sợ người khác chỉ ra, cho nên ai cũng tự bảo vệ mình rất kín kẽ. Gặp phải người không biết điều, cứ nhất định phải chỉ ra điểm yếu đó, thì chuyện không nhỏ chút nào. Rất nhiều bậc đế vương lỗi lạc thời xưa, bên dưới có những vị đại thần chuyên làm cái việc "sờ vào vảy ngược" ấy, tức là chuyên chỉ ra chỗ yếu kém hay sai lầm. Đương nhiên, bậc quân

vương lỗi lạc như Đường Thái Tông thì chấp nhận được, nhưng đây là điều rất khó làm được, cần phải có độ nhẫn nại rất cao mới làm nổi.

Khi một người cố chấp giữ vững ý kiến của mình, đến giây phút mấu chốt, những vị cán bộ cấp cao ở bên cạnh lại kiên quyết phản đối, buộc phải sửa lại ý kiến của bạn, thì đó là điều rất đau khổ. Đến khi ở vào địa vị nắm quyền, người ta mới hiểu được nỗi đau khổ ấy. Kẻ đọc sách bình thường nói đến đạo lý này thì nghe có vẻ rất đơn giản, vì họ chỉ là kẻ đọc sách, chưa từng nắm quyền bao giờ, cho nên khi ngồi trong thư phòng bàn lý luận, đương nhiên độ lượng rất lớn; nhưng đến khi bản thân một ngày nào đó nắm quyền trong tay, thì lại là chuyện hoàn toàn khác.

"Quốc chi lợi khí bất khả dĩ thị nhân", ví như chiếc chìa khóa nhà mọi người vẫn để trong túi áo, bạn có sẵn lòng lấy nó ra cho mọi người xem, rồi nói với người ta rằng, vàng bạc đô la trong nhà tôi chính là dùng chiếc chìa khóa này để mở cửa lấy ra không? Bạn có thể phô bày như vậy được không? Cùng một đạo lý ấy, sự nghiệp đời người, việc lớn của quốc gia, đạo lý đều như nhau cả.

Từ câu "quốc chi lợi khí bất khả dĩ thị nhân", kết hợp với mấy câu ở trên, liệu Lão Tử có dạy người ta làm chuyện xấu không? Có phải muốn người ta dùng thủ đoạn không? Đương nhiên là không phải. Ông chỉ muốn nói rằng, dưới ánh sáng của "vi minh", hãy dạy chúng ta làm người làm việc cho cẩn thận, hiểu rõ nguyên nhân và hậu quả. Bởi vì mọi đau khổ, thất bại đều do chính mình chuốc lấy, là do bản thân không hiểu rõ đạo lý nhân quả, không có "vi minh"; ở những chỗ vi diệu, chưa nhìn cho rõ, chưa thấy được điểm mấu chốt, nên mới có sự thất bại của ngày hôm nay. Tất cả đều là những chỗ bình thường không để ý tới, đã gieo xuống hạt giống của thất bại, còn nỗi khổ gặp phải về sau, chỉ là một kết quả mà thôi, cái nhân của nó vốn không nằm ở ngày hôm nay.

Bởi vậy, Lão Tử nói "ngư bất khả thoát ư uyên, quốc chi lợi khí bất khả dĩ thị nhân", làm người xử thế cần phải cẩn trọng, giữ mình kỹ lưỡng. Nho gia chỉ nói một nguyên tắc, cách nói của Khổng Tử là **"tồn thành"** (giữ lòng chân thành), dạy chúng ta phải **"giới thận tiểu tâm"** (cẩn thận, e dè, giữ mình cho kỹ). Còn văn chương của Lão Tử bên Đạo gia thì chuyên chỉ thẳng ra hiện tượng. Hai nhà tuy xem ra khác nhau, nhưng đạo lý đều như nhau cả. Chương sau đây sẽ là một lời kết luận cho Thượng kinh.

Thượng Kinh · Chương 37

Đạo thường vô vi nhi vô bất vi.

Đạo thường vô vi mà không có gì là không làm.

Hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự hóa.

Nếu hầu vương có thể giữ nó, vạn vật sẽ tự biến hóa.

Hóa nhi dục tác, ngô tương trấn chi dĩ vô danh chi phác.

Biến hóa mà muốn nổi dậy (dục vọng riêng), ta sẽ trấn áp bằng sự chất phác không tên (Đạo).

Vô danh chi phác, phù diệc tương vô dục.

Sự chất phác không tên, thì cũng sẽ không có dục vọng.

Bất dục dĩ tĩnh, thiên hạ tương tự định.

Không có dục vọng mà tĩnh lặng, thiên hạ sẽ tự định yên.

Đạo vô vi mà không việc gì là không làm được

"Đạo thường vô vi" (đạo vốn luôn vô vi), bản thân "đạo" là vô vi, cho nên về sau khi Phật học truyền vào Trung Quốc, khi dịch cảnh giới Niết Bàn sang chữ Hán, có lúc người ta dịch thẳng là "vô vi". Về sau lại sợ gây hiểu lầm hoặc xung đột với tư tưởng của Lão Tử, nên đổi dịch thành "vô dư y". Niết Bàn có phân biệt "vô dư y Niết Bàn" và "hữu dư y Niết Bàn", cho nên vô vi chính là đạo, cũng chính là Niết Bàn, cũng chính là Bồ Đề. Về sau, vì muốn phân định rạch ròi ranh giới giữa hai nhà Phật, Đạo, nên trong các bản dịch kinh Phật người ta không còn dùng từ "vô vi" nữa.

Ở đây Lão Tử nói rằng bản thể của đạo vĩnh viễn là "vô vi", còn cái dụng của nó lại là "vô bất vi", nghĩa là không đâu mà nó không phát huy tác dụng, chỗ nào cũng có nó vận hành. Tôi còn nhớ mấy chục năm trước, có một vị danh gia lỗi lạc giảng về triết học Trung Quốc, khi giải thích chữ "vô vi" của Đạo gia, ông chủ trương rằng trong tư tưởng chính trị Trung Quốc, người làm lãnh đạo phải học "đạo", tức là học cái "vô vi" của Lão Tử, và cho rằng "vô vi" nghĩa là "chẳng quản việc gì cả". Kỳ thực cái "vô vi" của Lão Tử hoàn toàn không phải là chẳng quản việc gì, câu **"đạo thường vô vi nhi vô bất vi"** (đạo thường vô vi mà không có gì là không làm) chính là muốn nói việc gì cũng phải quản tới. Trong câu ấy, vế trên "đạo thường vô vi" là nói về thể của "đạo"; vế sau "vô bất vi" là nói về dụng của "đạo". Vạn vật trong vũ trụ chính là cái dụng của "đạo", cho nên nó không có gì là không làm. Đến cuối cùng mọi thứ lại quy về tĩnh, quy về không, cho nên gọi là "vô vi".

Hiểu được đạo lý này của Lão Trang rồi, khi làm người làm việc, chúng ta cũng phải hiểu đạo lý "vô vi mà không có gì là không làm", tức là phải có tầm nhìn xa trông rộng, biết lo liệu trước. Kỳ thực, không chỉ chuyện làm người làm việc lớn, mà ngay cả việc may một chiếc áo, hay mua một cây quạt, cũng phải biết trước sau này chỗ nào dễ hỏng, phải nhìn cho thật rõ, phải có tầm nhìn xa. Với những chỗ tương lai có thể xảy ra vấn đề, phải cố gắng phòng ngừa từ trước, khiến vấn đề không có cơ hội phát sinh. Cho nên, hiểu được đạo lý này rồi, khi bắt tay làm việc, mọi chuyện sẽ trôi chảy êm xuôi như thể chẳng phải làm gì cả.

Nhưng cũng có rất nhiều người học Lão Trang mà khi bắt tay làm việc lại không biết vận dụng đạo lý này, việc gì cũng không biết sắp xếp trước, quan sát lại không kỹ càng, đến lúc cận kề mới cuống cuồng chạy đua cho kịp, làm việc rối tung cả lên; nhìn bề ngoài tưởng như rất chăm chỉ, rất nỗ lực, nhưng theo cách nhìn của Đạo gia thì đó chính là sự

ngu dại. Đạo gia làm việc bao giờ cũng có tầm nhìn xa, có kế hoạch, chuẩn bị chu đáo từ trước, nên đến lúc cần kíp cũng không hề luống cuống.

Chúng ta hãy kể một câu chuyện lịch sử, chuyện Đào Khản khuân gạch. Lúc bấy giờ Đào Khản đã là quan lớn, chức cao quyền trọng, nhưng dù đã ở tuổi mấy mươi, ông vẫn ngày ngày lao động, khuân gạch. Buổi tối ông khuân gạch từ ngoài sân vào trong nhà, sáng hôm sau lại khuân ra ngoài. Có người hỏi ông làm vậy để làm gì, ông đáp, một người nếu không rèn luyện lao động, một khi thiên hạ có biến, thể lực sẽ không kham nổi. Ông đã sớm nhìn thấy trước thiên hạ sẽ có loạn lạc, tuy tuổi đã cao, nhưng ở địa vị ấy vẫn cần có thể lực tốt, nếu ngày thường quen lao động, thì khi có việc mới có thể ứng phó được với biến loạn.

Cùng lúc đó, ông còn dặn thuộc hạ đem những mẩu tre vụn, khúc gỗ thừa cắt ra, không được vứt bỏ, mà phải thu gom cất giữ cẩn thận. Người khác thấy ông là bậc quan cao chức trọng như vậy mà còn tiếc rẻ mấy thứ chẳng đáng giá đó thì cho là ông keo kiệt. Trước những lời chê bai của người khác, ông chỉ cười trừ, không giải thích gì. Về sau thời cuộc biến động, ông được giao trông coi việc phòng thủ quân sự phía nam sông Trường Giang, lúc này cần lập thủy quân, phải đóng thuyền gấp, mà lại phải hoàn thành trong thời gian rất ngắn. Nhưng đóng một số lượng lớn thuyền như vậy cần rất nhiều đinh, mà nhất thời không tìm đâu ra đinh. Ông liền đem những mẩu tre gỗ mà người ta cho là vô giá trị ấy chẻ ra, làm thành đinh, giải quyết được vấn đề thiếu đinh, thuyền cũng nhanh chóng được đóng xong. Sở dĩ làm được như vậy là vì ông đã sớm nhìn thấy trước thiên hạ sắp biến động, mà loạn lạc thì nhất định cần đóng thuyền, nên đã chuẩn bị sẵn từ trước. Đây cũng chính là đạo lý "vô vi mà không có gì là không làm". Cho nên, cái "vô vi chi trị" và "vô vi chi đạo" thực sự của Đạo gia, chính là không có gì là không làm cả.

"Không có gì là không làm" hoàn toàn không phải là làm bừa làm ẩu. Cho nên, Lão Tử nói tiếp: **"Hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự hóa"** (nếu bậc vua chúa có thể giữ vững đạo ấy, thì vạn vật sẽ tự biến hóa). Người làm nên nghiệp lớn mà hiểu được đạo lý này, nắm vững được đạo lý này, thì vạn vật sẽ tự biến hóa, không những sự nghiệp có thể thành tựu, mà giữ vững được nó rồi, đạo lý này còn có thể dùng để tu đạo.

Ví như khi chúng ta tu đạo ngồi thiền, ngồi đó để làm gì? Tâm niệm đã trống rỗng, thanh tịnh chính là vô vi, nhưng cái "vô vi" này, bạn lại không thể nào buông bỏ hết được. Nếu buông bỏ được cả cái "vô vi" ấy, thì mới đạt đến "vô bất vi", thân thể cũng chuyển biến tốt lên, trừ bệnh kéo dài tuổi thọ, trường sinh bất lão, thần thông cũng đến, trí tuệ cũng đến, tập khí cũng chuyển hóa. Đáng tiếc là, người ta không làm được vô vi, ngồi đó mà ngày ngày mong cầu thần thông, mong cầu trí tuệ, không thì lại mong cầu sức khỏe thân thể, không thì lại lo vận khí, lo mạch lạc, bận rộn đủ thứ. Ngồi đó nói là tu vô vi, nhưng kỳ thực lại đang không có gì là không làm, cái gì cũng muốn có.

Cái "đạo" chúng ta học, là không, là buông bỏ hết thảy, muôn duyên đều không, vậy vì sao lại phải không? Người bình thường học đạo, đều mong thành Phật, vãng sinh về cõi Tây phương, trường sinh bất lão, lại có trí tuệ, lại có thần thông, tuy không được bằng Phật, thì ít ra cũng phải xấp xỉ Phật mới được; thử hỏi cái lòng ham muốn ấy lớn đến chừng nào! Đó không phải là học "không", mà là đang học "có" rồi. Đem cái lòng ham muốn như vậy đi học một cái đạo vốn là không, chẳng phải là đi ngược hẳn với đạo hay sao?

Vô vi, vô dục, vô danh

Hiểu được đạo lý này rồi, chúng ta mới biết vì sao có thể làm được vạn vật tự biến hóa. Nói cách khác, nếu thật sự làm được vô vi, thì rất nhiều điều mình không muốn lại cứ tìm đến. Chuyện đời kỳ lạ lắm, cái gì bạn không muốn, nó lại cứ đến; cái gì bạn muốn, nó lại chạy mất, điều này Phật học nói rất cụ thể.

Phật nhìn sự việc từ một góc độ khác, cho rằng đời người có tám nỗi khổ, như **"cầu bất đắc khổ"** (khổ vì cầu mà không được), điều mình mong muốn thì mãi mãi không đạt tới. **"Ái biệt ly khổ"** (khổ vì yêu thương mà phải chia lìa), điều mình yêu thương, càng muốn giữ chặt lấy, nó lại càng chạy mất. Kỳ thực, nếu nhìn thấu được đạo lý của cuộc đời, chỉ cần nắm được cái vô vi, thật sự buông bỏ được, thì cái mình không muốn nó lại cứ đến; cái mình mong muốn, rồi cũng quy về vô vi cả thôi. Đó chính là sự tự biến hóa của vạn vật.

"Hóa nhi dục tác, ngô tương trấn chi dĩ vô danh chi phác" (biến hóa mà muốn nổi dậy, ta sẽ trấn áp bằng sự chất phác không tên), người giữ vững được đạo này thì vạn vật sẽ tự biến hóa, đi vào cảnh giới của mình, nói cách khác, muôn vật muôn việc đều quy về cảnh giới của mình cả. "Hóa nhi dục tác", nếu trong cái thanh tịnh vô vi ấy mà muốn khởi tác dụng, thì phải hiểu đạo lý của chữ "dụng", cũng chính là câu nói mà chúng ta vẫn thường trích dẫn của tổ sư Lâm Tế bên Thiền tông, **"xuy mao dụng liễu cấp tu ma"** (thanh kiếm bén đến mức thổi sợi lông cũng đứt, dùng xong vẫn phải mài lại ngay), giống như một thanh đao hay thanh kiếm sắc bén, mỗi lần lấy ra dùng, dù là cắt giấy hay chạm khắc vàng ngọc, hễ đã dùng qua là phải mài lại ngay, để giữ cho nó luôn sắc bén. Cho nên, khi dùng, nếu muốn lấy mãi không hết, dùng mãi không cạn, thì phải "trấn chi dĩ vô danh chi phác", phải luôn giữ được trạng thái nguyên sơ ban đầu. Dùng lâu ngày rồi, hiện tượng cũng biến đổi, thế là hỏng mất.

Lão Tử nói tiếp, **"vô danh chi phác, phù diệc tương vô dục"** (sự chất phác không tên, thì cũng sẽ không có dục vọng), thế nào gọi là "vô danh chi phác"? Chính là tự mình không còn dục vọng, không dục không nương tựa vào đâu cả. Cho nên, nhà Phật gọi đó là "không", không mong cầu gì, không có bất cứ dục vọng nào, không nương tựa vào đâu, tất cả đều không cả, không cần thành Phật thì cũng đã thành Phật rồi. Nếu Phật ngồi đó mà thật sự nghĩ rằng mình đã thành Phật, trong lòng niệm rằng "ta đã thành Phật, ta phải độ chúng sinh", thì Phật ấy mệt biết chừng nào! Phật không hề có ý niệm ấy, Ngài niệm cái không.

"Bất dục dĩ tĩnh, thiên hạ tương tự định" (không có dục vọng mà tĩnh lặng, thiên hạ sẽ tự định yên), bốn chữ "bất dục dĩ tĩnh" này rất diệu, có thể hiểu theo hai cách. Cách hiểu thứ nhất là hoàn toàn không có dục vọng, tự nhiên sẽ tĩnh định, thì thiên hạ sẽ tự định yên, cho nên "bất dục", không có dục vọng thì tự nhiên tĩnh. Cách hiểu thứ hai là làm sao để đạt tới "bất dục", thì trước hết phải đạt tới tĩnh đã, rồi mới thật sự đạt được "vô dục". Văn chương của Lão Trang, cũng giống như thoại đầu của Thiền tông vậy, xoay chiều nào cũng thông, nhìn mặt này giải thích được, nhìn mặt kia cũng giải thích được, rốt cuộc vẫn cùng một đạo lý.

Dù sao thì muốn làm được "bất dục dĩ tĩnh", trước hết bản thân phải đạt tới chỗ thanh tịnh vô vi, thì thiên hạ sẽ tự định yên. Làm người làm việc, lập nghiệp cũng cùng một đạo lý ấy. Nếu cứ mãi hấp tấp vội vàng, ngày nào cũng như phát điên, khăng khăng nhất định phải thành công cho bằng được, thì xin lỗi, đến lúc tính sổ cuối cùng, lại đúng là không thành công. Đây cũng chính là đạo lý **"nhu nhược thắng cương cường"** (mềm yếu thắng cứng mạnh). Làm việc mà siêng năng, một niệm giữ vững muôn đời, nước chảy chậm mà dài lâu, không mong cầu gì, không cầu thành quả, nhưng cũng không bỏ cuộc giữa chừng, thì cuối cùng nhất định sẽ thành công.

Hạ Kinh · Chương 38

> *Hạ kinh từ chương ba mươi tám, bắt đầu nói "Đức", tức là nói chỗ dùng của "Đạo", cùng hiện tượng của nó. Nhiều câu phía dưới, nhìn qua thì giống, xét kỹ thì khác xa. Vì Thượng kinh nói "thể", Hạ kinh nói "dụng". Quan niệm cũ bảo: Thượng kinh nói "Đạo", Hạ kinh nói "Đức". Cho nên cùng một câu chữ, nhìn từ góc "Đạo" khác với nhìn từ góc "Đức".*

Thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức;
Thượng Đức không (chấp) đức, vì vậy mới có đức;

hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức.
hạ Đức không để mất đức, vì vậy lại không có đức.

Thượng đức vô vi nhi vô dĩ vi;
Thượng Đức vô vi mà không có chủ ý gì;

hạ đức vi chi nhi hữu dĩ vi.
hạ Đức có làm mà có chủ ý.

Thượng nhân vi chi nhi vô dĩ vi;
Thượng Nhân có làm mà không có chủ ý;

thượng nghĩa vi chi nhi hữu dĩ vi.
Thượng Nghĩa có làm mà có chủ ý.

Thượng lễ vi chi nhi mạc chi ứng, tắc nhương tý nhi ném chi.
Thượng Lễ có làm mà không ai đáp ứng, thì vén tay áo mà ném bỏ.

Cố thất đạo nhi hậu đức, thất đức nhi hậu nhân,
Cho nên mất Đạo mới đến Đức, mất Đức mới đến Nhân,

thất nhân nhi hậu nghĩa, thất nghĩa nhi hậu lễ.
mất Nhân mới đến Nghĩa, mất Nghĩa mới đến Lễ.

Phù lễ giả, trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ.
Ôi Lễ là cái vỏ mỏng của trung tín, và là mầm mống của loạn lạc.

Tiền thức giả, đạo chi hoa, nhi ngu chi thủy.
Kẻ tiền thức (biết trước) là cái hoa của Đạo, và là đầu mối của ngu muội.

Thị dĩ đại trượng phu xử kỳ hậu, bất cư kỳ bạc,
Vì vậy bậc đại trượng phu ở chỗ dày chứ không ở chỗ mỏng,

xử kỳ thực, bất cư kỳ hoa,
ở chỗ thực chứ không ở chỗ hoa,

cố khứ bỉ thủ thử.
cho nên bỏ cái kia mà lấy cái này.

Thượng Đức, hạ Đức; Thượng Nhân, Thượng Nghĩa, Thượng Lễ

"Thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức" (Thượng Đức không (chấp) đức, vì vậy mới có đức): Thượng Đức thật, nói theo ý nay, là người thật có đạo đức, một người thiện lớn, chẳng coi việc thiện là chuyện hay ghê gớm. Làm việc thiện chỉ là việc thường của người ấy, bề ngoài không thấy đang làm thiện. Nếu để người ta nhận ra mình là "người thiện", đang làm việc đạo đức, thì đã kém xa rồi.

Văn hóa thượng cổ, với hành vi đạo đức, suốt chỉ trọng bốn chữ: âm công tích đức (làm việc thiện kín, chứa đức). Chủ trương làm việc tốt phải ở mặt kín, không phải mặt phô ra, phải khiến người ta không thấy; làm ơn cho người, người không biết; giúp người, kẻ được giúp cũng không biết. Đó là âm đức, cũng chính là "thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức".

"Hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức" (hạ Đức không để mất đức, vì vậy lại không có đức): theo Lão Tử, "hạ Đức" là đức hạnh không thuộc Thượng Đức. "Bất thất đức" là đức hạnh đã bị người ta nhìn ra, ấy là dính tướng, nên là "hạ Đức". Theo nhà Phật, "chấp tướng" đã không cao minh; *Kinh Kim Cương* cũng bảo ta đừng chấp tướng.

"Thượng đức vô vi nhi vô dĩ vi" (Thượng Đức vô vi mà không có chủ ý gì): câu này giải hành vi Thượng Đức, nghĩa là làm việc thiện mà không thấy đang làm thiện. "Thượng đức vô vi" là chỗ dùng của Thượng Đức, hợp với thể Đạo siêu hình; "nhi vô dĩ vi" là khi phát dụng thì tự nhiên, không để người ta nhìn ra, không có một đích, cũng rất nhẹ nhàng xong một việc.

"Hạ đức vi chi nhi hữu dĩ vi" (hạ Đức có làm mà có chủ ý): "hạ Đức" kém hơn một bậc, là có làm có chủ ý, nhìn vào thì chăm chăm làm thiện, ai cũng biết người ấy tốt, lại hay làm việc tốt. Đó là chuẩn để phân "Thượng Đức" với "hạ Đức".

Dưới đây giải vô vi của chữ "đức", rồi sang "nhân". **"Thượng nhân vi chi nhi vô dĩ vi"** (Thượng Nhân có làm mà không có chủ ý): chữ "nhân" nói như chữ "đức"; nếu lặp đủ cũng bốn câu, đây không lặp nữa. Sau "nhân" là "nghĩa": **"thượng nghĩa vi chi, nhi hữu dĩ vi"** (Thượng Nghĩa có làm mà có chủ ý). Giải câu này cũng như trên: Thượng Nhân, Thượng Nghĩa là không thấy nhân nghĩa; nhìn ra việc đang làm là nhân nghĩa thì đã kém nhiều, ấy là hàng giả, thuốc giả.

"Thượng lễ vi chi, nhi mạc chi ứng, tắc nhương tý nhi ném chi" (Thượng Lễ có làm mà không ai đáp ứng, thì vén tay áo mà ném bỏ). Qua "nhân", "nghĩa" là "lễ". "Lễ" thật không phải chỉ là lịch sự; lịch sự chỉ là một mặt của "lễ" trong văn hóa Trung Quốc. Chữ "lễ" là một gốc của văn hóa dân tộc Trung Quốc. Trung Hoa được gọi là nước lễ nghĩa, không phải thấy người là vái lạy mới gọi là lễ; ấy chỉ là nghi thức, lịch sự. "Lễ" thật là văn hóa ở tầm cao; nói theo ý nay, văn hóa gồm cả tinh thần, vật chất, sử, cho đến nguyên tắc làm người làm việc của mỗi người: chính trị, quân sự, giáo dục, kinh tế, xã hội, hết thảy đều nằm trong "lễ".

Lão Tử nói "thượng lễ vi chi": Thượng Lễ thật, văn hóa mà nó trọng rốt cuộc là gì? Ấy là nền siêu hình; chỗ cao nhất **"nhi mạc chi ứng"** (mà không ai đáp ứng), không thấy hình trạng. Cho nên khi chính người Trung Quốc tự cho văn hóa mình suy, hay đánh bóng mặt, lấy câu Lão Tử giải thành: văn hóa ta chưa suy, "mạc chi ứng", chỉ là các vị không nhìn ra thôi!

Kỳ thực, "lễ" thật không thấy chỗ dùng của "lễ"; người thường càng không hiểu, nên "nhương tý nhi ném chi": giơ cánh tay một cái là ném bỏ. Đại lễ nhìn qua cũng giống lễ; còn lịch sự thật, nơi quê hẻo lánh vẫn thấy được. Cách người ta đón khách, chẳng biết khấu đầu vái, càng chẳng biết bắt tay cúi chào, vừa thấy người đã gọi: "Ồ! Khách đến

rồi!" Đó chính là lễ. Thế mà kẻ thành thị cầu kỳ lịch sự, thấy lễ ấy thì "nhương tý nhi ném chi", vẫy tay bỏ đi, bảo người quê không học, không biết lịch sự. Kỳ thực ấy mới đúng, ấy là lễ chí thành, tự nhiên. Thậm chí chỉ một tiếng: "Ê! Anh tới rồi!" thân thiết biết bao! Đó mới là lễ thật. Chỉ vì ta quen xã hội thành thị, thấy cảnh ấy thì "nhương tý nhi ném chi", tự thấy xui, gặp phải kẻ không giáo dục. Ấy đều vì ta không thật hiểu lễ.

Bài này lời dễ, nghĩa lại khá sâu, vì Lão Tử nói năm bậc: đạo, đức, nhân, nghĩa, lễ. Thượng kinh đã nói "Đạo", đây không nói lại. Bài này ông nói gì? Cũng như *Hệ từ* của *Kinh Dịch*: một bài thuật sử tiến hóa văn hóa loài người, cũng có thể nói là tiếng thở dài trước sử ấy. Nói cho chặt, ông than văn hóa loài người đang lùi. Đứng trên đạo đức văn hóa phương Đông, cho đến góc đạo đức của tôn giáo phương Tây: loài người không tiến, chỉ lùi; nghĩa là văn minh vật chất ngày càng tiến, văn minh tinh thần đạo đức ngày càng lùi, ngày càng yếu. Nếu không đọc kỹ, sẽ thấy những đoạn này của Lão Tử chẳng ra lẽ gì, nói làm gì cho rườm! Kỳ thực, chỗ *Lão Tử* nói đây, cũng giống thiên Lễ Vận, Đại Đồng, Khổng Tử than văn minh loài người đang thoái.

Khi đức, nhân, nghĩa, lễ đều mất thì sao

"Cố thất đạo nhi hậu đức" (Cho nên mất Đạo mới đến Đức): người thượng cổ ai cũng có đạo; chỉ cần nói đến đạo, ai cũng là kẻ có đạo. Thời chạy tới, "Đạo" lần lần mất, mới sinh ra "Đức", lấy "Đức" làm chuẩn hành vi. **"Thất đức nhi hậu nhân"** (mất Đức mới đến Nhân): thời chạy tới nữa, đến đời Khổng Tử, ra sức cổ súy "nhân". Đến Mạnh Tử, đời Chiến Quốc, "nhân" lại không đủ chỗ dựa, lại cổ súy "nghĩa". Mỗi thời sinh ra chủ trương tư tưởng, cách nói, cách kêu gọi đều khác, nên bảo **"thất nhân nhi hậu nghĩa, thất nghĩa nhi hậu lễ"** (mất Nhân mới đến Nghĩa, mất Nghĩa mới đến Lễ). Đến bậc "lễ", đã gồm cả phép tắc; "lễ" với "pháp" dính nhau, vì lòng người trong xã hội đã hỏng, nên về mặt giáo dưỡng văn hóa, mong ai cũng có "lễ".

"Lễ" thuộc mặt giáo hóa; giáo dục cũng khó thành. Người lớn vào đời, tranh nhau làm tổn thương lẫn nhau. Đành phải lập pháp luật: ấy là sau "lễ" có "pháp"; "pháp" hết hiệu thì có "hình"; kẻ không giữ pháp, đành bắt về mà hình. Nếu hình cũng không còn dọa được, thì hết đường nói. Cho nên chỗ này của Lão Tử là một tiếng than.

"Phù lễ giả, trung tín chi bạc nhi loạn chi thủ" (Ôi Lễ là cái vỏ mỏng của trung tín, và là mầm mống của loạn lạc): đời Lão Tử, xã hội đã lùi tới bậc cổ súy "lễ". Ta đọc sách Lão Tử thế nào? Nhìn xã hội người, nhìn khoa học văn minh cả thế giới phát triển: nước công thương mạnh, giáo dục cũng theo mà phổ cập. Nói ra thì giáo dục càng phổ cập, người càng phải tốt chứ! Kỳ thực tư tưởng thiên hạ càng loạn, tội phạm trong xã hội càng nhiều. Quay lại chỗ quê, người quê không được học, lại không dám phạm tội, ăn ở mộc mạc hơn. Cho nên loài người thiếu trung tín mới cần "lễ"; "phù lễ giả, trung tín chi bạc nhi loạn chi thủ" là lẽ ấy.

Cả đời làm giáo dục, ta cảm rất sâu: cái gọi là giáo dục, chẳng biết rốt cuộc là công hay tội; giáo dục đúng là chuyện đáng bàn. Người đọc sách để thêm tri thức; nhưng có tri thức thì hơn, hay không có thì hơn? Riêng tôi, nay thấy sâu: năm xưa nếu không đọc sách, bây giờ sướng biết bao! Rất hối tuổi trẻ sao phải đọc sách, sao không đi học cày? Xuân ra đồng sướng biết bao! Tri thức càng nhiều, khổ càng sâu; học càng rộng, phiền càng lớn. Cho nên nhiều người hết sức lo cho đạo đức học vấn: chẳng những lo nước lo dân, người học Phật còn lo chúng sinh. Hỏi vậy: tri thức ấy có ích cho ta không?

"Tiền thức giả, đạo chi hoa nhi ngu chi thủy" (Kẻ tiền thức (biết trước) là cái hoa của Đạo, và là đầu mối của ngu muội): "tiền thức" là biết trước, như tôn giáo Tây phương nói "tiên tri", phương Đông gọi là "thần thông", cũng tức là chưa bói đã biết. Người ngồi thiền, mong biết chuyện mai, biết chuyện kiếp trước; thế mà Lão Tử nói: "tiền thức giả, đạo chi hoa nhi ngu chi thủy". Có thần thông rồi, cuối cùng nhà cũng mất, hóa người bệnh thần kinh. Đừng tưởng

có thần thông là hơn; kỳ thực có thần thông, trí càng lớn khổ càng lớn. Người không trí chỉ lo mai ăn gì; người có trí phải lo thế giới mai sẽ đổi, xã hội sẽ đổi, cũng tức lo chúng sinh mênh mang sẽ đổi thế nào. Bụng mình còn chưa độ nổi, đã muốn độ chúng sinh: ấy là "tiền thức giả, đạo chi hoa nhi ngu chi thủy".

Nhìn luận ấy của Lão Tử, ông như người vụng, và càng ngày càng vụng. Nhưng đừng vội kết; hãy xem ông nói tiếp.

"Thị dĩ đại trượng phu xử kỳ hậu, bất cư kỳ bạc, xử kỳ thực, bất cư kỳ hoa, cố khứ bỉ thủ thử" (Vì vậy bậc đại trượng phu ở chỗ dày chứ không ở chỗ mỏng, ở chỗ thực chứ không ở chỗ hoa, cho nên bỏ cái kia mà lấy cái này). Lão Tử nói: bậc đại trượng phu thật, đi đường chắc, chỉ có tu đạo. Đạo là gì? Vô vi. Theo nhà Phật, ấy là **"vạn duyên phóng hạ"** (buông hết muôn duyên). Đại trượng phu không đi đường nhỏ mọn, phải đi đường chắc. "Đạo" là quăng hết tri thức, hết thảy đều bỏ, trí khôn cũng bỏ, về chỗ mộc mạc không hoa. "Khứ bỉ thủ thử": bỏ tri thức hoa mỹ bên ngoài, lấy lại cái mộc vốn có của đời mình. Gương Lão Tử là gì? Chính **"chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ?"** (Tập trung khí lực đạt đến mềm mại, có thể như trẻ sơ sinh chăng?). Về trạng thái nằm trong lòng mẹ, chẳng biết gì. Người mắng, nó cười; sướng biết bao! Mắng với khen cũng gần như nhau, không phân. Sữa với thức thừa trộn một, nó cũng không phân: ấy đều là **"phác"** (mộc), về cái thân tâm mộc mạc ấy.

Hạ Kinh · Chương 39

Tích chi đắc nhất giả:

Xưa nay những thứ đắc được Một:

thiên đắc nhất dĩ thanh; địa đắc nhất dĩ ninh;

trời đắc Một nên trong sáng; đất đắc Một nên yên tĩnh;

thần đắc nhất dĩ linh; cốc đắc nhất dĩ doanh;

thần đắc Một nên linh thiêng; khe thung đắc Một nên đầy;

vạn vật đắc nhất dĩ sinh; hầu vương đắc nhất dĩ vi thiên hạ trinh.

vạn vật đắc Một nên sống; hầu vương đắc Một nên làm chuẩn mực cho thiên hạ.

Kỳ trí chi.

Làm đến nơi ấy.

Thiên vô dĩ thanh, tương khủng liệt;

Trời không nhờ đó mà trong sáng, e sẽ nứt vỡ;

địa vô dĩ ninh, tương khủng phát;

đất không nhờ đó mà yên tĩnh, e sẽ rung chuyển;

thần vô dĩ linh, tương khủng yết;

thần không nhờ đó mà linh thiêng, e sẽ tắt lịm;

cốc vô dĩ doanh, tương khủng kiệt;

khe thung không nhờ đó mà đầy, e sẽ cạn kiệt;

vạn vật vô dĩ sinh, tương khủng diệt;

vạn vật không nhờ đó mà sống, e sẽ tiêu diệt;

hầu vương vô dĩ quý cao, tương khủng quyết.

hầu vương không nhờ đó mà quý cao, e sẽ bị lật đổ.

Cố quý dĩ tiện vi bản, cao dĩ hạ vi cơ.

Cho nên quý lấy tiện làm gốc, cao lấy thấp làm nền.

Thị dĩ hầu vương tự vị cô, quả, bất cốc.

Vì vậy hầu vương tự gọi mình là cô (cô gia), quả (ít đức), bất cốc (không đáng ngồi ăn).

Thử phi dĩ tiện vi bản da? Phi hồ!

Đây không phải lấy tiện làm gốc sao? Không phải vậy sao!

Cố trí số dư vô dư.

Cho nên nhiều xe thì hóa như không xe.

Bất dục lộc lộc như ngọc, lạc lạc như thạch.

Không muốn lấp lánh như ngọc, lăn lóc như đá.

Được Một và chẳng hai

Sách *Lão Tử* bản cổ chỉ ghi số chương, trước mỗi chương không có tựa. Nếu bắt phải đặt tựa, câu đầu hoặc chữ đầu mỗi chương chính là tựa hay nhất. Nhìn theo lối người nay viết sách, cứ như *Lão Tử* không liệt cương mục, chẳng khoa học. Kỳ thực khoa học lắm: câu đầu chính là cương lĩnh, chính là khoa học của nó. Không tin thì lật xem câu đầu nhiều chương: đứng trơ một mình, như không khớp nghĩa đoạn sau; thế mà câu đầu ấy chính là cương lĩnh cả chương. Như chương ba mươi chín đây, chính nói chỗ trọng của **"đắc nhất"** (được Một).

Lẽ "Một", lúc Thượng kinh nói "Đạo" đã đụng tới, nay giải thêm. Người đời sau học đạo, không truyền "Đạo" mà truyền cho anh "đắc nhất". "Đắc nhất" hóa thành **"thủ khiếu"** (giữ một huyệt trên người): kẻ bảo giữ đan điền, kẻ bảo giữ hải để, kẻ bảo giữ hõm ngực, kẻ bảo giữ một đốt xương sau sống lưng, đủ trò.

Từng có người, năm ấy thân yếu, thầy bảo giữ một chỗ, ông thành công, liền lên mặt như nắm được bảo bối. Những thứ ấy thật không phải "Một". "Một" cũng là tên gọi tạm; chuyên nhất không có chỗ. Cho nên nhà Phật nói tu định: định ở đâu? Định ở chỗ chuyên nhất. Đạo gia nói tĩnh: tĩnh ở đâu? Tĩnh ở chỗ chuyên nhất. "Một" ở đâu? Một ở chỗ không, cái không ấy chính là "Một"; không lại là trống, thanh tịnh vô vi, ấy mới là "Một". Anh có một cái "Một" để giữ, ấy đã là "hai". Thử nghĩ: ngồi thiền còn đi giữ một cái "Một", chẳng hóa "hai" sao? Khổng Tử nói **"ngô đạo nhất dĩ quán chi"** (đạo của ta lấy một mà xuyên suốt); Tăng Tử ra lại nói **"phu tử chi đạo trung thứ nhi dĩ hĩ"** (đạo của thầy chỉ trung và thứ mà thôi), chẳng hóa thành "ba" sao? Phật nói học "không", anh khoanh chân đi tìm "không", ấy sớm đã là "có". "Không" không nhất thiết phải khoanh chân; cho nên có một chỗ để giữ, ấy sớm đã là "hai".

Đạo gia nói "Một", nhà Phật nói **"bất nhị pháp môn"** (cửa pháp chẳng hai). "Bất nhị" là gì? "Bất nhị" chính là "Một". Vốn một câu rất giản, vừa đùa chữ là không hiểu. Cái gọi là "bất nhị pháp môn": một bên gọi "Một", một bên gọi "chẳng hai"; "chẳng hai" chính là "Một". Không lạ gì Trang Tử kể chuyện cười hết người đời. Trang Tử nói: có ông già nuôi khỉ, nuôi một bầy, mỗi sáng cho khỉ ba củ khoai, tối bốn củ. Một hôm ông chợt đổi lối sống: sáng bốn, tối ba. Khỉ giận lắm, xô tới đánh ông. Ông bảo: đừng ồn, mai vẫn như cũ, sáng ba tối bốn, vẫn bảy củ một ngày, không thêm không bớt. Ấy là vẽ người ta vừa đổi cách sống là hóa điên. Cho nên "đắc nhất" cũng được, "bất nhị" cũng được, đều một thứ, đều một cái không; trong ấy nhiều lẽ, giảng ra thì dài.

"Thiên đắc nhất dĩ thanh" (Trời đắc Một nên trong sáng): trời không nhất thì tất nhiên không trong; trời thường **"đông biên nhật xuất tây biên vũ, đạo thị vô tình khước hữu tình"** (phía đông nắng, phía tây mưa; bảo là vô tình lại hữu tình), ấy gọi là trời âm dương thất thường. Cả đời người, mấy lần được thấy trời trong khí mát, muôn dặm không mây, mới sướng. **"Địa đắc nhất dĩ ninh"** (Đất đắc Một nên yên tĩnh): như kiến trúc thời mới của ta, đường phố một ngày chẳng yên, đây đào một hố, kia khoét một lỗ, nên chẳng yên.

"Thần đắc nhất dĩ linh" (Thần đắc Một nên linh thiêng): người thường ngồi thiền tu đạo, nhà Phật gọi tu tâm, Đạo gia gọi luyện thần, tức "luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần". Thần là gì? Chính cái vốn có trời sinh của người; người chỉ cần chuyên nhất thì thần linh, nhạy thì thông, gọi là thần thông, thần mà thông. Có kẻ hỏi học thần thông có phép gì? Nếu học thần thông còn một phép, thì không gọi thần thông mà gọi quỷ thông, gọi thông loạn. Nhiều người cứ đi học thông linh: ấy là tự tìm phiền. Người không lo học làm người, lại đi học làm quỷ, học thần minh, cầu thần thông: ấy là không muốn làm người nữa! Cho nên thần thật đắc Một, nhất định thì yên. Phép dạy Khổng Mạnh, đạo *Đại Học*: **"tri chỉ nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc"** (biết dừng rồi mới có định, định rồi mới tĩnh được, tĩnh rồi mới an được, an rồi mới lo liệu được, lo liệu rồi mới được), chính đi đường ấy.

"Cốc đắc nhất dĩ doanh" (Khe thung đắc Một nên đầy): trong núi khe được cái "Một" gì? Trong núi khe chẳng có gì, trống không. Thế mà trống không thật, lại đầy hết thảy công năng, giá trị không gì sánh. Hiểu lẽ Lão Tử thì hiểu Đạo: chỗ trống thật, mới là đầy thật.

"Vạn vật đắc nhất dĩ sinh" (Vạn vật đắc Một nên sống): trời đất vạn vật chính nhờ công năng của Đạo mà sinh sinh không dứt. Bậc đế vương làm việc lớn, "đắc nhất" thì thống nhất thiên hạ, thiên hạ thái bình.

"Hầu vương đắc nhất dĩ vi thiên hạ trinh, kỳ trí chi" (Hầu vương đắc Một nên làm chuẩn mực cho thiên hạ. Làm đến nơi ấy): về mặt làm người làm việc, phải đạt tới mức ấy; "kỳ trí" là làm đến nơi, là thành. Dưới đây.

Cái cao quý lấy chỗ thấp làm nền: giải hai mặt chính-phản, chỉ cần đọc qua là hiểu

"Thiên vô dĩ thanh tương khủng liệt" (Trời không nhờ đó mà trong sáng, e sẽ nứt vỡ): không gian vốn thanh tịnh mãi; nay loài người lấy sự khôn của mình, lấy phát minh khoa học, quấy không gian. Nhưng sức không gian lớn; quấy nhiều đến mấy cũng bị đẩy ngược trở lại. Nếu quấy không gian quá nặng, loài người chỉ còn tự hủy mình.

"Địa vô dĩ ninh tương khủng phát" (Đất không nhờ đó mà yên tĩnh, e sẽ rung chuyển): mặt đất ta ở, vốn phải yên. Thế mà trái đất cứ bị người xâm, đào dầu, lấy than, khiến "địa vô dĩ ninh". Đất không yên, "tương khủng phát", e khó tránh động đất, lụt, đủ nạn.

"Thần vô dĩ linh tương khủng yết" (Thần không nhờ đó mà linh thiêng, e sẽ tắt lịm): tư tưởng người mỗi ngày phải tới thanh tịnh vô vi; nhất là thời công nghiệp nay, ai cũng bận đến nghẹt thở, trong một ngày hãy cố nghỉ vài lần, tức dưỡng thần. Nói chữ nay: cho đầu óc thêm vài quãng nghỉ, để đầu óc trống không, đừng nghĩ gì, trí mới ra, mới nhạy hơn. Nếu tinh thần mỗi ngày không thu lại một chút, không tới chỗ nhạy, thì "tương khủng yết": cuối cùng choáng váng, đầu óc sụp.

"Cốc vô dĩ doanh tương khủng kiệt, vạn vật vô dĩ sinh tương khủng diệt" (Khe thung không nhờ đó mà đầy, e sẽ cạn kiệt; vạn vật không nhờ đó mà sống, e sẽ tiêu diệt): trên nói "cốc đắc nhất dĩ doanh", trong chỗ trống mà linh, đầy công năng; vũ trụ này sinh sinh không dứt. Nếu công năng không đầy, vạn vật không sinh nữa, e hết thảy tuyệt.

"Hầu vương vô dĩ quý cao tương khủng quyết" (Hầu vương không nhờ đó mà quý cao, e sẽ bị lật đổ): xưa kẻ cầm đầu, địa vị khó nghĩ tới, nên ngôi vua cao không gì sánh, gọi **"cửu trùng thiên tử"** (thiên tử sau chín lớp cung), để nói sự cao quý. *Hán Thư* có câu **"thiên kim chi tử bất thùy đường"** (con nhà giàu nghìn vàng không ngồi mép hiên); thiên tử sau chín lớp cung không dễ lộ mặt. Hầu vương sao là cao quý? Không cao quý thì ngã, thế chẳng hết sao!

Đây là cách nói ngược, nghĩa là nay lấy "Một" mà giảng ở cõi có hình. Lúc nãy nói nó là trống, là không; nay ở cõi có hình, "Một" không phải trống, mà là một nguyên tắc nhất định, một giới điều nhất định. Nếu làm người làm việc trái giới gốc ấy, sẽ thành sai, rốt cuộc sẽ hỏng. Ấy là thường lý trời đất, cũng không cách đổi.

Lại nói thêm: "quý" thật, **"cố quý dĩ tiện vi bản, cao dĩ hạ vi cơ"** (cho nên quý lấy tiện làm gốc, cao lấy thấp làm nền). Người sao hóa cao quý? Ví một kẻ nghèo xác, chân đất vào thành, ra sức làm mười năm hai mươi năm, nắm được chỗ kinh tế của xã hội, hóa đại phú. Từ giàu mà sang; cái sang ấy đứng trên nền nghèo hèn, nhờ cố không ngừng mới thành. Như lầu mười hai tầng, lớn lao cao vậy, cũng từ đất bằng bùn mà lên. Cho nên quý lấy tiện làm gốc, người không được quên gốc; "cao dĩ hạ vi cơ": không có nền dưới, không có cái cao trên.

Văn hóa Trung Quốc, từ thượng cổ đã biết lẽ ấy. **"Thị dĩ hầu vương tự vị cô, quả, bất cốc"** (Vì vậy hầu vương tự gọi mình là cô, quả, bất cốc). Văn hóa thượng cổ Trung Quốc, người làm vua thường tự xưng "quả nhân"; cho rằng xưng cô xưng quả, lại xưng cô gia, chính là tự nhận đức hạnh chưa đủ. Nói chữ nay: "Tôi nông quá, đức hạnh tôi chưa đủ." Nếu ta dịch lời nay ra lời cổ, thì nay ví có một ông vua, phải tự xưng "nông cạn"; sau này dân không dám tự xưng "kém cỏi", vì hiệu ấy chỉ vua được dùng.

"Tự vị cô, quả, bất cốc": câu này nói cho chặt, "bất cốc" còn khó nghe hơn, nghĩa là không có tư cách ngồi ăn, tự hạ mình đến thế. Người nước ngoài thường bảo đế vương cổ Trung Quốc rất chuyên chế. Tôi không tán thành lời ấy: vì vua thượng cổ không chuyên chế, dân chủ thật; văn hóa Tây phương là dân chủ giả, chuyên chế thật. Chỉ xem việc tổ tiên Trung Quốc ghi lại, sẽ thấy kẻ cầm đầu khổ biết bao, lại thành thật đến cùng. Trong lời vua có **"vạn phương hữu tội, tội tại trẫm cung"** (muôn phương có tội, tội ở mình ta): nghĩa là có ích là nhờ mọi người ra sức; có sai, là tội kẻ cầm đầu. Người cầm đầu thời cổ Trung Quốc khổ lắm; nên đời Nghiêu Thuấn, ai cũng không chịu ra làm vua: ai muốn vác gánh nặng ấy? Huống hồ lại là gánh khổ. Cho nên vua thượng cổ thành thật đến cùng, tự xưng "cô, quả, bất cốc", chẳng phải "lấy tiện làm gốc" đó sao! Vậy mình phải luôn tự nhắc, đừng quên gốc.

"Cố trí sổ dư vô dư" (Cho nên nhiều xe thì hóa như không xe): 輿 (dư) là xe thời cổ, hoặc kiệu có chỗ ngồi trên xe, tức xe kiệu. Lấy đời sống nay mà nói: người có quá nhiều, hóa như không có. Vì lúc ra khỏi cửa, dù có mấy tài xế, Lý nghĩ Giang chở ông, Giang nghĩ Vương chở ông, kết quả mấy tài xế đều chuồn. Chủ ra cửa, tài xế không một người. Lẽ "sổ dư vô dư" mở rộng ra: như nhiều người sinh cả đống con, cuối cùng mình già bệnh, con chẳng ai bên; nên bảo nhiều con tức không con. Cũng vậy, các vị thấy bậc trước lấy mấy bà vợ, lâm chung nằm viện, mấy bà chẳng ai bên; bà nào cũng nghĩ bà kia sẽ lo, nghĩ chồng yêu bà khác, mình khỏi phải lo. Kết quả không ai tới; ông ấy lúc chết, bên mình không một bà. Ấy là lẽ "sổ dư vô dư", "sổ thê vô thê" (nhiều vợ hóa không vợ).

Cho nên đời người **"bất dục lộc lộc như ngọc, lạc lạc như thạch"** (không muốn lấp lánh như ngọc, lăn lóc như đá). Ngọc là tinh hoa trong lòng đá; đục cả tảng đá lớn, may ra được viên ngọc bằng đầu ngón. Hóa ngọc rồi thì hết chỗ dùng; thà còn nguyên tảng đá ấy còn hơn. Cho nên đời hóa cao quý, cũng tức vô dụng. Thế giới người thú vị lắm: kim cương dùng vào việc gì? Có một việc: cắt kính được, còn lại chẳng mấy việc, không ăn không mặc. Thế mà kim cương đắt lắm! Ngọc ai cũng tranh mua, dùng được việc gì? Chẳng lấy xây nhà, chẳng lấy bắc cầu đắp đường. Cho nên đời người không rõ lẽ.

"Lộc lộc như ngọc": tả ngọc tròn mượt đẹp. "Lạc lạc như thạch": đá tốt chạm lên, đáng yêu lắm; dù đáng yêu, vừa cao quý vừa đắt, lại là đồ vô dụng, chẳng việc gì dùng. Đời người đừng hóa thành đồ vô dụng; về cái vốn nguyên thủy mới là thật. Những điều này nói chỗ dùng của Đạo.

Học thuyết Lão Tử, sau thành học của đế vương; thậm chí nhiều người đọc sách Đạo gia, chỗ được ích về làm người xử thế tu đạo, phần lớn đều ở nửa sau *Lão Tử*. Chỉ có điều, văn nửa sau ngược lại quá dễ rõ. Dù vậy, lúc nửa sau bàn chỗ dùng ở cõi có hình, mới nói ra nghĩa của "Đạo". Kết lại: hai thiên thượng hạ phải hợp lại mà nghiên cứu mới đúng.

Hạ Kinh · Chương 40

Phản giả đạo chi động;

Cái ngược là sự vận động của Đạo;

nhược giả đạo chi dụng.

cái yếu là chỗ dùng của Đạo.

Thiên hạ vạn vật sinh ư hữu, hữu sinh ư vô.

Vạn vật trong thiên hạ sinh từ có, có sinh từ không.

Cái ngược là động của Đạo; cái yếu là chỗ dùng của Đạo

Hai chương đầu Thượng kinh đã nói hai câu **"hữu vô tương sinh"** (có và không cùng sinh ra nhau), **"thử lưỡng giả đồng xuất nhi dị danh"** (hai điều này cùng xuất phát mà khác tên); người đời sau cứ chú lên đó mà giảng lẽ. Kỳ thực chỉ lấy đoạn này chú, chẳng đã rõ sao? Ấy gọi là lấy kinh chú kinh, không cần ta chồng thêm ý mình; bản thân nó đã chú rất rõ.

Đọc *Lão Tử* có một ích, nhất là người nay học Phật tu đạo dụng công: như câu **"phản giả đạo chi động"** (cái ngược là sự vận động của Đạo), rất then chốt. Vì ngồi thiền dụng công, có lúc càng ngồi càng tệ, nhiều người không muốn tu tiếp; nào ngờ sắp tiến thêm một bước thì ngược lại có trạng thái trái. Làm việc cũng vậy, buôn bán cũng vậy. Cho nên buôn bán hơi thất, phải chịu được, qua được, bước sau sẽ thành, sẽ lời. Ấy cũng là một mặt tương đối của lý trời đất: có đi thì có về, có động thì có tĩnh. Lẽ ấy phải tự thể hội nhiều mới thấm. Kẻ cầm đầu càng phải hiểu nguyên lý "phản giả đạo chi động": vốn chẳng sợ người khác ý trái; ý trái chính là "đạo chi động". Nói khác: có chống mới có gợi mới, mới có tiến.

"Nhược giả đạo chi dụng" (cái yếu là chỗ dùng của Đạo): nhiều người ngồi thiền dụng công, tới một giai đoạn, cứ thấy mình hết sức, rất sợ tẩu hỏa nhập ma. Nếu vậy thì đừng tu đạo nữa; vừa muốn trường sinh, vừa sợ chết sớm, không tin, không định như thế thì không tu được. Lão Tử nói: phải bậc đại trượng phu mới tu đạo được; đã là đại trượng phu, lại cần tu đạo làm gì? Ví câu "nhược giả đạo chi dụng": người tu đạo thật thành, xương cũng mềm; có lúc công phu tới, một tờ giấy cũng không cầm nổi, yếu đến thế. Không hiểu lẽ "yếu" của Lão Tử thì sợ hết hồn; người hiểu thì biết ấy là "nhược giả đạo chi dụng", chính dấu hiệu đang tiến. Tiến nữa còn mạnh hơn, sắp phát "dụng": lúc ấy dù nặng như Thái Sơn, một ngón tay cũng đẩy ngửa được. Cho nên mọi người dụng công phải chú: nguyên tắc này, nhất định phải nắm chắc.

Kết cuối bảo ta: **"thiên hạ vạn vật sinh ư hữu, hữu sinh ư vô"** (vạn vật trong thiên hạ sinh từ có, có sinh từ không). Người thường nhìn vạn vật thiên hạ, sinh sinh không dứt, đời này đời kia đều sinh từ "có"; "có" từ đâu mà có? "Có" sinh từ cái "không" ấy, từ "trống" mà ra; "trống" sinh được muôn có, cùng một lẽ với **"duyên khởi tính không"** (vạn pháp do duyên mà khởi, thể tánh là không) của nhà Phật.

Hạ Kinh · Chương 41

Thượng sĩ văn đạo, cần nhi hành chi;

Kẻ sĩ cao nghe Đạo, cần cù mà thực hành;

trung sĩ văn đạo, nhược tồn nhược vong;

kẻ sĩ trung nghe Đạo, nửa tin nửa ngờ;

hạ sĩ văn đạo, đại tiếu chi.

kẻ sĩ thấp nghe Đạo, cười to.

Bất tiếu, bất túc dĩ vi đạo.

Không bị cười thì không đủ để là Đạo.

Cố kiến ngôn hữu chi:

Cho nên lời xưa có nói:

Minh đạo nhược muội; tiến đạo nhược thối; di đạo nhược loại.

Đạo sáng tỏ như tối tăm; tiến theo Đạo như lùi; Đạo bằng phẳng như gồ ghề.

Thượng đức nhược cốc; đại bạch nhược nhục; quảng đức nhược bất túc.

Thượng Đức như thung lũng; trắng tinh như nhơ bẩn; đức rộng như không đủ.

Kiến đức nhược thâu; chất chân nhược du.

Dựng đức như gian xảo; chân chất như hư ngụy.

Đại phương vô ngung; đại khí vãn thành; đại âm hy thanh; đại tượng vô hình.

Vuông lớn không có góc; đồ dùng lớn thành muộn; âm lớn tiếng nhỏ; tượng lớn không có hình.

Đạo ẩn vô danh. Phù duy đạo, thiện đãi thả thành.

Đạo ẩn không có tên. Chỉ có Đạo mới khéo mượn mà thành.

Ba hạng người nghe Đạo

Chương này soi sáng lẫn nhau với "Đạo kinh" ở Thượng kinh, hai bên chú cho nhau.

"Thượng sĩ văn đạo, cần nhi hành chi" (kẻ sĩ cao nghe Đạo, cần cù mà thực hành): người thượng thiện, vừa nghe "Đạo" là biết tu đạo. Cũng như Thiền tông: Thích Ca Mâu Ni chỉ cầm hoa, không nói, tôn giả Đại Ca Diếp đã ngộ. Đó chính là "thượng sĩ văn đạo, cần nhi hành chi".

"Trung sĩ văn đạo, nhược tồn nhược vong" (kẻ sĩ trung nghe Đạo, nửa tin nửa ngờ): có người, nghe đâu đang bàn đạo, ai giảng cũng chạy đi nghe; bảo tu đạo thì lại muốn xong việc đã rồi mới tu. Việc vợ xong, việc con trai tới; việc con trai xong, con gái sinh cháu, lại việc cháu ngoại; thế là mãi không xong. Bảo không tu đạo thì chỗ nào tu cũng thấy người ấy; bảo tu đạo thì chỗ trống không có người ấy, chỗ có thì người ấy đều có mặt. Đó là "trung sĩ văn đạo, nhược tồn nhược vong": lúc không âm không dương, nửa như người tu, nửa như người nhập thế, nói không ra rốt cuộc là gì. Trên đời, hạng "trung sĩ" như thế rất nhiều.

"Hạ sĩ văn đạo, đại tiếu chi" (kẻ sĩ thấp nghe Đạo, cười to): có người nghe thiên hạ tụ một chỗ nghiên cứu đạo, nghe kinh, nghe giảng *Lão Tử*, cho là một đám thần kinh, ha hả cười rồi chạy. Lão Tử nói: **"bất tiếu, bất túc dĩ vi đạo"** (không bị cười thì không đủ để là Đạo). Người càng cười, "Đạo" của ta càng cao. Nghe như Lão Tử tự khoe; nhưng nói thật, thứ cao nhất trên đời rất khó nói cho rõ; thứ tục nhất, ngược lại ai cũng thích.

Tôi vẫn nói: chỉ cần nhìn tờ bạc, là hiểu đạo ở đời. Thứ bạc nào trên đời đang được dùng nhiều, thứ ấy vừa bẩn vừa hôi; gần rách rồi, vẫn suốt ngày được dùng. Lấy bạc ấy mua rau, người bán nhận xong lại vội tiêu đi, vì nó bẩn hôi. Tờ bạc mới thì gói kỹ cất, tiếc không nỡ tiêu. Cho nên muốn nên danh, hãy mau học làm tờ bạc bẩn ấy: cả người đều bẩn, như tờ bạc bay đầy chợ. Nếu mình sạch quá, ắt bị người ta gói lại, bỏ ngăn kéo không dùng, rồi khóa vào tủ sắt. Ai ngộ được lẽ ấy, đường trước rộng không cùng. Lão Tử nói cũng chính lẽ ấy.

Dưới đây bắt đầu từ bàn lẽ thuận nghịch, nói chỗ dùng của Đạo. Gọi là bàn lẽ thuận nghịch, nhìn qua là thuận nghịch đối nhau, cũng tức âm dương đối nhau; kỳ thực bốn hiện tượng: mặt thuận, mặt nghịch, mặt nghịch của thuận, mặt thuận của nghịch. Chỗ ấy mỗi người tự thể hội.

Bóng tối trước rạng đông

Ông nói tiếp: **"cố kiến ngôn hữu chi, minh đạo nhược muội"** (cho nên lời xưa có nói: Đạo sáng tỏ như tối tăm). Chữ từng câu Lão Tử đều rất rõ; xét kỹ lẽ thì rất sâu. "Kiến ngôn" là gì? Nói theo ý nay, là châm ngôn. Lão Tử bảo văn hóa tổ tiên ta có châm ngôn; châm ngôn nói thế nào? Không biết mấy nghìn vạn năm trước, tổ tiên đã nói "minh đạo nhược muội": đại đạo thật, đại đạo sáng, lại không thấy được. Đừng tưởng ban ngày mới gọi là sáng; sáng thật giống đêm. Cho nên nay ngoài không gian phát hiện lỗ đen. Lỗ đen vũ trụ, nay vẫn chưa rõ là chuyện gì: hết thảy ánh sáng vũ trụ, vào lỗ đen là tối; trong ấy là gì, không biết. Nhà khoa học nay nghi: cả vũ trụ có phải từ lỗ đen phóng ra không? Người phương Tây nay mới phát hiện; tổ tiên ta, tức Đạo gia thượng cổ, đã biết từ lâu. *Đạo Tạng* nói "minh đạo nhược muội": trong đại quang minh vốn như tối; tối là gốc của đại quang minh thật.

"Minh đạo nhược muội, tiến đạo nhược thối" (Đạo sáng tỏ như tối tăm; tiến theo Đạo như lùi): cách viết văn Lão Tử là văn hóa nước Sở, nay gọi văn hóa phương Nam, đều có vần, câu nào cũng văn vần, nghe rất êm. "Minh đạo", đạo đại minh thật "nhược muội"; "muội" không phải tối hẳn, là hơi mờ, hơi chưa sáng, tức câu tục nay: "trước khi trời sáng, có một đoạn tối." Đoạn tối ấy, tên chuyên môn văn chương gọi "muội sảng", là lúc sắp sáng mà chưa sáng, cũng tức rạng đông nay thường nói. Cái "muội" ấy là hiện tượng vật lý tự nhiên, cũng nói chỗ dùng của Đạo.

Lẽ "minh đạo nhược muội" kéo sang làm người xử việc: việc trước khi thành, thường có một đoạn rất khổ. Trong nghiên cứu khoa học, muốn phát minh một thứ, nghiên cứu đến cuối tưởng tuyệt vọng; lúc mình sắp bỏ, bỗng một tia linh quang tới, phát minh thành. Đó là "minh đạo nhược muội". Người ngồi thiền tu đạo, có khi tu mấy chục năm, không một bóng, không tiến tý nào. Nhưng trong lúc không tiến, tuyệt đối đừng bỏ! Câu này có thể lấy làm lời tự an: có lẽ sắp ngộ đạo, vì "minh đạo nhược muội", mình càng ngày càng vụng. Nghe như đùa, nhưng đúng có một quá trình hiện tượng như thế.

"Tiến đạo nhược thối" (tiến theo Đạo như lùi): học thứ gì, làm việc gì, tiến đến một mức, thành quả sắp hiện, mình ngược lại thấy đang lùi. Ví viết chữ bút lông: ba ngày đầu, càng nhìn càng có vị, càng viết càng đẹp, tự khen mình sắp thành nhà thư pháp. Sang ngày thứ tư càng viết càng xấu; ngày năm sáu chính mình không muốn luyện nữa, càng nhìn càng chẳng ra gì. Lúc ấy, nhất định đừng bỏ; chữ viết dù càng nhìn càng xấu, ấy chính là quá trình đang tiến trên đường thư pháp.

Học quyền cũng vậy, Thái Cực quyền hay Thiếu Lâm quyền: học nửa tháng đã muốn đánh người, thấy võ mình thiên hạ đệ nhất, như thể bay trên mái, đi trên tường được rồi. Ba tháng sau lần lần lười; nửa năm sau, cái đã học mất sạch. Cho nên trước khi tiến đã có hiện tượng ấy; tình người, lẽ vật đều vậy. Người xưa chỉ lấy kinh nghiệm cõi người và trạng thái vật lý mà nói cho rõ thôi.

"Di đạo nhược loại" (Đạo bằng phẳng như gồ ghề): "di" là đường phẳng; ví ta mở một đường mới, như làm đường xuyên đảo, trước khi mở có đủ thứ khó. **"Loại"** (纇) là chất đống lên, không cách nào khai; đến khi mở xong, mới thành đại lộ phẳng. Nói khác: trước khi đường phẳng hoàn thành, ta sẽ thấy công trình rất khó.

Những câu Lão Tử dẫn trên, đều là văn hóa thượng cổ Trung Quốc; Lão Tử gọi là "kiến ngôn", dẫn châm ngôn xưa, để nói sang mặt tu dưỡng đức hạnh của người.

Người tu dưỡng thật

"Thượng đức nhược cốc" (Thượng Đức như thung lũng): người tu dưỡng thật, chỗ gọi là đạo đức đã nên, ngược lại rất giống rỗng không, chẳng có gì; tức câu tục ta: "bình đầy không kêu, bình nửa kêu leng keng". Người học vấn thật đầy, ngược lại thấy mình như chẳng ra gì. Cho nên kẻ có đạo đức thật, không khoe mình có đạo đức, cũng không khoe mình có công phu. Đó là lẽ "thượng đức nhược cốc". Người thật đến chỗ lòng rỗng như thung lũng, mới gom được muôn vẻ. Lẽ học vấn, tu dưỡng nhân phẩm, cùng một nguyên tắc.

"Đại bạch nhược nhục" (trắng tinh như nhơ bẩn): "bạch" nghĩa là sáng tỏ. Ta đọc sử, thường thấy người cả đời chịu oan, thậm chí mang oan vào quan tài, lúc sống không rửa được cho sạch. Thế còn chưa đáng thương; đáng thương hơn, không ít nhân vật trong sử, oan cả đời để lại nghìn thu, mãi là một mối oan. Nhưng kẻ có đạo nhìn, cũng chẳng lấy làm oan; vì "đại bạch nhược nhục", sáng tỏ với oan ức gần như nhau, không có gì ghê gớm. Ví Nhạc Phi đời Tống, ai cũng biết, nay ta biết là trung thần; nhưng lúc án oan ấy xảy ra, ông vẫn bị xử tử. Lúc ấy ông mang oan không rửa được; thế mà nghìn thu sau, chẳng những thành người trong sạch, còn thành một vị thần: đó là "đại bạch nhược nhục". Thơ Bạch Cư Dị nói:

Chu Công khủng cụ lưu ngôn nhật, Vương Mãng khiêm cung hạ sĩ thì.
Ngày Chu Công sợ lời đồn; lúc Vương Mãng khiêm cung hạ mình với kẻ sĩ.

Nhược sử đương thì thân tiện tử, nhất sinh chân ngụy hữu thùy tri.
Nếu lúc ấy thân đã chết, một đời thật giả ai biết được.

Sử ta có chuyện Chu Công phụ tá Thành vương. Chu Vũ vương mất, con là Thành vương mới mười hai tuổi đã lên ngôi, toàn nhờ chú là Chu Công phụ tá. Thành vương còn trẻ, nhiều chỗ chưa hiểu việc; chú bèn giam lỏng. Chu Công làm tể tướng phụ chính, quyền rất lớn; trong nhà là chú vua, nhưng về ngôi thứ triều chính, ông là bề tôi, tể tướng của đứa cháu đang làm vua. Nay ông giam lỏng vua, để vua nhỏ đi học, khiến thiên hạ xôn xao, cho rằng Chu Công toan tự lấy ngôi, nên nhốt cháu. Cuối cùng chứng không phải vậy: dạy Thành vương nên rồi, ông vẫn trả quyền lại cho Thành vương.

Nên Bạch Cư Dị nói **"Chu Công khủng cụ lưu ngôn nhật"** (ngày Chu Công sợ lời đồn): lúc bị mọi người hiểu lầm, cùng lúc Vương Mãng đời Hán trước khi cướp ngôi "hạ mình với kẻ sĩ", đều không nhìn ra ý thật trong lòng họ. **"Nhược sử đương thì thân tiện tử"** (nếu lúc ấy thân đã chết): giả sử hai người ấy chết lúc đó, **"nhất sinh chân ngụy hữu thùy tri"** (một đời thật giả ai biết được): đời họ là người tốt thật hay tốt giả, ai biết?

Trung Quốc có câu nói nổi tiếng, bảo đời người khó mà bình phẩm: "đậy nắp quan tài mới luận định", nắp quan tài đậy lại, người ấy tốt hay xấu mới kết được. Nhưng tôi thêm mấy chục năm đọc sách và làm người, không tin lắm những lời ấy; có lúc đậy nắp rồi vẫn chưa luận định được. Vì kết một người rất khó; nhất là đọc sử nhiều, càng thấy giữa yêu ghét đúng sai, rất khó kết. Cho nên Lão Tử bảo ta "đại bạch nhược nhục": thanh niên hiểu lẽ ấy, muốn làm nên việc, phải chịu được. Nhà Phật có tên gọi **"nhẫn nhục"** (chịu nhục); người chịu được mới xong. Vì muốn làm một việc thật có ích cho nước cho đời, suốt quãng ấy bị hiểu lầm, cùng lời xấu mọi phía, thứ khó nghe nhất, đau nhất, đều phải chịu nổi; chịu không nổi cái nhục ấy, đừng mong thành.

"Quảng đức nhược bất túc" (đức rộng như không đủ) cùng lẽ với "thượng đức nhược cốc": "thượng Đức" là chỗ thăng cao xa, "quảng đức" là rộng lớn; đức tốt của một người thì rộng, soi khắp muôn phương. Nói theo nhà Phật, ấy là vô lượng vô biên (không bờ không bến). Người thật có đức dày như thế, ngược lại thấy mình chưa đủ rộng; nên kẻ tu dưỡng đạo đức thật, chính là tấm lòng ấy.

"Kiến đức nhược thâu" (dựng đức như gian xảo): chữ 偷 (thâu) đây không phải làm kẻ trộm, nghĩa là gian xảo. Khi thật dựng nên một nghiệp đức, cũng như ví viết chữ bút lông vừa rồi: vừa viết đến lúc tiến, ngược lại thấy lùi. Có lúc người ngoài nhìn, như đang bớt xén; vì người ta phần lớn nhìn thành quả, trước khi thành quả hiện, dường như bớt xén, dùng mánh.

"Chất chân nhược du" (chân chất như hư ngụy): một vật vốn chất tốt, không vết, nhìn qua như đã biến chất, như đồ giả. Cho nên đồ vật trên đời, tốt với không tốt rất khó phân; thứ thật tốt, ta thường coi là giả. Kỳ thực đồ người dùng phần lớn là đồ giả, lại coi đồ giả rất quý. Lẽ nhà Phật gọi đó là **"chúng sinh điên đảo"** (chúng sinh ngược ngạo); chúng sinh vốn điên đảo như thế. Làm người làm việc cũng vậy: người thành thật với người, thường bị nghi, "gã này toan tính gì? Chẳng lẽ? Ý gì vậy…" Đó là hiện tượng tình người.

Của lớn chậm thành; thuở nhỏ đã lanh

"Đại phương vô ngung" (vuông lớn không có góc): "đại phương" là gì? Trái đất này, bốn phương đông tây nam bắc, các vị xem lớn không? Thế chưa lớn, không sánh được hư không. Vậy hư không có đông tây nam bắc không? Hư không vốn không đông tây nam bắc; gọi đông tây nam bắc là người đặt, người tự giả định. "Đại phương vô ngung": hư không cũng không góc cạnh, cũng không chỗ ngoặt; mặt nào cũng là hư không, dĩ nhiên không đông tây nam bắc.

"Đại khí vãn thành" (đồ dùng lớn thành muộn): câu này học trò trẻ có thể lấy mà tự an. Người học không vào, việc làm không thành, tự nhận là "đại khí vãn thành", tự nhận mai sau ắt thành. Kỳ thực câu "đại khí vãn thành" lấy vật lý mà nói đời người: một công trình lớn, không dựng nhanh được thế. Nay ta thích lấy câu Tây làm ví: "La Mã không dựng trong một ngày." Kỳ thực Vạn Lý Trường Thành cũng không dựng trong một ngày; sử loài người càng không cấu thành trong một ngày. Giáo dục xưa thường dẫn câu ấy; nhưng giáo dục gia đình nay phải chú, vì trẻ nay quá thông minh, thật phải thán phục. Mấy chục năm trước, lúc ta còn nhỏ, vụng lắm, chẳng thấy gì, đất sét là đồ chơi hạng nhất. Mấy chục năm sau, nay nhiều đồ chơi đến thế, lúc nhỏ mơ cũng không tưởng; nên trẻ con đều hóa đặc biệt thông minh.

Nhưng tôi thấy câu người xưa khác, dường cũng có lẽ: **"tiểu thì liễu liễu, đại vị tất giai"** (thuở nhỏ đã lanh, lớn chưa chắc hay). Nhiều trẻ nhìn rất thông minh, đến lúc học đại học thì kém. Lúc tôi dạy đại học, dạy đến chính tôi cũng chán, vì thấy học trò vụng hơn tôi. Hỏi ra, những trò ấy thời thơ ấu đều thông minh tuyệt đỉnh, lớn lên lại có vấn đề, thật điên đảo. Cho nên nay tôi thấy: "của lớn" chưa chắc "chậm thành"; trên đường giáo dục ắt phải đúng đắn mới được.

Tôi vẫn bảo bạn bè: con các vị thông minh quá, giáo dục phải thận. Nay nhiều cha mẹ trong nhà, thấy con thông minh thì mừng lắm, ra sức bồi dưỡng. Kỳ thực dạy con như trồng một cây hoa tốt: cây hoa tốt, phân quá nhiều, tưới quá siêng, ngược lại hại cây. Lẽ giáo dục cũng như dùng binh: **"trí chi tử địa nhi hậu sinh"** (đặt vào chỗ chết rồi mới sống); phải qua gian khổ, nó mới đứng được. Lớn trong môi trường tốt, điểm trên phiếu rất đẹp, nhưng với sự nghiệp mai sau bằng không. Thông minh thuở nhỏ và phiếu điểm, không có nghĩa là làm được việc, dựng được nghiệp. Cho nên nhất định phải chú: của lớn cố nhiên chậm thành, rốt cuộc thành cái gì, nhìn giáo dục lúc nhỏ.

Âm thanh, hình tượng, thấy Đạo

"Đại âm hy thanh" (âm lớn tiếng nhỏ): tiếng lớn nhất ngược lại không nghe được; loài người với tiếng cực lớn thì không nghe, ngược lại nhiều côn trùng nhỏ nghe được tiếng lớn. Kiến nghe hơn ta; nó nghe được, ta không nghe. Ví khoa học đều biết: hệ Ngân Hà ngày đêm đều có tiếng, tiếng lớn vô cùng; trừ khi qua máy khoa học, không thì tai ta chịu không nổi. Điều người nghe không phải đại âm thật; như vũ trụ có âm thanh tự nhiên, rất lớn, lớn đến ta lại không nghe, nên thấy vũ trụ rất tĩnh. Nhất là lên đỉnh núi cao, cảm giác không một tiếng, rất tĩnh. Ai nghe được đại âm? Chỉ người nhập định nghe được; điều ấy máy khoa học đo được.

"Đại tượng vô hình" (tượng lớn không có hình): hiện tượng lớn thì không hình tượng. Ví nhà Phật nói pháp thân: người thành Phật có một thân khác, mãi không sinh không chết, gọi là pháp thân; pháp thân không tướng không hình. Lại ví hư không: người thường tuyệt đối không chịu nhận có hư không, nhưng hư không ắt có; chỉ là hư không không hình, cái mắt ta thấy gọi hư không không phải hư không, mà là bầu trời, chỉ là khoảng không thôi. Nói chặt, hư không không tướng không hình. Những lời ấy tạm để đây, vì chữ rất dễ hiểu; nếu đào sâu, muốn đến chỗ cùng, lại có thể viết thành luận văn triết. Bài luận học thuật kiểu ấy, nội dung rất nhiều, mặt thuận mặt nghịch nó đều nói, vì thuận nghịch đều là chỗ dùng của Đạo, mà thể Đạo thì không thấy.

Đạo đã phát dụng, có tốt ắt có xấu, có thiện ắt có ác, có phải ắt có trái, có nhẹ ắt có nặng, có trắng ắt có đen, có thuận ắt có nghịch. Ta phải chú lẽ ấy, hiểu đời người không phải tình cờ; muốn sự muốn vật ắt sẽ đổi đi. Khi các vị đặt mặt thuận xuống, sức mặt nghịch cũng đặt theo mặt thuận ấy. Cho nên người đến lúc thành, phải biết thành hôm nay chính là đầu của bại. Nếu muốn mãi không bại, thì đừng lấy thành hôm nay làm thành. Phải không có hôm nay, chỉ có ngày mai, mãi chỉ có ngày mai, mãi chỉ đi tới; như thế, hoặc còn chút hy vọng. Cho nên đừng lấy thành làm thật; mượn một câu kiểu Lão Tử **"đại thành vô công"** (thành lớn thì không thấy công): muốn thành lớn, phải làm đến chỗ không thấy công hiệu mới đúng.

Cuối cùng, ông kết chương này: **"đạo ẩn vô danh, phù duy đạo, thiện đãi thả thành"** (Đạo ẩn không có tên. Chỉ có Đạo mới khéo mượn mà thành). Công năng của Đạo không thấy; muốn hiểu thế nào? Phải từ hết thảy chỗ dùng ở cõi người mà thể hội cái "thể" ấy, từ hiện tượng mà thể hội cái "thể" ấy. Cho nên thể Đạo là ẩn, là "vô danh", không có danh tướng để thấy. Vì thế gọi nó là Đạo cũng được, gọi là Phật cũng được, gọi "ha bất long đông" hay gì khác cũng được, vì bản thân nó không tên, không tướng, không hình, không thể.

Muốn hiểu "Đạo", phải thấy thế nào? "Phù duy đạo, thiện đãi thả thành". Hai chữ cổ văn "phù duy", nói nay là "thế thì cái này". "Thiện đãi" là khéo mượn một thứ, nương một thứ để bày ra. Nói khác: xuyên qua chỗ dùng của nó, xuyên qua hiện tượng, mới thấy được cái "thể" ấy. "Thả thành": tạm, đại khái, có thể thấy được thành hiệu của nó. Cho nên muốn tu đạo, trước phải hiểu "Đạo" ấy: chỉ trên dụng và tướng mà thấy "thể"; chỉ đi tìm "thể Đạo" thì không thấy, vì "thể" bày ra xuyên qua tướng và dụng.

Từ kết chương này biết: "thượng sĩ văn đạo, cần nhi hành chi; trung sĩ văn đạo, nhược tồn nhược vong". Ta đã muốn học Lão Tử, ắt muốn làm thượng sĩ; thượng sĩ làm thế nào? Trước phải hiểu hết những câu giữa: "minh đạo nhược muội, tiến đạo nhược thối, di đạo nhược loại… đại âm hy thanh, đại tượng vô hình"; các nguyên tắc ấy đều hiểu rồi, trên đường làm người làm việc mà thể hội, trong đời rất bình thường, mới thể hội "Đạo" siêu hình không biết không thấy; thế là tu thành. Nếu không trên hành vi hiện tượng mà tu, mà thể hội, muốn hiểu thẳng "Đạo" siêu hình, thì làm không được, cũng không thể. Cho nên Đạo gia, Phật gia hay nhà nào, đều không có cách khác: chỉ xuyên qua "thiện đãi", mượn sự tu nơi hành vi hiện tượng, mới tới "Đạo" siêu hình. "Đạo" là lẽ ấy.

Hạ Kinh · Chương 42

Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật.

Đạo sinh Một, Một sinh Hai, Hai sinh Ba, Ba sinh vạn vật.

Vạn vật phụ âm nhi bão dương, xung khí dĩ vi hòa.

Vạn vật cõng âm mà ôm dương, khí trung hòa để đạt được sự hòa hợp.

Nhân chi sở ố, duy cô quả bất cốc, nhi vương công dĩ vi xưng.

Điều người ta ghét, chính là cô, quả, bất cốc, mà vương công lấy làm danh xưng.

Cố vật hoặc tổn chi nhi ích, hoặc ích chi nhi tổn.

Cho nên vật có khi tổn hại lại được ích, có khi được ích lại bị tổn hại.

Nhân chi sở giáo, ngã diệc giáo chi.

Điều người ta dạy, ta cũng dạy điều đó.

Cường lương giả bất đắc kỳ tử.

Kẻ mạnh bạo hung tàn không có được cái chết tự nhiên (chết tốt).

Ngô tương dĩ vi giáo phụ.

Ta lấy điều này làm đầu bài dạy học.

Bí ẩn của một, hai, ba

Đây là triết học về số. Gốc số là ba: một, hai, ba; nhìn sinh lý người cũng thấy. Trước kia ở đại học dạy triết Lão Trang, từng nói một câu đùa: "đạo sinh nhất", cha mẹ sinh ra các vị một; "nhất sinh nhị", các vị lấy vợ, hoặc gả chồng, một hóa hai; hai người lại sinh một con, "nhị sinh tam", hai hóa ba. Đó là "đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật". Có khi các vị còn sinh năm sáu đứa! Nhưng gốc vẫn là ba. Kỳ thực cũng không hẳn chỉ đùa: trên đã nói, "Đạo" tức "Một", từ một đến ba, rồi bát quái, ngũ hành, mười thiên can, mười hai địa chi, đều từ "Đạo tức Một" ấy mà nảy ra, sinh vạn vật.

Nếu nghiên cứu sinh lý hay y học, tế bào trên người, một chia thành hai rồi chia thành bốn, cứ thế mà chia. Một tế bào, cho đến sự sống của tinh trùng tạo thân người, một có thể hóa thành mấy ức.

Nhưng bản thân "Đạo" chính là "Một", "Một" chính là "Đạo", nên không được biến thành "đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam", kết quả hóa bốn "Đạo", thế thì sai. "Đạo sinh nhất" là hóa thành hai; "nhất sinh nhị", "nhị sinh tam", mãi đến tám, nên quẻ *Kinh Dịch* thành tám quẻ. Cứ thế mà ráp; muốn ráp thế nào cũng được, cũng có thể ráp thành ngũ hành, "năm" cũng là sự phối trong tư tưởng ấy, không cứng. Lão Tử nói không sai tý nào: thể Đạo vũ trụ chỉ có một.

Vừa nêu "Một", bản thân đã là hai, tức hai mặt thuận nghịch. Tên gọi hai mặt thuận nghịch là âm dương; âm dương vốn đang đổi, âm có dương, dương có âm, nên hóa thành ba. Không phải đến ba là dừng; "tam sinh vạn vật", trời đất vạn vật đều đi từng bộ ba, không thêm được nữa, thêm nữa thì nhiều quá. Ba là bậc số dương, nên quẻ tiên thiên của Phục Hy trong *Kinh Dịch* chỉ vẽ ba hào, ba bậc; sáu mươi bốn quẻ hậu thiên hóa sáu hào, sáu là chỗ dùng. Tiên thiên nói sự sinh thành, chỉ ba bậc. Đó là thứ tự số lý, đây không nghiên cứu thêm, vì dính những thứ ngoài *Lão Tử* quá nhiều.

Sự đổi của vạn vật có ba; người thường hay nói điều ấy giống biện chứng pháp, cũng tức nguyên lý này sinh ra chính, phản, hợp của biện chứng, từ đó sinh sinh không dứt.

Âm dương trong mình phải điều hòa

Sự sống của vạn vật: **"phụ âm nhi bão dương, xung khí dĩ vi hòa"** (cõng âm mà ôm dương, khí trung hòa để đạt được sự hòa hợp). "Phụ" là cõng trên lưng, "bão" là ôm trước ngực. Một vật đều chia hai sức âm dương; người, tế bào, thú, cây, khoáng, thứ gì giữa trời đất, đều hai sức âm dương, "phụ âm nhi bão dương". "Đạo sinh nhất", nó lại chia chỗ dùng của hai sức âm dương. "Nhất sinh nhị", còn một thứ nữa: chỉ hai sức âm dương, không có một sức giữa mà điều thì không xong; sức điều ấy gọi "xung khí". Xung cũng tức chỗ gọi là trung hòa, cũng tức "xung khí"; Lão Tử dùng "xung khí" mà nói. Cho nên Mật tông, Đạo gia nói người tu trì, dụng công đến mạch giữa, cũng gọi "mạch Xung".

"Xung khí dĩ vi hòa" chính là có một chỗ dùng điều hòa âm dương; công năng sự sống là hiện tượng ấy. Nhiều người học Phật tu đạo, ngồi thiền dụng công, hiểu lẽ ấy thì tự rõ, không cần hỏi ai. Lúc mình dụng công, hai hôm này rất thanh tịnh, hai hôm sau lại không thanh tịnh, có khi còn bực hơn; nhưng bực qua, dụng công thêm một quãng, lại rất thanh tịnh: ấy là xoay vòng tuần hoàn ở đó. Hiện tượng xoay ấy, nhà Phật gọi luân hồi, cũng tức xoay vòng như thế. Người tu muốn nắm được: không tán loạn, không hôn trầm, không khổ, cũng không vui, phải biết thế nào là "xung khí dĩ vi hòa", làm sao đến được trung hòa. Cho nên cái huyền diệu của sự sống, phép tu trì, cũng ở chỗ này; chỉnh tâm, dụng công đã vào đường, cũng ở chỗ này. Đó là then chốt rất huyền diệu. Phép tắc vũ trụ ở đây; thông lẽ ấy, chỗ gọi học Phật tu đạo, cùng việc đời, đều nắm được trong tay.

Chẳng những "vạn vật phụ âm nhi bão dương", bất kỳ ai, bản thân đã có âm dương. Theo chuẩn Đạo gia, lấy dương để gọi nam; kỳ thực cả người nam đều là âm, âm đến cực, chỉ còn một chút dương. Ký hiệu chỉ nữ là âm, bề ngoài như âm, nhưng trong nữ có một chút dương, ấy mới là dương thật. Nam là dương giả, giữa có âm đến cùng.

Nói ra thì nam nữ bản thân đều có âm dương; sự sống mỗi người đều "phụ âm nhi bão dương". Tự thể hội được công năng sự sống ấy, thì tự nắm được: mãi không già, mãi không chết. Về lý, điều ấy rất đúng. Nhưng mấy nghìn năm, rốt cuộc ai thí nghiệm thành, ta không biết; có lẽ có người làm được, nhưng người ấy không đến thăm ta, đã chạy sang một cõi khác. Đoạn này của Lão Tử, về lý tuyệt đối có thể; lại là khoa học vật lý tự nhiên của sự sống, chẳng có gì lạ, cũng chẳng thần bí; vấn đề là làm sao nắm được xung khí phát động, điều hòa âm dương cho ổn.

Đến bậc không âm không dương, thì nghiêm trọng. Với người thường mà nói, nếu kẻ tu thành được "Đạo", "thoát xuất tam giới ngoại, bất tại ngũ hành trung" (nhảy ra ngoài ba cõi, không ở trong ngũ hành), ấy là Khổng Tử nói trong *Kinh Dịch · Hệ từ*: **"âm dương bất trắc chi vị thần"** (cái âm dương không lường được gọi là thần); người ấy đã tới cảnh thần hóa. Đó là cách Lão Tử giảng kinh: vừa lộ một chút mầm, dưới lại nói sang mặt khác.

Vừa rồi Lão Tử bảo ta một nguyên tắc, phải nắm "đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật", nên sinh sinh không dứt. Nhưng nếu không đến được sự hòa của hai khí âm dương, thì không sinh sinh không dứt được. Bản thân vạn vật đã có âm dương, không cần cầu ra ngoài; chỉ nắm "xung khí dĩ vi hòa", là nắm sự sống mình trong tay mình.

Yêu ghét và thêm bớt

Tiếp theo ông đổi hướng: **"nhân chi sở ố, duy cô quả bất cốc"** (điều người ta ghét, chính là cô, quả, bất cốc). Người thường ghét nhất điều gì? Chính là cuối cùng chỉ còn một mình, thành cô quả. Con, vợ, cho đến chồng, đều không còn; cha mẹ cũng không còn; người thân đều hết. Ai muốn thành cô quả? "Cô quả" còn đỡ; "bất cốc" còn ghét

hơn: tức không ăn cơm người. "Bất cốc" có hai thứ: một là chết rồi mới không ăn cơm người; hai là trừ khi thần tiên, không ăn khói lửa trần gian, hoặc tu tiên tu đến chỗ ngừng cơm, bỏ ngũ cốc, lúa gạo đều không cần nữa. Nếu bắt ăn, khác nào cho thuốc độc, là hại người ấy. Cho nên "bất cốc" có cả tốt lẫn xấu.

Chuyện đời ghét nhất là "cô quả bất cốc", ấy là chuyện hèn nhất. Nhưng văn hóa truyền thống Trung Quốc, ông vua bậc nhất thiên hạ, lại tự xưng "quả nhân", "cô gia", tự xưng "bất cốc". Đế vương thượng cổ, sao lấy tên hèn nhất cõi người mà gọi mình? **"Nhi vương công dĩ vi xưng"** (mà vương công lấy làm danh xưng): lẽ gì? Đó là vấn đề triết học. Ví thói quê Trung Quốc xưa: nhà không con, một khi sinh được một đứa, coi như của quý, nhưng phải đặt cho nó một tên hèn nhất, kiểu "Mèo", "Cún". Không thì bế lên chùa, cho sư, ni nhận làm con nuôi, đứa trẻ mới nuôi lớn được. Từ phong tục ấy, ta thấy một lẽ triết: thứ cao minh nhất trên đời, chính là thứ bình đạm nhất; thứ bình đạm nhất, cũng chính là thứ cao minh nhất. Đó chẳng những là lẽ triết học, còn bảo ta một lẽ vật lý.

"Cố vật hoặc tổn chi nhi ích, hoặc ích chi nhi tổn" (cho nên vật có khi tổn hại lại được ích, có khi được ích lại bị tổn hại). Trước nói lẽ vật lý ấy, lấy một cây làm ví: tỉa, cưa cây ấy, cây mới lớn thành một dạng mới; nên "tổn chi" là làm ích cho nó, khiến nó nên đồ. Ta thường nghe lời dạy con: "nuông nó là hại nó"; dạy con nghiêm, trước cho con chịu một chút khổ, mai sau nó sẽ cảm, thấy bố là bố tốt, mẹ là mẹ tốt. Không thì con lớn sẽ oán; đó là lẽ "vật hoặc tổn chi nhi ích". Lại như người bệnh, thầy thuốc bảo phải mổ, không được bảo thầy thuốc độc ác; kết cục ông mổ trên người mình, mình chẳng những không kiện, còn phải cảm ơn: đó là "tổn chi nhi ích".

"Ích chi nhi tổn": lẽ ngược lại, người càng cầu cho tốt, ngược lại việc nào cũng không tốt; muốn làm người mặt nào cũng tốt, hoàn toàn sai. Đời không ai mặt nào cũng tốt; càng muốn mặt nào cũng tốt, kết quả mặt nào cũng hỏng. Xử một việc, thường lo được mặt này, không lo được mặt kia; nó đối đãi, có nhân quả, nên là "ích chi nhi tổn, tổn chi nhi ích". Cũng tức "đại bạch nhược nhục" đã nói trên: chỉ lo được một, không lo được hai; kẻ muốn một lúc mặt nào cũng chu toàn, kết quả mặt nào cũng đắc tội.

Trên Lão Tử nói "xung khí dĩ vi hòa": Lão Tử nói thật với ta. Nguyên tắc, phương pháp của ông, nằm trong nguyên lý ấy. Cho nên dụng công cũng vậy, tu đạo cũng vậy: có lúc nhìn như lùi, "tiến đạo nhược thối", kỳ thực thường là "tổn chi nhi ích". Có lúc phá một chút, nhưng qua chỗ phá ấy, bước sau lớn nhanh hơn, lại tiến thêm một bước. Ngược lại, ngày ngày cầu tiến, ngày ngày thêm, kết quả "ích chi nhi tổn", ngược lại không thành. Cũng như nay có người, nhất là bạn Mỹ, thích ăn thuốc bổ, đủ thứ vitamin ăn quá nhiều; bổ nhiều, bệnh tới càng nhiều càng nhanh: đó là lẽ "ích chi nhi tổn".

Trồng hoa cỏ cũng vậy: cây cỏ lớn đến một mức rậm, phải tỉa cành bớt lá, mai hoa mới đẹp hơn, quả mới to hơn: cũng là "tổn chi nhi ích". Nếu không tỉa, ra sức thêm phân, kết quả chẳng những không ra hoa đẹp, không kết quả tốt, ngược lại vì phân quá nhiều, cả cây bị phân đốt chết: đó là "ích chi nhi tổn". Cho nên phải "xung khí dĩ vi hòa", khiến âm dương điều hòa, thêm bớt vừa phải, mới thật tươi tốt.

"Nhân chi sở giáo, ngã diệc giáo chi" (điều người ta dạy, ta cũng dạy điều đó): Lão Tử nói, loài người noi theo gì? Noi theo trời đất, cũng hiểu lẽ vật lý tự nhiên. "Vật hoặc tổn chi nhi ích": ví mùa thu, vạn vật tàn, chỉ còn một chút hạt; giữ hạt ấy, còn lấy tro đất vùi; lúc ấy hạt như chẳng có chỗ dùng, đến xuân gieo xuống đất, nó tự lớn lại: đó là lẽ thêm bớt. Cho nên loài người phải noi phép tắc trời đất vật lý, nắm sự sống mình, nuôi sự sống mình, không già, phải còn lâu, và không theo hiện tượng mà đổi. Nắm được điều ấy, chính là noi lẽ trời đất tự nhiên.

Quá cứng thì dễ gãy

Vì thế ông lại nói rõ một câu: **"cường lương giả bất đắc kỳ tử"** (kẻ mạnh bạo hung tàn không có được cái chết tự nhiên (chết tốt)). Một vật không được mạnh quá; mạnh quá thì không chết lành. Hoa quả cũng vậy, rau cũng vậy, cho đến gà, lợn gia cầm gia súc, gượng tiêm, thêm cám, mong nuôi đến mức tốt nhất, kết quả ngược lại khiến nó chết sớm. Cho nên đạo dưỡng sinh người Trung Quốc xưa bảo: biết người không nên cầu không bệnh; kẻ một tí đau cũng không có, có lúc chết rất nhanh. Vì người ấy tự không biết bệnh đáng sợ, chết đáng sợ, thường ngày không biết giữ gìn, nên một cái là ngã. Ta xem truyện thần tiên, có thể nghiên cứu người Đạo gia; xem truyện cao tăng, có thể nghiên cứu người Phật gia: mười phần hết bảy tám đều tuổi cao, thân yếu, nhiều bệnh. Mang bệnh có thể kéo tuổi, vì thân yếu nên thường chú giữ gìn. Họ cũng nhát, cũng nghiên cứu y, sau thành thầy thuốc lớn, chẳng những sống lâu, còn chữa được người. Thanh niên thân mạnh, mong họ nghiên cứu, coi trọng dưỡng sinh, y thuật, họ tuyệt đối không làm, kết quả "cường lương giả bất đắc kỳ tử".

Thế là **"ngô tương dĩ vi giáo phụ"** (ta lấy điều này làm đầu bài dạy học). Hiểu lẽ đời người, ấy là giáo dục tốt nhất, cũng tức nguyên tắc cao nhất ta phải noi. Nguyên tắc cao nhất là "tổn chi nhi ích, ích chi nhi tổn"; dùng vào lẽ đời người, thì là họa phúc nương nhau. Lúc thấy rất rủi, há chẳng phải ngựa ông già biên ải mất, biết đâu chẳng là phúc? Rủi còn ngủ được một giấc dài! Không rủi thì ngủ cũng không có giờ. Cho nên một việc tốt hay không tốt, toàn ở chỗ mình dùng. Khéo dùng hay không, vẫn ở mỗi người; ấy chính là "xung khí dĩ vi hòa".

Cách gom lại mà điều chỉnh, cũng là chỗ dụng công phải chú. Có người tu Đạo gia, ngày ngày muốn thông mạch Nhâm mạch Đốc, ngày ngày vận hà xa (chạy vòng khí dọc lưng ngực), mạch Đốc chuyển sang mạch Nhâm, mạch Nhâm chuyển sang mạch Đốc. Có người tu đạo bảo kỳ kinh tám mạch mình đều thông rồi; tôi nói, tốt lắm, thế thì như công ty điện, dây đều sẽ nổ. Cũng có người bảo vòng hà xa mình đang chạy thế này thế nọ; tôi nói vậy các vị định chạy đến bao giờ mới thôi? Nếu hà xa chạy mãi, đừng có tự quay cho chóng mặt nhé! Đó là một vấn đề. Nhiều người tu đạo, cuối cùng bị huyết áp cao, máu dồn lên óc; thường ngày mình như mùa hè không sợ máy lạnh, mùa đông không sợ nắng, cái dạng ấy chính là "cường lương giả bất đắc kỳ tử". Cho nên thông khí mạch, vận hà xa, không phải lẽ ấy.

Chương này ghép với chương mười Thượng kinh mà nghiên cứu, sẽ thấy **"tải doanh phách bão nhất, năng vô ly hồ! chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ"** (Mang theo hồn phách ôm giữ nhất, có thể không lìa nhau chăng! Tập trung khí lực đạt đến mềm mại, có thể như trẻ sơ sinh chăng?): chính là lời giải lẽ ấy, sẽ rõ lẽ "vạn vật phụ âm nhi bão dương, xung khí dĩ vi hòa".

Hạ Kinh · Chương 43

Thiên hạ chi chí nhu, trì sính thiên hạ chi chí kiên.

Cái mềm nhất trong thiên hạ, phi nhanh qua cái cứng nhất trong thiên hạ.

Vô hữu nhập vô nhàn.

Cái không có hình chất đi vào chỗ không có kẽ hở.

Ngô thị dĩ tri vô vi chi hữu ích.

Ta vì vậy biết vô vi có ích.

Bất ngôn chi giáo, vô vi chi ích, thiên hạ hy cập chi.

Cái lợi ích của giáo không dùng lời, không dùng hành động (vô vi), thiên hạ ít ai đạt được.

Mềm, nước, không: không gì cứng không phá nổi

Thứ mềm nhất thiên hạ, thắng thứ cứng nhất thiên hạ. Lão Tử thường ví thứ mềm nhất thiên hạ là nước. Nước không xương; nếu chặn nó, nó chỉ rẽ mà đi; nếu đắp một bờ, nước không tiếng, từ từ đợi, đợi nước đầy, lại tràn qua bờ. Cả nước mái hiên, từ cao nhỏ xuống, nhỏ một nghìn năm, một vạn năm, cả trái đất cũng nhỏ thủng được. Cho nên **"thiên hạ chi chí nhu, trì sính thiên hạ chi chí kiên"** (cái mềm nhất trong thiên hạ, phi nhanh qua cái cứng nhất trong thiên hạ), như ngựa trận xông pha, phá thứ dai nhất. Giáo dục nữ ở Trung Quốc ta là nhu mì, ôn hòa, chậm rãi, như thế có thể làm tan hết. Dù nam là đất, là đá, lửa nhỏ nhu mì từ từ ninh, đá cũng mềm được. Cho nên người cứng đến đâu, với sự nhu mì cũng hết cách, đành hàng. Đó là "thiên hạ chi chí nhu, trì sính thiên hạ chi chí kiên".

"Vô hữu nhập vô nhàn" (cái không có hình chất đi vào chỗ không có kẽ hở): chữ cổ 间 (gian) và 闲 (nhàn) dùng thông nhau. Vô hữu tức không; nên cái không đi vào chỗ nào cũng không có khoảng cách; không khoảng cách cũng tức là không. Hay nói tường chắn khoảng không: kỳ thực cái không chắn không nổi. Nhìn thoáng, tường như chắn hư không; nhưng chỉ cần khoét một lỗ, lỗ ấy đã có hư không. Khoét là có hư không; không khoét thì sao? Vẫn là hư không bao các vị, cũng bao cả tường. Một núi lớn đứng đó, như cản hư không; kỳ thực núi bị hư không bao. Núi nếu khoét thông, hư không vào trong núi. Hư không thứ ấy, không gì cứng không phá nổi. Cho nên nhà Phật lấy phép tu không làm phép tu cao nhất, vì không gì cứng không phá nổi. Quan niệm Đạo gia dùng âm cực mềm, cũng là lẽ không gì cứng không phá nổi.

Làm người làm việc, gặp chỗ khó, ngày ngày nghĩ việc này giải thế nào, mãi không giải được, càng nghĩ càng hỏng, cuối cùng chui vào ngõ cụt, xử vẫn một mớ bòng bong. Lúc ấy tốt nhất buông hết, mặc nó hỏng; nhưng thật để nó hỏng, nó lại không chịu hỏng. Vì sao? Vì "vô hữu nhập vô nhàn", "thiên hạ chi chí nhu, trì sính thiên hạ chi chí kiên".

Lão Tử nói: từ nguyên lý ấy, biết vô vi có ích. **"Nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn bào ảnh"** (mọi pháp hữu vi như mộng, ảo, bọt, bóng), không dựa được; cái chân không thật thì vô vi, đi đâu cũng lợi. Lẽ giáo dục cũng vậy.

Lão Tử vốn không muốn nói, cưỡi một con trâu xanh chạy cho xong; không ngờ một đệ tử, quan giữ ải Doãn Hỷ ở Hàm Cốc Quan chặn lại, bắt ông thuyết pháp, không thì không cho ra ải. Lão Tử cũng không khiến trâu xanh bay lên, như máy bay lên thẳng nay mà bay qua; lại Doãn Hỷ cầu khẩn thành, cũng không nỡ từ, đành ngồi viết cuốn *Lão Tử* này. Vốn ông chủ trương thiên hạ làm **"bất ngôn chi giáo"** (dạy dỗ bằng không lời), không cần nói, cùng cảnh Phật nói **"bất khả tư nghị"** (không thể nghĩ bàn): không có gì để nói, là một. Kết cục ông phạm giới của chính mình, lại

viết năm nghìn chữ ấy, vẫn làm lời dạy; dù miệng ông nói **"bất ngôn chi giáo, vô vi chi ích"** (cái lợi ích của giáo không dùng lời, không dùng hành động).

Như thời nay, văn hóa thượng cổ Trung Quốc ta, tức *Lão Tử*, *Kinh Dịch*, Thái Cực quyền, Thiền, ở các nước các vùng các dân tộc đều rất thịnh. Mới đây một bà cụ từ Mỹ viết thư bảo tôi: những người Mỹ nhà bên lạ lắm, trẻ ngã đất không đỡ, nhất là người Do Thái, tuyệt đối không đỡ. Đó là đạo vô vi của Lão Tử: ắt đợi trẻ tự bò dậy, như thế trẻ mai sau mới tự đứng được. Lẽ ấy rất đúng, cũng là dẫn *Đạo Đức Kinh* của Lão Tử. Bà cụ ấy thấy lạ, nói: "Hóa ra đó chính là phép dạy vô vi của Lão Tử Trung Quốc!"

Danh dữ thân thục thân?

Danh tiếng và thân mình, cái nào thân thiết hơn?

Thân dữ hóa thục đa?

Thân mình và của cải, cái nào quan trọng hơn?

Đắc dữ vong thục bệnh?

Được và mất, cái nào đáng lo?

Thị cố thậm ái tất đại phí; đa tàng tất hậu vong.

Cho nên tham muốn quá thì tất tổn phí lớn; cất giữ nhiều tất mất nhiều.

Tri túc bất nhục, tri chỉ bất đãi,

Biết đủ thì không bị nhục, biết dừng lại thì không nguy hiểm,

khả dĩ trường cửu.

có thể trường cửu.

Điều quan trọng nhất của đời người là gì

Đoạn trên, Lão Tử muốn ta nhìn thông lẽ đời người. Người trên đời, chẳng qua vì danh với lợi. Ta xét kỹ đời người, nhìn từ góc triết học, có lúc thấy đời rất đáng cười, nhiều thứ rất giả. Như tên Trương Tam hay Lý Tứ, chỉ là một tên gọi; vậy mà hắn tên Trương Tam rồi, mình mắng một tiếng "Trương Tam đồ khốn", hắn ắt phải đánh nhau với mình. Kỳ thực, hư danh ấy với bản thân hắn chẳng dính gì; cả thân người cũng chẳng dính: người lúc chết cuối cùng, thân cũng không đi theo!

Lợi cũng giả như thế; nhưng người thường không hiểu, chỉ nghĩ không tiền lấy gì mà ăn! Lấy cớ ấy mà mải miết cầu lợi. Người xưa có hai câu thơ nổi tiếng: **"Danh lợi bản vi phù thế trọng, thế gian năng hữu kỷ nhân phao"** (danh lợi vốn đời phù hoa coi trọng, trên đời mấy người ném bỏ được). Danh lợi trên đời là nặng nhất; trên đời mấy người ném bỏ, không đoái tới?

"Danh dữ thân thục thân" (danh tiếng và thân mình, cái nào thân thiết hơn): ông muốn ta hiểu danh là giả; so với thân, dĩ nhiên yêu thân mình. Nếu có người bảo: tốt nhất đừng nổi danh, ông nổi danh tôi giết ông; thì mình thà không nổi danh, vì thân vẫn trọng.

"Thân dữ hóa thục đa" (thân mình và của cải, cái nào quan trọng hơn): thân so với đồ vật, tay cầm năm trăm vạn giấy bạc, gặp cướp, lấy dao ép: "Bỏ tiền xuống cho tôi, không cho thì giết." Lúc ấy mình ắt bỏ năm trăm vạn ấy, vì thân trọng. Người đối với sự sống, dĩ nhiên coi trọng hơn nữa.

"Đắc dữ vong thục bệnh" (được và mất, cái nào đáng lo): được với mất, cái nào là bệnh? Dĩ nhiên ta ắt nói được thì hơn. Nhưng một người vừa có danh vừa có lợi, thì bận đến mức ắt phải ốm; bảo nghèo rồi lại ốm, khám bệnh còn không có tiền thuốc thì sao? Đó đã đụng đến chuyện không và có. Hai câu trước, danh so thân, thân so của, ta ắt nói thân trọng; của là vật chất, dĩ nhiên đứng sau. Kỳ thực câu "đắc dữ vong thục bệnh" này đã giải rõ hai câu trước. Lão Tử với những chuyện ấy không nói bên nào đúng bên nào sai: hai đầu đều đúng, cũng đều không đúng. Danh cố là hư danh, với thân không dính; nhưng hư danh có lúc nuôi được thân, không có hư danh người ấy còn sống không nổi! Hư

danh tự nó không nuôi thân, là nuôi thân gián tiếp. Thân với của, thân với danh, hai bên dùng lẫn nhau; được với mất cũng dùng lẫn nhau.

Lẽ ấy, về sau Trang Tử của Đạo gia cũng từng dẫn. Trong thiên *Nhượng Vương* thuộc Tạp thiên *Trang Tử*, lúc ấy nước Hàn bị nước Ngụy quấy, thua trận, Ngụy đòi Hàn cắt đất; Hàn thật không muốn, khổ cực. Có người tên Tử Hoa Tử khuyên Hàn vương cắt cho xong: nay nhường đất, sau còn phản công lấy lại. Ông hỏi Hàn vương: danh lợi quyền vị so với thân, cái nào trọng? Hàn vương nói thân dĩ nhiên trọng. Lại hỏi: thân so với cánh tay, cái nào trọng? Hàn vương nói thân dĩ nhiên trọng. Vậy Tử Hoa Tử khuyên: nay ông như đang bệnh, hai cánh tay ắt phải chặt; chặt tay rồi vẫn còn thiên hạ, còn quyền vị; ông muốn quyền vị, hay muốn cánh tay? Hàn vương nói: ta xem mạng vẫn trọng hơn cánh tay. Đó là chuyện nổi tiếng; về sau câu thơ nổi tiếng của thiền sư Dục Đường, bậc thầy Thiền tông: **"Thiên hạ do lai khinh lưỡng tý, thế gian hà cố trọng liên thành"** (thiên hạ vốn xem nhẹ hai cánh tay, sao đời lại trọng ngọc liên thành), chính từ đó mà ra.

Nói đến sự sống của người: kẻ làm đế vương, thiên hạ đều thuộc mình; nhưng so với sự sống mình, không còn sự sống, có thiên hạ thì dùng vào đâu? Nếu nay có người nói thiên hạ nay vẫn thuộc Hán Cao Tổ, thì Hán Cao Tổ làm ma cũng tát mình hai cái, bảo: đừng lừa tôi, với tôi chẳng dính gì nữa! Thế mà người sống trong đời nhìn không thông, cứ coi trọng ngọc bích liên thành. Lạn Tương Như gặp Tần Chiêu vương, liều mạng giữ ngọc, vì giá ngọc ấy mua được đất lớn bằng Pháp và Đức nay ghép lại. "Thiên hạ do lai khinh lưỡng tý": đây là Trang Tử lấy chỗ then chốt của Lão Tử mà khai triển. Thiên hạ cố trọng, quyền vị cố trọng; không có sự sống thì quyền vị dùng vào đâu? Thiên hạ dùng vào đâu? Thế mà nhìn thực tế, vẫn thấy thiên hạ trọng; gọi là "thế gian hà cố trọng liên thành": đời người vì của, vì hư danh, bận cả đời, cả mạng cũng liều vào, thế thì khổ nỗi gì?

Lão Tử nói thêm một bước: hiểu lẽ ấy, sự sống là trọng, thì **"thị cố thậm ái tất đại phí, đa tàng tất hậu vong"** (cho nên tham muốn quá thì tất tổn phí lớn; cất giữ nhiều tất mất nhiều). Mình yêu một thứ đến điên, cuối cùng thứ mình yêu mất càng nhiều: ấy chính là **"ái biệt ly khổ"** (khổ vì yêu mà phải xa), một trong **"bát khổ"** (tám khổ) nhà Phật nói. "Đa tàng tất hậu vong": đồ mình cất dù nhiều đến đâu, cuối cùng đều là cất cho người khác.

Báo từng có hai tin: Nghi Lan có người, cả đời xin ăn, chết rồi, dưới giường tìm ra năm sáu chục vạn; đúng là "đa tàng tất hậu vong". Cũng vậy, Mỹ có một người như thế, ngày thường xin ăn sống, lúc chết để lại hơn một trăm vạn. Đời người như thế, không biết có kể là nhìn rất thông không; có lẽ ý của Thượng Đế muốn ông ấy làm vậy, thật **"bất khả tư nghị"** (không thể nghĩ bàn)!

Vậy Lão Tử dạy ta hiểu một lẽ đời: đời người, thế nào mới là phúc. **"Tri túc bất nhục"** (biết đủ thì không bị nhục): phúc thật không có chuẩn, phúc chỉ có một chuẩn của chính mình, sự thỏa mãn của chính mình. Hôm nay trời rất nóng, một ly kem vào bụng, nửa bát mì nguội, rồi ngồi dưới bóng cây, cởi áo trên, quạt hai cái, sướng quá! Lúc ấy sướng hơn cả máy lạnh, quạt điện. Đó là sự hưởng của biết đủ trong đời, nên phải nắm cái đang có. Hưởng cái đang có mới là hưởng thật; nếu ngồi đây, đầu không nghĩ gì, người rất tỉnh, không vui cũng không khổ, ấy chính là sự hưởng dễ chịu nhất của cảnh định.

Không biết đủ, là nói dục vọng con người mãi không dừng, không thỏa, nên mãi ở trong phiền não khổ. Chữ "nhục" Lão Tử nói, với "phiền não" nhà Phật nói, cùng một nghĩa.

"Tri chỉ bất đãi" (biết dừng lại thì không nguy hiểm): đời người lúc vừa vặn, phải biết thắng lại mà dừng; không thắng lại mà dừng, xe lăn xuống dốc, cả cục xong. Hành trình đời người là thế: phải biết dừng lúc vừa vặn. Nên Lão Tử nói **"công thành, danh toại, thân thoái"** (việc thành, danh đạt, thân lui): câu ấy ý vị không cùng, nên biết dừng

mới không nguy. Đó là bảo ta: biết dừng, biết đủ là trọng; cũng đừng bị hư danh lừa, càng đừng để tình cảm được mất che mình; như thế mới có thể trường cửu.

Tiết này nói lẽ "trung hòa" của đời người trong **"xung khí dĩ vi hòa"** (khí trung hòa để đạt được sự hòa hợp), cũng tức lẽ Tử Tư về sau nói trong *Trung Dung*. Hai chương dưới lại khai triển thêm hai chương này.

Hạ Kinh · Chương 45

Đại thành nhược khuyết, kỳ dụng bất tệ.

Công trình hoàn hảo nhất thì trông như thiếu sót, nhưng sự dụng của nó không hao mòn.

Đại doanh nhược xung, kỳ dụng bất cùng.

Đầy tràn nhất thì trông như trống rỗng, nhưng sự dụng của nó không cạn kiệt.

Đại trực nhược khuất; đại xảo nhược chuyết; đại biện nhược nột.

Thẳng nhất trông như cong; khéo nhất trông như vụng; hùng biện nhất trông như lắp bắp.

Táo thắng hàn; tĩnh thắng nhiệt.

Vận động thắng lạnh; tĩnh lặng thắng nóng.

Thanh tĩnh vi thiên hạ chính.

Trong sáng tĩnh lặng là chuẩn mực của thiên hạ.

Làm sao đến được vô vi

"Đại thành nhược khuyết, kỳ dụng bất tệ" (công trình hoàn hảo nhất thì trông như thiếu sót, nhưng sự dụng của nó không hao mòn): lẽ vật lý vũ trụ ta, những thứ thành tựu lớn, viên mãn lớn, tự nhiên đều có khuyết đáng kể. Nhưng có một chút khuyết, ngược lại mãi không hỏng; nói khác, cầu mau viên mãn một chút, thì mau xong đời một chút. Triết học Đạo gia từ trước đến nay vẫn nhìn vậy. Nhiều người nổi tiếng hiểu lẽ đời, hiểu Đạo ấy, như danh tướng trung hưng đời Thanh Tăng Quốc Phiên, đến già còn lấy hiệu thư phòng là "Cầu Khuyết trai", cầu một chút khuyết; không được tự làm mình quá viên mãn, vì muôn việc không thể quá viên mãn, nên phải giữ chỗ khuyết, chỗ chưa đủ.

"Đại doanh nhược xung, kỳ dụng vô cùng" (đầy tràn nhất thì trông như trống rỗng, chỗ dùng không cùng): đại doanh tức đầy lớn; cái đầy thật, như thác, không ngừng chảy từ trên núi xuống, ngày ngày đầy mà chảy: ấy là chỗ dùng của xung (冲). Thứ sống thì mãi chảy, nên chỗ dùng không cùng. Đáng than nhất là có người muốn cái đang hưởng sẵn, thứ đang có sẵn, giữ mãi không nhúc, cho là của mình: ấy đã mắc bệnh "đại phí" nói ở trên, kết quả ắt là "hậu vong". Của cải vậy, quyền cũng vậy; hết thảy thứ, không được dùng cho riêng. Không làm được "đại doanh nhược xung", thì hỏng; phải như nước sông chảy mới xong.

"Đại trực nhược khuất" (thẳng nhất trông như cong): thế giới ta không có đường thẳng; thế giới khác có hay không thì không biết. Lên không gian mà nhìn, có sao là vệt ngang, có sao là ba vạch, có sao bầu dục; chỉ sao ta, trái đất, là tròn. Thế giới ta vì là quả cầu, nên vòng cong, không có đường thẳng. "Đại trực nhược khuất" là nói đường thẳng như đường cong. Hiểu thế, thì biết lẽ đời người. Cái gọi là thẳng, là cắt đoạn cong ấy, rồi người ta hiệu chỉnh gọi là thẳng: ấy là thẳng giả; hiểu thật, lẽ của khuất (屈) chính là thẳng.

"Đại xảo nhược chuyết" (khéo nhất trông như vụng): nay khoa học tiến, thứ gì cũng chạy điện, càng ngày càng tinh, dĩ nhiên không phải đồ cổ. Những thứ tinh xảo ấy, dùng xong ắt phải bỏ; nhưng thứ thật tốt, không khéo léo thế, mà rất vụng.

"Đại biện nhược nột" (hùng biện nhất trông như lắp bắp): người thật biết nói, lại như vụng vụng, như một câu cũng không ra miệng, **"nhược nột"** (như lắp bắp). Nhân vật thành công thường thấy trong sử liệu, phần nhiều như thế, rất thú. Những người ấy chưa chắc đã đọc *Lão Tử*, nhưng trí tuệ họ bày ra khớp câu Lão Tử ấy. Như Tống Thái Tổ

Triệu Khuông Dận, làm hoàng đế rồi, lúc ấy Lý Hậu Chủ Lý Dục nước Nam Đường Giang Nam chưa hàng. Lý Hậu Chủ văn chương rất cao; so thơ từ, Triệu Khuông Dận ắt không kịp. Nhưng nếu hai người thi xem ai làm hoàng đế, ắt lấy Triệu Khuông Dận, không lấy Lý Hậu Chủ. Lý thơ từ ca phú thứ gì cũng hay; các đại thần ông, như tể tướng Từ Huyễn, văn chương cũng rất hay. Một hôm, Lý Hậu Chủ sai tể tướng Từ Huyễn ấy đi sứ Bắc Tống. Triệu Khuông Dận nghe tể tướng này học vấn rất hay, đặc biệt mở một cuộc họp trước mặt vua, bàn xem phái bậc học rộng nào ra đón sứ thần Nam Đường ấy. Người ấy học vấn ắt phải kịp Từ Huyễn, mới không bị Nam Đường khinh. Thế mà cả một triều đình lớn nhà Tống, lại chọn không ra một người; cuối cùng Triệu Khuông Dận từ đám vệ sĩ mình tìm được một người mặt mũi đường đường, không biết một chữ, giao việc sứ đón tiếp. Từ Huyễn tới, để khoe tài, thiên văn, địa lý, quốc tế, chính trị, bàn luận hùng hồn. Nhưng vị đại thần đón ấy, chẳng hiểu gì, chỉ ừ à, mời ngồi trên, mời uống trà, thế ấy mà kéo ba ngày. Từ Huyễn trong bụng nghĩ: người có học dưới trướng Triệu Khuông Dận cao quá; mình nói nửa ngày ông ấy không khen không chê, cũng không tán không nhận; với quyền bính của Triệu Khuông Dận, thật khó lường.

Đó chính là chỗ cao của Triệu Khuông Dận: đối đám học giả miệng đầy học vấn, chỉ phái một bác quê ra tiếp; mặc mình nói gì ông ấy cũng không hiểu, cứ lấy sự mộc nột mà đối thì xong. Đó là "đại biện nhược nột" rất tuyệt.

"Táo thắng hàn, tĩnh thắng nhiệt, thanh tĩnh vi thiên hạ chính" (vận động thắng lạnh; tĩnh lặng thắng nóng; trong sáng tĩnh lặng là chuẩn mực của thiên hạ). Khí hậu mùa hè, đến trưa, nhiệt độ nóng đến mức người bứt rứt; "táo thắng hàn": khí nóng khô tới, hóa khí lạnh nước đá. Nhưng đừng để bài Lão Tử lừa mình nhé! Nói ngược lại chính là "hàn thắng táo"; nhiệt năng mặt trời chiếu lên núi băng Bắc Cực chẳng làm được bao nhiêu, chỉ hơi ấm một chút, như bớt một áo lông mà thôi: đều là mặt thuận mặt nghịch khớp nhau.

"Tĩnh thắng nhiệt": ta đều biết lòng tĩnh thì mát, một khi tĩnh thì không nóng. Nói ngược lại, chính là "nhiệt thắng tĩnh": nóng cũng gây thanh tịnh; không thế thì học Phật tu đạo thành, **"tam muội chân hỏa"** (lửa chân của tam muội) tới, không lạnh cũng không nóng, thắng hết. Nên những gì Lão Tử dẫn đều là hai mặt đối nhau, chủ yếu nói những thứ ấy đều là ý niệm hai bên; chỉ có "thanh tĩnh vi thiên hạ chính". Thanh tịnh được thật, mới có cảnh vô vi. Nói ngược lại, vô vi lại là nguyên tắc của thanh tịnh, nguyên tắc của Đạo; cảnh vô vi đạt tới thì hóa thanh tịnh: ấy là lẽ "thanh tĩnh vi thiên hạ chính".

Hạ Kinh · Chương 46

Thiên hạ hữu đạo, khước tẩu mã dĩ phẩn;

Thiên hạ có Đạo, ngựa chiến để không như phân đất;

thiên hạ vô đạo, nhung mã sinh ư giao.

thiên hạ vô Đạo, ngựa chiến sinh nơi ngoại ô (chiến trường).

Họa mạc đại ư bất tri túc; cữu mạc đại ư dục đắc.

Họa không có gì lớn hơn không biết đủ; tội không có gì lớn hơn muốn được thêm.

Cố tri túc chi túc, thường túc hĩ.

Cho nên cái đủ của biết đủ, mãi mãi đủ.

Dục vọng gây họa loạn

Chương này nói toàn triết học lịch sử. Người gây nên một đoạn sử, gọi là anh hùng tạo thời thế; lịch sử cũng sinh ra nhân vật của một thời, ấy gọi thời thế tạo anh hùng. Nhưng triết học lịch sử là chuyện người làm. Chiến tranh các đời cần binh khí tốt; binh khí tốt cũng rất đơn giản: một người tay một con dao tốt, dùng được mấy đời; một cây thương tốt cũng dùng được mấy đời. Khó nhất là phương tiện đi lại: ngựa hay. **"Thiên hạ hữu đạo, khước tẩu mã dĩ phẩn"** (thiên hạ có Đạo, ngựa chiến để không như phân đất): thiên hạ thật thái bình, ngựa để không, không dùng, vì không cần luyện ngựa trận; lúc ấy ngựa như phân đất, không có giá trị. Đến khi thiên hạ vô Đạo, lại phải luyện ngựa trận. Chữ "đạo" đây chỉ văn hóa nhân văn; văn hóa suy, xã hội loạn, sai lầm tư tưởng gây chiến. Loài người mãi ở trong chiến tranh; sử ít có hai ba mươi năm thái bình: không phải đông bốc lửa, thì tây bốc khói. Cả sử loài người thường ở trong chiến loạn, nên không làm được "tẩu mã dĩ phẩn".

"Thiên hạ vô đạo, nhung mã sinh ư giao" (thiên hạ vô Đạo, ngựa chiến sinh nơi ngoại ô (chiến trường)): lấy góc triết học lịch sử của Lão Tử mà nhìn loài người, lúc thiên hạ vô Đạo, dục vọng loài người không dừng được, nên ngựa trận lại hoạt động. **"Họa mạc đại ư bất tri túc, cữu mạc đại ư dục đắc"** (họa không có gì lớn hơn không biết đủ; tội không có gì lớn hơn muốn được thêm): tội lớn nhất của loài người là muốn chiếm hữu. Anh hùng muốn chiếm thiên hạ, cũng tức chiếm quyền bính; đàn ông muốn chiếm đàn bà, đàn bà muốn chiếm đàn ông; người muốn chiếm tiền, tiền thì chẳng nói, mặc các vị liệu: ấy chính là "dục đắc".

"Cố tri túc chi túc, thường túc hĩ" (cho nên cái đủ của biết đủ, mãi mãi đủ): muốn xã hội loài người thật hòa bình, ắt mỗi người phải tự soi, mỗi người đều biết đủ được. Dù Lão Tử viết năm nghìn lời, Khổng Tử và Thích Ca Mâu Ni Phật, cùng thánh nhân mấy nghìn năm, còn vài thánh nhân thượng cổ như Hoàng Đế, đều dạy người nên biết đủ, thế mà người cứ không biết đủ.

Hạ Kinh · Chương 47

Bất xuất hộ, tri thiên hạ;

Không ra khỏi cửa, biết được thiên hạ;

bất khuy dũ, kiến thiên đạo.

không nhìn qua cửa sổ, thấy được đạo trời.

Kỳ xuất di viễn, kỳ tri di thiểu.

Đi càng xa, biết càng ít.

Thị dĩ thánh nhân bất hành nhi tri, bất kiến nhi danh, bất vi nhi thành.

Vì vậy thánh nhân không đi mà biết, không nhìn mà sáng, không làm mà thành.

Thành tựu của trí tuệ

Chương này là chỗ chuyển sang một giai đoạn khác; có một nguyên tắc lớn ta phải nắm. Hạ kinh *Lão Tử* nói "Đức", nói "dụng", không nói "thể"; nhưng "dụng" không rời "thể". Chương bốn mươi bảy đây với chương mười tám, mười chín Thượng kinh nói "Đạo", giải thích lẫn nhau. Nói khác, chính chương Hạ kinh này nói "Đức", "dụng", là một lời chú cho cái gọi là "Đạo", "thể" ở chương mười tám, mười chín Thượng kinh. Tôi đã không chỉ một lần nói: nghiên cứu kinh điển nào, cách hay nhất là lấy kinh chú kinh, dùng chính nó chú cho nó thì rõ.

Hạ kinh *Lão Tử* nói "dụng"; trên lẽ "dụng", đây mới đúng là học trí tuệ, cũng là học mưu lược lớn. **"Bất xuất hộ, tri thiên hạ"** (không ra khỏi cửa, biết được thiên hạ): cũng tức câu cũ người Trung Quốc hay nói, tú tài không ra cửa, biết được việc thiên hạ. Nhưng làm được phải là tú tài; chữ "tài" ấy phải thật "tú" mới xong; tài vụng thì không. Cái gọi là "tú tài", không phải người xinh đẹp, cũng không phải tú tài thời khoa cử, mà mượn tên "tú tài" đỗ khoa cử, ví người thông minh tuyệt đỉnh. Biết được việc thiên hạ, là người có trí tuệ; trí tuệ đến chỗ cao nhất, chính là thần thông thật; thần thông chẳng phải chuyện lạ, mà là thành tựu của trí tuệ thật. Người trí tuệ thật đã thành, không cần ra cửa, cũng biết việc thiên hạ.

"Bất khuy dũ, kiến thiên đạo" (không nhìn qua cửa sổ, thấy được đạo trời): 牖 (dũ) là cửa sổ; không cần mở cửa sổ đã thấy thiên đạo, đã biết được sự vật bên ngoài. Thiên đạo cũng có thể là trừu tượng, thiên đạo siêu hình, cũng có thể chỉ thiên thể thiên văn thực. Về lý, người có tu dưỡng trí tuệ thật, không cần ra ngoài trải nghiệm thực, đã hiểu được cùng tận của sự thật. Người tu Đạo thật, có cảnh ấy. "Bất xuất hộ", "bất khuy dũ": đều là lời ví.

Chẳng hạn, người tu dưỡng thật đến chỗ vô vi thanh tịnh, ấy là cảnh thần thông. Vừa nói, thần thông chẳng phải chuyện lạ; đừng coi thần thông ra chuyện quái dị; thần thông chính là thành tựu của trí tuệ. Ngồi trong phòng, thậm chí ngồi trong hang núi, hoặc chỗ thung lũng vắng, lúc yên mà thần ngưng khí tụ, không có vật chất làm ngại, không có nhà cửa làm ngại, cũng không có sông núi đất đai làm ngại; lúc ấy nếu nhìn các vì sao trên trời, tự mình trong định tĩnh nhìn rất rõ, lại không bị mưa gió khí hậu cản. Nhưng đây là học tu dưỡng sâu; người thường rất thích đuổi theo phía ấy; nếu vì đuổi mà đi lạc đường, thường hóa thành kiểu luyện lệch mà nhập ma trong tiểu thuyết võ hiệp. Người vào cảnh ma cũng bảo nhìn thấy gì đó, nhưng ấy chỉ là lệch của ý thức, không phải hiện tượng bình thường.

Lão Tử không chủ trương đi đường nào, cũng không chủ trương tu dưỡng để được thần thông. Lẽ ấy, Thượng kinh đã nói, nay Hạ kinh cũng sẽ dần nhắc. Vậy dưới ông khai triển lý ấy, nói tu dưỡng của người: **"kỳ xuất di viễn, kỳ tri di thiểu"** (đi càng xa, biết càng ít). Chữ "xa" ấy không hẳn chỉ khoảng cách xa; nếu giải thế, thì bằng bảo nhiều người

đi xa nước ngoài, mười hay hai mươi năm không về, nên những người ấy là "kỳ xuất di viễn, kỳ tri di thiểu", việc trong nước càng ngày càng không hiểu. Cách nói ấy cũng kể là một lẽ, nhưng chỉ là lẽ thường thôi.

Chữ "xuất" trong "kỳ xuất di viễn", không hẳn nói thỉnh thoảng đi xa; kỳ thực là nói tri thức càng nhiều càng đần; nói khác, tri thức học vấn càng hay, phiền não càng sâu. Vì thường thức càng nhiều, trí tuệ thật ngược bị che. Vậy chữ "xuất" không phải xuất của ra ngoài, mà là đưa ra, trả ra; trên đời sống tinh thần, trên sức óc, mình trả ra quá nhiều, trí tuệ thật dĩ nhiên càng ngày càng thấp. Nên đạo thánh nhân là làm công phu soi vào trong: **"thị dĩ thánh nhân bất hành nhi tri, bất kiến nhi danh"** (vì vậy thánh nhân không đi mà biết, không nhìn mà sáng).

Cuối cùng Lão Tử cho ta một câu kết, cũng kể là tu dưỡng của học vấn, cũng kể là công phu; không thì nghe lời trên, có người tưởng người không ra cửa, nằm trên giường nhà, là biết việc thiên hạ, sướng quá! Tốt nhất vàng với giấy bạc Mỹ cũng rơi xuống còn hơn. Người mà có dục vọng thế thì không xong, cái gì cũng thành ngại. Vậy câu kết dưới của ông là, làm sao đến được **"bất vi nhi thành"** (không làm mà thành). Không phải bảo muôn việc đừng làm là thành, mà phải thật đến chỗ vô dục, không một sự cầu. Muốn tu Đạo cũng là có dục; sao phải tu Đạo? Vì muốn cầu sống lâu không già, hoặc cầu **"liễu thoát sinh tử"** (thoát khỏi sống chết), hoặc cầu thành Phật, cầu một mục tiêu xa hơn, nên bỏ hết thảy trên đời. Trông người ấy như lòng trong, ít dục, không dục vọng, kỳ thực dục vọng còn lớn hơn người thường, trái đạo vô vi thanh tịnh Lão Tử nói. Vậy kết cuối là, làm sao tu dưỡng đến cảnh "bất vi nhi thành", đến chỗ thanh tịnh vô vi thật. Tiếp theo chương bốn mươi tám dưới, lại nói rõ lẽ "bất vi nhi thành".

Hạ Kinh · Chương 48

Vi học nhật ích, vi đạo nhật tổn.

Học thì ngày càng thêm; tu Đạo thì ngày càng bớt.

Tổn chi hựu tổn, dĩ chí ư vô vi.

Bớt rồi lại bớt, cho đến vô vi.

Vô vi nhi vô bất vi.

Vô vi mà không có gì là không làm.

Thủ thiên hạ thường dĩ vô sự;

Lấy thiên hạ thường bằng không việc;

cập kỳ hữu sự, bất túc dĩ thủ thiên hạ.

đến khi có việc, thì không đủ để lấy thiên hạ.

Học thì thêm, tu Đạo thì bớt

Chương này tách ra mà xét, với chương hai mươi và hai mươi chín Thượng kinh đều có liên. Chương hai mươi dạy ta, đạo học vấn chính là **"tuyệt học vô ưu"** (dứt bỏ học vấn thì không lo lắng): hết thảy đều buông, hết tri thức, hết ý niệm, v.v., đều đặt xuống, vứt sạch, vào cảnh đạo vô vi. Lý do nằm ngay chương này, nói rất rõ: **"vi học nhật ích, vi đạo nhật tổn, tổn chi hựu tổn, dĩ chí ư vô vi, vô vi nhi vô bất vi"** (học thì ngày càng thêm; tu Đạo thì ngày càng bớt; bớt rồi lại bớt, cho đến vô vi; vô vi mà không có gì là không làm). Chương bốn mươi bảy vừa rồi nhắc, tu dưỡng ấy có thể làm được tú tài không ra cửa mà biết việc thiên hạ. Người tu Đạo, chỉ biết việc thiên hạ thì quá thiếu; muốn vượt hết cảnh cõi có hình, trước phải đến được thanh tịnh vô vi.

"Vi học nhật ích" (học thì ngày càng thêm): học vấn là gì? Học vấn dựa tri thức, đọc sách, trải nghiệm, một điểm một giọt tích dần. Hôm nay hiểu một chút, mai lại hiểu một chút, mốt lại hiểu một chút; thêm một phần công thì thêm một phần được: ấy là làm học vấn. Học vấn do người làm là pháp hữu vi, là đạo hữu vi, phải tích dần mà thêm, không phải một bước lên trời.

"Vi đạo nhật tổn" (tu Đạo thì ngày càng bớt): học Đạo ngược với làm học vấn, là phải bỏ, "nhật tổn" là hôm nay bỏ một chút, mai lại bỏ một chút, cái gì cũng phải đặt xuống mà bỏ. Người tu Đạo thường cười mình: một mặt có dục vọng học Đạo, một mặt lại không chịu bỏ đọc sách; thích đọc sách chính là dục vọng lớn nhất.

Triệu Dực, sử gia nổi tiếng đời Thanh, cũng là thi nhân, nói lẽ làm thơ làm văn: ông bảo **"cùng nhi hậu công"** (cùng khổ rồi mới hay). Nếu muốn thơ văn hay, ắt phải trải khổ, gặp vận xui. Cảnh càng cùng, văn chương thơ từ càng hay; văn nhân nghìn đời, nhà văn hay đều là kẻ vận xui. Không phải chuyện vận số, mà người đến lúc công danh phú quý không còn, tình người cũng nhạt, chuyện rắc rối ít đi, ngồi đó cũng chẳng có việc khác, chuyên nghĩ những câu chua cay sắc, thơ văn dĩ nhiên hay. Đến khi đắc chí, hết thảy tình cảnh đổi, văn cũng không viết ra được. Dù thỉnh thoảng có một ý đến, vừa cầm bút muốn viết, thuộc hạ lại đến xin chỉ, kêu một tiếng báo cáo, ý ấy lại bị đuổi mất. Vậy văn chương học vấn, đúng là "cùng nhi hậu công": ấy là câu nổi tiếng nghìn đời của Trung Quốc.

Triệu Dực đời Thanh, khoe thơ văn mình hay, để lại hai câu: **"Hùng ngư tự tiếu tham tâm thậm, ký yếu công thi hựu phạ cùng"** (gấu và cá tự cười lòng tham quá, vừa muốn thơ hay lại sợ cùng). Đây mượn điển *Mạnh Tử*, ý **"hùng**

chưởng dữ ngư, nhị giả bất khả đắc kiêm” (bàn chân gấu và cá, không được cả hai); hai món ngon không đến cùng lúc. Triệu Dực mượn hai câu *Mạnh Tử* ấy, tả mình vừa muốn học vấn văn chương hay, vừa thích tiền nhiều quan lớn. Kết quả, ông bảo cả đời văn cũng không viết hay, quan cũng không làm lớn, tiền cũng không kiếm đủ, cả đời không lên không xuống, lơ lửng giữa chừng. Ấy là lời khiêm; kỳ thực học vấn ông rất giỏi, trong văn hóa sử ba trăm năm, cũng kể là một người đáng kể.

Tóm lại, cầu học vấn là tích dần từng chút, càng thêm càng nhiều, tri thức cũng càng thêm càng nhiều; tu Đạo là đem hết tri thức học vấn, cùng hết thảy thứ trong lòng, từ từ bớt. Vậy học vấn là phép cộng, tu Đạo là phép trừ; làm học vấn là uống thuốc bổ, tu Đạo là uống thuốc tả, cái gì cũng phải để không: hai bên ngược nhau.

“Tổn chi hựu tổn, dĩ chí ư vô vi” (bớt rồi lại bớt, cho đến vô vi): hết thảy đều không, không đến cuối cùng cả cái không cũng bỏ, không đến chỗ không còn gì; rồi không gì là không có, hết thảy đều biết, hết thảy đều có: lẽ ấy giản dị thế. Chữ rất giản, nghĩa cũng giản, nói là hiểu. Vấn đề là làm thì khó! Làm sao tự mình bớt rồi lại bớt, buông rồi lại buông, đặt đến chỗ không còn gì, mới đến được cảnh không gì không biết, không gì không có!

Người học Đạo thường là cầu có; thực tế mình đều đang cộng. Lý thì biết là không, mà trên phép làm công phu, mình đều đang cộng. Có người học Phật học Đạo, trong lòng một ý cầu lợi; việc đời thất ý, thất bại, hoặc chẳng ưa, hoặc mình không hợp, bèn chạy đến tu Đạo. Trong lòng nghĩ: có lẽ phía này vượt được, học được thì hơn người, học được thì thoát sống chết, có thể chạy ra không gian chơi… Ý ấy đều là tư tưởng vị lợi, là ý và động cơ của “vi học nhật ích”, hoàn toàn ngược “vi đạo nhật tổn”, cũng tức tu Đạo không thể thành.

Lão Tử đây nói rõ với ta: đời người muốn học vấn thành, hoặc tu Đạo thành, phải có hai món: “nhấc lên được” là làm học vấn phải “vi học nhật ích”; “đặt xuống được” là tu Đạo phải “vi đạo nhật tổn”, hết thảy đặt xuống. Nhưng người thường, đủ cả hai món ấy, hai trí tuệ ấy, hai dũng khí ấy, gọi là trí lẫn dũng đều đủ, thì quá khó. Người thường, bảo làm học vấn, mới chăm đọc một tuần sách, đã thấy mệt, dừng lại đi chơi, “vi học” không “nhật ích”. Đi tu Đạo làm công phu, thì không đặt xuống được; mới ngồi thiền vài ngày, lại thấy cả ngày ngồi, nhạt không vị, phí thì giờ, cũng muốn chạy ra chơi, nên “vi đạo nhật tổn” cũng không làm được. Vậy người thường phần nhiều ở cảnh học chưa thêm, Đạo chưa bớt, nhấc cũng không lên, đặt cũng không xuống, sống qua một đời thế. Đó là chỗ ta đọc *Lão Tử* xong, phải tự soi.

Trên nói tu Đạo với làm học vấn là hai phép khác nhau; dưới nói chỗ dùng của Đạo.

Thánh nhân lấy việc làm Đạo Đức mà được thiên hạ

“Thủ thiên hạ thường dĩ vô sự, cập kỳ hữu sự, bất túc dĩ thủ thiên hạ” (lấy thiên hạ thường bằng không việc; đến khi có việc, thì không đủ để lấy thiên hạ). Lão Tử nói, lấy thiên hạ bằng không việc là đức cao nhất, làm sự nghiệp cũng lấy đó làm chuẩn đức cao nhất. Đó cũng là lẽ trị nước cao nhất, cũng là mưu lược cao nhất.

Sử Trung Quốc chuộng lấy thiên hạ bằng không việc: Nghiêu, Thuấn, Vũ kể là thế; sau Vũ, Thương Thang, Văn, Vũ, Chu Công, Khổng Tử, thánh vương các đời, gần như đều thế. Nói đến Khổng Tử, ông tuy không lấy thiên hạ, nhưng lấy một thiên hạ khác, là thiên hạ trống, nên được gọi tố vương. Tố vương là hoàng đế không đất; nói khác, ông là đế vương của vương quốc văn hóa; trong vương quốc văn hóa, ông ra lệnh mấy nghìn năm, thậm chí có thể ra lệnh muôn đời. Lấy thiên hạ như thế, là chuẩn lấy thiên hạ trong sử, cũng tức lấy thiên hạ bằng không việc.

“Vô sự” là chỉ cầu thành tựu công đức của việc làm mình, thành tựu của đạo đức; không lấy mưu lược, không lấy thủ đoạn, không lấy công lao hữu vi mà lấy thiên hạ. Điều cầu, chỉ là đạo thánh nhân ở trong mình. Dù muôn người

hướng về, ấy là việc thừa, không phải việc gốc; việc gốc là việc phận mình, là học Đạo, học làm sao nên đạo thánh nhân.

Cái gọi học Đạo, học đạo thánh nhân, dĩ nhiên không phải tu Đạo ngồi thiền như ta nay; ngồi thiền tu Đạo chỉ là một thứ tu Đạo. Còn tu đạo thánh nhân, thì là thành tựu trong ngoài của hạnh đạo đức.

"Cập kỳ hữu sự, bất túc dĩ thủ thiên hạ" (đến khi có việc, thì không đủ để lấy thiên hạ): thiên hạ lấy bằng sức, bằng công lao đánh xuống, là thiên hạ lấy bằng có việc. Nên nói sử Trung Quốc sau Tần Hán, đều là lấy thiên hạ bằng có việc. Vậy trên triết học lịch sử, ta có thể nhìn bằng hai góc: Tam đại trở lên, cái gọi thiên hạ của chung, là lấy đức trị thiên hạ, không lấy công trận mà lấy thiên hạ. Sau Tần Hán phải có công với đời, nhất là công trận, cũng tức lấy thiên hạ bằng võ công. Vậy sau Tần Hán lấy thiên hạ, chính là lấy thiên hạ bằng có việc mà Lão Tử nói.

Lấy thiên hạ bằng có việc, cũng là thành, lúc ấy cũng có thiên hạ; sao Lão Tử lại bảo thế là "bất túc dĩ thủ thiên hạ"? Đó là chỗ đặc của triết học lịch sử Trung Quốc, đúng như Mạnh Tử từng nói **"dĩ đức phục nhân giả vương, dĩ lực phục nhân giả bá"** (lấy đức khiến người phục là vương, lấy sức khiến người phục là bá). Đến sau Tần Hán, lấy công trận mà thống nhất nước nhà thiên hạ, đều không phải lấy đức khiến người phục; bề ngoài lấy vương đạo làm hiệu, kỳ thực là bá đạo. "Dĩ lực phục nhân giả bá": tức lấy công trận khiến người không thể không phục. Cùng hai chữ "phục", nghĩa hoàn toàn khác. Lẽ Lão Tử nói, khai triển thêm, đưa ra một vương đạo, tức lẽ trị nước lấy đức, cũng tức đạo đức trong việc trị nước.

Hạ Kinh · Chương 49

Thánh nhân vô thường tâm, dĩ bách tính tâm vi tâm.

Thánh nhân không có lòng cố định, lấy lòng trăm họ làm lòng.

Thiện giả ngô thiện chi, bất thiện giả ngô diệc thiện chi, đức thiện.

Người thiện ta thiện với họ, người không thiện ta cũng thiện với họ, đức là thiện.

Tín giả ngô tín chi, bất tín giả ngô diệc tín chi, đức tín.

Người thành tín ta tin họ, người không thành tín ta cũng tin họ, đức là tín.

Thánh nhân tại thiên hạ hấp hấp, vi thiên hạ hồn kỳ tâm.

Thánh nhân ở trong thiên hạ thu vào chứa hết, vì thiên hạ mà làm lòng mình hỗn hậu.

Thánh nhân giai hài chi.

Thánh nhân đều coi họ như trẻ thơ.

Lòng Bồ Tát của thánh nhân

Chương bốn mươi tám và bốn mươi chín đều là khai triển chương hai mươi. "Thánh nhân vô thường tâm, dĩ bách tính tâm vi tâm. Thiện giả ngô thiện chi, bất thiện giả ngô diệc thiện chi, đức thiện." Tiết này phải chú ý. Ta về xem chương hai mươi, từ "tuyệt học vô ưu" trở đi, rồi nói cảnh người tu Đạo thành, từ đó lại nhìn hết thảy chúng sinh. Đây ông không dùng chúng sinh, mà nói chúng nhân: ấy là lời giải cảnh tu dưỡng của người đối với Đạo. Đến hai chương bốn mươi tám, bốn mươi chín, là nói "dụng" do Đạo sinh ra. Ông bảo thánh nhân có Đạo thật, lấy vô thường tâm mà trị thiên hạ. Cái gọi "vô thường tâm" là không có thành kiến chủ quan, không có cái thấy của mình, không có chủ kiến. Vậy thánh nhân có Đạo, lấy gì làm lòng? "Dĩ bách tính tâm vi tâm". Mọi nhu cầu của người, mọi tâm lý tư tưởng của người, chính là tâm lý tư tưởng của ông: ấy chính tinh thần đạo đức thật của dân chủ tự do ngày nay. Cũng tức lấy chí nguyện của mọi người làm chí nguyện, lấy nhu cầu của mọi người làm nhu cầu, mà làm xong cho mọi người. Phải thật làm được những điều ấy, mới là "dĩ bách tính tâm vi tâm", mới đáng gọi thánh nhân thật.

Ông lại nói "thiện giả ngô thiện chi": người thiện có ý hay, khiến mình vui đặc biệt, với người tốt cũng thích đặc biệt. "Bất thiện giả, ngô diệc thiện chi": ý phản đối của người xấu cũng là ý, chẳng qua ý ấy ngược với ý người thiện thôi. Một thánh nhân, yêu hết người thiện, cũng yêu hết người xấu, vì người xấu càng phải cứu, càng phải giúp. Kẻ tin ta thì cứu, kẻ không tin ta càng phải cứu. Lòng thánh nhân người Trung Quốc nói, không phải tin ta thì cứu, không tin ta thì xéo đi; thánh nhân Trung Quốc không có chuyện không cứu người xấu: ấy là "đức thiện". Người đắc Đạo, trên hạnh đạo đức ắt thế, làm đến cảnh chí thiện. Với người tốt cố thấy đáng yêu, đáng khâm phục; người không tốt càng đáng thương, càng đáng được cảm thông.

"Tín giả ngô tín chi, bất tín giả ngô diệc tín chi, đức tín." Người ấy có đạo đức, tin đạo đức, dĩ nhiên là người ta tin, cũng sẽ tốt hơn với họ; những kẻ xấu chống đạo đức, ta vẫn tin họ. Tin họ điều gì? Tin tính người vốn thiện, có ngày họ tự tỉnh, sẽ đi vào đường đạo đức.

Vậy, "thánh nhân tại thiên hạ hấp hấp, vi thiên hạ hồn kỳ tâm, thánh nhân giai hài chi." **"Hấp hấp"** (歙歙) nghĩa là chứa vào, như một thứ khép lại, như quạt xếp khép lại. Người đắc Đạo, trước sau chứa hết thảy.

“Vi thiên hạ hồn kỳ tâm”: nói đến đạo đức, chữ **“hồn”** (浑) này khó làm; “hồn” bằng chữ “hỗn” của “hỗn xược”; hỗn xược thật chính là thánh nhân, thánh nhân thật mới làm được một kẻ hỗn lớn. Kỳ thực hình thái “hỗn” ấy là hồn hậu, tốt xấu hết thảy đều chứa; “hồn” cũng tức âm dương hồn hậu, thiện ác phải trái bình đẳng. Trong lòng ông, bình đẳng đến mức nào? Người thiện đáng kính, người xấu cũng đáng thương; đáng thương với đáng kính chỉ là hai hướng bày khác, lòng nhân yêu người thì như nhau. Như thế với thiện ác phải trái mới hồn hậu, bao dung rất hậu. Thánh nhân thật, tu dưỡng đạo đức đến cảnh ấy, nên ông đại diện được lòng trời đất. Trời đất này sinh muôn vật, sinh thuốc bổ, đồng thời sinh thuốc độc; sinh hoa đẹp, cũng sinh cỏ rất xấu; bất luận tốt xấu, đều ở trong chỗ chứa mà hóa nuôi của ông. Vậy tu dưỡng đạo đức của người, là phải noi lòng trời đất, mới đến được chỗ hồn nhiên, hồn hậu.

Kết một câu “thánh nhân giai hài chi”: từ góc cảnh thánh nhân, nhìn hết thảy chúng sinh trên đời đều là trẻ con; thánh nhân mãi yêu họ, mãi dạy dỗ họ, không đối địch với họ. Nói khác, thánh nhân nhìn bất kỳ ai trên đời, thậm chí Thượng Đế, cũng đều coi như trẻ con; đắc Đạo hay không đắc Đạo đều vậy. Cái gọi lòng thánh nhân lấy trời đất làm lòng; lấy đạo người mà nói, đạo thánh nhân lấy cha mẹ làm lòng. Cứ như ông chính là cha mẹ của hết thảy người, ông nhìn hết thảy người trên đời như con mình. Con có tốt có xấu, cả tốt, hai rất xấu; bất luận tốt xấu, vẫn là con mình, vẫn phải dạy dỗ cảm hóa. Đó là khai triển chương hai mươi.

Hạ Kinh · Chương 50

Xuất sinh nhập tử.

Ra là sinh, vào là tử.

Sinh chi đồ thập hữu tam; tử chi đồ diệc thập hữu tam.

Con đường sinh có ba phần mười; con đường tử cũng có ba phần mười.

Nhân chi sinh, động chi tử địa diệc thập hữu tam.

Người sống mà chuyển sang đất chết, cũng có ba phần mười.

Phù hà cố, dĩ kỳ sinh sinh chi hậu.

Tại sao vậy? Vì sức sinh của sự sống rất dày.

Cái văn thiện nhiếp sinh giả,

Nghe nói người khéo nắm sự sống,

lục hành bất ngộ sĩ hổ, nhập quân bất bị giáp binh.

đi đất liền không gặp tê giác hổ dữ, vào quân trận không bị giáp binh.

Sĩ vô sở đầu kỳ giác, hổ vô sở thố kỳ trảo, binh vô sở dung kỳ nhận.

Tê giác không có chỗ để đâm sừng, hổ không có chỗ để thả móng vuốt, binh khí không có chỗ để chém.

Phù hà cố, dĩ kỳ vô tử địa.

Tại sao vậy? Vì họ không có đất chết.

Sống chết là gì

Chương năm mươi này là khai triển chương hai mươi mốt Thượng kinh.

"Xuất sinh nhập tử": ra gọi là sinh, vào gọi là tử; giải trên chữ "xuất sinh nhập tử", là thế. Về sau dùng vào binh pháp, lúc đánh trận ra vào trong trận địch, gọi "xuất sinh nhập tử". Chữ rất rõ; lẽ là nguồn triết xa xưa Trung Quốc nhìn sống chết, một quan niệm về sống chết. Cái gọi vấn đề sống chết, trong tôn giáo khác, kể cả Phật giáo, hoặc là chuyện lớn; nhưng trong văn hóa ta, quan niệm truyền từ mấy nghìn năm thượng cổ, không coi sống chết thành vấn đề. Nên Nghiêu, Thuấn cùng Đại Vũ đều cho là **"sinh giả ký dã, tử giả quy dã"** (sống là gửi, chết là về). Người sống trên đời này, là khách gửi ở, như ở quán trọ, nên trên văn có câu nổi tiếng của Lý Bạch: **"phù thiên địa giả vạn vật chi nghịch lữ dã, quang âm giả bách đại chi quá khách, phù sinh nhược mộng, vi hoan kỷ hà"** (trời đất là quán trọ của muôn vật, năm tháng là khách qua trăm đời, đời nổi như mộng, vui được bao lâu), đều từ tư tưởng ấy. Người sinh ra là gửi ở đời này, chết rồi là về. Vậy là "sinh giả ký dã, tử giả quy dã".

Từ quan niệm cổ ấy truyền xuống, Khổng Tử trong *Kinh Dịch* cũng nhắc loại lời ấy. *Kinh Dịch · Hệ từ* nói: **"nguyên thủy phản chung, cố tri sinh tử chi thuyết"** (xét đầu, trở lại cuối, nên biết thuyết sống chết). Chỉ cần xem biến hóa tự nhiên của vật lý vũ trụ, hiểu lẽ ngày với đêm, thì hiểu sống chết. Ban ngày sống đây, cũng như lúc hoa nở; chết không có gì đáng sợ, chỉ là về, như đêm nghỉ, nên ngủ. Tỉnh rồi như hoa nở lại tỉnh, nên Khổng Tử trong *Kinh Dịch* lại nói **"minh hồ trú dạ chi đạo nhi tri"** (sáng lẽ ngày đêm thì biết). Ta có thể nối với câu trên, thêm hai chữ cho ông: **"minh hồ trú dạ chi đạo nhi tri sinh tử"** (sáng lẽ ngày đêm thì biết sống chết).

Lão Tử nói từ góc khác, "xuất sinh" chính là thông lẽ ngày đêm, có thể nói cùng một lẽ "sinh giả ký dã, tử giả quy dã". "Xuất" là sinh, "nhập" là vào rồi, như diễn kịch: từ hậu đài ra tiền đài, thấy vài người ở đó diễn; diễn xong màn ấy vào rồi, trên sân khấu vẫn trống. Kỳ thực người không chết, chẳng qua vào rồi thôi; cảnh đời người là thế.

Lão Tử nói rất giản "xuất sinh nhập tử": chỉ ở giữa một vào một ra, cũng là một thêm một bớt, một đến một đi, nên không có gì nặng.

Ai nắm sự sống còn hay mất

Ta nắm trước chỗ ấy, rồi xem ông tính sổ nhỏ. "Sinh chi đồ thập hữu tam": **"đồ"** (徒) tức là đường (途); người sống trên đời này, có ba phần mười phần nắm là sống được. "Tử chi đồ diệc thập hữu tam": nhìn từ phía chết trên đời, có ba phần mười cơ hội là sẽ chết. Vậy cơ hội chết cũng ba phần mười, cơ hội sống cũng ba phần mười. Ba phần mười ấy, chính là sức sống của sự sống đang sống.

"Nhân chi sinh, động chi tử địa diệc thập hữu tam": người sống trên đời, tổng phải có hoạt động có luật; vì đang động, có thể ghép về phía chết, cũng có thể ghép về phía sống. Nhưng hoạt động của người, thường vì tri thức thông minh mình mà động bừa, ngược đưa sự sống mình sang đường chết. Nếu ta động về phía "sinh", hoạt động của sự sống có ích cho sống, thì cơ hội sống tăng thành sáu phần mười. Nếu ba món cộng lại, ba phần mười cơ hội là sống, ba phần mười cơ hội là chết, ba phần mười cơ hội đều ở trong động, cộng là chín phần mười, còn một phần.

Phần còn lại Lão Tử không bàn, vì ấy là cái vốn có của sự sống; cái vốn có ấy chính là câu Thượng kinh Lão Tử nói **"tải doanh phách bão nhất, năng vô ly hồ"** (mang theo hồn phách ôm giữ nhất, có thể không lìa nhau chăng?). Đó là Đạo, là nguồn sự sống; tên hiệu của nó gọi là **"nhất"** (一).

Đoạn này nói nguồn sự sống, cũng bảo ta người ra là sinh, vào là chết. Chiều qua nhận điện thoại mấy ông bạn già, đều ngoài tám mươi; có cụ mắt không còn thấy, vợ (chồng) già cũng không còn, con cái cũng lớn, phim, truyền hình cũng không xem được, cái gì cũng không xem được, ngồi nhà, buồn đến tội, đành nhấc điện thoại khắp nơi trò chuyện. Làm người, mình nên có một cảnh đời; người già sợ nhất là trong không có tu dưỡng tinh thần, không chỗ nương; vậy lúc sống, bèn "động chi tử địa diệc thập hữu tam", hết sức tiêu vào đường chết, lại khoe là trách nhiệm đời người. Kỳ thực đến một lúc nào, trách nhiệm không trách nhiệm chẳng dính bao nhiêu; chẳng qua thú mình chưa bỏ, vẫn chỉ là "động chi tử địa" thôi. Đáng tiếc là quên rằng sự sống có thể tự mình nắm.

Tiết này chính nói chuyện tu Đạo, cũng tức lý thuyết và công phu gốc của tu đan kinh, tu thần tiên. Sự sống mình nắm được; nếu một người tinh thần sụp, rũ, hết thảy ấy đều tự tìm phiền.

"Phù hà cố": ông hỏi vì lẽ gì? "Dĩ kỳ sinh sinh chi hậu": trời đất vũ trụ cho người sự sống, cho muôn vật sự sống, sức sinh của nó lớn hơn sức chết. Hai đầu sống chết, sức mỗi bên chiếm ba phần mười, còn ba phần mười thì ở động. Nhưng hướng động, hoặc động về sống, hoặc động về chết, phải xem mỗi người. Ở giữa có một phần, phần ấy trọng nhất, là mình làm chủ được. "Cái văn thiện nhiếp sinh giả": tên "nhiếp sinh" phải chú ý; đây là một lẽ Lão Tử đưa ra trước.

"Nhiếp sinh" là gì? Tôi thường nói đây có hai góc. Gần đây ta dịch một tên từ Tây sang gọi "vệ sinh", nghĩa là bảo vệ sự sống ấy. Bảo vệ sự sống hình như tiêu cực một chút, chỉ là phòng thủ thôi; Đạo gia thì nói "dưỡng sinh", "dưỡng sinh" nên hơn "vệ sinh", có nghĩa tích cực. Nhưng lẽ Lão Tử còn hơn dưỡng sinh, lại phải "nhiếp sinh"; chữ **"nhiếp"** (攝) là tự mình nắm lấy, thế thì không chỉ dưỡng sinh. Vậy thành tiên thành Phật hoàn toàn ở tay mình, mình làm chủ

được. Tên "nhiếp sinh" ấy, chính nói người tu Đạo nắm được sự sống mình, cũng làm chủ được. Vậy người khéo nhiếp sinh, chính cảnh thần tiên Đạo gia đời sau nói; những người ấy tu Đạo, tu được thân tâm tính mệnh, đến cảnh thần tiên.

"Lục hành bất ngộ sĩ hổ, nhập quân bất bị giáp binh. Sĩ vô sở đầu kỳ giác, hổ vô sở thố kỳ trảo, binh vô sở dung kỳ nhận." Đây nói người hiểu nhiếp sinh tu Đạo có thành, đi trong núi không sợ thú dữ. Hổ là phải ăn người; **"sĩ"** (兕) là loài thú dữ trên đầu có sừng, đời sau bảo tức tê giác. Tê giác lớn sản nhiều ở Phi, trên đầu có sừng; gặp thú ấy, người phần nhiều khó thoát chết. Xã hội thượng cổ, vì thú dữ hoành hành, người bất lúc nào cũng có thể bị thú hại; người tu Đạo, Phật gia đời sau cũng nói **"hàng long phục hổ"** (hàng rồng, phục hổ). Tiểu thuyết *Phong Thần Bảng* tả nhiều vật cưỡi của thiên nhân, đều là loài thú. Có người cưỡi kỳ lân, có người cưỡi hổ, cưỡi gì cũng có, chỉ Khương Tử Nha cưỡi một thứ lạ tên "tứ bất tượng". Nhưng tứ bất tượng đúng có loài thú ấy; thời Mãn Thanh, khoảng đời Càn Long và Hàm Phong, ở phương Bắc từng đưa tứ bất tượng vào cung nuôi nhiều năm.

Thần tiên khéo giữ sự sống

Tứ bất tượng chính là tứ bất tượng: hổ không ra hổ, hươu không ra hươu, cái gì cũng không giống, nhưng linh tính rất lớn; nên người có Đạo có thể vào rừng núi, sai khiến thú dữ. Như sĩ, hổ, những thú dữ ấy, sừng húc không đến, vuốt sắc cào không được; lúc đánh trận, đao cũng chém không vào: ấy gọi cảnh thần tiên. Người làm sao được thế? Người lúc chết rồi, theo cái chết chỉ là tác dụng vật chất của bản năng sự sống thôi, còn bản năng bên trong sự sống chưa phát; nên một người có thể tự phát bản năng bên trong, lại tạo tác dụng sự sống. Đó là Đạo gia nói, về lý có thể sống lâu không chết; nhưng chỉ người khéo nhiếp sinh mới có món ấy.

Dưới ông kết: "phù hà cố", sao người có tu dưỡng ấy, có thể đến cảnh ấy? **"Dĩ kỳ vô tử địa"** (vì họ không có đất chết): cũng tức Thiền tông đời sau nói **"liễu liễu sinh tử"** (xong việc sống chết), là nói người vốn không thể có chết. Lại như *Thần tiên thể đạo thông giám* nói, Lão Tử vốn không chết; trước đời Chu, thời Thuấn, Vũ ông chính là Quảng Thành Tử, Bành Tổ về sau cũng là ông, ông ở đời nào cũng là nhân vật giỏi. Ông cũng gặp Hán Vũ Đế, chỉ hóa một tên khác. Mặc đời nào ông cũng hiện, xem có thu được một hai đệ tử không; sau vì không tìm được, ông lại đi.

Lời đồn về Lão Tử, càng nói càng huyền. Xem tư liệu phía *Thần tiên truyện* của Đạo gia, không chỉ bảo Lão Tử không chết, cả Mặc Tử cũng không chết; Mặc Tử đến đời Hán Vũ Đế còn hiện, cũng diễn một phen rồi đi. *Thần tiên truyện* những chuyện lạ ấy nhiều, mặc đều thuộc **"sự xuất hữu nhân, tra vô thực cứ"** (có nguyên do, xét không có chứng) thôi. Bất luận sao, lý Lão Tử cho rằng người có thể nắm sống chết của sự sống mình; nên người tu dưỡng đến nơi, "dĩ kỳ vô tử địa", ông đã bỏ quá trình chết ấy, bỏ luôn "động chi tử địa diệc thập hữu tam", nên cơ hội sự sống còn, mãi nắm trong tay.

Đây không phải cố đùa, mà đúng thế; cũng có thể gọi "chủ nghĩa hiện sinh của Trung Quốc": sự sống người có thể mãi còn. Cái còn thật là **"trường sinh bất tử"** (sống lâu không chết): ấy là lý Lão Tử.

Hạ Kinh · Chương 51

Đạo sinh chi, đức súc chi,

Đạo sinh ra nó, Đức nuôi dưỡng nó,

vật hình chi, thế thành chi.

vật chất tạo hình cho nó, hoàn cảnh hoàn thành nó.

Thị dĩ vạn vật mạc bất tôn đạo nhi quý đức.

Vì vậy vạn vật không ai là không tôn Đạo mà quý Đức.

Đạo chi tôn, đức chi quý, phù mạc chi mệnh nhi thường tự nhiên.

Đạo được tôn, Đức được quý, không ai ra lệnh mà thường là tự nhiên.

Cố đạo sinh chi, đức súc chi;

Cho nên Đạo sinh ra nó, Đức nuôi dưỡng nó;

trưởng chi, dục chi, đình chi, độc chi, dưỡng chi, phúc chi.

làm lớn nó, nuôi nấng nó, hoàn thiện nó, bảo vệ nó, dưỡng dục nó, che chở nó.

Sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trưởng nhi bất tể,

Sinh ra mà không chiếm hữu, làm mà không cậy công, lớn lên mà không sai khiến,

thị vị nguyên đức.

đó gọi là nguyên đức.

Trong chương này, Lão Tử quay lại nói rõ **"dĩ kỳ vô tử địa"** (vì không có chỗ chết), nên tự nắm được sống chết của sự sống, khiến mình mãi tồn tại. Đồng thời lời giải chương này cũng chính là chỗ khai triển chương hai mươi mốt Thượng kinh.

Đạo giữ sự sống và xử thế: bốn lạng gạt nghìn cân

"Đạo sinh chi, đức súc chi, vật hình chi, thế thành chi" (Đạo sinh ra nó, Đức nuôi dưỡng nó, vật chất tạo hình cho nó, hoàn cảnh hoàn thành nó): bốn giai đoạn ấy là gốc sự sống của muôn vật vũ trụ, sinh sinh không dứt. Tư tưởng văn hóa Đạo gia Trung Quốc gọi gốc sự sống ấy là Đạo. Trên triết học phương Tây, có thể nói là cái bản thể siêu hình ấy; nhà tôn giáo gọi là Thượng Đế, hoặc chủ tể, hoặc thần, hoặc Như Lai, chân như, Phật: nhiều tên gọi khác. Trong văn hóa Trung Quốc, tên gọi khác có hai loại: một gọi Đạo, hoặc gọi Trời; còn một dùng tên gọi bằng số lý, gọi là Dịch. Kỳ thực đều cùng một thứ.

"Đạo sinh chi": Đạo là thể; có thể ắt có dụng, tức bản thân đã đủ công năng sự sống ấy. Nhưng phải thêm "Đức"; "Đức" dùng để giữ gìn nó, nuôi nó, tức **"đức súc chi"** (Đức nuôi dưỡng nó). Có "Đạo" mà không có "Đức" nuôi giữ, thì "Đạo" ấy không thể tu thành. Ta xem sách Phật gia cùng các sách tôn giáo so sánh khác, khi nói đến "Đạo", đều phải chú trọng đạo đức trong việc làm; không có đạo đức trong việc làm thì "Đạo" tu không thành. Nói khác, một người ngồi thiền tu Đạo, ngoài ngồi mà nói, ngồi mà định, còn phải đứng dậy mà làm. Vậy hạnh đạo đức là nền tu Đạo. Tử Tư trong *Trung Dung* nói: **"cẩu vô kỳ đức, bất cảm tác lễ nhạc yên"** (nếu không có đức ấy, không dám làm lễ nhạc). Không có hạnh thiện thật, không có thành tựu đạo đức, thì "Đạo" ấy tu không thành, nên "đạo sinh chi, đức

súc chi". "Đạo" chính là sức "sinh" của sự sống, bằng như đã có nguồn động lực. Nhưng nguồn ấy, nếu không có công cụ tương đương nắm cho chắc, sẽ bị phí. Muốn dùng nguồn ấy cho đúng, chính là "đức súc chi".

Thể và dụng hai phía, lúc nào bắt đầu phát dụng? "Vật hình chi, thế thành chi": những vật chất vạn hữu trong vũ trụ chỉ là hình tượng do "Đạo" và "Đức" tạo thành thôi, có công dụng thứ ba; nên có thể có dụng, rồi sinh ra hình tượng muôn vật. Sau khi thành hình tượng vạn hữu, liền cấu thành 势 (thế), ấy là một sức, tạo thành một sự sống, hoàn thành những gì một sự sống cần. Ví như một hạt giống, gieo vào đất, ấy là "đạo sinh chi"; nhưng phải được ánh nắng, không khí, nước nuôi nó, ấy là "đức súc chi". Từ từ hạt ấy từ đất nhú mầm, nở hoa kết quả, cuối cùng ta ăn được quả như táo, xoài, ấy là "vật hình chi". Nhưng hôm nay gieo một hạt, không phải mai đã được quả; phải có một sức hình thành, ấy là "thế thành chi". Từ từ thành, từ từ lớn; nên trên dụng, 势 (thế) có địa vị cực trọng.

Lẽ ấy của Lão Tử là nói 势 (thế) khiến muôn vật vũ trụ tồn tại, từ công năng bản thể mà khởi, rồi nuôi "Đức". Về hạnh người, chính là đạo đức lớn lên, mới có một kết quả; trong quá trình cấu thành kết quả ấy, điều trọng nhất chính là sức của thời gian và không gian.

Nói đến 势 (thế), trong văn hóa Trung Quốc, nói hay nhất là *Tôn Tử binh pháp*, chủ trương dùng 势 (thế). Lẽ ấy có thể nói từ tư tưởng Đạo gia mà ra, cũng tức từ chỗ này của Lão Tử mà phát. Nhiều năm trước, nói chuyện với một tướng hải quân Mỹ; vì là bạn, nói cười, ông nhắc đến *Tôn Tử binh pháp*. Tôi nói, nay tư tưởng quân sự các nước phương Tây các vị, chỉ chuộng lực, không hiểu cái diệu của 势 (thế). Các vị chỉ nói có bao nhiêu lực, bao nhiêu nhà máy chế binh khí, bao nhiêu thép, bao nhiêu nguyên liệu vật tư, có mấy quả bom nguyên tử, đều lấy lực mà tính thắng thua. Nếu thắng thua thật chỉ dựa những thứ ấy mà quyết, thì Trung Quốc ta thảm rồi: ta cái gì cũng không có, chỉ có một quả trứng vịt muối. *Tôn Tử binh pháp* Trung Quốc nói 势 (thế), không phải so lực, tức cái gọi bốn lạng gạt nghìn cân. Một thứ nặng bốn lạng, có thể xoay, đẩy mở một thứ nặng nghìn cân. Ấy chính là 势 (thế): lấy ít đánh nhiều, một người đánh tan mấy trăm vạn người!

Tôn Tử binh pháp bày lẽ 势 (thế) rất thú vị. Tôn Tử tả 势 (thế) chỉ một câu: **"như chuyển viên thạch ư thiên nhận chi sơn giả"** (như lăn đá tròn trên núi cao nghìn nhận), còn gì không nói. Bí quyết Tôn Tử chính câu ấy: xoay một tảng đá tròn trên **"thiên nhận chi sơn"** (núi cao nghìn nhận). Hệ đo lường người xưa, bảy thước đã bằng một nhận cao, khoảng bằng một trượng nay; "thiên nhận chi sơn" bằng núi cao chừng một vạn thước trên không nay, có một tảng đá, nặng không quá năm mươi cân, nhưng hướng không định, vo vo mà xoay. Thế là, hết thảy chỗ phía dưới đều phải báo động, ai cũng phải sẵn sàng trốn, vì ai cũng có thể bị trúng mà chết. "Chuyển viên thạch ư thiên nhận chi sơn" là một 势 (thế); nhưng đợi tảng đá ấy vừa rơi xuống đất, chỉ nặng năm mươi cân, thì có sức lớn gì? Trẻ đi mệt, tè một bãi lên trên, đá chân cho nó lăn lăn, tảng đá chẳng còn oai gì. Nhưng khi tảng năm mươi cân ấy giữa không vừa xoay, 势 (thế) ấy một khi thành, trăm nghìn vạn người đều phải chạy. Vậy Tôn Tử một câu ấy, đã nói rõ lẽ 势 (thế): bốn lạng có thể gạt nghìn cân.

"Thế thành chi": sức sự sống hình thành thành 势 (thế); hiểu lẽ ấy mới hiểu tu Đạo. Nên phải nắm chặt 势 (thế) ấy; bất luận ngồi thiền, học Phật, luyện công phu; thậm chí lúc khí mạch trong thân động, chỉ cần nắm 势 (thế) ấy, sức sự sống có thể kéo về. Ví như y học Trung Quốc, có lúc với người bệnh cũng có công hiệu cứu sống. Thầy thuốc cao minh thật, lợi dụng sức sự sống còn tồn tại của 势 (thế) vi tế cuối cùng trong sinh lý bản thân người bệnh, thuốc vào vừa đúng lúc điều sức sự sống ấy lên, cứu được người. Y đạo đến mức ấy, gần với "Đạo" rồi. Dù chỉ là một thuật trên y học, đều là trí tuệ cao; ấy không phải thầy thuốc Trung y đọc vài quyển sách y thường có thể hiểu. Vậy hình tượng muôn vật, sự hình thành vạn hữu, cùng sự hình thành sức sự sống, đều liên với 势 (thế). Nên nắm sức 势 (thế) ấy rất trọng. Ngoài ra, cái gọi thời thế tạo anh hùng, anh hùng tạo thời thế: thời gian cũng là một 势 (thế) trọng.

Trang Tử nói **"cự phong khởi ư bình mạt"** (gió bão khởi từ ngọn bèo). Lúc bão vừa lên, ngoài biển, trên sông, thấy một lá bèo nổi trên mặt nước, bỗng bèo lay, từ dưới bèo nổi lên một bọt nước, lập tức cảm gió lên. Ban đầu chỉ từng ấy, rồi càng lay càng lớn, dần thành bão, có thể thổi sập núi. Tâm bão cũng càng xoay càng lớn; tâm bão trống, gọi mắt bão, trong ấy ngột lắm, nóng lắm, không gió, cũng không mưa: do một 勢 (thế) hình thành một sức.

Công năng sự sống cũng thế. Có người ngồi thiền có cảnh nóng trong, sức trong thân dậy, cũng là lẽ bão lên. Công phu tu trì học Đạo học Phật, nếu không hiểu lý vật lý, lý y học, không hiểu những lẽ triết ấy, thì không cách tiến. Trong quá trình tu trì, mỗi cảnh, mỗi tình huống hiện, đều phải biết lẽ của nó, biết dùng 勢 (thế) ấy, rồi thành nó, mới được hiệu sống lâu không già; không thì ngược tu thành ngắn mạng, rút năm, thì uổng lắm.

Bốn trình tự "đạo sinh chi, đức súc chi, vật hình chi, thế thành chi" chính là nguyên tắc thế giới vật lý từ huyễn hữu mà thành hình, cũng tức đạo nắm sự sống, đồng thời lại là một nguyên tắc lớn của đạo làm người xử thế, đạo thành sự nghiệp. Bốn trình tự ấy nếu khai triển, mang nghĩa rất sâu, cũng rất nhiều; điều ấy ta phải từ từ tự thể hội, tự hiểu.

Đạo được tôn, Đức được quý: không phải giả đạo đức

"Thị dĩ vạn vật mạc bất tôn đạo nhi quý đức" (vì vậy vạn vật không ai là không tôn Đạo mà quý Đức): đây Lão Tử chỉ ra chỗ trọng của "Đạo" và "Đức". Dĩ nhiên thời Lão Tử, quan niệm hai chữ "đạo đức" không phải quan niệm đời sau, đời nay của ta. Người thường nay tưởng thái độ với người với việc ấm ớ ngờ nghệch chính là đạo đức; kỳ thực cái dáng ấy không phải đạo đức, mà là kẻ giả đạo đức, là hạnh rất xấu. Đạo đức là với thiện ác phải trái có nhận định đúng, lại có việc làm, không phải "trung dung" người thường nói. Cái trung dung người thường nhận, không phải nghĩa trung dung thật, chỉ là hồ đồ, mập mờ, phải trái không phân, thiện ác không rõ của kẻ giả đạo đức. Khổng Tử nói: **"Hương nguyện giả, đức chi tặc dã"** (kẻ giả đạo đức là kẻ hại đức). Loại người gọi giả đạo đức ấy, nhìn bề ngoài như rất có đạo đức, kỳ thực làm thiện không được, làm ác cũng không dám, căn bản không đáng nói đạo đức. Một kẻ giả đạo đức, trong mắt dân quê, là người hiền bừa, thế thôi. Đáng than là, quan niệm đạo đức đời sau, gần như đều thuộc phạm vi giả đạo đức.

Coi "Đạo" thành đạo đức, cũng sai; giải thích thật của "đạo đức", trong học thuyết Lão Tử là bốn chữ, cũng có thể nói sáu chữ, ấy là "đạo sinh chi, đức súc chi". Cái gọi "Đạo" cho người sự sống, cho người an toàn, là sinh sinh không dứt. "Đức" có thể nuôi muôn vật, nuôi chúng sinh, nên "vạn vật mạc bất tôn đạo nhi quý đức". "Tôn đạo" là tôn trọng thể của nó; "quý đức" là chú trọng dụng của nó. Đây Lão Tử chỉ ra chỗ trọng của thể và dụng.

Ông lại nhấn: **"đạo chi tôn, đức chi quý, phù mạc chi mệnh nhi thường tự nhiên"** (Đạo được tôn, Đức được quý, không ai ra lệnh mà thường là tự nhiên). Ông nói "Đạo" ấy sao đáng tôn thế? "Tôn" là tôn trọng, là cao. "Đạo" ấy cao xa thế, vĩ đại thế, phi thường thế! "Đức" là dụng phát từ "Đạo", lại quý thế. Hết thảy ấy ai làm chủ? Thượng Đế ư? Bồ Tát ư? Hay A-la ư? Rốt cuộc đấng nào làm chủ? "Phù mạc chi mệnh": gốc sự sống trong ấy, không thể nói, không thể bày! Không thể lấy cái nhìn tư tưởng vị lợi đời người mà giải. Ấy là một sức của chính bản thân, là chí thiện **"nhi thường tự nhiên"** (mà thường là tự nhiên).

Muôn vàn phải chú ý: cái gọi "tự nhiên", không phải "tự nhiên" của khoa học tự nhiên trong gần một trăm năm nay. "Tự nhiên" của khoa học tự nhiên đời nay, chỉ mượn tên "tự nhiên" của Lão Tử mà gọi "khoa học tự nhiên". Thời Lão Tử, căn bản không có những tên như "khoa học tự nhiên". "Tự nhiên" của Lão Tử là một tên ông đặt, mang nghĩa là: bản thân vốn vậy, cũng tất phải vậy, không cần giải thích thêm, gọi là "tự nhiên". Nên ông nói "đạo chi tôn, đức chi quý, phù mạc chi mệnh nhi thường tự nhiên": không có một người khác làm chủ, không có một sức khác, không ai ra lệnh, là "Đạo" bản thân có công năng như thế.

Công dụng Đạo Đức của trời đất tự nhiên

Quan sát hiện trạng vạn hữu vũ trụ, "đạo sinh chi" chính là một sự sống, "đức súc chi" công năng ấy sinh sinh không dứt. Vừa rồi ta ví "Đạo" như hạt giống, "Đức" ví đất phân v.v., **"trưởng chi dục chi"** (làm lớn nó, nuôi nấng nó): để nó lớn, nuôi cho tốt. "Đình chi độc chi": 亭 (đình) là một lối tả, đứng thẳng, đứng thẳng thướt; "độc chi" không phải đầu độc chết nó. Chữ 毒 (độc) đời xưa chính nghĩa "trị", là chữ "trị" của "chính trị", có nghĩa trị liệu, sửa sang, là tự nhiên mà sửa. Vào rừng nguyên thủy mà xem, những cây cao lớn, phủ khắp núi, vào rồi tối không thấy trời. Từ khi trời đất mở, không ai sửa; vậy mà cành lá giữa cây với cây, tự nhiên sửa rất chỉnh, tránh nhau không chồng. Tôi muốn lớn, nó cũng muốn lớn, nên hai bên không ngại, nhường đường nhau: ấy chính "đình chi độc chi".

"Dưỡng chi phúc chi" (dưỡng dục nó, che chở nó): bảo vệ nó, nuôi nó. Trời đất vạn hữu sinh ra, tự nhiên chứa nuôi rất nhiều thứ; một con chim, một con sâu, đều tự nhiên sống tiếp, mỗi thứ có công năng sự sống riêng. Không phải Thượng Đế giúp, mà sống tiếp tự nhiên thế, cũng là lẽ tự nhiên.

Nhưng cuối cùng về thể Đạo siêu hình. Ta xem thể Đạo trời đất này: **"sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị"** (sinh ra mà không chiếm hữu, làm mà không cậy công). Trời đất vũ trụ này sinh vạn hữu, đều không thu bất kỳ thứ nào làm của mình. Hết thảy tự nhiên sinh lên, lại giao hết cho trời đất, không nhất định giao cho loài người; nhưng loài người ích kỷ chiếm lấy. Loài người tự nhận là linh của muôn vật: lợn thì phải cho ta ăn; trâu thì ngờ nghệch cũng phải cho ta ăn: nên loài người rất xấu. Trời đất dù sinh vạn hữu, không nghĩ chiếm một chút nào.

"Vi nhi bất thị": trời đất vĩ đại này, sinh vạn hữu, công lớn thế, nó không kiêu, không cho là công lớn, các ngươi đều phải nghe ta; cũng không bảo Thượng Đế đến truyền đạo, cầm dao nói với người tin thì được cứu, không tin thì giết. Bộ ấy không phải đạo trời. Dù trời đất vạn hữu công đức lớn thế, tự không có lòng cậy, không có lòng kiêu.

"Trưởng nhi bất tể" (lớn lên mà không sai khiến): nó chỉ giúp muôn vật lớn, không làm chủ tể bất kỳ vật nào trong muôn vật; nó không ra ý, mà để ngươi tự sinh; diệt chết cũng tự diệt, nó cũng không hại ngươi. Nó mong ngươi lớn được; đáng tiếc người tìm không ra lẽ sự sống mình. Dù ngươi tự sinh tự diệt, sau nó lại sinh ngươi ra, mãi sinh sinh không dứt.

"Thị vị nguyên đức" (đó gọi là nguyên đức): chữ 元 (nguyên) đây chính là 玄 (huyền); sách cũ vốn là "huyền đức". Đời Tam Quốc, Lưu Bị nước Thục Hán, hiệu gọi Huyền Đức, chính từ câu này của Lão Tử. Người xưa lấy tên rất tốn tâm sức, cần học vấn nhiều sách. Chữ "bị" của Lưu Bị chính lấy từ thiên này của Lão Tử, nghĩa muôn vật đều đủ; biệt hiệu ông lấy hai chữ "huyền đức". Lấy tên thế, bằng bảo Lưu Bị: trong đời này, lúc nào cũng phải hiểu công dụng "Đạo" và "Đức" của lẽ vật lý tự nhiên, phải luôn tự nhắc tự gắng, xử lý đời mình, đồng thời phải tự tu thân dưỡng tính, sự sống mình có thể nắm được.

Hạ Kinh · Chương 52

Thiên hạ hữu thủy, dĩ vi thiên hạ mẫu.

Thiên hạ có khởi đầu (căn nguồn), lấy đó làm mẹ của thiên hạ.

Ký đắc kỳ mẫu, dĩ tri kỳ tử;

Đã biết được cái mẹ, thì biết được con;

ký tri kỳ tử, phục thủ kỳ mẫu,

đã biết được con, lại giữ cái mẹ,

một thân bất đãi.

thân mất đi mà không bị tiêu diệt.

Tắc kỳ đoái, bế kỳ môn, chung thân bất cần;

Bịt lỗ (dục vọng) lại, đóng cửa lại, trọn đời không mệt nhọc;

khai kỳ đoái, tế kỳ sự, chung thân bất cứu.

mở lỗ ra, lo toan việc đó, trọn đời không thể cứu vãn.

Kiến tiểu viết minh; thủ nhu viết cường.

Thấy cái nhỏ gọi là sáng suốt; giữ cái mềm gọi là cứng mạnh.

Dụng kỳ quang, phục quy kỳ minh, vô di thân ương.

Dùng ánh sáng của nó, lại trở về sự sáng suốt của nó, không để thân mình gặp tai họa.

Thị vị tập thường.

Đó gọi là tập thường.

Về gốc vũ trụ: mẹ thiên hạ

Chương này bằng như kết luận chương hai mươi hai Thượng kinh. Chương hai mươi hai cuối nói **"thành toàn nhi quy chi"** (thật thì trọn mà về), tức toàn quy, về chỗ ấy. Đồng thời, chương hai mươi từng nói **"ngã độc dị ư nhân nhi quý thực mẫu"** (riêng ta khác người, quý việc ăn nơi mẹ). Nếu theo chữ mà giải, "thực mẫu" dịch ra tiếng thường là "ăn mẹ": người sao lại ăn mẹ được? Trên đời có một loài chim, còn một loài thú, một loài côn trùng, sinh ra đã ăn mẹ, người mắng chúng là đồ xấu. Kỳ thực người cũng ăn mẹ! Sinh ra đã bú sữa mẹ mới lớn. Nay có bà mẹ không sữa, lấy sữa bò thay, dù sao vẫn mẹ cho ăn, vẫn là "thực mẫu".

Lão Tử muốn ta hiểu chỗ trọng của "thực mẫu". Chữ "mẫu" mẹ này vẫn còn hình tượng; "mẫu" vốn có của sự sống ta, nghĩa là nguồn; về sau Thiền tông gọi bộ mặt vốn có. Phải tìm được gốc vốn có của sự sống này, mới kể là tìm được "thực mẫu", thế thì có thể sống lâu không chết. Nên chương hai mươi có dụng của "thực mẫu"; chương hai mươi lăm cũng có câu **"khả dĩ vi thiên hạ mẫu"** (có thể làm mẹ thiên hạ), tức chữ "mẫu" mẹ này. Trong Phật pháp cũng có lối nói về Phật mẫu, như Chuẩn Đề Phật mẫu. Cái gọi "mẫu", không phải bảo vị Phật Bồ Tát ấy là nữ, mà là gốc sự sống, chỉ nguồn, căn nguyên, vì muôn vật đều do mẫu thể mà sinh.

Ta đã hiểu nghĩa chữ "mẫu", rồi nói chương này của Lão Tử. **"Thiên hạ hữu thủy, dĩ vi thiên hạ mẫu"** (thiên hạ có khởi đầu, lấy đó làm mẹ thiên hạ): đoạn chữ này cũng khó giải, nghĩa cũng không dễ hiểu. Ông nói "thiên hạ":

trong vũ trụ này, có một nguồn; cái ấy ban đầu nhất của bản thân vạn hữu, chính bản thể siêu hình. Bản thể phát động, tức "hữu thủy"; gốc sự sống ấy, Lão Tử đặt một tên gọi "thiên hạ mẫu", vạn hữu đều do nó sinh ra. Nên trước phải tìm được nguồn ấy. **"Ký đắc kỳ mẫu"** (đã được cái mẹ), tìm được nguồn, **"dĩ tri kỳ tử"** (lấy đó biết con), liền nhận ra con nó; con do mẹ sinh, tìm được mẹ, tự nhiên nhận ra con. Nói khác, trước tìm được gốc; sau khi tìm được gốc sự sống, có thể hiểu sự sống hiện có của mình, cùng sức sự sống lớn lên: ấy cũng là con của nó.

Về sau Đạo gia cái gọi luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, chính từ con mà tu đến mẹ: đem sự sống hậu thiên trở về tiên thiên, tu đến cảnh thần tiên sống lâu không chết. Nên nói **"ký tri kỳ tử, phục thủ kỳ mẫu"** (đã biết con, lại giữ cái mẹ): quay lại tu đến chỗ nguồn ban đầu ấy. Người đời sau học Đạo gia có một câu nổi tiếng: **"nhược yếu nhân bất tử, trừ phi tử cá nhân"** (muốn người không chết, trừ phi chết một người). Lợi hại thế! Trừ phi chết một người: chết là người nào? Là chết chính mình. Nên Đạo gia đồng thời có hai câu: **"vị tử tiên học tử"** (chưa chết trước học chết): chưa chết đã học chết trước; **"hữu sinh tức sát sinh"** (có sinh thì giết sinh): có một chút sinh cơ, ngươi phải giết nó. "Vị tử tiên học tử" là gì? Vì người tu Đạo chính là không chết được tâm niệm hậu thiên. Mọi người ngồi thiền, dụng công, đều là vừa nói, lấy chủ nghĩa vị lợi cầu hiệu, mau cầu một thành tích ra, mình mau được thần thông, mau được trí tuệ, mau thế này thế kia. Tự cho đã tu ba năm, năm năm rồi… tâm niệm không chết thế, thì mãi tu không thành. Nên "nhược yếu nhân bất tử, trừ phi tử cá nhân": phải chết tâm niệm lúc mình đang sống, cả lòng tu Đạo cầu Đạo cũng thanh tịnh xuống, mới có thể tìm được cái vốn có của sự sống. Ít ra phải như Lão Tử bảo ta: không tìm mẹ, tìm con cũng được.

Thượng kinh từng nói phải về cảnh trẻ thơ, cái gọi **"chuyên khí trí nhu năng anh nhi hồ"** (gom khí đến mềm, được như trẻ thơ chăng). Dưới Lão Tử cũng nói **"cốt nhược cân nhu nhi ác cố"** (xương yếu gân mềm mà nắm chặt). Nói khác, thân mềm đến như không xương. Nếu lấy ngón bóp, quá sức sẽ bóp nát. Trẻ thơ gân xương mềm, ngã xuống đất cũng không thương, vì cả thân trên dưới trong ngoài mềm, không chống; dù trầy chút da, cũng không như người lớn hoặc người già, ngã là phải nằm viện! Vì tinh khí thần phần nhiều đã tan. "Ký tri kỳ tử": lại quay quan sát trẻ thơ, nó không có ý niệm phải trái, không có ý niệm tốt xấu, không có ý niệm thiện ác, cũng không có ý niệm khổ vui. Bụng đói thì khóc; vừa cười, vừa khóc, vừa ăn, ba việc cùng lúc, không dụng tâm, hết thảy tự nhiên.

Còn "mẫu": cảnh trẻ thơ trong thai mẹ, hồn nhiên một thể, tức cái hồn nhiên Lão Tử nói. Mọi người cố sức ngồi thiền tu Đạo, làm được hồn nhiên chăng? "Phục thủ kỳ mẫu" chính lẽ ấy; biết được con, lại **"phục thủ kỳ mẫu, một thân bất đãi"** (đã biết con, lại giữ cái mẹ, trọn đời không nguy): trọn đời đến già đều không vấn đề, không nguy. Nói khác, tức không thể có chết.

Làm sao bớt hao tổn sự sống

Nếu làm không được thì sao? Lão Tử đây bảo ta một phép tu Đạo: **"tắc kỳ đoái, bế kỳ môn, chung thân bất cần"** (bịt lỗ lại, đóng cửa lại, trọn đời không mệt nhọc). 兌 (đoái) là tên quẻ trên *Kinh Dịch*, **"đoái thượng khuyết"** (quẻ Đoái khuyết phía trên): dưới hai vạch ngang, vạch ngang trên giữa đứt làm hai, ấy là quẻ Đoái. "Đoái vi trạch" là nước, tượng biển; trên thân người là miệng, là chỗ có lỗ hổng, có khuyết. Lão Tử nói lúc ngồi thiền tu Đạo, miệng ngậm lại, đừng nói. Trên thân người không chỉ một lỗ, cộng chín lỗ, chín chỗ hổng, nên cả thân phải đóng kín, tức ý đừng để lọt khí. Đạo gia có hai câu: **"khai khẩu thần khí tán, ý động hỏa công hàn"** (mở miệng thần khí tan, ý động lửa công nguội). Người tu hành Đạo gia thường lặng ít nói, vì phải giữ nguyên khí! "Tắc kỳ đoái": kỳ thực 兌 (đoái) cũng không hoàn toàn chỉ chỗ miệng mở trên thân, cũng chỉ sự thấm lọt trên tâm lý. Bất luận thấm lọt sinh lý hay tâm lý, đều phải làm cho viên mãn; mắt tai đều phải đóng kín hết.

"Chung thân bất cần": nếu giải trên mặt chữ, bọn thanh thiếu niên lười, hình như có thể cầm câu này đưa bố mẹ xem, đẩy rằng đây học "chung thân bất cần" của Lão Tử, nên không cần đọc sách làm việc. "Chung thân bất cần" không phải "cần" của siêng năng, mà tả cả đời không tất bật, trước sau thong thả; cũng tức đạo trung dung *Đại Học*, *Trung Dung* nói: xử thế thong thả đúng đạo, ấy là "chung thân bất cần".

"Khai kỳ đoái": một người lúc sống, cố sức tiêu sự sống mình, chín khiếu chín lỗ mở hết; "tế kỳ sự": cả ngày tất bật, cả đời bận việc đời. Thế thì người ấy "chung thân bất cứu", cứu không nổi! Tiêu đến hết thì thôi.

"Kiến tiểu viết minh, thủ nhu viết cường" (thấy cái nhỏ gọi là sáng; giữ mềm gọi là mạnh): một người thật muốn trở về cái vốn có của mình, phát triển sự sống mình, thì đừng tiêu tinh thần mình trong việc đời hậu thiên. Sự sống thân này của ta, như pin khô: nạp không nhiều mà tiêu rất nhanh, thoáng cái đã cạn. "Kiến tiểu" là làm sao bớt tiêu dùng; "viết minh" là giữ gìn tốt, từ từ thành một ánh sáng lớn. Phải dùng keo một chút, tiết một chút, mới giữ thân này tồn tại lâu. Sự sống vũ trụ cho ngươi chính là nạp điện; nắm được, từ từ nạp, ánh sáng liền lớn. Trước tu Đạo, tuy nhìn ánh sáng nhỏ, cuối cùng thành tựu, dùng ra thì lớn vô cùng. "Thủ nhu viết cường": giữ kết quả "thủ nhu", hết thảy mềm, tính khí tình cảm đều lắng, đến cảnh gọi là ôn nhu. "Thủ nhu" đến cực chính là kiên cường, sự sống ấy mãi kéo dài.

"Dụng kỳ quang, phục quy kỳ minh" (dùng ánh sáng của nó, lại trở về sự sáng của nó): nói đến ánh sáng, phải nói mắt ta. Tôi thường nói, đèn nay quá mạnh; mãi đọc dưới đèn mạnh thế, hai mắt trợn như bóng đèn dán vào sách, mắt ai cũng đọc hỏng, thành cận thị nặng. Năm ấy ta đọc sách đâu có điện! Lúc điện mới tới, người quê còn cầm diêm châm, lạ sao không sáng! Khi ấy đều thắp đèn dầu thanh, sau thắp dầu hỏa, gọi đèn dầu Tây. Ánh đèn dầu Tây nhỏ ấy, với nến quán bò bít tết, quán cà phê nay, chỉ từng ấy; nên nay thấy thứ đèn ấy thân đặc biệt. Dưới đèn ấy xem sách, hoặc xem tiểu thuyết, mắt chẳng hỏng. Thanh niên nay mắt là xem sách mà hỏng, vì không biết "dụng kỳ quang".

Tôi thường bảo mọi người: xem sách đừng dán mắt vào sách; phải đặt sách phía trước, dùng mắt kéo chữ sách về, phản trong óc. Ví mình chính là máy ghi hình; cuối cùng gấp sách, câu ấy trang nào, hàng mấy, ấn tượng đã để trong óc. Nên đọc sách, điều trọng nhất là "dụng kỳ quang". Dù nay đã cận thị, nếu biết dùng ánh sáng, lúc mắt xem vật, lấy ý niệm kéo hình vật về, cận thị sẽ giảm. Ánh mắt càng bắn thẳng ra trước, càng hại mắt.

Nhiều bạn cận thị đeo kính, nhìn rất mệt! Mắt trợn to, như đèn rọi bắn ra, mắt ấy dĩ nhiên càng ngày càng hỏng. Cách nhìn đúng, như xem phim: mắt nửa mở nửa khép, để hình ảnh màn hình vào, xem xong thì biết; cùng lắm, người hay khóc theo phim khóc một trận, chỗ buồn cười thì cười, qua rồi thôi. Vậy đừng trợn mắt, thần đưa lên màn dán xem; kích thích sóng điện sóng ánh sáng vật lý ấy phá thần kinh mắt, óc cũng không linh, tư tưởng cũng không linh, phản ứng cũng chậm. Người đeo kính, phản ứng đều chậm thế: ấy bảo các vị lẽ "dụng kỳ quang", là phải đem ánh sáng ấy soi ngược, quay lại soi vào trong mình.

"Phục quy kỳ minh": ấy là thật. Nắm chặt câu Lão Tử này, làm cho nghiêm, bạn cận thị nghe tôi nói *Lão Tử* cũng nghe vài tháng, không thể nghe suông! Phép này chẳng ngại thử. Chỉ vài chữ "dụng kỳ quang": xem vật cố ít bắn thẳng ra như đèn rọi, phải kéo hình vật về, thu hết hình ảnh ánh sáng vào thần kinh mắt mình; từ từ thị lực, sức óc, thông minh, trí tuệ sẽ trở lại, thế mới "phục quy kỳ minh".

"Vô di thân ương" (không để thân gặp tai): nếu không biết "dụng kỳ quang", ấy tự tìm rắc rối, tự tạo khổ; nếu "dụng kỳ quang", không chỉ thần quang mắt tốt, lại có thể tu đến đạo sống lâu không già. "Thị vi tập thường": trên Lão Tử đặt một tên, gọi "huyền đức"; nay ông lại đặt một tên gọi "tập thường", tức nghĩa thường luyện. Luyện gì? Luyện trở về cái vốn có của sự sống vĩnh hằng ấy.

Hạ Kinh · Chương 53

Sử ngã giới nhiên hữu tri, hành u đại đạo, duy thi thị úy.

Giả sử ta có hiểu biết chắc chắn, đi theo Đại Đạo, chỉ sợ lạc đường.

Đại đạo thậm di, nhi dân hiếu kính.

Đại Đạo rất bằng phẳng, mà dân lại thích đường tắt.

Triều thậm trừ, điền thậm vu, thương thậm hư.

Triều đình rất được tu sửa, ruộng đồng rất hoang phế, kho tàng rất trống rỗng.

Phục văn thái, đái lợi kiếm, yếm ẩm thực, tài hóa hữu dư;

Mặc áo đẹp, đeo gươm sắc, chán ngán ăn uống, của cải dư thừa;

thị vị đạo khoa. Phi đạo dã tai!

đó gọi là khoe của kẻ trộm. Không phải Đạo đây thay!

Sự nghiêm trọng của việc nhận bố thí

Chương này cũng là lẽ chương hai mươi ba Thượng kinh. Chương hai mươi ba có một câu: **"phiêu phong bất chung triều, sậu vũ bất chung nhật"** (gió cuốn không suốt buổi, mưa rào không suốt ngày). "Phiêu phong" là gió cuồng, đến nhanh đi cũng nhanh; gió cuồng, bão, không thổi suốt ngày suốt đêm. Gió cuồng thường đến trưa dừng một lúc, yếu đi, nên gió cuồng đến không suốt buổi: ấy cũng là 势 (thế). Vậy người phải hiểu đời người: lúc phát tài, phát liên tục vài năm thì mau rửa tay, rửa tay chậu vàng còn hưởng cả đời. Nếu toan mãi phát tài, thì "phiêu phong bất chung triều": tiền xã hội này đều cho ngươi kiếm, người khác sao? Việc đời chính là tính xoay, nên nói "phiêu phong bất chung triều".

"Sậu vũ bất chung nhật": mưa sấm mùa hè là "sậu vũ", không mưa suốt ngày, một hai giờ là qua, không thì thành thủy tai. Đây lẽ chương hai mươi ba nói, cũng tức lẽ tất yếu phải trái của vật lý.

Hiểu lẽ ấy của chương hai mươi ba, bèn **"sử ngã giới nhiên hữu tri, hành u đại đạo, duy thi thị úy"** (khiến ta đứng vững mà có biết, đi trên đại đạo, chỉ sợ sự bố thí). 介 (giới) là gì? Chữ Trung Quốc, dưới chữ 人 (nhân) một nét thẳng thành chữ 个 (cá), hai nét thẳng thành chữ 介 (giới): tức dáng một người đứng đó, hai chân nghiêm, đội trời đứng đất, trên đội trời dưới thông đất. Ông nói muốn giới nhiên đội trời đứng đất mà đứng vững, trí tuệ thật là "hành u đại đạo": làm một người quang minh đường hoàng, ngay thẳng không tư với thiên hạ. Nhưng "duy thi thị úy": 施 (thi) là bố thí, phải biết bố thí đáng sợ. Sao đáng sợ? Vì trời đất sinh muôn vật, bố thí cho ta; nói khác, người sống nhờ trời đất muôn vật, nhờ nước nhà xã hội, nhờ bố thí của mọi người. Nhất là thanh niên đô thị nay, mấy người xuống ruộng trồng một hạt gạo? Lại chê cơm nồi điện không ngon; mấy người tự làm một cái áo? Còn chê áo mặc không sướng. Ăn mặc đều ơn chúng sinh loài người cho ta; ta nhận hết thảy bố thí, mà ta không báo đáp: ấy lẽ đáng sợ.

Nên đạo đức thật là đưa ra, không mong thu vào; nhưng sở dĩ người không có đạo đức, vì nghĩ ngược, không đứng vững giữa trời đất, không cho trời đất gì, chỉ nhận. Người đều nhận của cha mẹ, của gia đình, của xã hội, của nước nhà, sự sống mình mới sống. Ta tự soi: có đức gì, năng gì? Cho xã hội, cho nước nhà, cho người khác là gì? Chẳng gì cả! Nên "duy thi thị úy": phải tỉnh lẽ ấy, lúc nào cũng có lòng sợ, xét ý nghĩa sự sống mình ở đâu.

Những kẻ thích đi tắt, xảo trá, lo mình

Dưới nói triết học lịch sử, gồm bệnh chung của xã hội loài người. **"Đại đạo thậm di, nhi dân hiếu kính"** (Đại Đạo rất bằng phẳng, mà dân thích đường tắt): đại đạo rất phẳng rộng, nhưng người lại không thích đi đại đạo, riêng thích đi đường nhỏ. Sang đường không chịu đến vạch đi bộ ở ngã tư, thấy xa quá, muốn đi tắt. Nhìn hai đầu, rồi chạy qua làn xe nhanh, tính không chừng bị xe đâm chết. Đô thị thế, nông thôn cũng thế; lên núi có đường lớn rất phẳng, người leo núi lại thích đi một đường nhỏ khác, nên thường xảy nạn núi.

Câu ấy nghĩa là người đều thích dùng tiểu thông minh. Cứ lấy viết văn: đại văn viết không ra, tiểu văn ai cũng viết hay. Một số người thường chê văn người khác "cũng chỉ thế", "chẳng ra gì"; nếu để chính họ viết thử, nửa câu cũng không ra, đều mắt cao tay thấp. Thấy người khác làm gì cũng không hay, như mình làm hay nhất; thật để họ làm lại thật không xong. Nhiều người chê xào rau cũng thế: món đầu bếp làm cái gì cũng không hay, không thì xì dầu nhiều, thì bảo muối ít; mà chính họ xào trứng cũng không xong. Nên "đại đạo thậm di, nhi dân hiếu kính": người thích chơi tiểu thông minh, thích đi đường nhỏ ấy, ngược ngại mình hiểu đại đạo thật.

Trên sử, có vùng xã hội "triều thậm trừ": "triều" chỉ triều đình, quan phủ quét dọn rất sạch, nhưng đời sống dân không vào nề nếp; kết quả "điền thậm vu": ruộng không ai cày, đất hoang; "thương thậm hư": tài chính nghèo, kho nước trống, người không có cơm ăn, không có áo mặc.

Lấy xã hội nay mà nói, người thường ta chỉ nhận điều hay nước nhà, xã hội cho ta, không đóng góp gì cho xã hội, không cách giúp người khác. Nếu ra nông thôn hẻo lánh mà xem, sẽ thấy vấn đề rất nặng: không ai muốn ở lâu nông thôn. Nhiều thanh niên từ quê ra, học đến tốt nghiệp đại học chuyên khoa; nếu bảo họ về quê, họ mới không làm! Quê đã thành "điền thậm vu, thương thậm hư", chỉ vài ông già ở nông thôn, đến gặt lúa cũng thuê không ra người.

Còn những thanh niên ấy, trong đô thị "phục văn thái": áo mặc bóng bẩy, quần bò mũ lưỡi trai, đeo găng chân gà; "đái lợi kiếm": còn có người mang dùi dẹp, sẵn sàng đánh nhau; "yếm ẩm thực": món ngon đều ăn đến chán, "tài hóa hữu dư": kẻ có tiền thì vẫn có tiền, **"thị vị đạo khoa"** (khoe của kẻ trộm). Ông nói, đây đúng là thổ phỉ thật, bóc lột đạo đức tự nhiên, trái nguyên tắc đạo đức, "phi đạo dã tai": đây không phải đường của "Đạo". Vậy tư tưởng Đạo gia cùng tư tưởng Phật gia như nhau: phải bố thí ra, không phải muốn xã hội giúp ta, mà mong ta giúp được xã hội; không phải người ta đóng góp cho ta, mà mong ta đóng góp được cho người: ấy chính đạo đức.

Thiện kiến giả bất bạt; thiện bão giả bất thoát;

Khéo xây dựng thì không thể nhổ lên; khéo ôm giữ thì không thể tuột đi;

tử tôn dĩ tế tự bất xuyết.

con cháu dùng để tế tự không ngừng dứt.

Tu chi ư thân, kỳ đức nãi chân;

Tu ở bản thân, đức đó mới chân thực;

tu chi ư gia, kỳ đức nãi dư;

tu ở gia đình, đức đó mới dư thừa;

tu chi ư hương, kỳ đức nãi trưởng;

tu ở làng xã, đức đó mới lớn lên;

tu chi ư quốc, kỳ đức nãi phong;

tu ở nước, đức đó mới phong phú;

tu chi ư thiên hạ, kỳ đức nãi phổ.

tu ở thiên hạ, đức đó mới phổ biến.

Cố dĩ thân quan thân, dĩ gia quan gia, dĩ hương quan hương,

Cho nên dùng bản thân để quan sát bản thân, dùng gia đình để quan sát gia đình, dùng làng xã để quan sát làng xã,

dĩ quốc quan quốc, dĩ thiên hạ quan thiên hạ.

dùng nước để quan sát nước, dùng thiên hạ để quan sát thiên hạ.

Ngô hà dĩ tri thiên hạ nhiên tai? Dĩ thử.

Ta dùng cái gì để biết thiên hạ như vậy? Dùng điều này.

Khéo nắm trung tâm sự sống thì không đứt

Mỗi câu chương này, nếu khai triển, đều có rất nhiều tư liệu lịch sử làm chứng, cũng là rất nhiều gương làm người làm việc; ở đây ta chỉ nói nguyên tắc.

"Thiện kiến giả bất bạt" (khéo xây dựng thì không thể nhổ lên): người thật biết xây, cắm một cái gậy xuống đất, người khác cũng nhổ không được. Theo tôi, trừ ông trời dựng một ngọn núi trên đất, người khác đời đời nhổ không nổi, trên đời không có công trình nào nhổ không được, dĩ nhiên cũng không có "thiện kiến giả". Cái thật dựng lên mà lay không nổi, ấy là một câu nói, gồm một học vấn thật, một chân lý, về tư tưởng, về đạo đức, về tinh thần. Như chính Lão Tử là "thiện kiến giả bất bạt": tư tưởng đạo đức của ông, đời sau trải muôn nghìn năm không suy. Bao nhiêu người nghiên cứu ông, bao nhiêu người toan lật ông, nhưng lật không nổi, lay cũng không nổi.

Khổng Tử cũng vậy, dựng một chuẩn nền đạo đức, lay không chuyển. Nên chỉ ông có thể gọi thánh nhân, chỉ ông có thể cùng trời đất tồn tại, như trời đất dựng lên một dãy Himalaya, dựng một dãy A Lý Sơn, không ai lay được thế giới vật lý ấy. Nên chỉ sự dựng đạo đức văn chương là người khác lay không nổi: đó là lẽ "thiện kiến giả bất bạt".

Dùng vào làm người làm việc, dùng vào lập nghiệp, phải có trí tuệ cao, dựng được một cái, tuyệt không ai lay nổi: cũng là lẽ "thiện kiến giả bất bạt".

"Thiện bão giả bất thoát" (khéo ôm giữ thì không thể tuột đi): người thật biết ôm, siết thứ ấy lại, thế nào cũng thoát không ra. "Thiện bão" ấy là gì? Tình yêu chính là "thiện bão giả bất thoát"; tình cảm chính là thứ "thiện bão", ôm lấy bạn, bạn chẳng có cách nào, vì giải thoát không nổi; nếu thật giải thoát được, thì đã thành tiên thành Phật. Nhìn từ góc khác, Lão Tử cũng bảo ta: với một quan niệm đạo đức, một chân lý thật, phải ôm chặt, tuyệt đối đừng bỏ. Nếu với chân lý đạo đức, hăng một lúc lại nghỉ một lúc, lúc lười lúc lại ghét, ấy vì mình chưa thật nắm được chân lý đạo đức, dĩ nhiên không phải "thiện bão giả".

"Tử tôn dĩ tế tự bất xuyết" (con cháu dùng để tế tự không ngừng dứt): hiểu câu "thiện kiến giả bất bạt, thiện bão giả bất thoát", ví như hiểu một bí quyết; đem bí quyết ấy dùng vào học vấn, tu đức nghiệp, hoặc làm gì cũng được, đều thọ dụng không cùng, có thể lập công muôn đời, dựng nghiệp nghìn thu, tức cái gọi "tử tôn dĩ tế tự bất xuyết", đời đời để lại cho hậu thế. Ta lấy vài vị giáo chủ tôn giáo mà nói: Lão Tử, Khổng Tử, Phật Thích-ca Mâu-ni, Giê-su, Muhammad, Môi-se, v.v., đều là "thiện kiến giả bất bạt". Họ dựng một cái, một khuôn đạo đức, một chuẩn tư tưởng, có thể cùng mặt trời tồn tại; trừ khi mặt trời nổ tan, giáo hóa của họ đời đời còn.

Tôi thường bảo các bạn trẻ: sự nghiệp một người, có khi còn là sự nghiệp suốt đời, cả đời có tiền, có danh, có địa vị, có quyền lực, nhưng nhiều lắm mười năm hai mươi năm, qua rồi hết, cuối cùng cả người cũng không còn thấy. Ví dụ, ta tùy tiện hỏi một câu: tên họ Đường Thái Tông là gì? Nếu hỏi trên chương trình truyền hình, khán giả trả lời ngay, có lẽ hơn hai phần ba trả lời được, ít nhất một phần ba đã quên tên họ ông, mà lúc ấy ông oai phong mấy chục năm.

Lại xem mấy người kia thì khác hẳn: ấy là Thích-ca Mâu-ni, Khổng Tử, Lão Tử, Giê-su, v.v., bỏ hết thảy đời này, dựng sự nghiệp nghìn thu muôn đời; chỉ cần trái đất, mặt trăng, mặt trời ba thứ còn quay, sự nghiệp họ đời đời còn: đó là "thiện kiến giả bất bạt, thiện bão giả bất thoát", không ai có cách thoát khỏi khuôn họ dựng. Dù bạn nói bao nhiêu lẽ, sức ảnh hưởng của họ trước sau còn. Dù là học thuyết chống họ, nhìn đã không ưa, kỳ thực kẻ chống đã chịu ảnh hưởng họ. Đó là lẽ "tử tôn dĩ tế tự bất xuyết", nghìn thu muôn đời không mục.

Nhà Phật thường dùng hai chữ "giải thoát", nghìn thu muôn đời cầu "giải thoát", nhưng người thường đời đời giải thoát không nổi. Sao Lão Tử đặc biệt nêu "thiện kiến giả bất bạt, thiện bão giả bất thoát"? Đây gần cùng lẽ chương hai mươi ba Thượng kinh. Xét riêng, ý thứ nhất là "thiện kiến": tức một cái dựng đến cực vững, thì đời đời không đổi, đời đời không lay. Thứ hai là "thiện bão": trên đã nhắc, **"thiên địa vạn vật, phụ âm nhi bão dương"** (trời đất muôn vật, lưng âm mà ôm dương); trong vũ trụ chỉ âm dương là hai sức thuận nghịch, nhau mà cọ, nhau mà liên; hai sức ấy như sức hướng tâm sức ly tâm, cũng như mu bàn tay lòng bàn tay, đời đời siết cùng nhau.

Từ hai câu ấy, cũng khiến ta hiểu: phải nắm trung tâm sự sống, mới không sinh không tử. Nói đến "phụ âm nhi bão dương", lấy âm dương nơi thân người thường mà nói, như khí với huyết, tinh thần với thân xác, đều là âm với dương. Ta thường không ôm nguyên về nhất được với nhau, đều vì âm dương không cân, không hòa, nên từ từ tan, tan thì dẫn đến chết. Nếu âm dương cân nhau, thường ổn định không đổi, bèn có thể thoát khỏi trạng thái biến dị sống chết, tức cái gọi trường sinh, cũng tức câu "tử tôn dĩ tế tự bất xuyết". Nắm được hai việc "thiện kiến" và "thiện bão", thì con cháu đời sau đời đời nối, cũng tức đời đời kiếp kiếp sự sống kéo dài không dứt.

Lẽ kéo dài không dứt, Lão Tử không nói rõ: rốt cuộc nói hạnh đạo đức tâm lý, hay hạnh làm công phu thân tâm, Lão Tử không nói thẳng; nhưng cũng có thể nói hai phía đều liên, hàm nghĩa nhiều. Dưới lại khai triển giải thích.

Tu thân, tu nhà, tu làng, tu nước, tu thiên hạ

"Tu chi ư thân, kỳ đức nãi chân" (tu ở bản thân, đức đó mới chân thực): muốn sự sống mình đời đời còn, phải hiểu "thiện kiến giả bất bạt, thiện bão giả bất thoát". Thế nào là "thiện bão"? "Phụ âm nhi bão dương". Thế nào là "thiện kiến"? Điều này ta phải nghiên cứu. Mọi sự dựng, không cái nào không bị phá. Ví dựng một căn nhà vững, cuối cùng vẫn phải hỏng; thế giới vật lý không thứ nào giữ đời đời, thứ ôm lấy cuối cùng cũng phải buông. Cái gì phá không nổi? Cái gì ôm lấy mà giải thoát không ra? Chỉ có "vô vi chi đạo", thanh tịnh vô vi, đó là đạo thể. Đạo thể đời đời không nhổ được, đời đời ở đó không động.

Ngồi thiền tu hành, học Phật học Đạo chính là tu thân, "tu chi ư thân, kỳ đức nãi chân". Nhưng tu thân không phải dựng một cái, nên trong ý không được cho là làm công phu ngồi thiền thì có Đạo, không ngồi thiền thì không có Đạo. Nếu ngồi thì có, không ngồi thì không, ấy là dựng một cái, nên không kể là tu thân. "Kỳ đức nãi chân" là đạo thể hợp nhất; nói theo nhà Phật, là **"như như bất động"** (vốn vậy, không động).

"Tu chi ư gia, kỳ đức nãi dư" (tu ở gia đình, đức đó mới dư thừa): lẽ này khai triển đến làm người làm việc, cho đến tu thân tề gia; ý gốc Lão Tử cũng là lấy Đạo mà trị, không phải vô vi tuyệt đối.

Phương Tây cũng khá có người nghiên cứu văn hóa Đạo gia, nhất là tư tưởng *Lão Tử* và *Kinh Dịch*, hiện đang thịnh ở Âu Mỹ. Nhưng họ nhiều lắm chỉ hiểu kiểu theo chữ mà giải nghĩa, chưa hẳn đã thật hiểu tinh thần Đạo gia Lão Tử. Từng có người viết thư bảo tôi, nói người Do Thái thấy trẻ đánh nhau, ngã xuống đất, tuyệt không kéo trẻ đang đánh, cũng không bế đứa đã ngã, vì họ học đạo vô vi của Lão Tử. Bề ngoài xem, lẽ dường cũng không sai, nhưng vô vi kiểu người Do Thái ấy, kỳ thực là hữu vi: hai đứa đã đánh nhau rồi, đã ngã rồi, sớm đã hữu vi. Vô vi là gì? Vô vi nói trước khi hiện tượng việc xảy ra, không nói sau khi đã xảy; lúc đã có hành động, không thể nói là vô vi, vì đã vào hữu vi. Lẽ hữu vi của Lão Tử, là phải trở về vô vi, ấy mới là đạo Lão Tử.

Nói đến đạo trị nhà, người Trung Quốc ta xưa là không thêm không bớt, giữ đức tổ âm công; với ơn đức tổ tiên, không dám tùy tiện đổi. Quan niệm tục lệ ấy khiến văn hóa ta mấy nghìn năm cố định một hình thái. Lấy lý thuyết hiện đại mà nói, đó cũng là nguyên nhân trọng yếu mấy nghìn năm ta không tiến, không phát triển. Việc gì có lợi ắt có hại; lấy ý Lão Tử mà xem, thà đời đời không bệnh, cũng không cần sửa, còn hơn cầu tiến rồi sau khi tiến lại đi sửa những hiệu ứng xấu, nên nó đời đời cố định, đời đời là thường thái.

Bề ngoài xem, điều này ngược với hiện tượng tiến hóa xã hội; kỳ thực nguyên lý như nhau, vì tiến là biến dần, không phải đột biến, là tiến chậm, có thể giảm sinh hiệu ứng xấu.

Nên ông nói "tu chi ư gia, kỳ đức nãi dư": lấy phép trị vô vi ấy, tinh thần và nguyên lý "thiện kiến giả bất bạt, thiện bão giả bất thoát", mà tu thân tề gia, gia đình tự được phúc, kết quả hạnh đạo đức ấy là "nãi dư". Chữ "dư" này phải đặc biệt chú ý. Nhiều gia đình cổ Trung Quốc ta, ở gian giữa hoặc trước cổng treo biển **"gia hữu dư khánh"** (nhà còn phúc thừa). Còn một số tục địa phương, đêm giao thừa hoặc tiệc mừng, món cuối nhất định là cá. Lúc ấy khách rượu hết tiệc tan, tuyệt không ăn con cá ấy, ý là để lại cho chủ, tỏ chủ vui mừng có dư (鱼 (ngư) cùng âm 余 (dư)). Đó là chuyện xưa; dĩ nhiên nay nhất định ăn hết cá rồi hãy nói.

Tục cổ ấy là một đạo ở nhà trọng yếu, mục đích dạy đời sau làm sao dựng tinh thần đạo đức ấy, truyền cho con cháu. Vì tích dư đạo đức, giá trị hơn tích dư tài sản muôn nghìn lần; dư khánh của đạo đức mới là "gia hữu dư khánh" thật. "Dư khánh" là công đức âm đức thừa lại đáng mừng; nhưng nếu cầu có dư, ắt phải dùng tiết, dùng ít; thà dùng tiết dùng ít, còn không bằng không dùng, đều để cho người sau. Nên đạo vô vi chính là "thiện kiến giả bất bạt, thiện bão giả bất thoát".

Lẽ này mở rộng xuống, chính là "tu chi ư thân, kỳ đức nãi chân; tu chi ư gia, kỳ đức nãi dư; tu chi ư hương, kỳ đức nãi trưởng; tu chi ư quốc, kỳ đức nãi phong; tu chi ư thiên hạ, kỳ đức nãi phổ". Mấy chữ "chân", "dư", "trưởng", "phong", "phổ" chữ khác nhau, lẽ đều như nhau, cũng tức tu thân, tề gia, trị quốc cho đến bình thiên hạ. Từ mở rộng tu dưỡng đạo đức cá nhân, ảnh hưởng đến gia đình làng xóm cùng xã hội, lại nâng đạo đức xã hội, ảnh hưởng đến nước, khiến nước ấy hớn hở vượng, rồi lấy tinh thần đạo đức ấy tu ở thiên hạ, cả thế giới mới có thể vào hòa hợp đạo đức phổ biến.

Từ đây thấy một sự thật: Nho Đạo hai nhà tách nhau là chuyện sau Tần Hán; trong ghi chép sử, trước tác học thuyết trước Tần Hán, nhà Nho nói tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ; nay ta đọc chương *Lão Tử* này, cũng cùng một ý. Nên Nho Đạo trước Tần Hán vốn cùng một đường, chẳng qua cách bày khác thôi. Đây chính bảo ta làm sao tu thân, làm sao tề gia, làm sao trị quốc, làm sao bình thiên hạ. Tiếp theo, Lão Tử dưới từ góc khác, nói trí tuệ người cùng xem một việc, nên bắt đầu từ đâu.

Từ xem thân đến xem thiên hạ

"Cố dĩ thân quan thân, dĩ gia quan gia, dĩ hương quan hương, dĩ quốc quan quốc, dĩ thiên hạ quan thiên hạ" (cho nên dùng bản thân để quan sát bản thân, dùng gia đình để quan sát gia đình, dùng làng xã để quan sát làng xã, dùng nước để quan sát nước, dùng thiên hạ để quan sát thiên hạ). Đọc *Lão Tử* là đọc sách sống; trí tuệ người thượng cổ từ trải nghiệm đời sống mà ra. Lẽ sự sống là "dĩ thân quan thân", từ lẽ trong thân mình mà xem mình, tìm ra một chân lý. Nên chỗ trọng ở một chữ "quan".

Chữ "quan" này, Thượng kinh *Lão Tử* chương một, chương mười sáu và chương hai mươi sáu đều từng nhắc, đặc biệt chương hai mươi sáu **"tuy hữu vinh quan, yến xứ siêu nhiên"** (dù có đài vinh, ở yên mà siêu nhiên). Chữ 观 này, âm đọc gần 灌 (quán). Chữ Trung Quốc ta có hai chữ rất lạ: một là 寺 (tự), nhà Phật gọi chỗ người xuất gia ở là tự; một là 观 (quan), miếu Đạo giáo gọi là quán. Kỳ thực hai chỗ "tự" và "quan", trong văn hóa thượng cổ Trung Quốc, là nơi cơ quan chính phủ. Phật giáo đời Hán Minh Đế truyền vào Trung Quốc, có hai hòa thượng Ấn Độ đến, triều đình nhà Hán xếp họ ở Bạch Mã Tự. Lúc ấy Bạch Mã Tự chưa phải chùa hòa thượng, mà là cơ quan chính phủ, như nay Bộ Quốc phòng hoặc Tổng cục Hậu cần hoặc một nhà khách thuộc Bộ Ngoại giao. Đến nhà Thanh, trong cơ quan chính phủ còn chức "Quang Lộc Tự" và "Quang Lộc Tự Khanh". Vì nhà Hán ban đầu xếp hòa thượng Ấn Độ ở Bạch Mã Tự, sau theo đó, chỗ hòa thượng ở bèn gọi "tự", miếu Đạo gia gọi "quan". Đường bắt đầu có Đạo giáo, chùa Đạo giáo bèn gọi "quan".

Một loại kiến trúc cổ gọi "quan"; ta đọc *Lễ ký*, đều biết trong đó có *Lễ vận · Đại đồng*, ấy do Khổng Tử sau khi dự một đại lễ tế mà sinh ra. Tế tự chính cử hành trong công trình "quan" ấy. Sau đại điển, Khổng Tử đối với lịch sử sinh cảm thán lớn, nên ông ở hành lang "quan" ấy, mới sinh tư tưởng đại đồng. Chương hai mươi sáu Thượng kinh *Lão Tử* nói "tuy hữu vinh quan, yến xứ siêu nhiên", là bảo sinh trong môi trường tốt nhất, đừng để môi trường mê, phải siêu thoát ra ngoài môi trường; dù có công danh phú quý, sống dư dả, ở nhà đẹp, của nhiều, nhưng không được vật chất ấy trói. Đó là lẽ "tuy hữu vinh quan, yến xứ siêu nhiên"; "yến xứ" tức thường ngày đều phải có một tâm tình siêu ra ngoài vật.

Nay nói "dĩ thân quan thân", chữ "quan" này không phải vinh quan; "quan" của vinh quan và "quan" của quan thân khác nhau. Quan thân là "quan" của quan sát, nghĩa là tỉnh sát. Thân thể làm sao quan được? Ta thấy người học Phật học Đạo chuộng ngồi thiền, bảo mắt xem mũi, mũi xem tâm: ấy lại xem thế nào? Cái gọi mắt nhìn mũi, nhìn chót mũi, tập trung tầm nhìn hai mắt vào một điểm chót mũi; lâu có người hóa mắt lé, huyết áp cũng cao, thần kinh cũng hỏng.

Còn mũi xem tâm: mũi không có mắt, làm sao xem tâm? Trừ khi ngồi thiền cúi đầu xuống ngực, mũi mới xem được tâm; nếu thế thì hỏng. Nhà Đạo nói mắt xem mũi, mũi xem tâm, là một ảnh tượng; chữ "quan" này nghĩa là "quán chú": một thứ trên ý thức, từ mắt xuống đối mũi, mũi đối hõm ngực, suốt quán chú thôi. Không phải ngồi thiền còng lưng, nhắm mắt, tự cho thế là ngồi thiền, là lão tăng nhập định. Đó rất sai, nên với chữ "quan" này phải đặc biệt chú ý.

"Quan" nói đây, giải theo phía Phật học, là "quan" của quán chiếu. Sách Đạo gia tu Đạo có một câu, **"nội chiếu hình khu"** (soi vào trong hình hài), là chú trọng nội chiếu. Nên nói phương pháp tu Đạo của Đạo gia, không thể bảo hoàn toàn không đúng, không cần vì kiến môn hộ mà phủ nhận người khác.

Bốn chữ tu Đạo, chính là **"thu thị phản thính"** (thu tầm nhìn, trở lại nghe): đem tầm nhìn ta nhìn ra ngoài thu về. Thanh niên học sinh nay, vì đối phó thi cử cố đọc sách, đọc thành cận thị, vì hai mắt mở, như đèn pin, phóng ra ngoài, chú sách, kết quả sách không đọc thông, mắt đều đọc hỏng. Đọc sách phải có ý "thu thị", đem tinh thần từ tầm nhìn thu về. "Phản thính": tai không nghe ra ngoài, đem tiếng như máy ghi âm thu về trong, cũng tức chỉ thu tiếng ngoài, tiếng còn lại không nghe thấy. Người thường, ắt đưa tai ra ngoài nghe người nói. Người tu Đạo thì không, mà khiến tiếng người tự hồi vào tai. Lẽ xem ánh sáng cũng vậy, khiến ánh sáng ngoài tự về mắt mình. Công phu tu Đạo "thu thị phản thính", chính là nguyên tắc ấy. Các nhà các phái ngồi thiền tu Đạo, nhà Phật gọi "quan" hoặc "chiếu", cũng tức lẽ "thu thị phản thính" của Đạo gia.

"Dĩ thân quan thân" chính là "thu thị phản thính"; nếu làm được "thu thị phản thính", tự sẽ "nội chiếu hình khu". Nên có nhiều người tĩnh tọa rất tốt, mắt vừa nhắm ánh mắt soi vào trong. Cái gọi "nội chiếu", là tinh thần thu vào trong; lúc tinh thần thu, máu trong thân chảy, mình đều thấy rõ; trong thân chỗ nào có bệnh, hoặc không bệnh, cũng thấy rất rõ. Dĩ nhiên ít người làm được thế, nhưng làm được thế cũng không phải chuyện lớn, chẳng qua bước đầu tĩnh tọa, cũng tức bước đầu "nội chiếu hình khu" thôi.

Sự sống đi tới kết cuộc thế nào

Làm được "dĩ thân quan thân", bèn có thể thấy sự sống mình đi tới già thế nào, đi tới chết thế nào, thấy rất rõ. Nên từ cá nhân mình lấy thân mà xem thân, tìm ra nguyên tắc tu dưỡng sự sống, rồi xem người khác, xem người thiên hạ. Người thiên hạ thật đáng thương, vì phần nhiều người thiên hạ đều đem công năng vô tận của sự sống tiêu gấp, vô duyên vô cớ đi làm hy sinh vô ích, tiêu hao vô ích. Nên người phải thật "dĩ thân quan thân", chạm thực tế đời sống, mới tìm được nguồn sự sống.

"Dĩ gia quan gia": muốn hiểu đạo nhà, làm sao có thể tề gia, phải xem đạo hưng suy của chính gia đình mình, thấy cơ trước; rồi xem mỗi gia đình trên xã hội, hạnh đạo đức mỗi nhà, sẽ thấy đều có luật nhân quả tất nhiên.

Cùng lẽ ấy, "dĩ hương quan hương, dĩ quốc quan quốc, dĩ thiên hạ quan thiên hạ". Người có trí tuệ lớn, với tương lai thiên hạ nước nhà, rốt cuộc biến thế nào, không cần mê tín đi hỏi quỷ thần gì, chỉ dùng trí tuệ mà xem, "dĩ thiên hạ quan thiên hạ" thì rất rõ.

Ngoài ra là Trang Tử sau Lão Tử Đạo gia, cũng từng nói một câu, **"tàng chu ư hác"** (giấu thuyền trong khe núi): thuyền vốn đi trên sông biển, tưởng giấu vào thung lũng thì thuyền ấy đời đời giữ được. Nhưng giấu trong thung lũng vẫn không chắc, vì **"hữu lực giả phụ chi nhi tẩu"** (kẻ có sức lớn vác đi), có một sức khổng lồ có thể khiêng thuyền đi. Ông bảo tốt nhất là **"tàng thiên hạ ư thiên hạ"** (giấu thiên hạ trong thiên hạ), cũng bằng bảo giấu hư không trong hư không, thì đời đời không ai trộm được. Nhưng đem thiên hạ, đem trái đất giấu trong hư không, bạn cho giấu rất khéo, giả sử trái đất do một tạo vật chủ làm ra, vẫn là "hữu lực giả phụ chi nhi tẩu", nói trái đất này trước sau có một

sức khác quay, không thứ nào cố định nó không động. Ví dụ, bạn giấu tiền giấy trong tủ sắt, dường giấu rất khéo, cường đạo cả tủ sắt khiêng luôn. Thứ trên đời đều thế: bạn giấu một cái cực khéo, lại có một sức không thể biết, sau khi bạn giấu xong, lấy cả khối đi.

Sức ấy là gì? Là nguồn sự sống. Nên nay nói đến "dĩ thiên hạ quan thiên hạ", lấy việc thiên hạ xem thiên hạ, mới hiểu được thiên hạ; lấy gia đình xem gia đình, cũng mới hiểu được gia đình; lấy sự sống nghiên cứu sự sống, mới thật hiểu sự sống thật của mình. Lão Tử nói đến đây, lại nói **"ngô hà dĩ tri thiên hạ nhiên tai"** (ta dùng cái gì để biết thiên hạ như vậy)? Tôi làm sao hiểu lẽ thiên hạ, làm sao biết hết thảy sở dĩ thế? Ông bảo tôi không có khéo nào khác, chỉ một câu "dĩ thử"; "dĩ thử" tức dùng cái này, dùng gì? Chính những điều trên nói, "dĩ thân quan thân, dĩ gia quan gia, dĩ quốc quan quốc, dĩ thiên hạ quan thiên hạ". Hết thảy xem rõ rồi, sự sống thật mình mới nắm được. Người làm được, đều sợ dựng một cái, vì dựng được thì hỏng được; nắm một cái, ôm một cái thì mất, đều là tình thường đời người.

Nhưng người rất đáng thương, tổng mong có một cái ôm không rơi, dựng lên không hỏng, nhưng tìm không ra cái ấy. Đó là gì? Lão Tử không nói thẳng; nhưng vừa rồi đã nhắc vô vi chi đạo là gì, chính là không dựng. Không dựng thì không sợ tháo, không nắm nó, nó đời đời đứng đây. Ông lại ngược bảo ta: cái không dựng, không nắm, mà đời đời còn ấy, rốt ở đâu? Ở chính sự sống bạn vốn đã đủ, chỉ là bạn tìm không ra. Làm sao tìm? "Dĩ thân quan thân, dĩ hương quan hương, dĩ quốc quan quốc, dĩ thiên hạ quan thiên hạ." Cái gốc sự sống bạn, đã đủ công năng vô tỷ, Đạo vô thượng; Đạo không cầu ra ngoài, mà ở chính bạn. Đó là "ngô hà dĩ tri thiên hạ nhiên tai"? Tôi làm sao biết thiên hạ có một lẽ tất nhiên ấy? Chính dùng phép lấy mình xem mình, bèn tìm ra chân lý ấy.

Lấy mình xem mình, dường chẳng có gì lớn, nhưng ta nghĩ kỹ, lại thấy thật lớn. Có nhiều người tu Đạo, học Phật, ngồi thiền, làm công phu, thử hỏi rốt ở đó làm gì? Đều không quay lại tìm mình; nếu vào trong mình mà tìm, cái Thiền tông nói hoát nhiên đại ngộ, bèn hoàn toàn thông. Lão Tử cũng tức nói lẽ ấy.

Chương dưới tiếp khai triển lẽ dĩ thân quan thân.

Hạ Kinh · Chương 55

Hàm đức chi hậu, tỉ ư xích tử.

Người hàm chứa đức dày, ví như đứa trẻ sơ sinh.

Phong trãi hủy xà bất chý, mãnh thú bất cứ, quyết điểu bất bác.

Ong độc, bò cạp, rắn độc không chích; thú dữ không cắn; chim dữ không cào.

Cốt nhược cân nhu nhi ác cố; vị tri tẫn mẫu chi hợp nhi toàn (tuyền) tác, tinh chi chí dã.

Xương yếu gân mềm mà nắm tay chặt; chưa biết sự hợp nhau giữa âm dương mà dương vật cương cứng, đó là tinh khí đến tột bậc.

Chung nhật hào nhi bất á, hòa chi chí dã.

Cả ngày khóc mà không khản tiếng, đó là sự hòa hợp đến tột bậc.

Tri hòa viết thường; tri thường viết minh; ích sinh viết tường.

Biết hòa hợp gọi là thường hằng; biết thường hằng gọi là sáng suốt; ích thêm cho sự sống gọi là tường (phúc).

Tâm sử khí viết cường; vật tráng tắc lão, vị chi bất đạo, bất đạo tảo dĩ.

Tâm điều khiển khí gọi là cứng mạnh; vật tráng thịnh thì già đi, gọi đó là không hợp Đạo, không hợp Đạo thì mau tàn.

Đứa trẻ thơ thuần hậu tự nhiên

Chương này cũng tức khai triển chương hai mươi lăm Thượng kinh. Chương hai mươi lăm Thượng kinh nói một nguyên lý, nói **"nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên"** (người noi đất, đất noi trời, trời noi Đạo, Đạo noi tự nhiên). Nhưng "Đạo" noi cái "tự nhiên" nào? Đây từ "dĩ thân quan thân" mà ra, nhưng "dĩ thân quan thân" lại thế nào?

"Hàm đức chi hậu, tỉ ư xích tử. Phong trãi hủy xà bất chý, mãnh thú bất cứ, quyết điểu bất bác" (người hàm chứa đức dày, ví như đứa trẻ sơ sinh. Ong độc, bò cạp, rắn độc không chích; thú dữ không cắn; chim dữ không cào): đó chính là "dĩ thân quan thân". Lấy sự sống người mà nói, chương mười Thượng kinh từng nói **"chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ"** (gom khí đến mềm, có thể như trẻ thơ chăng). Về sau người luyện thái cực quyền, ai cũng từng dùng hai câu ấy làm hiệu; nhưng muốn thật luyện đến "chuyên khí", ấy là một luồng nguyên khí tiên thiên, là hồn nhiên một khối.

Nguyên khí người không phải khí có hình; nhưng người luyện quyền nay, cố hút không khí vào, như bơm lốp, ấy rất sai. Nên có người thái cực quyền luyện không âm không dương, trong mây trong sương, luyện chẳng ra lẽ. "Chuyên khí trí nhu" thật, là khí tiên thiên đầy, cuối cùng đến quên thân, chỉ còn một đoàn khí; đoàn khí ấy mềm đến cực, gân xương thật mềm, như bột nhão. Kỳ thực, sờ gân xương vẫn cứng lắm. Có người luyện quyền, cố giả mềm mềm, như muốn ngủ, gọi là "túy bát tiên" hoặc "la hán tháp", như say rượu, nhưng ấy căn bản không phải nguyên khí.

"Chuyên khí trí nhu" Lão Tử nói, mềm đến mức nào? Thân người mềm nhất thiên hạ, chính là trẻ vừa sinh, sách cổ gọi "xích tử". Sao gọi "xích tử"? Trẻ vừa sinh, cả thân đỏ hoe sắc đỏ, nên gọi xích tử. 赤 (xích) là đỏ; xích tử cả thân đều sắc máu, khiến người cảm thấy không dám bế; người luyện quyền càng không dám bế, vì xích tử như một đống đậu phụ, sợ chạm vỡ. "Hàm đức chi hậu", nói tu dưỡng đạo đức làm công phu, như làm đến cảnh xích tử ấy. Nhà Phật

nói người nhập định, không được gọi, cũng không được chạm, càng không được kéo; cổ có nhiều ghi chép phía ấy. Nhập định thật, không phải ngồi thiền nhắm mắt ngủ, mà như xích tử, nếu kéo tay, có thể kéo tay ra rất dài, mình không thấy lạ, mềm của xương khớp đến mức ấy. Nhưng thả tay ra, lại từ từ co về. Nhưng xuất định rồi, tay ắt đau mỏi, lại phải tu luyện mới phục.

"Hàm đức chi hậu, tỉ ư xích tử": tâm lý trẻ thơ thường, không có ý phải trái, không có ý thiện ác, không có ý tốt xấu, không có ý thơm thối. Bất luận người xấu người tốt đến trêu, nó đều cười, vì trẻ thơ không có ý thức phân biệt hậu thiên. Với xích tử, theo Lão Tử "phong trãi hủy xà bất chý": những độc xà mãnh thú ấy, như bò cạp, ong, thằn lằn, rắn độc, v.v., bò đến bên trẻ cũng không cắn, chỉ rất ít ngoại lệ. Nếu trẻ động một cái, có con nhỏ, bị sợ mới phản công; dù động của trẻ là vô tâm, con nhỏ vì sợ bèn chích phản công. Như ong bay đến mặt ta, đậu không động, bạn không đánh, cũng không đuổi, nó cũng không chích; ong sở dĩ chích người, vì người trước đã có tâm lý sợ nó.

Tôi từng đi đường trong núi thử: bảo bướm "Lại! Lại!" nó bay đến đứng trên tay tôi, còn theo đi nửa đường, rồi bảo nó "Đi đi! Bay đi!" nó bay đi. Đó là cảm ứng; sinh vật như người, có từ bi, có lòng yêu, không có lòng hại. Kỳ thực cũng chẳng gọi lòng yêu, mà là một sự sống tự nhiên, không tranh với người, với sinh vật khác không quan hệ lợi hại. Khi trên người trẻ đậu ong, bèn bảo trẻ đừng động; người không động thì không sao. Ong đậu trên người là đang làm việc, mong tìm một chút mồ hôi; nó chỉ dính một chút mồ hôi là bay, vì ong hái mật trăm hoa rồi, không có một giọt mồ hôi người thấm vào, mật đông không lại. Như ta làm đậu phụ, không bỏ một chút thạch cao, nước đậu nấu xong đông không lại. Nếu ong đến, bạn không đánh, nó cũng không chích; nên với trẻ thơ, Lão Tử nói rắn bò cạp không chích nó.

Kỳ thực, mãnh thú ăn người, với trẻ thơ trước mặt nó, cũng chưa chắc ăn. Sách cổ cũng có ghi: trẻ bỏ giữa đồng, nhiều mãnh thú hoặc sói, hổ, cho đến sư tử vua muôn thú, có chuyện bế trẻ ấy về cho bú nuôi lớn. Nhưng xác một trẻ bỏ đó, mãnh thú sẽ ăn.

"Quyết điểu bất bác" (chim dữ không cào): đại bàng trên không bắt thỏ chạy nhanh, không đến bắt trẻ. Như đại bàng mỏ đỏ trên cao nguyên tây bắc, chuyên ăn thịt, nhất là trên cao nguyên vùng Tây Khang, bạn cầm một miếng thịt, nếu không lấy hai bát úp lại, chưa chắc từ trời lao xuống một con chim lớn, hú một tiếng là ngoạm thịt đi. Nhưng chim tuyệt không bắt người sống, có lẽ đầu bị nó cào một cái rách. Ông bảo chỉ trẻ thơ, "quyết điểu bất bác".

Cái tinh đến cùng của trẻ thơ

"Cốt nhược cân nhu nhi ác cố" (xương yếu gân mềm mà nắm tay chặt): xương trẻ thơ mềm, gân cũng mềm oặt; "ác cố" là gì? Trong Mật tông Phật giáo gọi thủ ấn, Đạo gia gọi khảm quyết. Tay trẻ nắm quyền, ngón cái véo vào lòng bàn tay, gọi "ác cố". Có người Đạo gia ngồi thiền chính thế, nắm ngón cái lại, cái gọi học "ác cố". Trẻ sinh ra tay đã nắm thế, dường muốn nắm một cái. Sao nắm thế? Nghiên cứu kỹ, vấn đề lớn, có thể viết một chuyên luận, bàn lý sinh lý y lý của người.

Trẻ sinh ra đã "ác cố", tay mãi nắm thế; một khi đến già gần chết, bèn buông, tỏ với thế giới này nắm không nổi nữa. Lúc ấy, "thiện bão giả bất thoát", kẻ không khéo ôm thì tuột, biết nắm không nổi nữa.

"Vị tri tẫn mẫu chi hợp nhi toàn (tuyền) tác" (chưa biết sự hợp nhau giữa âm dương mà dương vật cương cứng) (có bản dùng chữ 朘 (tuyền)): trẻ thơ không có niệm dục nam nữ, cũng không có ý niệm giới tính nam nữ; cơ năng sinh lý phát triển tự nhiên, dương vật trẻ thơ tự cương, mà **"tinh chi chí dã"** (tinh đến tột bậc), tinh tự nhiên sinh ra. Nhiều người học Phật, học Đạo, học ngồi thiền, cố luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hoàn hư. Tinh

của tinh trùng noãn tạng hữu hạn trên sự sống, tuy cũng gọi tinh, nhưng không phải tinh của luyện tinh hóa khí. Nhiều người làm sai công phu, nhìn một cái đã biết; những người ấy bất luận học Phật học Đạo, hiểu đều không đúng. Nhìn bề mặt, không phải cả mặt khí đen, thì thấy được ánh đỏ, hoặc đỏ pha đen, đen phát sáng, sáng phát đen. Tình ấy rất nặng, là một tướng bệnh lớn. Kỳ thực, tu hành kiểu ấy đều là chơi đùa, tự tìm phiền. Vì trên tinh trùng noãn tạng có hình trong thân mà làm công phu, thêm dùng khí mạch chuyển đi chuyển lại, kết quả không ai không ra bệnh. Đó không phải "Đạo", cũng không phải công phu.

Tinh là gì? Chương này nói rất rõ với ta, cũng nói đến luyện tinh hóa khí, tu dưỡng tâm lý sinh lý, v.v., trước phải xem bạn có làm được cảnh trẻ thơ ấy không. Trẻ thơ không có lòng phải trái, không có lòng thiện ác, bất luận bạn cho ăn gì, nó phân không ra thơm với thối. Bạn bảo nó không có tư tưởng, không có cảm nhận, kỳ thực nó biết, chỉ không có ý niệm phân biệt, chính nhà Phật thường nói **"vô phân biệt tâm"** (không có tâm phân biệt), đó là tả tình trạng cảnh trẻ thơ.

Có người lại bảo, mình nay trống không, không có tâm phân biệt. Hỏi có thật không? Họ nói: "Phải! Tôi nay không có tâm phân biệt." Trong đó sớm đã phân biệt rồi. Phân biệt cái gì? Phân biệt một cái "không có tâm phân biệt", ấy cũng là tâm phân biệt. Đây là chuyện rất logic, nhưng mọi người không biết; thật đến vô phân biệt tâm, là hồn nhiên một khối. Lời Lão Tử nói rất rõ: đến cảnh ấy, mới thật cái gọi tinh đầy, đây là tinh của tinh thần. Còn luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần đều không bàn nữa, đều ở trong tinh, có thể trừ bệnh sống lâu, trường sinh không chết. Chẳng qua, người ta quá thông minh, làm không được như cảnh trẻ thơ.

Ở chương năm mươi bốn, Lão Tử nêu đạo tu thân "dĩ thân quan thân"; đời sau diễn thành phép Đạo gia tu thần tiên, sống lâu không già, trừ bệnh sống lâu. Nói khác, phép tu tiên ấy từ nguyên lý này phát ra. Vừa nói tinh của chính mình là gì, cũng tức tình trạng tinh của tinh thần; dưới nói khí. Sự sống người gồm tinh khí thần, ba món ấy phải tách ra nghiên cứu.

Giữ khí cho hòa

"Chung nhật hào nhi bất á, hòa chi chí dã" (cả ngày khóc mà không khản tiếng, đó là sự hòa hợp đến tột bậc): "hào" tức khóc, đây là cảnh trẻ thơ; nếu khóc lên, ấy không phải khóc thật. Trẻ thơ khóc lên rất đáng yêu, có lúc khá hay nghe, vì ấy là "hào", không khóc thật từ họng, không khóc khản tiếng. Chữ 嗄 (á) này, là tiếng khàn. Người già rồi, hoặc có bệnh, tiếng bèn đổi. Trẻ thường hát ra là cái gọi đồng thanh, nhưng đồng thanh còn không phải tiếng trẻ thơ; trẻ thơ "hào nhi bất á", đây nói khí trẻ thơ đầy. Khí đầy tức tinh thần đầy; khí giữ hòa, không kích động tình cảm, không động vọng tưởng, lòng đời đời hòa bình. Nên gọi "hòa chi chí dã", chính *Trung Dung* nói **"trí trung hòa"** (đạt đến trung hòa).

"Tri hòa viết thường, tri thường viết minh, ích sinh viết tường" (biết hòa hợp gọi là thường hằng; biết thường hằng gọi là sáng suốt; ích thêm cho sự sống gọi là tường): đây là cảnh thần. Tiết một nói tinh, tiết hai nói khí, lấy trẻ thơ làm ví. Người tu Đạo thật, tu dưỡng chính mình, là lấy "dĩ thân quan thân" mà tu trì. Tiết ba là về dưỡng thần, điều này rất khó giải, cũng dính tâm lý trẻ thơ; trừ khi dùng máy khoa học, nhưng cũng không dễ chính xác. Cảnh trẻ thơ, rốt có tri hay vô tri? Tuyệt đối có tri. Nhưng cái tri của nó không có ý thức thứ sáu; lẽ này ta đành mượn ý nhà Phật mà giải.

Sự sống đến không dễ

Nhà Phật nói nhân quả ba đời; sự sống này chỉ dựa tinh trùng noãn tạng kết hợp cũng không thành thai. Thành thai phải tam duyên hòa hợp, tức ba duyên họp nhau, cũng tức ba nhân tố: tinh trùng nam, noãn tử nữ, cộng linh hồn ta thường nói, nhà Phật gọi chủng tính (hạt giống) của "A-lại-da thức". Ba nhân duyên ấy họp lại mới thành thai nhi. Vào thai rồi? Điều này phải nghiên cứu sinh lý học hiện đại, vì nữ mỗi tháng chỉ thải một hai noãn, đến mãn kinh không còn thải noãn, tức già. Cái gọi già, tức không còn mang thai sinh con; kinh Phật thường có một câu: **"nhân thân nan đắc, hữu như đại hải trung manh quy ngộ phù mộc"** (thân người khó được, như rùa mù giữa biển lớn gặp khúc gỗ nổi). Ý nói, trong biển mênh mông nhiều rùa, bơi loạn đâm đại, chợt gặp một khúc gỗ nổi, trên gỗ có một lỗ, rùa mù ngẩng đầu, vừa đưa đầu vào lỗ ấy. Ta được một thân người, cũng khó được như rùa mù gặp gỗ nổi.

Y học nay cũng biết, một lần tinh trùng thải, gần mấy trăm triệu, chỉ một tinh trùng vừa gặp noãn ấy, cũng như rùa mù trên biển, đâm vào lỗ. Nên một người sinh ra thật rất may, mấy trăm triệu anh chị em đều thất bại, mình may thành. Ta phải nhận ra sự sống không dễ, nên tôn trọng trân trọng đời người mình, yêu tiếc sự sống mình.

Tam duyên hòa hợp vào thai rồi, lớn trong bụng mẹ, bảy ngày một biến; bảy ngày thứ nhất bằng như hồ dán, như một giọt sữa đậu, chưa thành hình. Bảy ngày thứ hai mới bắt đầu sinh thần kinh tủy sống giữa, từ xương sống mà ra, như phân tích chính xác của y học hiện đại. Phật Thích-ca Mâu-ni hơn hai nghìn năm trước, đã nói quá trình sự sống người xảy ra, bảy ngày một biến, ba mươi tám lần bảy ngày, cộng hai trăm sáu mươi sáu ngày, rồi trong thai tạng có một luồng khí, đảo thai nhi mới sinh ra.

Người trời tầng dưới dục giới, đầu đảo xuống mà sinh; người trời tầng trên sinh đi lên, từ vai nam hoặc đỉnh đầu mà sinh ra. Phật làm sao biết? Bạn bảo ông tưởng tượng? Bản đồ tưởng tượng ấy quá lớn; theo tôi nghiên cứu, cổ kim đông tây không một học thuật nào vượt phạm vi ông; mà khoa học từng bước chứng minh, lời ông đều thực, đều thật.

Cái linh của sự sống: đến trước, đi sau

Còn sự Đạo gia định sự sống: trước bụng mẹ, cùng mười tháng thai trong bụng mẹ, đều thuộc phạm vi tiên thiên; vì thời kỳ thai nhi, dựa dây rốn hút dinh dưỡng thân mẹ.

Thai nhi trong thai, có ý thức không? Không có ý thức. Linh hồn này vào thai, gọi đệ bát A-lại-da thức, tương đương phần tinh thần tình trạng tâm lý; sự sống từ đây mà ra. Đệ bát A-lại-da thức kinh Phật nói, dịch ra tiếng Trung là "hàm tàng thức", chứa chủng tính hết thảy quá khứ, hiện tại, vị lai: cái tính của hạt giống. Hạt giống ấy với sự sống, là **"khứ hậu lai tiên tác chủ công"** (đi sau, đến trước, làm chủ ông). "Lai tiên": lúc sự sống bắt đầu đến trước nhất, có nó tức thành thai; "khứ hậu": lúc chết đi sau cùng, nên nói "khứ hậu lai tiên tác chủ công".

Ta thường cho cái làm chủ sự sống chính là thứ này, nhưng không phải cùng cực của "Đạo"; cái này chính ta thường gọi "linh hồn".

Lấy người mà nói, cái gọi chết, thường chỉ hơi thở người hoàn toàn dừng, tức đứt hơi, mạch cũng dừng. Nhưng tình trạng chết mỗi người khác: có người cả thân đã lạnh, hõm ngực còn ấm ấm; theo lẽ nhà Phật, người ấy là người trở lại trong cõi người, còn đến đầu thai làm người. Có người cả thân đã nguội, nhưng đỉnh đầu hoặc chỗ hơi trước vẫn nóng, cho là sẽ lên trời. Cái gọi lên trời, là người có tín ngưỡng tôn giáo, hoặc dù không tín ngưỡng tôn giáo, cả đời người tốt làm việc tốt, người thiện.

Nhưng tôn giáo cũng có cách nói phương tiện: có người dù phần trên nguội sau cùng, nhưng lúc chết mặt mang giận, hoặc mắt không nhắm, có tướng giận, trong hàng trời người ấy thuộc "A-tu-la đạo". Cái gọi thần đạo, ma đạo, có

lễ lên, nhưng lên lại có hơn kém tốt xấu. Còn đi xuống dưới, cái gọi vào súc sinh đạo, ngạ quỷ đạo, địa ngục đạo, hiện tượng sau chết đều khác.

Văn hóa Trung Quốc dựa *Lễ ký*, người chết rồi, lễ cổ thói quen mấy nghìn năm, gọi **"thọ chung chính tẩm"** (mất an tại chỗ chính); cái gọi "chính tẩm", là phòng ngủ chính bậc tôn trưởng nhất trong nhà ở. Khi mất rồi, phải khiêng thi thể ra đại sảnh đặt, gọi "thọ chung chính tẩm". Người nay, phần nhiều chết ở bệnh viện, không kể "thọ chung chính tẩm", phải là thọ chung bệnh viện nọ, cáo phó viết "thọ chung chính tẩm" là không đúng; đó cũng là mâu thuẫn văn hóa ta hôm nay. Trong nhiều văn kiện xã giao ứng đối nay, chỗ không hợp lý hoặc thành trò cười rất nhiều; đây tiện nhắc.

Sách *Lễ ký* Trung Quốc, đến nay đã mấy nghìn năm, vẫn rất có giá trị, vì nó rất khoa học. Ví dụ người sau thọ chung chính tẩm đặt ba ngày mới được nhập quan, ngày thứ nhất thứ hai không được dời. Vì có một bệnh gọi giả chết; nếu trong ba ngày không sống lại, mới xác định chết. Có người chết hai ba ngày lại sống, cổ kim đông tây đều có chuyện ấy; có người bảo đó là chết rồi hoàn dương, kỳ thực không phải hoàn dương, mà chưa thật chết.

Theo lẽ nhà Phật cũng thế: người bị cho là chết, A-lại-da thức chưa hoàn toàn rời; trước khi cả thân chưa hoàn toàn nguội không được dời, cũng không được chạm thân, vì lúc ấy, dù người ấy không biết, nhưng vẫn còn "cảm thụ". Nói khác, phần tri giác hết rồi, phần cảm giác vẫn còn, vẫn sẽ khó chịu, khổ. Đó gọi đầu thai "khứ hậu lai tiên".

Trẻ sinh ra, y học nay rất tiến, nữ hộ sinh cắt dây rốn, lập tức dùng tay mang găng, móc đồ nhơ trong miệng trẻ trước. Thứ ấy gọi thai độc, mùi như bùn, phải móc sạch, không thì trẻ "oa" một tiếng khóc ra, đoàn ấy nuốt xuống. Nhiều người thân sinh ra đã không tốt, chính vì trong miệng không móc sạch, đó là độc cáu tích lúc còn thai. Nghiên cứu tôi cũng có nhiều cái nhìn: nhiều người trung niên mắc ung thư các bệnh, với thai độc này có chút liên. Đây tiện nói một chút thường thức dưỡng sinh.

Có nhiều người ngồi thiền làm công phu, thấy một chỗ khó chịu, lại khám không ra nguồn bệnh. Kỳ thực không có gì, chỉ chút thai độc ấy ở trong quấy. Làm công phu muốn thải sạch thai độc rất khó, nên nói thoát thai đổi xương không dễ.

Người Trung Quốc tả khóc có ba hình thái: có nước mắt không tiếng gọi là khấp, có tiếng không nước mắt gọi là hào, có nước mắt có tiếng gọi là khóc. Cái khóc của trẻ thơ là có tiếng không nước mắt, nên gọi hào. Tiếng khóc này lúc mới sinh rất khổ, vì lúc trong bụng mẹ, bằng như ngủ trên giường ấm, sướng quá; vừa ra bụng mẹ chạm không khí, muôn nghìn lỗ chân lông như mười vạn cây kim nhỏ đâm vào. Chỉ tiếc trẻ lúc ấy không nói được, sau cũng không nhớ; giả sử như ta nay, nó ắt kêu: "Ối! Đau chết tôi rồi!" Trẻ vừa sinh, chỉ tí teo; đợi dây rốn cắt, "oa" cất tiếng khóc, lại chịu ảnh hưởng không khí, bèn đầy lên, lập tức lớn hơn nhiều.

Ý thức hình thành thế nào

Thời trẻ thơ cũng chưa có ý thức phân biệt; lúc thóp đỉnh đầu trẻ còn nhảy nhảy, chưa nói được; đợi chỗ thóp ấy kín, bắt đầu nói, ý thức tư tưởng hậu thiên, tức ý thức thứ sáu trên Phật học mới bắt đầu, tư tưởng phân biệt cũng từ từ lớn. Đợi lớn thành ông già như chúng tôi, ấy là già ngoan cố rồi, vì ý thức càng lâu càng cố. Bèn trong ý thức mình đầy "tôi cho là thế", "sách tôi đọc", "tư tưởng tôi thế nào"… chữ "tôi" ấy càng ngày càng lớn; thành kiến chấp tôi ấy, bèn hóa thành hạt giống. Cái gọi **"hiện hành huân chủng tử, chủng tử sinh hiện hành"** (hiện hành hun hạt giống, hạt giống sinh hiện hành): tư tưởng hành vi nay hóa thành tính hạt giống tương lai, mà tính hạt giống quá khứ lại tạo thành đời người cá nhân mình nay.

Phần ý thức này, nói theo Đạo gia, thuộc phần tinh. Lúc trong thai, thân xác lớn và hô hấp, dựa dây rốn liền mẹ; ý thức thai nhi tuy chưa lớn, nhưng tính "tri" thì có. Nên nghiên cứu y học nay đã thừa nhận, thai giáo Trung Quốc chú trọng từ mấy nghìn năm trước là có lẽ. Giáo dục người, nên bắt đầu từ ngày đầu mang thai; lễ cổ Trung Quốc, nữ mang thai rồi, sách xem đều khác người thường, màu xem cũng khác, thứ xem đều khác, tình cảm cũng phải hòa, vì đều ảnh hưởng thai nhi. Mẹ mang thai nếu trong lòng nghĩ hại người, nghĩ trị người, thai nhi ấy đã ở trong nhận giáo dục ấy, từ từ thành tính, nên thai giáo rất nghiêm trọng.

Thai nhi dựa dây rốn liền mẹ mà thở; sinh ra "oa" một tiếng, miệng mở mới bắt đầu thở bằng mũi hậu thiên. Đạo gia nói ngồi thiền phải đến thai tức; người ngồi thiền nhập định sẽ phục thai tức. Nhưng thai tức không phải bụng thở. Có người chuyên luyện thai tức theo pháp môn Đạo gia, bơm bụng, ấy không đúng. Thai tức thật Lão Tử nói là **"miên miên nhược tồn"** (liên miên như còn), đời đời như thai nhi, có một luồng khí như còn như mất, nhu hòa, yếu.

Vậy trẻ thơ có tri không? Có tri, nhưng không phải ý thức thứ sáu; phần này chính thần ta đang nói. Nên phân loại Đạo gia có ba phần tinh, khí, thần.

Khi tinh khí thần hao hết

Ý niệm Đạo gia đời sau, cho sự sống có thể tự tu dưỡng đến sống lâu không già, nhưng phải uống ba thứ thuốc, chính *Cao thượng Ngọc hoàng thai tức kinh* Đạo gia nói: **"thượng dược tam phẩm, thần dữ khí tinh"** (thuốc trên ba phẩm, thần với khí tinh). Mỗi sự sống đều có thuốc sống lâu không già, chính tinh, khí, thần, nên phải biết làm sao dưỡng tinh, làm sao dưỡng khí, làm sao luyện thần, để đến sống lâu không già, cũng tức "dĩ thân quan thân" Lão Tử nói.

Lão Tử chương này trước lấy trẻ thơ làm ví, trước nói dưỡng tinh; tu dưỡng đến như trẻ thơ, chính là "tinh chi chí dã"; phía tu dưỡng khí, làm được như trẻ thơ "chung nhật hào nhi bất á", thì "hòa chi chí dã". Thần? "Tri hòa viết thường": tức có một tính linh tri tự nhiên; chữ "tri" này không phải tri của ý thức, mà là thần; thần là đời đời, hằng thường. Có lúc nói, tu Đạo sáng rồi chính là thần, là phát hiện linh cảm, phát hiện thần linh, mới gọi sáng, nên nói "tri thường viết minh". Nếu thật hiểu giữ gìn mình, bèn "ích sinh viết tường": tức hiểu sự sống mình, cùng tinh khí thần này, mà trừ bệnh sống lâu, cũng tức đại cát tường của đời người.

Ba phần tinh, khí, thần đều giải rõ rồi, lại nói tình trạng mặt trái, **"tâm sử khí viết cường"** (tâm điều khiển khí gọi là cứng mạnh): đây là hiện tượng người thường ta. Sao người thường không tu đến cảnh trẻ thơ được? Đều do tâm hậu thiên, ép tiêu tinh, khí, thần mình, ép mình hóa bề ngoài trông rất khỏe, kỳ thực là mau tiêu sự sống mình. Kết quả ép tiêu tinh khí thần, bề ngoài dường tinh thần khỏe, nhưng Lão Tử bảo ta: **"vật tráng tắc lão, vị chi bất đạo, bất đạo tảo dĩ"** (vật tráng thịnh thì già đi, gọi đó là không hợp Đạo, không hợp Đạo thì mau tàn). Muôn vật thiên hạ từ non mềm hóa khỏe mạnh, khỏe mạnh lại chuyển già, già rồi là chết. Đó là nguyên tắc tự nhiên của vật lý.

"Vật tráng tắc lão": nên sự sống vừa đến trung niên, tinh thần, thể lực, tri thức đến đỉnh, bước sau là xuống dốc. Các bạn trẻ lâu không gặp, gặp lại, tôi nói: "Quên bạn bao nhiêu tuổi rồi!" Họ đều đáp: "Ối! Ba mươi tám, bốn mươi rồi, sắp xuống dốc rồi." Người đến bốn mươi, sự sống này bắt đầu xuống dốc. "Bất đạo tảo dĩ": "tảo dĩ" dịch ra lời thường, là sắp hết rồi; nói văn ngôn nghe dễ chịu hơn. Lão Tử muốn ta hiểu nguyên lý này, làm sao khiến mình đừng quá sớm xong đời.

Chương này liền chương trên, nói làm sao "dĩ thân quan thân", "nội chiếu hình khu", nắm tu dưỡng tinh khí thần của sự sống mình; không thì "vật tráng tắc lão, lão tắc bất đạo, bất đạo tảo dĩ".

Hạ Kinh · Chương 56

Tri giả bất ngôn; ngôn giả bất tri.

Người biết thì không nói; người nói thì không biết.

Tắc kỳ đoái; bế kỳ môn;

Bịt lỗ lại; đóng cửa lại;

tỏa kỳ nhuệ; giải kỳ phân;

bẻ gãy sự sắc bén; gỡ rối sự rối ren;

hòa kỳ quang; đồng kỳ trần.

hòa dịu ánh sáng; đồng hóa với bụi trần.

Thị vị nguyên đồng.

Đó gọi là nguyên đồng.

Cố bất khả đắc nhi thân, bất khả đắc nhi sơ;

Cho nên không thể đến gần được, cũng không thể xa lánh được;

bất khả đắc nhi lợi, bất khả đắc nhi hại;

không thể có lợi được, cũng không thể gây hại được;

bất khả đắc nhi quý, bất khả đắc nhi tiện.

không thể được tôn quý, cũng không thể bị khinh tiện.

Cố vi thiên hạ quý.

Cho nên là quý giá nhất trong thiên hạ.

Tu dưỡng xử thế nên thế nào

Lão Tử này thật thú vị! Chính ông có bộ sách lớn năm nghìn lời, thường những câu then chốt lại để lộ trước một ít, y như tiểu thuyết võ hiệp: trổ một chiêu, điểm đến là thôi, rồi thu ngay. Chương năm mươi lăm vừa nói đến chỗ then, ông xoay mũi lời, sang chương này lại tự chê mình. Ông nói **"tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri"** (người biết thì không nói; người nói thì không biết): người cao minh nhất, người có trí tuệ thật, là không nói. Người vốn không nên nói mà lại nói, mới là kẻ ngu; ông tự mắng mình. Bạch Cư Dị, thi nhân đời Đường, từng làm một bài thơ:

Ngôn giả bất như trí giả mặc,

Kẻ nói chẳng bằng người trí im lặng,

thử ngữ ngã văn ư Lão Quân.

lời ấy ta nghe từ Lão Quân.

Nhược đạo Lão Quân thị trí giả,

Nếu bảo Lão Quân là người trí,

như hà tự trước ngũ thiên văn?

sao lại tự viết năm nghìn chữ?

"Ngôn giả bất như trí giả mặc" (kẻ nói chẳng bằng người trí im lặng): người thích nói, tuyên dương văn hóa, giảng kinh nói đạo, đều là kẻ ngu, cũng như chúng ta. Người nói đã là không có trí tuệ thật; trí giả thật thì ngậm miệng không nói. **"Thử ngữ ngã văn ư Lão Quân"** (lời ấy ta nghe từ Lão Quân): lời ấy chính Lão Tử tự nói mà! Tôi cũng nghe thế. **"Nhược đạo Lão Quân thị trí giả"** (nếu bảo Lão Quân là người trí): nếu bảo bản thân Lão Tử thật có trí tuệ, **"như hà tự trước ngũ thiên văn"** (sao lại tự viết năm nghìn chữ): ông sao lại viết cuốn sách năm nghìn chữ ấy? Ông rốt cuộc là người trí hay kẻ ngu? Đó là Bạch Cư Dị bày sự hài hước với ông.

Nay cũng mặc Lão Tử trí hay ngu, ông nhân từ bảo ta phép tu dưỡng: **"tắc kỳ đoái"** (bịt lỗ lại). 兌 (đoái) là tên quẻ, quẻ Đoái đại diện miệng, phía trên có chỗ khuyết. Lão Tử nói người tu Đạo trước hết phải ít nói, ngậm miệng không nói. Về lẽ nói năng, theo sử, nhiều nhân vật thành công phần nhiều thuộc kiểu trầm mặc ít lời. Nhưng người trầm mặc ít lời không phải hoàn toàn không nói, mà là nói ít; một khi nói thì đúng chỗ then, rất gọn lại trúng. Đó là một nét của người thành. Còn người tu Đạo, phần nhiều hoàn toàn không nói; nên Lão Tử bảo ta phép tu dưỡng phải "tắc kỳ đoái", tức là không nói.

"Bế kỳ môn" (đóng cửa lại): đem mắt, tai, phàm chỗ đang mở đều thu lại. **"Tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân"** (bẻ gãy sự sắc bén, gỡ rối sự rối ren): có bản chữ 分 (phân) này viết thành chữ 紛 (phân) của rối rắm.

"Tỏa kỳ nhuệ" (bẻ gãy sự sắc bén): tu Đạo thật, phải đem chỗ sắc nhọn nhất của tư tưởng mài thành ôn hòa. Như có thanh niên đến chỗ bậc trưởng giả bàn đạo; đã vì Đạo mà đến, lẽ ra phải nói mình chưa từng nghe đạo, thế mà hắn tỏ ra với Phật đạo đã có chỗ ngộ. Hắn cố cũng rất thông minh, nhưng phạm một điều kỵ lớn: quá sắc nhọn, thông minh cũng là thông minh giả! Người có tu dưỡng thật, chính đến mức "tỏa kỳ nhuệ", đem góc cạnh thông minh sắc nhọn đều mài xuống. **"Giải kỳ phân"** (gỡ rối sự rối ren): chỉ vọng niệm trong lòng, phải trừ hết vọng tưởng phân biệt.

"Hòa kỳ quang" (hòa dịu ánh sáng): đem ánh sáng lộ ra ngoài thu lại; **"đồng kỳ trần"** (đồng hóa với bụi trần): đạo xử thế, đừng lộ chỗ đặc biệt, như người thường, rất bình thường, **"thị vị nguyên đồng"** (đó gọi là nguyên đồng): ấy mới là mẫu của người tu Đạo. 元 (nguyên) chính là chữ 玄 (huyền); người tu Đạo ắt phải hòa ánh sáng, đồng với bụi trần. Tiết này cùng chương năm mươi lăm đều giải lẽ chương hai mươi sáu **"tuy hữu vinh quan, yến xử siêu nhiên"** (dù có cung điện huy hoàng, ngồi yên siêu thoát). Chương này chủ yếu nói rõ, không chỉ là kinh nghiệm tu Đạo, cũng là lẽ làm người xử thế.

Văn hóa Trung Quốc ta có chỗ hay, cũng có chỗ dở; chỗ hay là mấy nghìn năm dạy đời sau, đều bảo ta ít nói. "Họa từ miệng ra, bệnh từ miệng vào": ấy là lời răn cổ nổi tiếng của Trung Quốc. Nhất là mùa hè ăn bừa, đều từ miệng nuốt vào: ấy là "bệnh từ miệng vào". Còn "họa từ miệng ra": tức rắc rối do nói năng mà ra. Lẽ ấy, nhìn thì như muốn nuôi tu dưỡng cao nhất; nhưng nhìn mặt khác, cũng nuôi nên tính dân tộc không quan tâm người khác, không xen chuyện người, chẳng mấy chịu giúp người. Dù nói đạo nhân nghĩa, dưới lời dạy "họa từ miệng ra", "mỗi người tự quét tuyết trước cửa mình, đừng quản sương trên ngói nhà người", lại thiếu lòng từ bi, lòng thương.

Dân tộc ta so với dân tộc khác: dân tộc ta dù không nói tự do cá nhân, nhưng tâm thái ích kỷ ấy còn nặng hơn chủ nghĩa cá nhân của dân tộc khác. Đó cũng là tệ hại do tu dưỡng giáo dục ấy sinh ra. Lão Tử trong tiết này bảo ta lẽ xử thế, chính là đi đường ấy: cố hết sức không nói; làm người xử thế, phải mài thông minh mình đi. Nhất là thanh niên, thông minh đừng lộ ra ngoài, rồi đem sự rối tạp trong tư tưởng bỏ đi, cuối cùng hòa ánh sáng, đồng với bụi trần.

Vậy nghệ thuật cao nhất của làm người là gì? Tức không cao cũng không thấp, không tốt cũng không xấu, rất bình đạm, **"hòa kỳ quang, đồng kỳ trần"** (hòa dịu ánh sáng, đồng hóa với bụi trần), yên ổn qua một đời, hạnh phúc nhất. Ông bảo ấy gọi "nguyên đồng". Lẽ "nguyên đồng", nói một câu giản: tức "bình thường nhất". Làm người muốn đến

chỗ bình thường nhất, cũng không dễ, ai cũng khó làm được. Nếu một người thật làm được bình thường, ấy là thành công thật, cũng là cao minh nhất.

"Bất khả đắc nhi thân, bất khả đắc nhi sơ" (không thể đến gần được, cũng không thể xa lánh được): đến chỗ bình thường nhất, người có tu dưỡng ấy, muốn thân đặc biệt với họ thì không được; muốn sơ với họ cũng không xong. **"Bất khả đắc nhi lợi, bất khả đắc nhi hại"** (không thể có lợi được, cũng không thể gây hại được): cũng không được lợi đặc biệt, cũng không bị hại đặc biệt. **"Bất khả đắc nhi quý, bất khả đắc nhi tiện"** (không thể được tôn quý, cũng không thể bị khinh tiện): nói khác, không thân sơ, không lợi hại, không được mất sang hèn, mãi đứng trên đạo trung dung thật, **"cố vi thiên hạ quý"** (cho nên là quý giá nhất trong thiên hạ). Nên việc làm của người tu Đạo, mãi là đạo trung dung: chẳng cao minh cũng chẳng thấp hèn, chẳng kiêu cũng không tự ti, không có cái ghê gớm, cũng chẳng ghê lên được, mãi là đạo trung hòa.

Đây là kết của chương này; dưới ông xoay một hướng, vẫn nói chỗ dùng của đạo đức.

Hạ Kinh · Chương 57

Dĩ chính trị quốc, dĩ kỳ dụng binh, dĩ vô sự thủ thiên hạ.

Lấy chính mà trị nước, lấy kỳ mà dùng binh, lấy không việc mà lấy thiên hạ.

Ngô hà dĩ tri kỳ nhiên tai? Dĩ thử.

Ta dùng cái gì để biết điều đó? Dùng điều này.

Thiên hạ đa kỵ húy, nhi dân di bần;

Thiên hạ nhiều điều kiêng kỵ, dân ngày càng nghèo;

dân đa lợi khí, quốc gia tư hôn;

dân có nhiều đồ lợi hại, nước nhà ngày càng tối tăm;

nhân đa kỹ xảo, kỳ vật tư khởi;

người có nhiều mánh khéo, đồ lạ ngày càng nhiều;

pháp lệnh tư chương, đạo tặc đa hữu.

pháp lệnh ngày càng sáng tỏ, trộm cướp ngày càng nhiều.

Cố thánh nhân vân:

Cho nên thánh nhân nói:

Ngã vô vi nhi dân tự hóa; ngã hiếu tĩnh nhi dân tự chính;

Ta vô vi mà dân tự hóa; ta ham tĩnh mà dân tự ngay;

ngã vô sự nhi dân tự phú; ngã vô dục nhi dân tự phác.

ta không việc mà dân tự giàu; ta không dục mà dân tự chất phác.

Lấy chính mà trị nước, lấy kỳ mà dùng binh

Trên chuyên nói chỗ dùng của đạo đức; nói đến đây, ông không nhịn được, lại nói lẽ cao minh của chính trị.

"Dĩ chính trị quốc, dĩ kỳ dụng binh, dĩ vô sự thủ thiên hạ" (lấy chính mà trị nước, lấy kỳ mà dùng binh, lấy không việc mà lấy thiên hạ). Đó là ba nguyên tắc lớn của chính trị. Nửa trước bộ *Lão Tử*, Đạo kinh, ông chống chiến tranh. Ông từng nói: **"đại quân chi hậu, tất hữu hung niên"** (sau đại quân, ắt có năm đói), **"dĩ đạo tá nhân chủ giả, bất dĩ binh cường thiên hạ"** (kẻ lấy Đạo giúp bậc làm chủ người, không lấy binh mạnh thiên hạ), **"sư chi sở xứ, kinh cức sinh yên"** (chỗ quân đóng, gai góc mọc lên): ấy đều lời ông nói trước, chống chiến tranh.

Nhưng ấy là nói "Đạo", nói lẽ bản thể; nay nói đến "dụng", thì chủ trương trên quân sự phải chuẩn bị đủ. Như một người ắt phải có một con dao, nhưng mãi không giết người. Người cần tự vệ, chứ không đi hại người, cũng không nhận người khác hại mình. Đó chính chương trước nói: không cao cũng không thấp, không hèn cũng không sang. Nên ông bảo ta, với việc xã hội, nước nhà, thiên hạ, phải lấy chính đạo mà trị nước. Chính trị thật, chính là **"dĩ chính trị quốc"** (lấy chính mà trị nước): không dùng quyền thuật, không dùng thủ đoạn, mà dùng đạo đức thành thật, không dối trá, không giả.

Còn dùng binh, trên chỗ dùng của triết học quân sự tác chiến, *Tôn Tử binh pháp* từng bảo ta: **"binh giả, quỷ đạo dã"** (binh là đạo trá). "Quỷ đạo" là gì? Tức **"dĩ kỳ dụng binh"** (lấy kỳ mà dùng binh), nên dùng binh phải dùng kỳ

binh. Ai dùng được kỳ, ấy là tài thượng tướng, tài đại tướng.

Ta nghiên cứu sử, *Hán thư* nói Trần Bình giúp Hán Cao Tổ, sáu lần đưa kỳ kế, giúp Hán Cao Tổ thống nhất thiên hạ. Lúc ấy Trương Lương, Trần Bình, Tiêu Hà đều có công, cuối cùng Trần Bình công lớn nhất; nên Tiêu Hà chết rồi, Trần Bình làm tể tướng, được phong hầu. Nhưng *Sử ký* ghi Trần Bình tự nói: **"ngô đa âm mưu, thị Đạo gia chi sở cấm, ngô thế tức phát, diệc dĩ hĩ, chung bất phục khởi, dĩ ngô đa âm mưu dã"** (ta nhiều âm mưu, ấy là điều Đạo gia cấm; đời ta vừa dứt, cũng đã hết, rốt cuộc không dấy lại, vì ta nhiều âm mưu). Kỳ kế dùng phía âm, như tiếng Tứ Xuyên nói, là làm ngầm, trái đạo đức. Trần Bình nói, đời sau ta sẽ không có quả báo tốt, công nghiệp sẽ bị chặt ngang lưng. Về sau quả vậy: Trần Bình mình đến ngôi vương hầu, nhưng chỉ truyền đến đời cháu, công danh phú quý đã hết. Đó là lời Trần Bình tự tiên đoán.

Đó là chứng trên sử. Trần Bình rốt cuộc là Đạo gia, người học đạo Lão Trang; trên văn hóa nhân văn ông cho ta một bài học về chỗ dùng. Dù vì nước nhà thiên hạ, không thể không đưa kỳ kế, rốt cuộc vẫn bị Đạo gia kỵ. Nên đời người ở đời, phải đi chính đạo; chính đạo tức thành. Nhiều người học vấn hay, đầu óc thông minh, thích quỷ đạo, kỳ kế: ấy sai lớn lắm.

Đây ta nói "dĩ chính trị quốc, dĩ kỳ dụng binh" của Lão Tử, không hẳn chuyên chỉ dùng binh; lẽ lập nghiệp cá nhân, làm người cũng vậy. Ta cũng có thể sửa nhẹ mấy câu Lão Tử, kéo sang thân mình: "lấy chính mà làm người, lấy kỳ mà làm việc, lấy không việc mà lập nghiệp". "Không việc" làm sao lập nghiệp được? Đó mới là bản lĩnh thật. Thử xem, người nằm giường ngủ, thật là không việc, thế có lập nghiệp được không?

Câu **"dĩ vô sự thủ thiên hạ"** (lấy không việc mà lấy thiên hạ) chính chỗ tinh hoa học thuật tư tưởng Lão Tử, phải đặc biệt chú. Có một hạng người, có đạo đức, có học vấn, lại vô tâm với việc lấy thiên hạ, nhưng tu dưỡng đạo đức của họ ngược lại được thiên hạ về theo. Sử thượng cổ Trung Quốc ta có gương: Nghiêu, Thuấn, Vũ cho đến cha con Văn vương đời Chu, nhất là Văn vương, đều là "dĩ vô sự thủ thiên hạ". Thời Văn vương, **"tam phân thiên hạ hữu kỳ nhị"** (chia thiên hạ làm ba, đã có hai), hơn nửa thiên hạ là của ông, ông quyết không muốn động, không muốn làm người thứ nhất thiên hạ. Về sau con ông nổi dậy, là chuyện khác. Nên sử mãi khen đức Văn vương. Kỳ thực thời Ân Thương, Văn vương đã chia thiên hạ làm ba mà có hai, có phải "dĩ kỳ dụng binh" mà lấy thiên hạ không? Không phải, mà là lòng thiên hạ về theo, thiên hạ kính phục đạo đức ông. Nếu lấy quan niệm và thuật ngữ nay, ấy là thành công của ông trên chính trị tác chiến; nói sát hơn, ấy là thành công ông giáo hóa, nuôi dưỡng trăm họ. Mà nguyên tắc cao nhất là đạo đức, là không chỗ cầu, với dân không cầu gì: đó là lẽ "dĩ vô sự thủ thiên hạ".

Người thường nghiên cứu *Lão Tử*, đọc nửa trước "Đạo kinh", lúc ông nói thể của "Đạo", từng nói **"dĩ đạo tá nhân chủ giả, bất dĩ binh cường thiên hạ"** (kẻ lấy Đạo giúp bậc làm chủ người, không lấy binh mạnh thiên hạ). Bèn rất dễ bảo Lão Tử là người chủ trương chống chiến. Quan niệm ấy giống đúng mà sai; kỳ thực Lão Tử không tuyệt đối chống chiến, chỉ đến lúc không thể không mới đánh. Hết thảy tư tưởng binh gia Trung Quốc ta, triết học quân sự, cùng *Tôn Tử binh pháp*, *Thái Công binh pháp*, cũng cùng một tư tưởng với Lão Tử. Đó là nét văn hóa Trung Quốc: tuyệt đối không xâm lược người khác, nhưng cũng tuyệt đối không nhận người khác xâm lược. Nên ông không phải chống chiến; ngược lại, cho rằng quân bị ắt phải đủ, vì có sức quân sự đủ, mới giữ được đạo đức và hòa bình giữa các nước.

Một bức thư ngỏ gửi công dân Nhật

Hơn mười năm trước, tôi ở Nhật dự một hội nghị về văn hóa, nhiều hiệu trưởng đại học cùng giáo sư nổi tiếng có mặt. Hôm ấy họp đến hơn mười giờ đêm, một hiệu trưởng đại học nổi tiếng Nhật chỉ định tôi nói; tôi không từ được, đành bày vài ý. Bài nói sau lấy đề *Một bức thư ngỏ gửi công dân Nhật*, đăng trên *Trung ương nhật báo*. Lúc ấy điểm

chính tôi nói là: một nước có hai việc đáng sợ nhất, một là "dao", tức quân sự, hai là "tiền", tức kinh tế; gia đình cũng vậy. Tôi bảo họ: trước Thế chiến thứ hai, Nhật các ông tưởng sức quân sự mình mạnh, có thể chinh phục cả thế giới, nên phát động chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Ấy bằng một người, cho dao trong tay rất sắc, bèn múa lên, kết quả hại mình, cũng hại Trung Quốc, thậm chí hại cả thế giới. Đó là chuyện rất sai, rất đáng buồn.

Lúc ấy, mấy nhà ngoại giao trẻ đóng ở Nhật đúng ngồi cạnh tôi, họ nhẹ kéo vạt áo tôi, ý muốn tôi nói ít hơn, vì lời tôi nói rất thẳng, không mấy khách khí.

Tôi tiếp bảo họ: nay các ông có một tư tưởng, còn dữ hơn tư tưởng quân quốc. Nay các ông tưởng mình có tiền, là cường quốc kinh tế trên thế giới, muốn lấy tiền mua cả thế giới; nếu không kịp tỉnh, sai lầm sinh ra sau này còn nặng hơn ác quả quân sự xâm lược của Thế chiến thứ hai.

Lúc ấy cũng có người hỏi cảm tưởng tôi về Nhật; tôi đáp: ngày thường tôi ở sâu ít ra, chuyến đi xa này hơi mệt, chỉ đi một vòng Đông Kinh, không thấy chỗ nào hay đặc biệt. Nước nào, có hơn hai mươi năm yên ổn dài, đều làm được thế, thậm chí làm hơn. Người Nhật nên biết, hôm nay kinh tế Nhật phồn vinh phát triển từ đâu: ấy do máu mồ hôi sinh mạng ba mươi triệu quân dân thời kháng chiến chống Nhật của Trung Quốc đổi lấy; vì sau chiến ta không đòi bồi thường, để các ông có cơ hội nghỉ ngơi dưỡng sức; tinh thần **"dĩ đức báo oán"** (lấy đức báo oán) ấy của ta, mới khiến các ông có hôm nay.

Lúc ấy họ đang họp hội nghị văn hóa phương Đông; tôi bảo họ: các ông không có văn hóa phương Đông, kỳ thực chính là hội nghị văn hóa Trung Quốc. Nếu các ông muốn nói văn hóa phương Đông, thì xem đứng chân chỗ nào, nhìn từ góc nào.

Lấy chính làm kỳ, lòng thiên hạ về theo

Hôm nay tôi nhắc chuyện hơn mười năm trước ở Nhật, là để nói: một đạo nhân thật, tư tưởng chính trị thật tốt, là **"bất dĩ binh cường thiên hạ"** (không lấy binh mạnh thiên hạ). Đồng thời, Lão Tử đây nói đến "dụng", đưa ra lẽ **"dĩ chính trị quốc, dĩ kỳ dụng binh"** (lấy chính mà trị nước, lấy kỳ mà dùng binh). Mà câu "dĩ kỳ dụng binh", nếu làm chuyên đề một buổi giảng, có thể bàn một hai năm. Vì đụng tư tưởng quân sự mấy nghìn năm Trung Quốc, mưu lược dùng binh. Phàm đụng dùng binh, đụng mưu lược, rốt không ngoài bốn chữ **"xuất kỳ chế thắng"** (đưa kỳ mà thắng). Không chỉ dùng binh vậy, dù buôn bán, lập nghiệp, cũng phải "xuất kỳ chế thắng"; cả học trò trẻ đi thi liên khoa, cũng phải "xuất kỳ chế thắng", phải đoán đề "xuất kỳ chế thắng" mới xong. Nói khác, phải có tài cán cá nhân, bản lĩnh, trí tuệ cao, mới đưa kỳ mà thắng được.

Về chữ "kỳ" 奇 này, khai ra thì nghìn biến vạn hóa, người không đo được. Lại có **"dĩ chính vi kỳ"** (lấy chính làm kỳ): đi đường rất chính, ấy chính là kỳ cao nhất. Tôi thường bảo người trẻ: đừng chơi thông minh mình, đừng dùng thủ đoạn, đừng động óc lệch. Trăm năm nay, cũng có thể nói gần tám mươi năm, biến của thế giới, của nước, của xã hội, luyện đến mỗi thanh niên óc đều dữ, mỗi người bản lĩnh đều lớn, ai cũng là Gia Cát Lượng. Dĩ nhiên chỉ nửa Gia Cát Lượng, chỉ **"亮"** (sáng) một nửa, tức nửa xấu rất "sáng".

Nên thời này, lấy thông minh đối thông minh, cách đối cách, thủ đoạn đối thủ đoạn, ắt chuốc thất bại. Thời sắp tới, chỉ có thông minh không dùng thông minh, cách không dùng cách, thủ đoạn không chơi thủ đoạn, thành khẩn, thật thà, mới được thành công thật. Vậy nên "dĩ chính vi kỳ", đi chính đạo; nhưng ở một thời, một xã hội, một cảnh, nhất là thời hoặc xã hội rất ngu, thì cần dùng một chút trí tuệ: ấy là "kỳ" thật, kỳ thực cũng là chính đạo.

"Kỳ" là số lẻ, là đường lệch đặc biệt đột nhiên nhô ra. Lẽ "kỳ" quá nhiều, hết binh pháp, mưu lược chính trị, đều gồm trong đó. Đây chỉ bảo mọi người một đường "dò kỳ". Kho báu văn hóa Trung Hoa ta quá giàu, phải tự mình mở; sách cổ đọc không hiểu thì khó. Nay "học Tây" thịnh, chìa khóa ấy rất khó mở kho báu cũ của chính ta.

Lần trước đã nói **"dĩ vô sự thủ thiên hạ"** (lấy không việc mà lấy thiên hạ): như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Văn vương, Vũ vương đều là gương "dĩ vô sự thủ thiên hạ". "Vô sự" không phải nằm đó ngủ, mà là chính trị chú trọng đạo đức, nuôi chính trị đạo đức, vô tâm xâm lược người khác, mà thiên hạ tự lòng về theo. Sử ta, cho hoàng đế thành công một câu bình như nhau, tức **"thiên hạ quy tâm"** (lòng thiên hạ về theo): ấy rất khó làm được.

Tiếp theo, ông lấy lẽ ba câu ấy mà khai: **"ngô hà dĩ tri kỳ nhiên tai? Dĩ thử"** (ta dùng cái gì để biết điều đó? Dùng điều này). Ông nói, sao tôi nói những nguyên tắc gốc của triết học chính trị, triết học quân sự cùng triết học lập thân xử thế, chính là ba câu ấy? Vì người trẻ sau này làm việc, phải "lấy không việc mà lấy thành công": không xâm phạm người khác, cũng không chiếm hoặc cướp của người, mà lấy chính đạo được giúp, cuối cùng mới thành. Như có bạn trẻ, chạy khắp, luồn khắp, kết quả không thành gì. Nếu thật có tu dưỡng, có bản lĩnh, thì thành công tự thuộc về bạn.

Lão Tử rồi nói, sao ông biết được lẽ **"dĩ chính trị quốc, dĩ kỳ dụng binh, dĩ vô sự thủ thiên hạ"** (lấy chính mà trị nước, lấy kỳ mà dùng binh, lấy không việc mà lấy thiên hạ)? Ông nói **"dĩ thử"** (dùng điều này), tức lý do dưới đây: kinh nghiệm đời người, kinh nghiệm sử, tích kinh nghiệm người xưa, rồi kinh nghiệm ông tự quan sát, mới biết được những lẽ ấy.

Ảnh hưởng do kiêng kỵ gây ra

Nếu kinh nghiệm Lão Tử không bàn khảo chứng, mà dẫn lời *Thần tiên truyện*, thì Lão Tử đã sống mấy nghìn năm. *Thần tiên truyện* nói, thời Hoàng Đế ông đã có, chỉ tên khác. Tương truyền lúc ấy tên ông là Quảng Thành Tử; ông còn làm thầy Nghiêu, Thuấn, Vũ, nhưng mỗi đời tên khác, khiến người không biết chính là ông. Đến đời Chu ông gọi Lão Tử; nên ông không chỉ học từ sách, mà kinh nghiệm đời ông tự tích, mới sinh ra nguyên lý triết học Lão Tử.

"Thiên hạ đa kỵ húy, nhi dân di bần" (thiên hạ nhiều điều kiêng kỵ, dân ngày càng nghèo): ấy là tích kinh nghiệm của ông, cũng là sự thật lịch sử. Chữ "kỵ húy", giải ra khá mất công; giải nay thì chỉ việc gì không được nói, nói rồi là phạm "kỵ húy". Còn trước, chữ "kỵ húy" dùng nhiều mặt: như tên đế vương không được gọi thẳng, không thì phạm "kỵ húy", phải chém đầu. Như câu chương một sách *Lão Tử*, **"đồng vị chi huyền, huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi môn"** (cùng gọi là huyền, huyền rồi lại huyền, cửa của muôn điều mầu); lại như câu đầu *Thiên tự văn* **"thiên địa huyền hoàng"** (trời đất huyền vàng). Đến đời Đường, vì đế hiệu Đường Minh Hoàng Lý Long Cơ là Huyền Tông, nên chữ 玄 (huyền) ấy, để tránh húy, đổi thành chữ 元 (nguyên). Và hết sách vở cùng hết thảy chữ viết, đều đổi như vậy; nên sau Đường, hai chữ 玄 (huyền) và 元 (nguyên) dùng thông nhau. Lại như tên Khổng Tử "Khổng Khâu", vì kính Khổng Tử, tránh tên húy ông, năm xưa ta đọc sách cổ, đọc đến tên ông Khổng Khâu thì đọc "Khổng mỗ" hoặc đọc "Khổng Ất Kỷ"; còn người họ Khâu, viết họ mình thì viết chữ "Khâu" 邱, chỗ khác thì viết chữ "Khâu" 丘.

Đó chính là "kỵ húy"; lấy tiếng nay dịch thẳng, sát nghĩa gốc nhất là e ngại, kiêng dè hoặc cấm kỵ. Như phòng khách sạn Đài Loan không có số bốn, vì tiếng Mân Nam "bốn" đồng âm "chết", tránh lời không lành ấy, tức "kỵ húy". Đó là nói nhỏ.

Nói lớn, **"thiên hạ đa kỵ húy"** (thiên hạ nhiều điều kiêng kỵ) tức trên chính trị quá nhiều điều cấm kỵ: việc này cũng không được làm, việc kia cũng không được làm, danh từ này không xong, danh từ kia không đúng, động là mắc tội. Như sách *Mạnh Tử* nói, Tề Tuyên vương làm vườn rộng hai mươi dặm vuông, dân đều than quá lớn; Tề Tuyên

vương hỏi Mạnh Tử, sao trước vườn Văn vương bảy mươi dặm, dân cho quá nhỏ, nay vườn ta nhỏ hơn, dân ngược than quá lớn. Mạnh Tử bảo: vườn Văn vương ai cũng vào chơi được; còn vườn ông, nếu có người sơ ý hại một con nai nhỏ, cũng phải trị nặng như tội giết người. Nhiều điều cấm kỵ thế, bằng trong vườn ông đặt bẫy, hãm dân vào tội, dân sao không than? Nay nhiều nước trên thế giới có rất nhiều kiêng kỵ, dân không dám nói lời trong lòng, càng không dám phê bình; người học cao dùng tiếng nước ngoài, người học thấp dùng lời ẩn, mật ngữ, thì thầm, để trút nỗi oán chứa trong ngực.

Lão Tử nói, một nước, một xã hội, lệnh cấm càng nhiều, dân cái gì cũng không dám làm, không được làm, nên trên vật chất càng nghèo, trên tinh thần càng nghèo, nghèo đến chỗ khổ. Đó là lẽ **"thiên hạ kỵ húy, nhi dân di bần"** (thiên hạ nhiều điều kiêng kỵ, dân ngày càng nghèo).

Khoa học kỹ thuật càng phát, tinh thần càng rối

Câu **"dân đa lợi khí, quốc gia tư hôn"** (dân có nhiều đồ lợi hại, nước nhà ngày càng tối tăm), lấy tình thế thế giới nay mà giải, rất dễ hiểu. Khoa học kỹ thuật tinh mật càng phát, đồ lợi hại càng nhiều; bom hạt nhân dĩ nhiên là đồ lợi hại, thả một quả là giết người vô số, dữ dội biết bao! Nhưng cái gọi lợi khí, không chỉ khí giới sắc giết người, mà rộng chỉ đồ tiện lợi. Văn minh vật chất, khoa học kỹ thuật càng phát, trên xã hội ai cũng vì thế mà nóng đầu rối. Điểm ấy, người trẻ nay không thể hội nổi; chỉ chúng tôi lớn tuổi, nhớ thời niên thiếu, sống xã hội nông nghiệp, mùi vị yên ổn, thanh nhàn, tự nhiên, dễ chịu ấy, thật là một sự hưởng.

Văn minh vật chất nay quá phát, **"quốc gia tư hôn"** (nước nhà ngày càng tối tăm): nước nhà xã hội sẽ rối đầu, nóng đầu rối thì sinh loạn. Nói ngược, kinh nghiệm sử, thời đến lúc biến loạn, **"dân đa lợi khí"** (dân có nhiều đồ lợi hại): ai cũng có quyền, lấy đồ lợi hại sai khiến thiên hạ, ai cũng có thể tạo phản, xã hội ấy ắt loạn. Đó cũng nhiều sự thật sử đã ghi.

"Nhân đa kỹ xảo, kỳ vật tư khởi" (người có nhiều mánh khéo, đồ lạ ngày càng nhiều): chính thời ta nay, khoa học kỹ thuật phát, óc người càng ngày càng lanh, sự hưởng vật chất càng cao, càng lạ. Như máy lạnh, có lẽ năm mười năm sau, không cần một thùng lớn gắn tường như thế; có lẽ như một tờ lịch, treo lên tường là điều hòa không khí được. "Kỳ vật tư khởi": ai cũng tò mò, đều muốn nghiên cứu, đồ làm ra càng lạ, càng tiện. Hiện tượng ấy, người ta gọi là xã hội tiến. Cái gọi tiến ấy, tôi thường nói, nếu nhìn từ góc văn hóa, xét từ tầng tinh thần, không hẳn phải khẳng định. Lấy phát triển văn minh vật chất mà nói, sử càng tiến, đời sống văn minh vật chất càng tiện; nhưng lấy văn hóa tinh thần mà nói, văn hóa loài người ngược càng lùi, càng thoái. Bất luận xưa nay trong ngoài, tư tưởng văn hóa loài người cùng nguồn, đều thấy người sau tiến hơn, xã hội sau ắt đứng trước; nên nói tiến với lùi, phải có một ranh. Vậy, lấy điều thấy nay, cái gọi xã hội càng tiến, thì tình hình **"nhân đa kỹ xảo, kỳ vật tư khởi"** (người nhiều mánh khéo, đồ lạ ngày càng nhiều) càng nặng.

Luật càng nhiều, người phạm càng đông

Lại nói **"pháp lệnh tư chương, đạo tặc đa hữu"** (pháp lệnh ngày càng sáng tỏ, trộm cướp ngày càng nhiều): trên sử chính trị cũng nhiều kinh nghiệm; ta đọc sử, thấy mỗi triều đến sau pháp lệnh càng nhiều. Như Hán Cao Tổ vào Trung Nguyên, luật chỉ ba điều: ước pháp ba chương nổi tiếng. *Sử ký · Cao Tổ bản kỷ*: **"dữ phụ lão ước pháp tam chương nhĩ, sát nhân giả tử, thương nhân cập đạo để tội"** (cùng phụ lão ước pháp ba chương thôi: giết người thì chết, làm thương người và trộm thì đền tội). Giết người đền mạng, trộm thì chặt tay, chỉ thế thôi, rất đơn giản. Về sau, chưa đầy một trăm năm, lưới pháp nhà Hán đã rất chặt.

Tư Mã Thiên lúc viết *Sử ký*, chia quan lại lúc ấy làm hai loại: một gọi "tuần lại", một gọi "khốc lại". Tuần lại là quan có đạo đức; khốc lại thì thủ đoạn độc, khắc nghiệt, tàn, phạm pháp là quyết không dung. Khốc lại dùng đủ hình phạt khiến người đau, giết người cũng dùng nhiều cách tàn; ấy đều việc sau Hán Văn Đế. Nếu nhìn từ góc xã hội học, cũng thấy xã hội sau Hán Văn Đế càng ngày càng loạn.

Về phía chính trị, như Hán Vũ Đế, Hán Cảnh Đế, đều là người lãnh đạo rất tinh; nhưng người lãnh đạo chính trị càng tinh pháp lệnh, pháp lệnh càng nhiều, xã hội càng loạn. Đó là một luật sử không đổi được. Nhìn kinh nghiệm sống ta, càng hiểu pháp lệnh càng biết phạm pháp, càng biết luồn lỗ pháp lệnh. Lưới pháp càng dày, lỗ luồn càng nhiều, càng dễ luồn. Nên triết học chính trị Trung Quốc chủ trương **"pháp võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu"** (lưới pháp lồng lộng, thưa mà không lọt).

Lão Tử nói nhiều kinh nghiệm sử ấy, chỉ là chú một câu trước: **"dĩ vô sự thủ thiên hạ"** (lấy không việc mà lấy thiên hạ). Nên nói, nhiều kiêng kỵ, nhiều đồ lợi hại, nhiều mánh khéo, nhiều pháp lệnh: hết thảy ấy đều là có việc, là pháp hữu vi. Pháp hữu vi quá đà, xã hội càng loạn, vấn đề càng nhiều; nếu là pháp vô vi, thì thanh tịnh, đạo đức, xã hội tự yên.

Lão Tử chính vì từ kinh nghiệm sử biết lẽ ấy, nên bảo ta nên **"dĩ chính trị quốc, dĩ kỳ dụng binh, dĩ vô sự thủ thiên hạ"** (lấy chính mà trị nước, lấy kỳ mà dùng binh, lấy không việc mà lấy thiên hạ). Tiếp theo, ông làm kết dưới đây.

Vô vi, ham tĩnh, vô sự, vô dục

Đoạn này nói người lãnh đạo làm sao khiến dân giàu mạnh yên vui.

"Cố thánh nhân vân: ngã vô vi nhi dân tự hóa, ngã hiếu tĩnh nhi dân tự chính, ngã vô sự nhi dân tự phú, ngã vô dục nhi dân tự phác" (cho nên thánh nhân nói: ta vô vi mà dân tự hóa; ta ham tĩnh mà dân tự ngay; ta không việc mà dân tự giàu; ta không dục mà dân tự chất phác). Đó là Lão Tử dẫn lời thánh nhân cổ nói; thánh nhân cổ ông nói là ai? Cũng không nói ra, tạm mặc, chỉ nghiên lẽ mấy câu ông dẫn.

"Ngã vô vi nhi dân tự hóa" (ta vô vi mà dân tự hóa): một người lãnh đạo chính trị thật tốt, làm được vô vi mà trị thật, có thành tựu đạo đức, thì không cần quản, dân tự được cảm hóa.

"Ngã hiếu tĩnh nhi dân tự chính" (ta ham tĩnh mà dân tự ngay): chữ "tĩnh" đây không phải tĩnh tọa nhà Phật, mà là chữ "tĩnh" trong đạo *Đại học* văn hóa Trung Quốc: **"tri chỉ nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an"** (biết dừng rồi sau có định, định rồi sau hay tĩnh, tĩnh rồi sau hay an). Đó là công phu tĩnh định lúc làm việc, không phải ngồi thiền trên bồ đoàn; ngồi thiền là trò nhỏ, đây là đại định. Đây nói người lãnh đạo có tĩnh định ấy, là sự tĩnh lớn vì thiên hạ; nếu người lãnh đạo thật **"hiếu tĩnh"** (ham tĩnh), thì dân thiên hạ tự được cảm hóa, đi vào chính đạo.

"Ngã vô sự nhi dân tự phú" (ta không việc mà dân tự giàu): người lãnh đạo thật "vô sự", tức vô vi mà trị, xã hội dân tự sống giàu. Nay lại dẫn một chuyện, thử giải.

Đời Minh, có thanh niên thi đỗ công danh, ra làm quan; trước nhận chức, đến thăm một thầy. Thầy ấy học vấn rất hay, trước làm quan lớn, rồi cáo lão về quê, nhàn cư dưới rừng. Lúc ông hỏi thầy làm sao làm quan cho tốt, thầy bảo: ông đi làm quan cho tốt, nhưng muôn lần đừng làm quái. Người làm quan, đúng thường hay làm quái.

Làm quái là gì? Như người trước lập một chế độ, thi hành rất có thành tích; người sau nhận chức, vì muốn tự bày mình, muốn hơn người trước, bèn làm quái: bừa ý, bừa cách. Như một ngôi nhà vốn tốt, hắn cứ muốn tháo, dựng khác; ở giữa ấy sinh rối.

Lập thân xử thế cá nhân, làm người cũng vậy: làm người thì dễ, chớ làm quái. Làm chính thì ít chơi trò, đừng đưa chiêu mới gì, xã hội tự giàu, thiên hạ thái bình.

"Ngã vô dục nhi dân tự phác" (ta không dục mà dân tự chất phác): tôi tự không có tư dục; xã hội, nước nhà, thiên hạ chịu ảnh hưởng vô dục ấy, tự đi vào đường thuần phác, hậu.

Đoạn Lão Tử dẫn, mỗi câu đều dùng một chữ **"ngã"** (tôi); "ngã" ấy là ai? Tức "thánh nhân" Lão Tử nói; thánh nhân ấy lại là thánh nhân thế nào? Chính là **"vi nhân thượng giả"** (kẻ ở trên người) Trang Tử nói: tức người phía trên, cũng tức người lãnh đạo. Mà người lãnh đạo không hẳn là hoàng đế, quân chủ; như hiệu trưởng trường, tiểu đội trưởng trong quân, cho đến chủ nhà trong một gia đình, đều là người lãnh đạo, đều phải làm được mấy nguyên tắc ấy.

Hạ Kinh · Chương 58

Kỳ chính muộn muộn, kỳ dân thuần thuần;

Chính sự lơ là, dân thuần hậu;

kỳ chính sát sát, kỳ dân khuyết khuyết.

chính sự xét nét, dân thiếu thốn.

Họa hề phúc chi sở ỷ; phúc hề họa chi sở phục.

Họa thay, phúc nương tựa vào đó; phúc thay, họa ẩn náu trong đó.

Thục tri kỳ cực, kỳ vô chính.

Ai biết được cực điểm của nó, vốn không có cái chính.

Chính phục vi kỳ, thiện phục vi yêu,

Chính lại biến thành kỳ; thiện lại biến thành yêu quái,

nhân chi mê, kỳ nhật cố cửu.

sự mê của người, ngày ấy vốn đã lâu.

Thị dĩ thánh nhân phương nhi bất cát,

Vì vậy thánh nhân vuông vức mà không cắt,

liêm nhi bất quế, trực nhi bất tứ, quang nhi bất diệu.

sắc bén mà không làm đau, thẳng mà không phóng túng, sáng mà không chói lọi.

Lãnh đạo có ích cho xã hội, cho dân

Chương này, Lão Tử tiếp tục khai triển lẽ chương trước. Về chữ, hình như rất dễ hiểu, xem ra không có từ ngữ hiểm hóc sâu xa. Nhưng nếu chỉ từ câu chữ trong bài, giải nghĩa trên văn, cái gọi **"y văn giải nghĩa"** (cứ theo chữ mà giải nghĩa), thì rất dễ bị chữ dẫn vào đường lệch, sinh hiểu lầm, trái với nguyên lý *Lão Tử*.

Tôn chỉ chương này vẫn là tư tưởng **"vô vi nhi trị"** (lấy vô vi mà trị), đại diện cho ý niệm trị nước quan trọng của văn hóa Đạo gia.

"Kỳ chính muộn muộn" (chính sự hồ đồ): hai chữ "muộn muộn", 闷 (muộn), là tính từ; theo nghĩa thường dùng trong văn học nay, như buồn bã, bực bội, thắc mắc không ra, trong lòng tức tức, v.v. Lấy nghĩa chữ "muộn" ấy mà giải "kỳ chính", thì chính sự làm đến mức bứt bứt hồ đồ, dở đến thế!

Nếu ta giải thế, ấy chính là "y văn giải nghĩa" tôi vừa nói, dễ lạc đường. Ở đây, "muộn muộn" nghĩa phải là lời bạch thoại nay: ấm ấm, từ tốn, ôn hòa thật thà, chứ không phải ngu; mọi việc đều ôn hòa, từ từ tiến dần, không giở thông minh, không bày trò. Nên **"kỳ dân thuần thuần"** (dân thuần hậu), trăm họ đều chất phác, yên phận.

"Kỳ chính sát sát, kỳ dân khuyết khuyết" (chính sự xét nét, dân thiếu thốn): hai câu này, ta không cần tìm giải trong sử, nhìn tình hình hiện nay là rõ. Trên thế giới có những nước, việc của dân đều "sát sát", xét soi rất rõ; dân chẳng những không tự do hành động, cả đi chơi quê khác cũng nằm trong tay kẻ cầm quyền. Nhà đến một khách, nói những gì, chính quyền đều biết; cha con trong nhà giám sát lẫn nhau; nhà ăn một con gà, một bát thịt, cũng bị đội ngũ

mùi đánh hơi rồi đấu tố, không chỗ nào không soi tới. Đó là "kỳ chính sát sát", kết quả là "kỳ dân khuyết khuyết". Trong xã hội nước ấy, dân vừa thiếu đức, vừa thiếu tiền, càng thiếu tri thức, nghèo đến cùng.

Vậy có thể lấy hai câu này, đối chiếu với "kỳ chính muộn muộn, kỳ dân thuần thuần" ở trên mà nói, rồi dẫn chuyện trong sử, để nói cụ thể.

Thời thịnh nổi tiếng đời Hán, cái Nho gia khen là thời trị Văn-Cảnh: Hán Văn Đế và Hán Cảnh Đế, hai cha con Lưu Hằng, Lưu Khải. Hai vị đế ấy, lúc ấy lấy tư tưởng Lão Tử làm nguyên tắc chỉ đạo cao nhất cho triết lý trị nước. Sự hậu hậu chất phác của riêng Hán Văn Đế, chính nhờ được gợi từ nguyên tắc tư tưởng "vô vi nhi trị" của Lão Tử. Qua mấy chục năm, hình phạt tự nhiên dừng, không cần thi hành hình, ngục gần như trống hết, trong ngục không người phạm tội, chính sự trong sáng đến thế. "Kỳ dân thuần thuần": cái gọi "thuần thuần", ý nói dân không mấy thích việc ngoài, không quản chuyện bên ngoài, nên xã hội yên, cũng không việc ngoài cần quản, mọi người sống rất an.

Lý tưởng và tác phong Tống Thái Tổ

Việc sử rõ thứ hai là đời Tống: vua khai quốc Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dận, ở ngôi mười sáu năm, truyền ngôi cho em Triệu Quang Nghĩa làm Tống Thái Tông. Thái Tông ở ngôi hai mươi hai năm; anh em họ cầm quyền ba mươi tám năm, thành tích trị nước rất đáng xem.

Trước khi nhà Tống dựng nước, Nam Đường và Ngũ Đại đánh nhau, loạn dài khoảng hơn tám mươi năm, nước đến mức dân cùng của hết. Triệu Khuông Dận lên ngôi, lấy tư tưởng trị nước của Nho mà gần Đạo gia mà trị, qua hai ba mươi năm gầy dựng, trong ngoài trăm dặm kinh đô Khai Phong, móc rèm cửa nhà dân đều đúc bằng vàng bạc, nước giàu quá. Khi Triệu Quang Nghĩa nối ngôi, mở kho, thấy của nhiều đến mức giật mình. Ông cười nói: "Anh ta thật ngu, của nhiều thế, không dùng, cũng không hưởng." Kỳ thực, ông quên một việc: chính là ý niệm trị nước lớn của Triệu Khuông Dận.

Với tư tưởng lớn của Triệu Khuông Dận, người học nghiên cứu sử nên đặc biệt chú ý. Các nhà bình sử đời sau nhà Tống, thường chê Tống Thái Tổ chưa thống nhất trọn thiên hạ, nhà Tống từ đầu chỉ có nửa giang sơn. Vì ông dẫn quân dẹp xong vùng nam Hoàng Hà, thì dải Mông Xá Vân Nam phía nam, sức chính trị nhà Tống đều chưa tới. Vân Nam có nước Nam Chiếu; vốn gồm sáu chiếu, là bộ lạc dân thiểu số. Đời Đường, Nam Chiếu ở cực nam nuốt năm chiếu kia như Mông Xá mà thành nước Nam Chiếu, tức nước Đại Lý về sau, rồi về họ Đoàn, xưng vương tây nam hàng vài trăm năm. Chính trị, văn hóa của họ, gần như sánh được với Trung Nguyên.

Ở phía bắc, Yên Vân thập lục châu, lúc ấy có tướng dâng bản đồ, xin tiến binh. Tống Thái Tổ đang bàn với tể tướng, Thái Tổ cầm rìu ngọc phất một cái, vạch trên bản đồ, cắt đôi nửa Trung Quốc, tạm không quản phương bắc, không dùng binh đánh.

Vì sao Triệu Khuông Dận làm thế? Vì kiến thức ông khác, ông có nỗi khổ riêng, cũng có thể nói một tấm lòng nhân, muốn làm nhân đạo; thấy thiên hạ loạn lâu thế, xã hội dân cùng của hết, không muốn dùng binh nữa, mà toan tích của, dùng tiền mua Yên Vân thập lục châu. Nên ông hết sức tiết kiệm, dành đầy kho vàng bạc châu báu.

Đây là một chính sách bí mật lúc nhà Tống mới dựng nước; người học nghiên cứu sử thường quên điểm ấy, mà bình nhà Tống không công bằng.

Cách làm của Tống Thái Tổ, có thể nói đã đến cảnh "kỳ chính muộn muộn", nên "kỳ dân thuần thuần". Ta đến Viện bảo tàng Cố cung, thấy được một bức cổ họa nổi tiếng *Thanh minh thượng hà đồ*, trong tranh tả cảnh đời Tống vào tiết

Thanh Minh, dân kinh đô Khai Phong ra thành, theo dòng sông ra ngoại ô tảo mộ, đạp thanh, rất thịnh. Đạp thanh xưa, tức đi chơi ngoại ô nay, ra ngoài làm việc nhàn. Từ tranh ấy thấy được cảnh thái bình xã hội lúc ấy, sống an, giàu, tự do.

Gần hơn trong sử, như ba triều Khang Hy, Ung Chính, Càn Long đời Thanh, hơn trăm năm, cũng gần làm được cảnh "kỳ chính muộn muộn, kỳ dân thuần thuần". Đời sống dân lúc ấy, đúng cảnh nhà thơ ngâm **"trường nhật duy tiêu nhất cục kỳ"** (ngày dài chỉ tiêu một ván cờ). Vì ngày tháng nhàn, không phiền không não không việc, bèn thấy ngày trôi rất chậm, ngày dài dằng dặc chỉ còn hạ một ván cờ cho qua. Trong ngày thật thong dong, con nhà thế gia thời thái bình cũng nói: **"bất vi vô liêu chi sự, hà dĩ độ thử hữu nhai chi sinh"** (chẳng làm chuyện vô vị, lấy gì qua kiếp sống hữu hạn này). Nếu không kiếm chuyện vô vị mà làm, ngày dài ấy thật không tiêu nổi. Nên đủ loại việc nhàn càng nhiều; như tả trong *Hồng lâu mộng*, đời sống các công tử tiểu thư ấy, cả ăn một bữa sủi cảo, cũng nghĩ đủ kiểu làm, để tiêu thì giờ, thật là **"nhật trường tự tuế nhàn phương giác, sự đại như thiên túy diệc hưu"** (ngày dài như năm, lúc nhàn mới thấy; việc lớn như trời, say cũng thôi). Kinh nghiệm sống đời ta đây, cũng từng hưởng vài năm thái bình, hoặc thái bình giả; đến mùa hè, hóng mát, đọc sách, uống trà, ăn vài bữa điểm tâm, thấy một kỳ nghỉ hè dài quá, dài quá.

Mặt sắt không vị tư: Bao Công thì sao

Đó là nhìn từ phía lớn; ta lại nhìn từ phía nhỏ, lẽ làm quan, trị chính, cũng lấy chuyện sử đời Tống làm ví.

Bao Chửng là vị quan thanh liêm mỗi người Trung Quốc đều quen; tiểu thuyết *Bao Công án* nói ông mặt sắt không vị tư. Cái gọi "mặt sắt", là nói sắc mặt người ấy xanh như sắt, cơ mặt cứng ngắc, lạnh ngắt, suốt ngày không một nụ cười. Một bộ mặt thế, ai thích? Trong *Tống sử*, truyện Bao Chửng cũng chép thế, nói ông suốt ngày không cười, nên bảo nếu ông cười một cái, nước Hoàng Hà cũng trong. Nói ngược lại, muốn Bao Công cười một cái, còn khó hơn chờ Hoàng Hà đục muôn năm trong đến đáy. Bộ mặt lạnh của Bao Chửng, cả người nhà cũng không dám nói với ông, thật là mặt Diêm Vương.

Theo cái nhìn riêng tôi, người ấy làm quan, tôi kính, vì công minh, thanh liêm, là vị quan thanh liêm rất tốt. Nhưng tôi tuyệt không muốn kết bạn với ông, vì chẳng chút thú vị, nhạt quá; làm người đến thế, thật thà đi làm Diêm Vương còn hơn, chẳng cần làm người.

Mặt sắt không vị tư của Bao Chửng đúng là giỏi, mặt sắt không vị tư, thanh liêm, cứng cỏi ngay thẳng. Nhưng ông làm được tốt thế, vẫn nhờ ông chủ hậu đài làm chỗ dựa. Chỗ dựa của ông chính là vua lúc ấy, Tống Nhân Tông Triệu Trinh. Nếu Nhân Tông không chống lưng, bộ mặt sắt ấy không đi được, sắt không lên nổi.

Cách Bao Chửng làm quan, chính là "kỳ chính sát sát"; thử xem lúc ấy, án oan kỳ lạ phá càng nhiều, kiện tụng ở nha môn ông càng náo, người kêu oan cũng càng đông.

Văn hóa người Trung Quốc, dân không muốn kiện. *Trị gia cách ngôn* của Chu Bách Lư nói: **"cư gia giới tranh tụng, tụng giả chung hung"** (ở nhà chớ tranh kiện; kẻ kiện cuối cùng đều dữ). Dạy ta thường đừng tranh với người mà kiện; phàm kiện, bên thua cố nhiên thua, bên thắng kỳ thực vẫn thua. Xưa có hai câu tục: "Người quê không điên, nha môn đứt khói bếp." Hai câu rất có ý. Cái gọi "điên", 癲 (điên), nghĩa là phát điên, mắc tâm thần phân liệt. "Người quê" đây không hẳn nông dân ở thôn, mà chỉ kẻ gặp việc khó nghĩ thông, khá ngu cố. Nên ông nói, nếu kẻ ngu cố không điên lên mà tranh kiện với người, nha môn không có thu, e trong nha môn cơm cũng hết. Điều ấy cũng phản ánh lẽ "kỳ chính sát sát, kỳ dân khuyết khuyết".

Ngự sử mặt sắt, phong thái tắm gió xuân

Lại nữa, cũng một người đời Tống, Triệu Biện, là danh thần lý học đời Tống; mất rồi, nước cho thụy hiệu "Thanh Hiến", nên đời sau đều tôn gọi "Triệu Thanh Hiến". Quan đến Thái tử thiếu bảo, Long Đồ các đại học sĩ, cả đời rất thanh liêm, có tiếng "ngự sử mặt sắt". Với đại thần có quyền thế, hoặc được vua yêu, hễ có việc trái pháp, ông vẫn hặc không nể; với tể tướng lúc ấy cũng chẳng chút nương. Khi ông vâng mệnh ra làm tri phủ, đến Thành Đô nhận chức, không như quan lớn trấn một phương thường, cái gọi quan mới đến nhiệm, dọc đường nghi vệ, oai phong, tráng lệ, xa hoa; ông cả một con ngựa cũng không mua nổi, chỉ cưỡi một con lừa nhỏ, mang một người hầu già, cầm một cây cổ cầm và một con hạc trắng ông thích, thong thả mà đi. Lúc ấy quan lớn nhỏ Thành Đô dẫn cả thuộc lại nha môn, cờ tàn lọng mát, đội nghi, rầm rộ ra thành đón vị quan mới, lại đón không gặp. Kết quả, ông lặng lẽ vào nha, mọi người mới phát hiện: hóa ra ông già nghỉ chân uống trà ở quán ngoài thành.

Ông đến đâu, dân đều được cảm hóa, phong hóa trở thành thuần hậu lương thiện. Không còn ai kiện; dưới quyền ông, đúng là ngục không tù.

Sự thanh cao của ông cũng như Bao Chửng, là thanh chính thật, liêm khiết thật. Nhưng tác phong khác: ông vừa là Nho, vừa học Thiền tông nhà Phật. Nha không việc, ông lấy đại đường hỏi án đổi làm thiền đường, ngồi thiền ở đó. Một hôm, ấy là mùa hè, ông ngồi thiền trên đại đường, chợt mưa sấm đan xen, một tiếng sét nổ, thân ông không tự chủ giật một cái, bèn ngộ. Rồi làm một bài kệ:

Tĩnh tọa công đường hư ẩn kỷ,
Ngồi yên nơi công đường, tựa án trống không,

tâm nguyên bất động trạm như thủy.
nguồn tâm không động, trong như nước.

Nhất thanh phích lịch đính môn khai,
Một tiếng sấm nổ, đỉnh đầu mở,

hoán khởi tòng tiền tự gia để.
gọi dậy cái vốn của nhà mình từ trước.

Ông hiểu bộ mặt vốn có của mình, **"minh tâm kiến tính"** (thấy rõ tâm, thấy tính) rồi. Chuyện Triệu Thanh Hiến này cũng nói lẽ "kỳ chính muộn muộn, kỳ dân thuần thuần"; tác phong ông khác hẳn Bao Chửng. Đến già cáo lão về quê, thường qua lại với mấy bạn thuở nhỏ chăn trâu ở thôn, trò chuyện, bàn đạo, cũng từng làm một bài thơ kệ:

Yêu bội hoàng kim dĩ thoái tàng,
Ấn vàng đeo lưng đã cất đi,

cá trung tiêu tức dã tầm thường.
tin tức trong đó cũng tầm thường.

Thế nhân dục thức Cao Trai lão,
Người đời muốn biết ông già Cao Trai,

chỉ thị Kha thôn Triệu tứ lang.
chỉ là Triệu tứ lang làng Kha thôi.

Cái gọi **"yêu bội hoàng kim"** (ấn vàng đeo lưng), chỉ phù ấn dùng lúc làm quan, đúc bằng đồng vàng, tên **"hoàng kim ấn"** (ấn vàng). Bài thơ ấy, đem vinh hoa phú quý, cao quan hiển tước, quyền lực danh vị, nói đều bình đạm thế, đáng cho thanh niên nay noi. Cả đời ông, công danh phú quý đều trải, từng nắm quyền lớn thế, nhưng trong lòng ông lại tầm thường, bình đạm như vậy. Về quê, vẫn là người thôn, chẳng chút giống đại quan. Bài thơ lúc về hưu ấy, cũng kể là tự truyện của ông, hết thảy công danh, phú quý, quyền lực đều đặt xuống. Những việc ấy, nếu nhìn rõ lẽ trong đó, sẽ thấy hết thảy công danh phú quý, thực chẳng có gì ghê gớm, đều tầm thường lắm!

Ông nói, nhiều người vì tôi từng làm quan, trải vinh hoa phú quý, không biết tôi là người thế nào, muốn nhận tôi. Ông già ở căn nhà tên "Cao Trai" này, tôi nói thật với mọi người, tôi chính là Triệu tứ lang lúc trẻ ai cũng gọi; nay tôi vẫn là tôi trước, với Triệu tứ lang trước chẳng khác gì!

Nhan Hồi thấy cá dưới vực

Nên trên lẽ làm người cũng vậy, không cần "sát sát", tức đừng quá tinh; nếu thông minh quá, quá tinh, sẽ thiếu đức. Trong sử ta, *Liệt Tử · Thuyết Phù* có hai câu: **"Chu ngạn hữu ngôn: sát kiến uyên ngư giả bất tường, trí liệu ẩn nặc giả hữu ương"** (tục Chu có câu: thấy cá dưới vực sâu thì không lành; trí xét chỗ giấu thì có họa). Mắt một người nếu thấy được cá nhỏ bơi dưới nước sâu, thì không lành; trí quá cao, quá thông minh, có thể đoán chuyện riêng người khác, việc mắt không thấy ở phía kia đều biết, người có năng lực ấy, bản thân sẽ gặp họa.

Về câu "sát kiến uyên ngư giả bất tường" ấy, còn một chuyện sử:

> *Có lần, Khổng Tử dẫn Nhan Uyên và mấy đệ tử lên Thái Sơn, thấy cửa đông nước Lỗ, chợt có một vạch trắng. Khổng Tử có tu dưỡng, ông cố nhiên nhìn rõ vạch trắng ấy là gì! Nhưng ông hỏi đệ tử ở cửa đông có việc gì! Đệ tử thường nói chưa thấy. Khổng Tử nói, chỗ ấy có một vạch trắng. Chỉ Nhan Uyên đáp: ấy không phải một vạch trắng, mà có người mặc áo trắng, cưỡi ngựa trắng, phi vụt qua.*

Trong đám đệ tử ấy, chỉ Nhan Uyên thông minh mới có sức mắt thế. Nên người đời sau nói, Nhan Uyên sở dĩ đoản mệnh, ba mươi hai tuổi đã chẳng may chết sớm, là do hai lẽ: hao thần quá độ và thiếu dinh dưỡng. Trong đó hao thần quá độ, việc này làm chứng. Còn thiếu dinh dưỡng, Khổng Tử từng nói về ông: **"Hiền tai Hồi dã! Nhất đan thực, nhất biều ẩm, tại lậu hạng, nhân bất kham kỳ ưu, Hồi dã bất cải kỳ lạc. Hiền tai Hồi dã!"** (Hiền thay Hồi! Một giỏ cơm, một bầu nước, ở ngõ hẹp, người ta không chịu nổi lo ấy, Hồi vẫn không đổi niềm vui. Hiền thay Hồi!). Ở nhà trái phép khu nghèo ấy, mỗi ngày chỉ ăn một hộp cơm, uống nước lã, qua ngày người thường thấy khổ lo; dù vẫn lạc quan, nhưng chứng tỏ Nhan Hồi thiếu dinh dưỡng.

Khai triển ra, tôi nói: người sống giữa trời đất, việc đời người nếu nhìn quá rõ, thì không lành. Vì sao không lành? Vì nhìn quá rõ thì phiền não thêm; tri thức càng nhiều, phiền não càng lớn. Hoặc nói học vấn càng nhiều càng tốt, nhưng người ăn no, ngoài làm việc mình, còn đi lo nước lo dân; người học Phật còn đi độ chúng sinh, lo cho chúng sinh; kết quả có thể lo đến mức mình cũng không độ nổi, lại lấy gì độ chúng sinh?

Lệch hay chính: họa phúc nương nhau

Khai triển nữa, sự việc nhiều, lý cũng nhiều, đây chỉ nêu vài, cho mọi người một hướng nghiên cứu. Ta tiếp xem nguyên văn dưới: **"họa hề phúc chi sở ỷ, phúc hề họa chi sở phục. Thục tri kỳ cực? Kỳ vô chính."** (họa thay, phúc nương tựa vào đó; phúc thay, họa ẩn náu trong đó. Ai biết được cực điểm của nó? Vốn không có cái chính.) Mấy câu này rất thú.

Lão Tử bảo ta một lẽ: họa với phúc nhân quả cho nhau. Người đang đắc ý, phải biết đắc ý chính là khởi đầu thất ý; còn thất ý, lại chính là đầu mối đắc ý. Cảm nhận được mất của đời người, ở chỗ mỗi người nhìn thế nào. Đó là vấn đề triết học.

Thường nghe nói ai đó có phúc, nhưng phúc là **"họa chi sở phục"** (chỗ họa ẩn náu), nhìn như có phúc, có lẽ họa sắp tới. Tục Trung Quốc có câu "người sợ nổi danh, lợn sợ béo": lợn béo kể là có phúc, nhưng sắp bị giết. Người phát tài rồi nổi danh, ai cũng biết, đồng thời rắc rối cũng tới. Một người quan lớn, danh lớn, tiền lớn, chỉ cần có một trong ba, cũng rắc rối lớn, khổ nhiều.

Nên "ông già biên ải mất ngựa, biết đâu chẳng phải phúc": tư tưởng ấy chính từ câu Lão Tử Đạo gia này. Họa hại đến cực, phúc bèn tới; phúc đến cực, họa liền theo. Hai việc ấy nhân quả cho nhau, luân phiên thay nhau tới. Nhưng **"thục tri kỳ cực"** (ai biết được cực điểm): ai biết gì là cực của họa, gì là cực của phúc? Đời người, muôn việc đều nên chừa một bước, đừng làm đến cực, hưởng cũng đừng đến cực; đến cực là hết.

Ví hôm nay có món ngon, vì ngon bèn cố ăn, ăn no đến mười phần, thậm chí no đến mười hai phần; ăn quá ắt phải uống thuốc tiêu hóa, không thì mai phải gặp thầy thuốc. Đó là phúc miệng tốt rồi, hưởng cực rồi, ngược hại ruột dạ. Nếu bớt một chút phúc miệng, ăn ít hơn, hoặc ruột dạ chịu đói một chút, chịu thiệt một chút, thân thể lại khỏe hơn, ngược thành phúc.

Biết nguyên lý ấy, thì **"kỳ vô chính"** (vốn không có cái chính): đừng quá chính; chính đến cực, chẳng lệch rồi sao? Đó cũng là ý đừng uốn lệch quá mức. Quá chính tức quá phần, tức sẽ lệch. Như chuyện Bao Chửng dẫn trên, theo lý ông làm Diêm Vương còn nhỏ, phải làm Ngọc Hoàng; nhưng ông làm người quá chính, kết quả chẳng còn chút sinh khí.

Vì sao làm người đừng quá chính? **"Chính phục vi kỳ, thiện phục vi yêu"** (chính lại biến thành kỳ; thiện lại biến thành yêu quái): một vật lệch, muốn đỡ cho chính, đỡ quá lại lệch sang bên kia. Lấy hưởng mà nói, hưởng của người xưa khác ta nay; nếu người xưa thấy cái gọi cách hưởng và nội dung hưởng của ta nay, ắt bảo người nay là từng đàn điên. Còn thanh niên nay, nhảy vũ sấm sét, hát nhạc thời thượng, thấy ta ở đây nghiên cứu tư tưởng Lão Tử hai ba nghìn năm trước, cũng sẽ bảo ta thần kinh có vấn đề.

Vấn đề ở chỗ quan niệm, cách nhìn mỗi người khác, hưởng của thân tâm khác. Còn nói cách hưởng nào, lối sống nào là đúng, không có chuẩn tuyệt đối. Hết thảy do tâm, ở chỗ mỗi người tự nhìn; uốn lệch quá mức rồi, chính cũng là lệch.

Người tu hành khiến người ta chán

Giả sử nhất định bảo ngồi thiền, học Phật, học Đạo, thanh tịnh vô vi là tốt, nhưng nhiều thanh niên cả ngày chạy chùa, học Phật ngồi thiền, mà thực tế họ chẳng chút thanh tịnh, chẳng chút vô vi, càng chẳng nói đến cái không. Ấy là tự tìm rắc rối, chân cũng làm hỏng; chẳng những Phật không học nên, Đạo không học nên, cả làm người cũng không nên, học ra kỳ quái. Đó là "chính phục vi kỳ": học chính đạo học thành điên, thì hỏng.

"Thiện phục vi yêu": người tin tôn giáo vốn là việc tốt, tin quá mức, ngược thành vấn đề. Nên thầy tôi, đại sư Thiền tông lão nhân Diêm Đình Viên Hoán Tiên từng nói, ma nào trên đời cũng không đáng sợ, chỉ một ma đáng sợ nhất, là "Phật ma". Có người nhìn ra một mặt Phật, cả người khí Phật, mở miệng là lời Phật tiếng Phật, thứ ấy đáng sợ nhất, nên đừng dễ đụng những người ấy.

Thầy Viên nói những lời ấy là lẽ gì? Ý chính là "chính phục vi kỳ, thiện phục vi yêu": việc gì quá cũng sai. Quá và không tới đều là bệnh. Không thông minh cố nhiên không hay, mà người thông minh quá, thuộc "thiện phục vi yêu", bèn hóa yêu quái.

Nên Lão Tử than, **"nhân chi mê, kỳ nhật cố cửu"** (sự mê của người, ngày ấy vốn đã lâu): ông nói người mê tín quá lâu, chưa tỉnh những lẽ ấy, và mê quá vững, quá lâu. Nên **"thánh nhân phương nhi bất cát, liêm nhi bất quế"** (vuông mà không cắt, sắc mà không làm đau): làm người phải vuông vức ngay, nhưng "phương nhi bất cát", đừng vì vuông ngay mà cắt bỏ hết thảy khác; người vuông đến mức cắt rời cái khác, bèn hóa không dung được vật. Làm người phải thanh liêm, nhưng đừng liêm đến như dao cắt, cả thịt cũng gọt mất.

"Trực nhi bất tứ, quang nhi bất diệu" (thẳng mà không phóng túng, sáng mà không chói lọi): làm người phải thẳng, nói thẳng cố nhiên rất đúng, nhưng nếu thẳng quá sẽ phóng túng. Ví thấy người vô lễ, lập tức bảo: "Anh làm càn", ấy là thẳng quá, thành phóng túng, cũng không phải. Người chẳng những phải thông minh, phải có chí khí, còn phải có ánh sáng; tức cái nay đang thịnh, phải có độ nổi tiếng, có tài hoa, phải tỏa sáng, độ nổi tiếng phải cao. Nhưng đừng tỏa sáng đến mức quá chói; quá chói thì không thấy, vì đâm vào mắt người khác, trên thị giác người ấy, ánh ấy hóa tối.

Nên thanh tịnh vô vi của Đạo gia, bề ngoài xem như dạy ta không làm gì, hết thảy đặt xuống; vì sao đặt xuống? Vì thiện quá rồi thì "thiện phục vi yêu". Nên vốn không chỗ nào để buông, hết thảy bình đạm, thanh tịnh.

Hạ Kinh · Chương 59

Trị nhân sự thiên, mạc nhược sắc.

Trị người, thờ trời, không gì bằng keo giữ (sắc).

Phù duy sắc, thị vị tảo phục.

Chính vì keo giữ, nên gọi là sớm phục.

Tảo phục vị chi trùng tích đức.

Sớm phục gọi là tích đức dày.

Trùng tích đức tắc vô bất khắc.

Tích đức dày thì không có gì là không thắng được.

Vô bất khắc tắc mạc tri kỳ cực.

Không có gì không thắng được thì không biết đến giới hạn của nó.

Mạc tri kỳ cực, khả dĩ hữu quốc.

Không biết đến giới hạn, có thể có nước.

Hữu quốc chi mẫu, khả dĩ trường cửu.

Cái mẹ để có nước, có thể trường cửu.

Thị vị thâm căn cố đế, trường sinh cửu thị chi đạo.

Đó gọi là rễ sâu gốc chắc, đạo sống lâu, nhìn mãi.

Đây Lão Tử lại nói một nguyên tắc khác: **"trị nhân sự thiên, mạc nhược sắc"** (trị người, thờ trời, không gì bằng keo giữ). Chữ **"sắc"** (嗇) tức là keo giữ; về sau người ta ghép hai chữ **"lận"** (吝) và "sắc" thành một từ: keo kiệt. Kỳ thực lận là lận, sắc là sắc, hai chữ nên tách. "Sắc" nghĩa là khó, sáp (涩), có nghĩa "tham mà không cho" và "không phí bừa". Lời giải xưa: "phàm tham mà không cho gọi là 亖 (ất), hoặc gọi là sắc". Trong *Hàn Phi Tử · Giải Lão* lại nói **"thiểu phí vị chi sắc"** (ít phí gọi là sắc); "ít phí" hay "không phí bừa" cũng gần lời nay "không lãng phí". "Keo kiệt" là đáng đưa mà không đưa; "sắc" thì là tiết kiệm. Mấy năm gần đây, một số học trò hình như cũng đang dùng lại lời cổ: với bạn không chịu móc tiền mời khách, cũng chê: hắn keo quá!

Ai keo nhất

Từng có người bịa một chuyện cười về keo: có một người, vì keo quá, biệt hiệu "Keo nhất nước", ý bảo cả nước hắn keo nhất. Về sau lại có người keo hơn hắn, tự xưng "Keo nhất thiên hạ", ý bảo cả thế giới hắn keo nhất, có thể ghi vào sổ kỷ lục Guinness chuyên chép những cái nhất thế giới. Có lần, "Keo nhất nước" muốn đến thăm "Keo nhất thiên hạ", để so "công keo" hai bên, rốt cuộc ai cao. Khi "Keo nhất thiên hạ" biết tin ấy, quyết cho "Keo nhất nước" một phen "keo cả duyên gặp mặt", cái duyên gặp một lần cũng keo không cho; nhưng lại không muốn để "Keo nhất nước" nếm trái đóng cửa từ chối, bèn giao vợ tiếp khách. Dĩ nhiên, vợ "Keo nhất thiên hạ" cũng là một mụ keo. Khi "Keo nhất nước" đến, chỉ thấy nhà trống bốn bức tường, trong nhà trừ không khí ra, chẳng có gì. Mụ keo bèn chỉ cái ghế vẽ trên tường, bảo khách: "Mời ngồi!" Ông "Keo nhất nước" cũng dựa vào bức tường vẽ ghế, kể như ngồi xuống, chuyện trò với mụ keo.

Hai người từ sáng nói mãi đến chiều. Lúc ấy bụng mụ keo đói sôi ùng ục; "công keo" của bà rốt cuộc kém nửa bậc, đói thật không chịu nổi, không tự chủ được, hỏi một câu: "Ông ăn cơm chưa?" Lúc ấy "Keo nhất nước" mừng lớn, vội nói: "Chưa! Tôi đang đợi chủ nhà tiếp đãi nồng hậu đây!" Mụ keo không còn cách chối, đành dùng tay vẽ một vòng tròn to bằng bát canh, đưa sang: "Mời ăn bánh!" "Keo nhất nước" cũng vẽ một vòng tròn to bằng thế, làm bộ đón bánh, rồi một miếng nuốt nhanh. Nói chuyện đến sau khi thắp đèn, cáo từ ra về. "Keo nhất thiên hạ" về, hỏi tình hình khách; mụ keo rất đắc ý, báo cáo kỹ. Không ngờ lời vừa dứt, "Keo nhất thiên hạ" đã tát vợ một cái, mắng: "Mời ăn thì mời, vẽ to bằng đĩa nước tương là được rồi, sao lại vẽ to như bát canh?"

Chuyện cười này nói chữ **"lận"** (吝). **"Sắc"** (嗇) là tiết kiệm với mình, nhưng với bạn thì rất hào phóng. Vậy khắc nghiệt với mình, rộng rãi với người, là "sắc"; rộng rãi với mình, khắc nghiệt với người, là "lận": phải rõ hai bên khác nhau.

Tiết kiệm hao tổn tinh khí thần

"Trị nhân sự thiên, mạc nhược sắc" (trị người, thờ trời, không gì bằng keo giữ): đây Lão Tử bảo ta, làm người làm việc phải tiết kiệm, nói cũng phải tiết kiệm, ít nói nhảm, thậm chí không nói. Không làm việc lãng phí, tập trung chí hướng làm việc chính đáng: ấy là tiết kiệm tinh thần, tiết kiệm sự sống. Người tu Đạo, muốn sống lâu không già, phép rất đơn giản: đừng lãng phí sự sống, ít nói nhảm, ít làm việc không cần làm, làm việc gọn, giản, rõ. "Sự thiên" thì gồm cả hoạt động tôn giáo; người tin tôn giáo, hoạt động tôn giáo cũng phải tiết kiệm, đừng lãng phí. Thời cổ, trò tôn giáo cũng nhiều lắm; người tin theo đi bố phương, lễ sao Đẩu, đủ thứ phép, bận không kịp thở. Đều không đúng; nên tiết kiệm sự sống, tinh thần của mình. Vậy bí quyết của Lão Tử Đạo gia chính là chữ "sắc". Lão Tử sở dĩ là Lão Tử, nghe nói sống mấy nghìn năm không chết, cũng nhờ chữ "sắc" ấy.

Đạo gia với Phật gia khác nhau chỗ nào? Tôi nghĩ: Phật gia vừa vào tay đã là "không", đã bố thí; Đạo gia vào tay đã là "sắc", tức tiết kiệm keo giữ, lấy nuôi tinh chứa khí làm gốc. Nếu cố làm một nghiên cứu tôn giáo so sánh, đường tu chữ "sắc" Đạo gia đi, gần với đường Tiểu thừa Phật gia; đường La Hán chính gần đường ấy; Bồ Tát Đại thừa thì đi đường không và bố thí. Nhưng bản thân Lão Tử không lấy "sắc" làm tầng tu cao nhất; chủ trương ông nói ở chương bảy Thượng kinh, **"hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn"** (để thân mình sau thì thân mình lên trước, đặt thân mình ra ngoài thì thân mình còn), ngang với Đại thừa Phật pháp, ấy là bố thí. Nhưng Đạo gia đời sau chuyên chú chữ "sắc" Lão Tử nói, nên nói cũng không dám nói, cho rằng **"khai khẩu thần khí tán, ý động hỏa công hàn"** (há miệng thần khí tan, ý động thì hỏa công lạnh). Vậy người học Đạo không nói, đến gật đầu chào cũng cho là lãng phí.

Phật gia cũng có cảnh tương tự, như thiền sư Lãn Tàn đời Đường Minh Hoàng, vừa lười vừa tàn, lười đến không kịp thở, cơm cũng không nấu, chỉ lấy cơm canh thừa của người khác mà ăn. Lúc ông ở Nam Nhạc, không biết chỗ nào nhặt được một củ khoai người ta rơi, bèn nướng chín trong đống phân bò đốt để sưởi mà no bụng. Lúc ấy Lý Bí ở trong chùa với ông có một đoạn nhân duyên. Lý Bí vừa là Đạo gia, vừa học Thiền Phật gia, nhưng chưa xuất gia; sử nói ông **"sinh hữu tiên cốt"** (sinh ra đã có cốt tiên), vì lúc đi xương khớp kêu, trong trẻo mà nhẹ. Về sau ông được phong Nghiệp Hầu, từng giúp Đường Túc Tông bình thiên hạ, thường chơi cùng hoàng đế. Lúc trẻ ông đọc sách ở Nam Nhạc, nửa đêm nghe một nhà sư xướng niệm, cho rằng người xướng niệm ấy thuộc hạng trích tiên, là thần tiên từ trên trời xuống, là người trở lại mà Phật gia nói. Bèn theo tiếng tìm; có nhà sư bảo, chính là Lãn Tàn, kẻ cả chùa coi thường.

Lý Bí tới, thấy ông đang nướng khoai trong đống lửa phân bò, bèn quỳ xuống cầu Đạo, cung kính hơn cả Trương Lương xỏ giày cho Hoàng Thạch Công. Lãn Tàn lạnh đến nỗi nước mũi chảy dài, vẫn nướng khoai, cũng không đoái Lý Bí đang quỳ. Khoai Lãn Tàn ăn được nửa, mới ngoảnh thấy Lý Bí, đưa nửa củ còn lại cho Lý Bí ăn; Lý Bí nhận, một miếng nuốt hết. Rồi Lãn Tàn bảo Lý Bí: sau này ông có thể làm hai mươi năm tể tướng thái bình. Lý Bí từng làm quan ba triều Túc Tông, Đại Tông, Đức Tông, nhưng ra làm rồi lại ẩn, nhiều lần.

Về sau hoàng đế nghe Lý Bí tâu, sai người đến Nam Nhạc mời Lãn Tàn vào kinh, mặt đối mặt học Đạo. Ông từ chối không đi; cuối cùng hoàng đế ra một lệnh rất nghiêm, trưng triệu ông. Đây là lần thứ ba sai người đi; người được sai dĩ nhiên là đại viên, trong lòng tưởng Lãn Tàn ắt là đại hòa thượng đội mũ vàng, khoác cà sa. Không ngờ gặp rồi mới biết là một nhà sư bẩn, áo rách tả tơi, trong lòng không khỏi khinh; bèn nói: "Sư phụ, lau nước mũi một cái được không?" Câu ấy chọc lửa Lãn Tàn, ông đáp: "Tôi đâu có nhiều thì giờ rỗi, để lau nước mũi cho các ông tục ấy!" Ông phải làm công phu, bận lắm. Văn chương ông cũng hay, bài ca Lãn Tàn nổi tiếng: **"thế sự du du, bất như sơn khâu, thanh tùng tế nhật, bích giản thường lưu"** (việc đời mênh mang, chẳng bằng núi đồi, thông xanh che nắng, khe biếc chảy mãi)… Cảnh văn quá cao. Đây tạm không bàn văn.

Như Lãn Tàn thế ấy, hoàn toàn là cảnh La Hán, keo giữ đến mức không có thì giờ lau nước mũi cho người tục: ấy mới là "sắc" thật.

Cái quan trọng của sự giản hóa và tích đức làm lành

"Phù duy sắc, thị vị tảo phục" (chính vì keo giữ, nên gọi là sớm phục): Lão Tử nói, vì chỉ có thật biết keo giữ, tiết kiệm tinh thần, tiết kiệm sự sống, thật không lãng phí tinh thần và sự sống, mới gọi là "tảo phục". Còn "tảo phục" là gì? Một hai nghìn năm nay, người chú *Lão Tử* có mấy trăm nhà, mỗi nhà một nói. Nay có người lấy chữ **"phục"** (服) thành "phục" của "y phục"; chẳng lẽ "tảo phục" là cái áo choàng mặc lúc dậy sớm mà người nước ngoài nói? Dĩ nhiên không. Tôi nghĩ, "phục" chính là "phục" của **"phục thực"** (服食), người nay uống thuốc cũng gọi "phục dược"; một phép tu Đạo gia gọi "phục khí". Vậy vì sắc, tiết kiệm tinh thần, sự sống, sớm giữ lấy công năng sự sống của mình, như Đạo gia đời sau nói, **"nhất lạp kim đan thôn nhập phúc, thủy tri ngã mệnh bất do thiên"** (một viên kim đan nuốt vào bụng, mới biết mạng ta không do trời): tức tinh, khí, thần vào trong, "phục dụng" là nuốt vào. Về sau gọi phục đan dược, tinh khí thần hóa thành "kim đan" mà nuốt.

Chương này, kỳ thực là khai triển, chú giải cho chương chín, mười Thượng kinh. Chương chín, mười từng nhắc một tên: "huyền đức".

"Huyền đức" là thể siêu hình, nguyên lý của đạo thể; còn **"trùng tích đức"** (tích đức dày) đây là nói trên chỗ dùng, nói dụng của Đạo, nói lẽ dùng lúc làm người xử thế.

Trước hết phải chú một điểm: đời sau ghép "Đạo" với "Đức" thành "đạo đức"; lúc làm người xử thế, vừa nghĩ đến đạo đức, gần như cái gì cũng không dám động, nước bọt cũng không dám nhổ bừa, lấy đủ thứ ràng buộc gọi là đạo đức. Nhưng sự thật không hẳn thế. Chữ "đức" của người xưa cùng nghĩa với chữ "đắc". **"Đức giả đắc dã"** (đức tức là được): lúc nghiên cứu Thượng kinh đã giải; tức là kết quả, muôn việc phải nghĩ trước cái hệ trọng của hậu quả. Phàm nói một câu, làm bất kỳ việc gì, trước khi làm, nghĩ trước sẽ sinh hậu quả thế nào; không phải hoàn toàn nghiêng về chí thiện trên hạnh. Hạnh của người, dĩ nhiên nên đến chí thiện; nhưng trên nghĩa chữ ghi lại bày ra, không phải hoàn toàn đi về phía "chí thiện".

Ông nói, làm được **"trùng tích đức tắc vô bất khắc"** (tích đức dày thì không có gì không thắng), làm việc không đi đâu mà không lợi. **"Vô bất khắc, tắc mạc tri kỳ cực"** (không có gì không thắng thì không biết đến giới hạn của nó): vì làm người làm việc không đi đâu mà không lợi, nên nhìn bề ngoài, tìm không ra nguyên nhân cùng tận. Như xu thế thời đại, nhìn cái gì cũng hay, rốt cuộc vì sao hay thế? Tìm không ra nguyên nhân cùng tận. Phàm việc tìm không ra nguyên nhân, thường khiến người sinh hai quan niệm: một là thấy huyền bí không thể biết; một là thấy âm hiểm, khiến người không hiểu nổi. Kỳ thực đều không phải; mà là tròn, đều biết được, không phải không biết được, cũng không phải âm hiểm, rất rõ. Lẽ ở chữ "sắc", tức giản hóa, đừng thêm gì vào. Ta có thể lấy một tư tưởng Nho gia làm tham khảo, thì càng dễ rõ.

Khổng Tử trong *Luận Ngữ* từng nói, Quý Văn Tử gặp việc nghĩ ba lần rồi mới làm; Khổng Tử nghe, bảo: **"tái, tư khả hỹ"** (nghĩ hai lần thì được rồi). Có người giải, nghĩ ba lần chưa đủ, Khổng Tử bảo còn nghĩ thêm lần nữa, phải nghĩ bốn lần. Cách giải ấy chưa hẳn đúng. Gặp việc nghĩ quá, nghĩ ba lần rồi mới làm, dễ phạm sai. Vì lẽ sự trời đất, chỉ có hai mặt chính và phản, thiện và ác, phải hoặc trái; nếu nghĩ thêm nữa, thì sinh ra đúng cũng không đúng, không đúng lại đúng, khoảng ấy không định được, không biết nên làm sao. Vậy nghĩ quá, không hợp lẽ "sắc": ấy là cách tôi giải. Một việc đến tay, không được đại ý, phải nghĩ thêm; mặt chính mặt phản nghĩ xong, phải có dũng khí hạ quyết tâm; không thì càng nghĩ càng thiếu dũng khí hạ quyết tâm. Vậy, vốn có thể **"tri kỳ cực"** (biết đến giới hạn), vì nghĩ quá nhiều, không "sắc" được, kết quả thành **"mạc tri kỳ cực"** (không biết đến giới hạn).

Tinh thần thật của sự keo giữ

"Mạc tri kỳ cực, khả dĩ hữu quốc" (không biết đến giới hạn, có thể có nước): người thường nhìn không ra lẽ "mạc tri kỳ cực" ở chỗ nào, cho rằng thế là có nước, có vùng, có đất, có sản nghiệp. Thời Lão Tử, cái gọi "quốc" không đại diện quốc gia trong quan niệm nay, mà đại diện sản nghiệp, cũng gồm cả sản nghiệp siêu hình như trí tuệ tinh thần.

"Hữu quốc chi mẫu, khả dĩ trường cửu" (cái mẹ để có nước, có thể trường cửu): "quốc chi mẫu" ấy là nguồn gốc nguyên thủy sinh sinh không dứt; trên siêu hình là Đạo, trên chỗ khởi dụng ở cõi có hình là giản, như thế mới trường cửu. Vậy, chẳng những muốn cầu đạo sống lâu không già nên thế, xử người xử thế cũng nên chú ý giản ước. Nay mọi người mê học Đạo, học tĩnh tọa, học yoga, học thiền, đều muốn cầu sống lâu không già; lại cầu huyền bí, cầu thần thông, bày nhiều phép rắc rối, mãi không xong, chính vì bày quá phức, không biết nguyên tắc "sắc". Nếu biết nguyên tắc ấy, "hữu quốc chi mẫu" về căn bản chính là "giản".

Tinh thần gốc chương này là "sắc"; trên đã bàn, tinh thần ba nhà Đạo, Phật, Nho khác nhau. Đạo gia hay Đạo giáo đời sau thường dựa chương này của *Lão Tử*, trước sau mắc một bệnh: huyền bí, tiếc không chịu truyền người, sợ lộ thiên cơ. Lại bảo **"lục nhĩ bất đồng truyền"** (sáu tai không cùng truyền): sáu tai, tức lúc ba người cùng chỗ, thì không truyền Đạo nữa. Dù lúc hai người truyền nhau, còn phải ghé tai nghe, áp tai vào miệng người truyền, hóa ra huyền bí. Ấy là chịu ảnh hưởng chương này của *Lão Tử*, chưa hiểu trọn tinh thần "sắc".

Dưới nói lẽ làm người xử thế với tu Đạo, đều nối dưới nguyên tắc lớn ấy: **"thị vị thâm căn cố đế, trường sinh cửu thị chi đạo"** (đó gọi là rễ sâu gốc chắc, đạo sống lâu, nhìn mãi). Trước nói về chữ: nay có người viết "thâm căn cố đế" bằng chữ **"đế"** (蒂), chữ ấy sai; **"đế"** (柢) cũng nghĩa là rễ, đầu nhọn của rễ gọi là "đế".

Làm người xử việc, cho đến tu Đạo, **"thâm căn cố đế"** (rễ sâu gốc chắc) là đòi hỏi căn bản. Lấy phép tu Đạo gia mà nói, chương mười Thượng kinh: **"chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ"** (gom khí đến chỗ mềm, có thể như trẻ thơ chăng); chương mười sáu: **"quy căn viết tĩnh, thị vị phục mệnh"** (về gốc gọi là tĩnh, đó gọi là phục mệnh); thậm

chí đến thai tức, hơi thở dừng. Lấy Phật gia mà nói, cảnh ấy là đến cảnh tam thiền và tứ thiền; Đạo gia thì đến "thâm căn cố đế", cũng gọi "thai tức". Thai nhi trong bụng mẹ không thở bằng mũi, thở bằng rốn, cũng gọi "nội tức", tức hô hấp trong. Người tu khi làm hô hấp trong, hô hấp mũi và da sẽ dần dừng.

Thiên Thai tông Phật gia tu **"sổ tức quán"** (quán đếm hơi thở), đếm mấy nghìn lần, mãi đếm. Tôi hỏi họ đang học kế toán, hay học thống kê, hay đang buôn bán? Đếm hơi chỉ là bước một, thu niệm ruổi ra ngoài, không vọng tưởng, về chỗ tĩnh. Đợi tĩnh rồi, không cần đếm nữa; nếu còn đếm, lại hóa bận. Một đếm hai theo, tâm và hơi nương nhau, niệm theo hơi thở là theo; rồi dần vào bước ba, hơi thở và niệm dừng, đến cảnh chỉ. Lúc ấy, hơi mũi có thể tạm dừng; thời gian dừng dài ngắn, lại tùy công phu nông sâu mà khác.

Nếu hơi mũi dừng được hơn một giờ, đại khái rơi xuống nước cũng không chết đuối, gặp lửa dữ cũng không dễ cháy tới, vì lúc ấy khí và ánh sáng của thân phóng ra, có thể đến tầm dài tay duỗi, chắn sức lửa. Đây là hiện tượng hợp nguyên lý khoa học, không phải chuyện huyền bí.

Chương này Lão Tử trước hết nói lẽ **"trị nhân sự thiên"** (trị người, thờ trời): "trị nhân" là làm người xử thế; "sự thiên" là tu Đạo. Chữ "thiên" ấy không phải trời của tôn giáo, cũng không phải trời phía vật lý trong khoa học tự nhiên, mà là trời của quan niệm trừu tượng trên triết học, đại diện đạo thể, là dụng của bản thể.

Trên "trị nhân sự thiên" làm được **"thâm căn cố đế"** (rễ sâu gốc chắc), tự nhiên có thể trở già về trẻ, **"trường sinh cửu thị"** (sống lâu, nhìn mãi).

Sống lâu, nhìn mãi là gì

"Trường sinh cửu thị" (sống lâu, nhìn mãi) lại là một vấn đề lớn, là vấn đề Đạo gia mấy nghìn năm bàn cãi tranh, không giải được. Như **"khu bệnh"** (trừ bệnh) là công phu Đạo gia, tối thiểu ít bệnh hoặc không bệnh, khỏe tuyệt đối; **"diên niên"** (sống thêm năm) là sống lâu hơn. Còn "trường sinh bất tử" Đạo gia treo bảng, quan niệm không chết ấy có vấn đề. Chết thì vẫn chết, có thể sống lâu hơn một chút, hoặc sống nghìn năm có lẽ được.

Nhưng Đạo gia chính thống, như Lão Tử, ít nói hai chữ "bất tử". Lão Tử từng nói: **"xuất sinh nhập tử, sinh chi đồ thập hữu tam, tử chi đồ thập hữu tam, nhân chi sinh, động chi tử địa diệc thập hữu tam"** (ra là sống, vào là chết; phe sống mười có ba; phe chết mười có ba; người sống mà động vào chỗ chết cũng mười có ba). Cơ hội sống chết ngang nhau, cả hai đều mười phần ba, bình đẳng; không sinh không chết cũng mười phần ba cơ hội, tùy tu dưỡng của mỗi người. Ông không đưa ra lẽ không chết; ông chỉ nói có thể sống lâu, sống lâu. Nhưng lâu đến mức nào? Đạo gia đời sau thì nói có thể **"dữ thiên địa đồng hưu, dữ nhật nguyệt đồng thọ"** (cùng trời đất nghỉ, cùng nhật nguyệt thọ).

Trên đời nhiều tôn giáo, nhiều triết học, khoa học, cũng đuổi theo nguồn sự sống; nhưng hết thảy tôn giáo, triết học và khoa học, đều không dám nói sự sống đang có có thể kéo dài không chết. Hết thảy tôn giáo đều khuyên người đừng sợ chết, sớm thoát cõi người khổ này, đến thiên đường của tôn giáo ấy; người phải sau khi chết mới được sống mãi.

Chỉ có Đạo gia văn hóa Trung Quốc đưa ra một khẩu hiệu: không cần qua giai đoạn chết, sự sống đang có, tức thì **"trường sinh cửu thị"** (sống lâu, nhìn mãi). Bất luận có thành sự thật hay không, chỉ có dân tộc Trung Hoa hô khẩu hiệu táo bạo thế, dám nói sự sống mình đang có, mình nắm được, sự sống mình có thể tự mình giữ lâu. Nên gọi đạo "sống lâu không già", hoặc thuật "sống lâu không già".

Còn cách Lão Tử nói, là **"trường sinh cửu thị chi đạo"** (đạo sống lâu, nhìn mãi). Phải chú hai chữ **"cửu thị"** (nhìn mãi). Mắt ta không thể nhìn mãi; mắt mỗi người có lẽ nhìn một hai giây đã phải chớp hai ba lần, không thể nhìn

lâu. Người tu Đạo thật, thần quang mắt không đổi không lui, thì có thể nhìn mãi, thậm chí có thể nhìn xuyên; lúc ấy, với việc giữ sự sống mình, mới có chút khả năng.

Theo tư tưởng học thuyết Đạo gia, *Âm phù kinh* của Hoàng Đế sớm hơn Lão Tử nói: **"thiên tính nhân dã, nhân tâm cơ dã"** (tính trời là người, lòng người là cơ); lại nói: **"tâm, sinh ư vật tử ư vật, cơ tại mục"** (lòng sinh vì vật, chết vì vật, cái cơ ở mắt). Tạm lấy hiện tượng vật lý khoa học tự nhiên mà giải: lòng người gần như nhà máy điện; lúc muốn dùng điện, ắt phải có ổ cắm; còn mắt người thì bằng ổ cắm. *Kinh Lăng Nghiêm* Phật gia nói **"minh tâm kiến tính"** (lòng sáng, thấy tính), trong đó nhắc **"kiến"** (见), từ "thấy" của mắt, nói đến "thấy" của lý tính; "kiến" là một thứ thật. Người đêm mệt muốn ngủ, mắt đóng trước, mắt phải ngủ trước, óc mới ngủ được; nếu mắt chưa ngủ, óc không ngủ được. Người chết cũng ánh mắt rơi xuống đất trước, không thấy, thần mắt tan trước, đồng tử giãn trước.

Cái gọi **"trường sinh cửu thị chi đạo"** (đạo sống lâu, nhìn mãi), Đạo gia từ xưa giải "cửu thị" là nhìn vào trong, ngang quán tưởng người tu Phật gia, Đạo gia gọi **"nội chiếu hình khu"** (soi vào trong thân hình). Vậy "trường sinh cửu thị chi đạo" là tinh thần mãi sáng, tức thấy Đạo. Lâu rồi, vì công lực đến **"thâm căn cố đế"** (rễ sâu gốc chắc), thần quang soi ngược, hoạt động nội tạng, thậm chí máu chảy, nhìn rất rõ. Lúc ấy sẽ biết chỗ nào ra bệnh, thậm chí biết mức bệnh, mình thắng không nổi, đại khái lúc nào có thể kết, đến giờ thì bỏ thân này mà đi.

Vậy phải biết, trên công phu làm sao đến **"cửu thị"** (nhìn mãi) mới sống lâu; sống lâu được, mới đến **"thâm căn cố đế"** (rễ sâu gốc chắc); sự sống ấy nắm trong tay mình.

Còn "thâm căn cố đế" lúc làm người xử thế, là làm bất kỳ việc gì, đừng cẩu thả, đừng buông tính, đừng bốc đồng, chẳng ngại chậm nửa nhịp, chậm một nhịp, ắt phải thận trọng. Với một việc, biết động nhân, phải nghĩ hậu quả, sẽ "thâm căn cố đế", sau mới **"trường sinh cửu thị"** (sống lâu, nhìn mãi), mãi còn, mãi trông thấy, mới lâu bền.

Hạ Kinh · Chương 60

Trị đại quốc nhược phanh tiểu tiên.

Trị nước lớn như nấu cá nhỏ.

Dĩ đạo lị thiên hạ, kỳ quỷ bất thần.

Lấy Đạo cai quản thiên hạ, quỷ không linh thiêng.

Phi kỳ quỷ bất thần, kỳ thần bất thương nhân.

Không phải quỷ không linh thiêng, mà thần không hại người.

Phi kỳ thần bất thương nhân, thánh nhân diệc bất thương nhân.

Không phải thần không hại người, mà thánh nhân cũng không hại người.

Phù lưỡng bất tương thương, cố đức giao quy yên.

Cả hai đều không làm hại nhau, nên đức lại quy về cùng nhau.

Lẽ nấu cá nhỏ ở chỗ nào

Chương này kể là khai triển chương mười Thượng kinh. Trong chương có câu nổi tiếng của Lão Tử, cũng là câu rất quan trọng trên sử tư tưởng chính trị và triết học chính trị Trung Quốc: **"trị đại quốc nhược phanh tiểu tiên"** (trị nước lớn như nấu cá nhỏ). Câu ấy khai triển ra, lẽ và chuyện dẫn được rất nhiều; nói giản, "tiểu tiên" như cá nhỏ, hoặc một miếng thịt nhỏ. Phải chú chữ **"phanh"** (烹). "Phanh" là gì? Ta đều biết, làm món Trung Quốc gọi **"phanh điều"** (nấu nướng); lửa nhỏ gọi "phanh", lửa lớn gọi "xào". Vậy lửa xào gọi **"vũ hỏa"** (lửa mạnh); nhất là xào thịt bò sợi, gan heo, đều phải lửa lớn, lửa mở rất to, đồ vừa đổ xuống chảo, xào hai ba cái, phải nhắc chảo, cách lửa lớn ra xa, không thì xào già, ăn không ngon. Ngày trước học đầu bếp, sức cánh tay phải có công phu. Nhất là trong tùng lâm lớn, dùng chảo rất to, một món phải chia hai mươi mấy bát lớn; vừa đổ xuống, xào hai cái, một tay nâng lên xào, cả chảo món phóng lên không, xoay một vòng rồi rơi: bản lĩnh ấy công phu chùa Thiếu Lâm, phái Võ Đang cũng không theo kịp; thật có bản lĩnh, tay nhanh lắm: ấy là xào.

Cái gọi "phanh" là lửa nhỏ, lửa dịu, từ từ ninh hầm. Như người nay thích ăn mộc nhĩ trắng; nay mình dùng đồ điện rồi, mộc nhĩ trắng nồi cơm điện nấu ra, là nửa giờ ninh ra, không phải phanh ra. Ngày trước phanh thế nào? Từ rất sớm, trước canh năm trời sáng, thắp đèn dầu ba bốn bấc, trên đặt một bát nhỏ mộc nhĩ trắng núi Ô, Vạn huyện, Tứ Xuyên, hầm chỗ ẩm tối, mãi đến trời sáng dầu cháy hết, mộc nhĩ trắng cũng hầm xong, rồi bỏ đường phèn, ăn vào miệng như không có gì, một cái trượt đã xuống, nuốt cũng khỏi nuốt; vị với mộc nhĩ trắng nay hoàn toàn khác. Nên gọi **"phanh tiểu tiên"** (nấu cá nhỏ). Nhiều món nổi tiếng đều phanh thế, thậm chí lửa nhỏ phanh một ngày hai ngày mới xong. Lời quê Trung Quốc: "Đãi khách bận ba ngày, cất nhà bận ba năm, lấy vợ bận cả đời." Món tinh mỹ phải nấu nướng tỉ mỉ.

Nói lẽ **"phanh tiểu tiên"** (nấu cá nhỏ), là lấy lửa nhỏ, từ từ, thận trọng mà hầm. "Đại tiên" thì không phải một chuyện ấy nữa; lửa lớn phanh lại là cách khác, phải lửa dữ chiên rán. Lửa nhỏ là điều lý "tiểu tiên"; lẽ ấy như trên, **"trị nhân sự thiên, mạc nhược sắc"** (trị người, thờ trời, không gì bằng keo giữ), từng chút từ từ phanh ra. Sao nói **"trị đại quốc nhược phanh tiểu tiên"** (trị nước lớn như nấu cá nhỏ)? Là bảo ta, xử việc lớn phải đặc biệt thận trọng, phải chậm một bước, không được vội đại ý. Thanh niên tương lai rộng mở, sau này nếu làm việc lớn, bất luận giới công thương, giới học thuật, một vấn đề lớn đến tay không được đại ý, phải thận trọng. Nhưng thận trọng lại đừng quá; quá

dụng tâm, lửa lại quá lớn, vị khác đi. Nếu hoàn toàn không quản, thì lửa tắt, không thành. Vậy là **"vô vi nhi vô bất vi"** (vô vi mà không gì không làm), cũng tức lẽ "phanh tiểu tiên".

Kỳ thực mỗi người ta đều có cảnh đời khác nhau; lúc gặp bất kỳ phiền não vấn đề, lúc rất rối, nhớ câu Lão Tử này, trị vấn đề lớn **"như phanh tiểu tiên"** (như nấu cá nhỏ): nghĩ lạnh, dọn từ từ, đừng sợ khó. Phần nhiều người không có tu dưỡng ấy; khi vấn đề đến đã bị phiền não vây, một cái đã bị đánh ngã. Vậy phải hiểu lẽ "như phanh tiểu tiên".

Làm sao hàng phục quỷ ma

"Trị đại quốc như phanh tiểu tiên" (trị nước lớn như nấu cá nhỏ): đây là câu nổi tiếng Lão Tử trên chỗ dùng việc trị nước; nhưng phải phanh thế nào? **"Dĩ đạo lị thiên hạ, kỳ quỷ bất thần"** (lấy Đạo cai quản thiên hạ, quỷ không linh thiêng). Thượng kinh *Lão Tử* nói, lấy tu dưỡng Đạo mà trị thiên hạ quốc gia, cũng bằng Nghiêu, Thuấn, Vũ ba đời Nho gia treo bảng, lấy Đạo trị thiên hạ. Tam đại không lấy thủ đoạn chính trị và chế độ mà trị thiên hạ, mà chú trọng đạo đức và thành tín. Lúc làm được "dĩ đạo lị thiên hạ", quỷ cũng không thiêng, ấy là lẽ "kỳ quỷ bất thần". Đạo đức trị nước là cao nhất; đạo đức làm người là "thành", ấy là "thành" *Trung Dung* Nho gia nói. **"Chí thành chi đạo, khả dĩ tiền tri"** (đạo chí thành có thể biết trước); Lão Tử bày ra chỉ dùng tên khác thôi.

"Đạo" là gì? Thanh tịnh vô vi. Thanh tịnh vô vi sao trị được thiên hạ? Khoảng ấy sinh nhiều vấn đề; quay lại xem, chương trước đã trả lời một câu: ắt phải **"trùng tích đức"** (tích đức dày). Làm sao mới "trùng tích đức"? Đáp án là **"trị nhân sự thiên, mạc nhược sắc"** (trị người, thờ trời, không gì bằng keo giữ), cũng tức dụng của vô vi: "giản hóa". Vậy **"dĩ đạo lị thiên hạ, kỳ quỷ bất thần"** (lấy Đạo cai quản thiên hạ, quỷ không linh thiêng): quỷ cũng không linh. Nói khác, "thần" về ngôi rồi, "quỷ" không thiêng nữa, không ai đến phá, vì mình thanh tịnh, là không. Chẳng hạn, có người muốn trong phòng này đập phá đồ, nhưng trong phòng trống không một vật, không có gì mà đập. Ấy là nói, gặp kẻ thanh tịnh vô vi thì không phá được. Trên đạo đức, cũng tức chí công không tư.

Người mình sao sợ quỷ? Vì trong lòng có quỷ. Nay thôn quê Đài Loan còn văn hóa mang từ Quảng Đông, Phúc Kiến, đều vẽ bùa niệm chú như nhau. Năm ấy trên đại lục mình cũng nhiều người thế; người Tứ Xuyên gọi "đoan công", vùng Trường Giang gọi "sư công": nhà có người ốm, tối mời họ đến vẽ bùa niệm chú, bắt yêu bắt quái, phép nhiều lắm. Có một nhà bị quỷ mê, mời sư công đi bắt yêu; lúc ấy một số thanh niên đi xem, vừa sợ vừa muốn xem, mấy người dựa lưng nhau mà xem. Kỳ thực quỷ gì cũng không có; họ thổi sừng trâu, có người thổi ốc biển, "U!" Tiếng ấy lúc đêm khuya thanh vắng nghe, rất thảm, rất sợ. Đúng như tiểu thuyết viết: gió âm thảm, khí quỷ rờn rợn; thêm mũ đạo sĩ đội, chuông trên mũ leng keng rung, không khí ấy, không quỷ cũng có quỷ.

Từng có một đạo sĩ rất nổi tiếng, đồn pháp thuật rất cao; làm phép bắt yêu nửa buổi xong, gặp thanh niên tinh nghịch, lén khâu sau áo một sợi dây kéo lê. Đợi ông làm phép xong về nhà, đã đêm khuya ba bốn giờ. Đạo sĩ ấy đi một mình, sau lưng truyền tiếng sột soạt; ngoảnh xem không có gì, cũng không có người. Đi thêm mấy bước, tiếng lại ra; bản thân ông cũng sợ, lấy chuông rung, phía sau càng kêu dữ; bất luận dùng pháp thuật gì, bắt không được yêu, cũng bắt không được quỷ. Cuối cùng ông rút bảo kiếm, vừa niệm chú, mặt đã xanh mét, rồi vung kiếm ra sau, cắt nửa cái áo choàng của mình, mới hết tiếng. Về nhà ốm ba tháng; vùng ấy đồn ra, thành chuyện cười. Về sau xem bút ký người xưa, ghi đúng có chuyện ấy.

Đây là chuyện nói **"kỳ quỷ bất thần"** (quỷ không linh thiêng). Vậy, quỷ thần có không? Có. Nhưng, đứng trên tinh thần văn hóa, phải nhớ hai câu, cũng là một tinh thần Phật gia và Đạo gia giống nhau: **"ma do tâm tạo, yêu tự nhân hưng"** (ma do lòng tạo, yêu do người dậy). Ma là gì? Lòng mình, tư tưởng mình, chính là ma thật; luyện lệch mà nhập ma chính là tác dụng tâm lý của mình. "Yêu tự nhân hưng": yêu quái đều do người dậy lên. Mấy năm trước báo nói,

hòn đá thôn quê là thổ địa công; dân làng lạy Thạch Công một lạy, hương hỏa bèn vượng, lại bảo rất thiêng. Ấy là "yêu do người dậy", đều là trò người chơi, tác dụng duy tâm của người. Vậy, **"dĩ chính đạo lị thiên hạ"** (lấy chính Đạo cai quản thiên hạ), quỷ ấy không thiêng nữa.

"Phi kỳ quỷ bất thần, kỳ thần bất thương nhân" (không phải quỷ không linh thiêng, mà thần không hại người): không phải quỷ không thiêng, là thần linh quỷ nương, tinh thần của quỷ hết rồi, sức lực nương thành sự sống của nó hết rồi, cũng tức sức làm quái hết rồi.

"Phi kỳ thần bất thương nhân" (không phải thần không hại người): chú câu này, đây nói giá trị ngôi người. Đạo gia không mê tín, không như tôn giáo thường; ông chú giá trị ngôi người. Giá trị ngôi người là gì? Là giá trị của lòng. Không những quỷ không thiêng, thần cũng không hại người được nữa.

"Phi kỳ thần bất thương nhân, thánh nhân diệc bất thương nhân" (không phải thần không hại người, mà thánh nhân cũng không hại người): sao lại thế? Vì người đến cảnh thanh tịnh đạo đức, thì trời người hợp một. Lúc ấy quỷ thần cùng mình một thể, không thể hại nhau. **"Phù lưỡng bất tương thương, cố đức giao quy yên"** (cả hai đều không làm hại nhau, nên đức lại quy về cùng nhau). Quỷ cũng hại không được mình, thần cũng hại không được mình; dĩ nhiên mình cũng hại không được quỷ, mình cũng hại không được thần; vì nhau không hại, nhau thông cảm, nhau cùng còn, cùng thể mà cùng còn. Đây là lẽ "Đạo", cũng tức Trang Tử nói **"thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất thể"** (trời đất cùng ta một gốc, vạn vật cùng ta một thể). Phật gia gọi "không"; "không" là tả cảnh "trời đất cùng gốc, vạn vật một thể"; ấy cũng là lẽ "Đạo".

Hạ Kinh · Chương 61

Đại quốc giả hạ lưu, thiên hạ chi giao, thiên hạ chi tẫn.

Nước lớn là hạ lưu, là chỗ quy tụ của thiên hạ, là giống cái của thiên hạ.

Tẫn thường dĩ tĩnh thắng mẫu, dĩ tĩnh vi hạ.

Giống cái thường dùng sự tĩnh lặng để thắng giống đực, dùng sự tĩnh lặng mà ở dưới.

Cố đại quốc dĩ hạ tiểu quốc, tắc thủ tiểu quốc;

Cho nên nước lớn mà tự đặt mình dưới nước nhỏ, thì thu phục được nước nhỏ;

Tiểu quốc dĩ hạ đại quốc, tắc thủ đại quốc.

Nước nhỏ mà tự đặt mình dưới nước lớn, thì thu phục được nước lớn.

Cố hoặc hạ dĩ thủ, hoặc hạ nhi thủ.

Cho nên hoặc tự đặt mình dưới mà thu phục, hoặc tự đặt mình dưới mà được thu phục.

Đại quốc bất quá dục kiêm súc nhân, tiểu quốc bất quá dục nhập sự nhân.

Nước lớn không hơn gì muốn kiêm nuôi dưỡng người; nước nhỏ không hơn gì muốn vào phục vụ người.

Phù lưỡng giả các đắc sở dục, đại giả nghi vi hạ.

Cả hai đều đạt được điều mình muốn, nước lớn nên tự đặt mình ở dưới.

Nước ở thấp mới thành được biển cả

Chương này cũng là sự mở rộng của chương 11, chương 12 bên Thượng kinh, bàn về nguyên lý vận dụng của triết học chính trị. Ông nói: **"Đại quốc giả hạ lưu, thiên hạ chi giao, thiên hạ chi tẫn. Tẫn thường dĩ tĩnh thắng mẫu, dĩ tĩnh vi hạ"** (nước lớn là hạ lưu, là chỗ quy tụ của thiên hạ, là giống cái của thiên hạ; giống cái thường lấy sự tĩnh lặng thắng giống đực, lấy sự tĩnh lặng mà ở dưới). Đọc câu chữ, ta thấy hơi buồn cười, bảo nước lớn là "hạ lưu". Đây chỉ là cách ví von của ông, "hạ lưu" tượng trưng cho cái đức khiêm nhường, giống như nước cứ chảy xuống chỗ thấp. Tục ngữ có câu: "Người thì tìm chỗ cao mà đi, nước thì tìm chỗ thấp mà chảy." Nước chảy đến chỗ thấp nhất chính là biển. "Hạ lưu" ở đây là ví như biển cả, bao dung muôn vật, dung chứa hết thảy; vì mọi dòng nước nhỏ trong thiên hạ, trong hay đục, tốt hay xấu, cuối cùng đều đổ về biển mà dừng lại. Phong thái của một nước lớn thực thụ phải như biển cả, tiếp nhận tất cả, dung chứa tất cả, thiện ác phải trái đều có thể hoà tan trong đó, đây cũng là đạo lý làm người. Nếu nói theo đạo làm người thì chỉ cần đổi một chữ là được: "Bậc đại nhân là hạ lưu." Không phải bậc đại nhân phải học thói hạ lưu, mà là học cái bao dung như biển cả kia.

Từ đây có thể thấy tư tưởng Nho gia và Đạo gia là nhất quán với nhau. Người xưa có một câu đối: **"Thủy duy năng hạ phương thành hải, sơn bất căng cao tự cập thiên"** (nước chỉ vì biết ở thấp mới thành được biển cả, núi không khoe cao vẫn tự vươn tới trời), trở thành chuẩn mực tu dưỡng cho đời sau trong cách làm người làm việc, cũng là câu người ta hay nhắc đến cửa miệng. Nước trong thiên hạ, vì biết khiêm nhường không kiêu ngạo, đều chảy xuống thấp, thấp hơn tất cả, nên mới thành được cái lớn của mình, biến thành biển cả, dung chứa hết thảy, đó chính là đạo lý của sự khiêm tốn.

Tư tưởng văn hoá của loài người vốn có hai mặt trái ngược nhau, khiêm tốn chỉ là một mặt thôi. Nếu khiêm tốn đến mức không còn cốt cách, không còn nhân cách độc lập của riêng mình, mềm nhũn như bùn lầy, thì đó chính là cái

người ta thường gọi là hèn hạ, không ra gì. Bản thân mỗi người vẫn phải có nhân cách độc lập, siêu nhiên, nhưng không phải là kiêu ngạo, phải như ngọn núi kia, đứng vững một mình. Núi không bao giờ tự phụ; chữ **"căng"** (矜) nghĩa là tự tôn sùng bản thân. Sở dĩ núi cao đến thế là vì bản thân núi không hề cho rằng mình cao, cao hay không cao chỉ là do con người đặt ra để so sánh mà thôi. Tự bản thân ngọn núi không cho mình là cao, vì trên đỉnh núi cao vẫn còn một chút đất bùn cao nhất. Leo lên đến đỉnh núi, bạn vẫn cảm thấy như đang đứng trên mặt đất bằng phẳng vậy. Cho nên núi cao đến ngang trời chính là ví cho thái độ và cách sống, cách làm việc của con người: không được kiêu ngạo, phải học khiêm tốn, nhưng cũng phải dựng nên nhân cách của riêng mình, có tinh thần đứng vững không lay chuyển, đội trời đạp đất. Vì vậy mới nói **"sơn bất căng cao tự cập thiên"** (núi không khoe cao vẫn tự vươn tới trời).

Hai câu ấy thoạt nhìn có vẻ mâu thuẫn, nhưng thực ra chẳng mâu thuẫn chút nào, chỉ là mang hai tầng ý nghĩa khác nhau, và điều đó được câu "đại quốc giả hạ lưu" làm rõ.

Tiếp theo nói **"thiên hạ chi giao"** (là chỗ quy tụ của thiên hạ), chỉ biển cả, vì nó biết khiêm hạ nên mọi dòng nước nhỏ trong thiên hạ đều tụ hội về đó. **"Thiên hạ chi tẫn"** (là giống cái của thiên hạ), "tẫn" chỉ tính nữ, "mẫu" chỉ tính nam. **"Tẫn thường dĩ tĩnh thắng mẫu"** (giống cái thường dùng sự tĩnh lặng để thắng giống đực), cái thuộc về tính nữ thường hiền hoà hơn, tĩnh lặng hơn; vì nó tĩnh lặng mềm mỏng nên thắng được cái cương cường, sự tĩnh lặng khắc chế được mọi biến động. Cho nên "tẫn thường dĩ tĩnh thắng mẫu, dĩ tĩnh vi hạ", cái tĩnh có thể khắc chế mọi khó khăn do cái động gây ra, đó chính là cái vĩ đại của sự tĩnh, cũng chính là cái mà Lão Tử gọi là **"âm"** (阴), thuộc về sự điềm tĩnh, tối, thanh tĩnh.

"Cố đại quốc dĩ hạ tiểu quốc, tắc thủ tiểu quốc" (cho nên nước lớn mà tự đặt mình dưới nước nhỏ, thì thu phục được nước nhỏ), trong lịch sử, vào những thời kỳ thái bình thịnh trị thực sự, nước lớn đối với nước nhỏ hay các nước phụ thuộc lại càng tỏ ra khiêm nhường. Trong lịch sử Trung Hoa, thời Văn Đế, Cảnh Đế nhà Hán chính là bằng chứng rõ nhất. Đời Đường, vào thời cực thịnh của Đường Thái Tông, Đường Cao Tông, đối với các nước nhỏ có một câu chuyện nổi tiếng, đó là sự tích Phong Trần Tam Hiệp, tuy chính sử không tìm thấy ghi chép. Phong Trần Tam Hiệp là ba người: một chàng trai có bộ râu quăn được người đời gọi là Cầu Nhiêm khách, nàng Hồng Phất và Lý Tĩnh. Hồng Phất là một cô gái tóc dài rất xinh đẹp. Thời ấy vào cuối đời Tuỳ, cuối thời Nam Bắc triều, thiên hạ đại loạn, Cầu Nhiêm khách có ý muốn làm hoàng đế, đang chuẩn bị khởi sự thì gặp được nữ hiệp khách nổi danh là Hồng Phất. Lúc đó Hồng Phất cho rằng Lý Tĩnh là anh hùng trong thiên hạ, bèn cùng Lý Tĩnh bỏ trốn, hai người cưỡi hai con ngựa chạy đi, giành lấy quyền tự do hôn nhân.

Câu chuyện Phong Trần Tam Hiệp

Đôi hiệp lữ ấy trọ tại một quán trọ. Sáng sớm Hồng Phất thức dậy, soi gương chải đầu, mái tóc dài xoã ra chấm đất, theo tướng thuật thì đó là tướng đại quý. Đúng lúc ấy Cầu Nhiêm khách đi ngang qua cửa sổ, liền nhìn Hồng Phất chằm chằm không rời mắt. Lý Tĩnh thấy hắn nhìn ngây như vậy, định rút kiếm xông ra, Hồng Phất vội giữ Lý Tĩnh lại, đưa mắt ra hiệu đừng động thủ. Lý Tĩnh vốn khâm phục sự khôn khéo của nàng, liền tra kiếm vào vỏ, ra chào hỏi. Cầu Nhiêm khách liền xuống ngựa, hai bên xưng tên, rồi hỏi Lý Tĩnh, vị này là em gái hay là vợ của huynh? Rồi nói: "Thật đáng nể, sau này hai vị đều là rường cột quốc gia, tướng phu nhân nhất phẩm, giàu sang phú quý." Nói chuyện thêm mới biết Hồng Phất cùng họ với mình, bèn nhận nàng làm em kết nghĩa, thế là Cầu Nhiêm khách trở thành anh vợ của Lý Tĩnh, rồi hẹn nhau lần lượt cùng đến Thái Nguyên.

Lúc đó cha của Lý Thế Dân là Lý Uyên tuy đang nắm nửa mảnh trời Tây Bắc ở Sơn Tây, nhưng vẫn chưa dấy binh làm phản. Cầu Nhiêm khách gặp cha con Lý Uyên rồi, trong lòng rất buồn, tự hỏi sau này hoàng đế sẽ là mình hay là

người họ Lý kia? Một hôm vợ chồng Lý Tĩnh bày tiệc mời Lý Thế Dân đến. Sử sách chép rằng khi ấy Lý Thế Dân "áo chẳng ra áo, giày chẳng ra giày", ăn mặc xuềnh xoàng, xỏ đôi dép lê mà đến. Nhưng Cầu Nhiêm khách vốn tự thấy mình có tướng đế vương, nên muốn làm người đứng đầu Trung Hoa; nhìn Lý Thế Dân một cái, liền biết chủ nhân tương lai của Trung Hoa chính là chàng trai trẻ này, không phải mình, trong lòng rất buồn bèn bỏ đi, cũng chẳng nói câu nào, chỉ dặn Hồng Phất thay mình hẹn Lý Thế Dân hôm sau đến một nơi đánh cờ. Vì Cầu Nhiêm khách còn có một vị sư huynh là đạo sĩ, trên thông thiên văn, dưới thạo nhân tình, địa lý, lại tinh thông cả số lý, bói toán, quẻ dịch của Kinh Dịch.

Hôm đó, vị đạo sĩ già đến trước, cùng Cầu Nhiêm khách đánh cờ, tay đang cầm quân cờ, vừa định đặt xuống thì Lý Tĩnh đưa Lý Thế Dân tới. Người học đạo mắt đều có thần quang, đã nhìn thấy ngay từ xa, liền đẩy bàn cờ ra, nói với Cầu Nhiêm khách: "Sư đệ, chúng ta đi thôi! Ván cờ này thua rồi." Ý là báo cho Cầu Nhiêm khách biết giang sơn đã có chủ, chính là vị công tử kia, không phải là huynh. Vị đạo sĩ này vốn định làm Gia Cát Lượng cho Cầu Nhiêm khách, giờ hoá thành **"Gia Cát tối"** (chơi chữ trên tên Gia Cát Lượng, "亮" là sáng đổi thành "暗" là tối, ý nói không còn sáng suốt được nữa).

Ngay hôm đó Cầu Nhiêm khách gọi vợ chồng Lý Tĩnh đến, nói cho biết mình có bao nhiêu binh khí, bao nhiêu tài sản; vũ khí đủ trang bị cho một triệu quân, vàng bạc bao nhiêu, tất cả đều giao lại cho hai người. Hai người đã là em gái và em rể của ta, hãy cùng nhau phò tá Lý Thế Dân, giúp đỡ thiên hạ! Ta đi đây. Nói xong ông rời khỏi Trung Hoa như thế. Lý Tĩnh giúp Lý Thế Dân thành công, về sau trở thành người vừa cầm quân đánh trận vừa làm tể tướng trong triều, góp phần mở ra cơ nghiệp nhà Đường.

Một hôm, Đường Thái Tông Lý Thế Dân nhận được báo cáo từ biên cương, chỗ đó thuộc vùng Cao Ly, tức Hàn Quốc ngày nay, nói rằng có một người Trung Hoa để đầy râu, dẫn mấy trăm chiến thuyền chiếm lấy một nước ở đó, tự xưng làm vua. Đường Thái Tông xem xong báo cáo, chẳng nói câu nào, chỉ cho gọi Lý Tĩnh đến, bảo: "Vị lão huynh của chúng ta đã thành công rồi." Ý chỉ Cầu Nhiêm khách, ông ta cũng đã làm vua một nước nhỏ. Lý Thế Dân còn mừng thay cho ông, chứ không hề nói "ngươi phải đến hàng phục ta, quy thuận ta", tất nhiên rồi sau đó nước ấy vẫn ngả về triều Đường, đó là lẽ đương nhiên.

Những câu chuyện kiểu này chính là **"đại quốc dĩ hạ tiểu quốc, tắc thủ tiểu quốc"** (nước lớn mà tự đặt mình dưới nước nhỏ, thì thu phục được nước nhỏ), nước nhỏ tự nhiên quy phục; ngược lại, **"tiểu quốc dĩ hạ đại quốc, tắc thủ đại quốc"** (nước nhỏ mà tự đặt mình dưới nước lớn, thì thu phục được nước lớn). Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, cha con Chu Văn Vương thuở ban đầu chỉ có vỏn vẹn một trăm dặm đất, chẳng khác gì một huyện nhỏ, nhưng vì cha con để tâm vào việc chính trị của đất nước, thương dân nuôi dân, nên nước giàu dân mạnh, gây dựng nên cơ nghiệp tám trăm năm của nhà Chu. Đây chính là "nước nhỏ mà tự đặt mình dưới nước lớn", điều mấu chốt ở đây là sự khiêm hạ, chứ không phải kiêu ngạo, vì kiêu ngạo chỉ có thể hơn thua nhau nhất thời. Nói theo chuyện cá nhân, đánh nhau một trận ở khu Tây Môn Đinh, một khu phố nổi tiếng ở Đài Bắc, kết quả bị cảnh sát bắt, ngồi tù vài năm, cũng có thể coi là "ở dưới" đấy, nhưng cái "ở dưới" ấy vô ích, phải là sự khiêm hạ về đạo đức mới đúng. Cho nên, "nước lớn mà tự đặt mình dưới nước nhỏ" là bao dung được nước nhỏ; "nước nhỏ mà tự đặt mình dưới nước lớn", như cha của Văn Vương, mới "thu phục được nước lớn".

"Cố hoặc hạ dĩ thủ, hoặc hạ nhi thủ" (cho nên hoặc tự đặt mình dưới mà thu phục, hoặc tự đặt mình dưới mà được thu phục), đây là lối viết của cổ văn. "Hạ dĩ thủ" giống như từ trên bàn mà nắm lấy; "hạ nhi thủ" là từ phía dưới vòng lên, ôm luôn cả phần trên vào, cũng kéo luôn cả bạn lên theo. Cho nên trong câu "hoặc hạ dĩ thủ, hoặc hạ nhi thủ" có hai chữ là hư từ. Cách dùng hư từ trong cổ văn cần chú ý, chữ **"dĩ"** (以) là giới từ, không mang nghĩa lý gì cả,

hai câu này chẳng khác nào ta thốt lên tiếng "ơ" vậy, chẳng có đạo lý gì, chỉ đang lơ lửng suy nghĩ thôi! Đó cũng là chữ đệm ở giữa câu. Nhưng cách dùng hư từ trong tiếng Hán thì ý nghĩa lại khác.

Đạo lý nước lớn nước nhỏ đối xử với nhau

"Đại quốc bất quá dục kiêm súc nhân, tiểu quốc bất quá dục nhập sự nhân" (nước lớn không hơn gì muốn kiêm nuôi dưỡng người; nước nhỏ không hơn gì muốn vào phục vụ người). Một nước lớn thường muốn thôn tính người khác, đó là tính xâm lược. "Nuôi dưỡng người" giống như trong nhà giàu có, của cải nhiều thì nhận thêm hai đứa con nuôi cũng chẳng sao, nuôi thêm hai đứa trẻ mồ côi lại càng có đức. Nước lớn muốn nuôi dưỡng người không phải là muốn thôn tính bạn, mà là để bảo vệ bạn, đây chính là nét đặc sắc trong chính trị Trung Hoa.

Tôi vẫn thường nói với bạn bè nước ngoài rằng, lịch sử Trung Hoa xưa kia thực ra rất dân chủ, không hề muốn xâm chiếm đất đai của người khác. Đến thời thái bình thịnh trị, thường giúp người ta **"hưng diệt quốc, kế tuyệt thế"** (làm cho nước đã mất được dựng lại, dòng dõi đã tuyệt được nối tiếp), chỉnh đốn lại nội bộ giúp nước đó, để nước ấy tự chọn ra một vị vua, một thủ lĩnh rồi trao chính quyền lại cho họ, thế là rút quân về. Không hề đòi hỏi điều kiện gì, chỉ cần năm nào cũng tiến cống, năm nào cũng vào chầu, mỗi năm đến thăm chúng ta một lần là được. Thực ra đó là một món lỗ vốn, nước khác cử một sứ giả, từ Nam Dương mang sang một con hươu cao cổ, dọc đường triều đình còn phải cử người bảo vệ, đưa tới tận kinh thành dâng lên hoàng đế. Còn đồ đáp lễ gửi lại thì gấp bội phần hơn thế! Thời ấy các nước như Lưu Cầu, Cao Ly, Việt Nam, Xiêm La, Thái Lan, đảo Java và nhiều nơi khác vốn đều như vậy cả, chuyện này giờ tạm không bàn tới.

Nước lớn chẳng qua chỉ là muốn nuôi dưỡng người, còn nước nhỏ thì sao? **"Dục nhập sự nhân"** (muốn vào phục vụ người), tìm một chỗ dựa vững chắc, ổn thoả hơn, đó là mục đích của nước nhỏ. **"Phù lưỡng giả các đắc kỳ sở"** (cả hai bên đều được như ý), nước nhỏ đã đến nương tựa vào bạn, mong bạn che chở cho họ, thì bạn phải làm tròn trách nhiệm của kẻ lớn, của nước lớn, thực sự bảo vệ được sự an toàn cho họ, tính mạng, tài sản, con dân của họ đều phải nằm trong phạm vi che chở. Nền chính trị đạo đức mang tính bảo hộ như vậy càng phải có lòng khiêm tốn, lòng trắc ẩn, càng phải có lòng nhân từ, được như thế thì mới thật là "cả hai bên đều được như ý".

Những nước lớn mà chúng ta thấy ngày nay, như Mỹ, Liên Xô, theo cách nói của Lão Tử thì chẳng đáng nhắc tới! Đạo lý này họ tuyệt nhiên không hiểu được. Người Anh tuy có hiểu hơn đôi chút, nhưng nước Anh xưa nay vẫn đi theo con đường xâm lược, đem tư tưởng chính trị của Lão Trang, Đạo gia dùng ngược lại, biến thành đáng sợ, cũng đã lệch lạc rồi. Cho nên, bản thân chúng ta là con cháu người Trung Hoa, càng phải thấu hiểu sâu sắc nền đạo đức chính trị và triết học chính trị cao nhất ấy.

Thiên hạ mai sau, tiền đồ của Trung Hoa chưa thể biết trước được, nếu bản thân không có nền tảng tu dưỡng đạo đức chính trị thực sự, một khi tư tưởng quan niệm sai lệch, nước lớn sẽ trở thành mối hại cho thiên hạ, nước nhỏ sẽ biến thành tay sai nhỏ bé, bị Tây hoá, có thể bị người khác tiêu diệt bất cứ lúc nào. Đó chính là thế giới hôm nay, cục diện hôm nay.

Cuốn sách của Lão Tử được gọi là Đạo Đức Kinh này chính là một nền triết học đạo đức chính trị, ông luôn luôn dạy chúng ta phải khiêm hạ, bao dung, yêu thương và che chở người khác.

Hạ Kinh · Chương 62

Đạo giả, vạn vật chi áo; thiện nhân chi bảo, bất thiện nhân chi sở bảo.

Đạo là chỗ thâm áo (sâu kín, huyền diệu) của vạn vật, là báu vật của người thiện, là chỗ nương tựa của người không thiện.

Mỹ ngôn khả dĩ thị, tôn hành khả dĩ gia nhân.

Lời nói hay có thể đem ra mua bán, đổi lấy lòng người; hành vi đường hoàng, đáng trọng có thể làm gương, nêu cao thêm cho người khác.

Nhân chi bất thiện, hà khí chi hữu?

Người không thiện, sao lại bỏ họ đi?

Cố lập thiên tử, trí tam công,

Cho nên lập ra thiên tử, đặt ra tam công (ba vị quan đầu triều),

Tuy hữu cung bích dĩ tiên tứ mã, bất như tọa tiến thử đạo.

Tuy có ngọc bích lớn đi trước tứ mã, không bằng ngồi dâng Đạo này lên.

Cổ chi sở dĩ quý thử đạo giả hà,

Người xưa sở dĩ coi trọng Đạo này là vì sao?

Bất viết dĩ cầu đắc, hữu tội dĩ miễn da? Cố vi thiên hạ quý.

Há chẳng phải nói: nhờ đó mà cầu được, có tội thì nhờ đó được miễn? Cho nên là điều quý giá nhất trong thiên hạ.

Người tốt cần cứu giúp, người xấu càng cần cứu giúp

Chương này chuyển sang bàn về nguyên lý triết học chính trị, có liên quan tới chế độ chính trị thời thượng cổ, cũng là một sự mở rộng của chương 13 bên Thượng kinh, hai chỗ ấy có quan hệ qua lại với nhau.

"Đạo giả, vạn vật chi áo, thiện nhân chi bảo, bất thiện nhân chi sở bảo" (Đạo là chỗ thâm áo của vạn vật, là báu vật của người thiện, là chỗ nương tựa của người không thiện). Đây là một nền triết học đạo đức chính trị vô cùng quan trọng, đồng thời cũng là nền triết học đạo đức cao nhất của mỗi cá nhân, cho nên con người cần phải hiểu được Đạo, phải tu Đạo. Còn Đạo là gì thì Thượng kinh đã bàn qua rồi, ở đây nói đến tác dụng của Đạo. Đạo là chỗ thâm sâu bí ẩn của vạn vật, là điều huyền áo cao nhất giữa trời đất, bao trùm hết thảy vạn tượng, đồng thời cũng là báu vật của người thiện, vì bản thân người thiện vốn đã có Đạo, cũng có thể nói ngược lại, vì có Đạo nên mới là người thiện. Nhưng người không thiện, tức kẻ xấu, cũng không thể rời khỏi Đạo, bởi Đạo chính là chỗ nương tựa của người không thiện, là cái khiến kẻ xấu có thể được cứu giúp. Đạo đối với người tốt thì cứu giúp, đối với kẻ xấu lại càng phải cứu giúp hơn. Vậy cứu giúp kẻ xấu bằng cách nào? Chính là giáo hoá họ, khiến họ trở thành người tốt. Cho nên không phải chỉ yêu thương, dạy dỗ người tốt, mà đối với người không tốt cũng không được bỏ mặc, ruồng bỏ.

"Mỹ ngôn khả dĩ thị, tôn hành khả dĩ gia nhân" (lời nói hay có thể đem ra mua bán, đổi lấy lòng người; hành vi đường hoàng đáng trọng có thể làm gương, nêu cao thêm cho người khác). Nói lời dễ nghe, có thể khiến người ta tin tưởng, yêu mến, thậm chí đổi được cả tính mạng của người khác. Lời hay có thể mua chuộc được lòng người, sử sách có ghi lại, hoàng đế chỉ cần buông vài lời khen ngợi, khích lệ, là bề tôi cả đời bị "mua" đứt luôn. Cuối đời nhà Mãn Thanh, sau khi dẹp tan Thái Bình Thiên Quốc, có một vị tướng lĩnh được Từ Hy thái hậu triệu kiến. Thái hậu nói:

“Nghe nói cánh tay này của khanh bị thương lúc đánh trận, xắn tay áo lên cho ta xem nào!” Rồi Từ Hy thái hậu tự tay sờ vào cánh tay trái từng bị thương của ông. Sau đó, vị tướng này lấy tấm lụa vàng tốt nhất bọc cánh tay ấy lại, cho rằng đây là chỗ thái hậu đã chạm vào, người khác không được động tới, sợ làm ô uế. Đó chính là “lời nói hay có thể mua chuộc lòng người, hành vi đường hoàng có thể làm gương cho người khác”: chỉ một cử chỉ khen ngợi của thái hậu mà bán đứt luôn cả cánh tay ấy, huống hồ cái mạng này cũng có thể đem bán nốt.

“Nhân chi bất thiện, hà khí chi hữu?” (người không thiện, sao lại bỏ họ đi?), không vứt bỏ bất cứ một người không thiện nào, cũng không vứt bỏ bất cứ một chúng sinh nào, đây chính là nói lên tầm quan trọng của Đạo. **“Cố lập thiên tử, trí tam công”** (cho nên lập ra thiên tử, đặt ra tam công). Ảnh hưởng của chế độ chính trị thời thượng cổ đến ngày nay vẫn còn thấy được, ví như các vị cố vấn quốc sách bây giờ, là cố vấn của nguyên thủ quốc gia, đó chính là nền chính trị **“sư đạo”** (lấy đạo làm thầy) của thời thượng cổ. Ngày xưa, hoàng đế của chính quyền trung ương còn được gọi là thiên tử, ý nói vâng theo ý trời mà trị nước, còn chức quan cao nhất chính là tam công (ba vị quan đầu triều). Ban đầu chỉ có một người, về sau dần dần có hai ba người, đều gọi chung là tam công. Tam công của một nước cũng chính là những bậc đại lão của quốc gia. Bậc đại lão thì quản việc gì? Chẳng quản việc gì cả, mà cũng quản hết mọi việc, đến cả các vị bộ trưởng không giữ bộ nào hiện nay cũng chưa chắc đã có địa vị cao bằng. “Bộ không quản việc gì” mà người ta hay nói bây giờ vẫn còn thuộc nội các, đứng dưới các vị bộ trưởng, tương đương với uỷ viên chính vụ của Viện Hành chính. Tam công thời thượng cổ ngang hàng với hoàng đế, các đại thần bình thường gặp vua đều phải quỳ xuống, riêng tam công thì không cần phải quỳ.

Bậc đại lão của quốc gia ngồi ngang hàng với hoàng đế, điều họ bàn tới là đạo lý **“nội thánh ngoại vương”** (trong lòng là bậc thánh, ra ngoài là bậc vương), chỉ nói về nguyên lý, dùng làm sự tu dưỡng đạo đức trong tâm của hoàng đế. Ví như sách *Đại Học*, *Trung Dung* của Nho gia đều thuộc về cái học “nội thánh”, những học vấn ấy do tam công truyền lại cho hoàng đế, để hoàng đế dựa vào đó mà rèn luyện công phu tu dưỡng bên trong. Đó chính là chế độ tam công. Đến giữa đời Chu về sau thì có chút thay đổi, từ đời Tần Hán trở đi, tam công dần trở thành có danh mà không có thực. Đứng trên lập trường triết học lịch sử mà nhìn, tam công thực sự, tam công vĩnh hằng trong tinh thần của chúng ta, chính là Khổng Tử, Thích Ca Mâu Ni và Lão Tử. Ba vị đại sư của Nho, Phật, Đạo này chính là tam công của dân tộc Trung Hoa, cũng là tam công của mỗi người chúng ta.

Con đường mà tam công thời xưa đi theo, chính là con đường của ba vị đại sư ấy, có thể chỉ ra cái sai của bậc đế vương, và chỉ tam công mới có thể thẳng thắn nói ra không giấu giếm. Cho nên chế độ chính trị thời thượng cổ có chỗ đặc biệt của nó, cũng có chỗ tuyệt diệu của nó.

Lão Tử nói, tuy có chế độ tam công, nhưng vẫn không quan trọng bằng việc có Đạo; đối với việc dưỡng sinh tu đạo, nguyên thủ quốc gia đều phải coi là điều đáng coi trọng nhất.

Của cải, danh vị đều không bằng ngồi mà dâng Đạo này lên

“Tuy hữu cung bích dĩ tiên tứ mã” (tuy có ngọc bích lớn đem đi trước cỗ xe tứ mã), Lão Tử nói một nước tuy có của cải, có những trân bảo kỳ lạ hiếm có, cái gọi là “cung bích” đáng giá liền thành, cùng với “tứ mã”. Chiến tranh thời cổ dựa vào ngựa, “tứ mã” là bốn con tuấn mã tốt nhất, vừa là chiến mã, vũ khí, vừa là phương tiện đi lại của hoàng đế, nhưng vẫn không quan trọng bằng Đạo. Kinh Phật nói rằng Chuyển Luân Thánh Vương (vị vua lý tưởng cai trị bằng chính pháp trong kinh Phật) có sẵn những con ngựa tốt nhất trời sinh, đó cũng là câu chuyện lịch sử thời nhà Chu của Trung Hoa đã nhắc tới ở trước. Ngựa thiên lý của Chu Mục Vương một ngày đi được ba vạn dặm, mọi người thấy bức Bát Tuấn Đồ (tranh Tám Ngựa) trong Viện Bảo tàng Cố Cung chính là tám con ngựa ấy, đời nào cũng có

"tám tuấn mã" của riêng mình. Ngoài Chu Mục Vương ra, Đường Thái Tông vì lập chiến công mà lấy được thiên hạ nên cũng có vô số ngựa tốt. Cái gọi là ngựa thiên lý ấy chính là phỏng theo "tám tuấn mã" trong lịch sử, cũng là để tưởng nhớ những con ngựa tốt đã vì ông lập chiến công mà bỏ mạng.

Người đời Đường có câu thơ rằng **"Bát tuấn nhật hành tam vạn lý"** (tám tuấn mã một ngày đi ba vạn dặm), để ca ngợi Chu Mục Vương có được phương tiện đi lại tốt đến thế. Kinh Phật ghi rằng ngựa của Chuyển Luân Thánh Vương còn nhanh hơn cả máy bay, nhưng cũng có một câu thơ khác nói đùa rằng **"Mục Vương hà sự bất trùng lai"** (Mục Vương vì sao chẳng quay trở lại nữa), ý nói Chu Mục Vương đã chết rồi, tám con ngựa kia cũng chẳng mang ông đi được, ông chạy nhanh đến thế, vậy giờ sao không cưỡi ngựa quay lại thế gian này xem thử một lần nữa?

Sinh mệnh con người cũng là như vậy, cái mạng sống lúc ấy kết thúc rồi thì không bao giờ quay lại được nữa. Muốn trở lại thế gian này một lần nữa thì còn phải đi tìm một người mẹ khác, phiền phức biết bao! Cho nên mới có câu **"Bát tuấn nhật hành tam vạn lý, Mục Vương hà sự bất trùng lai"** (tám tuấn mã một ngày đi ba vạn dặm, mà sao Mục Vương chẳng quay trở lại nữa). Người trẻ tuổi thích học thơ, học vấn trong thơ rất sâu, đọc qua một lần thì chẳng thấy có gì đặc biệt, nhưng đọc kỹ, đọc sâu rồi mới hiểu được ý tứ của nó, mới phát hiện ra bài thơ này vốn dĩ châm biếm và hài hước đến thế. Không chỉ châm biếm pha lẫn hài hước, mà còn nói rõ triết lý sinh tử: người đã chết rồi thì không thể quay lại thế gian này được nữa. Có thể ông ấy vẫn quay lại, nhưng chúng ta không nhìn thấy mà thôi.

"Tuy hữu cung bích dĩ tiên tứ mã, bất như tọa tiến thử đạo" (tuy có ngọc bích lớn đem đi trước cỗ xe tứ mã, cũng không bằng ngồi mà dâng Đạo này lên), đây chính là triết học của người lãnh đạo, ông chủ cửa hàng cũng vậy thôi, mỗi ngày đều cần có một khoảng thời gian rất ngắn để bản thân thực sự tĩnh lặng lại, thanh tịnh vô vi, không phải suy nghĩ vấn đề gì, thậm chí không nghĩ ngợi gì cả, tuyệt đối yên tĩnh. Chính khoảng tĩnh định ngắn ngủi ấy khơi dậy ánh sáng trí tuệ trong mình, mới có thể xử lý được những việc quan trọng; còn người đứng đầu một nước thì phải xử lý việc lớn của thiên hạ, ngày ngày cứ tiến bộ như thế là được. Cho nên Lão Tử nói dù có của cải và báu vật của nước cũng "không bằng ngồi mà dâng Đạo này lên", không bằng mỗi ngày ngồi mà tu dưỡng đạo đức. Đương nhiên, "ngồi mà dâng Đạo này lên" có thể khiến người ta hiểu là bảo chúng ta ngồi thiền, nhưng thực ra Lão Tử chưa từng nhắc đến chuyện ngồi thiền, chữ **"toạ"** (ngồi) ở đây chỉ là lắng mình tĩnh lặng lại, an trú trong đạo này mà thôi.

"Cổ chi sở dĩ quý thử đạo giả hà, bất viết dĩ cầu đắc, hữu tội dĩ miễn da, cố vi thiên hạ quý" (người xưa sở dĩ coi trọng Đạo này là vì sao? Há chẳng phải nói: nhờ đó mà cầu được, có tội thì nhờ đó được miễn? Cho nên là điều quý giá nhất trong thiên hạ). Người xưa vì sao lại coi Đạo trọng và quý đến thế? "Nhờ đó mà cầu được, có tội thì nhờ đó được miễn", vì sao lại không nói rằng muốn cầu được thì cầu được, muốn thoát tội thì thoát tội? Rất nhiều bạn trẻ khi nói đến chuyện cầu đạo đều mắc phải hai sai lầm này: đem tấm lòng còn mong cầu mà đi cầu lấy kết quả thanh tịnh vô vi, đó là đi ngược lại với Đạo. Nếu cứ cầu là được, thì đó là tà đạo, còn Đạo thì đòi hỏi trong lòng mình phải hoàn toàn không có gì để cầu, thanh tịnh vô vi đến cùng cực, bởi Đạo chính là ở trong cái thanh tịnh vô vi ấy. Cho nên *Kinh Kim Cang* của nhà Phật dạy người ta vô sở cầu, vô sở trụ, cũng chính là đạo lý này. Nếu có sở cầu, chẳng khác gì làm ăn buôn bán, cầu tài thì được tài, đòi mạng thì được mạng chăng? Người ta chưa chắc đã đưa mạng cho bạn. Huống hồ đối với Đạo, tài và mạng vẫn chỉ là "pháp hữu vi", không phải là đạo vô vi. Nói cách khác, Đạo không phải là thứ cầu được từ bên ngoài! Nó vốn có sẵn bên trong mỗi người, Đạo phải tự mình tìm ra từ chính bên trong mình, nếu cứ muốn cầu ra bên ngoài thì đã sai rồi.

Làm sao xoá bỏ tội lỗi của chính mình

Cho nên nhà Phật thường nói tới **"ngoại đạo"** (giáo phái đi tìm chân lý ở bên ngoài tâm mình). Vậy thế nào gọi là "ngoại đạo"? Phật gia, Phật giáo khác với các tôn giáo khác ở chỗ này: các tôn giáo khác thường cho rằng tôn giáo nào không giống mình thì gọi là "ngoại đạo", cho rằng lý luận của anh khác với tôi thì anh chính là "ngoại đạo", là "ma đạo". Đứng từ góc độ Phật pháp mà nhìn thì chỉ thấy đó là chuyện đáng buồn cười. Cái gọi là "ngoại đạo" mà nhà Phật nói tới, là chỉ những ai hướng ra ngoài tâm mình mà cầu pháp, đó mới gọi là "ngoại đạo". Bởi vì Đạo vốn ở ngay chính bên trong bản thân mỗi người.

Ví như Cơ Đốc giáo cũng nói "Thượng Đế ở ngay trong lòng con", vậy tại sao lại không tin vào chính mình? Đạo vốn không đâu là không có! Ở khắp mọi nơi, tràn ngập cả vũ trụ này, vậy mà anh lại cứ ra sức đi cầu tìm bên ngoài, như thế thì không còn là Đạo nữa, cũng không phải là đạo tối cao của Thượng Đế nữa.

Cùng một đạo lý ấy, chân lý trong thiên hạ chỉ có một, chỉ là con đường đi đến khác nhau mà thôi, nếu có tới hai chân lý thì đó không còn là chân lý nữa. Cho nên nhà Phật nói **"bất nhị pháp môn"** (cửa pháp chẳng hai), chân lý không hề có hai, chỉ là cách diễn đạt khác nhau mà thôi, đừng để bị đánh lừa. Dân tộc khác nhau, vùng miền khác nhau, ngôn ngữ, văn hoá khác nhau, cách suy nghĩ khác nhau, thì cách diễn đạt tự nhiên cũng khác nhau. Chân lý thì không hề có gì khác biệt, thế nhưng những người làm về tôn giáo, triết học nói chung lại dùng những hình thức, tập tục khác nhau để giải thích cái chân lý vốn không có hình tướng ấy, chẳng phải tự mình đã biến thành ma quỷ rồi sao? Đó là đi ngược lại với Đạo. Cho nên Đạo không thể cầu mà được, không phải thứ cầu từ bên ngoài, ai ai cũng có Đạo, tự bạn phải tự mình ngộ ra mà thôi.

"Hữu tội dĩ miễn da" (có tội thì nhờ đó được miễn), người thường cầu đạo đều chỉ mong Bồ Tát phù hộ mình, Thượng Đế phù hộ mình, xoá tội cho mình, vậy Thượng Đế với Bồ Tát chẳng phải hoá ra tham nhũng hay sao? Cầu ngài thì được xoá tội, không cầu thì bị giáng tội, làm người mà cũng không được như vậy, huống hồ là Thượng Đế, là Bồ Tát! Bạn thử nghĩ xem, có tội muốn được miễn, thì làm sao mà miễn được? **"Phản cầu chư kỷ"** (quay lại tự xét, tìm nguyên nhân ở chính mình), phải tự mình phản tỉnh trong lòng, Đạo ở ngay nơi bạn, muốn xoá tội của chính mình thì phải tự mình sám hối thật lòng, tự mình phản tỉnh thật lòng, phản tỉnh sám hối cho sạch hết tội lỗi. Tự mình thực sự đứng lên, xây dựng nên nhân cách hoàn thiện của chính mình, xây dựng nên "báu vật của người thiện", trở thành một người thiện thực thụ, chứ không phải nhờ sức mạnh của Bồ Tát, Thượng Đế từ bên ngoài mà xoá tội cho mình được. Sức mạnh từ bên ngoài, vui thì xoá cho bạn, không vui thì không xoá, vậy thì còn ra thể thống gì nữa! Đó chính là hành vi của ma quỷ rồi.

Cho nên đạo lý của Lão Tử đã nói rất rõ với chúng ta, **"cổ chi sở dĩ quý thử đạo giả hà"** (người xưa sở dĩ coi trọng Đạo này là vì sao). Đạo sở dĩ đáng quý, chính vì nó không thiên vị riêng ai, cũng chẳng có gì lạ lùng cả; mà chính vì không có gì lạ lùng nên mới đáng quý. Đạo vốn ở ngay nơi bạn, vậy tại sao bạn lại tìm không ra? Chính vì nó ở ngay trong chính bạn nên bạn mới không tìm ra được. Cũng giống như đôi mắt của chúng ta ở ngay trên mặt mình, vậy bạn có tự nhìn thấy đôi mắt của chính mình được không? Cái bạn nhìn thấy trong gương chỉ là ảnh ảo trong gương mà thôi, không phải là đôi mắt thật của bạn. Đương nhiên bạn cũng chẳng nhìn thấy được cái mũi của chính mình!

Cái mà Thiền tông gọi là khai ngộ, chính là ngộ ra rằng chiếc mũi của mình vốn dĩ chúc xuống. Mắt, mũi của chúng ta ở ngay trên mặt mình mà tự mình không nhìn thấy được, nội tạng của chúng ta ở ngay trong cơ thể mình mà bạn cũng chưa từng nhìn thấy, nhìn ra ngoài không thấy, nhìn vào trong cũng không thấy, con người kể ra cũng kém cỏi thật. Đạo vốn ở ngay đây, nơi chính bạn, bạn phải tìm ra được cái đó, chứ tìm ở bên ngoài là sai rồi; đừng tưởng rằng cứ "mắt nhìn mũi, mũi nhìn tâm", nhìn thấu được chiếc mũi là xong, cũng không phải vậy. Cũng không phải chuyện xoay chuyển hà xa (vòng khí dọc lưng ngực), luyện khí mạch, luyện chuyết hoả, tất cả đều không phải, Đạo chỉ

ở ngay trong chính bản thân bạn mà thôi, đạo lý là như vậy. **“Cố vi thiên hạ quý”** (cho nên là điều quý giá nhất trong thiên hạ), vì thế mới nói cái Đạo này là điều quý giá nhất thiên hạ, là cao cả vĩ đại nhất, tối cao vô thượng, quý đến mức cao không thể với tới được.

Hạ Kinh · Chương 63

Vi vô vi, sự vô sự, vị vô vị.

Làm không làm, xử sự không xử sự, nếm không có vị.

Đại tiểu đa thiểu, báo oán dĩ đức.

Lớn nhỏ nhiều ít, lấy đức để báo oán.

Đồ nan ư kỳ dị, vi đại ư kỳ tế.

Mưu tính khó ở chỗ còn dễ; làm lớn ở chỗ còn nhỏ.

Thiên hạ nan sự, tất tác ư dị; thiên hạ đại sự, tất tác ư tế.

Việc khó trong thiên hạ ắt bắt đầu từ dễ; việc lớn trong thiên hạ ắt bắt đầu từ nhỏ.

Thị dĩ thánh nhân chung bất vi đại, cố năng thành kỳ đại.

Vì vậy thánh nhân rốt cuộc không làm điều lớn, nên mới thành được sự lớn của mình.

Phù khinh nặc tất quả tín; đa dị tất đa nan.

Người dễ hứa thì ít giữ lời; nhiều chỗ dễ thì nhiều chỗ khó.

Thị dĩ thánh nhân do nan chi, cố chung vô nan hĩ.

Vì vậy thánh nhân cho là khó, nên rốt cuộc không có khó.

Xử sự bình đạm mới là bậc nhân tài hạng nhất

"Vi vô vi, sự vô sự" (làm mà như không làm, xử sự mà như không xử sự), câu này có ý nói một người nhìn bề ngoài tưởng như chẳng làm gì cả, nhưng thực ra mọi việc đều đã được lo liệu chu toàn một cách âm thầm, không để lộ dấu vết. Đây chính là nói về nhân tài bậc nhất, năng lực bậc nhất, cũng là triết lý lãnh đạo đích thực. Câu tiếp theo thêm một câu **"vị vô vị"** (nếm mà như không có vị gì), vị ngon thật sự trên đời chính là cái vị của sự không có vị. Không có vị là vị gì? Đó chính là cái vị chân thật vốn có từ đầu, cái vị nhạt, mà chính cái vị nhạt ấy lại bao hàm hết thảy mọi vị khác.

Nói về nghệ thuật nấu ăn trên thế giới, ai cũng công nhận ẩm thực Trung Hoa là cao minh nhất. Người nước ngoài khi đánh giá các món ăn Trung Quốc thường xếp hạng: thứ nhất là món Quảng Đông, thứ hai là món Hồ Nam, thứ ba là món Tứ Xuyên, rồi mới tới các món Hoài Dương, món phương Bắc, món Thượng Hải... Cách đánh giá như vậy thật ra rất chưa hiểu về ẩm thực Trung Hoa. Món ăn Trung Quốc thực sự ngon, dù mang danh hương vị địa phương nào đi nữa, thì ngon nhất vẫn là đạt tới cảnh giới "vị vô vị", tức là chỉ giữ lại đúng cái vị gốc của nguyên liệu mà thôi. Rau xanh thì phải có vị của rau xanh, đậu phụ thì phải có vị của đậu phụ; còn đậu phụ kho thì không còn là vị đậu phụ nữa, mà là vị của nước kho. Cho nên, một đầu bếp cao tay là người có thể nấu ra được cái vị gốc vốn khó nấu nhất.

Tôi có một người bạn học giả, từng làm hiệu trưởng, ai cũng biết ông nấu ăn rất giỏi, nhưng ông không dễ dàng nấu cho ai ăn. Có lần đột xuất đến nhà ông chơi, ông đành phải tự tay vào bếp. Chỉ một quả trứng, rắc thêm chút muối, đảo qua đảo lại vài đường là đã thành món ngon lạ thường. Đó là nhờ vào cái **"hoả hầu"** (độ lửa, độ chín tới) khéo léo, mà giữ được cái vị gốc rất ngon.

Người Trung Quốc khi nói về kết bạn có câu **"quân tử chi giao đạm như thuỷ"** (tình bạn giữa người quân tử nhạt như nước lã). Bạn tốt không phải là bạn nhậu, không phải ngày nào cũng qua lại với nhau, mà bình thường rất nhạt

nhẽo, đơn sơ. Nhưng điều đó không có nghĩa là lạnh nhạt vô tình; khi bạn gặp khó khăn, hay ốm đau, người ấy liền có mặt. Ngày thường thì chẳng bận tâm gì, có khi chỉ liếc mắt nhìn nhau coi như đã chào hỏi, nhưng bên trong lại có sự nhiệt tình chân thật. Đó chính là cái mà người Trung Quốc gọi là "đạm như thuỷ", tình bạn nhạt như nước. Ai cũng từng uống nước, thử hỏi nước có vị gì không? Người sơ ý ắt sẽ nói nước chẳng có vị gì, nói vậy là sai. Nước vẫn có vị, vị gì? Đó là "vị nhạt", cũng chính là "vô vị". Ở trên Lão Tử nói "vi vô vi, sự vô sự" thì chúng ta dễ hiểu, nhưng vì sao phía sau lại thêm câu "vị vô vị"? Chẳng lẽ Lão Tử dạy chúng ta làm đầu bếp? Thật ra câu này chính là để giải thích cho hai câu ở trên, nói rõ rằng cuộc đời chân chính, sự nghiệp dựng nên trời chống nên đất, đều được hoàn thành trong cái hình thái nhạt nhẽo vô vị ấy. Cái nhạt nhẽo vô vị đó, nhiều khi lại chính là sự nghiệp có thể chấn động ngàn thu, tinh thần của nó tồn tại mãi mãi, trường tồn cùng năm tháng.

Ví như một nhà tôn giáo, một giáo chủ sáng lập tôn giáo, trong mắt chúng ta, cả đời họ dường như đã từ bỏ tất cả, thậm chí hy sinh cả tính mạng của mình, chỉ để cứu vớt thế gian này. Cuộc đời họ thật thê lương, cô tịch, nhạt nhẽo vô vị. Nhưng công đức đạo nghiệp của họ lại ảnh hưởng tới muôn đời sau, và trong cái nhạt nhẽo vô vị ấy lại ẩn chứa một dư vị vô cùng. Đây cũng là điều nói cho chúng ta biết đạo lý chân chính của việc xuất thế học đạo, đồng thời cũng cho chúng ta biết nguyên tắc của việc tu học, tu dưỡng và tu đạo.

Những người mông lung trước cuộc đời

Gần đây có một vị giáo sư người Mỹ đến thăm, ông đại diện cho một đại sứ Mỹ để bàn bạc công việc ngoại giao, còn với tôi thì chỉ là cuộc trò chuyện riêng tư. Ông kể rằng, ngày nay dù là các nước độc tài hay các nước dân chủ, các nước Âu Mỹ thuộc thế giới tự do, ông đều đã từng đến thăm, và ông cảm nhận sâu sắc rằng hai thế giới dân chủ và độc tài, tuy khác biệt nhau hoàn toàn, nhưng lại cùng mắc phải một căn bệnh giống nhau, không cách nào chữa khỏi. Ông từng tiếp xúc với các cán bộ cấp cao của những nước độc tài, ông nói rằng khi bàn tới tình hình thực tế, ông cảm thấy họ không nói một lời chân thật nào cả, nhưng chính điều đó lại vô hình trung cho ông biết một sự thật, đó là tất cả bọn họ đều cảm thấy mờ mịt, mông lung! Cho nên đi vòng quanh các nước, nhìn thấy già trẻ trai gái, ông chỉ rút ra được một kết luận, đó là sự mông lung trước cuộc đời, mông lung trước hiện thực. Ông nói rằng ngay cả trong thế giới dân chủ tự do, những xã hội công thương nghiệp phát triển, già trẻ trai gái cũng vẫn mông lung như vậy. Cho nên mới nói, đây là một thời đại đánh mất chính mình, bởi vì đã đánh mất cái tâm, không còn có trung tâm nữa.

Khi đến thăm tôi, ông mong tôi sang Mỹ, ông nói rằng mọi người đều cho rằng chữ "Thiền" trong văn hoá Trung Hoa chính là một trung tâm, và hiện nay ai nấy đều đang đi tìm cái đó. Chỉ riêng sự thật này thôi cũng đủ nói lên sự nghiệp mà người học đạo cần hướng tới nằm ở đâu. Vì vậy hiện nay ông cũng đã tổ chức một trung tâm nghiên cứu khoa học về tinh thần và sinh mệnh theo Thiền học thế giới, đang nghiên cứu về năng lực siêu việt của sinh mệnh, tác dụng của giác quan siêu cảm.

Theo ông kể, trên thế giới có mấy nơi đang nghiên cứu về năng lực siêu việt, họ chuyên huấn luyện trẻ nhỏ, ban đầu chỉ huấn luyện hơn mười em, nay đã lên tới mấy chục em. Còn có một bà mẹ dẫn theo mấy đứa con, bịt kín cả hai mắt lại, mà tai vẫn có thể "nhìn" được đồ vật, thậm chí phân biệt được cả màu sắc, hiện nay đã huấn luyện tới mức dùng tay cũng có thể "nhìn" thấy đồ vật. Ông còn tự mình kiểm nghiệm những đứa trẻ được huấn luyện ấy, khi đó có cả các nhà tâm lý học, máy tính điện tử, máy đo điện tâm đồ cùng tham gia đủ loại phép thử: dùng bút đỏ, bút xanh mỗi loại viết một chữ, người được thử bịt kín mắt, dùng tai để "nhìn", vẫn có thể chỉ ra chính xác màu sắc của chữ ấy.

Đây chính là điều Kinh Lăng Nghiêm gọi là **"lục căn hỗ dụng"** (sáu giác quan có thể dùng thay lẫn nhau): các giác quan của con người có thể phát huy tác dụng thay cho nhau, tai, mũi cũng có thể làm việc thay cho mắt, lòng bàn chân

cũng có thể làm việc thay cho mắt, mắt cũng có thể làm việc thay cho tai.

Lần này tôi chỉ có thể dành ra một khoảng thời gian rất ngắn để trò chuyện với ông, chưa kịp đi tới kết luận gì. Nhưng đúng như ông nói, các phương pháp hiện đại ngày nay, dù có phát huy được công năng của sinh mệnh, năng lực siêu cảm giác đến đâu đi nữa, thì vẫn chưa tìm ra được cái căn bản của sinh mệnh con người, cái căn bản của bản thể Đạo. Không tìm được cái căn bản của bản thể Đạo, thì vẫn cứ là một thế hệ đánh mất chính mình, vẫn mông lung mà thôi! Cho nên tất cả đều mông lung.

Thế hệ thanh niên chúng ta ở Đài Loan hiện nay, cũng cùng chung cảm giác mông lung ấy, đây là một căn bệnh của thời đại, là vấn đề căn bản trên phương diện văn hoá tư tưởng. Hơn mười năm trước, khi diễn thuyết chung cho mấy trường đại học, tôi từng lớn tiếng kêu gọi: mấy chục năm của thế kỷ hai mươi, rốt cuộc có bao nhiêu người, cả trong nước lẫn ngoài nước, có tư tưởng học thuật đủ sức ảnh hưởng tới cả thế giới? Nếu có gọi là ảnh hưởng đi nữa, thì cũng chỉ là những gợn sóng nhấp nhô lúc bấy giờ, còn đối với lịch sử văn hoá nhân loại thì vẫn là một tờ giấy trắng, không có gì đóng góp. Muốn thực sự có một câu trả lời xứng đáng trong lịch sử văn hoá, vẫn còn phải chờ vào nỗ lực của chúng ta.

Nói bao nhiêu lời có vẻ dông dài như vậy, thực ra chỉ để nói rõ một việc: rất nhiều thanh niên ngày nay khắp nơi đang học ngồi thiền, học Phật, tu Thiền, cùng nghiên cứu đủ mọi tôn giáo, để tìm kiếm cái sức mạnh khoa học vượt lên trên sự sống bình thường. Những người trẻ như vậy, cả trong lẫn ngoài nước đều có, nhưng đều phạm phải một sai lầm căn bản, đó là sai ngay từ phương pháp, đều dùng **"hữu vi pháp"** (phương pháp cố ý tạo tác) mà làm, nên không thể nào chạm tới được bản thể Đạo cao nhất. Vì vậy, nhất thiết phải "vi vô vi, sự vô sự", học đạo cũng phải "vị vô vị", theo nguyên tắc này, dần dần mới có thể tiến gần tới bản thể Đạo thuộc về hình nhi thượng. Cho nên, dù là muốn khai thông hai mạch Nhâm Đốc, hay dùng bất cứ phương pháp nào khác, đều là "hữu vi pháp" cả, đều là kiểu "chuyện không có gì cũng sinh chuyện". Có một câu chuyện đùa kể rằng: mẹ của Trương Phi trong Tam Quốc Diễn Nghĩa mang họ gì? Đáp là họ **"Ngô"** (吴), bởi đây là lối chơi chữ đồng âm "无（吴）事生非（飞）", nghĩa đen là "không có việc gì cũng sinh chuyện thị phi", nhưng vì chữ 无 (vô, không có) đọc gần giống họ 吴 (Ngô), còn chữ 非 (phi, chuyện thị phi) lại đọc giống tên Phi (飞) của Trương Phi, nên câu ấy bị nói lái vui thành "bà họ Ngô sinh ra (Trương) Phi qua chuyện thị phi". Vậy còn mẹ của Gia Cát Lượng mang họ gì? Chu Du từng than: **"既生瑜何生亮"** (đã sinh ra Chu Du, sao còn sinh ra Gia Cát Lượng), nên người ta đùa rằng mẹ Gia Cát Lượng mang họ **"Hà"** (何, chữ "sao" trong câu than ấy), còn mẹ Chu Du thì mang họ **"Kỷ"** (纪, đọc gần giống chữ 既 "đã"). Câu chuyện đùa này cũng cho thấy, rất nhiều người học đạo, học Phật mà không đi vào được con đường đúng, đều giống như kiểu chơi chữ ấy trong Tam Quốc Diễn Nghĩa: cứ mãi vướng vào "đã sinh Du sao còn sinh Lượng", "chuyện không có gì cũng sinh chuyện", không thể nào đạt tới cảnh giới "vi vô vi, sự vô sự, vị vô vị". Vì vậy, tuy đang tu đạo, nhưng lại càng ngày càng xa rời Đạo.

Vấn đề lấy đức báo oán

"Đại tiểu đa thiểu, báo oán dĩ đức" (lớn nhỏ nhiều ít, lấy đức để báo oán), câu này rất thú vị. Chúng ta tạm không bàn tới triết học về "Đạo" của Lão Tử, mà xét theo tư duy văn học của ông thì chỉ thấy hai vế đối: "lớn đối với nhỏ", "nhiều đối với ít", ông đã đối rất chỉnh rồi. Vậy bốn chữ "đại tiểu, đa thiểu" này mang ý nghĩa gì? Không phải chỉ đơn giản nói việc lớn cũng được, việc nhỏ cũng được, việc nhiều cũng được, việc ít cũng được, mà đây là muốn nói khi nghiên cứu văn hoá Trung Hoa, trước hết phải hiểu rõ về "chữ". Tôi đã nhắc đi nhắc lại điều này nhiều lần, nay xin nói lại một lần nữa: thời cổ đại, một chữ có thể đại diện cho nhiều khái niệm khác nhau, vì thời ấy chưa có kỹ thuật in ấn, chữ phải khắc bằng dao lên thẻ tre, nên phải cố hết sức đơn giản hoá. Còn ngày nay, chúng ta lại gộp rất nhiều khái

niệm lại để biểu đạt cho một ý, đó là sự biến đổi về phạm vi, công cụ, phương pháp, kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ văn tự, trải qua mấy nghìn năm cách biệt mà sinh ra những hiện tượng khác nhau. Vì vậy, thời xưa, một chữ chính là một sự việc. Số lượng nhiều hay ít, đều nói lên rằng bất cứ việc gì cũng có hai mặt trái ngược nhau, cũng có tác dụng nhân quả qua lại lẫn nhau. Cái "lớn" từ đâu mà lớn lên? Là từ rất nhiều cái "nhỏ" tích luỹ mà thành; cái "nhiều" từ đâu mà ra? Là từ rất nhiều cái "ít" tích luỹ lại mà gọi là "nhiều".

Dù là lớn hay nhỏ, nhiều hay ít, hết thảy đều có quy luật nhân quả tất yếu, giống với nguyên tắc nhân quả trong khoa học tự nhiên. Quy luật nhân quả của khoa học tự nhiên là gieo dưa được dưa, gieo đậu được đậu; còn trong vũ trụ, việc người và tinh thần cũng theo cùng một nguyên tắc nhân quả như vậy. Nhưng quá trình diễn biến thì lại chồng chéo, phức tạp, không hoàn toàn giống nhau.

Lão Tử vốn luôn chủ trương lấy đạo đức làm gốc: khi có thù oán, oán hận với người khác, không nên có thái độ báo thù, cũng không phải là chỉ cam chịu nhẫn nhịn, mà phải có một thái độ đại từ bi cao hơn thế, đó chính là "báo oán dĩ đức", tức dùng đạo đức để đáp lại oán hận.

Nhắc tới câu này, tôi lại nhớ tới một chuyện cũ. Hơn mười năm trước, khi tôi đi diễn thuyết lưu động cho không quân, giảng tới đoạn này thì lúc ấy vị "tổng thống" họ Tưởng có ra một bản "văn cáo chấn hưng văn hoá Trung Hoa". Thực ra, trước đó một hai tháng, tôi đã ra sức cổ suý cho việc chấn hưng văn hoá Trung Hoa, từng giảng chuyện này ở căn cứ không quân Đài Trung, tính tới nay thì cũng đã ít nhất mười năm rồi. Tôi cũng có nhắc tới điều này trong cuốn *Thiền và Đạo khái luận*. Nói rằng văn hoá Trung Hoa mang một hương vị rất khó diễn tả, bởi vì những người được giáo dục bắt đầu từ chữ bạch thoại thì không mở nổi cánh cửa kho tàng văn hoá cố hữu, không thể bước vào bên trong. Văn hoá Trung Hoa đều được ghi chép trong sách cổ, mà sách cổ lại đều được viết bằng cổ văn. Nếu bắt đầu từ bạch thoại, dạy kiểu "thầy chào buổi sáng, thầy khoẻ không, thầy giỏi quá" thì chẳng ích gì cả; chỉ có bắt đầu từ lối giáo dục cổ văn theo **"lục thư"** (sáu phép tạo chữ Hán) như **"nhân chi sơ, tính bản thiện"** (con người khi mới sinh ra, bản tính vốn thiện), **"thiên địa huyền hoàng, vũ trụ hồng hoang"** (trời đất mờ mịt sắc huyền hoàng, vũ trụ hoang sơ từ thuở khai thiên) mới có thể thành công. Cho nên, tôi đành phải nói một cách áy náy rằng, muốn chấn hưng văn hoá Trung Hoa, e rằng những người dưới sáu mươi tuổi đều thành vấn đề cả. Lúc tôi nói những lời này, ông Tưởng cũng đang có mặt ngay tại đó.

Sau khi kháng chiến chống Nhật thắng lợi, chính sách của Trung Quốc đối với Nhật Bản chính là áp dụng tư tưởng "lấy đức báo oán" của Lão Tử. Còn Khổng Tử thì chủ trương **"dĩ trực báo oán"** (lấy sự ngay thẳng, công bằng để đáp lại oán hận), tức là hành xử theo lẽ công bằng ngay thẳng: anh đấm tôi một quả, tôi đá lại anh một cái cũng được thôi! Anh tát tôi một cái, tôi tha thứ cho anh, nhổ lại anh một bãi nước bọt cũng được thôi! Anh đánh tôi, đương nhiên tôi không hài lòng, đương nhiên tôi cũng phải cho anh biết tay, đó là tư tưởng của Nho gia, của Khổng Mạnh. Còn tư tưởng của Đạo gia thì không như vậy, mà là "lấy đức báo oán". Nói theo lời trong Kinh Thánh của đạo Cơ Đốc phương Tây thì là: anh tát vào má phải tôi, tôi lại đưa nốt má trái ra cho anh tát tiếp. Đó cũng chỉ là thái độ nhẫn nhịn mà thôi. Còn tư tưởng của Lão Tử và nhà Phật là đại từ bi, dùng lòng nhân từ để cảm hoá đối phương.

Nhưng "báo oán dĩ đức" liệu có thực sự làm được hay không? Điều đó còn tuỳ vào sự tu dưỡng của từng người. Cho nên, câu nói ở trên rất linh hoạt, không phải là quy định bắt buộc anh nhất thiết phải "lấy đức báo oán", mà giữa đó vẫn có sự phân biệt lớn nhỏ, nhiều ít, còn phải xem rõ nhân quả, trọng tâm của sự việc ấy trước đã.

Việc lớn không khó, việc nhỏ không dễ

"Đồ nan ư kỳ dị, vi đại ư kỳ tế" (mưu tính việc khó ngay từ khi còn dễ, làm việc lớn ngay từ khi còn nhỏ), mười chữ hai câu này lại là một cặp đối nữa. Việc khó nhất thiên hạ, đối với người thực sự có trí tuệ mà nói, khi xử lý "ở chỗ còn dễ" thì sẽ tìm ra được điểm mấu chốt của sự việc, và khi đã nắm được điểm mấu chốt rồi thì xử lý rất dễ dàng. Tôi thường kể chuyện đùa cho các bạn trẻ nghe: bảo một người tự mình đi khiêng một tảng đá to bằng cái bàn, ai nấy đều tỏ vẻ khó khăn, cho rằng ít nhất phải sáu bảy người mới khiêng nổi; nhưng nếu bảo họ chỉ cần một người là đủ, không cần phải nhấc bổng nó lên, mà chỉ cần tìm cách làm cho nó xoay chuyển, xoay theo vòng tròn, thì chỉ vài ngón tay cũng có thể từ từ xoay được nó. Chỉ cần nó xoay chuyển được, thì cách đi theo đường vòng tròn ấy đã thành công rồi.

Đạo lý làm việc cũng như vậy, trước hết phải tìm ra được điểm mấu chốt, nếu chỉ dùng sức mà làm thì đó là cách làm rất vụng về, phải biết dùng "thế". "Thế" không phải là "lực". Ví như một chiếc đồng hồ đeo tay rất nhẹ, rất nhỏ, dù có va vào người chúng ta thì cũng chỉ gây ra một vết bầm nhỏ mà thôi. Nhưng nếu ném nó từ xa tới, cộng thêm tác dụng của lực học, thì khi va vào người có thể mang sức nặng tới mấy chục cân; thậm chí nếu ném trúng ngay vào một huyệt đạo hiểm yếu, thì có thể khiến người ta chết ngay tại chỗ, đó chính là đạo lý của "thế". Cho nên dùng "thế" khác hẳn với dùng "lực".

"Thiên hạ không có việc gì là khó" là câu nói khoác lác của Napoléon, nhưng rốt cuộc ông ta vẫn chết vì gặp khó khăn. Thiên hạ chỗ nào cũng có việc khó cả, đừng nghe Napoléon nói khoác bừa bãi, chi bằng nghe sách Trung Dung nói còn hay hơn, hãy coi thiên hạ không có việc gì là dễ dàng cả. Có nhìn nhận như vậy thì mới dễ dàng hoàn thành được việc, đó cũng chính là ý của câu "đồ nan ư kỳ dị". Nắm được điểm mấu chốt, tìm ra được chỗ then chốt, thì mới dễ thành công.

"Vi đại ư kỳ tế" (làm việc lớn ngay từ khi còn nhỏ), một thành tựu vĩ đại đều bắt đầu từ những điều nhỏ nhặt; công trình kiến trúc vĩ đại nhất cũng được xây nên từ từng hạt cát, viên đá nhỏ chất chồng lên nhau.

Phần tiếp theo là những đạo lý được suy rộng ra từ đó, nếu đã hiểu được nguyên tắc của hai câu này rồi thì phần sau sẽ dễ hiểu hơn nhiều.

"Thiên hạ nan sự, tất tác ư dị" (việc khó trong thiên hạ ắt bắt đầu từ chỗ dễ), xét theo chiều ngược lại thì đạo lý ấy cũng có nghĩa là việc khó nhất trong thiên hạ chính là việc xem ra dễ dàng. Câu này là để nhắc nhở thế hệ đi sau chúng ta, đừng coi việc đời quá dễ dàng, bởi càng cho rằng việc dễ làm thì rốt cuộc lại càng dễ gặp phải khó khăn lớn. Rất nhiều việc trông có vẻ quá dễ dàng, nhưng thực ra trên đời không có việc gì là dễ cả. Ngay cả việc bưng bát cơm, gắp thức ăn đưa vào miệng, tưởng chừng là việc rất dễ, vậy mà đôi khi vẫn cắn phải lưỡi, hoặc thức ăn đang gắp bằng đũa lại rơi mất, chỉ vì chúng ta coi thường động tác ấy, cho rằng nó quá dễ làm. Cho nên bất luận việc gì, nếu coi là dễ thì ngược lại càng dễ gặp khó khăn.

"Thiên hạ đại sự, tất tác ư tế" (việc lớn trong thiên hạ ắt bắt đầu từ chỗ nhỏ), chúng ta thường hay dẫn lại câu nói của Tăng Quốc Phiên **"đại xứ trước nhãn, tiểu xứ trước thủ"** (nhìn vào chỗ lớn, nhưng bắt tay làm từ chỗ nhỏ), bởi vì Tăng Quốc Phiên hiểu rất sâu đạo lý của Lão Tử, hiểu rất sâu về Đạo gia. Cũng có người nói chỉ cần nhìn vào chỗ lớn, không cần chấp nhặt vào chỗ nhỏ; đương nhiên làm việc thì không nên quá chấp nhặt, tính toán từng li từng tí ở những chỗ nhỏ nhặt, mà phải biết nhìn vào đại cục. Nhưng chỗ nhỏ cũng vẫn phải chú ý tới, bởi vì "việc lớn trong thiên hạ ắt bắt đầu từ chỗ nhỏ", những việc nhỏ nhặt, tưởng chừng chẳng liên quan gì, lại thường gây ra sơ suất lớn. Thậm chí đạo dưỡng sinh cũng là như vậy.

Vào những ngày trời nóng, rất nhiều người sinh bệnh. Tôi thường thấy các bạn trẻ vì trời nóng mà tham mát, tôi liền dặn dò: cẩn thận đấy! Đừng ăn đồ lạnh, về nhớ uống một chén trà ngọ thời (loại trà uống vào giờ ngọ để giải nhiệt,

dưỡng sinh). Các bạn trẻ đôi khi chỉ cười, trong lòng nghĩ thầy lúc nào cũng vậy, cứ coi chúng tôi yếu ớt như thế. Vài hôm sau, rất nhiều người phải uống thuốc, còn ông già này thì chẳng việc gì cả. Cho nên nói, chuyện ăn uống, khí hậu đủ thứ, nhất là trước sau những tiết Lập Thu, Lập Hạ, khí hậu thất thường, những người học Phật nên biết tới câu từ của Lý Thanh Chiếu: **"sạ noãn hoàn hàn thời tiết, tối nan tương tức"** (lúc trời chợt ấm rồi lại trở lạnh, khó mà giữ gìn sức khoẻ nhất), chữ "tương tức" nghĩa là bảo dưỡng, giữ gìn sức khoẻ. Đây là bài từ viết vào mùa xuân, nếu chuyển sang mùa thu thì có thể đổi thành "chợt lạnh rồi lại trở nóng, khó mà giữ gìn sức khoẻ nhất". Lý Thanh Chiếu chính là vị nữ sĩ đã viết những câu **"tầm tầm mịch mịch, lãnh lãnh thanh thanh, thê thê thảm thảm..."** (tìm tìm kiếm kiếm, lạnh lẽo hắt hiu, thê lương thảm thiết...) nổi tiếng. Nhưng hai câu "sạ noãn hoàn hàn thời tiết, tối nan tương tức" ấy lại là một triết lý tu dưỡng nhân sinh rất hay. Cho nên bài từ này rất quan trọng trong đời sống của chúng ta, nhất là đối với việc tu đạo. Đừng nghĩ rằng chỉ cần ngồi thiền là có thể chữa được trăm bệnh, đừng coi nhẹ những chi tiết nhỏ trong đời sống, một khi đã coi nhẹ chi tiết thì rất dễ biến thành bệnh nặng.

Ví như gần đây có một người bạn, xưa nay công phu tĩnh toạ rất tốt, nên khá tự tin, tôi để ý thấy vậy liền dặn dò anh cẩn thận đấy! Anh ta nói: "Không sao đâu! Nếu có gì thì con ngồi thiền là được!" Tôi chỉ đành cười với anh ta. Kết quả là mấy hôm sau anh ta ngã bệnh, không phải ngã vì ngồi thiền, mà là nằm liệt trên giường luôn. Đó chính là vì đã coi nhẹ đạo lý "việc lớn ắt bắt đầu từ chỗ nhỏ". Cho nên đời người muốn thành công một việc gì, thì không có bất cứ việc nhỏ nào có thể qua loa, cẩu thả được.

Âu Dương Tu có hai câu danh ngôn mà tôi thường dẫn lại trong các buổi giảng. Ông nói: **"hoạ hoạn thường tích ư hốt vi"** (tai hoạ thường tích luỹ từ những điều nhỏ nhặt, sơ suất mà ra), tai hoạ lớn thường xuất hiện ở những chỗ nhỏ, những chỗ ít ai để ý tới. Những căn bệnh nhỏ tưởng chừng chẳng liên quan gì, tích luỹ dần lại, rồi trở thành căn bệnh lớn. Còn một câu nữa: **"trí dũng đa khốn ư sở nịch"** (người có trí, có dũng thường bị khốn đốn bởi chỗ mình say mê, đắm đuối), một người dù có trí tuệ, có học vấn, có dũng khí lớn, nhưng đôi khi lại chẳng dùng được chút nào, bởi vì hễ có chỗ đắm say, ưa thích thì ắt sẽ sinh ra thiên lệch. Thậm chí chỉ một chút thiên lệch về cảm xúc, một chút thiên lệch do thói quen, cũng đủ khiến bản thân bị che mờ, khiến sự phán đoán bằng trí tuệ trở nên sai lầm. Đó chính là đạo lý của câu "hoạ hoạn thường tích ư hốt vi, trí dũng đa khốn ư sở nịch", cho nên "việc lớn ắt bắt đầu từ chỗ nhỏ" cũng chính là đạo lý này.

"Thị dĩ thánh nhân chung bất vi đại, cố năng thành kỳ đại" (vì vậy thánh nhân rốt cuộc không làm điều lớn, nên mới thành được sự lớn của mình), một bậc thánh nhân chân chính không bao giờ khoác lác, không nói lời đại ngôn, không kiêu ngạo, chỉ là luôn cẩn trọng, dè dặt. Về điểm này, có người từng lấy hai nhân vật lịch sử để nói lên đạo lý làm người, đó là câu: **"Chư Cát nhất sinh duy cẩn thận, Lã Đoan đại sự bất hồ đồ"** (cả đời Gia Cát Lượng chỉ cẩn thận, việc lớn thì Lã Đoan không bao giờ mơ hồ). Cái sở trường suốt đời, điểm mấu chốt làm nên thành công của Gia Cát Lượng chính là sự cẩn thận, dè dặt. Lã Đoan là một danh thần đời Tống, làm tể tướng lớn, thái độ xử sự của hai nhân vật này trong lịch sử tạo thành một cặp đối rất hay. Lã Đoan là người bình thường trông có vẻ hồ đồ, xuề xoà, nhưng thực ra không phải ông thật sự xuề xoà, mà là kiểu đại trí như ngu, thực chất tinh minh nhưng bề ngoài giả vờ hồ đồ. Khi xử lý việc lớn thì ông chẳng hề hồ đồ chút nào, ông từng nói: "Việc nhỏ thì ta xuề xoà, việc lớn thì ta không hồ đồ." Đó là lời ông tự khen mình, nhưng người thực sự không hồ đồ trước việc lớn thì việc nhỏ cũng nhìn rất rõ ràng. Cũng giống như khi con mắt của một người rất sáng, chỉ cần liếc mắt một cái là đã nhìn rõ toàn cảnh, những chỗ nhỏ cũng đều thấy được hết.

Bậc đại thánh nhân, chính vì không tự cho mình là đúng, không ngạo mạn, không tự kiêu, nên mới có thể trở thành người thực sự vĩ đại. Cho nên sở dĩ thánh nhân trở thành thánh nhân, chính là vì luôn cẩn trọng, dè dặt, không cuồng vọng, không ngạo mạn. Vì vậy, Lão Tử cũng như Khổng Tử, đều truyền lại cho chúng ta rất nhiều lời răn quý giá về

đạo làm người, đồng thời cũng liên quan tới thuật xem tướng, quan sát con người trong lịch sử. Khổng Tử trong Kinh Dịch cũng nói tới rất nhiều điều này, Mạnh Tử cũng bàn không ít.

Ai là kẻ dễ hứa mà ít giữ lời

"Phù khinh nặc tất quả tín, đa dị tất đa nan, thị dĩ thánh nhân do nan chi, cố chung vô nan hĩ" (kẻ dễ hứa thì ắt ít giữ lời, nhiều chỗ dễ thì ắt nhiều chỗ khó, vì vậy thánh nhân luôn coi mọi việc là khó, nên rốt cuộc chẳng có gì khó cả). Đây là Lão Tử đúc kết lại kinh nghiệm sống của loài người, cho chúng ta biết rằng kẻ hay hứa hẹn dễ dàng thì ắt hẳn khó giữ được lời. Tôi thường răn dạy các bạn trẻ, không được tuỳ tiện nhận lời thỉnh cầu của người khác. Có người nhờ anh ra phố mua giúp miếng đậu phụ, lại có người khác nhờ anh mua hộ gói muối, gói đường, anh đều gật đầu nhận lời, kết quả khi về lại quên hết cả, ngược lại còn làm hại người ta không nấu được món ăn, không pha được cà phê, làm lỡ việc của người khác. Cứ tuỳ tiện nhận lời thỉnh cầu thì khó mà giữ được chữ tín. Nói cách khác, khi quan sát một người, nếu người ấy là kẻ dễ hứa, thì phần nhiều người đó cũng là kẻ ít giữ lời.

Trong lịch sử có cái gọi là "đạo hiệp nghĩa", tức là kiểu **"nhậm hiệp sử khí"** (làm hiệp khách, để bộc lộ khí phách) của người Trung Hoa. Những người thích trọng nghĩa khí, hay xen vào chuyện thiên hạ, được gọi là hiệp khách, hạng người này thường nóng tính, không chịu được những chuyện bất công, bản thân dù chẳng có việc gì cũng thích đứng ra bênh vực người khác, ngồi ở nhà cũng vuốt râu trợn mắt bực bội thay người ta. Loại người "nhậm hiệp" như vậy tất sẽ hay **"sử khí"** (nóng nảy, bộc phát khí phách), vì công phu dưỡng khí của họ chưa đủ sâu. Nhưng một người thực sự "nhậm hiệp" chân chính thì nhất định phải là người **"trọng nhiên nặc"** (coi trọng lời đã hứa).

Ví như Quý Bố, sử sách chép về người này là "trọng nhiên nặc", tức là rất coi trọng lời đã cam kết, hễ ai nhờ ông việc gì, ông không dễ dàng nhận lời, nhưng đã nhận lời thì nhất định làm cho bằng được. Cái phong cách "nhậm hiệp sử khí" ấy về sau dần biến hoá thành lối sinh hoạt của các bang hội. Thanh niên ngày nay thích bàn về bang hội, nhưng thực ra chẳng hiểu bang hội là gì. Cái gọi là "bang hội" ở khu Tây Môn Đinh mà người ta hay nhắc tới, kỳ thực chỉ là đám choai choai tụ tập gây rối, chẳng khác nào cái nhọt (疔, đọc cũng là "đinh", chơi chữ trên tên khu phố 町) mọc trên người, chứ không phải bang hội thực thụ. Bang hội đúng nghĩa có một thuật ngữ gọi là **"tam đao lục nhãn"** (ba nhát dao, sáu lỗ thủng), tức chính là biểu hiện của "trọng nhiên nặc". Khi hai người bạn có bất đồng, cãi vã với nhau, mà có người thứ ba đứng ra nhận lời hoà giải, thì người nhận lời ấy phải chuẩn bị sẵn tinh thần đem cả tính mạng ra đặt cược. Nếu hai bên không chịu nghe lời khuyên giải, không chịu làm hoà, thì người đứng ra hoà giải sẽ tự rút dao ra, đâm ba nhát xuyên qua bắp đùi mình, tạo thành sáu lỗ thủng. "Tam đao lục nhãn" này rất nghiêm trọng, khiến cả bang hội không còn ai dám không nghe theo lời hoà giải của người ấy nữa. Vậy vì sao lại phải "nhậm hiệp sử khí" như thế? Chính là vì sự bình an, hoà thuận của cả hai bên.

Tư Mã Thiên trong Sử Ký, ở thiên Thích khách liệt truyện, chỉ nêu ra ví dụ về mỗi một mình Kinh Kha, nhưng thực ra trong lịch sử còn rất nhiều sự việc tương tự như vậy. Có người, dù người khác đối tốt với mình đến đâu cũng mặc kệ, không màng tới, mãi đến khi mẹ già của mình qua đời rồi mới nói với người kia: anh vẫn luôn đối tốt với tôi, mấy chục năm nay tôi vẫn nhớ, nhưng vì sao trước đây tôi lại chẳng đoái hoài? Bởi vì lúc ấy còn có mẹ già cần chăm sóc, nay mẹ đã mất rồi, tôi không còn gì vướng bận nữa, giờ đây tính mạng này của tôi cũng là của anh. Đó gọi là "trọng nhiên nặc". Cho nên đạo làm người, không thể tuỳ tiện hứa hẹn rồi thất tín. Con người sống ở đời, thường muốn làm thật nhiều việc, giúp thật nhiều người, nhưng rốt cuộc chẳng làm được việc nào cho trót, bởi vì bản thân không có đủ sức lực, không có đủ thời gian như thế.

Sách Luận Ngữ có chép, Tử Cống hỏi Khổng Tử: **"Như hữu bác thi ư dân nhi năng tế chúng, hà như? Khả vị nhân hồ?"** (nếu có người ban ơn rộng khắp cho dân, lại có thể cứu giúp được cả muôn người, thì thế nào? Có thể gọi là nhân chăng?). Khổng Tử đáp: **"Bác thi tế chúng, Nghiêu Thuấn kỳ do bệnh chư"** (ban ơn rộng khắp, cứu giúp muôn người, đến cả Nghiêu, Thuấn cũng còn cảm thấy khó làm được như thế). Muốn bố thí, cứu giúp cả thiên hạ thì bớt khoác lác đi, cứu được một người tính một người, như vậy còn thực tế hơn. Có một số người động một chút là đòi học Phật để độ hoá chúng sinh, nhưng thực tế đến cả vợ hay chồng mình cũng chẳng độ nổi, thì còn độ được chúng sinh nào nữa? Cho nên, những người học Phật cần lưu ý, tuỳ tiện phát nguyện độ hết thảy chúng sinh mà không lượng sức mình, chính là phạm phải một giới, đó là tội khinh suất hứa hẹn mà không giữ lời, điều này không được phép.

"Đa dị tất đa nan" (nhiều chỗ dễ thì ắt nhiều chỗ khó), nếu coi việc đời quá dễ dàng, cho rằng chẳng có gì khó cả, thì rốt cuộc khó khăn phải đối mặt lại càng nặng nề hơn. Trên đời không có việc gì là dễ cả, không thể tuỳ tiện được, ngay cả với chính bản thân mình cũng không được hứa hẹn khinh suất. Có những người khi còn trẻ muốn làm đại trượng phu, cứu cả đất nước, nên khuyên họ hãy từ từ, trước hết cứu lấy bản thân mình đã, khi có đủ năng lực rồi mới mở rộng ra thêm; nếu không, đến bản thân mình còn chẳng cứu nổi mà cứ tuỳ tiện khoác lác, thì đó chính là khinh suất hứa hẹn.

Hôm nay có một người vừa từ nước ngoài dạy học trở về, cảm khái nói rằng: "Chúng ta từ nhỏ đi học cho tới giờ, đọc sách cả đời, lại làm việc mấy chục năm, nhưng với món nợ ơn nghĩa dưỡng dục của cha mẹ, thì đến một xu cũng chưa từng trả được." Cái "một xu" mà ông ấy nói tới, đương nhiên không hoàn toàn chỉ tiền bạc, mà ý nói rằng chưa làm trọn được việc gì cả, đúng như lời Giả Bảo Ngọc trong Hồng Lâu Mộng tự nói về mình: **"phụ phụ mẫu dưỡng dục chi ân, vi sư hữu quy huấn chi đức"** (phụ bạc ơn cha mẹ nuôi dưỡng, trái lại lời thầy bạn răn dạy). Rất nhiều người, thậm chí gần như tất cả mọi người, sống mấy chục năm rồi mà vẫn cứ mắc trong hai câu ấy, làm trái với đạo đức mà thầy bạn đã răn dạy, chẳng làm nên được điều gì. Chúng ta khi còn trẻ ai cũng từng lập chí hướng, nhưng rốt cuộc mấy chục năm trôi qua vẫn chưa thực hiện được cái chí hướng mình đã lập ra, đó cũng chính là một dạng khinh suất hứa hẹn. Cho nên, đời người cần hiểu rằng, trên đời không có việc gì là dễ dàng cả.

"Thị dĩ thánh nhân do nan chi, cố chung vô nan hĩ" (vì vậy thánh nhân luôn coi mọi việc là khó, nên rốt cuộc chẳng có gì khó cả). Sở dĩ thánh nhân trở thành thánh nhân, chính vì luôn coi trọng việc đời; không những không xem thường việc đời, mà cũng không xem thường bất cứ ai trong thiên hạ. Vì vậy mới không gặp phải khó khăn, mới có thể trở thành bậc thánh nhân!

Chương sáu mươi ba này bàn về vấn đề khó và dễ, quy lại mà nói, chương này chính là để giải thích rõ hơn nguyên lý đã nêu ở chương mười ba bên Thượng kinh. Điều mà Lão Tử thực sự muốn nói với chúng ta là: thiên hạ vốn không có việc gì khó cả, nhưng cần phải có đại trí tuệ mới tìm ra được điểm mấu chốt để biến việc khó thành dễ, nếu không thì mọi việc đều trở thành khó khăn, chẳng có việc nào là dễ dàng cả.

Hạ Kinh · Chương 64

Kỳ an dị trì; kỳ vị triệu dị mưu.

Cái đang yên tĩnh dễ giữ; cái chưa có điềm dễ mưu tính.

Kỳ thư dị phán; kỳ vi dị tán.

Cái còn mềm yếu dễ tan; cái còn nhỏ dễ tán.

Vi chi ư vị hữu; trị chi ư vị loạn.

Làm việc khi chưa có; trị loạn khi chưa loạn.

Hợp bão chi mộc, sinh ư hào mạt; cửu tầng chi đài, khởi ư lũy thổ;

Cây lớn đến ôm một vòng, sinh từ mầm nhỏ; đài cao chín tầng, khởi từ đất đắp;

Thiên lý chi hành, thủy ư túc hạ.

Đường nghìn dặm, bắt đầu từ dưới chân.

Vi giả bại chi; chấp giả thất chi.

Người làm thì hỏng; người nắm giữ thì mất.

Thị dĩ thánh nhân vô vi, cố vô bại; vô chấp, cố vô thất.

Vì vậy thánh nhân vô vi nên không hỏng; không nắm giữ nên không mất.

Dân chi tòng sự, thường ư kỷ thành nhi bại chi.

Dân làm việc, thường ở chỗ gần xong mà làm hỏng.

Thận chung như thủy, tắc vô bại sự.

Thận trọng đến cuối như ban đầu, thì không có việc hỏng.

Thị dĩ thánh nhân dục bất dục, bất quý nan đắc chi hóa;

Vì vậy thánh nhân muốn không muốn, không coi trọng hàng hóa khó kiếm;

Học bất học, phục chúng nhân chi sở quá.

Học không học, phục lại chỗ mà người thường bỏ qua.

Dĩ phụ vạn vật chi tự nhiên, nhi bất cảm vi.

Lấy đó để giúp sự tự nhiên của vạn vật, mà không dám hành động (làm trái tự nhiên).

Nhìn qua thì mấy câu này rất đẹp, người ta thường đọc lướt qua mà không để ý, nhưng trong đó lại chứa một nguyên tắc rất quan trọng, nhất là trên phương diện triết học chính trị: nếu muốn lập công dựng nghiệp, phải chú ý đến điểm **"kỳ an dị trì"** (cái đang yên tĩnh dễ giữ) này. Câu ấy nghĩa là gì? Là nói rằng việc đang bình thường, muốn giữ cho nó tiếp tục bình thường mãi lại là điều rất khó. Cho nên hơn mười năm nay, mỗi khi viết thư cho ai, lời chúc cuối thư tôi đều viết "kính chúc bình an". Đời người khó được nhất là bình an, bình an chính là phúc. Người xưa có câu: "trăm năm ba vạn sáu ngàn ngày, chẳng ở trong lo âu thì cũng ở trong bệnh tật", đời một con người, không phiền muộn lo âu thì cũng ốm đau, hôm nay cảm cúm, mai lại đau chân chuột rút, đều là bệnh cả. Cho nên bình an là điều khó nhất, giữ được bình an mà tiến bước mãi là điều khó khăn nhất; thật sự giữ được bình an, mới có thể giữ được lâu dài.

Nên lo liệu từ khi trời chưa mưa, đừng đợi khát mới đào giếng

"Kỳ an dị trì", dù là sự nghiệp cá nhân hay việc lớn trị quốc bình thiên hạ, muốn đạt tới cảnh giới trị yên lâu dài đều không phải chuyện dễ. Một guồng máy chính trị, hay một công ty, một cửa hiệu, có thể giữ được trạng thái bình thường mãi mãi, không có biến động lớn, đã là công lao vô cùng to lớn rồi. Dựng nghiệp đã khó, giữ nghiệp lại càng không dễ; giữ được yên trị lâu dài, đúng là "kỳ an dị trì", làm được bình an rồi mới dễ giữ cho lâu bền.

"Kỳ vị triệu dị mưu" (cái chưa có điềm thì dễ mưu tính) - một việc, dù việc lớn của quốc gia hay sự nghiệp của cá nhân, đều như vậy: khi điềm chưa xuất hiện, khi hiện tượng còn chưa lộ ra, thì dễ tìm cách đối phó, đây chính là đạo "làm mà như không làm" của Lão Tử. Vì sao trong lịch sử Trung Quốc, hễ gặp thời loạn, người đứng ra dẹp loạn phần lớn đều là các nhân vật thuộc phái Đạo gia? Vì họ nắm được nguyên tắc "chưa có điềm". Một xã hội nhìn bề ngoài rất yên ổn, nhưng dưới con mắt của Đạo gia, đó lại chính là điềm báo đáng sợ. Ví như xã hội chúng ta hiện nay, nước giàu binh mạnh, đời sống sung túc, nhưng trong mắt tôi đó lại là điều rất đáng lo. Bởi vì thế hệ trẻ sau này không biết đến gian khổ khó khăn, chưa từng trải qua thất bại vấp váp, một khi xã hội, đất nước gặp vấn đề, sẽ lập tức không chống đỡ nổi, đây là điều rất nghiêm trọng.

"Chưa có điềm" tức là trước khi "điềm" xuất hiện. Có thể dẫn hai câu thơ cổ: **"sơn vũ dục lai phong mãn lâu"** (mưa núi sắp đến thì gió đã đầy lầu), **"vạn mộc vô thanh tri vũ lai"** (muôn cây lặng im biết mưa sắp về), hai câu này còn linh nghiệm hơn cả đài khí tượng. Mùa hè, trước khi có mưa giông, gió trên lầu cao thổi đến trước, rồi mưa mới theo sau; gió đến trước mưa, đó chính là "điềm". Vậy "chưa có điềm" là gì? Là lúc điềm còn chưa có lấy một bóng dáng nào, tức là lúc "muôn cây lặng gió". Có người muốn học cách cầu mưa, tôi bảo họ không cần cầu, vì Đài Loan chỉ có chừng ấy đất, dù cầu mưa có linh nghiệm, một trận mưa lớn biết đâu lại gây ra lụt lội. Vì họ đều là đệ tử thành tâm theo đạo Phật, tôi bảo họ chỉ cần một lòng niệm Phật là được, quả nhiên chỉ vài hôm sau trời đổ mưa. Lúc đó tôi đứng trên lầu cao, nhìn xa hết tầm mắt, thấy cây cối hai bên đường không một chiếc lá nào lay động, cái hơi ngột ngạt ấy thật quá bức bối, hơi đất bốc lên cao, dần dần gặp luồng khí lạnh, tất nhiên sẽ đổ mưa. Nếu mùa hè leo núi hay đi dã ngoại, chợt gặp trời oi bức ngột ngạt, lá cây đứng im không hề lay động, thì phải biết rằng ngay sau đó sẽ có một trận mưa lớn ập tới, đó chính là "muôn cây lặng gió biết mưa về".

Cho nên nói giảng triết học Trung Quốc rất khó, vì ngay trong thơ từ đã hàm chứa đạo lý triết học thâm sâu; dân tộc Trung Hoa vốn rất yêu cái đẹp, đặc biệt coi trọng vẻ đẹp của câu chữ, thường gửi gắm những học vấn cao thâm nhất vào trong thơ từ. Nếu chỉ đọc để thưởng thức câu chữ thì sẽ không lĩnh hội được điều đó. Tôi vẫn thường nói, muốn hiểu triết học Trung Quốc, trước hết phải hiểu thơ từ, phải hiểu lịch sử, chính là vì lẽ đó.

Vừa nãy nói "muôn cây lặng gió" chính là "chưa có điềm", chưa có lấy một bóng dáng gì của mưa, lúc đó đã phải "biết mưa sắp về", biết rằng chẳng bao lâu nữa trời sẽ đổ mưa. Nếu định ra ngoài, phải mau mau mang theo ô. Gặp lúc trời oi bức, có học trò ra ngoài, tôi nhất định hỏi đi đâu, nếu đi xa thì dặn mang theo ô. Có học trò không nghe lời, trong bụng chắc cười thầm, nghĩ thầy gàn dở, trời nóng thế này còn bảo mang ô làm gì! Kỳ thực dù không mưa thì cũng có thể che nắng, mang theo ô lúc nào cũng có lợi. Mấy chục năm trước, khi ra ngoài đi học, bà tôi luôn dặn đi dặn lại phải mang ô, còn mùa hè ra ngoài thì dặn mang áo bông. Thời ấy đi học xa nhà không như bây giờ, từ Đài Nam lên Đài Bắc chỉ mất vài tiếng đồng hồ là tới. Ngày trước giao thông khó khăn, đường đi thường mất hai ba ngày trở lên, biết đâu giữa đường bỗng gặp một đợt không khí lạnh, cho nên mùa hè ra ngoài vẫn mang theo áo bông, đó chính là "chưa có điềm mà đã dễ lo liệu". Nhỏ như việc lập nghiệp của cá nhân, lớn như việc trị nước bình thiên hạ, tất cả đều gói gọn trong bốn chữ của văn hóa Trung Hoa: "suy nghĩ chín chắn, tính toán kỹ lưỡng". Phải suy nghĩ cho thật kỹ, cân nhắc cho thật sâu, không được qua loa cẩu thả, đó cũng chính là điều Lão Tử nói **"đồ nan ư dị"** (lo liệu việc khó ngay khi nó còn dễ).

Nước cờ tưởng nhàn mà đầy thâm ý

"Kỳ thư dị phán, kỳ vi dị tán" (cái còn mềm yếu dễ tan, cái còn nhỏ dễ tán) - một vật gì đó giòn, dễ vỡ, thì càng giòn càng yếu, càng dễ đập vỡ; vỡ ra rồi lại biến thành vô số mảnh vụn li ti.

Nếu muốn khai triển sâu mấy câu này, phải dẫn ra rất nhiều điển tích lịch sử, nhất là trên phương diện sách lược chính trị, người xưa vận dụng rất nhiều, đặc biệt những người học triết học Đạo gia lại vận dụng càng khéo léo hơn. Người có tầm nhìn xa trông rộng dùng trí tuệ để đề phòng trước những vấn đề có thể xảy ra, khiến xã hội đạt được sự ổn định lâu dài. Cho nên, một nhà chính trị lớn khi xử lý việc nước, nếu quyết sách hoàn thiện, thì công đức vô lượng, ảnh hưởng gây ra không chỉ giới hạn trong một vùng, không chỉ trong vài chục năm. Có khi một chính sách tốt có thể khiến xã hội ổn định suốt mấy trăm năm, đạo lý ấy đều nằm ở chỗ này.

"Vi chi ư vị hữu" (làm việc khi chưa có) - người thực sự làm nên sự nghiệp, ngay từ lúc còn chưa có lấy một chút bóng dáng nào của vấn đề, đã âm thầm đặt sẵn nền móng, đó chính là cách xử sự của người cao minh. Việc này cũng giống như đánh cờ, tựa hồ như tùy tiện đặt xuống một quân cờ chẳng liên quan gì, trong văn học người ta gọi quân cờ ấy là "một nước cờ nhàn". Thế nào gọi là nước cờ nhàn? Là nước cờ đặt xuống mà chẳng có lý do gì rõ ràng, đặt cũng được, không đặt cũng được. Bỗng dưng đặt một quân cờ ở đó, nhìn qua tưởng như chẳng có tác dụng gì, một nước cờ nhàn tản, nhưng kỳ thực đó là kết quả của sự "suy nghĩ chín chắn, tính toán kỹ lưỡng", đã liệu tính từ trước. Nhiều năm sau, khi sự việc phát triển tới một giai đoạn nào đó, chỗ chuẩn bị sẵn từ trước ấy mới phát huy tác dụng lớn, thu được hiệu quả lớn; trên phương diện chính trị thì có thể khiến thiên hạ khỏi loạn. Đó chính là "làm việc khi chưa có". Tôi vẫn thường bảo học trò làm một số việc, có người thấy tôi lải nhải phiền phức, có học trò hỏi tôi làm vậy để làm gì, tôi bảo họ, một khi có vấn đề xảy ra thì chuyện này sẽ rất quan trọng. Đó chính là "làm việc khi chưa có", vấn đề còn chưa tới, nhưng đã phải lo liệu sắp đặt trước.

"Trị chi ư vị loạn" (trị loạn khi chưa loạn) - bậc chính trị gia lớn, khi thiên hạ còn chưa loạn, đã dẹp yên từ trước cái nguồn gốc, cái căn nguyên có thể sinh ra loạn. Trong xã hội có kẻ phạm tội, bắt được kẻ phạm tội, xử theo pháp luật, đúng vậy, người thực thi pháp luật rất có công. Nhưng, công lao thực sự lớn lao là khiến cho người ta căn bản không phạm pháp, đó chính là đạo lý của pháp trị, xuất phát từ tinh thần của Đạo gia. Cho nên mục đích của việc "lập pháp" là khiến dân chúng không phạm pháp, đó mới là đại pháp của thiên hạ; còn đợi người ta phạm pháp rồi mới trừng phạt, đã là hạ sách, không phải thượng sách nữa. Đạo lý cao nhất là "làm việc khi chưa có, trị loạn khi chưa loạn", nhưng làm thế nào để đạt được điều đó? Trong đó lại là cả một môn học vấn lớn.

Lầu cao vạn trượng cũng khởi từ mặt đất

"Hợp bão chi mộc sinh ư hào mạt" (cây lớn đến ôm một vòng, sinh từ mầm nhỏ) - trong rừng nguyên sinh, có những cây thần mộc như ở núi A Lý Sơn, một người ôm không xuể, phải nhiều người chung tay mới vòng ôm hết được. Cây to như vậy lớn lên bằng cách nào? "Sinh ra từ mầm nhỏ", cũng là từ một mầm cây bé tí ti mà lớn lên. Lông tơ trên người trẻ sơ sinh, mờ mờ ảo ảo tưởng như có như không, gọi là lông tơ; đầu chót của sợi lông tơ ấy, phải soi kính hiển vi mới thấy được, gọi là **"hào mạt"** (đầu mút sợi lông tơ). Mầm cây vừa mới nhú lên cũng nhỏ bé như đầu mút sợi lông tơ ấy.

Nói đến đây, tôi cũng thường dẫn một bài thơ cổ để khích lệ các bạn trẻ chú ý, bài thơ này nên thuộc lòng:

Tự thiếu tề mai ư tiểu thảo, nhi kim tiệm khước xuất bồng hao.

Từ nhỏ đã lẫn vùi trong đám cỏ dại, mà nay dần dần vươn ra khỏi đám cỏ hoang.

Thế nhân bất thức lăng vân cán, trực đáo lăng vân thủy đạo cao.

Người đời không nhận ra thân cây đã cao vút chọc mây, đến khi vươn thẳng lên chọc mây rồi mới bảo là cao.

Con người ta đừng động một chút là nghĩ đến chuyện tự tử, tôi chẳng mảy may thông cảm với hạng người này, thật là vô dụng! Cha mẹ cho mình một tấm thân, không làm được việc gì đội trời đạp đất, nghĩ không thông thì có ích gì? Đọc bài thơ cổ ấy rồi, phải hiểu ra đạo lý này. Bài thơ này chính là triết học, cho nên triết học Trung Quốc đều nằm trong thơ, tuy viết về một cây thông, nhưng ý thực sự là muốn chúng ta hiểu về nhân sinh. Một cây thông lớn trên núi, ở đại lục có những cây thông cổ thụ, nhìn từ trên không trung xuống tựa như một con rồng. Cây thông ấy khi còn nhỏ, "từ nhỏ đã lẫn vùi trong đám cỏ dại", cũng như câu Lão Tử nói "cây lớn đến ôm một vòng tay, sinh ra từ mầm nhỏ", nó cũng như đám cỏ thường, mọc lẫn ở đó. Nó cứ chầm chậm lớn lên, dần dần vươn khỏi đám cỏ hoang, đội trời đạp đất, giống như cây thần mộc ở A Lý Sơn kia, khiến bao người còn phải thắp hương quỳ lạy!

Nhưng khi cây ấy còn nhỏ, nhìn nó rất bình thường. "Đến khi vươn thẳng lên chọc mây rồi mới bảo là cao." Người thường chỉ nhìn vào kết quả, chẳng biết nhìn vào nguyên nhân từ trước; đợi đến khi cây lớn cao ngang trời, ngẩng đầu lên nhìn, đến mức mũ đội trên đầu cũng rơi mất vì ngẩng đầu quá cao, lúc đó mới nói: ôi, cao quá! Chứ chẳng ai nhìn ra được cái cao ấy từ khi nó còn nhỏ bé, đó chính là nhân sinh. Cho nên, các bạn trẻ phải chú ý, con người quý ở chỗ tự lập, phải tự mình đứng lên; đừng vừa mới nhô đầu ra đã muốn người khác khen mình cao, như vậy chẳng thể nào cao lên được; đợi đến khi bản thân thực sự cao lớn rồi, tự nhiên người khác sẽ khen: cao quá!

Điều này giải thích đạo lý của nhân sinh, cũng là giải thích đạo lý của câu "cây lớn đến ôm một vòng tay, sinh ra từ mầm nhỏ". Ngoài ra còn có một bài thơ khác, tôi cũng thường dẫn ra, mong các bạn trẻ chú ý:

Vũ hậu sơn trung mạn thảo vinh, duyên khê mạn cốc khả liên sinh.

Sau cơn mưa, trong núi dây leo cỏ dại tươi tốt, dọc theo khe suối, khắp thung lũng, mọc lên đáng yêu biết bao.

Tầm thường khởi tạ tài bồi lực, tự đắc thiên cơ tự trưởng thành.

Bình thường nào có nhờ vào sức người vun trồng, tự nhận được cơ trời mà tự lớn lên thành.

Những bài thơ này đều nên thuộc nằm lòng, khi bản thân gặp khó khăn, cất tiếng ngâm lên một bài, nỗi buồn bực do khó khăn gây ra liền tan biến, lại còn được sự khích lệ vô cùng; điều này chẳng khác gì cầu nguyện với Thượng đế hay quỳ trước tượng Bồ Tát. Sau một trận mưa lớn, vào trong núi mà xem, dọc theo dòng suối trong thung lũng, dây leo cỏ dại đã mọc lên. Đám cỏ này chẳng nhờ ai bón phân, chẳng ai giúp đỡ, chỉ dựa vào sức sống của chính nó mà mọc khắp núi khắp thung, đó là tự nhận được cơ trời, tự nhiên có được sức sống của trời đất, tự mình đứng thẳng lên. Sự thành công của một con người, cũng cần phải có khí phách lớn lao như vậy.

Hai bài thơ này, tôi thuộc từ nhỏ cho tới bây giờ. Có lúc, tự mình gặp phải chuyện thực sự khó khăn, niệm Phật, cầu nguyện Thượng đế vẫn không thể yên lòng được, thì câu "bình thường nào có nhờ sức người vun trồng, tự nhận được cơ trời mà tự lớn lên thành" chính là lúc cần đến, phải có khí phách ấy, phải có bản lĩnh ấy, đó mới thực sự là hiểu được tinh thần của văn hóa Trung Hoa. Con người không cần mong chờ lời khen tặng của người khác, phải tự mình đứng lên; khi đã đứng lên được rồi, tự nhiên sẽ có người ngẩng đầu nhìn lên, tiếng khen tiếng vỗ tay đều kéo đến. Nhưng đến lúc ấy, ngàn vạn lần đừng để những tràng vỗ tay ấy làm ảnh hưởng đến mình; cứ thử nhìn xem, bên cạnh cây đại thụ kia, có người ca hát, có người nhảy múa, có người thắp hương quỳ lạy, mà cây đại thụ vẫn cứ mặc kệ chẳng để ý gì!

"Cửu tằng chi đài khởi ư lũy thổ" (đài cao chín tầng, khởi từ đất đắp) - cái gọi là "chín tầng", trong văn hóa cổ đại Trung Quốc chính là chỉ lầu cao. "Chín" ở đây không hẳn chỉ đúng con số chín, mà đại diện cho điểm cùng cực của các con số: đếm từ một, con số cuối cùng trong hàng đơn vị là chín; đến mười lại là con số một của một hàng khác, cho nên số lớn nhất trong một hàng là chín. Trong triết học số lý của Kinh Dịch, khởi đầu là "số không", số không đại diện cho việc không có số, cũng đại diện cho vô số, cái số không thể biết, cái vô cùng, cái vô lượng, cho nên số không đại diện cho cái "không", đồng thời cũng đại diện cho vạn vật tràn đầy ở trong đó. Mà điểm cùng cực của các con số chính là số chín. "Đài cao chín tầng, khởi từ đất đắp", công trình cao nhất cũng phải khởi công xây dựng từ mặt đất; **"thiên lý chi hành, thủy ư túc hạ"** (đường nghìn dặm, bắt đầu từ dưới chân), đi một nghìn dặm đường, cũng phải bắt đầu từ bước chân đầu tiên dưới đất.

Trí tuệ, theo thế và chờ thời

Hai câu tiếp theo rất hay: **"vi giả bại chi, chấp giả thất chi"** (người làm thì hỏng việc, người cố nắm giữ thì để mất) - một người quá biết cách ra tay hành động, ngược lại lại dễ thất bại. Vì sao vậy? Mạnh Tử cũng từng kể câu chuyện **"yết miêu trợ trưởng"** (nhổ mạ lên để giúp lúa mau lớn): nước Tống có một người trồng lúa, gieo mạ xong, ngày nào cũng ra ruộng xem, thấy mạ chẳng có vẻ gì lớn lên, trong lòng sốt ruột quá, bèn ra sức nhổ mạ lên cho cao thêm một chút. Bị y kéo lên như vậy, kết quả lúa chết sạch cả. Câu chuyện này nói lên đạo lý: càng ra sức làm theo ý riêng càng dễ thất bại. Phải biết chậm rãi chờ đợi, thành công không phải là chuyện ngẫu nhiên; có lúc phải tranh thủ từng giây từng phút, nhưng có lúc lại không thể tranh thủ được, dù chỉ một giây một phút. Cái cần tranh thủ, là bản thân mình phải nỗ lực từng giây từng phút; cái không thể tranh thủ, vì thời gian vốn có một đường hầm riêng của nó, phải đợi đủ từng giây từng phút trôi qua mới được. Đừng vừa sáng ra đã mong trời tối ngay, đó là điều không thể; vòng quay của mặt trời cứ chầm chậm từng chút một mà đi.

Tôi vẫn thường lấy chính kinh nghiệm bản thân cùng những cảm nhận thời trẻ của mình để đặt vào vị trí của các bạn trẻ mà suy nghĩ, cho nên khuyên người trẻ mọi việc cứ từ từ mà làm, chừng phải đợi mười năm sau mới biết ra sao. Khi tôi khoảng hai mươi tuổi, có người bảo tôi: cứ đà này, khoảng ba mươi tuổi có lẽ mới có hy vọng thành công. Nghe vậy tôi nản lòng thoái chí lắm, nghĩ bụng còn phải chờ tận mười năm nữa, làm sao chờ nổi lâu như vậy! Nào ngờ ngoảnh đầu lại, đến nay đã qua mấy chục năm rồi, đây là điều chẳng có cách nào khác, chỉ có thể tự mình mà nghiệm ra, nóng vội cũng chẳng nóng vội được. Mạnh Tử cũng từng nói: **"tuy hữu trí tuệ, bất như thừa thế; tuy hữu tư cơ, bất như đãi thời"** (dù có trí tuệ, chẳng bằng thuận theo được thời thế; dù có nông cụ tốt, chẳng bằng đợi đúng thời). Hai yếu tố thời gian và không gian là điều không thể bỏ qua, dù có sốt ruột đến mấy cũng chẳng có cách nào khác. Nếu bỏ qua yếu tố thời gian và không gian, cứ khăng khăng đòi đạt tới một mức độ nào đó ngay lập tức, kết quả chỉ có "để mất" mà thôi. Đây chính là thất bại vì cố ra tay hành động theo ý riêng, không phải "làm mà như không làm", cho nên gọi là "người cố nắm giữ thì để mất".

Nhưng, đừng vội để mình bị lừa, cũng đừng cố chấp bám khư khư vào nguyên tắc này, bởi vì việc đời không ngừng biến đổi, thời gian không gian cũng không ngừng biến đổi, trời đất vạn vật, hết thảy người và việc đều luôn biến đổi theo thời gian, biến đổi theo nơi chốn, chẳng có gì là không đổi thay. Có lúc lỡ lời nói sai, mặt đỏ bừng lên, nhưng nghĩ lại một chút, thấy chẳng sao cả, thế là hết đỏ mặt; rồi qua một lúc, càng nghĩ càng thấy mình có lý, thậm chí còn tìm ra được cả lý do để bênh vực cho mình! Cho nên thời gian không gian luôn biến đổi, nếu cứ cố chấp bám lấy một khuôn mẫu bất biến mà coi đó là quy tắc, thì sai rồi.

"Chấp giả thất chi" - nắm quá chặt cũng là sai, **"thị dĩ thánh nhân vô vi cố vô bại, vô chấp cố vô thất"** (vì vậy thánh nhân vô vi nên không hỏng, không nắm giữ nên không mất). Đây là câu nói cho chúng ta một triết lý lớn của đời

người, cũng là một nguyên tắc lớn trong cách làm người, làm việc. Lão Tử nói, các bậc thánh nhân, người có đạo thời thượng cổ, hiểu được nguyên tắc này, "vì vậy thánh nhân vô vi nên không hỏng", cho nên thánh nhân sống theo đạo "vô vi". Vậy đạo vô vi là gì? Chính là "làm mà như không làm". Ngàn vạn lần phải nắm chắc điểm mấu chốt này, nếu không rất dễ hiểu lầm "vô vi" là chẳng cần quản gì hết. Thế hệ chúng ta, rất nhiều người giảng triết học, giải thích chữ "vô vi" của Lão Tử là mặc kệ hết thảy mọi việc, cách giải thích này đã ảnh hưởng đến cả một thế hệ thanh niên, khiến họ đi vào con đường sai lạc, đó thật là điều đáng tiếc. Thánh nhân vì hiểu được đạo lý vô vi, không tích cực mưu cầu làm điều gì theo ý riêng, cho nên không thất bại.

"Vô chấp cố vô thất" (không nắm giữ nên không mất) - vì biết rằng vạn sự vạn vật trong vũ trụ luôn biến đổi không ngừng, cho nên thánh nhân không cố chấp bám vào định kiến, mà luôn tùy thời ứng biến, tùy thời thông biến. Việc đời lại càng biến đổi từng khắc, mỗi sát na đều đang trong sự biến hóa; điều quan trọng nhất là biết cách ứng biến; chỉ biết ứng biến thôi vẫn chưa đủ, còn phải thông biến, tức là thuận theo sự biến đổi mà biến đổi theo, đó chính là "làm mà như không làm". Thánh nhân vì có thể "không nắm giữ", có thể ứng biến, thông biến, không cố chấp, cho nên người ấy không bao giờ thất bại.

Sắp thành công lại hóa ra thất bại

"Dân chi tòng sự, thường ư kỷ thành nhi bại chi" (dân làm việc, thường sắp xong lại làm hỏng) - thánh nhân hiểu được cái dụng của "đạo", cho nên mới trở thành thánh nhân. Kinh Phật vẫn thường lấy đạo lý "vô thường" để dạy người, mọi người cùng nghiên cứu Phật pháp, Phật học như nhau, nhưng lại thường đeo một cặp kính màu, nhìn cái vô thường của thế gian với con mắt bi quan. Kỳ thực, cái "vô thường" mà văn hóa Ấn Độ của Đức Thích Ca Mâu Ni nói tới, cũng chính là cái "biến" của văn hóa Trung Hoa, trời đất vạn vật không có gì là không biến đổi, chẳng có gì là vĩnh hằng bất biến cả. Cho nên, sinh tử là vô thường, có sinh ắt có tử, đó là biến đổi mà đi, là sự biến đổi tất yếu, vì vậy mới dạy chúng ta nhận rõ cái "biến" này. Kinh Dịch coi biến là một nguyên tắc căn bản, còn văn hóa Ấn Độ nói về mặt "hiện tượng", gọi đó là "vô thường". Bậc thánh nhân hiểu được đạo lý này, cho nên mãi mãi thành công, không bao giờ thất bại.

"Dân chi tòng sự" (dân làm việc) - chữ "dân" ở đây không đứng trên lập trường của kẻ làm quan, mà chỉ dân thường, đại diện cho số đông người bình thường, cũng có thể hiểu là "loài người". Người thường làm việc "thường sắp xong lại làm hỏng", sắp thành công thì lại thất bại, giống như leo cầu thang chỉ còn một bậc nữa là lên tới đỉnh, bỗng dưng trượt ngã xuống, gãy cả xương, phải chụp X-quang, bó bột, đó chính là "sắp xong lại làm hỏng". Làm một việc, dù việc nhỏ hay việc lớn, lúc sắp thành công chính là lúc nguy hiểm nhất. Vì sắp thành công dễ khiến người ta choáng váng đầu óc, vừa mừng rỡ lên là thành công trước mắt lại biến thành "một bước sẩy chân, ôm hận ngàn thu; quay đầu nhìn lại đã trăm năm rồi". Dù không chết, cũng phải làm lại từ đầu. Cho nên nói người thường phần nhiều đều "sắp xong lại làm hỏng", ngay lúc gần như sắp thành công lại quay ra thất bại.

Nhưng, phải chú ý đến chữ "cơ", nói sâu thêm một tầng nữa, thành bại đều có cái cơ trước của nó, có cái mấu chốt của nó. Cơ trước là gì? Chính là cái "điềm" trong câu **"kỳ vị triệu dị mưu"** (cái chưa có điềm dễ mưu tính). Sự thành bại của một việc, thường có những hiện tượng liên quan trước sau với nhau, khi bạn bắt tay hành động, hiện tượng ấy đã xuất hiện rồi, chỉ vì bản thân không đủ trí tuệ nên không nhìn ra được; nếu nắm được cái "cơ" ấy, sẽ không đến nỗi thất bại. Cho nên, người thường "sắp xong lại làm hỏng" là vì đã nhầm cái cơ xấu thành cái cơ của sự thành công, bản thân nhìn không rõ, rốt cuộc thất bại. Đây là giải thích sâu thêm về đạo lý của chữ "cơ".

Tôi vẫn thường nói văn hóa Trung Hoa, bao gồm cả tư tưởng Kinh Dịch cùng Khổng, Mạnh, Lão, Trang, cùng với văn hóa Hy Lạp, Ai Cập, Ấn Độ, hợp thành bốn nền văn minh cổ xưa lớn của nhân loại. Bốn hệ thống văn hóa này có một nguyên tắc chung, đó là đều coi trọng luật nhân quả. Nghiên cứu sâu thêm một bước nữa, vì sao bốn nền văn minh cổ đại này lại có điểm chung ấy? Điều đó phải chú ý đến thời thượng cổ, thậm chí thời viễn cổ. Điều này cũng có nghĩa là, loài người ở thời kỳ băng hà trước đó, có lẽ văn hóa đã phát triển đến mức kết tinh chung của trí tuệ cao nhất rồi. Vào thời kỳ băng hà mà văn hóa nhân loại đạt tới trí tuệ cao nhất ấy, địa cầu bị hủy diệt, chỉ còn sót lại một số ít người, họ mang theo một chút nguyên tắc kết tinh từ văn hóa của tiền nhân mà lưu truyền lại. Tôi vẫn thường nói, đồ hình bát quái của Kinh Dịch chính là ra đời như thế, còn cái gọi là Phục Hy, cũng mờ mịt như thể **"hoảng hề hốt hề"** (mơ hồ, không thể nắm bắt rõ ràng) vậy, chẳng biết đích xác là từ đâu mà đến.

Lão Tử lại dạy chúng ta **"thận chung như thủy"** (cẩn trọng đến lúc cuối như lúc đầu), các bạn trẻ phải khắc ghi mấy chữ này thật kỹ trong đầu, đây là nguyên tắc lớn cho sự thành công cả đời người. Lão Tử dạy chúng ta rằng, đến khi thành công rồi, vẫn phải giữ nguyên cái thái độ, cái bản sắc từ lúc mới bắt đầu. Cho dù có làm nên việc vĩ đại nhất, đội vương miện, ngồi trên ngôi báu đi nữa, trong lòng vẫn phải thản nhiên vô sự, bình dị như đang trong vòng tay mẹ, như vậy mới thực sự là thành công. Càng phải hiểu rõ nhân trước quả sau, đừng vì thành công mà đắc ý, đừng vì học vấn, sự nghiệp có thành tựu mà mãn nguyện đến mức choáng đầu. Như vậy sẽ lập tức "sắp xong lại làm hỏng", thất bại ngay. Khi leo lên đến đỉnh cao nhất, vẫn giữ nguyên cái tâm trạng từ lúc khởi đầu, thì mãi mãi thành công, vì không tự mãn, không kiêu ngạo, vẫn cứ bình dị như thường. **"Thận chung như thủy, tắc vô bại sự"** (cẩn trọng đến lúc cuối như lúc đầu, thì không có việc hỏng) - bất cứ thành công nào cũng đừng tự mãn, mãi mãi giữ nguyên cái tâm trạng như ngày đầu tiên, thì sẽ mãi mãi không thất bại, mãi mãi tiến bộ.

Ham muốn của thánh nhân là gì

"Thị dĩ thánh nhân dục bất dục" (vì vậy thánh nhân muốn cái không ai muốn) - cái ham muốn lớn thực sự là gì? Chính là diệt trừ những ham muốn nhỏ nhặt trong ý thức của chúng ta. Thực sự làm được "vô dục", chẳng còn mong cầu điều gì nữa, đó mới là một đại dục, đó mới là mong muốn trở thành thánh nhân, trở thành siêu nhân. Siêu nhân không để tâm đến mọi ham muốn của thế giới vật chất, chính vì làm được như thế mới có thể trở thành siêu nhân, vượt lên trên người thường. Cho nên **"thánh nhân dục bất dục, bất quý nan đắc chi hóa"** (thánh nhân muốn cái không ai muốn, không coi trọng hàng hóa hiếm quý khó kiếm), "hóa" ở đây chính là những thứ vật chất, đừng để bị những món đồ lạ lùng quý hiếm của thế giới vật chất mê hoặc. Con người ta dễ bị vật chất lừa gạt nhất, tiền bạc, của cải chính là đại diện cho vật chất, nếu bị những thứ này lừa gạt, thì cuộc đời sẽ trở nên hữu hạn. Cùng lắm cũng chỉ là có thêm chút tiền, nếu cho rằng có tiền mới hưởng thụ được, thì đó cũng chỉ là ảo tưởng của con người mà thôi. Người nghèo không có nhiều tiền, không biết thực tình khi có nhiều tiền sẽ ra sao; còn nếu quả thực giàu có đến một mức độ nào đó, nhìn vào tiền bạc cũng chẳng buồn nhìn, thấy chẳng còn ý nghĩa gì. Đương nhiên, chúng ta mỗi tháng thu nhập vài chục triệu đã thấy khá lắm rồi, thấy tiền rất quan trọng; nhưng những người có hàng tỷ, hàng chục tỷ lại chẳng biết phải làm sao nữa! Nhiều tiền như thế để làm gì? Ăn mặc tiêu dùng thì cũng đã đủ cả rồi, sinh ra không mang theo, chết đi cũng chẳng mang được, thực sự chẳng có lý do gì. Cho nên, thánh nhân "không coi trọng hàng hóa hiếm quý khó kiếm", không để những thứ vật chất mê hoặc.

"Học bất học, phục chúng nhân chi sở quá" (học cái không ai học, quay về chỗ mà mọi người đã bỏ qua) - con người ta ở giai đoạn cầu học, phải có học vấn, có kiến thức; nhưng kỳ thực đó mới chỉ là nửa vời. Khi thực sự có học vấn rồi, người Trung Quốc có câu "học vấn sâu thì khí tính mới bình lặng", học vấn thực sự đến mức thâm sâu rồi thì cái khí thế bốc đồng cũng lắng xuống, cũng giống như câu tục ngữ "bình đầy nước không kêu, bình vơi nước mới róc

rách". Theo Phật học mà nói, các bậc đại A-la-hán hay Bồ Tát trước khi thành đạo, đều còn ở "địa vị hữu học". Thành Phật rồi mới gọi là "vô học vị". Cái "vô học vị" này không phải là học vị đội mũ vuông tốt nghiệp, mà là đã đạt tới mức không cần học thêm gì nữa, đã lên tới đỉnh, cao nhất trong cái cao nhất rồi. Nhưng chỗ cao nhất cũng chính là chỗ bình dị nhất, chỗ bình dị nhất cũng chính là chỗ cao nhất. Cho nên, học vấn thực sự lại tựa như "không học", chẳng có học vấn gì cả, đại trí mà như ngu. **"Phục chúng nhân chi sở quá"** (quay về chỗ mà mọi người đã bỏ qua) - tức là trở về mức còn bình dị hơn cả người thường. Bình dị quá mức, ngu ngơ quá mức, hay cho dù thông minh mà thông minh quá mức, đều không đúng cả. Có những người bạn lại ngược lại, vừa không ngu mà cũng không thông minh quá mức. Người thực sự có đạo, chính là "quay về chỗ mà mọi người đã bỏ qua", không làm gì thái quá, đó cũng chính là sự bình dị tột cùng. Học vấn chân chính là hiểu được đạo lý này, tu dưỡng tu đạo là tu tới cảnh giới ấy.

"Dĩ phụ vạn vật chi tự nhiên, nhi bất cảm vi" (lấy đó để giúp cho vạn vật được tự nhiên, mà không dám can thiệp) - cảnh giới của "đạo" đến đây, cũng giống như vạn vật trong thế giới vật lý, "vạn vật" đều "tự nhận được cơ trời mà tự lớn lên thành", tự nhiên mà thành tựu, tự nhiên mà suy tàn, tự nhiên sinh sôi không ngừng, chẳng thêm vào một chút tạo tác nào, chẳng thêm vào một chút can thiệp nào của con người. Tu đạo, làm học vấn, tu dưỡng, hiểu được nguyên lý này, tu tới cảnh giới này, chính là "lấy đó để giúp cho vạn vật được tự nhiên, mà không dám can thiệp", không thêm vào một chút công phu làm theo ý riêng nào của con người.

Hạ Kinh · Chương 65

Cổ chi thiện vi đạo giả, phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi.

Người xưa khéo theo Đạo, không phải để làm dân sáng suốt, mà để làm dân ngu muội (giản dị).

Dân chi nan trị, dĩ kỳ trí đa.

Dân khó cai trị, vì họ có nhiều trí xảo.

Cố dĩ trí trị quốc, quốc chi tặc; bất dĩ trí trị quốc, quốc chi phúc.

Cho nên dùng trí xảo để trị nước là giặc của nước; không dùng trí xảo để trị nước là phúc của nước.

Tri thử lưỡng giả diệc khải thức.

Biết hai điều này cũng là một khuôn mẫu.

Thường tri khải thức, thị vị huyền đức.

Thường biết khuôn mẫu ấy, gọi là huyền đức.

Huyền đức thâm hĩ viễn hĩ, dữ vật phản hĩ, nhiên hậu nãi chí đại thuận.

Huyền đức sâu thẳm thay, xa xăm thay, cùng với vạn vật trở về, rồi mới đạt đến sự thuận lớn.

Chương này cũng như chương trước, đều là khai triển thêm cho chương 15 của Thượng kinh. Nhưng đến chương này thì gặp phải một vấn đề nghiêm trọng. Câu **"cổ chi thiện vi đạo giả, phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi"** (người xưa khéo theo Đạo, không phải để làm dân sáng suốt, mà để làm dân ngu muội), đoạn này khiến những người nghiên cứu tư tưởng chính trị triết học Trung Quốc xưa nay vẫn cho rằng đạo của Lão Trang cũng như tư tưởng triết học Nho gia đều là dọn đường cho các bậc đế vương, đi theo con đường "chính sách ngu dân", mong cho dân chúng càng ít hiểu biết, càng ngu càng tốt. Cái gọi là "phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi", xét trên mặt chữ thì có vẻ như nói người xưa khéo vận dụng đạo lý chính trị triết học không phải muốn dân có trí tuệ cao, mà lại mong họ có trí tuệ thấp; nghe như chính Lão Tử đã nói rõ ràng như vậy.

Trí và ngu

"Dân chi nan trị, dĩ kỳ trí đa. Cố dĩ trí trị quốc quốc chi tặc, bất dĩ trí trị quốc quốc chi phúc" (dân khó cai trị, vì họ có nhiều trí xảo; cho nên dùng trí xảo để trị nước là giặc của nước, không dùng trí xảo để trị nước mới là phúc của nước). Ông nói xã hội, dân chúng sở dĩ khó cai trị là vì người thường có quá nhiều hiểu biết khôn vặt, nếu lấy việc nâng cao hiểu biết ấy để trị nước thì đó là "giặc của nước", là sai lầm; không dùng trí xảo để trị nước mới là phúc của nước. Cứ theo mặt chữ mà giải thích đoạn này thì rõ ràng là nói như vậy. Nhưng mọi người lại quên mất Lão Tử còn từng nói câu **"đại trí nhược ngu"** (kẻ trí lớn trông tựa như ngu), ngu không nhất định là ngu dốt. Đặc biệt sách xưa khi nói đến chữ "ngu", phần nhiều không dùng theo nghĩa xấu, vì chữ ngu còn mang nghĩa thật thà, chất phác. Cho nên trong các sách kinh điển thời thượng cổ, chữ "ngu" không hẳn được hiểu là "dại", mà chính là cái chất phác, đôn hậu mà tư tưởng Lão Tử vẫn chủ trương.

Chất phác không phải là ngu dốt, vì một người ngu dốt chưa hẳn đã không chất phác, nhưng người ngu dốt thường hay quấy phá, nghịch ngợm, tự cho mình là thông minh nên hay ra vẻ khôn lỏi. Những người này việc lớn thì ngu, việc nhỏ lại thích tỏ ra khôn, cho nên những gì họ làm thường khiến người khác tức điên lên. Một số thanh thiếu niên phạm tội thời nay cũng chính là như vậy. Đó không phải là chất phác. Chữ "chất phác" thường đi liền với chữ "ngu" và chữ "thành khẩn". "Ngu độn" cũng mang ý tương tự, chỉ sự thuần phác, thành thật hết mực, cho nên Lão Tử mới từng nói

"đại trí nhược ngu". Ở chương 71 phía sau, Lão Tử có mấy câu, dưới đây xin trích trước để giải thích vấn đề "trí" và "ngu".

"Tri bất tri, thượng; bất tri tri, bệnh. Phù duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh; thánh nhân bất bệnh, dĩ kỳ bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh" (biết mà tự cho là không biết, ấy là trên hết; không biết mà cứ cho là biết, ấy là bệnh. Chính vì coi bệnh là bệnh nên mới không bệnh; bậc thánh nhân không bệnh, vì biết coi bệnh là bệnh nên mới không bệnh).

Ông nói trí tuệ thực sự cao đến mức tột cùng thì chính là "không biết", không phải thật sự không biết, mà là như thể không biết, như thể chẳng có trí tuệ gì; cũng giống như câu đã nhắc đến trước đây, nửa vò nước thì kêu lộc cộc, còn vò nước đầy thì lại chẳng phát ra tiếng gì. Trí tuệ lên đến đỉnh cao dường như lại là "không biết". Còn **"bất tri tri, bệnh"** (không biết mà cứ cho là biết, ấy là bệnh), người thường hay mắc phải cái tật này, tự làm khó chính mình, cứ tưởng học vấn mình rất giỏi, trí tuệ mình rất cao, không biết mà lại cố nói là biết, vốn chẳng hiểu gì mà lại tưởng mình thực sự đã hiểu, đây là một tật xấu rất lớn. Còn **"tri bất tri"** (biết mà cho là không biết), trí tuệ lên đến chỗ cao nhất, mọi việc đều đã thông suốt, nhưng tâm tình lại rất đạm bạc bình thản, chẳng khác gì một người bình thường không biết gì cả, đó mới là bậc trí tuệ cao nhất. Chúng ta dẫn hai câu này ra trước để giải thích, giờ quay trở lại xem chương này, sẽ hiểu rõ đạo lý trong câu Lão Tử nói "cổ chi thiện vi đạo giả, phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi".

Văn hóa chúng ta từng có một giai đoạn nạn mù chữ tràn lan, ở thôn quê chẳng mấy ai biết đọc biết viết, cả gánh chữ to như cái đấu cũng chẳng nhận ra nổi một chữ. Nếu hỏi có đi học chưa, người ta trả lời là học với "sư mẫu của Khổng phu tử", còn Khổng phu tử thì chưa từng dạy, đó là câu chuyện cười thời trước về những người chưa từng được đến trường. Thời ấy khắp nơi đều là người mù chữ, nên bắt buộc phải phổ cập tri thức. Phổ cập cho đến vài chục năm sau, tức là ngày nay, thì nền giáo dục tri thức trình độ cao thực sự vẫn chưa hoàn thành, chỉ mới nâng cao được hiểu biết phổ thông chung của quốc dân mà thôi. Nhưng tư tưởng chính trị thì lại nửa vời, cái gì cũng có vẻ như tiếp nhận hết. Mấy chục năm qua, chúng ta đã thấy chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa hư vô, chủ nghĩa tự do... hàng đống sách mỏng lén lút được nhét chuyền tay nhau, nhiều người lén đọc, tất cả đều sống trong một thời đại hỗn loạn như thế, trong nỗi khổ đau như thế. Điều này cũng khiến chúng ta nhớ đến câu Lão Tử nói "cổ chi thiện vi đạo giả, phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi".

Cảm nghĩ này của Lão Tử cũng đúc kết từ kinh nghiệm lịch sử. Điều chúng ta cần chú ý là Lão Trang cũng như Khổng Mạnh đều sinh ra trong thời đại loạn lạc biến động của lịch sử, họ liên tục trải qua một hai trăm năm biến loạn, còn đau khổ hơn cả những biến động chúng ta đang gặp ngày nay. Thật ra chiến loạn thời Xuân Thu Chiến Quốc kéo dài đến bốn trăm năm, không ai chịu nổi. Nhìn lại lịch sử văn hóa các nước trên thế giới cũng vậy, mọi trào lưu tư tưởng sở dĩ phát triển, phổ biến và bừng nở đều là ở những thời đại cực kỳ loạn lạc, cực kỳ đau khổ.

Tư tưởng chư tử bách gia của văn hóa Trung Quốc, các trước tác học thuật của từng nhà nở rộ nhất chính là ở giai đoạn Xuân Thu Chiến Quốc này. Bởi xã hội loạn lạc, khổ đau đã thúc đẩy con người suy tư triết học, đi tìm cho ra bí ẩn của vũ trụ nhân sinh: vì sao trời sinh ra con người? Vì sao con người lại tàn nhẫn đến thế? Lại quấy phá đến thế? Lại khổ đau đến thế? Truy tìm cho tới cùng đạo lý, mỗi nhà có kiến giải riêng của mình, từ đó hình thành nên sự phát triển rực rỡ của tư tưởng học thuật. Trong lịch sử văn hóa, thời đại ấy của nước ta là một thời đại huy hoàng rực rỡ, trăm nhà đua tiếng, tư tưởng của các nhà dù chính hay phản, dù đủ loại hỗn tạp, đều có chung mục đích là cứu nước cứu dân, thậm chí cứu cả thiên hạ, mỗi luồng tư tưởng đều tạo thành một môn học thuật riêng.

Nhưng đứng trên góc độ lịch sử mà nhìn thì thời đại thảm khốc ấy, biết bao sinh mạng, mồ hôi và máu của con người phải hy sinh mới kích thích được đầu óc con người, mới sinh ra học thuật và tư tưởng của các nhà. Cái giá ấy

quá lớn, được đổi bằng vô số sinh mạng sống động thực sự. Bởi Lão Trang, Khổng Mạnh đều sinh ra trong một thời đại như thế, nên khi đọc sách của họ, trước hết phải thực sự hiểu được bối cảnh thời đại của họ; khi cầm cuốn sách này trong tay, nên biết đây là cuốn sách ra đời trong đau khổ, không giống như chúng ta ngồi trong phòng máy lạnh, đến ruồi muỗi cũng chẳng có, một thời đại tiện nghi sạch sẽ không chút bụi bặm. Chính vì vậy Lão Tử mới nói với chúng ta "dân chi nan trị, dĩ kỳ trí đa", xã hội, quốc gia, thiên hạ sở dĩ hỗn loạn chính là vì ý kiến quá nhiều. Tri thức càng phổ cập thì ý kiến càng nhiều, từ đó hình thành sự hỗn loạn của xã hội, của cả thế giới.

"Dĩ trí trị quốc, quốc chi tặc" nói về đạo đức tư tưởng của người lãnh đạo. Khi tư tưởng xã hội rối loạn, cách duy nhất là không chơi trò khôn vặt, mà phải hết sức thành thật. Tôi vẫn thường nói, sau mấy chục năm được giáo dục lịch sử như vậy, kết quả là ai ai cũng chơi khôn, tính toán, dùng thủ đoạn, người sau lợi hại hơn người trước. Thế hệ trẻ lại càng thông minh hơn, lợi hại hơn, cũng rắc rối hơn thế hệ già, tất cả đều đạt đến mức cực điểm. Về sau, người thực sự thành công nhất định phải là người thành thật, vì ai cũng giảo hoạt cả rồi nên người thật thà ngược lại được hoan nghênh. Cho nên Lão Tử mới nói, "dĩ trí trị quốc, quốc chi tặc, bất dĩ trí trị quốc, quốc chi phúc".

Từ Thương Ưởng đến Lưu Bang đến thịnh trị Văn-Cảnh

"Tri thử lưỡng giả diệc khải thức, thường tri khải thức, thị vị huyền đức" (biết hai điều này cũng là một khuôn mẫu, thường biết khuôn mẫu ấy thì gọi là huyền đức), khi đọc sách Lão Tử, chúng ta không thể tùy tiện chộp lấy một câu hay một đoạn ở giữa rồi cho đó chính là tư tưởng của Lão Tử. Đọc bất cứ sách nào cũng phải hiểu thấu suốt toàn bộ mới tìm ra được trọng tâm thật sự của nó. Nhìn bề ngoài, có thể cho rằng Lão Tử chủ trương chính sách ngu dân, mong dân chúng không có trí tuệ để dễ cai trị, nhưng đó không phải là ý của Lão Tử. "Dĩ trí trị quốc, quốc chi tặc; bất dĩ trí trị quốc, quốc chi phúc. Tri thử lưỡng giả", hai đầu đạo lý này, một đầu là trí xảo, một đầu là ngu độn, **"diệc khải thức"** (cũng chỉ là một khuôn mẫu), đây chẳng qua giống như một công thức, một nguyên lý trong khoa học ngày nay mà thôi. "Thường tri khải thức" là phải luôn hiểu rõ đây chỉ là một công thức; "thị vị huyền đức", mới thực sự hiểu được tiêu chuẩn chính trị cao nhất trong lịch sử, tiêu chuẩn đạo đức cao nhất của chính trị.

Trước đây khi bàn về sách Mạnh Tử, tôi từng nhắc tới việc nước Tần thời Chiến Quốc, trải qua chừng một hai trăm năm nỗ lực, đến thời Tần Thủy Hoàng thì hình phạt hà khắc, luật pháp nghiêm ngặt đến mức không thể ngặt hơn được nữa. Vào đời trước Tần Thủy Hoàng, sau khi Thương Ưởng biến pháp, việc quản lý bằng pháp chế trở nên rất tốt, nước giàu binh mạnh. Về sau, do biến động chính quyền, sau khi Thương Ưởng thất thế, ông phải chạy trốn khỏi nước Tần, đến cửa ải lại không có giấy thông hành qua ải; quan giữ ải nói, luật pháp nước Tần của chúng tôi là do chính tể tướng Thương Ưởng đặt ra, không có giấy thông hành thì ai cũng không được phép qua. Thương Ưởng tự gây ra nghiệp chướng của chính mình đành phải tự gánh chịu, bị bắt giải về chịu hình phạt ngũ mã phanh thây. Những người thi hành hình phạt hà khắc, luật pháp nghiêm ngặt rốt cuộc kết cục đều rất thảm.

Thời Hán có một số viên quan tàn khốc, sách sử dùng bốn chữ để hình dung họ: vận dụng luật văn một cách hà khắc, chu đáo gán ghép tội trạng cho người ta. Họ căn cứ vào các điều khoản luật pháp, chỉ lấy phần diễn giải nghiêm khắc nhất để xử lý vụ án. Ví dụ, luật pháp quy định phạm tội thì xử phạt từ sáu tháng đến hai năm, trong đó có khoảng co giãn, có thể châm chước nới nhẹ; nhưng những kẻ chuyên "gán ghép chu đáo" ấy lại lục lọi đủ loại án lệ, điều khoản, thậm chí cả những quy định chẳng liên quan trực tiếp gì đến vụ án, rồi lấy ý riêng của mình mà nhất quyết bắt một vụ án đáng lẽ chỉ phạt sáu tháng phải chịu án một năm. Họ lôi kéo người ta vào phạm vi phạm tội một cách rất tỉ mỉ, chu đáo, đó chính là cách làm thường thấy của những viên quan tàn khốc.

Trong sách giáo khoa trung học của chúng ta có bài "Lý Lăng đáp Tô Vũ thư". Lý Lăng nói mình không dám trở về, vì những viên thư lại chuyên bẻ cong ngòi bút ấy chỉ ngồi bàn giấy múa bút, chẳng hề biết tình hình ngoài mặt trận ra sao. Ông tuy đã thua trận, nhưng nếu một khi trở về, đứng trước pháp luật, bị những viên quan tàn khốc kia múa bút xoay chuyển văn tự, rất có thể bị bắt giữ, thế là hết đời, nên chẳng thà không về còn hơn. Từ đó có thể thấy, **"đao bút chi lại, lộng kỳ văn mặc"** (viên thư lại cầm bút múa chữ, xoay chuyển câu văn), đôi khi còn lợi hại hơn cả việc dùng dao giết người. Điều này cho thấy dưới một nền pháp chế thì ắt có thể sinh ra quan lại tàn khốc, mà đã có quan lại tàn khốc thì tự nhiên sẽ có kết cục hà khắc.

Hán Cao Tổ lật đổ chính quyền Tần Thủy Hoàng, vừa vào thành Hàm Dương liền lập tức **"ước pháp tam chương"** (giao ước ba điều luật với dân). Nói đơn giản, kẻ giết người phải đền mạng, cho nên luật lệ chỉ có ba điều: không trộm, không cướp, không giết, còn lại thì cứ xuê xoa cho qua. Việc này khiến dân chúng lập tức thấy dễ chịu hẳn. Nhà Tần trói buộc quá chặt, giờ nới lỏng ra thì ai cũng thấy nhẹ nhõm. Nhưng đến đầu đời Hán, chính lệnh lại quá lỏng lẻo, mãi đến sau thời Hán Văn Đế, Hán Cảnh Đế mới dần dần cần phải siết chặt lại. Nhìn lại lịch sử, nhà Thanh vào quan cũng vậy, từ thời Thuận Trị đến Khang Hy thì tương đối khoan hòa, đó là vì thiên hạ khi ấy chưa ổn định; đợi đến khi ổn định rồi, từ đời Càn Long, Gia Khánh trở đi mới dần dần siết chặt lưới pháp luật. Thật ra đạo lý chính trị cũng là một môn nghệ thuật, giống như đánh cá vậy, khi cá còn nhỏ thì lưới thả rộng một chút, để cá từ từ lớn lên; đến khi cá quá nhiều thì phải thu lưới lại. Cho nên khi kẻ gây rối quá nhiều thì lưới pháp luật phải siết chặt, chỉ cần nhấc nhẹ tay là đã lọt vào lưới ngay, chứ không có một phương pháp cố định bất biến nào cả.

Hiểu khuôn mẫu, biết biến thông

Trong văn hóa Trung Quốc, Pháp gia chủ trương pháp trị, Nho gia chủ trương lễ trị, Đạo gia theo đạo lý của Lão Tử thì chủ trương vô vi nhi trị. Những chủ trương này cũng giống như độc tài hay dân chủ của người thời nay, cùng với đủ loại tư tưởng tự do khác, chỉ có điều tất cả vẫn còn đang trong quá trình biến đổi. Thật ra chúng đều có lý, mà cũng đều không có lý cả, vì **"thử lưỡng giả diệc khải thức"** (hai điều này cũng chỉ là một khuôn mẫu), tất cả chỉ là một kiểu mẫu, một nguyên tắc mà thôi, cho nên thông minh và ngu độn cũng chỉ là hai đầu của cùng một khuôn mẫu. Con người đôi khi dùng thông minh quá độ thì sẽ mệt mỏi; lúc thoải mái nhất lại chính là lúc đầu óc không phải suy nghĩ gì cả. Có người cả đời như thể đầu óc chưa từng trưởng thành, ngu ngơ chậm chạp, nhưng bỗng một ý niệm sáng suốt lóe lên thì họ vui mừng khôn xiết. Vậy nên đây là hai cực đoan, không nên **"chấp nhất"** (chấp giữ một đầu), cứ khăng khăng bám vào một đầu là sai lầm ngay. Lão Tử muốn chúng ta hiểu rằng nguyên tắc không phải là thứ cứng nhắc, mà phải vận dụng linh hoạt, cho nên **"thường tri khải thức, thị vị huyền đức"** (thường biết khuôn mẫu ấy thì gọi là huyền đức), đây cũng chính là cách vận dụng đạo đức. Cũng giống như con dao của thầy thuốc, nhìn qua có vẻ khá tàn nhẫn, nhưng nhát dao ấy cắt xuống lại là để cứu người, cho nên cùng một con dao, có thể cứu người mà cũng có thể giết người. Sự phân biệt trí và ngu cũng phải nhìn từ góc độ này mới hiểu được chỗ khác nhau giữa chúng. Đây cũng chính là phải vận dụng linh hoạt; gọi là vận dụng linh hoạt cũng giống như thầy thuốc trị bệnh vậy, thời đại này mắc phải bệnh gì thì dùng phương pháp thích hợp với thời đại ấy mà chữa.

"Huyền đức thâm hĩ, viễn hĩ, dữ vật phản hĩ" (huyền đức sâu thẳm thay, xa xăm thay, cùng với vạn vật trở về), nhìn bề ngoài thì điều này dường như trái ngược với lẽ thường, sự lý, tình người thông thường. Một thời đại, khi mọi người đều điên cuồng theo đuổi một thứ gì đó, ví dụ theo đuổi dân chủ đến mức cuồng nhiệt, thì lúc ấy chính cái dân chủ đó lại trở thành vấn đề, có thể biến thành căn bệnh ung thư của lịch sử, chính trị, xã hội. Nhưng ngay lúc đó, nếu người lãnh đạo chính trị không dùng phương thức dân chủ nữa thì hậu quả sẽ rất nghiêm trọng. Cho nên nói, không thể đi ngược lại xu thế thời đại, mà phải có cách để uốn nắn cái bệnh trạng của thời đại ấy trở lại; sự vận dụng ở giữa đó

chính là nằm ở trí tuệ cao độ của bản thân mình. Vì vậy, kết luận phía sau chính là nói về đạo lý này: khi khéo léo vận dụng trí tuệ để xoay chuyển bệnh trạng của thời đại, thì "dữ vật phản hĩ", tức là nhìn có vẻ trái ngược với tình người sự lý thông thường; chính vì trái ngược như thế nên **"nhiên hậu nãi chí đại thuận"** (rồi mới đạt đến sự thuận lớn), mới có thể kéo cái mặt thái quá ấy trở về đúng đường chính đạo.

Triết học chính trị Trung Quốc luôn coi trọng đạo lý y học, đem đạo lý y học đặt ngang hàng bàn luận cùng nghệ thuật chính trị. Trong tiểu thuyết Tam Quốc Diễn Nghĩa, khi Gia Cát Lượng bàn luận chính trị ở Giang Đông, ông cũng lấy đạo lý y học ra làm ví dụ so sánh, cho nên về sau danh nho, đại tướng đời Tống là Phạm Trọng Yêm mới có câu danh ngôn **"bất vi lương tướng, tắc vi lương y"** (nếu không làm được vị tướng giỏi thì hãy làm một thầy thuốc giỏi). Một thanh niên lập chí thì phải trở thành người lãnh đạo cứu nước cứu thời, xoay chuyển vận mệnh lịch sử, nếu không thì cũng phải làm một thầy thuốc thực sự giỏi. Hai mục đích ấy đều là để cứu người, đó chính là đạo lý của câu "bất vi lương tướng, tắc vi lương y".

Hạ Kinh · Chương 66

Giang hải sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiện hạ chi, cố năng vi bách cốc vương.

Sở dĩ sông biển có thể làm vua của trăm khe suối, là vì nó khéo ở dưới, nên có thể làm vua của trăm khe suối.

Thị dĩ dục thượng dân, tất dĩ ngôn hạ chi;

Vì vậy muốn ở trên dân, ắt phải dùng lời tự đặt mình xuống dưới;

Dục tiên dân, tất dĩ thân hậu chi.

Muốn đứng trước dân, ắt phải lấy thân mình ở sau.

Thị dĩ thánh nhân xử thượng nhi dân bất trọng,

Vì vậy thánh nhân ở trên mà dân không thấy nặng nề,

Xử tiền nhi dân bất hại,

Đứng trước mà dân không thấy tổn hại,

Thị dĩ thiên hạ lạc thôi nhi bất yếm.

Vì vậy thiên hạ vui lòng đẩy lên mà không chán.

Dĩ kỳ bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh.

Vì không tranh giành, nên thiên hạ không ai có thể tranh giành được với họ.

Người lãnh đạo khiêm hòa, từ bi, lại không tranh giành

Những đạo lý này đều dựa trên nghệ thuật chính trị biến hóa quanh **"thượng trí hạ ngu"** (kẻ trên thông tuệ, kẻ dưới chất phác) đã bàn ở phần trước, đồng thời cũng là để nói rõ đế vương học, tức những nguyên tắc triết học của người lãnh đạo. Đây chính là phần mở rộng của chương 16 và chương 17 ở Thượng kinh.

"Giang hải sở dĩ năng vi bách cốc vương giả" (sông biển sở dĩ có thể làm vua của trăm khe suối) - sông biển bao gồm tất cả nước từ núi khe chảy về, trăm sông đều đổ về biển, biển có thể dung chứa mọi dòng nước nhỏ, nên mới gọi là biển. Lão Tử nhiều lần dùng biển để ví von, hình dung sự tu dưỡng học vấn, đạo đức, phẩm cách của một con người. **"Dĩ kỳ thiện hạ chi"** (vì nó khéo ở dưới) - vì biển cả là nơi thấp nhất trên đời, dung nạp đủ loại nước từ khắp nơi đổ về: nước ngọt, nước mặn, nước trong, nước bẩn, **"cố năng vi bách cốc vương"** (nên có thể làm vua của trăm khe suối), trở thành đại dương lớn nhất trên mặt đất. Đây là lẽ tự nhiên của vật lý, cho nên sự tu dưỡng của con người cũng phải như biển cả, có thể bao dung tất cả.

"Thị dĩ dục thượng dân" (vì vậy muốn ở trên dân) - muốn làm một người lãnh đạo, một người ở địa vị cao, thì **"tất dĩ ngôn hạ chi"** (ắt phải dùng lời tự đặt mình xuống dưới), ít nhất phải làm được điều nói năng không cay nghiệt, thái độ cũng phải hết sức khiêm nhường. Chúng ta đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần, tiểu thuyết lịch sử cũng từng viết, các hoàng đế Trung Quốc tự xưng là "quả nhân", "cô gia". Đến thời nhà Hán, người ta rất thích xưng "cô" gọi "quả", "cô" tức là "quả", "quả" tức là "cô". Người Quảng Đông mắng người khác là "cô hàn" hay "cô hàn quỷ" (kẻ cô độc, bần hàn), người bị mắng sẽ rất tức giận; còn các bậc tiên vương tự xưng "quả nhân", "cô gia" chính là khiêm tốn, ý nói trăm họ khắp nước, các vị đều tốt cả, chỉ riêng bản thân ta là kẻ xui xẻo. Giả sử hoàng đế thời xưa tự xưng là kẻ xui xẻo, thì dân chúng không dám tự xưng mình xui xẻo nữa. Lúc bấy giờ nếu dân thường tự xưng "cô gia", "quả nhân",

thì sẽ bị chém đầu, cho nên về sau trong văn hóa lịch sử, "cô" và "quả" trở thành những danh xưng riêng của bậc vua chúa.

Đây cũng là thái độ khiêm tốn toát ra từ **"tất dĩ ngôn hạ chi"** (ắt phải dùng lời tự đặt mình xuống dưới), ngụ ý rằng toàn thể trăm họ mới là chủ, còn ta, kẻ quả nhân này, chỉ là tôi tớ, là người ít đức, đến để làm việc thay cho các vị mà thôi. **"Dục tiên dân, tất dĩ thân hậu chi"** (muốn đứng trước dân, ắt phải lấy thân mình ở sau) - muốn lãnh đạo mọi người, bản thân phải đặt lợi ích của mình ra sau cùng. Câu này cần chú ý: các bạn trẻ đọc đến đây đừng hiểu lầm rằng khi đánh trận thì các vị xông lên trước, còn ta đứng sau cùng mà đánh. Câu này không có nghĩa như vậy, mà là chỉ việc đặt lợi ích của bản thân ra sau cùng. Lão Tử ở Thượng kinh đã từng nói **"hậu kỳ thân nhi thân tiên"** (đặt thân mình ra sau mà thân mình được trước) - khi có lợi ích, người lãnh đạo phải để người được lãnh đạo hưởng trước, còn lại mới đến phần mình; nếu không còn lại gì cũng không sao, ta không cần nữa. Còn khi gặp khó khăn, ta đi đối mặt trước, các vị lùi lại một bước phía sau, đó chính là nguyên tắc lãnh đạo, cũng là đạo đức của người lãnh đạo.

Cách làm và đạo đức của các bậc thánh nhân, các nhà lãnh đạo chính trị thời thượng cổ, chính là đạt được **"xử thượng nhi dân bất trọng"** (ở trên mà dân không thấy nặng nề) - tuy họ ở địa vị cao nhất, nhưng **"dân bất trọng"** (dân không thấy nặng nề). Điều này có nghĩa là dân chúng không cảm thấy bị đè nặng, không cảm thấy có áp lực. **"Xử tiền nhi dân bất hại"** (đứng trước mà dân không thấy tổn hại) - người lãnh đạo đứng ở vị trí đầu tiên, nhưng người thường không cảm thấy ông ta chiếm phần hơn, cũng không gây tổn hại gì cho mọi người. **"Thị dĩ thiên hạ lạc thôi nhi bất yếm"** (vì vậy thiên hạ vui lòng đẩy lên mà không chán) - vì thế, các bậc thánh quân minh vương trong lịch sử xưa được thiên hạ quy phục, đó là điều tự nhiên mà có.

"Dĩ kỳ bất tranh" (vì không tranh giành) - vì ông ta không tranh giành với ai, tức là bất cứ việc gì cũng không tranh giành. Chúng ta từng thấy các bạn trẻ viết bài về Lão Tử, nói rằng "bất tranh" của Lão Tử giống như chỉ cần nằm ườn trên giường là có thể trị được thiên hạ, tức là không cần động đậy gì cả, mọi thứ tự nhiên đến tay. Thực ra, cái "không tranh" của thánh nhân là không tranh giành về lợi ích: lợi ích thì để người khác lấy trước, việc xấu thì người khác không muốn làm, ông ta sẽ đứng ra đối mặt trước. Cái "không tranh" này là không tranh giành lợi lộc, chứ không phải là không làm việc gì. Vì đạo của thánh nhân là đặt mình ở vị trí không tranh giành, nên **"thiên hạ mạc năng dữ chi tranh"** (thiên hạ không ai có thể tranh giành được với họ) - trên đời không ai dám tranh giành với ông ta. Không phải là không dám tranh, mà là không muốn tranh, vì những gì ông ta nhận lấy đều là chuyện xui xẻo, cho nên người khác cũng chẳng đến giành làm gì. Đây chính là đạo lý triết học chính trị và nghệ thuật chính trị truyền thống từ thời thượng cổ.

Hạ Kinh · Chương 67

Thiên hạ giai vị ngã đạo đại, tự bất tiếu.

Thiên hạ đều nói Đạo ta lớn, dường như không giống với vật nào.

Phù duy đại, cố tự bất tiếu.

Chính vì lớn nên dường như không giống.

Nhược tiếu, cửu hĩ kỳ tế dã phù.

Nếu giống với vật nào, thì từ lâu đã nhỏ bé rồi.

Ngã hữu tam bảo, trì nhi bảo chi: nhất viết từ, nhị viết kiệm, tam viết bất cảm vi thiên hạ tiên.

Ta có ba bảo vật, giữ gìn lấy: một là từ ái, hai là tiết kiệm, ba là không dám đứng trước thiên hạ.

Từ, cố năng dũng; kiệm, cố năng quảng; bất cảm vi thiên hạ tiên, cố năng thành khí trưởng.

Từ ái nên mới dũng cảm; tiết kiệm nên mới rộng rãi; không dám đứng trước thiên hạ, nên mới thành lãnh đạo.

Kim xả từ thả dũng, xả kiệm thả quảng, xả hậu thả tiên, tử hĩ.

Nay bỏ từ ái mà chỉ chuộng dũng cảm, bỏ tiết kiệm mà chỉ chuộng rộng lớn, bỏ đứng sau mà chỉ chuộng đứng trước, thì chết vậy.

Phù từ, dĩ chiến tắc thắng, dĩ thủ tắc cố.

Ôi từ ái, dùng để chiến đấu thì thắng, dùng để giữ gìn thì vững.

Thiên tương cứu chi, dĩ từ vệ chi.

Trời muốn cứu ai, lấy từ ái để bảo vệ họ.

Chương này là lời giải thích trực tiếp cho chương 17 ở Thượng kinh.

Đạo của Lão Tử và ba bảo vật

"Thiên hạ giai vị ngã đạo đại" (thiên hạ đều nói Đạo ta lớn) - ông nói, người đời đều bảo rằng cái "đạo" mà ta giảng thì lớn lắm, bao trùm cả cái "đạo" mà tổ tiên người Trung Hoa từ xưa vẫn nói tới, **"tự bất tiếu"** (dường như không giống với vật nào), tức là nghe có vẻ không đúng lắm. **"Phù duy đại"** (chính vì lớn) - chính vì nó quá lớn, lớn đến mức không có bờ bến, sờ không thấy, nhìn không ra, **"cố tự bất tiếu"** (nên dường như không giống với vật nào), nghe có vẻ không đúng lắm. Người ta cười rằng cái "đạo" của chúng ta không giống một vật cụ thể nào cả, nói mãi mà chẳng ra được lý lẽ gì, nghe cả buổi mà không hiểu đang nói cái gì. Câu này nghe giống hệt cách nhà Phật giảng giải, lúc thì nói "có", lúc thì nói "không", nói đông nói tây, chẳng biết đang nói cái gì, nói đến mức trời đất cũng không lớn bằng nó. Đạo lớn, trời lớn, đất lớn, vua lớn, nghe rất hay, nhưng huyên thuyên cả buổi, rốt cuộc cái "đạo" ấy là gì thì vẫn không nói ra được lý lẽ nào. "Cố tự bất tiếu". Vì đạo thể siêu hình vốn quá vĩ đại, vượt lên trên cả hai tầng thế giới tinh thần và vật chất, mà con người lại luôn lấy thế giới vật chất và suy nghĩ tâm lý của bản thân để suy đoán về "đạo", cho nên càng nghĩ càng thấy không giống.

"Nhược tiếu, cửu hĩ kỳ tế dã phù" (nếu giống với vật nào, thì từ lâu đã nhỏ bé rồi) - may mà cái "đạo" này không giống bất cứ thứ gì, nếu nó giống với một vật cụ thể nào đó, thì đã chẳng còn vĩ đại chút nào nữa. Giả sử cái "đạo" này có thể nói ra thành lời, có thể để người ta nhìn thấy được, thì nó đã mất đi từ lâu rồi, cũng không còn là "đạo" nữa.

Nói mãi cả buổi, rốt cuộc "đạo" là gì, ông vẫn không nói ra được. Ông chỉ đành bảo với chúng ta rằng nó **"bất tiếu"** (không giống với vật gì), vẽ không ra, nói không được; nhưng ông vẫn "tiếu" theo một cách khác, tức là ông đã vẽ ra cho chúng ta một hình dáng nào đó.

"Ngã hữu tam bảo" (ta có ba bảo vật) - "ba bảo vật" mà Lão Tử nói tới, về sau Phật giáo phỏng theo văn hóa Trung Hoa, gọi Phật, Pháp, Tăng cũng là ba báu vật, tức "tam bảo". Cái tên gọi "tam bảo" này vốn là mượn từ Lão Tử, nhưng mượn lâu quá rồi không trả lại, cứ dùng thẳng cho đến tận bây giờ. Lão Tử cũng chẳng tính lãi, cứ để cho Phật giáo dùng luôn.

Lão Tử nói "ta có ba bảo vật", ai nắm được thì người đó có cách, ai giữ vững được thì được che chở phù hộ, thế là "công đức vô lượng". Câu "công đức vô lượng" này vốn xuất hiện sớm nhất trong Kinh Thư (Thượng Thư), sau này nhà Phật mượn dùng, cũng là mượn lâu mà không trả; rất nhiều chỗ khác cũng vậy, giống như chuyện Lưu Bị mượn đất Kinh Châu, mượn xong rồi cứ **"trì nhi bảo chi"** (giữ chặt lấy mà không buông).

Vậy "ba bảo vật" của Lão Tử là gì? Không phải Phật, Pháp, Tăng, mà là "một là từ ái, hai là tiết kiệm, ba là không dám đứng trước thiên hạ". Lão Tử chỉ cho chúng ta ba pháp bảo này, dù là làm người làm việc, dựng nghiệp lập công, trên thì bậc đế vương lãnh đạo cả thiên hạ, dưới thì làm chủ trong một gia đình, cũng đều không thể tách rời ba bảo vật này.

Bảo vật thứ nhất là "từ", đối với người với việc đều phải nhân từ, mà còn phải biết yêu thương người khác, ở đâu cũng yêu thương, ở đâu cũng nhân từ, đó là bảo vật thứ nhất.

Bảo vật thứ hai là "kiệm", theo tôi thấy, ai cũng cho mình là người rất tiết kiệm cả, ba người đi ăn cơm, đến lúc trả tiền thì móc túi mãi cả buổi mới ra, đó đâu phải là cái "kiệm" mà Lão Tử nói tới. Cái "kiệm" mà Lão Tử nói là chỉ sự tiêu hao tinh thần; lời nói, hành động, thời gian đều phải tiết kiệm, đều phải giản lược, nói năng không được dông dài, phải đơn giản rõ ràng. Cho nên một người khéo xử thế thì rất giản dị rõ ràng, đó cũng chính là cái đạo "vô vi" của Lão Tử, vì đã giản lược đến mức không còn thấy ông ta làm gì cả. Đương nhiên có người giản lược đến mức khiến người khác chẳng hiểu nổi, hỏi đúng hay sai, tốt hay không tốt, cũng chẳng nói một lời nào. Tôi bảo: anh nói đi chứ! Chỉ cần anh ta gật đầu một cái để biểu thị "đúng" hay "không đúng" là được rồi. Kiểu này thì giống như giản lược đến mức vô vi, đến mở miệng cũng lười. Cũng có người tính cách như vậy, tiết kiệm quá mức, thì cũng không đúng. Nhưng dù sao vẫn còn hơn là không biết giản lược.

Bảo vật thứ ba là "không dám đứng trước thiên hạ", câu này không có nghĩa là tự cam chịu sa đọa, thấp kém. Chẳng hạn tôi có một người bạn, hai vợ chồng đều rất hiếu khách, nhà lúc nào cũng đông khách khứa, có lần tôi đến, nhà anh đã chật ních khách, không còn chỗ ngồi, tôi không cần anh ra tiếp đón, cứ tự lên gác, bảo người giúp việc nấu cho một bát mì nhỏ ăn là xong. Có lần anh ấy bảo tôi, ông học Phật giỏi thật đấy, sau này chẳng cần niệm Phật cũng sẽ lên trời thành Phật!

Tôi hỏi anh ấy ý là gì, anh nói, chỉ cần nhìn cách ông đến nhà tôi là thấy rõ rồi! Ông vừa thấy đông người là lên gác ngay, lại không cần tôi tiếp đón, tùy tiện ăn một bát nhỏ là xong, thái độ như vậy đã đủ tư cách thành Phật rồi. Nhưng tôi cũng rút ra được một kinh nghiệm sâu sắc: làm khách thì nhất định phải đến sớm, để khỏi phiền chủ nhà phải chờ đợi lâu; đến nơi rồi, thấy đông người không đủ chỗ ngồi, dù bụng đang đói cũng phải tỏ ra như mình đã ăn rồi; hoặc viện cớ còn có việc phải đi nơi khác, cảm ơn chủ nhà rồi cáo từ. Ai làm được hai điều công đức này, không cần niệm Phật cũng chắc chắn được vãng sinh về Tây phương. Người Trung Quốc có câu ngạn ngữ: **"kiến quan mạc tại tiền, tố khách mạc tại hậu"** (gặp quan chớ đứng trước, làm khách chớ đến sau), kiện tụng thì đừng đứng ở hàng đầu, làm

khách thì đừng đến muộn, người ta ăn xong rồi mình mới tới thì còn gì khó xử hơn! Cho nên làm khách thà đến sớm còn hơn. Khi làm khách, nên nhớ lấy "không dám đứng trước thiên hạ"; mặt trái của câu này dĩ nhiên là "đứng trước thiên hạ", tức là đến sớm nhất, nhưng không phải để tranh ăn món ngon, tranh uống rượu ngon trước tiên.

Vậy "không dám đứng trước thiên hạ", có phải là nên đứng sau cùng thiên hạ hay không? Cũng không được, cho nên cái mà Lão Tử nói tới vẫn là đạo trung dung. Một việc gì đó, nếu trí khôn quá mức, nói năng quá ít, cứ đi theo sau người khác, rốt cuộc chẳng được gì cả. Cho nên, đã "không dám đứng trước thiên hạ", thì cũng không thể đứng sau cùng thiên hạ, phải làm sao cho vừa đúng chừng mực thì mới thành công.

Người ta thường nghiên cứu lịch sử, nhất là thích bàn về lịch sử thời Tần Hán. Đầu tiên là Trần Thắng, Ngô Quảng dựng cờ khởi nghĩa, đứng trước thiên hạ, tiếp đó là Hạng Vũ, cũng đều đứng trước thiên hạ. Nhưng những người đứng trước thiên hạ ấy rồi đều thất bại trên trường lịch sử, còn Hán Cao Tổ Lưu Bang, không trước không sau, lại thành công; kẻ đến sau cùng thì lại không kịp nữa. Ngay cả Chu Nguyên Chương nổi lên cũng là không trước không sau, xuất hiện ở khoảng giữa. Cho nên, đừng hiểu sai mà cho rằng "không dám đứng trước thiên hạ" thì nên đứng sau cùng thiên hạ, đứng sau cùng quá thì cũng chẳng có phần gì cả, phải đứng vừa đúng ở giữa thiên hạ, vừa đúng chừng mực. Nhưng điều này thì khó thật, cho nên mới nói **"vận dụng chi diệu, tồn hồ nhất tâm"** (cái khéo léo của việc vận dụng là ở một tấm lòng), nguyên tắc thì đã nói hết rồi, còn đời người vận dụng ra sao, sáng tạo ra sao, làm việc ra sao, là tùy thuộc vào trí tuệ của mỗi người. Đó chính là "ba bảo vật" mà Lão Tử nói tới: "từ, kiệm, và không dám đứng trước thiên hạ".

Chính Lão Tử ở đây lại giải thích thêm về đạo lý của "ba bảo vật". Thứ nhất là "từ", ông nói **"từ cố năng dũng"** (từ ái nên mới dũng cảm) - một người thực sự có được lòng nhân từ, mới có được cái đại nhân đại dũng, có tấm lòng yêu thương cả thiên hạ, mới có được cái dũng khí hy sinh bản thân; có lòng nhân từ thật sự thì mới có cái dũng thật sự lớn lao, còn lòng nhân từ nhỏ nhặt thì không có gan thật sự. Đương nhiên, cái "từ" mà ông nói tới ở đây là lấy cả thiên hạ làm đối tượng, là cái "đạo" theo nghĩa lớn; "đạo" của Lão Tử là đại đạo của thiên hạ, không phải kiểu nhân nghĩa nhỏ nhặt, mềm yếu như tấm lòng đàn bà.

"Kiệm cố năng quảng" (tiết kiệm nên mới rộng rãi) - vì biết giản lược, nên khi phát huy ra mới có thể rộng lớn. Ví như một người, nếu không biết giản lược bản thân, việc gì cũng làm quá phức tạp, dông dài, mà sức lực con người vốn có hạn, nên phần dùng được sẽ không thể rộng lớn. Cho nên biết giản lược, mới có thể rộng lớn được.

"Bất cảm vi thiên hạ tiên, cố năng thành khí trưởng" (không dám đứng trước thiên hạ, nên mới thành lãnh đạo) - vì không muốn đứng trước thiên hạ, ngay từ đầu mọi việc đã có ý nghĩ như vậy, nên mới có thể thành "khí", thành người lãnh đạo của mọi việc mọi người. Đúng như câu thơ nổi tiếng của nhà thơ Cung Định Am đời Thanh: **"đãn khai phong khí bất vi tiên"** (chỉ mở ra một trào lưu, chứ không tranh đứng đầu). Hồ Thích Chi thường hay dẫn câu này làm chuẩn mực xử thế. Có lẽ Hồ Thích Chi chịu ảnh hưởng rất lớn từ Cung Định Am, nhưng câu ấy cũng chỉ là mở ra một trào lưu mà thôi, tức cũng chính là ý nghĩa của "không dám đứng trước thiên hạ". Chữ **"tiên"** (trước) ở đây không phải là người khởi xướng, mà là đứng ở vị trí trước mặt mọi người, đó mới là hàm nghĩa của **"vi tiên"** (đứng trước). Nếu có thể làm được "không đứng trước thiên hạ", thì mới có thể làm cho mọi sự vật lớn lên, **"thành kỳ khí trưởng"** (thành người đứng đầu, dẫn dắt), đây chính là chỗ quan trọng nhất của triết học lãnh đạo.

"Kim xả từ thả dũng" (nay bỏ từ ái mà chỉ chuộng dũng cảm) - chữ **"kim"** (nay) ở đây, xét về khái niệm thời gian, không phải chỉ năm nay, hôm nay theo nghĩa hiện tại, mà là chỉ thời đại của chính ông lúc bấy giờ, chỉ những bậc quân vương thời ấy cùng hiện trạng phong khí xã hội đương thời. Người thời đó phần lớn không còn tinh thần nhân từ

thật sự, bỏ mất lòng từ ái, chỉ biết ham chuộng dũng mãnh để xâm lược, thống trị người khác. Thời Chiến Quốc, cái cảnh chiến tranh tàn khốc, bạo ngược ấy, đều là từ đó mà ra.

"Xả kiệm thả quảng" (bỏ tiết kiệm mà chỉ chuộng rộng lớn) - trạng thái tâm lý của con người không những mất đạo đức, mà cũng không còn giản lược, dục vọng lại càng ngày càng lớn, càng rộng.

"Xả hậu thả tiên" (bỏ đứng sau mà chỉ chuộng đứng trước) - đặt lợi ích cá nhân lên trên hết, **"tử hĩ!"** (chết vậy!) - chỉ một chữ "chết" thôi, là đủ nói lên thời đại ấy đã đến hồi cáo chung, "tử hĩ" chính là lời phê phán của Lão Tử đối với thời đại của chính ông.

Nói đến "ba bảo vật" của Lão Tử, tôi cũng nghĩ đến những người trẻ ngày nay theo nghiên cứu Phật, Đạo, tập ngồi thiền, học thiền, phần nhiều cũng cùng một đạo lý như vậy: trong lòng không thực sự phát khởi được tâm từ bi, không thực sự làm được sự giản lược; bản thân tuy đang học Phật, nghiên cứu thiền, nhưng dục vọng của bản thân lại lớn vô cùng, vừa muốn có thiên nhãn thông, lại vừa muốn có thiên nhĩ thông. Kết quả là thiên nhãn thông không thông được, thiên nhĩ thông cũng không thông, muốn ngồi thiền nhập định thì hai chân tê dại sưng đau, đến đi lại cũng không nổi, đó chính là không làm được cái "kiệm".

"Kiệm" tương đương với cái mà nhà Phật gọi là "buông xuống", tức là đạo lý thoát khỏi mọi dục vọng, làm cho mọi thứ trở nên trống rỗng. Nhưng Lão Tử không bàn tới "không" hay "vô", ông chỉ nói tới "giản lược" mà thôi, bởi vì cái "không" tuyệt đối và cái "vô dục" tuyệt đối, người thường khó lòng làm được, cho nên Lão Tử chỉ dạy chúng ta **"thanh tâm quả dục"** (giữ lòng trong sáng, ít ham muốn). Nhà Phật hễ mở miệng là nói "vô dục", hoàn toàn không còn dục vọng, điều đó rất khó làm được, vì ngay cả việc mong thành đạo cũng đã là một dục vọng rồi! Muốn khai ngộ lại càng là một dục vọng lớn. Cho nên nói, Lão Tử chỉ có thể dạy người ta "thanh tâm quả dục", mà **"quả dục"** (ít ham muốn) cũng chính là một phần tu dưỡng của "đạo" vậy.

Vị chủ soái đánh đâu thắng đó

"Phù từ, dĩ chiến tắc thắng, dĩ thủ tắc cố. Thiên tương cứu chi, dĩ từ vệ chi." (Ôi từ ái, dùng để chiến đấu thì thắng, dùng để giữ gìn thì vững. Trời muốn cứu ai, lấy từ ái để bảo vệ họ.) Câu này chỉ ra tầm quan trọng của lòng từ bi. Chúng ta biết rằng cái gọi là "tam gia" trong văn hóa Trung Hoa, trước thời Tần Hán là Nho gia, Đạo gia, Mặc gia; sau thời Đường Tống thì "tam gia" lại là Phật, Đạo, Nho. Dù văn hóa Trung Hoa nói thế nào đi nữa, thì vào lúc Lão Tử viết sách này, Phật giáo vẫn chưa truyền vào Trung Quốc, Phật giáo phải đến vài trăm năm sau khi sách Lão Tử ra đời mới truyền vào. Nhưng ngay từ thời Lão Tử, khái niệm từ bi đã sớm được nêu lên tầm quan trọng của nó. Về sau Phật giáo truyền vào Trung Quốc, một mặt gắn chặt với tư tưởng Lão Trang, một mặt gắn chặt với tư tưởng Khổng Mạnh, như keo dán cực mạnh dính chặt vào nhau. Nguyên nhân chủ yếu là có quá nhiều quan niệm tương đồng, tự nhiên đã đúc nên một nền tảng lớn lao chung cho văn hóa phương Đông. "Từ bi" là nền tảng quan trọng nhất của nhà Phật, nhưng người thực sự khởi xướng nói tới điều này trước tiên lại là Lão Tử. Lão Tử nói, chỉ có lòng từ bi thật sự, thì chiến tranh mới không thất bại, luôn đánh đâu thắng đó.

Nếu chúng ta không nghiên cứu kỹ triết học quân sự, không nghiên cứu kỹ binh pháp, thì đối với câu nói của Lão Tử rằng lòng từ bi sẽ giúp đánh thắng trận, chắc chắn sẽ thấy kỳ lạ. Người Trung Quốc có hai câu nói xưa: **"từ bất tương binh, nghĩa bất chưởng tài"** (người từ bi không thể cầm quân, người hào phóng không thể quản lý tài chính), người từ bi thì không thể cầm quân, người hào phóng thì không thể nắm giữ tiền bạc, vì túi tiền của họ quá lỏng lẻo, hễ thấy ai đáng thương là đem tiền ra làm việc thiện ngay.

Nhưng vì sao Lão Tử lại nói **"phù từ dĩ chiến tắc thắng"** (ôi từ ái, dùng để chiến đấu thì thắng)? Điều này phải nghiên cứu sâu về triết học quân sự, phải am hiểu thấu đáo binh pháp, mới hiểu được cái cao siêu, vĩ đại và quan trọng trong tư tưởng của các nhà binh pháp. Về tư tưởng triết học quân sự của Trung Quốc, ngoài Lão Tử ra, còn có Tôn Tử ở phía sau. Tôn Tử có thể coi là nhà tư tưởng quân sự đầu tiên của Trung Quốc, quân đội các nước trên thế giới, kể cả trường Lục quân của Liên Xô, cũng đều bắt buộc phải nghiên cứu Tôn Tử binh pháp.

Dân tộc đất nước chúng ta, trên có Lão Tử (ông), dưới có Tôn Tử (cháu), ở giữa có "Nghê Tử" - Nghê Tử chính là Nhi Tử (con), đây đều là những đề tài nghiên cứu văn hóa mà cả thế giới đều để tâm tới.

Người học quân sự nói chung rất ít khi nhắc tới chữ "từ", lại càng ít nói tới việc "từ" có thể giúp đánh thắng trận; nhưng trong Tôn Tử binh pháp lại có nhắc tới chữ "nhân". Trong văn hóa Trung Hoa, "từ" và "nhân" đôi khi là những từ đồng nghĩa, chỉ là hai cách gọi khác nhau, do thời đại khác nhau, cách diễn đạt ngôn ngữ văn tự khác nhau mà thôi. Bậc đại trượng phu nếu không có lòng nhân ái, không có lòng yêu thương cả thiên hạ, thì không thể làm đại tướng được. Ít nhất, khi dẫn dắt thuộc hạ của mình, nếu không có lòng từ ái, không xem thuộc hạ như con em của chính mình, thì không thể nào đánh trận được.

Trong lịch sử chiến tranh Trung Quốc, người ta đều đề cao thứ gọi là **"tử đệ binh"** (quân con em) của riêng mình, gọi là "tử đệ binh" tất nhiên không phải toàn là con em ruột thịt, mà là thuộc hạ của mình, nhưng đều được xem như con em của chính mình. Trong lịch sử, tám nghìn tử đệ binh của Hạng Vũ đều là người cùng quê với Hạng Vũ, Hạng Vũ đối với thuộc hạ vốn rất nhân từ, chỉ có điều tính khí quá nóng nảy mà thôi. Nhưng đến trận Ô Giang thất bại, thì cả tám nghìn tử đệ binh ấy không một ai đầu hàng. Điều này cho thấy Hạng Vũ dẫn dắt thuộc hạ quả thực rất tài giỏi. Thời ấy dân số ít hơn bây giờ rất nhiều, mà ông có được tám nghìn tử đệ binh, thực sự là một con số khổng lồ. Hơn nữa, tám nghìn người ấy, khi thua trận không một ai đầu hàng, điều đó chắc chắn không phải là ngẫu nhiên.

Lại như năm trăm tử đệ binh của Điền Hoành, khi người lãnh đạo tử trận, thì tất cả đều tự sát theo, không sót lại một ai. Điều này cho thấy, dẫn dắt thuộc hạ nếu không có lòng nhân từ thật sự, không thực sự làm được như cha mẹ yêu thương con cái, thì sẽ không có được kết quả như vậy. Không chỉ trong việc cầm quân đánh trận mới như thế, mà ngay cả lãnh đạo một cơ quan, lãnh đạo một nhà máy, một công ty, đối với thuộc cấp cũng nên như vậy.

Nhưng lòng nhân từ đây không phải là kiểu bế ẵm một đứa trẻ con, hễ trời mưa là vội bế nó lên, trời nóng là vội cởi bớt áo cho nó. Nhân từ ở đây là sự giáo dục thật sự, sự thương yêu chăm sóc thật sự, đúng là đúng, sai là sai, rõ ràng dứt khoát. Cho nên mới có thể "dĩ chiến tắc thắng, dĩ thủ tắc cố", khi không tác chiến mà ở vào thời kỳ phòng thủ, thì đó chính là sự đoàn kết vững chắc, muôn người như một.

Trong văn hóa Trung Hoa có một thành ngữ, **"thiên tâm nhân ái"** (lòng trời nhân ái) - tức là cái tâm của trời đất, sinh sôi không ngừng nghỉ. Vậy cái tâm của trời đất nằm ở đâu? Trời đất vốn không có tâm, không nhìn thấy một quả tim nào cả, cũng không thấy một tư tưởng nào cả, nhưng cái tâm của trời đất lại thể hiện ra ngay trên vạn vật, nó sinh sôi không ngừng nghỉ. Sinh mệnh của vạn vật đều nương vào trời đất mà sinh ra, đó chính là "thiên tâm nhân ái", cho nên mới nói "thiên tương cứu chi, dĩ từ vệ chi". Khi một người thực sự đạt tới mức lòng từ bi tràn đầy ở bên trong, thì trời đất tự nhiên sẽ che chở phù hộ cho người ấy. Cái "trời" ấy, gọi là Thượng Đế cũng được, gọi là Bồ Tát cũng được, thậm chí gọi là quỷ thần cũng được, đều đang bảo vệ bạn, bảo vệ vạn vật.

Hạ Kinh · Chương 68

Thiện vi sĩ giả bất vũ; thiện chiến giả bất nộ;

Người giỏi làm sĩ không võ trang; người giỏi chiến đấu không nóng giận;

Thiện thắng địch giả bất dữ; thiện dụng nhân giả vi chi hạ.

Người giỏi thắng địch không đối đầu trực tiếp; người giỏi dùng người tự đặt mình dưới họ.

Thị vị bất tranh chi đức, thị vị dụng nhân chi lực,

Đó gọi là đức của không tranh giành, gọi là sức mạnh của việc dùng người,

Thị vị phối thiên, cổ chi cực.

Gọi là phối hợp với trời, cực điểm của người xưa.

Chương này là sự mở rộng tiếp nối cho chương mười tám, chương mười chín ở Thượng kinh. Đọc sách xưa không thể làm như kiểu làm bài thi trắc nghiệm đúng sai hay điền vào chỗ trống ngày nay, cứ tùy tiện bắt lấy một câu rồi giải nghĩa; phải nối liền trước sau mà đọc thì mới hiểu thấu, đọc thông được.

Tinh thần và sự tu dưỡng của võ sĩ

"Sĩ", theo cách nhìn của chúng ta ngày nay thì là người có học, đại diện cho tầng lớp trí thức, những người được giáo dục. Tôi từng nói trong "Luận Ngữ biệt tài" rằng, dưới chế độ chính trị thời thượng cổ, trong xã hội nông nghiệp, ở các làng xóm địa phương, cứ mười thanh niên thì chọn ra một người để lo việc công, mưu cầu phúc lợi cho mọi người, người được chọn ra ấy gọi là "sĩ". Kẻ sĩ thời cổ phải học cả văn lẫn võ, theo đạo lý **"chỉ qua vi vũ"** (dừng giáo mác lại mới là võ), cầm vũ khí để bảo vệ đất nước nên phải học võ. Còn về mặt văn, thời ấy việc giáo dục đều do nhà nước phụ trách, nên kẻ sĩ thời thượng cổ đều văn võ song toàn.

Đại diện tiêu biểu cho giới văn nhân là Khổng Tử, trên các bức họa Khổng Tử vẫn đeo kiếm bên mình, vì người có học thời xưa đều coi trọng cả văn lẫn võ, không thiên lệch bên nào. Còn một cách hiểu khác, chữ "sĩ" cũng đại diện cho "sĩ tốt", tức là những người trực tiếp tham gia chiến đấu, sau này sách xưa gọi là "hiệp khách". Ngoài ra, những người có võ công cao cường, thời xưa gọi là "tráng sĩ" hoặc "dũng sĩ". Lão Tử nói **"thiện vi sĩ giả bất vũ"** (người giỏi làm sĩ thì không phô trương võ lực), không phải nói rằng họ không biết võ công, mà là nói người dũng sĩ giỏi võ thì bình thường không có hành vi thô bạo. Việc huấn luyện quân sự ở nước ta cũng dạy rằng người quân nhân phải có tác phong tốt, không được có hành vi thô bạo, phải có sự tu dưỡng của kẻ "sĩ". Những người viết truyện võ hiệp ngày nay chưa chắc đã hiểu về võ công, lại càng ít người hiểu được sự tu dưỡng của chữ "sĩ", chỉ viết theo suy nghĩ riêng của mình, nên không hẳn đã chính xác.

Có một lần mọi người tụ họp, hầu hết các nhà văn nổi tiếng chuyên viết truyện võ hiệp đều có mặt, trong lúc trò chuyện vui vẻ, tôi nói đùa rằng các anh đừng viết bừa những chuyện mình không rành nghề như vậy có được không! Theo tôi biết, có những học sinh mê đọc truyện võ hiệp đến mức nhập tâm, còn bắt chước các thế võ được miêu tả trong truyện mà tập luyện, múa tay múa chân, tung quyền ra đánh, kết quả đến chiêu thứ hai thì hai người quay lưng vào nhau, cứ thế đấm loạn vào không khí. Lúc đó tác giả cuốn truyện ấy cũng có mặt, ông ta nói chúng tôi vốn không biết võ công, nên cứ viết bừa, nghĩ ra được từ nào hay nghe được thuật ngữ võ thuật nào là đưa hết vào truyện. Ông ta còn nói: "Bây giờ các danh xưng võ thuật đều đã viết hết cả rồi, đến cả công trình xây dựng cũng đem vào viết, rất

nhiều tên hóa chất cũng đưa vào, thật là chẳng còn gì để viết nữa.” Nhưng dù sao, họ viết truyện như vậy cũng coi như phục vụ được cho xã hội, vì dù có viết đến võ công cao siêu nhất, cũng không thấy xuất hiện hành vi thô bạo.

Khi đọc thiên “Thích khách liệt truyện” trong Sử Ký, Tư Mã Thiên đã viết về rất nhiều thích khách, người đầu tiên là Kinh Kha. Thái tử Đan nước Yên đi khắp nơi tìm thích khách để ám sát Tần Thủy Hoàng, những người có võ công đều không dám nhận lời, sau cùng mới tìm được Kinh Kha, lưu danh muôn thuở. Nhưng võ công của Kinh Kha, nếu đem so với truyện võ hiệp thì không phải là cao siêu gì, chỉ có điều ông rất có dũng khí. Lại có một bậc cao thủ thực sự khác là Cái Nhiếp, vốn là một hiệp khách, người nhỏ thó, lùn lùn, thân hình thô kệch nặng nề. Kinh Kha đến gặp Cái Nhiếp, xem thường ông ta vì lời nói không có uy, vẻ ngoài chẳng có gì đáng sợ, bèn đòi so tài võ công. Kinh Kha rút kiếm ra, dáng vẻ rất dữ tợn, râu tóc dựng đứng cả lên, mắt trợn tròn to như chuông đồng. Nhưng Cái Nhiếp chỉ đứng đó, hai tay khoanh lại, chỉ dùng ánh mắt nhìn chằm chằm vào ông ta, thế mà thanh kiếm của Kinh Kha lại không rút ra được, đành phải tra kiếm vào vỏ, quay người bỏ đi. Vì vậy, đoạn Tư Mã Thiên miêu tả Kinh Kha trong Sử Ký chỉ vỏn vẹn một câu: “không được”. Bởi vì cái thần của Kinh Kha chưa luyện tới nơi tới chốn, cái thần của Cái Nhiếp chỉ cần phủ lên, tức chỉ cần liếc mắt một cái, đã khiến Kinh Kha mất hết tinh thần, nên vũ khí của ông không thể rút ra nổi. Vì vậy, đọc xong “Thích khách liệt truyện” và “Du hiệp liệt truyện”, rút ra kết luận, mới hiểu được ý nghĩa của câu **“thiện sĩ giả bất vũ”** (người giỏi làm kẻ sĩ thì không phô trương võ lực). Bậc đại dũng thực sự, người có võ công cao siêu, đều không hề để lộ ra hành vi thô bạo. Còn những kẻ vừa mới học judo, taekwondo được ba ngày, đã quấn một vòng da ở cổ tay, đứng đó ra vẻ hung hăng, như thể sắp lao vào đánh nhau đến nơi.

Câu thứ hai rất quan trọng: **“thiện chiến giả bất nộ”** (người giỏi chiến đấu thì không nóng giận) - làm một vị đại tướng quân, sự tu dưỡng của ông ta là ôn hòa, dường như không có tính khí nóng nảy, không dễ dàng nổi giận. Ông ta có trí tuệ cao độ, có trí tuệ thực sự, tức là có đầy đủ năng lực lãnh đạo ở tầm cao nhất của chiến lược, cho nên mới nói “thiện chiến giả bất nộ”.

Lấy tĩnh chế động, mượn lực dùng lực

“Thiện thắng địch giả bất dữ” (người giỏi thắng địch thì không đối đầu trực diện) - người giỏi thắng địch không cho địch thủ bất cứ cơ hội nào, không để lộ một sơ hở nào. Ví như vừa nãy nói tới người luyện võ công đến độ tinh thâm, như Cái Nhiếp chỉ cần đứng đó, kiếm của Kinh Kha đã không rút ra nổi, đó chính là “thiện thắng địch giả bất dữ”. Cái khí thế của Cái Nhiếp, Kinh Kha không có cách nào chống đỡ nổi, dù ông ta không hề động đậy, nhưng chính vì không động nên mới không có sơ hở. Nếu chỉ cần động là sẽ lộ ra sơ hở, dù cao siêu đến đâu cũng vậy, hễ động là có sơ hở, cho nên tĩnh như núi Thái Sơn thì mới không có sơ hở. Đạo lý triết học của sự bất động này, ứng dụng vào đời người, ứng dụng vào việc làm người làm việc, đều cần có trí tuệ cao độ mới thể hội được, không phải cứ đọc sách suông là làm được. Sách là do Lão Tử viết ra, không phải là học vấn kinh nghiệm của chính chúng ta, chúng ta phải biến những điều Lão Tử nói thành của riêng mình thì mới được.

“Thiện dụng nhân giả vi chi hạ” (người giỏi dùng người thì tự đặt mình ở dưới họ) - người giỏi làm lãnh đạo, cần có tư thế thấp hơn cả cấp dưới của mình mới tốt. Chữ **“hạ”** (dưới) ở đây không phải là không đứng ở trên, mà là thái độ khiêm nhường, không kiêu ngạo. Cái gọi là “hạ” ấy, chính là hành vi mà nhiều danh tướng trong lịch sử vẫn giữ, tức **“thân tiên sĩ tốt”** (thân mình đi trước binh lính). Bất cứ việc gì nguy hiểm gian khó, tự mình xông lên trước, đó cũng chính là điều Lão Tử nói, mọi lợi ích thì để người khác lấy trước, còn khổ cực gian nan thì tự mình gánh chịu trước. Đó là đạo lý của “thiện dụng nhân giả vi chi hạ”, làm được như vậy rồi, mới hiểu được ý nghĩa thực sự của đạo đức, **“thị vị bất tranh chi đức”** (đó gọi là đức của không tranh giành). Nửa phần trên của sách Lão Tử bàn về “đạo”,

là đạo thể thuộc về hình nhi thượng, nửa phần dưới chuyên bàn về **"dụng"** (cách vận dụng), hiểu được "vi chi hạ" rồi, mới hiểu được đạo lý "vô vi", "bất tranh" mà Lão Tử nói tới.

"Thị vị dụng nhân chi lực" (đó gọi là sức mạnh của việc dùng người) - câu này có phải là một thủ đoạn không? Cũng có thể nói đó là một thủ đoạn thực sự lợi hại. Giỏi dùng sức của người khác, cũng chính là như Thái Cực quyền giỏi mượn lực của đối phương. Cách đánh của Thái Cực quyền không phải là so tài lực với người, mà là "dùng lực của người", mượn lực của đối phương để đánh lại đối phương. Trong đối kháng thông thường, đối phương đấm một quyền có năm mươi cân lực, mình ít nhất cũng phải có năm mươi cân lực mới chống đỡ nổi, thậm chí phải có sáu mươi cân, một trăm cân lực mới đánh bại được đối phương. Thái Cực quyền thì không như vậy, Thái Cực quyền "thị vị dụng nhân chi lực", đối phương đánh ra năm mươi cân lực, mình chỉ cần dùng một lạng sức để gạt đi là đủ. Đối phương dùng toàn thân lực đánh ra một quyền, mình chỉ cần né tránh, rồi dùng hai ngón tay kéo nhẹ một cái, lực ấy liền biến thành một trăm cân, khiến đối phương bị thương. Đó chính là mượn lực của đối phương, cái gọi là "dùng sức nhẹ bốn lạng để bẩy cả ngàn cân", cũng chính là đạo lý của "dụng nhân chi lực".

Có người cho rằng, Lão Tử quả thực rất thâm hiểm, đây là một thứ quyền thuật, không còn là đạo đức nữa. Kỳ thực không phải vậy, cái mà Lão Tử nói tới "dụng nhân chi lực" chính là mượn lực đánh lực để hoàn thành nguyện vọng chung của mọi người.

"Thị vị phối thiên" (đó gọi là phối hợp với trời) - đạo lý này ngàn vạn lần phải ghi nhớ, nếu không thì "dụng nhân chi lực" sẽ biến thành một thủ đoạn. Hành vi này phải lấy lòng nhân từ đạo đức làm nền tảng, hiểu được nguyên lý như vậy rồi mới xứng đáng với "phối thiên", vĩ đại ngang với trời. Trời có gì là vĩ đại? **"Thiên hà ngôn tai! Thiên hà ngôn tai!"** (Trời có nói gì đâu! Trời có nói gì đâu!) - lời Khổng Tử trong Luận Ngữ. Khi người ta mong trời mưa mà trời không mưa, trời cũng không phải vì người ta cầu xin mà làm theo, trời sinh sôi không ngừng nghỉ, đó là quy luật tự nhiên, là một đạo lý tất nhiên, đạo lý tất nhiên ấy cũng chính là nói lên sự sinh sôi không ngừng nghỉ. Chỉ có lòng nhân từ, hiểu được cái nhân từ này, tức đạo lý cho đi mà không đòi lại, mới hiểu được "cái dụng của đức" mà Lão Tử nói tới, nếu không thì sẽ học sai đường, biến thành thủ đoạn âm nhu. Vì vậy, ông thêm một câu nữa, **"cổ chi cực"** (cực điểm của người xưa), đây là nền văn hóa truyền thống của tổ tiên Trung Hoa từ thời thượng cổ, là nguyên tắc tối cao, không thể thay đổi. Vì nó đã cao đến cực điểm, nên nguyên tắc này không thể nào thay đổi được.

Dụng binh hữu ngôn: "Ngã bất cảm vi chủ nhi vi khách, bất cảm tiến thốn nhi thối xích."

Trong việc dùng binh có lời: "Ta không dám làm chủ (tấn công) mà làm khách (phòng thủ), không dám tiến một tấc mà lùi một thước."

Thị vị hành vô hành, nhương vô tý, chấp vô binh, nhưỡng vô địch.

Đó gọi là hành quân mà không có đội hình, vén tay áo mà không có cánh tay, cầm binh mà không có vũ khí, đẩy lui địch mà không có đối địch.

Họa mạc đại ư khinh địch, khinh địch cơ táng ngô bảo.

Họa không gì lớn hơn khinh địch, khinh địch gần mất ba bảo vật của ta.

Cố kháng binh tương gia, ai giả thắng hĩ.

Cho nên khi hai quân giáp trận, kẻ ai bi (thương xót) sẽ thắng.

Ứng dụng đạo đức trong binh pháp

Chương này Lão Tử dẫn binh pháp để nói rõ nguyên lý ứng dụng của đạo đức. Về sau, trong lĩnh vực triết học quân sự và vận dụng binh pháp, đoạn này của Lão Tử cực kỳ quan trọng, còn là một trong những trung tâm của tư tưởng triết học quân sự. Đoạn này không phải do chính Lão Tử sáng tác, ông tự nói rõ trong văn bản là **"dụng binh hữu ngôn"** (trong việc dùng binh có lời), tức là chép lại lời người xưa. Nhưng cũng có thể nói, đây là ông rút lấy tinh túy của văn hóa truyền thống tổ tiên, cho nên "dụng binh hữu ngôn" chính là công trình nghiên cứu về triết học quân sự của các bậc tiền nhân thời thượng cổ. Binh pháp này, xét trên phương diện triết học quân sự của cả thế giới, cũng được công nhận là cao nhất.

"Ngô bất cảm vi chủ nhi vi khách" (ta không dám làm chủ mà làm khách) - câu này có nghĩa là đại quân do mình thống lĩnh, bề ngoài trông như không chủ động, toàn là bị động ứng chiến. Nhưng nếu cứ bám sát câu chữ mà giải nghĩa thì sẽ bị chữ nghĩa đánh lừa, nghiên cứu triết học quân sự theo lối ấy là sai, còn mâu thuẫn với cách nói trong các binh thư khác nữa. Ở đây Lão Tử đang bàn về nghệ thuật chiến tranh, tức là triết học ứng dụng của chiến tranh, xem ra là không giành chủ động, tuyệt đối bị động. Nhưng thực ra ý là không chủ quan, không cố chấp thành kiến, mà là hoàn toàn khách quan. Đạo lý triết học ở đây là phải hiểu sâu hơn nữa tình thế khách quan thực sự.

Chủ động thực sự là giữ vững trung tâm không lay động, không bị hoàn cảnh chi phối, cho nên mới nói "không dám làm chủ mà làm khách". Tục ngữ có câu **"tri kỷ tri bỉ, bách chiến bách thắng"** (biết mình biết người, trăm trận trăm thắng), tùy theo tình thế khách quan mà hành động, không cố chấp theo cái chủ quan của riêng mình, trong lịch sử rất nhiều nhân vật nắm được đạo lý này mà thành công. Có người vận dụng đạo lý của đoạn này để khởi nghiệp mà thành công lớn, người làm ăn buôn bán phát tài lớn nhờ đó cũng không hiếm. Cho nên câu "không dám làm chủ mà làm khách" chính là biết khéo léo thích ứng với hoàn cảnh, nắm bắt nhịp đập của thời đại, nắm bắt mọi điều kiện, thuận theo xu thế tự nhiên của hoàn cảnh mà đạt tới thành công của chính mình.

"Bất cảm tiến thốn nhi thối xích" (không dám tiến một tấc mà lùi một thước) - đạo lý này về sau phát triển thành một câu danh ngôn: lấy lùi làm tiến. Triết học dùng binh cao nhất thời thượng cổ, thường không cầu tiến một tấc mà lùi một thước, lùi chính là tiến thật sự. Trong lịch sử chiến tranh của Trung Quốc có rất nhiều ví dụ hay, cố ý lui binh mà rốt cuộc lại thắng trận, từ đó sinh ra một nguyên lý chiến tranh: quân kiêu ắt bại. Nói chung, một đội quân đánh

đâu thắng đó, đánh đến cuối cùng thì mắt đỏ ngầu, đầu óc mê muội, miệng cười toe toét, tiếp theo là coi như xong đời. Có lúc địch cố ý dụ bạn, cố ý để bạn đánh trận nào thắng trận nấy, nuôi lớn cái khí kiêu ngạo khinh địch trong bạn, cái mà đối phương vận dụng chính là nguyên tắc "không dám tiến một tấc mà lùi một thước". Cứ để bạn thắng! Để bạn thắng đến mức mê muội đầu óc, rồi bất thần bao vây, thế là bạn tan tành cả.

"Bất cảm vi chủ nhi vi khách, bất cảm tiến thốn nhi thối xích" - hai câu này là binh pháp thời thượng cổ có trước cả Lão Tử, Lão Tử ở đây cũng chỉ là người chép lại lời người khác mà thôi. Trong cuốn Đạo Đức Kinh này, Lão Tử đã hai lần chép lại lời người xưa như thế, vốn dĩ xưa nay văn chương phần lớn đều mượn ý mượn lời của nhau cả, cũng chẳng có gì lạ. Ở Thượng kinh ông từng nhắc tới **"kiến ngôn hữu chi"** (lời xưa có nói), cái gọi là "kiến ngôn" chính là câu châm ngôn thời cổ của Trung Quốc. Lần thứ hai ông chép lại lời người xưa chính là "dụng binh hữu ngôn" ở đây, dẫn ra bốn câu lời của người xưa để nói rõ đạo lý của chính mình.

Đạo lý đạo đức mà Lão Tử giảng, chính là nghệ thuật sống. Người thực sự hiểu đạo đức chính là **"hành vô hành"** (hành động mà như không hành động), làm rồi coi như chưa từng làm. Cũng có nghĩa là, cái mà người Trung Quốc gọi là làm việc công đức tốt, không phải làm cho người khác thấy, mà là **"âm công tích đức"** (ngầm làm việc tốt, ngầm tích đức). Nền giáo dục xưa nay là làm việc tốt mà người khác không biết, thứ âm công ấy dần dần tích lũy lại, để lại cho đời sau, để lại cho con cháu; kỳ thực, cái để lại cho con cháu đời sau vẫn chính là sự giáo dục. Đạo đức thực sự của một người là không cầu người khác biết đến, cho nên "hành vô hành" chính là đạo vô vi.

Không đánh mà thắng, khinh địch ắt gặp họa

"Nhương vô tý, chấp vô binh, nhưỡng vô địch" (vén tay áo mà không có cánh tay, cầm binh mà không có vũ khí, đẩy lui địch mà không có đối địch) - đây phải hiểu bằng Thái Cực quyền mới rõ được. Thái Cực quyền đẩy đối phương ra mà đối phương vẫn không hay biết, đó mới là khéo vận dụng. Tay còn chẳng cần động đã đẩy được người ta ra rồi, chỉ có Thái Cực quyền mới làm được việc này; bằng, tễ, án (các thế tay của Thái Cực quyền), chỉ xoay một cái vặn một cái là đã hóa giải xong. Đây là công phu thật sự, cái đạo lý không nhìn thấy được, nên cũng không ai địch nổi. Đẩy được địch ra rồi mà người khác còn chưa kịp nhìn thấy bạn dùng thủ pháp gì, cũng chẳng biết vì sao mình bị đẩy ra, bị đánh bại, đây là nghệ thuật công phu cao nhất.

"Chấp vô binh", "binh" đây chính là vũ khí, tay cầm vũ khí mà bạn vẫn không nhìn ra hắn có vũ khí trong tay, tiểu thuyết võ hiệp bây giờ gọi đó là "kiếm thần vô ảnh", không có bóng, không nhìn thấy kiếm. Tiểu thuyết miêu tả có chú tiểu hòa thượng chuyên phóng kiếm vô ảnh, chỉ cần vung tay một cái, đầu đối phương đã rơi xuống, đến cả một tia sáng trắng cũng không thấy được, đó mới là lợi hại nhất, không cần vũ khí mà vẫn đánh gục được địch. Loại vũ khí vô hình này, cũng có thể nói chính là trí tuệ thông minh.

Đạo lý vừa nói ở trên, nói ra câu nào cũng sâu sắc, chúng ta ở đây chỉ nói đạo lý suông, nếu muốn khai triển thêm ba chữ này, ắt phải thêm vào kinh nghiệm lịch sử, dẫn chứng thật nhiều sự việc, mới nói rõ được đạo lý này. **"Hành vô hành"** (hành động mà như không hành động) mà ta đang thấy ở đây chỉ là bài văn mang tính triết học, cách nói mang tính lý luận, nếu không dẫn chứng kinh nghiệm sự thật lịch sử để nói rõ thêm, rất dễ bị chữ nghĩa đánh lừa. "Hành vô hành, nhương vô tý, nhưỡng vô địch", ai cũng đọc thuộc được, ai khéo mồm mép "cửa miệng" cũng nói được, nhưng lại quên mất nguyên tắc và nội dung của cả đoạn văn.

"Họa mạc đại ư khinh địch" (họa không gì lớn hơn khinh địch), đây là một sự trình bày có tính nguyên tắc, chúng ta từng dẫn một câu danh ngôn trong lịch sử: **"Chư Cát nhất sinh duy cẩn thận"** (cả đời Gia Cát Lượng chỉ một mực cẩn thận), xét kỹ về Gia Cát Lượng, sở trường duy nhất của ông là cả đời cẩn thận, việc nhỏ đến mấy cũng để tâm. Kết

luận cuối cùng của chương này trong sách Lão Tử là: họa không gì lớn hơn khinh địch, khinh địch gần mất ba bảo vật của ta. Làm người làm việc cũng vậy, thậm chí gặp một việc nhỏ, được mười đồng tiền, cũng phải xử lý cẩn thận kỹ càng như thế. Cho nên muốn thực sự sống một cuộc đời trang nghiêm và nghệ thuật, thì không được xem nhẹ bất cứ việc nhỏ nào, tức là không được khinh địch.

Chữ "địch" ở đây không nhất thiết chỉ kẻ thù, mọi cảnh giới từ bên ngoài đưa tới đều là "địch", điều nhà Phật gọi là **"y tha khởi"** (nương vào cái khác mà sinh khởi) cũng mang ý này. Cái mà chữ Hán gọi là "địch thể" chính là hoàn cảnh bên ngoài, đối phương của bạn cũng vậy, cho nên đừng xem nhẹ bất cứ người nào, việc gì. Làm được như thế, thái độ trang nghiêm của bạn tự nhiên sinh ra phẩm cách tốt đẹp, phẩm cách đạt tới mức cao nhất chính là nghệ thuật lớn nhất. Cho nên Lão Tử bảo chúng ta "họa không gì lớn hơn khinh địch", nếu khinh địch thì "gần mất ba bảo vật của ta", đến cả sinh mạng quý giá cũng có thể mất đi. Ba bảo vật của Lão Tử là "từ, kiệm, và không dám đứng trước thiên hạ" cũng không trái với nguyên tắc này.

Chương này mở đầu bằng việc dẫn tư tưởng triết học quân sự thời thượng cổ, cuối cùng lại quay về bàn chuyện quân sự: **"cố kháng binh tương gia, ai giả thắng hĩ"** (cho nên khi hai quân giáp trận, kẻ ai bi, tức thương xót, sẽ thắng). Bên bị xâm lược không thể không kháng cự; bên đứng lên kháng cự xâm lược gọi là "kháng binh". Trong lịch sử cận đại nước ta, việc chống lại xâm lược của Nhật Bản gọi là "kháng chiến" hay "chiến tranh kháng Nhật", Trung Quốc chính là bên "kháng binh". Nhật Bản vô cớ xâm lược ta, đó chính là **"kháng binh tương gia"** (hai quân giáp trận). "Ai giả thắng hĩ", suốt tám năm kháng chiến, chúng ta ở vào địa vị của **"ai binh"** (đội quân mang nỗi đau thương), cả nước chịu cảnh bi thảm đáng thương, chịu đủ áp bức, lòng người tràn đầy phẫn nộ đau xót, thà chết chứ không làm vong quốc nô, đó chính là "ai binh". Nói cách khác, giống như khi đánh bài, người thua phải hết sức chú ý, vì người thắng thắng quen rồi, có thể sinh lòng khinh địch, đánh sai một quân bài là thua ngay, cho nên mới nói "kẻ ai bi sẽ thắng". Người đời sau thường lấy đạo lý này để xử thế, ai đọc sách Lão Tử cũng biết xưa nay đều như nhau, rất nhiều tục ngữ, thành ngữ ngày nay đều xuất phát từ sách cổ.

Mười hai chương cuối cùng của Đạo Đức Kinh, chính là tổng kết luận của toàn sách. Mười hai chương từ chương bảy mươi đến chương tám mươi mốt, có phải chính là cách phân chương do bản thân Lão Tử định ra lúc bấy giờ hay không, trong giới học thuật vẫn luôn là một vấn đề lớn chưa có lời giải. Dù sao thì hai nhà Nho, Đạo thời ấy trong quan niệm truyền thống cũng khá giống nhau, chưa hề phân chia nghiêm ngặt. Bộ Đạo Đức Kinh này phân chương dựa theo quan niệm số học, cái gọi là **"cửu cửu bát thập nhất"** (chín lần chín là tám mươi mốt) chính là con số cực dương. Trong mười hai chương này, ngoài việc mở rộng thêm về mặt học thuật cho các chương trước, còn khắp nơi thể hiện sự phê phán của Lão Tử đối với thời đại của ông, cũng là một cách châm biếm thời đại mà ông đang sống. Từ đó có thể thấy rõ sự loạn lạc của thời Xuân Thu Chiến Quốc, cũng như quan điểm của Lão Tử về tình trạng thời đại. Từ tác phẩm này của Lão Tử, người ta có thể phát hiện ra những sai lầm của thời đại đó, để cho người đời sau chúng ta, người của ngàn trăm năm sau, đều có thể lấy làm bài học soi chiếu, bởi vì đây chính là một thứ tư tưởng triết học phê phán sâu sắc của Lão Tử đối với thời đại lịch sử.

Hạ Kinh · Chương 70

Ngô ngôn thậm dị tri, thậm dị hành.

Lời ta rất dễ biết, rất dễ thực hành.

Thiên hạ mạc năng tri, mạc năng hành.

Thiên hạ không ai có thể biết, không ai có thể thực hành.

Ngôn hữu tông, sự hữu quân. Phù duy vô tri, thị dĩ bất ngã tri.

Lời có tông chỉ, việc có chủ. Chính vì không biết, nên không biết ta.

Tri ngã giả hi, tắc ngã giả quý.

Người biết ta ít, thì ta càng quý.

Thị dĩ thánh nhân bị hạt hoài ngọc.

Vì vậy thánh nhân mặc áo thô mà ôm ngọc quý bên trong.

Lão Tử tầm thường, Lão Tử khó hiểu

"Ngô ngôn thậm dị tri, thậm dị hành. Thiên hạ mạc năng tri, mạc năng hành" (lời ta rất dễ biết, rất dễ thực hành, thiên hạ không ai có thể biết, không ai có thể thực hành) - đây là lời Lão Tử tự nói về mình: những đạo lý ta vừa trình bày ở trên bình dị lắm, dễ hiểu vô cùng, cũng dễ làm theo; nhưng trên thực tế, cả thiên hạ không ai biết, đọc rồi cũng không hiểu, cũng không làm được. Mấy câu này chẳng khác nào lời tiên tri của một bậc tiên tri: Lão Tử chỉ viết có năm nghìn chữ, mà chúng ta đã nghiên cứu suốt mấy nghìn năm nay. Xưa nay trong ngoài nước, nhất là vào thời đại này, người ta bàn luận nghiên cứu văn chương Lão Tử đủ kiểu đủ dạng, nhưng rốt cuộc lời của ai mới đúng với bản ý của Lão Tử? Chẳng ai biết cả!

Ví như chúng ta ở đây đang nghiên cứu Đạo Đức Kinh của Lão Tử, cũng giống như phần lớn các học giả khác, phần nhiều là mượn đề tài để phát huy ý riêng của mình; có đúng là bản ý của Lão Tử hay không? Điều đó còn tùy vào tu dưỡng, trí tuệ, cũng như trình độ và cách nhìn của từng người. Cho nên Lão Tử nói lời của ông vốn rất dễ hiểu, nhưng thiên hạ chẳng ai hiểu, đời sau lại có bao nhiêu sách nghiên cứu về Lão Tử, câu nói này quả là một trò hài hước lớn đối với những người nghiên cứu Lão Tử. Hơn nữa, Lão Tử chỉ viết có năm nghìn chữ, mà đời sau chúng ta cho đến nay, sách vở bàn luận về năm nghìn chữ ấy đã lên tới mấy chục triệu chữ, đó cũng là một chuyện rất buồn cười.

Xét về mặt lý luận triết học, điều này cho ta một khái niệm: sự vật trên đời bình dị nhất, đạm bạc nhất, chính lại là sâu xa nhất. Trí tuệ chân thực vốn rất bình thực, giản dị, vì con người xưa nay trong ngoài nước đều mắc một căn bệnh chung là coi cái bình dị là cái đơn giản, đều dùng một tâm lý hiếu kỳ để tự lừa dối chính mình, cho rằng trong cái bình dị ắt phải ẩn chứa điều gì cao siêu ghê gớm, kết quả càng đi càng chui sâu vào ngõ cụt.

Chúng ta nhất thiết phải nhớ kỹ: thế nào là vĩ đại? Thế nào là cao thâm? Cái bình dị nhất chính là cái vĩ đại nhất, cái bình thực nhất chính là cái cao thâm nhất, và cái khởi đầu của đời người cũng chính là cái kết thúc. Bất luận tôn giáo hay triết học nào cao siêu đến đâu, bất cứ một tư tưởng nào, đến chỗ cao nhất cũng chỉ là bình đạm. Cho nên chỉ cần để tâm vào chỗ bình đạm, ta có thể nhận ra chân lý cao nhất. Lão Tử chẳng qua dùng một cách nói khác để trình bày, hình thức thể hiện có phần khác đi mà thôi. Ông chỉ nói lời của ông rất dễ hiểu, cũng rất dễ làm theo, nhưng thiên hạ trái lại chẳng biết, cũng chẳng làm được. Điều này không chỉ đại diện cho tư tưởng học thuật của riêng Lão Tử, mà còn là một lời tổng kết cho những tư tưởng cao minh xưa nay trong ngoài nước.

Lão Tử và Nhân minh của Phật giáo

"Ngôn hữu tông, sự hữu quân" (lời có tông chỉ, việc có chủ) - hai câu này Lão Tử nêu ra trước, nhưng lại có liên quan rất lớn đến các kinh điển Phật giáo được dịch sang từ cuối đời Hán. Bởi Phật giáo rất coi trọng nhân minh, tức là môn logic học ngày nay. Logic học phương Tây vốn cũng bắt nguồn từ tư tưởng nhân minh của Ấn Độ, gồm ba phần: một là "tông", tức lời nói phải có tiền đề, có tông chỉ; hai là "nhân", tức trình bày lý do; ba là "dụ", dùng ví von để giúp người nghe hiểu rõ.

Khi trình bày hay suy nghĩ về một việc gì, trước hết phải nắm được trọng tâm, tức là "tông", rồi sau đó mới dẫn giải, xét lại những lý lẽ liên quan, tức là "nhân". Ví dụ có một học trò nói: thưa thầy, con có việc muốn tìm thầy, câu này chưa phải là tông chỉ; đến khi nói con muốn nghiên cứu Đạo Đức Kinh của Lão Tử, đó mới là tông chỉ. Vì sao phải nghiên cứu Lão Tử? Nghiên cứu Lão Tử bằng cách nào? Đó là điều bạn muốn trình bày hôm nay, đó chính là "nhân". Nhưng thường khi cả "tông" lẫn "nhân" đều đã rõ, người nghe vẫn chưa thật thông suốt, vì ngôn ngữ trên đời không đủ sức diễn đạt hết. Không chỉ chữ Hán như vậy, mọi thứ ngôn ngữ văn tự trên thế giới, có lúc cũng không đủ sức diễn đạt trọn vẹn một sự việc. Cho nên chúng ta thường thấy, rất nhiều hiểu lầm giữa người với người chính là do sự khiếm khuyết của lời nói, chữ viết mà sinh ra.

Khi một người nói chuyện, chỉ có giọng nói thôi vẫn chưa đủ để diễn đạt hết ý, còn phải thêm ánh mắt, phải khua tay múa chân, thậm chí còn phải quát to lên. Nếu làm như vậy mà vẫn chưa khiến người khác hiểu rõ điều mình muốn nói, thì những bậc cao minh như Trang Tử, Lão Tử, hay các vị giáo chủ của các tôn giáo như Phật Thích Ca Mâu Ni, Chúa Giê-su, đều phải dùng thêm những ví von, bởi dùng ví von để diễn đạt sẽ dễ khiến người nghe hiểu hơn. Ví dụ nói bạn này nhảy nhót lung tung như con khỉ, người ta sẽ hiểu ngay, đó chính là một ví von, khiến cả "tông" lẫn "nhân" đều trở nên rõ ràng. Nếu chỉ nói lý lẽ "tông" và "nhân" mà không thêm "dụ", thì khó mà khiến người nghe hiểu rõ đạo lý đang nói.

Cho nên những sách trên đời giỏi dùng ví von nhất chính là kinh điển tôn giáo; kinh Phật cũng vậy, kinh điển Đạo gia cũng vậy, Kinh Thánh Tân Cựu Ước của đạo Cơ Đốc cũng vậy, đều thuộc loại giỏi dùng ví von. Hơn nữa, qua một câu chuyện ví von, khiến người ta hiểu ra rồi, thì dù có mắng người cũng không làm mất lòng ai. Nhưng chính vì cái mắng ấy, người nghe cũng bị mắng vào trong đó, khi người nghe bật cười, thế là đã hiểu ra đạo lý, đó chính là phép nhân minh. Thời ấy, khi Phật học truyền vào Trung Quốc, lúc dịch chữ nhân minh, người đầu tiên đưa ra cách dịch chữ "tông" chính là mượn câu "ngôn hữu tông" của Lão Tử.

"Sự hữu quân" nghĩa là bất cứ việc gì cũng phải có một "quân", tức là trọng tâm chủ yếu. Có người làm rất nhiều việc, nhưng rốt cuộc vì sao mình làm những việc ấy thì ngay chính bản thân cũng chẳng rõ; đó là vì người ấy "sự vô quân", tư tưởng của mình không có chủ, chỉ chạy theo cảm xúc mà thôi. Cho nên Lão Tử bảo chúng ta "ngôn hữu tông, sự hữu quân", suy nghĩ phải có tông chỉ, làm việc phải có trọng tâm.

Dựa vào mấy câu trên, Lão Tử đưa ra kết luận: lời ta rất bình dị, cũng dễ hiểu, cũng dễ làm theo, nhưng thiên hạ trái lại chẳng hiểu, trái lại chẳng làm được. Đây là lối viết cổ văn thời ấy, có lẽ là lối cổ văn của thời Xuân Thu. Câu "ngôn hữu tông, sự hữu quân" là văn tự thời ấy, không dùng liên từ hay giới từ. Ý Lão Tử muốn nói, mọi người xem lời ta mà không hiểu, ông không hiểu nổi tại sao lại thế; kỳ thực mỗi câu nói, mỗi việc làm, mỗi lý luận của ta, đều bao hàm đủ cả đạo lý "tông", "nhân", "dụ".

Trí tuệ của vô tri là gì

Đoạn tiếp theo lại chuyển sang bàn trí tuệ chân thực là gì. **"Phù duy vô tri, thị dĩ bất ngã tri"** (chính vì không biết, nên không biết ta) - câu này có thể hiểu theo hai cách. Một mặt, xét theo đúng nghĩa đen của câu chữ, Lão Tử đang mắng người đời, vì người ta quá vô tri, quá thiếu trí tuệ, nên mới không dễ hiểu lời ta, không dễ hiểu ý ta, đây cũng có thể coi là một câu than vãn của Lão Tử.

Mặt khác, câu này còn có một tầng nghĩa độc lập, nói rằng trí tuệ chân thực chính là "vô tri"; trí tuệ đến chỗ tột cùng, biết được cái thể của vô tri, cái thể của trí tuệ, đó mới là trí tuệ chân thực. Có một cuốn danh tác Phật học tên là *Triệu Luận*, tác giả là Tăng Triệu, một trong các đệ tử của Cưu Ma La Thập thời Nam Bắc triều. Một vị pháp sư khác cũng chịu ảnh hưởng của Cưu Ma La Thập là Đạo Sinh pháp sư, chính là nhân vật trong câu chuyện "Sinh Công thuyết pháp, đá ngoan cũng gật đầu". Pháp sư Tăng Triệu thuở trẻ theo Cưu Ma La Thập làm công việc phiên dịch, về sau viết mấy thiên văn chương lớn, trong đó có một thiên tên là *Bát Nhã Vô Tri Luận*, được tôn là công trình nghiên cứu Phật học cao nhất. Đây không phải là công phu tu tập, mà là trí tuệ chân thực, trí tuệ chân thực đưa người ta đến chỗ đại triệt đại ngộ mà thành Phật, tiếng Phạn gọi là "bát nhã". Cái thể của trí tuệ bát nhã chân thực chính là "vô tri".

Thời ấy, thiên văn chương này đã làm chấn động giới học thuật. Người ta thường cho rằng ai cũng mong cầu đạt được thành tựu trí tuệ, nhưng nếu trí tuệ chân thực là "vô tri", thì khi ta truy cầu cái thể của "đạo", lại phải dùng trí tuệ để đạt tới chỗ "biết mà như không biết", mới có thể chứng đạo. Đạo lý trong đó thực sự quá sâu xa, đó chính là đạo lý "vô tri" của trí tuệ bát nhã. Thiên văn chương này dùng bút pháp của Lão Trang để viết nên đạo lý cao thâm của Phật học, văn chương đẹp, lý luận triết học sâu sắc.

Lại có một thiên khác tên là *Vật Bất Thiên Luận*, viết từ hơn một nghìn năm trước mà đã nói tới sự biến hóa của "khối lượng và năng lượng" mà khoa học vật lý ngày nay bàn tới. Mọi vật chưa từng biến động, thời gian không gian cũng chưa từng biến động, tất cả mọi thứ đều chưa từng biến động; ngay cả việc chúng ta hiện giờ ngồi xe từ Đài Bắc đến Cao Hùng, theo lý luận của *Vật Bất Thiên Luận* thì ta chưa hề động đậy, vẫn còn ở đúng vị trí gốc của mình. Bởi theo *Vật Bất Thiên Luận*, thời gian không gian của vũ trụ vốn cố định thành một hình thái, chỉ xoay vòng theo chu kỳ mà thôi: dù ta ngồi xe đến Cao Hùng, thì trái đất vẫn đang xoay, xoay đi xoay lại vẫn ở nguyên vị trí của nó trong không gian. Cho nên bốn thiên danh luận của Tăng Triệu thời ấy đã làm chấn động các giới. Ngoài Phật học, Tăng Triệu còn chịu ảnh hưởng rất lớn của Lão Trang, nguyên do chính là câu Lão Tử nói "phù duy vô tri, thị dĩ bất ngã tri". Nếu xét thuần theo mặt chữ, ý của thiên này mang tính hài hước, mang tính châm biếm người đời.

"Tri ngã giả hi, tắc ngã giả quý" (người biết ta ít, thì ta càng quý) - người thực sự hiểu ta thì ít, mà nếu ai cũng hiểu ta quá rõ thì ta còn gì đáng quý nữa. Chính vì bạn không hiểu ta, nên ta mới đáng quý. Nói đùa một câu, theo cách nhìn thông thường thì lúc này Lão Tử có vẻ hơi giống tinh thần A Q (nhân vật tự an ủi mình dù bị đánh, trong *A Q chính truyện* của Lỗ Tấn), bị người ta đánh cho một trận, trong lòng tự nhủ: "con đánh cha", có sao đâu. Nhưng kỳ thực hai câu này lại đại diện cho một mặt khác của tinh thần văn hóa Trung Hoa, đó cũng chính là kết luận của Lão Tử trong chương này: **"thị dĩ thánh nhân bị hạt hoài ngọc"** (vì vậy thánh nhân mặc áo thô mà ôm ngọc quý bên trong). Ý ông muốn nói, bậc đại thánh nhân đắc đạo thực sự, bên ngoài mặc áo quần rách rưới, nhưng bên trong lại là viên ngọc quý vô giá; nói cách khác, bạn không hiểu ta cũng chẳng sao, ta tự có đạo trong mình, quý giá đến mức không lời nào tả xiết. Về sau câu "bị hạt hoài ngọc" ảnh hưởng rất lớn, được người đời rộng rãi trích dẫn.

Lão Tử, Tham Đồng Khế, ẩn sĩ

Đạo gia và Đạo giáo đời sau nhà Hán, thậm chí cả giới ẩn sĩ, đều chịu ảnh hưởng của câu này. Một danh tác của Đạo gia là *Tham Đồng Khế* của Ngụy Bá Dương, trong văn hóa Trung Hoa được tôn là ông tổ của kinh sách luyện đan

muôn đời. Sách nói về việc tự mình dụng công tu đạo ra sao, luyện thành trường sinh bất tử, để có thể trở thành thần tiên vượt phàm nhập thánh. Đây là cuốn sách người tu đạo bắt buộc phải đọc, nguyên lý và phương pháp tu đạo đều nằm trong đó, chỉ có điều rất khó đọc hiểu. Sở dĩ sách này mang tên *Tham Đồng Khế* là vì phương pháp dụng công tu đạo trong sách đều tham hợp nguyên lý nguyên tắc của ba cuốn *Lão Tử*, *Trang Tử*, *Kinh Dịch* lại làm một. Về sau Đạo gia tôn Ngụy Bá Dương là chân nhân, Đạo giáo tôn ông là Hỏa Long chân nhân.

Trong *Tham Đồng Khế* do Ngụy Bá Dương viết có trích dẫn ngay câu **"bị hạt hoài ngọc"** (mặc áo thô mà ôm ngọc quý bên trong) của Lão Tử. Ngoài ra sách còn có câu **"ngoại thị cuồng phu"** (bên ngoài tỏ ra như kẻ điên), nói rằng người thực sự có đạo phải biết ẩn giấu bản thân, không để lộ ra mình có đạo, bề ngoài không nhất thiết phải áo quần rách rưới, có khi hình dạng còn ngơ ngẩn điên khùng, khiến người ta không nhìn ra rốt cuộc là hạng người thế nào. Tuy bề ngoài tỏ ra như kẻ điên, bị người đời khinh rẻ, nhưng người thực sự có đạo lại chính là mong bạn khinh rẻ mình, đó chính là một mặt khác của văn hóa Trung Hoa.

Tôi vẫn thường nói, văn hóa Trung Hoa chi phối lịch sử mấy nghìn năm, nhưng thứ thực sự ảnh hưởng đến tư tưởng và thực tế lịch sử mấy nghìn năm ấy lại chính là văn hóa Đạo gia. Khi thiên hạ thái bình, bề ngoài đều dùng học vấn Nho gia; đến thời dẹp loạn lập lại trật tự, thì đều là những nhân vật Đạo gia ra tay. Những nhân vật Đạo gia xuất hiện ấy thuộc loại người nào? Đó là một loại nhân vật đặc biệt mà văn hóa Trung Hoa vốn có từ thời thượng cổ, chính là các ẩn sĩ. "Ẩn sĩ" là tên gọi chung của đời sau, thời Hán gọi là "cao sĩ", thời Tống gọi là "xử sĩ", thời Thanh cũng gọi là "xử sĩ", những ẩn sĩ này vốn không bao giờ chịu ra khỏi núi.

Cái gọi là ẩn sĩ, trước hết đều là những bậc có đạo học vấn đặc biệt uyên thâm, cho rằng sinh mệnh con người không phải là chỗ cứu cánh, phủ nhận hết thảy mọi thứ trên đời. Thứ hai, họ không có ham muốn mong cầu cho riêng mình. Thứ ba, ở một thời đại nào đó, họ chẳng khác gì phái "phiếu không tán thành" trong chính trị phương Tây, luôn giữ lá phiếu của mình không bỏ, tức là không tán thành với thực tại. Những người này học vấn tốt, đạo đức tốt, nhưng đều bỏ đi làm ẩn sĩ, mãi mãi không chịu ra. Cho nên Trang Tử nói, những người này **"thiên tử bất năng thần, chư hầu bất năng hữu"** (thiên tử không thể bắt làm bề tôi, chư hầu không thể kết làm bạn). Đến cả hoàng đế muốn mời ra làm quan cũng không được, các bậc chư hầu muốn kết làm bạn cũng không xong. Vậy mà loại người này lại ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng của cả một thời đại.

Ví như thời Hán, Thương Sơn Tứ Hạo (bốn cụ già ẩn cư trên núi Thương Sơn) mà ta thấy trong sử sách, tuy chưa hẳn đã làm được đúng cái "bị hạt hoài ngọc" thực sự của Đạo gia, nhưng lại ảnh hưởng tới toàn bộ quyết sách chính trị đầu đời Hán. Lại như Nghiêm Tử Lăng thời Đông Hán cũng vậy. Kỳ thực đời nào cũng có rất nhiều người như thế, bề ngoài họ đều làm đúng câu "bị hạt hoài ngọc" của Lão Tử, thậm chí cả vị Tế Công sống Phật lưu truyền trong dân gian ta cũng vậy. Hòa thượng Tế Điên thuở ấy bị bao ngôi chùa đuổi ra, quần áo giày dép không đủ mặc, cuối cùng không còn cách nào, đành đi ăn bánh bao thịt uống rượu cho qua ngày. Ông cũng chính là "bị hạt hoài ngọc", "ngoại thị cuồng phu". Cho nên, bề ngoài mà nói, Nho gia và Đạo gia ảnh hưởng đến văn hóa Trung Hoa, nhưng tư tưởng ẩn sĩ còn ảnh hưởng sâu đậm hơn nữa, vì học vấn của họ đều là cái tu dưỡng của bậc thầy đế vương.

Gần đây có một học trò nghiên cứu sinh tiến sĩ, sau khi nghe tôi giảng xong, ra sức lục tìm tư liệu, muốn viết một luận văn về mối quan hệ giữa tư tưởng ẩn sĩ và chính trị các đời trong lịch sử Trung Hoa. Tôi bảo anh ta, mong ba năm nữa viết xong, vấn đề này là vấn đề cũ, chẳng đơn giản chút nào, nhưng người thường xưa nay chưa từng để ý, còn tưởng đó là một ý niệm mới mẻ nhất.

Hạ Kinh · Chương 71

Tri bất tri, thượng; bất tri tri, bệnh.

Biết mà (tự cho là) không biết, là trên hết; không biết mà (tự cho là) biết, là bệnh.

Phù duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh.

Chính vì coi bệnh là bệnh, nên mới không bệnh.

Thánh nhân bất bệnh, dĩ kỳ bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh.

Thánh nhân không bệnh, vì coi bệnh là bệnh, nên mới không bệnh.

Ép không biết thành biết: bệnh rất lớn

"Tri bất tri, thượng; bất tri tri, bệnh" (Biết mà tự cho là không biết, là trên hết; không biết mà tự cho là biết, là bệnh). Bậc thực sự cao minh, cái gì cũng biết, mọi sự đều hiểu rất rõ. Nhưng người ấy tuy thực sự thông minh lại giả vờ hồ đồ, tuy biết hết mọi chuyện, bề ngoài lộ ra vẫn là vẻ không biết, đó là hạng người bậc nhất. Còn những người khác, bản thân vốn chẳng biết gì, lại khắp nơi giả vờ như cái gì cũng thông, đó gọi là "không biết mà cho là biết", là căn bệnh lớn của đời người. Hai câu này của Lão Tử vạch ra căn bệnh chung của loài người suốt hàng vạn năm. Theo cái cảm nhận của chúng ta sau mấy chục năm đọc sách làm người, câu nói này của Lão Tử có ý nghĩa vô cùng sâu xa. Trên đời có quá nhiều người "không biết mà cho là biết", đều là cố ép cái không biết thành ra biết. Rõ ràng không hiểu, lại giả vờ hiểu rất rõ, đó chính là chỗ bệnh lớn của con người. Cho nên, học vấn thực sự đến nơi đến chốn, thấu triệt tột cùng, thì trái lại có vẻ như vô tri, vì vậy mới nói: biết mà tự cho là không biết, ấy là trên hết; không biết mà tự cho là biết, ấy là bệnh.

Về mặt hình thức tổ hợp chữ viết, cách viết của người đời sau đã khác, đây là lối chữ của thời Tần Hán trở về trước. Thời ấy, viết văn không như bây giờ dùng bút mà viết, mà đều dùng dao khắc lên thẻ tre hoặc lên đá, cho nên các giới từ trong câu đều bị lược bỏ hết mức có thể. Nếu bây giờ viết lại theo lối cổ văn, thì phải viết là **"tri nhi bất tri thị vi thượng dã, bất tri nhi tri thị vi bệnh dã"** (biết mà tự cho là không biết, ấy là trên hết; không biết mà tự cho là biết, ấy là bệnh). Còn nếu viết bằng bạch thoại bây giờ, muốn viết cho rõ ràng, phải cần đến hơn hai chục chữ, thế chẳng phải lại biến thành "không biết" nữa hay sao! Có khi càng giản lược lại càng dễ hiểu.

Ngoài việc bàn về tri thức, Lão Tử vẫn không rời khỏi chuyện tu đạo. Vì sao ngày nay mọi người học ngồi thiền tu đạo mà mãi không tiến bộ? Vì biết quá nhiều thứ, hết Thiền tông lại đến Mật tông, hết luyện khí công lại đến tập quán tưởng, nhưng đạo lý nào cũng chẳng thấu triệt rõ ràng. Ai nấy đều là không biết mà cứ liều cầu cái biết, chỗ này bảo thông mạch Nhâm, chỗ kia bảo thông mạch Đốc, rốt cuộc chỉ toàn là hiện tượng của bệnh mà thôi. Cho nên "không biết mà cho là biết, ấy là bệnh", chính là cố ép cái không biết thành ra biết.

Đạo thực sự, chỉ cần buông hết muôn duyên, một niệm không sinh là đến nơi rồi, đơn giản vô cùng. Nhưng hiện nay cũng có rất nhiều người từng có kinh nghiệm ngồi thiền, rõ ràng biết phải buông hết muôn duyên, một niệm đều không, nhưng hễ ngồi lên là lại không buông được, không rỗng lặng được. Vậy điều gì khiến không rỗng lặng được? Chính là cái "biết" ấy không chịu rỗng lặng, tư tưởng quan niệm cứ xoay chuyển mãi không dứt trong đầu; rõ ràng dạy bạn buông xuống, mà bạn lại chẳng buông được thứ gì, cho nên cái khó chính là ở chữ "biết" này.

Lấy công án của thiền sư Hương Nham bên Thiền tông mà nói, ông ngồi thiền tham thiền học Phật hai ba chục năm mà vẫn chưa ngộ đạo, tự nghĩ mình chẳng còn hy vọng gì nữa, bèn quyết định không theo đuổi việc ấy nữa, nhưng

cũng không hoàn tục, chỉ là không còn dụng công tham thiền nữa mà thôi. Ông đổi hướng đi làm ruộng, định bụng luyện cho thân thể khỏe mạnh, sống nốt cuộc đời như thế cho xong. Trước kia ông ngồi xếp bằng tham thiền rất dụng tâm, sau khi thay đổi này thì bỏ hết mọi thứ, chẳng bận tâm gì nữa. Một hôm đang đào đất, đào trúng một mảnh ngói, ông nhặt lên rồi tiện tay ném đi, mảnh ngói vừa khéo chạm phải một cây trúc, phát ra tiếng "bốp", ông liền ngộ đạo. Nhân đó làm một bài kệ:

Nhất kích vong sở tri, cánh bất giả tu trì.
Một tiếng gõ quên hết chỗ đã biết, không cần mượn thêm công phu tu trì nữa.

Động dung dương cổ lộ, bất đọa tiểu nhiên cơ.
Cất bước hiển lộ con đường xưa, không rơi vào cơ duyên lặng lẽ.

Xứ xứ vô tung tích, thanh sắc ngoại uy nghi.
Khắp nơi không để lại dấu vết, uy nghi vượt ra ngoài thanh sắc.

Chư phương học đạo giả, hàm ngôn thượng thượng cơ.
Người học đạo khắp các phương, đều bảo đó là cơ duyên bậc thượng thượng.

Đạo thực sự thì không cần dụng công gì cả, người thấy đạo khắp các phương đều bảo đây chính là cơ duyên bậc thượng thượng. Từ đó về sau, rất nhiều người học theo ông, đem trúc ra để **"cách vật trí tri"** (xét tận cùng lẽ vật để đạt tới hiểu biết), ném mảnh ngói, ném mấy chục năm cũng chẳng ngộ được gì. Cho nên, mượn phương pháp của người khác là vô ích. Đây là nói về chữ "biết", khi bạn đạt đến cảnh giới không biết, trời đất ta người đều rỗng không, thì tự nhiên thành đạo. Đây là đạo lý đi từ tri thức thuộc cõi có hình, tiến đến chỗ đạo lý "không biết mà biết" của cõi vô hình.

Giả điếc giả câm, tự tại không tranh

Lại nữa, cách làm người cũng vậy. Ví như ai cũng biết câu Đường Đại Tông từng nói với Quách Tử Nghi: **"bất si bất lung, bất tác a cô a ông"** (không ngốc không điếc thì không làm được vai mẹ chồng cha chồng). Làm bậc trên trong nhà, có lúc rõ ràng biết cả, nhưng cứ giả như không biết, làm như không nhìn thấy. Nếu quá tinh khôn, thì nước quá trong sẽ không có cá, người quá trong sẽ không có phúc. Nhưng đến tôi cũng chỉ biết nói mà không làm được, cho nên cả đời chẳng có phúc, cái không nên thấy lại thấy, cái không nên nghe lại nghe, cứ mãi muốn học được cái **"tri bất tri"** (biết mà tự cho là không biết), vậy mà cứ biết hết, thật là phiền phức. "Tri bất tri" cũng là một cách sống khoan hậu, độ lượng ở đời, nhất là những người làm bậc trên, làm hiệu trưởng, hay làm chủ xưởng, đôi khi phải học được cái "tri bất tri". Người ta dù sao cũng là người, đôi khi phạm phải lỗi nhỏ, bạn phải thỉnh thoảng giả vờ không thấy, thì lần sau người ấy sẽ không phạm sai nữa. "Tri bất tri" chính là cái khôn thật sự, cái hồ đồ giả vờ.

"Phù duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh" (Chính vì coi bệnh là bệnh, nên mới không bệnh), trong câu này có hai chữ "bệnh": chữ thứ nhất là động từ, chữ thứ hai là danh từ. Lão Tử nói rằng thánh nhân hiểu được đạo lý này rồi, chán ghét cái bệnh sinh ra ấy, nên không cầu biết, nhờ vậy mà không bệnh. **"Thánh nhân bất bệnh, dĩ kỳ bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh"** (Thánh nhân không bệnh, vì coi bệnh là bệnh, nên mới không bệnh), thánh nhân vì hiểu được đạo lý này nên không phạm phải lỗi ấy, do đó mãi mãi không bệnh. Nói cách khác, hết thảy phàm phu người thường đều đang ở trong bệnh. Vậy cái bệnh ấy nằm ở đâu? Nằm ngay ở chỗ biết quá nhiều. Triết học phương Tây có câu danh ngôn: "Tri thức càng nhiều, đau khổ càng lớn; học vấn càng cao, phiền não càng sâu."

Chúng ta thấy nhiều người học vấn rất cao, đã không ra làm quan lại cũng không xuất thế, chỉ ngồi đó lo cho nước lo cho dân lo cho cả thiên hạ, thế chẳng phải chính là "coi bệnh là bệnh" hay sao? Như danh sĩ đời Thanh Viên Mai có dẫn lại câu thơ người đời Tống: **"tiện tha thôn lạc Vô Diệm nữ, bất sủng vô tranh quá nhất sinh"** (đáng ước ao thay cô gái Vô Diệm chốn thôn dã kia, chẳng được sủng ái cũng chẳng tranh giành, sống trọn một kiếp người). Một bậc học rộng tài cao, trái lại lại ước ao cảnh sống của bà lão thôn quê thô mộc, sống cả đời bình dị, vừa yên tĩnh lại chẳng được sủng ái hay vinh hiển gì, nhưng cũng chưa từng chịu đả kích! Sống trọn một đời "chẳng sủng ái chẳng tranh giành", ấy thật là có phúc. Viên Mai, chính vì từng được sủng ái cũng từng bị kinh động, nên mới nhìn ra cái bình dị của người khác chính là phúc phận. Còn những bà lão thôn quê thực sự, e là vẫn rất muốn được lên thành thị mà hưởng sủng ái đấy chứ! Cho nên, người chưa từng nếm khổ thì không biết cái bình dị là hạnh phúc; nếm khổ rồi mới biết cái bình dị chính là hạnh phúc.

Lại như cuộc đời lẫy lừng của Lục Phóng Ông, đời sau mãi đến cuối đời Mãn Thanh, đều tôn ông là nhà thơ ái quốc, đó trở thành tước hiệu mới của ông. Nhưng Lục Phóng Ông có một câu thơ nổi tiếng, tức **"thập niên yên lung phế xuân canh"** (mười năm khói phủ, bỏ hoang việc cày cấy mùa xuân), vì ông là người thời Nam Tống, biết nhiều quá, lòng yêu nước cũng vì thế mà quá lớn, nên mới than thở tự hỏi khi ấy vì sao mình phải đọc sách, chi bằng đừng đọc sách chỉ lo cày ruộng, chẳng biết gì chuyện thiên hạ quốc gia muôn việc, thì cũng bớt đau khổ bớt phiền não. Đây là nói về mối quan hệ giữa tri thức thuộc cõi có hình với đau khổ phiền não.

Chương tiếp theo dưới đây là lời Lão Tử phê bình thời đại, là tiếng than thở của ông đối với lịch sử.

Hạ Kinh · Chương 72

Dân bất úy uy, tắc đại uy chí.

Dân không sợ oai, thì đại oai đến.

Vô hiệp kỳ sở cư; vô yếm kỳ sở sinh.

Đừng làm hẹp chỗ ở của họ; đừng làm chán nản cuộc sống của họ.

Phù duy bất yếm, thị dĩ bất yếm.

Chính vì không làm chán nản, nên mới không bị chán nản.

Thị dĩ thánh nhân tự tri bất tự kiến; tự ái bất tự quý.

Vì vậy thánh nhân tự biết mình mà không tự phô trương; tự yêu mình mà không tự coi mình là quý.

Cố khứ bỉ thủ thử.

Cho nên bỏ cái kia mà lấy cái này.

Không đùa giỡn với dân chúng: tự yêu mà không tự cho là quý

Trước tiên cần nói rõ vấn đề chữ nghĩa. Chữ 厌 (yếm), theo cách giải thích thông thường ngày nay là chữ trong từ "chán ghét". Nhưng cổ văn đôi khi mượn dùng theo nghĩa chữ 压 (áp), tức áp bức, đè nén. Còn chữ 民 (dân) cũng không thể hiểu là chỉ riêng bách tính hay quốc dân. Chữ "dân" trong sách vở thời trước Tần Hán tương đương với "người ta", "loài người" trong bạch thoại ngày nay; nếu hiểu theo nghĩa "bách tính", "quốc dân" thì sẽ đọc sai sách cổ.

"Dân bất úy uy" (dân không sợ oai), nghĩa là người thường không hề sợ cái uy quyền của chính trị. Chính trị đạt đến thành tựu cao nhất, chính là thời thịnh trị thiên hạ thái bình; khi nền chính trị đạo đức đạt tới mức không cần đến uy quyền nữa, người ta sẽ tự động tự phát mà bộc lộ đạo đức, không cần đến hình pháp nữa. Chính trị đạo đức, làm đến mức không còn chút uy nghiêm nào lộ ra hình thức bên ngoài, đó mới là uy nghiêm thật sự. Dĩ nhiên, điều này phải dựa vào mỗi người tự giác tuân thủ quy phạm đạo đức, chứ không dựa vào sự quản chế của hình pháp bên ngoài.

"Vô hiệp kỳ sở cư, vô yếm kỳ sở sinh" (đừng làm hẹp chỗ ở của họ, đừng làm chán nản cuộc sống của họ). Chữ 狎 (hiệp) có nghĩa là đùa giỡn, coi thường. Chữ 居 (cư) ở đây kỳ thực chỉ cái xã hội mà con người cùng nhau sinh sống. Câu "vô hiệp kỳ sở cư" nghĩa là bậc đại chính trị gia không đem xã hội này ra mà đùa giỡn, coi thường, đó mới là chính trị đạo đức thật sự.

Nếu muốn nghiên cứu nghiêm túc câu này, phải liệt kê ra xưa nay trong ngoài nước, những bậc đại chính trị gia nào đã từng đùa giỡn với xã hội ra sao. Nhưng nền chính trị thật sự cao minh là không đùa giỡn với con người, càng không lừa gạt xã hội, đó chính là đạo lý mà đời sau gọi là **"ngoạn nhân táng đức, ngoạn vật táng chí"** (đùa giỡn với người thì mất đức, mê đắm vật chất thì mất chí hướng). Người ta không thể tự cho mình cao minh mà đem con người, đem thiên hạ ra đùa giỡn, khiến mất đi đạo đức. Kẻ tham đắm hưởng thụ vật chất thì "mê đắm vật chất mà mất chí hướng", tình cảm khí tiết của bản thân sẽ sa đọa. "Vô hiệp kỳ sở cư" cũng là đạo lý ấy.

"Vô yếm kỳ sở sinh" là đừng áp bức con người. Trời đất có đức hiếu sinh, đạo đức loài người mới có thể phát triển liên tục, vạn vật tự nhiên sinh sôi không ngừng.

"Phù duy bất yếm, thị dĩ bất yếm" (chính vì không làm chán nản, nên mới không bị chán nản), chữ 厌 (yếm) phía trước phải đọc là 压 (áp), nhưng cũng không nên máy móc bám cứng vào mặt chữ. Môn nghiên cứu huấn hỗ học,

người xưa còn gọi là **"tiểu học"** (khoa học về mặt chữ, khác với bậc tiểu học ngày nay), cho nên tôi vẫn thường nói phải biết nhận mặt chữ Trung Quốc. Ví dụ chữ 张 (trương), đừng tưởng nó chỉ là một họ, còn có "khai trương đại cát", "khẩn trương" và bao nghĩa khác nữa, những chữ 张 này đều do chuyển mượn mà cách dùng khác nhau, mỗi cái mang một nghĩa riêng. Chữ thời thượng cổ chỉ có vài nghìn chữ được dùng, cho nên cùng một chữ có thể diễn đạt nhiều nghĩa, nhiều quan niệm khác nhau. Nếu dùng bạch thoại ngày nay để diễn đạt, có khi phải cần đến mấy chữ mới nói hết được một quan niệm. Đó là cách của văn tự nước ngoài, còn chữ Trung Quốc thì khác, một chữ có thể đại diện cho rất nhiều quan niệm.

"Phù duy bất yếm", vì bạn không gây áp lực cho xã hội nhân dân, "thị dĩ bất yếm", cho nên nhân dân cũng không cảm thấy bị áp bức, tự nhiên sẽ sống tốt, sống rất vui vẻ. Chúng ta nhìn vào thế giới loài vật, chỉ cần hợp với thiên thời địa lợi, những con vật ấy tự nhiên sẽ sống rất tốt.

"Thị dĩ thánh nhân tự tri bất tự kiến, tự ái bất tự quý, cố khứ bỉ thủ thử" (vì vậy thánh nhân tự biết mình mà không tự phô trương, tự yêu mình mà không tự coi mình là quý, cho nên bỏ cái kia mà lấy cái này). Đây là nói về triết học của một người lãnh đạo có đạo đức, cũng chính là triết học đạo đức của chính chúng ta. Con người cần phải tự biết mình, phải có cái sáng suốt tự biết mình. Lão Tử ở chương 33 từng nói đến hai chữ "trí" và "minh": **"tri nhân giả trí"** (biết người là trí tuệ), hiểu được người khác, đó là thông minh trí tuệ; **"tự tri giả minh"** (tự biết mình là sáng suốt), hiểu được chính mình mới gọi là sáng suốt. Người sáng suốt thật sự trên đời rất khó tìm, người sáng suốt thật sự chính là người có thể hiểu được bản thân mình, nhưng con người ta mãi mãi không hiểu được chính mình. Cho nên nói, chỉ có thánh nhân mới có thể tự biết, không tự dối mình, không có thành kiến chủ quan, đạt đến cảnh giới vô ngã. Thánh nhân cũng có thể làm được tự yêu, tự trọng; biết tôn trọng chính mình rồi mới biết tôn trọng người khác, cũng mới biết yêu người. Nhưng thánh nhân "không tự cho mình là quý", không tự cho mình là cao quý, không như người thường hễ có chút học vấn, có địa vị, có tiền bạc, liền cho rằng mình ghê gớm, thế thì hỏng rồi. Đó là kẻ phàm phu triệt để, là người tầm thường. "Cố khứ bỉ thủ thử", cái tự biết, tự yêu mà không tự cho là quý thật sự, chính là có thể buông bỏ được sự tự cho mình cao quý, tự phô trương ấy, đó mới là đạo của thánh nhân.

Hạ Kinh · Chương 73

Dũng ư cảm tắc sát; dũng ư bất cảm tắc hoạt.

Dũng trong việc dám làm thì chết; dũng trong việc không dám làm thì sống.

Thử lưỡng giả, hoặc lợi hoặc hại.

Hai loại dũng này, có lợi có hại.

Thiên chi sở ố, thục tri kỳ cố?

Điều trời ghét, ai biết nguyên nhân?

Thị dĩ thánh nhân do nan chi.

Vì vậy thánh nhân cho đó là khó.

Thiên chi đạo, bất tranh nhi thiện thắng, bất ngôn nhi thiện ứng,

Đạo trời, không tranh mà khéo thắng, không nói mà khéo đáp ứng,

Bất triệu nhi tự lai, chản nhiên nhi thiện mưu.

Không triệu mà tự đến, thong thả mà khéo mưu tính.

Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất thất.

Lưới trời mênh mông, thưa mà không sót.

Dũng khí của dám và không dám

"Dũng ư cảm tắc sát, dũng ư bất cảm tắc hoạt" (dũng trong việc dám làm thì chết, dũng trong việc không dám làm thì sống), hai câu này rất quan trọng, phàm là triết học chính trị, triết học quân sự, triết học kinh tế, thậm chí cả triết học làm người đều bao hàm trong đó, mà chữ nghĩa lại rất đơn giản. Cho nên cũng có thể nói lời Lão Tử rất bình dị. Ở khu Tây Môn Đinh có những kẻ chỉ vì bị người ta nhìn thêm một cái là rút dao đâm liền, những kẻ ấy đều thuộc loại "dám làm", kết quả tự mình phạm tội giết người. Cho nên thô bạo không phải là dũng thật, dũng là dũng khí thật sự; nếu không có sự phán đoán của trí tuệ, không có sự tu dưỡng đạo đức, việc gì cũng dám làm, thì sẽ biến thành kẻ phế nhân hồ đồ. Đương nhiên, khi còn trẻ người ta đều có thể phạm phải loại sai lầm này, tự cho mình rất cao minh, rất dũng cảm, việc gì cũng dám làm trước rồi tính sau. Nhưng việc thiên hạ không thể làm rồi mới tính, tốt nhất là nói ra rồi từ từ làm; trước hết phải hiểu rõ đạo lý, rồi mới từ từ làm. Người trẻ tuổi tuy không sợ sai, chỉ cần biết sai mà sửa, nhưng có lúc muốn sửa cũng không sửa được nữa. Nhất là những sai lầm trong lịch sử, không còn cơ hội sửa lại, cho nên kết quả của "dám làm" là chết.

Vậy nên dũng ở chỗ nào? Dũng khí cao nhất trong đời người là chậm lại một bước, hỏi trước một câu: có nắm chắc hay không? Suy nghĩ thêm một chút. Suy nghĩ thêm một chút chính là dũng khí. Thấy dưới đất có một xấp tiền, chỉ cần nhặt lên mà không ai trông thấy, thì đương nhiên là của mình rồi. Nếu "dám làm" ngay, biết đâu phía sau có cảnh sát hình sự, nhầm tưởng bạn là kẻ trộm. Nếu "không dám làm" ngay, số tiền ấy lấy hay không lấy, suy nghĩ thêm năm phút nữa, kết quả có thể sẽ khác. Nhưng "không dám làm" lại là điều rất khó thực hiện, có khi còn bị người ta mắng là hèn nhát; nếu sợ bị mắng hèn nhát mà cứ "dám làm", thì hỏng việc.

"Dũng ư cảm tắc sát, dũng ư bất cảm tắc hoạt", trong đó "dũng" là dũng khí, "cảm" là quyết đoán. Có lúc, vội vàng có dũng khí mà hạ quyết đoán, chưa hẳn đã là việc tốt; có dũng khí để xử lý sự việc cho khéo léo hơn, chậm một bước

suy nghĩ thêm thì tốt hơn, cũng có nghĩa là trì hoãn một chút không phải là chuyện xấu. Nhưng có những việc tuyệt đối không thể trì hoãn. Vậy trì hoãn hay không trì hoãn, lấy gì làm tiêu chuẩn? Kỳ thực đến cả Thượng Đế cũng không làm nổi tiêu chuẩn ấy. **"Thử lưỡng giả, hoặc lợi hoặc hại"** (hai loại dũng này, có lợi có hại), là lợi hay là hại thì không nhất định, Lão Tử chỉ có thể nói đến đây thôi, bởi vì đây hoàn toàn là sự quyết đoán của trí tuệ, phải có trí tuệ thật sự mới có thể quyết định nên lấy hay nên bỏ.

Sức mạnh mờ mịt không thể biết ấy

"Thiên chi sở ố, thục tri kỳ cố, thị dĩ thánh nhân do nan chi" (điều trời ghét, ai biết nguyên nhân, vì vậy thánh nhân cho đó là khó). Nhưng Lão Tử đã nói ra một đạo lý. Khi Đường Thái Tông Lý Thế Dân muốn dựng từ đường cho họ Lý, theo khảo chứng của các sử gia, nguồn gốc dòng họ và huyết thống của Lý Thế Dân khá phức tạp; để tìm một người họ Lý có danh vọng thời xưa làm tổ tông, nhà Đường bèn tìm đến Lão Tử Lý Đam, phong ông làm "Lý Lão Quân". Sau khi được nhà Đường phong làm thần tiên, cuốn Đạo Đức Kinh của Lão Tử liền trở thành đứng đầu trong ba bộ kinh của Đạo giáo. Lại thêm Trang Tử được gọi là Nam Hoa Kinh, Liệt Tử biến thành Thanh Hư Kinh, cũng giống như ba bộ kinh Tịnh Độ của Phật giáo vậy. Cuốn sách Lão Tử vốn dĩ không hề mang màu sắc tôn giáo, nhưng từ khi rơi vào tay Đạo giáo, Lão Tử trở nên đầy hơi hướng tôn giáo, bị động trở thành giáo chủ. **"Thái Thượng Lão Quân nhất khí hóa tam thanh"** (Thái Thượng Lão Quân một khí hóa thành ba vị Thanh), tương đương với thuyết tam thân của nhà Phật.

Kỳ thực, sách gốc Đạo Đức Kinh của Lão Tử không hề có chút hơi hướng tôn giáo nào, chỉ riêng ở chương 73 này mới hé lộ ra một chút màu sắc tôn giáo, đó là quyết định của "trí tuệ" cao hơn hết thảy. Nhưng cái mà trí tuệ có thể biết, lại có quan hệ tuyệt đối với chính trí tuệ ấy; đời sau gọi cái đó là số mệnh, tức là trong vũ trụ có một thứ không thể biết được. Thứ ấy, mỗi người khoác cho nó một tấm áo khác nhau: phương Tây gọi nó là "Thượng Đế", "Đấng Chủ Tể"; người Ấn Độ khoác cho nó tấm áo "Như Lai", "Phật"; người Trung Quốc khoác cho nó tấm áo gọi là "Trời Đất". Theo các nhà triết học, nhà khoa học mà nói, đây là một sức mạnh không thể biết được. Văn hóa nhân loại xưa nay trong ngoài đều biết trong vũ trụ có một thứ như vậy, cho nên giữa lợi và hại, chỉ có trí tuệ mới có thể phán đoán được.

Việc này cũng giống như bốn người đánh mạt chược, mỗi người đều có khả năng thua hoặc thắng, có một quân bài không thể biết trước, không biết cuối cùng sẽ về tay ai, chỉ cần quân bài ấy tới tay mình, chắc chắn sẽ thắng. Nhưng xoay vòng qua lại, sơ ý một chút là nó lại rơi vào tay người khác. Cho nên trong việc vận dụng giữa lợi và hại, dù có trí tuệ cao đến đâu, cũng chỉ có thể tin vào một thứ thuộc về hình nhi thượng mà thôi. "Thiên chi sở ố, thục tri kỳ cố", đó là ý trời, không tìm ra nguyên do; "thánh nhân do nan chi", dù là người đã đại triệt đại ngộ, đắc đạo, thì sức mạnh không thể biết ấy cũng khó mà nắm bắt được.

Tôn giáo phương Tây nói Thượng Đế là toàn năng, nhưng xét theo triết học tôn giáo, trên đời không có thứ gì là toàn năng cả; giả sử toàn năng thật, thì Thượng Đế đã không đến mức bó tay trước ác quỷ. Ác quỷ và Thượng Đế là hai thế lực đối lập nhau, có thể thấy Thượng Đế không phải toàn năng. Nhà Phật cũng không dám nói Phật là toàn năng, kỳ thực Phật có ba điều không thể làm được: thứ nhất, Phật không thể chuyển "định nghiệp", đó chính là đạo lý của câu "thiên chi sở ố, thục tri kỳ cố". Thứ hai, không thể độ người vô duyên. Thứ ba, không thể độ hết chúng sinh, đó là ba điều Phật không làm được. Phật thì việc gì cũng làm được, nhưng vẫn có ba điều không làm được.

Theo cách giải thích của nhà Phật, "định nghiệp" có một thời hạn nhất định, hoặc ba năm năm năm, hoặc một trăm năm năm trăm năm, trong sự biến đổi của thời gian không gian, "định nghiệp" sau khi chịu quả báo rồi thì tiêu mất. Cho nên "định nghiệp" cũng có thể chuyển được, nhưng là do chính mình chuyển, không phải Phật chuyển thay cho

bạn. Người không tin ta, chỉ cần mắng ta một tiếng, đã là kết duyên với ta rồi, lần sau có khi lại tin ta. Cho nên, không sợ bạn mắng, không sợ bạn phỉ báng, hai chúng ta đã kết một cái duyên, trong Phật học cũng gọi đó là "định nghiệp", văn hóa Trung Quốc gọi là "khí vận".

Khí vận ở quy mô nhỏ gọi là "vận mệnh", do thời gian không gian tạo thành; thời gian không gian không phải là chủ tể của nó, mà chỉ là hiện tượng của nó; nhưng hai thứ thời gian và không gian ấy, cũng chịu sự chi phối của cái thứ tồn tại trong vũ trụ kia, thứ ấy chính là căn nguyên của sinh mệnh loài người. Cho nên Lão Tử nói, nắm được cái thứ ấy là vô cùng khó, không phải trí tuệ có thể hoàn toàn nắm bắt được, cho nên nói "thánh nhân do nan chi".

Làm sao đạt được không tranh, không nói, không triệu

"Thiên chi đạo, bất tranh nhi thiện thắng" (đạo trời, không tranh mà khéo thắng), chữ **"thiên"** (trời) ở đây không phải cái trời thiên thể trong khoa học, cũng không phải cái trời trong tôn giáo; chữ "thiên" này trong cả Nho gia lẫn Đạo gia là một đại danh từ, một ký hiệu thuộc về hình nhi thượng. Ở Ấn Độ cũng có thể gọi nó là "Như Lai", dù sao cũng chỉ là một thứ như vậy. Thứ ấy sinh trưởng vạn vật, không tranh giành với vạn vật, nhưng vạn vật trong vũ trụ, không có gì lật ra khỏi lòng bàn tay nó được. "Thiên chi đạo, bất tranh nhi thiện thắng", mãi mãi không tranh với ai, nhưng cuối cùng con người đều phải quy phục nó. Công năng của cái bản thể hình nhi thượng ấy lợi hại đến như vậy! Vạn vật cuối cùng đều quy về không, quy về chỗ nó, đó chính là "không tranh mà khéo thắng". Cho nên Lão Tử nói tiếp mạch, bảo chúng ta noi theo cái đạo vô vi của trời, phép trị vô vi, mới có thể đạt tới cái thắng của không tranh. Giả sử làm ăn buôn bán mà làm được đến mức không tranh, thì có thể phát tài lớn, ngồi nhà mà ngày tiến vạn vàng, đó là việc buôn bán bậc nhất. Nhưng ai có được bản lĩnh ấy, trí tuệ ấy? Người thường cả đời đều đang tranh giành, cho nên "không tranh mà khéo thắng" là bậc nhất.

"Bất ngôn nhi thiện ứng" (không nói mà khéo đáp ứng), đạo trời thuộc hình nhi thượng thì không hình tướng, không âm thanh, cũng không nói năng. Có những người theo tôn giáo nói rằng hôm qua mình bỗng có linh cảm, đó là Thượng Đế nói với mình; có người ngồi thiền, nghe thấy Bồ Tát nói chuyện với mình. Nếu đúng như vậy, thì bạn nên lo là mình bị mắc chứng tâm thần phân liệt, bởi đó chỉ là ma đạo mà thôi. Đạo trời thật sự là không lời không tiếng, cũng chính là câu cuối cùng sách Trung Dung nói với chúng ta: **"Thượng thiên chi tái, vô thanh vô xú"** (việc trời chở che, không tiếng không mùi). Theo Phật pháp mà nói, đây là rốt ráo viên không, Niết Bàn thanh tịnh, viên mãn thanh tịnh, cho nên gọi là không tranh. Tuy không lời, nhưng "không nói mà khéo đáp ứng", vẫn có cảm ứng. Khổng Tử trong thiên Hệ Từ của Kinh Dịch từng nói **"tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông"** (lặng yên không động, cảm thì liền thông suốt), chính là để hình dung đạo lý này. Đây cũng chính là cảnh giới của "Đạo", của "Phật", là thanh tịnh trống rỗng, như như bất động. Câu "cảm nhi toại thông" ý nói chỉ cần bạn vừa động, thì phía bên kia đã có cảm ứng, một sức mạnh liền phát ra tác dụng.

"Bất triệu nhi tự lai" (không triệu mà tự đến), giữa họa phúc thiện ác nhân quả của đời người, không có một ai khác đứng ra làm chủ, đó chính là cái gọi là "vô chủ tể". Sách Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của Đạo gia Trung Quốc chúng ta, cũng tương đương như sách giáo huấn đạo đức quốc dân, cũng là một cuốn sách xưa của Trung Quốc bàn về luân lý đạo đức con người, trở thành cuốn sổ tay mà người dân tộc Trung Hoa ai cũng cần biết, ít nhất đã như vậy suốt trăm năm nay. Trong đó có một câu quan trọng: **"Họa phúc vô môn, duy nhân tự triệu"** (họa phúc không có cửa riêng, chỉ do con người tự chuốc lấy), họa và phúc không có ai làm chủ, cũng không phải do thần thánh. Không phải cứ cúng đầu heo là được thần phù hộ, không cúng thì quỷ tìm đến quấy phá, đó chỉ là lời nói suông. "Họa phúc vô môn", quỷ thần cũng không làm chủ được bạn, Thượng Đế Bồ Tát cũng không làm chủ được bạn, chỉ có tâm niệm của chính con người, cái gọi là "duy nhân tự triệu", là do chính bạn tự chuốc lấy. Cho nên mọi cảnh ngộ trong đời chúng

ta, nghiêm túc mà xét lại, đau khổ, hạnh phúc, phiền não v.v., đều là do mình tự chuốc lấy cả. Đạo trời chính là một thứ như vậy.

Tất cả đều là do chính mình gây nên

"绠 nhiên nhi thiện mưu" (thong thả mà khéo mưu tính), chữ **"绠"** (chản) có nghĩa như tấm lưới giăng tỏa ra, giống như kinh Hoa Nghiêm nói lưới trời của Đế Thích lớp lớp trùng trùng; trong cổ văn Trung Quốc đó chính là chữ **"绠"** (võng, lưới). Đạo trời cũng giống như một tấm lưới, không đâu không có mặt, nhưng lại không nhìn thấy được; **"nhi thiện mưu"** (mà khéo mưu tính), nghĩa là có trí tuệ riêng của nó. Trí tuệ thật sự thì không ai làm chủ, nhưng cũng không phải là tự nhiên, không phải cái tự nhiên theo nghĩa vật lý. Trong thành ngữ Trung Quốc, thường thấy câu: **"Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu"** (lưới trời lồng lộng, thưa mà không lọt). Trên trời có một thứ, không ai làm chủ, nhưng cũng không phải ngẫu nhiên. Cái trời ấy, cái lưới trời ấy, gọi nó là thần cũng được, là Bồ Tát cũng được, là Phật cũng được, thậm chí gọi nó là quỷ cũng không sao; nó sẽ không so đo với bạn về những tên gọi ấy, bởi vì "lưới trời lồng lộng", lòng dạ nó rộng lớn.

Nói đến triết học tôn giáo, thường có người đặt ra một câu hỏi thế này: tôn giáo vốn giảng về đúng sai thiện ác; nhưng có người cả đời là người tốt, làm việc tốt, lại phải chịu đả kích nhiều nhất, đau khổ cũng lớn nhất, đến cả Tư Mã Thiên, người viết Sử Ký, cũng từng có mối nghi ngờ như vậy. Tư Mã Thiên vì bênh vực lẽ phải cho Lý Lăng, mà ngược lại phải chịu cực hình, khổ sở suốt đời. Ông trong thiên Bá Di Thúc Tề liệt truyện có nói, cái gọi là đạo trời, là thật hay là giả, ta cũng không rõ nữa. Trên đời có biết bao người tốt khổ sở cả đời, còn những kẻ xấu xa thì cuộc sống lại sung sướng vô cùng, cái gì cũng tốt, người càng xấu thì cuộc sống càng tốt.

Đối với tôn giáo, hầu như ai cũng từng đặt ra câu hỏi này, và câu hỏi ấy quả thật rất khó giải đáp. Nhưng Kinh Kim Cang từng giải đáp rằng, giả sử người này cả đời làm việc xấu mà cả đời vẫn sống sung sướng như vậy, là vì phúc báo kiếp trước vẫn chưa hưởng hết, tiền lãi kiếp trước vẫn chưa dùng hết; đợi đến khi tiền lãi dùng cạn, vốn liếng cũng bị thu hồi, thì kiếp sau sẽ chịu ác báo. Nhưng kiếp sau thì lại không nhìn thấy được! Điều đó rất đơn giản: một người kiếp trước còn nợ chưa trả xong, nên kiếp này gặp vận rủi chịu khổ, trả nợ xong trước đã, thì kiếp sau sẽ tốt hơn.

Cũng có người nói, cái đó chỉ nghe cho biết thôi, kiếp trước với kiếp sau đều không nhìn thấy được cơ mà! Về mối nghi vấn này, chỉ cần đi vào nghiên cứu chính cái kiếp hiện thực này là sẽ hiểu rõ: "họa phúc vô môn, duy nhân tự triệu". Lão Tử vừa nói, **"thử lưỡng giả, hoặc lợi hoặc hại"** (hai loại dũng này, có lợi có hại), rất khó mà kết luận, bởi vì nếu tự mình nghiêm túc phản tỉnh lại, sẽ phát hiện ra rằng gặp phải đả kích lớn nhất chính là phúc báo lớn nhất; nếu không gặp phải đả kích lớn nhất, thì có khi mạng cũng chẳng giữ được. Đương nhiên sống cũng chưa chắc đã là tốt! Sống quá lâu cũng rất khổ sở, dù người thường vẫn cho rằng trường thọ cũng là một cái phúc.

Từ biết bao đạo lý như vậy mà nhìn lại, mới hiểu được ý nghĩa của câu Lão Tử nói ở đây: **"thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất thất"** (lưới trời mênh mông, thưa mà không sót). Nó không có đạo lý, không có ai làm chủ, không có tiêu chuẩn nào cả, nhưng lại có một nguyên tắc lớn, một tiêu chuẩn; đạo lý này, trên bất cứ nền triết học tôn giáo nào cũng đều là một đạo lý sâu sắc nhất. Nói gọn một câu, đó chính là luật nhân quả: nhân do mình tạo ra, tự nhiên mình nhận lấy quả ấy, không ai trốn thoát được.

Hạ Kinh · Chương 74

Dân bất úy tử, nại hà dĩ tử cụ chi?

Dân không sợ chết, sao lại lấy cái chết để dọa họ?

Nhược sử dân thường úy tử, nhi vi kỳ giả, ngô đắc chấp nhi sát chi, thục cảm?

Nếu khiến dân thường sợ chết, mà kẻ làm điều kỳ lạ (bất thiện), ta bắt giết họ, ai dám?

Thường hữu tư sát giả sát, phù đại tư sát giả sát, thị vị đại đại tượng chước,

Thường có người (trời) chuyên lo việc giết. Kẻ thay người (trời) mà giết, đó gọi là thay thợ mộc giỏi đẽo gỗ,

Phù đại đại tượng chước giả, hi hữu bất thương kỳ thủ hĩ.

Kẻ thay thợ mộc giỏi đẽo gỗ, ít khi không bị thương tay mình.

Quyền sinh sát không thể thay thế

"Dân bất úy tử, nại hà dĩ tử cụ chi" (dân không sợ chết, sao lại lấy cái chết để dọa họ). Lão Tử nói rằng người thường vốn không sợ chết, lấy chuyện buôn bán làm ăn mà nói, người Trung Quốc xưa có câu: "nghề chém đầu vẫn có người làm, nghề lỗ vốn thì chẳng ai làm." Chỉ cần có tiền để kiếm là người ta dám liều, không sợ mất đầu; còn nếu không kiếm được tiền mà phải chịu lỗ vốn thì chắc chắn chẳng ai chịu làm. Vì sao lại như vậy? Chính vì "dân không sợ chết", con người vốn không thật sự sợ chết, cho nên mới nói "sao lại lấy cái chết để dọa họ". Từ câu này của Lão Tử có thể thấy thời Xuân Thu Chiến Quốc, người ta đều lấy cái chết ra để uy hiếp, coi đó là cách để cai trị, đó là việc ngu xuẩn nhất. Ngày nay có một số nước theo chế độ tập quyền cũng đi theo con đường ấy, giết bao nhiêu người như vậy, mà dân chúng có thật sự sợ hay không? Không hề. Người ta sẽ oán hận mà chống lại, chính là xuất phát từ sự uy hiếp ấy, cho nên nói là vô ích, bởi vì "dân không sợ chết, sao lại lấy cái chết để dọa họ".

"Nhược sử dân thường úy tử, nhi vi kỳ giả, ngô đắc chấp nhi sát chi, thục cảm" (nếu khiến dân luôn sợ chết, mà kẻ nào làm điều càn quấy, ta bắt lấy mà giết đi, ai còn dám). Giả sử trong lòng con người thật sự sợ chết, thì nhà cầm quyền có thể dùng cách giết chóc để uy hiếp, chẳng phải thiên hạ sẽ được thái bình hay sao? Nhưng theo quy luật của lịch sử, càng giết càng không thái bình, càng lấy giết chóc để cai trị càng khiến xã hội thêm bất an và phẫn nộ. Mạnh Tử cũng từng nói **"bất thị sát nhân giả năng nhất chi"** (kẻ không ham thích giết người mới có thể thống nhất được thiên hạ), chữ "nhất" ở đây chính là thống nhất; tư tưởng vương đạo trong chính trị không phải là chủ nghĩa lý tưởng, mà rất thực tế: lòng nhân từ thật sự chính là thủ đoạn cao nhất, cũng chính là thành công lớn nhất. Nhưng nếu coi lòng nhân từ chỉ là một thủ đoạn để vận dụng, thì đã phạm sai lầm, và cũng sẽ không thể thành công. Đó là đạo lý mà Lão Tử muốn nói ở đây.

"Thường hữu tư sát giả sát" (luôn có đấng chuyên coi việc giết mà giết). Người ta thường lấy việc giết chóc ra để uy hiếp kẻ khác, cho rằng có quyền uy là có thể khống chế được tất cả, đó là điều hoàn toàn sai lầm. Nhưng giữa trời đất, có một quyền uy thật sự; các nhà tôn giáo đem nó đúc thành một vị thần, một con quỷ, hoặc một đấng Thượng Đế, một vị Bồ Tát, tất cả những hình tượng ấy chẳng qua chỉ là biểu tượng mà thôi. Bất kỳ tôn giáo nào cũng đều phản đối việc thờ tượng, Phật giáo cũng không ngoại lệ. Nhưng vì sao chúng ta vẫn lễ Phật? Chúng ta cũng biết rõ đó chỉ là pho tượng thôi mà! Lễ Phật là vì việc ấy khiến bản thân mình sinh khởi lòng cung kính thật sự, đó không phải là chuyện tượng hay không phải tượng. Nếu cho rằng lạy pho tượng ấy là sẽ được phúc báo, thì đó mới chính là sai lầm, đó là không hiểu tôn giáo; bất kỳ một tôn giáo chân chính nào cũng đều không lạy tượng. Tượng đại diện cho tấm lòng chân thật, cho tinh thần thành kính, cho nên bản thân việc thờ tượng không có gì sai.

Nói theo đạo lý triết học, sự thưởng phạt thật sự trong vũ trụ chính là **"thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất thất"** (lưới trời mênh mông, thưa mà không sót), trời đất sinh ra vạn vật, đồng thời cũng giết vạn vật, bởi vì lúc kết thúc đời bạn cũng chính là lúc trời đất đang che chở bạn. Mùa thu đến, vạn vật ắt phải điêu tàn; cỏ cây năm nay điêu tàn đi, thì cỏ cây năm sau mới mọc lên tươi tốt hơn. Không trải qua sự giết chóc ấy thì không có lần sinh sôi tiếp theo, cho nên giữa sinh và giết, hay giữa lợi và hại, quả thật rất khó phân định. Chuyện sống chết của con người cũng là cùng một đạo lý như vậy, cho nên Lão Tử mới nêu ra chữ "thường", đó là một sự tồn tại vĩnh hằng vô hình; cái gọi là "thường hữu tư sát giả" ấy, cũng tức là kẻ nắm giữ quyền sinh sát. **"Tư sát giả sát"** (kẻ chuyên coi việc giết thì giết), chỉ có nó mới đủ năng lực, đủ đạo đức, đủ lý lẽ để giết.

"Phù đại tư sát giả sát, thị vị đại đại tượng chước" (kẻ thay đấng chuyên coi việc giết mà giết, đó gọi là thay bậc thợ mộc giỏi mà đẽo gỗ), nhưng nếu con người chúng ta lại thay quyền quyết định sinh sát ấy, thì đó chính là "thay". Câu này rất dễ giải thích: tấm **"Thất Sát bi"** (bia Bảy Chữ Sát) của Trương Hiến Trung chính là triết lý giết người của ông ta, ông ta viết: "Trời sinh muôn vật để nuôi người, người chẳng có chút đức nào để báo đáp trời, giết giết giết giết…", liền một mạch bảy chữ "giết". Con người sống trên đời, có việc gì xứng đáng với trời đất đâu? Đó chính là triết lý "giết" của ông ta. Đáng tiếc Trương Hiến Trung chưa từng đọc sách Lão Tử, cái gọi là "kẻ thay đấng coi việc giết mà giết" ấy, Trương Hiến Trung bảo mình thay trời hành đạo nên mới giết, đó chính là điều gọi là "thay bậc thợ mộc giỏi mà đẽo gỗ".

Giả sử ông ta đúng là thay trời hành đạo, thì đó chính là thay "bậc thợ mộc giỏi" mà đi giết. Nhưng đạo phủ thật sự của trời cao vừa có đức hiếu sinh, lại vừa có khả năng thích giết, đó là một sức mạnh thuộc cõi vô hình mà con người không thể biết được. Như Trương Hiến Trung tự cho mình là thay trời hành đạo kiểu này, căn bản là sai lầm, bởi vì Lão Tử nói: **"phù đại đại tượng chước giả, hi hữu bất thương kỳ thủ hĩ"** (kẻ thay bậc thợ mộc giỏi mà đẽo gỗ, ít khi không tự làm bị thương tay mình)! Bạn thay trời đi giết, thì rất ít khi tự mình không bị thương tổn. Cứ xem lại chuyện đời Trương Hiến Trung thì biết ngay, lý luận triết học tuy không sai, nhưng bạn không thể đại diện cho trời cao mà hành đạo, bởi vì cái chức quyền ấy vốn không thuộc về bạn. Đây là đạo lý cao nhất của triết học tôn giáo, cũng là đạo lý triết học cao nhất trong chính trị Trung Quốc: chỉ có lòng nhân từ, lòng nhân ái, cho nên tuyệt đối không được thay trời mà giết chóc; giết chóc là một đạo lý khác.

Hạ Kinh · Chương 75

Dân chi cơ, dĩ kỳ thượng thực thuế chi đa, thị dĩ cơ.

Dân đói, vì người trên thu nhiều thuế, nên mới đói.

Dân chi nan trị, dĩ kỳ thượng chi hữu vi, thị dĩ nan trị.

Dân khó cai trị, vì người trên có nhiều hành động (can thiệp), nên khó cai trị.

Dân chi khinh tử, dĩ kỳ thượng cầu sinh chi hậu, thị dĩ khinh tử.

Dân coi nhẹ cái chết, vì người trên quá coi trọng cuộc sống (của mình), nên coi nhẹ cái chết.

Phù duy vô dĩ sinh vi giả, thị hiền ư quý sinh.

Người không làm gì vì mưu cầu sự sống, mới là hiền hơn kẻ coi trọng sự sống.

Thời đại bi thảm mà Lão Tử đã trải qua

"Dân chi cơ, dĩ kỳ thượng thực thuế chi đa" (dân đói, vì người trên thu nhiều thuế). Mấy trăm năm loạn lạc thời Xuân Thu Chiến Quốc đã lên đến cực điểm, nhưng Lão Tử không kịp chứng kiến thời Chiến Quốc, chỉ sống vào giai đoạn đầu thời Xuân Thu; lúc ấy xã hội đã đói kém đến mức người ăn thịt người. Trang Tử cũng từng nhắc tới, đời sau chắc chắn sẽ có cảnh người ăn thịt người. Ai nấy đọc sử sách thường chỉ thấy mặt sáng, còn nếu nhìn vào mặt trái của lịch sử thì riêng chuyện người Trung Quốc ăn thịt người qua các thời đại cũng đủ viết thành một cuốn sách chuyên khảo. Có giai đoạn trong lịch sử từng xảy ra chuyện đổi con cho nhau mà ăn thịt; khi thiên hạ đại loạn, cũng có người mẹ tự sát để lấy thân mình nuôi con cái và cả nhà sống sót. Những cảnh bi thảm như vậy không hiếm gặp trong sử sách. Lịch sử ngoài mặt hào nhoáng rực rỡ, nếu lật lại xem những ghi chép ở mặt trái thì thật thảm khốc không nỡ nhìn. Lão Tử khi ấy đã thấy được cảnh xã hội nghèo khó, trăm họ đói khổ. Bởi vì thời Xuân Thu các nước chư hầu chỉ một lòng lo làm giàu nước mạnh binh, chẳng đoái hoài gì đến sống chết của dân; thuế khóa lại nặng nề, khiến dân không sao sống nổi, vừa đói vừa nghèo.

"Dân chi nan trị, dĩ kỳ thượng chi hữu vi, thị dĩ nan trị" (dân khó cai trị, vì người trên có nhiều hành động can thiệp, nên khó cai trị). Mặt khác, tham vọng của chư hầu quá lớn, đầu óc lại quá khôn ngoan, muốn thống trị người khác, khống chế người khác, khiến dân nghèo của cạn, tất nhiên là "khó cai trị". Những lời này của Lão Tử, đối với chính trị thời ấy chẳng khác nào một liều thuốc mát. Kỳ thực, đâu chỉ riêng thời Xuân Thu Chiến Quốc như vậy, mọi quốc gia mọi dân tộc trên thế giới, hễ đến giai đoạn suy mạt, đều có hiện tượng này. Từ đó có thể hiểu, triết học của Lão Tử lấy phép trị nước vô vi làm thuốc, chính là một phương thuốc hay nhắm đúng căn bệnh của thời đại ấy.

Vì vậy tôi vẫn thường nói, ba nhà Nho, Phật, Đạo trong văn hóa Trung Quốc, Khổng Tử mở tiệm lương thực, đánh đổ tiệm lương thực rồi thì chỉ ăn bánh mì bít tết mãi cũng không no được, ăn riết sẽ sinh bệnh. Mấy chục năm trước người ta đánh đổ tiệm lương thực, thế là ai nấy đều hỏng cả dạ dày, cho nên tiệm lương thực không thể đánh đổ được. Đạo gia mở tiệm thuốc, không bệnh thì không cần tiệm thuốc, nhưng một khi đã sinh bệnh thì bắt buộc phải ra tiệm thuốc. Cho nên vị thuốc "vô vi nhi trị" mà Lão Tử mở ra rất quan trọng, gặp đúng bệnh này thì phải dùng đúng vị thuốc này. Phật gia mở cửa hàng bách hóa, ăn no rồi lại không bệnh tật gì, có rảnh thì ghé dạo cửa hàng bách hóa, không rảnh thì thôi không cần ghé. Cả ba tiệm ấy đều là những thứ cần thiết cho sự sinh tồn của con người, không tiệm nào được phép đánh đổ, đánh đổ tiệm nào cũng sinh rắc rối. Nhưng đến thời đại này, đâu chỉ đánh đổ cửa hiệu Khổng Tử, mà cả ba tiệm ấy đều đang âm thầm bị đánh phá, đánh đến mức bây giờ chúng ta khó xử vô cùng, rắc rối vô cùng.

Đoạn này giải thích rõ nguyên nhân Lão Tử nêu ra vì sao xã hội khó cai trị, chính là vì người lãnh đạo quá khôn ngoan, quá nhiều hành động can thiệp, nên mới khó cai trị.

“Dân chi khinh tử, dĩ kỳ thượng cầu sinh chi hậu, thị dĩ khinh tử” (dân coi nhẹ cái chết, vì người trên quá coi trọng cuộc sống của mình, nên coi nhẹ cái chết). Lão Tử đồng thời cũng nói đến một hiện tượng, đến một lúc nào đó, người ta thà chết còn hơn, cho nên thời xưa mới có câu “thà làm gà chó thời thái bình, chẳng làm dân thời loạn lạc”. Mấy chục năm gần đây, người của thời đại này sống quá sung sướng; còn ba năm chục năm trước, những ai từng trải qua loạn lạc đều có cảm giác mạng người thời loạn còn chẳng bằng gà chó, sống mà chẳng muốn sống nữa. Từ cuối đời Thanh cho đến thời quân phiệt, lại càng như vậy.

Hiện tượng này do ai gây ra? Lão Tử nói đó là do con người tạo ra, tầng lớp lãnh đạo bên trên tự mình muốn cầu sống, vì lòng ham sống của họ quá lớn, đòi hỏi quá đáng, khiến người khác không sống nổi, cũng chẳng muốn sống nữa. Trong Thế chiến thứ hai, quân phiệt Nhật Bản phát động chiến tranh, lúc mới bắt đầu, có một hai nhà triết học thật sự có học vấn của Nhật Bản đã phẫn uất tự sát, vì không nỡ nhìn đất nước mình bước vào con đường diệt vong. Đó chính là chuyện quân phiệt Nhật Bản năm xưa làm càn làm bậy, chỉ vì thỏa mãn dục vọng của bản thân mà khiến hàng ngàn hàng vạn sinh mạng con người phải hy sinh.

“Phù duy vô dĩ sinh vi giả, thị hiền ư quý sinh” (người không làm gì vì mưu cầu sự sống, mới là hiền hơn kẻ coi trọng sự sống). Làm một người lãnh đạo, đừng chỉ vì bản thân mà cầu sống, như điều Lão Tử đã nói ở trước **"vô vi kỳ sinh, nhi hậu sinh"** (không sống vì mình, nên mới có thể sống lâu), trước hết hãy gác sự sống của bản thân sang một bên, làm việc vì lợi ích người khác, thì sẽ không còn sợ không sống nổi nữa. Chính là đạo lý ấy.

Hạ Kinh · Chương 76

Nhân chi sinh dã nhu nhược, kỳ tử dã kiên cường.

Lúc người ta sinh ra thì mềm yếu, lúc chết thì cứng rắn.

Vạn vật thảo mộc chi sinh dã nhu thúy, kỳ tử dã khô cảo.

Cỏ cây vạn vật lúc sống thì mềm mại, lúc chết thì khô cứng.

Cố kiên cường giả tử chi đồ, nhu nhược giả sinh chi đồ.

Cho nên cứng rắn là con đường của cái chết, mềm yếu là con đường của sự sống.

Thị dĩ binh cường tắc bất thắng, mộc cường tắc binh.

Vì vậy binh cường thì không thắng, gỗ cứng thì thành binh khí.

Cường đại xử hạ, nhu nhược xử thượng.

Cứng mạnh ở dưới, mềm yếu ở trên.

Muốn sống thì phải mềm, muốn chết thì cứng rắn

"Nhân chi sinh dã nhu nhược, kỳ tử dã kiên cường" (lúc người ta sinh ra thì mềm yếu, lúc chết thì cứng rắn). Xương của trẻ sơ sinh rất mềm, tuổi càng cao thì xương càng cứng, cái gì cũng cứng, đến lúc chết thì cứng nhất. Vì vậy có người hay nói, tôi chẳng sợ gì cả, xương cốt tôi cứng lắm; nhưng thật đến lúc xương cốt cứng đờ rồi, thì cũng là lúc sắp chết. Người ta càng trẻ thì thân thể càng nhẹ nhàng mềm mại.

"Vạn vật thảo mộc chi sinh dã nhu thúy, kỳ tử dã khô cảo" (cỏ cây vạn vật lúc sống thì mềm mại, lúc chết thì khô cứng). Đây là nói về một hiện tượng vật lý: mềm mại là lúc sức sống còn dồi dào; cây cỏ cũng như xương cốt của các loài sinh vật khác, đến lúc chết thì trở nên cứng lại.

"Cố kiên cường giả tử chi đồ, nhu nhược giả sinh chi đồ" (cho nên cứng rắn là con đường của cái chết, mềm yếu là con đường của sự sống). Lão Tử nhấn mạnh dùng chữ **"nhu"** (mềm), tức cũng là dùng "hòa bình". Người thường hay giải thích chữ "nhu" của Lão Tử giống như nước, nhưng thực ra không phải vậy; "nhu" chính là nguyên lý của "hòa bình", vì thế ông mới nói: **"Thị dĩ binh cường tắc bất thắng, mộc cường tắc binh"** (vì vậy binh cường thì không thắng, gỗ cứng thì thành binh khí). Chữ "binh" ở đây không chỉ quân đội mang theo, mà chỉ binh khí, vũ khí; vũ khí quá cứng rắn, quá cứng thì dễ gãy, vật thật sự cứng rắn cũng như vậy. Cho nên thứ vững chắc sắc bén nhất lại chính là thứ mềm mại, mới có thể mãi mãi vừa sắc bén vừa bền lâu. "Mộc cường tắc binh", gỗ so với kim loại vốn không cứng lắm, nhưng có loại gỗ rất cứng, có thể làm thành binh khí. Nhưng gỗ đã làm thành binh khí rồi thì cũng coi như xong đời, ngược lại tự làm hại chính mình, đây là nói về nguyên lý của thế mạnh yếu.

"Cường đại xử hạ, nhu nhược xử thượng" (cứng mạnh ở dưới, mềm yếu ở trên). Thứ cứng mạnh thường ở dưới, còn thứ mềm yếu lại ở trên. Trên đời thứ gì cứng mạnh nhất? Trái đất! Thứ gì mềm yếu nhất? Sinh vật. Trái đất dù cứng mạnh đến đâu, vẫn bị chúng ta, những sinh vật, giẫm dưới chân; con người mềm mại lại đứng ở trên. Ví như một tòa tháp, hay một công trình kiến trúc vĩ đại, phần nền móng bên dưới bao giờ cũng là chỗ vững chắc nhất, cứng rắn nhất. Còn ở đỉnh tháp, chóp tháp, có gắn viên kim cương lấp lánh, cũng chỉ để cho đẹp mắt mà thôi.

Có người thích xem số mệnh, tôi vẫn thường nói, số mệnh của thế hệ chúng ta, tôi đã tính sẵn từ lâu rồi: sinh ra trong hoạn nạn, chết đi cũng trong hoạn nạn. Nhưng thế hệ chúng ta thật đáng nể, có thể đặt nền móng cho thời đại

tương lai; còn cái chóp tháp của công trình tương lai ấy có xây được hay không, thì phải xem sự cố gắng của lớp thanh niên hiện nay.

Hôm nay chúng ta giảng sách *Lão Tử*, cũng chẳng qua chỉ là lấy chút đồ vật bịt tạm một lỗ hổng nơi góc tường, còn kho báu thật sự thì mọi người phải tự dùng trí tuệ của mình mà đào lên. Tôi vẫn nhiều lần nhấn mạnh, "Tứ Thư" của đạo Khổng Mạnh cũng như *Lão Tử*, *Trang Tử*, văn chương đều rất cao siêu, mọi người đọc xong thường bị cảnh giới câu chữ cuốn hút, say mê trong cảnh giới văn học đẹp đẽ ấy mà bỏ quên mất đạo lý nằm ở đâu. Văn hóa Trung Quốc như Khổng, Mạnh, Lão, Trang, cũng như văn hóa Phật giáo Ấn Độ, nguyên tắc đều là nói rõ mối quan hệ nhân quả, đó cũng chính là điều Lão Tử đang nói với chúng ta lúc này.

Hạ Kinh · Chương 77

Thiên chi đạo, kỳ do trương cung dư?

Đạo trời, chẳng phải như giương cung vậy sao?

Cao giả ức chi, hạ giả cử chi; hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi.

Chỗ cao thì ép xuống, chỗ thấp thì nâng lên; chỗ dư thừa thì bớt đi, chỗ không đủ thì bù thêm.

Thiên chi đạo, tổn hữu dư nhi bổ bất túc; nhân chi đạo tắc bất nhiên, tổn bất túc dĩ phụng hữu dư.

Đạo trời, bớt chỗ dư thừa mà bù vào chỗ không đủ; đạo người thì không như vậy, bớt chỗ không đủ để phụng sự chỗ dư thừa.

Thục năng hữu dư dĩ phụng thiên hạ? Duy hữu đạo giả.

Ai có thể lấy chỗ dư thừa mà phụng sự thiên hạ? Chỉ có người có Đạo.

Thị dĩ thánh nhân vi nhi bất thị, công thành nhi bất xử, kỳ bất dục kiến hiền.

Vì vậy thánh nhân làm mà không cậy công, công thành mà không ở lại, không muốn tỏ ra hiền tài.

Đạo trời là gì

"Thiên chi đạo, kỳ do trương cung dư?" (đạo trời, chẳng phải như giương cung vậy sao?) Quy luật của vũ trụ, "đạo trời", cũng giống như giương cung bắn tên: cung phải kéo căng hết mức thì tên mới bắn được xa. Người Trung Quốc ta có câu, một kẻ xấu chưa gặp quả báo là vì "tội ác chưa đầy", đợi đến khi tội ác chất đầy rồi, giống như cây cung kéo căng hết cỡ, "bụp" một tiếng là bắn ra ngay. Cho nên đạo trời vận hành có một lẽ riêng của nó, đó cũng là lý do vì sao có khi người tốt chưa thấy được phúc báo, kẻ xấu cũng chưa thấy quả báo. Người phương Tây cũng có câu: "Thượng đế muốn cho ai diệt vong, tất trước hết khiến kẻ đó phát điên"; người Trung Quốc thì nói: "Trời sắp giáng đại họa xuống ai, tất trước hết ban cho kẻ đó phúc dày để rồi lấy lại." Cho nên có lúc đắc ý chưa hẳn đã là chuyện tốt, biết đâu trời đang định hủy diệt bạn, nếu không thì đâu lại ban cho bạn cái phúc lớn đến vậy.

Lúc con người không được như ý, ngược lại đầu óc không bị mờ mịt, còn tội ác thì lại dễ chất đầy; cho nên "đạo trời" cũng như giương cung, "chỗ cao thì ép xuống, chỗ thấp thì nâng lên", nhắm bắn vào mục tiêu, cao quá thì phải hạ xuống một chút, thấp quá cũng không được, phải nâng lên một chút mới bắn trúng. "Chỗ dư thừa thì bớt đi, chỗ không đủ thì bù thêm", đạo trời công bằng đến thế: chỗ nào bạn có dư, ắt sẽ bị lấy bớt đi một chút; chỗ nào thiếu, lại được bù thêm vào. Vì vậy Phật học gọi thế giới này là "thế giới Ta Bà", dịch nghĩa là **"kham nhẫn"** (chịu đựng được), nói thế giới chúng ta đang sống là một thế giới khiếm khuyết. Kinh Dịch cũng nói thế giới này là khiếm khuyết: cho bạn có tiền thì không cho bạn có học vấn, có học vấn thì lại không có tiền; cho bạn con cháu đầy nhà thì lại không cho bạn thứ khác nữa, cho nên bao giờ cũng khiếm khuyết, không trọn vẹn.

Tôi vẫn thường nói với người ta: này anh bạn, anh vừa có tiền vừa có địa vị, gia đình vợ con đều tốt cả, anh lại còn muốn thành Phật nữa, vậy thì tôi biết làm sao đây? Cái gì anh cũng có đủ cả, làm gì có chuyện như thế? Như những người xuất gia cầu đạo, họ bỏ hết mọi thứ, chỉ đứng hẳn về phía tu đạo; đã đứng về phía này thì tất nhiên phải bớt đi phía kia. Như Hán Vũ Đế, Tần Thủy Hoàng, cũng cùng một lối nghĩ: vừa muốn làm hoàng đế, vừa muốn thành tiên. Đạo trời không phải như vậy, mà là "bớt chỗ dư thừa mà bù vào chỗ không đủ", công bằng vô cùng, công bằng như cái cân vậy.

“Đạo người thì không như vậy, bớt chỗ không đủ để phụng sự chỗ dư thừa”, loài người lại không công bằng như trời: người ta dễ thêm hoa vào gấm, thậm chí có kẻ hại người để lợi mình, cho nên đạo người phải chịu quả báo thảm khốc. Lịch sử đến thời đại loạn lạc lớn, thì kiếp nạn lớn liền ập tới, đó là nhân quả của lịch sử. Đọc bộ Nhị Thập Ngũ Sử là biết ngay: mở nước ra sao thì cuối cùng kết thúc cũng y như vậy, đối chiếu lại giống nhau như đúc. Lấy quan điểm nhân quả mà nhìn lịch sử thì rất thú vị: như người Mãn Châu nhà Thanh, mẹ góa con côi dẫn mấy vạn người tiến vào Trung Nguyên, trải qua hơn hai trăm năm, cai trị bốn trăm triệu dân, cuối cùng cũng lại là mẹ góa con côi ngồi tàu hỏa mà quay về. Đến thế nào thì đi thế ấy, lên ngôi ra sao thì xuống đài cũng y như vậy, không sai một li.

“Ai có thể lấy chỗ dư thừa mà phụng sự thiên hạ? Chỉ có người có Đạo.” Người học đạo có một nguyên tắc, nhà Phật gọi là “đạo Bồ Tát”: “lấy chỗ dư thừa mà phụng sự thiên hạ”, đem hết những gì mình dư thừa ra mà xả bỏ, giúp đỡ người trong thiên hạ, bố thí nhiều cho người khác; chỉ có người có Đạo mới làm được việc này.

“Vì vậy thánh nhân làm mà không cậy công, công thành mà không ở lại, không muốn tỏ ra hiền tài.” Cho nên Lão Tử vẫn luôn nói với chúng ta: **“công thành, danh toại, thân thoái, thiên chi đạo”** (việc thành, danh đạt, thân lui, đó là đạo của trời). Dù làm việc cho riêng mình hay vì thiên hạ quốc gia, cũng đừng coi thành công ấy là do một mình mình tài giỏi; “công thành” là công của mọi người; “danh toại” rồi, có tiếng tăm rồi thì đã thấy ngượng; “thân thoái” thì phải mau chóng lui về, đó là **“thiên chi đạo”** (đạo của trời), là lẽ tự nhiên của đạo trời. Cho nên, đem hết mọi thành công dâng hiến cho đời, bố thí cho thiên hạ, Lão Tử dạy chúng ta noi theo đạo trời, đây chính là đạo lý lớn của nhân quả.

Hạ Kinh · Chương 78

Thiên hạ mạc nhu nhược ư thủy, nhi công kiên cường giả mạc chi năng thắng.

Trong thiên hạ không có gì mềm yếu hơn nước, mà không có gì có thể thắng nó khi tấn công cứng rắn.

Dĩ kỳ vô dĩ dịch chi.

Vì không có gì có thể thay thế nó.

Nhược chi thắng cường; nhu chi thắng cương.

Yếu thắng mạnh; mềm thắng cứng.

Thiên hạ mạc bất tri, mạc năng hành.

Thiên hạ không ai không biết, mà không ai có thể thực hành.

Thị dĩ thánh nhân vân:

Vì vậy thánh nhân nói:

Thụ quốc chi cấu, thị vị xã tắc chủ; thụ quốc chi bất tường, thị vi thiên hạ vương.

Nhận lấy ô nhục của nước, gọi là chủ xã tắc (bậc lãnh đạo quốc gia); nhận lấy điều bất tường của nước, gọi là vua của thiên hạ.

Chính ngôn nhược phản.

Lời ngay thẳng nghe như trái chiều.

Bạn có làm được lấy mềm thắng cứng không

"Thiên hạ mạc nhu nhược ư thủy, nhi công kiên cường giả mạc chi năng thắng, dĩ kỳ vô dĩ dịch chi" (trong thiên hạ không có gì mềm yếu hơn nước, mà đem đánh vào vật cứng rắn thì không gì thắng nổi nó, vì không có gì thay thế được nó). Lão Tử vẫn hay lấy nước ra làm ví dụ, phần trước đã nói qua, phép nhân minh của nhà Phật cũng rất hay dùng lối ví von như vậy, kỳ thực chỗ cao nhất trong đạo lý của cả ba nhà đều thông với nhau. Nước là thứ yếu ớt nhất trong thiên hạ, không một chút xương cốt, nhưng cứ một giọt rồi lại một giọt nhỏ xuống không ngừng, nhỏ suốt hàng vạn năm, thì thép cứng nhất cũng bị nước nhỏ cho thủng. Bất kể khoáng vật cứng đến đâu, cũng đều bị nước nhỏ cho thành một cái lỗ, **"nhược chi thắng cường, nhu chi thắng cương"** (yếu thắng mạnh, mềm thắng cứng), đạo lý ấy ai cũng biết cả, **"thiên hạ mạc bất tri, mạc năng hành"** (thiên hạ không ai không biết, mà không ai làm được), thế nhưng chẳng mấy ai chịu đi làm, ai cũng chỉ thích hơn người, thích nổi trội, tự cho mình là khôn.

"Thị dĩ thánh nhân vân: thụ quốc chi cấu, thị vị xã tắc chủ; thụ quốc chi bất tường, thị vi thiên hạ vương" (vì vậy thánh nhân nói: nhận lấy ô nhục của nước mới đáng gọi là chủ xã tắc; nhận lấy điều chẳng lành của nước mới đáng làm vua thiên hạ). Cho nên thánh nhân nói, làm một người lãnh đạo, cho tới việc gây dựng thành công một sự nghiệp riêng, đều phải làm được việc gánh chịu hết thảy nỗi khổ của mọi người. Ngay cả ông chủ một nhà máy, một công ty, cũng phải gánh vác được mọi khổ đau của người dưới quyền, gánh hết trách nhiệm thay cho cấp dưới, có như vậy mới làm được người lãnh đạo. Nếu lãnh đạo một quốc gia mà làm được việc nhận lấy điều chẳng lành của nước, gánh lấy nỗi khổ của cả nước, đem phúc phần nhường cho người khác, thì mới đáng làm vua thiên hạ, đó mới thật là vua của thiên hạ, đấy mới là con đường chính. **"Chính ngôn nhược phản"** (lời ngay thẳng nghe như trái chiều), ông nói, lời ngay thẳng của ta mới chính là lời thật, nhưng người đời phần nhiều không làm nổi, nghe qua cứ ngỡ là lời nói ngược.

Hòa đại oán, tất hữu dư oán, an khả dĩ vi thiện?

Hòa giải mối thù lớn, ắt còn lại mối thù chưa hòa; như thế sao có thể là thiện?

Thị dĩ thánh nhân chấp tả khế, nhi bất trách ư nhân.

Vì vậy thánh nhân giữ phần bên tả của khế ước (phần ghi nợ), mà không trách cứ người (ký nợ).

Hữu đức tư khế; vô đức tư triệt.

Người có đức giữ phần khế ước (nhắc người); người không đức giữ phần thu triệt (đòi tiền).

Thiên đạo vô thân, thường dữ thiện nhân.

Đạo trời không thiên vị, thường ở cùng người thiện.

Nắm giữ nguyên tắc, không cầu toàn thiện toàn mỹ

Lão Tử nói cho chúng ta biết bí quyết lớn nhất của đời người: nếu con người cứ muốn làm sao cho vẹn toàn mọi bề, thì tuyệt đối sẽ không làm được. Câu **"hòa đại oán, tất hữu dư oán"** (hòa giải mối thù lớn, ắt còn lại mối thù chưa hòa) cho thấy con người vốn sinh ra đã sẵn cái tâm lý thích oán trách, ưa than phiền. Người ta thường trách thanh thiếu niên thời nay bất mãn với hiện thực, nhưng tôi cho rằng bất mãn với hiện thực là căn bệnh chung xưa nay, đông tây, không riêng gì thanh thiếu niên, chúng ta cũng y như vậy cả. Lúc trẻ thì bất mãn với hiện thực của tuổi trẻ, giờ về già rồi vẫn cứ bất mãn y như thế. Bất mãn với cái gì? Người già bất mãn với hiện thực của tuổi già, người trẻ bất mãn với hiện thực của tuổi trẻ, mọi thời đại, mọi cõi đời, chẳng có ai thật sự an phận, thật sự thỏa mãn với hiện thực cả. Giả sử có ai thỏa mãn với hiện thực, thì người đó hoặc là thánh nhân, hoặc là yêu quái; dĩ nhiên thánh nhân làm được điều ấy, còn yêu quái thì chưa chắc đã làm được. Cho nên ngoài thánh nhân ra, chẳng ai an phận với hiện thực cả, bởi lòng người vốn kỳ lạ lắm, không có ai là không mang oán trong lòng. Tôi vẫn hay dẫn lời cổ văn: **"Hoa lạc thủy lưu hồng, nhàn sầu vạn chủng, vô ngữ oán đông phong"** (hoa rụng nước cuốn trôi sắc hồng, muôn mối sầu vơ vẩn, lặng lời mà oán trách gió đông), đấy là lúc người ta chẳng còn gì để oán mà vẫn cứ đi oán gió đông kia! Đương nhiên, hoa rụng nước trôi cũng phải đem ra than trách một phen, đó là tâm lý con người, nhất là tâm lý của người trẻ tuổi. Cho nên, trên đời gần như không có ai thật sự là người thiện; người thiện mà đạt tới cảnh giới không oán cũng không hận, thì đó chính là cảnh giới của thánh nhân, của Phật rồi.

Muốn làm sao cho mọi việc đều vẹn toàn là điều không thể được, vì hễ hóa giải xong mối oán lớn, thì những mối oán nhỏ lại biến thành oán lớn. **"An khả dĩ vi thiện, thị dĩ thánh nhân chấp tả khế, nhi bất trách ư nhân"** (như thế sao có thể là thiện, vì vậy thánh nhân giữ phần bên tả của khế ước, mà không trách cứ người), cho nên nói, thánh nhân không hề đòi hỏi đạt tới cái thiện tuyệt đối của thiên hạ, bởi điều đó vốn không thể làm được. Vì phải trái tốt xấu, xét về mặt triết học, vốn không có một tiêu chuẩn tuyệt đối nào cả; phải trái thiện ác tốt xấu, đều do sự biến đổi của thời gian không gian cùng những nhân tố do con người tạo ra mà quyết định. Hôm nay chúng ta thấy chiếc áo này đẹp, mấy năm sau lại thấy nó không đẹp nữa, đó đều là do tâm lý con người biến đổi theo hoàn cảnh thời không mà quyết định cả. Cho nên thánh nhân thời thượng cổ không đòi hỏi thiên hạ phải hết oán, người người đều không còn oán. "Tả khế" là chỉ nguyên tắc lớn, giữ vững nguyên tắc lớn là được rồi, không cần phải trách cứ người khác. Mạnh Tử cũng từng nói **"hữu cầu toàn chi hủy, bất ngu chi dự"** (có kiểu chê bai chỉ vì đòi hỏi vẹn toàn, có kiểu khen ngợi bất ngờ không ai lường trước), người đời thường lấy tiêu chuẩn của thánh nhân ra mà phê bình đối phương, đòi hỏi người khác vô

cùng nghiêm khắc, nhưng lại chẳng bao giờ nghiêm khắc với chính mình như thế, tất cả đều thuộc loại "cầu toàn chi hủy".

Trên đời thường có người bỗng dưng nổi tiếng, nhưng trên thực tế cái danh lớn ấy chưa chắc đã đúng với sự thật, đó gọi là **"bất ngu chi dự"** (lời khen bất ngờ không ai lường trước), tức là lời tâng bốc ngoài dự liệu. Đạo của thánh nhân là nắm giữ nguyên tắc, mà không khắt khe trách cứ người khác. **"Hữu đức tư khế, vô đức tư triệt"** (người có đức giữ phần khế ước, người không đức giữ phần thu triệt), thật sự hiểu được đạo lý này, thì sẽ hiểu đạo của thánh nhân chính là đạo của bậc đại chính trị gia trong tầng lớp lãnh đạo, chỉ nắm giữ nguyên tắc chứ không đòi quản lý chi li. "Vô đức tư triệt", chữ "triệt" ở đây nghĩa là trị; cách cai trị của kẻ vô đức chính là đặt ra quy tắc khắp mọi nơi, tức là quản lý, đó là cách làm của người vô đức.

"Thiên đạo vô thân, thường dữ thiện nhân" (đạo trời không thiên vị, thường ở cùng người thiện), đây là câu danh ngôn của Lão Tử, đạo trời rất công bằng, không phải hôm nay anh đem đầu heo ra cúng bái thì trời liền đối xử tốt với anh hơn một chút đâu; trời chẳng cần biết anh có cúng bái hay không, chỉ cần có đức có thiện, tự khắc sẽ có cảm ứng, đạo lý của Bồ Tát cũng chính là như vậy. Nhưng câu này lại có người đặt nghi vấn, chính Tư Mã Thiên cũng từng hỏi: "thiên đạo vô thân, thường dữ thiện nhân" liệu có đúng không? Ông viết trong Bá Di Thúc Tề liệt truyện rằng, Bá Di, Thúc Tề hai người này chẳng phải là rất tốt hay sao? Vậy tại sao lại bị chết đói? Tư Mã Thiên quả là hài hước! Tuy đây là lời nói đùa, nhưng cha con Tư Mã Thiên đều là tín đồ của Đạo gia, Tư Mã Thiên vẫn thường phê bình Nho gia, mà Nho gia cũng phê bình Đạo gia.

Hạ Kinh · Chương 80

Tiểu quốc quả dân.

Nước nhỏ dân ít.

Sử hữu thập bách chi khí nhi bất dụng;

Khiến có công cụ hiệu quả gấp mười trăm lần mà không dùng;

Sử dân trọng tử nhi bất viễn tỉ;

Khiến dân coi trọng cái chết mà không đi xa;

Tuy hữu chu dư, vô sở thừa chi;

Dù có thuyền xe, không có chỗ để dùng;

Tuy hữu giáp binh, vô sở trần chi.

Dù có giáp trụ vũ khí, không có chỗ để bày ra.

Sử dân phục kết thằng nhi dụng chi.

Khiến dân trở lại dùng nút thắt dây (thay chữ viết).

Cam kỳ thực, mỹ kỳ phục, an kỳ cư, lạc kỳ tục.

Ăn thấy ngon, mặc thấy đẹp, ở thấy yên, phong tục thấy vui.

Lân quốc tương vọng, kê khuyển chi thanh tương văn,

Nước láng giềng trông thấy nhau, tiếng gà chó nghe thấy nhau,

Dân chí lão tử, bất tương vãng lai.

Dân đến già đến chết, không qua lại với nhau.

“Tiểu quốc quả dân” chính là tự trị địa phương

Nhiều người viết luận văn triết học chính trị hay nhắc tới cách trị nước **“tiểu quốc quả dân”** (nước nhỏ dân ít) của Lão Tử, cho rằng Lão Tử phản đối việc cai trị theo kiểu nước lớn. Nhưng Trung Quốc chúng ta vốn là một nước lớn, nếu muốn thực hành quan niệm chính trị của Đạo gia, chẳng lẽ phải chia nước lớn thành nhiều nước nhỏ hay sao? Về điểm này, mọi người đã bỏ quên một việc: cái gọi là “quốc gia” thời Xuân Thu Chiến Quốc không giống với quan niệm “nước” ngày nay; chữ “quốc” thời ấy chỉ là tên gọi một đơn vị hành chính địa phương (không mang nghĩa quốc gia như bây giờ), mãi đến thời Tam Quốc vẫn còn dùng theo nghĩa đó. Đến thời Đường Thái Tông, khi phong đất cho các vị đứng đầu địa phương, vẫn còn dùng chế độ “chư hầu trị quốc” mà giao cho con mình, sai con đi cai quản một vùng. Cho nên chữ “quốc” trong “tiểu quốc quả dân” mang nghĩa là “khu vực”. Đừng thấy một chữ “quốc” mà đem quan niệm quốc gia ngày nay ra đọc sách Lão Tử, như thế là hiểu sai rồi.

Hiểu được điều này rồi, ta mới biết “tiểu quốc quả dân” chính là tự trị địa phương, tiến thêm một bước còn chủ trương rằng muốn một quốc gia, một thiên hạ được thái bình, thì đạo đức của quốc dân phải sung mãn, ai nấy đều có thể tự giác tự động, đạo đức quốc dân được nâng cao rồi mới có thể nói tới tự do dân chủ, mới đạt tới thiên hạ thái bình. Giải thích “tiểu quốc quả dân” theo hướng này mới có thể đúng với ý gốc của Lão Tử.

Hiện nay trên thế giới chỉ có nước Thụy Sĩ là miễn cưỡng có thể gọi là "tiểu quốc quả dân", ngoài ra còn có một nước khác, cả nước chỉ có ba viên cảnh sát, nhưng thực ra đó không phải là một quốc gia thật sự, chỉ là tự họ xưng là quốc gia mà thôi.

"Sử hữu thập bách chi khí nhi bất dụng" (có công cụ hiệu quả gấp trăm lần mà không dùng đến), tức là mọi người tuy có nền văn minh vật chất tốt nhất, nhưng điều họ coi trọng lại là văn hóa tinh thần, chứ không mấy coi trọng văn minh vật chất. **"Sử dân trọng tử nhi bất viễn tỉ"** (khiến dân coi trọng cái chết mà không đi xa), mọi người coi trọng mạng sống, nên không liều mình mạo hiểm, mà chỉ muốn sống một cuộc sống gia đình yên ổn, không rời xa quá môi trường mình sinh ra và lớn lên. **"Tuy hữu chu dư, vô sở thừa chi"** (dù có thuyền xe, cũng chẳng có chỗ để dùng), tuy có phương tiện giao thông tốt, nhưng lại không đi; nói theo cuộc sống hiện đại thì cũng như tuy có xe tốc hành cao tốc, nhưng không có việc gì cần kíp thì cũng chẳng buồn ngồi lên.

"Tuy hữu giáp binh, vô sở trần chi; sử dân phục kết thằng nhi dụng chi, cam kỳ thực, mỹ kỳ phục, an kỳ cư, lạc kỳ tục" (dù có giáp trụ vũ khí, cũng chẳng có chỗ để bày ra; khiến dân trở lại dùng nút thắt dây mà dùng, ăn thấy ngon, mặc thấy đẹp, ở thấy yên, phong tục thấy vui), thà để mọi người sống cuộc đời nguyên sơ chất phác tự tại, yên ổn vững vàng, ăn ngon mặc ấm, ở thoải mái, xã hội yên định, người với người đối xử với nhau bằng đạo đức, còn hơn. **"Lân quốc tương vọng, kê khuyển tương văn, lão tử bất tương vãng lai"** (nước láng giềng trông thấy nhau, nghe được cả tiếng gà tiếng chó, đến già đến chết cũng chẳng qua lại với nhau). Ai từng có kinh nghiệm sống trên núi thì biết, nhà hàng xóm ở tận đỉnh núi đối diện, muốn gặp nhau bắt tay thì phải đi mất ba ngày đường; nhưng sáng ra đứng trước cửa nhà, hai bên đều nhìn thấy nhau, chỉ cần vẫy tay ra hiệu một cái, ý là hỏi "anh đi đốn củi à?" "Tôi cũng sắp đi gánh nước đây."

Trước đây tôi từng sống ở vùng biên cương, ăn phải đồ nhiều dầu mỡ, lúc rửa mặt sợ gió lớn, bèn lấy tay còn dính dầu mỡ mà xoa lên mặt, chùi lên áo, cả người ai nấy đều hôi gần như nhau cả! Nhưng ngửi mãi thành quen, chẳng còn thấy hôi nữa; lại còn nằm ngủ ngay trên đất, tôi thấy những ngày ấy sống cũng khá thoải mái. Ban đầu chưa quen, về sau thấy trời đất mù mịt, cứ thế mà sống trọn kiếp người ở đó, ấy cũng coi như là cuộc sống chân thực, tiến bộ nhất rồi. Bây giờ có những người trải thảm nhà dày cộp, làm nửa ngày công đã đủ tiền lương, nửa ngày còn lại nhất quyết không chịu ra làm việc nữa, thế cũng coi như đã đạt tới cảnh **"kê khuyển chi thanh tương văn, dân chí lão tử bất tương vãng lai"** (tiếng gà chó nghe được lẫn nhau, dân đến già đến chết chẳng qua lại với nhau) rồi. Có những vùng lạc hậu, chuyện người đưa thư bị chó cắn còn là tin tức lớn nhất, ngoài ra chẳng còn chuyện gì khác; chiến tranh thế giới ư, các anh cứ đánh nhau đi, chẳng liên quan gì tới tôi cả.

Có một học giả của chúng ta từng đến vùng đó diễn thuyết, ông nói với họ: "Nơi nguy hiểm nhất thiên hạ, e rằng chính là đất nước của các vị." Nhưng họ nghe xong, lại cho rằng người này đang nói điên nói khùng. Cho nên, cả vùng lạc hậu nhất lẫn quốc gia có nền văn minh vật chất phát triển giàu có nhất, đều cùng hợp với đạo lý mấy câu này của Lão Tử, chỉ khác nhau ở cảnh giới mà thôi.

Hạ Kinh · Chương 81

Tín ngôn bất mỹ; mỹ ngôn bất tín.

Lời thành tín thì không hoa mỹ; lời hoa mỹ thì không thành tín.

Thiện giả bất biện; biện giả bất thiện.

Người thiện thì không tranh biện; kẻ tranh biện thì không thiện.

Tri giả bất bác; bác giả bất tri.

Người biết (thực sự) thì không cần học rộng; kẻ học rộng thì không biết.

Thánh nhân bất tích, ký dĩ vi nhân kỷ dũ hữu;

Thánh nhân không tích trữ, đã vì người thì mình càng có;

Ký dĩ dữ nhân kỷ dũ đa.

Đã cho người thì mình càng nhiều.

Thiên chi đạo, lợi nhi bất hại;

Đạo trời, có lợi mà không có hại;

Thánh nhân chi đạo, vi nhi bất tranh.

Đạo thánh nhân, làm mà không tranh giành.

Không nói hoa mỹ, không tranh biện, không tích của, cho đi nhiều hơn, noi theo trời đất

"Tín ngôn bất mỹ, mỹ ngôn bất tín" (lời thành tín thì không hoa mỹ, lời hoa mỹ thì không thành tín) - lời nói thật lòng nghe vào đều không êm tai, còn lời nghe êm tai thì lại đều không đáng tin. **"Thiện giả bất biện, biện giả bất thiện"** (người thiện thì không tranh biện, kẻ tranh biện thì không thiện) - chính Lão Tử cũng phạm phải điều răn này, ông còn viết hẳn năm nghìn chữ sách, vẫn đang tranh biện đấy thôi, trái với chính nguyên tắc mà ông từng nói: chân lý thì chẳng có gì đáng tranh biện cả. Cho nên, hễ còn phải tranh biện thì đó đã không còn là chân lý nữa.

"Tri giả bất bác, bác giả bất tri" (người biết thực sự thì không cần học rộng, kẻ học rộng thì không biết) - khi trí tuệ đã đạt tới, dù không đọc sách vẫn biết hết muôn việc. Ngộ được đạo rồi thì một lần ngộ, trăm lần ngộ, nghìn lần ngộ, đều biết như nhau cả. Nhưng kiến thức thông thường càng nhiều thì trí tuệ thật sự lại càng bị kiến thức che mờ, đó chính là điều Phật học gọi là "sở tri chướng", biết càng nhiều thì càng khó vào đạo. Cho nên, ông nói bậc thánh nhân thực sự thì không ích kỷ, không chiếm giữ, đó chính là ý của câu **"thánh nhân bất tích"** (thánh nhân không tích trữ), không cất giấu vào túi riêng mình. Điều này cũng giống hệt đạo lý bố thí mà nhà Phật giảng, không chiếm giữ, không cất trữ, đem tất cả ra cống hiến.

Thật ra, nếu thực sự bố thí ra được, thì không chỉ bản thân bạn có cống hiến, mà cho đi càng nhiều, thành tựu của bạn lại càng cao. **"Ký dĩ vi nhân kỷ dũ hữu, ký dĩ dữ nhân kỷ dũ đa"** (đã vì người thì mình càng có, đã cho người thì mình càng nhiều) - nếu bạn thực lòng phục vụ người khác, cho đi càng nhiều thì bản thân bạn lại càng thêm giàu có.

"Thiên chi đạo lợi nhi bất hại, thánh nhân chi đạo vi nhi bất tranh" (đạo trời có lợi mà không hại, đạo thánh nhân làm mà không tranh giành) - đây mới thực sự là trọng tâm của sách Lão Tử, muốn chúng ta noi theo trời đất. Trời đất sinh trưởng muôn vật, sinh sôi không ngừng, chỉ có cho đi mà chẳng nghĩ đến thu lại, chẳng mong được đền đáp,

cho nên trời đất mới mãi mãi vẫn là trời đất. Con người cứ mãi muốn chiếm lấy trời đất, chiếm lấy lợi ích của người khác, rốt cuộc lại chẳng được gì cả, đó chính là nguyên tắc mà sách Lão Tử dạy cho chúng ta.

Phụ lục

Sách về các bản Lão Tử cùng chuyên luận nghiên cứu Lão Tử, kể ra đã hơn nghìn thứ. Bài này chỉ gom từ hai Hán đến Minh, Thanh, và chỉ những mục thường gặp, còn được ghi trong mục lục các thư viện cùng nhà sưu tập sách, cho nên chỗ sót còn nhiều. Nhất là trước tác của học giả cận đại và học giả Nhật, Anh, Đức, Pháp cùng các nước khác, đều lược hết; hoặc đợi ngày sau thu đủ, sẽ in thêm cho đủ, xin lượng thứ. (Chú: mục lục này phần lớn chọn từ sách Lão Tử khảo do ông Vương Hữu Tam biên soạn. Muốn xét kỹ, xin xem thêm sách ấy.)

Lão Tử, Đạo Đức Kinh

Đạo Đức Kinh của Lão Tử được chép trong mục lục Tùy thư. Lời bàn: sách này mục lục Hán thư không chép, mà chỉ chép thuyết của bốn nhà: họ Lân, họ Phó, họ Từ, và Lưu Hướng. Ở mục Lão Tử Lân thị kinh truyện chú rằng: "Họ Lý tên Nhĩ, họ Lân truyền học ấy." Cũng không ghi tên sách và số quyển. Sử ký · Lão Tử truyện nói: "Soạn sách hai thiên thượng hạ, nói ý đạo đức, hơn năm nghìn lời." Đó là chỗ thấy sớm nhất. Bản cổ sách Lão Tử rất nhiều: có bản viết tay lục triều và Đường, bản khắc đá Đường Tống, bản khắc Tống, cùng bản lụa Giáp Ất Mã Vương Đôi mới khai quật gần đây.

Theo bản truyện Lão Tử trong Sử ký: Lão Tử, người thôn Khúc Nhân, hương Lệ, huyện Khổ, nước Sở. Họ Lý, tên Nhĩ, tự Đam, sử quan giữ nhà chứa sách của nhà Chu. Khổng Tử sang Chu, sắp hỏi lễ Lão Tử. Lão Tử nói: "Điều thầy nói, người ấy cùng xương cốt đều đã mục rồi, chỉ còn lời là còn thôi! Vả người quân tử, gặp thời thì lên xe, không gặp thời thì lênh đênh mà đi. Ta nghe: thương gia giỏi giấu hàng như không có gì; quân tử đức dày, dung mạo như ngu; bỏ cái khí kiêu và nhiều dục của thầy, vẻ làm điệu và chí phóng túng, những thứ ấy đều không ích gì cho thân thầy. Ta bảo thầy, chỉ có thế thôi." Khổng Tử đi, bảo học trò: "Chim, ta biết nó bay được; cá, ta biết nó lội được; thú, ta biết nó chạy được; loài chạy thì dùng lưới, loài lội thì dùng câu, loài bay thì dùng tên có dây; đến rồng, ta không biết nó cưỡi gió mây mà lên trời! Hôm nay ta thấy Lão Tử, ông ấy như rồng vậy chăng?" Lão Tử tu đạo đức, học chỉ lo ẩn mình, không cầu danh. Ở Chu lâu, thấy Chu suy, bèn đi. Đến ải, quan giữ ải Doãn Hỷ nói: "Thầy sắp ẩn rồi! Cố viết sách cho tôi." Lão Tử bèn soạn sách hai thiên thượng hạ, nói ý đạo đức, hơn năm nghìn lời, rồi đi. Không biết ông kết thúc thế nào. Có thuyết nói Lão Lai Tử cũng người Sở, soạn sách mười lăm thiên, nói chỗ dùng của Đạo gia, cùng thời với Khổng Tử. Lão Tử khoảng hơn một trăm sáu mươi tuổi, hoặc nói hơn hai trăm, vì tu đạo mà dưỡng thọ. Một trăm hai mươi chín năm sau khi Khổng Tử mất, ghi rằng Thái sử Đam nhà Chu gặp Tần Hiến công, nói: "Thoạt đầu Tần với Chu hợp, hợp năm trăm năm thì lìa; lìa bảy mươi năm thì kẻ bá vương ra." Có thuyết bảo Đam tức Lão Tử, có thuyết bảo không phải; đời không biết đúng sai. Lão Tử là bậc ẩn quân tử. Con Lão Tử tên Tông, Tông làm tướng Nguy, phong ở Đoạn Can. Con Tông là Chú, con Chú là Cung, huyền tôn của Cung là Giả, Giả làm quan đời Hán Hiếu Văn Đế. Con Giả là Giải, làm thái phó cho Giao Tây vương Áng, nhân đó lập nhà ở Tề. Người đời học Lão Tử thì bài Nho học, Nho học cũng bài Lão Tử. **"Đạo bất đồng, bất tương vi mưu"** (Đường khác nhau thì không cùng mưu), há nói chuyện ấy chăng? Lý Nhĩ vô vi mà tự hóa, thanh tịnh mà tự chính.

Lời tán truyện Dương Hùng trong Hán thư dẫn Hoàn Đàm: Xưa Lão Đam soạn hai thiên lời hư vô, coi nhẹ nhân nghĩa, chê lễ học, vậy mà người đời sau thích còn cho là hơn cả Ngũ Kinh. Từ vua Văn, Cảnh nhà Hán, đến Tư Mã Thiên, đều có lời ấy.

Mâu Tử, Lý Hoặc Luận: Lão Tử **"tuyệt thánh khí trí"** (dứt bỏ thánh, bỏ trí), sửa mình giữ sự chân thật, vạn vật không đụng đến chí ông, thiên hạ không đổi được niềm vui của ông, thiên tử không lấy làm tôi, chư hầu không lấy làm

bạn, nên đáng quý. Lại nói: Cỏ bồng trôi mới có bánh xe, gỗ lõm trôi mới đặt thuyền chèo, nhện giăng mới bày lưới, dấu chim hiện mới có chữ viết; nên có phép thì dễ thành, không phép thì khó thành. Ta xem chỗ cốt yếu của kinh Phật có ba mươi bảy phẩm, đạo kinh họ Lão cũng ba mươi bảy thiên, nên noi theo đó.

Nguyễn Tịch, Thông Lão luận: Đạo thì theo tự nhiên mà hóa; **"hầu vương năng thủ chi, vạn vật tương tự hóa"** (hầu vương giữ được thì vạn vật sẽ tự hóa). Dịch gọi là "Thái cực", Xuân Thu gọi là "nguyên", Lão Tử gọi là "đạo". Thấy dẫn trong Thái Bình ngự lãm.

Lục Đức Minh, Tự lục của Kinh điển thích văn: Lão Tử họ Lý tên Nhĩ; Hà Thượng Công nói tên Trọng Nhĩ. Tự Bá Dương, người hương Lệ, huyện Khổ, nước Trần. Sử ký nói tự Đam, lại nói người thôn Khúc Nhân, một thuyết nói người Tương, nước Trần. Sinh đã tóc trắng. Lưu Hướng, Liệt tiên truyện nói: học với Dung Thành, sinh đời Ân. Làm trụ hạ sử nhà Chu; Sử ký nói làm sử giữ kho sách nhà Chu. Có thuyết nói là Lão Lai Tử, khoảng hơn một trăm sáu mươi tuổi, hoặc hơn hai trăm. Các nhà đều nói trước làm trụ hạ sử, rồi chuyển làm sử giữ kho sách. Cát Hồng nói: đời Văn Vương làm chủ tàng sử, đời Vũ Vương làm trụ hạ sử. Có thuyết Lão Tử đời Hoàng Đế là Quảng Thành Tử, một thuyết là Thiên Lão; đời Nghiêu là Vụ Quang Tử; đời Ân là Bành Tổ; đời Chu là trụ hạ sử. Thấy Chu suy, bèn ra ải phía tây, đời Chu Kính Vương. Vì quan giữ ải Doãn Hỷ mà nói hai thiên Đạo Đức. Chuộng hư vô vô vi. Lưu Hướng nói: đi về tây qua Lưu Sa, không biết kết thúc thế nào. Ban Cố nói: "Đạo gia thì thanh hư để tự giữ, khiêm nhược để tự giữ, ấy là thuật ngồi ngôi vua." Hán Văn Đế và Đậu Hoàng hậu thích lời Hoàng Lão. Có Hà Thượng Công ở bờ sông, kết cỏ làm am, lấy Lão Tử dạy. Văn Đế vời không đến, tự đến bờ sông trách; Hà Thượng Công bèn nhảy lên không, Văn Đế đổi nét mặt mà tạ; bèn soạn Lão Tử chương cú bốn thiên, trao Văn Đế, nói chỗ then chốt trị thân trị nước. Từ đó người bàn luận không ai không tôn chuộng lời huyền, chỉ Vương Phụ Tự khéo nắm được ý hư vô. Nay theo bản Vương, chọn rộng các nhà, để rõ chỗ giống khác.

Tống Liêm, Chư tử biện: Lão Tử hai quyển, Đạo Kinh, Đức Kinh mỗi thứ một, gồm tám mươi mốt chương, năm nghìn bảy trăm bốn mươi tám chữ, trụ hạ sử nhà Chu Lý Nhĩ soạn. Nhĩ tự Bá Dương, một tự Đam. "Đam" là tai không vành. Có thuyết năm thứ bốn mươi hai Chu Bình Vương, đem sách trao Doãn Hỷ. Nay xét: năm thứ bốn mươi chín Bình Vương mới vào Xuân Thu, thực là năm thứ nhất Lỗ Ẩn công; Khổng Tử sinh năm thứ hai mươi hai Tương công; từ khi vào Xuân Thu đến lúc Khổng Tử sinh đã một trăm bảy mươi hai năm. Lão Đam là người Khổng Tử từng hỏi lễ, sao thọ thế? Há lời Sử ký "Lão Tử hơn một trăm sáu mươi tuổi" và "hoặc nói hơn hai trăm tuổi" quả tin được chăng? Lời sách Đam, đại thể thu mình giữ mình, lui ẩn, không đứng trước sự vật, mà một bề trở về tự nhiên. Vì chỗ bao quát rất rộng, nên đời sau nhiều người tôn mà làm theo. **"Thị chi bất kiến danh viết di, thính chi bất văn danh viết hy, bác chi bất đắc danh viết vi"** (Nhìn mà không thấy, gọi là Di; nghe mà không nghe thấy, gọi là Hy; nắm mà không bắt được, gọi là Vi): Đạo gia lấy làm tổ. **"Cốc thần bất tử, thị vị huyền tẫn, huyền tẫn chi môn, thị vị thiên địa căn"** (Thần của thung lũng không chết, gọi đó là huyền tẫn; cửa của huyền tẫn, gọi đó là gốc rễ trời đất): nhà thần tiên lấy làm tổ. **"Ngô bất cảm vi chủ nhi vi khách, bất cảm tiến thốn nhi thối xích, thị vị hành vô hành, nhương vô tý, nhưng vô địch, chấp vô binh. Họa mạc đại ư khinh địch, khinh địch cơ táng ngô bảo, cố kháng binh tương gia, ai giả thắng hĩ"** (Ta không dám làm chủ mà làm khách, không dám tiến một tấc mà lùi một thước; ấy gọi là hành quân mà không có đội hình, vén tay áo mà không có cánh tay, đẩy lui địch mà không có đối địch, cầm binh mà không có vũ khí. Họa không gì lớn hơn khinh địch; khinh địch gần mất bảo vật của ta; cho nên khi hai quân giáp trận, kẻ ai bi sẽ thắng): nhà binh lấy làm tổ. **"Đạo xung nhi dụng chi, hoặc bất doanh, uyên hồ tự vạn vật chi tông. Tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân, hòa kỳ quang, đồng kỳ trần, trạm hề tự nhược tồn, ngô bất tri thùy chi tử, tượng đế chi tiên"** (Đạo như cái trống rỗng, mà dùng nó có lẽ không bao giờ đầy. Sâu thẳm thay, như là tổ tông của vạn vật. Bẻ gãy sự sắc bén, gỡ rối sự rối ren, hòa dịu ánh sáng chói, đồng hóa với bụi trần. Trong sáng thay, như dường vẫn còn đó. Ta không biết

nó là con của ai, như đã có trước Thượng Đế): Trang, Liệt lấy làm tổ. **"Tương dục hấp chi, tất cố trương chi; tương dục nhược chi, tất cố cường chi; tương dục phế chi, tất cố hưng chi; tương dục đoạt chi, tất cố dữ chi"** (Muốn thu hẹp nó lại, ắt trước hãy mở rộng nó ra; muốn làm yếu nó, ắt trước hãy làm mạnh nó; muốn bỏ phế nó, ắt trước hãy hưng thịnh nó; muốn cướp lấy nó, ắt trước hãy cho nó): Thân, Hàn lấy làm tổ. **"Dĩ chính trị quốc, dĩ kỳ dụng binh, dĩ vô sự thủ thiên hạ"** (Dùng chính đạo để trị nước, dùng kỳ biến để dùng binh, dùng không can thiệp để giữ thiên hạ): Trương Lương lấy làm tổ. **"Ngã vô vi nhi dân tự hóa, ngã hiếu tĩnh nhi dân tự chính, ngã vô sự nhi dân tự phú, ngã vô dục nhi dân tự phác"** (Ta vô vi mà dân tự hóa; ta hiếu tĩnh mà dân tự chính; ta không can thiệp mà dân tự giàu có; ta không có dục vọng mà dân tự chất phác): Tào Tham lấy làm tổ. Đam cũng là bậc hào kiệt thay! Tiếc rằng gốc chưa ngay, mà tệ lan ra ngọn khiến sĩ quân tử có lời "hư huyền thịnh thì nhà Tấn loạn"; dù khi Đam lập ngôn, ông cũng không tự biết tai họa thảm đến thế! Than ôi! Việc ấy tạm gác. Đạo gia tôn Hoàng Lão, sách Hoàng Đế đã không còn, mà Lão Đam cũng chỉ có năm nghìn lời này. Đồ đệ ông lại bỏ không học, ngược bắt chước kinh giáo nhà Thích để thành sách. Tam động quỳnh cương đời Khai Nguyên liệt kê, cố nhiên nhiều chỗ mất khuyết; mà Bảo văn thống truyện đời Tường Phù ghi các bộ như Đại động chân, Linh bảo động nguyên, Thái thượng động thần, Thái chân, Thái bình, Thái thanh, Chính nhất, cộng bốn nghìn ba trăm năm mươi chín quyển, lại xen nhiều phù chú, pháp lục, đan dược, phương kỹ, đều không phải điều Lão Đam nói tới. Bọn tế tửu đạo Ngũ Đấu Mễ vẫn tự xưng với người: "Ta đây là Đạo gia, ta đây là Đạo gia."

Hà Thượng Công, Lão Tử chương cú (老子章句) 2 quyển

Còn. Bản Tứ Khố; bản Đạo Tạng, mã tri thượng, ghi 4 quyển. Bản Tứ Bộ Tùng San; bản Tứ Tử; bản so chú có hình Ngũ Tử; bản Lục Tử; bản Thập Tử; bản Nhị Thập Tử; bản bia Cảnh Long; bản tàn kinh tràng Quảng Minh; bản chép tay cổ. Xem Quý trọng thư mục lục của trường Túc Lợi, Nhật Bản.

Mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử, Đạo Đức Kinh 2 quyển, trụ hạ sử nhà Chu Lý Nhĩ soạn, Hà Thượng Công chú đời Hán Văn Đế; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử 2 quyển, Hà Thượng Công chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Lão Tử Đạo Đức Kinh 2 quyển, Hà Thượng Công chú; Mục lục Tống sử ghi: Hà Thượng Công, Lão Tử đạo đức kinh chú 1 quyển; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Hà Thượng Công chương cú 4 quyển. Không rõ họ tên.

Vương Ứng Lân, Hán thư nghệ văn chí khảo chứng: Mục lục Tùy thư ghi: đời Lương có Chú Lão Tử 2 quyển của Tam lão Trường Lăng đời Hán Vô Khâu Vọng Chi; Mục lục Hán thư không chép. Siêu Công Vũ nói: "Năm thứ bốn mươi hai Chu Bình Vương trao Doãn Hỷ, gồm năm nghìn bảy trăm bốn mươi tám chữ, tám mươi mốt chương, nói tôn chỉ đạo đức. Cuối sách nói 'sử dân phục kết thằng nhi dụng chi' (khiến dân trở lại dùng nút thắt), ấy là đạo Tam Hoàng." Lữ thị Đông Lai nói: "Khổng Tử từng hỏi lễ; nay chỗ chép trong thiên Tăng Tử vấn khác hẳn năm nghìn lời; vì điều bảo Khổng Tử là chức ông đang giữ, điều viết vào sách là chỗ ông thấy." Lục Đức Minh, Tự lục nói: "Đời Chu Kính Vương ra ải phía tây, vì quan giữ ải Doãn Hỷ mà nói hai thiên Đạo Đức, chuộng hư vô vô vi; đời Hán Văn Đế, Hà Thượng Công soạn Chương cú bốn thiên, trao vua, nói chỗ then chốt trị nước trị thân." Mục lục không chép chương cú Hà Thượng Công; thuyết của họ Lân, họ Phó, họ Từ, Lưu Hướng nay đều mất. Vương Vũ Ngọc nói: bản ngự sao ở Tư Thiện Đường nay riêng không có tên chương; tên chương e không phải ý họ Lão. Họ Tiết nói: "Cổ văn Lão Tử Đạo Đức thượng hạ kinh, không chia tám mươi mốt chương; kim văn có chú Hà Thượng Công chia tám mươi mốt chương." Sử ký: "Nhạc Thần công vốn thầy Hà Thượng trượng nhân, dạy An Kỳ Sinh, truyền hai đời đến Thần công; học trò là Cái công làm thầy Tào tướng quốc, tu học Hoàng Đế Lão Tử." Vậy trượng nhân ấy chính là Hà Thượng Công ngày nay. Từ đời Tấn đã nói ông dạy Hán Văn Đế, lời kể càng quái đản. Siêu thị Cảnh Vu nói: "'Thường thiện cứu nhân, cố vô khí nhân; thường thiện cứu vật, cố vô khí vật' (Thường giỏi cứu người, nên không bỏ rơi người; thường giỏi cứu vật, nên không bỏ rơi vật) chỉ có ở Hà Thượng Công, bản cổ không có; Phó Dịch biết phân biệt."

Vương Bật đề Đạo Đức Kinh, không tách Đạo Đức mà chia thượng hạ, còn gần cổ chăng? Họ Diệp nói: sách họ Lão, chỗ khác Khổng Tử đều là lời sửa thói đời, chỗ cùng đều hợp với Dịch.

Họ Lân, Lão Tử kinh truyện (老子经传) 4 thiên

Mất. Xem mục lục Hán thư; Ban Cố tự chú: "Họ Lý tên Nhĩ, họ Lân truyền học ấy."

Họ Phó, Lão Tử kinh thuyết (老子经说) 37 thiên

Mất. Xem mục lục Hán thư, tự chú: "Trình bày học Lão Tử."

Họ Từ, Lão Tử kinh thuyết (老子经说) 6 thiên

Mất. Xem mục lục Hán thư, tự chú: "Tự Thiếu Quý, người Lâm Hoài, truyền Lão Tử."

Lưu Hướng, Thuyết Lão Tử (说老子) 4 thiên

Mất. Xem mục lục Hán thư.

Vô Khâu Vọng Chi, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển
Lão Tử chỉ thú, chỉ vào chỗ thú hướng (老子指趣) 3 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: Tam lão Trường Lăng đời Hán Vô Khâu Vọng Chi chú Lão Tử 2 quyển; Mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử chỉ thú 3 quyển, Vô Khâu Vọng Chi soạn; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử chương cú 2 quyển, An Khâu Vọng Chi soạn, Lão Tử đạo đức kinh chỉ thú 4 quyển, An Khâu Vọng Chi soạn; Mục lục Tân Đường thư ghi: An Khâu Vọng Chi, Lão Tử chương cú 2 quyển, lại Đạo đức kinh chỉ thú 3 quyển; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Vô Khâu Vọng Chi, Chương cú 2 quyển. Tự Trọng Đô, người Kinh Triệu, Tam lão Trường Lăng đời Hán.

Lời bàn: mục lục Quốc sử kinh tịch chí của Tiêu Hoành chép Vô Khâu Vọng Chi, Lão Tử chú 2 quyển, Lão Tử chương cú 2 quyển, Lão Tử chỉ thú 3 quyển; Chú với Chương cú là một sách, Tiêu thị chép hai lần. Lại lời chú trong mục lục Tùy thư, Tự lục của Kinh điển thích văn, và bản thân mục lục Tùy thư đều chỉ chép một sách mà tên khác, e vốn cũng một sách; mục lục Tân và Cựu Đường thư lại chép hai lần. Tạ Thủ Hạo trong Lão quân thực lục nói: "Bản An Khâu Vọng Chi, đời Ngụy Thái Hòa, Khấu Khiêm Chi được." Lại xem bản truyện Cảnh Yểm trong Hậu Hán thư: "Cha (Cảnh) Huống, tự Hiệp Du, đỗ minh kinh làm lang, cùng Cấp là em họ Vương Mãng, cùng học Lão Tử với tiên sinh An Khâu." Chú Chương Hoài dẫn Hoàng Phủ Mật, Cao sĩ truyện: "Vọng Chi soạn Lão Tử chương cú, nên Lão Tử có học An Khâu. Cảnh Huống đất Phù Phong, Vương Cấp đều thờ làm thầy, theo học Lão Tử." Vậy An Khâu Vọng Chi vốn tinh học Lão Tử.

Nghiêm Tuân, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: ẩn sĩ đời Hán Nghiêm Tuân chú Lão Tử 2 quyển; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Nghiêm Tuân Chú 2 quyển. Tự Quân Bình, người Thục Đô, kẻ sĩ được vời đời Hán. Lại soạn Lão Tử chỉ quy, dẫn về chỗ gốc 14 quyển.

Nghiêm Tuân, Lão Tử chỉ quy, dẫn về chỗ gốc (老子指归) 13 quyển

Còn sót. Bản Tứ Khố; bản Đạo Tạng, mã năng thượng trung hạ. Bản Cấp Cổ Các; bản Tân Đãi bí thư; bản Bí sách hội hàm; bản Học Tân thảo nguyên; bản Hán Ngụy tùng thư 96 thứ; bản Đường Tống tùng thư.

Mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử chỉ quy 11 quyển, Nghiêm Tuân chú; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử chỉ quy 14 quyển, Nghiêm Tuân chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Nghiêm Tuân, Chỉ quy 14 quyển; Mục lục Tống sử ghi: Nghiêm Tuân, Lão Tử chỉ quy 13 quyển.

Siêu Công Vũ trong Quận trai độc thư chí chép: Lão Tử chỉ quy 13 quyển. Sách này: Nghiêm Tuân Quân Bình đời Hán soạn, Cốc Thần Tử chú. Chương cú hơi khác các bản, như mười bảy chữ cuối chương **"dĩ khúc tắc toàn"** (cong thì còn nguyên) lại làm đầu chương sau. Mục lục hai bộ Đường thư ghi Nghiêm Tuân, Chỉ quy 14 quyển, Phùng Khuếch, Chỉ quy 13 quyển; bản này số quyển giống chú của Khuếch, đề Cốc Thần Tử mà không rõ tên, e chính là Khuếch.

Mã Dung, Lão Tử chú (老子注)

Mất. Xem bản truyện Mã Dung trong Hậu Hán thư.

Theo bản truyện Mã Dung trong Hậu Hán thư: Mã Dung tự Quý Trường, người Mậu Lăng, Phù Phong. Tài cao học rộng, là bậc Nho thông suốt của đời. Nuôi dạy học trò, thường đến hàng nghìn. Giỏi gảy cầm, thích thổi sáo, thông lẽ sống, mặc tính, không câu nệ khuôn phép nhà Nho. Từng muốn chú giải Xuân Thu Tả thị, đến khi thấy chú của Giả Quỳ, Trịnh Huyền, bèn nói: Giả quân tinh mà không rộng, Trịnh quân rộng mà không tinh; đã tinh đã rộng, ta thêm gì nữa! Chỉ soạn Tam truyện dị đồng thuyết. Chú Hiếu kinh, Luận ngữ, Thi, Dịch, ba lễ, Thượng thư, Liệt nữ truyện, Lão Tử, Hoài Nam tử, Ly Tao; soạn phú tụng, bia, văn tế, thư ký, biểu tấu, thất ngôn, cầm ca, đối sách, di lệnh, gồm hai mươi mốt thiên.

Tống Trung, Lão Tử chú (老子注)

Mất. Xem Lục Đức Minh, Lão Tử âm nghĩa.

Lưu Đào, Khuông Lão Tử, sửa lại Lão Tử (匡老子)

Mất. Xem bản truyện Lưu Đào trong Hậu Hán thư.

Theo bản truyện Lưu Đào trong Hậu Hán thư: Lưu Đào tự Tử Kỳ, một tên Vĩ, người Định Âm, Dĩnh Xuyên. Tính người sống giản, không câu nệ tiểu tiết. Đào tinh Thượng thư, Xuân Thu, làm chú giải chữ nghĩa, suy ba nhà Thượng thư cùng cổ văn, sửa đúng chữ hơn ba trăm việc, tên là Trung văn Thượng thư. Được bổ thị ngự sử. Linh Đế vốn nghe danh, mấy lần cho vào hầu. Sau nghi Đào thông với giặc, bèn bắt Đào bỏ ngục Bắc Tự cửa Hoàng môn, tra khảo ngày một gấp; Đào biết ắt chết, bèn nín thở mà chết. Thiên hạ không ai không thương. Đào soạn sách vài mươi vạn lời, lại làm Thất diệu luận, Khuông Lão Tử, Phản Hàn Phi, Phục Mạnh Kha, cùng dâng thư nói việc tiện đương thời, điều giáo, phú tấu, thư ký, biện nghi, gồm hơn trăm thiên.

Tưởng Dư, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Xem Tự lục của Kinh điển thích văn.

Lời bàn: Tự lục của Kinh điển thích văn nói: "Không rõ người nào. Một thuyết Trương Lỗ, hoặc Lưu Biểu. Lỗ tự Công Kỳ, người Phong, nước Bái, tướng quân Trấn Nam, hầu Quan Nội đời Hán." Đỗ Quang Đình, Đạo đức kinh quảng thánh nghĩa sớ tự nói: "Tưởng Nhĩ 2 quyển, Tam thiên pháp sư Trương Đạo Lăng chú", e chính chỉ sách này; Đỗ thị sợ là đoán bừa, nói rõ ở dưới. Lại mục lục Cựu Đường thư có Tương chú Lão Tử 2 quyển, chắc chỉ sách này.

Trương Lăng, Lão Tử chú (老子注)

Mất. Xem Hoằng Minh Tập.

Chung Diêu, Lão Tử huấn (老子训)

Mất. Xem chú thiên Ngôn ngữ trong Thế thuyết tân ngữ.

Đồng Ngộ, Lão Tử huấn chú (老子训注)

Mất. Xem chú Tam quốc chí.

Trương Ấp, Lão Tử chú (老子注)

Mất. Xem mục sách dẫn trong chú Văn tuyển.

Ngu Phiên, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Xem lời chú trong mục lục Tùy thư. Lời bàn: Hầu Khang và Diêu Chấn Tông khi viết Bổ chí mà gọi Thất lục, ấy là chỉ lời chú trong mục lục Tùy thư.

Diêu Chấn Tông trong Bổ Tam quốc nghệ văn chí dẫn bản truyện Ngô chí: "Phiên lại làm chú giải Lão Tử, Luận ngữ, Quốc ngữ, đều truyền ở đời." Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Lão Tử, Ngu Phiên chú 2 quyển. Mục lục Tùy thư ghi: đời Lương có Ngu Phiên chú Lão Tử 2 quyển, mất.

Vương Bật, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Còn. Bản Tứ Khố; bản Đạo Tạng, mã đắc thượng. Bản tùng thư cổ dật bắt chước quyển tử Đường; bản tùng thư chữ rời Tụ Trân; bản tụ trân nhỏ Hàng Châu; bản tụ trân nhỏ Giang Tô; bản Tứ Tử Trung Lập; bản Lục Tử; bản Nhị Thập Nhị Tử; bản Bách Tử; bản khắc chung Lão Trang của Tôn Khoáng; bản Tứ Bộ Bị Yếu; bản cục thư Chiết Giang khắc lại bản họ Trương Hoa Đình; bản thư viện Chiết Giang khắc lại bản cục Chiết; bản khắc Mẫn Tề Cấp; bản khảo đính Minh Hòa, Nhật Bản; bản khắc Hưởng Bảo, Nhật Bản.

Mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử Đạo Đức Kinh 2 quyển, Vương Bật chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Lão Tử Đạo Đức Kinh 2 quyển, Vương Bật chú; Mục lục Tống sử ghi: Vương Bật, Lão Tử chú 2 quyển; Kinh điển thích văn chép: Vương Bật Chú 2 quyển; Mục lục Đạo Tạng ghi: Đạo đức chân kinh chú 4 quyển, Vương Bật đất Sơn Dương chú.

Trần Chấn Tôn trong Trực trai thư lục đề giải chép: Lão Tử chú 2 quyển, Vương Bật đời Ngụy soạn. Đời Ngụy Tấn, huyền học thịnh; lời huyền của Bật đứng đầu bạn đồng thời, nên chú Dịch cũng nhiều nghĩa huyền. Siêu Thuyết Chi, tự Dĩ Đạo, nói: "Bật vốn sâu Lão Tử, còn Dịch thì nông. Với Dịch ông hay mượn tôn chỉ Lão Tử, mà Lão Tử không nhờ Dịch; dấu chỗ dư chỗ thiếu thấy rõ." Lão Tử đang lưu hành chia Đạo Đức Kinh làm thượng hạ quyển; bản này Đạo Đức Kinh lại không có mục chương, ắt là bản cổ.

Vương Bật, Lão Tử lược luận (老子略论) 1 quyển

Mất. Xem Quận trai độc thư chí.

Siêu Công Vũ trong Quận trai độc thư chí chép: Lão Tử lược luận 1 quyển. Sách này: Vương Bật đời Ngụy soạn. Gồm mười tám chương. Cảnh Vu nói: "Bật có được ở Lão Tử, không được ở Dịch; chú Dịch nhờ Lão Tử, mà Lão Tử luận không nhờ Dịch, thì chỗ nông chỗ sâu thấy rõ."

Vương Bật, Lão Tử chỉ lệ lược, lược nêu lệ chỉ (老子指例略) 2 quyển

Mất. Xem Tự lục của Kinh điển thích văn và mục lục hai bộ Đường thư.

Diêu Chấn Tông trong Bổ Tam quốc nghệ văn chí dẫn chú truyện phụ Chung Hội ở Ngụy chí: Hà Thiệu làm truyện Vương Bật, nói Bật chú Lão Tử, soạn Chỉ lược, rất có mạch lý. Tự lục của Kinh điển thích văn chép Bật lại soạn Lão Tử chỉ lược, 1 quyển. Kinh tịch chí trong Đường thư chép Lão Tử chỉ lệ lược, 2 quyển, không ghi soạn giả. Nghệ văn chí chép Vương Bật, Lão Tử chỉ lệ lược, 2 quyển. Nghệ văn chí nhà Tống chép Vương Bật, Đạo đức lược quy, 1 quyển.

Hà Yến, Lão Tử đạo đức luận (老子道德论) 2 quyển

Mất. Xem chú trong mục lục Tùy thư.

Diêu Chấn Tông trong Bổ Tam quốc nghệ văn chí dẫn thiên Văn học trong Thế thuyết: "Hà Yến chú Lão Tử chưa xong, gặp Vương Bật, tự nói tôn chỉ chú Lão Tử; ý Hà nhiều chỗ kém, không còn lên tiếng được, chỉ ừ ừ, bèn không chú nữa. Nhân soạn Đạo đức luận." Lại nói: "Hà Bình Thúc chú Lão Tử vừa xong, đến Vương Phụ Tự, thấy chú Vương tinh kỳ, bèn phục trong lòng nói: Người như thế có thể cùng bàn lẽ trời người!" Nhân lấy chỗ đã chú làm hai luận Đạo Đức.

Hà, Vương cùng người khác, Lão Tử tạp luận (老子杂论) 1 quyển

Mất. Xem chú trong mục lục Tùy thư.

Vương Túc, Huyền ngôn tân ký đạo đức (玄言新记道德) 2 quyển

Mất. Xem mục lục Tân Đường thư.

Chung Hội, Lão Tử đạo đức kinh chú (老子道德经注) 2 quyển

Mất. Nghiêm Khả Quân gom, bản Tứ Lục Đường loại tập. Lời bàn: Thiết Kiều mạn cảo · Đáp Từ Tinh Bá đồng niên thư: Chung Hội cùng người khác Chú Lão Tử 1 quyển, Khả Quân gom, chưa khắc.

Tuân Dung, Lão Tử nghĩa (老子义)

Mất. Xem chú Tam quốc chí.

Phạm Vọng, Lão Tử chú huấn (老子注训) 2 quyển

Mất. Xem Tự lục của Kinh điển thích văn.

Cát Tiên Công, Lão Tử tự thứ, sắp thứ tự lời tựa (老子序次) 1 quyển

Mất. Xem chú trong mục lục Tùy thư.

Hầu Khang trong Bổ Tam quốc nghệ văn chí chép: Cát Tiên Công, Lão Tử đạo đức kinh tự quyết, lời tựa ghi quyết yếu 2 quyển. Tên Huyền, đời Ngô học đạo thành tiên. Việc Huyền xem Tấn thư · Cát Hồng truyện và Bão Phác tử. Sơ học ký quyển 23 dẫn Đạo đức kinh tự quyết: "Đời Chu lại thác vào thần: mẹ họ Lý mổ nách trái mà sinh, sinh đã tóc trắng, hiệu Lão Tử." Ngự lãm quyển 667 dẫn Đạo đức kinh tự quyết: "Doãn Hỷ biết khí tía đi về tây, trai giới, muốn thấy đạo chân; đến khi Lão Tử qua ải, trao nghĩa kinh hai thiên." Ngọc Hải · Nghệ văn dẫn tựa Cát Huyền: "Lão Tử đi về tây khắp thiên hạ, quan giữ ải Doãn Hỷ nói: Đại đạo sắp ẩn chăng? Xin vì tôi soạn sách. Bèn làm hai thiên Đạo

Đức, năm nghìn chữ, thượng hạ kinh." Sách ẩn chú Sử ký · Lão Tử truyện dẫn Cát Huyền: "Con gái họ Lý sinh, nhân họ mẹ." Lại nói: "Sinh rồi chỉ cây lý, nhân đó lấy họ."

Dương Hỗ, Lão Tử Đạo Đức Kinh giải thích (老子道德经解释) 2 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử Đạo Đức Kinh 2 quyển, thái phó nhà Tấn Dương Hỗ giải thích; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử 2 quyển, Dương Hỗ chú, Lão Tử giải thích 4 quyển, Dương Hỗ soạn; Mục lục Tân Đường thư ghi: Dương Hỗ, Chú 2 quyển, lại Giải thích 4 quyển; Kinh điển thích văn chép: Dương Hỗ, Giải thích 4 quyển. Tự Thúc Tử, người Bình Dương, Thái Sơn. Thái phó nhà Tấn, hầu Cự Bình.

Vương Luân, Lão Tử lệ lược, lược nêu lệ (老子例略)

Mất. Xem chú thiên Bài điệu trong Thế thuyết tân ngữ.

Nguyễn Tịch, Thông Lão luận (通老论)

Mất. Xem mục sách dẫn trong Thái Bình ngự lãm.

Quách Phác, Lão Tử chú (老子注)

Mất. Xem mục sách dẫn trong chú Văn tuyển.

Văn Đình Thức, Bổ Tấn thư nghệ văn chí: Chú Văn tuyển · Thượng Lâm phú: "Trương Ấp nói: ba chữ này e là thừa. Quách Phác, Lão Tử kinh chú nói: hư vô mênh mông, thông linh với nguyên, nói khí cưỡi rất cao, nên ra được trên chim bay, cùng thần mà đi." Lời bàn: điều này cũng chẳng giống chú Lão Tử; nay tạm giữ mục, chờ khảo.

Thục Tài, Lão Tử Đạo Đức Kinh chú (老子道德经注) 2 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử Đạo Đức Kinh 2 quyển, Thục Tài chú; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử 2 quyển, Thục Tài chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Thục Tài chú Lão Tử 2 quyển; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Thục Tài, Chú 2 quyển.

Lời bàn: mục Dịch trong Kinh điển thích văn chép Thục Tài, Chú 10 quyển. Sách Thất lục nói không rõ người nào. Sách Thất chí nói là người đời sau Vương Bật. Lại, Thục Lý thư nói: "Họ Phạm tên Trường Sinh, một tên Hiền, ẩn núi Thanh Thành, tự hiệu Thục Tài. Lý Hùng lấy làm thừa tướng."

Phật Đồ Trừng, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Xem Đỗ Quang Đình, Đạo đức kinh quảng thánh nghĩa tự.

Trương Bằng, Lão Tử Đạo Đức Kinh chú (老子道德经注) 2 quyển

Mất. Mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử Đạo Đức Kinh 2 quyển, Trương Bằng chú; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử 2 quyển, Trương Bằng chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Trương Bằng, Chú 2 quyển; Kinh điển thích văn chép: Trương Bằng, Chú 2 quyển.

Lý Quỹ, Lão Tử âm (老子音) 1 quyển

Mất. Mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử âm 1 quyển, Lý Quỹ soạn; Mục lục Tân Đường thư ghi: Lý Quỹ, Lão Tử âm 1 quyển; Mục lục sách còn ở Nhật ghi: Lão Tử âm 1 quyển, Lý Quỹ soạn.

Đặng Xán, Lão Tử chú (老子注)

Mất. Xem bản truyện trong Tấn thư.

Đái Quỳ, Lão Tử âm (老子音) 1 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: tán kỵ thường thị nhà Tấn Đái Quỳ soạn; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Đái Quỳ, Âm 1 quyển. Tự An Đạo, người nước Tiều. Tán kỵ thường thị nhà Tấn, thái tử trung thứ tử; vời không nhận.

Lưu Hoàng Lão, Lão Tử chú (老子注)

Mất. Xem truyện phụ Lưu Ủy trong Tấn thư.

Theo truyện phụ Lưu Ủy trong Tấn thư: Hoàng Lão, con em họ Thiệu, đời Thái Nguyên làm thượng thư lang. Có học nghĩa lý, chú Thận Tử, Lão Tử, đều truyền ở đời.

Cưu Ma La Thập, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử 2 quyển, Cưu Ma La Thập chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Cưu Ma La Thập, Chú 2 quyển.

Tôn Đăng, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử Đạo Đức Kinh 2 quyển, thượng thư lang nhà Tấn Tôn Đăng chú; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử 2 quyển, Tôn Đăng chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Tôn Đăng chú Lão Tử 2 quyển; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Tôn Đăng, Tập chú 2 quyển. Tự Trọng Sơn, người Trung Đô, Thái Nguyên. Thượng thư lang Đông Tấn.

Tôn Đăng, Lão Tử âm (老子音) 1 quyển

Mất. Xem mục lục Tùy thư.

Vương Thượng, Lão Tử thuật (老子述) 2 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử kinh 2 quyển, Giang Châu thứ sử Đông Tấn Vương Thượng thuật chú; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử 2 quyển, Vương Thượng chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Vương Thượng, Chú 2 quyển; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Vương Thượng, Thuật 2 quyển. Tự Quân Tằng, người Lang Tà. Giang Châu thứ sử Đông Tấn, phong hầu Đỗ Trung.

Trình Thiều, Lão Tử tập giải (老子集解) 2 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử 2 quyển, lang trung nhà Tấn Trình Thiều tập giải; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử 2 quyển, Trình Thiều tập chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Trình Thiều, Tập chú 2 quyển; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Trình Thiều, Tập giải 2 quyển. Người Cự Lộc, lang trung Đông Tấn, hầu Quan Nội.

Viên Chân, Lão Tử Đạo Đức Kinh chú (老子道德经注) 2 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử Đạo Đức Kinh 2 quyển, Tây trung lang tướng nhà Tấn Viên Chân chú; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử 2 quyển, Viên Chân chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Viên Chân, Chú 2

quyển; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Viên Chân, Chú 2 quyển. Tự Ngạn Nhân, người Trần quận. Tây trung lang tướng Đông Tấn, Dự Châu thứ sử.

Bùi Xứ Ân, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Xem Trương Quân Tướng, Tam thập gia Lão Tử chú.

Trương Tự, Lão Tử Đạo Đức Kinh chú (老子道德经注) 2 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử Đạo Đức Kinh 2 quyển, Trương Tự chú; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Trương Tự, Chú 2 quyển.

Cự Sinh, Lão Tử Đạo Đức Kinh giải (老子道德经解) 2 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử Đạo Đức Kinh 2 quyển, Cự Sinh giải; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Cự Sinh, Nội giải 2 quyển. Không rõ người nào.

Hàm Đan thị, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử 2 quyển, Hàm Đan thị chú; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Hàm Đan thị, Chú 2 quyển. Không rõ người nào.

Thường thị, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử 2 quyển, Thường thị truyền; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Thường thị, Chú 2 quyển. Không rõ người nào.

Doanh thị, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử 2 quyển, Doanh thị chú; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Doanh thị, Chú 2 quyển.

Tăng Nghĩa Doanh, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử 2 quyển, thích Nghĩa Doanh chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Nghĩa Doanh, Chú 2 quyển.

Tăng Triệu, Lão Tử chú (老子注) 4 quyển

Mất. Xem Đỗ Quang Đình, Quảng thánh nghĩa tự.

Lời bàn: Quảng thánh nghĩa tự: "Sa môn Tăng Triệu người đời Tấn, Chú 4 quyển." Trong Đạo đức chân kinh tập giải của Triệu Bỉnh Văn đời Kim, còn giữ thuyết ấy.

Lưu Di Dân, Lão Tử huyền phổ, phổ huyền (老子玄谱) 1 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử huyền phổ 1 quyển, Sài Tang lệnh nhà Tấn Lưu Di Dân soạn; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử huyền phổ 1 quyển, Lưu đạo nhân soạn; Mục lục Tân Đường thư ghi: Lưu Di Dân, Huyền phổ 1 quyển, Lưu đạo nhân, Lão Tử huyền phổ 1 quyển; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Lưu Di Dân, Huyền phổ 1 quyển. Tự Di Dân, người Bành Thành. Sài Tang lệnh Đông Tấn.

Đào Uyên Minh tập có bài Họa Lưu Sài Tang thi; chú Đào dẫn Liên xã cao hiền truyện: "Lưu Trình Chi tự Trọng Tư, người Bành Thành, dòng dõi Sở Nguyên vương nhà Hán. Bé côi, thờ mẹ nổi tiếng hiếu. Tạ An, Lưu Dụ khen hiền, lần lượt tiến cử, đều cố từ. Dụ vì ông không khuất, bèn biểu dương cửa nhà, gọi là Di Dân."

Huyền Cảnh tiên sinh, Lão Tử Đạo Đức Kinh giản yếu nghĩa, nghĩa tóm yếu (老子道德经简要义) 5 quyển

Mất. Xem mục lục Cựu Đường thư.

Thích Tuệ Quán, Lão Tử nghĩa sớ (老子义疏) 1 quyển

Mất. Xem lời chú trong mục lục Tùy thư.

Lời bàn: Nghiêm Khả Quân, Toàn Tống văn biên: "Tuệ Quán tục tính Thôi, người Thanh Hà. Thoạt hỏi Tuệ Viễn, rồi ra bắc thăm La Thập. Đời Nguyên Gia, mất tại chùa Đạo Tràng ở kinh sư."

Thích Tuệ Lâm, Lão Tử Đạo Đức Kinh chú (老子道德经注) 2 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử Đạo Đức Kinh 2 quyển, thích Tuệ Lâm chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: tăng Tuệ Lâm, Chú 2 quyển; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: thích Tuệ Lâm, Chú 2 quyển.

Lời bàn: Nghiêm Khả Quân, Toàn Tống văn biên: "Tuệ Lâm vốn họ Lưu, người huyện Tần, Tần quận, xuất gia ở chùa Dã Thành. Đời Nguyên Gia, việc lớn triều đình đều bàn với ông. Có Hiếu kinh chú 1 quyển, Trang Tử · Tiêu dao thiên chú 1 quyển, Tập 9 quyển."

Thích Tuệ Nghiêm, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử Đạo Đức Kinh 2 quyển, thích Tuệ Nghiêm chú; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử 2 quyển, thích Tuệ Nghiêm chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: thích Tuệ Nghiêm, Chú 2 quyển; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: thích Tuệ Nghiêm, Chú 2 quyển. Người Trần Lưu, vốn họ Phạm, sa môn đời Tống.

Vương Huyền Tái, Lão Tử Đạo Đức Kinh chú (老子道德经注) 2 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử Đạo Đức Kinh 2 quyển, Vương Huyền Tái chú; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Vương Huyền Tái, Chú 2 quyển.

Cố Hoan, Lão Tử nghĩa cương, cương nghĩa (老子义纲) 1 quyển
Lão Tử nghĩa sớ (老子义疏) 1 quyển

Mất? Mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử nghĩa cương 1 quyển, Cố Hoan soạn, Lão Tử nghĩa sớ 1 quyển, Cố Hoan soạn; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử Đạo Đức Kinh nghĩa sớ 4 quyển, Cố Hoan soạn; Mục lục Tân Đường thư ghi: Cố Hoan, Đạo Đức Kinh nghĩa sớ 4 quyển, lại Nghĩa sớ trị cương 1 quyển; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Cố Hoan, Đường cáo 4 quyển. Một tên Lão Tử nghĩa sớ.

Trầm Lân Sĩ, Lão Tử yếu lược (老子要略)

Mất. Xem bản truyện Trầm Lân Sĩ trong Nam Tề thư.

Tổ Xung Chi, Lão Trang nghĩa thích (老庄义释)

Mất. Xem bản truyện Tổ Xung Chi trong Nam Tề thư.

Lương Vũ Đế, Lão Tử giảng sớ (老子讲疏) 6 quyển
Lão Tử nghĩa sớ lý cương (老子义疏理纲) 1 quyển

Mất. Mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử giảng sớ 6 quyển, Lương Vũ Đế soạn; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử nghĩa sớ lý cương 1 quyển, Lão Tử giảng sớ 6 quyển, Lương Vũ Đế soạn; Mục lục Tân Đường thư ghi: Lương Vũ Đế, Giảng sớ 4 quyển, lại Giảng sớ 6 quyển; Mục lục sách còn ở Nhật ghi: Lão Tử nghĩa sớ 8 quyển, Lương Vũ Đế soạn.

Hạ Dương, Lão Tử giảng sớ (老子讲疏)

Mất. Xem Lương thư · Hạ Dương truyện.

Đào Hoằng Cảnh, Lão Tử chú (老子注) 4 quyển

Mất. Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử chú 4 quyển, Đào Hoằng Cảnh chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Đào Hoằng Cảnh, Chú 4 quyển.

Dữu Mạn Thiến, Trang Lão nghĩa sớ (庄老义疏)

Mất. Xem truyện phụ Dữu Sân trong Lương thư.

Lương Giản Văn Đế, Lão Tử nghĩa (老子义) 20 quyển

Mất. Xem Lương thư · Giản Văn Đế bản kỷ.

Lương Giản Văn Đế, Lão Tử tư ký, ghi riêng (老子私记) 10 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử tư 10 quyển, Lương Giản Văn Đế soạn; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử tư ký 10 quyển, Lương Giản Văn Đế soạn. Tự lục của Kinh điển thích văn chép: "Gần đây có Lương Vũ Đế cha con cùng Chu Hoằng Chính giảng sớ", thì Giản Văn Đế hình như còn có giảng sớ. Nhưng chỗ gọi Lão Tử nghĩa, tư giảng sớ v.v., e vốn một sách mà tên khác.

Lương Nguyên Đế, Lão Tử giảng sớ (老子讲疏) 4 quyển

Mất. Xem Ngọc Hải · Nghệ văn.

Trương Hệ Thiên, Lão Tử chú (老子注)

Mất.

Lục tiên sinh, Lão Tử chú (老子注)

Mất. Cùng thấy trong Nghĩa sớ mới ra ở Đôn Hoàng.

Mạnh An Bài, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử chú 2 quyển, Mạnh thị chú; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Mạnh tử chú 2 quyển. Có thuyết Mạnh Khang, Khang tự Công Hưu, người Quảng Tông, An Bình. Trung thư giám nhà Ngụy, đình hầu Quảng Lăng.

Mạnh Trí Chu, Lão Tử nghĩa sớ (老子义疏) 5 quyển

Còn sót? Bản chép tay Đường mới ra ở Đôn Hoàng; bản Cổ tịch tàn tùng.

Mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử nghĩa sớ 5 quyển, Mạnh Trí Chu ghi riêng; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử nghĩa sớ 4 quyển, Mạnh Trí Chu soạn; Mục lục Tân Đường thư ghi: Mạnh Trí Chu, Nghĩa sớ 5 quyển.

Đậu Lược, Lão Tử chú (老子注) 4 quyển

Mất. Xem Đỗ Quang Đình, Đạo đức kinh quảng thánh nghĩa tự.

Lời bàn: Quảng thánh nghĩa tự: "Đạo sĩ đời Lương Đậu Lược, Chú 4 quyển, tôn chỉ không khác Vũ Đế và La Thập."

Tàng Huyền Tĩnh, Lão Tử sớ (老子疏) 4 quyển

Mất. Xem Đỗ Quang Đình, Đạo đức kinh quảng thánh nghĩa tự.

Hàn Tráng, Lão Tử huyền thị, bày lẽ huyền (老子玄示) 1 quyển

Mất. Lời chú trong mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử huyền thị 1 quyển, Hàn Tráng soạn; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Nghĩa tử huyền chỉ 8 quyển, Hàn Trang soạn; Mục lục Tân Đường thư ghi: Hàn Trang, Huyền chỉ 8 quyển.

Lời bàn: Mục sách dẫn trong chú Văn tuyển có Hàn Trang, Giải Lão Tử.

Tông Tắc, Lão Tử huyền cơ (老子玄机) 3 quyển

Mất. Xem chú trong mục lục Tùy thư.

Sơn Tông, Lão Tử u nghĩa, nghĩa thâm u (老子幽义) 5 quyển
Lão Tử chí (老子志) 1 quyển

Mất. Xem chú trong mục lục Tùy thư.

Lư Quang, Đạo Đức Kinh chương cú (道德经章句)

Mất. Xem truyện phụ Lư Đồng trong Bắc sử.

Lưu Nhân Hội, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Xem Đỗ Quang Đình, Đạo đức kinh quảng thánh nghĩa tự.

Chu Văn Đế, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển
Lão Tử nghĩa sớ (老子义疏) 4 quyển

Mất. Xem mục lục sách còn ở Nhật.

Lư Cảnh Dụ, Lão Tử Đạo Đức Kinh truyện (老子道德经传) 2 quyển

Mất. Xem mục lục Tùy thư.

Lời bàn: bản truyện trong Ngụy thư: "Lư Cảnh Dụ tự Trọng Nho, tên nhỏ Bạch Đầu, người Trác, Phạm Dương. Chú Chu Dịch, Thượng thư, Hiếu kinh, Luận ngữ, Lễ ký, Lão Tử; Mao thi, Xuân Thu Tả thị thì chưa xong."

Lương Khoáng, Lão Tử chú (老子注) 4 quyển

Đạo kinh phẩm (道经品) 4 quyển

Mất. Mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử 4 quyển, Lương Khoáng chú, Lão Tử Đạo Đức Kinh phẩm 4 quyển, Lương Khoáng chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Lương Khoáng, Đạo Đức Kinh phẩm 4 quyển.

Lư Cảnh Dụ, Lương Khoáng cùng người khác, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Xem mục lục Tân Đường thư.

Đỗ Bật, Lão Tử Đạo Đức Kinh chú (老子道德经注) 2 quyển

Mất. Xem bản truyện Đỗ Bật trong Bắc Tề thư.

Chu Hoằng Chính, Lão Tử sớ (老子疏) 5 quyển

Mất. Xem bản truyện Chu Hoằng Chính trong Trần thư.

Theo bản truyện trong Trần thư: Chu Hoằng Chính tự Tư Hành, người An Thành, Nhữ Nam. Mười tuổi thông Lão Tử, Chu Dịch. Hoằng Chính đặc biệt giỏi lời huyền, lại rõ kinh nhà Thích; dù bậc học rộng hay danh tăng, không ai không đến hỏi chỗ nghi còn đọng. Năm Thái Kiến thứ sáu, mất tại quan, thọ bảy mươi chín, thụy Giản tử. Soạn Chu Dịch giảng sớ 16 quyển, Luận ngữ sớ 11 quyển, Trang Tử sớ 8 quyển, Lão Tử sớ 5 quyển, Hiếu kinh sớ 2 quyển, Tập 20 quyển, lưu hành ở đời.

Chư Nhu, Lão Tử huyền lãm, xem lẽ huyền (老子玄览) 6 quyển

Mất. Xem Đỗ Quang Đình, Đạo đức kinh quảng thánh nghĩa sớ tự.

Lời bàn: Tựa Đỗ: "Đạo sĩ đời Trần Chư Nhu, soạn Huyền lãm 6 quyển." Lại Tập giải của Trương Quân Tướng có Trữ Nhu, ắt là một người. E viết Trữ Nhu là đúng.

Trương Cơ, Lão Tử nghĩa (老子义) 11 quyển

Mất. Xem bản truyện Trương Cơ trong Trần thư.

Trương Tiện, Lão Tử Trang Tử nghĩa (老子庄子义)

Mất. Xem truyện phụ Trương Huỳnh trong Tùy thư.

Vi Lục, Lão Tử nghĩa sớ (老子义疏) 4 quyển

Mất. Mục lục Tùy thư ghi dưới tên Vi Xứ Huyền.

Lời bàn: Đỗ Quang Đình, Quảng thánh nghĩa sớ tự: "Pháp sư Vi Lục, tự Xứ Huyền, chú kiêm nghĩa 4 quyển."

Lý Bá, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Xem mục lục Tân Đường thư.

Lời bàn: Đỗ Quang Đình, Quảng thánh nghĩa sớ tự: "Đạo sĩ đời Tùy Lý Bá, chú hai quyển thượng hạ." Lại Đường thư · Phương kỹ truyện: "Lý Thuần Phong, người Ung, Kỳ Châu; cha là Bá, làm quan Tùy, úy Cao Đường. Bỏ quan làm đạo sĩ, hiệu Hoàng Quan tử, lấy luận soạn để đời biết đến."

Lưu Trọng Dung, Lão Tử Đạo Đức Kinh (老子道德经) 2 quyển

Mất. Mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử Đạo Đức Kinh 2 quyển, Lưu Trọng Dung chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Lưu Trọng Dung, Chú 2 quyển.

Đái San, Lão Tử nghĩa sớ (老子义疏) 9 quyển

Mất. Mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử nghĩa sớ 9 quyển, Đái San soạn; Mục lục Tân Đường thư ghi: Đái San, Nghĩa sớ 6 quyển.

Vô danh thị, Lão Tử chương môn, môn chương (老子章门) 1 quyển

Mất. Mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử chương môn 1 quyển; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử chương môn 1 quyển; Mục lục Tân Đường thư ghi: Chương môn 1 quyển.

Vô danh thị, Lão Tử tiết giải, giải từng đoạn (老子节解) 2 quyển

Mất. Mục lục Tùy thư ghi: Lão Tử tiết giải 2 quyển; Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử tiết giải 2 quyển; Mục lục Tân Đường thư ghi: Tiết giải 2 quyển; Tự lục của Kinh điển thích văn chép: Tiết giải 2 quyển. Không rõ soạn giả. Có thuyết Lão Tử soạn, một thuyết Hà Thượng Công soạn.

Lưu Tiến Hỷ, Lão Tử thông chư luận (老子通诸论) 1 quyển

Mất. Xem mục lục Tân Đường thư.

Lưu Tiến Hỷ, Lão Tử sớ (老子疏) 6 quyển

Mất. Xem Đỗ Quang Đình, Quảng thánh nghĩa sớ tự. Lời bàn: Cựu Đường thư · Lục Đức Minh truyện: "Lúc ấy Từ Văn Viễn giảng Hiếu kinh, sa môn Huệ Thừa giảng Bát nhã kinh, đạo sĩ Lưu Tiến Hỷ giảng Lão Tử."

Lục Đức Minh, Lão Tử sớ (老子疏) 15 quyển

Mất. Xem mục lục Tân Đường thư.

Lục Đức Minh, Lão Tử âm nghĩa (老子音义) 2 quyển

Mất. Bản Kinh điển thích văn.

Lời bàn: Tự lục của Kinh điển thích văn nói: "Chỉ Vương Phụ Tự khéo nắm được ý hư vô. Nay theo bản Vương, chọn rộng các nhà, để rõ chỗ giống khác."

Nhan Sư Cổ, Huyền ngôn tân ký minh Lão bộ (玄言新记明老部) 5 quyển

Còn sót. Bản chép tay Đường.

Ngụy Trưng, Lão Tử yếu nghĩa (老子要义) 5 quyển

Mất. Xem Đỗ Quang Đình, Quảng thánh nghĩa sớ tự.

Lời bàn: Lã Tri Thường, Tiến Đạo Đức Kinh giảng nghĩa biểu: "Ngụy Trưng làm tướng Đường, soạn Chính nghĩa núi Tung", ắt chỉ sách này.

Phó Dịch, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử 2 quyển, Phó Dịch chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Phó Dịch, Chú Lão Tử 2 quyển; Mục lục Quốc sử chí của Tiêu Hoành: Phó Dịch chú Lão Tử 2 quyển. Phó Dịch, Hiệu định cổ bản Lão Tử 2 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng.

Lời bàn: Siêu Dĩ Đạo bạt bản Vương Bật chú Lão Tử: "'Thường thiện cứu nhân, cố vô khí nhân; thường thiện cứu vật, cố vô khí vật' (Thường giỏi cứu người, nên không bỏ rơi người; thường giỏi cứu vật, nên không bỏ rơi vật) chỉ có ở Hà Thượng Công, mà bản cổ không có, nhờ Phó Dịch biết phân biệt"; lại Tạ Thủ Hạo, Lão quân thực lục: "Đạo Đức Kinh, Phó Dịch đời Đường khảo các bản, đếm chữ" v.v., ắt đều chỉ sách này.

Phó Dịch, Lão Tử âm nghĩa (老子音义) 2 quyển

Mất. Mục lục Tân Đường thư ghi: Phó Dịch, Lão Tử âm nghĩa; Mục lục Tống sử ghi: Phó Dịch, Đạo Đức Kinh âm nghĩa 2 quyển.

Lời bàn: Tân Đường thư bản truyện Phó Dịch: "Phó Dịch, người Nghiệp, Tương Châu. Năm Trinh Quán thứ mười ba mất. Chú Lão Tử, và gom từ Ngụy Tấn trở đi những người tranh biện với Phật, thành Cao thức thiên." Lại Cựu Đường thư bản truyện: "Chú Lão Tử, và soạn Âm nghĩa."

Thành Huyền Anh, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Đạo Đức Kinh khai đề tự quyết nghị sớ, sớ bàn lời tựa quyết yếu mở đề (道德经开题序诀议疏) 7 quyển

Mất. Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử 2 quyển, Thành Huyền Anh chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: đạo sĩ Thành Huyền Anh chú Lão Tử Đạo Đức Kinh 2 quyển, lại Khai đề tự quyết nghĩa sớ 7 quyển; Mục lục Tống sử ghi: Thành Huyền Anh, Đạo Đức Kinh khai đề tự quyết nghĩa sớ 7 quyển; Mục lục Quốc sử kinh tịch chí của Tiêu Hoành: Thành Huyền Anh chú Lão Tử 2 quyển, Đạo Đức Kinh khai đề tự quyết nghĩa sớ 7 quyển, Thành Huyền Anh.

Lý Vinh, Lão Tử Đạo Đức Kinh chú (老子道德经注) 2 quyển

Mất. Xem mục lục Tống sử.

Giả Đại Ẩn, Lão Tử thuật nghĩa (老子述义) 10 quyển

Mất. Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử thuật nghĩa 10 quyển, Giả Đại Ẩn soạn; Mục lục Tân Đường thư ghi: Giả Đại Ẩn, Lão Tử thuật nghĩa 10 quyển; Mục lục sách còn ở Nhật ghi: Lão Tử thuật nghĩa 10 quyển, Giả Đại Ẩn soạn.

Bích Lư Nhân Tư, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử 2 quyển, Bích Lư Nhân Tư chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Bích Lư Nhân Tư, Chú Lão Tử 2 quyển. Bác sĩ ty, đời Thánh Lịch.

Lời bàn: Đường thư · Trương Tề Hiền truyện: Bích Lư Nhân Tư đời Võ Hậu làm thái thường bác sĩ. Tôn Tư Mạo, Lão Tử chú

Mất. Xem mục lục Tân Đường thư.

Dương Thượng Thiện, Lão Tử Đạo Đức Kinh chú (老子道德经注) 2 quyển

Lão Tử đạo đức chỉ lược luận, luận lược chỉ (老子道德指略论) 2 quyển

Mất. Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử Đạo Đức Kinh chỉ lược luận 2 quyển, Dương Thượng Thiện soạn; Mục lục Tân Đường thư ghi: Dương Thượng Thiện chú Lão Tử Đạo Đức Kinh 2 quyển, lại Lão Tử chỉ lược luận 2 quyển. Thái tử văn học.

Tống Văn Minh, Lão Tử nghĩa tuyền, suối nghĩa (老子义泉) 5 quyển

Mất.

Xa Huệ Bật, Lão Tử sớ (老子疏) 7 quyển

Mất. Cùng thấy trong Tập giải của Trương Quân Tướng, Quảng thánh nghĩa sớ tự của Đỗ Quang Đình.

Trương Quân Tướng, Tam thập gia Lão Tử chú (三十家老子注) 8 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng, mã tín thượng trung hạ. Bản tùng thư Gia Nghiệp Đường. Đều đề nhầm Cố Hoan soạn.

Mục lục Tống sử ghi: Lão Tử Đạo Đức Kinh tam thập gia chú 6 quyển; đạo sĩ Đường Trương Quân Tướng tập giải. Mục lục sách còn ở Nhật ghi: Lão Tử sớ 4 quyển, Trương Quân Tướng soạn; Mục lục Quốc sử kinh tịch chí của Tiêu Hoành: Đạo Đức Kinh tam thập gia chú 80 quyển, Trương Quân Tướng.

Siêu Công Vũ trong Quận trai độc thư chí chép: Tam thập gia chú Lão Tử 8 quyển. Sách này: đạo sĩ Trương Quân Tướng núi Mân, Thục quận đời Đường, gom chú Hà Thượng Công, Nghiêm Tuân, Vương Bật, Quách Tượng, Chung Hội, Tôn Đăng, Dương Hỗ, La Thập, Lư Dụ, Lưu Nhân Hội, Cố Hoan, Đào Ẩn Cư, Tùng Linh tiên nhân, Bùi Xứ Ân, Đỗ Bật, Tiết giải, Trương Bằng, Trương Tự, Tàng Nguyên Tĩnh, Đại Mạnh, Tiểu Mạnh, Đậu Lược, Tống Văn Minh, Trữ Nhu, Lưu Tiến Hỷ, Thái Tử Hoảng, Thành Huyền Anh, Xa Huệ Bật; Quân Tướng xưng ba mươi nhà mà liệt tên chỉ hai mươi chín, ắt tự kể mình là một nhà, cộng vào. Quân Tướng không rõ người thời nào, mà gọi Thành Huyền Anh là đạo sĩ triều mình, thì là người sau Thiên Bảo đời Đường. Lấy câu **"tuyệt học vô ưu"** (dứt bỏ học vấn thì không lo lắng) ghép cuối chương **"tuyệt thánh khí tri"** (dứt bỏ thánh, bỏ tri), lấy **"duy chi dữ a"** (vâng dạ và ừ hứ) tách riêng một chương, khác các bản.

Lư Tàng Dụng, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Mục lục Tân Đường thư ghi: Lư Tàng Dụng chú Lão Tử 2 quyển; Quốc sử chí: Lư Tàng Dụng chú Lão Tử 2 quyển.

Lời bàn: Đường thư bản truyện: "Lư Tàng Dụng tự Tử Tiềm, người Phạm Dương, U Châu. Đời Trường An vời bổ tả thập di. Giỏi viết văn, giỏi thuật thi quy cửu cung, khéo thảo lệ, đại tiểu triện, bát phân, giỏi cầm và cờ."

Doãn Tri Chương, Lão Tử chú (老子注)

Mất. Xem mục lục Tân Đường thư.

Lời bàn: Đường thư · Nho học truyện: "Doãn Tri Chương, người Dực Thành, Giáng Châu. Với sách Dịch, Lão, Trang càng hiểu thông. Chú của ông truyền khá nhiều lúc ấy."

Phùng Triều Ẩn, Lão Tử chú (老子注)

Mất. Xem mục lục Tân Đường thư.

Lời bàn: Đường thư · Nho học truyện: "Phùng Triều Ẩn đất Trường Lạc, biết suy tìm nghĩa kín Lão Trang. Cuối làm thái tử hữu dụ đức."

Trần Đình Ngọc, Lão Tử sớ (老子疏)

Mất. Xem mục lục Tân Đường thư. Nói: "Dâng năm Khai Nguyên thứ hai mươi, bổ hiệu thư lang."

Hình Nam Hòa, Lão Tử chú (老子注)

Mất. Xem mục lục Tân Đường thư. Nói: "Dâng năm Khai Nguyên thứ hai mươi mốt." Đường Minh Hoàng, Đạo Đức Kinh chú 2 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng, mã nam hạ. Ghi 4 quyển. Bản bia ngự chú quán Long Hưng, Dịch Châu, năm Khai Nguyên thứ hai mươi sáu; bản bia quán Long Hưng, Hình Châu, năm Khai Nguyên thứ hai mươi bảy.

Mục lục Tân Đường thư ghi: Huyền Tông chú Đạo Đức Kinh 2 quyển; Mục lục Tống sử ghi: Đường Huyền Tông chú Lão Tử Đạo Đức Kinh 2 quyển; có tựa. Sùng văn tổng mục ghi: Đạo Đức Kinh 2 quyển, Đường Minh Hoàng chú.

Lời tựa: Xưa bậc nguyên thánh gượng viết lời huyền, mở đầu chân tông, khai sáng cho đời sau. Văn để lại vẫn còn, nghĩa tinh thì khá lệch. Gom mà chỉ về chỗ gốc, dù Nghiêm Thục vẫn còn chỗ kém; nhặt chương câu, từ Hà Công cũng có lúc lược. Còn lại càng nhỏ nhoi, chẳng đáng kể; vậy tôn chỉ huyền diệu của Huyền Nguyên há sắp rơi mất! Trẫm quả mỏng đức, thường cảm văn này, tạm đội phúc được nối sau, sợ mất lẽ vô vi; mỗi khi nhàn yến, liền gõ then huyền, theo chỗ hiểu được mà làm chú giải. Há dám thành một nhà một thuyết, chỉ bổ chỗ văn còn khuyết; nay vừa dứt bút, bèn hỏi mọi người: công khanh bề tôi thứ dân, hai cửa Đạo và Thích, ai làm được như Bốc Thương gợi ý cho ta, như Tả thị chữa chỗ bệnh, trẫm khát khao nạp điều hay, lòng để trống; nếu đúng lời ấy, ắt thưởng hậu. Còn như tôi nịnh tự xưng thánh, may không phải bọn ấy; treo chợ mà khoe, cũng chỉ là đường nhỏ. Đã chẳng kiêng, đều nên nói thẳng, đừng để người sau chê cười, làm nặng cái bất đức của trẫm.

Trong Mặc lâm khoái sự: Đường Huyền Tông chú Đạo Đức Kinh, các văn sĩ cùng làm nên. Lúc ấy chú cổ đều còn, có nguồn gốc bậc hiền xưa, không có chỗ đời sau khoét sâu gượng ép; trong năm nghìn lời, được đến chín phần mười. Ngay bản văn chưa bị làm đục, lời đã vừa giản vừa kín, mà nghĩa ngược lại tinh thâm; đó là dòng đích của Lão Đam, không còn nghi! Bèn khắp cõi Hoa Hạ, nhiều nơi khắc đá; riêng đất Dịch Thủy này còn truyền nét bút Tô Linh Chi; chữ khác trong Dịch thì nhiều, nhưng không bằng tấm đá này.

Đường Minh Hoàng, Đạo đức chân kinh sớ (道德真经疏) 10 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã hiệu thượng hạ.

Mục lục Tân Đường thư ghi: Huyền Tông, Đạo Đức Kinh sớ 8 quyển; Mục lục Tống sử ghi: Đường Huyền Tông, Đạo Đức Kinh âm sớ 6 quyển; Mục lục sách còn ở Nhật ghi: Lão Tử sớ 6 quyển, Huyền Tông ngự chế; Sùng văn tổng mục ghi: Đạo Đức Kinh sớ 6 quyển, Đường Huyền Tông soạn; Mục lục Kết Nhất Lư ghi: Đạo đức chân kinh sớ 10 quyển, Đường Huyền Tông Minh Hoàng đế soạn.

Bạch Vân Tế trong Đạo tạng mục lục tường chú chép: Đường Huyền Tông, Ngự chế đạo đức chân kinh sớ, quyển 1 đến 10. Trong sách chia chương, giải từng câu; luận suy lý đến cùng, hết tính; dứt duyên, dứt tưởng; ở chỗ thực mà dùng quyền; ngồi quên, bỏ ánh soi; bỏ việc, vô vi; trị thân trị nước.

Đường Minh Hoàng, Đạo đức chân kinh sớ (道德真经疏) 4 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã nam hạ.

Lời bàn: sách này không thấy trong mục lục Đạo Tạng, các sử chí cũng không thu; chỉ Mục lục sách còn ở Thiên Nhất Các ghi: Đạo đức chân kinh sớ 10 quyển, Đường Huyền Tông soạn, lại một bộ 4 quyển, khác hẳn bản 10 quyển; ắt chính sách này.

Lý Hàm Quang, Lão Tử học ký (老子学记) 1 quyển
Lão Tử nghĩa lược, lược nghĩa (老子义略) 1 quyển

Mất. Xem mục lục Tân Đường thư.

Lời bàn: mục lục Tân Đường thư nói: "Đạo sĩ Lý Hàm Quang, học ký Lão Tử, Trang Tử, Chu Dịch 3 quyển, lại Nghĩa lược 3 quyển. Hàm Quang người Giang Đô, Dương Châu, vốn họ Hoằng, kiêng húy Hiếu Kính hoàng đế nên đổi. Người khoảng Thiên Bảo."

Doãn Âm, Lão Tử tân nghĩa (老子新义) 15 quyển

Mất. Xem Quảng thánh nghĩa tự của Đỗ Quang Đình.

Lời bàn: Đường thư · Nho học truyện: "Doãn Âm, người Thiên Thủy, Tần Châu. Học rộng, càng thông Lão Tử. Thoạt làm đạo sĩ; Huyền Tông chuộng lời huyền, có người tiến cử Âm, vời vào đối, rất mừng, đãi hậu. Cuối Khai Nguyên mất, tặng tả tán kỵ thường thị."

Ngô Thiện Kinh, Đạo Đức Kinh chú (道德经注) 2 quyển

Mất. Xem mục lục Tân Đường thư. Nói "người khoảng Trinh Nguyên".

Ngô Thiện Kinh, Đạo Đức Kinh tiểu giải (道德经小解) 2 quyển

Mất. Cao Tự Tôn, Tử lược: Ngô Thiện Kinh, Tiểu giải 2 quyển; Thông chí · Nghệ văn lược: Ngô Thiện Kinh, Tiểu giải 2 quyển.

Vương Chân, Đạo Đức Kinh luận binh yếu nghĩa, cốt yếu bàn việc binh (道德经论兵要义) 4 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng, mã hạ khí. Bản Chỉ Hải.

Nguyễn Nguyên trong Đề yếu sách Tứ Khố chưa thu chép: Đạo Đức Kinh luận binh yếu nghĩa 4 quyển, Đường Vương Chân soạn. Lời bàn: sách Chân này riêng lấy chỗ Đạo Đức Kinh bàn cốt yếu binh chiến, nhặt chỗ rất tinh vi. Vốn hai quyển thượng hạ, sau chia lại thành bốn, khớp số quyển trong Thông chí của Trịnh Tiều. Khoảng Nguyên Hòa dâng lên triều, Đường Hiến Tông từng tự tay chiếu khen, đều chép đầu sách. Năm nghìn lời Đạo Đức Kinh của Lão Tử, đủ nêu cốt yếu đại đạo chí đức, sửa mình trị nước; sau vài chục chương mới nói đến dùng binh; tôn chỉ thì kín, lời thì rộng. Từ Hà Thượng Công giải nghĩa, như Chỉ quy họ Nghiêm, chú thích Khai Nguyên, vốn đã mở chỗ ẩn, chỉ chỗ tinh; mà Yếu nghĩa của Chân riêng về phép bàn binh, nói rất kỹ. Chân lấy chức triều nghị lang ra coi việc quân Hán Châu, lâu trong hàng ngũ, mà xét ý chỉ bàn binh của ông, thế mà lại tìm sâu thuyết Lão Tử. Sách người Đường không nhiều, nên lục. Còn. Mục lục tri kiến truyền bản của Mạc Hữu Chi Lữ Đình đại thể cùng.

Lý Ước, Lão Tử Đạo Đức Kinh tân chú (老子道德经新注) 4 quyển

Bản Đạo Tạng. Mã năng thượng.

Mục lục Tống sử ghi: Lý Ước, Lão Tử Đạo Đức Kinh chú 4 quyển; Quốc sử chí: Lý Ước, Đạo Đức Kinh tân chú 4 quyển; Mục lục sách còn ở Thiên Nhất Các ghi: Đạo đức chân kinh tân chú 4 quyển, Lý Ước soạn; Mục lục sách khuyết Tứ Khố do Bí thư tỉnh biên tiếp: Lý Ước chú Lão Tử Đạo Đức Kinh 4 quyển.

Bành Tự trong Đạo đức chân kinh tập chú tạp thuyết chép: Lý Ước, lang bộ Binh nhà Đường, con Lý Miễn. Chú Đạo Đức Kinh 4 quyển; thuyết ông bảo đời truyền sách này là lời thần tiên hư vô, chẳng biết Lục kinh chỉ là cành lá của Hoàng Lão thôi.

Lục Hy Thanh, Đạo Đức Kinh truyện (道德经传) 4 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã tất thượng. Bản Chỉ Hải.

Mục lục Tân Đường thư ghi: Lục Hy Thanh, Đạo Đức Kinh truyện 4 quyển; Mục lục Tống sử ghi: họ Lục, Đạo Đức Kinh truyện 4 quyển; Sùng văn tổng mục ghi: Đạo Đức Kinh truyện 4 quyển, Đường Lục Hy Thanh soạn.

Nguyễn Nguyên trong Đề yếu sách Tứ Khố chưa thu chép: Đạo đức chân kinh truyện 4 quyển, Đường Lục Hy Thanh soạn. Lời bàn: Hy Thanh người Ngô quận, huyền tôn bốn đời của Cảnh Dung. Bản truyện trong Đường thư khen ông giỏi viết văn, thông Xuân Thu, Dịch, Lão Tử, soạn luận rất nhiều. Sách này thấy trong mục lục Tân Đường thư, số quyển khớp. Triệu Hy Biện, Độc thư phụ chí và Trần Chấn Tôn, Thư lục đề giải đều không chép; các nhà sưu tập cũng không có. Chỉ thấy ở hiệu tất trong Đạo Tạng. Bạch Vân Tế đời Minh, Đạo tạng mục lục tường chú, khen "lấy sự lý hợp với nguyên, thông biến cơ nghi, dò dấu cực tinh, có thể gọi là hiểu như thần"; khen đến thế. Nay xét sách này, làm rõ tôn chỉ họ Lão, mạch lạc thông suốt, khác hẳn người Tống kéo Lão vào Phật. Sách người Đường còn lại ngày càng ít; nay chép hiệu từ Đạo Tạng, quyển đủ vẹn, thật đáng quý.

Dương Thượng Khí, Thái Thượng Huyền Nguyên hoàng đế đạo đức chú (太上玄元皇帝道德注) 2 quyển

Mất. Xem mục lục Cựu Đường thư.

Trần Tự Cổ, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử 2 quyển, Trần Tự Cổ chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Trần Tự Cổ, Chú 2 quyển.

Thụ Chung Sơn, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử 2 quyển, Thụ Chung Sơn chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Thụ Chung Sơn, Chú 2 quyển.

Lý Doãn Nguyện, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử 2 quyển, Lý Doãn Nguyện chú; Mục lục Tân Đường thư ghi: Lý Doãn Nguyện, Chú 2 quyển.

Phùng Khuếch, Lão Tử chỉ quy, dẫn về chỗ gốc (老子指归) 13 quyển

Mất. Mục lục Cựu Đường thư ghi: Lão Tử chỉ quy 13 quyển, Phùng Khuếch soạn; Mục lục Tân Đường thư ghi: Phùng Khuếch, Lão Tử chỉ quy 13 quyển.

Cốc Thần Tử, Chú chư gia Đạo Đức Kinh sớ (注诸家道德经疏) 2 quyển

Mất. Xem mục lục Tống sử.

Bạch Lý Trung, Lão Tử chú (老子注)

Mất. Xem mục lục Tân Đường thư.

Phù Thiếu Minh, Đạo Đức Kinh phổ (道德经谱) 2 quyển

Mất. Đỗ Quang Đình, Quảng thánh nghĩa tự: đạo sĩ Phù Thiếu Minh soạn Đạo phổ vinh 2 quyển; Mục lục Tống sử ghi: Phù Thiếu Minh, Đạo Đức Kinh phổ 2 quyển; Quốc sử chí: Đạo Đức Kinh phổ 2 quyển, đạo sĩ Phù Thiếu Minh.

Lưu Ứng Chân, Đạo Đức Kinh giải ý (道德经解意)

Mất. Xem Chiết Giang thông chí.

Lời bàn: Chiết Giang thông chí nói: xem Quát Thương hội kỷ.

Lại lời bàn: chín nhà từ Dương Thượng Khí trở xuống, không rõ đời nào; trừ Cốc Thần Tử, Lưu Ứng Chân, Phù Thiếu Minh, đều thấy trong hai mục lục Đường thư, nên xếp cuối Đường.

Hồ Siêu, Lão Tử nghĩa sớ (老子义疏) 10 quyển

Mất.

An Khâu, Lão Tử chỉ quy, dẫn về chỗ gốc (老子指归) 5 quyển

Mất.

Doãn Văn Thao, Lão Tử giản yếu nghĩa (老子简要义) 5 quyển

Mất.

Vương Huyền Biện, Hà Thượng Công thích văn (河上公释文) 10 quyển

Mất.

Từ Mạc, Lão Tử chú (老子注) 4 quyển

Mất.

Hà Tư Viễn, Lão Tử chỉ thú, chỉ vào chỗ thú hướng (老子指趣) 2 quyển
Lão Tử huyền thị (老子玄示) 8 quyển

Mất.

Triệu Kiên, Lão Tử giảng sớ (老子讲疏) 6 quyển

Mất.

Giả Chí, Đạo Đức Kinh thuật nghĩa (道德经述义) 11 quyển

Mất.

Lê Nguyên Hưng, Lão Tử chú nghĩa (老子注义) 4 quyển

Mất.

Nhâm Thái Huyền, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất.

Thân Phủ, Đạo Đức Kinh sớ (道德经疏) 5 quyển

Mất.

Cung pháp sư, Lão Tử tập giải (老子集解) 4 quyển

Mất. Cùng thấy trong Quảng thánh nghĩa tự của Đỗ Quang Đình.

Trương Tuệ Siêu, Lão Tử chí huyền sớ (老子志玄疏) 4 quyển

Mất. Xem Quảng thánh nghĩa tự của Đỗ Quang Đình.

Lời bàn: mục lục Tống sử có Trương Huệ Siêu, Đạo Đức Kinh chí huyền sớ 3 quyển, ắt là Trương Tuệ Siêu.

Cường Tư Tề, Đạo đức chân kinh huyền đức soạn sớ (道德真经玄德纂疏) 20 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã sử thượng đến phúc thượng.

Bạch Vân Tế trong Đạo tạng mục lục tường chú chép: Đạo đức chân kinh huyền đức soạn sớ, quyển 1 đến 20. Đường Huyền Tông ngự chú và sớ, Hà Thượng Công, Nghiêm Quân Bình, Lý Vinh chú, pháp sư Tây Hoa Thành Huyền Anh sớ, Cường Tư Tề đất Mông Dương soạn. Nói rõ Đạo thì vô vi, tỏ Đức thì có dụng; lấy hai chữ đạo đức làm then chốt cả bộ.

Đỗ Quang Đình, Đạo Đức Kinh quảng thánh nghĩa sớ (道德经广圣义疏) 50 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã cao thượng đến hành hạ.

Mục lục Tống sử ghi: Đỗ Quang Đình, Đạo Đức Kinh quảng thánh nghĩa sớ 30 quyển; Sùng văn tổng mục ghi: Đạo Đức Kinh quảng thánh nghĩa 30 quyển, Đường Đỗ Quang Đình soạn; Quốc sử chí: Đạo Đức Kinh quảng thánh nghĩa 30 quyển, Đường Đỗ Quang Đình; Mục lục Đạo Tạng ghi: Đạo đức chân kinh quảng thánh nghĩa, quyển 1 đến 50. Quảng Thành tử nhà Đường Đỗ Quang Đình thuật; Mục lục Vạn Quyển Đường: Đạo đức chân kinh quảng thánh nghĩa 50 quyển, Đỗ Quang Đình.

Đinh Bính trong Thiện bản thư thất tàng thư chí chép: Đạo đức chân kinh quảng thánh nghĩa 50 quyển, bản Đạo Tạng chép tay đời Minh. Quảng Thành tiên sinh nhà Đường Đỗ Quang Đình thuật. Trước có tựa ngày 16 tháng 9 năm Thiên Phục thứ nhất, nói: Lão quân giáng thế truyền dạy, gần xa có bốn: trải kiếp hiện hình, theo phương hóa dạy, tức một nghìn hai trăm hiệu, một trăm tám mươi tên, rải trong các kinh, còn kiểm được; thứ hai, từ đầu ngũ thái đến trước Ân Chu, làm thầy đế vương, đời đời ứng hiện; thứ ba, đời Dương Giáp nhà Thương, giáng thần thác thai, năm Vũ Đinh sinh ở Bạc, năm Quý Sửu Chu Chiêu Vương trao kinh cho Doãn Hỷ, đời được nghe; thứ tư, sắp hóa lưu sa, hẹn Doãn Hỷ gặp ở chợ Thanh Dương Tây Thục, hiện ra giáng sinh, tức năm Đinh Tỵ Chiêu Vương. Kinh này từ khi trao ở Hàm Quan, các đời chú sớ hơn sáu mươi nhà, đều có mục đủ. Học sau mở sách, nhiều người không rõ nguồn; ông hái các sách, tìm các thiên, gặp chỗ so sánh đều chép đủ, soạn thành Quảng thánh nghĩa 50 quyển. Mục lục Đạo Tạng nói:

trong thuật sự tích Thái Thượng, thị tộc, năm tháng giáng sinh, kể đại nghĩa kinh, giải sớ tựa, dẫn giải tựa ngự chú, giải đề, rõ nghĩa đạo đức. Mục lục Thiên Nhất Các lục sách này, giấy trắng kẻ xanh, hoặc chính phần sách tản ra còn sót.

Kiều Phúng, Đạo Đức Kinh sớ nghĩa tiết giải (道德经疏义节解) 2 quyển

Mất. Mục lục Tống sử ghi: Kiều Phúng, Đạo Đức Kinh sớ nghĩa tiết giải 2 quyển; Quốc sử chí:

Đạo Đức Kinh sớ nghĩa tiết giải 4 quyển, Thục, Kiều Phúng.

Từ Huyền, Tam gia Lão Tử âm nghĩa (三家老子音义) 1 quyển

Mất. Xem Ngọc Hải · Nghệ văn.

Tăng Văn Đăng, Đạo Đức Kinh sớ nghĩa (道德经疏义) 10 quyển

Mất. Xem mục lục Tống sử.

Tư Mã Quang, Đạo đức luận thuật yếu (道德论述要) 2 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng, mã đắc thượng. Bản khắc.

Siêu Công Vũ trong Quận trai độc thư chí chép: Ôn Công, Đạo đức luận thuật yếu 2 quyển. Sách này: Tư Mã Quang bản triều soạn. Bảo đạo đức liền thể, không được nêu lệch một bên, nên bỏ tên Đạo Kinh, Đức Kinh, mà gọi Đạo đức luận. Mục trong mộ chí có chép. **"Vô, danh thiên địa chi thủy; Hữu, danh vạn vật chi mẫu. Thường vô, dục dĩ quan kỳ diệu; Thường hữu, dục dĩ quan kỳ kiếu"** (Cái "Không", đặt tên cho khởi đầu trời đất; cái "Có", đặt tên cho mẹ vạn vật. Thường giữ ở Không, muốn để nhìn chỗ diệu; thường giữ ở Có, muốn để nhìn chỗ kiếu). Đều ngắt câu dưới chữ 无 (vô) và 有 (hữu), khác các nhà Nho trước.

Trương Thuyết, Lão Tử chú (老子注)

Mất. Xem lời tựa Lão Tử chú của Vương Vân.

Lã Đại Lâm, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Văn hiến thông khảo · Kinh tịch khảo: họ Lã, Lão Tử chú 2 quyển; Quốc sử chí: Lã Đại Lâm, Chú Lão Tử 2 quyển.

Đặng Ngự Phu, Lão Tử chú (老子注)

Mất. Xem Kê Lặc tập.

Lã Huệ Khanh, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã tất hạ.

Văn hiến thông khảo · Kinh tịch khảo: Lã Huệ Khanh, Chú 2 quyển; Quốc sử chí: Lã Huệ Khanh chú Lão Tử 2 quyển; Mục lục Đạo Tạng ghi: Đạo đức chân kinh truyện, quyển 1 đến 4. Lã Huệ Khanh soạn.

Vương An Thạch, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Thông khảo · Kinh tịch khảo: Vương Giới Phủ, Chú 2 quyển; Quốc sử chí: Vương An Thạch chú Lão Tử 2 quyển.

Siêu Công Vũ trong Quận trai độc thư chí chép: Sách này: Vương An Thạch Giới Phủ bản triều chú. Giới Phủ bình sinh thích Lão Tử nhất, nên giải thích dụng công nhất. Chương đầu đều ngắt sau chữ 无 (vô) và 有 (hữu) thành một vế, cùng Ôn Công. Sau con ông Bàng, cùng học trò Lã Huệ Khanh, Lục Điền, Lưu Trọng Bình, đều có Lão Tử chú.

Vương Bàng, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất? Lời bàn: tựa sau của Lương Hồi trong Đạo đức chân kinh tập chú bản Đạo Tạng nói: "Tham bốn thuyết: Hà Thượng Công, Vương Bật, Đường Minh Hoàng, Vương Bàng. Không thêm bớt, khắc tập để lưu hành," thì sách Vương vốn vẫn còn.

Thông khảo · Kinh tịch khảo: Vương Bàng, Chú 2 quyển; Quốc sử chí: Vương Bàng chú Lão Tử 2 quyển.

Lục Điền, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Thông khảo · Kinh tịch khảo: Lục Điền, Chú 2 quyển; Quốc sử chí: Lục Điền chú Lão Tử 2 quyển.

Lưu, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Thông khảo · Kinh tịch khảo: Lưu Trọng Bình, Chú 2 quyển; Quốc sử chí: Lưu Trọng Bình chú Lão Tử 2 quyển.

Lưu Kính, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Xem Quận trai độc thư chí của Siêu Công Vũ.

Siêu Công Vũ trong Quận trai độc thư chí chép: Lưu Cự Tế chú Lão Tử 2 quyển. Sách này: Lưu Kính Cự Tế bản triều chú. Kính người Thục, chí học bền, văn lạ mà mạnh, sớm vào cửa Tô Thức (Tử Chiêm), muộn được Thái Kinh biết, bổ thái học bác sĩ.

Họ Trương, Đạo đức chân kinh tập chú (道德真经集注) 10 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã mị thượng đến thị thượng.

Bạch Vân Tế trong Đạo tạng mục lục tường chú chép: Đạo đức chân kinh tập chú, quyển 1 đến 10. Đường Minh Hoàng soạn tựa, tả tiên công Cát Huyền tựa; tập chú bốn nhà Đường Minh Hoàng, Hà Thượng Công, Vương Bật, Vương Bàng.

Tưởng Chi Kỳ, Lão Tử giải (老子解) 2 quyển
Lão Tử hệ từ giải (老子系辞解) 2 quyển

Mất. Xem mục lục Tống sử.

Trần Tượng Cổ, Đạo đức chân kinh giải (道德真经解) 2 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã tri hạ.

Tống Huy Tông, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã tài hạ. Ghi 4 quyển.

Mục lục Tống sử ghi: Huy Tông, Lão Tử giải 1 quyển; Thông khảo · Kinh tịch khảo: Ngự chú Lão Tử 2 quyển; Quốc sử chí: Tống Huy Tông chú Lão Tử 2 quyển.

Giang Trừng, Đạo đức chân kinh sớ nghĩa (道德真经疏义) 14 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Hai mã mạc, vong.

Bạch Vân Tế trong Đạo tạng mục lục tường chú chép: Đạo đức chân kinh sớ nghĩa, quyển 1 đến 7. Tống Huy Tông chú, thái học sinh Giang Trừng sớ. Trong sách giải từng câu, lấy văn lý Trang, Dịch mà chứng.

Chương An, Tống Huy Tông Đạo đức chân kinh giải nghĩa (道德真经解义) 10 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã lương thượng trung hạ.

Giả Thanh Di, Lão Tử nghĩa sớ (老子义疏) 4 quyển

Mất. Cao Tự Tôn, Tử lược: Giả Thanh Di, Nghĩa sớ 4 quyển; Quốc sử chí: Lão Tử sớ 4 quyển, Giả Thanh Di soạn; Mục lục sách khuyết Tứ Khố do Bí thư tỉnh biên tiếp: Giả Thanh Di, Đạo Đức Kinh thủ sớ 4 quyển.

Trần Tỵ, Giải Lão Tử (解老子)

Mất. Xem Lưu Duy Vĩnh, Đạo đức chân kinh tập nghĩa · mục họ các nhà.

Lời bàn: Cao Tự Tôn, Tử lược có Trần Ngột, ắt là Trần Tỵ, e phải viết là Phụ. Lý Điền, Lão Tử âm giải (老子音解) 1 quyển; Thông chí ghi 2 quyển.

Mất. Mục lục Toại Sơ Đường: Lý Điền, Lão Tử âm giải; Thông chí · Nghệ văn lược: Lý Điền, Lão Tử âm giải 2 quyển; Quốc sử chí của Tiêu Hoành: Lão Tử âm giải 1 quyển, Lý Điền.

Mao Đại Khả, Giải Lão Tử (解老子)

Mất. Xem mục lục Toại Sơ Đường.

Lời bàn: Trung Quốc nhân danh đại từ điển có Mao Hữu, tự Đạt Khả, không biết có phải Đại Khả không?

Vương Mậu Tài, Lão Tử giải (老子解)

Mất. Xem mục lục Toại Sơ Đường.

Tô Triệt, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Còn. Bản Tứ Khố; bản Đạo Tạng, mã đắc hạ, ghi 4 quyển. Bản khắc Minh; bản Bảo Nhan Đường bí cáp; bản hai Tô kinh giải; bản chỗ khắc kinh Kim Lăng.

Mục lục Tống sử ghi: Tô Triệt, Lão Tử Đạo Đức Kinh nghĩa 2 quyển; Thông khảo · Kinh tịch khảo: Tô Tử Do chú Lão Tử 2 quyển; Quốc sử chí: Tô Tử Do chú Đạo Đức Kinh 4 quyển.

Siêu Công Vũ trong Quận trai độc thư chí chép: Tô Tử Do chú Lão Tử 2 quyển. Sách này: Tô Triệt Tử Do bản triều chú. Tử Do bị giáng quan ở Vân Châu, khá chơi với người học Phật, có chỗ đắc, bèn giải Lão Tử. Từng nói: "Trung Dung nói: 'hỷ nộ ai lạc vị phát vị chi trung, phát nhi giai trúng tiết vị chi hòa, trí trung hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên' (Mừng giận thương vui chưa phát gọi là trung; phát mà đều đúng mực gọi là hòa; đạt trung hòa thì trời đất

đúng chỗ, vạn vật được nuôi), ấy chính là Phật pháp. Lục tổ nói không nghĩ thiện, không nghĩ ác, ấy là mừng giận thương vui chưa phát. Trung là tên khác của Phật pháp, hòa là tổng mục của lục độ vạn hạnh; đạt trung cực hòa, trời đất vạn vật sinh ở đó, không phải Phật pháp thì lấy gì đương nổi? Thiên hạ không hai đạo, mà cách trị người thì khác; thánh nhân xưa, trong lòng đi đạo mà không phá phép đời, vì thế thôi; nên giải Lão Tử cũng đôi khi hợp Phật pháp." Ấy lời tựa của ông. Chỗ giải **"thị vị tập minh"** (Đó gọi là noi theo sự sáng suốt) ông cho là loại sách Truyền đăng của nhà Thích.

Trần Chấn Tôn trong Trực trai thư lục đề giải chép: Lão Tử tân giải 2 quyển, Tô Triệt soạn. Đông Pha đề: "Nếu thời Chiến Quốc có sách này, thì không có Thương Ưởng, Hàn Phi; nếu đầu Hán có sách này, thì Khổng và Lão thành một; nếu khoảng Tấn Tống có sách này, thì Phật và Lão không thành hai."

Trương Lỗi, Đạo Đức Kinh nghĩa (道德经义)

Mất. Xem Tiêu Hoành, Lão Tử dực · mục sách đã hái.

Chiêm Thu Phố, Lão Tử giải (老子解)

Mất. Xem Lưu Duy Vĩnh, Đạo đức chân kinh tập nghĩa · mục họ các nhà, nói: "Nho lâm nhà Tống, húy Tiết, hiệu Mạn Tẩu, làm giải."

Liêu Túy Nhiên, Lão Tử giải (老子解)

Mất. Xem Lưu Duy Vĩnh, Đạo đức chân kinh tập nghĩa · mục họ các nhà, nói: "Hiệu Hy Di đại sư, làm giải."

Trần Cảnh Nguyên, Đạo Đức Kinh chú (道德经注) 2 quyển

Mất. Xem mục lục Tống sử.

Trần Cảnh Nguyên, Đạo đức chân kinh tàng thất soạn vi thiên, thiên gom chỗ tinh trong nhà chứa (道德真经藏室纂微篇) 10 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã dục thượng đến nan thượng.

Thiệu Nhược Ngu, Đạo đức chân kinh trực giải (道德真经直解) 4 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã cải hạ.

Quốc sử chí: Bản Lai tử, Đạo Đức Kinh trực giải 4 quyển; Mục lục Lục Trúc Đường: Lão Tử, Thiệu Nhược Ngu trực giải một tập; Mục lục sách còn ở Thiên Nhất Các: Đạo đức chân kinh trực giải 4 quyển, Tống Thiệu Nhược Ngu soạn.

Ngô Hàng, Lão Tử giải (老子解) 4 quyển

Mất. Xem Giang Tây thông chí.

Diệp Mộng Đắc, Lão Tử giải (老子解) 2 quyển

Mất. Bản Diệp Đức Huy gom. Bản nhà họ Diệp khắc năm Tân Hợi Tuyên Thống.

Lưu Ký, Lão Tử thông luận ngữ (老子通论语) 2 quyển

Mất. Xem mục lục Tống sử.

Triệu Thực Am, Lão Tử giải (老子解)

Mất. Xem Lưu Duy Vĩnh, Đạo đức chân kinh tập nghĩa · mục họ các nhà.

Lời bàn: Lưu Duy Vĩnh, Tập nghĩa · mục họ các nhà nói: "Triệu Thực Am, đại sư Xung Chân Bảo Nguyên, trụ trì quán Ngọc Hư núi Phù, ban áo tía, tự Minh Cử, húy Đạo Thăng, năm Nhâm Thân Thiệu Hưng làm giải."

Vương Chí Nhiên, Lão Tử giải (老子解)

Mất. Xem Lưu Duy Vĩnh, Đạo đức chân kinh tập nghĩa · mục họ các nhà, nói: "Vương Chí Nhiên, hiệu Kiến Độc đại sư, năm Kỷ Sửu Càn Đạo làm giải."

Trình Đại Xương, Dịch Lão thông ngôn (易老通言) 10 quyển

Mất. Mục lục Tống sử ghi: Trình Đại Xương, Dịch Lão thông ngôn 10 quyển; Quốc sử chí: Dịch Lão thông ngôn 10 quyển, Trình Đại Xương.

Viên Hưng Tông, Lão Tử giải lược (老子解略) 1 quyển

Còn. Trong Cửu Hoa tập.

Siêu Công Vũ, Lão Tử thông thuật (老子通述) 2 quyển

Mất. Xem mục lục Tống sử.

Lời bàn: dưới mục Lão Tử Đạo Đức Kinh trong Quận trai độc thư chí, hình như chính tựa sách này. Nói "nhân lấy các bản các nhà, đối chiếu chỗ khác gần hai trăm chữ, đều có được mất; chữa 5 chữ, chú 55 chữ, gạch 38 chữ; trong đó ngự chú Huy Tông khác các bản nhất" v.v.

Hoàng Mậu Tài, Lão Tử giải (老子解)

Mất. Xem Lưu Duy Vĩnh, Đạo đức chân kinh tập nghĩa · mục họ các nhà, nói: "Hoàng Mậu Tài, Tống, coi việc quân Kinh Châu, năm Giáp Ngọ Thuần Hy làm giải."

Lã Tri Thường, Đạo Đức Kinh giảng nghĩa (道德经讲义) 12 quyển

Còn. Bản khắc Minh, Thư viện Kinh sư giữ.

Mục lục Tống sử ghi: Lã Tri Thường, Lão Tử giảng nghĩa 12 quyển; Mục lục Dã Thị Viên: Lã Tri Thường, Đạo Đức Kinh giảng nghĩa 12 quyển; Mục lục Thuật Cổ Đường: Lã Tri Thường, Đạo đức giảng nghĩa 12 quyển; hai bản, chép tay. Mục lục sách còn ở Thiên Nhất Các ghi: Đạo Đức Kinh giảng nghĩa 12 quyển, Tống Lã Tri Thường soạn; Mục lục Vạn Quyển Đường: Đạo Đức Kinh giảng nghĩa 12 quyển, Lã Tri Thường.

Lưu Sư Lập, Lão Tử tiết giải (老子节解)

Mất. Xem Tiêu Hoành, Lão Tử dực · mục sách đã hái, nói: "Chân Tĩnh tử, khoảng Thiệu Hy soạn."

Cát Trường Canh, Đạo đức bảo chương (道德宝章) 1 quyển

Còn. Bản Tứ Khố; bản tùng thư Hội Bí Cáp; bản khắc Minh; bản quán Bạch Vân năm Quang Tự thứ tám in phỏng chữ Triệu Mạnh Phủ.

Tiền Tăng trong Độc thư mẫn cầu ký chép: Bạch Ngọc Thiềm, Đạo đức bảo chương 1 quyển. Tựa nói Triệu Mạnh Phủ thích lời ấy, không giống các nhà, tự tay viết để truyền. Tôi xem chỗ chú, đều lời tu luyện, để trong Đạo gia thì được.

Chu Trung Phu trong Trịnh đường độc thư ký chép: Đạo đức bảo chương 1 quyển, bản tùng thư Hội Bí Cáp. Tống Cát Trường Canh soạn. Trường Canh tự Bạch Tẩu, biệt hiệu Bạch Ngọc Thiềm, người Mân Thanh. Làm đạo sĩ, ở núi Vũ Di; khoảng Gia Định vời đến khuyết, phong Tử Thanh chân nhân. Tứ Khố Toàn Thư có lục; họ Nghê, Bổ mục lục Tống sử đề Lão Tử Đạo Đức Kinh bảo chương. Sách này tách chương tách câu, hơi thêm chú, hơi giống kệ thiền. Phật và Lão vốn cùng nguồn khác nhánh; Bạch Tẩu gộp một lời giải, muốn người đọc nhận tôn chỉ ngoài lời. Trước có bạt Lục Thụ Thanh đời Minh, và hai bạt cư sĩ Thích Viên năm Quý Mùi Vạn Lịch, mà không đề tên; e là Trần Thi Giáo người Tú Thủy, cùng hiệu sách này với My Công.

Cát Trường Canh, Đạo Đức Kinh chỉ huyền thiên (道德经指玄篇) 8 quyển

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Tào Đạo Xung, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Mất. Xem mục lục Quốc sử kinh tịch chí của Tiêu Hoành.

Lời bàn: Bành Tự, mục họ người Tống giải kinh nói: "Tiên sinh Đạo Chân Nhân Tĩnh Tào Đạo Xung, tự Hy Uẩn, nữ đạo sĩ. Đời gọi Tào tiên cô, ban hiệu Thanh Hư Văn Dật đại sư Đạo Chân Nhân Tĩnh tiên sinh."

Bành Tự, Đạo đức chân kinh tập chú (道德真经集注) 18 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng, mã thị trung đến trường thượng. Bản Đạo Tạng tập yếu.

Quốc sử chí: Đạo Đức Kinh tập chú 18 quyển, Bành Tự soạn; Mục lục sách còn ở Thiên Nhất Các ghi: Đạo đức chân kinh tập chú 18 quyển, Tống Bành Tự soạn.

Bành Tự, Đạo đức chân kinh tập chú thích văn (道德真经集注释文) 1 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng, mã trường hạ. Bản tùng thư Chân Ý Đường; bản tùng thư kinh học.

Tạ Đồ Nam, Đạo Đức Kinh chú (道德经注)

Mất. Xem Lưu Duy Vĩnh, Đạo đức chân kinh tập nghĩa · mục họ các nhà.

Lý Vinh, Đạo đức chân kinh nghĩa giải (道德真经义解) 4 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng, mã ty thượng hạ. Bản Đạo tông lục thư.

Đinh Bính trong Thiện bản thư thất tàng thư chí chép: Đạo đức chân kinh nghĩa giải 4 quyển, bản Đạo Tạng khắc Minh. Tức Trai đạo nhân giải. Mục lục Đạo Tạng vào động thần bộ, đề Nghĩa giải 4 quyển, chú: "Đạo sĩ quán Cửu Thiên Tức Trai Lý Vinh chú. Thấu chỗ huyền diệu then chốt, ra vào chỗ có và không." Vinh tự Gia Mưu, người Tống, việc đời không khảo được. Đạo Tạng thu sách ông soạn, cũng là đạo sĩ chuyên tâm sách Đạo. Lời giải theo văn diễn nghĩa, rõ ràng dễ hiểu, bậc thang để đọc chú Vương Bật.

Lý Vinh, Đạo đức chân kinh (道德真经) 4 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng, mã ty hạ. Bản Đạo tông lục thư.

Đồng Tư Tĩnh, Đạo Đức Kinh tập giải (道德经集解) 4 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng, mã đoản trung hạ. Bản tùng thư Thập Vạn Quyển Lâu. Ghi 2 quyển.

Quốc sử chí: Đồng Tư Tĩnh, Đạo Đức Kinh tập giải 4 quyển; Mục lục Vạn Quyển Đường: Đạo đức chân kinh giải 4 quyển, Đồng Tư Tĩnh.

Bạch Vân Tế trong Đạo tạng mục lục tường chú chép: Đạo đức chân kinh tập giải, quyển 1 đến 4, Đồng Tư Tĩnh. Dẫn câu giải các nhà, cùng sử lược Thái Thượng.

Lâm Hy Dật, Lão Tử khẩu nghĩa, giảng miệng (老子口义) 2 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng, mã bỉ thượng. Ghi 4 quyển. Bản Khẩu nghĩa ba nhà Hiến Trai.

Quốc sử chí: Lâm Hy Dật, Lão Tử khẩu nghĩa 4 quyển; Mục lục Thuật Cổ Đường: Lão Tử Lâm Hiến Trai khẩu nghĩa 2 quyển; Mục lục Lục Trúc Đường: Lão Tử Lâm Hy Dật khẩu nghĩa 1 tập.

Đinh Bính trong Thiện bản thư thất tàng thư chí chép: Lão Tử Hiến Trai khẩu nghĩa 2 quyển, bản khắc Minh. Hiến Trai Lâm Hy Dật. Đầu sách có một thiên Phát đề do Hiến Trai tự soạn. Hy Dật tự Túc Ông, người Phúc Thanh, quan đến trung thư xá nhân. Hiến Trai là tên nhà ông ở. Sách gọi "khẩu nghĩa" là nói không làm văn, xen tiếng thường mà kể thẳng. Tứ Khố cùng Liệt Tử đều chưa lục.

Trương Xung Ứng, Lão Tử giải (老子解)

Mất.

Trương Linh Vận, Lão Tử hoặc vấn (老子或问)

Mất. Đều thấy Lưu Duy Vĩnh, Đạo đức chân kinh tập nghĩa · mục họ các nhà, nói: "Trương Xung Ứng, Ngọc Thanh thượng tướng, húy Minh Đạo, năm Quý Sửu Bảo Hữu làm giải; Trương Linh Ứng húy Á Tống, phong Thần Văn Thánh Vũ Hiếu Đức Trung Nhân vương, soạn Hoặc vấn." Lại: Phạm Ứng Nguyên, Cổ bản tập chú có dẫn thuyết Trương Xung Ứng.

Từ Quân Ước, Đạo Đức Kinh giải sự (道德经解事)

Mất. Xem Lưu Duy Vĩnh, Đạo đức chân kinh tập nghĩa · mục họ các nhà, nói: "Tống, viện lương thực các quân Ngạc Châu, húy Quyền, năm Nhâm Tuất Cảnh Định giải một chương."

Lý Nhược Ngu, Đạo đức chân kinh chú (道德真经注) 1 quyển

Mất. Xem mục lục Tống sử.

Phạm Ứng Nguyên, Lão Tử Đạo Đức Kinh cổ bản tập chú (老子道德经古本集注) 2 quyển

Còn. Bản Tống của tiên sinh Phó Nguyên Thúc giữ, bản in ảnh Tục cổ dật tùng thư.

Trữ Bá Tú, Lão Tử giải (老子解)

Mất. Xem Lưu Duy Vĩnh, Đạo đức chân kinh tập nghĩa · mục họ các nhà, nói: "Đạo sĩ Hàng Châu xưa, làm giải."

Lã Hạo, Lão Tử chi ly giải, giải rời (老子支离解)

Mất. Xem Kính hương lục.

Lời bàn: tôi chưa thấy Kính hương lục; tiên sinh Phó Nguyên Thúc nói: "Lão Tử chi ly giải, Tống, Lã Hạo Tử Dương người Vĩnh Khang soạn, xem Kính hương lục."

Triệu Chí Kiên, Đạo đức chân kinh sớ nghĩa (道德真经疏义) 6 quyển

Còn sót. Bản Đạo Tạng. Mã bi hạ. Vốn khuyết quyển 1 đến 3.

Mục lục Tống sử ghi: Triệu Chí Kiên, Đạo Đức Kinh sớ 3 quyển; Quốc sử chí: Triệu Chí Kiên, Lão Tử sớ 4 quyển; Mục lục sách còn ở Thiên Nhất Các ghi: Đạo đức chân kinh sớ nghĩa 6 quyển, Triệu Chí Kiên soạn, còn quyển 4, 5, 6.

Lục Tu Tĩnh, Lão Tử Đạo Đức Kinh tạp thuyết (老子道德经杂说) 1 quyển

Chưa thấy. Mục lục Tống sử ghi: Lục Tu Tĩnh, Lão Tử Đạo Đức Kinh tạp thuyết 1 quyển; Quốc sử chí: Đạo Đức Kinh tạp thuyết 1 quyển, Lục Tu Tĩnh; Mục lục sách khuyết Tứ Khố do Bí thư tỉnh biên tiếp: Lục Tu Tĩnh soạn Đạo Đức Kinh tạp thuyết 1 quyển.

Trần Hoán, Lão Tử thích ngôn (老子释言)

Mất. Xem Giang Tây thông chí.

Tạ Thủ Hạo, Lão Tử giải (老子解) 1 quyển

Mất. Xem Ôn Châu phủ chí năm Vạn Lịch.

Hùng Phương, Đạo Đức Kinh chú (道德经注) 2 quyển

Mất. Xem Giang Tây thông chí.

Triệu Lệnh Mục, Lão Tử Đạo Đức Kinh giải (老子道德经解) 2 quyển

Mất.

Vương Cố, Lão Tử Đạo Đức Kinh sớ (老子道德经疏) 4 quyển

Mất.

Doãn tiên sinh, Lão Tử Đạo Đức Kinh nội tiết giải (老子道德经内节解) 2 quyển

Mất. Đều thấy mục lục Tống sử.

Cung Sĩ Tiết, Lão Tử cú giải (老子句解)

Mất. Xem mục lục Lục Trúc Đường.

Lưu Thần Ông, Lão Tử Đạo Đức Kinh bình điểm (老子道德经评点)

Còn. Bản chín thứ phê điểm Lưu Tu Khê.

Lôi Tư Tề, Lão Tử bản nghĩa (老子本义)

Mất. Xem Tiền Đại Hân, Bổ Nguyên sử nghệ văn chí.

Lời bàn: Tư Tề có hai sách Dịch đồ thông biến và Dịch phệ thông biến, Tứ Khố đã lục. Đề yếu nói: Tư Tề tự Tề Hiền, người Lâm Xuyên. Nhà Tống mất, bỏ áo Nho, làm đạo sĩ, ở quán Điểu Thạch, sau mất ở Quảng Tín. Việc thấy bia mộ do Viên Giác soạn. Đầu sách có tựa Yết Hy Tư, khen ông soạn Lão Tử bản nghĩa, Trang Tử chỉ nghĩa vài chục quyển.

Trương Khánh Chi, Lão Tử chú (老子注)

Mất. Xem Tiền Đại Hân, Bổ Nguyên sử nghệ văn chí.

Lời bàn: Tô Châu phủ chí: "Khánh Chi tự Tử Thiện. Ra vào kinh sử trăm nhà, dứt ý ra làm quan, thích chơi núi nước. Soạn Hồ Khâu phú, nhân hiệu Hải Phong dã dật. Bắt chước ngũ liễu tiên sinh Đào Tiềm làm Hải Phong di dân truyện, lấy Bá Di, Tưởng Hủ, Đào Tiềm, Tư Không Đồ tự ví." Đây cũng theo ý Đề yếu, xếp vào cuối Tống.

Thời Ung, Đạo Đức Kinh toàn giải (道德经全解) 2 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã võng trung hạ.

Bạch Vân Tế trong Đạo tạng mục lục tường chú chép: Đạo Đức Kinh toàn giải, 2 quyển. Thời Ung đất Bạc xã, giải tiêu dao, nói lẽ âm dương.

Lý Lâm, Đạo Đức Kinh thủ thiện tập (道德经取善集) 12 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã mặc thượng đến bi trung.

Khấu Tài Chất, Đạo Đức Kinh tứ tử cổ đạo tập giải (道德经四子古道集解) 10 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng, mã quá thượng trung hạ. Bản Đạo Tạng tập yếu.

Bạch Vân Tế trong Đạo tạng mục lục tường chú chép: Đạo đức chân kinh tứ tử cổ đạo tập giải, quyển 1 đến 10. Khấu Tài Chất đất Cổ Tương gom, lời giải phần nhiều lấy Nam Hoa, Thông Huyền hai kinh mà hội.

Triệu Bính Văn, Đạo Đức Kinh chân kinh tập giải (道德经真经集解) 4 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng, mã võng thượng trung. Bản tùng thư Tiểu Vạn Quyển Lâu.

Vương Thủ Chính, Đạo đức chân kinh diễn nghĩa thủ sao (道德真经衍义手钞) 20 quyển

Còn sót. Bản Đạo Tạng. Mã lượng thượng đến mặc thượng, vốn khuyết quyển 1 quyển 2.

Bạch Vân Tế trong Đạo tạng mục lục tường chú nói: Vương Thủ Chính, Thanh An dật sĩ Ngũ Phong gom; tựa gọi thầy huyền học, chủ cung Trùng Dương; ắt Thủ Chính hiệu Thanh An dật sĩ, từng làm thầy huyền học chủ cung Trùng Dương.

Hưu Hưu Am, Lão Tử giải (老子解)

Mất. Xem Lưu Duy Vĩnh, Đạo đức chân kinh tập nghĩa · mục họ các nhà, nói: "Hưu Hưu Am hiệu Mông Sơn tuyệt mục tẩu, tên Đức Dị, năm Mậu Dần Chí Nguyên làm giải."

Ngưu Diệu Truyền, Lão Tử hoặc vấn (老子或问)

Mất. Xem Lưu Duy Vĩnh, Tập nghĩa · mục họ các nhà, nói: "Ngưu Diệu Truyền, Thông Chân đại sư, trước làm tri quan đề học cung Vạn Thọ Thành Đô, hiệu Trừng Minh tử. Năm Canh Thìn Chí Nguyên làm hoặc vấn."

Dụ Thanh Trung, Đạo Đức Kinh tập nghĩa (道德经集义)

Mất. Xem Lưu Duy Vĩnh, Tập nghĩa · mục họ các nhà, nói: "Năm Ất Dậu Chí Nguyên làm giải."

Dương Trí Nhân, Lão Tử giải (老子解)

Mất. Xem Lưu Duy Vĩnh, Tập nghĩa · mục họ các nhà, nói: "Dương Trí Nhân hiệu Vô Vật tử, năm Đinh Hợi Chí Nguyên làm giải."

Lý Thuần Phủ, Lão Tử tập giải (老子集解)

Mất. Xem bản truyện trong Kim sử.

Lưu Xử Huyền, Đạo Đức Kinh chú (道德经注)

Mất. Xem Sơn Đông thông chí.

Lời bàn: Sơn Đông thông chí nói: "Xem Hải thượng thất chân nhân truyện." Lại Đề yếu Tứ Khố có "Âm phù kinh chú 1 quyển, Kim Lưu Xử Nguyên soạn. Xử Nguyên tức một trong bảy đệ tử của Vương Trùng Dương."

Tư Lục Hư, Lão Tử giải (老子解)

Mất. Xem Lưu Duy Vĩnh, Tập nghĩa · mục họ các nhà, nói: "Tư Lục Hư húy Nguyên Nhất, hiệu Lục Hư tán nhân. Năm Tân Mão Chí Nguyên làm giải."

Lý Thị Tòng, Lão Tử giải (老子解)

Mất. Xem Lưu Duy Vĩnh, Tập nghĩa · mục họ các nhà, nói: "Lý Thị Tòng được ban hiệu Thuần Túy tiên sinh, hiệu Cốc Thần tử, soạn giải. Bản khắc năm Ất Mùi Nguyên Trinh."

Tiết Trí Huyền, Đạo đức chân kinh tàng thất toản vi khai đề khoa văn sớ sao (道德真经藏室纂微开题科文疏钞) 5 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã nan thượng hạ.

Tiết Trí Huyền, Đạo đức chân kinh tàng thất toản vi thủ sao (道德真经藏室纂微手钞) 2 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã nan hạ. Quyển thượng vốn khuyết.

Lời bàn: Lưu Duy Vĩnh, Tập nghĩa · mục họ các nhà nói: "Tiết Dung Trai húy Huyền, đề học lộ Hà Nam nhà Đại Nguyên, làm giải." Ắt chính Tiết Trí Huyền.

Lưu Duy Vĩnh, Đạo đức chân kinh tập nghĩa (道德真经集义) 17 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã nhiễm trung đến tán hạ.

Bạch Vân Tế trong Đạo tạng mục lục tường chú chép: Đạo đức chân kinh tập nghĩa, quyển 1 đến 17. Lưu Duy Vĩnh, Đinh Dịch Đông biên tập lời giải các nhà.

Lời bàn: đầu sách đề "Ngưng Viễn đại sư, đề điểm coi việc quán Huyền Diệu, lộ Thường Đức, Lưu Duy Vĩnh biên tập; cựu triều phụng đại phu, chủ bạ Thái Phủ tự kiêm biên tu Khu mật viện, Đinh Dịch Đông hiệu chính." Lại: các lời tựa trên đều thấy ở quyển 3 Đạo đức chân kinh tập nghĩa đại chỉ, ắt chính tựa bạt sách này, nên dời đặt ở đây, vẫn đề là tựa bạt Đại chỉ như cũ.

Đặng Kỳ, Đạo Đức Kinh tam giải (道德经三解) 4 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã cải thượng trung.

Lý Đạo Thuần, Đạo Đức hội nguyên (道德会元) 2 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã đàm thượng.

Lý Đạo Thuần, Đạo Đức Kinh chú giải (道德经注解) 3 quyển

Mất. Xem mục lục Vạn Quyển Đường.

Đỗ Đạo Kiên, Đạo Đức Kinh nguyên chỉ (道德经原旨) 4 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã bỉ trung.

Bạch Vân Tế trong Đạo tạng mục lục tường chú nói: tựa Nguyên chỉ vừa sát vừa sâu rộng. Phát huy 12 chương: sáu chương trước kể thứ tự Hoàng, Đế, Vương, Bá và đạo đức công lực; sáu chương sau kể đại lược Thái Thượng giáng sinh đi Tây; gộp lại không ngoài lý, khí, tượng, số. Có lời tựa của Đạo Kiên năm Đại Đức thứ mười, và hậu tự đệ tử Nhâm Sĩ Lâm Câu Chương. Tập này giấy bông kẻ xanh, đúng là bản chép Minh, ắt sách để lại của họ Phạm Dũng Đông.

Đỗ Đạo Kiên, Huyền kinh nguyên chỉ phát huy (玄经原旨发挥) 2 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã bỉ hạ.

Bạch Vân Tế trong Đạo tạng mục lục tường chú chép: Huyền kinh nguyên chỉ phát huy, 2 quyển. Đỗ Đạo Kiên thuật. Nguyên chỉ phát huy mười hai chương: sáu chương trước kể thứ tự Hoàng, Đế, Vương, Bá và đạo đức lực công; sáu chương sau kể đại lược Thái Thượng giáng sinh nhận kinh, đi Tây; gộp lại không ngoài lý, khí, tượng, số.

Lưu Trang Tôn, Lão Tử phát vi (老子发微)

Mất. Xem Thanh Dung cư sĩ tập.

Lời bàn: Viên Giác, Lưu ẩn quân mộ chí minh: "Lưu quân Chính Trọng đất Thiên Thai, húy Trang Tôn, thích soạn sách, hay lấy văn từ đạt chỗ kín. Làm Luận ngữ chương chỉ, Lão Tử phát vi, Sở từ bổ chú âm thích, Thâm y khảo."

Ngô Trừng, Đạo Đức Kinh chú (道德经注) 4 quyển

Còn. Bản Tứ Khố, bản Đạo Tạng, mã đoản thượng trung. Bản Đạo Tạng tập yếu, bản khắc năm Gia Khánh, bản tùng thư Việt Nhã Đường, bản Bách tử.

Lời bàn: Trừng tự Ấu Thanh, hiệu Thảo Lư, người Lâm Xuyên, cuối Hàm Thuần nhà Tống thi tiến sĩ không đỗ, vào Nguyên nhờ tiến cử thăng Hàn Lâm, giữ việc ứng phụng văn tự, quan đến Hàn Lâm học sĩ, mất thụy Văn Chính. Sách

này Đề yếu Tứ Khố đã lục. Thảo Lư là đại Nho đời Nguyên, các kinh đều có soạn, việc thấy bản truyện trong Nguyên sử.

Thiểm Tư, Lão Trang tinh nghệ (老庄精诣)

Mất. Xem bản truyện trong Nguyên sử.

Trương Tự Thành, Đạo đức chân kinh chương cú huấn tụng (道德真经章句训颂) 2 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng, mã đàm thượng. Bản Đạo Tạng tập yếu.

Lã Dữ Chi, Lão Tử giảng nghĩa (老子讲义)

Mất. Xem Viên Giác, Thanh Dung cư sĩ tập.

Lý Ngạn, Lão Tử giải (老子解) 2 quyển

Mất. Xem Tiền Đại Hân, Bổ Nguyên sử nghệ văn chí.

Lời bàn: Ngạn tự Trọng Tân, hiệu Tức Trai, người Kế Khâu. Hoàng Khánh năm đầu làm lại bộ thượng thư, bái Tập Hiền điện đại học sĩ. Thụy Văn Giản. Xem Trung Quốc nhân danh đại từ điển.

Vương Khuê, Đạo Đức Kinh chú (道德经注)
Đạo Đức Kinh hoàn nguyên áo chỉ, chỗ sâu đưa về gốc (道德经还原奥旨)

Mất. Xem Tiền Đại Hân, Bổ Nguyên sử nghệ văn chí.

Lời bàn: Tô Châu phủ chí · nhân vật chí: "Vương Khuê tự Quân Chương, hiệu Trung Dương lão nhân. Từng lấy tài khác thường được vời đồng tri Thìn Châu, không ra; ẩn núi Ngu. Lòng lắng xem Đạo, giỏi gảy đàn, khéo vẽ, ý thú xa vắng."

Lâm Chí Kiên, Đạo đức chân kinh chú (道德真经注) 2 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng, mã ty thượng. Bản khắc Nguyên.

Bạch Vân Tế trong Đạo tạng mục lục tường chú chép: Đạo đức chân kinh chú, 2 quyển. Huyền môn khai chân hoằng giáo đại chân nhân Quảng Lăng Nhân Trai Lâm Chí Kiên chú, lấy chính kinh giải chính kinh.

Hứa Kiếm đạo nhân, Cổ Lão Tử (古老子) 2 quyển

Chưa thấy. Xem mục tồn mục Tứ Khố.

Lời bàn: Mưu Thuyên Tôn, Nghệ phong đường kim thạch văn tự mục có "Cổ văn Đạo Kinh, chữ triện cao, cuối có tự ký cũng chữ triện; bạt Lý Đạo Khiêm, chữ lệ. Dựng năm Tân Mão Chí Nguyên. Ở Lâu Quán Châu Chí, Thiểm Tây." Thì bia ấy còn, ắt sách này dựa vào đó.

Trần Nhạc, Lão Tử chú (老子注)

Mất. Xem Tiền Đại Hân, Bổ Nguyên sử nghệ văn chí, nói: "Tự Phủ Thân, người Thiên Thai, tự xưng Ủy Vũ sơn nhân."

Cao Tiết Thành, Lão Tử ức sớ phán ngôn (老子臆疏判言)

Mất.

Dương Huy, Đạo Đức Kinh chú (道德经注)

Mất. Đều thấy Giang Tây thông chí.

Lời bàn: Trần Nhạc trở xuống ba người, không rõ đời.

Minh Thái Tổ, Đạo Đức Kinh chú (道德经注) 2 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã nam thượng. Ghi 4 quyển.

Mục lục Minh sử ghi: Thái Tổ chú Đạo Đức Kinh 2 quyển; Mục lục Vạn Quyển Đường: Đạo Đức Kinh chú giải 2 quyển, ngự chế; Mục lục Giai Thú Đường: Đại Minh Thái Tổ Cao Hoàng đế, Ngự chú Đạo Đức Kinh 2 quyển. Bản chép cũ Nội phủ, bản Thị lang Tào đất Tuy Lý giữ.

Bạch Vân Tế trong Đạo tạng mục lục tường chú chép: Đại Minh Thái Tổ Cao Hoàng đế, Ngự chế đạo đức chân kinh, quyển 1 đến 4. Bản giải này lấy sửa mình, sửa nhà, trị nước, yên thiên hạ làm phép. Tựa đầu nói: "Chỉ biết kinh này mới là gốc cùng của vạn vật, thầy trên của bậc vua, của báu cùng cực của bề tôi dân, chẳng phải thuật kim đan." Vì Thái Tổ là thánh quân muôn đời, cũng tôn sùng Đạo Đức đến thế.

Mục lục Thiên Khoảnh Đường: Vua thấy chú các nhà mỗi nhà một kiến, bèn tự làm chú để mở nghĩa. Năm Hồng Vũ thứ bảy xong.

Chu Thăng, Lão Tử bàng chú (老子旁注)

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Hà Tâm Sơn, Lão Tử chú (老子注)

Mất. Xem tựa Đạo đức chân kinh tập nghĩa.

Lời bàn: Nguy Đại Hữu, lời tựa Đạo đức chân kinh tập nghĩa: "Bèn lấy chú giải hơn mười nhà như Hà Thượng Công và Hà Tâm Sơn, hái chỗ huấn thích rõ, lý vững nghĩa khớp mà không gượng, gom thành một bộ."

Nguy Đại Hữu, Đạo đức chân kinh tập nghĩa (道德真经集义) 10 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mục lục sách còn ở Thiên Nhất Các ghi 6 quyển.

Bạch Vân Tế trong Đạo tạng mục lục tường chú chép: Đạo đức chân kinh tập nghĩa, quyển 1 đến 10. Nguy Đại Hữu đất Hư Giang gom. Tập nghĩa lấy vô vi tự nhiên làm thể, lấy hòa ái ngầm khớp làm dụng; trong thì luyện giữ nuôi dưỡng, ngoài thì thanh tĩnh trị dân.

Hoàng Nhuận Ngọc, Đạo Đức tập giải (道德集解) 2 quyển

Chưa thấy. Xem mục lục Minh sử.

Lời bàn: bản truyện trong Minh sử: "Hoàng Nhuận Ngọc tự Mạnh Thanh, người Dận. Năm Vĩnh Lạc thứ mười tám đỗ hương thí Thuận Thiên, trao huấn đạo phủ học Kiến Xương. Đầu Chính Thống, chiếu cử quan đề học. Nhờ Dương

Sĩ Kỳ tiến cử, thăng thiêm sự Quảng Tây. Tang mẹ, về; khởi quan Hồ Quảng, luận tội bị cách, giáng tri huyện Hàm Sơn. Lấy già về. Học giả gọi Nam Sơn tiên sinh."

Trịnh Quán, Đạo Đức Kinh chính giải (道德经正解)

Chưa thấy. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường, nói: "Tự Ôn Khanh, người Lan Khê. Tiến sĩ Canh Tuất Thành Hóa, quan thông phán."

Vô danh thị, Đạo đức chân kinh giải (道德真经解) 2 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã đàm hạ.

Vô danh thị, Đạo đức chân kinh thứ giải (道德真经次解) 2 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng. Mã võng hạ.

Hoàng Tỉnh Tăng, Lão Tử ngọc lược (老子玉略)

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Vạn Biểu, Đạo Đức Kinh chuế ngôn (道德经赘言) 1 quyển

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Lời bàn: Biểu tự Dân Vọng, người Dận huyện, võ tiến sĩ cuối Chính Đức, xem Đề yếu.
Vương Đạo, Lão Tử ức, lời phỏng đoán (老子亿) 2 quyển

Còn. Bản khắc Minh.

Lý Tiên Phương, Lão Tử bản nghĩa (老子本义) 1 quyển

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Lời bàn: Tiên Phương tự Bá Thừa, hiệu Bắc Sơn, người Giám Lợi. Tiến sĩ Đinh Mùi Gia Tĩnh. Xem Đề yếu.

Tiết Huệ, Lão Tử tập giải (老子集解) 2 quyển
Khảo dị (考异) 1 quyển

Còn. Bản tùng thư Tích Âm Hiên.

Mục lục Minh sử ghi: Tiết Huệ, Lão Tử tập giải 2 quyển; Mục lục sách còn ở Thiên Nhất Các ghi: Lão Tử tập giải 1 quyển, Khảo dị 1 quyển, Tiết Huệ soạn; Mục lục Thuật Cổ Đường: Tiết Huệ, Lão Tử tập giải 2 quyển; Mục lục Vạn Quyển Đường: Lão Tử tập giải 2 quyển, Tiết Huệ.

Vương Tiều, Lão Tử giải (老子解)

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Lời bàn: Tiều tự Minh Dật, hiệu Phương Lộc, người Kim Đàn. Tiến sĩ Gia Tĩnh, mất thụy Cung Giản. Xem bản truyện trong Minh sử.

Hoàng Phủ Liêm, Đạo Đức Kinh tập giải (道德经辑解) 3 quyển

Mất. Xem mục lục Minh sử.

Lời bàn: Văn uyển truyện trong Minh sử: "Liêm tự Tử Ước. Thoạt trao công bộ chủ sự, hết tang mẹ, khởi lại chức cũ, coi xưởng Xí Tân."

Trương Thời Triệt, Lão Tử giải (老子解) 1 quyển

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Lời bàn: Thời Triệt tự Duy Tĩnh, hiệu Đông Sa, người Dận, tiến sĩ Gia Tĩnh. Xem truyện phụ Trương Bang Kỳ trong Minh sử.

Trần Gia Mô, Lão Tử sớ thuật (老子疏述) 1 quyển

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Lời bàn: Gia Mô tự Thế Hiển, hiệu Mông Sơn, người Lư Lăng, tiến sĩ Gia Tĩnh. Cùng Vương Thời Hòe làm rõ thuyết lương tri, có Niệm Sơ đường tập.

Tăng Như Xuân, Đạo Đức Kinh giải (道德经解) 1 quyển

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Lời bàn: Như Xuân tự Cảnh Mặc, người Phủ Châu, tiến sĩ Gia Tĩnh.

Hạ Chỉ, Đạo Đức Kinh tập chú (道德经集注)

Mất. Xem Giang Tây thông chí.

Lời bàn: Chỉ tự Nhữ Định, người Lư Châu, cử nhân Canh Ngọ Long Khánh, quan đến đồng tri phủ Tô Châu, xem Đề yếu.

Hoàng Hồng Hiến, Lão Tử giải (老子解)

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Lời bàn: Hồng Hiến tự Mậu Trung, người Tú Thủy, tiến sĩ Tân Mùi Long Khánh, quan đến thiếu chiêm sự, coi việc Hàn Lâm viện. Từng phụng sứ Triều Tiên, có Triều Tiên quốc kỷ 1 quyển, xem Đề yếu.

Quách Tử Chương, Lão Tử giải (老子解) 1 quyển

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Lời bàn: Tử Chương tự Tương Khuê, hiệu Thanh Loa, lại tự hiệu Tần Y sinh, người Thái Hòa. Tiến sĩ Tân Mùi Long Khánh, quan đến binh bộ thượng thư, xem Đề yếu.

Lục Trường Canh, Lão Tử huyền lãm (老子玄览) 2 quyển

Còn. Bản Phương hồ ngoại sử.

Lời bàn: Tùng thư cử yếu, dưới mục Phương hồ ngoại sử chú: "Minh, tiểu thần tham học Hoài Nam Lục Tây Tinh Trường Canh kính giải. Khắc năm Long Khánh, tựa Triệu Thái Hán, ngoại sử Côn Khâu."

Trương Vị, Đạo Đức Kinh giải (道德经解) 1 quyển

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Lời bàn: bản truyện Trương Vị trong Minh sử: "Tự Minh Thành, người Tân Kiến, tiến sĩ Long Khánh."

Lý Trí, Lão Tử giải (老子解) 2 quyển

Còn. Bản khắc Minh, bản tùng thư họ Lý.

Lời tựa: Từng đọc Hàn Phi, Giải Lão, chưa lúc nào không tiếc cho Phi! Với tài của Phi mà cuối cùng bị giết ở Tần, chỗ nào gọi là khéo giải Lão Tử? Đó há gọi là vô vi? Kia lấy mềm yếu, người này lấy cứng mạnh; người này **"dũng ư cảm"** (dũng trong việc dám làm), kia **"dũng ư bất cảm"** (dũng trong việc không dám làm), đã như vuông tròn, như nước đá với than, mà bảo Đạo Đức là tổ của Thân Bất Hại và Hàn Phi, được sao? Tô Tử Chiêm tìm mà không được, bèn gượng giải, nói: "Học Lão Tử coi trọng vô vi, coi nhẹ trị thiên hạ quốc gia, nên nhân không đủ để yêu, lễ không đủ để kính; họ Hàn Phi nắm được thuật coi nhẹ thiên hạ ấy, bèn đến độc ác lạnh lẽo mà không ngờ." Than ôi! Nếu đúng thế, thì không thể dùng để trị thiên hạ quốc gia! Học Lão Tử quả như thế ư? Lão Tử chẳng phải trị được mà không trị, mà là lấy không trị để trị. Cho nên người khéo yêu thân mình thì không trị thân, người khéo yêu thiên hạ thì không trị thiên hạ; phàm điều thánh vương xưa gọi nhân nghĩa lễ nhạc, đều chẳng phải chỗ dùng để trị, huống chi mọi hình danh pháp thuật? Cho nên ông soạn sách chỉ nói Đạo Đức, không nói nhân nghĩa. Vì nhân tuy vô vi, mà vẫn không khỏi hữu vi; nghĩa thì **"vi chi nhi hữu dĩ vi"** (làm mà có chủ ý), lại càng nặng. Cho nên đạo của ông: lấy trống không làm thường, lấy thuận theo làm cương, lấy khéo ở dưới không tranh làm vua trăm khe, lấy ham đánh nhau làm thích giết người, lấy dùng binh làm bất đắc dĩ, lấy thắng làm không đẹp, lấy lùi làm tiến, lấy bại làm công, lấy phúc làm họa, lấy được làm mất, lấy vô tri làm tri, lấy vô dục làm dục, lấy vô danh làm danh; ai bảo vô vi không đủ để trị thiên hạ? Đời vốn chưa biết vô vi có ích! Thế thì họ Hàn vì sao yêu? Đáp: thuận mà thông suốt là chính trị đế vương; ngược mà chịu được là thuật Hoàng Lão. Thuận mà thông suốt, thì lấy lòng không nỡ làm việc trị không nỡ hại dân; cho nên thuận việc, lấy lòng thứ mà làm, rồi bốn phương thông không gì cản, hiệu quả không thể đòi trong sớm tối; ngược mà chịu được, chính là **"bất kiến khả dục"** (không phô bày điều đáng ham muốn). Cho nên không phép trị nào không thông, mà cũng không lòng nào mà đẩy; không dân nào không yên, mà cũng không hiền nào mà tôn, chỉ thế thôi. Đó là đạo rất dễ rất giản, mà mọi kẻ nóng công lợi đều chuộng. Mà mọi kẻ công lợi muốn bắt chước mà không được, nên không chịu được vô dục, lại chịu được ham giết; không lấy nhẫn cho mình, mà lấy nhẫn cho người; không chịu được cái nhẫn, lại chịu được cái không nhẫn. Người học không xét nguồn, bèn nói: "Họa của Đạo Đức, về sau thành Thân Hàn, đến thế!" Sau Đạo Đức thành Thân Hàn thì phải rồi, sao không nói: sau nhân nghĩa, họa thành cướp ngôi giết vua? Học thuật xưa nay cũng nhiều, mới truyền một hai đời đã lệch mất, hại không kể xiết há ít ư, riêng Lão Tử? Xem vậy: bảo Thân Hàn vốn ra từ ý Đạo Đức, cũng có gì là không được! Tôi tính cứng, hay dùng khí, bệnh ở cứng mạnh mà tự không thắng nổi; thích đọc sách Hàn Phi, lại không dám để dòng Đạo Đức sinh họa lần nữa. Mà chẳng phải tại Đạo Đức, nên rất hợp miệng với Đạo Đức mà làm lời giải, và viết tựa chỗ mình nói Đạo Đức, để tự soi. Xem phụ lục Lão Tử dực của Tiêu Hoành.

Tiêu Hoành, Lão Tử dực (老子翼) 3 quyển
Khảo dị (考异) 1 quyển

Còn. Bản Tứ Khố, bản khắc chung Lão Trang dực, bản tùng thư Kim Lăng, bản khắc Tiệm Tây thôn xá, Quang Tự năm thứ ba mươi mốt. Bản họ Quách khắc lại, đổi đề Lão Tử nguyên dực. Bản khắc Vạn Lịch, bản in chì Thành Đô, bản Nhật 6 quyển.

Tứ Khố thư mục đề yếu: Lão Tử dực 3 quyển, Lão Tử khảo dị 1 quyển, bản Tuần phủ Chiết Giang hái dâng. Minh, Tiêu Hoành soạn. Hoành có Dịch thuyên, đã lục. Sách này gom người giải Lão Tử từ Hàn Phi trở xuống sáu mươi bốn nhà, thêm Bút thừa của Hoành, cộng sáu mươi lăm nhà. Mỗi nhà hái lời tinh, gom thành một sách. Chỗ đầu đuôi đủ, tự thành đoạn chương, bắt chước lệ Chu Dịch tập giải của Lý Đỉnh Tộ, nêu tên họ, đặt sau chương ấy; chỗ âm nghĩa huấn hỗ chỉ lấy một chữ một câu, thì bắt chước lệ Sử ký tập giải của Bùi Nhân, nối văn, gắn dưới câu cuối chương. Hai thiên thượng hạ mỗi thiên một quyển, Phụ lục và Khảo dị chung một quyển. Không đặt tên Đạo Kinh, Đức Kinh, cũng không tự tiện đề tên thiên, thể lệ rất gần cổ. Các thuyết hái, đại thể lấy từ Đạo Tạng, phần nhiều không phải bản đời thường dùng. Chỗ Hoành chọn bỏ cũng rất tinh. Đại chỉ cốt làm rõ lời huyền, nhằm tỏ lẽ thanh tịnh tự nhiên; như Cát Trường Canh đem lửa lò đan của Đạo gia, cơ phong thiền học xen vào, tuy liệt tên, phần nhiều gạt không lục. Trong chú các nhà, sách này vừa giàu vừa có lý. Vì học hai nhà của Hoành vốn sâu hơn học Nho, nên chỗ ông nói lý Nho nhiều khi viển vông, chỗ nói lý hai nhà lại có con mắt chọn lọc.

Thích Đức Thanh, Đạo Đức Kinh giải (道德经解) 2 quyển

Còn. Bản khắc Minh, bản chỗ khắc kinh Kim Lăng, bản khắc Quảng Châu năm Dân Quốc thứ tám.

Lời tựa: Thuở nhỏ thích đọc Lão Tử, Trang Tử, khổ vì không hiểu nghĩa; chỉ chỗ lĩnh hội, tưởng thấy tinh thần mạch sống, nên hơi được tôn chỉ ngoài lời. Đến khi lục chú thích các nhà, thì phần nhiều lấy ý mình làm văn, nếu đem cãi, nghĩa càng tối. Đến khi quen chơi lời Trang, thì với Lão bỗng như có được. Bèn bảo: chú là Lão Trang của từng người, không phải Lão Trang của chính Lão Trang. Vì văn Lão giản cổ mà tôn chỉ kín sâu, thì Trang thực là chú sớ cho Lão. Nếu hiểu thoát được, thì nghĩ đã hơn nửa. Lúc rảnh thiền trên núi vắng, ngẫm kỹ nghĩ sâu; lời có chỗ hợp lòng, liền viết xuống; ắt được nghĩa rồi bỏ lời, nhờ lời mà thấy nghĩa; có khi cả tuần mới được một câu, có khi cả năm mới được một chương; bắt đầu từ biển Đông đến Nam Việt, từ năm Nhâm Thìn đến năm Bính Ngọ, đủ mười lăm năm mới xong. Mới biết người xưa lập ngôn không dễ! Vì văn quá giản, nên không ngại xuyên suốt, cốt không phải lời thừa. Từng bảo: Nho tôn Nghiêu Thuấn, lấy danh làm giáo, nên tôn nhân nghĩa; Lão tôn Hiên Hoàng, Đạo trọng vô vi; như nói mất Đạo Đức rồi mới đến nhân nghĩa, đó là gốc của lời lập. Cho nên chỗ Trang chê mỏng, chẳng phải lời lớn; vì luận vượt tục thì làm tục giật mình, nên thả ra mà không thu. Khi Trọng Ni hỏi lễ, bèn than còn như rồng. Thánh không tự cho mình thánh, há không có nghĩa? Cho nên Lão lấy vô dụng làm đại dụng; nếu đem mà trị đời, thì hóa trị yên bình như chỉ trong lòng bàn tay. Lại lấy vô vi làm chỗ cùng cực, tính mệnh làm chỗ tu thật; dẫu xa đời bỏ vinh, cũng chẳng phải làm ra vẻ; nếu được chỗ then, thì đường thật và giả khác nhau như mây với bùn. Cái gọi là **"chân dĩ trị thân, tự dư dĩ vi thiên hạ quốc gia"** (cái chân để sửa thân, phần thừa để cho thiên hạ quốc gia), thật không phải lời dối! Có người nói: thiền của ông quý quên lời, lại lải nhải chuyện đời, lấy gì làm lớn? Tôi đáp: không phải thế! Quạ kêu khách kêu, đều tự cơ trời; kiến tụ ong bay, đều về thần lý; thế thì lời nào chẳng thiền? Pháp nào chẳng Đạo? Huống chi lời bỏ trí quên lòng, há chẳng phải bước đầu vào thiền? Vả thiền vì cái tôi che, nên phá tôi để đạt thiền, thì Lão đã lên trước rồi. Còn như chơi đời kiểu phù du, càng nên lấy đây làm đất vui. Chú xong, trước khắc ở Lĩnh Nam, khắc lại ở Ngũ Vân, Nam Nhạc và Kim Lăng, nay khắc lại ở Ngô Môn. Vì người chuộng còn đông, nên cho không ngại rộng rãi.

Đinh Bính trong Thiện bản thư thất tàng thư chí chép: Lão Tử Đạo Đức Kinh giải 2 quyển, bản khắc Minh. Minh, đạo giả Hám Sơn Kiến Nghiệp Thích Đức Thanh soạn. Đầu sách có Lão Tử truyện và năm thiên Làm rõ tôn chỉ, Làm rõ hướng thú, Làm rõ công phu, Làm rõ thể dụng, Làm rõ chỗ về; lấy Phật chứng Đạo, đều được lời giải thấu. Cuối có ghi bản khắc còn ở chùa Bồ Đề Ngọc Khê.

Vương Nhất Thanh, Thái Thượng Đạo Đức Kinh thích từ (太上道德经释辞) 2 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng tập yếu.

Trình Dĩ Ninh, Thái Thượng đạo đức bảo chương dực (太上道德宝章翼) 2 quyển

Còn. Bản Đạo Tạng tập yếu.

Trương Chính Học, Đạo Đức Kinh trắc ngôn (道德经测言)

Chưa thấy. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Thẩm Nhất Quán, Lão Tử thông (老子通) 2 quyển
Mục lục Thiên Khoảnh Đường nói: một thuyết là Đạo Đức Kinh giải.

Còn. Bản khắc Vạn Lịch nhà Minh.

Lâm Triệu Ân, Đạo Đức Kinh thích lược (道德经释略) 6 quyển

Còn. Bản khắc Minh.

Điền Nghệ Hành, Lão Tử chỉ huyền, chỉ chỗ huyền (老子指玄) 2 quyển

Mất. Xem Minh sử · Nghệ văn chí.

Mã Ứng Long, Đạo Đức Kinh chú giải (道德经注解) 2 quyển

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường, nói: "Tự Bá Quang, người An Khâu, tiến sĩ Nhâm Thìn Vạn Lịch, chủ sự bộ Lễ."

Phan Cơ Khánh, Lão Trang giải (老庄解)

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Ngô Bá Dữ, Lão Trang nhân nhiên (老庄因然) 8 quyển

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Đào Vọng Linh, Lão Tử giải (老子解) 2 quyển

Còn. Bản khắc Minh, Thư viện Giang Nam giữ.

Lý Đăng, Lão Tử ước thuyên, tóm bằng đó (老子约筌) 2 quyển

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Lý Đăng, Triện văn Đạo Đức Kinh (篆文道德经) 2 quyển

Còn. Bản khắc Minh. Xem mục lục Bát Thiên Quyển Lâu.

Trịnh Khuê, Lão Tử (老子) 1 quyển

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Từ Học Mô, Lão Tử giải (老子解) 2 quyển

Còn. Bản khắc Minh.

Đổng Mậu Sách, Lão Tử dực bình điểm (老子翼评点)

Còn. Bản tùng thư họ Đổng.

Quy Khởi Tiên, Lão Trang lược (老庄略) 2 quyển

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Quy Hữu Quang, Văn Chấn Mạnh, Đạo Đức Kinh bình chú (道德经评注) 2 quyển

Còn. Bản Hán Nguỵ tùng thư. Bản Thập tử toàn thư.

Lời tựa: Năm vị cay ngọt khác nhau, cốt hợp miệng; gai tơ mát ấm khác nhau, cốt hợp thân; học thuật kiến văn khác nhau, cốt hợp trị. Nay thiên hạ sở dĩ không trị, vì tham tàn xa hoa kiêu, quan không thể đều hiền, dân không thể đều nhường, rồi đến loạn; nếu thật không tham, không tàn, từ kiệm mà nhường, thiên hạ há có không tham không tàn, từ kiệm mà nhường, lại còn không trị được sao? Nay Nho đề cao nhân nghĩa, họ Lão không nói nhân nghĩa mà chưa từng không dùng nhân nghĩa; Nho theo lễ pháp, họ Lão không nói lễ pháp mà chưa từng không dùng lễ pháp, **"dĩ nọa nhược khiêm hạ vi biểu, dĩ hư không bất hủy vạn vật vi thực"** (lấy nhu nhược khiêm hạ làm bề ngoài, lấy hư không không hủy vạn vật làm thực). **"Kiến tố bão phác, thiểu tư quả dục"** (thấy cái mộc mạc nguyên sơ, ôm giữ sự chất phác, ít lòng riêng và ít ham muốn), mà dân tự hóa. Nên lời ông nói: **"Ngã hữu tam bảo: đặc nhi hành chi, viết từ, viết kiệm, viết bất cảm vi thiên hạ tiên"** (Ta có ba bảo vật, riêng mà làm theo: từ ái, tiết kiệm, không dám đứng trước thiên hạ). Từ há chẳng phải nhân, kiệm há chẳng phải nghĩa, không dám đứng trước thiên hạ há chẳng phải lễ? Nên học đem ra dùng đời, không gì sâu bằng họ Lão. Nho nay không lo tự sửa, mà mê cái ảo của hư danh, trong tham tàn ngoài nhân nghĩa, ở xa hoa kiêu mà sửa bằng lễ văn, ấy chính là **"trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ"** (cái vỏ mỏng của trung tín và là mầm mống của loạn lạc), và là chỗ họ Lão coi thấp.

Châu Như Chỉ, Đạo Đức Kinh tập nghĩa (道德经集义) 2 quyển

Còn. Bản khắc Minh.

Sơn Đông thông chí · nghệ văn lược: sách này huyện chí đề Đạo Đức Kinh chú, bia mộ đề Tập nghĩa. Sách thăm hỏi nói: huyện chí nhầm. Sách lại chép tựa Phó Quan: "Khổng Mạnh khéo giữ văn, Lão Đam khéo giữ chất, tiên sinh khéo chuyển pháp luân."

Chu Đắc Chi, Lão Tử thông nghĩa (老子通义) 2 quyển

Còn. Bản Tam tử thông nghĩa.

Chu Mạnh Thường, Đạo Đức Kinh thuyết áo, nói chỗ kín (道德经说奥) 2 quyển

Chưa thấy. Xem mục tồn mục Tứ Khố.

Cung Tích Tước, Lão Tử sớ lược (老子疏略) 1 quyển

Mất. Xem Minh sử · Nghệ văn chí.

Sơ Quang Nhạc, Lão Tử giải thuyết (老子解说)

Mất. Xem Giang Tây thông chí.

Lời bàn: Quang Nhạc tự Sơn Trọng, hiệu Tam Cốc, người Tân Thành Giang Tây. Tiến sĩ, quan viên ngoại lang ty Chức Phương bộ Binh, suy thăng bộ Lại, mất. Quang Nhạc giỏi thảo thư, có Thạch Ba quán tập, Lão Tử giải thuyết.

Phó Chiếm Hành, Lão Tử tư tiên, ghi chú riêng (老子私笺)

Mất. Xem Giang Tây thông chí.

Lời bàn: Chiếm Hành tự Bình Thúc, người Lâm Xuyên. Sinh viên đời Minh. Tính đạm bạc, thẹn chuyện đua đón; Minh mất, phụng cha trong núi, từ hết mọi sự. Có Hán thư trích ngôn, Biên niên quốc sách, Lâm Xuyên ký, Tương Phàm đường tập.

Ấn Tán Huyền, Lão Tử xích mộc hội chỉ (老子尺木会旨) 2 quyển

Còn. Bản chép tay, phòng sách quý Thư viện Kinh Sư giữ.

Thiệu Biện, Lão Tử hội chú (老子汇注)

Mất. Xem mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Ngô Bá Kính, Lão Tử đài huyền (老子台悬) 1 quyển

Mất.

Ngô Đức Minh, Lão Tử chân thuyên, giải đúng (老子真诠) 1 quyển

Mất.

Chư Vạn Lý, Giải Lão ngộ đạo biên (解老悟道编) 2 quyển

Mất.

Ngô Nhữ Kỷ, Lão Tử sớ lược (老子疏略) 2 quyển

Mất.

Chung Kỷ Nguyên, Đạo Đức yếu lãm (道德要览)

Mất. Đều thấy mục lục Thiên Khoảnh Đường.

Viên Nhất Yết, Lão Trang tập chú (老庄辑注)

Mất. Xem Tô Châu phủ chí · Nghệ văn chí.

Châu Sĩ Đậu, Đạo Đức Kinh chú sớ (道德经注疏)

Mất. Xem Giang Tây thông chí.

Viên Sùng Hữu, Lão Tử chú (老子注)

Chưa thấy. Xem Quảng Đông thông chí.

Lời bàn: từ Chu Đắc Chi trở xuống các nhà, đều không rõ đời.

Vương Phu Chi, Lão Tử diễn (老子衍) 2 quyển

Còn. Bản Thuyền Sơn di thư.

Lời tựa: Người chú Lão Tử xưa, đời có tông khác, mỗi nhà một thuyết khác. Đến Vương Phụ Tự, Hà Bình Thúc gộp vào lẽ càn khôn giản dị của Dịch; Cưu Ma La Thập, Lương Vũ Đế kéo bừa sang sự lý nhân quả; thế là vá víu kéo ghép, sự xuyên tạc đã lâu. Đến Lục Hy Thanh, Tô Tử Do, Đổng Tư Tĩnh, và bọn Tiêu Hoành, Lý Trí cận đại, càng kéo thiền tông, dệt lẫn nhau, lấy cái họ gọi **"giáo ngoài biệt truyền"** (truyền ngoài kinh giáo) mà trộn vào; khác nào người Mân thấy sương mà ngờ tuyết, người Lạc nghe ăn cua mà lột ghẹ. Lời Lão Tử: **"tải doanh phách bão nhất vô ly"** (mang hồn phách ôm nhất, không lìa), **"đại đạo phiếm hề, kỳ khả tả hữu"** (Đại Đạo lan tràn thay, có thể sang phải sang trái), **"xung khí dĩ vi hòa"** (lấy khí xung mà làm hòa), ấy đã là Lão tự giải rồi; Trang Tử nói: **"vi thiện vô cận danh, vi ác vô cận hình, duyên đốc dĩ vi kinh"** (làm thiện đừng sát danh, làm ác đừng sát hình phạt, theo mạch giữa mà làm đường thường), ấy lại là Trang giải giúp Lão. Bỏ chỗ giải đã rõ, gượng kéo Nho cho khớp Đạo thì vu Nho, gượng kéo Đạo cho khớp Thích thì vu Đạo. Họ sẽ xô giáo đời chết theo tôn chỉ quay lưng bụi trần, hợp với thức, mà làm sâu hại đời sau, há có lúc hết sao? Phu Chi xét chỗ trái ấy đã lâu, bèn bỏ các nhà, để diễn ý ông. Ấy là vào doanh, cướp lương, phơi chỗ cậy, mới thấy chỗ sứt. Thấy chỗ sứt rồi Đạo mới có thể phục. Chỗ gọi là sứt ấy là gì? Người đời nói Đạo: cố trái tục để kích thì không công, thấy thoáng mà thích giữ thì không đúng lẽ, khoét trí xảo mà luôn phô thì không lành; ba lỗi ấy, Lão Tử kiêm cả. Nên với thánh đạo gọi là lấy lễ nhạc mà trang sức, để dựng mực trung hòa, chưa đủ để cùng chỗ sâu ấy. Dẫu vậy, đời dời Đạo mất, thất bại nối gót, giữ văn mà trôi sang giả trộm, tối cơ mà thành mối họa trước; kẻ trị thiên hạ sinh sự nhiễu dân rồi tự mệt, kẻ lấy thiên hạ hết sức hết trí rồi làm mệt dân; nếu dò cơ Lão Tử, chờ nó tự phục, thì có ích. Văn, Cảnh nối dậy mà đến thái bình; Trương Tử Phòng, Tôn Trọng Hòa khác đường mà tránh hiểm, đều dùng cái ấy. So với nhà Thích hoang xa khắc nghiệt, rốt cuộc tan tác vướng gai, coi nhẹ lý sự vật như một lần ném, chỉ vui chỗ quái lạ ánh sáng, há chẳng hơn ư? Tư Mã Thiên nói: **"Lão Đam vô vi tự hóa, thanh tịnh tự chính"** (Lão Đam vô vi mà tự hóa, thanh tịnh mà tự chính), gần rồi! Còn tiếng than **"do long"** (như rồng), bảo ra từ đồ đệ Trọng Ni, ta chẳng lấy gì! Năm Ất Mùi, tháng tám, ngày Kỷ Mùi, Vương Phu Chi Nam Nhạc tựa.

Thanh Thế Tổ, Ngự chú Đạo Đức Kinh (御注道德经) 2 quyển

Còn. Bản Tứ Khố toàn thư, bản khắc.

Tứ Khố thư mục đề yếu: Ngự chú Đạo Đức Kinh 2 quyển, năm Thuận Trị thứ mười ba, Thế Tổ Chương hoàng đế ngự soạn. Lão Tử chép trong mục lục Hán thư, mà không chép là có chú; từ mục lục Tùy thư trở xuống, người chú sách ấy ngày càng nhiều. Tiêu Hoành, Lão Tử dực, soạn khoảng Vạn Lịch nhà Minh, hái tới sáu mươi bốn nhà; chỗ Hoành chưa thấy, không biết bao nhiêu; chú sau Hoành, lại không biết bao nhiêu. Ấy sách Nho như thuốc bồi huyết khí, tính trung hòa, uống thường được; Lão Tử như thuốc giải nhiệt phiền, tính lệch mạnh, đúng chứng thì cũng có công, khác các sách chư tử lệch lạc vu khoát, nên người bàn không dứt. Vậy mà chú cũ các nhà, phần nhiều lấy ý riêng mà đoán: kẻ xen chuyện thần quái, kẻ gắn lẽ hư vô, kẻ rẽ sang phép đan, kẻ kéo vào mưu binh; lời lẫn loạn, không chỗ quy về. Chỉ chú này của Thế Tổ Chương hoàng đế ta, đều ngay việc thường ngày, giảng rõ thân thiết, khiến người đọc dứt tranh đua mà trở về thuần phác, riêng vượt các lời giải. Ấy đạo thánh nhân lớn, thu chứa hết, phàm sách một nhà, đều không vùi chỗ hay; hóa thánh nhân như thần, tùy việc mà liệu, phàm một lời hay, ắt lấy ra dùng thêm; vốn không phải kẻ sĩ hẹp hòi, ngẩng dò được bờ mé.

Trương Nhĩ Kỳ, Lão Tử thuyết lược (老子说略) 2 quyển

Còn. Bản Tứ Khố toàn thư, bản khắc.

Tứ Khố thư mục đề yếu: Lão Tử thuyết lược 2 quyển, bản nhà biên tu Châu Vĩnh Niên giữ. Nhà Thanh, Trương Nhĩ Kỳ soạn. Nhĩ Kỳ có Nghi lễ Trịnh chú cú độc, đã lục. Người giải Đạo Đức Kinh rất nhiều, thường quấn quanh xuyên tạc, tự gây chướng. Riêng biên này của Nhĩ Kỳ, gạt hết, chỉ sơ cho thông đại ý.

Uông Tấn, Độc Đạo Đức Kinh tư ký (读道德经私记) 2 quyển

Chưa thấy. Xem mục tồn mục Tứ Khố.

Hoàng Nguyên Ngự, Đạo Đức Kinh huyền giải (道德经悬解) 2 quyển

Chưa thấy. Xem mục tồn mục Tứ Khố.

Đường Quán, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Còn. Bản khắc Ung Chính năm thứ năm. Xem mục lục tục biên Thư viện tỉnh lập thứ hai.

Hồ Dữ Cao, Đạo Đức Kinh biên chú (道德经编注) 2 quyển

Còn. Bản khắc Vân Thủy Lâu năm Mậu Thìn Càn Long.

Từ Đại Xuân, Đạo Đức Kinh chú (道德经注) 2 quyển

Còn. Bản Tứ Khố toàn thư, bản khắc Càn Long năm thứ hai mươi lăm.

Kim Đạo Quả, Đạo đức bảo chương dực (道德宝章翼)

Còn. Bản chép tay, Thư viện Giang Nam giữ.

Vị Trai, Lão Tử tân giải (老子新解)

Chưa thấy. Tựa thấy Tiềm Nghiên Đường văn tập của Tiền Đại Hân.

Mâu Đình Dịch, Lão Tử Đạo Đức Kinh thích văn (老子道德经释文)

Chưa khắc. Bản di thư Tuyết Nê Ốc.

Sơn Đông thông chí: phủ chí chép sách này, nói: "Sách lấy chữ Lão Tử chương cú nhiều chỗ sai, dựa chỗ sách khác dẫn mà chứng. Đại thể bảo sách này đều lời vần, lấy chỗ khớp vần mà cắt thành chương, khảo rộng âm vận cổ văn làm căn; dù không hết khớp, cũng nhiều chỗ chứng. Đến chữ "khả" trong **"đạo khả đạo"** (Đạo mà có thể nói ra), nên đọc là **"hà"** (sao/gì); câu **"khước tẩu mã dĩ phẩn"** (ngựa chiến dùng để chở phân) nên đọc liền xuống, cũng có nghĩa lý."

Hoa Thượng, Đạo Đức Kinh nhãn (道德经眼) 2 quyển

Còn. Bản khắc.

Xem mục lục Bát Thiên Quyển Lâu. Lời bàn: mục lục Bồi Lâm Đường cũng thu sách này, chỉ không ghi số quyển.

Vương Định Trụ, Đạo Đức Kinh ức chú, chú theo ý mình (道德经臆注) 2 quyển

Còn. Bản khắc. Xem mục lục Bát Thiên Quyển Lâu.

Hoàng Văn Vận, Đạo Đức Kinh đính chú (道德经订注)

Chưa thấy. Tựa thấy Hồ Hải văn truyền của Vương Sưởng.

Ngô Nại, Lão Tử giải (老子解) 2 quyển

Còn. Bản Chiêu Đại tùng thư.

Nghiêm Khả Quân, Lão Tử Đường bản khảo dị (老子唐本考异) 1 quyển

Còn. Trong Tục Ngữ Đường bi lục.

Tất Nguyên, Lão Tử Đạo Đức Kinh khảo dị (老子道德经考异) 2 quyển

Còn. Bản Kinh Huấn Đường tùng thư.

Diêu Nại, Lão Tử chương nghĩa (老子章义) 2 quyển

Còn. Bản Tích Bão Hiên toàn tập, bản khắc họ Lữ.

Tựa Ngô Khải Xương: Lão Tử chia chương, đời phần nhiều theo bản chú Hà Thượng Công. Chú Hà Thượng Công thực là sách bịa của đời tục, thác vào thần tiên; Lưu Tri Cơ đời Đường đã biện rồi. Tục không xét, giữ bừa bản ấy; chỗ chương câu ghép nhầm tách nhầm, đều quấn quanh xuyên tạc, uốn lời cho khớp; dù kiến cao như Tô Tử Do, Vương Giới Phủ, cũng không khỏi, đáng lạ thay. Còn thuyết Lão Tử vốn thỉnh thoảng thông với Nho; đến nhà Thích vào Trung Quốc, bèn lấy trộm. Mà dị học tạp gia đời, nhiều kẻ bám vào. Tóm lại sách Lão Tử tự có bản nghĩa; chỗ tình cờ giống, kẻ lấy trộm bám, rốt cuộc không thể coi là Lão Tử. Đời không xét, chuyên lấy Nho Thích giải sách ấy, thậm chí gắn chuyện binh, chuyện hình phạt, thuật tiên giải hình hóa thân; ấy thấy một quên toàn, thấy ngọn mà quên gốc, được sao? Thầy ta tiên sinh Diêu Cơ Truyền đất Đồng Thành, từng đọc mà lo, bèn lấy bản cũ, cắt nối tách gộp, chia vài chục chương, chữa chỗ sai Hà Thượng Công. Chỗ bản nghĩa chưa rõ, lời giải cũ sai, thì chú riêng vài lời đến vài chục lời ở dưới. Từ lục triều đến nay, người giải Lão rất đông; có bản này rồi, chia chương đúng mà phân nghĩa tinh, ý Lão Tử soạn sách, đại lược có thể biết. Khải Xương trước từng mượn sách, chép mà đọc kính, khen hay mà không dám giữ riêng, bèn khắc cho người cùng thích. Tiên sinh vốn có một thiên tựa Chương nghĩa, lại từng viết tạp vài điều đầu sách; một điều "tạp thư thủ", ý hơi giống sau tựa, ắt chính là tựa chưa xong. Nay chép đủ. Còn chỗ giống khác các bản Lão Tử, xưa hơn mười nhà; Thích văn của Lục Đức Minh và Thích văn Tập chú của Bành Tự, đều có sách riêng; tiên sinh khi soạn chưa chép đủ, thỉnh thoảng liệt vài chữ ở dưới, nay cũng tạm giữ, không muốn đổi cũ. Tháng hai mùa xuân năm Gia Khánh thứ hai mươi ba, môn nhân Ngô Khải Xương kính tựa.

Kỷ Đại Khuê, Lão Tử ước thuyết thượng trung hạ tục bốn thiên (老子约说)

Còn. Bản Kỷ Thận Trai toàn tập.

Chu Đôn Nghị, Lão Tử Đạo Đức Kinh tham hỗ, đối chiếu (老子道德经参互) 2 quyển

Còn. Xem mục lục tục loại sách giữ lại của Thư viện công lập Chiết Giang, nói: "Bản thảo có các ấn Hồng Ngẫu Hoa Trang, Chu Ngọc Tuyền, Tuyền Ngọc phú quý thọ khang."

Nghê Nguyên Thản, Đạo Đức Kinh tham chú (道德经参注) 2 quyển

Còn. Bản khắc đủ Độc Dịch Lâu, bản đủ Tỉnh Ngô thư.

Ngụy Nguyên, Lão Tử bản nghĩa (老子本义) 2 quyển

Còn. Bản khắc Tị Xá Cái Công Đường, bản tùng san Tiệm Tây thôn xá.

Phan Tĩnh Quan, Đạo Đức Kinh diệu môn ước (道德经妙门约)

Còn. Xem mục sách dẫn trong Lão Tử hạch hỗ của Mã Tự Luân.

Du Việt, Lão Tử bình nghị (老子平议) 1 quyển

Còn. Bản Xuân Tại Đường toàn tập, bản riêng Chư tử bình nghị.

Cao Diên Đệ, Lão Tử chứng nghĩa (老子证义) 2 quyển

Còn. Bản khắc Quang Tự năm thứ mười hai, bản khắc chung Lão Trang chính nghĩa.

Lục Tâm Nguyên, Đạo đức chân kinh chỉ quy hiệu bổ (道德真经指归校补) 3 quyển

Còn. Bản Tiềm Viên quần thư hiệu bổ.

Dịch Thuận Đĩnh, Độc Lão trát ký, ghi chép khi đọc Lão (读老札记) 2 quyển
Bổ di (补遗) 1 quyển

Còn. Bản khắc Bảo Hồ Trai năm Giáp Thân Quang Tự nhà Thanh.

Vương Khải Vận, Lão Tử chú (老子注) 2 quyển

Chưa thấy. Tựa thấy Quốc triều văn hối.

Trần Lễ, Lão Tử chú (老子注)

Còn. Nghe tiên sinh Trần Viện Am nói: "Một người đồng hương giữ bản thảo tay họ Trần."

Dịch Bội Sân, Lão Tử giải (老子解) 2 quyển

Còn. Bản in chì chữ lớn nha án sát Hồ Bắc năm Nhâm Thìn Quang Tự.

Dương Văn Hội, Đạo Đức Kinh phát ẩn, làm rõ chỗ ẩn (道德经发隐) 1 quyển

Còn. Bản khắc chỗ khắc kinh Kim Lăng năm Quý Mão Quang Tự nhà Thanh.

Lời tựa: Thiền sư Hám Sơn Thanh giải Đạo Đức Kinh, mười lăm năm mới xong; dù cùng thời Tiêu Nhược Hầu, mà Nhược Hầu chưa thấy. Nên khi ông soạn Lão Tử dực, thiếu lời giải Hám Sơn, thật đáng tiếc. Nhược Hầu hái cả thảy sáu mươi bốn nhà. Người giải sau còn nhiều thứ, nên nghĩa kín trong kinh gần làm rõ hết. Tôi đọc Đạo Đức Kinh, đến chương **"xuất sinh nhập tử"** (ra là sinh, vào là tử), thấy chú các nhà không một nhà khớp, bèn lấy nghĩa Phật giải, hình như ra ngoài ý người ta nghĩ. Lại thêm hai chương, khắc tiếp sau Âm phù phát ẩn. Có người hỏi: Khổng Tử đã khen Lão Tử **"do long"** (như rồng), sao sách ấy không vào khóa học nhà? Đáp: từ Hán Đường đến nay, người đều coi là Đạo gia, chẳng biết chân và tục hòa tròn, thực ích cho đời và lòng người; nếu cùng Luận Ngữ đi đôi, nhà nào cũng

đàn cũng đọc, thì phong khí sĩ dân ắt đổi một phen. Tháng cuối xuân năm Quý Mão Quang Tự, Dương Văn Hội đất Thạch Đãi ghi tại Thâm Liễu đường Bạch Hạ.

Nghiêm Phục, Lão Tử Đạo Đức Kinh bình điểm (老子道德经评点) 2 quyển

Còn. Bản in chu mặc Đông Kinh Nhật Bản năm Quang Tự thứ ba mươi mốt.

Lưu Sư Bồi, Lão Tử giáo bổ, so bổ (老子斠补) 2 quyển

Chưa khắc. Tựa thấy Quốc học tùng san.

Lưu Sư Bồi, Lão Tử vận biểu (老子韵表) 1 quyển

Chưa khắc. Tựa thấy Quốc học tùng san.

Mã Kỳ Sưởng, Lão Tử cố, nghĩa cũ (老子故) 2 quyển

Còn. Bản khắc họ Châu Thu Phố.

Lý Lãi, Độc Lão thiển sớ (读老浅疏) 2 quyển

Còn. Bản Xuân Huy tùng thư.

Dương Thụ Đạt, Lão Tử cổ nghĩa (老子古义) 2 quyển

Còn. Bản in tụ trân bắt chước Tống, Trung Hoa thư cục.

La Chấn Ngọc, Lão Tử khảo dị (老子考异) 2 quyển

Còn. Bản Vĩnh Phong hương nhân tạp trứ.

La Vận Hiền, Lão Tử tập giải (老子集解)

Chưa khắc. Tựa thấy Hoa Quốc nguyệt san.

Cố Thực, Đạo Đức Kinh giải hỗ (道德经解诂)

Chưa khắc. Xem Quốc học tùng san.

Mã Di Sơ, Lão Tử hạch hỗ, khảo chữ (老子核诂) 4 quyển

Còn. Bản Thiên Mã Sơn Phòng tùng trứ.

Mã Di Sơ, Lão Tử thất văn (老子失文) 1 quyển

Còn. Gắn trong Lão Tử hạch hỗ.

Mục lục

Bìa 1
Lời giới thiệu 2
Mục lục 3
Lời biên tập 6
Lời nhà xuất bản 9
Lời nói đầu 11
Thượng Kinh · Chương 1 31
Thượng Kinh · Chương 2 37
Thượng Kinh · Chương 3 47
Thượng Kinh · Chương 4 75
Thượng Kinh · Chương 5 87
Thượng Kinh · Chương 6 93
Thượng Kinh · Chương 7 97
Thượng Kinh · Chương 8 100
Thượng Kinh · Chương 9 103
Thượng Kinh · Chương 10 115
Thượng Kinh · Chương 11 123
Thượng Kinh · Chương 12 126
Thượng Kinh · Chương 13 129
Thượng Kinh · Chương 14 134
Thượng Kinh · Chương 15 139
Thượng Kinh · Chương 16 148
Thượng Kinh · Chương 17 155
Thượng Kinh · Chương 18 159
Thượng Kinh · Chương 19 164
Thượng Kinh · Chương 20 168
Thượng Kinh · Chương 21 178
Thượng Kinh · Chương 22 186
Thượng Kinh · Chương 23 202
Thượng Kinh · Chương 24 208
Thượng Kinh · Chương 25 216
Thượng Kinh · Chương 26 227
Thượng Kinh · Chương 27 238
Thượng Kinh · Chương 28 245
Thượng Kinh · Chương 29 251
Thượng Kinh · Chương 30 256
Thượng Kinh · Chương 31 260
Thượng Kinh · Chương 32 268
Thượng Kinh · Chương 33 272
Thượng Kinh · Chương 34 276
Thượng Kinh · Chương 35 279

Thượng Kinh · Chương 36 282
Thượng Kinh · Chương 37 288
Hạ Kinh · Chương 38 292
Hạ Kinh · Chương 39 297
Hạ Kinh · Chương 40 302
Hạ Kinh · Chương 41 304
Hạ Kinh · Chương 42 311
Hạ Kinh · Chương 43 316
Hạ Kinh · Chương 44 319
Hạ Kinh · Chương 45 323
Hạ Kinh · Chương 46 326
Hạ Kinh · Chương 47 328
Hạ Kinh · Chương 48 331
Hạ Kinh · Chương 49 335
Hạ Kinh · Chương 50 338
Hạ Kinh · Chương 51 342
Hạ Kinh · Chương 52 347
Hạ Kinh · Chương 53 351
Hạ Kinh · Chương 54 354
Hạ Kinh · Chương 55 361
Hạ Kinh · Chương 56 368
Hạ Kinh · Chương 57 372
Hạ Kinh · Chương 58 380
Hạ Kinh · Chương 59 388
Hạ Kinh · Chương 60 395
Hạ Kinh · Chương 61 399
Hạ Kinh · Chương 62 404
Hạ Kinh · Chương 63 410
Hạ Kinh · Chương 64 419
Hạ Kinh · Chương 65 428
Hạ Kinh · Chương 66 434
Hạ Kinh · Chương 67 437
Hạ Kinh · Chương 68 443
Hạ Kinh · Chương 69 447
Hạ Kinh · Chương 70 451
Hạ Kinh · Chương 71 456
Hạ Kinh · Chương 72 460
Hạ Kinh · Chương 73 463
Hạ Kinh · Chương 74 468
Hạ Kinh · Chương 75 471
Hạ Kinh · Chương 76 474
Hạ Kinh · Chương 77 477
Hạ Kinh · Chương 78 480

Hạ Kinh · Chương 79 482
Hạ Kinh · Chương 80 485
Hạ Kinh · Chương 81 488
Phụ lục 491